

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH. ĂNG- GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.PTS. Trần Ngọc Hiên	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, uỷ viên
PGS. Hà Học Hội	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, uỷ viên
Th.S. Trần Đình Nghiêm	Giám đốc - Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

C. MÁC
VÀ
PH. ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP
TẬP 42

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2000

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 42 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ bao gồm những tác phẩm do hai ông viết từ tháng Giêng 1844 đến tháng Hai 1848, nhưng chưa được in trong các tập từ 1 đến 4 của bộ sách này.

Những tác phẩm của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ in trong tập này, đặc biệt là tác phẩm "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" của C.Mác, đã chứa đựng những luận điểm thiên tài về những nguyên lý cơ bản của triết học mác-xít - chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học mác-xít và chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Đi sâu phân tích các quan hệ kinh tế và các quan hệ giai cấp trong các nước tư bản chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghe-nơ đã chỉ ra vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản, vai trò của đảng vô sản mác-xít trong cách mạng vô sản cũng như vai trò của quần chúng nhân dân trong cách mạng. Hai ông đã đề ra đường lối chiến lược và sách lược của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng tương lai.

Nhiều bài viết trong tập này còn cho thấy hoạt động cách mạng thực tiễn của hai ông trong việc tổ chức và lãnh đạo Liên đoàn những người cộng sản cũng như trong việc lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế thời kỳ trước cách mạng dân chủ - tư sản những năm 1848 - 1849. Mặt khác, Mác và Ăng-ghe-nơ còn luôn luôn quan tâm tới việc gắn lý luận cách mạng với phong trào công nhân, với cuộc đấu tranh nhằm thành lập Đảng Cộng sản.

Tập này được dịch từ bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ, tập 42,

do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Liên Xô (trước đây) xuất bản tại Mát-xcơ-va, năm 1961. Ngoài phần chính văn, chúng tôi in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin Liên Xô biên soạn để bạn đọc tham khảo. Các tác phẩm của C.Mác và Ph. Ăng-ghen được nhắc đến trong tập này đều được dẫn theo C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản tại Hà Nội và được ghi vắn tắt là Toàn tập, tiếp đó là số tập, năm xuất bản tập đó và số trang đề cập đến vấn đề được dẫn.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và những tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 6 năm 1999

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

C.MÁC

THÁNG GIÊNG - THÁNG TÁM 1844

*** TÓM TẮT BÀI VIẾT
CỦA PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN
"LƯỢC THẢO PHÊ PHÁN KHOA KINH TẾ
CHÍNH TRỊ"¹**

Chế độ tư hữu. Hệ quả gần nhất của nó: *thương mại*: cũng như mọi hoạt động - là nguồn thu nhập *trực tiếp* đối với người buôn bán. Phạm trù gần gũi nhất do thương mại quy định: *giá trị*. Giá trị thực tế trừu tượng và giá trị trao đổi. Xây xác định giá trị thực tế bằng tính hữu ích, Ri-các-đô và Min^{1*} xác định giá trị thực tế bằng *chi phí sản xuất*. Đối với người Anh, cạnh tranh biểu hiện tính hữu ích đối với chi phí sản xuất, đối với Xây nó biểu hiện chi phí sản xuất. *Giá trị* là quan hệ của *chi phí sản xuất* đối với *tính hữu ích*. Sự vận dụng gần nhất của giá trị xảy ra khi *giải quyết vấn đề* xét xem nói chung có nên sản xuất hay không, tính hữu ích có bù đắp được chi phí sản xuất hay không. Sự vận dụng thực tiễn khái niệm giá trị đóng khung ở việc giải quyết vấn đề về sản xuất². Sự khác nhau giữa *giá trị thực tế* và *giá trị trao đổi* dựa trên việc *vật ngang giá* được đưa ra trong thương mại không phải là vật *ngang giá*. *Giá cả* là quan hệ giữa chi phí sản xuất và cạnh tranh. Chỉ cái gì có thể bị độc quyền là có *giá cả*. Định nghĩa *địa tô* do Ri-các-đô đưa ra là không chính xác, vì nó giả định rằng số cầu sụt xuống ảnh hưởng ngay đến địa tô và một số lượng tương ứng đất canh tác xấu nhất lập tức bị bỏ hoang. Không đúng thế. Định nghĩa đó bỏ qua sự cạnh tranh, còn định nghĩa của Xmít thì bỏ qua sự màu mỡ.

1* Ăng-ghen viết là: Mác-cu-lóc.

Lợi tức từ ruộng đất là quan hệ giữa *sự màu mỡ của chất đất* và *canh tranh*. *Giá trị của ruộng đất* cần phải đo bằng khả năng sản xuất của những khoảnh đất bằng nhau với lao động ngang nhau.

Tư bản tách khỏi lao động. Tư bản tách khỏi lợi nhuận. Sự phân chia lợi nhuận thành lợi nhuận theo đúng nghĩa và lợi tức... Lợi nhuận là quả cân mà tư bản đặt lên đĩa cân khi xác định chi phí sản xuất, đó vẫn là cái vốn có của tư bản, còn tư bản thì quay trở lại với lao động. Lao động tách khỏi tiền công. Ý nghĩa của tiền công. Ý nghĩa của lao động đối với việc xác định chi phí sản xuất. Sự cách biệt giữa ruộng đất và con người. Lao động con người được chia thành lao động và tư bản.

*Do C.Mác viết vào nửa đầu năm 1844
Công bố lần đầu trong Marx - Engels
Gesamtausgabe Erste Abteilung. Bd. 3,
1932*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

*TÓM TẮT QUYỂN SÁCH CỦA GIÊM-XÔ MIN "NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC"¹³

I. VỀ SẢN XUẤT

[XVIII] "*Để cho lao động tồn tại, cần có một số lượng nhất định* thức ăn và tất cả những vật phẩm khác mà *những người* làm việc sử dụng" (tr.8). "Vì nói chung con người không thể *thực hiện* một số lượng lớn các thao tác khác nhau với tốc độ và sự nhanh nhẹn như họ có thể thực hiện một số lượng nhỏ các thao tác ấy nhờ kinh nghiệm đã thu được, cho nên bao giờ cũng *có lợi nếu hạn chế, trong chừng mực có thể, số lượng những thao tác* được giao cho mỗi cá nhân thực hiện" (tr.11).

"Để đảm bảo có lợi nhất sự phân công lao động và sự phân phối sức lực của con người và máy móc, trong đa số trường hợp cần tiến hành sản xuất với quy mô lớn, hoặc nói cách khác, cần sản xuất của cải với khối lượng lớn. Chính mối lợi ấy là nguyên nhân làm xuất hiện những công xưởng lớn" (như trên).

II. VỀ PHÂN PHỐI

1) VỀ KHOẢN TRẢ THUÊ ĐẤT HAY LÀ VỀ ĐỊA TÔ

"Ruộng đất có những mức độ màu mỡ khác nhau. Có loại đất có thể coi là *không* sản xuất được *gì cả*" (tr.15). "Trong loạt mức độ màu mỡ giữa loại đất ấy và ruộng đất màu mỡ nhất là ruộng đất có các độ màu mỡ trung gian, chuyển tiếp" (tr.16). "Những ruộng đất màu mỡ nhất không mang lại một cách dễ dàng cũng như vậy tất cả những thứ mà chúng có thể sản xuất ra. Thí dụ, một khoảnh đất có thể mang lại hàng năm 10 quác-tơ ngũ cốc hoặc gấp 2 và 3 lần. Nhưng nó đem lại 10 quác-tơ đầu tiên nhờ đầu tư một số lượng lao động nhất định, còn 10 quác-tơ tiếp theo thì nhờ đầu tư một lượng lao động lớn hơn và cứ tiếp tục

như thế, hơn nữa việc sản xuất mỗi chực quác-tơ tiếp theo đòi hỏi nhiều chi phí hơn việc sản xuất chực quác-tơ đầu" (tr.16-17). "Chùng nào toàn bộ tổng thể những ruộng đất tốt nhất chưa được đưa vào canh tác và việc canh tác nó chưa được đầu tư một số lượng tư bản nhất định, thì toàn bộ tư bản sử dụng trong trồng trọt mang lại sản phẩm như nhau. Song cứ mỗi lần sau khi đạt tới một giai đoạn nhất định thì không một sự đầu tư bổ sung tư bản nào lại có thể được thực hiện trên cùng một ruộng đất mà sản phẩm bổ sung lại không giảm xuống phần nào một cách tương ứng. Vì thế ở bất cứ nước nào, sau khi nhận được trên ruộng đất một số lượng ngũ cốc nào đó, đều chỉ có thể thu được số lượng ngũ cốc lớn hơn với những chi phí lớn hơn *tương ứng*" (tr.[17]-18). "Khi bộ phận tư bản mang lại sản phẩm đã giảm xuống đó cần phải có cho ngành trồng trọt, thì có thể sử dụng nó bằng một trong hai cách: hoặc trên ruộng đất có độ màu mỡ thứ hai lần đầu tiên được đưa vào canh tác, hoặc trên ruộng đất có mức độ màu mỡ thứ nhất đã sử dụng toàn bộ tư bản có thể được sử dụng trên ruộng đất đó mà không làm cho sản phẩm giảm xuống. Giờ đây tư bản sẽ được sử dụng trên ruộng đất có độ màu mỡ thứ hai hay trên ruộng đất có độ màu mỡ thứ nhất - điều đó trong mỗi trường hợp phụ thuộc vào tính chất và chất lượng của cả hai loại đất. Nếu cùng một tư bản được sử dụng trên ruộng đất tốt nhất chỉ mang lại 8 quác-tơ, còn khi sử dụng trên ruộng đất có độ phì nhiêu thứ hai nó mang lại 9 quác-tơ, thì nó sẽ được sử dụng trên loại đất nói sau, và ngược lại" (tr.18-19).

"Chùng nào, ruộng đất không sản xuất được gì thì không đáng tậu nó. Chùng nào chỉ cần một bộ phận nào đó ruộng đất tốt nhất để đưa vào canh tác, thì toàn bộ ruộng đất không được canh tác sẽ không sản xuất được gì, nghĩa là không có giá trị. Vì thế bộ phận ruộng đất nói sau cùng này vẫn không có người sở hữu, và người sẽ nhận làm cho nó có khả năng sản xuất thì có thể biến nó thành sở hữu của mình. Trong thời gian đó ruộng đất không mang lại địa tô", nghĩa là có hiện tượng trả tiền không phải cho *sức* sản xuất của ruộng đất, mà chỉ là trả *lợi tức*, lợi nhuận của số tư bản được sử dụng để canh tác ruộng đất ấy (tr.19-20). "Song, rồi đến khi cần canh tác ruộng đất loại hai hoặc sử dụng tư bản phụ thêm trên ruộng đất loại một", và nếu tư bản đã được sử dụng trên ruộng đất loại hai mang lại 8 quác-tơ" còn tư bản đã được sử dụng bổ sung trên ruộng đất số 1 mang lại 10 quác-tơ thì người sử dụng tư bản có thể trả 2 quác-tơ cho việc được phép canh tác ruộng đất số 1: "khoản tiền trả này là *địa tô*, khoản trả về việc thuê ruộng đất" (tr.20-21). "Do đó, địa tô tăng lên theo tỷ lệ giảm hiệu quả của tư bản được đầu tư liên tục trên ruộng đất" (tr.21). "Nếu dân số tăng đến mức

tất cả ruộng đất loại hai đều đã được canh tác và cần canh tác ruộng đất loại ba chỉ sản xuất được 6 quác-tơ thay vì 8 quác-tơ" (chính điều này cũng xảy ra khi đầu tư tư bản bổ sung mang lại sản phẩm ít hơn trên ruộng đất tốt nhất), thì ruộng đất số 2 mang lại địa tô 2 quác-tơ, còn ruộng đất số 1 mang lại địa tô 4 quác-tơ (tr.[21]-22). "Do đó, nếu tư bản được đầu tư hoặc trên ruộng đất có mức độ màu mỡ khác nhau, hoặc thành từng đợt liên tiếp trên cùng một ruộng đất, thì một số bộ phận của tư bản được đầu tư như vậy đem lại nhiều sản phẩm hơn là những bộ phận khác. Những bộ phận đem lại ít hơn cả thì đem lại tất cả những cái cần thiết để bù đắp và thù lao cho nhà tư bản. Nhà tư bản sẽ không nhận được nhiều hơn số thù lao chính đáng đó cho mỗi lần đầu tư mới của nhà tư bản ấy, vì sự cạnh tranh của những người chủ tư bản khác ngăn cản tư bản này làm việc đó. Người sở hữu ruộng đất có thể chiếm hữu toàn bộ phần sản phẩm mà ruộng đất mang lại ngoài số thù lao ấy. Như vậy, địa tô là số sai biệt giữa sản phẩm mà bộ phận tư bản được đầu tư với hiệu quả ít nhất đem lại, và sản phẩm mà tất cả những bộ phận tư bản khác được đầu tư với hiệu quả lớn hơn đem lại" (tr.[22]-23). Xây đem sự thật, - là ngay cả trên ruộng đất màu mỡ, khoản trả về việc thuê ruộng đất, địa tô, được rút ra từ số dư trội của tổng sản phẩm của những tư bản khác nhau được đầu tư trên ruộng đất ấy so với lợi tức và lợi nhuận của những tư bản ấy, - đối lập với mâu thuẫn thực tế (xem Xây v.v.) thể hiện ở việc tại một nước văn minh địa tô được trả trên mỗi khoản ruộng đất. Nhưng ngoài ra, người thuê ruộng đất tư và có thể đầu tư số lượng tư bản chỉ đem lại cho anh ta lợi nhuận thông thường tính trên tư bản, nhưng không mang lại gì để trả địa tô (tr.30-31).

[XIX] 2) VỀ TIỀN CÔNG

"*Sản xuất* là kết quả của *lao động*; nhưng lao động nhận được ở tư bản nguyên liệu mà nó chế biến, và những máy móc giúp lao động trong việc này, hoặc nói một cách chặt chẽ, lao động nhận được ở tư bản những vật phẩm mà tự chúng chính là tư bản" (tr.32). Trong xã hội *văn minh*" *người công nhân và nhà tư bản là hai cá nhân khác nhau*" (tr.32-33). "Thay vì chờ đến khi sản phẩm được sản xuất ra và giá trị của chúng được thực hiện, người ta cho là *ứng trước* cho công nhân phần của họ thì tiện cho họ hơn. *Tiền công* là hình thức mà người ta cho là thích hợp để họ nhận được phần của họ. Sau khi phân sản phẩm mà người công nhân hưởng được anh ta nhận đủ dưới hình thức tiền công thì những

sản phẩm đó chỉ thuộc về nhà tư bản, vì nhà tư bản thực tế đã mua phần của công nhân và đã trả trước cho anh ta về phần ấy" (tr.[33]-34).

§1) "Sản phẩm được chia giữa công nhân và nhà tư bản theo tỷ lệ nào", hay là tỷ lệ nào điều tiết mức tiền công? (tr.34). "Việc xác định phần của công nhân và của nhà tư bản là đối tượng của giao dịch thương mại, đối tượng *mặc* cả giữa họ. Mọi giao dịch buôn bán tự do đều do sự cạnh tranh điều tiết, và điều kiện mua bán thay đổi tùy theo sự thay đổi của quan hệ giữa cầu và cung" (tr.34-35). "Giả sử có một số *nhất định* các nhà tư bản và một số *nhất định* những công nhân. Giả sử tỷ lệ họ chia sản phẩm được xác định một cách nào đó". Nếu số công nhân tăng lên mà *khối lượng tư bản* không tăng thì bộ phận công nhân mới thêm "phải tìm cách lấn át bộ phận đã được thuê trước đó. Bộ phận ấy chỉ có thể làm được việc đó bằng cách cung cấp lao động của mình với thù lao thấp hơn. Trong trường hợp này mức tiền công tất yếu hạ xuống" (tr.35-36). "Trái lại, giả sử số công nhân vẫn không đổi, còn *khối lượng tư bản* thì tăng lên. Các nhà tư bản có số lượng lớn những phương tiện để sử dụng lao động, có tư bản phụ thêm mà họ muốn rút ra lợi nhuận từ đó. Nhưng muốn thế thì số công nhân phải tăng thêm. Song tất cả những công nhân ấy đều do những người chủ khác thuê, và để lôi kéo họ về phía mình, chỉ có một biện pháp: đề xuất trả công nhiều hơn cho họ. Nhưng những người chủ khác ấy cũng ở trong tình thế y như vậy và họ sẽ sẵn sàng trả cho công nhân tiền công nhiều hơn nữa để khuyến khích họ ở lại chỗ làm việc cũ. Sự cạnh tranh đó là không tránh khỏi, và hệ quả tất yếu của nó là *mức tiền công tăng lên*" (tr.36). Do đó, dân số tăng mà *khối lượng tư bản* không tăng thì làm cho tiền công hạ xuống, còn trường hợp ngược lại thì làm cho tiền công tăng lên. "Còn nếu cả hai đại lượng ấy đều tăng, nhưng tăng với tỷ lệ khác nhau thì hệ quả sẽ y như trong trường hợp nếu một đại lượng hoàn toàn không tăng, còn đại lượng kia thì tăng thêm một lượng bằng số sai biệt giữa hai đại lượng tăng thêm thực tế của chúng". Thí dụ, nếu dân số tăng lên 2/8, còn *khối lượng tư bản* thì tăng 1/8 thì hệ quả sẽ y như khi *khối lượng tư bản* hoàn toàn không tăng, còn dân số thì tăng 1/8 (tr.36-37). Như vậy, "nếu tỷ lệ giữa *khối lượng tư bản* và dân số vẫn không đổi, thì mức tiền công vẫn như trước; nếu tỷ lệ giữa *khối lượng tư bản* với dân số tăng thì mức tiền công tăng, trong khi nếu tỷ lệ giữa dân số với *khối lượng tư bản* tăng thì mức tiền công lại hạ xuống" (tr.37-38). "Xuất phát từ quy luật đó, có thể dễ dàng xác định những điều kiện quyết định *tình hình của đại bộ phận* nhân dân ở bất cứ nước nào. Nếu nhân dân sống no đủ và đủ tiện nghi thì để duy trì tình hình đó chỉ cần giúp để số lượng

tư bản tăng cũng nhanh như dân số, hoặc ngăn cản không cho dân số tăng nhanh hơn tư bản. Nếu tình hình đời sống nhân dân tối tệ thì chỉ có thể cải thiện nó bằng cách đẩy nhanh sự gia tăng của số lượng tư bản hoặc giảm dân số; nghĩa là bằng cách tăng tỷ số hiện hữu giữa các phương tiện đảm bảo công ăn việc làm của nhân dân và số cá nhân hợp thành nhân dân đó" (tr.38). "Nếu các tư bản thể hiện xu hướng tự nhiên là tăng nhanh hơn mức tăng dân số thì việc duy trì nhân dân trong trạng thái phồn vinh sẽ không khó. Trái lại, nếu dân số thể hiện xu hướng tự nhiên là tăng nhanh hơn *khối lượng tư bản* thì nảy sinh những khó khăn hết sức lớn. Trong trường hợp này tiền công thường xuyên bộc lộ xu hướng giảm xuống. Tiền công giảm xuống để ra tình trạng gia tăng sự nghèo khổ của nhân dân, tăng các tệ nạn, tăng tỷ lệ tử vong của nhân dân. Dù tỷ lệ dân số thể hiện xu hướng tăng nhanh hơn tư bản như thế nào đi nữa thì dân cư sống trong những điều kiện đó sẽ chết với tỷ lệ y như thế, và khi đó tỷ lệ giữa tăng tư bản và tăng dân số sẽ như trước, và mức tiền công sẽ thôi không sụt xuống nữa". Ở hầu hết các nước sự bán cùng của đại bộ phận nhân dân chứng minh dân số có xu hướng *tự nhiên* là tăng nhanh hơn số lượng tư bản. Không có tình huống ấy thì không thể có cảnh khốn cùng như thế. "*Sự khốn cùng phổ biến của loài người* là một sự thực có thể giải thích chỉ bằng cách xuất phát từ một trong hai tiền đề ấy: hoặc dân số thể hiện xu hướng tăng nhanh hơn tư bản, hoặc các tư bản bị cản trở, bằng những biện pháp nào đó, trong việc thể hiện xu hướng tăng lên mà chúng đã từng có" (tr. [38]-40).

§2) "Xu hướng tăng tự nhiên của nhân khẩu có thể rút ra":

Thứ nhất: từ *thể tạng sinh lý* của phụ nữ. Tối thiểu phụ nữ có thể cứ hai năm sinh một con, ít ra là trong độ tuổi từ 20 đến 40. Như vậy, số lần sinh con tự nhiên đối với phụ nữ sẽ là mười (tr. [40, 42], 43). Thậm chí giả sử - có tính đến mọi trường hợp rủi ro, trạng thái vô sinh v.v., - rằng một cặp vợ chồng sống sung túc chỉ có thể nuôi dạy *năm* đứa con (tr.44). Ngay cả với giả thiết này cũng thấy rõ rằng "sau một ít năm dân số sẽ tăng gấp đôi" (tr.44).

Thứ hai: trái ngược với kết luận đó là những biểu đồ chính thức về nhân khẩu, đặc biệt về tỷ lệ sinh đẻ và tỷ lệ tử vong (tr.44). Nhưng những biểu đồ ấy chứng minh điều gì? - Chứng minh sự tăng nhân khẩu. Nếu ngay cả ở đa số các nước biểu đồ cho thấy nhân khẩu ở trạng thái trì trệ, thì điều đó chẳng chứng minh gì cả. Phần thì cảnh nghèo gây nên tình trạng chết sớm của đại bộ phận dân cư

sinh ra trong nghèo khổ, còn phần thì sự chín chắn đã ngăn trở nhiều cuộc kết hôn hoặc ngăn trở việc vượt quá số lần sinh con nhất định nào đó trong các cuộc hôn nhân (tr.45-46).

§3) Các tư bản có xu hướng tăng ít, vì "mọi sự tăng lên của tư bản đều bắt nguồn từ tiền dành dụm. Bất kỳ tư bản nào cũng đều là" một phần của sản phẩm sản xuất hàng năm. "Để dành một bộ phận của sản phẩm đó để dùng nó làm tư bản thì người có phần sản phẩm đó phải nhịn tiêu dùng nó" (tr.46-47).

Sản phẩm hàng năm tất yếu được phân phối theo hai cách. "Hoặc đại bộ phận nhân dân được cung cấp đầy đủ mọi thứ để duy trì cuộc sống và hưởng lạc, và lúc đó một bộ phận nhỏ hơn của sản phẩm hàng năm sẽ dùng vào việc tăng thu nhập của người giàu; hoặc đại bộ phận nhân dân chỉ thoả mãn một cách khát khe những nhu cầu cần thiết nhất mà thôi, và lúc đó tất nhiên sẽ có một giai cấp mà thu nhập của nó rất lớn" (tr.48). Trong trường hợp nói sau cùng này giai cấp nhân dân "không dành dụm nổi" (tr.[48]-49); đồng thời "giai cấp những người giàu - mà quanh họ là khối đông người nghèo - không có xu hướng tận tiện", người giàu rất "khao khát muốn hưởng lạc ngay; cố sao họ phải làm cho mình mất đi sự hưởng lạc vào thời điểm này, để tích lũy cái mà việc sử dụng nó có rất ít ý nghĩa đối với họ?" (tr.49). Trong trường hợp thứ nhất, cả giai cấp nghèo lẫn giai cấp giàu đều "không có những động cơ nghiêm túc để tiết kiệm": trong giai cấp nghèo, động cơ như thế không có ở *đa số*, vì đa số ấy không có đủ lý trí để hy sinh hiện tại vì tương lai, nó cũng không có cả ở *những người có lý trí* - họ là ngoại lệ - vì họ hiểu rằng từ bỏ lạc thú trong hiện tại thì họ sẽ không nhận được sự đền bù đầy đủ trong tương lai (tr.50-51).

Xem tiếp những lời ba hoa tẻ nhạt ấy ở những trang tiếp theo.

"Xu hướng tăng của nhân khẩu, dù nó đáng kể hay không đáng kể, trong tất cả mọi trường hợp đều thể hiện đồng đều. Ở thời gian này nó tăng với tỷ lệ nào thì ở bất kỳ thời gian nào khác nó đều sẽ tăng với cùng tỷ lệ ấy nếu ở trong những điều kiện thuận lợi như thế. Trái lại, các tư bản tăng lên càng nhiều thì sự tăng lên của chúng ngày càng khó khăn, cho đến khi hoàn toàn không thể tăng lên nữa" (tr.55-[56]).

[XX] Do đó, "dù dân số tăng chậm thế nào đi nữa, - vì tư bản tăng còn chậm hơn - thì tiền công sẽ sụt tới mức một bộ phận nào đó của dân cư sẽ thường xuyên chết vì bản cùng" (tr.56-57).

§4) "Những biện pháp chủ yếu mà người ta dựa vào trong lĩnh vực pháp luật để thay đổi tiến trình hành động của con người là *trừng phạt* và *thưởng công*, nhưng cả hai biện pháp đều ít thích hợp để kìm giữ xu hướng sinh sôi và tăng lên của loài người" (tr.57-[58]).

"Trong những trường hợp không chịu tác động trực tiếp của pháp luật, đôi khi nó có thể đạt được những kết quả đáng kể bằng cách tác động gián tiếp". Nếu pháp luật khuyến khích tăng dân số, thì "pháp luật tai hại như vậy cần được sửa chữa" (tr.58-59). "Ảnh hưởng mạnh mẽ của sự *trừng phạt của nhân dân* có thể được sử dụng rất có lợi trong trường hợp này cũng như trong nhiều trường hợp khác. Có thể toàn bộ sức mạnh lên án của dư luận xã hội sẽ là đủ đối với những người do không thận trọng và do tạo ra những gia đình lớn mà đẩy mình vào cảnh nghèo nàn và phụ thuộc, và sự tán thành của xã hội sẽ là đủ đối với những người được bảo đảm khỏi nghèo khổ và suy đốn nhờ sự kiêng nể sáng suốt của họ" (tr.59). "Sự giáo dục của nhân dân, sự tiến bộ của pháp luật, sự giảm bớt các định kiến sẽ giải quyết nhiệm vụ khó khăn này" (tr.59). Về việc đẩy nhanh sự tăng lên của tư bản thì pháp luật có một phương tiện - đó là *các đạo luật chống xa hoa và lãng phí*, nó có thể đặt sự vừa phải thành nhiệm vụ trước mắt và coi lãng phí là lối hành động không xứng đáng (tr.60). Pháp luật có thể tác động trực tiếp *bằng cách thu hồi một bộ phận nhất định sản phẩm ròng hàng năm* để biến nó thành tư bản. Nhưng bằng cách nào? - Bằng *thuế thu nhập*. "Pháp luật có thể sử dụng số tư bản được tạo ra bằng cách ấy theo hai cách: cho những người sẽ sử dụng nó vay, hoặc để lại cho mình sử dụng nó" (tr.61). "Phương thức đơn giản nhất là cho những nhà tư bản và chủ xưởng có thể đảm bảo hoàn lại nó vay. Bằng cách đó, lợi tức về những khoản vay hàng năm ấy có thể được sử dụng làm tư bản cho năm sau. Như vậy mỗi phần hàng năm sẽ tạo ra lãi gộp và nếu lãi suất cao hợp lý ấy được duy trì, nó sẽ tăng gấp đôi trong một thời gian rất ngắn. Nếu tiền công hạ xuống, điều đó sẽ có nghĩa là đã đến lúc phải nâng cao thuế thu nhập. Nếu tiền công tăng lên nhiều hơn mức cần thiết để có thể làm cho đời sống của công nhân khả quan *đúng mức* thì có thể hạ thuế thu nhập" (tr.61-62). Hệ quả của việc đó sẽ là "dân số sẽ tăng nhanh; sự cần thiết

phải đầu tư tư bản trên ruộng đất mới với chất lượng ngày càng thấp hơn hoặc đầu tư thành những đợt liên tiếp trên ruộng đất ấy mỗi lần mang lại sản phẩm ngày càng ít hơn, cũng sẽ tăng nhanh" (tr.62). "Các nhà tư bản sẽ nhận được thu nhập ngày càng ít theo cùng tỷ lệ mà các tư bản hàng năm mang lại sản phẩm ngày càng ít hơn. Sau một thời gian nào đó, thu nhập từ tư bản sẽ giảm đến mức chỉ có những người sở hữu những khối tư bản lớn mới có thể rút ra được từ nó các phương tiện sinh sống; kết quả cuối cùng" của hoạt động nêu trên "sẽ là như vậy" (tr.62-63). "Giả sử mức tiền công vẫn thế. Tất cả những cá nhân sống không phải bằng lao động đều sống bằng thu nhập từ tư bản hoặc bằng địa tô. Tình hình giả định ấy dẫn đến xu hướng làm nghèo những người sống bằng thu nhập từ tư bản", cũng như làm giàu những người sở hữu ruộng đất bằng cách liên tục nâng cao địa tô. "Trừ những người sở hữu ruộng đất ra, toàn bộ xã hội còn lại, công nhân và các nhà tư bản, sẽ nghèo hấu như nhau. Mỗi khi ruộng đất được đem ra để bán, thì để tậu nó cần phải trả những khoản tư bản lớn; như vậy, mỗi người chỉ có thể mua một số rất ít ỏi ruộng đất" (tr.63). "Trong những điều kiện ấy việc bán ruộng đất có thể diễn ra *thường xuyên* hoặc *hiếm hoi*. Nếu nó diễn ra *thường xuyên* thì ruộng đất sẽ bị chia ra thành những khoảnh rất nhỏ do nhiều người thuê, không một bộ phận nào trong số họ có thể ở trong tình cảnh tốt hơn nhiều so với công nhân. Nếu thiên tai xảy ra mà làm cho sản phẩm năm đó hoặc một số năm thấp hơn đáng kể so với mức bình thường thì khắp nơi sẽ có tai họa phổ biến và không thể khắc phục được, vì chỉ có ở một đất nước, trong đó một bộ phận đáng kể dân cư có được thu nhập nhiều hơn những người sống bằng tiền công, thì nhờ những người giàu ấy mà có thể tạo ra những dự trữ lớn để làm dịu hậu quả của sự thiếu hụt đã hình thành" (tr.[63]-64). "*Năng lực hoàn thiện* của con người, hoặc năng lực thường xuyên chuyển từ một trình độ khoa học và hạnh phúc này đến một trình độ khoa học và hạnh phúc khác cao hơn, rõ ràng là phụ thuộc đáng kể vào giai cấp những người làm chủ thời đại mình, nghĩa là những người đủ giàu để hoàn toàn khỏi lo toan về các phương tiện sinh sống ít nhiều đảm bảo hơn. Những người thuộc giai cấp này vun đắp và mở rộng lĩnh vực khoa học; họ phổ biến kiến thức; con cái họ được giáo dục tốt hơn và được đào tạo để thực hiện những chức năng quan trọng nhất và tế nhị nhất của xã hội; họ trở thành những nhà làm luật, thẩm phán, quan chức hành chính, thầy giáo, nhà phát minh trong những lĩnh vực khác nhau, người lãnh đạo tất cả những công việc lớn lao và có ích, nhờ chúng mà mở rộng sự ngự trị của

loài người đối với các lực lượng tự nhiên" (tr.65). "*Người hạnh phúc nhất* là những người có tài sản *trung bình*". Là những người độc lập, "họ tất yếu nhận được sự hưởng lạc lớn nhất mà toàn bộ loài người được hưởng". Vì thế "giai cấp đó cần phải là bộ phận càng lớn càng tốt của xã hội. Để đảm bảo điều đó, tuyệt nhiên không thể để xảy ra tình trạng là do tích lũy mạnh mẽ tư bản mà dân số tăng lên đến mức thu nhập từ tư bản đầu tư trên ruộng đất thu được rất ít. *Thu nhập từ tư bản* phải đủ lớn để một bộ phận đáng kể của xã hội có thể hưởng những ưu thế mà *thời gian nhàn rỗi* đem lại". Nếu số dân cần thiết tăng lên, thì đó là tình huống khi mà "thay vì tăng sự dư thừa sản phẩm hàng năm trội hơn số cần thiết để bù lại tư bản đã chi phí và để duy trì đời sống của công nhân, nó lại dẫn đến chỗ làm giảm quỹ dư thừa mà hạnh phúc của xã hội phụ thuộc vào đó một cách hết sức đáng kể" (tr.67).

3) VỀ LỢI NHUẬN TỪ TƯ BẢN

"Trong khi nghiên cứu tất cả, những gì điều tiết tiền công và lợi nhuận, có thể không xem xét địa tô, vì nó là hệ quả, chứ không phải là nguyên nhân làm giảm sản phẩm mà các nhà tư bản và công nhân phải chia cho nhau" (tr.76). "Nếu một vật phẩm nào đó được chia cho hai người thì rõ ràng là cái điều tiết phần của người này cũng điều tiết phần của người kia, vì cái lấy đi của người này thì được giao cho người kia" (tr.76). "Nhưng vì quan hệ giữa các phần tương ứng của nhà tư bản và của công nhân phụ thuộc vào mối quan hệ giữa số dân cư và khối lượng các tư bản, mà số dân cư có xu hướng tăng nhanh hơn khối lượng tư bản, nên *nhân tố tích cực* [XXI] của sự thay đổi nằm ở phía dân số mà có thể coi dân số, có nghĩa là tiền công, là nhân tố điều tiết" (tr.76-77). "Lợi nhuận - phần của các nhà tư bản trong sản phẩm chung của lao động và tư bản - do đó, phụ thuộc vào tiền công", tỷ lệ nghịch với tiền công (tr.77). "Lợi nhuận không chỉ phụ thuộc vào phần nhận được của những người chủ của cái mà họ phân chia, mà cũng còn phụ thuộc vào tổng giá trị của cái đem chia" (như trên). "Sự giảm lợi nhuận của tư bản đầu tư trong trồng trọt làm giảm lợi nhuận của tư bản đầu tư trong sản xuất công xưởng và trong tất cả mọi dạng công nghiệp khác" (tr.81). "Sự giảm sút thứ nhất là không tránh khỏi, nhưng tỷ suất lợi nhuận của tư bản được đầu tư bằng cách ấy quyết định tỷ suất lợi nhuận của tư bản được đầu tư

bằng bất cứ phương thức nào khác, vì không một người nào muốn tiếp tục đầu tư tư bản của mình trong trồng trọt nếu anh ta có thể nhận được nhiều lợi lộc hơn nhờ tìm được cách đầu tư khác cho số tư bản ấy. Vì thế tất cả lợi nhuận đều hạ xuống bằng mức lợi nhuận trong ngành trồng trọt" (tr.81 - [82]).

"Thông qua những nấc thang nào người ta đi tới kết quả đó? Khi xuất hiện số câu về lượng ngũ cốc bổ sung chỉ có thể sản xuất bằng cách đưa những ruộng đất phẩm chất thấp hơn vào canh tác hoặc bằng cách đầu tư những đợt tư bản mới trên cùng ruộng đất ấy mang lại lợi nhuận ít hơn, thì dĩ nhiên những người trồng trọt nghi ngờ tính hợp lý của việc đầu tư tư bản của mình một cách kém năng suất hơn trước; nhưng lúc đó số câu về ngũ cốc tăng lên mà mức sản xuất hàng hoá ấy không tăng tương ứng. Hệ quả không tránh khỏi của tình hình đó là giá trị trao đổi của ngũ cốc tăng lên, và lúc đó người trồng trọt, do sản xuất ít ngũ cốc hơn trước, sẽ có thể thu được từ tư bản của mình lợi nhuận y như những chủ tư bản khác. Bằng cách đó không phải lợi nhuận của anh ta được giữ ở mức ban đầu, mà tất cả những lợi nhuận khác đều hạ xuống bằng mức mà lợi nhuận của anh ta đã tụt xuống. Do giá trị của ngũ cốc tăng lên mà cả giá trị của lao động cũng tăng hơn. Vì rằng người công nhân phải tiêu dùng một số lượng nào đó các vật phẩm cần thiết cho đời sống, dù giá trị của chúng lớn hơn hay nhỏ hơn. Nếu giá trị của chúng lớn hơn trước thì lao động của anh ta có giá trị lớn hơn, tuy số lượng các tư liệu sinh hoạt và những vật phẩm khác mà họ tiêu dùng vẫn y như thế. Như vậy, có thể coi tiền công của anh ta đã tăng lên, tuy mức thù lao thực tế cho lao động của anh ta không tăng. Như vậy, tất cả mọi nhà tư bản đều buộc phải trả khoản tiền công lớn hơn, có nghĩa là lợi nhuận của họ giảm xuống. Cũng vì nguyên nhân ấy mà chủ nông trại ở trong tình thế y như vậy. Như thế, theo đà tăng dân số và thấy cần đầu tư tư bản trên những ruộng đất kém màu mỡ hơn, lợi nhuận của tất cả mọi tư bản đều dần dần giảm xuống" (tr.82-[83,84]).

III. VỀ TRAO ĐỔI

§1) *Trao đổi* dựa trên sự tồn tại sản phẩm dư thừa do chính mình sản xuất ra và trên nhu cầu về những sản phẩm do người khác sản xuất ra. Những người đại lý trao đổi "*là những người vận chuyển và nhà buôn*" (tr.85).

§2) "Nếu số lượng sản phẩm này trao đổi với sản phẩm khác phụ thuộc vào quan hệ giữa cầu và cung", thì thử hỏi, "quan hệ đó phụ thuộc vào cái gì" (tr.89). Quan hệ đó "suy cho cùng phụ thuộc vào chi phí sản xuất" (tr.[91]-92). Chi phí sản xuất đó do lao động tạo thành. "Như vậy, số lượng lao động quyết định tỷ lệ mà các sản phẩm trao đổi với nhau" (tr.99).

§3) *Lao động trực tiếp*: 1) tư bản: *lao động* được tích lũy (tr.100). "Về cả hai loại lao động ấy cần phải chú ý: 1) chúng không phải bao giờ cũng được trả công theo một tỷ lệ như nhau; 2) chúng không phải bao giờ cũng tham gia theo cùng một tỷ lệ vào việc sản xuất ra tất cả mọi hàng hoá" (tr.100-101).

"Hoá ra chỉ cần xét ba trường hợp làm ví dụ là đủ để giải thích mức độ tham gia khác nhau của lao động và của tư bản vào sản xuất; đó là hai trường hợp cực đoan ở hai đầu và một trường hợp ở giữa: 1) các sản phẩm chỉ do lao động *trực tiếp* sản xuất ra, không có sự tham gia của tư bản; 2) các sản phẩm được sản xuất ra một nửa bằng lao động trực tiếp, một nửa bằng tư bản; 3) các sản phẩm chỉ do tư bản sản xuất ra, không có sự tham gia của lao động trực tiếp" (tr.102-103).

"Để sản xuất nếu người ta sử dụng hai loại lao động và nếu khi giá cả của loại này tăng lên giá cả của loại kia giảm xuống, thì giá trị trao đổi của loại hàng hoá được sản xuất ra với tỷ lệ lớn loại lao động thứ nhất - khi giá cả của loại lao động này tăng - sẽ tăng lên so với giá trị trao đổi của thứ hàng hoá được sản xuất ra bằng một số lượng nhỏ hơn của loại lao động đó. Tỷ lệ của sự nâng cao ấy mỗi lần đều phụ thuộc vào hai điều kiện: 1) vào tỷ lệ giảm giá cả của loại lao động này trong khi giá cả của loại lao động kia tăng lên; 2) vào tỷ lệ giữa số lượng lao động loại thứ nhất được sử dụng để sản xuất hàng hoá thứ nhất trong số những hàng hoá được xem xét, với số lượng lao động loại thứ nhất đã được sử dụng để sản xuất hàng hoá thứ hai" (tr.[103]-104).

Như vậy, vấn đề thứ nhất và duy nhất là: "Lợi nhuận giảm xuống với tỷ lệ nào nếu tiền công tăng lên? Tỷ lệ tham gia của hai loại lao động vào việc sản xuất ra những hàng hoá khác nhau phụ thuộc vào điều kiện của từng trường hợp đặc biệt" (tr.104).

"Chúng ta sẽ biểu thị ba trường hợp nêu trên bằng các số 1, 2, 3. Nếu tất cả mọi hàng hoá đều được sản xuất trong điều kiện của trường hợp 1 - chỉ bằng lao động mà thôi, còn tư bản thì sẽ được sử dụng duy nhất để trả tiền công - thì lợi nhuận của tư bản sẽ sụt xuống đúng với tỷ lệ tăng của tiền công" (tr.104). "Giả sử tư bản 1000 p.xt. được đầu tư với lợi nhuận 10%. Trong trường hợp này giá trị của các sản phẩm sẽ bằng 1100p.xt., vì khoản tiền đó sẽ bù đắp tư bản với lợi nhuận của nó. Những sản phẩm đó có thể coi là gồm 1100 phần ngang nhau, trong đó 1000 phần thuộc công nhân, còn 100 phần thuộc nhà tư bản". Nếu tiền công tăng 5% thì lợi nhuận của nhà tư bản sẽ giảm 5%, vì giờ đây nhà tư bản phải trả cho công nhân 1050p.xt, thay vì 1000, có nghĩa là nhà tư bản chỉ còn 50p.xt. thay vì 100. "Giá trị các sản phẩm của nhà tư bản sẽ không tăng lên để bù đắp tổn thất cho nhà tư bản [XXII] , vì chúng ta đã giả định rằng tất cả mọi hàng hoá đều được sản xuất ra trong điều kiện của cùng một trường hợp; cũng như trước, các sản phẩm sẽ có giá trị 1100p.xt., trong đó nhà tư bản chỉ còn 50p.xt.

Nếu việc sản xuất tất cả mọi hàng hoá đều diễn ra trong điều kiện của điều kiện số 2, thì lợi nhuận chỉ giảm xuống *một nửa* đại lượng tăng của tiền công. Giả sử tư bản 1000p.xt., được sử dụng để trả tiền công và 1000p.xt. nữa làm tư bản cố định, lợi nhuận là 10% tổng số lượng chi phí như trước; lúc đó giá trị của các sản phẩm sẽ là 1200p.xt., vì khoản tiền này sẽ bù lại số tư bản đã chi phí với lợi nhuận 10%. Giả sử tiền công đã tăng 5%. Lúc đó nhà tư bản sẽ phải trả 1050p.xt. thay vì 1000p.xt. tiền công; nhà tư bản sẽ còn lại 150p.xt. lợi nhuận"; như vậy, cứ mỗi trăm đơn vị tư bản của mình nhà tư bản sẽ chịu mức giảm lợi nhuận chỉ bằng 2,5%, nghĩa là một nửa mức tăng của tiền công (5%). "Trường hợp vẫn y như vậy, nếu tư bản 1000p.xt. không được sử dụng để trả tiền công mà được dùng làm tư bản lưu động để sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất và bù đắp tiếp theo. Ví dụ, cũng trong thời gian 1000p.xt. được chi phí để trả tiền công, thì 500p.xt. có thể chi phí làm tư bản cố định để mua máy móc phục vụ trong một thời hạn dài, còn 500p.xt. thì được sử dụng để mua nguyên liệu và dùng vào những chi phí khác. Với dự toán chi tiêu như vậy, giá trị của các sản phẩm sẽ bằng 1700p.xt., bằng số tư bản phải được bù đắp với lợi nhuận 10%. Trong số 1700 phần sản phẩm đó, 1000 phần sẽ là phần của công nhân

phần của nhà tư bản sẽ bằng 700 phần, trong đó 200 phần sẽ là lợi nhuận. Nếu tiền công tăng 5%, thì trong số 1700 phần, công nhân sẽ được hưởng 1050 và 650 là phần của nhà tư bản được hưởng, sau khi nhà tư bản đã hoàn bù 500p.xt. tư bản lưu động, nhà tư bản sẽ chỉ có 150p.xt. lợi nhuận; nghĩa là nhà tư bản sẽ chịu sự giảm lợi nhuận của mình xuống 2,5% như trước" (tr.106-107).

"Nếu việc sản xuất tất cả mọi hàng hoá đều diễn ra trong điều kiện của trường hợp số 3 thì vì ở đây không trả tiền công, nên việc tiền công tăng lên không thể thay đổi lượng lợi nhuận; rõ ràng là sản xuất hàng hoá càng gần với trường hợp cực đoan này thì lượng lợi nhuận sẽ càng ít thay đổi do sự tăng lên như vậy" (tr.107).

"Nếu chúng ta giả định (điều này rất có thể xảy ra) rằng trong thực tế xảy ra biết bao nhiêu trường hợp cực đoan ngã về phía này cũng như ngã về phía kia kể từ điểm giữa, thì do những bù trừ qua lại sẽ xảy ra nên lợi nhuận sẽ sụt xuống đúng bằng một nửa số tăng lên của tiền công" (tr.[107]-108).

"Nếu cùng với sự tăng lên của tiền công *tất cả* các khoản lợi nhuận đều sụt xuống thì rõ ràng là giá trị của tất cả mọi hàng hoá được sản xuất ra với tỷ lệ lao động nhỏ hơn tỷ lệ tư bản, sẽ giảm xuống so với giá trị của những hàng hoá được sản xuất ra với tỷ lệ lao động lớn hơn. Ví dụ, nếu chúng ta coi trường hợp số 1 là trường hợp có tính chất quyết định thì giá trị của tất cả những hàng hoá được sản xuất ra trong điều kiện của trường hợp này vẫn sẽ như vậy, còn giá trị của tất cả các hàng hoá mà việc sản xuất ra chúng phục tùng những điều kiện của một trong những trường hợp còn lại, sẽ hạ xuống. Nếu chúng ta coi trường hợp trung bình số 2 là trường hợp có tính chất quyết định thì giá trị của tất cả những hàng hoá được sản xuất ra trong những điều kiện của trường hợp này vẫn sẽ như thế; giá trị của tất cả những hàng hoá mà điều kiện sản xuất ra chúng gần với trường hợp cực đoan đầu đều sẽ tăng lên, còn giá trị của tất cả những hàng hoá được sản xuất ra trong những điều kiện gần với trường hợp cực đoan nói cuối cùng, sẽ giảm xuống. Những nhà tư bản sản xuất ra hàng hoá trong những điều kiện của trường hợp số 1 đã chịu chi phí bổ sung bằng 5%; nhưng họ trao đổi sản phẩm của mình lấy những hàng hoá được sản xuất ra trong điều kiện của những trường hợp khác. Nếu họ trao đổi hàng hoá của mình lấy hàng hoá được

sản xuất ra trong điều kiện của trường hợp số 2, trong đó các nhà tư bản đã chịu chi phí bổ sung chỉ bằng 2,5%, thì trong những hàng hoá ấy họ nhận được khoản phụ thêm bằng 2,5%. Như vậy, khi mua những hàng hoá được sản xuất ra trong điều kiện của trường hợp số 2, họ nhận được một sự đền bù nào đó và chỉ bị giảm 2,5% lợi nhuận của mình do tiền công tăng lên. Trong việc trao đổi này, kết quả hoàn toàn trái ngược với những nhà tư bản đã sản xuất hàng hoá trong điều kiện của trường hợp số 2. Trong việc sản xuất hàng hoá của mình, họ đã chịu chi phí tăng 2,5%, còn khi đổi sản phẩm của mình lấy hàng hoá sản xuất ra trong những điều kiện của trường hợp số 1, họ lại bị giảm lợi nhuận xuống 2,5%" (tr.108-109). "Như vậy, nhìn chung kết quả là tất cả những nhà sản xuất nào hoặc thông qua sản xuất, hoặc thông qua trao đổi mà trở thành những người chủ của những hàng hoá sản xuất ra trong điều kiện của trường hợp số 2, thì chịu khoản thua thiệt 2,5%: trong số họ [XXIII], những người nào trở thành người chủ của những hàng hoá được sản xuất ra trong những trường hợp có điều kiện gần với trường hợp cực đoan cuối thì chịu khoản thua thiệt ít hơn; cuối cùng nếu số những trường hợp cực đoan đầu bằng số những trường hợp cực đoan cuối thì tất cả các nhà tư bản gộp chung lại chịu thua thiệt 2,5% và khoản thua thiệt này sẽ là số tối đa mà - điều này có thể giả định - lợi nhuận sẽ giảm trong thực tiễn" (tr.110). "Xuất phát từ những nguyên tắc ấy, ta dễ dàng tính toán sự tăng tiền công ảnh hưởng như thế nào đến giá cả của những sản phẩm khác nhau. Tất cả mọi sản phẩm thường có thể so sánh với tiền tệ hoặc với kim loại quý. Giả sử, - điều này chắc chắn khá gần với thực tế - tiền tệ được sản xuất ra trong những điều kiện của trường hợp số 2, nghĩa là bằng những tỷ lệ lao động và tư bản bằng nhau; lúc đó giá cả của tất cả những hàng hoá sản xuất ra trong những điều kiện như vậy không thay đổi do tiền công tăng lên; giá cả những hàng hoá mà điều kiện sản xuất ra chúng gần với trường hợp cực đoan đầu tiên, tăng lên; giá cả của những hàng hoá mà điều kiện sản xuất ra chúng gần với trường hợp cực đoan cuối thì hạ xuống; cuối cùng, tổng khối lượng hàng hoá chịu tác động của một sự bù trừ khiến giá cả không tăng cũng không giảm" (tr.110-111).

§4) Các dân tộc muốn trao đổi sản phẩm của mình với nhau:

α) nếu "sự phân công lao động được hiểu một cách đúng đắn" đòi hỏi phải làm thế; β) nếu hàng hoá "có thể *chỉ* được sản xuất hoặc dù sao vẫn được sản

xuất theo cách *đơn giản hơn* và *dễ dàng hơn* ở những địa điểm nhất định" do những nguyên nhân là ở đây tư liệu sinh hoạt rẻ hơn, hoặc có nhiều nhiên liệu hơn, hoặc có nhiều nước hơn để chạy máy móc (tr.112-113); γ) "nói chung, nếu so với nước khác, cùng một số lượng lao động ở nước này sản xuất được một trong hai hàng hoá với tỷ lệ lớn hơn hàng hoá kia thì việc trao đổi với nhau *có lợi* cho cả hai nước" (tr.119).

§5) "Mỗi lợi thu được từ việc trao đổi hàng hoá này lấy hàng hoá kia bao giờ cũng bắt nguồn từ hàng hoá *nhận được*, chứ không phải từ hàng hoá *trao đi*. Vì vậy, cả bất cứ mối lợi nào trong việc buôn bán của nước này với nước khác cũng bắt nguồn từ những hàng hoá *nhập khẩu*; đất nước được lợi nhờ *việc nhập khẩu* chứ không phải nhờ vào việc nào khác" (tr.120). "Nếu con người có một hàng hoá công nghiệp hoặc hàng hoá lương thực nào đó thì người ấy sẽ không thể thu được lợi nhờ việc đơn thuần *thoát khỏi* hàng hoá của mình. Chỉ có bằng cách thoát khỏi hàng hoá của mình để có được hàng hoá khác thì người đó mới tìm thấy lợi lộc trong việc có được hàng hoá nói sau cùng ấy; vì rằng người đó có thể giữ lại hàng hoá của mình, nếu cho rằng hàng hoá ấy có giá trị lớn hơn hàng hoá mà người đó đã đổi lấy. Anh ta thích hàng hoá khác hơn hàng hoá của mình, sự thực đó là bằng cứ chứng minh rằng đối với anh ta, hàng hoá kia có giá trị lớn hơn" (tr.121). Đối với các dân tộc thì cũng thế. "Mỗi lợi của mỗi dân tộc không đơn thuần là ở chỗ thoát khỏi sản phẩm của mình, mà là ở cái mà với sản phẩm đó dân tộc ấy đổi lấy được" (tr.121).

VẬT TRUNG GIAN

§6) "*Vật trung gian của trao đổi* là vật phẩm mà để tiến hành trao đổi giữa hai vật phẩm khác, thì nó trước tiên được chấp nhận để đổi lấy một trong hai sản phẩm ấy, sau đó được trao đi để đổi lấy sản phẩm kia" (tr.125). Vàng, bạc, tiền.

§7) "*Giá trị của tiền* bằng tỷ số mà tiền tệ trao đổi lấy những vật phẩm khác, hoặc bằng số lượng tiền tệ được đem ra đổi lấy một số lượng nhất định những vật phẩm khác" (tr.128).

Tỷ số đó do *tổng số lượng* tất cả tiền tệ có trong một nước quyết định (như trên). "Nếu chúng ta giả định rằng một mặt tất cả mọi hàng hoá của một nước, và mặt khác, tất cả tiền tệ của đất nước được tập trung lại, thì rõ ràng là trong việc trao đổi cả hai khối lượng ấy với nhau, giá trị của tiền tệ", nghĩa là số lượng hàng hoá trao đổi lấy chúng, "hoàn toàn phụ thuộc vào số lượng của bản thân chúng" (tr.128-129). Trong thực tế tình hình cũng hoàn toàn y như vậy. Tổng khối lượng hàng hoá của một nước được đổi lấy tổng khối lượng tiền tệ không phải ngay một lúc; hàng hoá được trao đổi từng phần, thường là những phần rất nhỏ, và trong những khoảng thời gian khác nhau trong năm. Cùng một đồng tiền đúc hôm nay dùng cho một lần trao đổi này, thì ngày mai lại có thể dùng cho một lần trao đổi khác. Một bộ phận tiền tệ này được sử dụng cho một số lớn lần trao đổi, một bộ phận khác được sử dụng cho một số lượng rất nhỏ lần trao đổi, còn bộ phận thứ ba thì được tích lũy lại và hoàn toàn không dùng để trao đổi. Trong sự đa dạng đại lượng ấy có thể tìm được một tỷ suất trung bình nào đó dựa trên số lần trao đổi mà mỗi đồng tiền đúc được sử dụng để tiến hành, nếu tất cả mọi đồng tiền đúc đều làm trung gian cho một số lần trao đổi như nhau. Chúng ta sẽ xác định tỷ suất ấy bằng một con số nào đó, con số 10 chẳng hạn. Nếu mỗi đồng tiền đúc có trong nước đã được dùng cho 10 lần mua, thì điều đó cũng y như thế nếu tổng số tiền đúc đã tăng lên 10 lần và mỗi đồng tiền đúc chỉ phục vụ cho một lần mua. Trong trường hợp này, giá trị của tất cả các hàng hoá của một nước bằng giá trị tăng gấp 10 lần của tất cả mọi tiền tệ trong nước, vì giá trị của mỗi đồng tiền đúc bằng giá trị của số lượng hàng hoá mà nó có thể đổi lấy, và vì mỗi đồng tiền đúc dùng cho 10 lần trao đổi trong một năm" (tr.129-130).

[XXIV] "Nếu thay vì mỗi đồng tiền đúc phục vụ cho mười lần trao đổi trong năm, thì tổng khối lượng tiền tệ sẽ tăng gấp mười lần và mỗi đồng tiền đúc sẽ chỉ dùng cho một lần trao đổi, thì rõ ràng là mọi sự tăng lên của khối lượng ấy sẽ gây ra sự giảm xuống tương ứng của giá trị mỗi đồng tiền đúc trong số những đồng tiền đúc ấy. Vì chúng ta đã giả định rằng khối lượng hàng hoá mà tất cả tiền tệ có thể đổi lấy vẫn như cũ, nên *giá trị* của tổng khối lượng tiền tệ, sau khi tăng số lượng của nó lên, vẫn không nhiều hơn trước. Nếu chúng ta đã giả định rằng sự tăng khối lượng tiền tệ bằng một phần mười thì giá trị mỗi bộ phận trong số các bộ phận của nó, 1 òn-xơ chẳng hạn, phải giảm xuống một phần mười.

Nếu tổng khối lượng tiền tệ là một triệu òn-xơ và nó tăng một phần mười thì dù sự giảm giá trị của tổng thể như thế nào đi nữa, sự giảm xuống đó phải ảnh hưởng theo tỷ lệ tương ứng đến mỗi bộ phận trong số các bộ phận của tổng thể; 1/10 triệu so với một triệu, cũng như 1/10 òn-xơ so với một òn-xơ" (tr.130-131). "Nếu tổng khối lượng tiền tệ chỉ bằng 1/10 tổng số đã giả định, còn mỗi phần trong số các phần của nó dùng cho mười lần mua trong một năm, thì như vậy cũng giống trường hợp nếu khối lượng đó được trao đổi mười lần lấy một phần mười tổng khối lượng hàng hoá; nhưng nếu một phần mười tổng số đã giả định, nghĩa là tổng khối lượng tiền tệ tăng với một tỷ lệ nào đó thì điều đó cũng giống như nếu cái tổng thể, nghĩa là tổng số tiền được giả định, đã tăng với tỷ lệ đó. Như vậy, dù mức độ tăng hoặc giảm của tổng khối lượng tiền tệ như thế nào đi nữa, nếu số lượng những vật phẩm còn lại vẫn như trước, thì giá trị của tổng khối lượng đó và của mỗi phần trong số các phần của nó đều giảm hoặc tăng tương ứng. Rõ ràng, nguyên lý đó là một chân lý tuyệt đối. Mỗi khi giá trị của tiền tệ tăng lên hoặc giảm xuống, còn số lượng hàng hoá có thể đổi bằng tiền ấy và tốc độ lưu thông vẫn như trước, thì nguyên nhân thay đổi giá trị ắt phải là sự giảm hoặc tăng theo tỷ lệ tương ứng của số lượng tiền tệ, và không thể gán sự thay đổi đó cho tác động của bất cứ nguyên nhân nào khác. Nếu khối lượng hàng hoá giảm xuống, trong khi tổng khối lượng tiền tệ vẫn như trước, thì điều đó cũng giống như trường hợp tổng khối lượng tiền tệ tăng lên, và ngược lại cũng như vậy. Những thay đổi như vậy là kết quả của mọi sự thay đổi của *tốc độ lưu thông*. Tốc độ lưu thông được hiểu là số lần mua được thực hiện trong một thời gian nhất định. Mọi sự tăng lên của số lần mua ấy đều có tác động như sự tăng lên của tổng khối lượng tiền tệ vậy; sự giảm xuống của con số ấy gây ra tác động ngược lại" (tr.131-132). "Nếu một bộ phận nào đó của sản phẩm hàng năm hoàn toàn không được trao đổi - như trường hợp bản thân người sản xuất tiêu dùng chúng, hoặc như trường hợp không trao đổi lấy tiền - thì không thể tính đến bộ phận sản phẩm ấy, *vì đối với tiền, cái không được trao đổi lấy tiền cũng ở trong một tình trạng như trường hợp cái đó tuyệt nhiên không tồn tại*" (tr.132-133).

§8) Vậy cái gì điều tiết số lượng tiền tệ? "Việc chế tạo tiền tệ có thể xảy ra trong hai tình huống. Chính phủ có thể để cho tiền tệ tự do tăng hoặc giảm,

hoặc chính phủ tự mình điều tiết số lượng đó và làm cho nó nhiều hơn hoặc ít hơn theo ý của mình".

Trong trường hợp thứ nhất, "chính phủ mở cửa xưởng đúc tiền cho công chúng và tạo khả năng biến những thỏi kim loại quý của mình thành tiền đúc cho tất cả những ai muốn làm thế. Những người có các thỏi vàng bạc chỉ có thể muốn chuyển hoá chúng thành tiền trong trường hợp nếu việc đó đáp ứng lợi ích của họ, nghĩa là nếu các thỏi kim loại chuyển hoá thành tiền đúc có giá trị lớn hơn chúng có dưới hình thức trước của nó. Mà điều đó chỉ xảy ra khi tiền có giá trị đặc biệt, và cùng một số lượng kim loại đã đúc thành tiền có thể đổi lấy một số lượng hàng hoá khác nhiều hơn trường hợp trao đổi chúng lấy cùng thứ kim loại đó nhưng dưới dạng thỏi. Vì giá trị của tiền tệ phụ thuộc vào số lượng của chúng, nên chúng có giá trị lớn khi chúng có ít". Lúc đó xảy ra việc chuyển hoá các thỏi kim loại quý thành tiền đúc; nhưng chính nhờ sự tăng lên đó mà tỷ lệ trước đây được khôi phục. Do đó, nếu tiền tệ vượt giá trị của các thỏi kim loại, thì trong trường hợp tình hình diễn biến tự do, sự can thiệp của tư nhân khôi phục sự cân bằng bằng cách tăng số lượng tiền tệ lên (tr.134-136). "Còn nếu số lượng tiền tệ trong lưu thông nhiều đến mức giá trị của tiền tệ tự xuống thấp hơn giá trị của các thỏi kim loại thì tỷ lệ trước đây được khôi phục một cách y như vậy bằng việc chuyển hoá ngay lập tức tiền đúc thành các thỏi kim loại" (tr.136).

[XXV] "Như vậy, nếu số lượng tiền tệ tăng hoặc giảm một cách tự do, thì số lượng đó được điều tiết bằng *giá trị của kim loại tiền tệ*, vì tư nhân muốn sự tăng lên hoặc giảm xuống như vậy tùy thuộc vào việc giá trị của tiền tệ dưới hình thức tiền đúc vượt giá trị của chúng dưới hình thức thỏi, hay ngược lại" (tr.137). "Nhưng nếu *số lượng tiền tệ do giá trị của kim loại tiền tệ* quyết định, vậy thì cái gì quyết định giá trị đó? Vàng và bạc hay là những hàng hoá, những sản phẩm đòi hỏi phải sử dụng lao động và tư bản. Vì thế giá trị của vàng và bạc, cũng như giá trị của tất cả những sản phẩm khác, đều do chi phí sản xuất quyết định" (như trên).

Nói về sự cào bằng tiền tệ và giá trị của kim loại và mô tả chi phí sản xuất là yếu tố duy nhất quyết định giá trị, Min - cũng như trường phái Ri-các-đô nói chung - mắc một sai lầm

là nêu ra một *quy luật trừu tượng* mà không tính đến sự thay đổi và sự thường xuyên bị loại bỏ của quy luật đó, chỉ nhờ thế mà nó được thực hiện. Nếu chẳng hạn chi phí sản xuất, suy cho cùng, - hoặc nói đúng hơn, trong điều kiện có sự phù hợp giữa cầu và cung được thiết lập một cách thất thường, ngẫu nhiên - quyết định giá cả (giá trị) là một quy luật *bất biến*, thì hiện tượng không có sự phù hợp như thế và, do đó, giá trị và chi phí sản xuất không có mối quan hệ tất yếu với nhau cũng là một quy luật *bất biến* như thế. Cầu và cung chỉ phù hợp với nhau một thời gian nào đó, do những biến động trước đó của cầu và cung, do có sự không phù hợp giữa chi phí sản xuất và giá trị trao đổi; sự biến động đó và sự không phù hợp đó lại xảy ra tiếp sau sự phù hợp đã được thiết lập trong một thời gian nào đó. Sự vận động *thực tế* đó mà quy luật nói trên là yếu tố trừu tượng, ngẫu nhiên và phiến diện của nó - được các nhà kinh tế chính trị học hiện đại⁴ biến thành một điều ngẫu nhiên, thành cái không căn bản. Vì sao? Vì với những công thức chặt chẽ và chính xác mà họ quy kinh tế chính trị học vào, thì công thức cơ bản, nếu như họ muốn đưa ra lối diễn đạt trừu tượng cho sự vận động nói trên, ắt phải nói: trong kinh tế chính trị học, quy luật được xác định thông qua cực đối lập của nó, thông qua sự không có quy luật; quy luật đích thực của kinh tế chính trị học là *tính ngẫu nhiên* mà qua sự vận động của nó chúng ta, những nhà khoa học, tùy tiện ghi nhận những yếu tố riêng lẻ dưới hình thức các quy luật.-

Thể hiện rất đạt thực chất của vấn đề dưới dạng một khái niệm, Min xác định *tiền tệ* là *vật trung gian* của trao đổi. Bản chất của tiền tệ trước hết không phải là ở chỗ thông qua chúng sở hữu bị tha hoá, mà là ở cái đã bị *tha hoá* ở đây và trở thành thuộc tính của *vật thể vật chất* ở ngoài con người, thuộc tính của tiền tệ, là *hoạt động trung gian* hoặc sự vận động trung gian, là cái hành vi *của con người*, hành vi xã hội mà kết quả

là các sản phẩm của con người hoàn bù cho nhau. Tha hoá chính hoạt động trung gian đó, con người giờ đây chỉ có thể hành động như là đã đánh mất mình, là con người đã bị phi nhân hoá; bản thân việc *đặt* các sự vật vào mối quan hệ với nhau, việc con người vận dụng chúng đã trở thành việc vận dụng một bản chất nào đó ở bên ngoài con người và bên trên con người. Thay vì bản thân con người làm trung gian đối với con người, sự có mặt của *vật trung gian xa lạ* đó dẫn đến chỗ con người coi ý chí của bản thân mình, hoạt động của mình, quan hệ của mình với những người khác là một lực lượng độc lập với con người và với những người khác. Bằng cách đó địa vị nô lệ của con người đạt tới đỉnh điểm. Vì vật trung gian là *quyền lực thực tế* đối với cái mà nó làm trung gian với tôi, nên rõ ràng là *vật trung gian* ấy trở thành *vị thần thực tế*. Việc sùng bái vị thần đó trở thành mục đích tự thân. Những vật phẩm bị tách khỏi vật trung gian đó đã mất đi giá trị của mình. Do đó, chúng chỉ có giá trị trong chừng mực chúng *đại biểu* cho nó, trong khi lúc đầu tưởng rằng vật trung gian chỉ có giá trị trong chừng mực nó *đại biểu cho chúng*. Sự xoay chuyển ấy của quan hệ ban đầu là không tránh khỏi. Vì vậy *vật trung gian* đó là *bản chất* đã đánh mất chính mình, đã tha hoá của sở hữu tư nhân, sở hữu tư nhân ấy đã trở thành sở hữu bên ngoài, sở hữu tư nhân *đã tha hoá, sự trung gian đã tha hoá* của sản xuất của con người với sản xuất của con người, là hoạt động loài *đã tha hoá* của con người. Tất cả những thuộc tính của hoạt động sản xuất loài của con người vì vậy được chuyển sang vật trung gian đó. Do đó, vật trung gian đó trở nên *giàu hơn* bao nhiêu thì con người với tư cách là con người, nghĩa là tách khỏi vật trung gian đó, lại trở nên nghèo hơn bấy nhiêu.

Chúa Ky-tô lúc đầu là *người đại biểu*: 1) cho con người trước Chúa; 2) cho Chúa trước con người; 3) cho mọi người trước một người.

Tiền tệ cũng vậy, theo khái niệm về chúng, lúc đầu chúng đại biểu: 1) cho sở hữu tư nhân đối với sở hữu tư nhân; 2) cho xã hội đối với sở hữu tư nhân; 3) cho sở hữu tư nhân đối với xã hội.

Nhưng Ky-tô là vị Chúa *đã tha hoá* và là *con người* đã tha hoá. Giờ đây Chúa chỉ có ý nghĩa trong chừng mực Chúa đại biểu cho Ky-tô, con người giờ đây chỉ có ý nghĩa trong chừng mực con người đại biểu cho Ky-tô⁵. Với tiền tệ cũng y hệt như vậy.-

Vì sao sở hữu tư nhân nhất định phải phát triển thành *tiền tệ*? Vì con người, với tư cách là sinh vật có giao tiếp, nhất định phải đi tới *trao đổi* [XXV], còn trao đổi - trong điều kiện có sở hữu tư nhân với tư cách là tiền đề của nó - nhất định phải dẫn đến *giá trị*. Vấn đề là với tiền đề đó, sự vận động trung gian của con người tiến hành trao đổi không phải là sự vận động xã hội, sự vận động con người, nó không phải là *quan hệ con người*, đó là *mối quan hệ trừu tượng* của sở hữu tư nhân với sở hữu tư nhân, và mối quan hệ *trừu tượng* đó là *giá trị*. *Tiền tệ* chỉ là sự tồn tại thực tế của giá trị với tư cách là giá trị. Vì những con người tiến hành trao đổi lại quan hệ với nhau không phải với tư cách là những con người, nên cả bản thân *sự vật* cũng mất đi ý nghĩa là sở hữu của con người, sở hữu cá nhân. Quan hệ xã hội của sở hữu tư nhân với sở hữu tư nhân đã là mối quan hệ mà trong đó sở hữu tư nhân đã tha hoá khỏi chính mình. Vì vậy sự tồn tại độc lập của mối quan hệ đó - tiền tệ - là sự tha hoá của sở hữu tư nhân, là sự trừu tượng hoá bản chất, *đặc thù*, cá nhân của nó.-

Vì thế, sự đối lập của kinh tế chính trị học hiện đại đối với hệ thống tiền tệ, système montétaire⁶, không thể dẫn tới thắng lợi có tính chất quyết định của kinh tế chính trị học hiện đại, mặc dù nó làm ra bộ rất thông minh, vì nếu sự mê tín thô thiển của nhân dân và của các chính phủ, trên phương

diện kinh tế chính trị học, bám chặt cái vật thể *cảm tính, rõ rệt, đập vào mắt* là tui tiền, và vì thế tin vào giá trị tuyệt đối của các kim loại quý và coi việc sở hữu các kim loại quý là sự giàu có thực tế và nếu sau đó có một nhà kinh tế chính trị học có học thức, có học vấn thế tục đến và chứng minh cho họ rằng tiền tệ cũng là hàng hoá như mọi hàng hoá khác, và do đó giá trị của chúng, cũng như giá trị của bất cứ hàng hoá nào khác, phụ thuộc vào mối quan hệ của chi phí sản xuất đối với số cầu (cạnh tranh) và số cung, đối với số lượng hoặc sức cạnh tranh của những hàng hoá khác, - thì người ta phản bác nhà kinh tế chính trị học đó một cách xác đáng rằng giá trị *thực tế* của các vật vẫn là *giá trị trao đổi* của chúng, rằng giá trị trao đổi của chúng suy cho cùng tồn tại trong tiền tệ, còn tiền tệ thì tồn tại trong các kim loại quý và, do đó, tiền tệ là giá trị *đích thực* của các vật và vì thế là vật đáng mong muốn nhất. Hơn nữa, các học thuyết của nhà kinh tế chính trị học có kiến thức nhất rồi cuộc tự chúng quy tụ thành sự uyên thâm đó, chỉ có khác là nhà kinh tế chính trị học am hiểu có năng lực trừu tượng hoá, cho phép ông ta nhận biết sự tồn tại của tiền tệ trong tất cả mọi hình thức của hàng hoá và do vậy làm cho ông ta thoát khỏi niềm tin vào giá trị tuyệt đối của sự tồn tại kim loại chính thức của chúng. - Sự tồn tại kim loại của tiền tệ chỉ là biểu hiện chính thức được cảm nhận bằng cảm tính của cái linh hồn tiền tệ xuyên suốt tất cả mọi khâu của nền sản xuất và tất cả mọi sự vận động của xã hội tư sản.

Sự đối lập của kinh tế chính trị học hiện đại đối với hệ thống tiền tệ chỉ là ở chỗ nó nắm *bản chất tiền tệ* trong tính trừu tượng và tính phổ biến của nó và vì thế vươn lên cao hơn so với hình thức *cảm tính* của lòng mê tín cho rằng bản chất đó chỉ tuyệt đối tồn tại trong các kim loại quý mà thôi. Nó đặt sự mê tín tinh vi thay cho sự mê tín thô thiển đó. Nhưng vì cả hai về thực chất đều có cùng một gốc rễ, nên hình thức

có học vấn của sự mê tín không lấn át nổi hoàn toàn hình thức cảm tính thô thiển của nó, vì cái bị phê phán không phải là bản chất của sự mê tín, mà chỉ là một hình thức xác định của bản chất đó.

Tồn tại *cá tính* của tiền tệ với tư cách là tiền tệ - chứ không chỉ với tư cách là mối quan hệ nội tại, tồn tại trong nó, tiềm ẩn của các hàng hoá với nhau trong quá trình lưu thông hoặc trao đổi của chúng, - tồn tại đó càng phù hợp với bản chất của tiền tệ nếu tự chúng càng trừu tượng, nếu chúng có quan hệ *tự nhiên* càng ít với những hàng hoá khác, nếu chúng càng biểu hiện ra là sản phẩm và đồng thời không phải là sản phẩm của con người, nếu yếu tố tồn tại của chúng là *yếu tố đã tăng tự nhiên* với mức độ càng ít, nếu chúng được con người tạo ra với mức độ càng ít hoặc, nói theo ngôn ngữ của kinh tế chính trị học, nếu mối quan hệ *ngược chiều của giá trị trong tư cách tiền tệ* đối với giá trị trao đổi hoặc với giá trị tiền tệ của vật liệu trong đó chúng tồn tại, càng lớn. Vì vậy *tiền giấy* và vô vàn *đại diện bằng giấy của tiền tệ* (như: kỳ phiếu, séc, trái phiếu, v.v.) là tồn tại *hoàn hảo hơn của tiền tệ với tư cách tiền tệ* và là yếu tố cần thiết trong sự phát triển tiến lên của tiền tệ.

Trong *hệ thống tín dụng* - mà biểu hiện hoàn chỉnh của nó là *hệ thống ngân hàng* - có cái vẻ dường như quyền lực của sức mạnh vật chất xa lạ đó đã bị phá vỡ, quan hệ tự tha hoá đã được lột bỏ và con người lại ở vào các quan hệ con người với con người. Phái *Xanh-Xi-mông bị vẻ ngoài* đó đánh lừa đã coi sự phát triển của tiền tệ, kỳ phiếu, tiền giấy, đại diện bằng giấy của tiền tệ, *tín dụng và hệ thống ngân hàng* là những nấc thang khác phục sự tách rời của con người với vật, của tư bản với lao động, của sở hữu tư nhân với tiền tệ, của tiền tệ với con người, sự tách rời của con người với con người. Vì vậy lý tưởng của họ là *hệ thống ngân hàng có tổ chức*. Nhưng đó chỉ là *vẻ bề ngoài* của việc khắc phục [XXVI] sự tha hoá,

của việc con người *trở về* với chính mình, và do đó, với người khác; đó càng là sự tha hoá, sự phi nhân hoá *hèn hạ* hơn và *cực đoan* hơn, vì yếu tố của nó không còn là hàng hoá, không còn là kim loại, không còn là tiền giấy nữa, mà là tồn tại *tinh thần*, tồn tại *xã hội*, *đời sống nội tại* của bản thân con người, và điều đó càng đáng ghét, vì ở đây, dưới cái vẻ sự *tin cậy* của con người đối với con người ẩn giấu sự *không tin cậy* nghiêm trọng nhất và sự tha hoá đầy đủ nhất.

Cái gì là bản chất của *tín dụng*? Ở đây chúng ta hoàn toàn trừu tượng hoá *nội dung* của tín dụng mà nội dung đó lại vẫn là tiền tệ. Do đó, chúng ta trừu tượng hoá *nội dung* của sự tin cậy đó của người này đối với người khác, khi một người *thừa nhận* người khác bằng việc cho anh ta vay những giá trị này hay những giá trị khác, - trong trường hợp may mắn, nếu anh ta không đòi hỏi trả tiền về việc cho vay, nghĩa là anh ta không phải là người cho vay nặng lãi - và tặng cho người người đồng loại của mình sự tin cậy của mình xuất phát từ giả định rằng người đồng loại đó không phải là kẻ bịp bợm, mà là một người "đứng đắn". Cũng giống như Sây-lốc, người tặng sự tin cậy của mình, hiểu người "đứng đắn" là người "có khả năng thanh toán".

Tín dụng có được khi có hai mối quan hệ và với hai điều kiện khác nhau. Hai mối quan hệ đó là: người giàu cho người nghèo vay, người - mà anh ta coi là siêng năng và đáng tin cậy. Loại tín dụng này thuộc lĩnh vực lãng mạn, đa cảm của kinh tế chính trị học, thuộc những điều lảm lạc, những điều thái quá, *những ngoại tệ* của nó - không phải thuộc *thông lệ*. Nhưng thậm chí nếu giả định có ngoại lệ đó, nếu cho là có khả năng lãng mạn đó, thì đối với người giàu, *cái đảm bảo* hoàn trả tiền vay và bản thân đời sống của người nghèo, tài năng và hoạt động của anh ta; nói cách khác, tất cả mọi đức hạnh xã hội của người nghèo, toàn bộ nội dung hoạt động sống của anh ta, bản thân sự tồn tại của anh ta, trong con mắt của người

giàu, là nhân tố bảo đảm hoàn trả tư bản của người giàu cùng với lợi tức thông thường. Vì vậy, cái chết của người nghèo được người cấp tín dụng coi là điều tồi tệ nhất. Đó là cái chết của tư bản của người cấp tín dụng cùng với số lợi tức. Hãy nghĩ mà xem, có bao nhiêu điều thấp hèn trong *sự đánh giá* con người thông qua *đồng tiền* như vậy, sự đánh giá ấy chứa đựng trong các quan hệ tín dụng! Đồng thời đương nhiên là ngoài những đảm bảo *tinh thần* ra, người cho vay còn có cả đảm bảo cưỡng bức *pháp lý* cũng như những đảm bảo ít nhiều *thực tế* đối với người mà anh ta cho vay. Còn nếu bản thân người đi vay khá giả thì *tín dụng* chỉ là vật trung gian làm cho việc trao đổi được dễ dàng, có nghĩa là cũng trở thành *tiền tệ*, có điều là đã được nâng lên thành hình thức hoàn toàn *lý tưởng*.

Tín dụng là sự xét đoán *trên góc độ kinh tế chính trị học* đối với *đạo đức* của con người. Trong tín dụng, thay vì kim loại hoặc chứng khoán, vật *trung gian* của trao đổi là bản thân *con người*, nhưng không phải với tư cách là con người, mà với tư cách là *tồn tại của tư bản này hay tư bản khác* và lợi tức. Như vậy, cái làm trung gian cho trao đổi đã thực sự quay trở về và di chuyển ngược trở lại, từ hình thức vật chất của mình trở lại con người, nhưng chỉ vì bản thân con người đã dịch chuyển mình ra bên ngoài và đã trở thành một hình thức vật chất bên ngoài nào đó. Trong các quan hệ tín dụng, không phải tiền tệ bị con người loại bỏ, mà bản thân con người đã chuyển hoá thành *tiền tệ*, hoặc tiền tệ *có được*, trong con người, *thể xác* của mình. *Cá tính con người, đạo đức* con người tự chúng đã trở thành đối tượng mua bán và đã trở thành *vật liệu* trong đó tiền tệ tồn tại. Vật chất, thể xác của linh hồn *tiền tệ* không còn là tiền tệ, không còn là chứng khoán nữa, mà là tồn tại cá nhân của bản thân tôi, là máu thịt của tôi, đức hạnh và danh giá xã hội của tôi. Tín dụng đặt giá trị tiền tệ không phải vào tiền tệ nữa, mà là vào máu thịt con người và vào trái tim con người. Điều đó cho thấy sự tiến bộ và mọi sự không

triệt để, trong khuôn khổ một hệ thống sai lệch, hoá ra là sự thoái bộ hết sức to lớn và sự triệt để hết sức to lớn của sự hèn hạ đến mức độ nào.

Trong khuôn khổ chế độ tín dụng, bản chất tha hoá khỏi con người của nó có được hai sự khẳng định dưới dạng sự thừa nhận cao nhất trên góc độ kinh tế chính trị đối với con người: 1) Sự đối lập giữa nhà tư bản và công nhân, giữa nhà tư bản lớn và nhà tư bản nhỏ trở nên càng lớn hơn, vì tín dụng chỉ cung cấp cho người đã là người có của, và vì tín dụng đó đem lại cho người giàu cơ hội mới để tích lũy. Còn đối với người nghèo thì anh ta thấy *toàn bộ* sự tồn tại của mình được khẳng định hoặc bị phủ định trong bản án tùy tiện mà người giàu đưa ra cho anh ta, vì toàn bộ sự tồn tại của người nghèo hoàn toàn phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên đó; 2) Sự giả dối và sự lừa bịp đối với nhau đi tới chỗ là người bị mất tín dụng không chỉ nhận bản án đơn giản về sự nghèo nàn của anh ta, mà cả bản án tinh thần về việc anh ta không đáng được tin cậy, cũng không đáng được thừa nhận, và do đó, là một người cùng khổ xã hội, người xấu. Thêm vào những thiếu thốn của mình, người nghèo còn phải nhận cả sự hạ thấp này; anh ta buộc phải nhục nhã *xin vay* người giàu. [XXVII] 3) Do sự tồn tại hoàn toàn *lý tưởng* đó của tiền tệ mà giờ đây nạn *làm tiền giả* có thể do con người tiến hành không phải bằng vật liệu khác nào đó, mà chỉ bằng nhân cách của bản thân mình: bản thân con người buộc phải biến mình thành đồng tiền giả, lừa đoạt tín dụng bằng sự xảo trá, bằng sự lừa dối v.v., và những quan hệ tín dụng ấy - từ phía người cung cấp sự tin cậy, cũng như từ phía người cần đến sự tin cậy ấy - trở thành đối tượng mua bán, đối tượng của sự lừa gạt và lạm dụng nhau. Ở đây đồng thời bộc lộ hoàn toàn rõ ràng là cơ sở của sự tin cậy kinh tế chính trị ấy là tình trạng *không có sự tin cậy*: việc suy nghĩ ngờ vực và có tính toán - cho vay hay không cho vay; theo dõi những bí mật của đời sống cá nhân v.v. của người

đi tìm tín dụng; tiết lộ những thất bại tạm thời của người đó để bất ngờ làm chấn động sự tín nhiệm của anh ta, gạt bỏ đối thủ cạnh tranh, v.v.. Cả một hệ thống những vụ phá sản, những doanh nghiệp ma v.v.. Trong *tín dụng quốc gia*, tình hình của nhà nước cũng hoàn toàn giống như tình hình của từng người riêng lẻ, như đã trình bày ở trên... Trong sự đầu cơ chứng khoán nhà nước ta thấy bộc lộ việc nhà nước đã biến thành đồ chơi của những kẻ đầu cơ v.v. đến mức độ nào.

4) Cuối cùng, *hệ thống tín dụng* được hoàn tất trong *ngành ngân hàng*. Sự thống trị của ngân hàng do các chủ ngân hàng tạo ra trong nhà nước, sự tích tụ của cải trong tay các chủ ngân hàng, trong tay cái *toà án tối cao* kinh tế chính trị ấy của dân tộc, là sự hoàn tất xứng đáng của tiền tệ.

Vì trong hệ thống tín dụng, *sự thừa nhận tinh thần đối với con người*, cũng như *sự tin cậy đối với nhà nước*, v.v. đã mang hình thức *tín dụng*, nên bí mật chứa đựng trong sự giả dối của sự thừa nhận tinh thần, sự hèn hạ *vô đạo đức* của tính đạo đức ấy, cũng như sự giả dối và thói ích kỷ tạo thành cơ sở của sự tin cậy nói trên đối với nhà nước, bộc lộ ra ngoài và phơi bày bản chất thực tế của nó.

Trao đổi - trao đổi hoạt động con người bên trong bản thân nên sản xuất, cũng như trao đổi *các sản phẩm của con người* - đồng nghĩa với *hoạt động loài* và tinh thần loài mà tồn tại thực tế, được nhận thức và đích thực của chúng là hoạt động *xã hội* và sự hưởng lạc *xã hội*. Vì bản chất *con người* là *mối liên hệ xã hội đích thực* giữa người và người nên trong quá trình tích cực thực hiện *bản chất* của mình, con người *tạo ra*, sản sinh ra *mối liên hệ xã hội* của con người, sản sinh ra bản chất xã hội mà bản chất xã hội này không phải là một lực lượng trừu tượng phổ biến nào đó đối lập với từng cá nhân, mà là bản chất của từng cá nhân riêng lẻ, là hoạt động, là đời sống, là sự hưởng lạc, là sự giàu có của bản thân cá nhân ấy. Vì

thế, *mối liên hệ xã hội chân chính* nói trên nảy sinh không phải do phản tự; nó biểu hiện ra là sản phẩm của *nhu cầu* và *thói ích kỷ* của các cá nhân, có nghĩa là sản phẩm trực tiếp của việc các cá nhân tích cực thực hiện tồn tại của chính mình. Có hay không có mối liên hệ xã hội ấy, điều đó không phụ thuộc vào con người; nhưng chừng nào con người không thừa nhận mình là con người và vì thế mà không tổ chức thế giới theo cách của con người, thì *mối liên hệ xã hội* ấy, biểu hiện ra dưới hình thức *sự tha hoá*. Vì *chủ thể* của mối liên hệ xã hội ấy, con người, là một sinh vật đã tha hoá khỏi chính mình. Những con người - không phải trong khái niệm trừu tượng, mà là trong tư cách những cá nhân thực tế, sống động, đặc biệt - là cộng đồng đó. Các cá nhân *như thế nào* thì bản thân mối liên hệ xã hội đó như thế ấy. Vì vậy những luận điểm đồng nhất là những luận điểm cho rằng *con người* tha hoá khỏi chính mình, rằng *xã hội* của con người tha hoá ấy là sự biếm họa *mối liên hệ xã hội thực tế* của con người ấy, đời sống loài của anh ta; rằng do đó mà hoạt động của anh ta hoá ra là một nỗi đau khổ, sản phẩm của bản thân anh ta hoá ra là một lực lượng xa lạ với anh ta, sự giàu có của anh ta hoá ra là sự nghèo nàn của anh ta, *mối liên hệ bản chất* liên kết anh ta với người khác hoá ra là mối liên hệ không căn bản và ngược lại, sự tách biệt của anh ta với người khác hoá ra là tồn tại đích thực của anh ta; rằng đời sống của anh ta hoá ra là sự hy sinh đời sống của anh ta, sự thực hiện bản chất của anh ta hoá ra là tính không có thực của đời sống anh ta, sự sản xuất của anh ta hoá ra là sản xuất sự không tồn tại của anh ta, quyền lực của anh ta đối với đồ vật hoá ra là quyền lực của đồ vật đối với anh ta, còn bản thân anh ta, chúa tể của vật do mình sáng tạo ra, hoá ra là nô lệ của vật được tạo ra đó.

Kinh tế chính trị học xem xét *mối liên hệ xã hội giữa người và người*, hoặc bản chất *con người* được thực hiện một cách tích cực của họ, sự bổ sung cho nhau của họ trong đời sống

loài, trong đời sống đích thực con người dưới hình thức *trao đổi và mua bán*.

Đe-xuyt Đờ To-ra-xi nói: "*Xã hội là một chuỗi những sự trao đổi với nhau... Nó chính là sự vận động liên kết với nhau ấy*". A-đam Xmít nói: "*Xã hội là một hội thương mại. Mỗi thành viên của nó là một thương nhân*"⁷.

Như ta thấy, hình thức *tha hoá* đó của sự giao tiếp xã hội được kinh tế chính trị học *ghi nhận* với tư cách là hình thức *căn bản* và *khởi đầu* và với tư cách là hình thức phù hợp với sứ mệnh của con người.

[XXVIII] Kinh tế chính trị học - cũng như sự vận động thực tế - xuất phát từ *quan hệ của con người với con người* với tư cách là *quan hệ của người sở hữu tư nhân với người sở hữu tư nhân*. Nếu con người được giả định là *người sở hữu tư nhân*, do đó nghĩa là người chiếm hữu đặc biệt mà thông qua sự chiếm hữu đặc biệt đó đã khẳng định nhân cách của mình và làm cho mình khác với những người khác, đồng thời có quan hệ với họ - *sở hữu tư nhân* là tồn tại cá nhân của anh ta, *phân biệt* anh ta, do đó là tồn tại căn bản của anh ta, - thì *sự mất đi*, hoặc *sự xoá bỏ* *sở hữu tư nhân* là *sự tha hoá của con người* và của chính *sở hữu tư nhân*. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến định nghĩa nói sau cùng này. Nếu tôi từ bỏ *sở hữu tư nhân* của mình làm lợi cho người khác nào đó, thì *sở hữu* ấy không còn là *của tôi* nữa; nó trở thành một vật độc lập với tôi, ở *ngoài* môi trường của tôi, một vật bên ngoài đối với tôi. Do đó, tôi *chuyển nhượng* *sở hữu tư nhân* của tôi. Qua đó, đối với tôi, tôi coi nó là *sở hữu tư nhân đã tha hoá*. Nhưng nếu tôi đơn thuần *chuyển nhượng* *sở hữu tư nhân* của tôi đối với bản thân mình, thì tôi coi nó chỉ là vật *đã tha hoá* nói chung, tôi chỉ gạt bỏ quan hệ *cá nhân* của tôi với nó, tôi trả nó cho các thế lực *tự phát* của tự nhiên chi phối. Vật chỉ trở thành *sở hữu tư nhân tha hoá* khi nó không còn là *sở hữu tư nhân của tôi* nữa, nhưng không phải vì thế mà nói chung không còn là

sở hữu tư nhân nữa, nghĩa là khi nó bước vào mối quan hệ y như vậy với một người *khác* nào đó ở ngoài tôi, như nó đã từng ở trong quan hệ đó với tôi, nói cách khác, - khi nó trở thành sở hữu tư nhân của một người *khác* nào đó. Nếu loại trừ các trường hợp *bạo lực* - vậy làm sao tôi đi tới chỗ buộc phải chuyển nhượng sở hữu của tôi cho một người khác? Kinh tế chính trị học trả lời đúng: do *cần thiết*, do *nhu cầu*. Người khác cũng là nguồn sở hữu tư nhân, nhưng là người sở hữu một vật *khác* nào đó mà tôi cần, mà tôi không thể hoặc không muốn thiếu nó, tôi coi nó là một đối tượng của *nhu cầu*, một vật cần thiết để hoàn thiện tồn tại của tôi và để thực hiện bản chất của tôi.

Mối liên hệ làm cho hai người sở hữu tư nhân có quan hệ với nhau, là *bản chất đặc thù của vật phẩm*, vốn là vật chất của sở hữu tư nhân của họ. Lòng ham mê muốn có hai vật phẩm, nghĩa là nhu cầu về chúng, chỉ ra cho mỗi người sở hữu tư nhân thấy, bắt anh ta phải ý thức được rằng ngoài quan hệ sở hữu tư nhân với các vật phẩm ra, anh ta còn ở trong một mối quan hệ *căn bản* khác nữa với chúng, rằng anh ta không phải là một sinh vật tách biệt mà anh ta coi mình là như thế, mà là một sinh vật *tổng thể* mà nhu cầu của sinh vật ấy có quan hệ sở hữu *nội tại* cả với các sản phẩm lao động của một người khác, vì nhu cầu về một vật phẩm nào đó là bằng cứ rõ rệt nhất, xác đáng nhất chứng minh rằng vật phẩm ấy thuộc về bản chất *của tôi*, rằng đối với tôi tồn tại của nó, *sự sở hữu* nó là sự sở hữu và tính độc đáo của bản chất của tôi. Như vậy, cả hai người sở hữu đều từ bỏ sở hữu tư nhân của mình, nhưng từ bỏ theo cách họ đồng thời khẳng định sự sở hữu tư nhân, hoặc từ bỏ nó trong khuôn khổ quan hệ sở hữu tư nhân. Do đó, mỗi người đều chuyển nhượng một phần sở hữu tư nhân của mình cho người kia.

Do đó, mối liên hệ *xã hội*, hay là mối quan hệ *xã hội*, của cả hai người sở hữu tư nhân hoá ra là *sự chuyển nhượng cho*

nhau sở hữu tư nhân, là quan hệ chuyển nhượng từ cả hai phía, hoặc là *sự chuyển nhượng* với tư cách là mối quan hệ của cả hai người sở hữu tư nhân, trong khi trong sở hữu tư nhân giản đơn, *sự chuyển nhượng* chỉ còn là sự chuyển nhượng một phía, chỉ còn đối với mình mà thôi.

Do vậy, *trao đổi, tức thương mại trao đổi*, là một hành vi xã hội, hành vi loài, là mối liên hệ xã hội, sự giao tiếp và liên kết xã hội của những con người trong khuôn khổ *sở hữu tư nhân*, và vì thế là một hành vi bên ngoài, hành vi loài *tha hoá*. Chính vì thế mà nó biểu hiện ra là *thương mại trao đổi*. Do vậy nó đồng thời cũng là cực đối lập với quan hệ *xã hội*.

Nhờ sự chuyển nhượng sở hữu tư nhân qua lại mà bản thân *sở hữu tư nhân* có được tính quy định của sở hữu tư nhân *tha hoá*. Thứ nhất, vì nó không còn là sản phẩm lao động của người chủ của sở hữu đó, là biểu hiện đặc biệt của cá nhân anh ta, vì anh ta chuyển nhượng nó, thành thủ sở hữu đó rời khỏi người chủ mà nó đã từng là sản phẩm của người đó và có được ý nghĩa cá nhân đối với người mà nó *không phải* là sản phẩm. Sở hữu tư nhân đã mất ý nghĩa cá nhân đối với người chủ. Thứ hai, nó được đặt trong mối quan hệ với một sở hữu tư nhân khác, được so ngang bằng với nó. Vị trí của nó do sự sở hữu tư nhân về một vật phẩm *khác* chiếm giữ, cũng như bản thân nó đã thay thế sự sở hữu tư nhân về một vật phẩm *khác*. Do đó, từ cả hai phía sở hữu tư nhân biểu hiện ra là đại biểu cho sự sở hữu tư nhân về một vật phẩm khác, như là cái *ngang bằng* với một sản phẩm *khác* nào đó có những thuộc tính tự nhiên khác, và cả hai bên sẽ có quan hệ với nhau theo cách mỗi bên đều đại biểu cho tồn tại của *bên kia* và cả hai bên đều quan hệ với nhau như là những *người thay thế* cho chính mình và cho tồn tại khác của mình. Vì thế tồn tại của bản thân sở hữu tư nhân đã trở thành tồn tại của nó với tư cách *vật thay thế, vật ngang giá*. Thay vì sự thống nhất trực

tiếp của nó đối với chính mình, nó giờ đây biểu hiện ra chỉ là mối quan hệ với một *cái khác* nào đó. Tồn tại của nó với tư cách là *vật ngang giá* không còn là tồn tại của nó tạo thành tính độc đáo của nó nữa. Vì vậy, nó trở thành *giá trị* và *giá trị trao đổi* trực tiếp. Tồn tại của nó với tư cách *giá trị* là tính quy định [XXIX] *của chính nó*, khác với tồn tại trực tiếp của nó là cái bên ngoài đối với bản chất đặc thù của nó, là tính quy định *đã tha hoá*, chỉ là một tồn tại *tương đối* nào đó.

Giá trị đó được xác định chi tiết hơn như thế nào và nó chuyển hoá thành *giá cả* như thế, thì cần phải xem xét điều này ở một chỗ khác.

Quan hệ trao đổi giả định rằng *lao động* trở thành *lao động trực tiếp vì tiền công*. Quan hệ lao động tha hoá đó đạt tới đỉnh cao chỉ do 1) một mặt, *lao động vì tiền công* - và sản phẩm của công nhân - không có quan hệ *trực tiếp* nào với nhu cầu của người công nhân và với *thiên chức lao động* của anh ta, mà cả với ý nghĩa này lẫn ý nghĩa kia, do những sự kết hợp xã hội xa lạ với người công nhân quyết định; 2) người *mua* sản phẩm tự mình chẳng sản xuất gì cả, mà chỉ trao đổi cái mà người khác sản xuất ra. Dưới hình thức thô thiển của sở hữu tư nhân *đã tha hoá* được nhắc đến ở trên, trong *thương mại trao đổi*, mỗi người trong hai người sở hữu tư nhân đều sản xuất ra cái mà nhu cầu của anh ta, sở trường của anh ta và vật liệu tự nhiên có sẵn trực tiếp thúc đẩy anh ta hướng đến. Vì thế mỗi người chỉ trao đổi phần sản phẩm thừa của mình. Tất nhiên, lao động là *nguồn sống* trực tiếp của người lao động, nhưng đồng thời nó cũng là sự thực hiện tích cực *tồn tại cá nhân* của anh ta. Nhờ trao đổi mà *lao động* của anh ta một phần trở thành *nguồn thu nhập*. Mục đích của lao động và tồn tại của nó đã trở nên khác nhau. Sản phẩm được sản xuất ra với tư cách là *giá trị*, là *giá trị trao đổi*, là *vật ngang giá*, chứ không phải vì quan hệ cá nhân trực tiếp của

nó với người sản xuất. Sản xuất càng đa diện, có nghĩa là - một mặt, nhu cầu càng trở nên đa diện và, mặt khác, công việc mà người sản xuất thực hiện càng phiến diện thì lao động của anh ta rơi vào phạm trù *lao động vì tiền công* với mức độ càng lớn hơn cho đến khi cuối cùng toàn bộ ý nghĩa của lao động của anh ta quy thành lao động vì tiền công và trở nên hoàn toàn *ngẫu nhiên* và *không căn bản*, dù người sản xuất có quan hệ tiêu dùng trực tiếp và quan hệ nhu cầu cá nhân trực tiếp với sản phẩm của mình hay không và đối với anh ta, *hoạt động* của anh ta, việc tiến hành bản thân lao động có phải là sự thoả mãn của cá nhân anh ta, có phải là sự thực hiện các tư chất bẩm sinh và các mục đích tinh thần của anh ta hay không.

Trong *lao động vì tiền công* chứa đựng: 1) sự tha hoá và tính ngẫu nhiên của lao động đối với chủ thể lao động; 2) sự tha hoá và tính ngẫu nhiên của lao động đối với đối tượng của nó; 3) sự thật là chức năng của người công nhân do các nhu cầu xã hội quyết định, song các nhu cầu đó xa lạ với anh ta và anh ta buộc phải phục tùng, do nhu cầu vị kỷ, do cần thiết, và đối với anh ta chúng có ý nghĩa chỉ là nguồn thoả mãn những nhu cầu trực tiếp của anh ta, cũng như đối với xã hội, bản thân anh ta có ý nghĩa chỉ là nô lệ của các nhu cầu của xã hội; 4) sự thật là đối với người công nhân, việc duy trì tồn tại cá nhân của anh ta biểu hiện ra là *mục đích* hoạt động của anh ta, còn đối với anh ta thì công việc thực tế của anh ta chỉ có ý nghĩa là một phương tiện; thành thử anh ta sống chỉ để kiếm *tư liệu sinh hoạt* cho mình.

Do đó, sự hùng mạnh của xã hội trong khuôn khổ các quan hệ sở hữu tư nhân mà càng lớn và càng đa dạng, thì con người trở nên càng *vị kỷ*, càng ít chất xã hội, càng tha hoá khỏi bản chất xã hội của mình.

Giống như sự trao đổi qua lại các sản phẩm của *hoạt động con người* biểu hiện ra như là *thương mại trao đổi*, là *sự buôn bán* [Schcher]⁸, sự bổ sung cho nhau và sự trao đổi chính hoạt động với nhau biểu hiện ra là *sự phân công lao động* làm cho con người trở thành một sinh vật hết sức trừu tượng, thành chiếc máy tiện v.v., biến con người thành quái thai tinh thần và thể chất.

Chính là *sự thống nhất* của lao động con người giờ đây chỉ được coi là *sự phân công*, vì bản chất xã hội chỉ được tồn tại dưới hình thức mặt đối lập của nó, dưới hình thức sự tha hoá. Cùng với nền văn minh, cả *sự phân công lao động* cũng phát triển.

Với tiền đề phân công lao động, sản phẩm, vật liệu của sở hữu tư nhân, ngày càng có ý nghĩa là *vật ngang giá* đối với từng người, và vì giờ đây cái họ trao đổi không còn là *số dư thừa* của mình nữa, mà là vật phẩm anh ta sản xuất ra, đối với anh ta có thể hoàn toàn *thế nào cũng được*, nên anh ta cũng không còn trao đổi sản phẩm của mình trực tiếp lấy vật phẩm anh ta *cần* nữa. Vật ngang giá có được sự tồn tại của mình là vật ngang giá thông qua *tiền tệ*, mà giờ đây tiền tệ là kết quả trực tiếp của lao động vì tiền công và là *vật trung gian* của trao đổi (xem ở trên).

Trong *tiền tệ*, với sự thờ ơ hoàn toàn của chúng đối với bản chất của vật liệu, nghĩa là đối với vật chất đặc thù của sở hữu tư nhân, cũng như đối với cá nhân người sở hữu tư nhân, - ta thấy bộc lộ sự thống trị bao trùm mọi mặt của vật đã tha hoá *đối với* con người. Cái đã biểu hiện ra là sự thống trị của cá nhân đối với cá nhân, thì giờ đây là sự thống trị phổ biến của *vật* đối với *cá nhân*, của sản phẩm đối với sản xuất. Nếu trong *vật ngang giá*, trong *giá trị* chứa đựng tính quy định của *sự tha hoá* sở hữu tư nhân, thì trong *tiền tệ*, *sự tha hoá* đó có được sự tồn tại cảm tính, thậm chí sự tồn tại vật chất.

[XXX] Rõ ràng là kinh tế chính trị học có khả năng hiểu toàn bộ sự phát triển ấy chỉ như một sự thực nào đó, một sản phẩm con đẻ của nhu cầu ngẫu nhiên.

Sự tách rời của lao động khỏi chính mình đồng nghĩa với sự tách rời của công nhân khỏi nhà tư bản, sự tách rời của lao động khỏi tư bản mà hình thức ban đầu của nó phân thành *sở hữu ruộng đất và sở hữu động sản*... Tính quy định ban đầu của sở hữu tư nhân là sự độc quyền; vì thế khi sở hữu tư nhân tìm được thể chế chính trị, thể chế đó là thể chế của độc quyền. Sự độc quyền hoàn tất là sự cạnh tranh. Đối với nhà kinh tế chính trị học, *sản xuất, tiêu dùng* và vật trung gian giữa chúng tức là *trao đổi và phân phối*, tồn tại tách biệt. Sự chia tách sản xuất và tiêu dùng, hoạt động và tinh thần giữa những cá nhân khác nhau và trong cùng một cá nhân là sự *tách rời lao động khỏi đối tượng* của nó và khỏi chính mình với tư cách là tinh thần. *Phân phối* là sức mạnh tích cực thực hiện mình của sở hữu tư nhân. - Sự tách rời của lao động, tư bản và sở hữu ruộng đất khỏi nhau, cũng như sự tách rời của lao động này khỏi lao động khác, của tư bản này khỏi tư bản khác, của sở hữu ruộng đất này khỏi sở hữu ruộng đất khác và, cuối cùng, sự tách rời lao động khỏi sự trả công, sự tách rời của tư bản khỏi lợi nhuận, của lợi nhuận khỏi lợi tức, cuối cùng, của sở hữu ruộng đất khỏi địa tô - đã dẫn đến chỗ sự tự tha hoá biểu hiện ra dưới hình thức sự tự tha hoá, cũng như dưới hình thức sự tha hoá lẫn nhau.

Giờ đây chúng ta giả định trường hợp chính phủ muốn ấn định sự tăng hoặc giảm của tiền tệ. "Nếu nó muốn giữ số lượng tiền tệ ở mức đảm bảo cho tình hình diễn biến tự do, thì giá trị của vàng chuyển hoá thành tiền tăng lên, và vì thế mọi người đều muốn chuyển hoá các thỏi vàng của mình thành tiền đúc. Trong trường hợp này nảy sinh việc đúc tiền bí mật, và chính phủ buộc phải chặn đứng nó bằng cách phạt. Nếu chính phủ muốn giữ số lượng tiền tệ *cao hơn* mức cần thiết, thì nó hạ thấp giá trị của chúng, và lúc đó ai ai cũng cố gắng nấu tiền thành

thời, để chống lại việc này biện pháp duy nhất vẫn là trừng phạt. Song hy vọng kiếm lợi nhuận đã thắng nỗi sợ hãi trước sự trừng phạt" (tr.137-138).

§9) "Nếu hai cá nhân nợ nhau 100 pao xtéc-ling, thì thay vì thanh toán với nhau, họ chỉ cần trao đổi những giấy cam kết với nhau là đủ. Tình hình giữa các dân tộc cũng y hệt như vậy. Do đó mới có kỳ *phiếu*, và lại chúng càng trở nên cần thiết vào lúc mà chính sách thiếu am hiểu đã cấm và nghiêm khắc trừng phạt *việc xuất khẩu* kim loại quý" (tr.142, [143-144]).

§10) Việc giảm tiêu dùng *phi sản xuất* nhờ tiền giấy (tr.146 và những trang tiếp theo).

§11) "Những điều bất tiện đi đôi với việc sử dụng tiền giấy là: 1) Những người sản xuất tiền giấy *trốn tránh* việc thực hiện cam kết của mình, 2) Làm tiền giả, 3) Thị giá tiền tệ, sự thay đổi của thị giá" (tr.149).

§12) Kim loại quý là hàng hoá. "Người ta chỉ xuất khẩu những hàng hoá mà ở nước xuất khẩu chúng ít đắt hơn là ở nước nhập khẩu chúng, người ta chỉ nhập khẩu những hàng hoá mà ở nước nhập khẩu chúng đắt hơn là ở nước xuất khẩu chúng". Như vậy, "việc nên nhập khẩu hay xuất khẩu các kim loại quý, điều đó phụ thuộc vào giá trị của chúng ở trong nước" (tr.175 và những trang tiếp theo).

§13) "Giá trị của các kim loại quý tương ứng với số lượng những vật phẩm khác mà người ta đem đổi lấy chúng" (tr.177). Tỷ lệ đó khác nhau ở những nước khác nhau và thậm chí ở những địa phương khác nhau trong cùng một nước. "Cách nói "đời sống ít đắt đỏ hơn" có nghĩa là ở một địa phương nhất định, có thể mua các tư liệu sinh hoạt bằng số tiền ít hơn" (tr.177).

§14) Quan hệ giữa các nước giống quan hệ giữa các thương nhân, "họ bao giờ cũng cố gắng mua càng rẻ càng tốt, bán càng đắt càng hay" (tr.215).

IV. VỀ TIÊU DÙNG

"*Sản xuất, phân phối, trao đổi chỉ là phương tiện*. Không ai sản xuất vì sản xuất". Tất cả đó là những công việc trung gian, làm trung gian. "Còn mục đích là *tiêu dùng*" (tr.237).

§1) Tiêu dùng có thể là: 1) tiêu dùng *sản xuất*. Nó bao hàm tất cả những gì được chi phí nhằm sản xuất ra các vật phẩm, bao gồm cả những tư liệu sinh sống của công nhân; rồi nó gồm máy móc, dụng cụ, nhà xưởng và động vật cần thiết cho hoạt động sản xuất; cuối cùng, gồm nguyên liệu - "hoặc những thứ trực tiếp tạo thành vật được sản xuất, hoặc những thứ mà từ đó người ta rút ra vật phẩm" (tr.238-239). "Chỉ có những vật thuộc trong mục thứ hai là không bị tiêu dùng hoàn toàn trong quá trình hoạt động sản xuất" (tr.239).

2) Tiêu dùng *phi sản xuất*

"Nuôi cấy tó, mọi sự tiêu dùng diễn ra không phải vì sản phẩm, không nhằm mục đích dùng vật này sản xuất ra vật phẩm khác tương đương với nó, đều là tiêu dùng *phi sản xuất*" (tr.240). "Tiêu dùng sản xuất tự nó là *phương tiện*, - cụ thể là phương tiện để sản xuất; còn tiêu dùng *phi sản xuất* thì không phải là phương tiện, mà là mục đích; sự *huống lạc* do sự tiêu dùng đó đem lại là *động cơ* thúc đẩy tất cả mọi hoạt động trước đó" (tr.241). Bằng sự tiêu dùng loại thứ nhất, không có gì mất đi cả; còn thông qua sự tiêu dùng loại thứ hai thì mất đi tất cả (như trên). "Những thứ được tiêu dùng để *sản xuất* thì bao giờ cũng là *tư bản*. Đó là thuộc tính đặc biệt tốt đẹp của tiêu dùng sản xuất. Tất cả những thứ được tiêu dùng để sản xuất", đều là tư bản, và nó "*trở thành* tư bản" chính nhờ sự tiêu dùng như vậy (tr.[241]-242). "Tất cả mọi thứ mà lực lượng sản xuất của đất nước tạo ra trong một năm là tổng sản phẩm hàng năm. Bộ phận lớn nhất của nó được dùng để bù đắp tư bản đã tiêu dùng. Những cái còn lại của tổng sản phẩm sau khi bù lại tư bản đó thì là sản phẩm ròng; nó luôn luôn được phân phối với tư cách là lợi nhuận của tư bản hoặc địa tô" (tr. [242]-243). "Nó là quỹ mà từ đó thường lấy ra để bổ sung cho tư bản quốc gia" (tr.243). Ứng với *tiêu dùng sản xuất* và *tiêu dùng phi sản xuất* là lao động *sản xuất* và lao động *phi sản xuất* (tr.244).

§2) "Tất cả những thứ sản xuất ra trong vòng một năm được tiêu dùng trong vòng năm sau" - tiêu dùng để sản xuất hoặc tiêu dùng không phải sản xuất (tr.246).

§3) "Tiêu dùng được mở rộng theo quá trình sản xuất, con người sản xuất ra chỉ vì con người *cần phải* làm thế. Nếu sản phẩm sản xuất ra là cái mà con người cần, thì sau khi đã tích lũy đủ số mình cần, con người thôi không làm việc nữa". Nếu con người sản xuất ra nhiều hơn thì điều đó xảy ra vì con người muốn

dùng cái "nhiều hơn" đó đổi lấy một vật phẩm khác nào đó. Con người sản xuất ra vật phẩm nào đó thì vì muốn có một vật phẩm khác. Đối với con người, việc sản xuất ra vật phẩm đó là phương tiện duy nhất để có được một vật phẩm khác, và con người nhận được nó rẻ hơn là nếu con người ấy buộc phải tự mình sản xuất ra nó. Trường hợp có phân công lao động thì con người chỉ sản xuất một vật phẩm nhất định hoặc chỉ sản xuất một bộ phận của sản phẩm đó; con người ấy chỉ sử dụng một bộ phận nhỏ những thứ bản thân con người ấy sản xuất ra cho chính mình; toàn bộ phần còn lại dùng để mua những hàng hoá khác mà con người ấy cần; và nếu con người chỉ sản xuất một vật phẩm duy nhất và đổi sản phẩm của mình lấy tất cả những vật phẩm khác, thì với mỗi vật phẩm con người ấy nhận được nhiều hơn số người đó có được nếu tự mình sản xuất ra nó [XXXI]. "Nếu con người sản xuất cho chính mình thì không có *sự trao đổi*. Như vậy con người không cần mua gì cả, và người đó không đưa gì ra để bán. Người đó có vật phẩm này hay vật phẩm khác, người đó đã sản xuất ra nó và không có ý định thoát khỏi nó. Nếu dưới dạng ẩn dụ mà ở đây sử dụng thuật ngữ "cung và cầu", thì cung và cầu trong trường hợp này hoàn toàn trùng khớp nhau. Về cung và cầu vật phẩm buôn bán, thì chúng ta có thể hoàn toàn gác lại cái bộ phận sản phẩm hàng năm mà mỗi người sản xuất đem tiêu dùng dưới hình thức người ấy sản xuất ra hoặc nhận được" (tr.[249-250], 251).

"Nếu ở đây chúng tôi nói đến cung và cầu, thì chúng tôi nói điều đó dưới dạng chung nhất. Nếu chúng tôi nói đến một nước xác định nào đó trong một thời đại xác định rằng số cung của nó bằng số cầu của nó, thì chúng tôi khẳng định điều đó không phải đối với một hoặc hai hàng hoá: chúng tôi muốn nói rằng số cầu của nó về tất cả mọi hàng hoá gộp chung lại bằng tất cả những hàng hoá mà nước đó có thể đưa ra trao đổi. Mặc dù cung và cầu, xét trong tổng thể, là bằng nhau, nhưng hoàn toàn có thể xảy ra trường hợp một hàng hoá riêng lẻ nào đó - hoặc một số hàng hoá như vậy - đã được sản xuất ra quá nhiều hoặc quá ít so với số cầu về những hàng hoá đó" (tr.251-252). "Để xác định *số cầu*, cần có hai điều: ý muốn có hàng hoá này hay hàng hoá khác và việc có một vật phẩm ngang giá có thể đem đổi lấy hàng hoá được mong muốn. Thuật ngữ "cầu" biểu thị *ý muốn và phương tiện* để mua. Nếu không có một trong số những điều kiện ấy thì việc mua hàng không thể xảy ra. Việc có một vật phẩm ngang giá là cơ sở cần thiết của mọi cầu. Con người hoàn công muốn có những vật phẩm nào

đó, nếu người đó chẳng có gì đem ra để mua sắm chúng. Vật phẩm ngang giá mà con người tung ra là *công cụ* của cầu. Khối lượng cầu của người đó được đo bằng giá trị của vật phẩm ấy. Cầu và vật phẩm ngang giá - đó là những thuật ngữ có thể thay thế cho *nhau*. Chúng ta đã thấy rằng mỗi người sản xuất ra cái gì đó đều có xu hướng muốn có những vật phẩm khác, khác với sản phẩm mà anh ta tham gia sản xuất ra, và ước vọng đó, ý muốn đó *được đo* bằng tổng thể sản phẩm của anh ta mà anh ta không muốn giữ lại để bản thân mình tiêu dùng. Điều sau đây cũng hiển nhiên như vậy: để đổi lấy những sản phẩm khác, con người có thể đưa ra tất cả những gì người đó đã sản xuất và những gì người đó không muốn tự mình tiêu dùng. Như vậy, *ý muốn mua và phương tiện để mua* là bằng nhau, hoặc số cầu vừa đúng bằng tổng sản phẩm không dùng cho sự tiêu dùng của bản thân người sản xuất" (tr.252-253).

Ở đây với sự sắc bén và rõ ràng một cách trắng trợn thông thường của mình, Min phân tích sự trao đổi trên cơ sở sở hữu tư nhân.

Con người - tiền đề cơ bản của sở hữu tư nhân là như thế - *sản xuất ra* chỉ để có. Mục đích của sản xuất là *sở hữu*. Và sản xuất không chỉ có mục đích *duy lợi* loại như vậy mà thôi đâu; nó theo đuổi mục đích *tư lợi*; con người sản xuất chỉ để có cho mình; vật phẩm anh ta sản xuất ra là sự cụ thể hoá *nhu cầu trực tiếp*, mang tính chất tư lợi của anh ta. Vì thế tự bản thân con người - trong trạng thái mông muội, dã man - có thước đo mức sản xuất của mình là *khối lượng* nhu cầu trực tiếp của mình mà nội dung của nó *trực tiếp* là bản thân vật phẩm mà anh ta sản xuất ra.

Vì vậy con người, trong trạng thái ấy, sản xuất *không nhiều hơn* số họ trực tiếp cần. *Giới hạn nhu cầu* của họ chính là *giới hạn sản xuất* của họ. Bởi thế, số cầu và số cung ăn khớp chính xác với nhau. Sản xuất của họ *được đo* bằng nhu cầu của họ. Trong trường hợp này không có sự trao đổi, hoặc trao đổi quy thành sự đổi lao động của mình lấy sản phẩm lao động của mình, và sự trao đổi đó là hình thức tiềm ẩn (phôi thai) của trao đổi thực sự.

Một khi diễn ra sự trao đổi, diễn ra việc sản xuất vượt quá giới hạn mà nhu cầu trực tiếp đặt ra. Nhưng sự sản xuất dư thừa ấy không phải là sự vượt lên cao hơn nhu cầu tư lợi. Trái lại, đó chỉ là một *phương tiện* để thoả mãn nhu cầu được cụ thể hoá không phải trực tiếp thông qua sản phẩm của ngành sản xuất đó, mà là thông qua sản phẩm của người khác. Sản xuất trở thành *nguồn thu nhập*, trở thành lao động vì tiền công. Trong khi với quan hệ thứ nhất, thước đo sản xuất là nhu cầu, thì với quan hệ thứ hai này, sản xuất sản phẩm, hay nói đúng hơn, *việc sở hữu sản phẩm*, trở thành thước đo xác định các nhu cầu có thể được thoả mãn với mức độ nào.

Tôi đã sản xuất cho tôi, chứ không phải cho anh, giống hệt như anh đã sản xuất cho anh, chứ không phải cho tôi. Kết quả sản xuất của tôi tự nó không có quan hệ trực tiếp với anh, y như kết quả sản xuất của anh không có quan hệ trực tiếp với tôi. Nói cách khác, sản xuất của chúng ta không phải là sản xuất của con người cho con người với tư cách là con người, có nghĩa không phải là sản xuất *xã hội*. Do đó, với tư cách là con người, không một ai trong số chúng ta có quan hệ tiêu dùng với sản phẩm của người khác. Là những con người, chúng ta không tồn tại cho nhau qua những sản phẩm mà mỗi người trong số chúng ta sản xuất ra. Vì vậy cả sự trao đổi của chúng ta cũng không thể là sự vận động đóng vai trò trung gian để khẳng định rằng sản phẩm của tôi [XXXII] là sản phẩm cho anh, vì nó là sự *cụ thể hóa* bản chất của chính anh, nhu cầu của anh. Vấn đề là ở chỗ: không phải *bản chất con người* tạo nên mối liên hệ giữa các ngành sản xuất của chúng ta đối với nhau. Trao đổi có thể *khởi động* và chỉ khẳng định *tính chất* của mối quan hệ mà mỗi người trong số chúng ta đều có đối với sản phẩm của bản thân mình, cũng có nghĩa là đối với sản phẩm của người khác. Mỗi người trong số chúng ta đều chỉ thấy sản phẩm của mình là sự vụ lợi đã cụ thể hoá *của bản thân*

mình và, do đó, thấy sản phẩm của người khác là sự vụ lợi đã cụ thể hoá *khác*, độc lập với mỗi người, xa lạ.

Đĩ nhiên, là con người, anh có quan hệ con người đối với sản phẩm của tôi; anh có *nhu cầu* về sản phẩm của tôi; do đó, đối với anh nó hiện diện với tư cách là sự cụ thể hoá ý muốn và ý chí của anh. Nhưng đối với sản phẩm của tôi, nhu cầu của anh, ý muốn của anh, ý chí của anh là nhu cầu bất lực, ý muốn bất lực, ý chí bất lực. Nói cách khác, bản chất *con người* của anh, và do đó, cái bản chất ở trong mối quan hệ nội tại tất yếu đối với sản phẩm con người của tôi không phải là *quyền lực* của anh đối với sản phẩm ấy, không phải là quyền sở hữu của anh về nó, vì không phải *sự độc đáo*, không phải *sức mạnh* của bản chất con người được thừa nhận trong sản phẩm của tôi. Trái lại, nhu cầu của anh, ý muốn của anh, ý chí của anh là *yếu tố liên kết* làm cho anh lệ thuộc vào tôi, vì nó đặt anh vào thế phụ thuộc vào sản phẩm của tôi. Chúng hoàn toàn không phải là *phương tiện* đem lại cho anh *quyền lực* đối với sản phẩm của tôi; trái lại, chúng là *phương tiện* đem lại cho tôi quyền lực đối với anh!

Nếu tôi sản xuất *vượt quá* số mà bản thân tôi có thể tiêu dùng trực tiếp từ vật phẩm mà tôi đã sản xuất ra, thì sản phẩm *vượt mức* ấy của tôi *được tính toán* một cách tinh vi *nhằm* vào nhu cầu của anh. Chỉ có về *bề ngoài* thì tôi sản xuất số vật phẩm dư thừa ấy. Trong thực tế tôi sản xuất một vật phẩm *khác* nào đó, vật phẩm do anh sản xuất ra mà tôi định dùng số dư thừa của tôi để đổi lấy, và sự trao đổi ấy tôi đã hoàn thành trong tư duy. Vì thế cả cái quan hệ *xã hội* mà tôi có với anh, lao động của tôi đối với nhu cầu của anh chẳng qua chỉ là *về bề ngoài*, và sự bổ sung cho nhau của chúng ta cũng chẳng qua chỉ là *về bề ngoài* mà cơ sở của nó là sự cướp bóc nhau. Nguyên nhân thâm kín ở đây tất yếu là ý định cướp bóc, lừa bịp; thật vậy, vì sự trao đổi của chúng ta có tính chất tư lợi, từ phía tôi cũng như từ phía anh, và vì mỗi sự tư lợi đều

tìm cách vượt trội sự tư lợi của người khác, nên chúng ta không khỏi tìm cách lừa bịp nhau. Thước đo quyền lực của vật phẩm của tôi đối với vật phẩm của anh, mà tôi giả định, dĩ nhiên cần đến *sự thừa nhận* của anh để trở thành quyền lực thực tế. Nhưng việc chúng ta thừa nhận với nhau quyền lực của nhau đối với các sản phẩm của chúng ta là một cuộc đấu tranh, mà trong đấu tranh thì kẻ thắng là kẻ có nghị lực, có sức mạnh lớn hơn, nhìn xa thấy rộng hoặc khôn khéo hơn. Nếu sức mạnh thể chất có đủ thì tôi trực tiếp cướp bóc anh. Nếu sự ngự trị của sức mạnh thể chất bị bẻ gãy, thì chúng ta cùng cố gắng tung bụi vào mắt nhau, và người khôn khéo hơn lừa người ít khôn khéo. Ai sẽ lừa được ai - đối với *toàn thể* mối quan hệ thì đó là một sự ngẫu nhiên. Cả hai bên đều có sự lường gạt *trong tư tưởng, trong tư duy*, nghĩa là trong sự xét đoán của chính mình, mỗi người trong hai chúng ta đã lừa gạt người khác.

Vậy, từ cả hai phía, sự trao đổi đều tất yếu được *đổi tượng* của sản xuất và chiếm hữu của mỗi nhân vật, trong hai nhân vật trao đổi với nhau, làm trung gian. Quan hệ trong ý tưởng với vật phẩm mà mỗi người trong số chúng ta sản xuất ra tất nhiên là nhu cầu của mỗi người trong số chúng ta. Nhưng mối quan hệ *hiện thực, thực tế, đích thực*, được tiến hành trong thực tế chỉ là *sự chiếm hữu loại trừ lẫn nhau* đối với sản phẩm của mỗi người trong số chúng ta. Trong con mắt tôi điều duy nhất làm cho nhu cầu của anh về vật phẩm của tôi có *ý nghĩa giá trị, có phẩm giá, có hiệu lực*, là *vật phẩm* của anh, *vật ngang giá* với vật phẩm của tôi. Do đó, sản phẩm của mỗi người trong số chúng ta là *phương tiện*, là *vật trung gian, công cụ, quyền lực được thừa nhận* của nhu cầu của mỗi chúng ta đối với nhau. Như vậy, *cầu* của anh và *vật ngang giá nằm trong sự sở hữu của anh* - đó là những thuật ngữ *đồng nghĩa*, đồng nhất đối với tôi, và *cầu* của anh có tính chất hữu hiệu, do đó có *ý nghĩa* chỉ trong trường hợp nếu nó có *ý nghĩa* và có tính chất hữu hiệu đối với tôi. Nếu coi anh đơn thuần là con người, không

có công cụ trao đổi ấy, thì *cầu* của anh ta ước vọng không được thoả mãn về phía anh, còn đối với tôi nó là sự tưởng tượng rỗng tuếch. Do đó, với tư cách là con người, anh hoàn toàn không có quan hệ gì với vật phẩm của tôi, vì cả *bản thân tôi* cũng không có quan hệ nhân tính nào với nó cả. Nhưng *phương tiện* là *quyền lực đích thực* đối với vật phẩm, và vì thế chúng ta cùng nhau coi sản phẩm của chúng ta là *sức mạnh* đem lại cho mỗi người quyền lực đối với người kia và cũng thống trị cả chính người đó, nghĩa là sản phẩm của bản thân chúng ta đã nhảy lộng lên chống chúng ta, nó dường như là sở hữu của chúng ta, nhưng trên thực tế chúng ta là vật sở hữu của nó. Bản thân chúng ta bị loại trừ khỏi sở hữu *đích thực*, vì *sở hữu* của chúng ta loại trừ con người kia.

Ngôn ngữ duy nhất dễ hiểu mà chúng ta nói với nhau là những vật phẩm của chúng ta trong các quan hệ của chúng ta với nhau. Chúng ta sẽ không hiểu ngôn ngữ con người, và nó sẽ vẫn là vô hiệu; nó sẽ được một bên cảm thấy và nhận thức như là một lời thỉnh cầu, một lời cầu khẩn [XXXIII] và vì thế là *sự hạ thấp* và do đó được vận dụng với cảm giác xấu hổ và bị ruồng bỏ, nó sẽ được bên kia tiếp nhận và bác bỏ như là một *sự trơ tráo* hoặc *sự điên rồ*. Chúng ta bị tha hoá cùng nhau khỏi bản chất con người đến mức ngôn ngữ trực tiếp của bản chất đó, theo chúng ta, là *sự xúc phạm phẩm giá con người*, và ngược lại, ngôn ngữ tha hoá của các giá trị vật chất là cái gì đó hoàn toàn phù hợp với phẩm giá con người chính đáng, tin vào mình và thừa nhận bản thân mình.

Tất nhiên, trong con mắt của anh, sản phẩm của anh là *công cụ, phương tiện* để chiếm hữu sản phẩm của tôi và vì thế để thoả mãn nhu cầu của anh. Nhưng trong con mắt của tôi, nó là *mục đích* của sự trao đổi của chúng ta. Trái lại, trong con mắt của anh, anh có *ý nghĩa* là phương tiện và công cụ để sản xuất ra thứ vật phẩm mà đối với tôi là mục đích, còn anh thì, đến lượt mình, lại có quan hệ y như vậy đối với vật phẩm của

tôi. Nhưng 1) mỗi chúng ta đều thực sự *làm* cho mình thành cái mà người đó biểu hiện ra trong con mắt của người kia; anh đã thực sự biến mình thành phương tiện, thành công cụ, thành người sản xuất ra vật phẩm *của* chính anh để chiếm hữu vật phẩm của tôi; 2) đối với anh, vật phẩm của chính anh chỉ là *cái vỏ cảm tính*, là *hình thức tiềm ẩn* của vật phẩm của tôi; vì sản xuất của anh *có nghĩa là biểu hiện ý* muốn mua vật phẩm của tôi. Do đó, trên thực tế đối với chính anh, anh đã trở thành *phương tiện, công cụ* của vật phẩm của anh mà kẻ *nô lệ* cho nó là ý muốn của anh, và anh đã làm việc như nô lệ để vật phẩm anh muốn không bao giờ ban ơn cho anh. Nếu sự nô dịch qua lại của chúng ta bằng vật phẩm vào lúc khởi đầu sự phát triển và trong thực tế biểu hiện ra làm quan hệ *thống trị* và *nô lệ*, thì đó chỉ là biểu hiện *thô thiển* và *công khai* của quan hệ *chủ yếu* của chúng ta.

Đối với chúng ta, giá trị *tương hỗ* của chúng ta là *giá trị* của những vật phẩm có ở mỗi chúng ta. Do vậy, ở chỗ chúng ta, đối với người khác, bản thân con người là cái gì đó đã bị *mất giá trị*.

Giả sử chúng ta sản xuất với tư cách là những con người. Trong trường hợp như vậy, trong quá trình sản xuất của mình, mỗi người chúng ta khẳng định chính mình và người kia *theo hai cách*: 1) Trong *sản xuất* của tôi, tôi sẽ vật thể hoá *tính cá biệt* của tôi, *sự độc đáo* của nó, vì thế trong thời gian hoạt động, tôi sẽ thụ hưởng *biểu hiện cá nhân của cuộc sống*, còn trong sự trực quan đối tượng sản xuất tôi sẽ cảm nhận niềm vui cá nhân do ý thức được rằng cá nhân tôi biểu hiện ra là một sức mạnh *vật chất, được trực quan cảm tính* và vì thế *nằm ngoài mọi sự nghi ngờ*. 2) Trong việc anh sử dụng sản phẩm của tôi hoặc trong việc anh tiêu dùng nó, tôi sẽ *trực tiếp* cảm nhận được ý thức cho rằng lao động của tôi thoả mãn nhu cầu *con người*, do đó bản chất *con người* được vật thể hoá, và vì thế đã tạo ra vật phẩm phù hợp với nhu cầu của *con người*

khác. 3) Đối với anh, tôi sẽ là *người trung gian* giữa anh và đồng loại và sẽ được anh nhận thức và tiếp thu với tư cách là sự bổ sung cho bản chất của chính anh, là một bộ phận khẳng khí của chính anh, - và bằng cách đó tôi sẽ ý thức được bản thân mình được khẳng định trong tư duy của anh và trong lòng mến yêu của anh. 4) Trong biểu hiện đời sống cá nhân của tôi, tôi sẽ trực tiếp tạo ra biểu hiện sống của anh, và do đó, trong hoạt động cá nhân của tôi, tôi sẽ trực tiếp *khẳng định* và *sẽ thực hiện* bản chất đích thực của tôi, *bản chất con người* của tôi, *bản chất xã hội của tôi*.

Sự sản xuất của chúng ta, cũng với mức độ y như vậy, sẽ là chiếc gương phản ánh bản chất của chúng ta.

Đó là tình hình, trong đó ở anh sẽ diễn ra chính cái điều cũng xảy ra ở tôi.

Chúng ta sẽ xét những yếu tố khác nhau biểu hiện ra trong giả định của chúng ta.

Lao động của tôi sẽ là *biểu hiện tự do của đời sống* và vì thế là *việc hưởng thụ đời sống*. Với tiền đề sở hữu tư nhân, nó là *sự tha hoá của đời sống*, vì tôi lao động để *sống*, để kiếm *phương tiện* sinh sống cho mình. Lao động của tôi *không phải là* đời sống của tôi.

Thứ hai: vì vậy, trong lao động, tôi sẽ khẳng định đời sống *cá nhân* của tôi và, do đó, sẽ khẳng định *sự độc đáo riêng* của tính cá biệt của tôi. Lao động sẽ là *sở hữu đích thực, tích cực* của tôi. Với tiền đề sở hữu tư nhân, tính cá biệt của tôi bị tha hoá khỏi tôi đến mức *hoạt động* đó trở nên *đáng ghét* đối với tôi, đối với tôi nó là *sự đau khổ* và, nói đúng hơn, chỉ là cái vẻ hoạt động. Vì thế, ở đây lao động cũng chỉ là hoạt động *bất đắc dĩ* và được trút lên tôi dưới áp lực hoàn toàn chỉ của nhu cầu ngẫu nhiên *bên ngoài*, chứ *không phải* do nhu cầu *tất yếu nội tại*.

Laο động của tôi có thể thể hiện trong vật phẩm của tôi chỉ như là cái mà nó tiêu biểu. Nó không thể thể hiện như cái nó *không* tiêu biểu do bản chất của nó. Vì thế giờ đây nó không thể hiện chỉ như là cái mang tính vật chất, có thể trực quan cảm tính và do vậy nằm ngoài mọi mối hoài nghi - của *sự tự đánh mất của* tôi và *sự bất lực* của tôi.

3) "Rõ ràng là mỗi người đều thêm vào tổng khối lượng sản phẩm tạo thành số cung, tổng thể tất cả những cái mà người đó đã sản xuất ra và không có ý định tự tiêu dùng. Bộ phận này hay bộ phận khác của sản phẩm hàng năm rơi vào tay người đó dù dưới hình thức nào đi nữa, nếu anh ta tự mình quyết định không tiêu dùng gì trong bộ phận ấy cả, thì anh ta cũng sẽ muốn thoát khỏi toàn bộ bộ phận sản phẩm ấy; vì vậy, nó hoàn toàn dùng vào việc tăng số cung. Còn nếu anh ta tự mình tiêu dùng một phần trong số lượng sản phẩm ấy, thì anh ta muốn thoát khỏi toàn bộ số còn lại, và toàn bộ số còn lại được thêm vào số cung" (tr.253). "Do đó, vì số cầu của mỗi người bằng cái bộ phận sản phẩm hàng năm, hoặc nói cách khác, cái bộ phận của cái mà anh muốn thoát khỏi, và vì số cung của mỗi người đúng là như vậy, nên cung và cầu của mỗi cá nhân tất yếu bằng nhau. Cung và cầu có mối quan hệ độc đáo với nhau. Mỗi hàng hoá được đưa ra, được đem ra thị trường, được đem bán, bao giờ cũng đồng thời là *đối tượng* của cầu, còn hàng hoá là đối tượng của cầu, thì bao giờ cũng đồng thời là cái bộ phận của tổng khối lượng những sản phẩm tạo thành cung. Mỗi hàng hoá bao giờ cũng *đồng thời* là đối tượng của cầu và cung. Khi hai người tiến hành trao đổi, thì một trong hai người đến không phải để chỉ tạo cung, còn người kia đến không phải để chỉ tạo cầu mà thôi; *đối tượng, vật phẩm của cung của anh ta* phải đem lại cho anh ta vật phẩm cầu của anh ta và, do đó, cầu của anh ta và cung của anh ta hoàn toàn ngang nhau. Nhưng nếu cung và cầu của mỗi cá nhân luôn luôn bằng nhau, thì điều đó cũng đúng đối với cung và cầu của tất cả cá nhân của một nước gộp chung lại. Vì thế, dù tổng số sản phẩm hàng năm có lớn thế nào đi nữa thì nó cũng không bao giờ vượt quá tổng số cầu hàng năm. Toàn bộ tổng thể sản phẩm hàng năm được chia ra thành một số lượng phần này hoặc khác bằng số lượng những cá nhân được phân phối sản phẩm hàng năm. Toàn bộ tổng số cầu bằng tổng số những cái mà trong số tất cả những phần ấy các

chủ nhân của chúng không giữ lại để tự tiêu dùng cho bản thân. Nhưng tổng thể tất cả những phần ấy chính là bằng toàn bộ sản phẩm hàng năm" (tr.253-255).

Để phản bác điều đó, người ta đưa ra lời phản bác rằng "hàng hoá lương thực thực phẩm hoặc hàng hoá công nghiệp thường dư thừa quá nhiều so với số cầu. Chúng tôi không bác bỏ sự thực đó, nhưng nó không bác bỏ tính đúng đắn của lời khẳng định của chúng tôi" (tr.255).

"Tuy số cầu của mỗi cá nhân đến thị trường để tiến hành trao đổi thì bằng số cung của anh ta, thế nhưng có thể xảy ra trường hợp anh ta sẽ không gặp ở đây một người mua thuộc loại anh ta đi tìm; có thể không có ai mong muốn vật phẩm mà anh ta muốn trao đổi. Nhưng cần thấy rằng điều cũng hoàn toàn đúng là số cầu của anh ta bằng số cung của anh ta, vì anh ta *đã muốn* nhận được một vật phẩm nào đó để đổi lấy vật phẩm mà anh ta cung cấp; vì *tiền tệ* tự chúng là hàng hoá và không ai muốn có tiền tệ với mục đích khác ngoài việc chỉ dùng chúng để mua vật phẩm tiêu dùng sản xuất hoặc tiêu dùng phi sản xuất" (tr.256). "Vì cầu và cung của mỗi cá nhân bằng nhau, nên nếu trên thị trường có một hàng hoá hoặc tư liệu sinh hoạt nào đó *nhiều hơn* cầu, thì sự có mặt của vật phẩm kia *ít hơn* cầu" (như trên). Nếu cung và cầu cá nhân ngang bằng nhau thì tổng cung và cầu bao giờ cũng bằng nhau. "Trong trường hợp này không có số dư thừa về một hàng hoá nào đó, dù sản phẩm hàng năm có lớn như thế nào đi nữa. Bây giờ giả sử rằng sự ăn khớp chính xác ấy giữa cầu và cung bị phá vỡ một phần, thí dụ, cầu về ngũ cốc vẫn thế, còn cung về dạ nỉ thì tăng đáng kể. Lúc đó có sự dư thừa dạ nỉ, vì cầu về hàng hoá này không tăng, nhưng tất yếu nảy sinh sự thiếu hụt tương ứng về những hàng hoá khác, vì số lượng dạ nỉ bổ sung có thể được sản xuất ra chỉ bằng một cách - bằng cách rút một số tư bản nào đó ra khỏi việc sản xuất những hàng hoá khác nào đó và do vậy mà giảm số lượng sản xuất ra chúng. Nhưng nếu số lượng một hàng hoá nào đó giảm xuống, trong khi vẫn có *cầu* về một số lượng lớn hơn thì xảy ra sự thiếu hụt hàng hoá đó. Vì thế trong cùng một nước, một hàng hoá hoặc một số hàng hoá không bao giờ có thể có mặt với số lượng vượt quá cầu mà một hoặc một số hàng hoá khác lại không ít hơn số cầu về nó một số lượng tương ứng" (tr.256, 257-258).

"Những hậu quả thực tiễn của sự thiếu cân bằng giữa cầu và cung đã rõ ràng. Giá cả của hàng hoá cung cấp dư thừa thì hạ xuống, còn giá cả của hàng hoá

khan hiếm thì tăng lên. Việc giá cả của hàng hoá thứ nhất sụt xuống chẳng bao lâu sau, do lợi nhuận giảm, sẽ làm cho một bộ phận tư bản rút khỏi ngành sản xuất đó. Sự tăng giá của hàng hoá thiếu hụt thu hút một bộ phận tư bản vào ngành sản xuất này. Sự vận động đó diễn ra chừng nào các lợi nhuận chưa ngang bằng nhau, nghĩa là chừng nào cầu và cung chưa ăn khớp nhau" (tr.258). "Luận cứ mạnh nhất có thể dẫn ra để xác nhận lời khẳng định rằng sản phẩm hàng năm có thể tăng nhanh hơn mức tiêu dùng, có thể là trường hợp sau đây: khi mỗi người chỉ tiêu dùng những vật phẩm thiết yếu mà thôi và do đó toàn bộ sản phẩm hàng năm còn lại sẽ có thể để dành. Nhưng đó là trường hợp không thể có được, vì nó không thể dung hợp, không thể hoà hợp với các nguyên tắc của bản chất con người". Thế nhưng chúng ta sẽ xem xét các hậu quả của nó để khẳng định việc có sự cân bằng giữa sản phẩm và số cầu về nó (tr.258-259).

"Trong trường hợp này bộ phận sản phẩm hàng năm được cung cấp cho mỗi cá nhân - trừ phần mà cá nhân đó tiêu dùng với tư cách là vật phẩm *thiết yếu* - sẽ được dùng vào sản xuất. Toàn bộ tư bản quốc dân sẽ được dùng để sản xuất nguyên liệu và một số lượng nhỏ hàng hoá sử dụng chung, vì đó sẽ là những hàng hoá duy nhất mà cầu hướng vào. Vì phần của mỗi cá nhân trong sản phẩm hàng năm - trừ đi phần anh ta có thể tiêu dùng - sẽ được dùng cho sản xuất, nên nó sẽ được *chi dùng* vào những vật phẩm dùng để sản xuất nguyên liệu và một số hàng hoá sử dụng chung. Nhưng những vật phẩm ấy tự chúng chính là nguyên liệu và hàng hoá sử dụng chung, vì thế không chỉ số cầu của mỗi cá nhân sẽ hoàn toàn là những hàng hoá đó, mà cả tổng cung cũng gồm chính những hàng hoá ấy. Như đã chứng minh, tổng cầu bằng tổng cung, vì số sản phẩm hàng năm dư trội so với bộ phận đã tiêu dùng đã trở thành đối tượng của cầu, và vì thế toàn bộ số dư thừa đó sẽ trở thành đối tượng của cung. Như vậy, sản xuất không bao giờ có thể tăng quá nhanh so với cầu. Sản xuất là nguyên nhân và hơn nữa là *nguyên nhân duy nhất* của cầu. Nó tạo ra cung chỉ bằng cách tạo ra cầu, và hơn nữa tạo ra cả hai thứ đó trong cùng một lúc và ngang nhau" (tr.259-260).

4) "Mọi sự tiêu dùng đều xuất phát từ các cá nhân hoặc từ chính phủ. Cái được chính phủ tiêu dùng, *thay vì được tiêu dùng với tư cách là tư bản và được hoàn bù dưới dạng sản phẩm*, chỉ được tiêu dùng thôi và không sản xuất ra gì cả. Song, sự tiêu dùng đó là nguồn gốc của sự bảo vệ cho mọi sự sản xuất. Nhưng

nếu những vật phẩm khác không được tiêu dùng theo cách khác so với sự tiêu dùng của chính phủ, thì lúc đó sẽ tuyệt nhiên không có sản phẩm".

(Thì lúc đó, do vậy, - Min sẽ có thể nói tiếp - sẽ tuyệt nhiên cũng không có cả chính phủ) (tr.261-262).

"Thu nhập của nhà nước lấy từ tiền trả về việc thuê ruộng đất, tức là từ địa tô, từ lợi nhuận về tư bản và từ tiền lương" (tr.262). "Thu nhập của nhà nước cần phải rút từ mỗi nguồn trong ba nguồn đó theo tỷ lệ nào và bằng phương thức nào" (theo Xca-béché lợi tức có hình thức: 1) lợi tức cho vay, 2) địa tô, 3) tiền thuê với tư cách là một hình thức đặc biệt của địa tô)? "Đó là vấn đề duy nhất làm chúng ta quan tâm ở đây" (tr.262). Phương thức rút ra thu nhập của nhà nước thường là phương thức *trực tiếp* hoặc *gián tiếp*. Trước hết chúng ta sẽ xem xét phương thức trực tiếp (tr.262-263).

5) Nếu các khoản chi tiêu của nhà nước được trang trải bằng địa tô thì điều đó "không động chạm đến nền công nghiệp của đất nước. Việc canh tác ruộng đất phụ thuộc vào *nhà tư bản* nào dẫn thân vào công việc này, khi nó mang lại cho nhà tư bản ấy lợi nhuận thông thường về tư bản của nhà tư bản ấy. Nhà tư bản ấy phải trả số sản phẩm dư thừa dưới hình thức địa tô cho người sở hữu ruộng đất hay dưới hình thức thuế cho người thu thuế của chính phủ, - đối với nhà tư bản ấy điều đó không quan trọng" (tr.264). Trước kia vua chúa trang trải phần cơ bản các chi phí thông thường của mình nhờ vào ruộng đất thuộc về họ (lãnh địa), trang trải chi phí quân sự nhờ vào khoản đóng góp của các nam tước của mình mà các lãnh địa được trao cho họ chỉ với điều kiện đó. "Như vậy, lúc bấy giờ chi tiêu của nhà nước, trừ một ít ngoại lệ, được trang trải nhờ địa tô"(tr.[264-265]). Vì thế việc trang trải chi tiêu của nhà nước bằng địa tô rất có lợi. "Các chủ tư bản sẽ thu lợi nhuận, công nhân sẽ nhận tiền công không có bất kỳ khoản khấu trừ nào, mỗi cá nhân đều sẽ sử dụng tư bản của mình một cách có lợi nhất mà không buộc phải - do tác dụng có hại của thuế - chuyển tư bản của mình từ một ngành nào đó hết sức có năng suất đối với quốc gia sang một lĩnh vực khác kém năng suất hơn" (tr.266).

Điều dễ hiểu là Min - giống như Ri-các-đô - phản đối việc gợi ý cho một chính phủ nào đó chủ trương biến địa tô thành nguồn thuế duy nhất, vì điều đó sẽ là gánh nặng không công

bằng một cách thiên vị của một giai cấp đặc biệt các cá nhân. *Nhưng* - và đây là từ "nhưng" quan trọng và nham hiểm - xét trên góc độ kinh tế chính trị thì thuế đánh vào địa tô là thứ thuế duy nhất không có hại, do đó là *thứ thuế công bằng* duy nhất, xét trên góc độ *kinh tế chính trị*. Lối thoát duy nhất mà kinh tế chính trị học đề ra, có tính chất quyền rũ hơn là làm khiếp sợ, là: "ngay cả ở một nước có mật độ dân số và lãnh thổ thông thường, mức địa tô sẽ vượt nhu cầu của chính phủ".

"Địa tô, như nó tồn tại hiện nay, được người ta mua và bán, hy vọng của những cá nhân buôn bán dựa trên nó: do đó, nó phải bị loại khỏi số những thuế tư nhân", hoặc nó ít ra phải được trao một triển vọng nâng cao nào đó. Tư tưởng con buôn của con người sẽ không dám đi xa hơn thế. "Giờ đây giả sử rằng bằng một hành động xuất phát từ pháp luật và với điều kiện tất cả mọi nhân tố còn lại đều ở trạng thái cũ, pháp luật có quyền tăng gấp đôi mức sản phẩm ròng từ ruộng đất. Trong trường hợp như vậy sẽ không có cơ sở pháp lý ngăn cản pháp luật lợi dụng điều đó, nhưng sẽ có rất nhiều cơ sở lợi dụng quyền lực", để "trang trải chi tiêu của nhà nước bằng nguồn mới này và để miễn cho công dân khỏi đóng mọi đảm phụ khác dùng cho việc trang trải những khoản chi tiêu đó. Biện pháp như vậy sẽ không gây ra sự bất công nào cho người sở hữu ruộng đất. Địa tô của anh ta ở mức anh ta đã nhận được, còn phần lớn thậm chí ở mức mà anh ta có thể hy vọng thu được do những sự cải tiến nào đó trong ngành trồng trọt sẽ vẫn như trước, còn ích lợi đối với những thành viên khác của xã hội sẽ rất lớn" (tr.268-269).

"Trong thực tế, pháp luật có quyền lực mà chúng tôi đã giả thiết. Bằng tất cả mọi biện pháp nhờ đó nó tăng số lượng dân cư, do đó tăng cầu về tư liệu sinh hoạt, nó tăng sản phẩm ròng của ngành trồng trọt trong thực tế y như trong trường hợp nếu nó xảy ra nhờ một hành động mâu nhiệm nào đó. Còn nếu trong thực tế pháp luật làm dần dần cái mà trong tưởng tượng sẽ được làm nhờ một công việc trực tiếp chớp nhoáng nào đó, thì điều ấy không làm thay đổi tình hình" (tr.269-270). "Theo đà tăng dân số và sử dụng tư bản ít nhiều có năng suất trên ruộng đất, một tỷ lệ ngày càng lớn sản phẩm ròng mà ngành trồng trọt của một nước mang lại đi vào thành phần địa tô trong khi lợi nhuận về tư bản giảm tương ứng. Sự tăng không ngừng địa tô đó bắt nguồn từ những điều kiện do xã hội tạo

ra ấy, chứ không phải do hành vi tư nhân của những người sở hữu ruộng đất tạo ra, hình như dẫn đến chỗ tạo nên một thứ quỹ thích hợp đối với việc thoả mãn nhu cầu toàn quốc với mức độ không kém thu nhập ở một đất nước mà ở đó chưa bao giờ có chế độ sở hữu tư nhân về ruộng đất". Và người sở hữu, người thu địa tô giữ cho mình thu nhập như trước "không có quyền kêu ca nếu nguồn thu nhập mới, không đáng giá gì đối với anh ta, trở thành cái quỹ phục vụ cho nhà nước" (tr.270-271).

6) "Thuế trực tiếp đánh vào *lợi nhuận từ tư bản* chỉ rơi vào các nhà tư bản và sẽ không thể trút sang cho bất cứ bộ phận nào khác của xã hội". Và lại, "giá trị của tất cả mọi vật đều sẽ vẫn như trước" (tr.272-273).

*Do C.Mác viết vào nửa đầu năm 1844
Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Be.3,
1932*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu*

***BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC
NĂM 1844⁹**

*Do C.Mác viết vào tháng Tư - tháng
Tám 1844
Công bố toàn văn lần đầu trong Marx -
Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung,
Bd, 3, 1932*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

[XXXIX]¹⁰

LỜI TỰA

Trong "Deutsch Französische Jahrbücher" tôi đã hứa phê phán khoa học về pháp quyền và nhà nước dưới hình thức phê phán triết học pháp quyền của *Hé-ghen*¹¹. Khi sửa chữa tài liệu để đưa in thì thấy rằng: kết hợp sự phê phán chỉ nhằm chống tư duy tư biện với sự phê phán bản thân những đối tượng khác nhau, là hoàn toàn không thích đáng, sự kết hợp đó làm trở ngại tiến trình trình bày và làm cho khó hiểu. Ngoài ra, sự phong phú và tính nhiều vẻ của những đối tượng phải khảo sát sẽ chỉ cho phép nhét tất cả tài liệu ấy vào *một* tác phẩm với điều kiện trình bày một cách hoàn toàn theo phương thức châm ngôn, mà sự trình bày theo phương thức châm ngôn thì đến lượt nó lại tạo ra *cái vế* hệ thống hoá tùy tiện. Đó là lẽ tại sao tôi phê phán pháp quyền, đạo đức, chính trị v.v. trong một loạt những sách nhỏ riêng, quyển này tiếp theo quyển kia; và cuối cùng tôi định vạch rõ, trong một tác phẩm đặc biệt, mối liên hệ bên trong của cái toàn bộ, sự tương quan giữa các bộ phận riêng biệt và sau hết, tôi sẽ phê phán việc nghiên cứu một cách tư biện toàn bộ tài liệu ấy¹². Vì những lý do đó, trong tác phẩm này mối liên hệ của kinh tế chính trị học với nhà nước, pháp quyền, đạo đức, sinh hoạt công dân v.v. chỉ được đề cập đến trong chừng mực bản thân kinh tế chính trị học nói đến những đối tượng ấy *ex professo*^{1*}.

1* - một cách chuyên môn.

Đối với độc giả quen với kinh tế chính trị học, tôi không cần phải đoán chắc rằng tôi đã đi đến các kết luận của tôi bằng con đường phân tích một cách hoàn toàn kinh nghiệm dựa trên việc nghiên cứu kinh tế chính trị học một cách có phê phán và trung thực.

< Để che giấu sự dốt nát hoàn toàn và sự nghèo nàn về tư tưởng của mình, nhà phê bình ngu dốt^{1*} làm ỉn tai nhức óc nhà phê phán tích cực bằng những cách nói như "*câu cú không tưởng*" hay những cách nói khác nữa như "sự phê phán hoàn toàn thuần tuý, hoàn toàn kiên quyết, hoàn toàn có tính chất phê phán", hay "xã hội không chỉ là có tính chất pháp quyền, mà là có tính chất xã hội, có tính chất hoàn toàn xã hội", hoặc "khối đông có tính chất quần chúng đông đúc", hoặc "nhà hùng biện của khối đông có tính chất quần chúng". Nhà phê bình đó¹³ trước hết còn phải đưa ra chứng cứ để chứng minh rằng ngoài công việc thần học trong gia đình ra, anh ta còn có quyền đòi tham gia vào việc thảo luận cả những công việc *thế tục* nữa.>^{2*}

Dĩ nhiên, ngoài những tác phẩm của những người xã hội chủ nghĩa Pháp và Anh ra, tôi còn sử dụng cả những tác phẩm của những người xã hội chủ nghĩa Đức nữa¹⁴. Nhưng những tác phẩm có nội dung phong phú và *độc đáo* của người Đức trong lĩnh vực khoa học đó - không kể tác phẩm của Vai-tlinh - quy lại chỉ là những bài luận văn của *Hét-xơ* ở trong tập sưu tập "Hai mươi mốt tờ"¹⁵ và "*Đại cương phê phán kinh tế chính trị học*" của *Ăng-ghen*, đăng trong "Deutsch Französische Jahrbücher"¹⁶, trong đó tôi cũng đã từng vạch ra dưới hình thức chung nhất những yếu tố đầu tiên của tác phẩm này¹⁷.

1* Ý nói B.Bau-ơ.

2* Những đoạn nằm trong ngoặc nhọn thì trong bản thảo đã bị gạch bỏ.

< Ngoài những tác giả nghiên cứu kinh tế chính trị học một cách có phê phán ra, sự phê phán tích cực nói chung, và do đó cả sự phê phán tích cực của người Đức đối với kinh tế chính trị học cũng đều nhờ vào những phát hiện của Phoi-ơ-bắc mới có được cơ sở chân chính. Tuy nhiên, một sự cố tình *im hơi lặng tiếng* thật sự do sự đố kỵ nhỏ nhen của một số người này và sự phẫn nộ chân chính của một số người khác gây nên, có thể nói là đã được dựng lên để chống lại "*Triết học tương lai*" và "Luận cương cải cách triết học" in trong "Anekdoten" của ông¹⁸ - mặc dầu những tác phẩm ấy được ngầm sử dụng.>

Sự phê phán nhân bản chủ nghĩa và tự nhiên chủ nghĩa có tính chất *tích cực* chỉ bắt đầu từ *Phoi-ơ-bắc*¹⁹. Ông càng ít làm rùm beng thì ảnh hưởng của những tác phẩm của ông càng xác thực, càng sâu sắc, càng rộng rãi và càng vững chắc; sau "Hiện tượng học" và "Lô-gích học" của Hê-ghen thì đó là những tác phẩm duy nhất bao hàm một cuộc cách mạng lý luận chân chính.

Chương cuối cùng của quyển sách này - sự phân tích có tính chất phê phán *phép biện chứng của Hê-ghen* và triết học Hê-ghen nói chung - theo tôi là hoàn toàn cần thiết để đối lập với *nhà thần học phê phán* hiện đại, vì một công tác như thế cho đến nay vẫn chưa hoàn thành. *Tính chất thiếu căn cứ* là số phận không tránh khỏi của họ: vì ngay cả nhà thần học *phê phán* cũng vẫn là *nhà thần học*, có nghĩa hoặc là anh ta buộc phải xuất phát từ những tiền đề nhất định của triết học như một quyền uy không bác bỏ được nào đó, hoặc là nếu trong quá trình phê phán và nhờ có những phát hiện của những người khác mà nảy ra sự hoài nghi về tính chất đúng đắn của những tiền đề triết học ấy, thì anh ta vứt bỏ và *trừu tượng hoá* những tiền đề triết học ấy đi một cách hèn nhát và không có lý do, đồng thời sự nô lệ của anh ta trước những tiền đề ấy và nỗi bực tức của anh ta đối với sự nô lệ ấy giờ đây chỉ biểu hiện

ra dưới một hình thức tiêu cực, vô ý thức và ngẫu nhiên mà thôi.

< Anh ta biểu lộ mình một cách tiêu cực và vô ý thức khi hoặc là anh ta nhắc đi nhắc lại không ngớt những điều đảm bảo *tính trong sáng* của sự phê phán của bản thân anh ta, hoặc là để làm cho độc giả và bản thân anh ta không chú ý đến cuộc luận chiến *cần thiết của sự phê phán* với lòng mẹ của nó - tức *phép biện chứng* của Hê-ghe-nen và triết học Đức nói chung, - không chú ý đến sự cần thiết phải khắc phục bằng sự phê phán hiện đại tính hạn chế và tính tự phát của bản thân nó, hơn nữa anh ta tìm cách tạo ra một ấn tượng tựa hồ như sự phê phán chỉ phải nhằm vào một hình thức hạn chế nào đó của sự phê phán ở bên ngoài nó - vào sự phê phán vẫn nằm, chẳng hạn, ở trình độ thế kỷ XVIII, - vào tính chất hạn chế của *quan chúng*. Và cuối cùng, khi có những phát hiện về bản chất của những tiền đề triết học của bản thân anh ta - như những phát hiện của *Phoi-ơ-bắc*, - thì nhà thần học phê phán tạo ra vẻ bề ngoài tựa hồ không phải ai khác, mà chính *anh ta* đã đưa ra những phát hiện ấy. Anh ta tạo ra vẻ bề ngoài đó trong khi không đủ sức làm ra được những phát hiện như vậy, một mặt, anh ta ném những kết quả của những phát hiện ấy dưới hình thức *những khẩu hiệu có sẵn* cho những tác giả còn bị triết học giam hãm; mặt khác, anh ta tự thuyết phục mình, rằng xét về trình độ thì anh ta thậm chí đã vượt lên trên những phát hiện ấy; anh ta vận dụng - một cách bí ẩn, ngấm ngấm, nham hiểm và hoài nghi, chống lại sự phê phán của Phoi-ơ-bắc đối với *phép biện chứng* của Hê-ghe-nen - những yếu tố của phép biện chứng đó mà anh ta chưa tìm thấy trong sự phê phán ấy và anh ta chưa có sẵn để sử dụng dưới hình thức đã được nhào nặn một cách có phê phán. Bản thân anh ta không cố gắng và không đủ sức liên hệ một cách thích đáng những yếu tố ấy với sự phê phán, mà chỉ giản đơn vận dụng chúng trong hình thức *vốn có của phép biện chứng* của Hê-ghe-nen.

Chẳng hạn như anh ta đưa ra phạm trù sự chứng minh có tính chất môi giới chống lại phạm trù chân lý tích cực là phạm trù bắt đầu từ bản thân anh ta. Thật vậy, nhà thần học phê phán coi là hoàn toàn tự nhiên việc bản thân các nhà triết học *làm* mọi việc phải làm để anh ta có thể *nói suông* về tính thuần túy, tính kiên quyết của sự phê phán, về sự phê phán hoàn toàn có tính chất phê phán, và anh ta tự cho mình là người đã thực sự *khắc phục được triết học* khi anh ta *cảm thấy*, chẳng hạn, rằng một nhân tố nào đó của Hê-ghe-nen không có ở Phoi-ơ-bắc, - vì nhà thần học phê phán cũng không vượt quá giới hạn của cảm giác mà đạt tới ý thức, mặc dầu anh ta có một sự sùng bái thần tượng theo thuyết duy linh đối với "*tự ý thức*" và "*trinh thần*". >

Sự phê phán có tính chất thần học trong buổi đầu của cuộc vận động là một nhân tố tiến bộ thật sự; nhưng khi khảo sát kỹ lưỡng thì nó rút cục lại không phải là cái gì khác, mà chỉ là sự hoàn thành và kết quả - đã biến tiết thành *bức hí họa thần học* - của *tính tiên nghiệm triết học* cũ, đặc biệt là của *tính tiên nghiệm của Hê-ghe-nen*. Ở một chỗ khác, tôi sẽ trình bày tường tận sự trừng phạt có tính chất lịch sử, sự phán xét thú vị của lịch sử hiện đang dành thần học xưa nay vốn là miếng đất thối nát của triết học để vạch rõ sự tan rã tiêu cực của triết học, nghĩa là quá trình thối nát của triết học²⁰.

< Còn như trái lại, những phát hiện của *Phoi-ơ-bắc* về bản chất của triết học vẫn còn - ít ra là để *chứng minh* chúng - làm cho việc vạch ranh giới có tính chất phê phán với phép biện chứng triết học trở thành cần thiết đến mức nào, độc giả sẽ thấy trong chính sự trình bày của tôi. > [XL]

[BẢN THẢO THỨ NHẤT]²¹

TIỀN CÔNG

[I] *Tiền công* do cuộc đấu tranh đối địch giữa nhà tư bản và người công nhân quyết định. Nhà tư bản nhất định thắng lợi. Nhà tư bản không có công nhân, có thể sống lâu hơn người công nhân không có nhà tư bản. Sự liên kết giữa các nhà tư bản là thông thường và có hiệu quả, sự liên kết giữa những người công nhân bị cấm đoán và đem lại những hậu quả xấu cho họ. Ngoài ra, người sở hữu ruộng đất và nhà tư bản tiền tệ có thể thêm lợi nhuận kinh doanh vào thu nhập của họ, còn người công nhân thì không thể thêm địa tô, hoặc thêm lợi tức của tư bản vào thu nhập công nghiệp của mình được. Vì vậy sự cạnh tranh giữa công nhân là rất mạnh. Do đó, chỉ đối với công nhân thì sự tách rời giữa tư bản, sở hữu ruộng đất và lao động mới là một sự tách rời không tránh khỏi, có tính chất bản chất và tai hại. Tư bản và sở hữu ruộng đất có thể không ở lại trong phạm vi sự trừu tượng ấy, còn lao động của công nhân thì không thể ra khỏi phạm vi ấy.

Do đó, đối với công nhân, sự tách rời giữa tư bản, địa tô và lao động là nguy hiểm chết người.

Tỷ suất tối thiểu và duy nhất tất yếu của tiền công là giá trị sinh hoạt của công nhân trong khi lao động và số dư ở vào mức để anh ta có thể nuôi gia đình và để cho nòi giống công nhân không tiêu vong. Theo Xmit, tiền công thông thường là

tiền công thấp nhất, phù hợp với "tính người thông thường"²², nghĩa là với mức sống của một con vật.

Giống như đối với bất cứ hàng hoá nào khác, số cầu về người tất nhiên điều tiết sự sản xuất ra con người. Nếu số cung vượt đáng kể số cầu thì một bộ phận công nhân rơi vào cảnh đi ăn xin hay chết đói. Như vậy, sự tồn tại của công nhân bị quy thành điều kiện tồn tại của bất cứ hàng hoá nào khác. Người công nhân đã trở thành hàng hoá và nếu anh ta tìm được người mua thì như thế là anh ta gặp may. Còn số cầu, cái quyết định đời sống của công nhân, thì phụ thuộc vào ý muốn của bọn nhà giàu và bọn tư bản. Nếu lượng của số cung vượt số cầu thì một trong những yếu tố cấu thành của giá cả (lợi nhuận, địa tô, tiền công) sẽ được trả thấp hơn *giá cả*; do đó một nhân tố tương ứng của sự hình thành giá cả sẽ đi chệch với sự ứng dụng ấy và do đó giá cả thị trường sẽ hướng tới giá cả tự nhiên như một trung tâm nào đó. Nhưng, thứ nhất, với sự phân công lao động khá cao thì công nhân rất khó chuyển lao động của mình theo một hướng khác, và thứ hai, người công nhân là người đầu tiên bị thiệt thòi vì công nhân ở vào địa vị lệ thuộc vào nhà tư bản.

Vậy, vì giá cả thị trường xoay xung quanh giá cả tự nhiên, nên công nhân là người chịu thiệt nhất và nhất thiết phải chịu thiệt. Và chính khả năng của nhà tư bản chuyển tư bản của mình theo một hướng khác hoặc tước mất miếng ăn của người công nhân bị buộc vào một ngành lao động nhất định, hoặc bắt người công nhân phải tuân theo mọi đòi hỏi của nhà tư bản đó.

[II] Những dao động ngẫu nhiên và đột ngột của giá cả thị trường ảnh hưởng đến địa tô ít hơn là ảnh hưởng đến bộ phận giá cả phân ra thành lợi nhuận và tiền công; nhưng ảnh hưởng đến lợi nhuận ít hơn là ảnh hưởng đến tiền công. Trong đa số trường hợp có hiện tượng khi tiền công ở một nơi nào đó

tăng lên, ở nơi khác nó vẫn *y nguyên*, còn ở nơi khác nữa thì *hạ xuống*.

Khi nhà tư bản được lợi, người công nhân không nhất thiết cũng được lợi, còn khi nhà tư bản bị lỗ thì người công nhân nhất định phải bị thiệt cùng với nhà tư bản. Chẳng hạn, người công nhân không được lợi khi nhà tư bản, nhờ bí mật về chế tạo hoặc bí mật thương nghiệp, nhờ độc quyền hoặc nhờ vị trí thuận lợi của khoanh đất của mình mà giữ được giá cả thị trường ở mức cao hơn giá cả tự nhiên.

Tiếp nữa: *những giá cả của lao động thì ổn định hơn nhiều so với những giá cả của tư liệu sinh hoạt.* Thường thường hai giá cả đó tỷ lệ nghịch với nhau. Trong những năm giá sinh hoạt đặt đở, tiền công giảm xuống vì số cầu về lao động giảm xuống và tăng lên vì giá cả tư liệu sinh hoạt tăng lên. Như vậy là bù đi bù lại. Nhưng vô luận thế nào, một bộ phận nào đó của công nhân cũng bị mất miếng ăn. Trong những năm giá sinh hoạt rẻ, tiền công tăng lên vì số cầu về lao động tăng lên, và hạ xuống vì giá cả tư liệu sinh hoạt hạ xuống. Như vậy là bù đi bù lại.

Một bất lợi khác cho công nhân:

Sự chênh lệch giá cả lao động của công nhân làm các nghề khác nhau lớn hơn nhiều so với sự chênh lệch lợi nhuận ở những ngành đầu tư khác nhau. Trong lao động, tất cả sự khác nhau về tính chất, về tinh thần và về xã hội của hoạt động cá nhân đều bộc lộ ra, và do đó lao động được trả công khác nhau, trong khi tư bản không có sinh khí thì bao giờ cũng giữ nguyên một tốc độ và không quan tâm đến các đặc điểm thực tế của hoạt động cá nhân.

Nói chung, cần phải thấy rằng ở chỗ nào mà công nhân và nhà tư bản cùng bị thiệt thì người công nhân bị thiệt về mặt

đời sống của mình, còn nhà tư bản bị thiệt về mặt lợi nhuận của cái túi vàng không có sinh khí của hắn.

Người công nhân không những phải đấu tranh để kiếm tư liệu sinh hoạt vật chất của mình, mà còn phải đấu tranh để có được việc làm, nghĩa là để có được khả năng và phương tiện tiến hành hoạt động của mình.

Chúng ta hãy lấy ba trạng thái cơ bản có thể xảy ra đối với xã hội và hãy xét địa vị của người công nhân trong xã hội ấy.

1) Nếu của cải của xã hội sút kém đi thì công nhân là người thiệt hơn hết. Vì tuy rằng trong trạng thái phồn vinh của xã hội giai cấp công nhân không thể được lợi nhiều như giai cấp những người chủ tài sản, "*không một giai cấp nào thiệt thòi ghê gớm vì sự sa sút của phúc lợi xã hội như giai cấp công nhân*"²³.

[III] 2) Giờ đây, hãy xét một xã hội trong đó của cải đang tăng lên. Đó là trạng thái duy nhất có lợi cho công nhân. Ở đó có sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản. Số cầu về công nhân vượt quá số cung về công nhân.

Nhưng, *thứ nhất*: tiền công tăng lên dẫn tới chỗ công nhân *làm việc cật lực*. Càng muốn kiếm được nhiều, họ càng phải hy sinh nhiều thời gian và càng phải lao động như nô lệ để phục vụ cho lòng tham, hoàn toàn từ bỏ mọi tự do. Làm như vậy họ rút ngắn tuổi thọ của họ. Tuổi thọ của công nhân bị rút ngắn như vậy là một hoàn cảnh thuận lợi cho toàn bộ giai cấp công nhân, vì nhờ đó mà thường xuyên nảy sinh nhu cầu mới về lao động. Giai cấp đó bao giờ cũng phải hy sinh một bộ phận của bản thân mình để khỏi bị diệt vong toàn bộ.

Sau nữa: Khi nào thì xã hội ở vào trạng thái không ngừng giàu có thêm? Khi tư bản và thu nhập trong nước tăng lên. Nhưng

α) chỉ có thể được như thế nhờ tích lũy được nhiều lao động, vì tư bản là lao động được tích lũy lại; do đó, nếu một bộ phận ngày càng lớn những sản phẩm của lao động bị tước khỏi tay công nhân, nếu lao động của bản thân công nhân ngày càng đối lập với công nhân với tư cách là sở hữu của người khác, còn tư liệu sinh hoạt và tư liệu hoạt động của công nhân ngày càng tập trung vào tay nhà tư bản.

β) sự tích lũy tư bản làm tăng thêm sự phân công lao động, còn sự phân công lao động làm tăng số lượng công nhân; và ngược lại, số lượng công nhân tăng lên làm tăng sự phân công lao động, chẳng khác gì sự phân công lao động làm tăng sự tích lũy tư bản. Một mặt, do sự phân công lao động ấy phát triển và, mặt khác, do sự tích lũy tư bản, người công nhân ngày càng lệ thuộc hoàn toàn vào việc làm và hơn nữa vào một công việc nhất định, hết sức phiến diện, máy móc. Bên cạnh việc người công nhân bị hạ thấp, về mặt tinh thần và thể xác, xuống thành một cái máy, việc con người biến thành một hoạt động trừu tượng và một cái dạ dày, người công nhân cũng ngày càng phụ thuộc vào mọi sự dao động của giá cả thị trường, vào việc sử dụng những tư bản và vào ý muốn của người giàu. Đồng thời sự tăng thêm của giai cấp những người chỉ sống bằng lao động làm tăng thêm sự cạnh tranh giữa những công nhân với nhau, do đó cũng hạ thấp giá cả của họ xuống. Trong chế độ công xưởng, tình hình ấy của người công nhân đạt tới điểm cao nhất.

γ) trong một xã hội mà sự phồn vinh tăng thêm, chỉ có những kẻ giàu nhất mới có thể sống nhờ vào lợi tức của tiền bạc. Tất cả những người khác đều buộc phải đầu tư tư bản của mình vào một xí nghiệp hoặc ném vào thương nghiệp. Do đó sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản tăng thêm, sự tích tụ của tư bản tăng thêm, những nhà tư bản lớn làm phá sản những nhà tư bản nhỏ, và một bộ phận những kẻ trước kia là nhà tư bản rơi vào hàng ngũ giai cấp công nhân, là giai cấp, do sự tăng

thêm như vậy mà một bộ phận lại bị hạ tiền công và phải phụ thuộc nhiều hơn vào một số ít nhà tư bản lớn. Do chỗ số lượng những nhà tư bản giảm bớt, sự cạnh tranh của họ trong việc tìm thuê công nhân hầu như không còn nữa; còn về công nhân thì do chỗ số lượng công nhân tăng thêm, sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau trở nên càng mạnh, càng trái tự nhiên, càng có tính chất cưỡng bức. Do đó một bộ phận trong giai cấp công nhân không tránh khỏi rơi vào cảnh ăn xin hoặc chết đói, cũng như một bộ phận những nhà tư bản bậc trung không tránh khỏi rơi xuống địa vị công nhân.

Như vậy, ngay cả trong trạng thái xã hội có lợi nhất cho công nhân, hậu quả tất yếu đối với công nhân cũng là tình trạng lao động cật lực, tình trạng bị chết yểu, tình trạng bị hạ xuống đóng vai một cái máy, một nô lệ của tư bản mà sự tích lũy của nó là cái nguy hiểm cho công nhân, tình trạng có một cuộc cạnh tranh mới, tình trạng một bộ phận công nhân không tránh khỏi cảnh chết đói hoặc đi ăn xin.

[V] Tiền công lên cao gây ra cho công nhân khát vọng muốn làm giàu theo kiểu tư bản chủ nghĩa, nhưng công nhân chỉ có thể thoả mãn khát vọng đó bằng cách hy sinh tinh thần và thể xác của mình. Việc tiền công lên cao có tiền đề và kết quả là sự tích lũy tư bản; cho nên sản phẩm của lao động đối lập với công nhân như là cái ngày càng xa lạ. Cũng giống như phân công lao động làm cho công nhân ngày càng trở nên phiến diện và phụ thuộc, tiền công lên cao cũng để ra sự cạnh tranh không những của người mà cả của máy nữa. Vì công nhân bị hạ xuống thành một cái máy, nên máy có thể đối lập với công nhân với tính cách là một kẻ cạnh tranh. Và cuối cùng, cũng như sự tích lũy của tư bản làm phát triển công nghiệp về mặt lượng và do đó làm tăng thêm số lượng công nhân, thì do sự tích lũy đó, cùng một số lượng như vậy của lao động sản xuất ra *một số lượng sản phẩm lớn hơn*: xảy ra sản xuất thừa và kết quả cuối cùng là hoặc một bộ phận lớn công nhân mất việc

làm hoặc tiền công của họ hạ xuống tới mức tối thiểu thảm hại nhất.

Đó là những hậu quả của trạng thái xã hội có lợi nhất cho công nhân - cụ thể là trạng thái của cải *lớn lên và tăng lên*.

Nhưng rồi cuối cùng, trạng thái lớn lên ấy lúc nào đó ắt phải đạt tới điểm cao nhất. Lúc đó, tình cảnh của công nhân sẽ như thế nào?

3) "Trong một nước đã đạt tới giai đoạn giàu có cao nhất thì cả hai, tiền công và lợi tức của tư bản, đều rất thấp. Sự cạnh tranh giữa công nhân để kiếm việc làm sẽ lớn đến mức khiến tiền công sẽ bị rút xuống tới chỗ đủ để duy trì cũng số lượng công nhân đó, và vì dân số nước đó vào thời gian ấy đã đầy đủ, nên số lượng đó sẽ không thể tăng thêm"²⁴.

Số vượt quá số lượng ấy nhất định phải chết.

Như vậy, khi xã hội suy thoái thì cảnh cùng khổ của công nhân tăng lên; khi sự phồn vinh của xã hội tăng lên thì có dạng cùng khổ đặc biệt, phức tạp; trong xã hội đã đạt sự phồn vinh lớn nhất lại có cảnh cùng khổ thường xuyên.

[VI] Nhưng vì, theo Xmit, xã hội không hạnh phúc ở nơi đa số thành viên của nó đau khổ, - trong khi đó trạng thái giàu có nhất của xã hội lại dẫn tới sự đau khổ như thế của đa số, - và vì kinh tế chính trị học (nói chung xã hội trong đó ngụy trị lợi ích riêng) dẫn tới trạng thái giàu có nhất ấy, nên mục đích của kinh tế chính trị học là *sự bất hạnh* của xã hội.

Về quan hệ giữa công nhân và nhà tư bản, cần phải chú ý rằng đối với nhà tư bản, việc nâng cao tiền công được bù lại quá mức bằng sự giảm bớt của tổng số thời gian lao động, rằng sự tăng lên của tiền công và sự tăng thêm của lợi tức của tư bản tác động đến giá cả hàng hoá: cái thứ nhất tác động như lợi tức đơn; cái thứ hai như lợi tức kép²⁵.

Bây giờ, chúng ta hoàn toàn đứng trên quan điểm của nhà kinh tế chính trị học và hãy theo ông ta mà so sánh những yêu cầu của công nhân về mặt lý luận và về mặt thực tiễn.

Nhà kinh tế chính trị học nói với chúng ta rằng lúc đầu và theo lý luận thì *toàn bộ sản phẩm* của lao động là thuộc về công nhân. Nhưng đồng thời ông ta lại nói rằng trong thực tế, người công nhân chỉ nhận được phần nhỏ nhất - cái mà không có nó thì tuyệt đối không thể được: chỉ đúng cái cần thiết để người công nhân tồn tại - không phải như một con người mà như một công nhân và không phải để người công nhân duy trì loài người, mà duy trì giai cấp nô lệ - giai cấp công nhân.

Nhà kinh tế chính trị học nói với chúng ta rằng mọi cái đều được mua bằng lao động và tư bản chẳng qua là lao động được tích lũy lại; nhưng đồng thời ông ta lại nói rằng công nhân không những không thể mua tất cả mọi cái, mà buộc phải bán bản thân mình và nhân phẩm của mình.

Trong khi ở đa số trường hợp, địa tô của người địa chủ ăn không ngồi rồi là một phần ba sản phẩm của ruộng đất, và lợi nhuận của nhà tư bản kinh doanh thậm chí cao gấp đôi lợi tức của tiền tệ, thì phần mà công nhân thu được may ra chỉ đủ để cho trong bốn đứa con của anh ta, hai đứa phải chịu chết đói.

[VII]²⁶ Nếu theo các nhà kinh tế chính trị học, lao động là cái duy nhất mà con người dùng để làm tăng thêm giá trị của những sản phẩm của giới tự nhiên, còn lao động là thuộc tính hoạt động của con người thì cũng theo kinh tế chính trị học ấy, người địa chủ và nhà tư bản - vì là địa chủ và nhà tư bản, - chỉ là những vị thần có đặc quyền và ăn không ngồi rồi và ở đâu cũng đều ở trên công nhân và định pháp luật cho công nhân.

Theo lời các nhà kinh tế chính trị học, lao động là cái giá bất biến duy nhất của mọi cái, và đồng thời không có cái gì lại có tính chất ngẫu nhiên nhiều hơn và chịu những dao động lớn hơn là giá cả của lao động.

Sự phân công lao động làm tăng sức sản xuất của lao động, sự giàu có và tinh tế của xã hội, đồng thời nó lại hạ công nhân đến mức một cái máy. Lao động dẫn tới sự tích lũy tư bản và do đó dẫn tới sự phồn vinh ngày càng tăng của xã hội, đồng thời nó lại làm cho công nhân ngày càng phụ thuộc vào nhà tư bản, tăng mạnh sự cạnh tranh trong công nhân, đẩy công nhân vào ráo riết chạy đua sản xuất thừa, mà tiếp theo đó là một sự suy thoái sản xuất y như vậy.

Theo các nhà kinh tế chính trị học, lợi ích của công nhân không bao giờ đối lập với lợi ích của xã hội, nhưng trong thực tế, xã hội luôn luôn và nhất thiết đối lập với lợi ích của công nhân.

Theo lời các nhà kinh tế chính trị học, lợi ích của công nhân không bao giờ đối lập với lợi ích của xã hội 1) vì việc nâng cao tiền công được bù lại quá mức bằng sự rút ngắn thời gian lao động, ngoài những hậu quả khác đã nói ở trên, và 2) vì đối với xã hội, tổng sản phẩm là sản phẩm ròng và việc nêu sản phẩm ròng chỉ có ý nghĩa đối với cá nhân riêng lẻ.

Còn như bản thân lao động, không chỉ trong những điều kiện hiện nay, mà nói chung trong chừng mực mà mục đích của lao động chỉ là tăng thêm của cải, thì bản thân lao động là có hại và tai hại - điều đó là kết luận rút ra từ những lập luận của bản thân các nhà kinh tế chính trị học, mặc dầu họ không nhận thấy điều đó.

Theo lý luận, địa tô và lợi nhuận của tư bản là *khoản khấu trừ* tiền công. Còn trong thực tế, tiền công là *khoản khấu trừ*

mà ruộng đất và tư bản chuyển cho công nhân, một khoản nhượng sản phẩm lao động cho người công nhân, cho lao động.

Trong trạng thái suy thoái của xã hội, công nhân thiệt thòi hơn ai hết. Vì địa vị của mình là công nhân nên công nhân phải chịu đựng cái gánh nặng đặc thù của sức ép, nhưng vì trạng thái của xã hội mà công nhân phải chịu sức ép nói chung.

Nhưng trong trạng thái tiến lên của xã hội thì sự phá sản và sự bần cùng hoá của công nhân là sản phẩm của lao động của anh ta và của sự giàu có do anh ta tạo ra. Nói cách khác, sự cùng khổ bắt nguồn từ *bản chất* của chính lao động hiện tại.

Trạng thái giàu có nhất của xã hội, lý tưởng mà người ta vẫn có thể đạt gần tới và ít ra cũng là mục đích của kinh tế chính trị học cũng như của xã hội công dân, có nghĩa là *sự bần cùng thường xuyên* của công nhân.

Đĩ nhiên, kinh tế chính trị học coi *người vô sản*, - nghĩa là kẻ không có tư bản, cũng không có địa tô, chỉ sống độc bằng lao động, và hơn nữa bằng lao động phiến diện và trừu tượng - chỉ là *người công nhân*. Do đó, kinh tế chính trị học có thể đưa ra luận điểm rằng công nhân, cũng như mọi con ngựa, phải kiếm được đủ để có thể lao động. Nó không xét công nhân trong thời gian anh ta không có việc làm, không xét công nhân như một con người, việc ấy nó giao cho ngành tư pháp hình sự, thầy thuốc, tôn giáo, biểu thống kê, chính trị và người giám thị hành khất.

Bây giờ, chúng ta hãy vượt lên trên trình độ của kinh tế chính trị học và căn cứ vào những điều đã được trình bày ở trên và đã được trình bày hầu như bằng chính ngôn ngữ của các nhà kinh tế chính trị học mà tìm cách trả lời hai vấn đề sau đây:

1) Việc quy đại bộ phận loài người về lao động trù tuợng có ý nghĩa gì trong tiến trình phát triển của loài người?

2) Những người cải cách en détail^{1*} hoặc muốn *nâng* tiền công lên và do đó cải thiện địa vị của giai cấp công nhân, hoặc (như Pru-dông), coi *sự ngang bằng* của tiền công là mục đích của cách mạng xã hội phạm những sai lầm gì?

Trong kinh tế chính trị học, *lao động* chỉ hiện diện dưới hình thức *hoạt động nhằm có được tiền công*.

[VIII] "Có thể khẳng định rằng những việc làm đòi hỏi những năng lực đặc thù hoặc một sự đào tạo dài hơn thì nói chung là mang lại thu nhập nhiều hơn; còn tiền công tương ứng cho một hoạt động máy móc đơn điệu mà ai cũng có thể nhanh chóng và dễ dàng thích nghi được, thì hạ xuống và tất nhiên phải hạ xuống khi cạnh tranh tăng lên. Nhưng trong trạng thái tổ chức hiện nay của lao động, chính loại lao động *đó* là phổ biến nhất. Như vậy, nếu công nhân loại thứ nhất hiện nay kiếm được 7 lần nhiều hơn, còn công nhân loại thứ hai kiếm được như cách đây 50 năm về trước thì có lẽ là *tính trung bình*, cả hai đều kiếm được 4 lần nhiều hơn trước. Nhưng nếu trong một nước nào đó, loại lao động thứ nhất chỉ có 1.000 người, còn loại lao động thứ hai có một triệu, thì 999.000 người sống không hơn gì 50 năm về trước, còn nếu đồng thời giá cả những vật phẩm thiết yếu bậc nhất tăng lên thì họ sống *kém* trước. Và với *cách tính trung bình* hời hợt như thế, người ta định tự dối mình về giai cấp đông đảo nhất trong dân cư. Ngoài ra, lượng *tiền công* chỉ là một trong những yếu tố để đánh giá *thu nhập của công nhân*, vì muốn đo lường thu nhập đó thì điều căn bản là phải xét xem thu nhập đó được bảo đảm *bao lâu*, mà điều này hoàn toàn không thể có được trong trạng thái vô chính phủ của cái gọi là tự do cạnh tranh, với những dao động thường xuyên và những thời kỳ trì trệ thường xuyên của nó. Và cuối cùng, còn phải tính đến độ dài của *thời gian* lao động thông thường trước kia và hiện nay. Và lại, đối với công nhân Anh trong công nghiệp bông vải sợi khoảng 25 năm trở lại đây, nghĩa là chính từ khi áp dụng những máy móc tiết kiệm được

1* - vụn vặt.

lao động thì ngày lao động của công nhân vì bọn chủ xí nghiệp chạy theo lợi nhuận [IX] đã tăng lên đến mười hai - mười sáu giờ một ngày. Mà việc kéo dài ngày lao động ở một nước hoặc ở một ngành công nghiệp - khi quyền của người giàu bóc lột người nghèo một cách không hạn chế còn được thừa nhận ở khắp mọi nơi - thì ít hay nhiều cũng xảy ra cả ở những nơi khác" (Schulz. "Bewegung der, Production", p.65²⁷).

"Nhưng ngay cả nếu khẳng định rằng thu nhập trung bình của *tất cả* các giai cấp trong xã hội đều đã tăng lên, vừa là đúng vừa là sai đi nữa - thì sự khác nhau và sự thua kém *tương đối* của những thu nhập này so với những thu nhập khác vẫn có thể tăng thêm và do đó sự đối lập giữa giàu có và nghèo khổ có thể biểu hiện ngày càng mạnh hơn. Bởi vì chính *do chỗ* tổng sản lượng tăng lên và tùy theo sự tăng lên của tổng sản lượng mà những nhu cầu, những ham muốn và những đòi hỏi cũng tăng lên, do đó, sự nghèo khổ *tương đối* có thể tăng lên còn sự nghèo khổ *tuyệt đối* lại giảm xuống. Người Xa-mô-ét dùng mõ hải cẩu và cá ươn mà không nghèo vì trong xã hội khép kín của anh ta, ai cũng có nhu cầu như nhau. Nhưng trong một *quốc gia đang tiến lên* và sau một chục năm nào đó tổng sản lượng đã tăng lên một phần ba tỷ lệ với dân số thì người công nhân nào chỉ kiếm được như cách đây 10 năm, sẽ không sung túc như trước mà đã nghèo đi một phần ba" (như trên, tr.65-66).

Nhưng kinh tế chính trị học coi người công nhân chỉ là một súc vật lao động, chỉ là một con vật mà nhu cầu được quy thành những nhu cầu thể xác thiết yếu nhất mà thôi.

"Một dân tộc muốn phát triển tự do hơn về mặt tinh thần thì không được là nô lệ của những nhu cầu thể xác của mình, nô lệ cho thể xác của mình nữa. Vậy là trước hết người đó phải có *thời gian rỗi* để hoạt động tinh thần và hưởng thụ về mặt tinh thần. Những tiến bộ trong tổ chức của lao động đem lại khả năng dành thời gian để làm việc đó. Vì rằng trong thời đại chúng ta, với những động cơ mới và những máy móc cải tiến, chỉ một công nhân trong công xưởng bông vải sợi, thường làm xong một công việc mà trước kia cần phải có 100 và thậm chí 250 - 350 công nhân. Những kết quả tương tự đều có trong tất cả các ngành sản xuất, vì những lực lượng tự nhiên bên ngoài đều ngày càng được thu hút tham gia ngày càng nhiều hơn vào lao động con người. [X]. Nếu sự hao phí thời gian

và sức người cần thiết để thoả mãn một số lượng nhu cầu vật chất nào đó giảm đi một nửa so với trước thì thời gian thừa ra để hoạt động tinh thần và hưởng thụ tinh thần tăng thêm theo mức độ như thế mà không hại gì đến phúc lợi vật chất cả. Nhưng cả về mặt phân phối chiến lợi phẩm mà chúng ta giành lại được trong tay thần Crô-nô-xơ ngay cả trong lĩnh vực riêng của thần đó, tất cả đều phụ thuộc vào cái ngẫu nhiên mù quáng và bất công như trước. Ở Pháp, người ta tính rằng trong trạng thái sản xuất hiện nay, để thoả mãn tất cả những yêu cầu vật chất của xã hội, chỉ cần mọi người có khả năng lao động làm việc trung bình năm tiếng đồng hồ mỗi ngày là đủ... Mặc dù sự tiết kiệm thời gian đạt được bằng cách cải tiến máy móc, nhưng đối với đại bộ phận dân cư độ dài của thời gian lao động nô lệ trong các công xưởng chỉ tăng thêm thôi" (như trên, tr.67-68).

"Bước chuyển từ lao động thủ công phức tạp đòi hỏi phân tích lao động thủ công ấy thành những thao tác giản đơn. Nhưng lúc đầu, chỉ có *một bộ phận* những thao tác lập đi lập lại một cách đơn điệu mới được giao cho máy móc, còn bộ phận kia thì vẫn nằm trong tay con người. Theo bản chất của sự vật và căn cứ vào những kinh nghiệm nhất trí thì có thể coi chắc chắn rằng một hoạt động luôn luôn đơn điệu như thế là có hại cho tinh thần cũng như cho thể xác. Vì vậy khi *kết hợp* như thế công việc dùng máy móc với sự phân công đơn giản cho nhiều người thì tất cả những mặt bất lợi của sự phân công này nhất định phải lộ ra. Ngoài những cái khác ra, một chỉ số nói lên tính chất nguy hại của sự phân công như thế là tỷ lệ tử vong tăng thêm của công nhân công xưởng... [XI]. Sự khác nhau to lớn đó giữa công việc mà con người thực hiện bằng máy và công việc của con người *với tính cách* là cái máy... không được người ta tính đến" (như trên, tr.69).

"Nhưng trong đời sống tương lai của các dân tộc, những lực lượng mù quáng của tự nhiên tác động trong máy móc, sẽ trở thành nô lệ và nông nô của chúng ta" (như trên, tr.74).

"Trong các nhà máy kéo sợi ở Anh, người ta chỉ dùng có 158 818 nam và 196 818 nữ. Cứ 100 nam công nhân ở các nhà máy bông vải sợi thuộc tỉnh Lan-ca-xơ thì có 103 nữ và ở Xcốt-len, thậm chí có 209. Ở các nhà máy sợi gai của Anh ở Lít-xơ, cứ 100 nam công nhân thì có 147 nữ công nhân; ở Đan-đi và ở bờ biển phía đông Xcốt-len, thậm chí có 280. Ở các nhà máy dệt lụa của Anh

có nhiều nữ công nhân; ở các nhà máy len là nơi cần có thể lực lớn thì nam công nhân chiếm đa số. Ở những nhà máy bông vải sợi Bắc Mỹ, năm 1833, có không ít hơn 38 927 nữ cùng lao động với 18.593 nam. Như vậy, do những thay đổi trong tổ chức của lao động, phạm vi hoạt động lao động của phụ nữ đã được mở rộng thêm... Phụ nữ đã trở nên độc lập hơn về mặt kinh tế... Hai giới tính dịch lại gần nhau hơn về mặt xã hội" (như trên, tr.71-72).

"Năm 1835, làm việc trong những xưởng kéo sợi của nước Anh có động cơ chạy bằng hơi nước và sức nước, có 20 558 em từ 8 đến 12 tuổi; 35 867 em từ 12 tuổi đến 13 tuổi và cuối cùng 108 208 em từ 13 đến 18 tuổi... Có nhiên là những thành tựu sau này của cơ khí hoá ngày càng giải phóng con người khỏi những thao tác lao động đơn điệu, sẽ tác động theo hướng xoá bỏ dần [XII] điều tai hại đó. Nhưng cản trở những bước tiến nhanh chóng đó chính là việc các nhà tư bản có khả năng khai thác sức lao động của các giai cấp dưới, thậm chí của cả trẻ con, đối với họ việc đó dễ dàng hơn và rẻ hơn là sử dụng nguồn lực cơ khí" (như trên, tr.70 - 71).

"Huân tước Brum kêu gọi công nhân: "Hãy trở thành những nhà tư bản!"... Tai họa là ở chỗ hàng triệu người chỉ có thể kiếm được cho mình những tư liệu sinh hoạt ít ỏi bằng việc làm căng thẳng, làm cho cơ thể của họ hao mòn, làm què quặt họ về mặt đạo đức và trí tuệ, và ở chỗ họ phải coi việc có được một công việc thậm chí *như thế*, rất tai hại đối với họ là một hạnh phúc" (như trên, tr.60).

"Vậy muốn sống, những người không có sở hữu buộc phải trực tiếp hoặc gián tiếp *phục vụ* những người sở hữu, nghĩa là phụ thuộc vào họ" (*Pecqueur* "Théorie nouvelle D'économie soc, etc", p.409²⁸).

"*Tôi tớ trong nhà được tiền thuê; công nhân được tiền công; nhân viên được tiền lương*" (như trên, tr.409-410).

Một bên "cho thuê lao động của mình", "cho vay lao động của mình để lấy lợi tức", "làm việc thay cho người khác".

Bên khác, "cho thuê đối tượng lao động", "cho vay đối tượng lao động để lấy lợi tức", "bắt người khác phải lao động thay cho mình" (như trên, tr.411).

[XIII] "Chế độ kinh tế đó đẩy con người vào những nghề hết sức gớm ghiếc, vào một tình trạng đói trừ hết sức buồn nản và cay đắng đến nỗi so với chế độ đó, đời sống của người dã man hình như là một cuộc sống đế vương" (tác phẩm đã dẫn, tr.417-418).

"Những người không có của bán thể xác của chính mình dưới mọi hình thức (tr.421, - [422]). Những người thu thập giẻ rách cũ.

Trong quyển "Giải pháp cho vấn đề nhân khẩu v.v.", Pa-ri, 1842²⁹, *S.Lao-đơn* tính số người mại dâm ở Anh là 60 - 70 nghìn. Số đàn bà đức hạnh khả nghi cũng nhiều như thế (tr.228).

"Thời gian sống trung bình của con người bất hạnh không nhà không cửa ấy, từ khi họ đi vào con đường xấu xa, là vào khoảng 6 - 7 năm. Thành thử để duy trì số lượng những người mại dâm ở mức 60 - 70 nghìn người thì trong Vương quốc liên hiệp, mỗi năm ít ra phải có thêm 8-9 nghìn phụ nữ hiến mình cho cái nghề ty tiện đó, tức là mỗi ngày có 80 nạn nhân mới hoặc trung bình mỗi giờ *một người*; nếu trên toàn trái đất đều có cùng một tỷ lệ như thế thì tổng số những người bất hạnh ấy phải thường xuyên ở mức một triệu rưỡi người" (như trên, tr.229).

"Dân cùng khổ tăng lên cùng với quá trình tăng sự cùng khổ của họ; những con người chen chúc nhau đông nhất ở cái mức bản cùng cực điểm để giành nhau quyền đau khổ... Năm 1821, số dân của Ai-rơ-len là 6.801.827 người. Năm 1831, số đó tăng lên đến 7.764.010 người, nghĩa là tăng 14% trong mười năm. Ở Len-xơ, một tỉnh có đời sống sung túc nhất, dân số chỉ tăng có 8% trong khi ở Con-nốt, một tỉnh nghèo nhất, số dân tăng tới 21% ("Extraits des Enquêtes Publiées en Angleterre sur l'Irlande" Vienn, 1840)". (*Buret. "De la misère. etc"*. t.I, p [36], 37³⁰).

Kinh tế chính trị học xem xét lao động một cách trừu tượng như một vật; "lao động là một hàng hoá", nếu giá cả cao, thì có nghĩa là cầu về hàng hoá rất lớn; nếu giá cả thấp thì có nghĩa là cung rất lớn; "là hàng hoá, lao động ắt phải ngày càng hạ giá"; một phần sự cạnh tranh giữa tư bản và công nhân, một phần sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau buộc phải như vậy.

"Nhân khẩu công nhân bán lao động, buộc phải chịu nhận cái phần bé nhỏ nhất của sản phẩm... Lý luận về hàng hoá - lao động há chẳng phải là lý luận về chế độ nô lệ nguy trang hay sao?" (tác phẩm đã dẫn, tr.43). "Vậy tại sao người ta chỉ thấy lao động là một giá trị trao đổi?" (như trên, tr.44). "Những xí nghiệp lớn mua chủ yếu là lao động của đàn bà và trẻ em vì nó rẻ hơn lao động của đàn ông" (tác phẩm đã dẫn). "Đối với người thuê mình, người công nhân không phải là *người được tự do bán*... Nhà tư bản bao giờ cũng được tự do sử dụng lao động, còn công nhân thì bao giờ cũng buộc phải bán lao động. Lao động sẽ hoàn toàn mất hết giá trị nếu không được bán đi từng giờ từng phút. Lao động không tích lũy được, thậm chí cũng không để dành được, khác với những hàng hoá thật sự. [XIV] Lao động là sự sống, mà sự sống thì sẽ tàn lụi và tiêu vong nhanh chóng, nếu hàng ngày không được trao đổi với thực phẩm. Do đó, muốn cho sự sống của con người trở thành hàng hoá thì phải thừa nhận chế độ nô lệ" (tác phẩm đã dẫn, tr.49-50).

Như vậy, nếu lao động là hàng hoá thì nó là hàng hoá có những thuộc tính bất hạnh. Nhưng ngay cả theo những nguyên lý của kinh tế chính trị học thì lao động không phải là hàng hoá, vì nó không phải là "kết quả tự do của một thị trường tự do" [tác phẩm đã dẫn, tr.50]. Chế độ kinh tế hiện có

"hạ thấp cả giá cả của lao động lẫn tiền công của lao động, nó hoàn thiện người công nhân và hạ thấp con người" (tác phẩm đã dẫn, tr. 52-53). "Công nghiệp trở thành chiến tranh, còn thương nghiệp thì trở thành trò đánh bạc" (tác phẩm đã dẫn, tr.62).

"(Ở nước Anh) chỉ riêng những máy móc chế biến bông đã thực hiện được công việc của 84.000.000 người lao động thủ công" [tác phẩm đã dẫn, tr.193. Chú thích].

Cho tới nay công nghiệp đã ở vào trạng thái chiến tranh xâm lược:

"nó đã phung phí sinh mệnh của những người hợp thành đạo quân của nó, một cách cũng bình thản như những người chinh phục vĩ đại. Mục đích của nó là có được của cải chứ không phải hạnh phúc của con người" (*Buret*, tác phẩm đã dẫn, tr.20). "Những lợi ích ấy" (nghĩa là những lợi ích kinh tế) "nếu cứ phó

mặc cho chúng tự do hành động... thì chúng không khỏi xung đột lẫn nhau; chúng không có kẻ trọng tài nào khác ngoài chiến tranh, những bản phán quyết của chiến tranh thì mang lại cho những lợi ích này sự thất bại và diệt vong, để đảm bảo thắng lợi cho những lợi ích khác... Khoa học đi tìm trật tự và thăng bằng trong sự xung đột của những lực lượng đối lập: *chiến tranh không ngừng*, theo ý kiến của khoa học, là phương thức duy nhất để đạt tới hoà bình; cuộc chiến tranh đó gọi là cạnh tranh" (tác phẩm đã dẫn, tr.23).

"Để tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh công nghiệp, cần có những đạo quân đông đảo có thể tập trung vào một điểm và tung vào trận, không đếm xỉa đến tổn thất. Những binh sĩ của đạo quân đó phải gánh chịu những khó nhọc mà người ta buộc họ phải chịu, không phải vì lòng tận tụy hay vì nghĩa vụ; họ làm thế chỉ là để thoát khỏi nạn đói không khỏi đe dọa họ. Họ không quen luyện, cũng không biết ơn những cấp chỉ huy của họ. Những cấp chỉ huy ấy không có chút thiện cảm nào với cấp dưới của mình, họ không coi cấp dưới của họ là những con người mà chỉ là những công cụ sản xuất phải mang lại càng nhiều thu nhập càng hay với chi phí càng ít càng tốt. Những công nhân ngày càng đông đúc ấy không có ngay cả sự an tâm là sẽ luôn luôn được sử dụng; công nghiệp tập hợp họ lại, chỉ cho họ sống khi cần đến họ; và một khi có thể không cần đến họ thì nó không ngần ngại bỏ mặc họ, và công nhân buộc phải nhượng con người mình và sức lực của mình theo một giá mà người ta sẵn sàng trả cho họ. Công việc mà người ta trao cho họ càng lâu dài, nặng nhọc và ghê tởm bao nhiêu thì họ được trả công càng ít bấy nhiêu; người ta thấy có những công nhân làm việc khẩn trương liên tục mỗi ngày 16 giờ, mà không mua nổi quyền khỏi chết đói" (tác phẩm đã dẫn, tr. [68]-69).

[XV] "Chúng tôi tin - và niềm tin này được sự tán thành của những người được trao trách nhiệm điều tra điều kiện sinh hoạt của thợ dệt thủ công - rằng những thành phố công nghiệp lớn sẽ mất dần lao động của mình trong một thời gian ngắn, nếu không thường xuyên nhận được những lớp người mạnh khỏe, có dòng máu mới, không ngừng đổ tới từ những vùng nông thôn lân cận" (tác phẩm đã dẫn, tr.362).

LỢI NHUẬN CỦA TƯ BẢN^{1*}

1) TƯ BẢN

[I] 1) *Tư bản*, nghĩa là quyền tư hữu về sản phẩm lao động của người khác, dựa vào cái gì?

"Nếu ngay cả tư bản không phải là kết quả của sự cướp đoạt hay sự lừa bịp, thì vẫn cần đến sự giúp đỡ của lập pháp để làm cho sự kế thừa trở nên thiêng liêng" (Say, T.I, p.136, note³¹).

Con người trở thành kẻ sở hữu vốn sản xuất như thế nào? Con người trở thành kẻ sở hữu sản phẩm được sản xuất ra nhờ những vốn đó như thế nào?

Nhờ *luật pháp hiện hành* (Say, T.II. p.4).

Người ta thu được gì cùng với tư bản, chẳng hạn như khi được kế thừa một tài sản lớn?

"Người nào kế thừa một tài sản lớn thì cũng không do đó mà trực tiếp có được quyền lực chính trị. Việc có tài sản đó chỉ trực tiếp đem lại cho người đó *khả năng mua*, chi phối toàn bộ lao động hoặc toàn bộ sản phẩm của lao động tồn tại trong thời điểm đó trên thị trường" (Smith. T.I, p.61) [Bản dịch tiếng Nga, tr.38-39].

Vậy, tư bản là *quyền chỉ huy* lao động và sản phẩm của lao động. Nhà tư bản có được quyền đó không phải nhờ những phẩm chất cá nhân hay phẩm chất con người của hắn, mà chỉ có được

1* Trong nguyên bản phạm trù này được biểu thị bằng những thuật ngữ khác nhau: Profit des Kapitals, Gewinn der Kapitalien. Gewinn des Kapitals, Gewin v.v..

với tư cách là *người sở hữu* tư sản. Sức mạnh của hắn là sức *mua* của tư bản của hắn, sức mua mà không có gì có thể chống lại nổi.

Dưới đây, chúng ta sẽ thấy, một là nhà tư bản dùng tư bản của mình để thực hiện như thế nào cái quyền chỉ huy của hắn đối với lao động, sau nữa là chúng ta cũng sẽ thấy cả cái quyền chỉ huy của tư bản đối với bản thân nhà tư bản.

Tư bản là gì?

"Một số lượng nhất định *lao động tích lũy* và được dành làm dự trữ" (*Smith*. T.II. p.312) [Bản dịch tiếng Nga, tr.244].

Tư bản là *lao động tích lũy*.

2) *Vốn [fonds, stock]* là một tích góp những sản phẩm của ruộng đất và của lao động công nghiệp. Nó chỉ mang tên gọi là *tư bản* khi nó đem lại một thu nhập hay lợi nhuận cho kẻ sở hữu nó (*Smith*. T.II. p. 191)³².

2) LỢI NHUẬN CỦA TƯ BẢN

"*Lợi nhuận của tư bản* hoàn toàn khác *tiền công*. Sự khác nhau giữa chúng biểu hiện ra bằng hai cách. Một là lợi nhuận của tư bản hoạt động do giá trị của tư bản bỏ ra quyết định, tuy đối với những tư bản khác nhau, lao động giám thị và quản lý có thể là như nhau. Thêm vào đó, trong những công xưởng lớn, toàn bộ lao động loại ấy được trao cho một người làm công chủ yếu mà lương của người này tuyệt nhiên không tỷ lệ [II] với tư bản mà anh ta theo dõi sự hoạt động". Mặc dầu trong trường hợp này, lao động của người sở hữu hầu như không có gì cả, nhưng người sở hữu đòi cho mình khoản lợi nhuận tỷ lệ với lượng tư bản của hắn (*Smith*. T.I, p.97-99) [Bản dịch tiếng Nga, tr.51].

Trên cơ sở nào nhà tư bản đòi phải tuân thủ một tỷ lệ như thế giữa lợi nhuận và tư bản?

"Anh ta sẽ không *hùng thú* dùng công nhân, nếu khi bán sản phẩm của họ, làm ra, anh ta không hy vọng thu được nhiều hơn cái cần thiết để bù lại số vốn"

mà anh ta đã ứng ra để trả tiền công; và anh ta sẽ không *hùng thú* dùng một số vốn lớn hơn chứ không phải nhỏ hơn, nếu lợi nhuận của anh ta không tỷ lệ thuận với quy mô của số vốn đã bỏ ra (*Smith*. T.I, p.96-97) [Bản dịch tiếng Nga, tr.51].

Vậy nhà tư bản so lợi nhuận, một là với tiền công, và hai là với nguyên liệu đã ứng trước.

Nhưng tỷ lệ giữa lợi nhuận và tư bản là như thế nào?

Nếu xác định tỷ suất trung bình thông thường của tiền công ở một nơi nhất định và trong một lúc nhất định đã khó thì xác định lợi nhuận trung bình của tư bản càng khó. Những thay đổi trong giá cả hàng hoá mà tư bản gặp phải, thành công hoặc thất bại của các đối thủ cạnh tranh và khách hàng của tư bản, hàng nghìn điều ngẫu nhiên khác mà hàng hoá gặp phải khi vận chuyển cũng như ở trong kho, - tất cả những điều đó gây nên những thay đổi hàng ngày và hầu như hàng giờ trong lợi nhuận (*Smith*. T.I, tr.179-180) [Bản dịch tiếng Nga, tr.80]. Mặc dầu không có khả năng xác định một cách khá chính xác mức lợi nhuận của tư bản, nhưng vẫn có thể có được một ý niệm về lợi nhuận đó, nếu căn cứ vào *lợi tức của tiền tệ*. Nếu có tiền mà nhờ sử dụng nó có thể kiếm được nhiều lợi nhuận thì nói chung người ta trả những lợi tức cao để đổi lấy khả năng sử dụng tiền; còn nếu như lợi nhuận không cao thì lợi tức cũng ít (*Smith*. T.I, tr.181) [Bản dịch tiếng Nga, tr.80]. "Tỷ lệ nhất thiết phải tuân thủ giữa tỷ suất lợi tức thông thường và tỷ suất thông thường của lợi nhuận rỗng nhất định thay đổi theo sự tăng lên hay giảm xuống của lợi nhuận. Ở nước Anh, cái mà những nhà buôn gọi là *lợi nhuận thích hợp, vừa phải, chấp nhận được*, được tính gấp đôi lợi tức, tất cả những từ đó chỉ biểu thị một điều, rằng đó là *lợi nhuận trung bình, thông thường*" (*Smith*. T.I, p.198) [Bản dịch tiếng Nga, tr.86].

Tỷ suất lợi nhuận *thấp nhất* là thế nào? Tỷ suất *cao nhất* là thế nào?

"*Tỷ suất thấp nhất* của lợi nhuận thông thường của tư bản bao giờ cũng phải *hơi cao hơn* cái cần thiết để bù lại những tổn thất ngẫu nhiên mà mọi việc sử dụng tư bản gặp phải. Số thừa ra đó chính là lợi nhuận thực thụ, hoặc thu nhập rỗng". Với tỷ suất thấp nhất của lợi tức thì cũng hết như vậy (*Smith*. T.I, p.196) [Bản dịch tiếng Nga, tr.85].

[III] "*Tỷ suất lợi nhuận thông thường cao nhất có thể là tỷ suất thâu tóm cái bộ phận giá cả của đa số hàng hoá phải chuyển thành địa tô, chỉ để lại cái cần thiết để trả công cho lao động sản xuất và đưa hàng hoá ra thị trường, và lại trả công theo giá cả thấp nhất mà theo đó có thể mua lao động ở bất cứ nơi nào và vừa đủ cho công nhân tồn tại. Bằng cách này hay cách khác, dù sao công nhân cũng phải được nuôi sống trong thời gian họ được sử dụng làm việc; đối với người sở hữu ruộng đất thì không phải lúc nào cũng có thể chuyển cho anh ta cái gì đó*". Thí dụ: những người của Công ty thương mại Đông Ấn ở Ben-gan (*Smith*, T.I, p. [197] - 198) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 86].

Ngoài tất cả những mối lợi của sự cạnh tranh yếu ớt mà nhà tư bản có quyền *lợi dụng* trong trường hợp này, anh ta có thể duy trì một cách đứng đắn giá cả thị trường cao hơn mức giá cả tự nhiên.

Một là, nhờ có bí mật thương nghiệp, khi thị trường ở rất xa những người tiêu thụ hàng hoá của mình trên thị trường đó; trong trường hợp này có thể giữ kín sự thay đổi đã có của giá cả - sự tăng lên của chúng cao hơn giá cả tự nhiên. Việc giữ kín như vậy làm cho các nhà tư bản khác không bỏ tư bản của họ vào ngành đó.

Rồi nhờ *bí mật công xưởng* là cái cho phép nhà tư bản có thể, với chi phí sản xuất ít hơn, cung cấp hàng hoá của mình với cùng một giá hoặc thậm chí với một giá thấp hơn giá của những kẻ cạnh tranh với mình mà thu được nhiều lợi nhuận. - (Lừa người bằng cách giữ bí mật không phải là phi đạo đức hay sao? Buôn bán ở sở giao dịch). - *Sau nữa: ở chỗ nào mà sản xuất gắn liền với một địa phương nhất định (chẳng hạn như rượu nho quý) và không bao giờ có thể thoả mãn số cầu thực tế. Và cuối cùng, nhờ có độc quyền của những cá nhân và của những công ty. Giá cả độc quyền đạt tới giới hạn có thể có* (*Smith*, T.I, p.120-124) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 50-61].

Những nguyên nhân ngẫu nhiên khác có thể nâng lợi nhuận của tư bản lên:

Việc đoạt được những lãnh thổ mới hoặc sự xuất hiện những ngành thương nghiệp mới thường làm tăng lợi nhuận của tư bản lên, ngay cả ở một nước giàu có, vì việc đó rút một bộ phận tư bản khỏi những ngành thương nghiệp cũ, làm

điều bớt cạnh tranh, làm giảm số lượng hàng hoá tung ra thị trường, do đó giá cả những hàng hoá này tăng lên; lúc đó, những người buôn bán những hàng hoá đó có thể trả lợi tức cao hơn cho những món nợ bằng tiền (*Smith*, T.I, p.190) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 83-84].

"Hàng hoá mà càng mất nhiều công chế tạo hơn thì cái bộ phận giá cả phân ra thành tiền công và lợi nhuận tăng lên càng nhiều hơn bộ phận tạo thành địa tô. Cùng với sự phát triển của công nghiệp chế tạo, không những chuỗi lợi nhuận kế tiếp nhau tăng lên, mà mỗi lợi nhuận thu được sau đó cũng trở nên lớn hơn lợi nhuận thu được trong giai đoạn trước đó, vì tư bản, [IV] từ đó lợi nhuận nảy sinh ra, tất nhiên ngày càng lớn. Tư bản dùng để thuê thợ dệt bao giờ cũng phải lớn hơn tư bản dùng để thuê thợ kéo sợi, vì không những nó bù lại tư bản nói sau cùng với lợi nhuận của tư bản này, mà ngoài ra nó còn trả tiền công của thợ dệt, mà lợi nhuận thì bao giờ cũng phải ở trong một tỷ lệ nhất định với tư bản" (T.I, p.102-103) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 52-53].

Như vậy, việc kết hợp lao động con người vào sản phẩm tự nhiên khi chế biến và chế biến lại sản phẩm đó không làm tăng tiền công, mà một phần làm tăng số lượng những tư bản đem lại lợi nhuận, một phần làm tăng đại lượng của mỗi tư bản sau so với tư bản trước.

Về mối lợi mà nhà tư bản rút ra từ phân công lao động thì sau đây chúng ta sẽ nói đến.

Nhà tư bản được lợi hai mặt: một là do sự phân công, hai là nói chung do sự tăng lên của phần lao động con người kết hợp vào sản phẩm tự nhiên. Phần của con người tham gia vào hàng hoá càng nhiều thì lợi nhuận của tư bản không sinh khí càng lớn.

"Trong cùng một xã hội, tỷ suất lợi nhuận trung bình của tư bản là gắn với mức thống nhất hơn là tiền công của các loại lao động khác nhau" (T.I, p.228) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 97]. "Khi tư bản được sử dụng bằng nhiều cách khác nhau, tỷ suất lợi nhuận thông thường thay đổi tùy theo việc thu hồi tư bản được đảm bảo nhiều hay ít. Tỷ suất lợi nhuận tăng lên cùng với sự bất trắc, tuy hoàn toàn không tăng theo cùng một tỷ lệ" (ibid. [p.226-227]) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 96].

Đĩ nhiên là những lợi nhuận của tư bản cũng tăng thêm do phương tiện lưu thông (thí dụ tiền giấy) giảm xuống hoặc rẻ đi.

3) SỰ THỐNG TRỊ CỦA TƯ BẢN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG VÀ ĐỘNG CƠ CỦA NHÀ TƯ BẢN

"Động cơ duy nhất thúc đẩy người có tư bản đem dùng tư bản vào nông nghiệp, vào công nghiệp hoặc vào một ngành nào đó của thương nghiệp bán buôn hoặc bán lẻ, là việc chạy theo lợi nhuận của bản thân anh ta. Anh ta không bao giờ có ý nghĩ tính xem mỗi một phương thức sử dụng tư bản đó sẽ đưa bao nhiêu *lao động sản xuất* vào hoạt động [V] hoặc sẽ tăng giá trị sản phẩm hàng năm của đất đai và của lao động trong nước mình đến mức nào" (*Smith*. T.II, p.400-401) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 275-276].

"Việc sử dụng tư bản có lợi nhất cho nhà tư bản sẽ là việc sử dụng nào đem lại cho anh ta lợi nhuận lớn nhất trong điều kiện độ chắc chắn như nhau. Việc sử dụng ấy không phải bao giờ cũng sẽ có lợi nhất cho xã hội. Có lợi nhất là việc sử dụng tư bản nhằm thu được ích lợi từ các lực lượng sản xuất của tự nhiên" (*Say*. T.II, p.[130]-131).

"Những thao tác lao động quan trọng nhất được điều chỉnh và chỉ đạo theo các kế hoạch và tính toán của những người đầu tư. Và mục đích mà họ đặt ra cho họ trong tất cả những kế hoạch và tính toán ấy là *lợi nhuận*. Không giống như địa tô và tiền công, tỷ suất lợi nhuận không tăng lên cùng với sự phồn vinh của xã hội và không hạ xuống cùng với sự suy sụp của xã hội. Ngược lại, tỷ suất đó tự nhiên là phải thấp ở những nước giàu và cao ở những nước nghèo; và không đâu tỷ suất đó lại cao như ở những nước đang lao nhanh nhất đến sự phá sản hoàn toàn. Do đó, lợi ích của giai cấp đó không gắn liền với lợi ích chung của xã hội, như lợi ích của hai giai cấp kia... Những lợi ích đặc biệt của những người kinh doanh một ngành đặc biệt nào đó của thương nghiệp hay của công nghiệp, về một mặt nào đó, bao giờ cũng khác và thậm chí thường trái ngược một cách đối địch với lợi ích của công chúng. Thương nhân luôn luôn muốn mở rộng thị trường và hạn chế sự cạnh tranh của những người bán... Đó là giai cấp những

người mà lợi ích sẽ không bao giờ nhất trí hẳn với lợi ích của xã hội, là giai cấp những người nói chung có lợi trong việc lừa dối công chúng và trong việc trút thêm gánh nặng lên vai công chúng" (*Smith*. T.II, p.163-165) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 195].

4) TÍCH LŨY TƯ BẢN VÀ CẠNH TRANH GIỮA CÁC NHÀ TƯ BẢN

Sự tăng thêm của tư bản khiến cho tiền công tăng lên, lại có *khuyh hướng* làm giảm lợi nhuận của các nhà tư bản do *sự cạnh tranh* giữa các nhà tư bản với nhau (*Smith*. T. I, p.179) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 80].

"Khi chẳng hạn tư bản cần cho việc buôn bán tạp hoá trong một thành phố được phân ra cho hai người buôn tạp hoá, thì cạnh tranh làm cho mỗi người sẽ bán rẻ hơn là khi tư bản đó chỉ nằm trong tay một người; và nếu tư bản được phân ra cho hai mươi người [VI] thì cạnh tranh giữa họ sẽ càng tích cực thêm, và họ sẽ càng có ít khả năng thoả thuận với nhau để nâng cao giá cả hàng hoá của họ lên" (*Smith*. T.II, p.372-373) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 266].

Vì chúng ta đã biết rằng, giá cả độc quyền đạt tới giới hạn có thể được, vì ngay cả theo quan điểm của kinh tế chính trị học thông thường, lợi ích của các nhà tư bản cũng đối lập thù địch với lợi ích của xã hội, vì sự tăng lên của lợi nhuận của tư bản tác động đến giá cả hàng hoá, giống như tác động của lợi tức kép²⁵ (*Smith*. T.I, p.199-201) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 87], - nên *cạnh tranh* là phương tiện bảo vệ duy nhất chống lại các nhà tư bản; theo lời các nhà kinh tế chính trị học, nó có ảnh hưởng tốt đến cả việc nâng cao tiền công lẫn việc giảm giá hàng hoá, có lợi cho công chúng tiêu dùng³³.

Nhưng cạnh tranh chỉ có thể xảy ra vì các tư bản tăng lên và hơn nữa tăng lên trong tay nhiều người. Chỉ có tích lũy nhiều chiều thì mới có thể có nhiều tư bản, vì nói chung tư bản chỉ hình thành nhờ tích lũy, mà một sự tích lũy nhiều chiều thì nhất định phải biến thành tích lũy một chiều. Cạnh tranh giữa các tư bản làm tăng thêm sự tích lũy tư bản. Tích lũy, dưới

sự thống trị của chế độ tư hữu, là *sự tích tụ* tư bản vào tay một số ít người, nói chung nó là một hậu quả tất yếu, nếu các tư bản được tự do đi theo tiến trình tự nhiên của chúng; chính thông qua cạnh tranh mà công dụng tự nhiên này của tư bản mở cho mình con đường tự do thực sự.

Chúng ta đã nghe nói rằng lợi nhuận của tư bản tỷ lệ với quy mô của nó. Cho nên ngay cả nếu lúc đầu hoàn toàn không kể đến sự cạnh tranh có chủ định thì một tư bản lớn được tích lũy nhanh hơn tư bản nhỏ [VI], tương ứng với lượng của nó.

[VIII] Như vậy, cũng hoàn toàn không kể đến cạnh tranh, sự tích lũy của tư bản lớn diễn ra nhanh hơn nhiều so với sự tích lũy của tư bản nhỏ. Nhưng chúng ta hãy tiếp tục theo dõi tiến trình tích lũy đó.

Tư bản tăng lên thì do cạnh tranh, lợi nhuận của tư bản giảm xuống. Vậy, nhà tư bản nhỏ là người chịu thiệt trước tiên.

Sự tăng lên của các tư bản và sự tồn tại của một số lớn các tư bản có tiền đề là sự giàu có ngày càng tăng tiến của đất nước.

"Trong một nước đã đạt đến trình độ giàu có rất cao, tỷ suất thông thường của lợi nhuận nhỏ đến mức lợi tức, mà lợi nhuận cho phép trả, quá thấp khiến ngoài những người giàu có nhất, không ai có thể sống bằng lợi tức của tiền bạc của mình được. Vì vậy tất cả những người có dư dật trung bình buộc phải tự mình tung tư bản của mình sử dụng nó vào một công việc kinh doanh nào đó hoặc tham gia một ngành thương nghiệp nào đó" (*Smith*, T.I, p.[196] - 197). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 86].

Trạng thái đó là một trạng thái ưa thích của kinh tế chính trị học.

"Đâu đâu tỷ lệ giữa tổng số tư bản và tổng số thu nhập cũng đều quyết định tỷ lệ giữa sự chăm chỉ và sự ăn không ngồi rồi; bất cứ ở đâu mà tư bản thống trị thì ở đó sự chăm chỉ cũng chiếm ưu thế; bất cứ ở đâu mà thu nhập thống trị thì ở đó sự ăn không ngồi rồi chiếm ưu thế" (*Smith*, T.I, p.325). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 249].

Vậy việc dùng tư bản trong hoàn cảnh cạnh tranh tăng lên như thế nào?

"Tư bản càng tăng thêm thì số lượng những vốn cho vay lấy lợi tức phải luôn luôn tăng lên. Những vốn như vậy tăng lên thì lợi tức giảm xuống, 1) Vì giá cả thị trường của mọi vật phẩm hạ xuống khi số lượng của những vật phẩm này tăng lên và 2) vì *các tư bản mà tăng lên thì trong nước ngày càng khó* tìm được cách sử dụng có lợi cho tư bản mới. Giữa các tư bản nổ ra một cuộc cạnh tranh, vì người có tư bản này hết sức cố gắng giành lấy công việc mà một tư bản khác đã chiếm giữ. Nhưng rất thường khi anh ta không thể hy vọng gạt bỏ tư bản khác ấy, nếu không đưa ra những điều kiện có lợi hơn. Không những anh ta phải bán vật phẩm với giá rẻ hơn mà thường thường để tìm cơ hội bán, anh ta đôi khi còn phải mua với giá đắt hơn. Số vốn dùng để duy trì lao động sản xuất càng lớn thì cầu về lao động càng lớn: công nhân dễ kiếm việc, [IX] nhưng các nhà tư bản thì lại gặp khó khăn trong việc tìm kiếm công nhân. Cạnh tranh giữa các nhà tư bản làm cho tiền công tăng lên và lợi nhuận hạ xuống" (*Smith*, T. II, p.358-359). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 260].

Vậy nhà tư bản nhỏ phải lựa chọn: 1) hoặc là ăn hết tư bản của mình, vì anh ta không thể sống bằng lợi tức được nữa, do đó không còn là nhà tư bản nữa; 2) hoặc là tự mình tiến hành kinh doanh, bán hàng hoá của mình rẻ hơn và mua vào đắt hơn nhà tư bản giàu hơn mình, và trả tiền công cao hơn; vậy là bị phá sản, vì giá cả thị trường đã rất thấp do có cạnh tranh mạnh mẽ như đã giả định. Trái lại, nếu nhà tư bản lớn muốn gạt nhà tư bản nhỏ thì so với nhà tư bản nhỏ, anh ta có mọi ưu thế mà một nhà tư bản, với tính cách là nhà tư bản, vốn có so với công nhân. Mức [tỷ suất] lợi nhuận nhỏ hơn được bù lại cho anh ta bằng lượng tư bản lớn hơn, và anh ta thậm chí có thể chịu những thua lỗ tạm thời, cho đến khi nhà tư bản nhỏ hơn bị phá sản và khi anh ta thoát khỏi sự cạnh tranh của nhà tư bản này. Anh ta thu gom lợi nhuận của nhà tư bản nhỏ vào tay mình như vậy đó.

Sau nữa: nhà tư bản lớn bao giờ cũng mua được rẻ hơn nhà tư bản nhỏ, vì anh ta mua những số lượng lớn hơn. Cho nên anh ta có thể bán rẻ hơn mà không bị thiệt.

Nhưng nếu lợi tức cho vay hạ xuống biến những nhà tư bản trung bình từ người thực lợi thành người kinh doanh, thì ngược lại: sự tăng lên của số tư bản bỏ vào kinh doanh và sự giảm xuống - do đó mà ra - của [tỷ suất] lợi nhuận, lại làm cho lợi tức cho vay hạ xuống.

"Đồng thời với việc lợi nhuận có thể thu được trong việc sử dụng tư bản hạ xuống, giá cả có thể trả để sử dụng tư bản đó cũng nhất thiết giảm xuống" (*Smith*. T.II, p.359). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 260].

"Của cải, công nghiệp, nhân khẩu tăng càng nhiều thì lợi tức cho vay, và do đó cả lợi nhuận của tư bản giảm càng nhiều, tuy nhiên bản thân các tư bản tiếp tục tăng lên và thậm chí còn tăng lên nhanh hơn trước, mặc dù lợi nhuận hạ xuống. Một tư bản lớn, tuy thu được lợi nhuận thấp, nhưng thường tăng lên nhanh hơn nhiều so với tư bản nhỏ thu lợi nhuận lớn. Tục ngữ nói: tiền đẻ ra tiền" (*Smith*. T.I, p.189). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 83].

Còn, nếu những tư bản nhỏ có lợi nhuận thấp đối lập với tư bản lớn ấy, như đã xảy ra trong trạng thái cạnh tranh mãnh liệt mà chúng ta đã giả định, thì tư bản lớn sẽ hoàn toàn đè bẹp các tư bản nhỏ.

Với sự cạnh tranh như vậy, hậu quả tất yếu là tình trạng phẩm chất hàng hoá kém đi một cách phổ biến, việc làm giả, sản xuất giả, sự đầu độc phổ biến, như người ta thấy ở thành thị lớn.

[X] Sau nữa, một điều quan trọng trong sự cạnh tranh của những tư bản lớn và nhỏ là tỷ lệ giữa *tư bản cố định* và *tư bản lưu động*.

"*Tư bản lưu động* là tư bản được sử dụng trong việc sản xuất những tư liệu sinh hoạt, trong công xưởng hoặc trong thương nghiệp. Tư bản đó không đem lại thu nhập hoặc lợi nhuận cho người chiếm hữu nó, chừng nào nó vẫn còn nằm trong tay người đó, hoặc chừng nào nó vẫn giữ hình thức cũ. Nó thường xuyên

ra khỏi bàn tay của chủ nó dưới một hình thức này để quay trở lại dưới một hình thức khác, và mang lại lợi nhuận chỉ nhờ sự lưu thông như vậy, hoặc sự chuyển hoá liên tiếp như vậy: *Tư bản cố định* là tư bản bỏ ra để cải thiện đất đai, mua máy móc, dụng cụ, công cụ hành nghề v.v." (*Smith*. [T.II], p.197-198). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 205-206].

"Bất cứ sự tiết kiệm nào trong việc chi tiêu để duy trì tư bản cố định đều làm tăng lợi nhuận ròng. Tổng tư bản của mỗi nhà kinh doanh tất phải phân thành tư bản cố định và tư bản lưu động của anh ta. Nếu tổng tư bản của anh ta vẫn không thay đổi, thì một bộ phận của nó mà càng nhỏ, bộ phận kia lại càng lớn. Tư bản lưu động chi tiêu cho nguyên liệu và tiền công và làm cho sản xuất hoạt động. Như vậy, bất cứ sự tiết kiệm nào về bộ phận tư bản cố định mà không làm giảm sức sản xuất của lao động thì đều tăng vốn làm cho sản xuất chạy" (*Smith*. T.II, p.226). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 215-216].

Ngay từ đầu ta đã thấy rằng tỷ lệ giữa tư bản cố định và tư bản lưu động là có lợi cho nhà tư bản lớn nhiều hơn là cho nhà tư bản nhỏ. Chủ ngân hàng rất lớn cần có tư bản cố định chỉ lớn hơn một chút so với chủ ngân hàng rất nhỏ; tư bản cố định của họ chỉ là chi phí cho văn phòng mà thôi. Công cụ sản xuất của địa chủ lớn tăng lên không mấy may tỷ lệ với diện tích đất đai của anh ta. Cũng vậy, tín dụng mà nhà tư bản lớn có khác với nhà tư bản nhỏ, là sự tiết kiệm lớn hơn tương ứng về tư bản cố định, tức là về số tiền mà anh ta bao giờ cũng phải có sẵn. Và, cuối cùng, dĩ nhiên là ở chỗ nào mà lao động công nghiệp đạt tới trình độ phát triển cao, vậy là ở chỗ nào mà hầu hết lao động chân tay trở thành lao động công xưởng, thì ở đó toàn bộ tư bản của nhà tư bản nhỏ không đủ để có được ngay cả tư bản cố định cần thiết. Biết rằng công việc trong cơ sở kinh doanh lớn thường đòi hỏi phải có một số lượng không lớn nhân công.

Nói chung, trong sự tích lũy của tư bản lớn, cũng diễn ra sự tích tụ tương ứng và sự đơn giản hoá của tư bản cố định

so với những nhà tư bản nhỏ hơn. Nhà tư bản lớn áp dụng cho mình một kiểu [XI] tổ chức công cụ lao động.

"Trong lĩnh vực công nghiệp cũng vậy, mỗi công trường thủ công và mỗi công xưởng cũng đã là một sự kết hợp rộng rãi hơn những của cải vật chất khá lớn với những năng lực trí tuệ và tài khéo léo về kỹ thuật rất nhiều và lắm về vì mục đích *chung* của sản xuất... Ở chỗ nào mà pháp luật duy trì những điền sản rộng lớn thì số nhân khẩu dư thừa đang tăng lên đổ xô vào hoạt động công nghiệp, và kết quả là, như chúng ta thấy ở Anh, những khối đông người vô sản tập trung chủ yếu là trong lĩnh vực công nghiệp. Còn ở đâu mà pháp luật cho phép phân chia ruộng đất không ngừng như xảy ra ở Pháp, thì ở đó số người sở hữu nhỏ và mắc nợ tăng lên, trong quá trình liên tục phân chia manh mún, họ tự rơi vào giai cấp những người túng thiếu và bất mãn. Nếu cuối cùng, sự phân chia manh mún và tình trạng nợ nần đó đạt tới mức độ đặc biệt cao thì sở hữu lớn về ruộng đất lại sẽ thôn tính sở hữu nhỏ, giống như công nghiệp lớn tiêu diệt công nghiệp nhỏ; và vì những tổ hợp tương đối lớn về ruộng đất lại hình thành, cho nên toàn bộ cái khối công nhân không có của không tuyệt đối cần thiết cho việc canh tác ruộng đất, lại dồn vào công nghiệp" (*Schulz. Bewegung der Production*", p.[58]-59).

"Các thuộc tính của những hàng hoá cùng loại biến đổi do những thay đổi trong phương thức sản xuất, đặc biệt là do sử dụng máy móc. Chỉ có loại bỏ sức lực con người, mới có khả năng kéo một phun-tơ bông trị giá 3 si-linh 8 pen-xơ thành 350 con chỉ dài 167 dặm Anh hay 36 dặm Đức, trị giá 25 ghi-nê" (như trên, tr.62).

"Tính trung bình giá sản phẩm vải bông ở Anh đã hạ xuống 11/12 trong 45 năm qua, và cùng một số lượng công nghiệp phẩm năm 1814 còn trị giá 16 si-linh thì hiện nay theo sự tính toán của Mác-san trị giá 1 si-linh 10 pen-xơ. Giá rẻ hơn của công nghiệp phẩm đã làm tăng cả sự tiêu dùng trong nước lẫn sự tiêu thụ trên thị trường ngoài nước, do đó ở nước Anh, sau khi dùng máy móc, số lượng công nhân trong công nghiệp bông vải sợi không những không giảm đi mà còn tăng từ 4 vạn người lên đến 1 triệu rưỡi người. [XII]. Còn về thu nhập của các nhà kinh doanh công nghiệp và của công nhân thì do sự cạnh tranh ngày càng tăng giữa các chủ xưởng, nên lợi nhuận của họ, đối chiếu với số lượng sản phẩm mà họ cung cấp, tất nhiên đã giảm xuống. Giữa những năm 1820 và 1833, tổng

lợi nhuận ròng của các chủ xưởng, ở Man-se-xơ về một tấm vải hoa đã giảm từ 4 si-linh 1¹/₃ pen-xơ xuống còn 1 si-linh 9 pen-xơ. Nhưng để bù lại tổn thất đó, khối lượng sản xuất đã tăng lên với mức độ lớn hơn. Kết quả là trong những ngành công nghiệp riêng lẻ thịnh thoảng lại xảy ra sản xuất thừa; là thường phát sinh nhiều cuộc vỡ nợ khiến *trong nội bộ* giai cấp các nhà tư bản và các chủ thuê công nhân, tài sản lâm vào tình trạng dao động và lên xuống không ổn định, tình trạng đó ném một bộ phận nào đó, những người sở hữu bị phá sản về kinh tế vào hàng ngũ giai cấp vô sản; là thường thường và đột nhiên xuất hiện sự cần thiết phải ngừng hoặc giảm bớt công việc, ảnh hưởng hết sức tai hại đến giai cấp những công nhân làm thuê" (như trên, tr.63).

"Cho thuê lao động của mình có nghĩa là bắt đầu cuộc sống nô lệ của mình; cho thuê đối tượng lao động có nghĩa là xác lập tự do của mình...Lao động là con người, trái lại trong đối tượng lao động thì không có gì là của con người cả" (*Pecqueur. "Théor. soc. etc"*, p.411-412²⁸).

"Yếu tố *vật chất* - yếu tố này không mấy may có thể tạo ra của cải nếu không có yếu tố thứ hai, *lao động* - nhận được cái tính chất thần kỳ là làm sinh sôi nảy nở ra của cải cho người có yếu tố vật chất, tựa hồ như bằng hành động của bản thân họ, họ đã bỏ vào trong đó cái yếu tố không thể thiếu được kia" (như trên, tác phẩm đã dẫn). "Nếu giả định rằng lao động hàng ngày của một công nhân đem lại cho anh ta trung bình 400 phrăng mỗi năm và số tiền đó đủ cho mỗi người lớn sống, thoả mãn những nhu cầu thiết yếu nhất thì như vậy là mỗi người có thu nhập hàng năm 2.000 phrăng lợi tức, địa tô, tiền cho thuê nhà v.v., gián tiếp bắt 5 người làm việc cho mình; 100.000 phrăng lợi tức đại biểu cho lao động của 250 người và 1.000.000 phrăng đại biểu cho lao động của 2.500 người" (như trên, tr.412-413), - và do đó, 300.000.000 phrăng (Lu-i - Phi-líp) đại biểu cho lao động của 750.000 công nhân.

"Luật pháp của con người cho phép những kẻ sở hữu có quyền sử dụng và lạm dụng sở hữu của mình, nghĩa là làm tất cả những gì người đó muốn đối với mọi đối tượng lao động... luật pháp không hề buộc họ phải thường xuyên và đúng lúc đem lại việc làm cho những người không có sở hữu, hoặc trả cho những người này tiền công luôn luôn đầy đủ v.v." (sách đã dẫn, tr.413). "Hoàn toàn tự do quyết định tính chất, số lượng chất lượng, sự hợp thời của sản xuất, hoàn toàn tự do

tiêu dùng của cải, sử dụng mọi đối tượng lao động. Mỗi người được tự do trao đổi vật phẩm của mình theo ý mình, chỉ tính lợi ích cá nhân của riêng mình" (sách đã dẫn tr.413).

"Cạnh tranh chỉ biểu hiện sự trao đổi không bắt buộc, sự trao đổi này bản thân nó lại là kết quả gần nhất và lò-gích của quyền cá nhân được sử dụng và lạm dụng những công cụ của mọi sản xuất. Ba yếu tố kinh tế ấy - thực ra là một chỉnh thể duy nhất: quyền sử dụng và lạm dụng, tự do trao đổi và cạnh tranh tùy tiện - đem lại những kết quả sau đây: mỗi người sản xuất cái mà mình muốn, theo cách mình muốn, khi mình muốn, ở nơi mình muốn; sản xuất tốt hay sản xuất xấu, quá nhiều hay không đủ, quá sớm hay quá muộn, quá đắt hay quá rẻ; không ai biết mình có bán được không, bán như thế nào, bán vào lúc nào, bán ở đâu, bán cho ai. Và việc mua vào cũng như vậy. [XIII] Người sản xuất không biết nhu cầu và nguồn lực, không biết số cầu và số cung. Anh ta bán khi anh ta muốn và khi có thể bán, bất kỳ ở chỗ nào anh ta muốn bán, cho bất kỳ ai anh ta thích, với bất kỳ giá nào anh ta muốn. Anh ta cũng mua như vậy. Trong tất cả tình hình đó, anh ta luôn luôn là đồ chơi của ngẫu nhiên, nô lệ cho luật lệ do kẻ mạnh hơn, kẻ ít khó khăn hơn, kẻ giàu hơn chi phối... Trong khi ở nơi này thiếu của cải thì ở nơi kia lại thừa thãi và lãng phí. Trong khi người sản xuất này bán được nhiều hoặc rất đắt và kiếm được lợi nhuận lớn thì người sản xuất khác lại không bán được gì hoặc bán lỗ... Cung không biết cầu, cầu không biết cung. Các anh sản xuất dựa vào thị hiếu và những mốt nảy ra trong những người tiêu dùng; nhưng khi anh đã sẵn sàng đưa hàng ra bán thì ước mơ đó của họ đã qua đi và ý muốn của họ giờ đây hướng vào một loại sản phẩm khác... Kết quả không tránh khỏi của tất cả những cái đó là phá sản thường xuyên và phổ biến; tính sai, phá sản đột ngột và giàu lên bất ngờ; khủng hoảng thương nghiệp, đóng cửa xí nghiệp, hàng hoá ứ đọng hay khan hiếm một cách chu kỳ; tiền công và lợi nhuận không ổn định và hạ xuống; hao tổn hoặc lãng phí ghê gớm về của cải, về thời gian và công sức trên vũ đài cạnh tranh quyết liệt" (sách đã dẫn, tr.414-416).

Ri-các-đô trong quyển sách của ông (địa tô): các nước chỉ là những xưởng sản xuất; người là một cái máy để tiêu dùng và sản xuất; đời sống con người là tư bản; các quy luật kinh tế chi phối thế giới một cách mù quáng. Đối với Ri-các-đô, con

người không là gì cả, sản phẩm là tất cả. Trong chương 26 bản dịch tiếng Pháp có nói:

"Một người có một tư bản 20.000 phrăng đem lại cho anh ta hàng năm 2.000 phrăng lợi nhuận, thì hoàn toàn không quan tâm xem tư bản của anh ta đem lại việc làm cho 100 hay 1.000 người... Lợi ích thực tế của một nước chẳng phải cũng như thế hay sao? Chỉ cần thu nhập ròng thực tế của nó, địa tô và lợi nhuận của nó không thay đổi, thì dân tộc đó gồm 10 hay 12 triệu nhân khẩu, điều đó không có ý nghĩa gì cả". Ông Đờ Xi-xmôn-đi nói (t.II, p.331): "Thật ra, chỉ còn mong muốn một điều là một ông vua, sống hoàn toàn đơn độc trên hòn đảo của mình, không ngừng quay một cái ma-ni-ven, buộc những máy tự động làm tất cả công việc của chúng ở nước Anh"³⁴.

"Người chủ mua lao động của công nhân với một giá hạ đến nỗi chỉ tạm đủ cho công nhân thoả mãn những nhu cầu thiết thiết nhất thì không có lỗi về việc tiền công không đủ, cũng chẳng có lỗi về việc thời gian lao động kéo dài quá mức: bản thân anh ta cũng phải tuân theo quy luật mà anh ta buộc người khác phải tuân theo... Nguồn gốc của sự cùng khổ là do thể lực của sự vật gây ra nhiều hơn là do con người gây ra" ([Buret], sách đã dẫn, tr.82).

"Ở Anh có nhiều địa phương mà ở đó dân cư không có tư bản đủ để canh tác thích đáng đất đai của họ. Một phần khá lớn len của những tỉnh miền Nam Xcốt-len phải trải qua một hành trình dài theo những con đường bộ rất xấu để đưa đến chế biến ở lãnh địa I-oóc-sia, vì thiếu tư bản để chế tạo nó tại chỗ. Ở Anh có nhiều thành thị công nghiệp nhỏ, ở đó dân cư thiếu tư bản đủ để vận chuyển sản phẩm công nghiệp của họ đến những thị trường xa có nhu cầu về sản phẩm ấy và có người tiêu dùng. Những thương nhân có ở đây [XIV] chỉ là những đại lý của những thương nhân giàu hơn sống tại một số thành thị thương nghiệp lớn" (Smith. T.II.p.382) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 269]. "Để tăng giá trị của sản phẩm hàng năm của ruộng đất và của lao động, không có cách nào khác hơn là tăng số lượng những công nhân sản xuất lên, hoặc là tăng năng suất lao động của những công nhân đã thuê từ trước... Trong cả hai trường hợp, hầu như bao giờ cũng cần có một số trợ thêm về tư bản" (Smith. T.II.p. 338). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 252].

"Như vậy, vì theo bản chất của sự vật, *tích lũy* tư bản là cái tất yếu có trước sự phân công lao động, nên sự phân công lao động tiếp theo chỉ có thể diễn ra trong chừng mực tư bản được tích lũy ngày càng nhiều. Số dạng lao động hình thành càng nhiều thì số lượng những vật tư có thể do cùng một số người chế biến càng tăng, và vì công việc của mỗi công nhân ắt phải ngày càng đơn giản hoá, nên người ta phát minh ra ngày thêm nhiều máy móc mới để giảm nhẹ và đẩy nhanh những công việc ấy. Vậy phân công lao động càng phát triển thì muốn cho cùng một số công nhân như trước thường xuyên có việc làm, cần phải tích lũy trước được một dự trữ lương thực thực phẩm như trước và một dự trữ vật tư, công cụ và dụng cụ lớn hơn nhiều so với số dự trữ cần thiết trước kia, trong tình hình còn kém phát triển. Trong mọi ngành sản xuất, số lượng công nhân tăng lên đồng thời với sự phát triển của phân công lao động trong ngành đó, hoặc nói đúng hơn, chính sự tăng số lượng công nhân như thế tạo ra cho công nhân khả năng phân chia thành các nhóm và các loại như vậy" (*Smith*. T.II.p.193-194) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 203-204].

"Cũng giống như không có sự tích lũy tư bản từ trước thì không thể tăng đáng kể sức sản xuất của lao động, sự tích lũy của tư bản cũng tất nhiên dẫn tới sự tăng lên ấy. Với tư bản của mình, nhà tư bản tìm cách sản xuất một số lượng sản phẩm thật nhiều, vì vậy anh ta ra sức xác lập một sự phân công lao động hợp lý nhất trong công nhân của mình và cung cấp cho những công nhân ấy những máy móc tốt nhất. Khả năng thành công của anh ta trong cả hai hướng phụ thuộc vào lượng tư bản của anh ta và với số lượng người mà tư bản đó có thể cung cấp công ăn việc làm. Cho nên không những số lượng lao động trong nước tăng lên cùng với *sự tăng lên của tư bản* đang vận dụng số lượng lao động ấy, mà ngoài ra, do sự tăng lên ấy của tư bản, cũng một số lượng lao động như cũ lại sản xuất ra một số lượng sản phẩm lớn hơn nhiều" (*Smith*. [sách đã dẫn"], tr.194-195). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 204].

Do đó có *sản xuất thừa*.

"Những sự kết hợp rộng lớn hơn của lực lượng sản xuất... trong công nghiệp và thương nghiệp nhờ có sự tập hợp nhân lực và những lực lượng tự nhiên nhiều hơn và đa dạng hơn, để tiến hành kinh doanh trên quy mô lớn hơn. Đây đó... đã có sự kết hợp chặt chẽ hơn giữa các ngành sản xuất chủ yếu với nhau. Chẳng

hạn như những chủ xưởng lớn tìm cách có được cả những đại địa sản để chỉ ít cũng không buộc phải trước hết mua một bộ phận nguyên liệu cần cho công nghiệp của họ từ người khác; hoặc gắn với những xí nghiệp công nghiệp của họ, họ triển khai kinh doanh thương nghiệp không những để bán sản phẩm của họ mà còn để mua những sản phẩm loại khác và đem bán lại cho công nhân của họ. Ở Anh nơi mà những chủ xưởng đôi khi có tới 10-12 nghìn công nhân... thì không hiếm gì những sự kết hợp như vậy những ngành sản xuất khác nhau dưới sự chỉ đạo của một người lãnh đạo *độc nhất*, có thể nói là những quốc gia nhỏ, hoặc những tỉnh trong nội bộ quốc gia. Chẳng hạn như vừa đây, những người chủ mỏ ở *Bóc-minh-hem* nắm trong tay *toàn bộ* quá trình sản xuất sắt, trong khi trước kia việc sản xuất đó phân tán giữa nhiều nghiệp chủ và nhiều người chiếm hữu khác nhau. Xem bài "Der bergmännische Distrikt bei Birmingham" trong tạp chí "Deutsche Vierteljahrs Schrift" số 3, năm 1838. Và cuối cùng, trong những công ty cổ phần lớn, - hiện có rất nhiều công ty như vậy, - chúng ta thấy những kết hợp rộng lớn giữa những lực lượng tiền tệ của *nhiều* người tham gia, với những tri thức khoa học - kỹ thuật và kỹ năng của những người khác được trao cho đảm nhiệm việc thực hiện công việc. Bằng cách đó, các nhà tư bản có được khả năng sử dụng số tiết kiệm của họ theo nhiều cách khác nhau và thậm chí đồng thời trong nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp, do đó lợi ích của họ trở nên đa diện hơn [XVI], và những đối lập giữa lợi ích của nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp dịu bớt và bị thủ tiêu. Nhưng bản thân việc ngày càng có nhiều khả năng làm cho tư bản được sử dụng theo những cách hết sức khác nhau như vậy tất phải làm tăng thêm sự đối lập giữa giai cấp có của và giai cấp không có của"... (*Schulz* . Sách đã dẫn, tr.40-41).

Lợi nhuận lớn mà những chủ cho thuê nhà rút ra từ những người nghèo khổ. Tiền thuê nhà tỷ lệ nghịch với sự nghèo khổ do công nghiệp gây ra.

Cũng vậy, người ta rút lợi tức từ những thói xấu của những người vô sản bị phá sản (nạn mại dâm, nạn nghiện rượu, người cho vay nặng lãi).

Sự tích lũy của các tư bản tăng lên, còn sự cạnh tranh giữa chúng thì giảm xuống, khi tư bản và tài sản ruộng đất nằm

trong tay một người, cũng như trong trường hợp khi tư bản, do quy mô của nó, có khả năng kết hợp những ngành sản xuất khác nhau với nhau.

Thái độ không quan tâm đến con người. Hai mươi vé xổ số của Xmít³⁵.

Tổng thu nhập và thu nhập ròng ở Xây. [XVI].

ĐỊA TÔ

[1] *Quyền của những người sở hữu ruộng đất* bắt nguồn từ sự tước đoạt (Say. T.I, p.136, note). Những người sở hữu ruộng đất, cũng như tất cả mọi người, muốn gạt ở những nơi họ không gieo và đòi hỏi địa tô ngay cả về sản phẩm tự nhiên của đất đai (Smith. T. I, p.99) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 52].

"Người ta có thể nghĩ rằng địa tô chỉ là lợi nhuận của tư bản mà người sở hữu dùng vào việc cải thiện đất đai... Có những trường hợp địa tô có thể được coi một phần là thứ lợi nhuận đó... Song 1) người sở hữu ruộng đất đòi hỏi địa tô ngay cả về đất đai không được cải thiện, mà cái có thể coi là lợi tức hay lợi nhuận của những chi phí cải thiện, trong đa số trường hợp, chỉ là số cộng thêm (bổ sung) vào địa tô ban đầu đó mà thôi; 2) ngoài ra, sự cải thiện đó không phải bao giờ cũng được tiến hành bằng vốn của người sở hữu ruộng đất, mà đôi lúc bằng tư bản của những người thuê đất; tuy nhiên, khi đặt ra vấn đề ký lại khế ước thì người sở hữu ruộng đất thường đòi hỏi tăng địa tô lên như thế, tựa hồ như tất cả những sự cải thiện đó được thực hiện bằng vốn của bản thân anh ta; 3) Hơn nữa, anh ta đôi lúc còn đòi địa tô ngay cả về cái mà nói chung hoàn toàn không thể do con người cải thiện" (Smith. T.I, p.300-301). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 120].

Để dùng làm thí dụ minh họa trường hợp sau này, Xmít lấy cây ngón biển (Seekrapp, salicorne),

"một giống cây ở biển, - cây này sau khi bị đốt cháy, cho một thứ muối kiềm dùng để chế tạo pha lê, xà phòng v.v.. Cây này mọc ở Anh, chủ yếu là ở Xcốt-len, ở những địa phương khác nhau, nhưng chỉ ở những núi đá nằm dưới mực nước thủy triều lên bị ngập dưới nước biển mỗi ngày hai lần, và do đó sản phẩm của chúng không gắn với việc đầu tư lao động của con người. Tuy nhiên người sở hữu

khoảnh đất có thứ cây ấy vẫn đòi địa tô giống như về diện tích gieo trồng ngũ cốc. Biển ở gần quần đảo Sét-len có rất nhiều cá... Phần khá lớn dân cư trên các đảo ấy [II] sống bằng nghề đánh cá. Nhưng để có thể được hưởng hải sản thì phải có nhà trên đất kề biển. Ở đây, địa tô không tỷ lệ với cái mà người thuê đất có thể có được từ đất, mà tỷ lệ với cái mà anh ta có thể thu được từ cả đất và biển" (*Smith*. T.I, p.301-302). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 120-121].

"Có thể coi địa tô là sản phẩm của những *lực lượng tự nhiên* mà người sở hữu nhường cho người thuê mượn để sử dụng. Sản phẩm đó nhiều hay ít tùy thuộc vào quy mô của lực lượng tự nhiên tương ứng rộng hẹp đến đâu, nói cách khác, tùy thuộc vào độ phì tự nhiên hoặc nhân tạo. Đó là sản phẩm tự nhiên còn lại sau khi khấu trừ hoặc kết toán tất cả những cái gì có thể được coi là sản phẩm do con người làm ra (*Smith*. T.II, p.377-378). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 268].

"Như vậy, dĩ nhiên là *địa tô*, coi như giá cả phải trả về việc sử dụng đất đai, là *giá cả độc quyền*. Nó không máy may tỷ lệ với cái mà người sở hữu ruộng đất đầu tư vào ruộng đất để cải thiện ruộng đất hoặc với cái người đó phải thu về để không bị thiệt, mà tương ứng với cái người thuê có thể cung cấp mà không bị thiệt" (*Smith*. T.I, p.302). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 121].

"Trong ba giai cấp cơ bản, giai cấp những người sở hữu ruộng đất là giai cấp mà thu nhập của nó không đòi hỏi phải hao phí lao động, cũng không đòi hỏi phải mất công lo lắng: thu nhập ấy chảy vào tay giai cấp đó có thể nói là một cách tự động, không do một dụng ý hoặc một kế hoạch nào của giai cấp đó" (*Smith*. T.II, p.161). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 194].

Chúng ta đã nghe nói rằng lượng địa tô phụ thuộc vào mức độ *màu mỡ* của ruộng đất.

Một nhân tố khác quyết định địa tô - đó là *vị trí* của khoảnh đất.

"Địa tô thay đổi tùy theo *độ phì* của đất, dù sản phẩm của nó như thế nào, và tùy thuộc vào vị trí của khoảnh đất, dù độ phì của nó như thế nào đi nữa" (*Smith*. T.I, p.306). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 122].

"Nếu những khoảnh đất, hằm mỏ hoặc vùng đánh cá có độ sinh lợi tự nhiên như nhau thì số lượng sản phẩm mà việc sử dụng chúng mang lại sẽ phụ thuộc

vào quy mô của những tư bản mà người ta sẽ dùng để trồng trọt và khai thác chúng và vào cách thức ít (III) nhiều khéo léo trong việc vận dụng những tư bản ấy. Nếu tư bản bằng nhau và được vận dụng tốt như nhau thì sản phẩm sẽ tỷ lệ với năng suất tự nhiên của những đất đai, hằm mỏ hoặc vùng đánh cá ấy" (*Smith*). T.I. p.210). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 209-210].

Những luận điểm ấy của Xmit là quan trọng, vì với chi phí sản xuất như nhau và quy mô tư bản như nhau, thì những luận điểm ấy coi địa tô là phụ thuộc vào độ màu mỡ ít hay nhiều của đất đai. Điều đó chứng tỏ rõ ràng sự xuyên tạc các khái niệm của kinh tế chính trị học là môn học biến độ phì của đất đai thành một thuộc tính của người chủ đất.

Song giờ đây chúng ta hãy xét địa tô dưới hình thức của nó trong các quan hệ hiện thực.

Mức địa tô được quy định bởi cuộc đấu tranh giữa người thuê đất và người sở hữu ruộng đất. Bất cứ ở đâu trong kinh tế chính trị học, chúng ta đều thấy rằng sự đối lập thù địch giữa các lợi ích, sự đấu tranh, chiến tranh được thừa nhận là cơ sở của tổ chức xã hội.

Vậy chúng ta hãy xem mối quan hệ giữa người sở hữu và người thuê ruộng đất như thế nào.

"Khi định những điều kiện của giao kèo thuê ruộng đất, người sở hữu ruộng đất hết sức tìm cách không để lại cho người thuê ruộng đất nhiều hơn cái cần thiết để bù lại tư bản chi phí vào giống má, vào việc trả công lao động, vào súc vật làm việc và những công cụ sản xuất khác, và để có được lợi nhuận thông thường đối với các trang trại ở vùng đó. Hoàn toàn rõ ràng là đó là phần nhỏ nhất mà người thuê ruộng đất có thể bằng lòng vì không bị thiệt, còn người sở hữu ruộng đất thì ít khi muốn để lại cho anh ta nhiều hơn. Ngoài phần đó ra thì toàn bộ số còn lại của sản phẩm hay của giá cả của sản phẩm, không kể số còn lại ấy nhiều ít như thế nào, người sở hữu tìm cách giữ lại cho mình coi đó là địa tô trả cho ruộng đất của mình - đó hiển nhiên là địa tô cao nhất mà người thuê ruộng đất có thể trả được trong trạng thái hiện có của ruộng đất [IV]. Số thừa ra đó luôn luôn có thể được coi là địa tô tự nhiên của ruộng đất, hoặc địa tô

mà với mức ấy phần lớn các khoảnh đất được cho thuê một cách tự nhiên "(Smith. T.I, p.299-300). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 120].

Xây nói: "Những người sở hữu ruộng đất thực hiện một thứ độc quyền đối với người thuê ruộng đất. Số câu về hàng hoá của họ, tức là ruộng đất, có thể tăng không ngừng; nhưng số lượng hàng hoá của họ chỉ mở rộng ra đến một mức nhất định... Giao kèo ký kết giữa người sở hữu ruộng đất và người thuê ruộng đất bao giờ cũng có lợi đến mức tối đa cho người thứ nhất... Ngoài cái lợi mà anh ta rút ra được từ bản chất của sự vật ra, anh ta còn có được những cái lợi từ địa vị của anh ta, từ tài sản, uy tín, danh giá lớn hơn của mình; nhưng chỉ riêng cái lợi thứ nhất cũng đã đủ để cho anh ta luôn luôn có khả năng *một mình* lợi dụng được tất cả mọi tình hình thuận lợi gắn với khoảnh đất ấy. Việc đào một con sông đào hoặc mở một con đường, sự tăng dân số và tăng sự giàu có của vùng đó bao giờ cũng nâng cao giá cho thuê... Cố nhiên, bản thân người thuê ruộng đất có thể cải thiện ruộng đất bằng tiền của mình: nhưng mỗi lợi từ tư bản đầu tư vào việc cải thiện đất đai anh ta chỉ có thể rút ra trong thời gian thuê ruộng đất có hiệu lực thôi, còn khi thời hạn giao kèo đã hết thì toàn bộ lợi lộc chuyển sang tay người sở hữu ruộng đất; từ lúc ấy, người sở hữu ruộng đất rút ra những món tiền lời, mặc dù anh ta không chi phí gì cả, tiền cho thuê tăng lên một cách tương ứng" (Say, t.II, p. [142]-143).

"Cho nên dĩ nhiên là địa tô, coi như giá cả phải trả để được sử dụng ruộng đất, là giá cả cao nhất mà người thuê ruộng đất có thể trả được trong trạng thái hiện có của khoảnh đất" (Smith. T.I, p.299). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 120].

"Do vậy, địa tô về việc sử dụng mặt đất trong đa số trường hợp bằng một phần ba tổng sản phẩm và thường là một lượng cố định, không phụ thuộc vào những biến động ngẫu nhiên [V] của thu hoạch (Smith. T.I, p.351). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 137]. "Ít khi địa tô ấy dưới một phần tư tổng sản phẩm" (ibid, t.II, p.378). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 268].

Địa tô có thể trả không phải về tất cả mọi hàng hoá. Chẳng hạn như ở một địa phương, người ta không trả địa tô về đá.

"Thông thường nông sản được đem ra thị trường với số lượng mà giá cả thông thường đủ để bù lại tư bản bỏ ra để vận chuyển chúng và để thu được lợi nhuận thông thường của tư bản đó. Nếu giá cả thông thường vượt quá mức ấy thì số

đòi ra đi vào địa tô. Còn nếu chỉ đủ để bù chi phí tư bản thôi thì tất nhiên có thể đưa hàng hoá đến thị trường, nhưng không còn gì để trả địa tô cho người sở hữu ruộng đất. Giá cả đó có cao hơn mức đủ để bù lại tất cả mọi chi phí sản xuất hay không, điều đó phụ thuộc vào số câu" (Smith. T.I, p.302-303). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 121].

"Địa tô nằm trong cấu thành của *giá cả hàng hoá* hoàn toàn theo một cách khác với cách của tiền công và lợi nhuận về tư bản. *Tỷ suất cao hoặc thấp của tiền công và lợi nhuận là nguyên nhân* của giá cả cao hay thấp của hàng hoá, còn tỷ suất cao hay thấp của địa tô là *kết quả* của giá cả ấy" (Smith. T.I, p.303-[304]). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 121].

Trong số những *sản phẩm* luôn luôn đem lại *địa tô có lương thực thực phẩm*.

"Vì người ta, cũng như mọi động vật, đều sinh sôi nảy nở theo số tư liệu sinh hoạt của mình, nên bao giờ cũng có câu nhiều hay ít về lương thực. Luôn luôn có thể dùng lương thực để mua một số lượng nhiều hay ít [VI] lao động và luôn luôn có những người sẵn sàng làm một việc nào đó để kiếm lương thực thực phẩm. Thật ra do chỗ đôi khi phải trả tiền công cao cho lao động, nên số lượng lao động có thể đổi bằng một số lượng nhất định lương thực thực phẩm, không phải bao giờ cũng *bằng* lao động có thể tồn tại nhờ vào lương thực, thực phẩm đó, nếu lương thực thực phẩm đó được chi tiêu một cách tiết kiệm nhất. Nhưng với lương thực thực phẩm luôn luôn có thể dùng để mua một số lượng lao động đủ để nuôi sống loại lao động ấy theo mức sống thông thường của nó ở địa phương ấy. Hầu như trong mọi tình hình có thể có, ruộng đất sản xuất nhiều lương thực thực phẩm hơn số cần thiết để nuôi sống toàn bộ lao động tham gia vào việc sản xuất và đưa lương thực đó ra thị trường. Số lương thực thực phẩm thừa ra đó bao giờ cũng thừa đủ để bù lại tư bản sử dụng lao động đó, mà còn có được lợi nhuận. Như vậy, bao giờ cũng còn lại một số cái gì để trả địa tô cho người sở hữu ruộng đất" (Smith. T.I, p.305-306). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 122]. Không những lương thực thực phẩm là nguồn gốc đầu tiên của địa tô, mà hơn nữa, sau đó nếu những sản phẩm khác của ruộng đất cũng đem lại địa tô thì người thu địa tô sở dĩ có được phần giá trị cộng thêm đó vẫn lại do sự tăng thêm sức sản xuất của lao động sản xuất ra lương thực thực phẩm, sự tăng lên đó là kết quả

của sự tiến bộ trong việc canh tác và cải thiện đất đai" (*Smith. T.I, p.345*). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 132]. "Như vậy lương thực thực phẩm luôn luôn mang lại khả năng trả địa tô" (t.I. tr.337). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 132]. "Số nhân khẩu của một nước không tỷ lệ với số lượng người mà nước đó có thể cung cấp áo quần và nhà ở, mà tỷ lệ với số lượng người mà nước đó có thể nuôi sống bằng sản phẩm của mình" (*Smith. T.I, p.342*). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 134].

"Hai nhu cầu quan trọng nhất của con người sau ăn uống là nhu cầu về áo quần và nhà ở (và sưởi ấm). Trong đa số trường hợp, những vật phẩm dùng để thoả mãn những nhu cầu đó đem lại địa tô, nhưng không phải bao giờ cũng nhất thiết phải như thế" (*ibid, t.I, p. [337]-338*). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 133]. [VI].

[VIII] Bây giờ, chúng ta hãy xem người sở hữu ruộng đất khai thác mọi lợi của xã hội như thế nào.

1) Địa tô tăng lên cùng với dân số³⁶ (*Smith. T.I, p.335*). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 132].

2) Chúng ta đã nghe Xây nói rằng, địa tô tăng lên như thế nào cùng với việc mở mang đường sắt v.v., với việc cải tiến, tăng độ an toàn của các phương tiện giao thông và sự tăng thêm phương tiện giao thông.

3) "Bất cứ sự cải thiện nào trong điều kiện sinh sống của xã hội cũng đều có xu hướng *trực tiếp hoặc gián tiếp* nâng cao địa tô, tăng thêm sự giàu có thực tế của người sở hữu ruộng đất, nghĩa là tăng thêm khả năng của anh ta trong việc mua lao động của người khác hoặc sản phẩm lao động của người khác... Sự tiến bộ trong việc cải thiện và canh tác đất đai trực tiếp dẫn tới chỗ đó. Sản phẩm tăng thêm thì tất nhiên là phần của người sở hữu ruộng đất trong sản phẩm ấy cũng tăng lên. Sự tăng lên của giá cả thực tế của những loại nguyên liệu ấy, thí dụ sự tăng lên của giá cả súc vật, cũng dẫn trực tiếp tới chỗ tăng thêm địa tô, hơn nữa tăng theo một tỷ lệ còn lớn hơn. Không chỉ giá trị thực tế của phần của người sở hữu ruộng đất và do đó quyền lực thực tế của anh ta đối với lao động của người khác đều tăng lên mà thôi, - cùng với sự tăng lên của giá trị thực tế của sản phẩm, cả lượng tương đối của phần ấy trong tổng sản phẩm cũng tất yếu tăng lên. Sau khi giá cả thực tế của sản phẩm đó tăng lên, việc sản xuất nó không đòi hỏi nhiều lao động hơn trước kia, vì thế để bù lại tư bản đã sử dụng

cộng với lợi nhuận thông thường của nó giờ đây cần một tỷ lệ sản phẩm nhỏ hơn trước. Như vậy, phần còn lại của sản phẩm, cái phần thuộc về người sở hữu ruộng đất sẽ nhiều hơn trước kia so với tổng sản phẩm" (*Smith.T.II, p.157-159*). [Bản dịch tiếng Nga, tr.193].

[IX] Sở dĩ cầu về nguyên liệu tăng thêm và do đó giá trị của nguyên liệu tăng thêm, một phần có thể là do số dân và nhu cầu của dân cư tăng thêm. Nhưng mỗi phát minh mới, mỗi việc sử dụng mới những nguyên liệu mà công nghiệp trước kia chưa sử dụng hoặc ít sử dụng, đều làm tăng thêm địa tô. Chẳng hạn như cùng với sự xuất hiện của đường sắt, tàu thuỷ v.v., địa tô mở than đá tăng lên một cách không tưởng tượng được.

Ngoài cái lợi mà người sở hữu ruộng đất rút được từ công nghiệp ra ấy, từ các phát minh, từ lao động, bây giờ chúng ta sẽ thấy một cái lợi khác nữa.

4) "Những cách nâng cao sức sản xuất của lao động trực tiếp dẫn đến chỗ hạ thấp giá cả thực tế của những sản phẩm công nghiệp thì đều gián tiếp dẫn tới chỗ nâng cao địa tô thực tế. Người sở hữu ruộng đất đem lại cái phần sản phẩm thô không tiêu dùng cho cá nhân hần, hoặc giá cả của phần đó, để đổi lấy sản phẩm công nghiệp. Tất cả những cái làm giảm giá cả thực tế của sản phẩm của nông nghiệp. Từ nay cùng một số lượng sản phẩm thô sẽ tương ứng với một số lượng lớn hơn những sản phẩm công nghiệp, và người sở hữu ruộng đất có khả năng mua được nhiều vật dụng sinh hoạt, đồ trang trí và xa xỉ phẩm hơn" (*Smith. T.II, p.159*). [Bản dịch tiếng Nga, tr.193].

Nhưng nếu do chỗ người sở hữu ruộng đất khai thác được hết mọi cái lợi của xã hội mà, Xmít [X] kết luận (t.II, p.161)³⁷. [Bản dịch tiếng Nga, tr. 194], rằng lợi ích của người sở hữu ruộng đất bao giờ cũng nhất trí với lợi ích của xã hội thì đó là một điều vô lý. Theo kinh tế chính trị học thì dưới sự thống trị của chế độ tư hữu, sự quan tâm của một cá nhân đến xã hội hoàn toàn ngược với sự quan tâm của xã hội đến người đó, cũng

giống như sự quan tâm của người cho vay nặng lãi đến kẻ lãng phí thì hoàn toàn không nhất trí với lợi ích của người lãng phí.

Chúng tôi chỉ nhắc qua về lòng khát khao của người sở hữu ruộng đất muốn nắm độc quyền chống lại sở hữu ruộng đất của nước ngoài; từ đó mà có đạo luật về lúa mì chẳng hạn. Cũng vậy, ở đây chúng tôi sẽ không nói đến chế độ nông nô thời trung cổ, chế độ nô lệ ở các thuộc địa, sự cùng khổ của công nhân nông nghiệp ở Anh. Chúng tôi sẽ theo những nguyên lý của bản thân kinh tế chính trị học.

1) Người sở hữu ruộng đất quan tâm đến phúc lợi của xã hội, các nguyên lý của kinh tế chính trị học nói như thế; anh ta quan tâm đến sự tăng thêm nhân khẩu, đến sự tăng thêm sản phẩm công nghiệp, đến sự tăng thêm nhu cầu của xã hội, nói tóm lại, đến sự tăng thêm sự giàu có của xã hội, và như chúng ta đã thấy trên kia, sự tăng thêm đó đi đôi với sự tăng thêm cảnh nghèo khổ và cảnh nô lệ. Sự liên quan giữa tiền thuê nhà ngày càng tăng và sự tăng thêm cảnh nghèo khổ là một thí dụ về sự quan tâm của người sở hữu ruộng đất đến xã hội, vì với sự tăng lên của tiền cho thuê nhà thì địa tô - lợi tức về mảnh đất trên đó nhà ở được xây dựng - tăng lên.

2) Theo chính các nhà kinh tế học thì lợi ích của người sở hữu ruộng đất là cái đối lập thù địch với lợi ích của người thuê ruộng đất, nghĩa là của một bộ phận khá lớn của xã hội.

[XI] 3) Vì người sở hữu ruộng đất có thể đòi hỏi người thuê ruộng đất phải trả càng nhiều địa tô khi người thuê ruộng đất trả càng ít tiền công, và vì người thuê ruộng đất càng hạ thấp tiền công xuống khi người sở hữu ruộng đất đòi hỏi càng nhiều địa tô, cho nên lợi ích của người sở hữu ruộng đất cũng đối lập với lợi ích của công nhân nông nghiệp, giống như lợi ích của chủ xí nghiệp công nghiệp đối lập với lợi ích của những công nhân của anh ta. Lợi ích của người sở hữu ruộng đất cũng làm cho tiền công hạ xuống đến mức thấp nhất.

4) Vì sự hạ thấp thực tế của giá cả sản phẩm công nghiệp làm cho địa tô tăng lên, nên người sở hữu ruộng đất có lợi ích trực tiếp khi tiền công của công nhân công nghiệp hạ xuống khi có sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản, khi có tình trạng sản xuất thừa, có mọi tai họa mà sự phát triển công nghiệp đẻ ra.

5) Vậy, nếu lợi ích của người sở hữu ruộng đất hoàn toàn không nhất trí với lợi ích của xã hội và đối lập thù địch với lợi ích của những người thuê ruộng đất, của công nhân nông nghiệp, của công nhân công nghiệp và của những nhà tư bản thì mặt khác, lợi ích của người sở hữu ruộng đất này cũng hoàn toàn không nhất trí với lợi ích của người sở hữu ruộng đất khác - vì có sự cạnh tranh mà giờ đây chúng ta cũng sẽ xem xét.

Nói chung, quan hệ giữa sở hữu ruộng đất lớn và sở hữu ruộng đất nhỏ cũng giống quan hệ giữa tư bản lớn và tư bản nhỏ. Nhưng thêm vào đó còn có những tình hình đặc biệt, chúng nhất thiết dẫn tới sự tích lũy sở hữu ruộng đất lớn và việc sở hữu ruộng đất lớn thôn tính sở hữu ruộng đất nhỏ.

[XII] 1) Không ở đâu số lượng tương đối của công nhân và công cụ lao động giảm mạnh cùng với sự tăng thêm quy mô kinh doanh như trong nông nghiệp. Cũng giống như không ở đâu khả năng khai thác toàn diện, sự tiết kiệm do giảm chi phí sản xuất và sự phân công lao động một cách khéo léo tăng lên - cùng với sự tăng thêm quy mô kinh doanh - mạnh như trong nông nghiệp. Dù khoảng đất có nhỏ đến đâu, số lượng công cụ lao động cần thiết để canh tác nó như cày, bừa v.v., cũng vấp phải một giới hạn nhất định, không thể tiếp tục giảm hơn nữa, trong khi đó quy mô chiếm hữu ruộng đất có thể xuống thấp hơn giới hạn ấy rất nhiều.

2) Kẻ sở hữu nhiều ruộng đất chiếm hữu khoản lợi tức của số tư bản mà người thuê ruộng đã đầu tư vào việc cải thiện đất đai. Kẻ sở hữu ít ruộng đất buộc phải bỏ tư bản riêng của

mình vào việc đó. Do vậy đối với anh ta, toàn bộ lợi nhuận đó bị mất đi.

3) Mỗi sự cải thiện xã hội đều có lợi cho người sở hữu nhiều ruộng đất, nhưng lại có hại cho người sở hữu ít ruộng đất, vì bao giờ nó cũng đòi hỏi người sở hữu ít ruộng đất phải có một số lượng tiền mặt ngày càng lớn.

4) còn phải xét hai quy luật quan trọng của sự cạnh tranh ấy:

α) "Địa tô của những khoảnh ruộng đất cày cấy để sản xuất ra lương thực thực phẩm điều tiết địa tô của phần lớn những đất đai canh tác khác" (*Smith*. T.I, p.331). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 130].

Những tư liệu sinh hoạt như gia súc v.v., xét cho cùng, chỉ có chế độ sở hữu nhiều ruộng đất mới có thể sản xuất được. Do đó, chế độ sở hữu nhiều ruộng đất điều tiết địa tô của những ruộng đất khác và có thể hạ địa tô ấy xuống mức thấp nhất.

Trong những trường hợp đó, quan hệ của người sở hữu ít ruộng đất tự mình lao động trên khoảnh đất của mình đối với người sở hữu nhiều ruộng đất, cũng giống như quan hệ của người thợ thủ công có dụng cụ *riêng của mình* đối với chủ xưởng. Người sở hữu ít ruộng đất trở thành công cụ lao động đơn thuần. [XVI] Người sở hữu nhỏ không còn có chút địa tô nào nữa, nhiều lắm thì anh ta còn lại tiền lời của tư bản của anh ta và tiền công của anh ta mà thôi, vì do cạnh tranh mà địa tô có thể giảm xuống đến mức nó chỉ là tiền lời của tư bản mà bản thân người sở hữu ruộng đất không bỏ ra.

β) Ngoài ra, chúng ta đã biết rằng khi ruộng đất, hầm mỏ hay vùng cá mà tốt ngang nhau và được khai thác khéo léo như nhau thì sản phẩm tỷ lệ với quy mô của tư bản. Do đó chế độ sở hữu nhiều ruộng đất thắng thế. Cũng vậy, với những tư bản ngang nhau thì thu nhập tỷ lệ với độ phì của ruộng

đất. Cho nên với những tư bản ngang nhau, thì người sở hữu những khoảnh ruộng đất màu mỡ hơn là người thắng.

γ) "Có thể nói một mỏ nào đó nói chung là giàu quặng hay nghèo quặng tùy theo chỗ một số lượng lao động nhất định có thể khai thác được của mỏ ấy một số lượng khoáng sản nhiều hơn hay ít hơn số lượng khoáng sản mà cùng một số lượng lao động như vậy có thể khai thác được của đa số mỏ khác cùng loại" (*Smith*. T.I, p.345-346). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 135]. "Giá cả sản phẩm của những mỏ phong phú nhất điều tiết giá cả than đá cho tất cả những mỏ lân cận khác. Người sở hữu ruộng đất và người kinh doanh, nếu họ bán sản phẩm theo giá cả thấp hơn giá của những người láng giềng của họ thì người này cho rằng địa tô của người đó sẽ cao hơn, người kia cho rằng lợi nhuận của anh ta sẽ tăng. Lúc đó, những người láng giềng cũng buộc phải bán sản phẩm của mình theo cùng giá cả ấy, mặc dù họ ít có khả năng làm như vậy và mặc dù giá cả ấy tiếp tục hạ xuống và đôi khi còn làm cho họ mất sạch địa tô và lợi nhuận. Do đó một số hầm mỏ hoàn toàn bị bỏ, không được khai thác, một số mỏ khác đã không đem lại một địa tô nào và chỉ có thể tiếp tục khai thác được bởi chính người sở hữu chúng" (*Smith*. T.I, p.350). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 137]. "Sau khi phát hiện ra những mỏ ở Pê-ru, phần lớn những mỏ bạc ở châu Âu bị bỏ, không khai thác nữa... Tình hình như thế cũng xảy ra với những mỏ ở Cu-ba và Xan-Dô-min-gô và thậm chí với cả những mỏ cũ ở Pê-ru, sau khi phát hiện ra mỏ ở Pô-tô-xi" (t.I, p.353). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 138].

Tất cả những điều Xmit nói ở đây về các mỏ cũng đều có thể vận dụng ít hay nhiều đối với sở hữu ruộng đất nói chung.

δ) "Cần chú ý rằng bất cứ lúc nào, giá cả thị trường thông thường của ruộng đất cũng phụ thuộc vào tỷ suất thông thường của lợi tức trên thị trường... Nếu địa tô hạ xuống thấp hơn đáng kể so với lợi tức của tiền tệ thì không ai muốn mua đất đai nữa, điều đó sẽ khiến cho giá cả thị trường của ruộng đất nhanh chóng hạ xuống. Trái lại, nếu những cái lợi của địa tô sẽ bù lại quá số chênh lệch bình thường giữa mức lợi tức tiền tệ và mức địa tô thì mọi người sẽ đổ xô đi mua ruộng đất, điều đó lại sẽ nhanh chóng khôi phục giá cả thị trường thông thường của nó lên" (*Smith*).T.II.p.[367]-368). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 263-264].

Qua tương quan đó giữa địa tô và lợi tức tiền tệ ta thấy rằng địa tô ắt phải ngày càng hạ xuống, khiến cho rút cục chỉ có những người giàu nhất mới có thể sống bằng địa tô được. Vậy là có sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa những người sở hữu ruộng đất không cho thuê ruộng đất của mình. Một bộ phận những người sở hữu ruộng đất ấy bị phá sản. Sở hữu ruộng đất lớn lại được tập trung thêm một mức nữa.

[XVII] Ngoài ra sự cạnh tranh ấy còn đưa đến kết quả là một bộ phận khá lớn sở hữu ruộng đất rơi vào tay những nhà tư bản và do đó những nhà tư bản cũng đồng thời trở thành những người sở hữu ruộng đất, cũng giống hệt như nói chung những người sở hữu ít ruộng đất hơn giờ đây cũng chỉ còn tồn tại như là những nhà tư bản nhỏ. Cũng thế, một bộ phận những người sở hữu nhiều ruộng đất đồng thời cũng trở thành những nhà công nghiệp.

Như vậy, kết quả cuối cùng là sự khác nhau giữa nhà tư bản và người sở hữu ruộng đất bị xoá bỏ, thành thử nói chung, chỉ còn lại hai giai cấp trong dân cư: giai cấp công nhân và giai cấp những nhà tư bản. Việc đưa sở hữu ruộng đất vào vòng quay thương nghiệp như vậy, việc biến sở hữu ruộng đất thành hàng hoá như vậy là sự sụp đổ cuối cùng của giai cấp quý tộc cũ và sự xác lập hoàn toàn của giai cấp quý tộc tiền tệ.

1) Chúng ta không đồng tình với những giọt nước mắt thương cảm của phái lãng mạn về tình hình đó³⁸. Họ thường xuyên lẫn lộn sự vô sỉ trong *các mảnh khoé buôn bán*³⁹ ruộng đất với hậu quả hoàn toàn hợp lý, tất yếu và đáng mong muốn - trong giới hạn của chế độ tư hữu - nằm trong *các mảnh khoé buôn bán với sở hữu tư nhân* về ruộng đất. Trước hết, xét về thực chất thì sở hữu ruộng đất phong kiến đã là kết quả của các mảnh khoé buôn bán với ruộng đất, là sự chuyển hoá nó thành ruộng đất đã tha hoá khỏi con người và do đó đối lập

với con người trong hình ảnh của một số ít lãnh chúa lớn này nọ.

Chế độ chiếm hữu phong kiến đã bao hàm sự thống trị của ruộng đất đối với con người, với tư cách là quyền lực của một lực lượng xa lạ nào đó. Người nông nô là vật phụ thuộc của ruộng đất. Giống hệt như thế, người trưởng nam được thừa kế ruộng đất, người con trai cả là thuộc về ruộng đất. Chính ruộng đất đã thừa kế người trưởng nam. Nói chung, sự thống trị của chế độ tư hữu bắt đầu từ chế độ chiếm hữu ruộng đất; chế độ chiếm hữu ruộng đất là cơ sở của chế độ tư hữu. Nhưng dưới chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến, lãnh chúa ít ra *trông bề ngoài có vẻ* là một ông vua sở hữu ruộng đất. Đồng thời ở đây còn có cái vẻ một quan hệ thân tình hơn giữa người sở hữu và ruộng đất so với mối quan hệ của cái *vật chất* đơn thuần. Cùng với chủ của nó, khoảnh đất được cá nhân hoá, mang tước vị của chủ nó, là nam tước hay bá tước cùng với chủ nó, có những đặc quyền của chủ nó, quyền tài phán của chủ nó, địa vị chính trị của chủ nó, v.v.. Khoảnh đất hình như là thân thể vô cơ của chủ nó. Cho nên tục ngữ có câu: *nulle terre sans maître*^{*}, câu này biểu hiện sự khăng khít giữa tầm lớn của người chủ với sở hữu ruộng đất. Cũng vậy, ở đây sự thống trị của chế độ sở hữu ruộng đất không trực tiếp biểu hiện ra là sự thống trị của tư bản đơn thuần. Nói đúng ra, những kẻ thuộc về sở hữu ruộng đất coi sở hữu đó như là Tổ quốc của mình. Đó là chủ nghĩa dân tộc có tính chất hết sức hạn chế.

[XVIII] Cũng vậy, sở hữu ruộng đất phong kiến lấy tên nó đặt tên cho chủ nó, giống như một vương quốc lấy tên mình đặt tên cho ông vua của mình. Gia phả của anh ta, lịch sử dòng họ của anh ta v.v. - tất cả những cái đó cá thể hoá sở hữu ruộng đất của anh ta, chính thức biến sở hữu đó thành

1* - không có đất nào không có chủ.

gia đình anh ta, nhân cách hoá nó. Cũng vậy, những người canh tác ruộng đất của anh ta không có địa vị của *người làm thuê công nhật*, mà chính họ, với tư cách là nông nô, một phần là sở hữu của anh ta, còn một phần có quan hệ trung thuận, quan hệ thần dân và quan hệ nghĩa vụ xác định đối với anh ta. Do đó lập trường của người chiếm hữu ruộng đất đối với họ là lập trường chính trị trực tiếp và đồng thời có một khía cạnh *tình cảm* nào đó. Tập quán, tính cách v.v. thay đổi từ khoảnh đất này đến khoảnh đất khác; và tựa hồ như gắn liền với mảnh đất thành một chỉnh thể, nhưng về sau cái gắn con người với khoảnh đất chỉ là túi tiền của con người, chứ không phải là tính cách của con người, cá tính của con người. Và cuối cùng, người chiếm hữu ruộng đất phong kiến không tìm cách rút từ sở hữu ruộng đất của mình ra những mối lợi thật hết sức lớn. Trái lại, anh ta tiêu dùng tất cả cái gì có ở đấy, và yên tâm để cho những người nông nô và những người thuê ruộng đất lo kiếm những tư liệu mới. Quan hệ của *tầng lớp quý tộc* với sở hữu ruộng đất khoác lên người chủ của nó một vòng hào quang lãng mạn nào đó là như vậy.

Điều cần thiết là cái vẻ ngoài ấy phải được xoá bỏ, là sở hữu ruộng đất, gốc rễ ấy của chế độ tư hữu, phải được hoàn toàn lôi cuốn vào sự vận động của sở hữu tư nhân và trở thành hàng hoá; là bá quyền của người sở hữu phải biểu hiện như bá quyền thuần túy của chế độ tư hữu, của tư bản, một bá quyền đã trút bỏ hết mọi màu sắc chính trị; là mối quan hệ giữa người sở hữu và người lao động phải trở thành quan hệ kinh tế giữa người bóc lột và người bị bóc lột; là mọi quan hệ nhân thân giữa người sở hữu và sở hữu của anh ta phải chấm dứt và sở hữu ấy phải trở thành chỉ là của cải vật chất *cụ thể*; là hôn nhân theo tính toán phải thay cho hôn nhân danh dự với ruộng đất và ruộng đất cũng như con người phải tụt xuống mức một giá trị buôn bán. Điều cần thiết là gốc rễ của

sở hữu ruộng đất, tức là tính háms lợi bản thủ, cũng phải xuất hiện dưới hình thức vô sĩ của nó. Điều cần thiết là độc quyền bất động phải chuyển thành độc quyền động và bất an thành cạnh tranh; là tình trạng ngồi không mà hưởng thụ kết quả mồ hôi nước mắt của người khác, phải chuyển thành sự bận rộn trong việc buôn bán những kết quả ấy. Và cuối cùng, điều cần thiết là trong quá trình cạnh tranh đó, sở hữu ruộng đất dưới hình thức tư bản, phải tỏ rõ sự thống trị của nó đối với giai cấp công nhân cũng như đối với bản thân những người sở hữu bị phá sản hoặc phát tài theo các quy luật vận động của tư bản. Thế là câu phương ngôn của thời đại mới *l'argent n'a pas de maitre*^{1*} biểu hiện rõ rệt sự thống trị của vật chất chết đối với con người, thay cho câu phương ngôn thời trung cổ: *nulle terre sans seigneur*^{2*}.

[XIX] 2) Còn sự tranh luận về sự có thể phân chia hay không thể phân chia của sở hữu ruộng đất thì phải chú ý những điều sau đây:

Sự phân chia của sở hữu ruộng đất là phủ định *sự độc quyền lớn* về sở hữu ruộng đất; sự phân chia đó xoá bỏ sự độc quyền ấy, nhưng chỉ xoá bỏ bằng cách làm cho độc quyền ấy *có tính chất phổ biến*. Nó không xoá bỏ cơ sở của độc quyền đó, tức chế độ tư hữu. Nó xâm phạm sự tồn tại của độc quyền, chứ không xâm phạm bản chất của độc quyền. Do đó sự phân chia của sở hữu ruộng đất phải chịu sự chi phối của các quy luật của chế độ tư hữu. Vấn đề là sự phân chia của sở hữu ruộng đất phù hợp với sự vận động của cạnh tranh trong lĩnh vực công nghiệp. Ngoài những bất lợi kinh tế do sự phân chia công cụ và do sự phân tán của lao động (mà ta cần phải phân biệt

1* - tiền bạc không có chủ.

2* - không có đất nào không có chủ.

với sự phân công lao động: ở đây công việc không phân phối cho nhiều người, mà cùng một lao động được mỗi người thực hiện một cách cô lập, nghĩa là có sự lặp đi lặp lại nhiều lần cùng một công việc), sự phân chia này, cũng như sự cạnh tranh đã nói trên, không khỏi chuyển thành sự tích lũy và sự tích tụ.

Cho nên ở đâu có sự phân chia sở hữu ruộng đất thì ở đó chẳng còn gì khác ngoài việc hoặc là quay trở về độc quyền dưới hình thức còn ghê tởm hơn, hoặc phủ định, xoá bỏ bản thân việc phân chia sở hữu ruộng đất. Nhưng đó không phải là quay trở về chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến nữa, mà là xoá bỏ sở hữu tư nhân về ruộng đất nói chung. Xoá bỏ lần thứ nhất sự độc quyền bao giờ cũng có nghĩa là làm cho độc quyền có tính chất phổ biến, là mở rộng phạm vi tồn tại của nó. Xoá bỏ sự độc quyền đã đạt tới hình thức tồn tại rộng lớn nhất và bao trùm của nó có nghĩa là tiêu diệt hoàn toàn nó. Về mặt kinh tế thì sự liên hợp đem áp dụng vào ruộng đất sẽ có được những cái lợi của chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất và lần đầu tiên thực hiện được xu hướng nguyên thuỷ của sự phân chia - tức bình đẳng, đồng thời nó cũng khôi phục lại quan hệ tình cảm của con người đối với ruộng đất, bằng con đường hợp lý chứ không phải thông qua chế độ nông nô, chế độ địa chủ quý tộc và sự thần bí vô lý về quyền sở hữu; ruộng đất không còn là đối tượng của sự buôn bán và nhờ lao động tự do và sự hưởng thụ tự do, nó lại trở thành tài sản cá nhân chân chính của con người. Cái lợi lớn của sự phân chia sở hữu ruộng đất là ở chỗ ở đây, quần chúng không còn có thể chịu sống trong cảnh nô dịch phong kiến nữa, sẽ chết vì sở hữu một cách khác với cách chết trong công nghiệp.

Về chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất thì những kẻ bảo vệ nó bao giờ cũng đồng nhất một cách ngụy biện những cái lợi kinh tế của nông nghiệp quy mô lớn với sở hữu ruộng đất lớn, như thế không thấy rằng chính chỉ khi sự xoá bỏ sở hữu [ấy],

[XX] những cái lợi đó, một mặt, mới có được địa bàn lớn nhất, mặt khác, mới lần đầu tiên tỏ ra có ích cho xã hội. Cũng vậy, những kẻ bảo vệ chế độ sở hữu ruộng đất lớn ấy đã kích thích tinh thần con buôn của chế độ chiếm hữu ít ruộng đất, làm như thể chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất, ngay cả dưới hình thức phong kiến của nó, cũng không bao hàm một cách tiềm tàng tinh thần con buôn. Đây là không nói đến hình thức hiện đại của sở hữu ruộng đất ở nước Anh, hình thức trong đó tính chất phong kiến của người chiếm hữu ruộng đất quyện với tinh thần con buôn và tài kinh doanh công nghiệp của người thuê đất.

Cũng giống như sở hữu ruộng đất lớn đến lượt mình có thể che trách sự phân chia sở hữu ruộng đất là độc quyền, vì sự phân chia đó dựa trên sự độc quyền sở hữu tư nhân, sự phân chia sở hữu ruộng đất cũng có thể che trách trở lại sở hữu ruộng đất lớn về sự phân chia, vì cả ở đây nữa, sự phân chia cũng thống trị, chỉ có điều là dưới hình thức bất động, cứng nhắc. Nói chung, chế độ tư hữu dựa trên sự phân chia. Và lại cũng giống như sự phân chia sở hữu ruộng đất lại dẫn tới chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất kiểu tư bản chủ nghĩa, sở hữu ruộng đất phong kiến, dù nó có xoay sở đi nữa, cũng không khỏi phải bị phân chia hay ít ra là rơi vào tay các nhà tư bản.

Điều đó xảy ra vì sở hữu ruộng đất lớn, như chúng ta thấy ở Anh, đẩy tuyệt đại đa số dân cư vào trong tay công nghiệp và bắt những công nhân của chính nó phải chịu cảnh nghèo khổ hoàn toàn. Như vậy, nó đẻ ra và tăng thêm sức mạnh của kẻ thù của nó, tức tư bản, công nghiệp, do nó ném những người nghèo khổ và toàn bộ hoạt động trong nước sang phía tư bản. Sở hữu ruộng đất lớn làm cho đa số dân cư trong nước trở thành những người làm công nghiệp và do đó biến họ thành đối thủ của sở hữu ruộng đất lớn. Nếu công nghiệp đạt được một sức mạnh lớn, như hiện nay chúng ta thấy ở Anh, thì nó từng bước tước mất của sở hữu ruộng đất lớn sự độc quyền của nó đối với những nước ngoài và bắt sở hữu ruộng đất lớn

đó phải cạnh tranh với những kẻ sở hữu ruộng đất ở ngoài nước. Vấn đề là dưới sự thống trị của công nghiệp, sở hữu ruộng đất chỉ có thể bảo đảm sự vĩ đại phong kiến của mình bằng sự độc quyền đối với các nước ngoài, để bằng cách đó bảo vệ mình tránh những quy luật chung của thương nghiệp mâu thuẫn với bản chất phong kiến của nó. Một khi bị kéo vào quỹ đạo cạnh tranh, sở hữu ruộng đất tuân theo các quy luật của cạnh tranh như mọi hàng hoá khác bị cạnh tranh chi phối. Nó mất sự ổn định với mức độ y như vậy, lúc giảm xuống, lúc tăng lên, chuyển từ tay người này sang tay người khác, và không pháp luật nào có thể giữ nó lại trong một số ít bàn tay đã được định trước [XXI]. Kết quả trực tiếp là nó bị phân tán vào tay nhiều người chiếm hữu và vô luận thế nào, nó cũng phải phục tùng quyền lực của tư bản công nghiệp.

Và cuối cùng, sở hữu ruộng đất lớn - được duy trì bằng bạo lực và làm nảy sinh ra một công nghiệp hùng mạnh ở bên cạnh mình - dẫn tới khủng hoảng còn nhanh hơn sự phân chia sở hữu ruộng đất mà với nó, xét về sức mạnh, công nghiệp vẫn ở vào địa vị thứ hai.

Sở hữu ruộng đất lớn, như chúng ta thấy ở Anh, đã mất tính chất phong kiến của nó và đã mang tính chất kinh doanh vì nó muốn làm ra thật nhiều tiền. Nó đem lại cho người sở hữu một địa tô cao nhất, và đem lại cho người thuê ruộng đất một lợi nhuận lớn nhất của tư bản của người đó. Do đó tiền công của công nhân nông nghiệp đã bị đưa đến mức tối thiểu, và trong phạm vi chế độ sở hữu ruộng đất, giai cấp những người thuê ruộng đất đã đại biểu cho sức mạnh của công nghiệp và của tư bản. Do cạnh tranh với nước ngoài, nên trong đa số trường hợp, địa tô không còn là thu nhập mà tự nó có thể đảm bảo đủ cho người chiếm hữu ruộng đất. Một bộ phận khá lớn những người sở hữu ruộng đất buộc phải giữ địa vị người thuê ruộng đất, còn những người này thì một phần rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Mặt khác, nhiều người thuê ruộng đất nắm

được sở hữu ruộng đất, vì những người sở hữu lớn yên trí nhận thu nhập, phần lớn sa vào tình trạng lãng phí và thường không thích hợp với việc lãnh đạo nền nông nghiệp quy mô lớn: họ thường không có tư bản và cũng không có năng lực khai thác ruộng đất. Như vậy, một bộ phận trong bọn họ cũng bị phá sản hoàn toàn. Và cuối cùng, tiền công đã bị rút xuống mức thấp nhất, lại còn phải hạ thấp thêm nữa để có thể đương đầu nổi với cuộc cạnh tranh mới. Và điều đó tất nhiên dẫn tới cách mạng.

Sở hữu ruộng đất phải phát triển bằng cách này lẫn cách kia, để ở trường hợp này lẫn ở trường hợp kia, đều đi tới sự diệt vong không tránh khỏi, cũng giống như công nghiệp phải đi tới phá sản dưới hình thức độc quyền và dưới hình thức cạnh tranh để học cách tin tưởng vào con người. [XXI]

[LAO ĐỘNG BỊ THA HOÁ]

[XXII] Chúng tôi đã xuất phát từ những tiền đề của kinh tế chính trị học. Chúng tôi dùng ngôn ngữ của nó và những quy luật do nó đẻ ra. Chúng tôi đã giả định là có sở hữu tư nhân, có sự tách rời nhau của lao động, tư bản và ruộng đất, và cả sự tách rời nhau của tiền công, lợi nhuận về tư bản và địa tô; tiếp nữa chúng tôi đã giả định là có phân công lao động, cạnh tranh, khái niệm giá trị trao đổi v.v.. Căn cứ vào bản thân kinh tế chính trị học, dùng lời của chính nó, chúng tôi đã chỉ ra rằng người công nhân bị hạ xuống địa vị một hàng hoá, hơn nữa là hàng hoá phẩm hại nhất, rằng sự bần cùng của công nhân tỷ lệ thuận^{1*} với sức mạnh và quy mô của sản phẩm của anh ta; rằng kết quả tất yếu của cạnh tranh là sự tích lũy tư bản vào tay một số ít người, nghĩa là sự khôi phục sự độc quyền một cách còn đáng sợ hơn; rằng cuối cùng sự khác nhau giữa nhà tư bản và người thu địa tô, giữa người nông dân và người công nhân công nghiệp không còn nữa và toàn bộ xã hội không tránh khỏi phân chia thành hai giai cấp - *những người sở hữu* và *những công nhân* không có sở hữu.

Kinh tế chính trị học xuất phát từ một thực tế là chế độ tư hữu. Nó không giải thích cho chúng ta rõ về chế độ này. Nó đặt quá trình *vật chất* mà chế độ tư hữu tiến hành trong thực tế vào những công thức chung và trừu tượng, những công thức mà sau đó nó coi là có giá trị như những *quy luật*. Nó không *lý giải* những quy luật ấy, nghĩa là nó không chỉ rõ rằng chúng bắt nguồn như thế nào từ bản chất của chế độ tư hữu. Kinh

1* - Trong nguyên bản viết nhầm: nghịch.

tế chính trị học không cung cấp cho chúng ta chìa khoá để hiểu cơ sở và nguyên nhân của sự tách rời của lao động khỏi tư bản, của tư bản khỏi ruộng đất. Chẳng hạn như khi nó xác định tương quan giữa tiền công và lợi nhuận của tư bản, thì nó cho rằng nguyên nhân cuối cùng là lợi ích của các nhà tư bản; nói cách khác, nó coi cái phải được xác định qua sự phân tích là cái đã có sẵn rồi. Cũng vậy, bất cứ ở chỗ nào, người ta cũng nhét cạnh tranh vào. Người ta đi tìm lời giải thích cho sự cạnh tranh trong những hoàn cảnh bên ngoài. Trong mức độ nào những hoàn cảnh bên ngoài, có vẻ ngẫu nhiên ấy, chỉ là biểu hiện của một sự phát triển tất yếu nào đó - kinh tế chính trị học không nói gì cho chúng ta biết. Chúng ta đã thấy rằng bản thân sự trao đổi được nó quan niệm là một sự kiện ngẫu nhiên. Những động cơ duy nhất mà nhà kinh tế chính trị học vận dụng là *lòng tham* và *chiến tranh giữa những kẻ có lòng tham*, tức là *cạnh tranh*.

Chính vì kinh tế chính trị học không hiểu mối liên hệ qua lại của sự vận động mà nó nghiên cứu, nên có thể đem học thuyết về cạnh tranh chẳng hạn, đối lập với học thuyết về độc quyền, đem học thuyết về tự do doanh nghiệp đối lập với học thuyết về tập đoàn, đem học thuyết về sự phân chia sở hữu ruộng đất đối lập với học thuyết về sở hữu ruộng đất lớn, vì cạnh tranh, tự do doanh nghiệp, sự phân chia sở hữu ruộng đất chỉ được quan niệm và hình dung là những hậu quả ngẫu nhiên, cố ý, gò ép chứ không phải là những hậu quả tất yếu, không tránh khỏi, tự nhiên, của độc quyền, tập đoàn và sở hữu phong kiến.

Do đó, hiện nay chúng ta phải hiểu thấu đáo mối liên hệ căn bản giữa chế độ tư hữu, lòng tham của cải, sự tách rời nhau của lao động, tư bản và sở hữu ruộng đất, giữa trao đổi và cạnh tranh, giữa giá trị của con người và sự mất giá của con người, giữa độc quyền và cạnh tranh v.v., giữa tất cả sự tha hoá đó và chế độ *tiền tệ*.

Chúng tôi sẽ không theo gương nhà kinh tế chính trị học là kẻ khi muốn giải thích một cái gì đó thì lại chuyển về trạng thái nguyên thủy do anh ta bịa ra. Trạng thái nguyên thủy như vậy không giải thích được gì hết. Việc đến trạng thái nguyên thủy, nhà kinh tế chính trị học chỉ đẩy vấn đề trở lại chốn xa xăm mờ mịt. Anh ta giả định rằng cái mà anh ta muốn suy ra, tức là mối quan hệ tất nhiên giữa hai cái, chẳng hạn như giữa sự phân công lao động và sự trao đổi, là đã được cho trước dưới hình thức sự kiện, sự biến. Cũng giống như nhà thần học giải thích nguồn gốc của tội ác bằng tội tổ tông, tức là giả định cái mà bản thân mình phải giải thích, là một sự kiện, dưới hình thức sự biến lịch sử.

Chúng tôi lấy sự kiện kinh tế *hiện nay* làm điểm xuất phát:

Người công nhân sản xuất càng nhiều của cải, sức mạnh và khối lượng sản phẩm của anh ta càng tăng thì anh ta càng nghèo⁴⁰. Người công nhân càng tạo ra nhiều hàng hoá, anh ta lại trở thành một hàng hoá càng rẻ mạt. Thế giới vật phẩm càng *tăng thêm giá trị* thì thế giới con người càng *mất giá trị*. Lao động không chỉ sản xuất ra hàng hoá mà thôi: nó sản xuất ra bản thân nó và sản xuất ra người công nhân với tính cách là *hàng hoá*, hơn nữa sản xuất theo cùng một tỷ lệ theo đó nó sản xuất ra hàng hoá nói chung.

Sự kiện đó chỉ biểu thị điều sau đây: vật phẩm do lao động sản xuất ra, tức sản phẩm của lao động, đối lập với lao động như một *thực thể xa lạ*, như một *lực lượng không phụ thuộc* vào người sản xuất. Sản phẩm của lao động là lao động được cố định, được vật hoá trong một vật phẩm nào đó, đó là *sự vật hoá của lao động*. Tiến hành lao động là vật hoá lao động. Trong những chế độ mà kinh tế chính trị học giả định thì sự tiến hành đó của lao động, sự thực hiện lao động đó trong thực tế biểu hiện ra là việc công nhân *bị loại ra khỏi thực tế*, sự vật hoá biểu hiện ra là *sự mất vật phẩm và sự bị vật phẩm nô dịch*, sự

chiếm hữu vật phẩm biểu hiện ra là *sự tha hoá, sự nhượng đi*⁴¹.

Sự thực hiện lao động biểu hiện ra là sự bị loại ra khỏi thực tại đến mức người công nhân bị loại ra khỏi thực tại đến mức phải chết đói. Sự vật hoá biểu hiện ra là sự mất vật phẩm đến mức người công nhân bị tước mất những vật phẩm cần thiết nhất, cần thiết không chỉ cho đời sống mà cả cho công việc nữa. Và lại bản thân công việc cũng trở thành một vật mà anh ta chỉ có thể chiếm được bằng một sự nỗ lực hết sức căng thẳng và một cách thất thường. Việc chiếm hữu vật phẩm biểu hiện ra là một sự tha hoá đến mức người công nhân sản xuất ra càng nhiều vật phẩm thì anh ta có thể chiếm hữu càng ít vật phẩm và anh ta bị sản phẩm của anh ta, tức tư bản, thống trị càng mạnh.

Tất cả những hậu quả đó đã nằm trong sự quy định này; người công nhân quan hệ với *sản phẩm lao động của mình* như với một vật *xa lạ*. Vì với giả thiết đó thì rõ ràng là: người công nhân càng làm kiệt sức mình trong công việc thì thế giới vật phẩm xa lạ đối với anh ta do bản thân anh ta tạo ra chống lại chính anh ta, trở nên càng mạnh; bản thân anh ta, thế giới bên trong của anh ta trở nên càng nghèo; của cải thuộc về anh ta càng ít. Trong tôn giáo, tình hình cũng hoàn toàn giống như vậy. Con người hiến cho thần thánh càng nhiều, thì cái còn lại trong bản thân con người càng ít⁴². Người công nhân đặt đời sống của mình vào vật phẩm, nhưng từ nay đời sống đó không thuộc về anh ta nữa, mà thuộc về vật phẩm. Như vậy, hoạt động ấy của công nhân càng lớn thì công nhân càng không có vật phẩm. Cái đã rời vào sản phẩm của anh ta không còn ở bản thân anh ta nữa. Cho nên, sản phẩm đó càng lớn thì anh ta càng ít là anh ta. *Sự tha hoá* của công nhân trong sản phẩm của anh ta không chỉ có ý nghĩa là lao động của anh ta trở thành một vật phẩm, có được sự tồn tại *bên ngoài*, mà còn có ý nghĩa là lao động của anh ta tồn tại ở *bên ngoài anh ta*,

không phụ thuộc vào anh ta, xa lạ với anh ta, và lao động ấy trở thành một lực lượng độc lập đối lập với anh ta, có nghĩa là đời sống mà anh ta truyền cho vật phẩm, chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ.

[XXIII] Giờ đây, chúng ta hãy xét tỷ mỉ hơn *sự vật hoá*, việc công nhân sản xuất sản phẩm và qua sự vật hoá đó, xem xét tỷ mỉ *sự tha hoá*, *sự mất* vật phẩm, tức là sự mất sản phẩm do người công nhân sản xuất ra.

Công nhân không thể tạo ra cái gì nếu không có *giới tự nhiên*, nếu không có *thế giới hữu hình bên ngoài*. Đó là vật liệu, trong đó lao động của anh ta được thực hiện, trong đó hoạt động lao động của anh ta triển khai, từ đó và nhờ đó, lao động của anh ta sản xuất ra sản phẩm.

Giới tự nhiên cung cấp cho lao động *tư liệu sinh hoạt* theo nghĩa là không có vật để cho lao động tác động vào thì lao động không thể *sống* được; mặt khác, chính giới tự nhiên cũng cung cấp *tư liệu sinh hoạt* theo nghĩa hẹp hơn, nghĩa là cung cấp tư liệu để tồn tại về thể xác cho bản thân *người công nhân*.

Như vậy, công nhân dùng lao động của mình mà càng *chiếm hữu* được thế giới bên ngoài, giới tự nhiên hữu hình, thì anh ta càng tự tước mất của mình những *tư liệu sinh hoạt* theo hai ý nghĩa: một là thế giới hữu hình bên ngoài ngày càng không còn là một vật thuộc về lao động của anh ta một cách khăng khít, không còn là một *tư liệu sinh hoạt* của lao động của anh ta; hai là thế giới bên ngoài ấy ngày càng không còn cung cấp cho anh ta những *tư liệu sinh hoạt* theo ý nghĩa trực tiếp - tư liệu cho đời sống thể xác của công nhân.

Như vậy, người công nhân trở thành nô lệ cho vật của mình về hai phương diện: một là anh ta nhận được *một vật để lao động*, nghĩa là nhận được *việc làm*, và hai là anh ta nhận được những *tư liệu sinh hoạt*. Do đó chỉ có vật ấy mới đem lại cho anh ta khả năng sinh tồn, một là như một *người công nhân* và hai là

như một *chủ thể thể xác*. Điểm cao nhất của sự nô lệ đó là: chỉ có với tư cách *công nhân*, anh ta mới có thể duy trì được sự tồn tại của mình như một *chủ thể thể xác* và chỉ có với tư cách là *chủ thể thể xác* thì anh ta mới là công nhân.

(Theo những quy luật mà kinh tế chính trị học đề ra thì sự tha hoá của công nhân trong vật phẩm của mình, biểu hiện như sau: công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo dáng càng đẹp thì anh ta càng què quặt; vật do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên).

Kinh tế chính trị học bỏ qua không nói đến sự tha hoá trong thực chất của lao động, vì nó không xem xét quan hệ trực tiếp giữa người công nhân (lao động) và sản phẩm do anh ta sản xuất ra. Dĩ nhiên, lao động sản xuất ra những vật phẩm kỳ diệu cho những người giàu, nhưng chính nó lại sản xuất ra sự bần cùng hoá công nhân. Nó tạo ra lâu đài, nhưng cũng tạo ra cả những nhà ổ chuột cho công nhân. Nó sáng tạo ra cái đẹp, nhưng cũng làm què quặt công nhân. Nó thay lao động thủ công bằng máy móc, nhưng nó lại ném một bộ phận công nhân trở về với lao động dã man và biến một bộ phận công nhân khác thành những cái máy. Nó sản xuất ra trí tuệ, nhưng cũng sản xuất ra cả sự đần độn, ngu ngốc cho công nhân.

Quan hệ trực tiếp của lao động với sản phẩm của nó là quan hệ của công nhân với những vật phẩm anh ta sản xuất ra. Quan hệ của người có của với những vật được sản xuất ra và với bản thân sản xuất chỉ là *hậu quả* của quan hệ thứ nhất đó và xác nhận quan hệ đó. Phương diện thứ hai này của vấn đề, chúng ta

sẽ xét sau. Do đó nếu chúng ta hỏi: bản chất của các quan hệ lao động là gì, thì như thế có nghĩa là chúng ta đặt vấn đề quan hệ của *công nhân* với sản xuất.

Cho đến nay, chúng ta xét sự tha hoá của công nhân chỉ về một phương diện, cụ thể là phương diện *quan hệ của anh ta với sản phẩm lao động của anh ta*. Nhưng sự tha hoá xuất hiện không chỉ trong kết quả cuối cùng của sản xuất mà cả trong bản thân *hành vi sản xuất*, trong *bản thân hoạt động sản xuất*. Người công nhân có thể đứng đối lập với sản phẩm của hoạt động của anh ta như một cái gì đó xa lạ hay không, nếu trong chính ngay hành vi sản xuất, anh ta không tha hoá khỏi bản thân anh ta? Trên thực tế, sản phẩm chỉ là kết quả của hoạt động, của sản xuất. Vậy, nếu sản phẩm của lao động là sự tha hoá thì bản thân sản xuất phải là sự tha hoá bằng hành động, là sự tha hoá của hoạt động, là hoạt động của sự tha hoá. Sự tha hoá của đối tượng lao động chỉ là kết quả tổng kết sự tha hoá trong hoạt động của bản thân lao động.

Vậy sự tha hoá của lao động là gì?

Một là, lao động là cái gì đó *bên ngoài* đối với người công nhân, không thuộc bản chất của anh ta; trong lao động của anh ta, anh ta không khẳng định mình mà phủ định mình, không cảm thấy mình sung sướng, mà cảm thấy mình khổ sở, không phát huy một cách tự do nghị lực thể chất và tinh thần của mình, mà làm kiệt quệ thân thể của mình và phá hoại tinh thần của mình. Cho nên chỉ có ở ngoài lao động, công nhân mới cảm thấy mình là chính mình, còn trong quá trình lao động thì cảm thấy mình bị tách khỏi bản thân mình. Anh ta cảm thấy như ở nhà mình khi anh ta không làm việc, còn khi anh ta làm việc thì anh ta thấy không còn như ở nhà mình nữa. Do đó, lao động của anh ta không phải là tự nguyện mà là bắt buộc; đó là *lao động cưỡng bức*. Đó không phải là sự thoả mãn nhu cầu lao động, mà chỉ là một *phương tiện* để thoả mãn những nhu cầu

khác, chứ không phải nhu cầu lao động. Tính bị tha hoá của lao động biểu hiện rõ rệt ở chỗ là một khi không còn sự cưỡng bức lao động về thể xác hoặc về mặt khác thì người ta trốn tránh lao động như trốn tránh bệnh dịch hạch vậy. Lao động bên ngoài, lao động mà trong quá trình của nó con người tha hoá mình, là sự tự hy sinh mình, là sự tự hành hạ mình. Và cuối cùng, đối với người công nhân tính chất bên ngoài của lao động biểu hiện ở chỗ là lao động đó không thuộc về anh ta mà thuộc về người khác, và bản thân anh ta, trong quá trình lao động, không thuộc về anh ta mà thuộc về người khác. Cũng giống như trong tôn giáo, sự hoạt động chủ động của trí tưởng tượng của con người, của đầu óc con người và của trái tim con người tác động đến cá nhân một cách độc lập đối với cá nhân đó, nghĩa là tác động với tư cách là một hoạt động xa lạ nào đó của thần linh hoặc của ma quỷ, cũng như hoạt động của người công nhân cũng không phải là hoạt động chủ động của mình⁴³. Hoạt động đó thuộc về người khác, hoạt động đó là việc công nhân đánh mất bản thân mình.

Do đó, ta có được luận điểm là con người (công nhân) chỉ cảm thấy mình hành động tự do trong khi thực hiện những chức năng động vật của mình- ăn, uống, sinh con đẻ cái, nhiều lắm là trong chuyện ở, chuyện trang sức, v.v., - còn trong những chức năng con người của anh ta thì anh ta cảm thấy mình chỉ còn là con vật. Cái vốn có của súc vật trở thành chức phận của con người, còn cái có tính người thì biến thành cái vốn có của súc vật.

Cố nhiên là ăn, uống, sinh con đẻ cái v.v. cũng là những chức năng thực sự có tính người. Nhưng trong khái niệm trừu tượng tách chúng khỏi phạm vi hoạt động khác của con người và biến chúng thành những mục đích cuối cùng và duy nhất thì những chức năng ấy mang tính súc vật.

Chúng ta đã xét hai phương diện của hành vi tha hoá của hoạt động thực tiễn của con người, tức là của lao động. Một là

quan hệ của công nhân với *sản phẩm của lao động*, như với một vật xa lạ và thống trị anh ta. Quan hệ đó đồng thời là quan hệ với thế giới hữu hình bên ngoài, với những vật trong giới tự nhiên, một thế giới xa lạ, đối lập với anh ta một cách thù địch. Hai là quan hệ của lao động với *hành vi sản xuất* trong bản thân quá trình *lao động*. Quan hệ đó là quan hệ của công nhân với hoạt động của bản thân anh ta, với tính cách là cái xa lạ, không thuộc về anh ta. Ở đây hoạt động biểu hiện ra là sự đau khổ; sức mạnh biểu hiện ra là sự bất lực, sự thai nghén biểu hiện ra là sự tuyệt đường sinh dục; nghị lực thể chất và tinh thần của *bản thân* người công nhân, đời sống cá nhân của anh ta (vì đời sống là gì nếu không phải là hoạt động?) biểu hiện ra là hoạt động chống lại bản thân anh ta, không phụ thuộc vào anh ta, không thuộc về anh ta. Đó là *sự tự tha hoá*, trong khi ở trên kia đã nói về sự tha hoá của *vật*.

[XXIV] Giờ đây, từ hai định nghĩa đó về *lao động bị tha hoá*, chúng ta còn phải rút ra một định nghĩa thứ ba nữa.

Con người là một sinh vật có tính loài, không những với ý nghĩa là cả về thực tiễn cũng như về lý luận, con người biến loài, cả loài của chính mình cũng như loài của những vật khác, thành vật của mình, mà còn với ý nghĩa - và đây chỉ là cách diễn đạt cũng điều ấy theo một lối khác mà thôi - con người đối xử với bản thân mình như với một loài hiện đang sống, con người đối xử với bản thân mình như với một thực thể *phổ biến* và do đó là một thực thể tự do⁴⁴.

Về mặt thể xác thì ở con người cũng như ở con vật, đời sống có tính loài là ở chỗ con người (cũng như con vật) sống bằng giới tự nhiên vô cơ, và con người càng có tính phổ biến so với con vật thì phạm vi của giới tự nhiên vô cơ mà nó dựa vào để sống càng có tính phổ biến. Cũng như về mặt lý luận thực vật, động vật, đá, không khí, ánh sáng v.v. là một bộ phận của ý

thức con người, một phần với tính cách là đối tượng của khoa học tự nhiên, một phần với tính cách là đối tượng của nghệ thuật, là giới tự nhiên tinh thần vô cơ của con người, là món ăn tinh thần mà con người phải chuẩn bị trước rồi mới có thể thưởng thức và tiêu hoá được, - về mặt thực tiễn, những cái đó cũng là một bộ phận của đời sống con người và của hoạt động con người. Về mặt thể xác, con người chỉ sống bằng những sản phẩm tự nhiên ấy, dù là dưới hình thức thực phẩm, nhiên liệu, áo quần, nhà ở v.v.. Về mặt thực tiễn, tính phổ biến của con người biểu hiện ra chính ở cái tính phổ biến biến toàn bộ giới tự nhiên thành thân thể *vô cơ* của con người, vì thứ nhất, giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp đối với con người, và thứ hai là giới tự nhiên là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động sinh sống của con người. Giới tự nhiên - cụ thể là cái giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là *thân thể* của con người - là *thân thể vô cơ* của con người. Con người *sống* bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là *thân thể* của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên.

Lao động tha hoá của con người tha hoá 1) giới tự nhiên, 2) bản thân con người, chức năng hoạt động của bản thân con người, hoạt động sinh sống của con người, do đó cũng tha hoá *loài* với con người: nó biến *đời sống tính loài* của con người thành phương tiện để duy trì đời sống cá nhân. Một là, nó tha hoá đời sống có tính loài và đời sống cá nhân, và hai là nó làm cho đời sống cá nhân, dưới hình thức trừu tượng, trở thành mục đích của đời sống có tính loài cũng dưới hình thức trừu tượng và bị tha hoá⁴⁵.

Vì một là, đối với con người thì bản thân lao động, bản thân *hoạt động sinh sống*, bản thân *đời sống sản xuất* hoá ra chỉ là một *phương tiện* để thoả mãn mỗi một nhu cầu của anh ta, nhu cầu duy trì sự sinh tồn thể xác. Còn đời sống sản xuất thì chính là đời sống có tính loài. Đó là đời sống đẻ ra đời sống. Tính chất của hoạt động sinh sống bao hàm toàn bộ tính chất của một chủng nhất định, tính loài của nó, và hoạt động tự do, có ý thức chính là tính chất loài của con người. Bản thân đời sống hoá ra chỉ là *phương tiện sinh sống*.

Con vật đồng nhất trực tiếp với hoạt động sinh sống của nó. Nó không tự phân biệt nó với hoạt động sinh sống của nó. Nó là *hoạt động sinh sống ấy*. Còn con người thì làm cho bản thân hoạt động sinh sống của mình trở thành đối tượng của ý chí và của ý thức của mình. Hoạt động sinh sống của con người là hoạt động sinh sống có ý thức. Đó không phải là cái tính quy định mà con người trực tiếp hoà làm một với nó. Hoạt động sinh sống có ý thức phân biệt trực tiếp con người với hoạt động sinh sống của con vật. Chính chỉ vì thế mà con người là một sinh vật có tính loài. Hoặc còn có thể nói thế này: con người là một sinh vật có ý thức, nghĩa là đời sống của bản thân con người là một đối tượng đối với con người, chính chỉ vì con người là một sinh vật có tính loài. Chỉ vì thế mà hoạt động của con người là hoạt động tự do. Lao động bị tha hóa đảo ngược quan hệ đó khiến cho con người chính vì là một sinh vật có ý thức, chỉ biến hoạt động sinh sống của mình, *bản chất* của mình thành phương tiện để duy trì sự *tồn tại* của mình mà thôi.

Việc tạo một cách thực tiễn ra *thế giới vật thể*, việc *cải tạo* giới tự nhiên vô cơ là sự tự khẳng định của con người với tư cách là một sinh vật có tính loài có ý thức, nghĩa là một sinh vật đối xử với loài như với bản chất của chính mình, hoặc đối xử với bản thân mình như với một sinh vật có tính loài. Cố nhiên,

con vật cũng sản xuất. Nó xây dựng tổ, chỗ ở của nó, như con ong, con hải ly, con kiến v.v.. Nhưng con vật chỉ sản xuất cái mà bản thân nó hoặc con nó trực tiếp cần đến; nó sản xuất một cách phiến diện, trong khi con người sản xuất một cách toàn diện; con vật chỉ sản xuất vì bị chi phối bởi nhu cầu thể xác trực tiếp, còn con người sản xuất ngay cả khi không bị nhu cầu thể xác ràng buộc, và chỉ khi không bị nhu cầu đó ràng buộc thì con người mới sản xuất theo ý nghĩa chân chính của từ đó; con vật chỉ sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên; sản phẩm của con vật trực tiếp gắn với cơ thể thể xác của nó, còn con người thì đối diện một cách tự do với sản phẩm của mình. Con vật chỉ xây dựng theo kích thước và nhu cầu của loài của nó, còn con người thì có thể sản xuất theo kích thước của bất cứ loài nào và ở đâu cũng biết vận dụng bản chất cố hữu của mình vào đối tượng; do đó con người cũng xây dựng theo các quy luật của cái đẹp.

Cho nên chính trong việc cải biến thế giới vật thể, con người lần đầu tiên thực sự khẳng định mình là một *sinh vật có tính loài*. Sự sản xuất đó là đời sống có tính loài tích cực của con người. Nhờ sự sản xuất đó, giới tự nhiên biểu hiện ra là tác phẩm của nó (con người) và thực tại của nó. Do đó đối tượng lao động là *sự đối tượng hoá đời sống có tính loài của con người*: con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như xảy ra trong ý thức nữa, mà còn nhân đôi mình một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn bản thân mình trong thế giới do mình sáng tạo ra. Cho nên khi tước của con người đối tượng sản xuất của con người, lao động bị tha hóa cũng tước của con người *đời sống có tính loài* của con người, tính đối tượng có tính loài thực sự của con người, và biến cái thể hơn của con người so với con vật thành cái tiêu cực đối với con người, vì con người bị tước mất thân thể vô cơ của mình, tức là giới tự nhiên.

Cũng vậy, lao động bị tha hoá trong khi hạ thấp tinh thần chủ động, hoạt động tự do xuống mức một phương tiện đơn thuần, thì cũng biến đời sống có tính loài của con người thành phương tiện duy trì sự tồn tại thể xác của con người.

Vậy ý thức vốn có của con người về bản chất có tính loài của con người, do sự tha hoá mà biến đổi khiến cho đời sống có tính loài trở thành phương tiện cho con người.

Vậy, sự tha hoá của lao động dẫn tới những kết quả như sau:

3) *Bản chất có tính loài của con người*, - giới tự nhiên cũng như tài sản tinh thần có tính loài của con người, - bị biến thành một bản chất *xa lạ* với con người, thành *phương tiện* duy trì *sự tồn tại cá nhân* của con người. Lao động bị tha hoá làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất *nhân loại* của con người, trở thành xa lạ với con người.

4) Kết quả trực tiếp của việc con người bị tha hoá với sản phẩm lao động của mình, với hoạt động sinh sống của mình, với bản chất có tính loài của mình, là *sự tha hoá của con người với con người*. Khi con người đối lập với bản thân mình thì con người *khác* đối lập với nó. Những điều có thể nói về quan hệ của con người với lao động của mình, với sản phẩm lao động của mình và với bản thân mình cũng có thể nói về quan hệ của con người với con người khác, cũng như với lao động và đối tượng lao động của con người khác.

Nói chung, luận điểm cho rằng bản chất có tính loài của con người bị tha hoá với con người, có nghĩa là một người này bị tha hoá với người khác và từng người trong số họ bị tha hoá với

bản chất người.

Sự tha hoá của con người, và nói chung bất cứ quan hệ nào của con người với bản thân mình, đều chỉ được thực tại hoá, chỉ được biểu hiện ở các quan hệ của con người với những người khác.

Do đó, trong điều kiện lao động bị tha hoá, mỗi người xem xét người khác căn cứ vào kích thước và quan hệ, trong đó bản thân mình tồn tại với tính cách là người công nhân.

[XXV] Chúng tôi đã xuất phát từ một sự kiện kinh tế - sự tha hoá của công nhân và của sản phẩm của công nhân. Chúng tôi đã nêu lên khái niệm của cái thực tế này: lao động *bị tha hoá*. Chúng tôi đã phân tích khái niệm đó. Như thế là đã phân tích một sự kiện của kinh tế.

Giờ đây, chúng ta hãy xét xem khái niệm lao động bị tha hoá ấy được biểu hiện và quan niệm như thế nào trong hiện thực.

Nếu sản phẩm của lao động là xa lạ đối với tôi, đối lập với tôi với tính cách là một lực lượng xa lạ thì trong trường hợp đó, nó thuộc về ai?

Nếu hoạt động của bản thân tôi không thuộc về tôi mà là một hoạt động xa lạ, cưỡng bức, thì trong trường hợp đó, nó thuộc về ai?

Thuộc về một thực thể *khác* với tôi.

Thực thể đó là ai?

Phải chăng là *Thượng đế*? Quả thật, trong những thời kỳ đầu tiên, hoạt động sản xuất chủ yếu như việc xây dựng đền chùa v.v. ở Ai Cập, Ấn Độ, Mê-hi-cô, chẳng hạn, đã diễn ra theo hướng thờ cúng thần thánh và bản thân sản phẩm thuộc về thần thánh. Nhưng thần thánh không bao giờ chỉ mình họ là những người chủ chi phối lao động. *Giới tự nhiên* cũng không

phải là người chủ. Nhờ lao động, con người chinh phục giới tự nhiên càng triệt để hơn và nhờ những kỳ tích của công nghiệp mà những kỳ tích của thần thánh càng trở nên thừa, thì để làm vừa lòng những lực lượng ấy, con người cũng càng phải từ bỏ thú vui sản xuất và từ bỏ hưởng thụ sản phẩm, như thế mâu thuẫn biết nhường nào!

Thực thể *xa lạ* mà lao động và sản phẩm của lao động thuộc về nó, thực thể mà lao động phục vụ cho nó và sản phẩm của lao động được tạo ra để cho nó hưởng thụ, thực thể như vậy chỉ có thể là chính *con người*.

Nếu sản phẩm của lao động không thuộc về công nhân, nếu nó đối lập với công nhân như một lực lượng xa lạ, thì điều này chỉ có thể xảy ra do chỗ sản phẩm thuộc về *người khác, người không phải công nhân*. Nếu hoạt động của công nhân là nỗi khổ dày vò bản thân anh ta thì hoạt động đó nhất định phải mang lại *khoái lạc* và thú vui cho một người khác nào đó. Không phải thần thánh và giới tự nhiên, mà chỉ chính ngay con người mới có thể là lực lượng xa lạ, thống trị con người.

Còn cần chú ý đến luận điểm đã nói ở trên, rằng quan hệ của con người với bản thân mình chỉ trở thành có *tính khách quan, có tính thực tại* đối với người đó nhờ có quan hệ của người đó với người khác. Vậy, nếu con người quan hệ với sản phẩm lao động của mình, với lao động vật hoá của mình, như với một vật *xa lạ, đối địch*, hùng mạnh, không phụ thuộc vào mình, thì với sản phẩm đó, con người có một quan hệ khiến cho người chủ của vật phẩm ấy là một người khác, xa lạ với anh ta, đối địch, hùng mạnh và không phụ thuộc vào anh ta. Nếu con người quan hệ với hoạt động của bản thân mình như với một hoạt động không tự do thì như thế là con người quan hệ với hoạt động đó như quan hệ với hoạt động phục vụ cho người khác, chịu sự thống trị của người khác đó, phục tùng sự

cưỡng bức và ách áp bức của người khác đó.

Mọi sự tự tha hoá của con người với bản thân mình và với giới tự nhiên thể hiện trong quan hệ với những người khác, tách biệt với mình, quan hệ trong đó con người đặt bản thân mình và đặt tự nhiên vào. Cho nên, sự tự tha hoá có tính chất tôn giáo tất nhiên phải thể hiện trong quan hệ của người thế tục với thầy tu hay là - vì ở đây nói đến thế giới tinh thần - với một người môi giới nào đó v.v.. Trong thế giới hiện thực thực tiễn, sự tự tha hoá chỉ có thể biểu hiện bằng mối quan hệ hiện thực thực tiễn với những người khác. Cái phương tiện mà nhờ đó diễn ra sự tha hoá, tự nó là một phương tiện *thực tiễn*. Vậy bằng lao động bị tha hoá, con người không chỉ sản sinh ra quan hệ của mình với đối tượng và hành vi sản xuất, như với những lực lượng xa lạ và đối địch với mình, - con người còn sản sinh ra mối quan hệ của những người khác với sự sản xuất của mình và với sản phẩm của mình và mối quan hệ của bản thân mình với những người khác ấy. Cũng giống như con người biến hoạt động sản xuất của bản thân mình thành việc tự loại mình ra khỏi thực tại, thành hình phạt đối với mình, còn sản phẩm của bản thân mình thì bị mình đánh mất, trở thành sản phẩm không thuộc về mình; con người cũng sản sinh ra quyền lực của kẻ không sản xuất đối với sản xuất và đối với sản phẩm. Tha hoá hoạt động của bản thân mình với mình, con người cho phép người khác chiếm hữu hoạt động không phải của người này.

Cho đến nay, chúng tôi chỉ xem quan hệ ấy từ phía người công nhân; sau này chúng tôi cũng sẽ xét cả từ phía người không phải công nhân.

Vậy, thông qua *lao động bị tha hoá*, người công nhân sản sinh ra quan hệ của một người khác nào đó - xa lạ với lao động và đứng ở ngoài lao động - với lao động ấy. Quan hệ của công nhân với lao động sản sinh ra quan hệ của nhà tư bản, của

người chủ của lao động - hay người ta có thể gọi bằng một tên gọi nào khác cũng được - với lao động ấy. Vậy, *sở hữu tư nhân* là sản phẩm, kết quả, hậu quả tất nhiên của *lao động bị tha hoá*, của quan hệ bên ngoài của công nhân với giới tự nhiên và với bản thân mình.

Vậy sở dĩ có được khái niệm *sở hữu tư nhân* là nhờ phân tích khái niệm *lao động bị tha hoá*, tức là khái niệm *con người bị tha hoá*, khái niệm đời sống bị tha hoá.

Cố nhiên là chúng ta rút được khái niệm *lao động bị tha hoá (đời sống bị tha hoá)* từ kinh tế chính trị học, với tính cách là kết quả của *sự vận động của sở hữu tư nhân*. Nhưng sự phân tích khái niệm ấy chỉ ra rằng, mặc dù *sở hữu tư nhân* biểu hiện ra là cơ sở, là nguyên nhân của *lao động bị tha hoá*, nhưng thực ra là ngược lại, nó hoá ra là kết quả của *lao động bị tha hoá*, cũng giống như thần thánh *lúc đầu* không phải là nguyên nhân, mà là kết quả của sự nhầm lẫn của lý trí con người. Sau này, quan hệ đó biến thành quan hệ tác động lẫn nhau.

Chỉ đến giai đoạn phát triển cuối cùng, cao nhất của *sở hữu tư nhân* thì điều bí ẩn ấy của nó mới lại bộc lộ: một mặt, *sở hữu tư nhân* là *sản phẩm* của *lao động bị tha hoá*, và mặt khác, nó là phương tiện làm cho *lao động bị tha hoá*, là *sự thực hiện sự tha hoá ấy*.

Những kiến giải phát triển trên đây lập tức soi sáng những xung đột đến nay chưa được giải quyết.

1) Kinh tế chính trị học xuất phát từ *lao động* với tính cách là linh hồn chân chính của sản xuất, tuy nhiên nó không đem lại cho *lao động* cái gì hết, mà lại hiến tất cả cho *sở hữu tư nhân*. Pru-đông xuất phát từ mâu thuẫn đó mà rút ra được những kết luận có lợi cho *lao động*, chống lại *sở hữu tư nhân*. Nhưng chúng ta thấy rằng, mâu thuẫn hiển nhiên ấy là mâu thuẫn của *lao động bị tha hoá* với bản thân nó và kinh tế chính

trị học chỉ nêu lên các quy luật của *lao động bị tha hoá* mà thôi.

Cho nên chúng ta cũng thấy rằng *tiền công* là đồng nhất với *sở hữu tư nhân*, vì *tiền công* - trong đó sản phẩm, đối tượng *lao động* trả công cho bản thân *lao động*, - chỉ là hậu quả tất nhiên của sự tha hoá của *lao động*; vì trong *tiền công*, *lao động* biểu hiện ra không phải là mục đích tự nó mà là tiêu cực của *tiền công*. Sau này, chúng tôi sẽ nói kỹ về điều đó, giờ đây chúng tôi chỉ xin rút ra một vài [XXVI] kết luận.

Việc cưỡng bức *tăng tiền công* (chưa nói đến tất cả những khó khăn khác và chưa nói rằng sự tăng lên như vậy là một việc bất thường, cũng chỉ có thể duy trì được bằng bạo lực) như điều đó toát ra từ những điều đã trình bày trên đây, chẳng qua sẽ chỉ là *sự trả công tốt hơn cho nô lệ* và sẽ không giành cho công nhân và *lao động*, mục đích của con người và phẩm giá con người của họ.

Ngay cả *sự ngang nhau về tiền công* như Pru-đông đòi hỏi, cũng sẽ chỉ có kết quả là biến quan hệ của người công nhân hiện nay với *lao động* của anh ta thành quan hệ của tất cả mọi người với *lao động*. Trong trường hợp đó, xã hội được hình dung như là một nhà tư bản trừu tượng⁴⁶.

Tiền công là kết quả trực tiếp của *lao động bị tha hoá*, còn *lao động bị tha hoá* là nguyên nhân trực tiếp của *sở hữu tư nhân*. Cho nên, phía này mất đi thì phía kia cũng phải tiêu tan theo.

2) Xuất phát từ quan hệ của *lao động bị tha hoá* với *sở hữu tư nhân*, còn có thể kết luận thêm rằng sự giải phóng xã hội khỏi *sở hữu tư nhân* v.v., khỏi sự nô dịch, trở thành hình thức *chính trị* của *sự giải phóng công nhân*, và lại vấn đề ở đây không chỉ là sự giải phóng của họ, vì sự giải phóng của họ bao hàm sự giải phóng toàn thể loài người; và sở dĩ như thế là vì toàn bộ cái chế độ nô dịch loài người nói chung bao hàm

trong quan hệ của công nhân với sản xuất và vì mọi quan hệ nô dịch đều chỉ là những biến thể và kết quả của quan hệ ấy.

Từ khái niệm *lao động bị tha hoá*, qua *phân tích* chúng ta đã rút ra khái niệm *sở hữu tư nhân*, cũng giống như thế, nhờ có hai nhân tố đó, chúng ta có thể phát triển tất cả các *phạm trù* kinh tế, đồng thời trong mỗi phạm trù, chẳng hạn như thương nghiệp [Schacher], cạnh tranh, tư bản, tiền tệ, chúng ta chỉ sẽ tìm thấy *một biểu hiện nhất định* và *đã phát triển* nào đó của những cơ sở đầu tiên ấy.

Nhưng trước khi xét những phạm trù ấy, chúng tôi xin thử giải quyết hai vấn đề:

1) Xác định *bản chất* chung của *sở hữu tư nhân*, với tư cách là kết quả của lao động bị tha hoá, trong quan hệ của nó với *sở hữu đích thực của con người* và của xã hội.

2) Chúng tôi đã coi *sự tha hoá lao động* là một sự thực và chúng tôi đã phân tích sự thực đó. Giờ đây, thử hỏi làm thế nào mà *con người* đi tới chỗ *tha hoá lao động* của mình? Sự tha hoá đó có cơ sở như thế nào trong bản chất của sự phát triển của con người? Để giải quyết vấn đề đó, chúng ta đã tiến được một bước lớn, vì vấn đề *nguồn gốc của sở hữu tư nhân* đã được chúng ta quy thành vấn đề quan hệ của *lao động bị tha hoá* với tiến trình phát triển của loài người. Vì khi nói đến *sở hữu tư nhân*, người ta nghĩ rằng họ đang bàn đến một cái gì đó ở ngoài con người. Còn khi nói đến lao động thì người ta trực tiếp bàn đến bản thân con người. Cách đặt vấn đề mới như thế đã chứa đựng cách giải quyết vấn đề.

Về điểm 1: Bản chất chung của sở hữu tư nhân và quan hệ của nó với sở hữu đích thực của con người.

Đối với chúng ta, lao động bị tha hoá phân ra thành hai bộ phận cấu thành chế ước lẫn nhau, hoặc chỉ là những biểu hiện khác nhau của cùng một quan hệ: *sự chiếm hữu*, biểu hiện ra

là *sự tha hoá*, còn *sự tha hoá* thì biểu hiện ra là *sự chiếm hữu*, là thật sự *giành được quyền công dân*.

Chúng ta đã xét một mặt, xét lao động *bị tha hoá* trong quan hệ của nó với bản thân người *công nhân*, nghĩa là *quan hệ của lao động bị tha hoá với bản thân nó*. Chúng ta đã tìm thấy *quan hệ sở hữu của người - không - phải - công - nhân với người công nhân và với lao động* với tính cách là sản phẩm hay kết quả tất nhiên của quan hệ đó. *Sở hữu tư nhân*, với tính cách là biểu hiện vật chất khái quát của lao động bị tha hoá, bao gồm hai quan hệ: *quan hệ của công nhân với lao động, với sản phẩm lao động của mình và với người - không - phải - công - nhân*, và quan hệ của người - không - phải - công - nhân với người công nhân và với sản phẩm lao động của người công nhân.

Chúng ta đã thấy rằng đối với công nhân là người dùng lao động để *khai thác* giới tự nhiên thì sự khai thác giới tự nhiên ấy hoá ra là sự tha hoá, sự hoạt động riêng của mình hoá ra là hoạt động cho một người khác nào đó và là hoạt động của một người khác nào đó; quá trình sinh sống hoá ra là sự hy sinh đời sống; sự sản xuất ra vật phẩm hoá ra là sự bị mất vật phẩm chuyển sang cho một thế lực xa lạ, cho một người *xa lạ*. Giờ đây, chúng ta hãy xét quan hệ giữa con người *xa lạ* với lao động và với công nhân ấy, với người công nhân, với lao động và với đối tượng lao động.

Trước hết, cần phải thấy rằng tất cả những cái xuất hiện ở người công nhân như là *hoạt động tha hoá* thì ở người - không - phải - công - nhân, nó biểu hiện ra là *trạng thái tha hoá*.

Hai là, *quan hệ thực tiễn hiện thực* của người công nhân trong quá trình sản xuất và quan hệ của người công nhân với sản phẩm của mình (với tính cách là trạng thái tinh thần) biểu hiện ở người - không - phải - công - nhân, đứng đối lập với người công nhân, như là thái độ *lý luận*.

[XXVIII] *Ba là*, để chống lại công nhân, người không - phải - công nhân làm tất cả mọi việc mà người công nhân làm để chống lại bản thân mình, nhưng người không - phải - công nhân ấy không chống lại bản thân mình bằng những điều mà anh ta làm để chống lại công nhân.

Chúng ta hãy xét kỹ ba quan hệ ấy. [XXVII]

[BẢN THẢO THỨ HAI]

[QUAN HỆ SỞ HỮU TƯ NHÂN]

[...] [XL] hợp thành lợi tức của tư bản của anh ta⁴⁷. Như vậy, ở trong con người công nhân, tồn tại một cách chủ quan tình hình như sau: tư bản là con người đã hoàn toàn đánh mất bản thân mình, giống như ở trong tư bản, tồn tại một cách khách quan tình hình như sau: lao động là con người đã đánh mất bản thân mình. Nhưng người *công nhân* có cái bất hạnh làm tư bản *sống* và do đó *phải chịu thiếu thốn*, lúc nào anh ta không làm việc thì lúc đó tư bản này mất lợi tức và do đó mất cả sinh tồn của mình nữa. Với tư cách là tư bản, *giá trị* của công nhân tăng lên theo cung và cầu, hơn nữa xét về mặt *nhục thể* thì sự *tồn tại* của anh ta, *đời sống* của anh ta đã và đang được xem là một sự cung ứng *hàng hoá*, như bất cứ một hàng hoá nào khác. Người công nhân sản xuất ra tư bản, tư bản sản xuất ra công nhân, do đó công nhân sản xuất ra bản thân mình, và sản phẩm của toàn bộ sự vận động ấy là con người với tính cách là *công nhân*, là *hàng hoá*. Con người chỉ còn là *công nhân*, và với tính cách là công nhân, anh ta chỉ có những thuộc tính người *cần thiết* cho tư bản xa lạ với anh ta. Và vì tư bản và công nhân đều xa lạ đối với nhau và do đó không quan tâm đối với nhau, có những quan hệ bên ngoài và ngẫu nhiên đối với nhau, cho nên sự tha hoá ấy cũng phải biểu hiện ra một cách *hiện thực*. Bởi vậy, một khi tư bản có ý định - do tính tất yếu hoặc tùy tiện - không còn tồn tại đối với công nhân nữa thì bản thân công nhân cũng không tồn tại đối với mình nữa: công nhân *không có* việc làm, và vì thế

không có cả tiền công, và vì anh ta tồn tại không phải như con người, mà như công nhân, cho nên người ta có thể rất yên tâm chôn vùi anh ta, cho anh ta chết đói v.v.. Người công nhân chỉ tồn tại như công nhân khi anh ta là tư bản đối với anh ta, và anh ta chỉ là tư bản, khi có một tư bản nào đó đối với anh ta. Sự tồn tại của tư bản là sự tồn tại của anh ta, là đời sống của anh ta, giống như sự tồn tại của tư bản quy định nội dung sinh hoạt của anh ta theo một phương thức không quan tâm đối với anh ta. Cho nên kinh tế chính trị học không biết đến người công nhân không có việc làm, không biết đến con người lao động, vì người này ở ngoài lĩnh vực quan hệ lao động ấy. Kẻ tráo trở, kẻ lừa bịp, người ăn xin, người thất nghiệp; người chết đói, người lao động nghèo khổ và phạm tội, tất cả những người đó là những nhân vật không tồn tại đối với kinh tế chính trị học, mà chỉ tồn tại đối với con mắt của những người khác, đối với con mắt của người thầy thuốc, quan toà, người đào huyệt, người giám thị người nghèo v.v.; đó là những bóng ma lẫn quất bên ngoài lĩnh vực kinh tế chính trị học. Cho nên đối với nó, nhu cầu của công nhân chỉ biến thành nhu cầu duy trì người công nhân trong thời gian lao động, và hơn nữa chỉ trong chừng mực điều đó là cần thiết để cho nòi giống công nhân không bị diệt vong. Do đó tiền công cũng hoàn toàn có ý nghĩa như là sự duy trì, bảo quản cho tốt bất cứ một dụng cụ sản xuất nào khác, như là sự tiêu dùng tư bản nói chung, sự tiêu dùng này cần thiết để tái sản xuất tư bản cùng với lợi tức, hoặc như là dầu mỡ bỏ vào bánh xe để cho bánh xe chạy trơn. Cho nên tiền công thuộc về số những chi phí cần thiết của tư bản và của nhà tư bản và không được vượt ra ngoài khuôn khổ sự cần thiết đó. Vì vậy phương thức hành động của các chủ xưởng Anh là hoàn toàn nhất quán trước khi có đạo luật mới về người nghèo ban hành năm 1834⁴⁸, những chủ xưởng này đã khấu trừ vào tiền công của công nhân số tiền cứu tế xã hội mà người công nhân nhận được nhờ vào thuế

cứu tế cho người nghèo, và đã coi số tiền cứu tế đó như một bộ phận cấu thành của tiền công.

Nền sản xuất sản sinh ra con người không chỉ với tính cách là hàng hoá, không chỉ với tính cách là con người hàng hoá, con người với sự quy định của hàng hoá; nó sản xuất ra con người theo sự quy định ấy, như là một thực thể mất tính chất người cả về mặt tinh thần lẫn thể xác. - Tính vô đạo đức, sự biến chất, sự dằn dộng của cả công nhân lẫn nhà tư bản. - Sản phẩm của nền sản xuất đó là hàng hoá có ý thức và có hoạt động độc lập,... là con người hàng hoá... Một bước tiến dài của Ri-các-đô, Min v.v. so với Xmit và Xây là ở chỗ những ông này tuyên bố vấn đề sự tồn tại của con người - năng lực sản xuất có tính chất người nhiều hơn hoặc ít hơn của hàng hoá đó - là không quan hệ gì và thậm chí là có hại. Theo quan điểm của họ, mục đích chân chính của sản xuất không phải là ở chỗ tư bản duy trì bao nhiêu công nhân, mà là ở chỗ nó đem lại bao nhiêu lợi tức, mục đích đó là tổng số tiền tiết kiệm hàng năm. Cũng giống như bước tiến lớn và triệt để của kinh tế chính trị học Anh [XLI] hiện đại⁴ là ở chỗ trong khi nâng lao động lên thành nguyên lý duy nhất của kinh tế chính trị học thì đồng thời nó cũng vạch ra một cách hoàn toàn rõ ràng tỷ lệ nghịch giữa tiền công và lợi tức của tư bản, sau khi đã chỉ ra rằng nhà tư bản, theo lệ chung, chỉ có thể nâng thu nhập của mình bằng cách hạ thấp tiền công và ngược lại. Không phải sự lừa dối người tiêu dùng mà là sự cố gắng giành giật lẫn nhau giữa những người tư bản và người công nhân là quan hệ bình thường. Quan hệ của chế độ tư hữu bao hàm trong nó, dưới hình thức tiềm ẩn, quan hệ của sở hữu tư nhân với tính cách là lao động và quan hệ của nó với tính cách là tư bản, và cả mối quan hệ lẫn nhau của hai biểu hiện đó. Sự sản xuất ra hoạt động của con người với tính cách là lao động, nghĩa là hoạt động hoàn toàn xa lạ với mình, với con người và tự nhiên, và do đó hoàn toàn xa lạ với ý thức và biểu hiện sinh

hoạt, sự tồn tại *trừu tượng* của con người với tính cách chỉ là *con người lao động*, con người do đó hàng ngày có thể bị đẩy từ cái hư không đầy đủ của mình vào cái hư không tuyệt đối, vào sự không tồn tại có tính chất xã hội và do đó có tính chất hiện thực của mình. Mặt khác, sự sản xuất ra đối tượng hoạt động của con người với tính cách là *tư bản*, trong đó mọi tính quy định tự nhiên và xã hội của đối tượng đều bị *xoá bỏ* và trong đó chế độ tư hữu mất những đặc tính tự nhiên và xã hội của nó (do đó mất tất cả những ảo tưởng chính trị và xã hội và thậm chí không có *cái vẻ* quan hệ có tính chất người), *cùng một* tư bản thì trong những hình thái rất nhiều vẻ của sự tồn tại tự nhiên và xã hội, vẫn là *cùng một tư bản*, hoàn toàn không có quan hệ gì đến nội dung *hiện thực* của nó - sự đối lập ấy giữa lao động và tư bản được đẩy tới cực đoan, không khỏi trở thành điểm cao nhất, trình độ cao nhất và sự diệt vong của toàn bộ quan hệ tư hữu.

Cho nên một thành tựu lớn của kinh tế chính trị học Anh hiện đại lại là ở chỗ nó đã xác định địa tô là hiệu số giữa lợi tức trên mảnh đất canh tác xấu nhất và lợi tức trên mảnh đất canh tác tốt nhất, đã vạch những quan niệm lãng mạn của người sở hữu ruộng đất - tính chất quan trọng tưởng tượng về mặt xã hội của người sở hữu ruộng đất và sự nhất trí tưởng tượng giữa lợi ích của người sở hữu ruộng đất và lợi ích của xã hội, như *A-đam Xmit* theo gót các nhà trọng nông còn khẳng định³⁷; kinh tế chính trị học Anh hiện đại đã nắm bắt trước và chuẩn bị cho sự vận động hiện thực biến người sở hữu ruộng đất thành nhà tư bản thông thường và bình thường nhất, do đó nó làm giản đơn và sâu sắc thêm sự đối lập và bằng cách đó đẩy nhanh sự tiêu diệt sự đối lập ấy. Do đó, *ruộng đất* với tính cách là *ruộng đất*, *địa tô* với tính cách là *địa tô* đã mất sự *khác nhau có tính chất đẳng cấp* của nó và biến thành *tư bản* và *lợi tức* không nói lên gì cả hoặc, nói đúng hơn, chỉ nói bằng ngôn ngữ tiền tệ. *Sự khác nhau* giữa tư bản và ruộng

đất, giữa lợi nhuận và địa tô, giữa cả hai cái và tiền công, giữa *công nghiệp* và *nông nghiệp*, giữa *bất động sản* và *động sản* tư nhân là sự khác nhau còn có tính chất *lich sử*, chứ không phải nằm trong chính bản chất của sự vật. Sự khác nhau đó là một yếu tố *cố định* về mặt lịch sử của sự hình thành và phát sinh của sự đối lập giữa tư bản và lao động. Trong công nghiệp v.v., trái ngược với sở hữu bất động về ruộng đất, chỉ biểu hiện phương thức phát sinh và sự đối lập với nông nghiệp, trong đó công nghiệp đã phát triển. Với tính cách là một hình thức *đặc biệt* của lao động, với tính cách là sự khác nhau *căn bản, quan trọng, bao quát toàn bộ sinh hoạt*, sự khác nhau ấy chỉ tồn tại chừng nào công nghiệp (sinh hoạt thành thị) được hình thành *đối lập* với nông nghiệp (sinh hoạt quý tộc phong kiến) và còn mang trong bản thân mình tính chất phong kiến của cái đối lập của mình và *đối lập* với hình thức độc quyền, hàng hội, hội đồng nghiệp, phường hội, v.v., khi lao động còn có ý nghĩa *xã hội về bề ngoài*, ý nghĩa của tính cộng đồng *thực sự*, khi nó chưa đi tới thái độ *không quan tâm* đến nội dung của mình, tới sự cô lập hoàn toàn, nghĩa là tới sự trừu tượng hoá mọi tồn tại khác, và do đó tới tư bản *đã được tự do hành động*.

[XLII] Những *sự phát triển* tất yếu của lao động là *công nghiệp* đã được tự do hành động và (với tính cách như thế) được cấu thành một cách độc lập, và là *tư bản đã được tự do hành động*. Uy lực của công nghiệp đối với nông nghiệp đối lập với nó biểu hiện ra lập tức trong sự xuất hiện của *nông nghiệp* như hoạt động công nghiệp thật sự, trong khi đó thì trước kia người chiếm hữu ruộng đất đem giao công việc chủ yếu cho ruộng đất và cho *nô lệ* của ruộng đất đó, nhờ có những người này mà ruộng đất được canh tác. Với việc biến nô lệ thành người công nhân *tự do*, nghĩa là thành *người làm thuê*, về thực chất người chiếm hữu ruộng đất đã biến thành nhà công nghiệp, nhà tư bản và sự chuyển biến ấy xảy ra trong những thời kỳ đầu thông qua khâu trung gian là *người thuê*

ruộng đất. Nhưng *người thuê ruộng đất* là đại biểu của người sở hữu ruộng đất, là *bí mật* đã bộc lộ ra của người đó; chỉ có nhờ có người thuê ruộng đất mà người sở hữu ruộng đất mới có tồn tại *kinh tế*, mới tồn tại như người tư hữu, vì địa tô của ruộng đất anh ta sở dĩ có được chỉ là nhờ sự cạnh tranh của những người thuê ruộng đất. Như vậy, qua *người thuê ruộng đất*, người sở hữu ruộng đất về bản chất đã *biến thành* nhà tư bản *thông thường*. Và sự chuyển biến ấy cũng phải diễn ra cả trong hiện thực: nhà tư bản kinh doanh ruộng đất, người thuê ruộng đất, phải trở thành người sở hữu ruộng đất và ngược lại. Những *mánh khoé công nghiệp* của người thuê ruộng đất là những mánh khoé công nghiệp của *người sở hữu ruộng đất*, vì tồn tại của người thứ nhất quyết định tồn tại của người thứ hai.

Nhưng họ hồi tưởng đến sự phát sinh đối lập của họ, đến nguồn gốc của họ, và lúc đó sẽ có tình hình là: người sở hữu ruộng đất thấy nhà tư bản là người nô lệ hôm qua của mình đã trở nên kiêu ngạo, đã có tự do hành động và đã giàu lên, và thấy sự đe dọa của nhà tư bản đối với mình là *nhà tư bản*, còn nhà tư bản thì thấy người chủ đất là người chúa ăn không ngồi rồi, hung hãn và ích kỷ hôm qua của mình; anh ta biết rằng người chủ đất đem lại thiệt hại cho anh ta là nhà tư bản, mặc dầu chủ đất có được toàn bộ vai trò xã hội hiện nay của mình, tài sản của mình và sự hưởng thụ của mình, là nhờ vào công nghiệp; nhà tư bản thấy sở hữu ruộng đất là cái trực tiếp đối lập với công nghiệp *tự do* với tư bản *tự do*, không phụ thuộc vào bất cứ sự quy định tự nhiên nào. Việc nhấn mạnh sự đối lập ấy giữa tư bản và sở hữu ruộng đất có tính chất hết sức khốc liệt, và cả hai bên đều nói lên sự thật với nhau. Chỉ cần thừa nhận sự tấn công của bất động sản vào động sản và ngược lại, để có được một quan niệm rõ ràng về sự đê tiện của hai bên. Người chủ đất phô trương nguồn gốc quý tộc của sở hữu của mình, quá khứ phong kiến của mình, những âm

hưởng, những hồi ức nên thơ của mình, tính dễ kích động của mình, ý nghĩa chính trị của mình, v.v., và nếu anh ta diễn đạt bằng ngôn ngữ của kinh tế chính trị học thì anh ta nói: *chỉ có* nông nghiệp là có tính chất sản xuất. Đồng thời anh ta miêu tả đối thủ của mình là một kẻ bịp bợm giảo quyệt, một kẻ mối lái lường gạt, một kẻ háms lợi bất thường, một kẻ đầu cơ sẵn sàng nổi loạn, bất nhân và nhẩn tâm, xa lạ với tinh thần xã hội, tự ý buôn bán lợi ích của xã hội, một kẻ cho vay nặng lãi, một người mối lái, một kẻ tay sai, một người xu nịnh lăm lăm mánh khoé, một kẻ *lường gạt tiền nông* chi ly, dễ ra, nuôi dưỡng, thúc đẩy cạnh tranh và do đó cả sự bần cùng, tội phạm gây ra sự suy đồi của tất cả các mối liên hệ xã hội; gian xảo, vô nguyên tắc, không có thi vị, không có thực chất, không có gì cả (xem *Béc-gác-xơ*, một trong những người thuộc phái trọng nông, Béc-gác-xơ đã công kích kịch liệt Ca-mi-lơ Đê-mu-lanh trong tạp chí của ông ta "Révolutions de France et de Brabant"; xem Phôn Phin-kê, Lan-xi-dô-lê, Ha-lơ, Lê-ô¹⁾, Cô-dơ-gác-ten, và cả *Xi-xmôn-đi*). Sở hữu động sản đến lượt nó lại lấy những kỳ tích của công nghiệp và của sự vận động ra khoe khoang, nó là con đẻ của thời hiện đại và con đẻ hợp pháp của thời hiện đại; nó bày tỏ sự nuối tiếc rằng đối thủ của nó là kẻ ngu xuẩn *không hiểu* bản chất của mình (và điều đó là hoàn toàn đúng); kẻ ngu xuẩn đó muốn đem bạo lực phản đạo đức thô bạo và chế độ nông nô thay thế cho tư bản đạo đức và lao động tự do. Nó miêu tả đối thủ của nó

1) Trong khi dẫn ông Lê-ô, nhà thần học *Phun-kê*, một người huênh hoang thuộc phái Hê-ghen già cảm động đến rơi nước mắt kể rằng khi xoá bỏ chế độ nông nô, một người nô lệ từ chối không muốn thôi làm *sở hữu của quý tộc*. Xem cả "*Những ảo tưởng yêu nước*" của I-u-xtút Muê-dơ, những ảo tưởng này có đặc điểm là không lúc nào vượt ra ngoài giới hạn tầm mắt hạn chế, tiểu tư sản, "*thô lậu*", *bình thường* của người phi-li-xtanh lương thiện và tuy nhiên vẫn là những ảo tưởng *thuần túy*. Chính mâu thuẫn đó đã làm cho chúng trở thành hết sức hấp dẫn đối với tinh thần Đức.

là Đông Ki-sốt, là kẻ dùng mặt nạ *tính thẳng thắn, tính thành thật, sự phục vụ lợi ích xã hội, tính kiên định* để che giấu sự thiếu năng lực vận động, lòng tham hưởng lạc không đáy, thói ích kỷ, tính vụ lợi hẹp hòi, sự ác ý; nó coi đối thủ của nó là *kẻ độc quyền quý quý*; nó làm lu mờ hồi ức, thơ ca, mộng ảo của kẻ địch đó bằng cách kể ra với một giọng chua cay và một phương pháp lịch sử những hành vi ti tiện, tàn bạo, sự phung phí, sự mai dâm, sự vô sỉ, tình trạng vô chính phủ, sự phản nghịch, mà miếng đất uơm của những cái đó là những lâu đài lãng mạn.

[XLIII] Theo người ta nói thì nó đã cung cấp tự do chính trị cho nhân dân, nó đã đập tan xiềng xích của xã hội công dân, đã liên kết các thế giới làm một, đã sáng tạo ra nền thương nghiệp nhân đạo, đạo đức trong sạch, sự giáo dục phong nhã; thay cho những nhu cầu thô lỗ, nó đã sản sinh ra trong nhân dân những nhu cầu văn minh và cung cấp phương tiện để thoả mãn những nhu cầu ấy, trong khi đó thì người sở hữu ruộng đất, người lũng đoạn lương thực ăn không ngồi rồi và chỉ cản trở công việc, làm cho những tư liệu sinh hoạt cần thiết nhất cho nhân dân đất lên, do đó buộc nhà tư bản phải tăng tiền công mà không có khả năng tăng lực lượng sản xuất; do đó người sở hữu ruộng đất cản trở sự tăng thêm thu nhập quốc dân hàng năm, cản trở sự tích lũy tư bản và do đó làm giảm khả năng cung cấp việc làm cho nhân dân và của cải cho đất nước; xét đến cùng người sở hữu ruộng đất hoàn toàn thủ tiêu khả năng đó, đưa công việc tới sự suy thoái phổ biến và khai thác một cách tham lam *tất cả* những cái lợi của nền văn minh hiện đại, mà không làm gì cho nền văn minh này và thậm chí không từ bỏ những thành kiến phong kiến của mình. Và, cuối cùng, anh ta hãy chỉ nhìn đến *người thuê ruộng đất* của anh ta - nông nghiệp và bản thân ruộng đất chỉ tồn tại đối với anh ta với tư cách là nguồn tiền bạc ban tặng cho anh ta, - và anh ta hãy nói anh ta có phải là một người lừa đảo *giả dối*,

ôm ấp, ảo tưởng, quý quý, hay không, một người mà trong thâm tâm và trong thực tế đã từ lâu thuộc về nền công nghiệp *tự do* và nền thương nghiệp *để thương*, dù anh ta có phản đối cái đó như thế nào đi nữa và có ba hoa nhiều đến đâu đi nữa về những hồi ức lịch sử về những mục đích đạo đức và chính trị. Tất cả những cái mà anh ta thực tế đề ra vì lợi ích của mình chỉ chính đáng khi đem ứng dụng cho *người canh tác ruộng đất* (nhà tư bản và công nhân nông nghiệp), vì rằng *người sở hữu ruộng đất* đúng ra là *kẻ thù* đối với người canh tác ruộng đất; do đó anh ta luận chứng chống lại bản thân mình. Những đại biểu của tư bản chỉ ra rằng *không có* tư bản thì sở hữu ruộng đất là vật chất chết, không có giá trị. Thắng lợi khai hoá của tư bản, theo người ta nói, chính là ở chỗ: thay cho vật chết, tư bản đã phát hiện ra và khai sinh lao động của con người như nguồn gốc của của cải (xem Pôn Lu-i Cu-ri-ê, Xanh - Xi-mông, Ga-nin, Ri-các-đô, Mìn, Mắc - Cu-lốc, Đê-tuyt Tơ-ra-xi và Mi-sen Sơ-va-li-ê).

Từ tiến trình phát triển *hiện thực* (đưa thêm vào đây) tất nhiên nảy ra thắng lợi của *nhà tư bản*, nghĩa là của chế độ tư hữu phát triển cao đối với chế độ tư hữu không phát triển, nửa vời, nghĩa là đối với *người sở hữu ruộng đất*, giống như nói chung sự vận động ắt phải thắng sự bất động; sự ty tiện công khai, tự giác ắt phải thắng sự ty tiện che giấu và vô ý thức; *sự tham lam* ắt phải thắng sự *ham muốn hưởng lạc*; tính ích kỷ không gì kiềm chế, công nhiên, tháo vát của phái *khai sáng* ắt phải thắng *tính ích kỷ* địa phương, dè dặt, ngây thơ, bíếng nhác và viển vông của *mê tín*; *tiền tệ* ắt phải thắng những hình thức khác của chế độ tư hữu.

Những nhà nước nào cảm thấy nguy cơ của nền công nghiệp tự do hoàn bị, của nền đạo đức thuần túy hoàn bị, và của nền thương nghiệp nhân đạo hoàn bị, đều ra sức - nhưng một cách hoàn toàn vô hiệu - kìm hãm sự tư bản hoá sở hữu ruộng đất.

Khác với tư bản, *sở hữu ruộng đất* là chế độ tư hữu, là tư bản còn mang nặng những thành kiến *địa phương* và chính trị, là tư bản chưa thoát khỏi những sợi dây ràng buộc nó với thế giới xung quanh để hoàn toàn đi tới bản thân mình, là tư bản *chưa hoàn bị*. Trong quá trình *phát triển toàn thế giới* của nó, nó nhất định phải đạt tới biểu hiện trừu tượng, nghĩa là biểu hiện *thuần túy* của nó.

Quan hệ của chế độ *tư hữu* đó là lao động, tư bản và quan hệ lẫn nhau của chúng.

Vận động mà những khâu của quan hệ đó phải xuyên qua là:

Một là - sự thống nhất trực tiếp hoặc gián tiếp của cả hai.

Lúc đầu tư bản và lao động còn thống nhất; sau đó mặc dầu chúng đã tách rời và tha hoá nhưng vẫn nâng nhau lên và kích thích lẫn nhau với tính cách là những điều kiện *tích cực*.

[Hai là] - sự đối lập lẫn nhau của cả hai. Chúng loại trừ lẫn nhau; người công nhân coi nhà tư bản (và ngược lại) là sự không tồn tại của bản thân mình; mỗi bên tìm cách tước lấy sự tồn tại của bên kia.

[Ba là] - sự đối lập của mỗi bên đối với bản thân mình. Tư bản = lao động tích lũy = lao động. Với tư cách là tư bản, nó phân ra thành *bản thân nó* và *lợi tức* của nó, còn lợi tức đến lượt nó thì lại phân ra thành *lợi tức* và *lợi nhuận*. Nhà tư bản hoàn toàn bị hy sinh. Nó rơi vào giai cấp công nhân, cũng như công nhân - nhưng chỉ dưới hình thức ngoại lệ - trở thành nhà tư bản. Lao động với tính cách là yếu tố của tư bản, với tính cách là *chi phí* của tư bản. Do đó, tiền công là một sự hy sinh của tư bản.

Lao động phân ra *bản thân mình* và *tiền công*. Bản thân công nhân là tư bản, hàng hoá.

Một sự đối lập lẫn nhau có tính chất thù địch [XLIII].

[BẢN THẢO THỨ BA]

[BẢN CHẤT CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU TRONG SỰ PHẢN ÁNH CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC]

Trong tr. XXXVI⁴⁹ - Bản chất chủ quan của chế độ tư hữu, sở hữu tư nhân với tính cách là hoạt động cô lập, với tính cách là *chủ thể*, với tính cách là *nhân cách*, đó là *lao động*. Do đó, hoàn toàn dễ hiểu là cần phải xem thử kinh tế chính trị học đã thừa nhận *lao động* là nguyên lý của mình (*A-đam Xmit*), nghĩa là không còn xem *sở hữu tư nhân* vắn vắn chỉ là một *trạng thái* nào đó ở bên ngoài con người, là sản phẩm của *tinh lực* hiện thực và của sự *vận động* hiện thực của *sở hữu tư nhân*; là sản phẩm của *công nghiệp* hiện đại; (kinh tế chính trị học này là sự vận động độc lập - đã lắng xuống trong ý thức - của chế độ tư hữu, là công nghiệp hiện đại với tính cách là *chủ thể* độc lập); và mặt khác, chính nó thúc đẩy và đề cao *tinh lực* và sự phát triển của *công nghiệp* ấy, biến chúng thành sức mạnh của *ý thức*. Cho nên kinh tế chính trị học uyên bác đã phát hiện ra - trong khuôn khổ chế độ tư hữu - *bản chất chủ quan* của của cải, cảm thấy những người theo thuyết trọng tiền và thuyết trọng thương⁵⁰ - những người nhìn thấy chế độ tư hữu chỉ là bản chất *đối tượng hoá* đối với con người - là những *người sùng bái thần tượng, những người theo bái vật giáo, những tín đồ của đạo Thiên chúa*. Cho nên *Ăngghen* hoàn toàn có lý khi ông gọi *A-đam Xmit* là *Lu-the của kinh tế chính trị học*⁵¹. Giống như *Lu-the* đã thừa nhận *tôn giáo, tín ngưỡng* là bản chất của *thế giới* bên ngoài và căn cứ vào đó mà đứng lên phản đối *đa thần giáo Thiên chúa giáo*, giống như ông

ta đã xoá bỏ tình cảm tôn giáo *bên ngoài*, biến tình cảm tôn giáo thành bản chất *bên trong* của con người, giống như ông ta đã bác bỏ các cha đạo ở bên ngoài con người trần tục, - vì ông ta đặt cha đạo ở trong tim người trần tục, - giống như thế của cải ở bên ngoài con người và không phụ thuộc vào con người, - nghĩa là phải duy trì và khẳng định chỉ bằng phương thức bên ngoài - cũng bị gạt bỏ; nói cách khác, *tính đối tượng bên ngoài, phi lý* ấy của nó bị gạt bỏ, vì chế độ tư hữu thể hiện trong bản thân con người và bản thân con người được thừa nhận là bản chất của nó; nhưng chính do đó bản thân con người được xét trên phương diện chế độ tư hữu, cũng như ở Lu-the con người được xét trên phương diện tôn giáo. Như vậy, dưới cái vẻ thừa nhận con người, kinh tế chính trị học lấy lao động làm nguyên tắc thực ra chỉ thực hành một cách triệt để việc phủ định con người, vì bản thân con người không còn ở trong quan hệ căng thẳng bên ngoài với bản chất bên ngoài của chế độ tư hữu, mà bản thân con người đã trở thành bản chất căng thẳng ấy của chế độ tư hữu. Cái trước kia là tồn tại *bên ngoài* đối với con người, là sự tha hoá hiện thực của con người, giờ đây đã trở thành chỉ là hành vi tha hoá. Cho nên nếu kinh tế chính trị học nói trên bắt đầu từ chỗ bề ngoài thừa nhận con người, thừa nhận sự độc lập của con người, sự tự hoạt động của con người, v.v., và trong khi chuyển chế độ tư hữu vào chính bản chất của con người, không còn có thể tự ràng buộc mình bằng những *sự quy định* có tính chất địa phương, dân tộc và những sự quy định khác của chế độ tư hữu với tính cách là *bản chất tồn tại bên ngoài con người* và, do đó, phát triển một tinh lực *thế giới chủ nghĩa*, phổ biến, đập tan mọi giới hạn, mọi ràng buộc, để đặt mình vào vị trí của những quy định ấy với tư cách là chính sách *duy nhất*, tính phổ biến duy nhất, giới hạn duy nhất và mối liên hệ duy nhất, - thì trong quá trình phát triển về sau, kinh tế chính trị học phải vứt bỏ *sự giả dối* đó và biểu hiện ra *trong toàn bộ sự vô liêm sỉ của nó*. Nó làm như sau: không chú ý đến tất cả những mâu thuẫn

đập vào mắt, trong đó lý luận ấy làm cho nó rối tung lên, nó phát triển *phiến diện* hơn nhiều và do đó *gắt gao* và *triệt để* hơn nhiều luận điểm coi lao động là *bản chất duy nhất của của cải*, vạch rõ, trái với quan niệm nguyên thủy đó, tính chất *đối địch với con người* của những kết luận rút ra từ học thuyết đó và cuối cùng, giáng một đòn trí mạng vào hình thức cuối cùng, *cá nhân, tự nhiên*, tồn tại độc lập với sự vận động của lao động của chế độ tư hữu và của nguồn gốc của của cải - *địa tô*, vào biểu hiện ấy của sở hữu phong kiến, biểu hiện đã trở thành hoàn toàn có tính chất kinh tế, và do đó không có khả năng đề kháng với kinh tế chính trị học. (Trường phái *Ri-các-đô*). *Tính chất vô sỉ* của kinh tế chính trị học tăng lên không những theo ý nghĩa tương đối, bắt đầu từ Xmít qua Xây đến Ri-các-đô, Min, v.v., vì trước con mắt của những người này những kết quả mà công nghiệp đưa tới biểu hiện dưới hình thức phát triển hơn và mâu thuẫn hơn, những người này bao giờ cũng tiến lên với một ý nghĩa tích cực và hơn nữa tiến một cách có ý thức theo con đường tha hoá khỏi con người xa hơn các tiền bối của họ, nhưng sở dĩ có tình hình đó *chỉ là* vì khoa học của họ là triệt để hơn và chân thực hơn. Vì họ biến chế độ tư hữu dưới hình thức hiện thực của nó thành chủ thể, nghĩa là tuyên bố vừa con người với tính cách con người vừa con người với tính cách một thực thể bị bóp méo [Unwesen] nào đó, đồng thời là bản chất, cho nên mâu thuẫn tồn tại trong bản thân hiện thực hoàn toàn phù hợp với bản chất mâu thuẫn mà họ thừa nhận với tính cách là nguyên tắc. *Hiện thực* bị phân liệt [II] của *công nghiệp* không những không bác bỏ mà trái lại còn chứng thực nguyên lý *phân liệt bên trong* của chúng. Nhưng nguyên lý của chúng chính là nguyên lý của sự phân liệt đó.

Học thuyết trọng nông của tiến sĩ *Kê-nê* là sự quá độ từ thuyết trọng thương sang A-đam Xmít. *Phái trọng nông* trực tiếp là sự tan rã về *kinh tế* của sở hữu phong kiến, nhưng chính vì thế nó cũng trực tiếp là *sự cải tạo về kinh tế*, sự khôi

phục về kinh tế của sở hữu phong kiến ấy, có điều ngôn ngữ của nó đã trở thành không phải là ngôn ngữ phong kiến nữa mà là ngôn ngữ kinh tế. Toàn bộ của cải là ở *ruộng đất và nông nghiệp* (canh nông). Ruộng đất chưa phải là *tư bản*, đó còn là một hình thức tồn tại *đặc biệt* nào đó của tư bản, một hình thức có hiệu lực và ý nghĩa trong đặc điểm tự nhiên của nó và do đặc điểm tự nhiên ấy của nó. Nhưng dù sao ruộng đất cũng là một *nhân tố* tự nhiên phổ biến nào đó, trong khi học thuyết trọng thương chỉ thừa nhận *kim loại quý* là tồn tại của của cải. Như vậy, ở các nhà trọng nông *đối tượng* của của cải, vật chất của nó lập tức đạt tới tính phổ biến cao nhất trong *khuôn khổ giới tự nhiên* (vì với tính cách là một bộ phận của *giới tự nhiên*, nó vẫn trực tiếp là đối tượng của của cải). Còn đối với *con người* thì ruộng đất tồn tại chỉ nhờ có lao động, canh tác. Do đó, bản chất chủ quan của của cải đã chuyển vào lao động. Nhưng đồng thời nông nghiệp được coi là lao động *sản xuất duy nhất*. Như vậy, lao động chưa được quan niệm trong tính phổ biến và tính trừu tượng của nó, nó còn bị cột vào một *yếu tố* đặc biệt nào đó của *tự nhiên* với tính cách là *vật chất của nó*, cho nên vẫn còn được thừa nhận chỉ dưới *một hình thức tồn tại đặc biệt* nào đó *do tự nhiên quy định*. Do đó nó chỉ là một sự tha hoá *nhất định, đặc biệt* nào đó của con người, giống như sản phẩm của nó chỉ mới được quan niệm như là của cải nhất định nào đó, phần lớn do tự nhiên hơn là do bản thân lao động tạo ra. Ruộng đất ở đây còn được thừa nhận như là tồn tại tự nhiên không phụ thuộc vào con người, chưa phải như là tư bản, nghĩa là chưa phải như là một nhân tố. Trái lại, đúng ra thì lao động biểu hiện như là một nhân tố của nó. Nhưng vì ở đây sự sùng bái của cải cũ bên ngoài, tồn tại chỉ như là đối tượng, bị quy thành một yếu tố rất đơn giản nào đó của tự nhiên, còn bản chất của của cải thì đã được thừa nhận - mặc dù chỉ một phần, theo một phương thức đặc biệt - trong sự tồn tại chủ quan của nó,

cho nên bước tiến tất nhiên về phía trước là ở chỗ *bản chất phổ biến* của của cải được nhận thức và do đó *lao động* được nâng lên thành *nguyên tắc* trong tính tuyệt đối hoàn toàn của nó, nghĩa là trong sự trừu tượng. Người ta phản bác các nhà trọng nông rằng về mặt kinh tế, nghĩa là về mặt duy nhất xác đáng, *nông nghiệp* không khác gì bất cứ ngành sản xuất nào khác và do đó *bản chất* của của cải không phải là một lao động *nhất định* nào đó, không phải là một biểu hiện đặc biệt nào đó của lao động, gắn với một yếu tố đặc biệt nào đó, mà là *lao động nói chung*.

Trong khi tuyên bố lao động là *bản chất* của của cải, học thuyết trọng nông do đó phủ nhận của cải *đặc biệt*, bên ngoài, chỉ có tính chất đối tượng. Nhưng đối với các nhà trọng nông lao động chỉ là *bản chất chủ quan* của sở hữu ruộng đất (các nhà trọng nông xuất phát từ hình thức sở hữu xuất hiện trong lịch sử như là hình thức thống trị, được mọi người thừa nhận); ở họ chỉ có sở hữu ruộng đất là trở thành *con người bị tha hoá*. Phải trọng nông xoá bỏ tính chất phong kiến của sở hữu ruộng đất bằng cách tuyên bố rằng *bản chất* của sở hữu ruộng đất nằm trong *sản xuất* (nông nghiệp); nhưng họ có thái độ phủ nhận thế giới công nghiệp và thừa nhận chế độ phong kiến, vì họ tuyên bố *nông nghiệp* là nền sản xuất duy nhất.

Hoàn toàn dễ hiểu là giờ đây khi *bản chất chủ quan* của công nghiệp trở thành đối tượng khảo sát - công nghiệp cấu thành cái đối lập với sở hữu ruộng đất, nghĩa là được cấu thành với tính cách là công nghiệp, thì bản chất ấy bao hàm trong nó cả sự đối lập ấy của nó. Vì giống như công nghiệp bao hàm sở hữu ruộng đất đã bị xoá bỏ, bản chất *chủ quan* của công nghiệp cũng đồng thời bao hàm cả bản chất chủ quan của *sở hữu ruộng đất*.

Giống như sở hữu ruộng đất là hình thức thứ nhất của sở hữu tư nhân, còn công nghiệp thì trong thời kỳ đầu đối lập

với hình thức đó trong lịch sử chỉ như một hình thức sở hữu đặc biệt, hoặc nói đúng hơn, là nô lệ đã được giải phóng của sở hữu ruộng đất, - quá trình đó cũng được diễn lại trong những mưu toan của khoa học nhằm nắm lấy bản chất *chủ quan* của chế độ tư hữu, tức nắm lấy *lao động*, và lao động trong những thời kỳ đầu biểu hiện ra chỉ là *lao động nông nghiệp*, nhưng sau đó được thừa nhận như *lao động* nói chung.

Mọi của cải đều đã trở thành của cải *công nghiệp*, của cải của *lao động*, và *công nghiệp* không phải là gì khác mà là lao động hoàn bị, còn *chế độ công xưởng* là bản chất đầy đủ của *công nghiệp*, nghĩa là của lao động, cũng hết như *tư bản công nghiệp* là hình thức khách quan hoàn bị của chế độ tư hữu.

Vậy, chúng ta thấy rằng chỉ giờ đây chế độ tư hữu mới có thể hoàn thành sự thống trị của mình đối với con người và trở thành lực lượng lịch sử toàn thế giới trong hình thức phổ biến nhất của nó.

[CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN]

[I] Trong tr. XXXIX - Những sự đối lập giữa *tình trạng không có sở hữu* và *sở hữu* còn là một sự đối lập chung chung; nó chưa được xét trong *quan hệ hoạt động* của nó, trong tương quan *bên trong* của nó và chưa được quan niệm như là *mâu thuẫn*⁵², chừng nào người ta chưa hiểu nó như là sự đối lập giữa *lao động* và *tư bản*. Sự đối lập ấy cũng có thể biểu hiện dưới hình thức *thứ nhất* mà không có sự vận động phát triển hơn của chế độ tư hữu (ở La Mã cổ đại, ở Thổ Nhĩ Kỳ, v.v.). Dưới hình thức như vậy sự đối lập ấy chưa *biểu hiện* như là do bản thân chế độ tư hữu quyết định. Nhưng lao động, bản chất chủ quan của chế độ tư hữu, với tính cách là cái loại trừ sở hữu, và tư bản, lao động đã khách quan hoá, với tính cách là cái loại trừ lao động, - đó là *chế độ tư hữu* với tính cách là hình thức - đã phát triển đến trình độ *mâu thuẫn* - của sự đối lập nói trên, do đó với tính cách là hình thức *mãnh liệt*, thúc đẩy giải quyết *mâu thuẫn* đó.

Cũng trang ấy. - Việc xoá bỏ sự tự tha hoá đi theo cùng một con đường như sự tha hoá. Lúc đầu *chế độ tư hữu* chỉ được xét từ phương diện khách quan của nó, - nhưng lao động vẫn được quan niệm như là bản chất của nó. Vì vậy hình thức tồn tại của nó là *tư bản* phải bị tiêu diệt "với tính cách như vậy" (Pru-đông). Hoặc là *tính chất đặc biệt* của lao động - lao động bị san bằng, bị phân nhỏ và do đó không tự do - được quan niệm như là nguồn gốc của *sự nguy hại* của chế độ tư hữu và của tồn tại tha hoá khỏi con người của nó; *Phu-ri-ê*, cũng giống như phái trọng nông, lại coi *lao động nông nghiệp* ít ra

là dạng lao động *tốt nhất*⁵³, còn theo Xanh -Xi-mông thì trái lại, thực chất của vấn đề là *lao động công nghiệp* với tính cách là lao động công nghiệp, và phù hợp với điều đó ông cố đạt được sự thống trị *hoàn toàn* của các nhà công nghiệp và sự cải thiện tình cảnh của công nhân⁵⁴. Và, cuối cùng, *chủ nghĩa cộng sản* là biểu hiện *tích cực* của sự xoá bỏ chế độ tư hữu; trong những thời kỳ đầu nó biểu hiện ra là chế độ tư hữu *phổ biến*⁵⁵. Nắm lấy quan hệ tư hữu trong *tính phổ biến* của nó, chủ nghĩa cộng sản.

1) Trong hình thức đầu tiên của nó chỉ là *sự khái quát* và sự *hoàn thành* quan hệ đó⁵⁶. Với tính cách như vậy, nó có hai dạng: một là, sự thống trị của sở hữu *vật chất* đối với nó lớn đến nỗi nó tìm cách xoá bỏ *tất cả* những cái mà trên cơ sở *chế độ tư hữu* tất cả mọi người không thể có được; nó muốn gạt bỏ tài năng, v.v. đi bằng *bạo lực*. Đối với nó, sự *chiếm hữu* nhục thể trực tiếp là mục đích duy nhất của cuộc sống và của sự tồn tại; phạm trù *người công nhân* không bị xoá bỏ mà được mở rộng ra cho tất cả mọi người; quan hệ tư hữu vẫn là quan hệ của toàn xã hội đối với thế giới sự vật; cuối cùng, sự vận động ấy nhằm đem chế độ tư hữu phổ biến đối lập với chế độ tư hữu, biểu hiện trong hình thức hoàn toàn động vật, khi nó đem *chế độ cộng thể* đối lập với *hôn nhân* (quả thực, hôn nhân là một *hình thức* nào đó của *chế độ tư hữu độc quyền*), do đó trong *chế độ cộng thể* người đàn bà trở thành sở hữu *xã hội* và sở hữu *chung*. Có thể nói rằng tư tưởng đó về *chế độ cộng thể* tiết lộ bí mật của chủ nghĩa cộng sản còn hoàn toàn thô lỗ và chưa được suy nghĩ chín chắn ấy. Giống như người đàn bà ở đây chuyển từ hôn nhân sang sự mại dâm chung¹⁾,

1) Mại dâm chỉ là một biểu hiện *đặc biệt* nào đó của sự mại dâm hoá *phổ biến* của công nhân, và vì sự mại dâm hoá ấy là quan hệ mà không những người mại dâm và người gây ra mại dâm sa vào, hơn nữa người sau còn ti tiện hơn nhiều, nên cả nhà tư bản v.v. cũng rơi vào phạm trù đó.

toàn thế giới của cải, nghĩa là toàn thế giới của bản chất đối tượng của con người, cũng chuyển từ hôn nhân độc quyền với người sở hữu riêng sang mại dâm phổ biến với toàn thể xã hội. Chủ nghĩa cộng sản đó đâu đâu cũng phủ định *cá tính* của con người, chỉ là biểu hiện nhất quán của chế độ tư hữu vốn là sự phủ định đó. *Sự ghen ghét* phổ biến và được cấu thành như một quyền lực là hình thức che giấu của *thói tham lam* và trong đó thói tham lam được thoả mãn chỉ bằng cách *khác* mà thôi. Bất cứ chế độ tư hữu nào với tính cách như vậy đều cảm thấy sự ghen ghét và sự thèm muốn bình quân hoá - *ít ra* là đối với chế độ tư hữu *giàu có hơn*, - thành thử những cái này thậm chí hợp thành bản chất của cạnh tranh. Chủ nghĩa cộng sản thô lỗ chỉ là sự hoàn thành sự ghen ghét đó và sự bình quân hoá đó, xuất phát từ *quan niệm* về một mức tối thiểu nào đó. Nó có một thước đo *có giới hạn nhất định*. Sự xoá bỏ chế độ tư hữu như vậy hoàn toàn không phải là sự chiếm hữu thật sự thước đo ấy, điều đó thấy rõ chính là từ sự phủ định một cách trừu tượng toàn bộ thế giới văn hoá và văn minh, từ việc quay trở về tính giản dị *không tự nhiên* [IV] của người *nghèo* và không có nhu cầu, người này không những không vượt lên trên trình độ chế độ tư hữu mà thậm chí chưa đạt tới chế độ đó⁵⁷.

Đối với loại chủ nghĩa cộng sản đó, tính cộng đồng chỉ là tính cộng đồng của *lao động* và sự bình đẳng về tiền công mà nhà tư bản công cộng, *khối cộng đồng* với tính cách là nhà tư bản phổ biến trả. Cả hai mặt của mối tương quan được nâng lên trình độ của tính phổ biến *tưởng tượng*: *lao động* được nâng lên thành thiên chức của mỗi người, của *tư bản* thì được nâng lên thành tính phổ biến được thừa nhận và sức mạnh toàn xã hội.

Trong quan hệ với *đàn bà* với tính cách là *chiến lợi phẩm* và nữ tỳ của khoái lạc xã hội biểu lộ sự thoái hoá vô tận của con người đối với bản thân mình, vì bí mật của quan hệ đó

biểu hiện một cách rõ ràng, kiên quyết, công nhiên, lộ liễu trong quan hệ của đàn ông đối với đàn bà và cả trong cách quan niệm quan hệ có tính loài trực tiếp, tự nhiên. Quan hệ trực tiếp, tự nhiên, tất nhiên của con người với con người là *quan hệ của đàn ông với đàn bà*. Trong quan hệ có tính loài tự nhiên ấy, quan hệ của con người với tự nhiên trực tiếp là quan hệ của con người với con người, còn quan hệ của con người với con người trực tiếp là quan hệ của con người với tự nhiên, là thiên chức tự nhiên của bản thân con người. Như vậy, trong quan hệ đó biểu hiện dưới hình thức cảm tính, dưới hình thức sự kiện cụ thể, tình hình là: đối với con người, bản chất con người đã trở thành giới tự nhiên đến mức nào, hoặc tự nhiên đã trở thành bản chất người của con người đến mức nào. Do đó, căn cứ vào quan hệ đó có thể xét đoán về trình độ văn hoá chung của con người. Từ tính chất của quan hệ đó, thấy rõ con người đã trở thành thực thể tộc loại đối với mình đến mức độ nào, đã trở thành con người đến mức độ nào đối với mình và quan niệm mình như vậy đến mức độ nào. Quan hệ của đàn ông với đàn bà là quan hệ tự nhiên nhất của con người với con người. Cho nên trong quan hệ đó bộc lộ hành vi tự nhiên của con người đã trở thành hành vi có tính chất người đến mức độ nào, hoặc là bản chất con người đã trở thành bản chất tự nhiên đối với con người đến mức độ nào, bản tính người đã trở thành tự nhiên đối với con người đến mức độ nào. Từ tính chất của quan hệ đó cũng biểu lộ rõ nhu cầu của con người đã trở thành nhu cầu con người đến mức độ nào, nghĩa là con người khác với tính cách là con người đã trở thành nhu cầu đối với con người đến mức độ nào, bản thân con người trong tồn tại hết sức cá nhân của mình đồng thời cũng là một thực thể xã hội đến mức độ nào.

Như vậy, sự xoá bỏ tích cực thứ nhất đối với chế độ tư hữu, chủ nghĩa cộng sản thô lỗ chỉ là hình thức biểu hiện của sự

ty tiện của chế độ tư hữu, chế độ này muốn tự xác định với tính cách là một chế độ cộng đồng tích cực.

2) Chủ nghĩa cộng sản α) còn có tính chất chính trị, không kể là dân chủ hay chuyên chế; β) với sự xoá bỏ nhà nước, nhưng đồng thời chưa hoàn bị và vẫn còn chịu ảnh hưởng của chế độ tư hữu, nghĩa là của sự tha hoá của con người. Cả trong hình thức này lẫn trong hình thức kia, chủ nghĩa cộng sản đã quan niệm mình như là việc con người tái liên kết hoặc quay về bản thân mình, như là sự thủ tiêu sự tự tha hoá của con người; nhưng vì con người chưa làm rõ được cho mình bản chất tích cực của chế độ tư hữu và chưa hiểu được tính chất con người của nhu cầu, cho nên con người cũng còn bị chế độ tư hữu cầm tù và truyền nhiễm. Đúng là con người đã hiểu khái niệm chế độ tư hữu, nhưng nó chưa làm rõ được cho mình bản chất của chế độ đó.

3) Chủ nghĩa cộng sản với tính cách là sự xoá bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu - sự tự tha hoá ấy của con người - và do đó với tính cách là sự chiếm hữu một cách thực sự bản chất con người bởi con người và vì con người; do đó với tính cách là việc con người hoàn toàn quay trở lại chính mình với tính cách là con người xã hội, nghĩa là có tính chất người - sự quay trở lại này diễn ra một cách có ý thức và có giữ lại tất cả sự phong phú của sự phát triển trước đó. Chủ nghĩa cộng sản như vậy, với tính cách là chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị, = chủ nghĩa nhân đạo, với tính cách là chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị, = chủ nghĩa tự nhiên; nó là sự giải quyết thực sự mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên, giữa con người và con người, là sự giải quyết thực sự cuộc tranh chấp giữa tồn tại và bản chất, giữa sự đối tượng hoá và sự tự khẳng định, giữa tự do và tất yếu, giữa cá thể và loài. Nó là sự giải quyết câu đố của lịch sử và nó biết rằng nó là sự giải quyết ấy⁵⁸.

[V] Cho nên toàn bộ sự vận động của lịch sử một mặt là hành vi sinh sản *hiện thực* của chủ nghĩa cộng sản đó - hành vi sinh đẻ của tồn tại kinh nghiệm của chủ nghĩa cộng sản, - và mặt khác, đối với ý thức đang tư duy, nó là sự vận động *được hiểu thấu* và *được nhận thức* của sự *sinh thành* của chủ nghĩa cộng sản. Còn chủ nghĩa cộng sản chưa hoàn bị nói trên, đi tìm cho mình sự chứng minh *lịch sử* trong sự hình thành lịch sử cá biệt đối lập với chế độ tư hữu, đi tìm sự chứng minh trong cái đang tồn tại, bằng cách tách ra những nhân tố cá biệt của sự vận động (Ca-bê, Vi-lơ-gác-đen và những người khác đặc biệt thích cười con ngựa đó) và cố định chúng thành sự chứng minh tính chất chính cống lịch sử của mình; nhưng làm như vậy nó chỉ chứng minh rằng một bộ phận hết sức lớn của vận động lịch sử mâu thuẫn với những sự khẳng định của nó và nếu nó đã tồn tại một lúc nào đó thì chính là tồn tại *đã qua* ấy của nó bác bỏ tham vọng của nó đối với *bản chất*.

Không khó khăn gì mà không thấy tình hình sau đây là tất nhiên: toàn bộ cuộc vận động cách mạng tìm thấy cơ sở kinh nghiệm cũng như cơ sở lý luận của mình trong sự vận động của *chế độ tư hữu*, trong kinh tế.

Chế độ tư hữu *vật chất*, trực tiếp *cảm tính* ấy là biểu hiện vật chất, cảm tính của *sinh hoạt bị tha hoá của con người*. Sự vận động của nó - sản xuất và tiêu dùng - là biểu hiện *cảm tính* của sự vận động của toàn bộ sản xuất có trước, có nghĩa nó là sự thực hiện hoặc là hiện thực của con người. Tôn giáo, gia đình, nhà nước, pháp luật, đạo đức, khoa học, nghệ thuật, v.v. chỉ là những hình thức *đặc biệt* của sản xuất và phục tùng quy luật chung của sản xuất. Cho nên sự xoá bỏ một cách tích cực *chế độ tư hữu* với tính cách là sự khẳng định sinh hoạt của *con người* là sự xoá bỏ một cách tích cực mọi sự tha hoá, nghĩa là việc con người từ tôn giáo, gia đình, nhà nước, v.v. quay trở về tồn tại *con người*, nghĩa là tồn tại *xã hội* của mình. Sự tha hoá tôn giáo với tính cách như vậy chỉ xảy ra trong

lĩnh vực *ý thức*, trong lĩnh vực thế giới bên trong của con người, nhưng sự tha hoá kinh tế là sự tha hoá của *sinh hoạt hiện thực*, - vì thế sự xoá bỏ nó bao gồm cả hai mặt. Dễ hiểu là nếu ở các dân tộc khác nhau sự vận động đó, *bắt đầu* hoặc là trong lĩnh vực này hoặc là trong lĩnh vực kia, thì điều đó phụ thuộc vào chỗ sinh hoạt chân thực *được thừa nhận* của dân tộc đó diễn ra chủ yếu trong lĩnh vực ý thức hay trong lĩnh vực thế giới bên ngoài, nó là sinh hoạt trong ý niệm hay sinh hoạt thực tế nhiều hơn. Chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ngay lập tức từ chủ nghĩa vô thần (*Ô-oen*)⁵⁹, còn chủ nghĩa vô thần trong những thời kỳ đầu thì hoàn toàn chưa phải là chủ nghĩa cộng sản; vì chủ nghĩa vô thần mà từ đó chủ nghĩa cộng sản bắt đầu còn chủ yếu là một sự trừu tượng. Cho nên lòng thương người của chủ nghĩa vô thần lúc đầu chỉ là lòng thương người có tính chất *triết học*, trừu tượng, còn lòng thương người của chủ nghĩa cộng sản thì lập tức có tính chất *hiện thực* và trực tiếp nhằm vào *hành động*.

Chúng ta đã thấy với sự giả định là chế độ tư hữu bị xoá bỏ một cách tích cực thì con người sản xuất ra con người - bản thân mình và người khác - như thế nào; chúng ta đã thấy đối tượng, tức sản phẩm trực tiếp của hoạt động của cá tính con người, đồng thời cũng là tồn tại của bản thân con người đối với người khác, tồn tại của người khác ấy và tồn tại của người sau đối với người trước như thế nào. Nhưng cũng đúng như vậy vật liệu lao động và con người với tính cách là chủ thể cũng là kết quả và điểm xuất phát của cuộc vận động (chúng phải là *điểm xuất phát* ấy ở chỗ nào thì *tính tất yếu* lịch sử của chế độ tư hữu cũng là ở chỗ đó). Như vậy, tính chất *xã hội* là cái vốn có của toàn bộ sự vận động; bản thân xã hội sản xuất ra *con người* với tính cách là *con người* như thế nào thì nó cũng *sản xuất ra* xã hội như thế. Hoạt động và sự hưởng dụng những thành quả của hoạt động, xét theo nội dung của nó cũng như xét theo *phương thức tồn tại*, đều mang tính chất

xã hội: hoạt động *xã hội* và hưởng dụng *xã hội*. Bản chất *con người* của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người *xã hội*; vì chỉ có trong *xã hội*, tự nhiên đối với con người mới là một cái *khâu liên hệ con người với con người*, mới là tồn tại của con người đối với người khác và tồn tại của người khác đối với người đó, mới là nhân tố sinh hoạt của hiện thực con người; chỉ có trong *xã hội*, tự nhiên mới biểu hiện ra là *cơ sở* của tồn tại *có tính chất người* của bản thân con người. Chỉ có trong *xã hội*, tồn tại *tự nhiên* của con người mới là tồn tại *có tính chất người* của con người đối với con người và tự nhiên mới trở thành con người đối với con người. Như vậy, *xã hội* là sự thống nhất bản chất đã hoàn thành của con người với tự nhiên, sự phục sinh chân chính của tự nhiên, chủ nghĩa tự nhiên đã được thực hiện của con người và chủ nghĩa nhân đạo đã được thực hiện của tự nhiên.

[VI] Hoạt động *xã hội* và hưởng dụng *xã hội* tồn tại hoàn toàn không phải *chỉ* dưới hình thức hoạt động tập thể *trực tiếp* và dưới hình thức hưởng dụng *tập thể* trực tiếp, mặc dầu hoạt động *tập thể* và hưởng dụng *tập thể*, nghĩa là hoạt động và hưởng dụng biểu lộ và tự khẳng định một cách trực tiếp trong *sự giao tiếp hiện thực* với những người khác, có thể phát sinh bất cứ chỗ nào mà biểu hiện *trực tiếp* nói trên của tính *xã hội* có căn cứ trong bản thân nội dung của hoạt động đó hay sự hưởng dụng đó và phù hợp với bản tính của nội dung đó.

Nhưng ngay cả khi tôi chuyên về hoạt động *khoa học* v.v. - hoạt động mà chỉ trong những trường hợp hiếm có tôi mới có thể thực hiện trong sự giao tiếp trực tiếp với những người khác, - ngay cả lúc đó tôi cũng tiến hành một hoạt động *xã hội*, bởi vì tôi hoạt động như một *con người*. Không những tài liệu cần cho hoạt động của tôi, - cả đến bản thân ngôn ngữ mà nhà tư tưởng dùng để hoạt động, - được cung cấp cho tôi với tính cách là một sản phẩm *xã hội*, mà cả tồn tại của *bản thân* tôi

cũng là hoạt động *xã hội*; cho nên cả cái mà tôi làm ra từ trong con người của tôi, tôi cũng làm ra từ bản thân tôi cho *xã hội*, vì tôi biết rằng tôi là một thực thể *xã hội*.

Ý thức *phổ biến* của tôi chỉ là hình thức *lý luận* của cái mà hình thức *sinh động* của nó là tính tập thể *hiện thực*, là bản chất *xã hội*, nhưng trong thời đại chúng ta ý thức *phổ biến* là sự trừu tượng sinh hoạt hiện thực và đối lập với sinh hoạt hiện thực với tính cách là một sự trừu tượng như thế. Cho nên cả *hoạt động* của ý thức phổ biến của tôi với tính cách như vậy cũng là tồn tại *lý luận* của tôi với tính cách là thực thể *xã hội*.

Trước hết cần phải tránh không được lại lần nữa đem "*xã hội*" với tính cách là một sự trừu tượng đối lập với cá nhân. Cá nhân là *thực thể xã hội*. Cho nên mọi biểu hiện sinh hoạt của nó - ngay cả nếu nó không biểu hiện dưới hình thức trực tiếp của biểu hiện sinh hoạt *tập thể*, được thực hiện cùng với những người khác - là biểu hiện và sự khẳng định của *sinh hoạt xã hội*. Sinh hoạt cá nhân và sinh hoạt loài của con người không phải là một cái gì *khác biệt*, mặc dù phương thức tồn tại của sinh hoạt cá nhân tất nhiên là một biểu hiện hoặc là *đặc thù* hơn, hoặc là *phổ biến* hơn của sinh hoạt loài, còn sinh hoạt loài là một sinh hoạt cá nhân hoặc là *đặc thù* hơn, hoặc là *phổ biến*.

Với tính cách là *ý thức loài*, con người khẳng định *sinh hoạt xã hội* hiện thực của mình và chỉ lập lại - trong tư duy - tồn tại hiện thực của mình, cũng như ngược lại tồn tại loài tự khẳng định mình trong ý thức loài và tồn tại đối với mình trong tính phổ biến của mình như một thực thể đang tư duy.

Cho nên, nếu con người là một cá nhân *đặc thù* nào đó và chính tính đặc thù của nó làm cho nó thành ra một cá nhân và một thực thể *xã hội cá thể* hiện thực, thì trong mức độ

như thế, nó cũng là một *tổng thể*, một tổng thể trong ý niệm, một tồn tại - cho - mình chủ quan của xã hội đang được tư duy và đang được cảm giác, cũng giống như trong hiện thực nó tồn tại một mặt như là sự trực quan tồn tại xã hội và sự hưởng dụng tồn tại ấy một cách hiện thực, và mặt khác, như tổng thể của biểu hiện sinh hoạt của con người.

Như vậy, mặc dù tư duy và tồn tại *khác nhau*, nhưng đồng thời chúng lại *thống nhất* với nhau.

Cái chết hình như là thắng lợi khắc nghiệt của loài đối với một cá thể *nhất định* và tựa hồ mâu thuẫn với sự thống nhất của chúng; nhưng một cá thể nhất định nào đó chỉ là *một thực thể loài nhất định* nào đó và với tính cách như thế thì phải chết.

4) Giống như *chế độ tư hữu* chỉ là biểu hiện cảm tính của tình hình là: con người trở thành *đối tượng* đối với mình và đồng thời trở thành một đối tượng phi nhân xa lạ đối với bản thân mình; sự biểu hiện sinh hoạt của nó là sự tha hoá sinh hoạt của nó; sự tiếp xúc của nó với hiện thực là sự gạt bỏ nó khỏi hiện thực, là hiện thực *xa lạ* đối với nó, - đối với sự xoá bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu, nghĩa là sự chiếm hữu một cách *cảm tính* bản chất con người, đời sống con người, con người đối tượng hoá và các *tác phẩm* của con người bởi con người và vì con người cũng vậy, cần phải hiểu nó không những theo ý nghĩa sự *hưởng dụng* vật phẩm một cách *trực tiếp*, một chiều, không những theo ý nghĩa *chiếm hữu, sở hữu*. Con người chiếm hữu bản chất toàn diện của mình một cách toàn diện, nghĩa là như một con người toàn vẹn. Mỗi quan hệ có *tính chất người* của con người với thế giới - thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ, tư duy, trực quan, cảm giác, mong muốn, hoạt động, yêu, nói tóm lại, tất cả những khí quan của cá tính của nó, cũng như những khí quan, xét về hình thức, tồn tại một cách trực tiếp như: những khí quan xã hội [VII] - trong quan hệ *đối*

tượng của nó hoặc trong *quan hệ* của nó với *đối tượng* đều là sự chiếm hữu đối tượng. Sự chiếm hữu hiện thực của *con người*, quan hệ của hiện thực ấy với đối tượng là *sự thực hiện tính hiện thực của con người*¹⁾, là *hiệu lực* của con người và *sự khổ não* của con người, bởi vì sự khổ não được hiểu theo ý nghĩa nhân tính, là sự tự tiêu dùng của con người.

Chế độ tư hữu đã làm cho chúng ta ngu xuẩn và phiến diện đến nỗi một số đối tượng nào đó chỉ là *của chúng ta* khi chúng ta có nó, nghĩa là khi nó tồn tại đối với chúng ta như tư bản hoặc khi chúng ta trực tiếp chiếm hữu nó, ăn nó, uống nó, mặc vào ta, cư trú ở trong đó, v.v., - nói tóm lại, khi chúng ta *tiêu dùng* nó - mặc dù bản thân chế độ tư hữu đến lượt nó lại coi tất cả những hình thức thực hiện trực tiếp sự chiếm hữu ấy chỉ là *tư liệu sinh hoạt*, còn sinh hoạt mà chúng được dùng làm tư liệu để phục vụ, là *sinh hoạt của chế độ tư hữu* - lao động và tư bản hoá.

Cho nên thay thế *tất cả* những cảm giác nhục thể và tinh thần là sự tha hoá đơn giản của *tất cả* những cảm giác ấy - là cảm giác *chiếm hữu*. Thực thể con người đã phải bị dẫn tới sự nghèo nàn tuyệt đối ấy, khiến nó có thể để ra từ bản thân nó sự phong phú bên trong của nó. (Về phạm trù *chiếm hữu* xem bài của *Hét-xơ* trong Văn tập "Hai mươi mốt tờ"⁶⁰).

Cho nên xoá bỏ chế độ tư hữu có nghĩa là *giải phóng* hoàn toàn tất cả những cảm giác và thuộc tính của con người; nhưng nó là sự giải phóng đó chính vì những cảm giác và thuộc tính ấy đã trở thành *của con người* theo ý nghĩa chủ quan cũng như theo ý nghĩa khách quan. Con mắt trở thành con mắt *người* cũng như *đối tượng* của con mắt trở thành đối tượng của xã hội của *con người*, do con người tạo ra vì con người. Cho nên

1) Cho nên hiện thực của con người cũng hết sức muôn vẻ như những sự *quy định* của *bản chất* con người và *hoạt động* của con người vậy.

các *cảm giác* trong thực tiễn của chúng đều trực tiếp trở thành *những nhà lý luận*. Chúng có quan hệ với *sự vật* vì sự vật, nhưng bản thân sự vật đó là quan hệ *đối tượng có tính chất người* đối với bản thân mình và đối với con người¹⁾ và ngược lại. Do đó nhu cầu và sự hưởng dụng vật phẩm mất bản tính *ích kỷ* của nó, còn tự nhiên thì mất *tính có ích* hiển nhiên của nó, vì sự ích lợi trở thành sự ích lợi *của con người*.

Cảm giác và sự hưởng thụ của những người khác cũng trở thành sở hữu của *bản thân* tôi. Cho nên, ngoài những khí quan trực tiếp ấy hình thành những khí quan *xã hội*, dưới *hình thức* xã hội. Chẳng hạn như hoạt động trong sự giao tiếp trực tiếp với những người khác v.v. đã trở thành khí quan *biểu hiện sinh hoạt* của tôi và một trong những phương thức linh hoạt sinh hoạt của *con người*.

Rõ ràng là con mắt *người* tri giác và hưởng thụ một cách khác với con mắt thô lỗ không phải con mắt người, *lỗ tai* con người tri giác và hưởng thụ một cách khác với *lỗ tai* thô lỗ, không phát triển v.v..

Chúng ta đã thấy rằng con người không để mất bản thân mình trong đối tượng của mình chỉ trong trường hợp đối tượng ấy trở thành đối tượng của *con người* đối với con người, hoặc trở thành con người đã đối tượng hoá. Điều đó chỉ có thể có được khi đối tượng ấy trở thành đối tượng *xã hội* đối với con người, bản thân con người trở thành thực thể xã hội đối với mình, còn xã hội thì trở thành bản chất đối với con người trong đối tượng đó.

Cho nên, một mặt, hiện thực đã đối tượng hoá khắp nơi trong xã hội càng trở thành - đối với con người - hiện thực của những lực lượng bản chất của con người, càng trở thành hiện thực

1) Trong thực tiễn tôi chỉ có thể có quan hệ với sự vật một cách có tính chất người khi sự vật có quan hệ với người một cách có tính chất người.

của con người và, do đó, càng trở thành hiện thực của những lực lượng bản chất của *bản thân* con người thì mọi *đối tượng* càng trở thành *sự đối tượng hoá* của bản thân con người đối với con người, trở thành sự khẳng định và sự thực hiện cá tính của con người, trở thành những đối tượng *của con người*, và như thế có nghĩa là *bản thân* con người trở thành đối tượng. Chúng trở thành đối tượng *của con người* đối với con người như *thế nào*, điều đó tùy thuộc vào *bản tính của đối tượng* và vào bản tính của *lực lượng bản chất* phù hợp với bản tính của đối tượng; vì chính tính quy định của quan hệ đó sáng tạo ra phương thức khẳng định đặc thù, *hiện thực*. *Con mắt* tri giác đối tượng một cách khác với *lỗ tai*, và đối tượng của con mắt khác với đối tượng của *lỗ tai*. Tính độc đáo của mỗi lực lượng bản chất chính là *bản chất độc đáo* của nó, do đó là phương thức đối tượng hoá độc đáo của nó, là phương thức *tồn tại đối tượng hoá có tính chất hiện thực*, sinh động của nó. Cho nên con người tự khẳng định mình trong thế giới đối tượng không phải chỉ trong tư duy, [VIII] mà cả bằng *tất cả* các cảm giác.

Mặt khác, xét từ phía chủ quan: chỉ có âm nhạc thức tỉnh cảm giác âm nhạc của con người; đối với *lỗ tai* không thính âm nhạc thì âm nhạc hay nhất cũng *không có ý nghĩa* là gì cả, đối với nó, âm nhạc không phải là đối tượng, bởi vì đối tượng của tôi chỉ có thể là sự khẳng định một trong những lực lượng bản chất của tôi, do đó nó chỉ có thể tồn tại đối với tôi giống như lực lượng bản chất của tôi tồn tại đối với mình với tính cách là năng lực chủ quan, vì cảm giác *của tôi* trải ra với mức nào thì ý nghĩa của một đối tượng nào đó đối với tôi (nó chỉ có ý nghĩa đối với cảm giác phù hợp với nó) cũng trải ra đúng với mức ấy. Đó là lẽ tại sao *cảm giác* của con người xã hội là những cảm giác *khác* với những cảm giác của con người phi xã hội. Chỉ có nhờ sự phong phú đã được phát triển về mặt vật chất, của bản chất con người, thì sự phong phú của tính cảm giác chủ quan của *con người* mới phát triển và một phần

thậm chí lần đầu tiên được sản sinh ra: lỗ tai thính âm nhạc, con mắt cảm thấy cái đẹp của hình thức, - nói vắn tắt là những *cảm giác* có khả năng về những sự hưởng thụ có tính chất người và tự khẳng định mình như những lực lượng bản chất *của con người*. Vì không những năm giác quan bên ngoài mà cả những cái gọi là cảm giác tinh thần, những cảm giác thực tiễn (ý chí, tình yêu v.v.), - nói tóm lại, cảm giác của *con người*, tính người của *cảm giác*, - chỉ nảy sinh nhờ có đối tượng *tương ứng*, nhờ bản tính đã *nhân hoá*. *Sự hình thành* năm giác quan là công việc của toàn bộ lịch sử toàn thế giới đã diễn ra từ trước tới nay. *Cảm giác* bị nhu cầu thực tiễn thô lậu cầm tù chỉ có một ý nghĩa *hạn hẹp*. Đối với con người sắp chết đói thì không có hình thức người của thức ăn, mà chỉ có sự tồn tại trừu tượng của nó với tính cách là thức ăn: thức ăn có thể có một hình thức thô lỗ nhất, và không thể nói việc nuốt thức ăn như thế khác với việc *động vật* nuốt thức ăn ở chỗ nào. Con người cùng khổ bị những nỗi lo lắng dày vò *hững hờ* ngay cả đối với một cảnh tượng tuyệt đẹp; người buôn bán khoáng vật chỉ thấy giá trị thương nghiệp, chứ không thấy vẻ đẹp và bản tính độc đáo của khoáng vật; anh ta không có cảm giác khoáng vật học. Như vậy, sự đối tượng hoá bản chất con người là tất yếu - xét về phương diện lý luận cũng như về phương diện thực tiễn - để một mặt *nhân hoá cảm giác* của con người, và mặt khác tạo ra *cảm giác con người* tương ứng với toàn bộ sự phong phú của bản chất con người và tự nhiên.

Giống như nhờ sự vận động của *chế độ tư hữu*, của sự phong phú và sự nghèo nàn của nó - sự phong phú về vật chất và tinh thần và sự nghèo nàn về vật chất và tinh thần, - xã hội đang nảy sinh tìm thấy trước mặt mình toàn bộ tài liệu cho *quá trình hình thành* đó, cũng vậy, xã hội đã xuất hiện sản sinh ra, với tính cách là hiện thực thường xuyên của mình, con người với tất cả sự phong phú ấy của bản chất của nó, sản

sinh ra con người *phong phú và toàn diện, sâu sắc trong tất cả các cảm giác và tri giác* của nó.

Chúng ta thấy rằng chỉ có trong trạng thái xã hội thì chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa khách quan, chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật, hoạt động và đau khổ mới mất đi sự đối lập giữa chúng với nhau và do đó cũng mất đi sự tồn tại của mình với tính cách là những sự đối lập như thế; chúng ta thấy rằng bản thân việc giải quyết những sự đối lập *về lý luận* chỉ có thể làm được bằng con đường *thực tiễn*, bằng cách thông qua tinh lực thực tiễn của con người, rằng do đó việc giải quyết chúng hoàn toàn không phải chỉ là nhiệm vụ của nhận thức mà còn là nhiệm vụ *hiện thực* của đời sống mà triết học đã không thể giải quyết được chính là vì nó coi nhiệm vụ đó chỉ là nhiệm vụ *lý luận*.

Chúng ta thấy rằng lịch sử của *công nghiệp* và sự tồn tại có *tính đối tượng* đã hình thành của công nghiệp là quyển sách *đã mở ra* của *những lực lượng bản chất của con người*, là *tâm lý* con người bày ra trước mắt chúng ta một cách cảm tính⁶¹ mà từ trước tới nay người ta xem xét nó không gắn nó với *bản chất* của con người, mà bao giờ cũng chỉ dưới góc độ mối quan hệ bên ngoài nào đó của sự có ích, bởi vì, - vận động trong khuôn khổ sự tha hoá, - con người chỉ nhìn thấy hiện thực của những lực lượng bản chất của con người và *hoạt động loài của con người* trong tồn tại phổ biến của con người, trong tôn giáo, hoặc trong lịch sử dưới những hình thức chính trị, nghệ thuật, văn học, v.v. trừu tượng phổ biến của nó [IX]. Trong *công nghiệp thông thường, vật chất* (mà người ta có thể coi như là một bộ phận của sự vận động phổ biến nói trên, cũng như người ta có thể coi bản thân sự vận động ấy như là một bộ phận *đặc biệt* của công nghiệp, bởi vì toàn bộ hoạt động của con người từ trước tới nay là lao động, nghĩa là công nghiệp, là hoạt động bị tha hoá khỏi bản thân mình) chúng ta có những *lực lượng bản chất đã đối tượng hoá* của con người dưới hình

thức *những đối tượng cảm tính, xa lạ, có ích*, dưới hình thức sự tha hoá. *Tâm lý học* - mà đối với nó quyển sách ấy, nghĩa là chính cái bộ phận dễ cảm thấy nhất, dễ tiếp xúc nhất của lịch sử đã khép lại - không thể trở thành khoa học thực sự có nội dung phong phú và *hiện thực*. Nói chung nên nghĩ gì về cái khoa học gạt bỏ một cách *ngạo nghễ* cái bộ phận to lớn ấy của lao động và của con người và không cảm thấy tính không hoàn toàn của bản thân mình, khi tất cả sự phong phú ấy của hoạt động của con người không nói với khoa học đó cái gì khác ngoài cái mà người ta có thể diễn đạt bằng mỗi một thuật ngữ "*nhu cầu*", "*nhu cầu thường ngày*"?

Các *khoa học tự nhiên* đã triển khai một hoạt động to lớn và đã tích lũy những tài liệu không ngừng tăng thêm. Nhưng triết học vẫn xa lạ đối với chúng cũng như chúng vẫn xa lạ đối với triết học. Sự kết hợp ngăn ngừa của chúng với triết học chỉ là một *ảo tưởng quái dị*. Ý chí kết hợp đã có, còn năng lực thì thiếu. Cả đến môn sử ký cũng chỉ nhân tiện chú ý đến khoa học tự nhiên như là nhân tố của sự khai sáng, của tính có ích của những phát hiện lớn cá biệt. Nhưng khoa học tự nhiên nhờ có công nghiệp mà càng thâm nhập *một cách thực tiễn* vào đời sống con người, cải tạo đời sống con người và chuẩn bị cho việc giải phóng con người, mặc dầu nó trực tiếp buộc phải hoàn tất việc phi nhân hoá các quan hệ con người. *Công nghiệp* là quan hệ lịch sử *hiện thực* của tự nhiên, và do đó cả của khoa học tự nhiên với con người. Cho nên nếu coi nó là sự phát huy một cách *đại chúng* những *lực lượng bản chất* của con người thì bản chất *con người* của tự nhiên hoặc bản chất *tự nhiên* của con người cũng trở nên dễ hiểu; do đó khoa học tự nhiên sẽ mất cái phương hướng vật chất trừu tượng, hay nói đúng hơn, cái phương hướng duy tâm chủ nghĩa của nó và sẽ trở thành cơ sở của khoa học của *con người*, cũng giống như hiện nay nó đã - mặc dầu dưới hình thức tha hoá - trở thành cơ sở của đời sống con người hiện thực, còn như lấy *một*

cơ sở này cho đời sống và một cơ sở khác cho *khoa học* thì ngay từ đầu đó là một sự nói láo. Tự nhiên sinh thành trong lịch sử loài người - trong hành vi xuất hiện của xã hội loài người - là tự nhiên *hiện thực* của con người; cho nên tự nhiên như nó đang sinh thành - mặc dầu dưới hình thức *tha hoá* - nhờ công nghiệp là tự nhiên *nhân bản* chân chính.

Cảm tính (xem Phoi-ơ-bác) phải là cơ sở của toàn bộ khoa học. Khoa học chỉ là khoa học *thực sự* trong trường hợp nó xuất phát từ cảm tính dưới hai hình thức của nó: tự ý thức *cảm tính* và từ nhu cầu cảm tính; do đó, chỉ trong trường hợp khoa học xuất phát từ tự nhiên. Toàn bộ lịch sử là sự chuẩn bị để "*con người*" trở thành đối tượng của ý thức *cảm tính* và để nhu cầu "của con người với tư cách là con người" trở thành nhu cầu [tự nhiên, cảm tính]. Bản thân lịch sử là một bộ phận *hiện thực* của *lịch sử tự nhiên*, của sự sinh thành của tự nhiên bởi con người. Về sau khoa học tự nhiên bao hàm trong nó khoa học về con người cũng như khoa học về con người bao hàm trong nó khoa học tự nhiên: đó sẽ là *một* khoa học.

[X] *Con người* là đối tượng trực tiếp của khoa học tự nhiên; vì đối với con người *tự nhiên cảm tính* trực tiếp là cảm tính của con người một cách trực tiếp (đó là một sự diễn đạt đồng nhất), trực tiếp như là con người *khác* mà nó tri giác một cách cảm tính; vì cảm tính của bản thân con người tồn tại đối với bản thân con người như là cảm tính của con người chỉ thông qua con người *khác*. Còn *tự nhiên* là đối tượng trực tiếp của *khoa học về con người*. Đối tượng thứ nhất của con người - con người - là tự nhiên, cảm tính; còn những lực lượng bản chất cảm tính đặc thù của con người chỉ tìm thấy sự thực hiện có tính chất đối tượng của mình trong những đối tượng *tự nhiên*, thì chỉ có thể có được sự tự nhận thức của mình trong khoa học về tự nhiên nói chung. Ngay cả yếu tố của bản thân tư duy, yếu tố trong đó biểu hiện sinh hoạt của tư tưởng - *ngôn ngữ* - cũng có tự nhiên cảm tính. Hiện thực *xã hội* của tự nhiên

và khoa học tự nhiên của con người, hay là *khoa học tự nhiên về con người*, đó là những cách diễn đạt đồng nhất.

Chúng ta thấy con người phong phú và nhu cầu phong phú của con người đang sinh thành như thế nào thay cho sự phong phú kinh tế và sự nghèo nàn kinh tế. Con người phong phú đồng thời cũng là con người có nhu cầu về toàn bộ sự toàn vẹn của những biểu hiện sinh hoạt của con người, là con người trong đó sự thực hiện của bản thân nó biểu hiện ra là tính tất yếu bên trong, là sự thiếu thốn. Trong điều kiện chủ nghĩa xã hội không chỉ sự phong phú của con người mà cả sự nghèo nàn của nó đều có ý nghĩa con người và do đó có ý nghĩa xã hội như nhau. Sự nghèo nàn là sự ràng buộc bị động buộc con người phải cảm thấy nhu cầu về sự phong phú hết sức to lớn như con người khác. Sự thống trị của bản chất đối tượng trong tôi, sự phẫn chấn cảm tính của hoạt động bản chất của tôi là *dục vọng*, như vậy ở đây dục vọng này trở thành *hoạt động* của bản chất của tôi.

5) Trong con mắt của mình một thực thể nào đó là một thực thể độc lập chỉ khi nó đứng trên đôi chân của bản thân mình, và nó chỉ đứng trên đôi chân của bản thân nó khi nó tồn tại được nhờ vào bản thân nó. Con người sống dựa vào ân huệ của người khác tự coi mình là một thực thể phụ thuộc. Nhưng tôi sống hoàn toàn bằng ân huệ của người khác nếu tôi không chỉ nhờ vào người đó mà duy trì được đời sống của tôi mà ngoài ra còn dựa vào người đó vì người đó tạo ra đời sống của tôi, người đó là nguồn gốc đời sống của tôi; còn đời sống của tôi tất nhiên có nguyên nhân như vậy ở bên ngoài tôi nếu nó không phải là sự sáng tạo của bản thân tôi. Đó là lẽ tại sao sự sáng tạo là biểu tượng rất khó trừ bỏ khỏi ý thức của nhân dân. Ý thức của nhân dân không thể hiểu được sự tồn - tại - thông - qua - mình của tự nhiên và của con người, vì rằng cái tồn - tại - thông - qua - mình ấy mâu thuẫn với tất cả những sự kiện cảm thấy được của đời sống thực tiễn.

Quan niệm về sự sáng tạo ra quả đất đã bị địa chất địa cầu học⁶² - nghĩa là khoa học miêu tả sự hình thành của quả đất, sự sinh thành của quả đất, như là một quá trình nào đó, như là một sự tự sinh - giáng cho một đôn kịch liệt. Generatio aequivoca⁶³ là một sự bác bỏ thực tiễn duy nhất lý luận về sự sáng tạo.

Đĩ nhiên, dễ dàng nói với từng cá nhân cái mà A-ri-xtốt đã nói: Anh là do cha và mẹ anh đẻ ra; cho nên trong trường hợp anh, sự liên kết của hai người, nghĩa là hành vi sinh đẻ của con người đã sinh sản ra con người. Cho nên, anh thấy rằng về thể xác con người tồn tại được là nhờ có con người. Cho nên anh phải chú ý không chỉ một mặt - sự tiến lên vô tận do đó mà anh tiếp tục hỏi: ai đẻ ra cha tôi? ai đẻ ra ông của cha tôi? v.v.. Anh cũng còn phải chú ý đến sự vận động tuần hoàn được đem lại một cách cảm tính cụ thể trong sự tiến lên vô tận ấy, - sự vận động tuần hoàn mà vì thế con người lặp lại bản thân mình trong việc sinh con đẻ cái và do đó con người bao giờ cũng vẫn là chủ thể. Nhưng anh sẽ trả lời: tôi thừa nhận sự vận động tuần hoàn đó, như vậy anh cũng hãy thừa nhận sự tiến lên vô tận nói trên, đây tôi không ngừng đi xa hơn cho đến khi tôi hỏi vậy ai đẻ ra con người đầu tiên và tự nhiên nói chung. Tôi chỉ có thể trả lời anh như sau: bản thân câu hỏi của anh là sản phẩm của sự trừu tượng. Anh hãy tự hỏi: anh đã đi đến câu hỏi đó như thế nào; anh hãy tự hỏi: phải chăng câu hỏi của anh xuất phát từ quan điểm mà tôi không thể trả lời được, bởi vì nó hoàn toàn không đúng. Anh hãy tự hỏi đối với tư duy lý tính thì có một quá trình vô tận nói trên không. Đặt vấn đề về sự sáng tạo ra tự nhiên và con người, qua đó anh trừu tượng hoá con người và tự nhiên. Anh giả định con người và tự nhiên là không tồn tại, tuy nhiên anh muốn tôi chứng minh sự tồn tại của con người và tự nhiên cho anh. Tôi nói với anh: hãy từ bỏ trừu tượng của anh đi, và anh sẽ từ bỏ vấn đề của anh; còn nếu anh muốn bám lấy

sự trừu tượng của anh thì anh hãy trước sau như một đi, và khi anh quan niệm con người và tự nhiên là *không tồn tại* [XI] thì anh hãy quan niệm cả bản thân anh cũng không tồn tại, vì anh cũng là tự nhiên và cũng là con người. Đừng suy nghĩ, đừng hỏi tôi, vì hễ anh bắt đầu tư duy và hỏi thì việc anh *trừu tượng hoá* tồn tại của tự nhiên và của con người mất hết mọi ý nghĩa. Hoặc là, có lẽ anh là một người ích kỷ đến nỗi anh giả định mọi cái đều không tồn tại, còn bản thân anh thì anh lại muốn tồn tại chẳng?

Anh có thể bẻ lại tôi: tôi hoạt động không giả định tự nhiên là không tồn tại; tôi hỏi anh về *hành vi phát sinh* của tự nhiên như người ta hỏi nhà giải phẫu về sự hình thành của xương cốt ở bào thai, v.v..

Nhưng vì đối với con người xã hội chủ nghĩa, *toàn bộ cái gọi là lịch sử toàn thế giới* chẳng qua chỉ là sự sáng tạo con người kinh qua lao động của con người, sự sinh thành của tự nhiên cho con người, cho nên người đó chứng minh một cách rõ ràng không bác bỏ được sự *sáng tạo ra* bản thân mình bởi chính mình, *quá trình* phát sinh của mình. Vì đối với người xã hội chủ nghĩa, tính *thực tại căn bản* của con người và của tự nhiên đã có tính chất thực tiễn, cảm tính, trực quan, và lại con người rõ ràng trở thành tồn tại của tự nhiên đối với con người, còn tự nhiên thì rõ ràng trở thành tồn tại của con người đối với con người, cho nên vấn đề về một thực thể *xa lạ* nào đó, về một thực thể đứng trên tự nhiên và con người, - vấn đề bao hàm trong nó việc thừa nhận tính không căn bản của tự nhiên và con người, vấn đề đó trở thành không thể có được về mặt thực tiễn. *Chủ nghĩa vô thần*, với tính cách là sự phủ nhận tính không căn bản đó, không có ý nghĩa nào nữa, vì chủ nghĩa vô thần là sự *phủ định thần linh* và khẳng định *tồn tại của con người* chính là thông qua sự phủ định đó; nhưng chủ nghĩa xã hội với tính cách là chủ nghĩa xã hội đã không cần đến sự môi giới như vậy nữa: nó bắt đầu từ *ý thức cảm*

tính lý luận và thực tiễn của con người và tự nhiên với tính cách là *bản chất*. Chủ nghĩa xã hội là *sự tự ý thức tích cực* của con người, sự tự ý thức không còn bị sự phủ định tôn giáo làm môi giới nữa, giống như *đời sống hiện thực* là hiện thực tích cực của con người, hiện thực này đã không còn bị sự phủ định chế độ tư hữu tức *chủ nghĩa cộng sản* làm môi giới nữa. Chủ nghĩa cộng sản là lập trường với tính cách là phủ định của phủ định, cho nên nó là nhân tố *hiện thực*, cần thiết cho giai đoạn phát triển lịch sử sắp tới, của sự giải phóng con người và của sự giành lại con người. *Chủ nghĩa cộng sản* là hình thức tất yếu và là nguyên tắc kiên quyết của tương lai sắp tới.

[NHU CẦU, SẢN XUẤT VÀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG]

[XIV] 7) Chúng ta đã thấy *sự phong phú* của những nhu cầu của con người, do đó đã thấy *phương thức sản xuất mới* nào đó và *đối tượng* sản xuất mới nào đó có ý nghĩa như thế nào dưới chủ nghĩa xã hội: biểu hiện mới của lực lượng bản chất của *con người* và sự phong phú thêm của bản chất *con người*. Trong khuôn khổ chế độ tư hữu tất cả cái đó có ý nghĩa ngược lại. Mỗi người tìm cách thức tình ở người khác một nhu cầu *mới* nào đó để buộc người đó phải mang tới một vật hy sinh mới, đặt người đó trong sự phụ thuộc mới và đẩy anh ta đến một hình thái *hưởng thụ* mới và do đó đến sự phá sản về kinh tế. Mỗi người tìm cách làm nảy sinh một lực lượng bản chất *xa lạ* nào đó thống trị người khác để tìm ra trong đó sự thoả mãn nhu cầu vị kỷ của chính mình. Cho nên cùng với sự lớn lên của khối các vật phẩm, vương quốc của những bản chất xa lạ mà con người khuất phục cũng lớn lên, và mỗi sản phẩm mới là một *khả năng* mới để lừa dối lẫn nhau và cướp đoạt lẫn nhau. Đồng thời, con người trở thành ngày càng nghèo khổ với tính cách là con người, con người ngày càng cần đến *tiền* để chiếm hữu bản chất đối địch ấy, và lực lượng *tiền tệ* của con người sụt xuống chính là tỷ lệ nghịch với khối sản phẩm, nghĩa là mức độ thiếu thốn tăng lên cùng với *quyền lực* của tiền tệ. - Như vậy, nhu cầu về tiền tệ là nhu cầu thật sự do kinh tế chính trị học đẻ ra, và là nhu cầu duy nhất mà kinh tế chính trị học đẻ ra. - *Số lượng* tiền tệ ngày càng trở

thành thuộc tính *hùng mạnh* duy nhất của tiền tệ; giống như tiền tệ quy mọi bản chất thành sự trừ tượng của bản chất đó, tiền tệ cũng quy cả bản thân nó trong sự vận động của bản thân nó thành bản chất *số lượng*. *Tính vô hạn và tính vô độ* trở thành thước đo thực sự của tiền tệ.

Ngay cả về phương diện chủ quan, điều đó cũng biểu hiện một phần ở chỗ sự mở rộng phạm vi sản phẩm và nhu cầu trở thành nô lệ *sáng trí* và luôn luôn *chi ly* của những khát vọng không có nhân tính, tính tế, không tự nhiên và *tưởng tượng*. Chế độ tư hữu không thể biến nhu cầu thô lỗ thành nhu cầu có *tính người*. *Chủ nghĩa duy tâm* của nó quy lại thành *điều hảo huyền, ý ngông, điều kỳ quặc*, và không một hoạn quan nào môn trốn một cách thấp hèn đức vua của mình và tìm cách kích thích bằng những thủ đoạn đê tiện hơn năng lực hưởng lạc đã cùn nhụt của hắn để được hưởng ân huệ của hắn như hoạn quan của công nghiệp, tức người sản xuất, vẫn làm, người này tìm cách rút lấy cho mình những đồng xu bằng thủ đoạn quỷ quyệt, rút lấy con chim vàng từ trong túi người đồng loại yêu quý theo tinh thần đạo Cơ Đốc của mình (mỗi sản phẩm là một miếng mồi mà nhờ nó người ta muốn lừa đoạt bản chất của người khác - tiền bạc của anh ta; mỗi nhu cầu hiện thực hoặc nhu cầu có thể có hoá ra là nhược điểm thu hút con ruồi đến cái que bôi keo dính; sự bóc lột phổ biến bản chất xã hội của con người, giống như mỗi sự không hoàn hảo của con người là một sự liên hệ nào đó với trời - là điểm mà từ đó người thầy tu có thể đến gần trái tim của người đó; mỗi sự thiếu thốn là một cơ hội để đi tới đồng loại của mình với một vẻ hết sức lịch sự và nói với người đó: anh bạn thân yêu ơi, tôi cho anh cái mà anh cần, nhưng anh biết cái *conditio sine qua non*^{1*}, anh biết anh phải dùng mực nào để ký giao kèo với tôi; tôi lừa anh bằng cách cung cấp cho anh sự hưởng lạc, - vì mực

1* - điều kiện không có thì không được.

dịch đó người hoạn quan công nghiệp thích nghi với những mơ ước bị xuyên tạc nhất của người tiêu dùng, tự mình đóng vai trò là kẻ môi giới giữa người đó và nhu cầu của người đó, kích thích ở người đó những khát vọng bệnh hoạn, rình rập mỗi nhược điểm của người đó để rồi đòi cho mình được khen thưởng về sự làm ơn đó.

Sự tha hoá ấy cũng bộc lộ một phần ở chỗ sự tinh tế của những nhu cầu và thủ đoạn thoả mãn những nhu cầu ấy ở bên này để ra ở bên kia tình trạng suy đồi thú vật, sự giản đơn hoá nhu cầu một cách hoàn toàn nhất, một cách thô lỗ, trừu tượng, hay nói đúng hơn, chỉ tái sản sinh ra bản thân nó trong ý nghĩa đối lập của nó. Ngay cả nhu cầu về không khí trong lành cũng không còn là một nhu cầu ở người công nhân nữa. Con người lại ở hang, nhưng những hang này ngày nay đã bị hơi thở dịch hạch ngọt ngào của nền văn minh đầu độc, và trong đó anh ta cảm thấy mình *thiếu tin tưởng* như đối với một lực lượng xa lạ bất cứ ngày nào cũng có thể tuột khỏi anh ta, người ta có thể ném anh ta ra khỏi những cái hang đó bất cứ ngày nào, nếu anh ta [XV] không trả tiền thuê nhà. Người công nhân phải *trả tiền* thuê những nhà xác ấy. Nhà ở *quang đãng*, mà Prô-mê-tê trong vở kịch của Ê-si-lơ gọi là một trong những tặng vật vĩ đại mà nhờ chúng anh ta đã biến người dã man thành người, không còn tồn tại đối với công nhân nữa. Ánh sáng, không khí v.v., sự sạch sẽ đơn giản nhất mà ngay cả các *động vật* cũng có thì không còn là nhu cầu của con người nữa. *Sự dơ bẩn*, trạng thái đó của con người bị sa đọa, mục nát, những *đồ xú uế* (theo nghĩa đen của từ đó) của nền văn minh trở thành một *yếu tố sinh hoạt* đối với anh ta. Sự bị bỏ mặc *trái tự nhiên* hoàn toàn, bản tính mục nát trở thành *yếu tố sinh hoạt* của anh ta. Không một cảm giác nào của anh ta còn tồn tại không những dưới hình thức người của anh ta, mà cả dưới hình thức *không phải người*, do đó ngay cả dưới hình thức động vật của anh ta. Có sự quay trở lại những

phương thức (và những *công cụ*) lao động thô sơ nhất của con người: chẳng hạn như *bánh xe đạp bằng chân* của những người nô lệ La Mã đã trở thành công cụ sản xuất và tư liệu sinh tồn đối với nhiều công nhân Anh. Con người không những bị tước mất những nhu cầu của con người - nó mất đi cả đến nhu cầu *động vật*. Người Ai-rơ-len chỉ biết có một nhu cầu - nhu cầu về *thức ăn*, mà lại chỉ gồm *khoai tây của người vô sản lưu manh, khoai tây chất lượng tồi nhất*. Nhưng trong mỗi thành thị công nghiệp của nước Anh và nước Pháp đã có Ai-rơ-len *nhỏ* của mình. Ở người dã man, ở động vật dù sao cũng còn có nhu cầu đi săn, đi lại v.v., giao tiếp với những đồng loại với mình. - Sự giản đơn hoá máy móc, sự giản đơn hoá lao động được lợi dụng để làm cho con người hoàn toàn chưa phát triển, chỉ mới ở trong quá trình hình thành, làm cho *dứa trẻ con* trở thành người công nhân, trong khi người công nhân đã trở thành *dứa trẻ con* bị ruồng bỏ. Máy móc thích ứng với sự *yếu đuối* của con người để biến con người *yếu đuối* thành máy móc.

<Sự tăng thêm nhu cầu và tư liệu để thoả mãn những nhu cầu đó để ra sự thiếu nhu cầu và sự thiếu tư liệu thoả mãn nhu cầu như thế nào, điều đó nhà kinh tế chính trị học (và nhà tư bản: nói chung chúng ta bao giờ cũng nghĩ đến những người mưu lợi *kinh nghiệm* chủ nghĩa, khi chúng ta nói đến các nhà kinh tế chính trị học vốn là lương tâm *khoa học* và tồn tại khoa học của họ) chúng minh như sau: 1) nhà kinh tế chính trị học quy nhu cầu của công nhân thành sự duy trì đời sống thể chất một cách cần thiết nhất và thảm hại nhất, còn hoạt động của anh ta thì quy thành sự vận động cơ giới trừu tượng nhất; do đó nhà kinh tế chính trị học nói con người không có nhu cầu nào khác về hoạt động cũng như về hưởng lạc; vì nhà kinh tế chính trị học tuyên bố *ngay cả* đời sống như thế cũng là đời sống *con người* và tồn tại của *con người*; 2) có thể, nhà kinh tế chính trị học trong sự *tính toán* của

mình, coi đời sống (sự tồn tại) *nghèo nàn* hơn là tiêu chuẩn, hơn nữa là tiêu chuẩn phổ biến - phổ biến vì có hiệu lực đối với khối đông người. Nhà kinh tế chính trị học biến công nhân thành thực thể không có cảm giác và mất hết nhu cầu, cũng hết như anh ta biến hoạt động của công nhân thành một sự trừu tượng thuần túy tách khỏi mọi hoạt động. Cho nên anh ta cho rằng mọi sự *xa hoa* của công nhân là không thể dung thứ được, và tất cả những gì vượt ra ngoài giới hạn của nhu cầu trừu tượng nhất - dù là sự hưởng lạc thụ động hay biểu hiện tích cực của hoạt động - anh ta đều cảm thấy là sự xa hoa. Do đó kinh tế chính trị học, môn khoa học này về *của cải* đồng thời cũng là khoa học về sự quên mình, về sự thiếu thốn, về sự *tiết kiệm*, và nó thực tế dẫn tới chỗ dạy cho con người *tiết kiệm* cả đến *nhu cầu* về *không khí* trong lành hoặc về *vận động* thể xác. Khoa học đó về công nghiệp kỳ diệu đồng thời cũng là khoa học về *sự khổ hạnh*, và lý tưởng chân chính của nó là người biển lận theo chủ nghĩa *khổ hạnh* nhưng lại *chuyên nghề cho vay nặng lãi* và người nô lệ theo chủ nghĩa *khổ hạnh* nhưng đang *sản xuất*. Lý tưởng đạo đức của nó là người *công nhân* bỏ vào quỹ tiết kiệm một phần tiền công của mình, và thậm chí nó đã tìm thấy cho lý tưởng mà nó ưa chuộng ấy một *nghệ thuật* nô bộc cần cho nó - người ta đem ra diễn ở nhà hát những vở thương cảm theo tinh thần đó. Cho nên mặc dầu tất cả cái về thể tục và cảm tính của nó, kinh tế chính trị học vẫn là khoa học đạo đức thực sự, có tính chất đạo đức nhất trong các khoa học. Luận đề cơ bản của nó là sự quên mình, sự từ bỏ đời sống và tất cả các nhu cầu của con người. Anh càng ăn ít, uống ít bao nhiêu, càng mua ít sách bao nhiêu, càng ít đi xem hát, ít đi vũ hội, ít đi quán cà phê bao nhiêu, càng ít suy nghĩ, ít yêu thương, ít thuyết lý, ít ca hát, ít vẽ, ít đấu gươm v.v. bao nhiêu thì anh càng *tiết kiệm* được nhiều bấy nhiêu, báu vật không bị mối cũng không bị mọt làm tiêu hao của anh - *tư bản* của anh - càng trở nên nhiều bấy nhiêu. *Tồn tại* của anh càng nhỏ bé, anh càng biểu lộ đời

sống của mình ít bao nhiêu thì *của cải* của anh càng nhiều bấy nhiêu, đời sống *bị tha hoá* của anh càng lớn bấy nhiêu, anh càng tích lũy nhiều bản chất bị tha hoá của anh bấy nhiêu. Tất cả [XVI] cái phần đời sống và tính người mà nhà kinh tế chính trị học đoạt lấy ở anh thì hẳn bù lại cho anh dưới hình thức *tiền tệ* và *của cải*, và tất cả những gì mà anh không thể làm thì tiền bạc của anh có thể làm: chúng có thể ăn, uống, đi hội nhảy, đi xem hát, có thể đi du lịch, biết tranh thủ nghệ thuật, học vấn, những của hiếm lịch sử, quyền lực chính trị cho mình - tất cả những cái đó chúng *có thể* chiếm hữu cho anh; tất cả những cái đó chúng có thể mua; chúng là *sức mạnh* đích thực. Nhưng dù tất cả những cái đó là gì đi nữa thì tiền bạc cũng *không thể* tạo ra một cái gì ngoài bản thân chúng, không thể mua cái gì ngoài bản thân chúng, bởi vì tất cả những cái khác đều là dây tở của chúng, và khi tôi chiếm hữu người chủ thì tôi cũng chiếm hữu cả người dây tở, và tôi không cần săn đuổi dây tở của hắn. Như vậy, tất cả những dục vọng và mọi hoạt động đều phải chìm đắm trong sự *thèm khát lợi lộc*. Người công nhân chỉ có quyền có vừa đủ cái cần thiết để muốn sống, và anh ta chỉ có quyền muốn sống để có [cái tối thiểu ấy].>

Đúng là trong kinh tế chính trị học nảy ra một sự bất đồng ý kiến. Một bên (Lô-đéc-đan, Man-tút và những người khác) khuyên *xa xỉ* và nguyên rửa sự tiết kiệm; một bên khác (Xây, Ri-các-dô và những người khác) khuyên tiết kiệm và nguyên rửa sự xa xỉ. Nhưng bên thứ nhất thừa nhận rằng nó muốn xa xỉ để sản xuất *lao động* (nghĩa là sự tiết kiệm tuyệt đối); còn bên thứ hai thì thừa nhận rằng nó khuyên tiết kiệm để sản xuất ra *sự giàu có*, nghĩa là sự xa xỉ. Bên thứ nhất lao mình vào những ước mơ *lãng mạn*, đòi hỏi rằng không phải chỉ độc sự thèm khát lợi lộc quyết định sự tiêu dùng của những người giàu, và nó mâu thuẫn với những quy luật do bản thân nó đưa ra, vì nó coi *sự lãng phí* trực tiếp là thủ đoạn làm

giàu. Cho nên bên đối lập chứng minh cho nó một cách rất nghiêm chỉnh và tử mỹ rằng bằng sự lãng phí tôi làm giảm bớt chứ không phải làm tăng thêm *của cải* của tôi. Bên khác đó từ chối một cách giả dối việc thừa nhận rằng chính ý ngông và sở thích quyết định sản xuất; nó quên "những nhu cầu tinh tế", quên rằng không có tiêu dùng thì cũng sẽ không có sản xuất, quên rằng do cạnh tranh, sản xuất không khỏi chỉ trở nên toàn diện hơn, xa xỉ hơn mà thôi; nó quên rằng theo lý luận của chính nó thì giá trị của vật phẩm do sự tiêu dùng quyết định, rằng thời trang quyết định sự tiêu dùng; nó muốn rằng cái được sản xuất ra chỉ là cái "có ích" thôi mà quên rằng sự sản xuất ra quá nhiều những vật phẩm có ích tạo ra quá nhiều nhân khẩu *vô ích*. Cả hai bên đều quên rằng lãng phí và tiết kiệm, xa xỉ và thiếu thốn, giàu và nghèo là bằng nhau.

Và anh phải tiết kiệm không chỉ trong những nhu cầu cảm tính trực tiếp của anh, như ăn và những cái khác, mà cả trong sự tham dự vào lợi ích chung, trong sự đồng tình và tin cậy v.v.; trong tất cả những cái đó, anh phải tỏ ra tiết kiệm tối đa, nếu anh muốn hành động theo kinh tế chính trị học và không muốn diệt vong vì những ảo tưởng của mình.

< Tất cả những cái anh có, anh phải đem *bán* đi, nghĩa là rút ra từ đó một mối lợi. Nếu tôi hỏi nhà kinh tế chính trị học: khi tôi bán thân thể của tôi để thoả mãn nhục dục của người khác, tôi có tuân theo các quy luật kinh tế không (công nhân công xưởng ở Pháp gọi việc vợ con họ mại dâm là giờ lao động phụ thêm, và điều đó đúng là như thế), và khi tôi bán bạn tôi cho người Ma-rốc (mà việc trực tiếp bán người, dưới hình thức buôn bán mộ binh v.v., vẫn xảy ra ở tất cả các nước có văn hoá), há chẳng phải là tôi hành động theo tinh thần kinh tế chính trị học hay sao? - nhà kinh tế chính trị học trả lời tôi: anh không hành động trái với quy luật của tôi; nhưng hãy xem bà thím Đạo Đức và bà thím Tôn giáo nói gì; đạo đức *kinh tế* của tôi và tôn giáo *kinh tế học* của tôi không có gì

để bác bỏ cách hành động của anh, nhưng... - Nhưng vậy thì tôi phải tin ai hơn, tin kinh tế chính trị học hay tin đạo đức? Đạo đức của kinh tế chính trị học là *doanh lợi*, lao động và tiết kiệm, tỉnh táo, nhưng kinh tế chính trị học hứa với tôi là sẽ thoả mãn nhu cầu của tôi. - Kinh tế chính trị học của đạo đức là có, giàu có những sự vật như lương tâm, đức hạnh v.v.; nhưng nếu tôi nói chung không tồn tại thì làm sao tôi có thể có đức hạnh? Nếu tôi không biết gì cả thì làm sao tôi có thể có lương tâm trong sạch? Mỗi lĩnh vực riêng biệt đo lường tôi bằng một thước đo khác và tương phản: đạo đức có một thước đo, kinh tế chính trị học có một thước đo, điều đó chứa đựng trong chính bản chất của sự tha hoá, vì mỗi lĩnh vực là một sự tha hoá nhất định của con người, mỗi lĩnh vực cố định [XVII] một phạm vi đặc biệt của hoạt động bản chất đã bị tha hoá và mỗi lĩnh vực có thái độ hững hờ với sự tha hoá khác. Cho nên, ông *Mi-sen Sơ-va-li-ê* trách Ri-các-đô ở chỗ ông này trừu tượng hoá đạo đức. Nhưng ở Ri-các-đô kinh tế chính trị học nói bằng ngôn ngữ riêng của mình. Nếu ngôn ngữ đó không có tính chất đạo đức thì đó không phải là lỗi của Ri-các-đô. Khi *Mi-sen Sơ-va-li-ê* thuyết đạo đức, ông ta đem kinh tế chính trị học trừu tượng hoá đi; còn khi ông ta nghiên cứu kinh tế chính trị học thì ông ta tất nhiên phải thực tế trừu tượng hoá đạo đức. Nếu việc đem kinh tế chính trị học liên hệ với đạo đức không phải là tùy tiện, ngẫu nhiên và do đó không phải là không có căn cứ và không khoa học, nếu việc đó được tiến hành không phải vì *cái vẻ bề ngoài* mà được quan niệm như một cái có gốc rễ trong *bản chất* của sự vật, thì nó chỉ có thể biểu thị sự liên quan của các quy luật kinh tế chính trị học với lĩnh vực đạo đức mà thôi; và nếu trong thực tế không có cái đó hay nói đúng hơn là có cái trực tiếp đối lập, thì Ri-các-đô có lỗi về điều đó hay sao? Ngoài ra bản thân sự đối lập giữa kinh tế chính trị học và đạo đức chỉ là *bề ngoài* và vừa là sự đối lập đồng thời không phải là sự đối lập. Kinh

tế chính trị học biểu hiện những quy luật đạo đức, nhưng chỉ theo *cách của nó*.

<Sự bóp nghẹt nhu cầu với tính cách là nguyên tắc của kinh tế chính trị học bộc lộ ra *một cách rõ rệt nhất* trong *lý luận về nhân khẩu* của nó. Người quá *nhieu*. Ngay cả sự tồn tại của con người cũng là sự xa xỉ thuần túy nhất, và nếu người công nhân là "*có đạo đức*" (Min đề nghị công khai khen ngợi những kẻ tỏ ra biết kiêng nịnh về phương diện tính giao, và công khai trách cứ những người làm trái với hôn nhân không sinh đẻ⁶⁴... Há chẳng phải đó là đạo đức, là học thuyết về cấm dục hay sao?), thì anh ta sẽ *tiết kiệm* về phần sinh con đẻ cái. Sự sản xuất con người biểu hiện ra là một tai họa xã hội.>

Ý nghĩa và tầm quan trọng của sản xuất đối với những người giàu bộc lộ ra một cách *công khai* trong sự sản xuất cho người nghèo dùng; đối với kẻ trên, điều đó bao giờ cũng được biểu thị một cách tinh vi, che giấu, mập mờ, đó chỉ là vẻ bề ngoài, đối với kẻ dưới, điều đó được biểu thị một cách thô lậu, công khai, lộ liễu, đó là bản chất. Nhu cầu *thô lậu* của công nhân là nguồn thu nhập lớn hơn nhiều so với nhu cầu *tinh tế* của người giàu. Những căn phòng thuộc tầng hầm ở Luân Đôn đem lại cho chủ của chúng nhiều thu nhập hơn các lâu đài, có nghĩa chúng là *của cải lớn hơn* về mặt thu nhập do chúng đem lại và do đó, diễn đạt theo ngôn ngữ của kinh tế chính trị học, là của cải *xã hội* lớn hơn.

Giống như công nghiệp dầu cơ tính chất kinh tế của nhu cầu, nó cũng như dầu cơ với mức độ như thế *tính chất thô lỗ* của nhu cầu, hơn nữa dầu cơ tính chất thô lỗ được gây ra một cách nhân tạo. Cho nên đối với tính chất thô lỗ ấy, hưởng thụ chân chính là *tự làm cho mình say mê*, đó là sự thỏa mãn nhu cầu một cách *tưởng tượng*, đó là sự văn minh *giữa* tính dã man thô lỗ của nhu cầu. Cho nên những quán rượu ở Anh là biểu tượng *cụ thể* của chế độ tư hữu. Sự *xa xỉ* của chúng

cho thấy quan hệ chân thật của sự xa xỉ và sự giàu có của công nghiệp với con người. Cho nên chúng thật sự là những thú tiêu khiển duy nhất của nhân dân trong ngày chủ nhật, cảnh sát Anh ít ra cũng đối xử với những thú tiêu khiển này một cách khoan dung [XVII].

[XVIII] Chúng ta đã thấy nhà kinh tế chính trị học xác định sự thống nhất của lao động và tư bản bằng những phương thức nhiều vẻ như thế nào: 1) tư bản là *lao động được tích lũy*; 2) nhiệm vụ của tư bản trong bản thân sự sản xuất - một phần là tái sản xuất ra tư bản có thêm lợi nhuận, một phần là tư bản với tính cách là nguyên liệu (vật tư của lao động), một phần là *công cụ* tự mình *lao động* (máy móc là tư bản trực tiếp đồng nhất với lao động) - là ở trong *lao động sản xuất*; 3) công nhân là tư bản; 4) tiền công thuộc về chi phí của tư bản; 5) đối với công nhân, lao động là tái sản xuất ra tư bản sống của anh ta; 6) đối với nhà tư bản nó là một yếu tố hoạt động của tư bản của hắn. Và cuối cùng 7) nhà kinh tế chính trị học xuất phát từ chỗ giả định sự thống nhất lúc đầu của tư bản và lao động là sự thống nhất của nhà tư bản và người công nhân; đó là trạng thái thiên đường nguyên thủy. Hai yếu tố đó [XIX] bỗng nhiên chống đối lẫn nhau như hai nhân vật bằng cách nào, đối với nhà kinh tế chính trị học, đó là một sự kiện *ngẫu nhiên* nào đó, cho nên sự kiện này phải được giải thích chỉ bằng những nguyên nhân bên ngoài. (Xem: Min).

Những dân tộc bị loá mắt vì ánh cảm tính của kim loại quý và do đó còn sùng bái tiền kim khí như một bái vật nào đó, thì chưa phải là những dân tộc tiền tệ hoàn bị. Sự đối lập giữa Pháp và Anh. - Việc giải quyết những câu đố lý luận là một nhiệm vụ của thực tiễn đến mức nào và được môi giới một cách thực tiễn đến mức nào, thực tiễn chân chính là điều kiện của lý luận hiện thực và tích cực đến mức nào, những điều đó lộ rõ ra chẳng hạn ở trong *bái vật giáo*. Ý thức cảm tính ở người tín đồ bái vật giáo khác với ở người Hy Lạp, bởi vì

tồn tại cảm tính của người đó còn khác. Sự đối địch trừu tượng giữa cảm giác và tinh thần là tất nhiên chừng nào hứng thú của con người đối với tự nhiên, cảm giác có tính chất người của tự nhiên và do đó cả cảm giác *tự nhiên của con người chưa* được lao động của bản thân con người sáng tạo ra.

Bình đẳng không phải là gì khác mà là công thức của người Đức "Tôi = Tôi", dịch ra tiếng Pháp, nghĩa là dịch ra ngôn ngữ chính trị. Bình đẳng với tính cách là *cơ sở* của chủ nghĩa cộng sản là căn cứ *chính trị* của chủ nghĩa cộng sản. Khi người Đức luận chứng chủ nghĩa cộng sản cho mình bằng cách hình dung con người như là *tự ý thức phổ biến*, thì tình hình cũng như thế. Hoàn toàn dễ hiểu là việc xoá bỏ sự tha hoá bao giờ cũng xuất phát từ cái hình thức tha hoá - vốn là lực lượng *thống trị*: ở Đức đó là sự *tự ý thức*, ở Pháp đó là *bình đẳng*, vì ở đây chính trị chiếm địa vị thống trị, ở Anh đó là nhu cầu *thực tiễn* hiện thực, vật chất, tự đo mình chỉ bằng bản thân mình. Phải phê phán và thừa nhận Prud'homme theo quan điểm ấy.

Nếu chúng ta gọi ngay cả *chủ nghĩa cộng sản* - vì nó là phủ định của phủ định - là sự chiếm hữu bản chất con người làm môi giới cho mình với mình thông qua sự phủ định chế độ tư hữu, - do đó chưa phải là sự khẳng định *chân thật*, bắt đầu từ bản thân mình, mà chỉ là sự khẳng định bắt đầu từ chế độ tư hữu, [.].^{1*} Sự tha hoá thực sự của đời sống con người vẫn có hiệu lực và thậm chí là một sự tha hoá càng lớn khi người ta càng có ý thức về nó như một sự tha hoá... Muốn xoá bỏ *tư tưởng* về chế độ tư hữu, thì *tư tưởng* về chủ nghĩa cộng sản là hoàn toàn đủ rồi. Còn muốn xoá bỏ chế độ tư hữu trong hiện thực thực tế thì phải có hành động cộng sản chủ nghĩa *hiện thực*. Lịch sử sẽ đem đến theo

^{1*} Đến đây, trong bản thảo trang giấy bị rách mất góc dưới bên trái, do đó sáu dòng cuối trang bị ảnh hưởng, không thể khôi phục lại nội dung được.

mình hành động cộng sản chủ nghĩa ấy, và sự vận động mà chúng ta đã nhận thức trong *tư tưởng* như một cái tự mình tước bỏ mình, sẽ kinh qua một quá trình rất khó khăn và lâu dài trong hiện thực. Nhưng chúng ta phải coi tình hình sau đây đã là một bước tiến thực sự: ngay từ đầu chúng ta đã ý thức được tính hạn chế cũng như mục đích của vận động lịch sử ấy và đã vượt qua vận động ấy trong ý thức của chúng ta.

Khi những người *thợ thủ công* cộng sản chủ nghĩa đoàn kết lại với nhau thì đối với họ mục đích trước hết là giáo dục, tuyên truyền v.v.. Nhưng đồng thời do đó ở họ nảy sinh ra nhu cầu mới, nhu cầu giao tiếp, và cái biểu hiện ra là phương tiện lại trở thành mục đích. Cuộc vận động thực tiễn ấy dẫn đến những kết quả rực rỡ nào, chúng ta có thể thấy được khi chúng ta quan sát những cuộc hội họp của những công nhân xã hội chủ nghĩa Pháp. Ở đây hút thuốc, uống, ăn v.v. đã không còn là phương tiện để kết hợp người ta lại với nhau, đã không còn là phương tiện liên kết nữa. Đối với họ sự giao tiếp, sự liên hợp thành hội, cuộc nói chuyện vẫn lại nhằm mục đích giao tiếp với nhau cũng đủ rồi; trên miệng họ tình hữu ái của con người không phải là một câu nói mà là một sự thật, và từ bộ mặt thô ráp đi vì lao động của họ toả đến chúng ta sự cao quý của con người.

[XX] < Trong khi khẳng định rằng cầu và cung bao giờ cũng bù trừ lẫn nhau, kinh tế chính trị học lại quên ngay rằng theo sự khẳng định của bản thân nó, cung về *con người* (lý luận về nhân khẩu) bao giờ cũng vượt quá cầu về người và do đó, trong kết quả căn bản của toàn bộ nền sản xuất - trong sự sinh tồn của con người - biểu hiện một cách quyết định nhất sự thiếu cân đối giữa cầu và cung.>

Tiền tệ biểu hiện ra là phương tiện, là một *lực lượng* chân chính và một mục đích *duy nhất* đến mức nào, nói chung cái *phương tiện* làm cho tôi trở thành bản chất và gán cho tôi bản chất đối tượng của người khác là *mục đích tự thân* đến mức

nào, điều đó có thể thấy qua việc sở hữu ruộng đất - ở chỗ nào mà ruộng đất - và *ngựa và kiếm* - là nguồn sinh tồn, chỗ nào mà chúng là *phương tiện sinh tồn chân chính* - cũng được thừa nhận là những lực lượng sinh hoạt chính trị chân chính. Trong thời trung cổ chỉ cần một đẳng cấp có quyền mang *gươm* là đẳng cấp đó trở thành tự do. Ở những người du mục, việc có *ngựa* làm cho con người trở thành tự do, làm cho người đó có khả năng tham gia vào sinh hoạt của cộng đồng.

Trên kia chúng tôi đã nói rằng con người quay trở về sống trong *hang động*, nhưng quay trở về đó dưới hình thức tha hoá, đối địch. Người dã man trong hang động của họ - cái yếu tố tự nhiên ấy tự do để cho người dã man sử dụng và bảo hộ họ - tự cảm thấy không xa lạ hơn, hay nói cho đúng là tự cảm thấy ở nhà mình, không kém *con cá* ở trong nước. Nhưng cái chỗ ở của người nghèo tại tầng hầm thì lại là một chỗ ở đối địch với anh ta, đó là "một lực lượng xa lạ, đó là chỗ ở nô dịch anh ta, chỉ dành cho anh ta ở khi anh ta còn cung cấp cho nó mồ hôi đầm máu"; anh ta không có quyền coi nó như là cái nhà thân thương của mình, nơi mà anh ta rút cục có thể nói: ở đây tôi đang ở nhà mình; trái lại, anh ta ở trong nhà *người khác*, trong nhà của người *khác*, người này rình anh ta từng ngày và một khi anh ta thôi không trả tiền nhà nữa là người đó lập tức đuổi anh ta ra đường. Và anh ta cũng hiểu rằng xét theo phẩm chất của nó thì nhà ở của anh ta tạo nên sự đối lập hoàn toàn của của cải ở *thế giới bên kia*, ở trên trời, nhà ở của con người.

Sự tha hoá thể hiện ở chỗ tư liệu sinh hoạt của *tôi* thuộc về *người khác*, ở chỗ đối tượng mong muốn của *tôi* là vật sở hữu của *người khác* mà *tôi* không với tới được, cũng như ở chỗ bản thân mỗi vật hoá ra là một *cái khác* với bản thân nó, ở chỗ hoạt động của *tôi* hoá ra là một *cái khác* nào đó và cuối cùng, - điều này cũng đúng cả đối với nhà tư bản, - lực lượng *không phải người* nói chung thống trị tất cả.

Định mệnh của của cải chỉ dùng để hưởng lạc, không làm mà có và được đem ra phung phí, khi con người hưởng thụ của cải đó một mặt *xử sự* chỉ như là một cá nhân *nhất thời*, để cho dục vọng của mình tha hồ thể hiện và coi lao động nô lệ của người khác, *mồ hôi đầm máu* của con người là miếng mồi cho lòng thèm muốn của mình, và do đó coi bản thân con người - và do đó cả bản thân mình - như là thực thể bị hy sinh, nhỏ mọn (khi sự khinh bỉ con người biểu hiện một phần dưới hình thức lãng phí một cách ngạo mạn cái có thể duy trì hàng trăm sinh mệnh của con người, một phần dưới hình thức một ảo tưởng ti tiện tựa hồ sự lãng phí điên cuồng và sự tiêu dùng phi sản xuất không kìm hãm được là điều kiện quyết định *lao động* và do đó quyết định *sinh tồn* của người khác), định mệnh như vậy dẫn tới chỗ sự thực hiện những *lực lượng bản chất* của con người được quan niệm chỉ như là sự thực hiện những ý muốn quái đản và những ý ngông lạ lùng, kỳ quái. Nhưng mặt khác, anh ta lại coi của cải chỉ là phương tiện và là cái chỉ đáng xoá bỏ. Cho nên người hưởng thụ của cải đồng thời vừa là nô lệ vừa là chủ nhân của cải của mình, đồng thời vừa khoan dung vừa ti tiện, tính khí hay thay đổi, ngạo mạn, đầy những ý ngông dã man, tinh tế, có học thức, thông minh. - Anh ta chưa cảm thấy *của cải* như là một *lực lượng* hoàn toàn *xa lạ* nào đó đứng trên bản thân anh ta. Đúng hơn là anh ta chỉ thấy trong của cải lực lượng của bản thân mình và [đối với anh ta] mục đích sau hết, cuối cùng không phải là của cải, mà là sự *hưởng lạc* [. . . .]^{1*}.

Đối lập với ảo giác ấy... [XXI] về bản chất của của cải - ảo giác chói lọi, bị cái bề ngoài cảm tính làm cho hoa lên - là nhà công nghiệp *tháo vát, tinh táo, suy nghĩ theo quan điểm*

1* Ở đây, bản thảo bị hỏng mấy chỗ; phần dưới trang bị rách nát, thiếu mất ba hay bốn dòng.

kinh tế, có một tâm tính phàm tục, hiểu rõ bản chất của của cải, và nếu anh ta tạo ra cho kẻ lãng phí thêm muốn hưởng lạc những khả năng mới, rộng lớn hơn và bằng một cách ve vãn người đó bằng những sản phẩm của mình - tất cả những sản phẩm của anh ta là những sự chúc tụng thấp kém đối với những dục vọng của kẻ lãng phí, - thì đồng thời anh ta biết chiếm hữu cho mình một cách duy nhất *có ích* để cái lực lượng rời khỏi tay kẻ lãng phí. Nếu phù hợp với tình hình đó, trong những buổi đầu, của cải công nghiệp biểu hiện ra là kết quả của của cải lãng phí, hư ảo, thì về sau sự vận động riêng của của cải công nghiệp cũng gạt bỏ của cải lãng phí một cách tích cực. Việc hạ thấp *lợi tức tiền tệ* là hậu quả và kết quả tất nhiên của sự phát triển công nghiệp. Như vậy, các phương tiện của người thực lợi lãng phí mỗi năm giảm xuống tỷ lệ *ngịch* với việc tăng thêm phương tiện hưởng lạc và sự quyến rũ hưởng lạc. Cho nên anh ta phải hoặc là ăn hết tư bản của mình, nghĩa là phá sản, hoặc là bản thân anh ta phải trở thành nhà tư bản công nghiệp. Đúng là, mặt khác, trực tiếp do tiến trình phát triển công nghiệp mà *địa tô* không ngừng tăng lên, nhưng, như chúng ta đã thấy, tất nhiên sẽ đến lúc sở hữu ruộng đất cũng như mọi sở hữu khác phải chuyển sang phạm trù tư bản tự tái sản xuất ra có thêm lợi nhuận, và đó là kết quả của bản thân sự phát triển công nghiệp ấy. Do đó, người chủ đất lãng phí hoặc là phải ăn hết tư bản của mình, nghĩa là phá sản, hoặc là bản thân phải trở thành người thuê ruộng đất của chính mình, nghĩa là chuyển thành nhà kinh doanh canh tác ruộng đất.

Cho nên việc hạ thấp lợi tức tiền tệ, - mà Pru-dông coi là sự xoá bỏ tư bản và là khuynh hướng đi tới sự xã hội hoá tư bản, - trái lại trực tiếp chỉ là triệu chứng của sự thắng lợi hoàn toàn của tư bản hoạt động đối với của cải lãng phí, nghĩa là triệu chứng chuyển hoá của mọi sở hữu tư nhân thành tư

bản công nghiệp. Đó là sự thắng lợi hoàn toàn của chế độ tư hữu đối với tất cả những phẩm chất *xét bề ngoài* còn có tính chất người của nó và là sự khuất phục hoàn toàn của người tư hữu đối với bản chất của chế độ tư hữu - đối với *lao động*. Dĩ nhiên, cả nhà tư bản công nghiệp cũng tiêu dùng và hưởng lạc. Anh ta hoàn toàn không quay về tính đơn giản không tự nhiên của nhu cầu. Nhưng sự tiêu dùng và sự hưởng lạc của anh ta chỉ là một cái gì phụ vào mà thôi; đối với anh ta nó là sự nghỉ ngơi phụ thuộc vào sản xuất; đồng thời nó là sự hưởng lạc *có tính toán*, nghĩa là cũng *có tính chất kinh tế*, vì nhà tư bản tính sự hưởng lạc của mình vào chi phí của tư bản, và do đó anh ta chỉ có quyền tiêu tiền để hưởng lạc trong giới hạn sao cho những sự tiêu phí ấy của anh ta có thể được bù lại thừa thãi bằng sự tái sản xuất của tư bản. Như vậy, sự hưởng lạc phải phục tùng tư bản, cá nhân hưởng lạc phải phục tùng cá nhân đang tích lũy tư bản, còn trước kia thì tình hình ngược lại. Cho nên việc lợi tức giảm xuống chỉ là triệu chứng của sự xoá bỏ tư bản theo ý nghĩa là sự xoá bỏ đó là triệu chứng của sự thống trị đang hoàn thành của tư bản, là triệu chứng của sự tha hoá đang hoàn thành, do đó đang hướng tới sự xoá bỏ bản thân mình. Nói chung đó là phương thức duy nhất theo đó cái đang tồn tại khẳng định mặt đối lập của mình.>

Cho nên sự tranh luận giữa các nhà kinh tế chính trị học về xa xỉ và tiết kiệm chỉ là sự tranh cãi giữa kinh tế chính trị học đã nhận rõ bản chất của của cải và kinh tế chính trị học còn bị những hồi ức lãng mạn phản công nghiệp chi phối. Nhưng cả hai bên đều không biết quy đối tượng của sự tranh luận thành biểu hiện đơn giản của nó và do đó không bên nào có thể thắng bên nào. [XXI]

[XXXIV] Sau nữa, *địa tô* đã bị lật đổ với tính cách là địa tô, vì kinh tế chính trị học hiện đại - trái với phái trọng nông

là những người đã khẳng định rằng người sở hữu ruộng đất là người sản xuất chân chính duy nhất, - đã chứng minh rằng người sở hữu ruộng đất, với tính cách là người sở hữu ruộng đất, đúng ra là người thực lợi duy nhất hoàn toàn không sản xuất. Theo kinh tế chính trị học hiện đại thì nông nghiệp là công việc của nhà tư bản, người này cho tư bản của mình được sử dụng như vậy nếu hắn có thể mong thu được lợi nhuận thông thường trong việc đầu tư đó. Cho nên luận đề của phái trọng nông cho rằng những người sở hữu ruộng đất, với tư cách là những người sở hữu duy nhất sản xuất, phải một mình nộp thuế cho nhà nước và do đó chỉ có họ mới có quyền bỏ phiếu về thuế và tham dự vào công việc của nhà nước, - luận đề đó biến thành sự khẳng định ngược lại, rằng thuế đánh vào địa tô là thuế duy nhất đánh vào thu nhập không sản xuất và do đó là thuế duy nhất không làm hại đến sản xuất quốc dân. Rõ ràng là khi quan niệm sự vật như thế thì cả những đặc quyền chính trị của những người sở hữu ruộng đất cũng không còn có thể sinh ra từ chỗ họ là những người nộp thuế chủ yếu.

Tất cả những điều mà Pru-đông coi là sự vận động của lao động chống lại tư bản chỉ là sự vận động của lao động dưới hình thức tư bản, nghĩa là sự vận động của *tư bản công nghiệp*, chống lại tư bản được tiêu dùng không phải với *tính cách* là tư bản, nghĩa là không phải bằng phương thức công nghiệp. Và sự vận động đó đi theo con đường thắng lợi của nó, nghĩa là con đường thắng lợi của tư bản *công nghiệp*. - Như vậy, chúng ta thấy rằng chỉ trong trường hợp *lao động* được coi là bản chất của chế độ tư hữu, thì mới có thể hiểu được bản tính hiện thực của bản thân sự vận động kinh tế chính trị học.

Xã hội - như nó biểu hiện ra đối với nhà kinh tế chính trị học - là *xã hội tư bản*, trong đó mỗi cá nhân là một tổng thể nhu cầu đóng kín nào đó và [XXXV] chỉ tồn tại đối với người

khác, - và người khác chỉ tồn tại đối với nó - trong chừng mực họ trở thành phương tiện cho nhau. Giống như những nhà chính trị trong suy luận của họ về *quyền con người*, nhà kinh tế chính trị học cũng quy tất cả về con người, nghĩa là về cá nhân mà anh ta tước hết mọi thuộc tính nhất định để chỉ xét nó như là nhà tư bản hoặc người công nhân.

Phân công lao động là biểu hiện kinh tế của *tính chất xã hội của lao động* trong khuôn khổ sự tha hoá. Nói cách khác, vì *lao động* chỉ là biểu hiện của hoạt động con người trong khuôn khổ sự tha hoá, chỉ là biểu hiện của sinh hoạt với tính cách là sự tha hoá của sinh hoạt, cho nên *phân công lao động* chẳng qua cũng chỉ là một sự thiết định *đã tha hoá* của hoạt động con người với tính cách là *hoạt động loài thực tại*, hoặc với tính cách là *hoạt động của con người với tính cách là một thực thể loài*.

Về *bản chất của phân công lao động*, - tất nhiên, là từ khi *lao động* được thừa nhận là *bản chất của chế độ tư hữu* thì, sự phân công lao động phải được coi là một trong những động cơ chủ yếu của sự sản xuất ra của cải, - nghĩa là về *hình thức tha hoá của hoạt động con người với tính cách là hoạt động loài*, các nhà kinh tế chính trị học phát biểu rất không rõ ràng và mâu thuẫn.

A-đam Xmit:

"Nguồn gốc của *phân công lao động* không phải là do sự khôn ngoan của con người. Nó là kết quả tất nhiên của sự phát triển dần dần và tuần tự của xu thế của sản phẩm đi tới trao đổi và buôn bán sản phẩm với nhau. Xu thế trao đổi đó chắc hẳn là kết quả tất nhiên của năng lực suy luận và tài nói: Nó là cái cố hữu của tất cả mọi người và không có động vật nào có cả. Động vật một khi đã đạt tới sự trưởng thành thì tự mình sống, hoàn toàn không phụ thuộc vào những động vật khác. Con người thì luôn luôn cần có sự giúp đỡ của những người khác, nhưng nếu tưởng sẽ được những người khác giúp đỡ chỉ vì thiện ý của họ thì đó

là điều không có được. Kêu gọi sự quan tâm đến lợi ích cá nhân của họ và thuyết phục họ rằng mỗi lợi của bản thân họ đòi hỏi họ phải làm cái mà anh ta trông mong ở họ, làm như thế thì chắc hơn. Trong quan hệ với những người khác, cái chúng ta kêu gọi không phải là *tính người* của họ, mà là *tính vị kỷ* của họ. Không bao giờ chúng ta nói với họ về *những nhu cầu của chúng ta*, mà bao giờ chúng ta cũng nói về *mỗi lợi của họ*. - Do đó, vì chúng ta có được phần lớn những dịch vụ cần thiết lẫn cho nhau thông qua trao đổi, buôn bán, mua bán, cho nên chính xu thế *trao đổi* ấy đã đẻ ra *phân công lao động*. Chẳng hạn trong một bộ lạc săn bắn hoặc du mục nào đó, một người nào đó chế tạo ra cung và dây cung nhanh hơn và khéo hơn những người khác. Anh ta thường đổi những sản phẩm lao động ấy của anh ta để lấy súc vật và thú rừng của những người cùng bộ lạc. Anh ta nhanh chóng thấy rằng bằng cách đó anh ta có thể kiếm được những thứ ấy dễ dàng hơn là nếu bản thân anh ta đi săn. Được thúc đẩy bởi sự tính toán lợi hại, anh ta lấy việc chế tạo cung v.v. làm nghề nghiệp chủ yếu của mình. Sự khác nhau về *tài năng tự nhiên* của các cá nhân là *kết quả* của sự phân công lao động hơn là *nguyên nhân* của nó... Nếu con người không có xu hướng trao đổi và buôn bán, thì mỗi cá nhân tự mình buộc phải chế tạo ra tất cả những thứ cần thiết để sinh sống và để có được tiện nghi của cuộc sống. Mỗi người sẽ phải làm *cùng một công việc hàng ngày*, và sẽ không có *sự đa dạng* lớn lao về *các nghề nghiệp* mà chỉ có nó mới có thể đẻ ra sự khác nhau đáng kể về tài năng. - Xu thế trao đổi ấy đẻ ra sự khác nhau về tài năng giữa người ta như thế nào thì bản thân xu thế ấy cũng làm cho sự khác nhau ấy trở nên có ích như thế. Nhiều giống động vật mặc dù thuộc cùng một loài cũng vẫn nhận được ở tự nhiên những tính chất khác nhau và những tố chất khác nhau đến nỗi những sự khác nhau ấy kỳ lạ hơn những sự khác nhau mà người ta nhận thấy ở những người chưa khai hoá. Xét về bản tính tự nhiên, sự khác nhau giữa một nhà triết học và một người phu khuân vác - về mặt tài năng và trí tuệ - không lớn hơn sự khác nhau giữa chó giữ nhà và chó săn, chó săn thú và chó săn chim, chó săn chim và chó giữ cừu. Tuy nhiên những giống động vật khác nhau ấy mặc dầu cùng thuộc một loài nhưng hầu như không đem lại một lợi ích nào cho nhau. Chó giữ nhà có ưu điểm là khoẻ, [XXXVI] lại không được lợi gì từ sự nhanh nhẹn và sự nhẹ nhàng của chó săn v.v.. Do thiếu năng lực hay xu thế buôn bán và trao đổi, nên kết quả hoạt động của các tài năng khác nhau hoặc của những trình độ trí tuệ khác nhau ấy không thể tập hợp lại với nhau và cũng không may mắn góp phần vào *mỗi lợi* hoặc *tiện nghi*

chung của cả giống. Mỗi động vật buộc phải tự duy trì và bảo vệ mình, không phụ thuộc vào những động vật khác; nó không thể rút ra được một ích lợi nhỏ nào từ những sự khác nhau của những năng lực mà tự nhiên phú cho những động vật khác cùng loài. Ở con người thì trái lại, những tài năng rất khác nhau đều có lợi cho nhau, bởi vì nhờ có xu thế trao đổi và buôn bán của mọi người nên *những sản phẩm khác nhau* của những hoạt động khác nhau của họ tập hợp lại có thể nói là thành một khối chung, trong đó mỗi người có thể tùy theo nhu cầu của mình mà mua cho mình một bộ phận nhất định những sản phẩm lao động của những người khác. - Vì nguồn gốc của sự *phân công lao động* là xu thế *trao đổi* ấy, cho nên do đó sự *phát triển* của sự *phân công lao động* ấy bao giờ cũng bị *năng lực trao đổi* hạn chế, hoặc nói cách khác, bị *quy mô của thị trường* hạn chế. Nếu thị trường rất nhỏ thì không ai muốn hoàn toàn chuyên làm một nghề nào đó - vì thiếu khả năng trao đổi số sản phẩm thừa của lao động của mình, không cần cho sự tiêu dùng của bản thân mình, để lấy số sản phẩm thừa tương tự như thế của lao động của người khác mà người đó muốn có được...". Trong trạng thái *văn minh* "mỗi người sống bằng sự trao đổi và trở thành một thứ *thương nhân*, còn *bản thân xã hội* thì nói đúng ra là *xã hội thương nghiệp*" (xem De-tuýt đơ Tơ-ra-xi. "Xã hội là một chuỗi những sự trao đổi lẫn cho nhau; trong *thương nghiệp* tồn tại toàn bộ bản chất của xã hội") "... Tích lũy tư bản phát triển cùng với phân công lao động và ngược lại".

A-đam Xmit nói như thế đấy⁶⁵.

"Nếu mỗi gia đình sản xuất toàn bộ những vật phẩm tiêu dùng của mình thì xã hội vẫn có thể tồn tại dù cho không có một sự trao đổi nào. - Mặc dầu trao đổi *không phải* là *cơ sở* của xã hội, nhưng trong trạng thái *văn minh* của xã hội, chúng ta không thể bỏ qua nó được. - Phân công lao động là sự vận dụng một cách khéo léo lực lượng của con người; nó tăng sản phẩm của xã hội, tăng thêm thực lực và sự hưởng thụ của xã hội, nhưng chính nó lại hạn chế, giảm bớt năng lực của từng người xét một cách riêng biệt. - Nếu không có trao đổi thì không thể có sản xuất".

Gi.B. Xây nói như thế đấy⁶⁶.

"Những lực lượng vốn có trong bản tính con người là lý trí và năng lực lao động thể xác của con người. Còn những lực lượng sinh ra từ trạng thái xã hội

là: khả năng *phân công lao động và phân phối những công việc khác nhau...* và *khả năng* trao đổi những sự *phục vụ cho nhau* và những sản phẩm cấu thành tư liệu sinh hoạt. Động cơ thúc đẩy một người này phục vụ người khác là động cơ có tính chất vị kỷ: con người đòi hỏi phải được đền đáp lại sự phục vụ mà mình đã làm cho người khác. - Quyền sở hữu tư nhân có tính chất độc quyền là điều kiện cần thiết để có thể xác lập sự trao đổi giữa con người với nhau". "Trao đổi và phân công lao động quy định lẫn nhau".

Xca-bếch nói như thế đấy⁶⁷.

Min miêu tả sự trao đổi đã phát triển, tức *thương nghiệp*, như là *kết quả của sự phân công lao động*.

"Hoạt động của con người có thể quy thành những yếu tố rất đơn giản. Nói đúng ra, con người chỉ có thể làm mỗi một việc: sản xuất ra sự vận động; anh ta có thể di chuyển vật thể, [XXXVII] để làm cho chúng dịch lại gần nhau hoặc đi xa nhau ra; các thuộc tính của vật chất làm tất cả mọi việc còn lại. Trong khi vận dụng lao động và máy móc, con người thường nhận thấy rằng hiệu quả có thể tăng thêm bằng cách phân phối thao tác một cách khéo léo, cụ thể là bằng cách tách rời những thao tác cản trở lẫn nhau, và bằng cách kết hợp tất cả những thao tác có thể hỗ trợ lẫn nhau cách này hay cách khác. Theo lệ chung, người ta không thể hoàn thành nhiều thao tác khác nhau một cách nhanh chóng và khéo léo giống như khi nhờ kỹ năng họ học cách hoàn thành một số ít thao tác. Cho nên hết sức hạn chế được số lượng thao tác giao cho mỗi cá nhân riêng biệt thì bao giờ cũng có lợi. - Muốn phân công lao động một cách có lợi nhất và phân phối sức người và sức máy một cách có lợi nhất, trong rất nhiều trường hợp cần phải hành động trên một quy mô lớn, nói cách khác, cần sản xuất của cải với quy mô lớn. Mỗi lợi đó là nguyên nhân phát sinh của những xưởng chế tạo lớn. Đôi khi một số ít những xưởng chế tạo như thế được xây dựng trong những điều kiện thuận lợi, cung cấp không những cho một nước mà cho một số nước toàn bộ số lượng vật phẩm mà ở đấy đang cần đến, do những xưởng chế tạo ấy sản xuất ra".

Min nói như thế đấy⁶⁸.

Nhưng tất cả các nhà kinh tế chính trị học hiện đại đều nhất trí với nhau ở chỗ phân công lao động và sự giàu có của

sản xuất, phân công lao động và tích lũy tư bản quy định lẫn nhau và ở chỗ chỉ có chế độ tư hữu *được giải phóng khỏi xiềng xích*, được tự do hoạt động là có thể tạo ra sự phân công lao động có lợi nhất và bao trùm tất cả.

Lập luận của *A-đam xmit* có thể tóm lại như sau:

Phân công lao động đem lại cho lao động một năng lực sản xuất vô tận. Nó có gốc rễ *trong xu thế trao đổi và buôn bán*, một xu thế đặc biệt của con người xu thế này chắc chắn không phải ngẫu nhiên mà được quy định bởi sự vận dụng lý tính và ngôn ngữ. Động cơ thúc đẩy người ta trao đổi với nhau không phải là *lòng nhân ái* mà là *tính vị kỷ*. Tính nhiều vẻ của tài năng con người là kết quả hơn là nguyên nhân của phân công lao động, nghĩa là của trao đổi. Chỉ có trao đổi mới làm cho tính nhiều vẻ ấy thành ra có ích. Bẩm sinh sự khác nhau giữa những thuộc tính đặc thù của những giống động vật khác nhau cùng một loài lớn hơn là những sự khác nhau giữa những năng lực và hoạt động này hay những năng lực và hoạt động khác của những người khác nhau. Nhưng vì động vật không có năng lực *trao đổi*, nên những thuộc tính khác của một động vật cùng loài mà không cùng giống không có ích gì cho một cá thể động vật. Động vật không thể tập hợp lại những thuộc tính khác nhau của loài của nó; chúng không thể làm gì để phục vụ cho lợi ích *chung* và cho tiện nghi *chung* của loài của nó. *Con người* thì không thế. Ở đây những tài năng và những loại hoạt động nhiều vẻ nhất có thể có ích cho nhau, *bởi vì* người ta biết tập hợp những sản phẩm *khác nhau* của mình thành một khối chung, từ trong đó mỗi người có thể mua cho mình cái mà người đó cần. Vì phân công lao động xuất hiện từ xu thế *trao đổi*, cho nên nó lớn lên và được giữ lại trong những giới hạn nhất định tùy theo *quy mô của trao đổi, của thị trường*. Trong trạng thái văn minh mỗi người là một *thương nhân*, còn xã hội là một *xã hội thương nghiệp*.

Xây coi trao đổi là cái ngẫu nhiên, không cơ bản. Không có nó xã hội cũng có thể tồn tại. Trao đổi trở thành tất yếu trong trạng thái văn minh của xã hội. Tuy nhiên *sản xuất* không thể tiến hành được nếu *không có trao đổi*. Phân công lao động là phương tiện *tiện lợi, có ích*, là sự vận dụng sức người một cách khéo léo để tạo ra của cải xã hội, nhưng nó giảm bớt *năng lực của mỗi người, tách riêng* ra mà xét. Sự nhận xét cuối cùng ấy là một bước tiến của Xây.

Xca-béch phân biệt những lực lượng cá nhân, bẩm sinh vốn có của con người - tức lý trí và năng lực lao động thể lực với những lực lượng sinh ra từ xã hội, - tức sự *trao đổi* và *sự phân công lao động*, là những lực lượng quy định lẫn nhau. Tiền đề cần thiết của trao đổi, theo Xca-béch, là *chế độ tư hữu*. Ở đây, Xca-béch diễn đạt dưới hình thức khách quan cái mà Xmit, Xây, Ri-các-dô v.v. nói khi những ông này chỉ *tính vị kỷ, lợi ích riêng*, coi như cơ sở của trao đổi, hoặc khi họ gọi *buôn bán* là hình thức *căn bản* và *thích hợp* của trao đổi.

Min miêu tả *thương nghiệp* là kết quả của *phân công lao động*. Hoạt động của con người, theo ông ta, quy lại thành sự *vận động cơ giới*. Phân công lao động và việc sử dụng máy móc góp phần làm cho sản xuất phong phú. Phải giao cho mỗi người một phạm vi thao tác càng ít càng tốt. Về phía nó, phân công lao động và việc sử dụng máy móc lại quyết định việc sản xuất ra hết sức nhiều của cải, nghĩa là hết sức nhiều sản phẩm. Chính đó là nguyên nhân phát sinh những xưởng chế tạo lớn.

[XXXVIII] Việc nghiên cứu *phân công lao động* và *trao đổi* có một ý nghĩa hết sức lớn vì đó là những biểu hiện *thả hoá rõ rệt* của *hoạt động* của con người, với tính cách là hoạt động *loài*, và của *lực lượng bản chất* của con người, với tính cách là lực lượng bản chất *loài*.

Nói rằng *phân công lao động* và *trao đổi* dựa trên *chế độ tư hữu* có nghĩa là khẳng định rằng *lao động* là bản chất của chế độ tư hữu, - sự khẳng định mà nhà kinh tế chính trị học không thể chứng minh và chúng tôi có ý định chứng minh thay cho anh ta. *Phân công lao động* và *trao đổi* là những hình thức của chế độ tư hữu, chính điều đó cũng chứng minh rằng một mặt đời sống *con người cần có chế độ tư hữu* để tự thực hiện mình, và mặt khác, hiện nay đời sống con người cần xoá bỏ chế độ tư hữu.

Phân công lao động và *trao đổi* là hai *hiện tượng* mà khi xem xét chúng, nhà kinh tế chính trị học khoe khoang về tính chất xã hội của khoa học của họ, và cứ tiếp tục một mạch như thế họ đã nêu lên một cách không có ý thức mâu thuẫn bao hàm trong khoa học đó, cụ thể là đặt căn cứ cho xã hội thông qua những lợi ích riêng, không có tính chất xã hội.

Chúng ta cần nghiên cứu những yếu tố sau đây:

Một là, *xu thế trao đổi*, các nhà kinh tế chính trị học tìm thấy cơ sở của xu thế này trong tính vị kỷ, xu thế này được xem là nguyên nhân hoặc nhân tố tác động lẫn nhau của phân công lao động. Xây coi trao đổi là cái không *cơ bản* đối với bản chất của xã hội. Của cải, sản xuất được giải thích bằng sự phân công lao động và trao đổi. Người ta thừa nhận rằng phân công lao động làm cho hoạt động cá nhân nghèo đi và bị sa đọa. Trao đổi và phân công lao động được thừa nhận là nguyên nhân sinh ra *tính muôn vẻ* to lớn của *những tài năng con người*, tính muôn vẻ này trở nên *có ích* vẫn lại nhờ có trao đổi. Xca-béch chia lực lượng sản xuất hoặc lực lượng sản xuất có tính chất bản chất của con người thành hai bộ phận: 1) những lực lượng cá nhân, bẩm sinh của con người - trí năng và xu hướng đặc biệt hoặc năng lực về một lao động nhất định, và 2) những lực lượng *sinh ra* từ xã hội chứ không phải từ

cá nhân hiện thực - phân công lao động và trao đổi. - Sau đó: phân công lao động bị *thị trường* hạn chế. - Lao động của con người là *vận động cơ giới* đơn thuần; thuộc tính vật chất của đối tượng thực hiện công việc chủ yếu nhất. - Phải giao cho mỗi cá nhân riêng lẻ càng ít thao tác càng tốt. - Sự chia nhỏ lao động và sự tập trung tư bản, tính vô hiệu quả của sản xuất cá nhân, sự sản xuất của cải trên quy mô lớn. - Ý nghĩa của chế độ tư hữu tự do đối với phân công lao động.

[TIỀN]

[XLI] Nếu *cảm giác* của con người, sự ham muốn của họ v.v. không chỉ là những quy định có tính chất nhân loại học theo nghĩa [hẹp], mà còn thực sự là những khẳng định *có tính chất bản thể luận* bản chất (tự nhiên) - và nếu chúng tự khẳng định chúng một cách hiện thực chỉ bằng cái sự thật là *đối tượng* của chúng tồn tại *có thể cảm giác được* đối với chúng, thì hoàn toàn dễ hiểu là: 1) phương thức khẳng định của chúng hoàn toàn không phải là một, hơn nữa, phương thức khẳng định khác nhau tạo thành đặc điểm của tồn tại của chúng, của đời sống của chúng; đối tượng tồn tại như thế nào đối với chúng, đó chính là sự độc đáo của mỗi *sự hưởng thụ* đặc thù; 2) ở chỗ nào mà sự khẳng định cảm tính là sự trực tiếp xoá bỏ đối tượng dưới hình thức độc lập của nó (ăn, uống, xử lý đối tượng v.v.), thì đó chính là sự khẳng định đối tượng; 3) chừng nào con người *có tính người*, và do đó cảm giác v.v. của con người cũng *có tính người*, thì chừng đó việc những người khác khẳng định một đối tượng cũng là sự hưởng thụ của bản thân nó; 4) chính chỉ nhờ có công nghiệp đã phát triển, nghĩa là thông qua chế độ tư hữu, thì bản chất bản thể luận của dự vọng của con người mới được thực hiện, cả trong toàn bộ tính toàn vẹn của nó, lẫn trong tính người của nó; vậy, bản thân khoa học về con người là sản phẩm của việc con người biểu hiện bản thân mình một cách thực tiễn; 5) ý nghĩa của chế độ tư hữu, nếu tách nó ra khỏi sự bị tha hoá của nó, là *sự tồn tại của những đối tượng căn bản* đối với con người, dưới dạng những đối tượng hưởng thụ cũng như dưới dạng những đối tượng hoạt động.

Vậy là *tiền*, với *thuộc tính* là có thể mua được tất cả, có thể chiếm hữu mọi vật, là *vật* với ý nghĩa tối cao. Tính phổ biến của *thuộc tính* ấy của tiền là sức mạnh vạn năng của bản chất của tiền; cho nên tiền được coi là vạn năng... Tiền là *kẻ môi giới* giữa nhu cầu và vật phẩm, giữa đời sống và tư liệu sinh hoạt của con người. Nhưng *cái* làm môi giới giữa tôi và đời sống của tôi, cũng *làm môi giới giữa tôi và tồn tại của người khác đối với tôi*. Đối với tôi, đó là người *khác*.

"Khiếp thay! Tay, chân, đầu
Và mộng - là của anh, không nghi ngờ sao?
Nhưng quyền của tôi về cái tôi hưởng thụ
Lẽ nào ít hơn?
Nếu tôi mua sáu con ngựa can trường,
Sức của chúng chẳng phải của tôi sao?
Tôi phóng băng băng
Tựa hồ như tôi có hai tá chân".

Gơ-tơ, Phau-xtơ (lời của Mê-phi-xtô-phê-le-xơ)^{1*}

Séch-xpia viết trong "*Ti-môn thành A-ten*":

"... Vàng? Vàng lấp lánh, đẹp, quý giá?
Không, trời ơi! Không, tôi cầu xin thật lòng...
Ồ đây vàng đủ để biến đen thành trắng,
Xấu thành đẹp, sai thành đúng,
thấp hèn thành cao quý,
già thành trẻ,
hèn nhất thành dũng cảm.
Vàng đó sẽ đuổi các đệ tử của các ngài khỏi bàn thờ;
Nó giật gối dưới đầu người ốm,
Tên tráo trở lấp lánh ấy trói buộc và phá bỏ lời thề,
Ban phúc cho bọn người đáng nguyên rủa,

1* *I.V. Gơ-tơ*. "Phau-xtơ, phần I, cảnh thứ tư.

Làm cho người ta phải phủ phục trước ung nhọt kinh niên
Kính nể, khen ngợi, ngưỡng mộ bọn cướp
Đặt chúng lên ghế thượng nghị sĩ;
Đem cho mù goá đã hết thời
Những vị hôn phu;
Nạn nhân của ung nhọt thối tha
Bị bệnh viện đuổi đi ghé thăm
Được nó tô điểm, làm cho thơm tho
Như ngày tháng Năm
Thôi đi, kim loại đáng nguyên rủa,
Hầu non chung của cả loài người
Nguyên nhân hận thù và chiến tranh của các dân tộc...".

Và tiếp sau đó:

"Ôi, kẻ giết vua đáng yêu của ta!
Người là công cụ dễ mền gây bất hoà
Giữa cha và con! Người thanh thân xúc phạm
Chiếc giường trinh bạch nhất của vợ chồng
Thần Chiến tranh vô cùng dũng cảm;
Vị hôn phu luôn luôn trẻ, tươi tỉnh, được yêu,
Về huy hoàng của anh xua tuyết trắng thiêng liêng
Khôi đầu gối của thần Di-a-na; Anh, *thần thánh hữu hình*,
Anh xích những cái trái ngược nhau lại
Bảo chúng hôn nhau!
Anh nói cho mục đích của mọi người bằng mỗi thứ tiếng;
[XLII] Anh là hòn đá thử những quả tim,
Hãy hình dung, mọi người, nỗ lực của anh, bỗng nổi loạn,
Và bằng khí lực của anh,
Hãy đưa bất hoà đâm máu vào giữa họ
Để những con thú trở thành kẻ thống trị thế giới"^{1*}.

1* *Séch-xpia* "Ti-môn thành A-ten", màn IV, cảnh thứ ba.

Séch-xpia miêu tả tuyệt vời bản chất của *tiền*. Để hiểu ông, chúng ta trước hết hãy bắt đầu giải thích đoạn thơ của Gơ-tơ.

Cái đang tồn tại đối với tôi nhờ có *tiền*, cái mà tôi có thể trả *tiền*, nghĩa là cái mà *tiền* có thể mua được, đó là *bản thân tôi*, người có *tiền*. Sức mạnh của *tiền* lớn bao nhiêu thì sức mạnh của tôi cũng lớn bấy nhiêu. Những thuộc tính của *tiền* là những thuộc tính và sức mạnh bản chất của tôi, người có *tiền*. Cho nên tôi là *gì* và tôi có thể làm gì, điều đó hoàn toàn không phải do cá tính của tôi quy định. Tôi *xấu xí*, nhưng tôi có thể mua cho tôi một người đàn bà *tuyệt đẹp*. Do đó tôi không phải *xấu*, vì tác dụng của *sự xấu xí*, sức mạnh đáng ghê tởm của nó, đã bị *tiền* làm tiêu tan. Xét về cá tính của tôi thì tôi là người *thọt*, nhưng *tiền* đã cung cấp cho tôi hai mươi bốn chân; do đó tôi không *thọt*. Tôi là người *xấu*, không thật thà, không có lương tâm, ngu ngốc, nhưng *tiền* được tôn thờ thì người có *tiền* cũng được tôn thờ; *tiền* là cái tốt cao nhất thì người có nó cũng tốt. Ngoài ra *tiền* còn tránh cho tôi khỏi phải trở thành kẻ không thật thà, cho nên người ta vẫn cho rằng tôi là người thật thà; tôi là người *không có trí tuệ*, nhưng *tiền* là *trí tuệ hiện thực* của mọi sự vật, - vậy thì làm thế nào mà kẻ có *tiền* lại không có trí tuệ được? Ngoài ra, anh ta còn có thể mua những con người tài trí, và kẻ nào có thể lực đối với những người có trí tuệ thì há lại không có tài trí hơn họ hay sao? Và tôi, nhờ có *tiền*, tôi có thể có được *tất cả* những cái mà trái tim con người khao khát, chẳng lẽ tôi không có tất cả những năng lực của con người hay sao? Vậy, *tiền* của tôi chẳng lẽ không biến mọi sự bất lực của tôi thành cái đối lập trực tiếp với nó hay sao?

Nếu *tiền* là sợi dây ràng buộc tôi với đời sống *con người*, với xã hội, với giới tự nhiên và với con người thì *tiền* chẳng lẽ không phải là sợi dây của mọi *sợi dây* hay sao? Nó chẳng lẽ không thắt nút và cởi nút mọi *sợi dây* hay sao? Vậy do đó, nó có phải là *phương tiện* phổ biến để chia rẽ hay không? Nó

quả thật là "*tiền lẻ*" chia rẽ con người và là *phương tiện liên hợp* thật sự; nó là lực lượng *hóa học* [. . .]^{1*} của xã hội.

Séch-xpia đặc biệt nhấn mạnh hai thuộc tính của *tiền*:

1) *Tiền* là thần linh hữu hình, là sự chuyển hoá của tất cả những thuộc tính của con người và của giới tự nhiên thành cái đối lập với chúng, là sự lẫn lộn và sự xuyên tạc phổ biến các sự vật; nó thực hiện sự kết hợp mật thiết của những cái không thể kết hợp được.

2) Nó là năng hâu toàn thiên hạ, là kẻ môi giới phổ biến của con người và của các dân tộc.

Sự xuyên tạc và sự lẫn lộn tất cả những thuộc tính của con người và của giới tự nhiên, sự kết hợp những cái không thể kết hợp được, - *sức mạnh* thần thánh ấy của *tiền* nằm trong *bản chất* của nó, với tính cách là *bản chất có tính loài* đã bị tha hoá, đang làm tha hoá, và tự tha hoá của con người. Nó là *năng lực* đã bị tha hoá của *nhân loại*.

Cái mà tôi không thể làm được với tính cách là *con người*, nghĩa là cái mà tất cả những lực lượng bản chất cá nhân của tôi không thể đảm bảo được thì tôi có thể làm được nhờ có *tiền*. Vậy là *tiền* biến mỗi lực lượng bản chất ấy thành cái mà lực lượng ấy tự nó vốn không phải là như vậy, nghĩa là thành *cái đối lập* với nó.

Khi tôi thèm muốn một món ăn nào đó, hoặc khi tôi muốn sử dụng xe thư vì tôi không đủ khoẻ để đi bộ thì *tiền* cung cấp cho tôi cả thức ăn lẫn xe thư, nghĩa là *tiền* cải biến nguyện vọng của tôi từ cái gì đó nằm trong trí tưởng tượng, từ tồn tại được nghĩ tới, được hình dung, được mong muốn của những nguyện vọng ấy thành tồn tại *hữu hình, hiện thực* của chúng; từ tưởng tượng thành cuộc sống, từ tồn tại được hình dung

1* Ở chỗ này, bản thảo bị hư hại.

đến thành tồn tại hiện thực. Với vai trò làm môi giới ấy, tiền là một lực lượng *sáng tạo đích thực*.

Tất nhiên, *cầu* cũng tồn tại cả ở người không có tiền, nhưng cầu đó chỉ là cái nằm trong trí tưởng tượng, cái không có một tác dụng gì đối với tôi, đối với một người khác, đối với người khác nữa [XLIII], cái không có sự tồn tại và do đó đối với bản thân tôi, nó vẫn là một cái gì đó *không hiện thực, không có đối tượng*. Sự khác nhau giữa cầu hữu hiệu, dựa vào đồng tiền, và cầu vô hiệu, dựa vào nhu cầu của tôi, dục vọng của tôi, nguyện vọng của tôi v.v. là sự khác nhau giữa *tồn tại* và *tư duy*, giữa sự tưởng tượng chỉ *tồn tại* trong tôi và sự tưởng tượng tồn tại đối với tôi ở bên ngoài tôi, với tư cách là *đối tượng hiện thực*.

Nếu tôi không có tiền để đi du lịch thì tôi cũng không có *nhu cầu*, nghĩa là nhu cầu hiện thực và được chuyển thành hiện thực về du lịch. Nếu tôi có *khiếu* nghiên cứu khoa học, nhưng không có tiền để làm việc đó thì tôi cũng *không có* năng khiếu, nghĩa là không có *khiếu hữu hiệu, thật sự* để làm việc đó. Trái lại, nếu thực ra tôi *hoàn toàn không có* khiếu nghiên cứu khoa học, nhưng tôi có ý muốn và tiền, thì tôi có *khiếu hữu hiệu* để làm việc đó. *Tiền* - với tính cách là *phương tiện* phổ biến và *năng lực* phổ biến, bên ngoài, không nảy sinh ra từ con người với tính cách là con người và không nảy sinh ra từ xã hội con người với tính cách là xã hội, - với tính cách là phương tiện và năng lực biến *sự tưởng tượng* thành *hiện thực*, và biến *hiện thực* thành *tưởng tượng đơn giản* - một mặt, biến những lực lượng *bản chất hiện thực và tự nhiên của con người* thành những tưởng tượng thuần túy trừu tượng và do đó thành *sự không hoàn thiện*, thành những ảo tưởng đau đớn, và mặt khác, cũng biến *những sự không hoàn thiện hiện thực và những ảo tưởng hiện thực*, những lực lượng bản chất thực sự bất lực, chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của cá nhân, thành *những lực lượng bản chất và năng lực hiện thực*. Do đó theo quy định

ấy, tiền là sự xuyên tạc một cách phổ biến *những cá tính* mà tiền biến thành những cái đối lập với chúng, và đem lại cho chúng những thuộc tính mâu thuẫn với những thuộc tính hiện thực của chúng.

Sau đó, tiền biểu hiện với tính cách là lực lượng *có tác dụng xuyên tạc* ấy cả đối với cá nhân lẫn đối với những mối liên hệ xã hội và những mối liên hệ khác có tham vọng muốn đóng vai trò có ý nghĩa là *những bản chất* độc lập. Tiền biến trung thành phần, yêu thành ghét, ghét thành yêu, đức hạnh thành thói xấu, thói xấu thành đức hạnh, tớ thành chủ, chủ thành tớ, ngu thành khôn, khôn thành ngu.

Vì tiền, với tính cách là khái niệm đang tồn tại và đang biểu hiện của giá trị, làm lẫn lộn và trao đổi mọi sự vật, cho nên nó là *sự lẫn lộn* phổ biến và *sự thay thế* phổ biến mọi sự vật, nghĩa là thế giới lộn ngược, là sự lẫn lộn và sự thay thế tất cả những phẩm chất tự nhiên và có tính người.

Kẻ nào có thể mua được dưng khí thì kẻ đó cũng có dưng khí, mặc dù anh ta hèn nhát. Vì tiền không được đem đổi lấy một phẩm chất nhất định nào đó, lấy một vật nhất định nào đó, hoặc lấy những lực lượng bản chất nhất định của con người, mà được đem đổi lấy toàn bộ thế giới vật thể của con người và của giới tự nhiên, cho nên xét theo quan điểm của kẻ sở hữu nó thì nó đổi bất cứ thuộc tính nào và bất cứ vật thể nào lấy bất cứ thuộc tính hoặc vật thể nào khác, dù là mâu thuẫn với cái được đem trao đổi. Tiền thực hiện sự kết hợp những cái không thể kết hợp được; nó buộc những cái mâu thuẫn với nhau phải hôn nhau.

Nếu giờ đây anh giả định *con người* với tính cách là *con người* và quan hệ của con người với thế giới với tính cách là quan hệ có tính người, thì trong trường hợp như vậy anh chỉ có thể đổi tình yêu lấy tình yêu, tín nhiệm lấy tín nhiệm, v.v.. Nếu anh muốn hưởng thụ nghệ thuật, thì anh phải là người

được giáo dục về nghệ thuật. Nếu anh muốn ảnh hưởng tới những người khác thì anh phải là người thực sự kích thích và thúc đẩy những người khác. Mối quan hệ của anh đối với con người và đối với giới tự nhiên phải là *một biểu hiện của đời sống cá nhân hiện thực* của anh, một biểu hiện *xác định*, đáp ứng đối tượng của ý muốn của anh. Nếu anh yêu mà không được yêu trở lại, nghĩa là nếu tình yêu của anh, với tính cách là tình yêu, không nhen lên được tình yêu đáp lại, nếu với tính cách là một người muốn yêu, mà bằng *biểu hiện sinh hoạt* của anh, anh không làm cho anh trở thành *người được yêu* thì tình yêu của anh là bất lực, và đó là một sự bất hạnh. [XLIII]

[PHÊ PHÁN PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ TRIẾT HỌC NÓI CHUNG CỦA HÊ-GHEN]

[XI] 6) Ở điểm này - vì mục đích giải thích và xác minh tính hợp lý của những tư tưởng trình bày ở đây - nếu đưa ra một số nhận xét về phép biện chứng của Hê-ghen nói chung, cũng như nói riêng về sự trình bày phép biện chứng trong "Hiện tượng học" và "Lô gích học", và cuối cùng là về quan hệ của sự vận động phê phán mới đối với Hê-ghen thì có lẽ cũng là thích đáng.

Sự phê phán hiện đại ở Đức chuyên nghiên cứu nhiều về nội dung của thế giới cũ, sự trình bày của nó bị tài liệu được phê phán ràng buộc đến mức đã sinh ra thái độ hoàn toàn không phê phán đối với phương pháp của bản thân sự phê phán, và hoạt động thiếu ý thức đối với vấn đề *nhìn bề ngoài* có tính chất *hình thức*, nhưng trong thực tế thì lại có tính chất *căn bản*, tức vấn đề chúng ta quan hệ như thế nào với *phép biện chứng* của Hê-ghen. Tình trạng thiếu ý thức về vấn đề quan hệ của sự phê phán hiện đại đối với triết học Hê-ghen nói chung và đối với phép biện chứng nói riêng nghiêm trọng đến nỗi những nhà phê phán như *Stơ-rau-xơ* và *Bru-nô Bau-ơ* vẫn còn bị lô-gích học của Hê-ghen chi phối - người thứ nhất còn bị chi phối hoàn toàn và người thứ hai thì ít ra là có khuynh hướng tiềm tàng là bị chi phối hoàn toàn trong quyển "Những kinh Phúc âm tương đồng"⁶⁹ (trong đó trái với *Stơ-rau-xơ* ông ta đem "tự ý thức" của con người trừu tượng thay thế cho thực thể của "tự nhiên trừu tượng") và ngay cả trong quyển "Đạo Cơ Đốc

bị vạch trần"⁷⁰. Chẳng hạn như trong quyển "Đạo Cơ Đốc bị vạch trần" có viết:

"Đường như tự ý thức thiết định thế giới, thiết định sự khác nhau và nó tự sáng tạo ra bản thân mình trong cái mà nó sáng tạo, vì nó lại xoá bỏ sự khác nhau giữa cái được nó sáng tạo ra và bản thân nó, vì nó chỉ là bản thân nó trong hành vi sáng tạo và trong vận động, - tựa hồ như tự ý thức ấy không có mục đích của nó trong sự vận động ấy", v.v.. Hoặc là: "Họ" (các nhà duy vật Pháp) "chưa có thể thấy rằng sự vận động của vũ trụ chỉ thực sự trở thành sự vận động cho mình với tính cách là sự vận động của tự ý thức, và đạt tới sự thống nhất với bản thân mình trong sự vận động của tự ý thức".

Những lời phát biểu đó ngay cả xét về mặt ngôn ngữ cũng không khác gì những quan điểm của Hê-ghe-nê và đúng hơn là lặp lại từng chữ những quan điểm của Hê-ghe-nê.

[XII] Trong thời gian diễn ra hành vi phê phán (Bau-ơ. "Những kinh Phúc âm tương đồng") có ít ý thức như thế nào đối với phép biện chứng của Hê-ghe-nê và ít có ý thức đó như thế nào cả sau hành vi phê phán có đối tượng, điều đó được Bau-ơ chứng minh, nếu trong "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do" của ông ta⁷¹, ông ta đã tránh câu hỏi hỗn láo của ngài Grúp-pê: "Thế thì tình hình lô-gích học như thế nào?" - bằng cách giao vấn đề đó lại cho các nhà phê phán tương lai⁷².

Nhưng cả ngày nay sau khi, trong những "Luận cương" viết trên tạp chí "Anekdotia" và chi tiết hơn trong "Triết học tương lai", Phoi-ơ-bắc đã đánh đổ tận gốc phép biện chứng và triết học cũ, sau khi trái lại, sự phê phán nói trên, không hoàn thành được công việc ấy, đã thấy rằng công việc ấy đã được hoàn thành và đã tuyên bố mình là sự phê phán thuần túy, kiên quyết, tuyệt đối và đã làm cho mình sáng rõ mọi cái rồi, sau khi sự phê phán đó với một thái độ kiêu ngạo duy linh chủ nghĩa đem quy toàn bộ sự vận động lịch sử thành quan hệ của thế giới còn lại (thế giới này được sự phê phán ấy - khác với chính nó - liệt vào phạm trù "quần chúng") đối với bản thân

sự phê phán đó và đã làm hoà tan mọi sự đối lập giáo điều chủ nghĩa trong một sự đối lập giáo điều chủ nghĩa duy nhất giữa sự thông minh của bản thân mình và sự ngu muội của thế giới, giữa Cri-xtơ phê phán và loài người coi như một "đám người", sau khi nó chứng minh hàng ngày và hàng giờ những phẩm chất ưu việt của bản thân mình bằng cách vạch ra sự thiếu trí tuệ của quần chúng, sau khi nó tuyên bố trên báo chí về tính ưu việt quyết định của nó so với những cảm giác của con người cũng như so với thế giới mà nó nổi lên cao hơn trong sự cô tịch uy nghiêm, chỉ thỉnh thoảng mới ran lên những tiếng cười châm biếm của các vị thần trên núi Ô-lim-pia, cuối cùng, sau khi cuối cùng nó tuyên cáo sự *phán xét khủng khiếp* có tính chất phê phán, tuyên bố rằng sắp đến ngày mà toàn thể loài người đang diệt vong đứng lên chống lại nó, loài người mà nó sẽ phân ra từng nhóm, hơn nữa mỗi nhóm đặc biệt sẽ nhận được testimonium paupertatis^{1*} của mình, - sau tất cả những cái nhăn nhó khô hài ấy của chủ nghĩa duy tâm đang diệt vong dưới hình thức phê phán (phái Hê-ghe-nê), chủ nghĩa duy tâm ấy không nói ngay cả đến lời bóng gió xa xôi tỏ ý rằng giờ đây là lúc phải phân rõ ranh giới một cách có phê phán với mẹ nó, với phép biện chứng của Hê-ghe-nê và thậm chí không biết nói [gì] về thái độ phê phán của nó đối với phép biện chứng của Phoi-ơ-bắc. Đó là thái độ hoàn toàn không phê phán đối với bản thân mình.

Phoi-ơ-bắc là nhà tư tưởng duy nhất mà chúng ta nhận thấy có thái độ *ngghiêm túc, phê phán* đối với phép biện chứng của Hê-ghe-nê; chỉ có ông mới có những phát hiện chân chính trong lĩnh vực ấy và nói chung đã thực sự khắc phục triết học cũ. Tầm vĩ đại của cái mà Phoi-ơ-bắc đã làm, tính giản dị khiêm tốn của ông khi ông phát biểu trước thế giới tương phản một cách lạ lùng với cái mà người ta nhận thấy về phương diện này ở những nhà phê phán.

1* — chứng minh thư về sự nghèo khổ.

Kỳ tích của Phoi-ơ-bác là ở chỗ:

1) đã chứng minh rằng triết học chẳng qua là tôn giáo được diễn đạt trong tư duy và được hệ thống hoá một cách lô-gích, chẳng qua là một hình thức tồn tại khác, một phương thức tồn tại khác của sự tha hoá của bản chất con người, rằng do đó nó cũng phải được phê phán.

2) đã xây dựng cơ sở của *chủ nghĩa duy vật chân chính* và của *khoa học hiện thực*, vì Phoi-ơ-bác cũng làm cho quan hệ xã hội của "con người đối với con người" trở thành nguyên tắc cơ bản của lý luận.

3) ông đem cái khẳng định dựa trên bản thân mình và căn cứ một cách tích cực vào bản thân mình đối lập với phủ định của phủ định (phủ định của phủ định tuyên bố nó là cái khẳng định tuyệt đối).

Phoi-ơ-bác lý giải phép biện chứng của Hê-ghen (do đó xác minh sự tất yếu phải xuất phát từ cái khẳng định, từ cái xác thực cảm tính) như sau:

Hê-ghen xuất phát từ sự tha hoá (về mặt lô-gích: từ cái vô tận, cái phổ biến - trừu tượng), từ thực thể, từ sự trừu tượng tuyệt đối và cố định, nghĩa là, nói một cách thông tục, ông xuất phát từ tôn giáo và thần học.

Thứ hai: ông lột bỏ cái vô tận, thiết định cái hiện thực, cái cảm tính, cái thực tại, cái có tận cùng, cái đặc thù (triết học, tức sự tước bỏ tôn giáo và thần học).

Thứ ba: ông lại tước bỏ cái khẳng định và khôi phục sự trừu tượng, cái vô tận. Việc khôi phục tôn giáo và thần học.

Như vậy, Phoi-ơ-bác coi phủ định của phủ định *chỉ* là mâu thuẫn của triết học với bản thân mình, là triết học khẳng định thần học (tính siêu nghiệm v.v.), sau khi nó đã phủ định thần học, nghĩa là khẳng định thần học bất chấp bản thân mình.

Sự khẳng định, hay sự tự khẳng định và sự tự chứng thực bao hàm trong phủ định của phủ định, được Phoi-ơ-bác coi như sự khẳng định chưa tin chắc vào bản thân mình, và do đó bao hàm trong bản thân nó mặt đối lập của nó, coi như sự khẳng định hoài nghi đối với bản thân mình và vì thế cần được chứng minh, do đó coi như sự khẳng định không chứng minh bản thân mình bằng tồn tại của mình, coi như sự khẳng định chưa được thừa nhận [XIII], cho nên sự khẳng định có tính chất xác thực cảm tính, dựa vào bản thân mình, được trực tiếp đem đối lập với sự khẳng định đó^{1*}.

Và vì Hê-ghen coi phủ định của phủ định từ phía khẳng định nằm trong phủ định của phủ định, là cái khẳng định chân thực và duy nhất, từ phía phủ định nằm trong phủ định của phủ định là hành vi chân thật duy nhất và là hành vi tự thực hiện của mọi tồn tại, nên ông chỉ tìm thấy biểu hiện *trừu tượng lô-gích, tư biện* cho sự vận động của lịch sử chưa phải là lịch sử *hiện thực* của con người với tính cách là chủ thể đã được giả định, mà chỉ là *hành vi sinh đẻ, lịch sử xuất hiện* của con người.

Chúng tôi sẽ cố gắng giải thích hình thức trừu tượng của sự vận động đó ở Hê-ghen, cũng như những đặc điểm vốn có của Hê-ghen trái với sự phê phán hiện đại, nghĩa là trái với sự miêu tả cùng một quá trình ấy trong "Bản chất của đạo Cơ Đốc" của Phoi-ơ-bác, hay nói đúng hơn, chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ hình thức *phê phán* của sự vận động ấy, sự vận động chưa có tính chất phê phán ở Hê-ghen.

Hãy xem hệ thống của Hê-ghen. Nên bắt đầu từ "Hiện tượng học" của Hê-ghen, nguồn gốc và bí mật thật sự của triết học Hê-ghen.

1* Ở chỗ này Mác viết thêm: "Phoi-ơ-bác xét phủ định của phủ định, khái niệm cụ thể cũng như tư duy đang vượt lên trên bản thân mình trong tư duy, là tư duy muốn là sự trực quan, giới tự nhiên, hiện thực"⁷³.

Hiện tượng học.

A) *Tự ý thức*. I. *Ý thức*. α) Tính xác thực cảm tính, hoặc "cái này", và *ý kiến*. β) *Tri giác*, hoặc sự vật với những thuộc tính của nó, và *ảo giác*. γ) Lực lượng và lý trí, hiện tượng và thế giới siêu cảm tính.

II. *Tự ý thức*. Tính chân thực của tính xác thực của bản thân mình. a) Tính độc lập của tự ý thức và tính không độc lập của nó, thống trị và nô lệ. b) Tự do tự ý thức. Chủ nghĩa khắc kỷ, chủ nghĩa hoài nghi, ý thức bất hạnh.

III. *Lý tính*. Tính xác thực và tính chân thực của lý tính. a) Lý tính đang quan sát; sự quan sát giới tự nhiên và tự ý thức. b) Sự thực hiện tự ý thức có lý tính thông qua bản thân mình. Sự thích thú và tính tất yếu. Quy luật của trái tim và sự điên rồ của tính tự phụ. Đức hạnh và cuộc sống bình thường. c) Cá tính có tính chất thực tại trong bản thân và đối với bản thân. Giới động vật có tinh thần và sự lừa dối, hoặc bản thân sự việc. Lý tính lập pháp. Lý tính nghiên cứu pháp luật.

B) *Tinh thần*.

I. Tinh thần *chân thực*; luân lý. II. Tinh thần tự tha hoá giáo dục. III. Tinh thần xác nhận bản thân mình. Tính đạo đức.

C) *Tôn giáo*. Tôn giáo *tự nhiên*, *tôn giáo nghệ thuật*, tôn giáo *linh báo*.

D) *Tri thức tuyệt đối*.

Vì "*Bách khoa thư*" của Hê-ghen bắt đầu từ lô-gích học, từ *tư tưởng tư biện thuần túy* và kết thúc bằng *tri thức tuyệt đối*, bằng tinh thần có tự ý thức, nắm được bản thân mình, có tính chất triết học hoặc tuyệt đối, nghĩa là có tính chất siêu nhân

trừu tượng, nên toàn bộ "Bách khoa thư" chẳng qua là *bản chất được khai triển* của tinh thần triết học, là sự tự đối tượng hoá của nó; còn tinh thần triết học thì chẳng qua là tinh thần bị tha hoá của thế giới, đang nắm bản thân mình trong tư tưởng, nghĩa là một cách trừu tượng, bên trong sự tha hoá của mình. *Lô-gích học* là *tiền tệ* của tinh thần, *giá trị tư tưởng* tư biện của con người và của tự nhiên - là bản chất đã trở thành hoàn toàn bàng quan đối với mọi tính quy định hiện thực và do đó có tính chất không hiện thực - là *tư duy đã bị tha hoá*, và do đó trừu tượng hoá tự nhiên và con người hiện thực: *tư duy trừu tượng*. - *Tính bên ngoài của tư duy trừu tượng ấy... là giới tự nhiên* y như nó tồn tại đối với tư duy trừu tượng ấy. Tự nhiên là ở bên ngoài đối với tư duy trừu tượng, nó là sự tự mất đi của tư duy trừu tượng; và tư duy trừu tượng đó hiểu được tự nhiên cũng một cách bên ngoài, như là tư tưởng trừu tượng, nhưng như là tư duy trừu tượng đã bị tha hoá. - Cuối cùng, *tinh thần*, cái tư duy quay về trong lòng mẹ của chính nó, tư duy này với tính cách là tinh thần nhân loại học, hiện tượng học, tâm lý học, luân lý học, nghệ thuật, tôn giáo vẫn chưa phải là bản thân nó vì nó, một khi rút cục nó chưa tìm thấy mình như là tri thức *tuyệt đối* và do đó như là tinh thần tuyệt đối, nghĩa là tinh thần trừu tượng, trong đó nó chỉ quan hệ với bản thân nó và có được tồn tại có ý thức và thích ứng với bản thân nó. Vì tồn tại hiện thực của nó là sự *trừu tượng*.

Hê-ghen phạm sai lầm về hai mặt.

Sai lầm thứ nhất biểu hiện rõ rệt nhất trong "hiện tượng học" với tính cách là nguồn gốc của triết học Hê-ghen. Chẳng hạn khi ông xem xét sự giàu có, quyền lực nhà nước v.v. như là những bản chất bị tha hoá khỏi bản chất *con người*, thì ông chỉ nắm những cái ấy trong hình thức tư tưởng của chúng. Chúng là bản chất được tư tưởng và do đó chỉ là sự tha hoá của tư duy triết học *thuần túy*, nghĩa là trừu tượng. Cho nên toàn bộ sự vận động kết thúc bằng tri thức tuyệt đối. Cái mà

từ đó những đối tượng ấy tha hoá và đối lập lại đồng thời đòi được thừa nhận là tính hiện thực - đó chính là tư duy trừu tượng. *Nhà triết học* - bản thân hình ảnh trừu tượng của con người bị tha hoá - biến bản thân mình thành *thước đo* của thế giới bị tha hoá. Cho nên toàn bộ *lịch sử của sự tha hoá* và toàn bộ *việc xoá bỏ* sự tha hoá chẳng qua là *lịch sử của sự sản xuất* ra tư duy trừu tượng, nghĩa là tư duy tuyệt đối [XVII]^{1*}, tư duy lô-gích, tư biện. Do sự *tha hoá* đó - hình thành sự quan tâm thực thụ của sự hoá ấy - và việc tước bỏ sự tự tha hoá ấy được Hê-gheh hình dung là sự đối lập giữa *tự nó* và *vì nó*, giữa *ý thức* và *tự ý thức*, giữa *khách thể* và *chủ thể*, nghĩa là sự đối lập giữa tư duy trừu tượng và hiện thực cảm tính hoặc cảm tính hiện thực, trong giới hạn bản thân tư tưởng. Mọi sự đối lập khác và sự vận động của các mặt đối lập ấy chỉ là *về ngoài*, *vỏ ngoài*, hình thức *bề ngoài* của những mặt đối lập duy nhất đáng quan tâm cấu thành *ý nghĩa* của những mặt đối lập tầm thường khác ấy. Cái biểu hiện ở đây với tính cách là bản chất được thiết định và phải bị tước bỏ sự tha hoá không phải là việc bản chất con người được *đối tượng hoá một cách không phải người*, đối lập với bản thân mình, mà là việc bản chất đó *được đối tượng hoá khác* với tư duy trừu tượng và *đối lập* với nó.

[XVIII] Do đó, sự chiếm hữu những lực lượng bản chất của con người đã trở thành đối tượng, hơn nữa trở thành đối tượng của người khác, *thứ nhất*, chỉ là sự *chiếm hữu* diễn ra trong *ý thức*, trong *tư duy thuần túy*, nghĩa là *trong sự trừu tượng*, là sự chiếm hữu những đối tượng ấy như là *tư tưởng* và sự *vận động của tư tưởng*; cho nên trong "Hiện tượng học", - mặc dầu hình thức hoàn toàn có tính chất phủ định và phê phán của nó và mặc dầu sự phê phán thực sự bao hàm trong nó thường thường đi trước xa sự phát triển về sau - cũng đã có

1* Ở đây trong bản thảo, tác giả ghi: xem tr.XIII.

dưới hình thức che giấu, với tính cách là mằm mống, tiềm năng, bí mật, chủ nghĩa thực chứng không có tính chất phê phán và chủ nghĩa duy tâm cũng không có tính chất phê phán trong các tác phẩm về sau của Hê-gheh, đó là sự tan rã về mặt triết học và sự khôi phục của kinh nghiệm hiện có. *Hai là*, sự đòi hỏi hoàn lại thế giới đối tượng cho con người - thí dụ việc nhận thức được rằng ý thức *cảm tính* không phải là ý thức cảm tính *trừu tượng*, mà là ý thức cảm tính *nhân cách*, rằng tôn giáo, của cải v.v. chỉ là hiện thực bị tha hoá của sự đối tượng hoá *con người*, hiện thực bị tha hoá của những lực lượng bản chất khách thể hoá *của con người* và do đó chúng chỉ là *con đường* đi tới hiện thực chân thật *của con người*, - vì vậy Hê-gheh cho rằng sự chiếm hữu những lực lượng bản chất của con người hay việc nắm được quá trình đó có một hình thức khiến cho *cảm tính*, *tôn giáo*, chính quyền v.v. là những bản chất *tinh thần*, vì chỉ có *tinh thần* là bản chất *chân thật* của con người, còn hình thức chân chính của tinh thần là tinh thần đang tư duy, tinh thần lô-gích, tư biện. *Tính người* của tự nhiên và của tự nhiên do quá trình lịch sử sáng tạo, của những sản phẩm của con người biểu hiện ra ở chỗ chúng là những *sản phẩm* của tinh thần trừu tượng và do đó trong chừng mực ấy cũng là những nhân tố *tinh thần*, *những bản chất tinh thần*. Cho nên "Hiện tượng học" là sự phê phán bị che giấu, chưa rõ ràng đối với bản thân nó và có một hình thức thần bí; nhưng vì nó cố định *sự tha hoá* của con người, - mặc dầu con người xuất hiện ra trong nó chỉ dưới hình thức tinh thần, - nên trong đó vẫn có dưới hình thức che giấu *tất cả* những yếu tố của sự phê phán, những yếu tố này *được chuẩn bị* và *hoàn thiện* thường là dưới hình thức vượt lên trên quan điểm của Hê-gheh. Những phần nói về "ý thức bất hạnh", về "ý thức trung thực", về đấu tranh "của ý thức cao quý và ý thức thấp hèn" v.v., v.v., bao gồm trong nó - mặc dầu dưới hình thức bị tha hoá - những yếu tố có tính chất *phê phán* của trọn nhiều lĩnh vực như tôn

giáo, nhà nước, sinh hoạt công dân v.v.. Và giống như *bản chất*, *đối tượng* ở Hê-ghe-n biểu hiện ra là bản chất tư tưởng, *chủ thể* bao giờ cũng là *ý thức* hoặc *tự ý thức*, hoặc nói đúng hơn, đối tượng chỉ biểu hiện như là *ý thức trừu tượng*, còn con người thì chỉ biểu hiện như là *tự ý thức*. Cho nên những hình thức tha hoá khác nhau biểu hiện trong "Hiện tượng học" chỉ là những hình thức khác nhau của *ý thức* và *tự ý thức*. Giống như *ý thức trừu tượng* - đối tượng được xem xét với tính cách như vậy - *tự nó* chỉ là một trong những nhân tố của *tự ý thức* đang thiết định những sự khác nhau của bản thân nó, kết quả của toàn bộ sự vận động ấy là sự đồng nhất của *tự ý thức* với *ý thức*, là tri thức tuyệt đối, hay sự vận động của tư duy trừu tượng không phải hướng ra bên ngoài mà chỉ diễn ra bên trong bản thân nó, nghĩa là kết quả thu được là phép biện chứng của tư tưởng thuần túy^{1*}. [XVIII]

Do đó, sự vĩ đại của "*Hiện tượng học*" của Hê-ghe-n và của kết quả cuối cùng của nó - phép biện chứng của tính phủ định với tính cách là nguyên lý thúc đẩy và sản sinh - là ở chỗ Hê-ghe-n xem xét sự tự sản sinh của con người như là một quá trình, xem xét sự đối tượng hoá như là sự phân hoá đối tượng, như là sự tha hoá và sự tước bỏ sự tự tha hoá ấy, do đó ông nắm lấy bản chất của *lao động* và hiểu con người đối tượng, con người chân chính, vì có tính chất hiện thực, là kết quả của *lao động của bản thân* con người. Quan hệ *hiện thực, tích cực* của con người đối với bản thân mình với tính cách là thực thể loài, hoặc sự biểu hiện của bản thân trong thực tế với tính cách là thực thể loài hiện thực, có nghĩa là thực thể con người, chỉ có thể có được bằng cách con người thực tế rút ra từ bản thân

1* Trong bản thảo tác giả ghi: xem phần tiếp ở tr. XXII, song trong bản thảo không có trang này.

2* Ở đây trong bản thảo, tác giả ghi: xem tr. XVIII.

mình tất cả những *lực lượng loài* của mình (điều này lại chỉ có thể có được thông qua toàn bộ hoạt động của nhân loại, chỉ là kết quả của lịch sử) và đối đãi với chúng như là với những đối tượng, và điều đó lại chỉ có thể có được lúc đầu dưới hình thức tha hoá.

Tính phiến diện và tính hạn chế của Hê-ghe-n, chúng tôi sẽ nói tỷ mỉ qua ví dụ về chương cuối của "Hiện tượng học" về tri thức tuyệt đối; chương này bao hàm dưới hình thức tóm tắt ngắn gọn tinh thần của "Hiện tượng học", quan hệ của nó với "phép biện chứng tư biện" cũng như *quan niệm* của Hê-ghe-n về cả hai cái đó và về mối tương quan của chúng.

Chúng tôi chỉ nhận xét trước thêm những điều sau đây. Hê-ghe-n đứng trên quan điểm kinh tế chính trị học hiện đại. Ông coi *lao động* là *bản chất*, là bản chất tự xác nhận của con người; ông chỉ nhìn thấy phương diện khẳng định của lao động, chứ không nhìn thấy phương diện phủ định. Lao động là sự *sinh thành vì mình của con người* trong khuôn khổ sự *tha hoá*, hoặc với tính cách là con người *bị tha hoá*. Hê-ghe-n chỉ biết và thừa nhận một thứ lao động, cụ thể là lao động *tinh thần trừu tượng*. Như vậy, phạm cái gì nói chung cấu thành *bản chất* của triết học, cụ thể là *sự tha hoá của con người hiểu biết mình*, hoặc khoa học *bị tha hoá tự tư duy về mình*, thì Hê-ghe-n thừa nhận là bản chất của lao động, cho nên, trái với triết học trước kia, ông có thể tập hợp thành một khối những nhân tố riêng biệt của triết học trước kia và trình bày triết học của mình như là triết học *chính cống*. Cái mà những nhà triết học khác trong khi xem xét những nhân tố riêng biệt của tự nhiên và của đời sống con người đã coi là những nhân tố của *tự ý thức*, hơn nữa của *tự ý thức trừu tượng*, thì Hê-ghe-n coi là *công việc* của bản thân triết học. Cho nên khoa học của ông là tuyệt đối.

Giờ đây chúng ta hãy chuyển sang đối tượng của chúng ta.

Tri thức tuyệt đối. Chương cuối cùng của "Hiện tượng học".

Thực chất của vấn đề là ở chỗ *đối tượng của ý thức* theo Hê-ghen chẳng qua là *tự ý thức*, hoặc đối tượng chỉ là *tự ý thức đối tượng hoá*, tự ý thức với tính cách là đối tượng (coi con người ngang với tự ý thức).

Cho nên vấn đề là ở chỗ khắc phục *đối tượng của ý thức*. Tính *đối tượng* với tính cách như vậy được coi là quan hệ *bị tha hoá*, không thích hợp với *bản chất con người* (với tự ý thức), của con người. Cho nên *sự chiếm hữu trở lại* bản chất đối tượng của con người - bản chất này được sản sinh ra như một cái gì xa lạ, dưới phạm trù tha hoá - không chỉ có ý nghĩa xoá bỏ sự *tha hoá* mà còn có ý nghĩa xoá bỏ *tính đối tượng*, nghĩa là con người được coi là thực thể *phi đối tượng*, *duy linh chủ nghĩa*.

Hê-ghen mô tả *sự vận động khắc phục đối tượng của ý thức* như sau:

Đối tượng không chỉ tự biểu hiện như là *quay trở về cái tự ngã [das Selbst]* (theo Hê-ghen, đó là cách hiểu *phiến diện*, nghĩa là chỉ nắm có một mặt, sự vận động đó). Con người được đặt ngang với cái tự ngã. Nhưng cái tự ngã chỉ là con người được quan niệm một cách *trừu tượng* và do sự trừu tượng đẻ ra. Con người là thực thể tự hướng [selbstisch]. Con mắt, lỗ tai v.v. của con người là *tự hướng*; mỗi lực lượng bản chất của nó có trong nó thuộc tính *tự hướng*. Nhưng chính vì thế mà nếu nói: *tự ý thức* có con mắt, lỗ tai, lực lượng bản chất thì hoàn toàn không đúng. *Tự ý thức* đúng ra là phẩm chất của bản tính con người, của con mắt người v.v., chứ không phải bản tính con người là phẩm chất [XXIV] của *tự ý thức*.

Cái tự ngã bị trừu tượng hoá và bị cố định dưới hình thức thực thể độc lập là con người với tính cách là *người vị kỷ trừu tượng*, đó là *tính vị kỷ* được đề lên sự trừu tượng thuần tuý của nó, đến lĩnh vực tư duy (sau này chúng ta sẽ trở lại vấn đề này).

Đối với Hê-ghen, *bản chất người, con người* đồng nghĩa với *ý thức*. Cho nên đối với con người, mọi sự tha hoá của bản chất con người *chẳng qua là sự tha hoá của tự ý thức*. Sự tha hoá của tự ý thức không được coi là *biểu hiện*, là biểu hiện được phản ánh vào trong ý thức và tư duy, của sự tha hoá *hiện thực* của bản chất con người. Trái lại, sự tha hoá *hiện thực* có tính chất thực tại, xét theo thực chất che giấu rất sâu *bên trong nó* - và chỉ do triết học vạch ra - chẳng qua là *biểu hiện* của sự tha hoá của bản chất người chân chính, của *tự ý thức*, cho nên khoa học nhận thức điều này được gọi là *hiện tượng học*. Cho nên mọi sự chiếm hữu trở lại cái bản chất đối tượng đã tha hoá biểu hiện ra là sự đem nhập nó vào tự ý thức: con người chiếm lấy bản chất của mình *chỉ* là tự ý thức chiếm lấy bản chất đối tượng. Cho nên đối tượng quay trở về tự ngã chính là chiếm hữu trở lại đối tượng.

Theo Hê-ghen, *sự khắc phục đối tượng của ý thức* được biểu hiện một cách *toàn diện* ở chỗ:

- 1) đối tượng với tính cách như vậy biểu hiện ra đối với ý thức như là đang biến mất;
- 2) sự tha hoá của tự ý thức là cái mà tính vật thể thiết định;
- 3) sự tha hoá ấy không chỉ có ý nghĩa *phủ định* mà còn có ý nghĩa *khẳng định* nữa;
- 4) nó có ý nghĩa đó không chỉ *đối với chúng ta* hoặc ở trong bản thân nó mà cả *đối với bản thân ý thức*;
- 5) *đối với ý thức*, sự phủ định đối tượng, hoặc việc đối tượng xoá bỏ bản thân nó, có một ý nghĩa *khẳng định* (hoặc nó có *ý thức* về cái hư vô của đối tượng) do chỗ nó tha hoá bản thân nó, hoặc trong sự tha hoá ấy nó thiết định *bản thân nó* như là đối tượng, hoặc thiết định đối tượng như là bản thân nó, do sự thống nhất không thể phân chia của *tồn tại vì mình*;

6) mặt khác, ở đây đồng thời cũng bao hàm cả nhân tố thứ hai, cụ thể là trên một trình độ như vậy ý thức cũng tước bỏ và thu hút trở lại bản thân mình sự tha hoá ấy và tính đối tượng ấy và, do đó, trong tồn tại khác với tính cách là tồn tại khác của nó nó vẫn ở trong bản thân nó;

7) đó là sự vận động của ý thức, và trong sự vận động ấy, ý thức là tập hợp những nhân tố của nó;

8) ý thức cũng phải đối đãi với đối tượng phù hợp với tập hợp những quy định của mình và xem xét nó trên góc độ mỗi quy định đó. Tập hợp những quy định ấy của ý thức làm cho đối tượng tự nó trở thành bản chất tinh thần, còn đối với ý thức thì đối tượng thực sự trở thành như vậy là do việc nhận thức mỗi quy định riêng biệt của đối tượng như là cái tự ngã, hoặc do thái độ tinh thần đối với chúng như đã nói ở trên⁷⁴.

Thêm vào điểm 1. - Việc đối tượng với tính cách là đối tượng biểu hiện ra đối với ý thức như là đang biến mất, là sự quay trở lại cái tự ngã của đối tượng như đã nói ở trên.

Thêm vào điểm 2. - Sự tha hoá của tự ý thức thiết định tính vật thể. Vì con người là tự ý thức nên bản chất đối tượng đã tha hoá của nó, hoặc tính vật thể của nó (cái là đối tượng đối với con người, và chỉ có cái đối với con người là đối tượng bản chất, do đó là bản chất đối tượng của con người, thì mới thực sự là đối tượng đối với con người. Vì không phải con người hiện thực với tính cách là con người hiện thực và do đó, không phải là tự nhiên - con người là tự nhiên có tính chất người cơ mà, - mà chỉ có sự trừu tượng của con người, tự ý thức mới là chủ thể, nên tính vật thể chỉ có thể là tự ý thức đã bị tha hoá) là đồng nhất với tự ý thức đã bị tha hoá, và tính vật thể là do sự tha hoá ấy thiết định. Hoàn toàn tự nhiên là thực thể sống, tự nhiên, được phú và được tặng những lực lượng bản chất bẩm sinh, có tính chất đối tượng, nghĩa là có tính vật chất, cũng có những đối tượng tự nhiên hiện thực

của bản chất của mình, cũng giống như sự tự tha hoá của thực thể ấy là sự thiết định một thế giới đối tượng hiện thực nào đó, nhưng thế giới ấy hiện ra dưới hình thức vẻ ngoài và do đó không thuộc về bản chất của nó và thống trị nó. Ở đây không có gì là khó hiểu và huyền bí cả. Đúng ra, cái ngược lại mới là huyền bí. Nhưng một điều cũng rõ ràng là tự ý thức thông qua sự tha hoá của mình chỉ có thể thiết định tính vật thể, nghĩa là lại chỉ thiết định vật trừu tượng, vật có tác dụng trừu tượng, vật không hiện thực. [XXVI]^{1*}. Ngoài ra rõ ràng là do đó tính vật thể không có gì là độc lập, bản chất đối với tự ý thức, mà chỉ là sản vật thuần tuý, là một cái gì đó do tự ý thức thiết định, rõ ràng là cái được thiết định đó đáng lẽ phải chứng thực bản thân mình thì lại chỉ là sự chứng thực hành vi thiết định, hành vi thiết định này trong nháy mắt cố định tinh lực của mình dưới hình thức sản phẩm và tựa hồ truyền cho nó - nhưng lại chỉ trong nháy mắt - vai trò của đối tượng độc lập, hiện thực.

Khi con người hiện thực, nhục thể đứng trên quả đất vững chắc, tròn trặn thu hút vào mình và toả ra từ trong bản thân mình tất cả những lực lượng tự nhiên, thông qua sự tha hoá của mình mà thiết định những lực lượng bản chất hiện thực, có tính đối tượng của mình như những đối tượng xa lạ, thì không phải sự thiết định là chủ thể: nó là tính chủ thể của những lực lượng bản chất đối tượng hoá, tác dụng của những lực lượng này do đó cũng phải là tác dụng có tính đối tượng. Thực thể có tính đối tượng hoạt động một cách có tính đối tượng, và nó đã không hoạt động một cách có tính đối tượng, nếu cái có tính chất đối tượng không bao hàm trong sự quy định có tính chất bản chất của nó. Nó chỉ sáng tạo hoặc thiết định đối tượng, vì bản thân nó được các đối tượng thiết định và ngay từ đầu nó là tự nhiên. Như vậy, vấn đề không phải

1* Khi đánh số trang bản thảo, Mác không đánh số trang XXV.

là hành vi thiết định nó chuyển từ "hoạt động thuần túy" của mình sang sự *sáng tạo đối tượng*, mà là sản phẩm có *tính đối tượng* của nó chỉ chứng thực hoạt động có *tính đối tượng* của nó, chứng thực hoạt động của nó là hoạt động của thực thể tự nhiên có tính đối tượng.

Ở đây chúng ta thấy rằng chủ nghĩa tự nhiên hoặc chủ nghĩa nhân đạo đã được phát huy một cách triệt để khác với chủ nghĩa duy tâm, cũng như khác với chủ nghĩa duy vật, đồng thời là chân lý kết hợp cả hai. Chúng ta đồng thời cũng thấy rằng chỉ có chủ nghĩa tự nhiên mới có khả năng hiểu được hành vi của lịch sử toàn thế giới⁷⁵.

Con người trực tiếp là *thực thể tự nhiên*⁷⁶. Với tính cách là thực thể tự nhiên, hơn nữa là thực thể tự nhiên sống, một mặt, nó được phú cho những *lực lượng tự nhiên*, những *lực lượng sống*, nó là thực thể tự nhiên hoạt động; những lực lượng đó tồn tại trong nó dưới hình thức thiên bẩm và năng lực, dưới hình thức *năng khiếu*; và mặt khác, với tính cách là thực thể tự nhiên, nhục thể, cảm tính, có tính đối tượng, nó giống như động vật và thực vật, là thực thể *đau khổ*, bị quy định và bị hạn chế, nghĩa là những *đối tượng* của năng khiếu của nó tồn tại bên ngoài nó như những *đối tượng* không phụ thuộc vào nó; nhưng những *đối tượng* ấy là những *đối tượng* của *nhu cầu* của nó; đó là những *đối tượng* cần thiết, cần bản để thể hiện và khẳng định những lực lượng bản chất của nó. Con người là thực thể *nhục thể*, có những lực lượng tự nhiên, sinh động, hiện thực, cảm tính, có tính đối tượng, điều đó có nghĩa là con người có những *đối tượng hiện thực, cảm tính* làm đối tượng của bản chất của mình, của biểu hiện đời sống của mình, hoặc con người chỉ có thể *biểu hiện* đời sống của mình dựa trên những đối tượng hiện thực, cảm tính. Có tính chất đối tượng, tự nhiên, cảm tính, điều đó cũng tức là có đối tượng, tự nhiên, cảm giác ở bên ngoài mình hoặc bản thân mình là đối tượng,

tự nhiên, cảm giác đối với một thực thể thứ ba nào đó. *Đói* là *nhu cầu* tự nhiên; cho nên nó cần có tự nhiên ở bên ngoài nó, cần có *đối tượng* ở bên ngoài nó để thoả mãn mình, làm cho mình no. *Đói* là nhu cầu được thừa nhận của thân thể tôi về một *đối tượng* nào đó tồn tại bên ngoài thân thể tôi và cần thiết để bổ sung cho nó và để cho bản chất của nó biểu hiện. Mặt trời là *đối tượng* của thực vật, là đối tượng cần thiết cho nó, đảm bảo đời sống của nó, cũng giống như thực vật là đối tượng của mặt trời với tính cách là *biểu hiện* của lực lượng tạo sự sống của mặt trời, là biểu hiện của lực lượng bản chất có *tính đối tượng* của mặt trời.

Thực thể không có tự nhiên của nó ở bên ngoài nó thì không phải là thực thể *tự nhiên*, nó không tham gia vào đời sống của tự nhiên. Thực thể không có một đối tượng nào bên ngoài nó thì không phải là thực thể có đối tượng. Một thực thể mà tự nó không phải là đối tượng đối với thực thể thứ ba thì không có bất cứ thực thể nào làm *đối tượng* của mình, nghĩa là không hành động một cách có đối tượng, tồn tại của nó không phải là cái có đối tượng.

[XXVII] Thực thể không có đối tượng là một thực thể *không thể có được, phi lý* [Unwesen].

Anh hãy tưởng tượng một thực thể mà bản thân không phải là đối tượng và không có đối tượng. Thứ nhất, một thực thể như thế sẽ là thực thể *duy nhất*, bên ngoài nó sẽ không có một thực thể nào cả, nó sẽ tồn tại một mình, đơn độc. Vì một khi tôi thừa nhận rằng bên ngoài tôi có đối tượng, rằng tôi không tồn tại *một mình*, thì tôi phải thừa nhận rằng tôi là một cái *khác, là hiện thực khác* với đối tượng ở bên ngoài tôi. Do đó, đối với đối tượng thứ ba ấy tôi là *hiện thực khác* với nó, có nghĩa tôi là đối tượng *của nó*. Như vậy, cái thực thể không phải là đối tượng của một thực thể khác, giả định rằng không có *một* thực thể đối tượng *nào* cả. Một khi tôi có một

đối tượng nào đó thì đối tượng đó lấy tôi làm đối tượng. Một thực thể *không có đối tượng* là một thực thể không hiện thực, không cảm tính, chỉ được quan niệm, nghĩa là chỉ được tưởng tượng ra mà thôi, là sản phẩm của sự trừu tượng. Tồn tại một cách *cảm tính*, nghĩa là tồn tại một cách hiện thực, có nghĩa là tồn tại như là đối tượng của cảm giác, tồn tại như là đối tượng *cảm tính*, nghĩa là có những đối tượng cảm tính ở bên ngoài mình, những đối tượng của cảm tính của mình. Tồn tại một cách cảm tính có nghĩa là *đau khổ*⁷⁷.

Cho nên con người, với tính cách là thực thể có đối tượng, có cảm giác, là một thực thể đang *đau khổ*; và vì thực thể đó cảm thấy sự khổ não của mình, cho nên nó là thực thể có *dục vọng*. Dục vọng là lực lượng bản chất của con người kiên quyết hướng về đối tượng của mình.

<Nhưng con người không chỉ là thực thể tự nhiên, nó là thực thể tự nhiên có *tính chất người*, nghĩa là thực thể tồn tại cho bản thân mình và do đó là *thực thể loài*. Nó phải biểu hiện và tự khẳng định như là thực thể loài trong tồn tại của nó cũng như trong tri thức của nó. Như vậy, giống như những đối tượng có *tính chất người* không phải là những đối tượng tự nhiên dưới hình thức như những đối tượng này trực tiếp có sẵn trong tự nhiên, thì *cảm giác của con người* như nó *tồn tại* trực tiếp, trong tính đối tượng trực tiếp của nó, cũng không phải là cảm tính của *con người*, tính đối tượng của con người. Tự nhiên theo ý nghĩa khách quan, cũng như tự nhiên theo ý nghĩa chủ quan đều không được đem lại một cách trực tiếp và phù hợp cho thực thể *con người*. > Và giống như mọi cái tự nhiên đều phải *nảy sinh*, *con người* cũng có hành vi phát sinh của mình, có *lịch sử*, nhưng lịch sử được phản ánh trong ý thức của con người và do đó với tính cách là hành vi phát sinh, nó là hành vi phát sinh tự tước bỏ mình một cách có ý thức. Lịch sử là lịch sử tự nhiên chân chính của con người. - (Về điểm này còn phải quay trở lại lần nữa).

Thứ ba, vì bản thân sự thiết định ấy của tính vật thể chỉ là cái vẻ ngoài, chỉ là hành vi mâu thuẫn với bản chất của hoạt động thuần túy, nên nó phải được tước bỏ lần nữa, còn tính vật thể thì phải được phủ định.

Thêm vào điểm 3, 4, 5, 6. - 3) Sự tha hoá ấy của ý thức không chỉ có ý nghĩa *phủ định* mà còn có ý nghĩa *khẳng định* và 4) nó có ý nghĩa khẳng định ấy không những *đối với chúng ta*, hoặc trong bản thân nó, mà cả đối với bản thân nó, đối với ý thức. 5) *Đối với ý thức*, sự phủ định đối tượng, tức việc đối tượng xoá bỏ bản thân nó có một ý nghĩa *khẳng định* là do chỗ (hoặc nó có *ý thức* về tính hư vô ấy của đối tượng là do chỗ) nó tự tha hoá *bản thân mình*, vì trong sự tha hoá ấy, nó *biết* mình là đối tượng hay biết đối tượng là bản thân mình, do sự thống nhất không thể phân chia của *tồn tại vì mình*, 6) Mặt khác, ở đây đồng thời cũng bao hàm cả một yếu tố thứ hai, cụ thể là ý thức cũng tước bỏ và thu hút trở lại vào mình sự tha hoá ấy và tính đối tượng ấy và do đó trong *tồn tại khác của nó với tính cách là tồn tại khác*, nó cũng vẫn ở *trong bản thân nó*.

Chúng ta đã thấy rằng đối với Hê-ghe, sự chiếm hữu bản chất đã tha hoá, có đối tượng hoặc sự xoá bỏ tính đối tượng hoá xuất hiện dưới sự quy định của sự *tha hoá*, - sự tha hoá này phải được phát triển từ tính xa lạ bàng quan đến sự tha hoá đối địch có tính chất hiện thực - đồng thời hoặc thậm chí chủ yếu có ý nghĩa là xoá bỏ bản thân *tính đối tượng*, vì đối với tự ý thức thì không phải tính chất *xác định* ấy của đối tượng mà bản thân tính chất *đối tượng* của nó là nhân tố đáng trách và là sự tha hoá. Cho nên đối tượng là một cái gì phủ định, tự xoá bỏ mình, là tính *hư vô*. Tính hư vô đó của đối tượng không những chỉ có ý nghĩa phủ định mà còn có ý nghĩa *khẳng định* đối với ý thức, vì *tính hư vô* của đối tượng chính là sự *tự khẳng định* của tính phi đối tượng, [XXVIII] của sự *trừu tượng*, của bản thân nó. Đối với *bản thân ý thức*, tính hư

vô của đối tượng có một ý nghĩa khẳng định vì nó *biết* tính hư vô ấy, biết bản chất có tính đối tượng ấy là sự *tự tha hoá* của bản thân nó, biết rằng tính hư vô ấy chỉ tồn tại nhờ sự tự tha hoá của nó.

Phương thức tồn tại của ý thức và của một cái gì đó đối với ý thức, đó là *tri thức*. Tri thức là hành vi duy nhất của ý thức. Cho nên một cái gì đó nảy sinh ra đối với ý thức, chừng nào ý thức *biết cái đó*. Tri thức là quan hệ có tính chất đối tượng duy nhất của ý thức. - Ý thức biết tính hư vô của đối tượng, nghĩa là tính không thể phân biệt của đối tượng với ý thức, sự không tồn tại của đối tượng đối với ý thức do chỗ nó biết rằng đối tượng là sự *tự tha hoá* của nó, nghĩa là nó biết bản thân nó (tri thức với tính cách là đối tượng) nhờ chỗ đối tượng chỉ là *vẻ ngoài* của đối tượng, một ảo ảnh nào đó, còn xét theo bản chất của nó chẳng qua chỉ là bản thân tri thức tự đối lập mình với bản thân mình và do đó đem *tính hư vô*, cái không có *bất cứ* tính đối tượng nào ngoài tri thức đối lập với bản thân mình; nói cách khác, tri thức biết rằng khi nó có quan hệ với một đối tượng nào đó, thì nó chỉ ở *ngoài* bản thân nó, nó tự tha hoá khỏi mình, rằng *bản thân nó mang* hình thức đối tượng đối với nó, hoặc cái biểu hiện ra trước nó như là đối tượng thì chỉ là bản thân nó mà thôi.

Mặt khác, theo lời Hê-ghe, ở đây đồng thời cũng có một nhân tố khác, đó là: trên một mức độ y như thế, tự ý thức đã tước bỏ và hấp thu trở lại vào mình sự tha hoá ấy và tính đối tượng ấy và do đó, trong *tồn tại khác* của nó với *tính cách là tồn tại khác*, cũng vẫn ở *trong bản thân nó*.

Trong suy luận đó chúng ta có tất cả những ảo tưởng của tư biện được nhập lại làm một:

Một là: trong *tồn tại khác* của nó với *tính cách là tồn tại khác*, ý thức, tự ý thức vẫn ở *bản thân nó*. Cho nên ý thức, hoặc, - nếu ở đây chúng ta bỏ qua không nói đến sự trừu tượng

của Hê-ghe và đem con người có tự ý thức thay cho tự ý thức, - cho nên con người trong *tồn tại khác* của nó với *tính cách là tồn tại khác*, nó vẫn ở *bản thân nó*. Ở đây bao hàm, một là, tình hình như sau: ý thức, nghĩa là tri thức với tính cách là tri thức, tư duy với tính cách là tư duy, mạo nhận mình trực tiếp là *cái khác* của bản thân mình, là cảm tính, là hiện thực, là đời sống, - tức tư duy vượt quá bản thân mình trong tư duy (Phoi-ơ-bác). Ở đây bao hàm mặt nói trên trong chừng mực ý thức, chỉ được hiểu là ý thức, nhìn thấy trở ngại đáng trách đối với mình không phải trong tính đối tượng đã bị tha hoá, mà trong *tính đối tượng với tính cách là tính đối tượng*.

Hai là: ở đây bao hàm tình hình là: vì con người có tự ý thức nhận thức thế giới tinh thần - hoặc tồn tại tinh thần phổ biến của thế giới của mình, - với tính cách là sự tự tha hoá, và tước bỏ thế giới tinh thần, cho nên con người dù sao cũng lại khẳng định thế giới tinh thần dưới hình thức bị tha hoá ấy, coi thế giới tinh thần là tồn tại chân thật của mình, khôi phục thế giới tinh thần, cho rằng trong *tồn tại khác* của mình với *tính cách như thế*, bản thân mình vẫn ở *trong bản thân mình*; do đó, sau khi xoá bỏ tôn giáo chẳng hạn, sau khi thừa nhận tôn giáo là sản phẩm của sự tự tha hoá, con người vẫn cho rằng mình được xác nhận trong *tôn giáo với tính cách là tôn giáo*. Ở đây bao hàm gốc rễ của chủ nghĩa thực chứng *sai lầm* của Hê-ghe, hoặc của chủ nghĩa phê phán chỉ có *tính chất tưởng tượng* của ông, - cái mà Phoi-ơ-bác gọi là sự thiết định, sự phủ định và sự khôi phục tôn giáo hoặc thần học, nhưng phải xem xét dưới hình thức chung hơn. Như vậy, ở bản thân nó, lý tính nằm trong phi lý tính với tính cách là phi lý tính. Khi con người đã hiểu rằng trong pháp luật, chính trị v.v. nó sống một đời sống bị tha hoá, thì nó sẽ sống cuộc sống chân chính con người của mình trong cuộc sống bị tha hoá ấy. Như vậy, sự tự thiết định, sự tự khẳng định trong *mâu thuẫn* với

bản thân mình, trong mâu thuẫn với tri thức cũng như với bản chất của đối tượng là *tri thức* chân thật, là *đời sống* chân thật.

Như vậy, giờ đây không còn có thể nói đến chuyện Hê-ghe-nơ đơn thuần thích ứng với tôn giáo, với nhà nước v.v., vì sự nói dối đó là sự nói dối của nguyên tắc của ông.

[XXIX] Nếu tôi *biết* rằng tôn giáo là tự ý thức *đã tha hoá* của con người thì do đó tôi biết rằng không phải tự ý thức của tôi mà tự ý thức đã tha hoá của tôi được khẳng định trong tôn giáo với tính cách là tôn giáo. Cho nên, tôi biết rằng tự ý thức của tôi, tự ý thức thuộc về bản thân tôi, thuộc về bản chất của tôi được khẳng định không phải trong *tôn giáo*, mà trái lại trong tôn giáo đã bị *tiêu diệt*, đã bị *xoá bỏ*.

Cho nên ở Hê-ghe-nơ phủ định của phủ định không phải là sự khẳng định bản chất chân chính thông qua sự phủ định bản chất hư ảo, mà là sự khẳng định bản chất hư ảo hoặc đã bị tha hoá khỏi mình trong sự phủ định bản chất hư ảo, hoặc là sự phủ định bản chất hư ảo ấy với tính cách là bản chất có tính đối tượng, ở bên ngoài con người và không phụ thuộc vào con người và là sự chuyển hoá của bản chất đó thành chủ thể.

Cho nên ở Hê-ghe-nơ sự *tước bỏ* trong đó sự phủ định và sự giữ lại, tức sự khẳng định kết hợp với nhau, có một vai trò đặc biệt.

Chẳng hạn như trong triết học pháp quyền của Hê-ghe-nơ, *tư pháp* đã bị *tước bỏ* là *đạo đức*, đạo đức đã bị *tước bỏ* là *gia đình*, gia đình đã bị *tước bỏ* là *xã hội công dân*, xã hội công dân đã bị *tước bỏ* là *nhà nước*, nhà nước đã bị *tước bỏ* là *lịch sử thế giới*. Trong *hiện thực* thực tế, tư pháp, đạo đức, gia đình xã hội công dân, nhà nước v.v. tiếp tục tồn tại như trước, chúng chỉ trở thành những *nhân tố*, những hình thức sinh tồn và hình thức tồn tại hiện có của con người, những hình thức

và nhân tố này nếu cô lập với nhau thì không có sức mạnh, chúng xoá bỏ lẫn nhau, sản sinh lẫn nhau v.v.. *Những nhân tố của vận động*.

Trong sự tồn tại hiện thực của chúng, bản chất *cơ động* ấy của chúng bị che giấu. Bản chất đó chỉ bộc lộ ra, được vạch ra lần đầu tiên trong tư duy, trong triết học, và do đó tồn tại tôn giáo đích thực của tôi là tồn tại của tôi trong *triết học tôn giáo*, tồn tại chính trị đích thực của tôi là tồn tại của tôi trong *triết học pháp quyền*, tồn tại tự nhiên đích thực của tôi là tồn tại của tôi trong *triết học tự nhiên*, tồn tại nghệ thuật đích thực của tôi là tồn tại của tôi trong *triết học nghệ thuật*, tồn tại *con người* đích thực của tôi là tồn tại của tôi trong *triết học*. Chính như vậy sự tồn tại đích thực của tôn giáo, của nhà nước, của tự nhiên, của nghệ thuật là *triết học* tôn giáo, *triết học* tự nhiên, *triết học* nhà nước, *triết học* nghệ thuật. Nhưng nếu đối với tôi tồn tại đích thực của tôn giáo chỉ là triết học tôn giáo v.v., thì tôi chỉ thật sự có tôn giáo với tính cách là *nhà triết học tôn giáo* và như vậy tôi phủ định tinh thần tôn giáo *hiện thực* và con người *tôn giáo* hiện thực. Nhưng đồng thời tôi cũng *khẳng định* chúng, một phần trong khuôn khổ tồn tại của bản thân tôi hoặc trong khuôn khổ của tồn tại của người khác, tồn tại mà tôi đem đối lập với chúng (vì đó chỉ là biểu hiện *triết học* của bản thân chúng); vì tôi coi chúng chỉ là tồn tại khác có tính chất *hư ảo*, là những hình tượng, những hình thức - che giấu dưới những cái vô cảm tính - của tồn tại đích thực của bản thân chúng, nghĩa là của tồn tại *triết học* của tôi.

Cũng đúng như vậy, *chất* đã bị *tước bỏ* là *lượng*, lượng đã bị *tước bỏ* là *độ*, độ đã bị *tước bỏ* là *bản chất*, bản chất đã bị *tước bỏ* là *hiện tượng*, hiện tượng đã bị *tước bỏ* là *hiện thực*, hiện thực đã bị *tước bỏ* là *khái niệm*, khái niệm đã bị *tước*

bỏ là *tính khách quan*, tính khách quan đã bị tước bỏ là *tư tưởng tuyệt đối*, tư tưởng tuyệt đối đã bị tước bỏ là *tự nhiên*, tự nhiên đã bị tước bỏ là tinh thần *chủ quan*, tinh thần chủ quan đã bị tước bỏ là tinh thần *đạo đức* khách quan, tinh thần đạo đức đã bị tước bỏ là *nghệ thuật*, nghệ thuật đã bị tước bỏ là *tôn giáo*, tôn giáo đã bị tước bỏ là *tri thức tuyệt đối*.

Một mặt, sự tước bỏ ấy là sự tước bỏ bản chất trong tư duy và do đó chế độ tư hữu *trong tư duy* được tước bỏ thành *ý niệm trong tư duy* về đạo đức. Và vì tư duy tự cho rằng nó trực tiếp là một cái khác của bản thân nó, tức là *hiện thực cảm tính*, vì do đó, nó coi tác dụng của nó cũng là tác dụng *hiện thực cảm tính*, nên sự tước bỏ trong tư duy ấy - trong thực tế sự tước bỏ này vẫn để cho đối tượng của mình không bị đụng chạm đến - giả định rằng nó thực tế đã khắc phục đối tượng ấy; và mặt khác, vì đối với tư duy đối tượng ấy giờ đây đã trở thành một nhân tố trong tư duy, nên đối với tư duy nó cũng là sự tự khẳng định bản thân nó, sự tự ý thức, sự trừu tượng cả trong hiện thực của nó.

[XXX] Cho nên, một mặt, tồn tại mà Hê-ghe *tước bỏ*, bằng cách chuyển vào trong triết học, hoàn toàn không phải là tôn giáo *hiện thực*, nhà nước, tự nhiên, mà là tôn giáo dưới hình thức trong đó bản thân tôn giáo cũng là đối tượng của tri thức, tức *giáo lý; luật học, khoa học về nhà nước, khoa học tự nhiên* cũng có tình hình như vậy. Như vậy, một mặt Hê-ghe giữ lập trường đối lập với bản chất *hiện thực* cũng như với *khoa học* trực tiếp, không có tính chất triết học, hoặc với những *khái niệm* không có tính chất triết học về bản chất đó. Cho nên ông mâu thuẫn với những khái niệm thông dụng của những khoa học đó.

Mặt khác, ở Hê-ghe con người có đạo v.v. có thể tìm thấy cho mình sự khẳng định cuối cùng của mình.

Giờ đây phải xét - trong khuôn khổ phạm trù tha hoá - những nhân tố *tích cực* của phép biện chứng của Hê-ghe.

a) *Sự tước bỏ* với tính cách là sự vận động có tính chất đối tượng, *hấp thụ trở lại bản thân mình* sự tha hoá. Đó là tư tưởng (biểu hiện trong khuôn khổ sự tha hoá) về sự *chiếm hữu* bản chất có tính đối tượng bằng cách tước bỏ sự tha hoá của nó; đó là cách nhìn tha hoá sự *đối tượng hoá hiện thực* của con người, việc con người *chiếm hữu một cách hiện thực* bản chất có tính đối tượng của mình bằng cách tiêu diệt sự quy định đã *tha hoá* của thế giới đối tượng, bằng cách tước bỏ thế giới đó trong tồn tại đã bị tha hoá của nó, giống như chủ nghĩa vô thần, với tính cách là sự tước bỏ thượng đế, có nghĩa là sự sinh thành của chủ nghĩa nhân đạo lý luận, còn chủ nghĩa cộng sản với tính cách là sự tước bỏ chế độ tư hữu, có nghĩa là yêu cầu của đời sống thật sự của con người, với tính cách là sở hữu không thể tách rời của con người, có nghĩa là sự sinh thành của chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn; nói cách khác, chủ nghĩa vô thần là chủ nghĩa nhân đạo được môi giới với bản thân mình bằng con đường tước bỏ tôn giáo, còn chủ nghĩa cộng sản thì là chủ nghĩa nhân đạo được môi giới với bản thân mình bằng con đường tước bỏ chế độ tư hữu. Chỉ bằng con đường tước bỏ sự môi giới đó, - nhưng sự môi giới này là tiền đề cần thiết, - mới sinh ra chủ nghĩa nhân đạo *tích cực* bắt đầu một cách tích cực từ bản thân mình.

Nhưng chủ nghĩa vô thần, chủ nghĩa cộng sản quyết không phải là sự lẩn tránh, sự trừu tượng, sự đánh mất cái thế giới đối tượng do con người sản sinh ra, không phải là sự đánh mất những lực lượng bản chất, những lực lượng đã mang hình thức đối tượng, của con người, không phải là sự cùng khổ quay trở về với trạng thái giản đơn trái tự nhiên, không phát triển. Trái lại, lần đầu tiên chúng là sự sinh thành hiện thực, sự thực hiện bản chất con người, sự thực hiện này xuất hiện một cách

hiện thực đối với con người, sự thực hiện bản chất con người như một cái hiện thực nào đó.

Như vậy, trong khi xét - tuy lại xét dưới hình thức đã tha hoá - ý nghĩa *tích cực* của sự phủ định quan hệ đến bản thân nó, Hê-ghen đồng thời coi sự tự tha hoá của con người, sự tha hoá của bản chất con người, sự phi đối tượng hoá, sự sa đọa của con người - như là sự tự chiếm hữu sự biểu hiện của bản chất, sự đối tượng hoá, sự thực hiện. Nói tóm lại, ông coi - trong khuôn khổ sự trừu tượng - lao động là hành vi *tự sản sinh* của con người, quan hệ đối với bản thân mình như đối với bản chất xa lạ và sự thực hiện bản thân mình như là sự thực hiện một thực thể xa lạ - như là *ý thức loài* đang sinh thành và *đời sống loài* đang sinh thành.

b) Nhưng ở Hê-ghen - ngoài sự xuyên tạc khái niệm đã nói ở trên hoặc nói đúng hơn, với tính cách là kết quả của sự xuyên tạc đó - hành vi ấy, *thứ nhất*, chỉ mang tính chất *hình thức*, vì nó là trừu tượng, vì bản chất con người tự nó chỉ được thừa nhận là *bản chất trừu tượng đang tư duy*, là tự ý thức, và

thứ hai, vì quan điểm đó có tính chất *hình thức* và *trừu tượng*, nên tước bỏ sự tha hoá trở thành khẳng định sự tha hoá, nói cách khác, đối với Hê-ghen sự vận động nói trên của *sự tự sản sinh*, của *sự tự đối tượng hoá* với tính cách là *sự tự tha hoá* là sự *biểu hiện đời sống của con người*, một sự biểu hiện *tuyệt đối* và do đó là một sự biểu hiện cuối cùng, có mục đích là bản thân mình, ổn định trong bản thân mình và đạt tới bản chất của mình.

Cho nên vận động đó dưới hình thức trừu tượng [XXXI] của nó, với tính cách là phép biện chứng, được coi là *đời sống chân chính của con người*; và vì nó vẫn là sự trừu tượng, sự tha hoá đời sống con người, nên nó được coi là *quá trình thần linh*, nhưng là quá trình thần linh của con người, quá trình mà bản

chất của con người, một bản chất trừu tượng, thuần túy, tuyệt đối khác với con người, tiến hành.

Thứ ba, quá trình đó phải có kẻ đảm nhiệm, phải có chủ thể; nhưng chủ thể chỉ nảy sinh như là kết quả; cho nên kết quả đó - chủ thể hiểu mình như tự ý thức tuyệt đối - là *thượng đế, tinh thần tuyệt đối, ý niệm hiểu mình và tự thực hiện mình*. Con người hiện thực và giới tự nhiên hiện thực trở thành đơn thuần những tân từ, những biểu tượng của con người không hiện thực và bị che giấu ấy và của giới tự nhiên không hiện thực ấy. Cho nên quan hệ giữa chủ từ và tân từ bị xuyên tạc một cách tuyệt đối: đó là, *chủ thể - khách thể thần bí*, hoặc là *tính chủ thể trùm lên khách thể*, là *chủ thể tuyệt đối* với tính cách là một *quá trình*, với tính cách là *chủ thể* tự tha hoá mình và trở lại bản thân mình từ trong sự tha hoá ấy và đồng thời hấp thu sự tha hoá ấy trở lại bản thân mình, và là chủ thể với tính cách là quá trình ấy; đó là sự loanh quanh thuần túy, *không ngừng* trong bản thân mình⁷⁸.

Về điểm thứ nhất: quan niệm *hình thức* và *trừu tượng* về hành vi tự sinh sản hoặc tự đối tượng hoá của con người.

Vì Hê-ghen coi con người ngang với tự ý thức, cho nên đối tượng bị tha hoá của con người, hiện thực bản chất bị tha hoá của con người chẳng qua là *ý thức* về sự tha hoá, vển vển là tư tưởng về sự tha hoá, biểu hiện *trừu tượng* và do đó không có nội dung và không hiện thực của nó - là sự *phủ định*. Cho nên tước bỏ sự tha hoá cũng chẳng qua là tước bỏ một cách trừu tượng, không có nội dung sự trừu tượng không có nội dung ấy - sự *phủ định của phủ định*. Cho nên hoạt động có nội dung, sinh động, cảm tính, cụ thể của sự tự đối tượng hoá trở thành vển vển là sự trừu tượng của hoạt động ấy - trở thành *tính phủ định tuyệt đối*, sự trừu tượng, sự trừu tượng này đến lượt nó lại được cố định thành ra sự trừu tượng và được hình dung như là hoạt động độc lập, đơn thuần như là hoạt động. Vì cái

gọi là tính phủ định ấy chẳng qua là hình thức *trừu tượng*, không có nội dung của hành vi sinh động hiện thực nói trên, nên nội dung của nó cũng chỉ có thể là một nội dung có tính chất hình thức, thu được bằng con đường trừu tượng hoá mọi nội dung. Cho nên đó là những hình thức của *trừu tượng*, những hình thức của tư duy, những phạm trù lô-gích tách rời khỏi tinh thần hiện thực và tự nhiên hiện thực, những hình thức và những phạm trù này có tính chất phổ biến, trừu tượng, là những hình thức và phạm trù vốn có của mọi nội dung và do đó đồng thời cũng không quan tâm đến bất cứ nội dung nào và chính vì thế mà thích dụng đối với mọi nội dung. (Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích nội dung lô-gích của tính phủ định tuyệt đối).

Mặt tích cực của cái mà Hê-ghehen làm được ở đây trong lô-gích tư biện của ông là ở chỗ những khái niệm nhất định, những hình thức tư duy cố định phổ biến trong tính độc lập của chúng đối với tự nhiên và tinh thần, là kết quả tất nhiên của sự tha hoá phổ biến của bản chất con người và do đó cả của tư duy con người, và ở chỗ do đó Hê-ghehen mô tả chúng như là những nhân tố của quá trình trừu tượng hoá và trình bày như là một chỉnh thể cố kết. Chẳng hạn như, tồn tại bị tước bỏ là bản chất, bản chất bị tước bỏ là khái niệm, khái niệm bị tước bỏ...là ý niệm tuyệt đối. Mà ý niệm tuyệt đối là gì? Đến lượt nó, ý niệm tuyệt đối lại tự tước bỏ bản thân mình, nếu nó không muốn tiến hành lại từ đầu toàn bộ hành vi trừu tượng và không muốn bằng lòng với việc là một tập hợp những trừu tượng hoặc là sự trừu tượng tự mình hiểu mình. Nhưng sự trừu tượng tự hiểu mình như một sự trừu tượng, thì biết rằng nó là hư vô; nó phải từ bỏ bản thân mình, từ bỏ sự trừu tượng, và bằng cách đó, nó đi tới một bản chất với mặt đối lập trực tiếp của nó, đi tới tự nhiên. Như vậy, toàn bộ lô-gích học là sự chứng minh rằng tư duy trừu tượng tự bản thân nó là hư vô, rằng

ý niệm tuyệt đối tự bản thân nó là hư vô, rằng chỉ có tự nhiên là một cái gì mà thôi.

[XXXII] Ý niệm tuyệt đối, ý niệm *trừu tượng*

"được xét về phía sự thống nhất với bản thân, là sự trực quan" ("Bách khoa thư" của Hê-ghehen, xuất bản lần thứ ba⁷⁹, tr.222), "trong chân lý tuyệt đối của nó", nó "quyết định tự do thả khỏi bản thân mình cái nhân tố của tính đặc thù của mình, hoặc của sự quy định đầu tiên và của tồn tại khác, thả ý niệm trực tiếp với tính cách là phản ánh của nó, nghĩa là quyết định tự do thả bản thân mình với tính cách là tự nhiên khỏi bản thân mình" (như trên),

toàn bộ cái tư tưởng hành động một cách lạ lùng và kỳ dị đến như thế đã buộc phái Hê-ghehen phải vỡ đầu nát óc ra một cách ghê gớm, toàn bộ cái tư tưởng đó không phải là gì khác mà là sự *trừu tượng* - nghĩa là nhà tư tưởng trừu tượng, - nhờ có kinh nghiệm mà khôn ngoan lên, và sau khi đã hiểu được bản chất thực sự của bản thân mình, ý niệm tuyệt đối này quyết định, trong một số điều kiện - sai lầm và cũng còn trừu tượng - nào đó, từ bỏ bản thân mình và đem tồn tại khác của mình, nghĩa là một cái đặc thù, xác định thay cho tồn tại ở mình của mình (do tồn tại này mà nó là hư vô), thay cho tính phổ biến và tính không xác định của mình; quyết định tự do thả khỏi bản thân mình cái tự nhiên tiềm ẩn, trong ý niệm tuyệt đối với tính cách là sự trừu tượng, với tính cách là vật trong tư duy, nghĩa là rời bỏ sự trừu tượng và cuối cùng đứng nhìn tự nhiên thoát khỏi ý niệm, mà được tự do. Ý niệm tuyệt đối đang trực tiếp trở thành sự trực quan chẳng qua là tư duy trừu tượng đang từ bỏ bản thân mình và quyết định trở thành sự trực quan. Toàn bộ sự chuyển biến ấy từ lô-gích học sang triết học tự nhiên chẳng qua là sự chuyển biến - hết sức khó khăn đối với nhà tư tưởng trừu tượng và do đó được nhà tư tưởng trừu tượng miêu tả một cách hết sức hư ảo - từ sự *trừu tượng hoá* sang sự trực quan. Cảm giác thần bí đuổi nhà triết

học từ lĩnh vực tư duy trừu tượng vào lĩnh vực trực quan là sự *buồn chán*, sự buồn nhớ nội dung.

(Con người tha hoá khỏi bản thân mình cũng là nhà tư tưởng tha hoá khỏi *bản chất* của mình, nghĩa là khỏi bản chất người và tự nhiên của mình. Cho nên tư tưởng của anh ta là những tinh thần đã cứng đờ nào đó cư trú ở bên ngoài tự nhiên và bên ngoài con người. Hê-ghen nhập lại làm một và giam hãm tất cả những tinh thần đã cứng đờ ấy vào trong "Lô-gích học" của ông, bằng cách coi mỗi tinh thần ấy trước hết như là sự phủ định, nghĩa là như là *sự tha hoá* của tư duy *con người*, rồi sau đó như là phủ định của phủ định, có nghĩa như là sự tước bỏ sự tha hoá ấy, như là biểu hiện *hiện thực* của tư duy con người; nhưng trong khi còn bị sự tha hoá cầm tù, bản thân sự phủ định của phủ định ấy một phần là sự phục hồi những tinh thần đã cứng đờ lúc đầu trong sự tha hoá của chúng, một phần là sự dừng lại ở hành vi cuối cùng, là sự quy bản thân mình vào bản thân mình trong sự tha hoá, coi như tồn tại đích thực của những tinh thần đã cứng đờ ấy¹⁾; còn một phần, vì sự trừu tượng ấy hiểu bản thân mình và cảm thấy một sự buồn chán vô tận về bản thân mình, cho nên ở Hê-ghen sự từ bỏ tư duy trừu tượng chỉ vận động trong tư duy, tồn tại không

1) Nghĩa là Hê-ghen đem hành vi trừu tượng hoá luẩn quẩn trong bản thân mình thay cho những sự trừu tượng đã cứng đờ ấy; nhờ đó ông có thể chỉ ra nguồn gốc của tất cả những khái niệm không thích đáng ấy, những khái niệm này xét theo nguồn gốc ban đầu của chúng thì thuộc về các nhà triết học cá biệt, ông có thể bao quát chúng trong một cái nhìn và tạo ra một sự trừu tượng cùng cực, bao trùm tất cả với tính cách là đối tượng của sự phê phán để thay cho một sự trừu tượng nhất định nào đó. (Sau này chúng ta sẽ thấy vì sao Hê-ghen tách tư duy khỏi *chủ thể*: nhưng cả giờ đây cũng đã rõ ràng nếu không có con người thì sự hiểu biết của bản chất con người cũng không thể có tính chất người và do đó cả tư duy cũng không thể được coi như là biểu hiện của bản chất con người, với tính cách là một chủ thể có tính chất người và tính chất tự nhiên, có mắt, có tai v.v. sống trong xã hội, trong thế giới và tự nhiên).

cần có con mắt, răng, tai, không có mọi cái, biểu hiện như sự quyết tâm thừa nhận *tự nhiên* với tính cách là bản chất và chuyên vào việc trực quan).

[XXXIII] Nhưng cả đến *tự nhiên* xét một cách trừu tượng cô lập, cố định trong sự tách rời với con người, cũng là *hư vô* đối với con người. Không cần nói ai cũng rõ rằng nhà tư tưởng trừu tượng đã quyết tâm chuyển sang trực quan sẽ trực quan tự nhiên một cách trừu tượng. Giống như lúc trước tự nhiên bị nhà tư tưởng cầm tù trong hình thức - bí ẩn và khó hiểu đối với bản thân anh ta - của ý niệm tuyệt đối, sự vật trong tư duy, sự trừu tượng, thì giờ đây khi anh ta thả tự nhiên khỏi bản thân mình, trong thực tế anh ta cũng chỉ thả khỏi bản thân mình cái *tự nhiên trừu tượng ấy*, *sự trừu tượng thuần tuý* của tự nhiên, nhưng với ý nghĩa là tự nhiên là một tồn tại khác của tư tưởng, là tự nhiên hiện thực, có thể trực quan, khác với tư duy trừu tượng. Hoặc là - nói theo ngôn ngữ của con người - trong khi trực quan tự nhiên, nhà tư tưởng trừu tượng hiểu rằng: những bản chất - trong phép biện chứng thần diệu, anh ta nghĩ rằng anh ta sáng tạo những bản chất này từ hư vô, từ trừu tượng thuần tuý, như là những sản phẩm thuần tuý của một công tác tư tưởng loay hoay trong bản thân mình và không nhìn vào hiện thực thực tế bất cứ ở đâu - bản chất đó chẳng qua là sự *trừu tượng của những quy định của tự nhiên*. Như vậy, toàn bộ tự nhiên đối với anh ta chỉ là sự lặp lại dưới hình thức cảm tính, bên ngoài những sự trừu tượng lô-gích. Anh ta lại *phân tích* tự nhiên và những trừu tượng ấy lần nữa. Như vậy, việc anh ta trực quan tự nhiên chỉ là hành vi khẳng định việc anh ta trừu tượng hoá sự trực quan tự nhiên, chỉ là quá trình sản sinh ra những sự trừu tượng của anh ta, được anh ta lặp lại một cách có ý thức. Chẳng hạn như thời gian là ngang với sự phủ định được quy về bản thân mình (sách đã dẫn, tr.238). Dưới hình thức tự nhiên, sự vận động đã được tước bỏ với tính cách là vật chất phù hợp với

sự sinh thành đã được tước bỏ với tính cách là tồn tại hiện có. Ánh sáng là hình thức *tự nhiên của sự phản xạ vào bản thân*. Vật thể với tính cách là *trăng, sao chổi* là hình thức tự nhiên của cái *mặt đối lập* mà theo "Lô-gích học" thì một mặt là cái *khẳng định dựa vào bản thân mình*, và mặt khác là cái *phủ định* dựa vào bản thân mình. Quả đất là hình thức *tự nhiên* của *căn cứ lô-gích* với tính cách là sự thống nhất phủ định của các mặt đối lập, v.v..

Tự nhiên với tính cách là tự nhiên, nghĩa là chừng nào nó còn khác một cách cảm tính với ý nghĩa bí mật, che giấu trong nó đó, tự nhiên tách rời những trừu tượng ấy, khác với những trừu tượng ấy là *hư không tự bộc lộ ra như là hư không*. Nó là *vô nghĩa* hoặc chỉ có ý nghĩa là tính bên ngoài cần phải tước bỏ.

"Trong quan điểm về *mục đích luận* hữu hạn bao hàm tiền đề đúng đắn là tự nhiên không chứa đựng mục đích tuyệt đối trong bản thân mình" (tr.225).

Mục đích của nó là *khẳng định sự trừu tượng*.

"Tự nhiên biểu hiện ra là ý niệm dưới *hình thức tồn tại khác*. Như vậy, vì ý niệm biểu hiện ra ở đây là sự phủ định bản thân mình, hoặc như *ở ngoài bản thân mình*, cho nên không phải tự nhiên chỉ có tính chất bên ngoài theo ý nghĩa tương đối, so với ý niệm ấy, mà *tính bên ngoài* tạo thành sự quy định trong đó ý niệm biểu hiện ra là tự nhiên" (tr.227).

Phải hiểu *tính bên ngoài* ở đây không phải như là *cảm tính biểu hiện ra bên ngoài* và phơi bày ra đối với ánh sáng, đối với con người cảm tính. Cần phải hiểu tính bên ngoài ở đây theo ý nghĩa sự tha hoá, theo ý nghĩa sự thiếu sót, khuyết điểm không nên có. Vì cái chân thực vẫn còn là ý niệm. Tự nhiên chỉ là *hình thức tồn tại khác* của ý niệm. Và vì tư duy trừu tượng là *bản chất*, nên cái ở bên ngoài nó, xét về bản chất chỉ là cái *bên ngoài*. Nhà tư tưởng trừu tượng thừa nhận rằng *cảm tính, tính bên ngoài* đối lập với tư duy vận động *bên trong bản thân nó* là bản chất của tự nhiên. Nhưng đồng thời anh

ta diễn đạt sự đối lập ấy một cách khiến cho *tính bên ngoài ấy của tự nhiên*, sự *đối lập* của tự nhiên với tư duy là *sự thiếu sót* của tự nhiên khiến cho vì tự nhiên khác với sự trừu tượng cho nên nó là một thực thể không hoàn bị. [XXXIV] Thực thể không hoàn bị không chỉ đối với tôi, không chỉ theo quan điểm của tôi, mà không hoàn bị trong bản thân nó, có ở bên ngoài nó cái nó thiếu, nghĩa là bản chất của nó là cái khác với bản thân nó. Cho nên đối với nhà tư tưởng trừu tượng, tự nhiên phải tự tước bỏ bản thân mình, vì anh ta đã giả định tự nhiên là bản chất đã được *tước bỏ* một cách tiềm tàng.

"Đối với chúng ta tinh thần có tự nhiên làm *tiền đề* của nó, mà bản thân nó là *chân lý của tự nhiên*, và do đó là cái gì đó có *trước một cách tuyệt đối* so với tự nhiên. Tự nhiên *mất đi* trong tính chân thực ấy, và tinh thần biểu hiện như là ý niệm đã đạt được cái tồn tại vì mình của nó, *khách thể* của ý niệm và đồng thời cả *chủ thể* nữa là *khái niệm*. Sự đồng nhất ấy là *tính phủ định tuyệt đối*, vì trong tự nhiên, khái niệm có tính khách quan bên ngoài đầy đủ của nó, nhưng giờ đây sự tự tha hoá ấy của nó đã bị tước bỏ và nó, tức khái niệm, trong sự tự tha hoá ấy đã trở thành đồng nhất với bản thân mình. Như vậy, nó chỉ là sự đồng nhất đó với tính cách là sự quay trở về từ trong tự nhiên" (tr.392).

"*Mặc khải*, với tính cách là *ý niệm trừu tượng*, là bước chuyển trực tiếp sang tự nhiên, là *sự sinh thành* của tự nhiên, với tính cách là *mặc khải* của tinh thần tự do, là việc nó *thiết định* tự nhiên với tính cách là *thể giới của mình*, - sự thiết định này với tính cách là sự phản tự, đồng thời là *tiền đề* của thể giới với tính cách là tự nhiên độc lập. Sự *mặc khải* trong khái niệm là sự sáng tạo ra tự nhiên với tính cách là tồn tại của tinh thần bởi tinh thần, trong đó tinh thần đem lại cho mình sự *khẳng định* và *tính chân thực* của tự do của mình. - *Cái tuyệt đối là tinh thần*; đó là định nghĩa tối cao của cái tuyệt đối"⁸⁰. [XXXIV].

mà sứ mệnh cao cả của trăm buộc trăm phải làm và lòng mến yêu của nhân dân của trăm xứng đáng được hưởng.

Éc-dơ-man-xđoóc-phơ, ngày 5 tháng Tám 1844

(Ký tên) *Phri-drích-Vin-hem*⁸²

Cảm giác trực tiếp là: một tác giả tồi. Bức thư mà một kẻ si tình viết trong lúc hồi hộp sâu sắc cho người yêu của mình không phải là mẫu mực của tu từ học, nhưng chính sự *không rõ ràng* ấy của cách biểu hiện là sự biểu hiện *rõ ràng nhất*, hiển nhiên và làm xúc động trái tim, về quyền lực của tình yêu đối với tác giả của bức thư. Quyền lực của tình yêu đối với tác giả bức thư chẳng qua là quyền lực của người con gái được sủng ái đối với tác giả. Sự không rõ ràng và sự hoàn toàn rối rắm - do sự say mê gây ra ấy - trong văn phong vì thế vỗ về trái tim của người con gái được sủng ái; vì bản chất phản tư, phổ quát của ngôn ngữ và vì thế không gây ra sự tin cậy ở đây đã mang tính chất cá biệt trực tiếp, tính chất quyền lực - tình cảm và do đó gây ra sự tin cậy tuyệt đối. Niềm tin, không có mọi sự ngờ vực, vào sự chân thực của tình yêu mà anh chàng si tình bày tỏ là sự cảm khoái cao nhất đối với anh ta của người con gái được sủng ái, là niềm tin của người con gái đó vào chính mình.

Những nhận xét sơ bộ ấy toát lên những điều sau đây: chúng ta sẽ có sự giúp đỡ không thể lường được đối với nhân dân *Phổ*, nếu chúng ta hoàn toàn không ngờ vực *sự không giả tạo* chân chính của lòng biết ơn của nhà vua. Nhưng chúng ta sẽ đặt sự không giả tạo đó ra ngoài mọi mối ngờ vực, nếu chúng ta chỉ có lòng biết ơn có quyền lực như thế nào đối với tác giả mang vương miện, và chúng ta sẽ chứng minh quyền lực của tình cảm đó đối với tác giả mang vương miện bằng cách chỉ rõ toàn bộ *sự rối rắm về văn phong* của chỉ dụ *tri ân* của nội các. Vì thế chúng tôi hy vọng rằng mục đích của sự phân

MINH HỌA VỀ NHỮNG BÀI TẬP TU TỪ MỚI NHẤT CỦA PHRI-ĐRÍCH VIN-HEM IV TRONG LĨNH VỰC CÁC SẮC LỆNH CỦA NỘI CÁC⁸¹

"Trăm không thể, dù chỉ trong một thời gian ngắn, rời mảnh đất thân yêu mà không công khai bày tỏ, nhân danh trăm và hoàng hậu^{1*} lòng biết ơn sâu sắc tràn đầy trái tim chúng tôi. Có niềm biết ơn ấy là do vô vàn những biểu hiện bằng miệng và bằng thư về niềm mến yêu đối với chúng tôi bắt nguồn từ vụ mưu sát ngày 26 tháng Bảy - niềm mến yêu mà ngay trong thời điểm xảy ra tội ác, đã hân hoan bay đến chúng tôi khi bàn tay của đấng tối cao đã gạt viên đạn độc địa khỏi ngực trăm và quẳng nó xuống đất. Ngược nhìn vị chúa cứu tinh, với tinh thần sáng khoái, trăm bắt tay vào những công việc hằng ngày của trăm để hoàn thành những việc đã bắt đầu, tiến hành những việc đã chuẩn bị, đấu tranh chống cái ác với một niềm tin mới vào thắng lợi, và đối với nhân dân trăm sẽ làm điều

1* - Ê-li-da-bét

tích mang tinh thần yêu nước của chúng tôi sẽ không bị giải thích một cách sai lệch.

"Trẫm không thể, dù chỉ trong một thời gian ngắn, rời mảnh đất thân yêu mà không công khai bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc, nhân danh trẫm và hoàng hậu, tràn đầy trái tim chúng tôi".

Xét về cấu trúc của câu này, trong giây phút đầu tiên có thể nghĩ rằng trái tim của vua và hoàng hậu tràn đầy *nhân danh* của chính mình. Phân vân trước sự tràn đầy lạ lùng ấy, chúng tôi, sau khi suy ngẫm, phát hiện ra rằng mệnh đề phụ: "*trần đầy* trái tim chúng tôi" liên quan đến không phải với "*nhân danh*", mà với "*lòng biết ơn*" hơn. Dùng số ít - "*trái tim chúng tôi*" - để biểu thị trái tim của vua và trái tim của hoàng hậu, số ít ấy có thể hợp lý, được coi là cách viết thoáng trong thơ ca, như là cách biểu hiện nồng thắm sự hoà hợp thắm thiết của cặp vợ chồng cao quý yêu nhau nồng thắm. Cách nói gọn: "nhân danh trẫm và hoàng hậu" - thay vì "nhân danh trẫm và nhân danh hoàng hậu" - dễ dàng dẫn đến chỗ giải thích sai lệch. Các từ "nhân danh trẫm và hoàng hậu" có thể hiểu là nhân danh "*chỉ một mình* vua vì tên của chồng là tên của cả chồng lẫn vợ. Thật ra, đó là đặc quyền của những người vĩ đại - cũng như của cả trẻ em - thay vì từ "tôi" lại dùng *tên* của mình làm chủ ngữ. Thí dụ, Xê-da đã tự cho phép mình - thay vì "tôi đã thắng" - lại nói là: "Xê-da đã thắng". Cả trẻ em cũng không nói: "Tôi muốn đến trường học ở Viên", mà nói: Phri-đrich, Các, Vin-hem v.v muốn đến trường học ở Viên". Nhưng sẽ là một điều mới mẻ nguy hiểm nếu biến cái "tôi" của mình thành chủ ngữ và đồng thời khẳng định rằng cái "tôi" ấy nói nhân danh "bản thân" mình. Lời khẳng định tương tự như vậy sẽ có thể tỏ ra là lời thú nhận rằng con người thường nói ra không phải theo sự thôi thúc của chính mình. "Trẫm không thể, dù chỉ trong một thời gian ngắn, rời mảnh đất thân yêu". Cách nói cũng không thật đạt và dù sao cũng không dễ hiểu để truyền đạt lời bày tỏ: "Trẫm không thể rời, ngay cả

trong một thời gian ngắn, mảnh đất thân yêu mà không bày tỏ..." v.v.. Ở đây sự khó hiểu nảy sinh do chỗ kết hợp ba ý: 1) vua rời mảnh đất thân yêu của mình, 2) ông ta rời nó chỉ một thời gian ngắn 3) ông ta cảm thấy cần bày tỏ lòng biết ơn đối với nhân dân. Việc diễn đạt quá cô đọng như đã công bố về ba ý ấy tạo ấn tượng rằng vua bày tỏ *lòng biết ơn* của mình chỉ vì ông ta rời mảnh đất thân yêu. Nhưng nếu sự biết ơn ấy được phát biểu một cách nghiêm túc, xuất phát tận đáy lòng, thì việc bày tỏ nó không thể xảy ra nhân một nguyên cơ ngẫu nhiên như vậy. Trái tim tràn đầy tình cảm cho chúng có sự toát ra trong bất cứ tình huống nào.

"Nó" (sự biết ơn) "do vô vàn những biểu hiện bằng miệng và bằng thư về niềm mến yêu đối với chúng tôi *bắt nguồn từ* vụ mưu sát ngày 26 tháng Bảy - *niềm* mến yêu mà ngay trong thời điểm xảy ra tội ác đã hân hoan bay đến chúng tôi, khi bàn tay của đáng vạ nạng đã gạt viên đạn độc địa khỏi ngực trẫm và quẳng nó xuống đất".

Không biết vụ mưu sát gây nên niềm mến yêu hay là biểu hiện của niềm mến yêu ấy, nhất là từ "niềm mến yêu" ở dự cách lại xuất hiện sau mệnh đề đệm với tư cách là bộ phận chủ yếu và được làm nổi bật của mệnh đề. Sự tự do về tu từ của việc lặp lại dự cách ấy đã đập vào mắt. Khó khăn tăng lên khi chúng ta xem xét nội dung của mệnh đề đó. Liệu niềm mến yêu thể hiện bằng lời và bằng thư có thể trực tiếp được biểu thị như là chủ thể từng làm âm ĩ trên đường phố, hay không? Liệu có cần có một sự thật theo thứ tự thời gian để trước tiên nói về niềm mến yêu đã thể hiện ngay trong thời gian xảy ra sự kiện, và chỉ sau đó mới nói đến những biểu hiện muộn hơn của niềm mến yêu dưới hình thức văn bản và bằng lời, hay không?

Liệu có cần phải tránh sự nghi ngờ về việc vua muốn đồng thời vỗ về cả đối với giới quý tộc, cả đối với dân chúng hay không? Đối với *giới quý tộc* - vì những biểu hiện lòng mến

yêu của nó bằng lời và bằng văn bản, tuy về thời gian chúng đã xảy ra muộn hơn so với những biểu hiện lòng mến yêu từ phía dân chúng, nhưng xét về tác động của chúng, chúng vẫn có thể khơi dậy lòng biết ơn trong trái tim nhà vua sớm hơn; *đối với dân chúng* - vì lòng mến yêu hoan hỉ của họ ở đây được tuyên bố là lòng mến yêu mà xét về thực chất thì đồng nghĩa với những biểu hiện bằng văn bản và bằng lời của giới quý tộc; do đó, đối với lòng mến yêu thì tính chất quý tộc của nguồn gốc bị huỷ bỏ. Cuối cùng, dường như không thật đúng chỗ lắm nếu bắt chúa phải trực tiếp dùng bàn tay của mình để gạt "viên đạn độc địa"; mọi tư duy nhất quán dần dần đều có thể trên cơ sở đó đi tới kết luận sai lệch cho rằng chúa có thể vừa đồng thời hướng bàn tay của kẻ phạm tội nhằm vào nhà vua, lại vừa gạt *viên đạn độc địa* khỏi nhà vua; vì làm sao có thể giả định hành động một chiều của chúa được?

"Ngược nhìn chúa cứu tinh, với tinh thần sáng khoái trăm bắt tay vào những công việc hàng ngày của trăm để hoàn thành những việc đã bắt đầu, tiến hành những việc đã chuẩn bị, đấu tranh chống cái ác với một niềm tin mới vào thắng lợi và đối với nhân dân trăm sẽ làm điều mà sứ mệnh cao cả của trăm buộc trăm phải làm và lòng mến yêu của nhân dân của trăm xứng đáng được hưởng".

Có lẽ không thể nói: "trăm bắt tay vào", "để thành cái gì đó". May lắm có thể bắt tay vào "để trở thành cái gì đó". Ít ra, sự vận động, trong ý nghĩa trở thành, xuất hiện với tư cách là kết quả của sự vận động "bắt tay vào", tuy chúng tôi không thiên về việc khuyên dùng cách nói sau cùng này là cách nói đúng đắn. Việc đức vua "*bắt tay, ngược nhìn chúa*" để "hoàn thành những việc đã bắt đầu, tiến hành những việc đã chuẩn bị", hình như không hứa hẹn hoàn thành thắng lợi cũng như tiến hành có kết quả. Để hoàn thành cái đã bắt đầu và tiến hành cái đã chuẩn bị, muốn thế cần kiên quyết hướng ánh mắt của mình đến cái đã bắt đầu và cái đã chuẩn bị ấy, chứ không phải nhìn vào nơi xa thẳm mờ mịt, sao nhãng những đối tượng đó. Người nào thực sự "bắt tay vào, mà hướng ánh mắt tới chúa",

thì liệu có "*hoà tan*" trong việc ngắm nhìn chúa, hay không? Tất cả những kế hoạch và ý đồ *trần thế* của người đó liệu có *bay đi mất* hay không? Câu cuối cùng tách riêng ra bằng dấu phẩy như là cái độc lập tự tại - "niềm mến yêu của nhân dân của trăm xứng đáng được hưởng" dường như ngụ ý đến phần kết thúc chưa nói hết, tiềm ẩn của mệnh đề phụ có thể nói chẳng hạn như thế này: "xứng đáng được ăn roi của con rể của trăm là Ni-cô-lai và chính sách của người cha đỡ đầu Mét-téc-ních của trăm" hoặc "đáng được hưởng hiến pháp nửa vời của hiệp sĩ Bun-den"⁸³.

*Do C.Mác viết khoảng ngày 15 tháng
Tám 1844
Đã đăng không ký tên trên báo "Vorwärts!"
số 66, ngày 17 tháng Tám 1844*

*In theo bản in trên báo
nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

THÁNG GIÊNG - THÁNG TÁM 1844

BÁO CHÍ VÀ NHỮNG KẺ CHUYÊN CHẾ ĐỨC⁸⁴

Bạn đọc của chúng tôi đã biết về việc truyền bá nhanh chóng ở Đức các nguyên lý cộng hoà và cộng sản mà thành công của chúng đã gây ra trong thời gian gần đây nỗi khủng khiếp phi thường ở bọn kẻ cướp đội vương miện và các cố vấn của chúng trong đại liên minh các quốc gia này⁸⁵. Vì vậy người ta thi hành những biện pháp đàn áp bổ sung để ngăn trở sự phát triển của những "học thuyết nguy hiểm" ấy, đặc biệt là ở Phổ. Như đã thấy rõ, vào năm 1834 ở Viên đã có một cuộc hội nghị bí mật của những đại biểu toàn quyền, hội nghị đã thông qua nghị định thư mà mãi gần đây mới công bố; nghị định thư ấy quy định nhưng hạn chế hết sức ngặt nghèo đối với báo chí và tuyên bố "quyền thần thánh" của các vua chúa, coi đó là quyền đứng cao hơn tất cả mọi cơ quan lập pháp và mọi cơ quan dân cử khác. Chúng tôi xin dẫn ra điều khoản thứ mười tám, đó là mẫu mực của nguyên tắc của "Liên minh thần thánh" được dẫn ra trong nghị định thư khủng khiếp ấy. Điều khoản đó nói⁸⁶:

"Đứng trước sự đe dọa của bất cứ sự vi phạm nào của các hội nghị đẳng cấp đối với những mệnh lệnh bắt nguồn từ các nghị quyết của Nghị viện liên minh năm 1832, các vua chúa phải giải tán những hội nghị đó và phải nhận được sự chỉ viện quân sự, với tư cách là sự ủng hộ, từ phía những thành viên khác của Liên minh".

Để chứng minh việc sự công bằng và tự do báo chí ở Phổ được hiểu như thế nào, có thể nói thêm rằng các cơ quan kiểm duyệt ở Khuên, Muyn-xtơ và những thành phố Thiên chúa giáo khác đã được lệnh hết sức nghiêm ngặt là không cho phép đăng lại các tài liệu về những phiên toà đang tiến hành hiện nay ở Ai-rơ-len⁸⁷. Một tờ báo Đức có ý định cử một nhà báo hoặc

một phóng viên đến Đu-blin, nhưng hoàn toàn không có hy vọng là người ta sẽ cho phép công bố dù chỉ là một bức thư của người đó. Nhưng tự do rồi cũng sẽ thắng, bất chấp nhà tù và lưỡi lê của bọn chuyên chế Đức.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối tháng
Giêng - đầu tháng Hai 1844
Đã đăng không ký tên trên báo "The
Northern Star" số 325, ngày 3 tháng
Hai 1844*

*In theo bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

*** THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO
"THE NORTHERN STAR"^{1*}**

Tôi định gửi cho các ông để sử dụng cho báo "Star"^{1*} những tin bài nói rõ thành tích của đảng phong trào trên lục địa, những đoạn trích các báo Đức và những đoạn trích thư của bản thân tôi với những nhân vật rất am hiểu ở Pa-ri và ở Đức. Tôi hài lòng nhận xét rằng báo của các ông đăng thông tin về tình hình dư luận xã hội ở Pháp một cách rộng rãi hơn và tốt hơn tất cả những báo tiếng Anh khác gộp lại; và tôi cũng muốn đặt các ông vào tình hình y như vậy đối với nước Đức. Tình hình chính trị ở Đức ngày càng có ý nghĩa lớn. Trong thời gian sắp tới, chúng ta sẽ thấy ở đó một cuộc cách mạng chỉ có thể kết thúc bằng việc thiết lập chế độ cộng hoà liên bang⁸⁹. Đồng thời tôi sẽ không giới hạn ở nước Đức, tôi sẽ thông báo cho các ông cả về Thụy Sĩ, Áo, I-ta-li-a, Nga v.v. tất cả những gì có thể gây sự quan tâm đối với bạn đọc của các ông; và tôi hoàn toàn dành cho các ông quyền sử dụng những tài liệu tôi gửi đến theo cách mà các ông thấy cần.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng
Tư 1844
Đã đăng không ký tên trên báo "The
Northern Star" số 338, ngày 4 tháng
Năm 1844*

*In theo bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong tạp chí "Những vấn đề
lịch sử Đảng Cộng sản Liên
Xô" số 11, 1970*

1* - "The Northern Star"

**Một đoạn trích bức thư của Ph.Ăng-ghen gửi báo "The Northern Star",
được dẫn trong bài xã luận của báo này,
số ra ngày 4 tháng Năm 1844**

*TÌNH HÌNH Ở PHỔ⁹⁰

Khi Phri-đrich - Vin-hem IV lên ngôi, trên toàn châu Âu không có một ông vua nào được nổi tiếng hơn. Còn giờ đây thì không có gì mất lòng người hơn; không một người nào có thể sánh kịp ông ta, ngay cả Nga hoàng Ni-cô-lai, người mà chỉ ít cũng được những người nô lệ bị hạ nhục của ông ta, trong sự đần độn súc vật nhẩn nhục của họ, tôn kính. Vua Phổ, người lớn tiếng tự xưng là "ông vua Cơ Đốc giáo" và đã biến triều đình của mình thành một đám lỗ bịch nhất gồm những kẻ thánh thần khóc thút thít và những kẻ cung đình đạo đức giả, đã làm tất cả những gì có thể làm được để mở mắt cho dân tộc, và không phải không thành công. Ông ta bắt đầu từ chủ nghĩa tự do bên ngoài, sau đó bắt đầu củng cố chế độ phong kiến và kết thúc bằng việc thiết lập chế độ cai trị theo lối cảnh sát - mật vụ. Báo chí bị kiểm duyệt và truy tố trước toà án một cách ngặt nghèo nhất, hơn nữa các quan toà được vua trả tiền và vua bãi miễn, tiến hành xét xử không có sự tham gia của các viên bồi thẩm và xử trong phòng kín. Đàn áp đã trở thành việc bình thường. Sinh viên Béc-lin bắt đầu triệu tập những cuộc hội nghị và thảo luận các vấn đề chính trị: những cuộc hội nghị ấy đã bị cảnh sát đình chỉ, các diễn giả bị bắt, bị truy tố trước toà án, một số người trong bọn họ bị đuổi khỏi trường đại học. Tiến sĩ Nau-véc, giảng viên của trường đại học, giảng giáo trình về chính trị hiện đại và không sợ phát biểu các quan điểm cộng hoà của mình; những tên mật vụ của bộ bắt đầu đến nghe ông giảng và, cuối cùng, cách đây gần một tháng những bài giảng ấy bị cấm bằng sự can thiệp phi pháp của bộ trưởng^{1*}. Trường đại học phản đối sự can thiệp như

1* - I.Ai-sơ-hoóc-nơ

vậy, một số giáo sư đã công bố lời phản kháng; và vì tội khủng khiếp đó giờ đây họ đang bị truy nã. Trong quá trình một số cuộc biểu tình của sinh viên tiến hành vào tháng Hai, đã vang lên những lời hô to hoan nghênh giáo sư Hốp-man, người đã bị sa thải do công bố những bài thơ trào phúng. Hậu quả của điều đó là nửa tá sinh viên lại bị đuổi khỏi trường đại học, khiến họ mất quyền giữ bất cứ chức vụ nào trong các cơ quan chính phủ hoặc hành nghề y tế. Ở Đuyt-xem-đoóc-phơ, ở vùng Ranh, cuộc diễu hành hoá trang hàng năm trong thời gian hội hóa trang đã bị cảnh sát chặn lại vì một số lời ám chỉ chính trị, và những người tội nghiệp ở Đuyt-xem-đoóc-phơ thậm chí không được phép đi tới Khuên để tham gia đám rước ở đấy.

Đó chỉ là một số ít biện pháp trong số những biện pháp đàn áp, trong đó chính phủ bộc lộ các ý đồ của mình, và những biện pháp đó đã tác động đáng kinh ngạc đến sự phát triển của dư luận xã hội. Chúng đã đưa dân tộc ra khỏi trạng thái ngủ lịm về mặt chính trị và đã khuấy động giấc ngủ đó đến mức ngay cả những người kỳ cựu nhất và hăng hái nhất đi theo "vị vua Cơ Đốc giáo" cũng bắt đầu lo sợ về sự bền vững của trật tự hiện hành. Sự bất bình tăng lên ở khắp mọi nơi và trở nên hầu như phổ biến ở tỉnh Ranh, Đông Phổ, Pô-dơ-nan, ở Béc-lin và ở tất cả những thành phố lớn. Nhân dân kiên quyết quyết định bước đầu giành cho được tự do báo chí và hiến pháp. Nhưng khắp nước Đức đã tích tụ biết bao nhiêu chất liệu dễ cháy, còn các sắc thái ý kiến thì muôn màu muôn vẻ đến nỗi không thể dự đoán được phong trào sẽ dừng lại ở đâu, một khi nó đã thực tế bắt đầu. Dù sao nó cũng sẽ phát triển theo hướng dân chủ; điều đó hoàn toàn hiển nhiên.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Tư 1844

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 338, ngày 4 tháng Năm 1844 với lời ghi chú của ban biên tập: "Bài của phóng viên riêng của bản báo"

In theo bản in trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

*TỪ NƯỚC ĐỨC⁹¹

Ở viện dân biểu của đại công quốc Ba-đen, đại biểu thuộc phái tự do ông Ven-cơ, huân tước địa phương Giôn Rốt-xen, đã van xin chính phủ thi hành việc gì đó để thực hiện những nguyện vọng chưa được thoả mãn của nhân dân.

"Vì, - ông ta nói, - tôi đi chu du nhiều đến khắp tất cả các miền của nước Đức và đã gặp rất nhiều người thuộc những tầng lớp khác nhau và từ những miền khác nhau của đất nước; và tôi sẽ nói dối, nếu tôi không thực hiện những nghĩa vụ của mình với tư cách là đại biểu của nhân dân, nếu tôi không tuyên bố rằng ở khắp nơi nguyên tắc cai trị của chế độ quân chủ ngày càng mất chỗ dựa trong ý thức của tất cả mọi giai cấp trong dân tộc Đức. Vì thế tôi van xin các bộ trưởng đừng tiếp tục cản trở sự diễn biến của dư luận xã hội, vì nếu trong thời gian tới không làm được cái gì đó, nếu sự rạn nứt giữa các chính phủ của tổ quốc chúng ta và nhân dân trở nên càng sâu sắc hơn thì không ai có thể nảy sinh mây may sự nghi ngờ nào về những hậu quả sẽ như thế nào".

Lời xác nhận của ông Ven-cơ về sự truyền bá các quan điểm cộng hoà ở Đức cần phải đánh giá là không thể bác bỏ nhất trong

số tất cả mọi lời xác nhận có thể có, vì thành công của phong trào đó làm cho bản thân ông ta sợ thậm chí nhiều hơn là chính phủ sợ, và vì những quan điểm đó hoàn toàn trái ngược với những hy vọng của bản thân ông ta.

Ông Phri-drích Stai-nơ-man một thời gian bị thẩm vấn về việc công bố quyển sách phê phán kịch liệt Chính phủ Áo, bị kết án giam giữ tám tháng trong pháo đài, tuy ông cư trú ở Phổ và xuất bản quyển sách của mình cũng chính ở đấy⁹². Người truy tố ông không phải là Chính phủ Áo, mà là Chính phủ Phổ, và toà án xử ông là toà án Phổ.

Tiến sĩ Stơ-rau-xơ, tác giả quyển "Cuộc đời của Giê-xu", đang chuẩn bị một tác phẩm tương tự như vậy về "Các công tích của các thánh đồ"⁹³ mà ông dĩ nhiên sẽ lý giải nó y như ông đã lý giải kinh Phúc âm trong tác phẩm trước đó của ông.

Hiện nay giới ngoại giao Nga rất tích cực hành động bên cạnh các triều đình Đức nhằm mục đích đạt được việc thi hành một số biện pháp chống sự phê phán kịch liệt của báo chí Đức đối với chính sách của Nga hoàng^{1*}. Tâm trạng bài Nga giờ đây đã trở thành hầu như phổ biến ở Đức, gần đây được biểu hiện trên tất cả các báo và trong đa số các cuốn sách, làm cho kẻ chuyên chế lo lắng. Nhưng may thay, ông ta không thể ngăn chặn việc công bố chúng.

NHỮNG LÀN SÓNG ĐẤU TRANH QUAN TRỌNG Ở MUYN-KHEN

Ngày 3 tháng này ở Muyn-khen đã xảy ra những làn sóng đấu tranh do việc nâng giá bia gây ra. Những sự lộn xộn đã mang tính

1* - Ni-cô-lai 1

chất nghiêm trọng, và trong cuộc đàn áp chúng không thể không có đổ máu do sử dụng các đơn vị quân đội đã thi hành lệnh trực tiếp của vua^{2*}, xả súng bắn vào đám đông tay không, giết chết một số người và làm bị thương những người khác. Những tin tức tiếp theo được dẫn ra dưới đây cho thấy rằng nhân dân đã giành được thắng lợi, còn nhà vua thì đã buộc phải nhượng bộ; vấn đề là kẻ giết người đội vương miện ấy *đã lo sợ công cụ của bản thân ông ta - quân đội - có thể quay lại chống chính ông ta!*

Muyn-khen, ngày 5 tháng Năm.

"Sự yên tĩnh đã được khôi phục ở thành phố chúng ta, nhưng không thể phủ nhận rằng uy tín của nhà vua đã bị giảm đáng kể trong tiến trình dàn xếp cuộc xung đột. Sau khi nhà vua bày tỏ việc ông rõ ràng không muốn chấp nhận bất kỳ sự dàn hoà hoặc sự thoả hiệp nào, sau khi ông đích thân ra lệnh cho binh lính bắn vào dân chúng, và hơn nữa bắn họ lúc ông có mặt, nhà vua đã kết thúc bằng việc ông đã đề nghị những người sản xuất bia nhượng bộ các yêu sách của nhân dân. Sáng nay ở các ngã tư tất cả các đường phố người ta đã treo thông cáo nói rằng sẽ không nâng giá bia lên, và dân chúng hình như đã thoả mãn, nhưng đồng thời họ giữ kín lòng thù địch ngấm ngấm đối với nhà vua về việc nhà vua ra lệnh bắn vào họ, cái mệnh lệnh trả giá bằng sinh mạng của mấy người dân thành phố này.

2* - Lút-vích 1

Xem ra, nhà vua nhượng bộ chủ yếu vì
quân đội đã bộc lộ sự trung thành hết sức
vừa phải đối với ông ta và hoàn toàn không
muốn bắn vào dân chúng".

Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
đầu tháng
Năm
1844
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
340, ngày
18 tháng
Năm
1844 với
lời ghi
chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên riêng
của bản
báo"

In theo bản
in trên báo
Nguyễn văn
là tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu

SỐ PHẬN CỦA KẺ PHẢN BỘI⁹⁴

Bá tước A-dam Gu-rốp-xki từng tích cực tham gia cuộc cách mạng năm 1830⁹⁵, về sau phản bội đảng mình, đã được phép trở về nước; ở đây ông ta có được sự nổi tiếng chẳng hay ho gì vì một số ấn phẩm, trong đó ông ta khuyên đồng bào mình coi việc thủ tiêu nền độc lập của họ là sự trừng phạt của chúa mà họ phải nhẫn nhục khuất phục và đi tìm sự an náu ở ngai vàng của ông vua hùng mạnh mà chúa đã trao vào tay ông ta số phận của họ⁹⁶. Ông ta nói với họ rằng Ba Lan sẽ không thể có số phận nào tốt hơn là rơi vào ách của Nga, rằng bốn phận trực tiếp của họ là từ bỏ mọi hy vọng được độc lập và rằng cuối cùng chính phủ Nga hoàng là chính phủ tốt nhất trong số những chính phủ tồn tại trên thế gian. Dĩ nhiên, ông ta hy vọng Ni-cô-lai thưởng cho ông ta, nhưng kẻ chuyên chế đó quá thận trọng nên không tin tên phản bội. Ni-cô-lai sử dụng ông ta rồi quẳng đi, cho ông ta một chức vụ thứ yếu mà Gu-rốp-xki không nhận khi ông ta thấy rằng hoàn toàn không có hy vọng thăng tiến trong công vụ; thậm chí ông ta không thể khôi phục quốc tịch mà ông ta đã mất vì tham gia vào cuộc khởi nghĩa; và cuối cùng ông ta quyết định lại rời bỏ Ba Lan để tìm chỗ nương náu ở Phổ, sau khi tới Bre-xlau^{1*}, ông ta đề nghị các nhà chức trách coi ông ta là quân nhân đào ngũ. Bị đồng bào mình - mà sự nghiệp của họ đã bị ông ta bán rẻ, - bị tất cả các đảng phái ở châu Âu khinh bỉ, bị Nga hoàng bỏ rơi, ông ta có ý định đi Mỹ, chắc hẳn hy vọng rằng tiếng xấu của ông ta sẽ không đi theo ông ta sang bên kia đại dương.

1* Tên gọi hiện nay là Vrốp-xláp.

Chế độ sắt đá mà chính phủ chuyên chế Nga dùng để cai trị Ba Lan, cả hiện nay cũng tác động một cách nghiệt ngã như bất cứ lúc nào. Người ta đang làm tất cả mọi cái có thể làm được để trên mỗi bước đi đều nhắc nhở người Ba Lan bất hạnh rằng người Ba Lan là nô lệ. Ngay cả trên những cột số ở bên lề đường, những chữ đề cũng phải khắc bằng tiếng Nga và bằng chữ cái tiếng Nga; không được phép dùng một từ Ba Lan nào. Tiếng Ba Lan bị gạt ra khỏi toàn bộ công việc xét xử. Bài hát Đức "Chú bé Di-gan phương Bắc" không chứa đựng mảy may ngụ ý về nước Nga lẫn về Ba Lan, mà chỉ bày tỏ nguyện vọng to lớn muốn trở về quê hương, đã được dịch ra tiếng Ba Lan, nhưng cơ quan kiểm duyệt Nga cấm, coi là bài hát yêu nước và vì vậy dĩ nhiên là bài hát phản nghịch. Và không có gì là lạ khi ta thấy Ni-cô-lai tìm cách bắt báo chí Đức - kênh duy nhất mà qua đó thế giới biết được về những sự kiện tương tự như vậy - phải im hơi lặng tiếng. Song tôi phải thông báo một sự thật nữa: sáu người Ba Lan, lính của trung đoàn biên phòng Nga, đã đào ngũ, nhưng chưa kịp tới đất Phổ thì đã bị tóm cổ. Họ bị kết án mỗi người 1.500 ror; việc trừng phạt đã được tiến hành, người thân của họ được lệnh phải có mặt lúc đó; chỉ có ba người trong số sáu người chịu được nhục hình ấy.

*Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
đầu
tháng
Năm
1844
Đã đăng
trên báo
"The*

*In theo bản
tên trên báo
Nguyên văn
là tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu*

*Northern
Star" số
340, ngày
18 tháng
Năm
1844 với
lời ghi
chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên
riêng của
bản báo"*

NHỮNG CUỘC NỔI LOẠN VÌ BIA⁹⁷

Bia Ba-vi-e là loại bia nổi tiếng nhất trong số tất cả những loại thức uống này sản xuất ở Đức, và điều hoàn toàn dễ hiểu là dân cư Ba-vi-e rất thích dùng nó và dùng với số lượng khá lớn. Chính phủ đã ấn định thuế bia mới bằng 100 si-ling ad valorem^{1*}, do đó đã bùng lên một cuộc nổi loạn tiếp diễn hơn bốn ngày. Công nhân tụ tập thành những đám đông, tổ chức những cuộc diễu hành trên đường phố, bao vây các quán bia, đập vỡ cửa sổ, đập gãy đồ gỗ và phá huỷ tất cả những gì họ gặp trên đường đi, để bằng cách đó trả thù về việc nâng giá thứ đồ uống ưa thích của họ. Quân đội được điều tới, nhưng khi lệnh "lên ngựa" được phát ra, một trung đoàn cận vệ kỵ binh đã *khước từ thực hiện lệnh đó*. Những người tham gia cuộc nổi loạn đã hành hung tàn khốc và làm hại nặng nề bọn cảnh sát, đội ngũ đáng ghét đối với nhân dân như ở mọi nơi; ở tất cả những khu vực trước đây được cảnh sát bảo vệ, người ta đã phải bố trí binh lính, do có quan hệ tốt với dân chúng, họ ít gây ra sự tức giận hơn và đã tỏ ra *rõ ràng không muốn can thiệp* vào vụ này. Họ chỉ can thiệp khi cung điện nhà vua bị tấn công, và đồng thời họ thoả mãn với việc chỉ chiếm giữ vị trí cho phép không để những người nổi loạn xông vào cung điện. Tối hôm sau (ngày 2 tháng Năm), sau khi tiếp nhiều vị khách quý phái trong cung điện của mình nhân dịp vừa mới tổ chức đám cưới của một trong những thành viên của gia đình nhà vua, nhà vua^{2*} lên đường đi tới nhà hát; nhưng sau màn thứ nhất khi đám đông tụ tập ở nhà hát dọa tấn công

1* - tính trên giá trị

2* - Lút-vích I

ông ta, tất cả mọi khán giả đều rời phòng để tìm hiểu xem sự thể thế nào. Nhà vua và các vị khách quyền quý của ông ta đành phải đi theo công chúng để khỏi ở lại đơn độc tại chỗ của mình. Các báo Pháp khẳng định rằng nhân dịp đó vua đã ra lệnh cho những người lính được bố trí ở nhà hát nổ súng bắn vào dân chúng, nhưng *binh lính không chịu bắn*. Các báo Đức không nhắc đến điều này, như báo chí bị kiểm duyệt thường phải làm như vậy. Nhưng vì các báo Pháp nhiều khi ít am hiểu các sự kiện bên ngoài, nên chúng tôi không thể đảm bảo tính xác thực của lời khẳng định đó. Song, qua tất cả những điều đó, thấy rằng vua - nhà thờ (Lút - vích, vua của Ba-vi-e, là tác giả của ba tập thơ khó đọc, của tập sách hướng dẫn tham quan một trong những lâu đài của ông⁹⁸ v.v.) đã rơi vào tình thế rất khó xử trong thời gian cuộc bạo động đó. Ở Muyn-khen, một thành phố nhan nhản lính và cảnh sát, nơi có dinh thự của triều đình nhà vua, cuộc nổi loạn kéo dài bốn ngày, và mặc dù sự có mặt của một số lượng lớn quân đội, những người tham gia cuộc bạo động cuối cùng đã đạt được mục đích của mình. Nhà vua đã khôi phục sự yên tĩnh bằng cách ra sắc lệnh hạ giá mỗi quác-tơ bia từ 10 croi-xơ (3¼ pen-ni) xuống còn 9 croi-xơ (3 pen-ni). Mà một khi dân chúng được biết rằng bằng cách đe dọa chính phủ, họ có thể bắt chính phủ phải từ bỏ hệ thống thuế khoá của mình thì dân chúng, sẽ hiểu ra ngay rằng cũng sẽ dễ dàng đe dọa chính phủ cả khi có những vụ việc quan trọng hơn.

Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào giữa
tháng
Năm
1844

In theo bản
in trên báo
Nguyễn
văn là
tiếng Anh
In bằng
tiếng Nga

*Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
341,
ngày 25
tháng
Năm
1844 với
lời ghi
chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên
riêng của
bản báo"*

lần đầu

* VỀ SỰ GIẢ DỐI CỦA TÔN GIÁO Ở PHỔ⁹⁹

Giới cố đạo của nước này được hưởng sự che chở và sự ưu ái đặc biệt của chính phủ hiện nay, ngày càng trở nên kiêu căng. Thí dụ, cách đây không lâu ở Béc-lin, một số mục sư lần lượt khước từ thực hiện nghi thức kết hôn vào ngày thứ bảy; họ giải thích rằng

sở dĩ họ từ chối là vì sáng chủ nhật các cặp tân hôn chưa chắc có thể dậy được trong một trạng thái tinh thần thích đáng để làm lễ ngày chúa, nếu họ làm lễ kết hôn vào hôm trước! Dĩ nhiên những người dân Béc-lin rất ít quan tâm đến việc làm lễ ngày chủ nhật một cách thoả đáng, mà trái lại, đã làm cho ngày chủ nhật trở thành ngày vui nhất trong tuần, họ lớn tiếng tuyên bố rằng đảng cầm quyền có ý định áp dụng ở chỗ họ "*ngày chủ nhật kiểu Anh*" mà họ không biết có gì khủng khiếp hơn thế. Và thật vậy, ngày chủ nhật kiểu Anh hết sức xa lạ với phong tục và tập quán của tất cả các dân tộc trên lục địa châu Âu.

<i>Do</i>	<i>In theo bản</i>
<i>Ph.Ăng-ghen viết</i>	<i>in trên báo</i>
<i>vào giữa</i>	<i>Nguyễn Văn</i>
<i>tháng</i>	<i>là tiếng Anh</i>
<i>Năm</i>	<i>In bằng</i>
<i>1844</i>	<i>tiếng Nga</i>
<i>Đã đăng</i>	<i>lần đầu</i>
<i>trên báo</i>	
<i>"The</i>	
<i>Northern</i>	
<i>Star" số</i>	
<i>341,</i>	
<i>ngày 25</i>	
<i>tháng</i>	
<i>Năm</i>	
<i>1844 với</i>	
<i>lời ghi</i>	
<i>chú của</i>	
<i>ban biên</i>	
<i>tập: "Bài</i>	
<i>của</i>	
<i>phóng</i>	

*viên
riêng của
bản báo"*

*** TIN TỨC TỪ XANH-PÊ-TÉC-BUA**

Ở Xanh-Pê-téc-bua đã xảy ra những thay đổi quan trọng trong thành phần nội các¹⁰⁰. Bộ trưởng tài chính, ông Can-crin đã bị thất sủng, về bộ trưởng cảnh sát, bá tước Ben-ken-đoóc-phơ nổi tiếng cũng có tin y như vậy. Rõ ràng Ni-cô-lai đang dốc tối đa công sức để duy trì hệ thống đang bị tan rã một cách nhanh chóng. Tâm trạng bài Nga ở Đức và ở những nước châu Âu khác không ngừng phát triển, mặc dù đạo quân những người viết lách được Ni-cô-lai trả tiền cố gắng hết sức. Tình hình tài chính của chính phủ là khó khăn chủ yếu; sự xa hoa của triều đình, đạo quân đông vô kể những cảnh sát và gián điệp, những khoản chi tiêu cho các nhà ngoại giao, gián điệp, phóng viên, những mưu kế bí mật và những vụ mua chuộc trên toàn châu Âu, cho quân đội cùng hạm đội và cho những cuộc chiến tranh vô tận chống người Tréc-kê-xi đã ngốn tất cả những gì có thể bòn nhặt được bằng thuế khoá và công trái¹⁰¹. Chính sách bảo hộ của ông Can-cơ-rin trong lĩnh vực thương mại đã làm cho ngoại thương ở một số miền của đế quốc hầu như không thể tiến hành được và đã bị thất bại trong mưu toan xây dựng trong nước một hệ thống công nghiệp nước nhà. Trong tầng lớp quý tộc phân biệt rõ ba nhóm - nhóm triều thần, tầng lớp quý tộc địa chủ cũ và các sĩ quan quân đội. Thường xuyên bày mưu tính kế chống lại nhau, song suy cho cùng họ theo đuổi một mục đích chung là có được ảnh hưởng đặc biệt đối với cá nhân hoàng đế, ông này cũng như tất cả mọi kẻ

chuyên chế, rốt cuộc chỉ là công cụ trong tay các sủng thần của mình.

Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào giữa
tháng
Năm
1844
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
341, ngày
25 tháng
Năm
1844 với
lời ghi
chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên riêng
của bản
báo"

In theo bản in
trên báo
Nguyên văn là
tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu
trong tạp chí
"Những vấn đề
lịch sử Đảng
Cộng sản Liên
Xô" số 11, 1970

*TỪ NƯỚC PHÁP¹⁰²

Ở Ri-vơ-đơ - Gi-ê cách Li-ông không xa, đã xảy ra một cuộc bãi công nghiêm trọng của thợ mỏ do sự bất bình về tiền lương và những sự xúc phạm khác gây ra. Cuộc bãi công đó diễn ra, về cơ bản, dưới những hình thức như các cuộc bãi công ở nước Anh: diễu hành có mang cờ, mít-tinh, đe dọa những kẻ phá hoại bãi công v.v.. Cuộc bãi công tiếp diễn gần sáu tuần; một số người bị bỏ tù vì bị buộc tội âm mưu lật đổ, tuy dường như đã không có vụ lộn xộn nào nghiêm trọng. Theo thông báo, cuối cùng công nhân đã trở lại mỏ, nhưng thông báo không nói gì về việc mục đích của cuộc bãi công có đạt được hay không.

CUỘC BIỂU TÌNH CỦA PHÁI CỘNG HOÀ

Bản tin dưới đây của phóng viên báo "Weekly Dispatch" về cuộc hội họp của các lực lượng cộng hoà nhân dịp đám tang ông La-phít-tơ¹⁰³ đáng được chú ý như là điều xác nhận ảnh hưởng to lớn của những người cộng hoà ở Pa-ri và việc cuộc cách mạng ở nước này chắc chắn đã tới gần.

"Tuy trong thời gian diễn ra đám tang của ông Giắc La-phít-tơ nổi tiếng, ngày 30 tháng trước^{1*}, không xảy ra vụ lộn xộn nào, thế nhưng đảng cộng hoà đã tiến hành một cuộc biểu dương hùng hậu lực lượng của mình. Năm nghìn sinh viên các trường y và trường luật họp lại để tưởng niệm con người

1* - ngày 30 tháng Năm 1844

mà toàn bộ cuộc đời (trừ một ngoại lệ bất hạnh) đã hiến dâng cho sự nghiệp tự do chính trị. Sai lầm duy nhất ấy - cụ thể là việc đưa Lu-i - Phi-líp lên ngôi - ông đã chuộc một phần trong viện dân biểu bằng cách xin chúa và mọi người tha thứ về tác hại khủng khiếp đã gây ra, với sự giúp đỡ của ông, đối với nước Pháp và đối với

toàn bộ thế giới văn minh. Năm nghìn sinh viên đã tiễn La-phít-tơ đến nơi an nghỉ cuối cùng đều trung thành với tinh thần cộng hoà; tất cả những người ấy đều là những người đấu tranh nồng nhiệt cho tự do chính trị. Những con người trẻ tuổi cao thượng ấy, cùng với những sinh viên đã được quân sự hoá của các trường kỹ thuật tổng hợp, là niềm hy vọng của nước Pháp trẻ. Chỉ mong họ trừ tiệt trong tim họ thứ linh cảm thù hằn vô lý đó đối với nước Anh, thứ tình cảm ấy lại có thể đẩy họ vào một cuộc chiến tranh chỉ vì sự cạnh tranh dân tộc, chỉ mong họ học được cách tôn trọng người đồng minh của mình sống trên đảo, coi đó là một lực lượng tay nắm tay cùng họ đi theo con đường văn minh, - và sẽ đến ngày những người trẻ tuổi ấy - thế hệ đang lớn lên bị báo chí bảo thủ của cả hai nước khinh bỉ ấy - có sứ mệnh định đoạt số phận của nước Pháp. Trong cuộc cách mạng năm 1830, những sinh viên đã quân sự hoá, tuổi từ 16 đến 18, đã trở thành những người chỉ huy quân sự của nhân dân trong cuộc đấu tranh khùng khiếp này chống quân đội của nhà vua. Sau khi Lu-i - Phi-líp chết, phái cộng hoà chắc chắn sẽ tuyên bố các nguyên tắc của mình là những nguyên tắc duy nhất có thể chấp nhận đối với nước Pháp và đối với lợi ích của Pháp; và các sinh viên trẻ tuổi của Pa-ri phải đoàn kết

với nhân dân trên vũ đài chính trị, trở thành những cố vấn của nhân dân với tinh thần sẵn sàng và lòng trung thành như cách đây mười bốn năm về trước họ đã đưa nhân dân đến thắng lợi. Nhưng cuộc biểu tình của các lực lượng cộng hoà nhân dịp đám tang của ông La-phít-tơ không chỉ giới hạn ở sinh viên y khoa và luật khoa mà thôi. Các hội bí mật cũng không phải không hành động. Các thành viên của những tổ chức chính trị đáng gờm ấy đã tập hợp lại với số lượng rất lớn. Đó phần lớn là những thương nhân đáng kính, thợ cả và thợ thủ công, và họ tuyệt nhiên không phải là đám người đáng khinh bỉ và hèn mạt như trong một loạt trường hợp báo "Times" và báo "Journal des Débats" quan niệm về họ. Họ tạo thành một đội quân xếp hàng bốn và lên tiếng trực tiếp trước sinh viên. Bộ phận thứ ba của đảng cộng hoà cũng tiễn đưa La-phít-tơ đến nghĩa địa Pe-ơ La-se-dơ. Đó là những công nhân ăn mặc chỉnh tề, với dáng vẻ đáng kính và với thái độ kiên định mẫu mực. Vậy là, nhân sự kiện này những người bạn của tự do đã biểu dương sức mạnh của mình. Thật vậy, nếu báo chí bảo thủ phủ nhận sự thật là số lượng và ảnh hưởng tinh thần của đảng cộng hoà rất lớn thì có vô lý hay không. Có trong hàng ngũ của mình những con người lỗi lạc nhất của nước Pháp, nổi

danh trong lĩnh vực quân sự, văn học, nghệ thuật khoa học và chính trị, - đảng cộng hoà ngày càng mạnh lên nhờ có sự liên kết với đảng của tất cả những người mà sự bạo ngược của nhà vua đã đẩy họ tách khỏi triều đại Oóc-lê-ăng, và bằng cách bảo vệ những nguyên tắc phù hợp với lợi ích mới và nhu cầu mới của nền văn minh - đảng cộng hoà là đảng mà tất cả mọi ánh mắt đều sẽ hướng vào trong thời điểm mà một trường hợp không lường trước nào đó hoặc sự diễn biến tự nhiên của các sự kiện sẽ làm lung lay nền cai trị của vương triều Oóc-lê-ăng".

"CUỘC CHIẾN TRANH THẦN THÁNH"

Hoàng đế của Ma-rốc^{1*} đã tuyên bố cuộc "chiến tranh thần thánh" chống nước pháp và người Pháp và kêu gọi tất cả mọi dân tộc và bộ lạc cư trú trên các lãnh địa của ông ta, cũng như ở các vùng lân cận, hãy cầm vũ khí để bảo vệ tín ngưỡng thống nhất và để tiêu diệt "những kẻ không có đạo". Áp-đơ-en - Ca-đe, nhân vật Oa-lê-xơ của châu Phi, là lãnh tụ của phong trào dân tộc này, phong trào có mục đích lật đổ và tống cổ bọn xâm lược Pháp¹⁰⁴. Theo những thông báo gần đây nhất, các đơn vị tiên phong của quân đội Ma-rốc hình như đang ở trong phạm vi tầm nhìn của quân đội Pháp.

Qua những thông báo nhận được từ Công-xtan-tin, có thể kết luận rằng quận công xứ Ô-man đã bị một thất bại nào đó, điều

1* - Áp-đơ-e-rơ - Rắc-man

này có lẽ là kết quả của sự sơ suất và thiếu kinh nghiệm của bản thân ông ta. Như thấy rõ qua đoạn trích dẫn dưới đây, một đội quân nhỏ được để lại để bảo vệ Bi-xcra đã bị tấn công bất ngờ, quân đồn trú của Pháp đã bị giết hết, còn toàn bộ đoàn xe vận tải, đạn dược và tài sản đã bị dân cư địa phương lấy chỗ đi.

Bức thư gửi từ Tu-lông, đề ngày 3, cho biết:

"Chúng tôi đã nhận được những tin tức đáng lo ngại nhất từ tỉnh Công-xtăng-tin, đề ngày 20 tháng trước. Quận công xứ Ô-man đã để lại ở Bi-xcra một đội quân đồn trú rất nhỏ, chỉ gồm trung uý Pơ-ti-găng, tư lệnh, thiếu uý Crô-sa, bác sĩ quân y Ác-xê-lanh và gần 40 lính của tiểu đoàn bộ binh tỉnh Công-xtăng-tin. Người ta dự định đội quân nhỏ ấy sẽ là hạt nhân của một tiểu đoàn mới được tuyển mộ trong các bộ lạc ở vùng phụ cận Bi-xcra. Trong số tất cả những người ấy chỉ có viên thượng sĩ tên là Pê-li-xơ trốn thoát. Ban đêm những người mới tuyển mở cổng pháo đài cho Mu-ham-mét Xếch-khia-rơ, quốc vương Áp-đơ-en-Ca-đe và những người ủng hộ ông ta đã tấn công bất ngờ các binh sĩ của chúng ta đang ngủ và đã giết hết họ. Vụ tổng cướp bóc bắt đầu, cả 70 nghìn phrăng, khoản tiền để lại cho viên chỉ huy để trả lương cho lính của ông ta, tất cả các khẩu đại bác, các khẩu súng trường, đạn dược và những tài sản khác đã bị cướp đi. Nghe nói, thất bại đó đã cổ vũ những bộ lạc lân cận cầm vũ khí. Những tin tức đáng

buồn đã đến tai hoàng tử^{1*} khi ông này đang ở trong vùng núi U-tết Xun-tan, và ông ta lập tức hành quân đến Bi-xcra với một đoàn quân 3.000 người. Ông ta đến nơi ngày 18, nhưng quốc vương đã rời thành phố trước đó một ngày. Tiểu đoàn bộ binh nhẹ Phi châu thứ ba ngày 24 đã rời Công-xtăng-tin đi Bi-xcra để lập đội quân đồn trú ở đấy".

Vào thứ sáu^{2*}, viện dân biểu với đa số 190 phiếu thuận và 53 phiếu chống biểu quyết tán thành cấp 7 500 000 phrăng để trang trải chi phí tăng lực lượng quân sự hiện có của Pháp ở An-giê-ri (ngoài 96 000 còn thêm 15 000); như vậy, số lính ở An-giê-ri lên tới 111 000 người.

*Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
đầu
tháng
Sáu 1844
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
344,*

*In theo bản
in trên báo
Nguyễn văn
là tiếng Anh
In bằng
tiếng Nga
lần đầu*

*ngày 15
tháng
Sáu 1844
với lời
ghì chú
của ban
biên tập;
"Bài của
phóng
viên
riêng của
bản báo"*

1* - quận công xứ Ô-man

2* - ngày 7 tháng Sáu 1844

NỘI CHIẾN Ở VA-LÊ¹⁰⁵

Thung lũng sông Rôn từ nguồn của nó ở chân *Núi băng Rôn* đến hồ Giơ-ne-vơ là một trong những địa điểm đẹp nhất trên thế giới. Ở hai bên có những ngọn núi cao nhất châu Âu - hai dãy núi trùng điệp cao trung bình 12 000 phút, quanh năm tuyết phủ, đó là nguồn nước của vô vàn khe suối đổ xuống sông Rôn và tưới cho những đồng cỏ và đồng ruộng của thung lũng. Ở đây, cách khu vực mùa đông vĩnh cửu mấy giờ đi bộ, có cây dẻ và giàn nho mọc lên dưới mặt trời tỏa nhiệt một cách hào phóng y như ở các thung lũng vĩnh viễn xanh tươi của vùng Lôm-bác-đi. Thung lũng này gọi là Va-lê và dân cư một phần là người Đức, một phần là người Pháp. Người Đức đến xứ sở này từ đông - bắc, chiếm phần cao hơn và núi non của thung lũng, nơi mà địa hình không thích hợp cho nghề trồng trọt, nhưng thích hợp tuyệt vời cho việc chăn nuôi gia súc; do đó bộ phận dân cư này đến nay vẫn còn hầu như ở trạng thái tự nhiên như tổ tiên họ khi đến sống ở vùng Thượng Va-lê. Học vấn chính trị và tôn giáo hoàn toàn nằm trong tay một số ít gia đình quý tộc và giới tăng lữ, tất nhiên họ làm tất cả những gì có thể làm được để giữ dân chúng trong vòng dốt nát và mê tín. Người Pháp, trái lại, đã định cư ở vùng Hạ Va-lê, nơi mà thung lũng rộng hơn, cho phép làm nghề nông và phát triển những nghề khác. Người Pháp đã lập những thành phố đáng kể nhất của Va-lê, họ có học thức và văn minh và do chỗ họ ở sát hồ và bang cấp tiến Vô, họ gần với thế giới bên ngoài và có khả năng cùng nhịp bước với sự phát triển tư tưởng của những người láng giềng của mình. Thế nhưng những người dân miền núi thô lỗ của vùng Thượng Va-lê - tôi không biết cách đây bao nhiêu thế kỷ - đã khuất phục vùng Hạ Va-lê của

người Pháp, và đã tiếp tục coi bộ phận ấy của đất nước là một tỉnh chiếm được, hoàn toàn không để cho dân vùng ấy tham gia việc quản lý.

Năm 1798, khi người Pháp lật đổ hệ thống quý tộc cũ của chế độ chuyên chế quý tộc thành thị Thụy Sĩ, thì vùng Hạ Va-lê được tham gia vào việc quản lý, nhưng không ở mức độ đầy đủ như họ có quyền hưởng. Năm 1830, khi đảng dân chủ thắng thế ở toàn Thụy Sĩ, hiến pháp đã được thay đổi trên cơ sở các nguyên tắc công bằng và dân chủ. Nhưng những người chăn nuôi Thượng Va-lê bị nhà thờ nô dịch và những thầy tu đầy quyền lực thống trị họ từ bấy giờ đã tìm cách đấu tranh để đạt được sự thay đổi có lợi cho chế độ bất công cũ. Để phòng vệ chống lại những mưu toan ấy, đảng cấp tiến đã cùng các phần tử cấp tiến ở bang Vô thành lập một hiệp hội lấy tên là "Thụy Sĩ trẻ" - "*La Jeune Suisse*"¹⁰⁶. Các thành viên của hiệp hội này bị giới tăng lữ công kích và vu khống hết sức kịch liệt và thường bị buộc tội là vô thần - lời buộc tội mà ở châu Âu có thể gây ra tiếng cười hơn là sự khùng khiếp. Năm 1840 đã xảy ra vụ công kích đầu tiên chống hội "Thụy Sĩ trẻ", nhưng do vấp phải những lực lượng dân chủ được chuẩn bị tốt, những nạn nhân ấy của sự dốt nát và mê tín đã rút lui về những vùng đèo núi hiểm trở để vào tháng Ba 1844 hoạt động trở lại. Lần này họ đánh bất ngờ phái cấp tiến, lợi dụng sự phản ứng chung có lợi cho các nguyên tắc bảo thủ, cũng như lợi dụng việc bang thủ phủ Luy-xéc-nơ (nơi đóng trụ sở của chính phủ liên bang) là một bang bảo thủ, Đảng dân chủ ở Va-lê tạm thời bị thất bại. Cần có sự can thiệp của chính phủ liên bang; tương lai sẽ cho thấy những linh mục đã đi theo và lãnh đạo đội quân bảo thủ, sẽ rút được mối lợi nào từ thắng lợi đó. Nhưng trong bất cứ tình huống nào, ngay cả bây giờ họ cũng hoàn toàn không có cơ may khôi phục cái gì đó giống như hệ thống cũ hoặc bất Hạ Va-lê và những người dân cương nghị của nó phải khuất

phục. Qua ít năm hoặc thậm chí ít tháng nữa, đảng dân chủ sẽ lại thắng thế.

*Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
đầu
tháng
Sáu 1844
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
344,
ngày 15
tháng
Sáu 1844
với lời
ghi chú
của ban
biên tập:
"Bài của
phóng
viên
riêng của
bản báo"*

*In theo bản in
trên báo
Nguyên văn là
tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu
trong tạp chí
"Những vấn đề
lịch sử Đảng
Cộng sản Liên
Xô" số 11, 1970*

*TIN TỨC TỪ PHỔ. - NHỮNG LÀN SÓNG ĐẤU TRANH Ở XI-LÊ-DI¹⁰⁷

Nhân dân đã giành được thắng lợi lớn; bằng sự kháng cự kiên cường và bền bỉ của mình, họ đã bắt vua^{1*} từ bỏ đũa con yêu dấu của ông ta là dự thảo đạo luật mới về ly hôn. Đạo luật hiện hành trong lĩnh vực này rất dễ dãi và tất nhiên ông vua Cơ Đốc giáo không bao giờ thích nó cả. Từ khi lên ngôi, ông ta nóng lòng muốn sửa đổi đạo luật ấy, chỉ cho phép ly hôn trong những trường hợp rất hãn hũu. Cần củng cố, trong chừng mực có thể, tính chất thần thánh của các quan hệ hôn nhân và đem lại cho các linh mục thêm một cơ nữa để can thiệp vào công việc gia đình của người khác. Song, lý trí của dân tộc nổi dậy chống lại một đạo luật như vậy; báo chí chống lại nó, và khi một tờ báo dân chủ^{2*} có được và công bố phần trích bản gốc dự luật thì khắp tất cả mọi miền của đất nước nổi lên sự phản kháng rộng khắp chống lại dự luật đó¹⁰⁸. Thế nhưng nhà vua kiên trì ý định của mình. Bản dự luật được trình ra Viện cơ mật nhằm mục đích soạn thảo nó cho các hội đồng hàng tỉnh¹⁰⁹, căn cứ theo hiến pháp Phổ thì cần phải có kiến nghị của các hội đồng này. Khó nói được liệu bản dự luật đã gặp phải sự chống đối mạnh mẽ ngay trong Viện cơ mật hay không, hay là nhà vua đã thấy rõ rằng biện pháp như vậy sẽ không được các hội đồng hàng tỉnh tán thành; nhưng chỉ riêng việc Viện cơ mật đã nhận được chỉ dụ của nhà vua ngày 11 tháng này - theo đó bản dự luật đã được thu hồi trở lại - người ta đã hoàn toàn khước từ các nguyên tắc của nó và tuyên

1* - Phri-đrich Vin-hem IV

2* - "Rheinische Zeitung"

bổ rằng nhà vua sẽ thoả mãn với việc thay đổi một số thủ tục của đạo luật hiện hành, - cũng đã đủ rồi. Thắng lợi hết sức quan trọng ấy của phe đối lập ắt phải củng cố phe nhân dân và sẽ được lớn tiếng tán thành ở mỗi thôn làng và vương quốc. Nó sẽ cho nhân dân thấy rằng nhân dân có sức mạnh và nhờ đoàn kết lại, họ có thể làm thất bại bất kỳ đạo luật nào không hợp lòng dân; hơn nữa, nó sẽ cho thấy rằng ngay cả bằng cách đơn thuần biểu dương sức mạnh của mình, nhân dân có thể làm cho chính phủ sợ hãi và bắt chính phủ làm tất cả những gì nhân dân muốn.

Ở khu công nghiệp Xi-lê-di đã xảy ra những làn sóng đấu tranh hết sức nghiêm trọng^{1*}; dân cư công nhân ở khu này hoàn toàn phụ thuộc vào việc sản xuất vải lanh và chịu thiếu thốn nặng nề, vì họ không chịu nổi sự cạnh tranh của hàng hoá do công nghiệp cơ khí nước Anh sản xuất ra, và ít lâu nay đã ở vào tình thế giống như tình thế của thợ dệt thủ công Anh. Bị đè nặng dưới ách của cạnh tranh, của sản xuất cơ khí và của các nhà doanh nghiệp tham lam, công nhân rớt cuộc đã phát động cuộc khởi nghĩa ở Pê-téc-xvan-đau (Xê-lê-di), đã phá huỷ ngôi nhà của một chủ xí nghiệp và chỉ bị giải tán khi quân đội được phái tới. Ở Lan-ghen-bi-lau đã xảy ra những làn sóng đấu tranh có tính chất y như vậy; quân đội đã bị dân chúng đẩy lùi và chỉ khi nhận được viện binh và nổ súng bắn vào những người khởi nghĩa làm mấy người thiệt mạng, thì quân đội mới có thể khôi phục được trật tự. Ở những khu khác đã diễn ra những cuộc hội nghị rầm rộ, ngay cả ở thủ phủ của tỉnh (Bre-xlau^{2*}) sự yên tĩnh cũng đã bị vi phạm.

Như vậy, rõ ràng là hậu quả của hệ thống công xưởng, của sự tiến bộ của kỹ thuật cơ khí v.v. đối với giai cấp công nhân

1* Xem tập này, tr.285-288.

2* Tên gọi hiện nay là Vrốp-xláp

trên lục địa thì cũng hoàn toàn giống như những hậu quả ở nước Anh: sự áp bức và lao động kiệt sức đối với đa số, sự giàu có và hạnh phúc ảm no đối với một số ít người; tâm trạng không tin vào ngày mai, sự bất bình và sự phẫn nộ xảy ra trên các vùng gò đồi Xi-lê-di y hết như ở các thành phố chật ních người của Lan-kê-sia và I-oóc-sia vậy¹¹⁰.

<i>Do</i>	<i>In theo bản in</i>
<i>Ph.Ăng-</i>	<i>trên báo</i>
<i>ghen viết</i>	<i>Nguyễn văn</i>
<i>vào giữa</i>	<i>là tiếng Anh</i>
<i>tháng</i>	<i>In bằng tiếng</i>
<i>Sáu 1844</i>	<i>Nga lần đầu</i>
<i>Đã đăng</i>	<i>trong tạp chí</i>
<i>trên báo</i>	<i>"Những vấn</i>
<i>"The</i>	<i>đề lịch sử</i>
<i>Northern</i>	<i>Đảng Cộng</i>
<i>Star" số</i>	<i>sản Liên Xô"</i>
<i>346,</i>	<i>số 11, 1970</i>
<i>ngày 29</i>	
<i>tháng</i>	
<i>Sáu 1844</i>	
<i>với lời</i>	
<i>ghi chú</i>	
<i>của ban</i>	
<i>biên tập:</i>	
<i>"Bài của</i>	
<i>phóng</i>	
<i>viên</i>	
<i>riêng</i>	
<i>của bản</i>	
<i>báo"</i>	

NHỮNG CHI TIẾT TIẾP THEO VỀ LÀN SÓNG ĐẤU TRANH Ở XI-LÊ-DI¹¹¹

Những làn sóng đấu tranh đã bắt đầu, như tôi đã viết trong bản tin gần đây nhất của tôi^{1*}, ở Pê-téc-xvan-đau, quận Rai-sen-bắc, trung tâm của khu công nghiệp của Xi-lê-di. Những người thợ dệt tập trung trước nhà của một trong những chủ xưởng đáng kính nhất tên là Xvan-di-gơ, hát vang bài ca trong đó lên án sự đối xử của ông ta đối với công nhân và hình như được sáng tác để dành cho dịp này¹¹². Ông Xvan-di-gơ đã cho người đi gọi cảnh sát và đã cố để bắt được một số người khởi xưởng; trước nhà ông ta đám đông người ngày càng tăng, họ đe dọa và đòi thả những người bị bắt, nhưng vì số người bị bắt không được thả ra nên đám đông lập tức bắt đầu phá phách. Cửa ra vào bị giạt tung, cửa sổ bị đập vỡ, đám đông xông vào nhà, phá huỷ tất cả những gì họ gặp. Người nhà của Xvan-di-gơ khó khăn lắm mới chạy thoát, họ liền tiếp bị ném đá, vì thế người ta đã phải dùng gối và nệm lông chim che chắn cho những người phụ nữ và cho họ lên xe đưa tới Svai-đơ-nit-xơ. Những người chạy tin hoả tốc cũng được cử tới đó để cầu cứu quân đội, nhưng viên chỉ huy trả lời rằng ông ta không thể làm gì nếu không có lệnh của các nhà chức trách tỉnh ở Bre-xlau. Lúc đó dân chúng đã phá huỷ hoàn toàn ngôi nhà ở của ông Xvan-di-gơ, rồi xông vào nhà kho phá huỷ tất cả mọi sổ sách văn phòng, kỹ phiếu và những giấy tờ khác, ném tiền mặt với số lượng hơn 1 000 pao xtéc-ling xuống đường, nơi bọn buôn lậu từ Bô-hê-mi-a vượt qua biên giới, với hy vọng kiếm chác gì đó trong thời gian đấu tranh sôi sục, đã nhặt được số tiền đó. Những kiện và bao

1* Xem bài trước.

tải bông, cũng như sợi và thành phẩm đã bị tiêu huỷ hoặc làm hư hỏng trong chùng mực có thể, còn máy móc ở công xưởng nằm kề thì hoàn toàn bị đập nát.

Làm xong việc ấy, những người nổi dậy rời khỏi các đồng đồ nát của những nhà cửa, công trình bị phá huỷ và đi tới Lan-ghen-bi-lau; công nhân thành phố này lập tức theo họ, công xưởng và kho tàng ở đây của ông Đê-rích đã bị tấn công. Ông Đê-rích lúc đầu tìm cách lót tiền để được tha, nhưng sau khi trả một phần số tiền đã ước định, ông ta được biết quân đội đang trên đường đi tới, thế là ông ta lập tức từ chối trả phần còn lại. Đám đông xông ngay vào nhà và đập phá tất cả giống như đã làm ở Pê-téc-xvan-đau. Lúc đó một đội bộ binh 160 người và các nhà chức trách dân sự kịp đến; họ đọc biên bản về cuộc bạo động, đáp lại, dân chúng tới tấp ném đá vào binh lính, lúc đó liền có lệnh nổ súng, và 12 người trong số những người nổi dậy đã bị giết và nhiều người bị thương. Đám đông nổi giận lao vào binh lính và dùng đá làm bị thương biết bao nhiêu người trong số họ, khiến người chỉ huy - bị người ta lôi từ trên ngựa xuống và đánh đập một cách tàn nhẫn - đã buộc phải rút lui cùng với đội quân của mình để chờ viện binh, trong khi đó việc phá tài sản còn tiếp diễn. Cuối cùng, đã xuất hiện hai tiểu đoàn bộ binh, một đại đội xạ thủ, một phân đội nhỏ kỵ binh và pháo binh, và những người khởi nghĩa đã bị giải tán. Những cố gắng tiếp theo tương tự như vậy đã bị quân đội chiếm giữ thành phố và các vùng phụ cận dẹp tan, và như thường xảy ra khi tất cả mọi việc đã kết thúc, các nhà chức trách địa phương lên diễn đàn đọc những lời kêu gọi tương ứng, tuyên bố khu vực ở trong tình trạng giới nghiêm và dọa trừng trị khủng khiếp nhất đối với mọi sự vi phạm trật tự xã hội.

Làn sóng đấu tranh không chỉ đóng khung ở hai thành phố này mà thôi. Ở An-tơ-phri-len-đơ và Lây-gơ-man-xđoóc-phơ cũng đã xảy ra những cảnh tượng tương tự như thế, tuy không kèm theo những biểu hiện căm thù gay gắt như vậy đối với bọn chủ xưởng;

một số người bị gãy tay, một số cửa sổ bị đập vỡ trước khi quân đội có thể lập lại sự yên tĩnh. Dân cư toàn bộ quận này đã lợi dụng cơ hội để cho các chủ xưởng thấy tình cảm của mình, khiến cho các chủ xưởng không còn nghi ngờ gì về tính cách của họ.

Nguyên nhân của những làn sóng đấu tranh ấy là những đau khổ không thể tưởng tượng được của những thợ dệt nghèo do tiền lương thấp, do việc sử dụng máy móc, do sự hà tiện và tham lam của các chủ xưởng gây ra. Quả là không thể tin được rằng tiền lương của từng gia đình trong giai cấp bị áp bức này, trong đó bố, mẹ và con cái đứng máy dệt, chỉ đạt được một số tiền may ra có thể mua được một lượng nhu yếu phẩm không nhiều hơn sáu si-ling ở nước Anh. Ngoài ra, tất cả mọi người thợ dệt đều bị đè nặng bởi nợ nần, điều này hoàn toàn không có gì là lạ khi tiền lương thấp như vậy, còn chủ xưởng thì vui lòng cho họ vay những khoản tiền nhỏ mà công nhân không bao giờ có thể trả, nhưng hoàn toàn đủ để đảm bảo cho người chủ hoàn toàn chi phối được họ và biến họ thành những người nô lệ của các chủ xưởng. Và ở đây, bên cạnh điều đó còn có sự cạnh tranh của hàng hoá nước Anh có ưu thế so với hàng hoá Đức do máy móc hoàn hảo hơn và tiền lương ở các công xưởng Anh thấp, điều đó góp phần hạ tiền lương cả của thợ dệt Xi-lê-di. Nói tóm lại, chính hệ thống công xưởng cùng với tất cả mọi hậu quả của nó đang áp bức các thợ dệt ở Xi-lê-di y như hệ thống ấy đã và đang áp bức công nhân công xưởng và thợ dệt thủ công nước Anh, chính nó đã làm bùng nổ số vụ bất bình và phần nộ ở nước này còn nhiều hơn bất cứ nơi nào khác.

Cần phải nhận thấy rằng trong thời gian xảy ra tất cả những làn sóng đấu tranh ấy - như tất cả các báo Đức xác nhận, - đã hoàn toàn không có một sự cướp bóc nào từ phía những người thợ dệt thiếu ăn. Họ vút tiền xuống đường, không dùng một xu nào cho nhu cầu của mình. Họ dành việc trộm cắp và

cướp bóc cho những kẻ buôn lậu và những kẻ làm ăn trái phép từ Bô-hê-mi-a.

*Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
cuối
tháng
Sáu 1844
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
346,
ngày 29
tháng
Sáu 1844
với lời
ghi chú
của ban
biên tập:
"Bài của
phóng
viên
riêng
của bản
báo"*

*In theo bản
in trên báo
Nguyễn Văn
là tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu
trong tạp chí
"Những vấn
đề lịch sử
Đảng Cộng
sản Liên Xô"
số 11, 1970*

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
THÁNG CHÍN 1844 - THÁNG HAI 1848

PH.ĂNG-GHEN

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA LỤC ĐỊA¹¹³

Chủ nghĩa xã hội của lục địa hiện nay dường như xứng đáng thu hút sự chú ý đáng kể của xã hội. Tôi xin gửi đến các ông một số đoạn trích bức thư tôi nhận được từ Bác-men ở Phổ của cựu cộng tác viên báo "*New Moral World*".

"Ở Pa-ri¹¹⁴, trên đường về nhà, tôi đến thăm câu lạc bộ cộng sản của một trường phái thần bí. Tôi được một người Nga^{1*}, nói thạo tiếng Pháp và tiếng Đức và đem học thuyết của Phoi-ơ-bắc chọi lại một cách sắc sảo những người cộng sản thần bí^{2*}, giới thiệu. Về thuật ngữ chúa, họ hiểu y như những người xã hội chủ nghĩa Hem-com-môn¹¹⁵ hiểu *tinh thần của tình yêu*. Và lại, họ tuyên bố rằng đây là vấn đề thứ yếu, về mặt thực tiễn trong tất cả mọi vấn đề họ đồng ý với chúng tôi và nói: "*enfin, l'athéisme, c'est votre religion*" - cuối cùng, chủ nghĩa vô thần chính là tôn giáo của các ông. "Religion" theo tiếng Pháp có nghĩa là

1* Có lẽ là M.A.Ba-cu-nin.

2* Quy ý niệm thần thánh vào *con người*.

niềm tin, tình cảm, chứ không phải sự sùng bái. Họ đã khẳng định rằng mọi sự âm ỉ và ba hoa của *giai cấp tư sản*, nghĩa là của giai cấp trung lưu, chống lại nước Anh là một điều nhằm nhử thực sự, và họ ra sức thuyết phục chúng tôi rằng họ hoàn toàn không có bất kỳ định kiến dân tộc nào, rằng công nhân Pháp tuyệt nhiên không quan tâm đến Ma-rốc¹¹⁶ và họ biết rằng *les ouriers*, công nhân, của tất cả các nước đều là những người bạn đồng minh, vì họ có lợi ích như nhau. Giai cấp tư sản Pháp cũng ích kỷ, hà tiện và không được chấp nhận trong xã hội, giống như giai cấp tư sản Anh vậy, nhưng *công nhân* Pháp là những con người đáng yêu. Chúng tôi đã có những thành tựu to lớn trong giới người Nga ở Pa-ri. Ba hoặc bốn người quý tộc và chủ nô hiện đang ở Pa-ri đã trở thành những người cộng sản cấp tiến và những người vô thân. Ở Pa-ri chúng tôi có một tờ báo cộng sản bằng tiếng Đức, báo "*Vorwärts!*", mỗi tuần ra hai kỳ. Ở Bỉ đang tiến hành tích cực công tác cổ động cộng sản, còn ở Bruy-xen thì ra báo "*Le Débat Social*". Ở Pa-ri có gần nửa tá báo cộng sản. Những từ *xã hội chủ nghĩa*, những từ rất thịnh hành ở Pháp, còn Lu-i - Phi-líp, *nhân vật tư sản* số một này, thì ủng hộ báo "*Démocratie pacifique*" bằng tiền và bằng sự bảo hộ. Tính tôn giáo bề ngoài của những người xã hội chủ nghĩa Pháp phần lớn là giả dối; nhân dân hoàn toàn không có tính tôn giáo. Ở Khuên, người của chúng tôi đã đạt được những thành tích rất lớn. Khi chúng tôi tụ họp trong một toà nhà công cộng, hội chúng tôi ngồi chật phòng lớn gồm phần lớn là những luật sư, thầy thuốc, diễn viên và những người khác, cũng như ba hoặc bốn trung úy pháo binh, hơn nữa một trong số họ là một chàng trai rất thông minh. Ở Đuyt-xen-đoóc-phơ, chúng tôi có mấy người và trong số họ có một nhà thơ hết sức tài hoa^{1*}. Ở En-béc-phen-đơ có nửa tá bạn bè của tôi và một số người khác là những người cộng sản. Thực tế, chưa chắc

1* Có lẽ đây là Vin-hem Mui-ơ.

tìm được dù chỉ một thành phố nào ở Bắc Đức mà chúng tôi lại không có mấy người cấp tiến, những người chống chế độ tư hữu và là những người vô thân. "Ét-ga Bau-ơ, người Béc-lin, cách đây không lâu đã bị kết án ba năm tù giam vì quyển sách gần đây nhất của ông".

Tôi cho rằng những sự kiện dẫn ra trên đây lý thú đối với bạn đọc của các ông, nên tôi gửi chúng cho các ông để đăng trên báo của các ông.

Do
Ph.Ăng-
ghen
viết vào
khoảng
ngày 20
tháng
Chín
1844
Đã
đăng
trên
báo
"The
New
Moral
World"
số 15,
ngày 5
tháng
Mười
1844
Ký tên:
Người
Đức -
Anh

In theo bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

**Bìa quyển niên giám "DEUTSCHES
BURGERBÜCH FÜR 1845" trong
đó công bố bài của Ph.Ăng-ghen "Mô tả**

**những khu di dân cộng sản
xuất hiện trong thời hiện đại và còn
đang tồn tại"**

PH.ĂNG-GHEN

**MÔ TẢ NHỮNG KHU DI DÂN CỘNG SẢN
XUẤT HIỆN TRONG THỜI HIỆN ĐẠI
VÀ CÒN ĐANG TỒN TẠI¹¹⁷**

Khi anh nói chuyện với mọi người về chủ nghĩa xã hội hoặc chủ nghĩa cộng sản, thì nhiều khi anh phát hiện thấy rằng những người nói chuyện với anh, về thực chất, hoàn toàn đồng ý với anh và thừa nhận chủ nghĩa cộng sản là điều tốt đẹp; "nhưng, - họ nói, - không thể biết lúc nào đó thực hiện được điều gì đó tương tự như thế". Lời phản bác đó được lặp đi lặp lại thường xuyên đến nỗi tác giả của những dòng này cảm thấy sẽ là điều bổ ích và cần thiết nếu trả lời sự phản bác đó bằng việc mô tả một số sự kiện còn rất ít được biết đến ở Đức và lời phản bác như vậy hoàn toàn bị bác bỏ. Chủ nghĩa cộng sản, mà đời sống và hoạt động xã hội trên cơ sở công hữu, không chỉ là có thể có được, mà trên thực tế đã được thực hiện tại nhiều công xã ở châu Mỹ và tại một địa phương ở nước Anh và, như chúng ta sẽ thấy, nó được thực hiện hoàn toàn thành công.

Tuy nhiên, nếu xét kỹ lời phản bác đó thì hoá ra nó được chia ra thành hai lời phản bác khác. Thứ nhất, người ta nói rằng sẽ không tìm thấy những công nhân đồng ý thực hiện những công việc chân tay hèn hạ và khó chịu; thứ hai, trong trường hợp có quyền ngang nhau về tài sản chung, các thành viên công xã sẽ đâm ra tranh chấp nhau về tài sản đó và như vậy công xã lại sẽ tan rã. - Trả lời lời phản bác thứ nhất thì không khó: những công việc ấy, một khi chúng mang tính chất xã hội, thì không còn tính chất hèn hạ nữa; ngoài ra, hầu như

hoàn toàn có thể thoát khỏi chúng bằng cách cải tiến các thiết bị, máy móc v.v.. Thí dụ, ở Niu Oóc, tại một khách sạn lớn, giầy được đánh bằng sức hơi nước, còn ở khu di dân cộng sản "Hài hoà" ở nước Anh (sẽ nói đến ở phần dưới), các hố xí được xây dựng tiện lợi theo kiểu Anh (water - closets) không chỉ tự làm sạch, mà còn được trang bị những chiếc ống chuyển phân thẳng vào một cái bể phốt lớn. - Về lời phản bác thứ hai thì chúng tôi xin nhận xét rằng trong 10 - 15 năm gần đây, tất cả các khu di dân cộng sản đều giàu lên nhiều, đến mức họ có tất cả những gì có thể mong muốn và với số lượng nhiều hơn mức họ có thể tiêu dùng, do đó, họ hoàn toàn không có lý do để tranh chấp.

Bạn đọc sẽ thấy rằng đa số những khu di dân, trong số những khu di dân được mô tả dưới đây, bắt nguồn từ những giáo phái khác nhau, thường có những quan niệm hết sức nhảm nhí và vô lý về những vấn đề khác nhau. Về điều này tác giả chỉ xin nhận xét ngắn gọn rằng những quan niệm ấy không có quan hệ gì với chủ nghĩa cộng sản cả. Và những người chứng minh trên thực tế tính khả thi của sự cộng đồng có tin vào một ông thần, hai mươi ông thần hay hoàn toàn không tin vào thần thánh, thì điều đó cũng hoàn toàn không quan trọng; nếu niềm tin của họ là không hợp lý, thì đó là trở ngại trên con đường thực hiện sự cộng đồng, còn nếu sự cộng đồng ở đây được thực hiện, thì nó sẽ có thể có tính khả thi hơn đến mức nào trong số những người không có những định kiến như vậy. Hầu hết những khu di dân được thành lập cách đây không lâu đều hoàn toàn không có những sự lừa bịp có tính chất tôn giáo, và những người xã hội chủ nghĩa Anh, tuy rất khoan dung đối với tôn giáo, nhưng hầu hết họ không thừa nhận một tôn giáo nào, vì thế họ bị mọi sự vụ khống và chửi rủa ở nước Anh giả dối. Nhưng ngay cả bản thân các đối thủ của họ, một khi nói đến các bằng chứng, cũng buộc phải thừa nhận rằng tất cả những lời phỉ báng đó đều hoàn toàn không có cơ sở.

Những người đầu tiên xây dựng ở Mỹ và nói chung trên thế giới một xã hội dựa trên cơ sở tài sản chung được gọi là giáo phái Sây-cơ. Đó là một giáo phái đặc biệt với những quan điểm tôn giáo độc đáo, không thừa nhận hôn nhân và nói chung không cho phép có những quan hệ tính giao và những điều tương tự như vậy. Nhưng ở đây chúng tôi không đề cập đến điều này. Giáo phái Sây-cơ ra đời cách đây khoảng bảy mươi năm. Những người sáng lập nó là những người nghèo, họ tập hợp lại để sống cùng nhau trong tình yêu thương hữu ái và với sự cùng chung tài sản và tôn sùng chúa của mình theo cách riêng. Mặc dù các quan điểm tôn giáo của họ và đặc biệt là việc cấm hôn nhân đã làm cho nhiều người khiếp sợ bỏ đi, nhưng họ có những người ngả theo, và giờ đây họ tạo thành *mười công xã lớn*, mỗi công xã có từ ba trăm đến tám trăm thành viên. Mỗi công xã trong số những công xã ấy là một thành phố đẹp, quy hoạch đúng bài bản, với nhà ở, công xưởng, xưởng thợ, nhà để hội họp, kho tàng; chúng có nhiều vườn hoa, vườn rau, vườn cây ăn quả, rừng, vườn nho, đồng cỏ và đất canh tác; ngoài ra có đủ loại gia súc: ngựa, bò, cừu, lợn, gia cầm nhiều hơn mức họ có thể cần đến, và hơn nữa là thuộc những giống tốt nhất. Vựa chứa của họ luôn luôn đầy ngũ cốc, còn các kho hàng thì đầy vải để may quần áo; một du khách người Anh^{1*} từng đến thăm họ, thậm chí đã nói rằng ông không hiểu vì sao những con người có dư thừa mọi thứ ấy vẫn làm việc; xem ra họ làm việc chỉ để thời gian trôi đi, bởi vì nếu không thế thì chẳng có lý do gì để làm việc đó cả. Trong số họ không có một người nào làm việc trái với ý muốn của mình, và không có một người nào tìm kiếm việc làm mà không tìm được. Họ không có chỗ nường nấu dành cho những người nghèo và những trại tế bần, vì không có một người nghèo và người túng thiếu, không có những bà goá và con cô không nơi nương tựa; họ không biết

1* - Gi.Phin-sơ

túng thiếu là gì và có thể không sợ sự túng thiếu. Trong mười thành phố của họ không có một người hiến binh hoặc cảnh sát; không có quan toà, luật sư và binh lính; không có nhà tù và nhà cải tạo; song mọi việc đều diễn ra bình thường. Luật lệ của đất nước tồn tại không phải để cho họ; và nếu chỉ nói đến chúng, thì những luật lệ đó có thể được bãi bỏ thành công và không ai chú ý đến điều đó cả; vì họ là những công dân hiền lành nhất, *chưa lần nào cung cấp một người phạm tội nào cho nhà tù*. Như đã nói, họ sống trên cơ sở chung tài sản hoàn toàn và trong quan hệ với nhau họ không biết buôn bán và tiền tệ. Năm ngoài một du khách người Anh tên là Phin-sơ đã thăm một trong những thành phố ấy, Plê-dan-tơ-Hin ở gần Sếch-xinh-tơn thuộc bang Ken-tắc-ki. Dưới đây là sự mô tả của ông về thành phố ấy:

"Plê-dan-tơ-Hin gồm nhiều nhà gạch và đá to lớn và đẹp đẽ, nhà máy, công xưởng, chuồng ngựa và kho lương thực; tất cả những ngôi nhà ấy đều được duy trì trong một trật tự kiểu mẫu và là những ngôi nhà tốt nhất trong toàn bộ bang Ken-tắc-ki. Đất canh tác của những người phái Sây-cơ dễ dàng nhận biết căn cứ theo bức tường đá đẹp đẽ bao quanh nó và theo lối canh tác tuyệt vời; một số lượng lớn những con bò và cừu béo tốt gặm cỏ trên các cánh đồng, nhiều con lợn béo ăn những quả cây rụng trong những vườn cây ăn quả. Ở đây những người Sây-cơ chiếm gần bốn nghìn moóc-ghen Mỹ ruộng đất, trong số đó gần hai phần ba được canh tác. Khu di dân ấy được thành lập khoảng năm 1806 bởi một gia đình duy nhất, về sau có những gia

đình khác theo gia đình đó và như vậy khu di dân dần dần phình lên; một số người mang theo một số tiền nhỏ, những người khác hoàn toàn không mang theo gì cả. Họ đã phải vật lộn với nhiều khó khăn và lúc đầu chịu nhiều thiếu thốn, vì đa số họ rất nghèo; nhưng nhờ lao động, tần tặn, điều độ, họ đã khắc phục được tất cả; giờ đây họ có thừa thãi mọi thứ, và họ không nợ ai một xu nào. Hiện nay xã hội đó có gần ba trăm thành viên, trong đó năm mươi hoặc sáu mươi thành viên là trẻ em dưới mười sáu tuổi. Trong số những người Sây-cơ không có chủ, cũng không có tớ, càng không có nô lệ; họ tự do, giàu có và hạnh phúc. Họ có hai trường học: một trường cho các em trai, trường kia cho các bé gái; ở đây họ học đọc, học viết, học tính toán, học tiếng Anh và những điều cơ bản trong tôn giáo của họ; họ không dạy khoa học cho trẻ em, vì họ cho rằng khoa học không cần thiết để cứu rỗi tâm hồn. Vì họ không thừa nhận hôn nhân, nên họ không khỏi tuyệt chủng nếu không có những thành viên mới luôn luôn đến với họ; và tuy việc cấm hôn nhân làm cho rất nhiều người khiếp sợ và một số thành viên trong số những thành viên ưu tú vì thế mà thậm chí bỏ đi, song biết bao nhiêu thành viên mới thường xuyên đến với họ, nên số thành viên không

ngừng tăng lên. Họ chăn nuôi gia súc, trồng ngũ cốc và làm đồng, tự mình trồng lanh, chế biến len và tơ, họ kéo sợi và dệt trong những công xưởng của chính họ. Những thứ họ sản xuất vượt mức nhu cầu của họ, họ bán đi hoặc trao đổi với những người láng giềng của họ. Họ thường làm việc đến lúc trời tối. Trong việc quản lý có văn phòng mở cửa cho tất cả mọi người, trong đó người ta ghi sổ sách và tiến hành việc kế toán, và mỗi thành viên của công xã đều có quyền xem sổ sách kế toán ấy mỗi khi họ muốn. Bản thân họ không biết mình giàu có đến mức nào, vì họ không kiểm kê tài sản của họ; họ chỉ cần biết rằng tất cả những gì họ có đều thuộc về họ, vì họ không mắc nợ ai gì cả. Mỗi năm chỉ một lần họ tính số tiền mà những người láng giềng nợ họ.

Công xã chia thành năm gia đình (năm bộ phận) có từ bốn mươi đến tám mươi thành viên mỗi gia đình; mỗi gia đình đều có kinh tế riêng và sống trong một ngôi nhà lớn đẹp đẽ; *mỗi người nhận được từ kho chung của công xã tất cả những thứ họ cần, không phải trả tiền và với số lượng họ cần*^{1*}. Trong mỗi gia đình đều có người phó tế chăm lo làm sao để tất cả mọi

^{1*} Ở đây và dưới đó, trong đoạn trích dẫn, những chữ in nghiêng là do Ăng-ghen nhấn mạnh.

người nhận được những thứ họ cần, và cố gắng theo khả năng *doán biết trước ý muốn* của mỗi người. Áo quần của họ giống như áo quần của phái Quây-cơ, đơn giản, sạch sẽ và chỉnh tề; thức ăn của họ rất *đa dạng và luôn luôn có chất lượng tốt nhất*. Theo điều lệ của công xã, mỗi thành viên mới kết nạp, phải chuyển vào sở hữu chung tất cả những thứ họ có và không có quyền đòi lại những thứ đó trong bất cứ tình huống nào, ngay cả trong trường hợp rút ra khỏi công xã; và mặc dù vậy, công xã trả lại cho mỗi người rồi bỏ công xã tất cả những gì mà người ấy đã mang đến. Nếu một thành viên rút ra khỏi công xã mà trước đây không mang đến gì cả, thì theo điều lệ, người đó cũng không có quyền đòi bất cứ sự trả công nào cho lao động của mình, vì người đó đã ăn và mặc bằng của cải chung trong toàn bộ thời gian người đó làm việc; nhưng thông thường cả trong trường hợp này, người ta cho mỗi người quà đi đường, nếu người đó ra đi một cách êm thắm.

Ở chỗ họ, việc quản lý được xây dựng theo kiểu mẫu của những người Cơ Đốc giáo đầu tiên. Ở mỗi công xã đều có hai người thầy tu: một đàn ông và một đàn bà, họ lại có hai người phó. Bốn người tu hành ấy đứng đầu công xã và giải quyết tất cả mọi

vụ tranh chấp. Ở mỗi gia đình trong công xã lại có hai người trưởng với hai người phó và một thầy tế, tức người quản lý. Tài sản của công xã do một hội đồng gồm ba uỷ viên quản lý, hội đồng này giám sát toàn bộ cơ ngơi, lãnh đạo công việc và tiến hành buôn bán với những người láng giềng. Hội đồng đó không có quyền mua hoặc bán ruộng đất nếu không được công xã đồng ý. Ngoài ra, tất nhiên còn có những người giám thị và những người quản lý trong những ngành lao động khác nhau; nhưng ở họ đã thành quy tắc là *không một ai không bao giờ phải nhận mệnh lệnh của bất cứ người nào, mà cần phải tác động đến tất cả mọi người bằng thuyết phục*¹¹⁸.

Một du khách người Anh khác có tên là Pít-két-li năm 1842 đã đến thăm một khu di dân thứ hai của người Sây-cơ, khu di dân Niu Li-ba-nôn ở bang Niu Oóc. Ông Pít-két-li đã xem xét hết sức kỹ toàn bộ thành phố gồm gần tám trăm dân và chiếm bảy - tám nghìn moóc-ghen đất, đã điều tra những xưởng thợ và công xưởng, các nhà máy da, nhà máy xẻ gỗ v.v. của nó và cho rằng toàn bộ cơ ngơi là *hoàn hảo*. Ông cũng ngạc nhiên về sự giàu có của những người ấy, họ bắt đầu từ chỗ không có gì, còn giờ đây thì mỗi năm mỗi giàu hơn, và ông nói:

"Tất cả họ đều hạnh phúc và vui vẻ; ở đây không có xích mích, trái lại, trong toàn bộ làng này ngự trị tình hữu ái và tình thương yêu, ở tất cả mọi khâu đều thấy trật tự và ngăn nắp không đâu bằng"¹¹⁹.

Đấy là những sự thực có liên quan đến người Sây-cơ. Như đã

nói, họ sống trên cơ sở chung tài sản hoàn toàn. Họ có một chục công xã như vậy ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ.

Ngoài những người Sây-cơ ra, ở Mỹ còn có những khu di dân khác dựa trên tài sản chung. Trước hết, ở đây cần phải nhắc đến những người *phái Ráp-pơ*. *Ráp-pơ*, nhà truyền giáo từ *Vuyéc-ten-béc-gơ*, năm 1790 cùng với những người thuộc giáo khu mình tách khỏi giáo phái Lu-the và, bị chính phủ truy nã, năm 1802 ông đi sang Mỹ. Năm 1804, những người theo ông đã sang theo ông và như vậy, cùng với một trăm gia đình, ông đã định cư ở Pen-xin-va-ni. Họ tổng cộng có gần 25 000 ta-le, với số tiền đó họ đã mua một khoảnh đất và công cụ. Đất đai là rừng nguyên thủy chưa bị động chạm đến, và giá cả của nó bằng toàn bộ tài sản của họ; nhưng họ trả dần số tiền đó. Họ tập hợp lại trên cơ sở tài sản chung và đã ký kết với nhau hợp đồng sau đây:

1) Mỗi người góp vào công xã tất cả những gì họ có, nhưng không vì đóng góp như thế mà đòi hỏi cho mình bất cứ sự ưu đãi nào. Trong công xã tất cả mọi người đều bình đẳng.

2) Các đạo luật và quy tắc của công xã đều có tính chất bắt buộc như nhau đối với tất cả mọi người.

3) Tất cả mọi người đều lao động chỉ vì phúc lợi của toàn bộ công xã, chứ không phải mỗi người lao động cho riêng mình.

4) Ai rời bỏ công xã thì không thể đòi thưởng công cho lao động của mình, nhưng nhận trở lại tất cả những gì đã góp vào; còn ai không góp gì cả và rời bỏ một cách êm thấm và hữu hảo thì người đó nhận được món quà tặng tự nguyện để đi đường.

5) Công xã có trách nhiệm cung cấp cho mỗi thành viên và cho gia đình người ấy tất cả những thứ cần thiết để sống và phải đảm bảo sự chăm sóc cần thiết trong thời gian đau ốm và lúc già nua;

còn nếu bố mẹ chết hoặc đi khỏi công xã để lại con cái, thì công xã sẽ đảm nhận việc nuôi dạy những đứa trẻ ấy.

Trong những năm đầu tồn tại của công xã, khi nó cần phải khai khẩn đất hoang và đồng thời hàng năm phải trả 7 000 ta-le cho khoảng đất, thì lẽ tự nhiên mọi người đã phải chịu đựng khó khăn. Điều đó làm cho một số người giàu hơn khiếp sợ bỏ đi, họ đã ra khỏi công xã và rút tiền của mình, càng làm tăng thêm khó khăn cho những người định cư. Nhưng đa số họ trụ vững một cách kiên cường, và thế là qua năm năm, vào năm 1810, họ đã trả hết số nợ. Năm 1815, do những nguyên nhân khác nhau, họ đã bán khu dân cư của họ và lại mua hai mươi nghìn moóc-ghen rừng nguyên thủy ở bang In-đi-a-na. Qua mấy năm, họ đã lập lên ở đây thành phố "*Hài hoà mới*" đẹp đẽ, đã khai khẩn một bộ phận đáng kể đất đai, trồng những vườn nho, cây ruộng để gieo trồng ngũ cốc, xây dựng công xưởng len và vải bông và trở nên ngày càng giàu. Năm 1825 họ bán toàn bộ khu di dân của mình cho ông Rô-bốt Ô-oen lấy hai trăm nghìn ta-le và lần thứ ba họ chuyển sang sống ở một khu rừng nguyên thủy. Lần này họ định cư trên bờ con sông lớn Ô-hai-ô và xây dựng thành phố "*Kinh tế*", thành phố này lớn hơn và đẹp hơn tất cả những thành phố họ đã sống trước đây. Năm 1831, bá tước Lê-ôn đến Mỹ với một nhóm người Đức, gồm gần ba mươi người để liên kết với họ. Họ vui lòng nhận những người mới đến ấy; nhưng bá tước đã phát động một bộ phận thành viên chống lại Ráp-pơ, do đó tại một cuộc hội nghị toàn công xã đã quyết định rằng Lê-ôn cùng với những người theo ông ta phải ra đi. Những người còn lại đã trả cho những người bất mãn ấy trên *một trăm hai mươi nghìn ta-le*, và với số tiền đó Lê-ôn đã lập một khu di dân thứ hai, song do quản lý kém nên khu di dân này đã bị phá sản; sau đó những người tham gia khu di dân này ra sống tản mát, còn *bá tước Lê-ôn* ít lâu sau đó đã chết ở Téch-dát như là một *kẻ lang thang*. Khu di dân của *Ráp-pơ* thì trái lại, phần thịnh cả

đến hôm nay. Về tình hình hiện nay của khu di dân này, du khách Phin-sơ đã nhắc đến ở trên cho biết những điều sau đây:

"Thành phố "Kinh tế" gồm ba đường phố dài và rộng, có năm đường phố ngang cũng rộng như vậy cắt ngang; trong thành phố có nhà thờ, khách sạn, xưởng len, xưởng vải bông và xưởng lụa, ngôi nhà chuyên dùng để nuôi tằm, kho hàng công cộng để thoả mãn nhu cầu của các thành viên công xã và để bán cho người ngoài, viện bảo tàng lịch sử tự nhiên, những xưởng thủ công khác nhau, những nhà cửa dùng vào kinh doanh và những ngôi nhà ở to lớn rất đẹp cho từng gia đình, mỗi nhà có một vườn lớn. Trên ruộng đất của thành phố - có chiều dài bằng hai giờ đi bộ, chiều rộng bằng một khắc đi bộ - có những vườn nho lớn, vườn cây ăn quả rộng ba mươi bảy moóc-ghen, đồng ruộng và đồng cỏ. Số thành viên công xã có gần bốn trăm năm mươi người; tất cả họ đều mặc đẹp, ăn ngon và sống tuyệt vời; đó là những con người vui vẻ, hài lòng, hạnh phúc, và đức hạnh, đã nhiều năm hoàn toàn không biết thiếu thốn là gì.

Một thời gian họ cũng có thành kiến nặng chống hôn nhân, nhưng giờ đây họ lấy vợ lấy chồng, có gia đình và rất muốn tăng số thành viên của công xã, nếu có những người thích hợp đến với họ. Tôn giáo của

họ dựa trên kinh Tân ước, nhưng *họ không theo một tín ngưỡng đặc biệt và cho phép mỗi người có quan điểm riêng của mình*, miễn là người đó không ngăn cản những người khác và không gây ra những cuộc tranh cãi về tín ngưỡng. Họ gọi mình là *phái Hải hoà*. Họ không có những linh mục được trả lương; ông Ráp-ơ hơn tám mươi tuổi, không chỉ là linh mục, mà còn là người quản lý và thẩm phán. Họ vui thích chơi nhạc, đôi khi tổ chức những buổi hoà nhạc và những dạ hội âm nhạc. Một ngày trước khi tôi đến, việc bắt đầu mùa gặt được đánh dấu bằng một buổi hoà nhạc lớn trên cánh đồng. Ở các trường học của họ, người ta dạy đọc, viết, tính toán và ngôn ngữ, nhưng không dạy các môn khoa học, hoàn toàn giống như những người Sây-cơ vậy. Họ làm việc nhiều hơn nhiều so với mức cần thiết đối với họ: mùa đông và mùa hè từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn; tất cả đều làm việc, còn người nào mùa đông không làm việc trong các công xưởng thì tìm được công việc đập lúa, chăm sóc gia súc v.v.. Họ có 75 con bò sữa, những đàn cừu lớn, nhiều ngựa, lợn và gia cầm; bằng tiền để dành của mình họ cho những thương nhân và những người đối tiền vay những khoản lớn và tuy do phá sản họ đã mất một bộ phận khá lớn số tiền gửi ấy, nhưng *số tiền nhàn rỗi* của họ vẫn mỗi

năm một tăng.

Ngay từ đầu họ đã có xu hướng muốn tự mình sản xuất tất cả những thứ họ cần, để mua của người khác càng ít càng tốt và suy cho cùng sản xuất ra nhiều hơn mức họ cần; về sau họ đã tậu một đàn một trăm con cừu Tây Ban Nha để cải thiện ngành chăn nuôi cừu, trả mười lăm nghìn ta-le để mua. Họ thuộc số những người đầu tiên bắt đầu chế tạo hàng len ở Mỹ. Sau đó họ bắt đầu trồng những cánh đồng nho, trồng lanh, đã xây dựng một công xưởng vải bông và bắt đầu nuôi tầm kéo tơ. Nhưng trong tất cả mọi trường hợp, trước hết họ đều tự mình chăm lo đảm bảo đầy đủ cho mình trước khi bán một cái gì đó.

Họ sống từng gia đình đông đến hai mươi - bốn mươi người, hơn nữa mỗi gia đình đều có nhà riêng và kinh tế riêng. Tất cả mọi thứ cần thiết, gia đình đều nhận từ các kho công cộng. *Họ có thói quen tất cả mọi thứ cho tất cả mọi người và nhận được tất cả mọi thứ không phải trả tiền và muốn bao nhiêu nhận bấy nhiêu*. Khi họ cần áo quần hoặc giày dép, họ đi tới người thợ may nam, nữ hoặc người thợ giày và các vật phẩm được chế tạo cho họ theo thị hiếu của họ. Thịt và những thực phẩm khác được cấp cho mỗi gia đình căn cứ theo số thành viên gia đình, họ có tất cả *đầy đủ và thừa*

*thời*¹²⁰.

Một công xã khác được thành lập trên cơ sở tài sản chung nằm ở Doa-rơ, bang Ô-hai-ô. Những người này cũng là *những người ly khai từ Vuyéc-tem-béc-gơ*, rời bỏ giáo hội Lu-the cùng một lúc với Ráp-pơ; sau mười năm bị các nhà chức trách giáo hội và chính phủ truy nã, họ cũng di cư ra nước ngoài. Họ rất nghèo và chỉ có thể đạt được mục đích của mình nhờ sự ủng hộ của những người từ thiện thuộc giáo phái Quây-cơ ở Luân Đôn và ở Mỹ. Họ đến Phi-la-đen-phi-a vào mùa thu năm 1817 đứng đầu là linh mục Bôi-mơ-le của họ, và đã mua của một người thuộc phái Quây-cơ một khu đất rộng bảy nghìn moóc-ghen mà họ sở hữu đến bây giờ. Giá mua gần sáu nghìn ta-le cần phải trả từng phần. Khi họ tới nơi và tính toán số tiền của mình thì thấy rằng mỗi đầu người có đúng sáu ta-le. Đó là tất cả những gì họ đã có; tiền đất chưa trả một xu nào, và với mấy ta-le đó họ phải mua hạt giống, nông cụ và lương thực cho đến vụ thu hoạch sắp tới. Họ đã tìm thấy cánh rừng với mấy khu đã đốn cây, và họ đã phải làm cho cánh rừng đó thích hợp để canh tác; nhưng họ đã bắt tay vào việc một cách quyết tâm, chẳng bao lâu họ đã làm cho đồng ruộng của mình ở vào trạng thái thích hợp để trồng trọt, và ngay năm sau họ đã xây dựng nhà máy xay ngũ cốc. *Lúc đầu họ chia ruộng đất thành những khoảnh nhỏ*, mỗi khoảnh do từng gia đình canh tác bằng vốn của bản thân gia đình đó và coi như *tài sản riêng* của nó. *Nhưng chẳng bao lâu sau họ đã thấy rằng làm thế không được*: vì mỗi người đều chỉ làm việc *cho mình*, nên họ không thể đốn rừng và không thể làm cho đất đai thích hợp với việc canh tác với tốc độ thích đáng, nói chung họ không thể *giúp đỡ nhau một cách thích đáng*; do vậy nhiều người rơi vào cảnh nợ nần và *họ có nguy cơ bị bán cùng hoá hoàn toàn*. Vì vậy, sau một năm rưỡi, vào tháng Tư 1819, họ đã *tập hợp lại thành công xã trên cơ sở cùng chung tài sản*, phác ra một điều lệ và nhất trí bầu mục sư Bôi-mơ-

le của mình làm giám đốc. Giờ đây họ đã trả hết nợ của các thành viên công xã, được hoãn trả tiền đất hai năm và bắt đầu làm việc với nhiệt tình gấp đôi và với lực lượng liên hiệp. Với cách tổ chức mới này, công việc đã diễn ra tốt đến mức trong bốn năm trước thời hạn quy định họ đã có thể trả toàn bộ tiền mua ruộng đất cùng với lợi tức; tuy nhiên, sự mô tả dưới đây của hai nhân chứng có thể cho phép hình dung họ sống như thế nào.

Một thương nhân Mỹ, rất thường xuyên đến Doa-rơ, mô tả địa điểm ấy là mẫu mực hoàn hảo về sự sạch sẽ, trật tự và vẻ đẹp; ở nơi ấy có một khách sạn tuyệt đẹp, có lâu đài trong đó ông già Bôi-mơ-le sống, vườn công cộng tuyệt diệu rộng hai moóc-ghen với một nhà kính lớn, những ngôi nhà đẹp đầy đủ tiện nghi và những vườn cây ăn quả. Ông mô tả những con người ấy là những người rất hạnh phúc và thoải mái, cần cù và thật thà. Bài mô tả của ông đã được đăng trên báo của thành phố Pít-tơ-xbua (Ô-hai-ô) ("Pittsburg Daily Advocate and Advertiser", ngày 17 tháng Bảy 1843)¹²¹.

Phin-sơ, người được nhắc đến nhiều lần, tuyên bố rằng công xã đó là công xã hoàn hảo nhất trong số tất cả những công xã được thành lập ở Mỹ trên cơ sở tài sản chung. Ông dẫn ra một danh mục dài những của cải của nó, kể rằng họ có nhà máy kéo sợi lanh và công xưởng len, nhà máy thuộc da và nhà máy đúc gang, hai máy xay ngũ cốc, hai xưởng xẻ gỗ, hai máy tuốt lúa và nhiều xưởng thủ công đủ loại. Ông nói thêm rằng đồng ruộng của họ được canh tác tốt hơn tất cả những đồng ruộng mà ông từng thấy ở Mỹ. - Báo "Pfennig - Magazin" đánh giá tài sản của những người riêng lẻ là 170000 - 180000 ta-le; số tiền đó họ kiếm được trong 25 năm, mà họ bắt đầu từ chỗ họ chỉ có mỗi người 6 ta-le. Họ có gần hai trăm người. Một thời gian họ cũng tự kiểm chế hôn nhân, nhưng giống như những người theo Ráp-pơ, họ đã từ bỏ điều đó và bây giờ họ đã kết hôn.

Phin-sơ dẫn ra văn bản hiến pháp của những người ly khai ấy,

trên những nét căn bản, hiến pháp đó quy lại là như sau.

Tất cả những người chức trách của công xã đều được bầu ra; tất cả mọi thành viên công xã trên hai mươi một tuổi trong giới của chính họ tiến hành bầu những người ấy. Những chức ấy như sau:

1) *Ba người bảo trợ*, trong đó mỗi năm bầu lại một người, và trong bất cứ lúc nào họ cũng có thể bị công xã bãi miễn. Họ quản lý toàn bộ tài sản của công xã và đảm bảo cho các thành viên công xã những thực phẩm cần thiết để sống, nhà ở, áo quần, thức ăn trong chừng mực hoàn cảnh cho phép, bất kể là ai. Họ chỉ định cho mình những trợ lý về những ngành công tác khác nhau, giải quyết những vụ tranh chấp nhỏ và có thể cùng với hội đồng công xã ban hành những quy tắc mới, song những quy tắc này không được mâu thuẫn với hiến pháp.

2) *Giám đốc* ở lại cương vị của mình chừng nào còn được công xã tin cậy, và là người tiến hành tất cả mọi công việc của công xã với tư cách là người chức trách cao nhất; giám đốc có quyền mua và bán, ký kết hợp đồng, nhưng trong tất cả mọi vấn đề quan trọng chỉ có thể hành động với sự đồng ý của ba người bảo trợ.

3) *Hội đồng công xã* gồm năm thành viên, trong đó hàng năm một người ra khỏi hội đồng, hội đồng là cơ quan quyền lực cao nhất của công xã; cùng với những người bảo trợ và giám đốc, hội đồng ban hành các đạo luật, kiểm tra những người chức trách khác và giải quyết các vụ tranh chấp, nếu các bên không bằng lòng với quyết định của những người bảo trợ.

4) Cuối cùng, *người thủ quỹ* được bầu cho nhiệm kỳ bốn năm; trong số tất cả mọi thành viên và những người chức trách, chỉ có một mình thủ quỹ là có quyền giữ tiền.

Ngoài ra, hiến pháp còn quy định việc tổ chức những cơ sở học tập và giáo dục, bắt buộc tất cả mọi thành viên công xã phải

chuyển toàn bộ tài sản của mình vĩnh viễn cho công xã và không có quyền đòi lại; những thành viên mới chỉ được kết nạp sau khi họ đã sống một năm trong công xã và theo quyết định nhất trí của tất cả mọi thành viên; hiến pháp chỉ có thể sửa đổi trong trường hợp hai phần ba số thành viên tán thành sửa đổi.

Sẽ không khó tiếp tục những sự mô tả ấy, vì hầu như tất cả mọi du khách khi đi sâu vào châu Mỹ, đều tham quan công xã này hay công xã khác trong số những công xã được nhắc đến ở trên, trong *tất cả những bài mô tả về các cuộc du hành* đều nói về chúng. Nhưng *không một* người nào trong số những du khách ấy có thể nói điều gì xấu về những con người đó; trái lại, tất cả đều chỉ khen ngợi họ, và điều duy nhất có thể chê họ, đặc biệt là những người Sây-cơ, là những thành kiến tôn giáo không có gì chung với học thuyết về tài sản chung. Thí dụ, tôi có thể dẫn ra thêm những tác phẩm của bà Mác-ti-nô, của các ông Mê-li-sơ và Bốc-kinh-hêm và nhiều người khác, nhưng vì trên kia đã nói đầy đủ, và tất cả các tác giả đều thông báo cũng những điều ấy, nên không cần phải làm thế.

Thành công của những người Sây-cơ, những người của công xã "Hài hoà" và của những người sống riêng rẽ, cũng như nhu cầu phổ biến về việc tổ chức xã hội loài người theo cách mới, và những cố gắng bắt nguồn từ đó của những người xã hội chủ nghĩa và những người cộng sản gần đây đã thúc đẩy nhiều người khác ở Mỹ có những cố gắng tương tự như vậy. Thí dụ, ông *Ghi-nan, nhà truyền giáo Đức* ở Phi-la-den-phi-a, đã thành lập một hội mua 37 000 moóc-ghen rừng ở bang Phi-la-den-phi-a, đã xây dựng ở đây trên tám mươi ngôi nhà và đã có trên năm trăm người, *phần lớn là người Đức*. Họ có một xưởng thuộc da lớn và nghề sản xuất đồ gốm, nhiều xưởng thợ và kho tàng, và ở chỗ họ công việc diễn ra rất tốt. Lẽ dĩ nhiên, họ sống trên cơ sở *tài sản chung* cũng như tất cả những công xã sẽ được nói đến dưới đây. - Một ông *Hi-dơ-bi*

nào đó, chủ nhà máy sắt ở Pít-xbua (Ô-hai-ô), đã thành lập ở thành phố quê hương mình một công xã tương tự như vậy, năm ngoài công xã này đã mua gần 4 000 moóc-ghen ruộng đất ở gần Pít-xbua và có ý định thành lập một khu di dân trên cơ sở tài sản chung. - Tiếp nữa, ở bang Niu Oóc, ở *Xke-ni-ten-xơ*, có một khu di dân y như vậy, được thành lập vào mùa xuân năm 1843^{1*} bởi nhà xã hội chủ nghĩa người Anh *Gi.A.Cô-lin-xơ* cùng với ba mươi người cùng tư tưởng với ông; ngoài ra ở *Min-đen*, tại bang Ma-xa-tru-xét, nơi mà từ năm 1842 đã có gần một trăm người định cư; tiếp nữa *hai* công xã ở *Pai-cơ Ca-un-ti*, ở bang Pen-xin-va-ni-a cũng đã được thành lập cách đây không lâu; rồi một công xã ở *Bru-cơ - Phác-mơ*, ở Ma-xa-tru-xét, là nơi mà trên diện tích 200 moóc-ghen ruộng đất có năm mươi thành viên công xã và ba mươi học sinh sống, người ta đã xây dựng một trường học rất tốt dưới sự lãnh đạo của linh mục giáo phái thống nhất¹²² *Gi.Ri-phi*; tiếp nữa, ở Noóc-tơ-hem-tơn, cũng tại bang ấy, từ năm 1842 có một công xã gồm 120 thành viên trồng trọt, chăn nuôi gia súc trên diện tích 500 moóc-ghen ruộng đất của mình và có những xưởng xẻ gỗ, xưởng tơ lụa và xưởng nhuộm, và cuối cùng, khu di dân của những người xã hội chủ nghĩa Anh lưu vong ở *Ê-cu-ô-li-ti*, gần *Min-ua-ki*, ở bang *Uy-xcôn-xin*, do Tô-mát *Han-tơ* thành lập năm ngoài và đang phát triển nhanh chóng. Ngoài những khu di dân ấy ra trong thời gian gần đây dường như đã có thêm một số công xã được thành lập, nhưng chưa có tư liệu về điều này. - Dù sao, đã rõ một điều là người Mỹ và đặc biệt là công nhân nghèo của những thành phố lớn: Niu Oóc, Phi-la-đen-phi-a, Bô-xtơn v.v., đã rất quan tâm đến việc này và đã thành lập nhiều hội để tổ chức những khu di dân như vậy và luôn luôn ra đời những công xã mới. Người Mỹ đã chán ngấy trước việc tiếp tục làm nô lệ cho một nhóm người giàu có sống

1* Trong nguyên bản viết nhầm: 1813.

bằng lao động của nhân dân, còn nếu dân tộc đó có nghị lực và ngoan cường thì rõ ràng là chế độ cùng chung tài sản sẽ nhanh chóng được thực hiện trên một bộ phận đáng kể của đất nước.

Song, không chỉ ở Mỹ, mà cả ở Anh đã có những cố gắng thực hiện chế độ tài sản chung. Ở đây nhà nhân đạo chủ nghĩa *Rô-bớc Ô-oen* tuyên truyền học thuyết này trong vòng ba mươi năm, ông đã hy sinh toàn bộ tài sản to lớn của mình, không còn tí nào, để thành lập khu di dân "*Hài hoà*" hiện đang tồn tại ở *Hem-pơ-sia*. Hội do ông thành lập nhằm mục đích này đã mua một khu đất rộng 1 200 moóc-ghen và đã thành lập ở đấy một công xã theo đề nghị của Ô-oen. Giờ đây công xã này có trên một trăm thành viên sống cùng nhau trong một ngôi nhà lớn và hiện thời còn chủ yếu làm nông nghiệp. Vì ngay từ đầu dự định làm cho công xã này trở thành kiểu mẫu về một chế độ xã hội mới, nên cần phải có một số vốn đáng kể, và cho đến nay đã đầu tư vào công việc gần hai trăm nghìn ta-le. Một phần số tiền ấy là đi vay và phải trả dần; việc đó đã gây ra một loạt khó khăn và vì thiếu tiền nên nhiều công trình không thể hoàn thành và trở nên có lãi. Mà vì các thành viên công xã không phải là những người duy nhất sở hữu xí nghiệp, còn đứng đầu xí nghiệp là ban giám đốc của hội những người xã hội chủ nghĩa là chủ của xí nghiệp đó, nên do vậy đôi khi cũng đã nảy sinh những sự hiểu nhầm và bất bình. Nhưng mặc dù tất cả những điều đó, công việc vẫn diễn ra bình thường; theo lời xác nhận của tất cả mọi người đến thăm, các thành viên công xã đối xử với nhau tốt hết chỗ nói, giúp đỡ nhau, và mặc dù gặp tất cả mọi khó khăn, sự tồn tại của xí nghiệp giờ đây vẫn được đảm bảo. Điều chủ yếu là tất cả mọi khó khăn không phải bắt nguồn từ sự cộng đồng, mà bắt nguồn từ chỗ sự cộng đồng đó chưa được thực hiện đầy đủ. Nếu điều đó được thực hiện thì các thành viên công xã lẽ ra đã không phải dùng toàn bộ thu nhập của mình vào việc trả món nợ đã vay và số lãi về số tiền vay, mà sẽ có thể

sử dụng nó để hoàn thành và hoàn thiện xí nghiệp ấy; ngoài ra, lẽ ra họ có thể tự mình chọn cơ quan quản lý của mình, chứ không phải thường xuyên phụ thuộc vào ban giám đốc của hội.

Về bản thân xí nghiệp, một nhà kinh tế thực tiễn từng đi khắp nước Anh để tìm hiểu tình hình nông nghiệp và từng mô tả những cảm tưởng của mình trên báo "Morning Chronicle" ở Luân Đôn dưới bút danh: "Một trong số những người tự cây ruộng"^{1*}, đã cho biết những điều sau đây ("Morning Chronicle", ngày 13 tháng Chạp 1842)¹²³:

Sau khi đi qua một địa phương canh tác kém, mọc đầy cỏ dại hơn là cây hoa thảo, lần đầu tiên trong đời ông nghe thấy ở một làng lân cận một số điều về những người xã hội chủ nghĩa thuộc khu di dân "Hài hoà". Ở đấy một người giàu có kể cho ông rằng họ canh tác, và hơn nữa canh tác rất tốt, một khu đất lớn, rằng tất cả những lời đồn đại thất thiệt lan truyền về họ là không đúng, rằng vị linh mục chỉ có thể tự hào, nếu chỉ ít một nửa số dân trong xứ đạo của ông xử sự một cách xứng đáng như những người xã hội chủ nghĩa ấy, và rằng điều cũng rất đáng mong muốn là những người làm ruộng ở vùng xung quanh đã đem lại cho người nghèo gần ấy công việc và với những điều kiện có lợi như những người này đang làm. Họ có những quan điểm riêng của mình về sở hữu, nhưng mặc dù vậy, họ vẫn xử sự rất tốt và nêu gương tốt cho toàn bộ khu vực. Ông nói thêm rằng các quan điểm tôn giáo của họ khác nhau: có người đi lễ nhà thờ này, những người khác đi lễ nhà thờ kia, và họ không bao giờ nói về tôn giáo hoặc chính trị với dân cư trong làng. Được ông hỏi, hai người trong số họ trả lời rằng họ không có bất cứ quan điểm tôn giáo nhất định nào và mỗi người đều có thể tin điều gì mình muốn. Tất cả chúng tôi đều rất ái ngại khi nghe nói

1* Bút danh của A-léch-xan-đrơ Xô-mơ-vin

rằng họ đã đến đây, nhưng bây giờ chúng tôi thấy rằng họ là những người lảng giếng rất tốt, họ nêu cho những người đồng hương của chúng tôi một tấm gương tốt về đạo đức, đem lại việc làm cho nhiều người nghèo chúng tôi, và vì họ không bao giờ cố gắng áp đặt quan điểm của họ cho chúng tôi, nên chúng tôi không có lý do nào để không hài lòng về họ. Tất cả họ đều có cách ứng xử lịch sự và được giáo dục tốt, và ở đây, tại vùng phụ cận, không ai có thể nói gì xấu về lối sống của họ.

Sau khi nghe cả những người khác cũng nói y như vậy, tác giả của chúng ta lên đường đi tới công xã "Hài hoà". Lại đi qua những cánh đồng canh tác kém, ông gặp một cánh đồng củ cải đường được canh tác rất tốt với vụ thu hoạch phong phú tuyệt vời và nói với người bạn của ông, một tá điền địa phương: nếu đó là củ cải đường xã hội chủ nghĩa thì nó trông không tồi. Sau đó ít lâu ông gặp một đàn cừu xã hội chủ nghĩa bảy trăm con, cũng rất đẹp, rồi họ đến một ngôi nhà ở bê thế, xây dựng một cách trang nhã. Song tất cả ở trong nhà đều chưa hoàn tất: gạch và gỗ xây dựng để ngổn ngang, việc ốp tường mới làm được một nửa, những cái hố chưa lấp. Họ bước vào nhà, ở đó họ được tiếp đón lịch sự và vui vẻ và được đưa đi khắp ngôi nhà. Ở tầng thứ nhất là một phòng ăn và phòng bếp lớn, từ đó những đĩa thức ăn đầy được đưa bằng máy vào phòng ăn, còn bát đĩa ăn xong được đưa trở lại nhà bếp. Chiếc máy đó được một số trẻ em ăn mặc sạch sẽ và tươm tất, có dáng vẻ khỏe mạnh và biết cách đối xử giới thiệu với các khách tham quan xem. Những người phụ nữ ở trong bếp cũng có dáng vẻ rất sạch sẽ và đúng mực; và khách tham quan rất ngạc nhiên khi thấy bên cạnh bát đĩa bẩn - bữa ăn trưa vừa mới kết thúc - những người phụ nữ ấy có thể trông dễ thương và sạch sẽ như thế. Bản thân nhà bếp được thiết bị đẹp không thể tả được, và vị kiến trúc sư Luân Đôn đã xây dựng nó nói rằng ngay cả ở Luân Đôn cũng rất ít nhà bếp được trang bị bằng thiết bị hoàn hảo và đắt tiền

như vậy - cả người kể chuyện của chúng tôi cũng đồng ý với nhận xét đó. - Căn nhà bếp bố trí những phòng giặt, phòng tắm tiện lợi, nhà kho và một số phòng, nơi mà mỗi thành viên có thể tắm rửa sau khi đi làm về.

Ở tầng thứ hai bố trí phòng khiêu vũ lớn, còn bên trên phòng này là những phòng ngủ được bài trí rất tiện lợi.

Khu vườn rộng hai mươi bảy moóc-ghen được sắp xếp theo trật tự rất tốt; và nói chung ở khắp nơi đều thấy có hoạt động sôi nổi. Ở đây người ta sản xuất gạch, nung vôi, xây dựng và làm các đường phố; đã gieo một trăm moóc-ghen lúa mì và dự định cày thêm nhiều đất gieo lúa mì; đã đào một cái ao cho phân lỏng chảy xuống, còn từ khu rừng nhỏ nằm trên địa phận khu di dân người ta chở chất mùn đến để làm phân, - tóm lại người ta đã làm tất cả mọi việc để nâng cao năng suất đất đai.

Để kết thúc, tác giả của chúng ta viết:

"Tôi cho rằng địa tô về khu đất của họ phải là trung bình ba pao (hai mươi mốt ta-le) mỗi moóc-ghen một năm, thế mà họ chỉ trả mười lăm si-linh (năm ta-le) mà thôi. - Giao kèo mà họ đã thực hiện rất có lợi, nếu họ sẽ làm ăn một cách hợp lý; và dù có nói gì đi nữa về các ngôi nhà công cộng của họ, thì cần phải thừa nhận rằng họ canh tác đất đai của họ một cách tuyệt vời".

Chúng tôi xin bổ sung vào sự mô tả ấy mấy lời về tổ chức nội bộ của công xã ấy. Các thành viên của nó sống chung trong một ngôi nhà lớn, hơn nữa, mỗi người đều có phòng ngủ riêng được sắp xếp hết sức tiện lợi; công việc nội trợ do một bộ phận phụ nữ tiến hành chung cho tất cả mọi người, kết quả là, dĩ nhiên, tiết kiệm được rất nhiều thời gian và lao động được sử dụng trong việc điều hành nhiều cơ sở kinh tế nhỏ, nhờ thế mà tạo ra được nhiều tiện

ngi lớn mà trong những cơ sở kinh tế nhỏ hoàn toàn không thể làm được. Thí dụ, lò bếp vừa dùng làm nguồn sưởi bằng không khí ấm cho tất cả các phòng trong ngôi nhà; nước lạnh và nước ấm được đưa tới từng phòng theo đường ống và nói chung có những tiện nghi và ưu thế khác mà chỉ trong những công trình công cộng mới có được. Trẻ em được đưa tới trường gần với xí nghiệp, và chúng được nuôi dạy ở đấy do quỹ chung đài thọ. Bố mẹ có thể gặp chúng khi nào họ muốn, còn việc giáo dục thì nhằm phát triển thể lực và tinh thần và nhằm để sống trong tập thể. Trẻ em không bị hành hạ bởi những cuộc tranh cãi tôn giáo - thần học, bởi tiếng La-tinh và tiếng Hy Lạp, mà chúng được chú ý nhiều hơn đến việc nghiên cứu thiên nhiên, sự phát triển thân thể của chính mình và năng lực tinh thần của mình, chúng được nghỉ ngơi ngoài thiên nhiên sau khi ngồi học, tuy rằng ngồi hồi không lâu; vì việc dạy học được tiến hành không chỉ trong phòng, mà rất nhiều khi ở ngoài trời, và lao động là một bộ phận của giáo dục. Việc giáo dục đạo đức chung quy là vận dụng một quy tắc: đừng làm đối với người khác những gì mình không muốn những người khác làm cho mình, do vậy, thực hiện được sự bình đẳng hoàn toàn và tình thương yêu anh em.

Như đã nói, khu di dân chịu sự lãnh đạo của chủ tịch và ban giám đốc hội những người xã hội chủ nghĩa; ban giám đốc này được đại hội - mà mỗi phân hội của hội này cử một đại biểu đến dự - bầu ra hàng năm; nó có quyền hành vô hạn trong khuôn khổ điều lệ của hội và chịu trách nhiệm trước đại hội. Do đó, công xã do những người ở bên ngoài công xã quản lý, và trong những điều kiện như vậy, không thể không có những sự hiểu lầm và cãi vã; song nếu thậm chí cuộc thử nghiệm với công xã "Hài hoà" không thành công vì điều đó và do những khó khăn về tiền nong đi nữa - tuy nhiên không có căn cứ để chờ đợi điều này xảy ra - thì đó sẽ chỉ là một bằng chứng nữa để tán thành chế độ tài sản chung, vì nguyên nhân trong cả hai trường hợp là ở chỗ

tính cộng đồng không được thực hiện triệt để. Nhưng mặc dù tất cả những cái đó, sự tồn tại của khu di dân vẫn được đảm bảo, và tuy nó không thể đạt được thành công và hoàn tất tổ chức của mình nhanh chóng như thế, nhưng những kẻ phản đối công xã vẫn không có cơ hội ăn mừng về sự diệt vong của nó.

Vậy, chúng ta thấy rằng sự cộng đồng tài sản không phải là cái gì không thể thực hiện được và rằng, trái lại, tất cả những toan tính ấy đều đã hoàn toàn thành công. Chúng ta cũng thấy rằng những người sống theo công xã thì sống tốt hơn, chi phí lao động ít hơn, có thời gian rảnh rỗi nhiều hơn để phát triển mình về mặt tinh thần và họ tốt hơn, có đạo đức hơn những người láng giềng của họ còn duy trì chế độ tư hữu. Người Mỹ, người Anh, người Pháp và người Bỉ, cũng như nhiều người Đức đã hiểu tất cả những điều đó. Ở tất cả các nước đều có một số nào đó những người truyền bá học thuyết này và tự xưng là những người ủng hộ chế độ cộng đồng.

Nếu vấn đề này quan trọng đối với tất cả mọi người nói chung, thì nó hết sức quan trọng đối với những công nhân nghèo không có tài sản nào cả và ngay ngày mai họ đã ăn hết số tiền lương nhận được hôm nay và vào bất cứ lúc nào cũng có thể mất miếng ăn vì những sự ngẫu nhiên không lường trước được và không tránh khỏi. Ở đây, trước mắt công nhân mở ra triển vọng sống độc lập, được bảo đảm và không phải lo toan, hoàn toàn bình đẳng với những người mà hiện nay, nhờ sự giàu có của mình, có thể biến công nhân thành nô lệ của mình. Vấn đề này động chạm đến những công nhân đó nhiều hơn cả. Ở những nước khác, công nhân tạo thành hạt nhân của đảng đấu tranh để có chế độ cùng chung tài sản, và bản phận của công nhân Đức cũng là suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề này.

Khi công nhân được liên kết lại, cùng đứng bên nhau và theo đuổi một mục đích thì họ mạnh hơn vô tận so với người giàu. Và nếu ngoài ra họ còn theo đuổi mục tiêu hợp lý, nhằm vào hạnh

phúc của tất cả mọi người, là chế độ cùng chung tài sản, thì lẽ dĩ nhiên, những người ưu tú và khôn ngoan nhất trong số những người giàu có sẽ tuyên bố đồng ý với công nhân và sẽ ủng hộ họ. Đã có một số lớn những người giàu và có học thức ở tất cả các miền của nước Đức công khai tán thành chế độ cùng chung tài sản và bảo vệ quyền của nhân dân được hưởng những phúc lợi trần gian đã bị giai cấp có của chiếm đoạt.

*Do Ph.Ăng-
ghen viết
vào giữa
tháng Mười
1844
Đã đăng
không ký
tên trong
niên giám
"Deusches
Bürgerbuch
für 1845".
Darmstadt,
1845*

*In theo bản in trong niên giám
Nguyễn văn là tiếng Đức*

C.MÁC

CẤU TRÚC HIỆN TƯỢNG HỌC CỦA HÊ-GHEN¹²⁴

1) Ý thức tự giác thay vì con người. Chủ thể - Khách thể.

2) *Những khác biệt* của các vật không quan trọng, vì thực thể được xem xét như là sự tự phân biệt, hoặc vì sự tự phân biệt, sự khác biệt, hoạt động của lý trí được xem xét như là cái căn bản. Do vậy, Hê-ghen đã đưa ra - trong khuôn khổ tư biện - những khác biệt đích thực, nắm được thực chất vấn đề.

3) Thủ tiêu *sự tha hoá* được đồng nhất với thủ tiêu *tính đối tượng* (một khía cạnh, đặc biệt được Phoi-ơ-bác phát triển).

4) *Sự thủ tiêu của anh đối với đối tượng được quan niệm*, đối tượng với tư cách là đối tượng của ý thức, - được đồng nhất với *sự thủ tiêu thật sự đối tượng*, với hành động cảm tính khác với tư duy, với thực tiễn và với *hoạt động thực tế*. (Còn cần phải phát triển.)

*Do C.Mác viết,
chắc là vào
tháng Mười một
1844
Công bố lần
đầu trong Marx
- Engels
Gesamtausgabe.
Erste Abteilung,
Bd. 5, 1932*

*In theo
bản
viết tay
Nguyễn
văn là
tiếng
Đức*

C.MÁC

PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG TÁC PHẨM VỀ NHÀ NƯỚC HIỆN ĐẠI¹²⁵

1) *Lịch sử ra đời của Nhà nước hiện đại hay là cách mạng Pháp.*

Sự tự tôn vinh của lĩnh vực chính trị - sự nhầm lẫn với nhà nước cổ đại. Thái độ của các nhà cách mạng đối với xã hội công dân. Sự chia đôi tất cả các yếu tố thành các yếu tố công dân và các yếu tố nhà nước.

2) *Tuyên bố các quyền của con người và hiến pháp của quốc gia.*

Tự do cá nhân và quyền lực công cộng.

Tự do, bình đẳng và thống nhất. Chủ quyền của nhân dân.

3) *Nhà nước và xã hội công dân.*

4) *Nhà nước đại diện và hiến chương.*

Nhà nước đại diện hiến định, nhà nước đại diện dân chủ.

5) *Sự phân quyền.* Quyền lập pháp và quyền hành pháp.

6) *Quyền lập pháp và các viện lập pháp.* Các câu lạc bộ chính trị.

7) *Quyền hành pháp.* Tập quyền và thứ bậc. Tập quyền và văn minh chính trị. Hệ thống liên bang và chủ nghĩa công nghiệp. *Quản lý nhà nước và quản lý đô thị.*

8) *Quyền tư pháp và pháp luật.*

8") *Dân tộc và nhân dân.*

9") *Các chính đảng.*

9") *Quyền bầu cử, đấu tranh nhằm thủ tiêu [Aufhebung] nhà nước và xã hội công dân.*

*Do C.Mác viết,
chắc là vào
tháng Mười một
1844
Công bố lần
đầu trong Marx
- Engels
Gesamtausgabe.
Erste Abteilung,
Bd.5, 1932*

*In theo
bản
viết tay
Nguyễn
văn là
tiếng
Đức*

C.MÁC

VỀ CUỐN SÁCH CỦA PHRI-ĐRÍCH LI-XTƠ "HỌC THUYẾT DÂN TỘC VỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC"¹²⁶

[I. NHẬN XÉT CHUNG VỀ LI-XTƠ]

... [2] vì dự cảm về sự diệt vong của giai cấp tư sản thậm chí đã thâm nhập cả vào ý thức của người tư sản Đức, nên người tư sản Đức ngày thơ đến mức tự nó thừa nhận bản thân mình có "tình trạng đáng buồn" ấy:

"Chính vì thế ta thấy điều *hết sức đáng buồn* là những tai họa trong thời đại ngày nay đi kèm theo sự phát triển của nền công nghiệp đôi khi được nêu ra để làm luận cứ chống lại chính nền công nghiệp. Có những tai họa lớn hơn nhiều so với đẳng cấp *những người vô sản*: quốc khổ trống rỗng - sự bất lực của dân tộc - tình trạng nô lệ của dân tộc - sự diệt vong của dân tộc" (tr.L XVII).

Quả thật đáng buồn là giai cấp vô sản đã tồn tại và đã nêu ra các yêu sách, và đã gây nên nỗi sợ hãi ngay trước khi người

thị dân Đức đạt tới giai đoạn phát triển công nghiệp. Về bản thân người vô sản thì dĩ nhiên họ sẽ thấy vị thế của mình là đáng khích lệ khi giai cấp tư sản thống trị có được quốc khổ đầy áp và sự hùng mạnh dân tộc. Ngài Li-xtơ chỉ nói đến cái điều *đáng buồn hơn* đối với người tư sản. Vậy chúng ta công nhận rằng đối với người tư sản điều rất đáng buồn là họ muốn xác lập sự thống trị của công nghiệp chính vào thời điểm không thích hợp, khi mà địa vị nô lệ của đa số - hậu quả của sự thống trị của công nghiệp - đã trở thành sự thật mà ai cũng biết. Người tư sản Đức là *chàng hiệp sĩ bất hạnh*, anh ta muốn lập ra đoàn hiệp sĩ phiêu lãng đúng vào thời điểm cảnh sát và tiền bạc đã trở nên phổ biến.

3) *Chủ nghĩa duy tâm* trước kia của người tư sản Đức là khó khăn (trở ngại) lớn ngăn cản họ trên con đường hướng tới sự giàu có công nghiệp. Làm thế nào mà đám người "*của tinh thần*" ấy bỗng dưng đi đến chỗ tìm cho ra những phúc lợi cao nhất của loài người giữa đồng cỏ hoa, sợi dệt, máy kéo sợi, giữa đám đông những nô lệ công xưởng, giữa chủ nghĩa duy vật của kỹ thuật máy móc, giữa những túi tiền đầy áp của các ngài chủ xưởng? Chủ nghĩa duy tâm trống rỗng, hời hợt, uỷ mị của người tư sản Đức - nó che đậy tinh thần con buôn nhỏ nhen nhất, bản thủ nhất, ả giấu một lòng dạ hèn nhát nhát - đã đi đến cái thời đại mà nó không tránh khỏi buộc phải để lộ bí mật của mình ra. Nhưng nó vẫn lại để lộ bí mật ấy theo cách thức đích thực Đức, kiểu dễ bị kích động. Nó để lộ bí mật ấy với một dáng vẻ e thẹn duy tâm - Thiên chúa giáo. Nó phủ nhận sự giàu có, nhưng lại muốn có được sự giàu có. Vì bản thân nó nở khoác lên cái thứ chủ nghĩa duy vật không có linh hồn bộ y phục duy tâm và chỉ khi ấy mới dám chạy theo nó.

Toàn bộ phần lý luận [...] ^{1*} của học thuyết Li-xơ chẳng qua chỉ là khoác những câu sáo rỗng lý tưởng lên chủ nghĩa duy vật công nghiệp của kinh tế học công nhiên. Ở đâu đâu ông ta cũng để nguyên các sự vật như nguyên trạng của chúng, nhưng lại lý tưởng hoá sự thể hiện ấy. Chúng ta hãy quan sát điều này trong những trường hợp riêng biệt. Chính cái lối sáo rỗng duy tâm ấy đã đem lại cho ông ta ở đây khả năng xem thường những trở ngại *thực tế* mâu thuẫn với những ước muốn ngoan đạo của ông ta, để lao vào những điều viển vông kỳ quặc nhất (điều gì sẽ xảy ra với giai cấp tư sản Anh và Pháp nếu như trước hết nó phải xin phép giai cấp quý tộc cao quý, giới quan liêu đáng kính và những vương triều cầm quyền dòng dõi để được tạo dựng "nền công nghiệp nhờ hiệu lực của pháp luật"?).

Người thị dân Đức có đầu óc tôn giáo, ngay cả khi anh ta hoạt động với tư cách là một nhà công nghiệp. Anh ta không dám nói đến các giá trị trao đổi xấu xa mà anh ta hằng mong ước, mà anh ta nói đến lực lượng sản xuất; anh ta không dám nói đến cạnh tranh, mà anh ta nói đến một sự liên kết dân tộc nào đó của các lực lượng sản xuất dân tộc; anh ta không dám nói đến những lợi ích riêng của mình, mà anh ta nói đến những lợi ích dân tộc. Khi ta xem xét cung cách ba hoa khoa trương lý tưởng hoá của ngài Li-xơ, người đã khinh bỉ - trong khuôn khổ chính môn kinh tế chính trị học - sự giàu có của "những vị trượng phu ngoan đạo" và biết những mục tiêu cao cả hơn, trái với thái độ trơ trên công nhiên cổ điển của giai cấp tư sản Anh và Pháp - ít ra là vào thời kỳ đầu thống trị của nó, thông qua những nhà đề xướng khoa học đầu tiên của mình trong kinh tế chính trị học - khi nó đã biến sự giàu có thành thượng đế và thẳng tay hy sinh tất cả cho nó, cho

thần Mô-lô-xơ ấy, cũng cả trong khoa học, - thì ta sẽ phải thừa nhận một sự thật "dịch thực đáng buồn" là ngày nay không còn là thời buổi để làm giàu nữa.

Ngài Li-xơ luôn luôn nói với giọng điệu thi ca từ mô-lô-xơ¹²⁷. Khi làm dáng vẻ quan trọng, ông ta luôn rơi vào cơn hưng phấn

1* Chỗ này trong bản viết tay có ba từ viết không rõ ràng.

vụng về và nhiều lời mà những dòng nước đục của cơn hưng phấn ấy rút cục không ngừng xô đẩy ông ta vào bãi cạn, và chủ đề của niềm hưng phấn ấy, khi nó được lặp lại liên tục, tự trung là muốn thiết lập thuế quan bảo hộ và các xưởng máy "đích thực của Đức". Ông ta luôn luôn cực kỳ nhạy cảm bằng cảm tính.

Phần tử phi-li-xtanh lý tưởng hoá Đức muốn trở thành giàu có đương nhiên phải tạo ra trước cho mình một học thuyết mới về sự giàu có, học thuyết ấy sẽ làm cho sự giàu có đáng được anh ta phấn đấu để có được. Người tư sản ở Pháp và ở Anh thấy giông tố đang đến gần, cơn giông ấy thực tế sẽ thủ tiêu cuộc sống *thực sự* của những gì mà cho tới nay người ta vẫn gọi là sự giàu có, còn người tư sản Đức vẫn chưa đến được sự giàu có xấu xa ấy thì tìm cách xây dựng một sự lý giải mới, "duy linh chủ nghĩa" về sự giàu có ấy. Anh ta xây dựng cho mình một thứ kinh tế chính trị học "lý tưởng hoá", không có gì giống với kinh tế chính trị học nghịch đạo của Pháp và của Anh, để tự biện minh trước chính bản thân mình và trước thế giới rằng anh ta cũng muốn trở nên giàu có. Người tư sản Đức bắt đầu công cuộc tạo ra sự giàu có bằng việc tạo dựng một môn kinh tế chính trị học khoa trương uỷ mị, lý tưởng hoá một cách đạo đức giả nào đó.

3. Ngài Li-xtơ giải thích lịch sử như thế nào và ông ta có thái độ như thế nào đối với Xmít và trường phái của Xmít.

Ngài Li-xtơ tỏ ra cung kính biết nhường nào đối với giới quý tộc, với các triều đại dòng dõi cầm quyền, với giới quan liêu, ông ta đã có thái độ "mạnh bạo" biết bao khi chống lại khoa kinh tế chính trị Pháp và Anh, đứng đầu là Xmít, khoa này đã trâng tráo *tiết lộ bí mật* của "sự giàu có" và đã vô hiệu hoá mọi ảo tưởng về bản chất, xu hướng và sự vận động của

nó. Ngài Li-xtơ đã biểu thị tất cả các đại diện của khoa kinh tế chính trị này bằng cái tên "trường phái". Vì đối với người tư sản Đức vấn đề trước hết là thuế quan bảo hộ, cho nên dĩ nhiên đối với anh ta toàn bộ quá trình phát triển của kinh tế chính trị học từ thời Xmít không có một ý nghĩa nào cả, bởi lẽ đối với tất cả những đại biểu ưu tú nhất của khoa kinh tế chính trị ấy thì tiền đề là xã hội tư sản hiện nay với cạnh tranh và tự do mậu dịch.

Ở đây phần tử phi-li-xtanh Đức đã chỉ ra về nhiều mặt cho ta thấy tính chất "dân tộc" của anh ta.

1) Anh ta coi toàn bộ khoa kinh tế chính trị chỉ là những hệ thống lý thuyết được nghĩ ra trong các phòng làm việc của các nhà bác học. Dĩ nhiên, ngài Li-xtơ không nghĩ đến sự thể là sự phát triển của một môn khoa học như kinh tế chính trị học gắn liền với sự vận động thực tế của xã hội, hoặc sự phát triển ấy chỉ là biểu hiện lý luận của nó [3]. Nhà lý luận Đức.

2) Vì tác phẩm của chính ông ta (học thuyết của chính ông ta) đã ẩn chứa trong mình nó một mục tiêu bí mật nào đó, cho nên ông ta ở đâu đâu cũng nghi ngờ có những mục tiêu bí mật.

Là một phần tử phi-li-xtanh Đức đích thực, ngài Li-xtơ - thay vì nghiên cứu lịch sử thực tế - lại đi tìm kiếm những mục tiêu bí mật xấu xa của các cá nhân và nhờ sự láu lỉnh của mình ông ta rất thành đạt trong việc tìm kiếm ra (khổ công tìm) những mục tiêu ấy. Ông ta có những phát kiến vĩ đại, đại loại như: tuồng như bằng học thuyết của mình A-đam Xmít muốn lừa bịp thế giới và toàn thế giới đã để cho Xmít lừa bịp mình cho đến khi ngài Li-xtơ vĩ đại đưa thế giới ra khỏi tình trạng mơ màng, - cũng bằng cách đại thể như cách thức mà một cố vấn tư pháp ở Đuyt-xen-đoóc-phơ đã dùng để

mô tả lịch sử của La Mã là sự bịa đặt của các tu sĩ thời Trung cổ nhằm luận chứng cho sự thống trị của La Mã.

Cũng giống như người tư sản Đức nói chung không biết chống lại đối thủ của mình bằng cách nào khác hơn là gán cho đối thủ ấy những tội xấu về đạo đức, hoài nghi những quan điểm của đối thủ ấy, tìm kiếm cho ra những động cơ xấu xa trong những hành động của đối thủ ấy, nói tóm lại, làm cho đối thủ trở thành đối tượng của sự đôn đại độc ác và gây nên sự ngờ vực về nhân cách của đối thủ, - cũng như vậy, ngài Li-xơ gây sự ngờ vực đối với các nhà kinh tế học Anh và Pháp, tung ra những chuyện đơm đặt về họ, và giống như trong khi buôn bán, phần tử phi-li-xtanh Đức không từ một khoản lợi nhuận nhỏ bé nhất và một trò gian lận nào, ngài Li-xơ cũng vậy, không từ việc giấu kín một cách gian lận những lời trong các đoạn do ông ta trích dẫn ra để thu hoạch lợi lộc cho mình từ những đoạn trích ấy; ông ta cũng không từ việc dán lên những sản phẩm tồi của mình cái nhãn hiệu của địch thủ nhằm bôi nhọ địch thủ, xuyên tạc những sản phẩm ấy; ông ta thậm chí không từ cả việc bịa ra điều dối trá hiển nhiên về đối thủ cạnh tranh của mình để phá hoại sự tín nhiệm đối với đối thủ ấy.

Chúng tôi xin dẫn ra đây một số mẫu về phương pháp mà ngài Li-xơ áp dụng.

Được biết các cha cố Đức cho rằng, điều dễ dàng nhất để giáng đòn chí mạng căn bản vào thời đại khai sáng là tung ra câu chuyện giai thoại kỳ quặc và luận điệu dối trá rằng, vào giờ phút lâm chung Vôn-te từ bỏ học thuyết của mình. Ngài Li-xơ cũng dẫn chúng ta đến giờ phút lâm chung của Xmít và ông ta cho chúng ta biết rằng ở đây đã phát hiện thấy Xmít đã không thật lòng với học thuyết của mình. Tuy nhiên, xin hãy nghe chính ngài Li-xơ nói tiếp về Xmít. Chúng tôi xin dẫn

ra, bên cạnh lời suy xét ấy, cái nguồn gốc của sự thông thái của ông ta.

Li-xơ:

"Tôi đã nhắc đến một sự kiện trong tiểu sử [của Xmít] do Đa-gan-đơ Xtiu-át viết, cho biết khối óc vĩ đại này không thể bình thần yên nghỉ chừng nào chưa đốt hết những bản thảo của ông, - qua đây tôi muốn để cho mọi người hiểu rằng thật nghiêm

F.L.A. Ferrier. "Du gouvernement considéré dans ses rapports avec le commerce". Paris, 1805:

"Liệt có thể Xmít chán thành chán khi ông đưa đ rầy nhữn suy x sai lệc có lợ cho ch tron tự d thươn mại?. Xmít một mục đích b mậ: truyề bá ở châu Âu nhữn nguyê

trọng biết
 bao sự
 nghi ngờ
 rằng
 những
 giấy tờ ấy
 chứa
 đựng
 những
 bằng
 chứng bác
 bỏ sự
 thành thật
 của ông"
 (tr.LVIII).
 "Tôi đã
 chỉ cho
 thấy các
 bộ trưởng
 nước Anh
 đã lợi
 dụng học
 thuyết
 của ông
 như thế
 nào để
 làm mờ
 mắt các
 dân tộc
 khác
 nhằm trục
 lợi cho
 nước
 Anh"
 (tr.LVIII-
 LIX). "Về

tác mà
 ông đã
 biết rất
 rõ ràng
 việc
 chấp
 nhận
 chúng
 sẽ đảm
 bảo cho
 đất
 nước
 ông có
 được thị
 trường
 thế
 giới"
 (tr.385,
 386).
 "Chúng
 ta thậm
 chí
 hoàn
 toàn có
 quyền
 cho
 rằng
 không
 phải lúc
 nào
 Xmít
 cũng
 tuyên
 truyền
 cùng
 một học

những gì
 liên quan
 đến các
 quan hệ
 dân tộc và
 quan hệ
 quốc tế
 thì học
 thuyết
 của A-
 đam Xmít
 chỉ là sự
 tiếp tục
 của học
 thuyết
 trọng
 nông.
 Cũng
 giống học
 thuyết
 này, học
 thuyết
 của A-
 đam Xmít
 xem
 thường
 bản chất
 của các
 dân tộc và
 cho rằng
 thế giới
 vĩnh hằng
 và liên
 minh phổ
 biến là
 những cái

thuyết
 và lại
 làm th
 nào c
 thể gi
 thích
 theo
 cách
 khác
 nhữn
 khổ đ
 mà n
 sợ h
 trước
 khả
 năng
 nhữn
 bản
 thảo b
 giảng
 của ôn
 sẽ cò
 tồn tạ
 sau kh
 ông
 chết đ
 gây r
 cho ôn
 vào lú
 làm
 chung
 (tr.38
 Ông
 [Phe-n
 ê] [nh
 trên,

hiện hữu"
(tr.475).

tr.388]
quở
trách
Xmít
rằng
Xmít đã
là một
ủy viên
thanh
tra hải
quan.
"Xmít
hầu như
bao giờ
cũng
suy xét
như các
nhà
kinh tế
học"
(phái
trọng
nông),
"mà
không
chú ý
đến
những
khác
biệt về
lợi ích
của các
dân tộc
khác
nhau và
xuất

phát t
chỗ ch
ràng
trên th
giới c
sẽ tôn
tại c
một x
hội"
(tr.381
"Chú
ta hã
gác l
mọi d
án ấy
về li
minh
(tr.15
(Ngà
Phe-ri
đã từ
là thar
tra hã
quan
dưới
thời
Na-p
lê-ôn
và vớ
yêu
thích
ngh
của

Ngài Li-xtơ gọi học thuyết kinh tế chính trị của Gi.B.Xây là một cuộc đầu cơ thất bại. Bây giờ chúng tôi sẽ dẫn ra đây đủ suy xét cuối cùng của ông ta về cuộc đời của Xây. Nhưng trước khi đó xin nêu thêm một ví dụ cho thấy ông ta sao chép như thế nào ở những tác giả khác và trong khi sao chép lại xuyên tạc các tác giả đó để đánh gục các đối thủ của mình.

Li-xtơ:

"Hình
như *Xây*
và *Mác-*
Cu-lốc
đã nhìn
thấy
hoặc đã
đọc
không
nhiều
hơn đâu
đề của
quyển
sách
này"
(quyển
sách
của An-
tôn-ô
Xe-ra ở
Na-
plơ)¹²⁸;

Bá tước *Péch-ki-ô*. "*Lịch sử kinh tế
chính trị ở I-ta-li-a*" v.v. Pari, 1830:

"Người
nước
ngoài đã
toan tính
phủ nhận
công lao
của Xe-ra
trong việc
ông là
người đầu
tiên đặt
nền móng
cho môn
khoa học
này"
(khoa
kinh tế
chính trị).
"Điều tôi
vừa nói
tuyệt
nhiên
không

mình).

"cả hai
nhân
vật ấy
đã kiêu
ngạo
gạt nó
sang
một bên
với lời
nhận
xét:
trong
quyển
sách ấy
chỉ nói
đến tiên
tệ, và
ngay
đầu đề
quyển
sách ấy
đã
chứng
minh
rằng tác
giả đã
lầm lạc
khi ông
ta coi
các kim
loại quý
là
những

liên qu
đến ng
Xây,
người
chỉ tr
Xe-r
ràng X
ra đã x
của c
chỉ là
chất và
và bạ
tuy nh
cũng
thừa nh
danh
tiếng c
Xe-ra
người
tiên c
chỉ ra
lượng
xuất c
công
nghiệ
Sự ch
trích c
tôi là
nhằm
ngày
Mác-C
lốc... N
như ng

của cải
duy
nhất.
Giá như
họ đọc
tiếp",
v.v.
(tr.456).

Các vị thấy ngài Li-xơ cố ý xuyên tạc Pê-ki-ô, người mà ông ta đã sao chép để bôi nhọ ngài Xây, như thế nào. Điều cũng không kém phần giả dối là những tư liệu tiểu sử về Xây mà ông ta đưa ra.

Ông Li-xơ nói về Xây:

"Thoạt đầu là thương gia, về sau là chủ xưởng, sau nữa là chính khách gặp vận đen, ông Xây đã đến với kinh tế chính trị như người ta vẫn đến với một nghề mới nào đó khi nghề cũ trở nên trực trực... Sự thù ghét hệ thống của lục địa đã làm cho công xưởng của ông ta phá sản, cũng như lòng thù ghét người tạo ra hệ thống ấy - là người đã làm cho ông ta bị đánh bật ra khỏi Viện dự luật - đã thúc đẩy ông ta xoay ra ủng hộ nền mậu dịch tự do tuyệt đối" (tr.488, 489).

Vậy đây, Xây đã trở thành người ủng hộ chế độ mậu dịch tự do, bởi vì xưởng máy của ông ta đã bị hệ thống của lục địa làm phá sản! Còn tình hình sẽ như thế nào nếu ông ta viết tác phẩm "Khái luận về kinh tế chính trị" của mình trước khi ông ta trở

Mà sao chủ xưởng? Xây đã ủng hộ chế độ mậu dịch tự do, bởi vì Na-pô-lê-ông đã tống khứ ông ta ra khỏi Viện dự luật!¹²⁹ Còn ông ta viết quyển sách này *sau khi trở thành uỷ viên của Viện dự luật* thì sao? Và tình hình sẽ ra sao nếu như Xây, - một người mà theo lời ngài Li-xơ, đã từng là một thương gia gặp vận đen, xem văn học chỉ là một trong những ngành hoạt động kinh doanh - ngay từ tuổi niên thiếu đã đóng một vai trò nhất định trong giới văn học Pháp?
Ngài Li-xơ đã có được những thông tin từ nguồn nào? - Từ tác phẩm có trước "Toàn tập bài giảng về kinh tế chính trị", từ "Tham khảo lịch sử về cuộc đời và những tác phẩm của Gi.B.Xây", tác giả là *Sác-lơ Công-tơ*. Tài liệu tham khảo ấy cho thấy điều gì? Nó chứa đựng đôi điều trái ngược với tất cả những gì mà Li-xơ cho biết. Xin các vị hãy nghe:

"Gi.B.Xây được cha mình, vốn là một thương gia, [4] sắp đặt cho đi vào hoạt động buôn bán. Song sở thích của Xây đã lôi kéo ông đến với văn học. Năm 1789 ông công bố cuốn sách bảo vệ tự do báo chí. Khi cách mạng nổ ra ông cộng tác với báo "Courier de Provence" do Mi-ra-bô xuất bản. Ông cũng đã làm việc tại văn phòng của bộ trưởng Cla-vi-c. Thiên hướng của ông đối với "các môn khoa học nhân văn và khoa học chính trị", cũng như sự phá sản của cha ông đã thúc đẩy ông hoàn toàn từ bỏ buôn bán và lấy hoạt động khoa học làm công việc duy nhất của mình. Năm 1794 ông trở thành chủ bút tờ tạp chí "Décade philosophique, littéraire et

politique". Năm 1799 Na-pô-lê-ông cử ông làm uỷ viên trong Viện dự luật. Thời gian nhàn rỗi do việc làm uỷ viên Viện dự luật đem lại cho ông được ông tranh thủ để biên soạn cuốn "Khái luận về kinh tế chính trị". Cuốn này được ông công bố vào năm 1803. Ông đã bị sa thải khỏi Viện dự luật vì ông là một trong số ít những người dám chống lại chính sách của Na-pô-lê-ông. Người ta đề nghị ông giữ một chức vụ béo bở trong bộ tài chính, nhưng ông đã từ chối, tuy ông mang gánh nặng phải nuôi sáu đứa con và ông hầu như không có tài sản nào cả..., bởi vì ông sẽ không thể hoàn thành chức trách mà ông được đề xuất gánh vác nếu không góp phần thực hiện cái chế độ mà ông cho là nguy hại cho nước Pháp. Về sau ông đã lập ra một xưởng kéo sợi",
v.v..

Nếu những điều phỉ báng mà ở đây ngài Li-xtơ trút lên đầu Gi.B.Xây nảy sinh do xuyên tạc thì lời ngài Li-xtơ khen người anh em của Xây là Lu-i Xây cũng nảy sinh hoàn toàn y như vậy. Để chứng minh rằng *Lu-i Xây* chia sẻ ý kiến của Li-xtơ, Li-xtơ đã xuyên tạc một đoạn trong tác phẩm của tác giả này.

Ở tr.484 quyển sách của mình, ông Li-xtơ nói:

"Theo ý kiến của ông" (của Lu-i Xây) "sự giàu có của các dân tộc không phải là ở những của cải vật chất và giá trị trao đổi

của chúng, mà là ở *khả năng liên tục sản xuất ra những của cải ấy*".

Theo ông Li-xtơ, lời của chính Lu-i Xây là như thế này:

Lu-i Xây của ngài Li-xtơ:

Lu-i Xây đích thực:

"Sự giàu
có
không
phải là ở
những
đồ vật
thoả
mãn các
nhu cầu
hoặc các
thị hiếu
của
chúng
ta, mà là
ở khả
năng
hưởng
dụng
chúng
hằng
năm"
("Études
sur la
richesse
des
nations

"Tuy
sự
giàu
có
không
phải
là ở
những
đồ vật
thoả
mãn
các
nhu
cầu
hoặc
các
thị
hiếu
của
chúng
ta, mà
là ở
thu
nhập
hoặc
khả

etc".
[Paris,
1836],
p.10).

Như thế, Xâp nói, không phải về khả năng sản xuất mà là về khả năng hưởng dụng, về khả năng "thu nhập" đem lại cho một dân tộc. Chính vì không có sự cân đối giữa sức sản xuất và thu nhập của toàn dân tộc, cũng như của tất cả các giai cấp nói riêng, cho nên đã nảy sinh những học thuyết thù địch nhất với ngài Li-xtơ, ví dụ như các học thuyết của Xi-xmôn-đi và của Séc-buy-li-ê.

Bây giờ chúng tôi xin dẫn ra đây ví dụ về sự ngu dốt của ngài Li-xtơ trong các suy xét của ông ta về "trường phái". Ông ta nói về Ri-các-đô (Li-xtơ bàn về vấn đề lực lượng sản xuất):

"Nói chung từ thời A-đam Xmít, trường phái này đã không may trong việc nghiên cứu bản chất của địa tô. Ri-các-đô, sau đó là Min, Mác-Cu-lóc và những người khác, cho rằng người ta trả địa tô cho năng suất tự nhiên vốn có của các lô đất. Dựa trên ý kiến ấy Ri-các-đô đã xây dựng cả một hệ thống... Vì ông chỉ biết các điều kiện ở Anh, cho nên ông ta đã rơi vào nhầm lẫn cho rằng tuồng như thế những đất canh tác và đồng cỏ ở nước Anh - mà hiện nay người ta vẫn trả khoản địa tô tuyệt vời như thế cho năng suất tự nhiên giả tạo của

năng
hưởng
dụng Còn *Ri-các-đô* thì nói:
chúng
hàng
năm...
[tr.9-
10].

chúng - đã là những đất canh tác và đồng cỏ y như thế trong mọi thời đại" (tr.360).

"Nếu sản phẩm thặng dư tạo thành địa tô là một ưu thế thì điều đáng mong muốn là làm sao mỗi năm những máy móc mới được tạo ra tỏ ra ít năng suất hơn những máy móc cũ, vì điều đó sẽ truyền một giá trị lớn cho những hàng hoá được sản xuất ra trong toàn quốc, và địa tô sẽ được trả cho tất cả các chủ sở hữu những máy móc có năng suất cao nhất". "Địa tô tăng lên càng nhanh nếu sức sản xuất ở những ruộng đất có thể có được càng giảm mạnh. Sự giàu có tăng lên ở những nước mà tại đó nhờ các cải tiến trong nông nghiệp người ta có thể tăng số lượng sản phẩm mà không cần tăng tương ứng số lượng lao động và tại nơi đó, do vậy, địa tô tăng rất chậm" (*Ri-các-đô* "Nguyên lý kinh tế chính trị học", Pa-ri, 1835, T.I, [tr.77 và 80-82])
[Bản dịch tiếng Nga, tr.71 và 72-73].

Theo học thuyết của Ri-các-đô thì địa tô hoàn toàn không phải là kết quả của năng suất tự nhiên vốn có của ruộng đất, trái lại, nó là kết quả của *tình trạng sản lượng thấp* ngày càng trầm trọng của ruộng đất, kết quả của nền văn minh và tình trạng dân số gia tăng. Theo Ri-các-đô, chừng nào còn có những số lượng không hạn chế những ruộng đất màu mỡ nhất thì không tồn tại địa tô nào cả. Như vậy, địa tô được xác định bởi tỷ lệ số dân so với số lượng ruộng đất mà người ta có thể có.

Về học thuyết của Ri-các-đô - học thuyết này là cơ sở lý luận

cho toàn thể Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc ở nước Anh và cho phong trào chống địa tô ở các bang tự do Bắc Mỹ - thì nếu giả định rằng ông Li-xtơ biết về học thuyết này nhiều hơn mức nghe lỏm mà ông ta tất đã xuyên tạc học thuyết ấy chỉ vì nó chứng minh rằng "những nhà tư sản tự do, hùng mạnh và giàu có" rất xa lạ đến mức nào với xu hướng muốn "hăng hái" làm việc nhằm gia tăng "địa tô" và đem lại cho họ [các điền chủ] mật lấy từ tổ ong. Học thuyết của Ri-các-đô về địa tô chẳng qua chỉ là biểu hiện kinh tế của cuộc đấu tranh một mất một còn do các nhà tư sản công nghiệp tiến hành chống lại các điền chủ.

Tiếp đó, ông Li-xtơ lên lớp chúng ta về Ri-các-đô như sau:

"Hiện nay lý thuyết về các giá trị trao đổi đã trở nên bất lực đến mức... khiến cho Ri-các-đô... có quyền nói: "việc xác định những quy luật mà theo đó sản phẩm của ruộng đất được phân phối giữa các điền chủ, các người lĩnh canh và công nhân, là nhiệm vụ chủ yếu của kinh tế chính trị học"" (tr.493). Cần đưa ra những nhận xét cần thiết về vấn đề này ở đoạn cần thiết.

[5] Ông Li-xtơ đã đạt đến đỉnh cao của sự bỉ ổi khi suy xét về Xi-xmôn-đi.

Li-xtơ
"Ông ta"
(Xi-
xmôn-đi)
"ví dụ,
mong
muốn tinh
thần sáng
chế bị

chặn
đứng"
(tr.XXIX).

Xi-xmôn-đi:
"Tôi không
phản đối
máy móc,
không
chống lại
các sáng
chế, không
chống lại

Nếu như ngài Li-xtơ hoài nghi Xmít và Xây về khía cạnh đạo đức thì ông ta có thể tự giải thích học thuyết của ngài Xi-xmôn-đi chỉ bắt nguồn từ những thiếu sót *thể chất* của Xi-xmôn-đi mà thôi. Ông ta nói:

Bằng mắt mình "Ngài Xi-xmôn-đi nhìn

với nhau
những sản
phẩm của
lao động
mà họ đã
tham gia
vào, thế là
kết quả
của họ
mình ở
sáng chế kỹ
thuật mới
đưa ra nhận xét:

Đề đánh giá thích đáng toàn bộ sự tầm thường của những lời
thổ lộ ấy, cần phải biết đoạn mà từ đó ông Li-xtơ đã rút ra nhận
xét của mình. Trong tác phẩm "Khái luận kinh tế chính trị" của
mình ở đoạn nói về sự phá sản của xứ Cam-pa-ni-a La Mã, Xi-
xmôn-đi đưa ra nhận xét:

mọi trường
hợp, sẽ trở
thành việc
làm tốt đẹp
đối với tất
cả mọi
người
ông giải thích đó là do đối với ông, "nét quyến rũ lôi cuốn tất
cả những du khách khác đến La Mã" đã bị huỷ hoại, và ông "vì
vậy lại càng mở to mắt ra để nhìn thấy thực trạng bi đát của cư
dân xứ Cam-pa-ni-a".

Ông giải thích đó là do đối với ông, "nét quyến rũ lôi cuốn tất
cả những du khách khác đến La Mã" đã bị huỷ hoại, và ông "vì
vậy lại càng mở to mắt ra để nhìn thấy thực trạng bi đát của cư
dân xứ Cam-pa-ni-a".

Nếu Xi-xmôn-đi đã không nhìn thấy những mâu thuẫn tươi của
bầu trời - mà trong con mắt của ngài Li-xtơ những màu sắc ấy
như có ma lực chiếu rọi toàn bộ nền công nghiệp (công nghiệp
cồng xường) - thì ông đã trông thấy *con gà trống đỏ* trên mái (trên
gác nóc nhà) các xưởng ấy. Sau này chúng ta sẽ có dịp [xem xét]
lời xét của Li-xtơ phán rằng

"các tác phẩm của ngài Xi-xmôn-đi - ở
phần nói về nền thương mại thế giới và
chính sách thương mại - không có chút giá
trị nào" [tr.XXIX].

Nếu như ngài Li-xtơ giải thích học thuyết của Xmít xuất phát
từ lòng háo danh của cá nhân Xmít (xem tr.476) và tinh thần kín

đáo của người chủ hiệu ở nước Anh, giải thích học thuyết của Xây xuất phát từ tính đa nghi của Xây và như là một hoạt động thương mại nào đó, thì trong khi suy xét về Xi-xmôn-di ông ta đã hèn hạ đến mức giải thích học thuyết của Xi-xmôn-di là do những khiếm khuyết về thể tạng của Xi-xmôn-di.

[5] 4. SỰ ĐỘC ĐÁO CỦA NGÀI LI-XTƠ

Điều hết sức tiêu biểu đối với ngài Li-xtơ là tuy ông ta hết sức khoác lác, nhưng đã không đưa ra được *một luận điểm* nào mà chẳng những những người bảo vệ chế độ cấm đoán, mà thậm chí cả các đại diện của "trường phái" do ngài Li-xtơ dựng lên, đã không nêu lên trước ông ta rất lâu, - nếu như A-đam Xmít là điểm xuất phát về lý luận của môn kinh tế chính trị, thì điểm xuất phát thật sự của môn khoa học ấy, trường phái thật sự của nó là "xã hội công dân", mà các giai đoạn phát triển khác nhau của nó có thể được biểu hiện chính xác trong kinh tế chính trị học. Ngài Li-xtơ chỉ có những ảo tưởng và những câu cú (ngôn ngữ) lý tưởng hoá. Chúng tôi thấy cần chỉ rõ một cách tởm cười điều đó cho bạn đọc và buộc phải quấy rầy bạn đọc bằng công việc tẻ nhạt đó. Bạn đọc qua đó sẽ thấy rõ rằng người tư sản Đức bước lên vũ đài post festum^{1*}, rằng đối với người tư sản Đức cũng không thể phát triển xa hơn nữa môn kinh tế chính trị - mà người Anh và người Pháp đã phát triển hoàn chỉnh rồi - cũng như họ không thể thêm điều gì mới vào sự phát triển của triết học ở Đức. Người tư sản Đức chỉ có thể bổ sung những ảo tưởng và những câu sáo rỗng của mình vào thực tại của Pháp và của Anh. Nhưng nếu người tư sản Đức không có khả năng phát triển thêm môn kinh tế chính trị thì trong thực

1* - một cách muộn màng.

tiễn người tư sản Đức lại càng không có khả năng phát triển hơn nữa nền công nghiệp đã gần như phát triển hết mức trên nền tảng trước kia của xã hội.

5. Vậy là, chúng ta sẽ đóng khung sự phê phán của chúng ta ở phần lý luận trong quyển sách của Li-xtơ, và lại, trong phần này cũng chỉ đề cập đến "những phát kiến" chủ yếu của ông ta.

Ngài Li-xtơ muốn chứng minh những luận điểm chủ yếu nào vậy? Chúng ta hãy đặt câu hỏi về mục đích mà ông ta muốn đạt đến.

1) Người tư sản muốn nhà nước thi hành chế độ thuế quan bảo hộ để nắm lấy chính quyền nhà nước và của cải vào tay mình. Nhưng vì [ở Đức] người tư sản không nắm được - khác với ở Anh và ở Pháp - chính quyền nhà nước và do vậy nó không thể ra lệnh cho chính quyền ấy được và buộc phải xin xỏ chính quyền nhà nước, nên nó phải miêu tả những yêu sách của mình đối với nhà nước - mà nó muốn điều chỉnh cung cách hành động (hoạt động) của nhà nước cho phù hợp với những lợi ích của nó - dưới hình thức *một nhượng bộ* nào đó mà nó tựa hồ muốn dành cho nhà nước trong khi trên thực tế nó lại đòi hỏi nhà nước phải có *những nhượng bộ*. Như vậy, thông qua ngài Li-xtơ, người tư sản Đức chứng minh với nhà nước rằng lý luận của nó khác với tất cả những học thuyết khác ở chỗ là cho phép nhà nước can thiệp vào công việc của nền công nghiệp và điều tiết nền công nghiệp ấy, rằng nó đánh giá cao nhất về sự sáng suốt về kinh tế của nhà nước và chỉ đề nghị nhà nước hoàn toàn thoả mái thể hiện sự sáng suốt của mình, dĩ nhiên với điều kiện là sự thể hiện sự sáng suốt ấy hạn chế ở việc thiết lập các biểu thuế quan bảo hộ "mạnh mẽ". Người tư sản Đức miêu tả yêu cầu của mình đòi nhà nước hành động phù hợp với những lợi ích của người tư sản là sự thừa nhận

việc nhà nước có quyền can thiệp vào thế giới của xã hội công dân.

2) Người tư sản muốn trở nên *giàu có*, muốn làm ra tiền; nhưng đồng thời nó cũng cần đạt được sự thoả thuận với chủ nghĩa duy tâm trước kia của công chúng Đức và với lương tâm của chính nó. Do vậy, nó cố sức chứng minh rằng nó không chạy theo những phúc lợi vật chất trên trần gian, mà thay vì *những giá trị trao đổi* hết sức xấu xa, cuối cùng nó hướng đến *một bản chất tinh thần* nào đó, đến một *sức sản xuất* bất tận. Còn trên thực tế thì bản chất tinh thần đó giúp cho kẻ "*thị dân*" ấy nhân dịp này nhét đầy túi mình những giá trị trao đổi của trần gian.

[6]. Vì ngày nay người tư sản muốn giàu lên chủ yếu nhờ vào "thuế quan bảo hộ" và vì thuế quan bảo hộ sẽ chỉ có thể làm cho nó giàu lên trong chừng mực không phải người Anh nữa, mà chính người tư sản Đức sẽ *bóc lột đồng bào* của nó, bóc lột thậm chí *nhều hơn* là trước đó các lực lượng bên ngoài đã bóc lột đồng bào của nó; vì thuế quan bảo hộ đòi hỏi phải có những hy sinh dưới hình thức giá trị trao đổi của người tiêu dùng (chủ yếu của những công nhân sẽ bị máy móc loại ra, và của tất cả những ai có khoản thu nhập cố định, ví dụ như các viên chức, những người thu địa tô, v.v.), nên nhà tư sản công nghiệp phải chứng minh rằng mình rất xa lạ với việc chạy theo các phúc lợi vật chất, không muốn điều gì khác ngoài việc hy sinh các giá trị trao đổi, các phúc lợi vật chất để đổi lấy bản chất tinh thần. Vì vậy, về thực chất ở đây chỉ đề cập đến *sự tự hy sinh*, về *chủ nghĩa khổ hạnh*, về *sự cao đẹp tâm hồn* theo quan niệm Thiên chúa giáo. Thật là một sự ngẫu nhiên thuần túy khi A hy sinh, còn B lại bỏ vật hy sinh ấy vào túi mình. Người tư sản Đức quá vô tư bất vụ lợi nếu không thể nghĩ đến lợi lộc của riêng mình, khoản lợi lộc đã ngẫu nhiên gắn với *vật hy sinh* ấy. Nhưng nếu hoá ra cái giai cấp mà người tư sản Đức cần

đến sự cho phép của nó để giải phóng bản thân mình, không thể chung sống với cái thuyết tinh thần ấy, thì trong trường hợp này ở đây sẽ phải khước từ học thuyết ấy thôi, và đổi chọi lại trường phái¹³⁰ cần phải sử dụng chính học thuyết về các giá trị trao đổi.

3) Vì toàn bộ sự mong muốn của giai cấp tư sản chung quy là đưa nền sản xuất công xưởng của họ đến chỗ thịnh vượng "kiểu Anh" và làm cho chủ nghĩa công nghiệp thành nhân tố điều tiết xã hội, nghĩa là gây rối loạn xã hội, nên người tư sản Đức phải chứng minh rằng mối quan tâm của anh ta chỉ là sự hài hoà của toàn bộ nền sản xuất xã hội, việc tổ chức xã hội. Anh ta sẽ hạn chế nền ngoại thương bằng các thuế quan bảo hộ, còn nông nghiệp - như anh ta khẳng định - sẽ nhanh chóng đạt đến sự thịnh vượng tột bậc của nó nhờ nền công nghiệp công xưởng - nhà máy. Như vậy, tổ chức của xã hội quy tụ ở các công xưởng. Chúng là những nhân tố tổ chức xã hội, và chế độ cạnh tranh - do chúng đẻ ra - là hình thức liên kết tuyệt vời nhất của xã hội. Sự tổ chức xã hội do nền sản xuất công xưởng tạo ra là *sự tổ chức chân chính của xã hội*.

Đĩ nhiên, giai cấp tư sản có lý khi nó hiểu các lợi ích của mình nói chung như những lợi ích đồng nhất, giống như *con sói* với tư cách *con sói* có lợi ích đồng nhất với những con sói đồng loại của mình, dù cho một con sói này có quan tâm nhiều đến bao nhiêu đi nữa đối với việc chính nó, chứ không phải con sói khác, đã lao vào con mồi.

6) Sau chót, đối với lý thuyết của ngài Li-xtơ, cũng như đối với toàn bộ giai cấp tư sản Đức, điều đặc trưng là: để bảo vệ những khát vọng bóc lột của mình, ở đâu nó cũng buộc phải dùng đến những câu sáo rỗng "xã hội chủ nghĩa" và qua đó nó dốc mọi nỗ lực để duy trì điều lừa bịp đã bị bác bỏ từ lâu. Ở những đoạn tương ứng chúng tôi sẽ chỉ ra rằng những câu sáo rỗng của ngài

Li-xtơ - nếu từ những câu nói ấy rút ra những kết luận nhất quán - đều là *những câu nói cộng sản chủ nghĩa*. Dĩ nhiên, chúng tôi rất xa vời với ý nghĩ chỉ trích một ông Li-xtơ nào đấy và giai cấp tư sản Đức của ông ta có tư tưởng cộng sản, nhưng đối với chúng ta đó là một bằng chứng mới nói lên sự yếu kém bên trong, tính giả dối và sự giả nhân giả nghĩa đê hèn của một người tư sản "duy tâm" "tốt bụng". Điều đó chứng minh cho chúng ta thấy rằng trong thực tiễn của mình, chủ nghĩa duy tâm chẳng qua chỉ là sự che đậy vô liêm sỉ và vô nghĩa cho một thứ chủ nghĩa duy vật ghê tởm nào đó.

Sau hết, đáng chú ý là giai cấp tư sản Đức bắt đầu từ luận điệu đối trá đã từng là *điểm kết thúc* của giai cấp tư sản Pháp và Anh sau khi nó rơi vào tình trạng khiến nó đã buộc phải làm cái việc tự bào chữa cho mình, biện minh cho sự tồn tại của mình.

7) Vì ngài Li-xtơ phân biệt môn kinh tế chính trị trước kia, dường như mang tính chất thế giới chủ nghĩa, với môn kinh tế chính trị dân tộc của mình, theo cách là loại kinh tế chính trị học thứ nhất, theo ông ta, dựa trên các giá trị trao đổi, còn loại thứ hai thì dựa trên lực lượng sản xuất, nên chúng ta sẽ phải bắt đầu từ học thuyết của ông ta về vấn đề này. Tiếp nữa, vì sự liên kết các lực lượng sản xuất phải đại diện cho dân tộc trong sự thống nhất của nó, nên đứng trước sự khác biệt đã chỉ rõ của hai môn kinh tế chính trị chúng ta cũng phải xem xét cả học thuyết về sự liên kết ấy. Cả hai học thuyết cơ sở *thật sự* của môn kinh tế chính trị dân tộc khác với khoa kinh tế chính trị.

Xem ra ngài Li-xtơ chưa bao giờ có ý nghĩ cho rằng tổ chức thực tế của xã hội là một thứ chủ nghĩa duy vật không có linh hồn

nào đó, một thứ chủ nghĩa duy linh cá nhân nào đó, một thứ chủ nghĩa cá nhân. Ngài Li-xtơ không thể nào nghĩ rằng các nhà kinh tế học chỉ đem lại một biểu hiện lý luận tương ứng cho chế độ xã hội này mà thôi. Bởi lẽ nếu không phải như thế thì ông ta lẽ ra đã phải hướng sự phê phán của mình chống lại *tổ chức* ngày nay của *xã hội*, thay vì hướng sự phê phán ấy chống lại các nhà kinh tế học. Ông ta quy lỗi cho họ là đã không tìm ra được một sự biểu hiện nào đó tô điểm cho thực tại buồn tẻ. Vì vậy, ông ta muốn duy trì cái thực tại ấy ở mọi nơi trong trạng thái hiện nay của nó và chỉ thay đổi cách thể hiện của nó. Không thấy ở đâu ông ta phê phán xã hội thực tại, mà với tư cách là một người Đức đích thực, ông phê phán biểu hiện lý luận của xã hội ấy và chỉ trích biểu hiện ấy rằng nó là biểu hiện của thực tại, chứ không phải của những điều viễn tưởng về thực tại.

Công xưởng được biến thành một vị nữ thần nào đó, nữ thần của sức mạnh công nghiệp.

Chủ xưởng là nhà tư tế của sức mạnh ấy.

[7] II. HỌC THUYẾT VỀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ HỌC THUYẾT VỀ CÁC GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI

1) Học thuyết của ngài Li-xtơ về "lực lượng sản xuất" đóng khung ở những luận điểm cơ bản dưới đây:

- a) *Những nguyên nhân* của sự giàu có là một cái hoàn toàn khác với bản thân sự giàu có; lực lượng có khả năng tạo ra sự

giàu có là vô cùng quan trọng hơn so với bản thân sự giàu có [*Li-xtơ*. Tác phẩm đã dẫn, tr.201];

b) Li-xtơ không hề bác bỏ học thuyết kinh tế thế giới chủ nghĩa, ông ta chỉ cho rằng cần phải phát triển một cách khoa học cả môn kinh tế chính trị [như trên, tr.187];

c) "Vậy cái gì là nguyên nhân của lao động?, cái gì thôi thúc đầu của con người và tay của con người hướng tới sản xuất và cái gì đem lại hiệu lực cho những nỗ lực ấy? Phải chăng đó không phải do cái *tinh thần* đã gieo vào các cá nhân một sức mạnh tạo sức sống, phải chăng không phải do một chế độ xã hội làm cho hoạt động của con người đâm hoa kết trái, phải chăng không phải do những sức mạnh thiên nhiên được các cá nhân sử dụng?" [như trên, tr.205].

6) Xmit "đã nhầm lẫn đi vào con đường lấy các quan hệ vật chất đó giải thích những sức mạnh tinh thần" [tr.207].

7) "Đó là môn khoa học dạy cho ta thấy các *lực lượng sản xuất* đã thức tỉnh và được nuôi dưỡng như thế nào và chúng bị đè bẹp hoặc bị tiêu diệt như thế nào" [như trên].

8) Ví dụ [về sự khác nhau] giữa những

người cha của hai gia đình. Thiên chúa giáo, chế độ một vợ chồng, v.v. [như trên, tr.208-209].

9) "Có thể xác lập các khái niệm giá trị và tư bản, lợi nhuận, tiền công, địa tô, phân chúng ra thành những bộ phận hợp thành của chúng, suy luận trừu tượng xem cái gì có thể ảnh hưởng đến sự tăng giảm của chúng, v.v., đồng thời không cần chú ý đến quan hệ chính trị của các dân tộc" [như trên, tr.211].

Bước chuyển tiếp.

10) Các nhà máy và công xưởng đều là cái nôi và đứa con đẻ của tự do công dân [như trên, tr.212].

11) Học thuyết về các giai cấp sản xuất và phi sản xuất. Loại giai cấp thứ nhất sản xuất ra các giá trị trao đổi, loại thứ hai sản xuất ra lực lượng sản xuất" [như trên, tr.215].

12) Không thể đánh giá nền ngoại thương chỉ trên quan điểm học thuyết giá trị [như trên, tr.216].

13) "Dân tộc phải hy sinh những phúc lợi vật chất để có được những sức mạnh tinh thần và sức mạnh xã hội. Thuế quan bảo hộ là để tạo nên sức mạnh công nghiệp" [như

trên, tr.216-217].

- 14) "Vì vậy, nếu do tác động của thuế quan bảo hộ mà có phải hy sinh *các giá trị*, thì sự hy sinh ấy được đền bù lại nhờ có được lực lượng sản xuất bảo đảm cho dân tộc chẳng những có được một khối lượng vô cùng to lớn những của cải vật chất cho tương lai, mà cũng còn có được sự độc lập công nghiệp trong trường hợp có chiến tranh" [như trên, tr.217].
- 15) "Song, trong tất cả các phương diện ấy, điều chủ yếu tùy thuộc vào tình hình của xã hội, trong đó hình thành nên cá nhân, tùy thuộc vào chỗ tài nghệ và các khoa học có phồn thịnh hay không" (tr.206).

2) Ngài Li-xtơ bị những định kiến kinh tế của môn kinh tế chính trị cũ cầm tù một cách nghiêm trọng đến mức - như chúng ta sẽ thấy, còn nghiêm trọng hơn các nhà kinh tế học khác thuộc cùng "trường phái" - ông ta cho rằng "các của cải vật chất" và "các giá trị trao đổi" hoàn toàn trùng khớp. Nhưng giá trị trao đổi hoàn toàn độc lập với bản chất đặc thù của "các của cải vật chất". Giá trị ấy độc lập với chất lượng cũng như độc lập với số lượng các của cải vật chất. Giá trị trao đổi giảm khi số lượng của cải vật chất tăng lên, tuy rằng của cải vật chất trước đó cũng như sau đó đều ở trong một quan hệ như thế đối với các nhu cầu của con người. Giá trị trao đổi không trùng khớp với chất lượng. Những vật có ích nhất, như tri thức, không có giá trị trao đổi. Như vậy, ngài Li-xtơ lẽ ra cần phải hiểu rằng sự chuyển hoá các của cải vật chất thành các giá trị trao đổi là sản phẩm của chế độ xã hội hiện

hành, của xã hội có chế độ tư hữu phát triển. *Xoá bỏ giá trị trao đổi là xoá bỏ chế độ tư hữu và sự chiếm hữu tư nhân*. Ngược lại, ngài Li-xtơ tỏ ra ngây thơ đến mức ông ta thừa nhận rằng nhờ lý luận về giá trị trao đổi

"có thể xác lập các khái niệm giá trị và tư bản, lợi nhuận, tiền công, địa tô, phân chúng ra thành các bộ phận hợp thành, suy luận trừu tượng xem cái gì có thể ảnh hưởng đến sự tăng giảm của chúng, v.v., đồng thời không cần chú ý đến quan hệ chính trị của các dân tộc" (tr.211).

Vậy là, có thể "xác lập" tất cả những cái đó mà không cần chú ý đến "học thuyết về lực lượng sản xuất" và đến quan hệ chính trị của các dân tộc". Vậy nhờ cách đó người ta xác lập cái gì? Thực tại. Ví dụ, nhờ tiền công người ta xác lập cái gì? Đời sống của công nhân. Tiếp nữa, nhờ tiền công người ta xác định rằng công nhân là nô lệ của tư sản, rằng công nhân là "*hàng hoá*", là giá trị trao đổi mà mức độ cao hơn hoặc thấp hơn của giá trị ấy, sự tăng hay giảm của nó tùy thuộc vào cạnh tranh, vào cung và cầu; nhờ có tiền công người ta xác định rằng hoạt động của công nhân không phải là sự thể hiện tự do của đời sống con người của anh ta, rằng trái lại, hoạt động ấy là việc bán sức lực của anh ta, là sự nhượng lại (bán)¹³¹ cho tư bản những năng lực phiến diện của anh ta, tóm lại, hoạt động ấy là "*lao động*". Người ta đề nghị chúng ta quên đi điều ấy. "*Lao động*" là nền tảng sống của sở hữu tư nhân, còn sở hữu tư nhân là nguồn gốc sáng tạo của chính bản thân mình. Sở hữu tư nhân chẳng qua là lao động *được vật hoá*. Nếu người ta muốn giáng đòn chí mạng vào sở hữu tư nhân thì cần phải tấn công vào sở hữu tư nhân không chỉ như là vào *của cải vật chất* mà còn như là vào *hoạt động*, vào *lao động*. Một trong những sự hiểu nhầm

lớn nhất là nói đến lao động tự do, lao động có tính người, lao động xã hội, nói đến lao động không có tư hữu. Thực chất "lao động" là hoạt động không tự do, không có tính người, phi xã hội, bị quy định bởi quyền tư hữu và tạo ra quyền tư hữu. Như vậy, xoá bỏ quyền tư hữu chỉ trở thành thực tại khi sự xoá bỏ ấy được hiểu như là sự xoá bỏ "*lao động*" (đó là một sự xoá bỏ mà dĩ nhiên chỉ có thể có được nhờ chính lao động, nghĩa là nhờ hoạt động vật chất của xã hội, và sự xoá bỏ ấy tuyệt nhiên không thể được hiểu như là sự thay thế một phạm trù này bằng một phạm trù khác). Vì vậy, "một sự tổ chức lao động" nào đó là một mâu thuẫn. Tổ chức tốt nhất mà lao động có thể có được là tổ chức hiện nay của lao động, là sự cạnh tranh tự do, là sự tan rã của tất cả các tổ chức "xã hội" giả trước kia của nó.

Vậy thì, nếu có thể "xác định" tiên công nhờ lý luận giá trị, nếu qua đó mà "xác định" thấy rằng bản thân con người là một giá trị trao đổi, rằng đa số trong dân tộc là một thứ *hàng hoá* nào đó mà người ta có thể xác định được không cần phải chú ý đến "quan hệ chính trị của các dân tộc", - thì tất cả những điều đó chứng minh cái gì nếu không phải chứng minh rằng cái đa số ấy trong dân tộc sẽ không phải chú ý đến "quan hệ chính trị", rằng quan hệ chính trị là điều *ảo tưởng* hoàn toàn đối với đa số ấy; rằng cái học thuyết mà trong cuộc sống thực tại đang rơi xuống đến thứ chủ nghĩa duy vật bản thủ biến đa số trong dân tộc thành "hàng hoá", thành "giá trị trao đổi" và làm cho chúng hoàn toàn phục tùng các quan hệ vật chất của giá trị trao đổi đó - thứ học thuyết ấy là sự giả nhân giả nghĩa bỉ ổi, là sự tô vẽ (sự nói dối) duy tâm chủ nghĩa khi mà đối với các dân tộc khác nó nhìn "chủ nghĩa duy vật" xấu xa của "các giá trị trao đổi" với thái độ khinh bỉ kiêu ngạo và tuồng như nó chỉ quan tâm đến các "lực lượng sản xuất" mà thôi? Tiếp nữa, nếu có thể "xác lập" quan hệ tư bản, địa tô v.v. mà không chú ý đến "quan hệ chính trị" của các

dân tộc, - thì điều đó chứng minh cái gì nếu không phải là chứng minh rằng nhà tư bản công nghiệp và người thu địa tô, trong các hành động trong đời sống thực tại của mình đều tuân theo lợi nhuận, tuân theo các giá trị trao đổi, chứ không phải tuân theo những kiến giải về "quan hệ chính trị" và "lực lượng sản xuất", và rằng những lời ba hoa của họ về văn minh và về lực lượng sản xuất chỉ là sự tô điểm cho những khuynh hướng vị kỷ chật hẹp?

Người tư sản nói: dĩ nhiên, xuất phát từ những lý do bên trong thì không thể phá vỡ học thuyết giá trị trao đổi, đa số trong dân tộc vẫn phải chỉ là "giá trị trao đổi", "hàng hoá", hơn nữa là thứ hàng hoá mà tự nó buộc phải tìm kiếm cho mình người mua, một thứ hàng hoá mà người ta không đem bán mà tự nó đem bán mình. Chúng tôi, những người tư sản, coi các anh, những người vô sản, và thậm chí tự coi như là những giá trị trao đổi, ở đây có sự tác động của quy luật *mua bán* phổ biến¹³². Nhưng đối với các dân tộc khác, chúng tôi phải đình chỉ tác động của quy luật này. Là dân tộc, chúng tôi không thể tự bán mình cho các dân tộc khác. Vì đa số trong dân tộc đã bị rơi vào quyền lực của các quy luật mua bán "mà không chú ý" đến "quan hệ chính trị của các dân tộc", vì thế mà sự suy xét nêu trên không mang một ý nghĩa nào khác ngoài ý nghĩa sau đây: "Chúng tôi, những người tư sản Đức, không muốn bị bóc lột bởi những người tư sản Anh theo cách thức như các anh, những người vô sản Đức, bị bóc lột bởi chúng tôi và như cách tự bản thân chúng tôi bóc lột lẫn nhau. Chúng tôi không muốn để mình rơi vào vòng quyền lực của chính những quy luật giá trị trao đổi mà chúng tôi đẩy các anh rơi vào đó. Đối với các nước khác chúng tôi không muốn thừa nhận thêm nữa những quy luật kinh tế mà chúng tôi thừa nhận ở trong nước".

[8] Vậy, phần tử phi-li-xtanh Đức muốn gì? Anh ta muốn trở thành *người tư sản*, kẻ bóc lột ở trong nước, nhưng anh ta cũng không muốn bị bóc lột ở ngoài nước. Anh ta lên mặt với tư cách là "dân tộc" ở ngoài nước và nói: "Tôi không bắt mình tuân theo các quy luật của cạnh tranh, điều đó đi ngược lại phẩm giá dân tộc của tôi; với tư cách là dân tộc, tôi là một con người đứng trên thối con buôn".

Dân tộc của công nhân phải là dân tộc Pháp, không phải là dân tộc Anh, không phải là dân tộc Đức, dân tộc của công nhân - đó là *lao động, sự nô lệ tự do, sự tự bán mình*. Chính phủ của công nhân không phải là Chính phủ Pháp, không phải là Chính phủ Anh, không phải là Chính phủ Đức, chính phủ của công nhân - đó là *tư bản*. Bầu không khí thân thuộc của công nhân không phải là bầu không khí Pháp, không phải là bầu không khí Đức, không phải là bầu không khí Anh, bầu không khí của công nhân - đó là *bầu không khí công xưởng*¹³³. Đất đai thuộc anh ta không phải là đất đai Pháp, không phải là đất đai Anh, không phải là đất đai Đức, đất đai ấy nằm *thấp hơn mặt đất* mấy phút^{1*}. Ở trong nước tiền bạc là tổ quốc của nhà công nghiệp. Như vậy, phần tử phi-li-xtanh Đức muốn các quy luật của cạnh tranh, của giá trị trao đổi, của công việc buôn bán mất hết hiệu lực trước các trạm gác ở cửa ngõ đất nước anh ta! Anh ta chỉ muốn thừa nhận sức mạnh của xã hội tư sản trong chừng mực điều đó phù hợp với *lợi ích của anh ta*, lợi ích của giai cấp anh ta! Anh ta không muốn trở thành nạn nhân của sức mạnh mà muốn *đem hy sinh* những người khác cho sức mạnh ấy, còn ở trong phạm vi nước mình thì anh ta hy sinh bản thân mình! Ở bên ngoài nước, anh ta mong muốn tỏ rõ mình và đón nhận thái độ người khác đối với mình như một người

1* - đơn vị đo chiều dài (1 phút = 30,5cm).

khác hơn so với anh ta và cách tự anh ta hành động ở trong nước! Anh ta muốn duy trì *nguyên nhân* và loại trừ một trong số *những hậu quả* của nguyên nhân ấy! Chúng ta sẽ chứng minh cho anh ta thấy rằng việc tự bán mình ở trong nước có hậu quả tất yếu là đem bán rao ở ngoài nước; rằng cạnh tranh - vốn là sức mạnh của anh ta ở trong nước - không thể ngăn cản tình trạng trở thành sự bất lực của anh ta ở ngoài nước; rằng cái nhà nước mà anh ta bắt tuân theo xã hội tư sản ở trong nước, không thể bảo vệ anh ta chống lại tính tích cực của xã hội tư sản ở ngoài nước.

Cho dù từng người tư sản có tích cực đấu tranh như thế nào chống những người tư sản khác thì *giai cấp* tư sản cũng có những lợi ích chung, và sự cùng chung lợi ích ấy ở trong nước thì nhằm chống lại giai cấp vô sản, nhưng ở ngoài nước lại nhằm chống người tư sản các dân tộc khác. Điều này, người tư sản gọi là *tính dân tộc* của mình.

2) Dĩ nhiên, có thể xem xét công nghiệp theo một quan điểm hoàn toàn khác hơn là quan điểm lợi ích con buôn bản thủ, mà ngày nay chẳng những từng thương gia và từng chủ xưởng, mà cả các dân tộc tiến hành sản xuất và tiến hành buôn bán vẫn dùng để xem xét nhau. Có thể xem nền công nghiệp như một xưởng thợ vĩ đại, trong đó lần đầu tiên con người chiếm hữu cho chính mình các lực lượng của bản thân mình và các lực lượng thiên nhiên, đối tượng hoá bản thân mình, tạo ra cho mình những điều kiện đời sống mang tính con người. Khi người ta xem xét công nghiệp theo cách đó thì người ta *trừu tượng hoá những bối cảnh* hoạt động và tồn tại hiện nay của nền công nghiệp *với tư cách là nền công nghiệp*; trong trường hợp này người ta đã đứng *không phải* trong thời đại công nghiệp nữa mà đứng *trên* nó, người ta xem xét nó không phải theo cái hiện nay nó là gì đối với *con người*, mà theo cái con người ngày nay là gì *đối với lịch sử loài người*, con người là gì xét về phương diện lịch sử; người ta đánh giá

không phải bản thân *nền công nghiệp*, không phải *sự tồn tại* hiện nay của nó, mà ngược lại, họ đánh giá sức mạnh chứa đựng trong công nghiệp bất chấp ý thức của nó và trái với ý muốn của nó và sức mạnh này *thủ tiêu* nền công nghiệp ấy và tạo cơ sở cho sự tồn tại *của loài người*. (Cho rằng mỗi dân tộc phải thực hiện sự phát triển ấy ở bên trong bản thân mình cũng sẽ phi lý như cho rằng mỗi dân tộc phải thực hiện sự phát triển chính trị của nước Pháp hoặc sự phát triển triết học của nước Đức. Những gì được các dân tộc thực hiện với tư cách là các dân tộc thì các dân tộc cũng đã làm cho xã hội loài người, có điều là tất cả giá trị của họ là ở chỗ mỗi dân tộc đã phát triển cho các dân tộc khác một trong những tính quy định chủ yếu (những khía cạnh chủ yếu) mà trong khuôn khổ những tính quy định ấy loài người thực hiện sự phát triển của mình, và như vậy, sau khi đã phát triển: công nghiệp ở Anh, chính trị ở Pháp, triết học ở Đức, thì những lĩnh vực ấy đã được phát triển cho toàn thế giới, và ý nghĩa lịch sử - toàn thế giới của các lĩnh vực ấy, cũng như ý nghĩa lịch sử - toàn thế giới của các dân tộc ấy qua đó đã được hoàn tất.)

Sự đánh giá kể trên đồng thời cũng là sự thừa nhận rằng đã đến lúc loại trừ, hay xoá bỏ, những điều kiện vật chất và điều kiện xã hội, trong đó loài người đã buộc phải phát triển các năng lực của mình trong địa vị người nô lệ. Bởi vì khi người ta xem công nghiệp không phải như là một lợi ích con buôn, mà như là sự phát triển của con người, thì lúc ấy người ta sẽ làm cho con người - thay vì lợi ích con buôn - trở thành nguyên tắc và sẽ đem lại cho những gì trong công nghiệp chỉ có thể phát triển trong sự mâu thuẫn với chính công nghiệp, một cơ sở sẽ phù hợp với những gì cần phát triển.

Nhưng đầu óc nghèo nàn không đi xa hơn chế độ hiện nay, chỉ muốn nâng nó lên đến trình độ mà chế độ này chưa đạt đến ở nước mình, cái đầu óc với lòng ghen tỵ tham tàn đã nhìn vào dân tộc khác đã đạt đến trình độ ấy, - phải chăng đầu óc

nghèo nàn ấy có quyền xem công nghiệp như là một cái gì khác hơn là lợi ích con buôn? Phải chăng đầu óc nghèo nàn ấy có quyền nói rằng đối với nó vấn đề chỉ là phát triển những năng lực của con người và con người chiếm hữu các lực lượng thiên nhiên? Vì điều đó là một *sự bỉ ổi* chẳng khác nào một tên cai quản nô lệ lên tiếng khoe khoang rằng hấn hươ roi trên đầu các nô lệ của mình để họ vui thú luyện *sức mạnh cơ bắp* của họ. Kẻ phi-li-xtanh Đức là tên cai quản nô lệ vung ngọn roi thuế quan bảo hộ lên để đem lại cho dân tộc mình tinh thần "giáo dục công nghiệp" và để cho dân tộc mình cảm nhận được sức mạnh của các cơ bắp của mình.

Trường phái *Xanh-Xi-mông* đã cho chúng ta một ví dụ bổ ích cho thấy cách đặt vấn đề như vậy đưa đến đâu khi mà *sức sản xuất* - do công nghiệp tạo ra trái với ý chí của nó và bất chấp ý thức của nó - được người ta coi là công lao của nền công nghiệp ngày nay và khi người ta lẫn lộn cái này với cái kia: *công nghiệp* với *những lực lượng* do công nghiệp tạo ra bất chấp ý thức và ý chí của chúng và chúng sẽ chỉ trở thành những lực lượng của con người, sự hùng mạnh của con người khi nào công nghiệp bị xoá bỏ. Điều này cũng phi lý như trường hợp người tư sản muốn coi mình là có công lao trong việc nền công nghiệp *của nó* tạo ra giai cấp vô sản và, thông qua giai cấp vô sản, tạo ra sức mạnh của chế độ xã hội mới. Các lực lượng thiên nhiên và các lực lượng xã hội tạo ra (hoá phép tạo ra) nền công nghiệp có cùng một quan hệ với nó như giai cấp vô sản. Hôm nay những lực lượng ấy còn là nô lệ của người tư sản, mà người ấy chỉ xem chúng là những công cụ (những vật đại diện) của lòng thèm khát vị kỷ (bản thủ) của mình về lợi nhuận; ngày mai chúng sẽ đập tan xiềng xích trói buộc mình và sẽ tỏ ra là những đại diện cho sự phát triển của con người, sự phát triển này sẽ làm nổ tung người tư sản vào không trung cùng với nền công nghiệp của nó, một nền công nghiệp đã chỉ khoác cái vỏ bản thủ mà người tư

sản coi là bản chất của nền công nghiệp ấy, những lực lượng ấy sẽ tự biểu hiện mình đến mức hạt nhân con người của nền công nghiệp ấy sẽ tích đủ sức mạnh để phá tung cái vỏ đó và hiện ra trong hình hài của riêng mình. Ngày mai các lực lượng thiên nhiên và các lực lượng xã hội do công nghiệp tạo ra sẽ phá tan xiềng xích mà người tư sản dùng để ngăn cách những lực lượng ấy với con người, và qua đó biến chúng từ chỗ là mối liên hệ xã hội thật sự thành những gông cùm quái dị của xã hội.

Trường phái Xanh-Xi-mông đã ca ngợi sức sản xuất của công nghiệp. Nó nhập cục những lực lượng do công nghiệp tạo ra với bản thân nền công nghiệp, nghĩa là với những điều kiện đời sống hiện nay mà nền công nghiệp trao cho những lực lượng ấy. Đương nhiên, chúng tôi hoàn toàn không nhập cục phái Xanh-Xi-mông với những nhân vật như Li-xtơ hoặc các phần tử phi-li-xtanh Đức. Bước đi đầu tiên để tiến tới phá bỏ gông xiềng của nền công nghiệp là trừu tượng hoá những điều kiện, những xiềng xích tiền bạc mà hiện nay các lực lượng của công nghiệp đang tác động trong đó, và xem xét riêng chính các lực lượng đó. Đó là lời kêu gọi thứ nhất gửi đến mọi người: giải phóng nền công nghiệp của con người khỏi tình thần con buôn và nhận thức nền công nghiệp ngày nay như là một thời đại chuyển tiếp nào đó. Hơn nữa, phái Xanh-Xi-mông đã *không dừng lại* ở sự giải thích ấy. Họ đi xa hơn - tới chỗ đả kích giá trị trao đổi, đả kích tổ chức của xã hội hiện nay, đả kích chế độ tư hữu. Thay vào cạnh tranh họ nêu ra sự liên hợp. Nhưng sai lầm ban đầu của họ đã trả thù họ cho mình. Sự lẫn lộn nêu ở trên không những đã đẩy họ vào ảo tưởng tiếp theo, họ đã xem người tư sản bản thủ là người tử tế - mà còn dẫn đến chỗ [9] sau giai đoạn thứ nhất của cuộc đấu tranh bên ngoài họ lại rơi vào ảo tưởng cũ (vào sự lầm lẫn cũ) - tuy nhiên, bây giờ đã là điều giả nhân giả nghĩa, bởi vì chính là trong tiến trình cuộc đấu tranh ấy đã bộc lộ sự đối lập của hai lực lượng ấy mà trước kia họ

đã lẫn lộn. Sự ca ngợi của phái Xanh-Xi-mông dành cho công nghiệp (các lực lượng sản xuất của công nghiệp) đã trở thành sự ca ngợi dành cho giai cấp tư sản, và ngài Mi-sen Sơ-va-li-ê, ngài Duy-vây-ri-ê, ngài Duy-noa-ê đã tự bôi tro trát trấu bản thân mình và giai cấp tư sản trước toàn châu Âu, - sau đó những quả trứng thối mà lịch sử ném vào mặt họ trở thành những quả trứng vàng nhờ phép màu của giai cấp tư sản, - vì ngài Sơ-va-li-ê đã giữ những câu sáo rỗng cũ, nhưng đã đem lại cho chúng nội dung của chế độ tư sản hiện nay, ngài Duy-vây-ri-ê thì tự mình tiến hành công việc buôn bán với quy mô lớn và cầm đầu việc rao bán các tờ báo Pháp, còn ông Duy-noa-ê thì đã trở thành nhân vật tán dương cuồng nhiệt nhất cho những điều kiện hiện nay và về phương diện trợ trên (vô nhân đạo) thì vượt xa tất cả các nhà kinh tế học Anh và Pháp trước kia. - Các nhà tư sản Đức và ngài Li-xtơ bắt đầu từ chỗ kết thúc của trường phái Xanh-Xi-mông: từ *sự giả nhân giả nghĩa, sự lừa bịp và những câu sáo rỗng*.

3) Sự thống trị công nghiệp của nước Anh đối với thế giới là sự thống trị của công nghiệp đối với thế giới. Nước Anh thống trị chúng ta vì công nghiệp thống trị chúng ta. Trong các công việc đối ngoại, chúng ta chỉ có thể thoát khỏi nước Anh trong trường hợp nếu như chúng ta thoát khỏi nền công nghiệp ở trong nước mình. Chúng ta chỉ có thể thủ tiêu sự thống trị của nước Anh trong lĩnh vực cạnh tranh nếu chúng ta khắc phục được sự cạnh tranh ở trong nước mình. Nước Anh có quyền lực đối với chúng ta vì chúng ta đã biến công nghiệp thành quyền lực chi phối chúng ta.

Ai sẽ bác bỏ *sự trùng ý* sau đây: chế độ xã hội công nghiệp là thế giới tốt nhất đối với người tư sản, là chế độ thích hợp nhất để phát huy "năng lực" của người tư sản với tư cách người tư sản và năng lực bóc lột con người cũng như bóc lột thiên nhiên? Ai bác bỏ sự thật là tất cả những gì mà ngày nay

được gọi là "đức hạnh", đức hạnh cá nhân hoặc đức hạnh xã hội, đều phục vụ lợi ích của người tư sản? Ai bác bỏ sự thật là quyền lực chính trị là phương tiện của sự giàu có của người tư sản, thậm chí khoa học và những của cải tinh thần cũng là những nô lệ của người tư sản? Ai bác bỏ điều đó? Ai bác bỏ rằng đối với người tư sản mọi cái đều tuyệt vời...? Ai bác bỏ rằng đối với anh ta mọi thứ đã trở thành phương tiện làm giàu, là "sức sản xuất của sự giàu có"?

4) Môn kinh tế chính trị hiện nay xuất phát từ chế độ xã hội cạnh tranh. Lao động tự do, tức là sự nô lệ gián tiếp, tự đem rao bán mình, là nguyên tắc của môn kinh tế chính trị ấy. Những luận điểm đầu tiên của môn kinh tế chính trị ấy đề cập đến sự phân công lao động và máy móc. Như bản thân khoa kinh tế chính trị hiện nay thừa nhận, sự phân công này chỉ có thể được đưa lên đến trình độ phát triển cao nhất ở các công xưởng. Như vậy, kinh tế chính trị hiện nay xuất phát từ các công xưởng như là xuất phát từ nguyên tắc sáng tạo của mình. Nó giả định các quan hệ xã hội hiện nay. Vì vậy nó không cần đến những lời ba hoa dài dòng về sức mạnh công nghiệp.

Nếu như "trường phái" đã không đem lại "*sự triển khai khoa học*" nào cho học thuyết về các lực lượng sản xuất *bên cạnh* học thuyết về các giá trị trao đổi và *tách riêng* khỏi nó, thì đó là vì sự tách rời ấy chỉ là một sự trừu tượng hoá tùy tiện, vì sự tách rời ấy là điều không thể có được và sẽ không tránh khỏi bị quy thành những câu nói sáo rỗng chung chung.

5) "Những nguyên nhân của sự giàu có là một cái hoàn toàn khác với bản thân sự giàu có. Lực lượng có khả năng tạo ra sự giàu có là vô cùng quan trọng hơn so với bản thân sự giàu có" [*Li-xtơ*. Tác phẩm đã dẫn, tr.20].

Sức sản xuất biểu hiện ra như là bản chất vô cùng cao hơn là giá trị trao đổi. Sức sản xuất ấy đòi hỏi giữ địa vị là bản chất nội tại, còn giá trị trao đổi thì chiếm địa vị là hiện tượng nhất thời. Sức sản xuất biểu hiện ra là một sức mạnh bất tận, còn giá trị trao đổi thì biểu hiện ra là sức mạnh có điểm kết thúc, sức sản xuất là sức mạnh phi vật chất, còn giá trị trao đổi là sức mạnh vật chất - và chúng ta thấy tất cả những mặt đối lập ấy ở ngài Li-xtơ. Vì thế thay cho thế giới vật chất của các giá trị trao đổi, ông ta nêu ra thế giới siêu cảm giác của các sức mạnh. Nếu như sự thấp hèn của trạng huống dân tộc tự hy sinh mình vì các giá trị trao đổi, sự thấp hèn của việc con người hy sinh mình vì các đồ vật, là điều hiển nhiên, thì trái với điều đó, các lực lượng lại là những bản thể tinh thần, những bóng ma và những sự nhân cách hoá thuần tuý, những thần thánh, mà như ông ta nói, chúng ta hoàn toàn có quyền đòi hỏi nhân dân Đức hy sinh những giá trị trao đổi xấu xa vì những bóng ma! Giá trị trao đổi, tiền bạc luôn luôn được cảm nhận là mục đích bên ngoài, còn sức sản xuất được cảm nhận là mục tiêu bắt nguồn từ chính bản tính của tôi - là mục đích tự thân. Như vậy, cái mà tôi hy sinh dưới hình thức các giá trị trao đổi lại biểu hiện ra là cái bề ngoài đối với tôi; những gì tôi thu hoạch được dưới dạng các lực lượng sản xuất biểu hiện ra là sự tự thu hoạch của tôi. - Điều đó người ta *cảm thấy* như vậy, nếu người ta thoả mãn với lời nói hoặc - giống như người Đức lý tưởng hoá - người ta không muốn biết đến thực tại bản thủ ẩn chứa đằng sau từ ngữ cầu kỳ đó.

Để xua tan vầng hào quang thần bí có tác dụng cải biến "sức sản xuất", chỉ cần mở ra bản tổng quan thống kê đầu tiên ta gặp là đủ. Ở đó có nói về sức nước, sức hơi nước, sức người, sức ngựa. Tất cả những thứ ấy đều là "lực lượng sản xuất". Sự thừa nhận như vậy các phẩm giá của con người, trong đó con người hiện diện như là "sức mạnh" bên cạnh con ngựa, hơi nước, nước - có

cao hay không?

Trong hệ thống hiện nay, nếu cột sống bị vẹo, những khớp xương bị trật, sự phát triển một chiều và sự rã sức của những cơ bắp nào đó v.v. làm cho anh có năng lực làm việc nhiều hơn (có năng suất hơn), thì xương sống bị vẹo của anh, những chi bị trật khớp của anh, sự vận động một chiều của các bắp thịt của anh là một sức sản xuất nào đó. Nếu sự trống rỗng tinh thần của anh có năng suất hơn hoạt động tinh thần toàn diện của anh, thì sự trống rỗng tinh thần của anh là một sức sản xuất nào đó, v.v. và v.v.. Nếu tính chất đơn điệu của một thao tác sản xuất nào đó làm cho anh có khả năng hoàn thành chính thao tác này hơn, thì có nghĩa là tính chất đơn điệu là một sức sản xuất nào đó.

Phải chăng người tư sản, người chủ xưởng quan tâm đến việc công nhân phát huy tất cả những năng lực của mình, thể hiện trong hành động những tiềm năng sản xuất của mình, đưa bản thân mình vào hoạt động theo tính người và vì thế đồng thời phát triển những phẩm chất con người trong hoạt động của mình?

Chúng ta hãy dành vấn đề này cho *Pin-đã-rơ* người Anh, một người tán thành câu giải đáp hệ thống công xưởng, tức là dành câu giải đáp cho ngài I-u-rơ:

"Thật ra, mục đích và xu hướng thường xuyên của mọi sự cải tiến hệ thống máy móc là làm cho lao động của con người trở nên hoàn toàn thừa hoặc giảm giá cả của lao động, qua việc thay lao động của các công nhân lớn tuổi bằng lao động của phụ nữ và trẻ em hoặc thay lao động của những người công nhân rất lành nghề bằng lao động của những công nhân không lành nghề (không thành thạo)" ("Philosophia des manufactures etc", Paris, 1836, T.I,

p.34). "Đó là sự yếu đuối của bản chất con người: người công nhân càng lành nghề thì anh ta càng tự do hành động theo ý mình và càng khó làm cho anh ta phục tùng kỷ luật, do đó, anh ta càng ít thích dụng đối với hệ thống *máy móc* ... Vì vậy, đối với chủ xưởng ngày nay điều quan trọng nhất là thông qua việc kết hợp khoa học với tư bản của mình, quy nhiệm vụ của các công nhân của mình thành sự thể hiện tính cảnh giác", v.v. (như trên, t.I, tr.30).

LỰC LƯỢNG, LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, CÁC NGUYÊN NHÂN

"Những nguyên nhân của sự giàu có là cái hoàn toàn khác với bản thân sự giàu có"
[Li-xtơ. Tác phẩm đã dẫn, tr.201].

Nhưng nếu kết quả khác với nguyên nhân thì phải chăng tính chất của kết quả không được chứa đựng trong nguyên nhân đã được nhập vào nguyên nhân đó rồi hay sao? Ngay nguyên nhân đã phải chứa đựng trong bản thân mình tính quy định mà về sau sẽ thể hiện trong kết quả. Triết học của ngài Li-xtơ không đi xa hơn luận đề nói rằng nguyên nhân và kết quả là "cái gì đó hoàn toàn khác".

Chẳng còn gì để nói nữa, đó là một sự thừa nhận tuyệt vời về phẩm giá con người, phẩm giá ấy đẩy con người xuống địa vị một "*lực lượng*" có khả năng tạo ra của cải! Người tư sản xem người vô sản không phải là *con người*, mà là *lực lượng* có khả năng tạo

ra của cải, là một lực lượng mà người tư sản ấy ngoài ra còn có thể so sánh với các lực lượng sản xuất khác - với con vật, với máy móc - và, nếu sự so sánh ấy tỏ ra không có lợi cho con người, thì lực lượng mà con người là hiện thân, sẽ buộc phải nhường chỗ cho lực lượng mà hiện thân là con vật hoặc máy móc, vả lại cả trong trường hợp này nữa con người cũng sẽ có vinh dự (sẽ hưởng niềm vinh dự) thể hiện ra như là "lực lượng sản xuất".

Nếu tôi xác định con người là "giá trị trao đổi" thì trong cách biểu đạt ấy đã chứa đựng sự thật là các quan hệ xã hội đã biến con người thành một "vật" nào đó rồi. Nếu tôi xem con người là "lực lượng sản xuất", thì thay cho chủ thể thực tế tôi đặt một chủ thể khác, tôi thay chủ thể thực tế bằng nhân vật khác, và giờ đây con người tồn tại chỉ với tư cách là nguyên nhân của sự giàu có.

Toàn thể xã hội loài người chỉ trở thành cỗ máy có sứ mạng tạo ra sự giàu có.

Nguyên nhân tuyệt đối không phải là cái đứng cao hơn *kết quả*. Kết quả chỉ là nguyên nhân được *biểu hiện ra* một cách công khai.

Li-xơ làm ra vẻ là tuồng như ở đâu đâu ông ta cũng quan tâm đến các lực lượng sản xuất vì chính bản thân chúng, bất kể những giá trị trao đổi xấu xa.

Một số lời giải thích về bản chất "các lực lượng sản xuất" hiện nay, chúng ta có được ngay từ sự thật là trong chế độ hiện nay lực lượng sản xuất không chỉ là ở chỗ có thể lực lượng ấy làm cho lao động của con người có hiệu suất hơn hoặc làm cho các lực lượng thiên nhiên và các lực lượng xã hội có hiệu quả hơn; lực lượng sản xuất ấy cũng còn thể hiện ở chỗ nó làm cho lao động trở nên rẻ hơn, hay là trở nên *kém năng suất hơn* đối với người công nhân. Như vậy, lực lượng sản xuất ngay từ đầu là do giá trị trao đổi

quyết định. Với mức độ như vậy, ở đây cũng có sự nâng cao^{1*}...

[III. TRÍCH CHƯƠNG THỨ BA]

[ĐỊA TÔ]

... [22] địa tô biến mất. Những giá cả tăng lên ấy của lúa mì phải được khấu trừ khỏi các khoản lợi nhuận của các ngài tư bản công nghiệp, - Ri-các-đô khá sáng suốt để có thể giả định rằng sự tiếp tục giảm tiền công là điều không thể có được.

Do đó, diễn ra hiện tượng giảm lợi nhuận và tăng tiền công - vì người công nhân luôn luôn tiêu thụ một khối lượng bánh mì nào đó, dù nó có đắt bao nhiêu đi nữa; trong tình hình giá bánh mì tăng, tiền công danh nghĩa của công nhân cũng tăng lên, ngay cả khi tiền công ấy giảm đi trên thực tế, - do giá bánh mì tăng nên hiện tượng ấy làm tăng chi phí sản xuất đối với các nhà tư bản công nghiệp, qua đó gây khó khăn cho họ trong lĩnh vực tích lũy và cạnh tranh, tóm lại, kìm hãm *lực lượng sản xuất* của đất nước. Như vậy, "giá trị trao đổi" xấu xa - dưới dạng địa tô giá trị này rơi vào túi các điền chủ, gây thiệt hại hết sức lớn (*không đem lại sự hữu ích nào cả*) cho lực lượng sản xuất của đất nước - phải *bị đem hy sinh*, bằng cách này hay cách khác, vì phúc lợi chung - thông qua con đường tự do buôn bán lúa mì, bằng con đường chuyển tất cả các loại thuế vào địa tô hoặc bằng con đường nhà nước hoàn toàn chiếm hữu địa tô, tức là sở hữu ruộng đất (trong số những nhân vật đưa ra kết luận sau cùng này có cả Min, Hin-đích, Séc-buy-li-ê).

Tất nhiên, ngài Li-xơ đã không dám thông báo cho giai cấp quý tộc địa chủ Đức kết luận này về lực lượng sản xuất công

1* Đến đây kết thúc đoạn ghi ở trang thứ tư của tờ thứ 9 bản viết tay. Các tờ 10-21 - chắc là những tờ này chứa đựng phần cuối chương II và phần đầu chương III tiếp theo - không còn lưu giữ được đến nay.

nghiệp, một kết luận khủng khiếp đối với chế độ sở hữu ruộng đất. Do vậy, ông ta quả mắng Ri-các-đô là người đã tiết lộ những sự thật hết sức khó chịu ấy, nhét vào miệng ông một ý kiến trái ngược, ý kiến của phái trọng nông, cho rằng địa tô không phải là cái gì khác hơn là bằng chứng về sức sản xuất tự nhiên của ruộng đất, và ông ta xuyên tạc các quan điểm của Ri-các-đô.

Li-xtơ:

"Nói
chung
từ thời
A-dam
Xmít,
trường
phái
này đã
không
may
trong
việc
nghiên
cứu
bản
chất
của địa
tô. Ri-
các-đô,
sau đó
là Min,
Mác-
Cu-lóc
và
những
người

Ri-các-đô:

"Nếu sản
phẩm
thặng dư
tạo thành
địa tô là
một ưu thế
thì điều
đáng
mong
muốn là
làm sao
mỗi năm
những
máy móc
mới được
tạo ra tỏ ra
*ít năng
suất hơn*
những
máy móc
cũ, vì điều
đó sẽ
truyền
một giá trị
lớn cho
những

khác,
cho
rằng
người
ta trả
địa tô
cho
*năng
suất tự
nhiên*
vốn có
của các
lô đất.
Dựa
trên ý
kiến ấy
Ri-các-
đô đã
xây
dựng
cả một
hệ
thống...
Vì ông
chỉ
thấy
những
điều
kiện
của
nước
Anh,
cho

hàng ho
được sản
xuất ra
trong toà
quốc, và
địa tô s
được trả
cho tất c
các chủ s
hữu nhữ
máy móc
có năng
suất nh
("Des
principe
de
l'économ
politiqu
etc", Pari
1835, T.
p.77) [B
dịch tiến
Nga, tr.
71]. "S
giàu có
tăng lên
những
nước m
tại đó nh
*những c
tiến tron*
nông
nghiệp

nên
 ông ta
 đã rơi
 vào
 nhảm
 lẫn cho
 rằng
 tưởng
 như thể
 những
 đất
 canh
 tác và
 đồng
 cỏ ấy ở
 nước
 Anh -
 mà
 hiện
 nay
 người
 ta trả
 khoản
 địa tô
 tuyệt
 vời như
 thế cho
 năng
 suất tự
 nhiên
 giả tạo
 của
 chúng -

người ta	đã là
có thể	những
tăng số	đất
lượng sản	canh
phẩm mà	tác và
không cần	đồng
tăng tương	cỏ y
ứng số	như thế
lượng lao	trong
động và	mọi
tại nơi đó,	thời
do vậy,	đại"
địa tô chỉ	(<i>Li-xtơ</i> .
tăng dân	Tác
dân"	phẩm
(ebenda,	đã dẫn,
p.81-82)	tr.360).

Như vậy, đối với giai cấp quý tộc cao quý, ngài Li-xtơ đã không dám tiến hành trò chơi trong bóng tối "các lực lượng sản xuất". Ông ta muốn cam dỗ giai cấp ấy bằng "những giá trị trao đổi" và do vậy đã bực tức trường phái Ri-các-đô, là người đã không xem xét địa tô trên góc độ lực lượng sản xuất, cũng không xem xét lực lượng sản xuất trên góc độ nền sản xuất công xưởng hiện đại quy mô.

Vậy là ngài Li-xtơ hoá ra giả dối bội phần. Tuy nhiên trong vấn đề này chúng ta cần công bằng với ngài Li-xtơ. Tại một công xưởng lớn ở Vuyéc-tem-béc (nếu chúng tôi không lầm, đây là công xưởng của Khuê-slin) có sự tham gia của chính quốc vương của người Vuyéc-tem-béc^{1*}, ông ta đã đầu tư một khoản tiền lớn vào công xưởng này. Các quý tộc địa chủ đã tham gia đáng kể bằng cổ phiếu vào các công xưởng ở Vuyéc-tem-béc, và ở mức độ nhiều hay

1* Đây muốn nói đến vua Vin-hem I của Vuyéc-tem-béc.

ít cả vào những công xưởng ở Ba-den. Như vậy, ở đây giới quý tộc tham dự vào "lực lượng công nghiệp", không phải với tư cách những người sở hữu ruộng đất, mà bằng cách đầu tư tiền vào lực lượng ấy, bản thân họ hoạt động như những người tư sản và chủ xưởng, và.....

... [24] và xuất hiện "tính kế thừa và tính liên tục của sản xuất" của cả một loạt thế hệ - nhà cộng sản không được công nhận Li-xtơ cũng đã cho bài học về điều này - như vậy, "tính kế thừa và tính liên tục" này "của sản xuất" lại là sở hữu thừa kế *không phải* của các ngài tư bản công nghiệp, *mà* của cả một loạt thế hệ (chẳng hạn xem Brây¹³⁴).

Các chúa đất (các địa chủ) ở Anh được bảo đảm có được mức địa tô cao chỉ nhờ sự phá sản của những người linh canh và việc các công nhân nông nghiệp bị đẩy xuống mức bần cùng như ở Ai-rơ-len (những người ăn xin thực sự). Tất cả những điều đó diễn ra bất chấp các đạo luật về lúa mì, bất kể bản thân những người thu địa tô nhiều khi đã buộc phải nhường đến một phần ba, một nửa khoản địa tô ấy cho những người linh canh của mình. Từ năm 1815, ba đạo luật khác nhau về lúa mì đã được thông qua nhằm cải thiện tình cảnh và khuyến khích về tinh thần những người linh canh. Trong thời kỳ ấy năm uỷ ban quốc hội đã được cử ra để làm rõ tình cảnh tai họa của nông nghiệp và điều tra nguyên nhân dẫn đến tình cảnh ấy. Một mặt là tình trạng phá sản liên tục của những người linh canh mặc dù đã bóc lột đến cùng cực công nhân nông nghiệp và đã giảm tối đa ở mức có thể được mức tiền công của công nhân nông nghiệp, và mặt khác thường hay xảy ra nhiều trường hợp các địa chủ đã buộc phải từ chối nhận một phần địa tô, - những điều đó chứng minh rằng ngay cả ở nước Anh - bất chấp tất cả các nhà máy và công xưởng của nó - cũng đã không có được những mức địa tô cao. Bởi vì, xét từ góc độ kinh tế không

thể xem hiện tượng sau đây là địa tô: một phần chi phí sản xuất - thông qua các hợp đồng và các quan hệ khác tồn tại ở bên ngoài lĩnh vực kinh tế - thay vì chạy vào túi người linh canh lại chạy vào túi người thu địa tô. Nếu như tự bản thân người địa chủ canh tác ruộng đất của mình thì dĩ nhiên người đó tránh đưa một phần lợi nhuận thông thường của tư bản sản xuất vào mục "địa tô".

Các tác gia ở thế kỷ XVI, XVII và thậm chí ở hai phần ba đầu của thế kỷ XVIII vẫn còn xem việc nước Anh xuất khẩu lúa mì là nguồn làm giàu chủ yếu của nước này. Nên công nghiệp cổ xưa của nước Anh - mà ngành chủ yếu của nó là ngành chế biến lông cừu, còn những ngành ít quan trọng hơn của nó thì chế biến những nguyên liệu do chủ yếu bản thân ngành này cung cấp - đã hoàn toàn *lệ thuộc* vào nông nghiệp. Nguyên liệu chủ yếu của nó là sản phẩm của nông nghiệp Anh. Đương nhiên, bằng cách đó nền công nghiệp ấy đã thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp. Về sau, khi đã xuất hiện nền sản xuất thật sự mang tính chất công xưởng, thì sau một thời gian ngắn người ta đã bắt đầu cảm thấy cũng cần phải ban hành các đạo luật về thuế quan đánh vào lúa mì. Nhưng chúng chỉ có tính chất danh nghĩa. Sự tăng nhanh của dân số, sự hiện diện của những diện tích lớn ruộng đất màu mỡ sẽ phải canh tác, sự xuất hiện của các phát minh - đương nhiên tất cả những điều đó đã dẫn đến sự phát triển, ở giai đoạn đầu, cả của nông nghiệp nữa. Đặc biệt sự phát triển ấy đã được thúc đẩy nhờ cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông, cuộc chiến tranh này đã tạo ra một hệ thống cấm đoán thực sự cho nền nông nghiệp nước Anh. Nhưng đến năm 1815 người ta thấy rằng trên thực tế "sức sản xuất" của nông nghiệp đã tăng lên ít biết bao. Giới địa chủ và những người linh canh đã đồng thanh kêu gào, thế là lúc ấy các đạo luật về ngũ cốc hiện nay¹³⁵ được ban bố. Chính ngay bản chất nền công nghiệp công xưởng ngày nay đã chứa đựng, thứ nhất, xu hướng tha hoá [zu

entfremden] công nghiệp khởi nền móng quốc nội, vì nền công nghiệp ấy chủ yếu chế biến nguyên liệu nhập cảng từ nước ngoài và nó dựa vào ngoại thương. Bản chất của nó chứa đựng xu hướng làm tăng dân số với quy mô không tương xứng với việc sử dụng ruộng đất trong điều kiện chế độ tư hữu. Tiếp nữa, bản chất của nó chứa đựng, nếu nó để ra những đạo luật về ngũ cốc như từ trước đến nay nó đã luôn luôn cho ra đời những đạo luật ấy ở châu Âu - xu hướng là thông qua địa tô cao và bóc lột sở hữu ruộng đất bằng các phương pháp công xưởng mà biến nông dân thành những người vô sản bản cùng nhất, nếu nó cản trở được việc ban hành các đạo luật về ngũ cốc thì nó thôi không canh tác rất nhiều ruộng đất, làm cho giá lúa mì phục tùng những tình thế ngẫu nhiên bên ngoài và làm cho đất nước bị hoàn toàn tha hoá, làm cho việc có được những tư liệu sinh hoạt cần thiết nhất đối với đất nước phải phụ thuộc vào một nền thương mại phá hoại *sở hữu ruộng đất* với tính cách một nguồn sở hữu độc lập. Điều nói sau cùng này là mục tiêu của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc ở Anh và của phong trào chống địa tô ở Bắc Mỹ¹³⁶, bởi vì *địa tô* là biểu hiện kinh tế của chế độ *sở hữu ruộng đất*. Do vậy phái To-ri luôn luôn chỉ ra nguy cơ nước Anh sẽ phụ thuộc chẳng hạn vào *nước Nga* trong việc cung cấp các tư liệu sinh hoạt.

Nền đại công nghiệp công xưởng - đương nhiên, ở đây không tính đến những nước như Bắc Mỹ là những nước sẽ còn đưa vào canh tác những diện tích ruộng đất rất rộng lớn (mà thuế quan bảo hộ thì lại không làm tăng nhiều lắm diện tích ruộng đất) - tất yếu có xu hướng *trói buộc* sức sản xuất của ruộng đất ngay khi việc khai thác ruộng đất đạt đến một trình độ nào đó, cũng y như, mặt khác, việc canh tác nông nghiệp bằng những phương pháp công xưởng có xu hướng loại con người ra và biến mọi đất đai - đương nhiên là trong những giới hạn nào đó - thành bãi chăn thả

súc vật, cho nên súc vật chiếm chỗ của con người.

Nói tóm gọn, học thuyết của Ri-các-đô về địa tô là như sau:

Địa tô không thêm gì vào năng suất của ruộng đất. Ngược lại, năng suất của ruộng đất tăng lên là bằng chứng chứng tỏ rằng sức sản xuất của ruộng đất giảm đi. Địa tô được xác định chính là bởi tỷ lệ diện tích những ruộng đất có khả năng canh tác so với số dân và với trình độ văn minh nói chung. Giá lúa mì được xác định bởi chi phí sản xuất ra lúa mì trên những ruộng đất kém màu mỡ nhất mà nhu cầu của dân cư đòi hỏi phải canh tác. Nếu phải canh tác những ruộng đất có phẩm chất kém hơn hoặc đầu tư kém hiệu quả hơn cũng vào lô ruộng đất ấy thì người sở hữu ruộng đất màu mỡ nhất bán sản phẩm của mình với giá đất y như người canh tác ruộng đất xấu nhất. Người ấy bỏ vào túi số chênh lệch giữa chi phí sản xuất lúa mì trên ruộng đất màu mỡ nhất và trên ruộng đất kém màu mỡ nhất. Như vậy, ruộng đất canh tác càng kém màu mỡ, hoặc những lần đầu tư thứ hai, thứ ba cũng vào thửa ruộng nói trên mà càng kém hiệu quả, tóm lại, năng suất tương đối của ruộng đất càng giảm thì địa tô càng cao. Nếu hình dung ruộng đất là màu mỡ ở khắp mọi nơi^{1*}...

IV. NGÀI LI-XTƠ VÀ PHE-RI-Ê

Cuốn sách của *Phe-ri-ê*; trợ lý của viên thanh tra hải quan dưới thời Na-pô-lê-ông - "Về chính phủ, xét trên góc độ quan hệ qua lại của nó với thương mại". Pa-ri, 1805 - là tác phẩm mà ngài Li-xtơ đã chép lại. Trong cuốn sách của Li-xtơ không có một tư

1* Đến đây kết thúc phần ghi chép của tờ cuối cùng có đánh số thứ tự.

tưởng cơ bản nào chưa được phát biểu trong cuốn sách của Phe-ri-ê và chưa được phát biểu tốt hơn trong cuốn sách đó.

Phe-ri-ê là một quan chức của Na-pô-lê-ông. Ông ta bảo vệ hệ thống của lục địa¹³⁷. Ông ta không nói về *chế độ bảo hộ*, mà nói về *chế độ cấm đoán*. Ông ta không hề sáng tác những câu sáo rỗng về sự *liên minh* của tất cả các dân tộc hoặc về nền *hoà bình vĩnh cửu* ở trong nước. Đương nhiên, ông ta cũng chưa có những câu nói xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi dẫn ra đây những đoạn trích ngắn trong cuốn sách của ông ta để chỉ ra cho bạn đọc thấy cái nguồn gốc bí mật ấy của sự thông thái của ngài Li-xtơ. Nếu ngài Li-xtơ xuyên tạc *Lu-i Xây* để miêu tả ông ấy là đồng minh của mình, thì ngược lại, Li-xtơ không viện dẫn Phe-ri-ê ở chỗ nào cả, tuy ở đâu ông ta cũng sao chép Phe-ri-ê. Ông ta muốn làm cho bạn đọc lầm lẫn.

Chúng ta đã trích dẫn ý kiến suy xét của Phe-ri-ê về Xmít. Phe-ri-ê biểu hiện sự gắn bó của mình với chế độ cấm đoán cũ càng thành thật hơn.

*SỰ CAN THIỆP CỦA NHÀ NƯỚC.
SỰ TIẾT KIỆM CỦA CÁC DÂN TỘC*

"Có dân tộc tiết kiệm và có dân tộc hoang phí, nhưng một dân tộc hoang phí hoặc tiết kiệm chỉ trong quan hệ của mình với các dân tộc khác" ([Phe-ri-ê. Tác phẩm đã dẫn], tr.143).

"Sẽ là sai lầm khi cho rằng việc đầu tư tư bản có lợi nhất đối với người sở hữu tư bản cũng tất yếu có lợi nhất cả đối với công nghiệp... Lợi ích của các nhà tư bản hoàn toàn không trùng khớp với lợi ích chung và

hầu như luôn luôn đối lập với lợi ích chung" (tr.168-169).

"Có sự tiết kiệm của các dân tộc, nhưng hoàn toàn khác với sự tiết kiệm theo quan niệm của Xmít... Nó biểu hiện ở chỗ chỉ mua các sản phẩm của nước ngoài với số lượng có thể trả bằng những sản phẩm của mình. Đôi khi sự tiết kiệm ấy thể hiện ở chỗ hoàn toàn không cần đến những sản phẩm của nước ngoài" (như trên, tr.174-175).

CÁC LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI

"Những nguyên tắc tiết kiệm của các dân tộc, do Xmít xác lập, có cơ sở là sự phân biệt giữa lao động sản xuất và lao động phi sản xuất... Về thực chất sự phân biệt này là không đúng. Tuyệt nhiên không có lao động phi sản xuất" (như trên, tr.141).
"Ông ta" (Gác-ni-ê) "xem *tiền bằng bạc*, chỉ là *giá trị* của bạc mà không nghĩ đến *thuộc tính* của chúng với tính cách là *tiền*; làm cho lưu thông tích cực hơn, và do đó, làm tăng số lượng sản phẩm của lao động" (như trên, tr.18).
"Vì thế khi các chính phủ cố gắng ngăn chặn việc thất thoát tiền mặt ra nước ngoài,... thì việc đó được tiến hành

không phải vì *giá trị* của chúng..., mà là vì *giá trị* thay thế chúng không thể gây ra trong lưu thông cái hiệu quả như bản thân chúng tạo ra..., trong mỗi lần chuyển từ tay người này sang tay người khác giá trị ấy không thể khai sinh một ngành sản xuất mới" (như trên, tr.22, 23). "Từ "của cải", khi được áp dụng đối với số tiền đang lưu thông với tính cách là tiền, cần phải hiểu theo ý nghĩa của những hành vi tái sản xuất được những số tiền ấy tạo điều kiện dễ dàng..., và trong ý nghĩa ấy đất nước giàu thêm khi nó tăng số lượng tiền mặt của mình, bởi vì cùng với việc tăng số lượng tiền mặt ấy, tất cả *các lực lượng sản xuất* của lao động cũng tăng lên" (như trên, tr.71). "Khi người ta nói rằng của cải của một nước nào đó bằng hai tỷ... thì điều đó được hiểu là đất nước ấy có *những tư liệu* để nhờ hai tỷ ấy có thể duy trì được sự lưu thông của các giá trị lớn hơn số tiền ấy gấp 10, 20, 30 lần, hay là - điều này cũng thế thôi - đất nước ấy có thể *sản xuất* ra những giá trị ấy. Chính *những tư liệu sản xuất* ấy - mà đất nước ấy có được nhờ tiền - được gọi là của cải" (tr.22).

Vậy là Phe-ri-ê phân biệt *giá trị trao đổi* của tiền với *sức sản xuất* của tiền. Thậm chí bất kể Phe-ri-ê nói chung đã gọi các tư liệu sản xuất là của cải, thì cũng không có gì dễ dàng hơn là áp dụng đối với tất cả các loại tư bản sự phân biệt mà ông Phe-ri-ê

đã nêu ra giữa *giá trị* và *sức sản xuất* của tiền.

Nhưng Phe-ri-ê còn đi xa hơn, nói chung ông bảo vệ chế độ cấm đoán dựa trên lý lẽ là hệ thống này đảm bảo cho các dân tộc có được *các tư liệu sản xuất* của họ:

"Như vậy, các biện pháp cấm đoán có ích mỗi khi chúng giúp cho các dân tộc kiếm được *những tư liệu* thoả mãn các nhu cầu của mình... Tôi so sánh một dân tộc dùng tiền mặt của mình mua ở nước ngoài những hàng hoá mà bản thân dân tộc ấy có thể chế tạo ra, tuy không tốt bằng, với một người thợ làm vườn, vì không hài lòng với những quả anh ta thu hái được trong vườn mình nên đã đi mua những quả ngon hơn của hàng xóm rồi thanh toán với họ bằng những công cụ làm vườn của mình" (tr.288). "Ngoại thương có lợi mỗi khi nó có xu hướng tăng *tư bản sản xuất* lên. Ngoại thương bất lợi khi nó, thay vì làm tăng tư bản lên, lại đòi chuyển nhượng số tư bản ấy đi" (tr.395-396).

NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI

"Chính phủ có nên ưu tiên khuyến khích thương mại và các công xưởng so với nông nghiệp hay không? Câu hỏi này vẫn còn là một trong những câu hỏi mà chung quanh chúng các chính phủ và các tác gia chưa thể đi đến thoả thuận được" (tr.73).

"Những thắng lợi của công nghiệp và thương mại gắn với những thành quả của văn minh, với tiến bộ trong các môn nghệ thuật, trong các môn khoa học, trong ngành vận tải thuỷ. Một chính phủ mà hầu như không thể làm gì cho nông nghiệp thì lại có thể làm được hầu như tất cả cho công nghiệp. Nếu một dân tộc có những thói quen hoặc thị hiếu có thể kìm hãm sự phát triển của dân tộc ấy thì chính phủ cần phải áp dụng mọi phương sách để đấu tranh, chống lại những thói quen ấy" (tr.84).

"Biện pháp thật sự để khuyến khích nông nghiệp là khuyến khích nền công nghiệp công xưởng - nhà máy (tr.225).

"Lĩnh vực của nó" (lĩnh vực công nghiệp mà ngài Phe-ri-ê hiểu đó là công nghiệp nhà máy - công xưởng) "không bị những thành tích của nó, cũng không bị những phương tiện hoàn thiện của nó hạn chế...

Thực lực sáng tạo của nó - có tính chất bao trùm tất cả, và cũng giống như trí tưởng tượng, nó tồn tại trong sự vận động và có kết quả tốt - không có những giới hạn nào khác ngoài những giới hạn của chính tinh thần con người mà từ đó nó hằng ngày nhận được mọi ánh hào quang mới" (tr.85).

"Đối với một nước nông - công nghiệp, nguồn của cải thật sự là *tái sản xuất* và lao

động. Đất nước ấy phải đầu tư tư bản của mình vào các ngành nông và công nghiệp và phải quan tâm vận chuyển và bán các sản phẩm của mình trước khi nước này có thể tiến hành vận chuyển và bán hàng hoá của các dân tộc khác" (tr.186). "Cần phải quy sự tăng trưởng của cái ấy của con người chủ yếu cho nội thương đã tồn tại từ lâu trước khi có sự trao đổi giữa dân tộc này với dân tộc khác" (tr.145). "Theo chính ý kiến của Xmít, trong hai tư bản, trong đó một tư bản được đầu tư vào nội thương, còn tư bản kia thì được đầu tư vào ngoại thương, thì tư bản thứ nhất hậu thuẫn và khuyến khích công nghiệp nước nhà nhiều gấp hai mươi tư lần" (tr.145-146).

Nhưng ngài Phe-ri-ê ít ra cũng hiểu rằng nội thương không thể tồn tại mà không có ngoại thương (như trên, [tr.146]).

"Giả sử một số tư nhân xuất khẩu ra khỏi nước Anh 50000 tấm lụa - trong thương vụ này họ sẽ kiếm được nhiều tiền và sẽ rất dễ dàng tiêu thụ được hàng hoá. Nhưng qua việc này họ sẽ làm giảm nền công nghiệp nước nhà và làm mất việc 10000 công nhân" (tr.170; hãy xem tr.155-156).

Cũng như Li-xtơ, ngài Phe-ri-ê chú ý đến sự khác nhau giữa các thành phố công nghiệp và thương nghiệp với những thành phố chỉ tiêu dùng (tr.91), nhưng ít ra ông ấy cũng trung thực đến mức

là đồng thời có viện dẫn chính Xmit. Ông đã viện dẫn *Hiệp ước Mê-tu-en*¹³⁸ mà ngài Li-xơ rất thích thú và nêu rõ tính thận trọng thực tiễn của Xmit trong những suy xét về bản hiệp ước này (tr.159). Chúng ta đã thấy rằng ý kiến nhận định của ông về Xmit nhìn chung trùng khớp hầu như nguyên văn với suy xét của Li-xơ. Xem thêm về *việc buôn bán hàng hoá ngoại quốc được chuyển từ nước này sang nước khác*, tr.186 và ở những đoạn khác.

Sự khác nhau giữa Phe-ri-ê và Li-xơ là ở chỗ Phe-ri-ê viết để bảo vệ một chủ trương có ý nghĩa lịch sử - toàn thế giới - hệ thống lục địa, còn Li-xơ thì viết để bảo vệ giai cấp tư sản nhỏ nhen, dân độn.

Bạn đọc sẽ đồng ý rằng, toàn bộ ông Li-xơ in nuce^{1*} được chứa đựng trong các đoạn trích trên đây rút từ tác phẩm của Phe-ri-ê. Nếu thêm vào đây cả những câu ông ta vay mượn từ giai đoạn phát triển tiếp theo của khoa kinh tế chính trị diễn ra từ thời Phe-ri-ê thì phần của ông ta chỉ còn lại sự lý tưởng hoá trống rỗng mà sức sản xuất của nó chứa đựng trong những lời nói, và [...] ^{2*} sự giả nhân giả nghĩa của người tư sản Đức vươn tới sự thống trị.

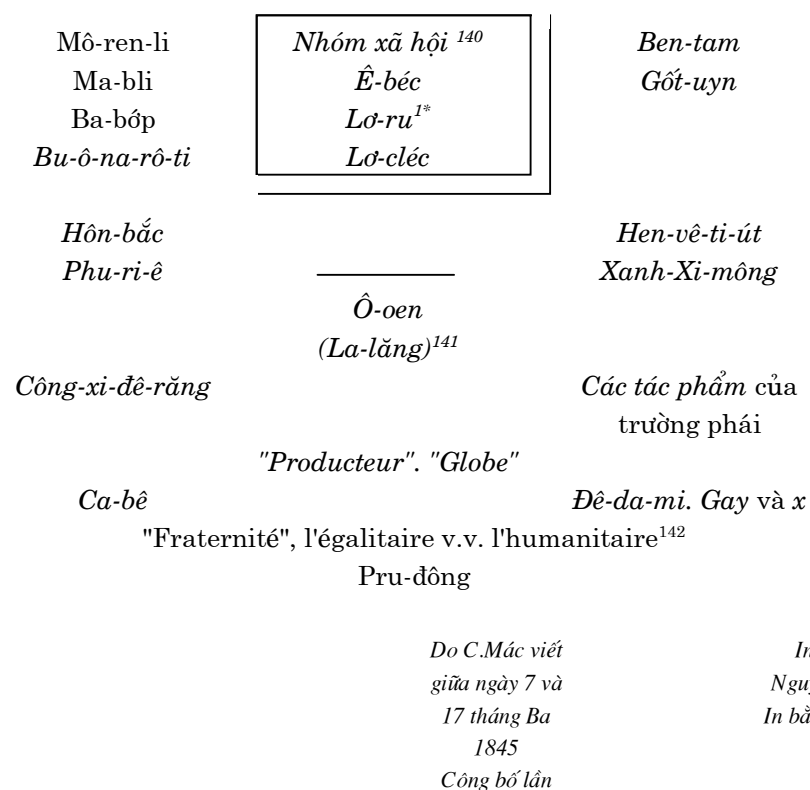
<i>Viết vào</i>	<i>In theo bản</i>
<i>tháng</i>	<i>viết tay</i>
<i>Ba 1845</i>	<i>Nguyên văn</i>
<i>Công bố</i>	<i>là tiếng Đức</i>
<i>lần đầu</i>	
<i>bằng</i>	
<i>tiếng</i>	
<i>Nga</i>	

1* - tóm lại, dưới dạng cô đọng nhất.

2* Ở đây trong bản viết tay có một từ viết không rõ ràng.

trong
tạp chí
"Những
vấn đề
lịch sử
Đảng
Cộng
sản Liên
Xô" số
12,
1971

C.MÁC

***SƠ ĐỒ "TỦ SÁCH CÁC NHÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XUẤT SẮC CỦA NƯỚC NGOÀI"¹³⁹**

1* Hiển nhiên đây muốn nói đến Giắc Ru.

dầu trong Marx
- Engels
Gesamtausgabe.
Erste Abteilung.
Bd.5, 1932

C.MÁC

*** NHỮNG GHI CHÉP RÚT TỪ SỔ TAY¹⁴³**

Kẻ vị kỷ mộ đạo đối lập với con người vị kỷ.
Sự lầm lẫn trong thời gian cách mạng về vấn đề chế độ nhà nước thời cổ đại.
"Khái niệm" và "thực thể".
Cách mạng - Lịch sử nguồn gốc nhà nước hiện đại.

Do C.Mác viết vào khoảng tháng Tư 1845 Công bố lần đầu trong Marx - Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung. Bd.5, 1932

In theo bản viết tay Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

*LUẬN CƯƠNG VỀ PHOI-Ơ-BẮC¹⁴⁴ (BẢN THẢO NĂM 1845)

1) Về "Phoi-ơ-bắc"

1

Khuyết điểm chủ yếu của toàn bộ chủ nghĩa duy vật từ trước đến nay (kể cả chủ nghĩa duy vật của Phoi-ơ-bắc) là sự vật, thực tại, cảm tính chỉ được nhận thức dưới hình thức *khách thể*, hay hình thức *trực quan*, chứ không được nhận thức là *hoạt động cảm tính của con người, là thực tiễn*; không được nhận thức về mặt chủ quan. Do đó, mặt *năng động* được chủ nghĩa duy tâm phát triển, đối lập với chủ nghĩa duy vật, nhưng chỉ phát triển một cách trừu tượng - dĩ nhiên, chủ nghĩa duy tâm không hiểu hoạt động hiện thực, cảm tính. Phoi-ơ-bắc muốn xem xét những khách thể cảm tính, thật sự khác biệt với những khách thể của tư tưởng, nhưng ông xem xét bản thân hoạt động của con người không phải như là hoạt động có đối tượng. Do vậy, trong tác phẩm "Bản chất đạo Cơ Đốc" ông chỉ xem xét hoạt động lý luận là hoạt động đích thực của con người, trong khi thực tiễn chỉ được xem xét và xác định dưới hình thức biểu hiện con buôn - bản thủ của nó mà thôi¹⁴⁵. Vì thế ông không hiểu ý nghĩa của hoạt động "cách mạng", "thực tiễn - phê phán".

2

Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có tính chân lý khách quan không, hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận, mà là một vấn đề *thực tiễn*. Thực tiễn là nơi con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình. Sự tranh cãi về tính hiện thực hay tính không hiện thực của tư duy tách rời thực tiễn là một vấn đề thuần túy *kinh viện*.

3

Học thuyết duy vật về sự thay đổi của hoàn cảnh và về sự giáo dục quen rằng hoàn cảnh do con người thay đổi và bản thân người giáo dục cũng phải được giáo dục. Do vậy, học thuyết đó buộc phải chia xã hội thành hai bộ phận - trong đó một bộ phận đứng lên trên xã hội.

Sự trùng hợp giữa sự thay đổi của hoàn cảnh và hoạt động của con người, hay là sự tự thay đổi, chỉ có thể được xem xét và được hiểu một cách hợp lý như là *thực tiễn cách mạng*.

4

Phoi-ơ-bắc xuất phát từ sự thực là sự tự tha hoá về mặt tôn giáo, từ sự chia đôi thế giới thành thế giới tôn giáo và thế giới trần tục. Và công việc của ông là hoà tan thế giới tôn giáo vào cơ sở trần tục của nó. Nhưng việc cơ sở trần tục tách mình khỏi bản thân mình và xây dựng cho mình một vương quốc độc lập nào đó ở trên mây, chỉ có thể được giải thích bằng sự tự phân chia và sự tự mâu thuẫn của cơ sở trần tục ấy. Như vậy, cơ sở trần tục không những phải được hiểu chính bản thân cơ sở trần tục ấy trong mâu thuẫn của nó, mà còn phải được cách mạng hoá trong thực tiễn. Như vậy, sau khi

tìm được trong gia đình trần tục lời giải đoán bí mật của gia đình thần thánh chẳng hạn thì chính gia đình trần tục phải bị phê phán về lý luận và thực tiễn.

5

Không hài lòng với *tư duy trừu tượng*, Phoi-ơ-bắc đòi hỏi sự *trực quan*; nhưng ông không xem cảm tính là hoạt động *thực tiễn*, hoạt động cảm tính của con người.

6

Phoi-ơ-bắc quy bản chất tôn giáo vào bản chất *con người*. Nhưng bản chất của con người không phải là cái trừu tượng vốn có của từng cá nhân. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà tất cả các quan hệ xã hội.

Không phê phán bản chất hiện thực ấy, nên Phoi-ơ-bắc buộc phải:

1) trừu tượng hoá tiến trình lịch sử, xem xét tình cảm [Gemüt] tôn giáo một cách riêng rẽ và giả định một cá nhân con người trừu tượng - *biệt lập*;

2) do vậy bản chất chỉ có thể được xem xét như là "loài", như là tính phổ biến nội tại, cảm, liên kết nhiều cá nhân lại bằng các mối liên hệ *tự nhiên*.

7

Vì thế Phoi-ơ-bắc không thấy rằng bản thân "tình cảm tôn giáo" là một sản phẩm xã hội và rằng cá nhân trừu tượng mà ông phân tích, là thuộc một hình thức xã hội nhất định.

8

Mọi đời sống xã hội, về thực chất đều có tính chất *thực tiễn*. Tất cả những sự thần bí đưa lý luận vào chủ nghĩa thần bí, đều được giải đáp một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết thực tiễn ấy.

9

Điều lớn nhất mà chủ nghĩa duy vật trực quan, tức là chủ nghĩa duy vật không quan niệm cảm tính là hoạt động thực tiễn, vươn tới được, là sự trực quan những cá nhân riêng biệt và xã hội công dân.

10

Quan điểm của chủ nghĩa duy vật cũ là xã hội công dân, quan điểm của chủ nghĩa duy vật mới là xã hội loài người hay là loài người xã hội hoá.

11

Các nhà triết học chỉ *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là *cải tạo* thế giới.

Do
C.Mác
viết vào
mùa
xuân
1845
Dị bản

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

này
được
công bố
lần đầu
bằng
tiếng
Đức
năm
1924
trong
"Marx -
Engels
Archiv".
Bd.I, và
bằng
tiếng
Nga
trong
bộ
sách:
"Văn
khố của
C.Mác
và
Ph.Ăng-
ghen".
Quyển
thứ nhất

C.MÁC

*LUẬN CƯƠNG VỀ PHOI-Ơ-BẮC

MÁC NÓI VỀ PHOI-Ơ-BẮC^{1*}

1

Khuyết điểm chủ yếu của toàn bộ chủ nghĩa duy vật từ trước đến nay - kể cả chủ nghĩa duy vật của Phoi-ơ-bắc - là sự vật, thực tại, cái cảm giác được, chỉ được nhận thức dưới hình thức *khách thể*, hay hình thức *trực quan*, chứ không được nhận thức là *hoạt động cảm giác của con người; là thực tiễn*; không được nhận thức về mặt chủ quan. Thành thử mặt *năng động* được chủ nghĩa duy tâm phát triển, đối lập với chủ nghĩa duy vật, nhưng chỉ phát triển một cách trừu tượng, vì chủ nghĩa duy tâm dĩ nhiên là không hiểu hoạt động hiện thực, cảm giác được, đúng như là hoạt động hiện thực, cảm giác được. Phoi-ơ-bắc muốn xem xét những khách thể cảm giác được, thực sự khác biệt với những khách thể của tư tưởng, nhưng ông không xem xét bản thân hoạt động của con người, như là hoạt động *khách quan*. Bởi thế, trong "Bản chất đạo Cơ Đốc", ông chỉ coi hoạt động lý luận là hoạt động đích thực của con người, còn thực tiễn thì chỉ được ông xem xét và xác định trong hình thức biểu hiện con buôn bản thủ của nó mà thôi. Vì vậy, ông không hiểu được ý nghĩa của hoạt động "cách mạng", của hoạt động "thực tiễn - phê phán".

1* Đây là dị bản do Ăng-ghen công bố năm 1888.

2

Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan không, hoàn toàn không phải là một vấn đề lý luận mà là một vấn đề *thực tiễn*. Chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình. Sự tranh cãi về tính hiện thực hay tính không hiện thực của tư duy tách rời thực tiễn, là một vấn đề *kinh viện* thuần túy.

3

Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi, - cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục. Bởi vậy, học thuyết đó tất phải đi đến chỗ chia xã hội thành hai bộ phận trong đó có một bộ phận đứng lên trên xã hội (chẳng hạn như ở Rô-bóc Ô-oen).

Sự phù hợp giữa sự thay đổi của hoàn cảnh với hoạt động của con người, chỉ có thể được quan niệm và được hiểu một cách hợp lý khi coi đó là *thực tiễn cách mạng*.

4

Phoi-ơ-bắc xuất phát từ sự thực là sự tự tha hoá về mặt tôn giáo, từ sự phân đôi thế giới thành thế giới tôn giáo, thế giới tưởng tượng, và thế giới hiện thực. Công việc của ông là hoà tan thế giới tôn giáo vào cơ sở trần tục của nó. Ông không thấy rằng, sau khi làm xong công việc ấy rồi thì còn điều chủ yếu vẫn chưa làm được. Cụ thể là cơ sở trần tục tự tách khỏi bản thân nó để lên ở trên mây thành một vương quốc độc lập,

điều đó chỉ có thể giải thích được bằng sự tự chia cắt và sự tự mâu thuẫn của cơ sở trần tục ấy. Do đó, trước hết phải hiểu bản thân cơ sở trần tục ấy trong mâu thuẫn của nó và sau đó cách mạng hoá nó trong thực tiễn bằng cách xoá bỏ mâu thuẫn đó. Do đó, một khi người ta đã phát hiện ra, chẳng hạn, rằng gia đình trần tục là cái bí mật của gia đình thần thánh thì chính gia đình trần tục là cái mà người ta phải phê phán về mặt lý luận và cách mạng hoá trong thực tiễn.

5

Phoi-ơ-bắc không hài lòng với tư duy trừu tượng, đã nhờ đến trực quan của cảm giác; nhưng ông không coi tính cảm giác là hoạt động thực tiễn của cảm giác con người.

6

Phoi-ơ-bắc hoà tan bản chất tôn giáo vào bản chất con người. Nhưng bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội.

Không phê phán bản chất hiện thực đó, nên Phoi-ơ-bắc buộc phải:

1) Không nói đến quá trình lịch sử và xem xét tình cảm tôn giáo [Gemut] một cách biệt lập và giả định một cá nhân con người trừu tượng, cô lập;

2) do đó, ở Phoi-ơ-bắc, bản chất con người chỉ có thể được hiểu là "loài", là tính phổ biến nội tại, cảm, gắn bó một cách thuần tuý tự nhiên đồng đẳng cá nhân với nhau.

7

Vì thế, Phoi-ơ-bắc không thấy rằng bản thân "tình cảm tôn giáo" cũng là một sản phẩm xã hội và cá nhân trừu tượng mà

ông phân tích, trên thực tế, là thuộc một hình thức xã hội nhất định.

8

Đời sống xã hội, về thực chất, là có tính chất thực tiễn. Tất cả những sự thần bí đưa lý luận đến chủ nghĩa thần bí, đều được giải đáp một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết thực tiễn ấy.

9

Điểm cao nhất mà chủ nghĩa duy vật trực quan, tức là chủ nghĩa duy vật không quan niệm tính cảm giác là hoạt động thực tiễn, vươn tới được là sự trực quan về những cá nhân riêng biệt trong "xã hội công dân".

10

Quan điểm của chủ nghĩa duy vật cũ là xã hội "công dân"; quan điểm của chủ nghĩa duy vật mới là xã hội loài người, hay loài người xã hội hoá.

11

Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới.

Do C.Mác
viết vào
mùa xuân
1845
Do Ph.Ăng-
ghen công
bố lần đầu

In theo
bản in
trong
phụ lục
của cuốn
sách
Nguyên

*trong phụ
lục của
cuốn sách:
F.Engels.
"Ludwig
Feuerbach
und der
Ausgang der
klassischen
deutschen
Philosophie.
Stuttgart,
1888*

*văn là
tiếng
Đức*

**Bìa tạp chí "Das Westphalische
Dampfboot",
trong đó có đăng bài viết của Ph.Ăng-**

ghen

**"Bổ sung vào sự nhận định tình cảnh
giai cấp lao động ở Anh"**

PH.ĂNG-GHEN

BỔ SUNG VÀO SỰ NHẬN ĐỊNH TÌNH CẢNH GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH¹⁴⁶

I. MỘT TRONG NHỮNG CUỘC BÃI CÔNG Ở ANH

Trong cuốn sách bàn về đề tài nói trên, tôi chưa có điều kiện đưa ra những bằng chứng thực tế về từng điểm. Để cho cuốn sách này không trở nên quá dày và không tiện cho việc đọc, tôi đã phải xem những lời khẳng định của mình là có cơ sở đầy đủ nếu tôi xác nhận chúng bằng những số liệu lấy trong các tài liệu chính thức, các tác phẩm của những tác giả không liên quan hoặc từ những tác phẩm của những người ủng hộ các đảng có những lợi ích mà tôi chống lại. Làm như thế là đủ để bảo vệ tôi chống lại những ý kiến phản bác trong những trường hợp tôi không dựa trên những điều tai nghe mắt thấy của chính mình khi miêu tả chi tiết những trường hợp cụ thể trong đời sống. Nhưng điều đó chưa đủ để gây cho bạn đọc một niềm tin không gì lay chuyển nổi, niềm tin mà người ta chỉ có thể đem lại bằng những *sự thật* rõ ràng không thể bác bỏ được và không thể tạo ra được, - đặc biệt là vào thế kỷ đã bị "sự thông thái" bất tận "của các ông bố" đưa đến chủ nghĩa hoài nghi - chỉ bằng những suy luận trần trụi, cho dù chúng có dựa vào những nhân vật uy danh nào chẳng nữa. Khi vấn đề liên quan đến những kết luận quan trọng, khi mà trên cơ sở những sự thật, hiện ra những nguyên tắc chung, khi mà cần miêu tả không phải tình cảnh của những nhóm nhỏ riêng lẻ trong nhân dân các nước, mà là quan hệ qua lại giữa các giai cấp - khi ấy những sự thật là đặc biệt quan trọng. Trong

cuốn sách của mình, tôi chưa thể dẫn ra chúng ở khắp mọi chỗ vì những nguyên nhân nêu trên. Bây giờ ở đây tôi sẽ bù đắp chỗ thiếu sót không tránh khỏi ấy bằng việc thi thoảng thông báo những sự kiện rút ra từ những nguồn tư liệu tôi có. Để đồng thời chứng minh rằng sự miêu tả của tôi đến nay vẫn còn đúng, tôi sẽ chỉ đưa ra những sự thật đã xảy ra sau khi tôi rời nước Anh vào năm ngoái và chỉ sau khi cuốn sách của tôi được ấn hành tôi mới được biết đến.

Bạn đọc cuốn sách của tôi sẽ nhớ lại rằng trong cuốn sách ấy tôi chủ yếu đã chú ý miêu tả quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản và tính chất tất yếu của cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp ấy; điều đặc biệt quan trọng đối với tôi là chứng minh tính chính đáng hoàn toàn của cuộc đấu tranh ấy của giai cấp vô sản và đem những việc làm bỉ ổi của giai cấp tư sản Anh đối chiếu với những câu nói chung chung hoa mỹ của nó. Cuốn sách của tôi, từ trang đầu đến trang cuối, là bản cáo trạng chống lại giai cấp tư sản Anh. Bây giờ tôi sẽ đưa ra thêm một số bằng chứng có tính thuyết phục. Tuy nhiên, tôi đã trút khá đủ nỗi căm giận của mình lên đầu những tên tư sản Anh đó và trong những tiểu luận bổ sung, tôi không còn có ý định giận dữ nữa và sẽ cố gắng hết sức mình duy trì tâm trạng cân bằng.

Chúng ta gặp người đầu tiên, một công dân đáng kính và một người cha tử tế của gia đình - một nhân vật quen biết cũ của chúng ta, hay nói đúng hơn, đó là hai nhân vật quen biết của chúng ta. Các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* ngay từ năm 1843 - có trời biết lần thứ mấy - đã từng đụng độ với các công nhân của mình, bất chấp mọi lý lẽ, các công nhân ấy đã không muốn từ bỏ yêu sách của mình - phải được nhận tiền công bổ sung cho phần lao động làm thêm của họ - và đã ngừng làm việc. Các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* là những nhà thầu xây dựng cỡ lớn - trên các công trường của họ có nhiều thợ nung gạch, thợ mộc v.v. làm việc - đã đi thuê những công nhân khác; hành

động này đã gây ra xung đột mà rốt cuộc đã biến thành trận đánh nhau thật sự đẫm máu có sử dụng súng và gậy gộc tại nhà máy gạch của *Pô-linh* và *Hen-phri*, và cuộc xung đột ấy đã kết thúc - như có thể đọc thấy điều đó tỉ mỉ hơn trong cuốn sách của tôi - bằng việc đày nửa tá công nhân đến vùng đất *Van-di-men*¹⁴⁷. Nhưng các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* hàng năm thế nào cũng phải xung đột với các công nhân của mình, bằng không như thế các ngài ấy không thể thấy yên lòng, thế là vào hồi tháng Mười 1844 các ngài ấy đã lại gây chuyện cãi cọ với họ. Lần này, các nhà thầu từ thiện đã có ý định ban phước chính là cho đám thợ mộc. Từ xa xưa trong giới thợ mộc ở *Man-se-xtơ* và các vùng phụ cận đã có một tập quán lâu bền là không "thấp sáng" từ lễ ghép cành^{1*} đến ngày 17 tháng Mười một, nghĩa là vào những ngày dài phải làm việc từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối, đến khi ngày bắt đầu ngắn lại thì họ phải bắt đầu làm việc từ tờ mờ sáng và ngừng việc vào lúc sẩm tối. Từ ngày 17 tháng Mười một thì bắt đầu thấp sáng và công nhân làm việc toàn bộ thời gian. Từ lâu *Pô-linh* và *Hen-phri* đã bất bình với tập tục "dã man" ấy và đã quyết định dùng ánh đèn hơi đốt để chấm dứt tàn dư ấy của "thời kỳ đen tối"; vì thế, một lần vào buổi chiều tối, khi thợ mộc đã không còn có thể nhìn thấy gì nữa ngay trước 6 giờ tối và thu xếp dụng cụ và mặc quần áo thì viên đốc công đã thấp đèn hơi đốt và tuyên bố với họ rằng họ phải làm việc đến 6 giờ. Những người thợ mộc không thích điều đó, đã triệu tập cuộc họp chung của công nhân cùng nghề. Rất đối ngạc nhiên, ngài *Pô-linh* hỏi các công nhân của mình xem điều gì đã làm họ bất bình và khiến họ triệu tập cuộc họp. Một số công nhân cho biết rằng không phải trực tiếp họ, mà ban lãnh đạo nghiệp đoàn đã triệu tập cuộc họp này. Đáp lại, ngài *Pô-linh* tuyên bố rằng ông không

1* - ngày 2 tháng Hai theo lịch cũ.

cần biết đến nghiệp đoàn, song ông ta sẵn sàng đề xuất với họ điều sau đây: nếu công nhân đồng ý thấp đèn thì vào các thứ bảy ông ta sẽ cho họ nghỉ việc 3 giờ sớm hơn thời gian quy định, ngoài ra - ôi, thật rộng lượng quá ! - ông ta sẽ cho phép họ hằng ngày làm việc ngoài giờ thêm 1/4 giờ và sẽ được nhận tiền công về số thời gian làm thêm đó! Nhưng của đáng tội, khi tất cả các xưởng khác bắt đầu thấp đèn thì họ sẽ phải làm thêm nửa giờ! Công nhân đã suy nghĩ về đề xuất này và tính được rằng, bằng cách đó các ngài Pô-linh và Hen-phri trong thời gian những ngày rút ngắn sẽ thu lợi mỗi ngày được cả một giờ, nhưng mỗi công nhân thì tính chung sẽ phải làm thêm 92 giờ, nghĩa là làm thêm 9/4 ngày mà không nhận được một xu tiền công nào, và các ngài chủ kinh doanh trong những tháng mùa đông sẽ tiết kiệm được 400 p.xt. (2100 ta-le) ăn vào tiền công của tất cả số công nhân làm việc ở hãng này. Vậy là những công nhân đã tiến hành cuộc họp đã ấn định và giải thích cho các bạn đồng nghiệp rằng nếu một hãng nào đó thực hiện được kế hoạch này, thì các hãng khác sẽ theo gương hãng này, hậu quả sẽ là tiền công bị gián tiếp giảm một cách phổ biến khiến cho số thợ mộc trong quận của họ sẽ bị thiệt khoảng 4000 p.xt, hàng năm. Do vậy họ đã quyết định là vào thứ hai tuần tới, tất cả những thợ mộc làm việc ở hãng của các ngài Pô-linh và Hen-phri sẽ ra tuyên bố về ý định ngừng làm việc sau ba tháng, và nếu các ông chủ cứ ngoan cố thì họ sẽ ngừng việc sau khi hết thời hạn ấy. Đối lại nghiệp đoàn đã hứa rằng trong trường hợp mất việc có thể xảy ra thì sẽ ủng hộ họ bằng một cuộc tổng quyên góp tiền.

Vào thứ hai, ngày 14 tháng Mười, công nhân đã kéo đến để đưa bản tuyên bố của mình, đáp lại người ta trả lời là họ có thể nghỉ việc ngay từ bây giờ, dĩ nhiên công nhân đã làm như vậy. Cũng vào tối hôm ấy có cuộc họp thứ hai của tất cả các công nhân xây dựng, tại cuộc họp này công nhân làm việc trong các ngành xây dựng khác nhau đã hứa ủng hộ những

người thất nghiệp. Đến thứ tư và thứ năm tất cả các thợ mộc ở vùng phụ cận làm việc tại hãng của Pô-linh và Hen-phri cũng ngừng việc, như thế *cuộc bãi công* đã triển khai hoàn toàn.

Bất ngờ gặp phải khó khăn, các chủ thầu xây dựng đã lập tức phái người của mình đi khắp nơi, thậm chí sang xứ Xcốt-len để tuyển mộ công nhân, bởi vì trong khắp vùng không thể tìm ra một người nào đồng ý đến làm việc ở chỗ họ. Sau mấy ngày từ Xtáp-phoóc-sia đã có đúng mười ba người đến đó. Nhưng khi những người bãi công có dịp nói chuyện với số người này và giải thích vì những bất đồng gì và vì những nguyên nhân nào mà họ ngừng việc thì một số người mới tới đã từ chối tiếp tục làm việc. Phía chủ đã có biện pháp thực tế để chống lại việc làm ấy: phía công nhân xây dựng cùng với "người quyền rũ" họ đã bị gọi lên gặp quan toà hoà giải, là ngài *Đa-ni-en Mô-đơ*. Nhưng trước khi theo chân họ tới đó, trước hết chúng tôi phải giới thiệu một cách thích đáng những đức hạnh của ngài *Đa-ni-en Mô-đơ*.

Ngài *Đa-ni-en Mô-đơ* là "stipendiary magistrate", hay là quan toà hoà giải ăn lương ở Man-se-xtơ. Thông thường những quan toà hoà giải ở Anh là do nội các cử ra từ đám tư sản hoặc địa chủ giàu có, đôi khi trong số các cha cố. Nhưng vì các vị "Đô-gbê-ri"¹⁴⁸ ấy không hiểu tí gì về luật pháp, cho nên họ phạm phải những sai lầm hết sức nghiêm trọng, làm mất mặt giai cấp tư sản và gây tai hại cho nó: ngay cả đứng trước người công nhân, nếu anh ta được một luật sư khéo léo biện hộ thì những quan toà này nhiều khi đâm ra bối rối cả trong lúc ra án quyết, hoặc là họ xem thường những thủ tục luật pháp, điều đó dẫn đến kháng án thành công, hoặc là họ buộc phải đồng ý với việc tuyên bố trắng án. Ngoài ra, những chủ xưởng giàu có ở các thành phố lớn và các khu công nghiệp hoàn toàn không có thời gian để hàng ngày ngồi buồn tẻ tại toà án và họ thích để cho các viên trợ lý thay thế bản thân họ. Vì thế, tại các thành phố như vậy, theo yêu cầu của họ, phần nhiều người ta

bổ nhiệm các quan toà hoà giải ăn lương, những luật gia am hiểu, những người này biết cách lợi dụng, có lợi cho giai cấp tư sản, tất cả những thủ pháp tinh vi và những ngón bẻ hợe của luật pháp nước Anh và khi cần thì biết bổ sung và sửa đổi luật pháp. Khi làm việc này họ hành xử như thế nào, chúng ta sẽ thấy qua ví dụ dưới đây.

Ngài Đa-ni-en Mô-đơ là một trong số ba vị quan toà hoà giải có đầu óc tự do mà đa số họ đã được bổ nhiệm dưới thời nội các của đảng Vích. Trong tất cả các công trạng của ông ta tại toà án thành phố Man-se-xtơ và ở bên ngoài toà án ấy chúng tôi xin nêu lên hai công trạng. Năm 1842, khi các chủ xưởng đã thành công trong việc khiêu khích công nhân ở Nam Lan-ca-sia tiến hành cuộc khởi nghĩa vào đầu tháng Tám ở Xtê-li-brít-giơ và A-stơn, thì gần 10.000 công nhân, đứng đầu là thành viên phong trào Hiến chương *Ri-sóc Pi-linh*, đã từ đó kéo đến Man-tse-xtơ vào ngày 9 tháng Tám,

"để thương lượng với các chủ xưởng tại sở
giao dịch Man-se-xtơ, và để quan sát tình
hình thị trường tại địa phương"¹⁴⁹.

Khi họ tiến vào thành phố thì ngài Đa-ni-en Mô-đơ cùng toàn thể giới cảnh sát đáng kính, một đội kỵ binh và một đại đội xạ thủ đón tiếp họ. Nhưng đó chỉ là cho phải phép, bởi vì các chủ xưởng và phái tự do muốn cuộc khởi nghĩa lan rộng ra và dẫn đến việc bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc¹³⁵. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ, về điểm này, đã hoàn toàn đồng tình với các đồng nghiệp khả kính của mình; ông ta đã tiến hành thương lượng với công nhân và đã cho phép họ tiến vào thành phố với điều kiện là họ sẽ tôn trọng sự "yên tĩnh" và tiến theo một lộ trình nhất định. Ông ta hiểu rất rõ rằng những người khởi nghĩa sẽ không thực hiện điều kiện ấy, vả lại ông ta cũng không muốn như vậy: chỉ cần tỏ ra tích cực một chút, ông ta đã có thể dè bẹp trong trứng cuộc khởi nghĩa vừa được kích động, nhưng trong

trường hợp ấy ông ta sẽ hành động không phải vì lợi ích của bạn bè mình đang đòi bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc, mà có lợi cho ngài *Pin*; do vậy ông ta đã ra lệnh rút quân đội đi và để cho công nhân tiến vào thành phố, tại đó họ đã lập tức đình chỉ hoạt động tại tất cả các công xưởng. Nhưng khi cuộc khởi nghĩa mang tính chất quyết liệt *chống lại* giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và hoàn toàn xem thường "các đạo luật ngũ cốc độc ác", thì ngài Đa-ni-en Mô-đơ đã nhớ đến chức vụ quan toà của mình, bắt đầu bắt bớ hàng chục công nhân và thẳng tay tống họ vào tù vì tội "vi phạm sự yên tĩnh"; như vậy, thoát đầu ông ta khiêu khích gây ra việc vi phạm sự yên tĩnh, sau đó ông ta lại trừng trị về sự vi phạm đó.

Còn đây là một nét đặc trưng khác nữa trong đời công danh của Xô-lô-mông Man-se-xtơ ấy. Sau khi Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc nhiều lần bị thất bại công khai, nó bắt đầu tổ chức ở Man-se-xtơ những cuộc họp kín, muốn vào dự phải có thẻ vào cửa, song trước đông đảo công chúng những nghị quyết và đơn thỉnh nguyện của những cuộc họp kín ấy đã được nhận là những nghị quyết của các cuộc họp công khai, là sự thể hiện "công luận" của Man-se-xtơ. Để chấm dứt lối khoe khoang giả dối ấy của các chủ xưởng thuộc phái tự do, có ba hoặc bốn thành viên phong trào Hiến chương - trong số họ có người bạn tốt của tôi là *Giêm-xơ Li-sơ* - đã kiếm được thẻ vào cửa và đến dự một cuộc họp như thế. Khi ngài *Cốp-đen* đứng lên để phát biểu, Giêm-xơ Li-sơ đã nêu một câu hỏi với vị chủ tọa cuộc họp rằng cuộc họp này có mang tính chất công khai không. Thay vì trả lời, vị chủ tọa đã gọi cảnh sát và ra lệnh lập tức bắt giam Li-sơ! Thành viên thứ hai của phong trào Hiến chương cũng lặp lại câu hỏi đó, sau đó đến người thứ ba, thứ tư, tất cả số người này đều bị bọn "cua sống" (cảnh sát) đứng rất đông ở cửa tóm và đưa về toà thị chính. Sáng hôm sau những người này tới trước ngài Đa-ni-en Mô-đơ, là người đã biết rõ mọi chuyện. Họ bị quy tội phá rối trật tự tại cuộc họp,

khó lắm họ mới được nói vài lời, sau đó người ta buộc họ phải

nghe bài diễn thuyết long trọng của ngài Đa-ni-en Mô-đơ, ông ta tuyên bố rằng ông ta biết họ, rằng họ là những tên du đảng chính trị chỉ chuyên gây gổ tại tất cả các hội nghị, làm cho những người tử tế đáng kính không được yên và cần phải chấm dứt hành động ấy. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ thừa biết rằng ông ta không có quyền thật sự trừng trị họ, vì thế lần này ông ta đã xử họ phải nộp án phí.

Đấy, những người công nhân không chịu khuất phục của hãng *Pô-linh* và *Hen-phri* đã đứng trước mặt ngài *Đa-ni-en Mô-đơ* ấy, mà những phẩm hạnh tư sản của ông ta vừa được chúng tôi phác họa. Nhưng các công nhân ấy biết lo xa đã đưa theo một luật sư. Người đầu tiên đứng ra trước mặt quan toà là anh công nhân mới tới từ Xtáp-phoóc-sia, anh ta đã từ chối làm việc ở nơi mà những người khác đã ngừng việc nhằm mục đích tự vệ. Các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* có trong tay bản cam kết của các công nhân mới tới từ Xtáp-phoóc-sia¹⁾, và các ngài này đã trình lên vị quan toà hoà giải. Người bào chữa cho anh công nhân nhận thấy bản hợp đồng này được ký vào chủ nhật, do đó, nó không có hiệu lực. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ đã đàng hoàng đồng ý rằng "những bản hợp đồng giao dịch" được ký vào chủ nhật không có giá trị; nhưng ông ta không thể tin được rằng các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* đã coi tờ giấy ấy là bản "hợp đồng giao dịch"! Do vậy, ông ta đã giải thích cho anh công nhân

1) Bản hợp đồng này có nội dung như sau: người công nhân này đã cam kết làm việc cho các ông *Pô-linh* và *Hen-phri* sáu tháng và bằng lòng nhận số tiền công mà hai ông này sẽ quy định cho anh ta; nhưng các ông *Pô-linh* và *Hen-phri* không có trách nhiệm giữ công nhân này sáu tháng và vào bất kỳ lúc nào cũng có thể thải hồi anh ta sau khi báo trước một tuần. Quả thật, *Pô-linh* và *Hen-phri* đã thanh toán cho anh công nhân ấy các khoản chi phí đi đường từ Xtáp-phoóc-sia đến Man-se-xtơ với điều kiện là số chi phí ấy sẽ được hoàn bù bằng cách hàng tuần khấu trừ 2 si-linh (20 din-béc-grô-so) vào tiền công của anh công nhân ấy! Quý vị có thích bản hợp đồng tuyệt diệu này không?

khốn khổ ấy - mà không hỏi anh ta xem anh ta "có coi" văn bản ấy là "hợp đồng giao dịch" hay không - rằng anh ta hoặc sẽ phải tiếp tục làm việc, hoặc sẽ phải nhảy múa ba tháng trên cái cối xay đập chân. - Ôi, ông Xô-lô-mông Man-se-xtơ! - Sau khi kết thúc việc này, các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* chuyển sang bị can khác. Tên anh ta là *Xan-môn*; đó là một trong số những công nhân cũ của hãng đã ngừng việc. Anh ta bị buộc tội là đã dọa nạt những công nhân mới, xúi giục họ cũng bỏ việc. Nhân chứng - đó là một trong số những người mới tới - đã tuyên bố rằng *Xan-môn* đã chộp lấy tay anh ta và nói chuyện với anh ta. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ đưa ra câu hỏi là bị can có dùng thủ đoạn đe dọa hay không, có dùng bạo lực hay không? Nhân chứng trả lời là không. - Ngài Đa-ni-en Mô-đơ vui mừng có dịp phô diễn tính vô thiên vị của mình - sau khi ông ta đã hoàn thành bổn phận của mình đối với giai cấp tư sản - đã tuyên bố rằng không thể quy tội bất cứ điều gì cho phía bị buộc tội. Theo ông ta thì anh công nhân này hoàn toàn có quyền đi lại ngoài phố và trò chuyện với những người khác chừng nào không bị bắt quả tang có những sự đe dọa bằng lời nói hoặc hành động, - do vậy anh ta được xem là vô tội. Nhưng các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* ít ra cũng đã thoả mãn với việc bù cho số án phí mà hai ông này đã trả, *Xan-môn* đã bị giam một đêm - mà điều đó thì đã có một ý nghĩa nào đó rồi. Tuy nhiên, niềm vui của *Xan-môn* kéo dài không lâu. Được thả vào thứ năm, ngày 31 tháng Mười thì đến thứ ba, ngày 5 tháng Mười một anh ta lại phải đứng trước mặt ngài Đa-ni-en Mô-đơ do bị quy tội đã tấn công các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* trên đường phố. Chính vào hôm thứ năm ấy, khi *Xan-môn* được trắng án, thì có một tốp người Xcốt-len đến Man-se-xtơ, họ bị dụ dỗ bằng những cố giả tạo, tựa hồ như vụ xích mích đã kết thúc, các ngài *Pô-linh* và *Hen-phri* không thể kiếm được ở địa phương mình đủ số công nhân để thực hiện những vụ thầu lớn hơn v.v.. Đến thứ sáu lại có thêm mấy thợ mộc Xcốt-len nhập vào số những người mới tới, những thợ mộc này đã làm việc từ

lâu ở Man-se-xơ và có ý định giải thích cho các đồng hương của mình rõ nguyên nhân dẫn đến bãi công. Một đám rất đông đồng nghiệp của họ - khoảng 400 người - đã tụ họp bên cạnh quán trọ của những người Xcốt-len. Nhưng những người Xcốt-len này đã bị khoá chặt và ở cửa ra vào có bố trí một thợ cưa để canh chừng. Sau một thời gian, các ngài Pô-ling và Hen-phri xuất hiện vì muốn đích thân đưa những công nhân mới tuyển của mình đến các xưởng. Khi tất cả ra phố thì những công nhân tụ tập ở đó bắt đầu khuyên những người Xcốt-len đừng đồng ý làm việc để tránh vi phạm các quy tắc nghề nghiệp áp dụng ở Man-se-xơ và đừng làm nhục các đồng hương của mình qua hành vi ấy. Có hai người Xcốt-len đã thật sự đi tụt lại đôi chút, thế là đích thân ngài Pô-ling đã chạy đến chỗ họ để kéo họ lên. Đám đông xử sự bình tĩnh, chỉ cản trở bước tiến nhanh của đoàn người mà thôi và kêu gọi những người Xcốt-len đừng can thiệp vào công việc của người khác, hãy trở về nhà v.v.. Cuối cùng điều đó đã khiến cho ngài Hen-phri điên tiết lên; ông ta phát hiện thấy trong đám đông có một số công nhân cũ của mình và trong đó có Xan-môn; để chấm dứt việc làm này ông ta chộp lấy tay anh ta, còn ngài Pô-ling thì chộp lấy cánh tay kia, rồi cả hai ông này lớn tiếng gọi cảnh sát. Một viên cảnh sát tới và hỏi xem hai ông này quy tội gì cho người này? Câu hỏi đó khiến hai gã cùng hội cùng thuyền này rơi vào một tình thế khá khó khăn; nhưng họ nói: "chúng tôi biết người này". Ôi, viên cảnh sát trả lời; như vậy là đủ rồi, còn tạm thời có thể thả anh ta ra. Các ngài Pô-ling và Hen-phri buộc phải luận tội Xan-môn về hành vi nào đó, họ đã vắt óc nghĩ mấy ngày về việc này, để rồi sau cùng, theo lời khuyên của vị luật sư của mình, đã thôi không đưa ra lời buộc tội kể trên. Khi tất cả các nhân chứng đưa ra lời khai chống lại Xan-môn đã được thẩm vấn xong, thì đột nhiên U.P. Rô-bóc đã đứng lên biện hộ cho bị can - Rô-bóc là "tổng đại diện của công nhân mỏ than", - nỗi kinh hoàng của tất cả các quan tòa hoà giải, ông ta hỏi liệu ông ấy có thể đưa ra những nhân chứng của

mình được không, bởi vì chưa thấy đưa ra lời buộc tội nào chống lại Xan-môn? Ngài Đa-ni-en Mô-đơ đã cho phép ông này thẩm vấn các nhân chứng, họ khai rằng Xan-môn đã xử sự bình tĩnh trước khi ông Hen-phri chộp lấy tay anh ta. Khi đã kết thúc tất cả những lời phát biểu pro và contra^{1*}, Đa-ni-en Mô-đơ tuyên bố rằng đến thứ bảy ông ta sẽ công bố án quyết. Hiển nhiên, sự có mặt của viên tổng đại diện Rô-bóc đã buộc ông ta phải suy nghĩ hai lần trước khi phát biểu.

Ngoài lời buộc tội trước, vào thứ bảy Pô-ling và Hen-phri đã đưa ra thêm một lời buộc tội *hình sự* nữa, chống ba công nhân cũ, Xan-môn, Xcốt và Mê-lo, buộc tội họ đã âm mưu và đe dọa. Bằng cách đó họ có ý định giáng đòn chí tử chống lại nghiệp đoàn để bảo đảm an toàn cho bản thân mình khỏi bàn tay của Rô-bóc khủng khiếp, họ đã mời một luật gia nổi tiếng từ Luân Đôn tới, đó là ngài Môn-cơ. Ngài Môn-cơ đưa ra một nhân chứng là người Xcốt-len mới thuê, đó là Ghíp-xơn, người mà vào thứ ba tuần trước đã đứng ra làm nhân chứng chống lại Xan-môn. Ghíp-xơn tuyên bố rằng vào thứ sáu, ngày 1 tháng Mười một, khi anh ta cùng các đồng chí của mình từ quán trọ đi ra thì họ bị một đám người bao vây, bị kéo đi và đẩy về các phía, và ba bị can này đã có mặt trong đám đông ấy. Bây giờ đến lượt Rô-bóc thẩm vấn nhân chứng ấy; ông này đã tổ chức cuộc đối chất giữa Ghíp-xơn với những công nhân khác và đưa ra câu hỏi là anh ta, tức Ghíp-xơn, tối hôm qua có nói với người công nhân này rằng vào thứ ba tuần trước, khi đưa ra lời khai, anh ta *chưa biết rằng người ta đã thẩm vấn anh ta với lời tuyên thệ* và rằng nói chung anh ta không biết mình phải xử sự như thế nào tại tòa án và phải nói những gì hay không. Ghíp-xơn trả lời rằng anh ta không biết người công nhân này, tối hôm qua có hai người nữa đã có mặt bên cạnh anh ta, nhưng vì trời tối nên anh ta không thể nói người

1* - ủng hộ và chống

này có phải là một trong số ba người ấy hay không; có thể là *anh ta đã nói điều gì đó tương tự như vậy*, bởi vì hình thức tuyên thệ ở Xcốt-len khác ở nước Anh, tuy rằng anh ta không nhớ chính xác thể thức đó. Ngài Môn-cơ liền đứng dậy và tuyên bố rằng ông Rô-bóc không có quyền đưa ra những câu hỏi như thế; đáp lại ngài Rô-bóc phản bác lại rằng lời trách cứ ấy là hoàn toàn đúng chỗ khi cần biện hộ cho một vụ án xấu xa, nhưng ông ấy có quyền đưa ra mọi câu hỏi không những về nơi sinh của nhân chứng, mà cả câu hỏi về nơi nhân chứng có mặt hàng ngày kể từ bấy giờ và nhân chứng ăn gì mỗi ngày. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ xác nhận rằng ngài Rô-bóc có quyền ấy, nhưng lại đưa ra cho ông này một lời khuyên như kiểu cha chú là hãy tiếp cận sự việc càng gần càng tốt. Sau khi ngài Rô-bóc, dựa vào các lời khai của chính nhân chứng, xác định rằng mãi vào ngày hôm sau, sau khi xảy ra sự kiện đang bị truy xét, nghĩa là ngày 2 tháng Mười một, người ấy mới thật sự bắt đầu làm việc ở hãng Pô-lich và Hen-phri, ông ấy đã để người kia ra về. Đến lúc này đích thân ông Hen-phri đứng ra làm nhân chứng và kể về vụ việc đúng những điều mà Ghíp-xơn đã nói. Đáp lại, ngài Rô-bóc đã hỏi ông ta: phải chăng ngài đang muốn có được một ưu thế không chính đáng trước những đối thủ cạnh tranh của ngài? Ngài Môn-cơ lại phản đối những câu hỏi như vậy. Rô-bóc nói: thôi được, tôi sẽ diễn đạt những câu hỏi chính xác hơn. Thưa ngài Hen-phri, ngài có biết rõ ràng, số giờ làm việc của thợ mộc ở Man-se-xtơ được điều tiết bằng những quy tắc nhất định hay không?

Ngài Hen-phri: Tôi không cần biết đến những quy tắc ấy, tôi có quyền quy định những quy tắc của chính mình.

Ngài Rô-bóc: Hoàn toàn đúng. Nhưng thưa ngài Hen-phri, xin ngài hãy tuyên thệ khẳng định xem liệu ngài có đòi công nhân của mình phải làm việc nhiều thời gian hơn những hãng thầu xây dựng khác và các chủ xưởng mộc khác không?

Ngài Hen-phri: Có.

Ngài Rô-bóc: Khoảng bao nhiêu giờ?

Ngài Hen-phri không biết chính xác điều đó, nhưng đã rút sổ ghi chép ra để làm con tính cần thiết.

Ngài Đa-ni-en Mô-đơ: Ngài khỏi cần phải làm những con tính dài dòng, xin ngài hãy nói phổng chừng cho chúng tôi biết là bao nhiêu giờ?

Ngài Hen-phri: Ấng chừng buổi sáng một giờ và buổi chiều một giờ trong suốt sáu tuần lễ đến thời điểm người ta thường thấp sáng, và cũng từng ấy giờ trong suốt sáu tuần lễ sau ngày mà người ta thường ngừng thấp sáng.

Ngài Đa-ni-en Mô-đơ: Như vậy, con số đó là 72 giờ trước khi người ta bắt đầu thấp sáng, và 72 giờ sau đó, nghĩa là 144 giờ mà mỗi công nhân phải làm thêm trong suốt 12 tuần lễ?

Ngài Hen-phri: Đúng.

Tuyên bố này khiến công chúng rất bất bình. Ngài Môn-cơ tức tối nhìn ngài Hen-phri, còn ngài Hen-phri thì ngáp ngừng nhìn vào vị luật sư của mình; ngài Pô-lich bèn giật áo ông Hen-phri, nhưng đã muộn. Sau khi thấy rằng cả lần này mình cũng phải diễn vai vị quan toà không thiên vị, ngài Đa-ni-en Mô-đơ đã lưu ý lời thú nhận này và công bố nó.

Sau khi thẩm vấn thêm hai nhân chứng thứ yếu nữa, ngài Môn-cơ tuyên bố rằng tài liệu của ông ta chống lại các bị can chỉ có thể.

Khi ấy ngài Đa-ni-en Mô-đơ nói rằng phía luận tội đã không đưa ra được căn cứ kết tội các bị cáo phạm tội hình sự, vì họ đã không chứng minh được rằng tốp người Xcốt-len bị đe dọa đã được nhận vào làm việc cho Pô-lich và Hen-phri trước ngày 1 tháng Mười một, bởi vì đã không xuất trình được bản hợp đồng thuê mướn, cũng không đưa ra được sự xác nhận nào

khác cho thấy những người này đã bắt đầu làm việc trước ngày 2 tháng Mười một, trong khi ấy đơn khiếu kiện đã được nộp vào ngày 1 tháng Mười một; như vậy vào ngày hôm ấy tốp người Xcốt-len chưa làm việc ở hãng Pô-linh và Hen-phri, và các bị can có quyền ngăn chặn họ bằng mọi phương sách hợp pháp, không cho họ đến làm việc cho Pô-linh và Hen-phri. - Về điều này ngài Môn-cơ trả lời rằng những người khiếu kiện được thuê vào thời điểm họ rời Xcốt-len và bước xuống tàu. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ nêu rõ rằng nhìn chung người ta khẳng định tuồng như hợp đồng thuê mướn như vậy đã được ký, nhưng văn bản này đã không được xuất trình. Ngài Môn-cơ trả lời rằng văn bản này lưu giữ ở Xcốt-len, và ông ta đề nghị ngài Môn-đơ dừng vụ án cho đến khi văn bản hợp đồng ấy được đưa tới đây. Đến đây Rô-bóc xen vào, ông nhận xét rằng đó là điều mới mẻ đối với ông. Người ta đã tuyên bố các tài liệu luận tội đã được tận dụng hết, thế nhưng phía khiếu kiện đòi hoãn xử đến khi đưa ra cho họ được những văn bản mới. Rô-bóc đòi tiếp tục xử. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ tuyên bố cả hai đòi hỏi ấy đều không cần thiết, vì không có sự luận tội có cơ sở, - sau đó các bị cáo được trả tự do.

Trong khi ấy công nhân cũng không ngồi yên. Mỗi tuần họ đều tổ chức hội họp tại trụ sở của nghiệp đoàn thợ mộc hoặc tại hội trường của những người xã hội chủ nghĩa, đề nghị nhiều nghiệp đoàn ủng hộ, đó là những nghiệp đoàn đã hưởng ứng hào hiệp trước những lời kêu gọi ấy; ở khắp nơi họ tiếp tục loan tin về các hành động của Pô-linh và Hen-phri và, sau hết, họ đã cử đi khắp nơi các đại biểu của mình để giải thích - ở tất cả những nơi Pô-linh và Hen-phri tuyển mộ công nhân - cho các đồng nghiệp của mình hiểu rõ nguyên nhân của việc tuyển mộ ấy, và qua đó mà ngăn chặn họ đến làm việc cho hãng này. Chỉ vài tuần lễ sau khi cuộc bãi công nổ ra đã có bảy đại biểu được cử đi các nơi; những bản bố cáo dán ở các góc phố của tất cả các thành phố lớn của đất nước đã cảnh

báo các thợ mộc thất nghiệp về Pô-linh và Hen-phri. Ngày 9 tháng Mười một có một số đại biểu trở về đã báo cáo về sứ mạng của mình. Một đại biểu trong số đó, tên là Giôn-xơn từng có mặt ở Xcốt-len, đã kể lại rằng tay chân của Pô-linh và Hen-phri đã thuê ba chục công nhân tại Ê-đin-buốc; nhưng ngay khi những công nhân ấy được Giôn-xơn thông báo về tình hình thực tế thì họ đã tuyên bố rằng họ thà chết đói chứ không chịu đến Man-se-xtơ trong hoàn cảnh như thế. Một đại biểu khác đã có mặt ở Li-vóc-pun và quan sát các chuyến tàu cập bến; nhưng đã không có một người nào đến cả, và đại biểu này không có gì để làm. Đại biểu thứ ba đi khắp Sê-sia, nhưng dù đến đâu thì người này cũng không có việc gì để làm, bởi vì tờ "Northern Star", một tờ báo của công nhân, đã loan báo khắp nơi về tình hình thực tế và đã làm cho mọi người hoàn toàn không còn muốn đến Man-se-xtơ nữa; tại một thành phố - Mác-cơ-phin - các thợ mộc đã tiến hành quyên góp tiền để ủng hộ những người bãi công và đã hứa rằng nếu cần thiết thì mỗi người góp thêm 1 si-ling cho họ. Ở những địa điểm khác, đại biểu này đã thúc giục các đồng nghiệp tiến hành những cuộc quyên góp như vậy.

Để một lần nữa tạo điều kiện cho các ngài Pô-linh và Hen-phri có thể thoả thuận với công nhân, vào thứ hai, ngày 18 tháng Mười một, tại trụ sở nghiệp đoàn thợ mộc đã có cuộc hội họp của công nhân tất cả mọi nghề đang làm việc trong ngành xây dựng, họ đã bầu một đoàn đại biểu để chuyển cho các ngài ấy các bản đề nghị và tổ chức thành một đoàn người diễu hành mang cờ và tiêu hiệu đến trụ sở hãng Pô-linh và Hen-phri. Đi trước là đoàn đại biểu, sau đó là uỷ ban tổ chức cuộc bãi công, tiếp đó là các thợ mộc, thợ làm khuôn và thợ nung gạch, những người làm công nhật, thợ nề, thợ cửa, thợ lắp kính, thợ trát tường, thợ quét vôi, một nhóm nhạc công, thợ đẽo đá, thợ làm đồ gỗ. Họ kéo qua trước mặt khách sạn, nơi dừng chân của

viên tổng đại diện của họ là Rô-bóc, vừa đi vừa hô vang "hoan hô" để chào ông. Khi đến gần trụ sở của hãng, đoàn đại biểu đã tách ra khỏi hàng ngũ, còn khối đông vẫn đi tiếp, để tiến hành cuộc hội họp công khai tại vườn hoa Xti-ven-xơn. Đoàn đại biểu đã bị cảnh sát chặn lại; và trước khi để các đại biểu đi, cảnh sát đã đòi cho biết tên và địa chỉ của họ. Khi họ đã vào văn phòng thì các thành viên của hãng là các ngài Sáp-xơ và Pô-lich tuyên bố với họ rằng họ sẽ không tiếp nhận thư kiến nghị nào của cái đám đông tụ họp lại chỉ nhằm dọa nạt. Đoàn đại biểu đã bác bỏ ý định ấy, viện dẫn việc đoàn diễu hành thậm chí đã không dừng lại và đã tức thì đi tiếp. Trong khi đoàn diễu hành đông 5000 người tiếp tục đi thì cuối cùng người ta đã để đoàn đại biểu vào căn phòng có mặt viên cảnh sát trưởng, một viên sĩ quan và ba phóng viên báo chí. Ngài Sáp-xơ, thành viên của hãng Pô-lich và Hen-phri, đã chủ động ngồi vào ghế chủ tịch, đưa ra nhận xét rằng đoàn đại biểu cần thận trọng trong lời nói, bởi vì tất cả những lời phát biểu sẽ được ghi lại cẩn thận trong biên bản và khi có dịp những câu nói ấy có thể được sử dụng tại toà án để chống lại họ. - Sau đó người ta bắt đầu hỏi các đại biểu phản nản điều gì, v.v.; Người ta cho biết công nhân sẽ được làm việc theo các quy tắc chung của Man-se-xơ. Đoàn đại biểu hỏi lại xem những công nhân được tuyển mộ ở Xtáp-phoóc-sia và ở Xcốt-len có làm việc theo các quy tắc nghề nghiệp thông dụng ở Man-se-xơ hay không? - Câu trả lời là: không, chúng tôi có thoả thuận đặc biệt với những người ấy. - Như vậy, công nhân của các ngài sẽ có việc làm và hơn nữa theo những điều kiện thông thường? - Ôi, chúng tôi không thương lượng với đoàn đại biểu; nhưng cứ để người ta đến tìm hiểu chúng tôi có ý định cung cấp việc làm cho họ theo những điều kiện nào. - Ngài Sáp-xơ nói thêm rằng tất cả những hãng có ghi tên ông ta đã luôn luôn đối xử tốt với công nhân và trả tiền công cao nhất. Đoàn đại biểu đã trả lời rằng nếu ông ta là người tham gia hãng của Pô-lich và Hen-phri

và đồng sự, như họ được nghe nói, thì cái hãng này đã chống đối mạnh mẽ việc thoả mãn những lợi ích bức xúc nhất của công nhân. - Người ta đã hỏi một thành viên trong đoàn đại biểu - thợ nung gạch - xem các đồng nghiệp của anh ta phản nản điều gì. - Ôi, trong lúc này thì không phản nản điều gì, nhưng trước kia chúng tôi đã có đủ lý do¹⁾ để phản nản. - Ôi chao, các anh đã từng có đủ lý do để phản nản? - ngài Pô-lich trả lời với giọng giễu cợt và tranh thủ dịp này để đọc một bài giảng dài dòng về các nghiệp đoàn, về các cuộc bãi công, v.v. và về sự bần cùng mà chúng đưa công nhân đến. - Đáp lại, một thành viên trong đoàn đại biểu nhận xét rằng công nhân tuyệt nhiên không có ý định để cho người ta tước mất của họ lần lượt tất cả các quyền lợi của họ, ví dụ như đã buộc họ phải làm không công mỗi năm 144 giờ, như hiện nay người ta đòi hỏi họ làm. - Ngài Sáp-xơ nhận xét rằng cũng cần tính toán khoản thiệt hại do những người tham gia đoàn diễu hành chịu do việc họ đã không làm việc trọn một ngày, những chi phí cho cuộc bãi công, khoản tiền công mà những người bãi công bị mất đi v.v.. - Đáp lại, một thành viên trong đoàn đại biểu đã trả lời: điều đó chỉ liên quan đến chúng tôi, chúng tôi không có ý định cầu xin các ông lấy trong túi mình để trả cho chúng tôi một xu nào. Đến đây đoàn đại biểu rút đi, báo cáo mọi chuyện với anh em công nhân tụ họp tại trụ sở của nghiệp đoàn thợ mộc, đồng thời đã thấy rõ là không phải chỉ có tất cả những công nhân đã từng làm việc cho hãng Pô-lich và Hen-phri trong khu vực này đã đến tham gia đoàn diễu hành (họ không phải là thợ mộc và vì vậy đã không đình công), mà cũng vào buổi sáng ngày hôm đó nhiều công nhân Xcốt-len mới được chở đến cũng đã bãi công. Có một thợ quét vôi cũng tuyên bố rằng Pô-lich và Hen-phri cũng đưa ra cho họ những đòi hỏi

1) Xem ở phần trên - nói về cuộc ẩu đả đẫm máu tại nhà máy gạch của Pô-lich và Hen-phri.

bất công như những đòi hỏi đưa ra cho các thợ mộc, và những công nhân này cũng có ý định kháng cự. Đã quyết định rằng để đẩy nhanh công việc và để rút ngắn thời gian đấu tranh tất cả công nhân xây dựng của hãng Pô-linh và Hen-phri phải tuyên bố bãi công. Quyết định ấy đã được thực hiện. Vào thứ bảy sát đó các thợ quét vôi đã ngừng làm việc, vào thứ hai thì các thợ lắp kính ở công trường xây dựng nhà hát mới đã đình công, để xây dựng nhà hát này Pô-linh và Hen-phri đã ký một bản hợp đồng, sau mấy ngày, thay vì 200 người, vắn vắn chỉ có hai thợ nề và bốn thợ công nhật làm việc. Nhiều công nhân mới được chở đến cũng đình công.

Pô-linh, Hen-phri và bè lũ đã phát điên lên. Khi có thêm ba công nhân mới lại đình công thì vào thứ sáu, ngày 22 tháng Mười một, người ta đã lôi họ đến chỗ ngài Đa-ni-en Mô-đơ. Những thất bại trước kia đã không dạy họ được điều gì cả. Người đầu tiên đứng trước quan tòa là anh *Rit* nào đó, bị buộc tội là đã vi phạm hợp đồng; đồng thời người ta cũng xuất trình bản hợp đồng do bị can ký tại Đốc-bi. Rô-bóc lại ngồi vào ghế của mình, lập tức ông nhận xét rằng giữa bản hợp đồng và việc buộc tội không có mối liên hệ nào cả, rằng đây là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ hiểu ngay điều đó, vì điều này do ông Rô-bóc đáng sợ nói ra, nhưng ngài ấy đã phải mất không ít công sức để giải thích điều này với người bào chữa của phía đối địch. Cuối cùng, viên biện hộ đã xin phép được thay đổi lời luận tội và sau một thời gian đã mang đến một bản luận tội mới còn tồi tệ hơn bản luận tội ban đầu. Thấy rằng bản luận tội này cũng sẽ không ổn, ông ta đã đề nghị hoãn lại lần nữa, và ngài Đa-ni-en Mô-đơ đã cho ông ta thời hạn suy nghĩ, đến thứ sáu ngày 29 tháng Mười một^{1*}, nghĩa là cả một tuần lễ. Lần này ông ta có đạt được điều mình mong muốn hay không,

1* Rõ ràng là trong tạp chí đã in sai thành: ngày 30 tháng Mười một.

tôi không thể nói được, bởi vì tôi không có chính số báo trong đó ắt đã đăng quyết định. Trong khi ấy Rô-bóc chuyển sang tấn công, và đến lượt mình ông đã truy tố một số công nhân mới được tuyển mộ và một người trong số các đốc công của Pô-linh và Hen-phri về việc những người này đã xông vào nhà của một người bãi công và sỉ nhục vợ người công nhân này; trong hai trường hợp khác một số công nhân bãi công đã bị tấn công. Ngài Đa-ni-en Mô-đơ đã lấy làm tiếc buộc phải kết án tất cả những người bị buộc tội, nhưng ông ta đã cố hết sức xử sự càng nhẹ nhàng càng tốt với họ, chỉ đòi họ đóng khoản tiền ký quỹ bảo đảm sẽ xử sự tốt trong tương lai.

Sau cùng, vào những ngày cuối tháng Chạp, các ngài Pô-linh, Hen-phri và đồng sự đã đạt được việc kết án hai đối thủ của mình, cũng về việc gây cho một công nhân của họ những thương tích trên thân thể. Nhưng lần này tòa án không nhẹ tay lắm; tòa án đã lập tức kết án những người công nhân một tháng tù giam và nộp tiền bảo đảm xử sự tốt sau khi mãn hạn tù.

Từ thời điểm ấy, những thông báo về cuộc bãi công trở nên thưa thớt. Ngày 18 tháng Giêng cuộc bãi công ấy còn hoàn toàn mạnh mẽ. Tôi đã không thấy có những tin tức gì sau đó¹⁵⁰. Chắc là cuộc bãi công ấy đã kết thúc, cũng giống như đa số những cuộc bãi công khác; thời gian trôi đi và Pô-linh, Hen-phri và đồng sự tuyển mộ cho mình đủ số công nhân từ những vùng xa xôi và một số công nhân lẻ tẻ bỏ hàng ngũ những người bãi công; đa số những người bãi công đã tìm được việc làm ở đâu đó tại nơi khác sau khi lâm vào cảnh thất nghiệp một thời gian dài hay ngắn và cảnh túng thiếu do thất nghiệp trong đó họ có niềm an ủi là họ đã nhận thức được rằng họ đã không để mất phẩm giá và đã duy trì được mức tiền công của các đồng chí của mình. Về những điểm còn tranh cãi thì Pô-linh, Hen-phri và đồng sự đã phải nhận ra rằng họ sẽ không

thực hiện được đầy đủ những điểm đó, bởi vì cả đối với họ nữa, cuộc bãi công ấy cũng gây ra những khoản thua lỗ lớn, còn những chủ doanh nghiệp khác thì sau cuộc đấu tranh gay go ấy chưa chắc sẽ nhanh chóng toan tính thay đổi những quy tắc cũ của nghề mộc.

Bruy-xen

Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa cuối năm 1845. Đã đăng trong tạp chí "Das Westphälis - che Dampfboot", số ra tháng Giêng và tháng Hai 1846. Ký tên: Ph.Ăng-ghen

In theo bản in trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

CHUYẾN VIẾNG THĂM CỦA NỮ HOÀNG VÍCH-TO-RI-A. - NHỮNG VỤ HIỀM KHÍCH GIỮA "CÁC GIA ĐÌNH HOÀNG TỘC". - VỤ XÍCH MÍCH GIỮA BÀ VÍCH VỚI GIAI CẤP TƯ SẢN ĐỨC - BẢN ÁN ĐỐI VỚI CÁC THỢ MỘC PA-RI¹⁵¹

Vị nữ hoàng nhỏ bé của các ngài đã gây ra không ít điều khó chịu trong cuộc viếng thăm nước Phổ. Bà ta đã xử sự với nhà vua^{1*} thất kính đến mức ông ta đã vui mừng thoát khỏi bà, và ông ta đã công khai cho thấy điều đó sau khi bà đi khỏi. Giai cấp tư sản cũng phẫn nộ trước sự đối xử trịch thượng của bà với các nữ đại diện của "haute bourgeoisie"^{2*} ở Khuên. Cô con gái của vị thị trưởng Khuên dưng "bệ hạ" tách trà, nhưng bà Vích^{3*} không nhận tách trà, bởi vì chạm vào tách trà ấy là bàn tay không phải của một phụ nữ "quyên quý" (!). Bà ta chỉ cầm lấy chiếc thìa, dùng nó uống từng ngụm trà, khi làm như vậy bà ta quay người về phía khác, rõ ràng cố ý tỏ thái độ khinh thường đối với cô gái. Toàn thân cô gái run lên, không biết nên đứng lại hay bỏ đi. Đáng đời cô bé; tuy hết sức lạnh lợi, những tên tư sản vênh váo với sự giàu có của mình ấy,

1* - Phri-đrich Vin-hem IV

2* - "giới tư sản thượng lưu"

3* - nữ hoàng Vích-to-ri-a.

với đầu óc tôn sùng các ông vua và bà hoàng, xét cho cùng chỉ là *những kẻ ngu dân* và vì thế chúng xứng đáng được đối xử như vậy. Vị nữ hoàng của các ngài đã tỏ thái độ khinh thường một cách lộ liễu đến mức bà ta đã buộc họ - dù cho họ có ít lòng tự hào đến mấy đi nữa - phải có sự đối phó phần nào đối với bà ta. Bà ta đã góp 3 500 đô-la (500 pao xtéc-linh) vào quỹ xây dựng nhà thờ Khuên, còn các nhà tư sản bị xúc phạm ở Khuên thì hội họp để bàn cách hoàn trả số tiền ấy cho bà ta! Cuộc họp đã bị cảnh sát và quân đội giải tán. Tuy nhiên, tôi có nghe nói họ vẫn giữ ý định thu thập số tiền ấy qua hình thức đăng ký góp và chuyển số tiền ấy sang nước Anh hoặc Ai-rơ-len để giúp đỡ những dân nghèo đang bị đói của các vị. Tôi hy vọng việc đó sẽ được thực hiện. Người ta đã tống tiền Giôn Bun khá nhiều để ủng hộ bọn hút máu - bọn vua chúa Đức, và sẽ chỉ chính đáng nếu giai cấp tư sản Đức hoàn lại, dù là đôi chút cho anh Giôn nghèo khổ đã bị ăn cướp một cách vô liêm sỉ. Như tôi được biết, thái độ bất kính ra mặt mà vị nữ hoàng của các ngài biểu lộ với ông vua hết sức quý báu của chúng tôi và triều đình của ông ta bắt nguồn từ sự kiện vị nữ hoàng thọt chân của nước Phổ^{1*} đã không chịu vịn tay vào hoàng tử An-be, và thích đại công tước Phri-đrich của nước Áo hơn vì ông ta thuộc dòng dõi quý tộc hơn. Thật rất thú vị khi theo dõi những sự hiềm khích giữa những nhân vật trị vì ấy và những cuộc xích mích giữa giai cấp tư sản với những nhân vật này; thông thường thì không một ai trong số họ nhận thấy phong trào đang chín muồi ở khắp nơi và ở sâu bên trong, trong các tầng lớp bên dưới, và sẽ không nhận thấy mối nguy cho mãi đến khi đã trở nên quá muộn.

Báo "Star"^{2*} vẫn chưa công bố bản án của toà án Pa-ri dành cho những thợ mộc bãi công bị quy tội lập hội bất hợp pháp¹⁵². Vành-xăng, người cầm đầu, đã bị kết án ba năm tù, hai người

khác bị kết án một năm tù và một số người nữa thì hình như lĩnh án sáu tháng (tù giam). Tuy vậy, những người thợ mộc vẫn chưa bắt tay vào việc, ít ra là những thợ mà chủ của họ không chịu nhượng bộ. Có hai phần ba số chủ kinh doanh đã đồng ý với các đòi hỏi của công nhân, nhưng do có bản án nêu trên nên thợ của (scieurs-à-long) và những thợ xây dựng khác cũng đình công. Sự việc này đã mang lại ích lợi to lớn.

<p><i>Do</i> <i>Ph.Ăng-ghen viết giữa ngày</i> <i>14 và ngày 18 tháng Chín</i> <i>1845</i> <i>Đã đăng trên báo "The</i> <i>Northern Star" số 410, ngày 20</i> <i>tháng Chín 1845 với lời ghi chú</i> <i>của ban biên tập: "Bài của</i> <i>phóng viên riêng của bản báo"</i></p>	<p><i>In theo bản đăng trên báo</i> <i>Nguyên văn là tiếng Anh</i> <i>In bằng tiếng Nga lần đầu</i></p>
---	---

1* - Ê-li-da-bét

2* - "Northern Star".

PH.ĂNG-GHEN

"NƯỚC ĐỨC TRẺ" Ở THỤY SĨ¹⁵³

ÂM MƯU CHỐNG GIÁO HỘI VÀ NHÀ NƯỚC!

Tờ "*Constitutionnel Neuchâtelois*" đăng một bài tường thuật dài, có lẽ là bài tường thuật chính thức, nói về "vụ âm mưu rộng lớn của những người vô thần đã lan rộng khắp nước Thụy Sĩ". Chúng tôi xin dẫn ra những đoạn trích dưới đây rút từ bài tường thuật đó:

Mới đây sau khi người ta phát giác một tổ chức cộng sản bí mật ở bang Nơ-sa-ten thì lại phát hiện một tổ chức khác nguy hiểm hơn, có mạng lưới của nó ở khắp Liên bang Thụy Sĩ và theo đuổi mục tiêu *dùng chủ nghĩa vô thần* để xoá bỏ những nguyên tắc cơ bản của đạo đức và cách mạng hoá nước Đức bằng mọi cách, *không loại trừ việc giết vua*. Các thành viên của tổ chức này, được biết dưới tên gọi "*Nước Đức trẻ*"¹⁵⁴ hay là "*Liên hiệp Lơ-măng*", hầu như toàn là công nhân Đức không trừ một ai, cũng như một số người lưu vong chính trị đã từ lâu. Trên cơ sở những tài liệu nhận được tại đại bản doanh của bọn âm mưu, ở Lô-dan, những kẻ cầm đầu một câu lạc bộ lớn ở Sô-đơ-Phông đã bị bắt và người ta đã lập ra một uỷ ban điều tra, uỷ ban này đã làm rõ được những sự việc dưới đây. Hội bí mật

này tồn tại từ năm 1838 và do các ông Stan-đau và Đuê-cơ - những người dạy tiếng Đức, V.Ma-rơ - tổng biên tập tờ báo của họ^{1*} và Hốp-man - chủ hiệu thuốc cầm đầu. Có liên hệ với hội này hình như còn có bác sĩ Phai-nơ và bác sĩ Rau-sen-plát - những người Đức lưu vong; ông Stan-đau bị bắt ở Luy-xéc-nơ về tội đã tham gia vào cuộc nội chiến vừa qua^{2*}; ông Đuê-cơ bị bắt ở Xto-ra-xbua.

Điều lệ của tổ chức này gồm những điểm sau đây: về thực chất và vì cần thiết tổ chức này là một hội kín, mục tiêu của nó là hoạt động tuyên truyền chính trị. Mỗi thành viên của hội phải ở lại trong hội đến tuổi 40, hiến dâng mọi sức lực cho việc thực hiện các mục tiêu của hội, không nề hà bất cứ sự hy sinh nào. Mỗi thành viên của tổ chức có bốn phận phải thủ tiêu tất cả các tài liệu văn bản có thể làm cho tổ chức hoặc các thành viên của nó bị lộ dấu vết. Một trung tâm giữ liên lạc với tất cả các thành viên của tổ chức trở về nước Đức đã được thành lập tại Thụy Sĩ, và trung tâm này chỉ đạo toàn bộ hoạt động. Sẽ không kết nạp vào tổ chức bất kỳ ai không thừa nhận mình là *người vô thần và người cách mạng*.

1* - "Blatter der Gegenwart für sociales Leben".

2* Xem tập này, tr.281-283.

Nhờ hoạt động hết sức tích cực của các thành viên của mình trong công nhân Đức - số người này ở Thụy Sĩ tạo thành khối dân cư vãng lai đông khoảng 25000 người - nên hội này đã tổ chức được những câu lạc bộ chi nhánh ở 26 thành phố sau đây của Thụy Sĩ: Ca-ru-giơ, Ny-ông, Rô-lơ, Ô-bon-nơ, Moóc-giơ, Lô-dan, Ê-giơ, Vi-vi, I-véc-dông, Mu-đông, Pai-e-nơ, Sô-đơ-Phông, Phlơ-ri-ê, Béc-nơ, Bi-lơ, Xanh-I-mê, Pô-răng-tơ-ruy, Bước-gơ-đoóc-phơ, Cu-rơ, Xu-gơ, Xuy-rích, Vin-téc-tua, Ba-lơ, Luy-xéc-nơ, Phri-bua và Giơ-ne-vơ; ngoài ra, có hai câu lạc bộ tồn tại ở Pháp - tại Xtơ-ra-xbua và Mác-xây. Cứ sáu tháng một lần các đại biểu của các câu lạc bộ họp tại một trong những địa điểm trên, câu lạc bộ của địa điểm ấy, trong sáu tháng tiếp theo, sẽ đảm nhận chức năng lãnh đạo các công việc chung. Hoạt động tích cực không tưởng tượng được và những phương pháp thật sự ma quỷ mà những người tuyên truyền ấy sử dụng để lôi kéo người Đức thì thật sự khủng khiếp. Một trong số những phần tử ấy từ Xuy-rích viết cho Trung tâm:

"Chúng tôi buộc phải hết sức thận trọng vì đa số những người vừa mới đến đã hoảng sợ trước những chỉ dụ và những lời đe dọa

của các chính phủ Đức. Họ nhất định không gia nhập câu lạc bộ nếu như người ta không nói với họ rằng đó không phải là câu lạc bộ chính trị. Do vậy, chúng tôi có bổn phận xử sự với họ rất cẩn trọng để hướng dẫn họ từng bước vào con đường đúng đắn, và về mặt này nhiệm vụ chủ yếu là chỉ cho họ thấy tôn giáo chỉ hoàn toàn là sự phi lý và là đồng rác rưởi cũ. Điều duy nhất chúng tôi có thể làm ở đây là chuẩn bị cho họ gia nhập các câu lạc bộ ở phần lãnh thổ Thụy Sĩ nói tiếng Pháp, chúng tôi cử đến đó những người muốn rời khỏi Xuy-rích".

Khi câu lạc bộ của thành phố Moóc-giơ quyết định thiết lập quan hệ với công nhân ngành chế tạo đồ sắt tây của thành phố này mà trong số họ chưa có một người nào là thành viên của câu lạc bộ, thì những người lãnh đạo của câu lạc bộ đã lập tức viết thư cho Trung tâm đề nghị gửi đến cho họ một công nhân ngành sắt tây có đủ hiểu biết để lôi cuốn những công nhân ấy vào hội. Tất cả các câu lạc bộ đều đã tiến hành trao đổi thư từ với nhau, cũng như với Trung tâm. Những thư từ trao đổi ấy đã một phần bị chặn giữ, và nội dung của chúng cho thấy toàn bộ âm mưu đã thấm sâu tinh thần cách mạng đến mức nào. Trong mỗi câu lạc bộ đều có một uỷ ban chuẩn bị các vấn đề để tranh luận.

Những cuộc thảo luận bao quát tất cả những vấn đề chính trị, xã hội và tôn giáo.

Một số câu lạc bộ tương đối giàu và có thư viện, phòng đọc sách, đàn dương cầm v.v., chúng được trang bị mọi thứ có thể lôi kéo công nhân. Những câu lạc bộ có ảnh hưởng nhất là các câu lạc bộ ở Giơ-ne-vơ, Béc-nơ, Xuy-rích, Lô-dan và ở Sô-đơ-Phông; câu lạc bộ ở Sô-đơ-Phông (đặt tại một thành phố rất nhỏ) có 200 thành viên; nếu chúng ta chú ý rằng trong thành phố này, ngoài tổ chức "Nước Đức trẻ", còn có câu lạc bộ cộng sản rất đông thành viên, thì chúng ta có thể mạnh dạn nói

rằng ở Thụy Sĩ những người vô thần và những người cộng sản đông đến nhiều nghìn. Trong tổ chức có uỷ ban cổ động bí mật mà đông đảo các thành viên của câu lạc bộ không được biết đến, song trong mỗi câu lạc bộ đều có một hoặc hai "cán bộ tuyên truyền" có nhiệm vụ duy trì tinh thần hăng hái, chỉ đạo các cuộc họp và phát huy tinh thần vô thần và tinh thần cách mạng. Đáng tiếc là những phần tử ấy lại rất thành đạt trong việc này, bằng chứng là cơ quan ngôn luận định kỳ "quỷ quái" của tổ chức "Nước Đức trẻ", do Mar-rơ xuất bản, đã có đến 500 người, chỉ riêng trong giới công nhân, đặt mua. Tờ báo này đã công khai tuyên bố chủ nghĩa vô thần là nguyên tắc của mình. Tờ báo ấy viết: "Nước Đức cần có một cuộc cách mạng trong các lĩnh vực chính trị, tôn giáo và xã hội; trong tiến trình cuộc cách mạng ấy nếu tôn giáo và chính trị tan ra thành mây khói thì càng tốt; con người đã được cải tạo về mặt xã hội sẽ bước ra khỏi lò luyện ấy tốt hơn và trong sạch hơn".

Đó là bài tường thuật được viết hoàn toàn theo tinh thần bỉ ổi và vu khống. Tổ chức "Nước Đức trẻ" tồn tại ở Thụy Sĩ từ năm 1831, khi mà do nhiều cuộc xáo động ở Đức nên đã có một số lượng lớn thanh niên, sinh viên, công nhân v.v. đã buộc phải rời khỏi nước mình. Sau một thời kỳ hoạt động khá tích cực, tổ chức này đã suy sụp vào năm 1837, khi mà nhìn chung trên toàn châu Âu các chính phủ *tư sản* đã đè bẹp được tinh thần

cổ động chính trị. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau các câu lạc bộ cộng sản bắt đầu xuất hiện cũng tại những địa phương mà trước kia tổ chức "Nước Đức trẻ" đã ra đời, trên bờ Hồ Lơ-măng^{1*}, và bắt đầu nổ ra cuộc luận chiến sôi nổi giữa các câu lạc bộ này với tổ chức thuần túy chính trị này. Cuộc luận chiến ấy đã biến thành cuộc tranh cãi thường xuyên và sự hiềm khích quyết liệt giữa hai đảng; song kết quả chủ yếu là tổ chức "Nước Đức trẻ" đã buộc phải mở rộng phạm vi hoạt động của mình và không những đã buộc phải xác định một cách rõ hơn những nguyên tắc chính trị của mình mang tính chất cấp tiến, cộng hoà và dân chủ, mà còn buộc phải đề cập đến các vấn đề xã hội nữa. Trong khi giai cấp tư sản Đức giết thời gian bằng cách đưa ra phong trào "tín đồ Thiên chúa giáo Đức" và cuộc "cải cách giáo hội Tin lành", trong khi nó cặp kè với Rôn-ơ và tham gia vào trò chơi "Những người bạn của ánh sáng"¹⁵⁵, qua đó đặt mục tiêu chủ yếu của mình là đạt cho được một số cải cách rất không quan trọng, hầu như tầm thường và vô bổ (nhưng lại mang tính chất tư sản) trong lĩnh vực tôn giáo, - thì công nhân nước chúng tôi lại đọc và thấm nhuần các tác phẩm của các nhà triết học vĩ đại của Đức như Phoi-ơ-bắc v.v., vũ trang cho mình những kết quả nghiên cứu của các nhà triết học ấy, dù những kết luận đó có vẻ cấp tiến như thế nào đi nữa. Nhân dân Đức không có đầu óc tôn giáo. Nếu không thì liệu có thể kéo ra khỏi tôn giáo một số lượng người đông như thế chẳng những ở Thụy Sĩ, mà cả ở Pháp, ở Anh và ở nước Đức chúng tôi trong một thời gian ngắn như thế được không? Tôi xin bạn đọc tham khảo những điều tôi nói cách đây hai tuần về phong trào của giai cấp tư sản và phong trào của giai cấp công nhân¹⁵⁶. Tôi nghĩ rằng những sự thật vừa được phát hiện đã củng cố lời khẳng định của tôi.

1* Tên gọi bằng tiếng Pháp của Hồ Giơ-ne-vơ

<i>Do</i>	<i>In theo</i>
<i>Ph.Ăng-</i>	<i>bản in</i>
<i>ghen viết</i>	<i>trên báo</i>
<i>giữa</i>	<i>Nguyễn</i>
<i>ngày 20</i>	<i>văn là</i>
<i>và 26</i>	<i>tiếng Anh</i>
<i>tháng</i>	<i>In bằng</i>
<i>Chín</i>	<i>tiếng Nga</i>
<i>1845</i>	<i>lần đầu</i>
<i>Đã đăng</i>	<i>trên tạp</i>
<i>trên báo</i>	<i>chí</i>
<i>"The</i>	<i>"Những</i>
<i>Northern</i>	<i>vấn đề</i>
<i>Star" số</i>	<i>lịch sử</i>
<i>411,</i>	<i>Đảng</i>
<i>ngày 27</i>	<i>Cộng sản</i>
<i>tháng</i>	<i>Liên Xô"</i>
<i>Chín</i>	<i>số 11,</i>
<i>1845 với</i>	<i>1970</i>
<i>lời ghi</i>	
<i>chú của</i>	
<i>ban biên</i>	
<i>tập: "Bài</i>	
<i>của</i>	
<i>phóng</i>	
<i>viên Đức</i>	
<i>của bản</i>	
<i>báo"</i>	

PH.ĂNG-GHEN**NHỮNG CUỘC TRUY NÃ VÀ TRỤC XUẤT
NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN****NƯỚC ĐỨC**

Ngày 11 tháng Mười nhà cầm quyền của đại công quốc Hét-xen đã tịch thu ở Đác-mơ-stát, tại trụ sở nhà xuất bản, số đầu tiên của tạp chí cộng sản "*Rheinische Jahrbücher*"^{1*} do Puyt-man làm chủ biên. Song, chỉ tìm được 55 bản, số còn lại đã bán hết. Người xuất bản, ngài Le-xơ, vào thời điểm ấy cũng đã được báo trước rằng tạp chí ấy sẽ bị đặt dưới sự giám sát của cảnh sát, mỗi số tạp chí sẽ phải trình trước với cảnh sát để có được giấy phép xuất bản đặc biệt; trong trường hợp không tuân thủ điều kiện này người xuất bản bị đe dọa phạt 500 phlo-rinh (45 pao xtéc-linh), hoặc, tùy theo thực chất sự việc, có thể bị bỏ tù. Tuy nhiên, đòn đánh ấy - nhằm chống những người cộng sản và đồng thời chống giới báo chí do không đồng đảo mà chúng ta có được ở Đức - sẽ không đạt được mục tiêu. Có hàng trăm phương thức tránh sự can thiệp phi pháp ấy, mà không nghi ngờ gì nữa, sự can thiệp này là hậu quả của sự xúi giục của chính phủ Phổ đáng căm ghét. Cũng chính phủ Phổ ấy đã đòi được nhà cầm quyền ở Đác-den trục xuất một số nhà văn nổi tiếng ra khỏi Lai-pxích, trong đó có ngài V.Ma-rơ, một trong số các nhà lãnh đạo vụ âm mưu bí mật của tổ chức "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ¹⁵⁴ mà tôi đã nhắc đến trong bài viết gần đây

1* "*Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichen Reform*".

của mình^{1*}. Ở trường hợp này, cũng như trong vụ án Vai-tinh hồi năm ngoái¹⁵⁷, nhà cầm quyền đã không dám bắt và truy tố các đại diện của khuyñh hướng ấy, tuy họ đã có một cái cố hợp pháp; họ chỉ trục xuất những nhà văn ấy mà thôi.

THỤY SĨ

Chính phủ dân chủ đã trục xuất khỏi bang Vô ngài A.Béch-cơ, một nhà văn cộng sản tài ba của Đức, cũng như ngài X.Smít và tiến sĩ Cun-man thuộc cùng đảng ấy; và chính phủ ấy đã giải tán câu lạc bộ cộng sản Đức ở Lô-dan. Chính phủ cấp tiến ở Xuy-rích cũng xử sự như vậy, đã trục xuất tiến sĩ Puýt-man, chủ biên tạp chí "*Rheinische Jahrbücher*" nói trên, cũng thuộc Đảng cộng sản.

<i>Do</i>	<i>In theo</i>
<i>Ph.Ăng-</i>	<i>bản in</i>
<i>ghen viết</i>	<i>trên</i>
<i>vào giữa</i>	<i>báo</i>
<i>tháng</i>	<i>Nguyên</i>
<i>Mười</i>	<i>văn là</i>
<i>1845</i>	<i>tiếng</i>
<i>Đã đăng</i>	<i>Anh</i>
<i>trên báo</i>	<i>In bằng</i>
<i>"The</i>	<i>tiếng</i>
<i>Northern</i>	<i>Nga</i>
<i>Star" số</i>	<i>lần đầu</i>
<i>415,</i>	
<i>ngày 25</i>	
<i>tháng</i>	
<i>Mười</i>	
<i>1845 với</i>	

*lời ghi
chú:
"Bài của
phóng
viên
riêng
của bản
báo"*

1* Xem tập này, tr.404-408.

C.MÁC

PO-SÊ BÀN VỀ HIỆN TƯỢNG TỰ VẤN¹⁵⁸

Giới phê bình *xã hội ở Pháp* có một ưu điểm - chỉ ít là một phần - là nó đã chỉ ra những mâu thuẫn và sự quái dị của cuộc sống ngày nay chẳng những trong quan hệ qua lại giữa các giai cấp riêng rẽ, mà cả trong tất cả các lĩnh vực và biểu hiện của các hình thức giao tiếp [Verkehr] ngày nay, hơn nữa giới phê bình ấy làm việc này trong những bài miêu tả đầy sự thật trực tiếp của cuộc sống, chứa đầy tầm mắt sâu rộng, phong thái thanh tao và tính độc đáo mạnh bạo, những điều mà chúng ta uống công tìm kiếm ở những đại diện của các dân tộc khác. Ví dụ, chỉ cần so sánh những bài miêu tả phê phán của Ô-oen và Phu-ri-ê, vì những bài miêu tả ấy đề cập đến những quan hệ sống động khiến có được quan niệm về sự vượt trội của người Pháp. Và cần tìm kiếm những sự miêu tả mang tính phê phán về thực trạng của xã hội không chỉ ở các nhà văn đích thực "xã hội chủ nghĩa" của nước Pháp; chúng ta sẽ tìm thấy sự miêu tả ấy ở các nhà văn thuộc mọi lĩnh vực văn chương, nhưng đặc biệt trong các tiểu thuyết và thể loại hồi ký. Tôi xin dẫn ra đây ví dụ về loại hình phê phán ấy ở Pháp, đó là một số đoạn trích đề cập đến "*hiện tượng tự vấn*", rút từ quyển sách của Giắc Pơ-sê "Những hồi ký rút từ hồ sơ lưu trữ của cảnh sát" v.v., những đoạn văn này đồng thời ắt còn cho thấy có căn cứ đến mức nào cái quan niệm của các nhà từ thiện tư sản cho rằng toàn bộ vấn đề tự trung là đem lại một ít bánh mì và học vấn cho những người vô sản, rằng chỉ có công nhân chịu khổ trong trạng thái xã hội hiện nay, còn về những khía cạnh khác thì thế giới hiện hữu là thế giới tốt nhất trong số tất cả các thế giới.

Cũng như nhiều nhà hoạt động thực tiễn Pháp thuộc thế hệ cũ - mà đến nay gần như đã qua đời hết - đã trải qua nhiều cuộc đảo lộn xảy ra từ năm 1789, Giắc Pơ-sê đã trải qua nhiều điều nhảm lẫn, đam mê, những bản hiến pháp, những cuộc thay thế vua chúa, những thất bại và những thắng lợi, - sự phê phán những quan hệ tài sản, quan hệ gia đình và những quan hệ cá nhân khác, tóm lại, *đời sống cá nhân*, là kết quả không tránh khỏi của kinh nghiệm chính trị của họ.

Giắc Pơ-sê (sinh năm 1760) chuyển từ văn chương hoa mỹ sang y học, từ y học sang luật học, từ luật học sang hoạt động hành chính và sang sự nghiệp cảnh sát. Trước khi cách mạng Pháp nổ ra, ông cùng với mục sư Mô-ren-li biên soạn cuốn từ điển thương mại, tuy nhiên chỉ xuất bản phần toát yếu của cuốn từ điển ấy mà thôi, hồi ấy ông phần nhiều nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị học và hành chính. Pơ-sê đã ủng hộ cách mạng Pháp trong một thời gian rất ngắn; ông đã rất nhanh chóng theo đảng bảo hoàng, trong một thời gian ông đã giữ chức chủ biên tờ "La Gazette de France" và về sau thậm chí đã tiếp nhận tờ "Mercure"^{1*} bảo hoàng khét tiếng từ tay *Ma-lê Duy Păng*. Tuy nhiên, trong thời kỳ cách mạng Pơ-sê đã lựa chọn rất khôn khéo, có lúc bị truy nã, có lúc giữ các chức vụ trong ngành hành chính và cảnh sát. Cuốn "Địa lý thương mại"¹⁵⁹ gồm 5 tập khổ lớn, do ông xuất bản năm 1800 đã làm cho *Bô-na-pác-tơ*, đệ nhất tổng tài, chú ý đến ông, thế là ông được cử làm uỷ viên hội đồng thương mại và nghệ thuật. Sau này, dưới thời nội các Phrăng-xoa đờ Nơ-sa-tô, Pơ-sê đã giữ chức vụ hành chính cao hơn. Năm 1814, trong thời kỳ Phục tích, ông giữ chức quan kiểm duyệt. Trong thời kỳ một trăm ngày¹⁶⁰ ông rời bỏ công việc. Sau khi chính quyền của dòng họ Búc-bông được khôi phục, ông được bổ nhiệm giữ chức trông coi kho lưu trữ của Cục cảnh sát ở Pa-ri cho đến năm 1827. Vừa trực tiếp

1* - "Mercure de France"

phán của B.Bau-ơ" và bài của
C.Mác "Po-sê bàn về hiện tượng tự vấn"

Bìa tạp chí "Gesellschaftsspiegel", trong
đó có đăng bài của
C.Mác và Ph.Ăng-ghen "Trả lời sự phê

vừa trong tư cách nhà văn, *Pơ-sê* đã có một ảnh hưởng nào đó đối với các diễn giả của Hội nghị lập hiến, của Hội nghị quốc ước, Viện dự luật, cũng như Viện dân biểu trong thời kỳ Phục tích. Ngoài cuốn "Địa lý thương mại" kể trên, trong số rất nhiều tác phẩm của ông, chủ yếu là tác phẩm kinh tế, nổi tiếng nhất là tác phẩm "Thống kê của Pháp" (năm 1807)¹⁶¹.

Pơ-sê đã viết hồi ký, mà tài liệu để viết nó ông thu thập một phần trong kho lưu trữ của cảnh sát Pa-ri, một phần thu thập trong nhiều năm hoạt động thực tiễn trong ngành cảnh sát và trong ngành hành chính, khi ông đã *về già*, và ông chỉ cho phép xuất bản tập hồi ký ấy *sau khi ông chết*; như vậy tuyệt nhiên không thể liệt ông vào số những người xã hội chủ nghĩa và cộng sản "*chín non*", mà như mọi người đều biết, họ thiếu sự chín chắn đến kinh ngạc và thiếu những tri thức bao trùm mọi lĩnh vực như đa số các nhà văn bình phẩm, những công chức và các nhà tư sản có đầu óc thực tế của chúng ta.

Chúng ta hãy nghe xem người trông coi kho lưu trữ của Cục cảnh sát Pa-ri nói gì về *tự sát*!

Số lượng các vụ tự sát hàng năm - đây là hiện tượng phần nào bình thường và định kỳ ở nước ta - cần được xem là triệu chứng nói lên xã hội chúng ta không được tổ chức tốt; vì vào thời kỳ công nghiệp đỉnh đốn và khủng hoảng, vào các thời kỳ giá thực phẩm đất đỏ và vào những mùa đông khắc nghiệt, triệu chứng ấy luôn luôn hiển nhiên hơn và mang tính chất bệnh dịch. Vào những thời kỳ ấy nạn mại dâm và trộm cắp gia tăng với tỷ lệ như thế. Tuy tình trạng bản cùng là nguyên nhân chủ yếu nhất của tình trạng tự sát, song chúng ta thấy tình

trạng ấy diễn ra trong tất cả các giai cấp, trong giới giàu có an nhàn, cũng như trong giới nghệ sĩ và chính khách. Những nguyên nhân đa dạng đẩy người ta đến tự sát dường như là sự thách thức đối với sự chê trách đơn điệu và lạnh lùng của các nhà dạy đạo đức.

Bệnh lao mà khoa học hiện đại tỏ ra bó tay và bất lực, tình bạn bị chà đạp và tình yêu bị phản bội, lòng háo danh bị phi báng, tình trạng bất ổn trong gia đình, tình thần cạnh tranh bị đè nén, tình trạng cuộc sống đơn điệu ứ thừa, lòng

hãng say không tìm được đất dụng võ, - chắc chắn là những nguyên nhân thúc đẩy sự tự sát ở những nhân vật giàu có, và chính tình yêu đối với cuộc sống, động lực mạnh mẽ nhất ấy của từng cá nhân, rất thường dẫn đến hành động kết thúc sự tồn tại làm người ta ghê tởm đó.

Bà *Đờ Xtan*^{1*} có công lao to lớn là đã làm cho những chỗ chung chung có văn phong tuyệt diệu, bà đã tìm cách chỉ cho thấy rằng tự sát là hành vi trái tự nhiên và không thể xem nó là hành vi đúng cảm; trước hết bà xác định rằng đấu tranh chống sự tuyệt vọng thì xứng đáng hơn là rơi vào tuyệt vọng. Những lý lẽ loại ấy ít tác động đến những tâm hồn bị suy sụp bởi nỗi bất hạnh. Nếu họ là những tín đồ thì họ mong đợi vào một thế giới tốt đẹp hơn; ngược lại, nếu họ không tin gì cả thì họ tìm kiếm sự yên tĩnh ở cõi hư vô. Trong con mắt của họ, những lời thuyết giảng triết học chẳng có ý nghĩa nào cả và là chốn ẩn náu yếu ớt chống lại sự khổ đau. Trước hết, thật là phi lý nếu khẳng định rằng hành động hết sức hay diễn ra ấy là hành động trái tự nhiên; hành động tự sát tuyệt nhiên không phải là trái tự nhiên nếu như hằng ngày chúng ta chứng kiến nó. Điều gì trái tự nhiên thì

không xảy ra. Trái lại *bản chất của xã hội chúng ta* làm nảy sinh một số lớn vụ tự sát, trong khi ở người Tác-ta chẳng hạn, lại không có những vụ tự tử. *Như vậy, không phải tất cả mọi xã hội đều để ra những kết quả như nhau*, - đó là điều cần nhớ nếu ta muốn tiến hành cải cách xã hội chúng ta và đưa nó lên một trình độ cao hơn. Còn về sự dửng cảm thì nếu coi người dửng cảm là người nào giữa thanh thiên bạch nhật, trong bối cảnh đầy phần kích của chiến trường, dám nhìn thẳng vào cái chết, thì không có gì chứng minh sự thiếu vắng lòng dửng cảm ở một con người tự kết liễu đời mình trong cảnh cô đơn buồn thảm. Vấn đề còn tranh cãi ấy không thể giải quyết bằng việc xúc phạm những người đã chết.

Tất cả những gì đã được phát biểu chống lại hành động tự sát đều quay trong cùng một nhóm ý tưởng. Điều mà người ta đem đối chọi với hành động ấy là, những mệnh trời, nhưng chính hành động tự sát là sự phản kháng công khai chống lại những mệnh trời không thể hiểu nổi đó.

Người ta nói với chúng ta về những bốn phận của chúng ta đối với xã hội này, mặt khác, người ta lại không chỉ ra những quyền của chúng ta trong xã hội ấy và không thực hiện những quyền ấy; cuối cùng, vượt qua đau khổ được xem là công

1* Ở đây và tiếp theo trong đoạn trích, những chữ in nghiêng là do Mác nhấn mạnh.

lao, lớn gấp ngàn lần so với rơi vào đau khổ, là công lao cũng đáng buồn như viễn ảnh mà công lao ấy mở ra. Tóm lại, tự sát bị người ta xem là hành động hèn nhát, là phạm tội chống lại luật pháp, chống lại xã hội^{1*} và chống lại danh dự.

Vậy tại sao, dù đã có vô vàn lời nguyện rửa áy mà người ta vẫn tự kết liễu đời mình? Bởi lẽ trong các mạch máu của những con người quắn bách máu chảy không giống như dòng máu của những con người lạnh lùng có thời gian để tuôn ra những bài diễn văn vô bổ ấy. *Con người hình như là một câu đố đối với người khác; người ta chỉ biết chê trách con người nhưng không hiểu con người.* Khi ta thấy những thiết chế chi phối đời sống châu Âu định đoạt khinh suất như thế nào sự sống chết của các dân tộc, khi ta thấy nền tư pháp văn minh đã lập nên chung quanh mình cả một kho vũ khí phong phú gồm các nhà tù, các hình phạt, công cụ chết chóc để phê chuẩn những quyết định đáng ngờ của mình; khi ta thấy có không biết bao nhiêu người thuộc các giai cấp khác nhau bị đôn đẩy từ mọi phía vào cảnh bản cùng, và thấy những người

nghèo khổ trong xã hội mà người ta đã cư xử một cách hiển nhiên với họ bằng thái độ khinh rẻ thô bỉ, có thể là để cho mình khỏi phải khó nhọc lôi những người ấy ra khỏi vũng bùn; khi ta thấy tất cả những điều đó thì điều trở nên khó hiểu là căn cứ vào đâu mà có thể chỉ thị cho từng cá nhân phải quý trọng sự tồn tại như thế nếu đồng thời những thói quen của chúng ta, những định kiến của chúng ta, những luật lệ của chúng ta và nói chung những đạo đức của chúng ta bị chà đạp.

Người ta đã từng cho rằng có thể ngăn chặn hành động tự sát bằng những hình phạt vùi dập nhân phẩm và bằng cái gì đó đại thể như sự sỉ nhục mà người ta dùng để lên án những kẻ có lỗi. Có cần nói rằng thật không xứng đáng dường nào nếu lãng nhục những người không còn sống, cốt để tự bảo vệ mình hay không? Tuy nhiên, điều đó ít làm cho những người bất hạnh bận tâm; và nếu hành động tự sát quy tội ai đó, thì trước hết đó là những người còn sống, bởi vì trong đám người này không một người nào xứng đáng để người ta tiếp tục sống vì người đó. Những biện pháp ngây ngô và tàn bạo do người ta nghĩ ra để đấu tranh chống lại những lời thì thầm của nỗi quắn bách, có thành công hay không? Con người muốn trốn khỏi thế giới này thì thiết gì

1* Từ "xã hội" do Mác thêm vào.

đến những sự xi vả mà thế giới hứa sẽ dồn lên xác chết của người ấy? Người ấy xem đó chỉ là một biểu hiện nữa của sự bi ối của những kẻ còn sống. *Thật ra, đó là xã hội gì mà trong đó người ta cảm thấy nỗi cô đơn sâu sắc nhất giữa bao nhiêu triệu con người, trong đó người ta có thể rơi vào ý muốn không cưỡng nổi muốn kết liễu đời mình, hơn nữa, làm sao để không ai đoán biết được việc đó? Xã hội ấy không phải là xã hội; như Rút-xô nói, xã hội ấy là bãi sa mạc chỉ có những con dã thú sống.* Ở những chức vụ mà tôi từng giữ trong Cục cảnh sát thì những vụ tự sát^{1*} phần nào thuộc về thẩm quyền điều tra của tôi. Tôi muốn tìm hiểu xem trong số những động cơ dẫn đến các vụ tự sát liệu có những động cơ mà ta có thể ngăn ngừa tác động của chúng hay không. Về mặt này tôi đã thực hiện một công việc to lớn. Tôi thấy rằng nếu không *cải tạo căn bản trật tự xã hội hiện hành* thì tất cả những cố gắng khác sẽ là uổng công^{2*}. Trong số những nguyên nhân dẫn đến cùng quẫn thúc đẩy những người dễ xúc động, nồng nhiệt và có tình cảm sâu sắc tìm đến cái chết, tôi đã phát hiện

1* Trong tác phẩm của Pơ-sê viết là: "những vụ điều tra về tự sát".

2* Câu này do Mác thêm vào. Thay vì câu này Pơ-sê nói: "Tôi không đi vào lý luận, mà sẽ dẫn ra các sự thật".

được hiện tượng vượt trội, đó là sự cư xử tồi tệ, những hành động bất công, những sự trừng phạt ngấm ngấm mà các bậc cha mẹ và những người lãnh đạo hà khắc dành cho các cá nhân phụ thuộc vào họ. *Cách mạng đã không thủ tiêu hết mọi hình thức bạo ngược; điều ác mà người ta chỉ trích chính quyền độc tài còn tồn tại trong các gia đình; cái ác gây ra ở đây những cuộc khủng hoảng tương tự như những cuộc cách mạng.* Thực ra, quan hệ giữa lợi ích và tình cảm, quan hệ chân chính giữ người và người, đó chỉ là điều sẽ còn được gây dựng trong chúng ta, và *sự tự sát chỉ là một trong số một ngàn lẻ một triệu chứng của cuộc đấu tranh xã hội phổ biến, luôn luôn sẵn sàng có những biểu hiện mới*; có rất nhiều người đấu tranh đã bị loại khỏi cuộc đấu tranh ấy, bởi vì những con người ấy đã mệt mỏi không muốn có tên mình trong số các nạn nhân, hoặc họ phần nộ một khi nghĩ đến khả năng giữ vị trí danh giá giữa bọn đao phủ. Nếu cần đưa ra một số ví dụ, tôi có thể rút ra những ví dụ ấy từ những biên bản thật. Tháng Bảy 1816, con gái của một người thợ may đính hôn với một anh chàng bán thịt, một thanh niên được giáo dục tốt, một con người căn cơ và cần cù, rất yêu người

yêu xinh đẹp của mình, và cô gái, về phía mình đã rất chung thủy với anh chàng ấy.

Cô gái trẻ làm nghề thợ may, được mọi người quen biết quý trọng, bố mẹ anh chàng người yêu đã quý mến cô gái một cách trìu mến. Những con người đáng yêu ấy không bỏ lỡ dịp tranh thủ cảm tình của con dâu tương lai của mình; họ đã nghĩ ra những trò giải trí trong đó cô ta là nữ chúa và thần tượng.

Đã đến thời điểm cử hành lễ cưới; tất cả những sự lo liệu giữa hai gia đình đã được thực hiện, mọi sự thoả thuận đã được giao kết. Vào buổi chiều tối hôm được ấn định đến toà thị chính, cô gái và cha mẹ của cô phải dùng bữa tối tại gia đình người chồng chưa cưới. Nhưng sự việc đó đã bị cản trở vì một tình huống ít quan trọng không lường trước được. Việc thực hiện đơn đặt hàng cho một khách hàng giàu có đã làm cho người thợ may và vợ ông phải ở lại nhà mình. Họ đã xin lỗi. Nhưng đích thân bà mẹ của chàng rể đến đón con dâu của mình, cô đã được cha mẹ cho phép đi theo bà.

Tuy vắng hai vị khách chủ chốt, bữa ăn tối đã diễn ra hết sức vui vẻ. Người ta nói đùa rất nhiều về các chủ đề gia đình mà viễn cảnh hôn lễ cho phép nói. Mọi người

uống rượu và ca hát. Người ta nói về tương lai. Người ta thảo luận rất sôi nổi về niềm vui của cuộc hôn nhân hạnh phúc.

Người ta ngồi quanh bàn ăn đến đêm khuya. Do thái độ châm chọc dễ hiểu, cha mẹ của chàng trai đã không để ý đến sự thoả thuận ngầm của đôi trai gái đã đính hôn. Tay tìm tay, tình yêu và khoảng cách gần đã làm cho họ choáng váng. Hơn nữa, người ta xem cuộc hôn nhân đã được hoàn tất, đôi bạn trẻ đã từ lâu đến thăm nhau và chưa hề tạo cố để mọi người có bất cứ sự trách móc nào. Sự âu yếm của cha mẹ chú rể, đêm khuya, niềm khao khát nồng nàn của hai người được khích lệ bởi thái độ châm chọc của các vị tôn sư, sự vui vẻ hồn nhiên thường thấy trong những bữa tiệc như vậy, tất cả những điều đó cộng lại, cũng như cơ hội có được dễ dàng, và rượu vang làm cho nóng đầu, - tất cả những yếu tố đó đã tạo điều kiện dẫn đến kết cục có thể dễ tiên đoán. Đôi uyên ương tìm thấy nhau trong bóng tối khi những ngọn nến đã tắt. Mọi người làm ra vẻ không nhận thấy điều gì cả và không hồ nghi điều gì cả. Ở đây niềm hạnh phúc của đôi bạn trẻ chỉ làm cho người ta vui mừng và không gây ra sự ghen tị nào.

Mãi sáng hôm sau cô gái mới trở về với cha mẹ. Cô ta ít xem mình có lỗi, điều đó có thể thấy được qua việc cô ta trở về một

mình. Cố lên vào phòng của mình và trang điểm lại. Nhưng ngay khi cha mẹ nhìn thấy con gái của mình, họ giận dữ nhảy bổ vào cô, bắt đầu chửi mắng cô và gọi cô bằng những cái tên nhục nhã. Hàng xóm đã chứng kiến cảnh đó, vợ âm ỉ không có giới hạn. Có thể hình dung được sự chấn động của đứa trẻ này, những cảm giác mà cô ta cảm nhận được vì sự ô nhục và vì hành động vi phạm có tính chất xúc phạm vào điều bí mật của cô. Cô gái hốt hoảng đã uống công chứng minh với cha mẹ mình rằng chính họ đã bôi nhọ cô, rằng cô thừa nhận hành động sai trái của mình, sự ngu dại của mình, sự không vâng lời của mình, nhưng mọi chuyện có thể sửa chữa được. Những lý lẽ và sự đau khổ của cô đã không có tác động đối với người thợ may và vợ ông ta.

Những con người nhút nhát nhất, không có khả năng kháng cự lại trở nên kiên quyết ở những nơi mà họ *có thể thể hiện uy quyền tuyệt đối của cha mẹ. Việc lạm dụng uy quyền ấy, đối với họ, là phần thưởng thô bạo* cho sự ngoan ngoãn và sự lệ thuộc mà họ tự nguyện hoặc miễn cưỡng thể hiện trong xã hội tư sản.

Khi nghe thấy âm ỉ, các ông các bà chuyên nghề ngồi lê đôi mách chạy đến và tạo thành đàn hợp xướng. Cảm thấy xấu hổ trước cái cảnh ghê tởm này đã khiến cho cô gái đi đến quyết định tự vẫn; cô ta bước

nhanh xuống thang gác, chạy xuyên qua đám đông những bà chuyên nghề đôi mách đang xỉ vả và nguyên rửa cô, với cặp mắt đờ đẫn cô ta lao đến dòng sông Xen^{1*} và nhảy xuống. Những người đi thuyền đã vớt cô lên khỏi dòng nước, cô đã chết trong bộ áo cưới. Điều dự đoán đã xảy ra, chính những người thoát đầu la lối cô con gái thì đã lại lập tức quay sang xỉ vả cha mẹ; tai họa này đã làm cho những tấm lòng nhỏ nhen của họ hoảng sợ. Sau đó mấy ngày cha mẹ cô gái đến cơ quan cảnh sát đòi lại sợi dây chuyền vàng cô gái đã đeo trên cổ và là quà tặng của bố chồng tương lai, chiếc đồng hồ bằng bạc và nhiều đồ trang sức quý giá khác - tất cả những đồ vật được đưa đến đồn cảnh sát. Tôi đã không bỏ lỡ dịp ra sức trách những con người ấy không biết điều và tàn nhẫn. Thật là vô ích nếu nói với những kẻ điên rồ này rằng họ sẽ phải trả lời trước Chúa; việc ấy sẽ chỉ gây ấn tượng rất yếu ớt đối với họ do họ mang những định kiến hẹp hòi và đầu óc tín ngưỡng đặc thù thường ngự trị trong các giai tầng thương nhân lớp dưới. Lòng tham đã đưa họ tới đây, chứ không phải do ý muốn có hai hoặc ba vật kỷ niệm ấy; tôi cho rằng có thể trừng trị chính lòng

1* Những từ: "đã lao đến dòng sông Xen" do Mác thêm vào.

tham của họ. Họ đòi nhận những đồ vật quý giá của người con gái trẻ của họ; tôi đã khước từ trao cho họ, giữ lại những bằng chứng cần thiết để nhận lại các đồ vật ấy trong két lưu giữ chúng. Trong thời gian tôi còn giữ cương vị này, tất cả mọi đòi hỏi của họ đều vô ích, và tôi cảm thấy hài lòng là đã chống trả được những sự xúc phạm của họ.

Cũng năm ấy có một chàng thanh niên da trắng sinh trưởng ở thuộc địa đến đồn cảnh sát của tôi, anh ta có dáng vẻ quyến rũ, xuất thân ở một trong những gia đình giàu có nhất của đảo Mác-ti-ních. Anh ta kiên quyết phản đối việc trao trả xác người đàn bà trẻ, chị dâu của mình, cho người yêu cầu trao trả - đó chính là anh trai của anh ta và là chồng của người đàn bà nọ. Chị ta đã nhảy xuống sông tự tử.

Hình thức tự sát này thường hay gặp nhất. Xác chết được các nhân viên làm việc vớt xác phát hiện, cách đường đê Đ'Ác-giang-tôi không xa. Do bản năng xấu hổ vốn có của phụ nữ thậm chí vào giây phút tuyệt vọng sâu sắc nhất, người đàn bà tự tử đó đã cẩn thận lấy vạt váy quấn kín đôi chân của mình. Hành động cần trọng vì xấu hổ ấy chỉ rõ rằng đây là vụ tự tử. Ngay sau khi tìm thấy chị ta được đưa tới nhà xác. Về đẹp, sự trẻ

trung và y phục trang trọng của chị ta đã tạo cơ để người ta đưa ra hàng nghìn giả thuyết về nguyên nhân của thảm họa. Người chồng là người đầu tiên đã nhận ra chị ta, sự tuyệt vọng của chồng chị thật là vô hạn; anh ta không hiểu nỗi đau khổ của mình, - ít ra người ta nói với tôi như vậy; bản thân tôi trước đó chưa hề biết anh ta. Tôi đã nói với anh chàng người lai ấy rằng đòi hỏi của người chồng - anh chồng này ngay tại đó đã đặt mua tám bia bằng cảm thạch cho người vợ xấu số của mình - phải được tôn trọng trước hết. "Sau khi anh ta đã giết chị ấy ư, thật quái gở!" - anh chàng người lai giận dữ hét lên, chạy đi chạy lại trong căn phòng.

Xét theo sự kích động, sự tuyệt vọng của chàng thanh niên này, xét theo những lời van xin của anh ta cho nguyện vọng của mình được thỏa mãn, xét theo những giọt nước mắt của anh ta, tôi có thể kết luận rằng anh ta đã yêu người phụ nữ đó, và tôi đã nói điều đó với anh ta. Anh ta thú nhận đã yêu chị ta, nhưng sôi nổi khẳng định rằng người chị dâu của anh ta không hay biết gì chuyện đó. Anh ta thề như vậy. Chỉ vì nhằm cứu danh dự người chị dâu của mình - mà theo lẽ thường tình, dư luận xã hội sẽ quy việc tự sát của chị ta là do một

âm mưu nào đó - anh ta muốn tiết lộ những hành động tàn nhẫn của anh trai mình, nếu thậm chí vì việc này mà chính chàng trai này bị đưa ra toà. Anh chàng này đề nghị tôi ủng hộ. Dưới đây là những gì tôi đã có thể hiểu được qua những lời giải thích rời rạc, tha thiết của anh ta. Ngài M., anh trai của chàng thanh niên ấy, là một người giàu có, yêu nghệ thuật, thích sống xa hoa và thích giao du với giới thượng lưu, khoảng một năm trước đây đã cưới người phụ nữ trẻ này làm vợ, - hình như do hai người mê nhau. Đây là một cặp vợ chồng đẹp nhất mà người ta có thể gặp. Sau ngày cưới trong cơ thể người chồng trẻ đột nhiên, và rất rõ ràng, phát hiện thấy - có thể do di truyền - một chứng bệnh gì đó trong máu. Con người ấy trước kia hết sức kiêu hãnh với dáng vẻ ngoài tuyệt đẹp của mình, hình thể tuyệt mỹ của mình, vẻ hoàn hảo có một không hai và những đường nét hoàn chỉnh, nay bỗng nhiên trở thành nạn nhân của một căn bệnh chưa ai biết đến mà khoa học đã tỏ ra bất lực không chống lại được tác động hủy hoại của nó; người chồng ấy đã biến dạng một cách khủng khiếp từ đầu đến chân. Anh ta rụng hết tóc, cột sống bị vẹo. Càng ngày sự gầy mòn và những nếp nhăn càng làm cho anh ta trở thành quái dị, ít ra là trong con mắt của những người khác, bởi vì do lòng tự ái nên anh ta đã tìm cách phủ

nhận điều hiển nhiên nhất. Nhưng, mặc dù tất cả mọi cái đó, anh ta đã không chịu nằm trên giường bệnh; sức vóc sắt thép tưởng chừng như đã thắng những cơn kịch phát của căn bệnh ấy. Anh ta đã tuyệt vọng cố vượt qua sự hủy hoại của thể xác mình. Thể xác anh ta biến thành đồng đổ nát, nhưng tâm hồn thì tươi tỉnh. Anh ta vẫn tiếp tục tổ chức các cuộc yến tiệc, các cuộc đi săn và sống một cách giàu sang và xa hoa, hình như đó là quy luật của tính cách và bản chất anh ta. Song, những lời xúc phạm, châm chọc và đùa cợt của lũ học sinh và bọn trẻ đường phố mỗi khi anh ta thăng xe ngựa đi dạo, những lời chế giễu thiếu lịch sự và châm biếm, những lời cảnh báo ân cần của bạn bè về vô số những biểu hiện hài hước của anh ta, vì anh ta cứ khăng khăng muốn giữ về lịch thiệp tao nhã với các bà - tất cả những sự việc ấy rốt cuộc đã làm tiêu tan những ảo tưởng của anh ta và làm cho anh ta trở nên thận trọng với cả bản thân mình. Ngay khi anh ta nhận ra vẻ quái dị và xấu xí của mình, ngay sau khi anh ta hiểu rõ điều đó, thì tính nết anh ta trở nên tàn nhẫn, anh ta suy sụp tinh thần. Anh ta không hăng hái lắm trong việc đưa vợ mình đến các dạ hội, các buổi khiêu vũ, hoà nhạc; anh ta chuyển ra ở tại ngôi nhà

của mình ở ngoài ô, chấm dứt mọi cuộc mời mọc, bắt đầu né tránh mọi người bằng mọi có. Những cử chỉ lịch lãm của bạn bè anh ta đối với vợ anh ta - mà anh ta vẫn chịu đựng khi lòng tự hào còn tạo cho anh ta niềm tin vào ưu thế của mình - đã làm cho anh ta trở nên ghen tuông, nóng nảy, đa nghi. Bất cứ ai tiếp tục hay đến thăm anh, đều bị anh cho là cố quyết tâm chinh phục trái tim vợ anh ta, niềm kiêu hãnh cuối cùng và niềm an ủi cuối cùng của anh ta. Vào đúng thời gian đó anh chàng người lai của chúng ta đã từ đảo Mác-ti-ních đến đây vì công việc mà hình như sự thành đạt của những công việc ấy đã quyết định sự quay trở lại ngai vàng Pháp của dòng họ Bước-bông. Chị dâu anh ta đón tiếp anh ta rất nồng hậu. Trong hoàn cảnh vô số những mối quen biết của chị ta bị tan vỡ thì anh chàng mới tới này có ưu thế mà anh ta đã có được một cách hoàn toàn tự nhiên do địa vị là em trai trong con mắt của ngài M. Anh chàng người lai của chúng ta đã thấy trước sự cô lập sẽ hình thành chung quanh ngôi nhà của người anh trai mình do những vụ cãi cọ trực tiếp giữa anh trai với nhiều bạn bè, cũng như do hàng nghìn cách thức gián tiếp của anh trai trong việc tống khứ và làm thất vọng những người đến thăm. Do bản thân không hiểu rõ

những động cơ yêu thương đã làm cho anh ta trở nên có đầu óc ghen tuông nhất, nên anh chàng người lai ấy đã tán thành ý nguyện ấy của anh trai muốn sống cô lập và thậm chí còn đưa ra những lời khuyên để ủng hộ anh trai. Cuối cùng ngài M. lui về ở hẳn biệt thự đẹp ở Pát-xi mà sau một thời gian ngắn biệt thự ấy đã biến thành nơi hoang vu. Lòng ghen tuông được nuôi dưỡng bằng những nguyên tố nhỏ nhất nhất; nếu như lòng ghen tuông ấy không biết phải gắn bó với cái gì thì lòng ghen tuông ấy ngấu nghiến bản thân mình và nó trở nên có óc sáng kiến; mọi cái đều là nguồn nuôi dưỡng nó. Có thể, người đàn bà trẻ ấy đã ham mê những trò giải trí đặc trưng cho độ tuổi của chị ta. Những bức tường đã che khuất những ngôi nhà lân cận; những tấm rèm cửa bị đóng lại từ sáng đến tối.

Người đàn bà bất hạnh ấy bị đẩy vào địa vị nô lệ không chịu nổi, và ngài M. chỉ là người thực hiện cảnh nô lệ ấy bằng cách vin vào Code Civil và vào quyền sở hữu, dựa vào cái chế độ xã hội trong đó tình yêu không phụ thuộc vào sự bày tỏ một cách tự do tình cảm của những người đang yêu và người chồng có máu ghen được phép nhốt vợ mình trong phòng khoá chặt, giống như kẻ keo kiệt giữ hòm tiền của mình, bởi vì người vợ chỉ là một phần tài sản của anh ta.

Ngài M. đêm đêm cầm súng sục sạo quanh ngôi nhà, đi cùng với anh ta là những con chó. Ông ta cảm thấy mình đã thấy dấu

chân trên nền cát, ông ta bị mắc kẹt trong những giả thiết lạ lùng về chiếc thang nằm ở chỗ khác nhờ sự giúp sức của người thợ làm vườn. Bản thân người thợ làm vườn, gần 60 tuổi, nghiện rượu, đã được bố trí ở cổng để canh chừng. Tinh thần cuồng tín không có giới hạn trong những hành động điên rồ của nó và đi đến sự phi lý. Người em trai vô tình tham dự vào tất cả chuyện ấy, cuối cùng đã hiểu ra rằng anh ta góp phần vào sự bất hạnh của người đàn bà trẻ mà người ta canh chừng ngày này qua ngày khác, xúc phạm chị ta, tước đoạt mọi cái gì có thể giải khuây trí tưởng tượng phong phú và hạnh phúc; chị ta trước kia tự do và vui vẻ bao nhiêu thì nay trở nên u sầu và buồn bã bấy nhiêu. Chị ta đã khóc nhưng giấu những giọt nước mắt của mình, nhưng vẫn để lại những dấu vết rõ ràng. Anh chàng người lai bắt đầu bị lương tâm dẫn dắt. Sau khi quyết định công khai tỏ tình với chị dâu của mình và sửa chữa lỗi lầm - không nghi ngờ gì nữa, lỗi lầm này bắt nguồn từ tình yêu ẩn giấu - anh ta đã có lần, vào một buổi sáng, đi đến khu rừng mà người đàn bà nô lệ ấy thỉnh thoảng đến đó thở hít không khí và chăm chút những bông hoa của mình. Tận dụng giây phút tự do hạn chế ấy, chị ta hình như đã biết rằng chị chịu sự giám sát của người chồng có máu ghen của mình, bởi vì khi thấy cậu em

chồng lần đầu tiên và bất ngờ xuất hiện, khi chị ta có mặt, người phụ nữ trẻ ấy đã hết sức sửng sốt. Bề quạt hai bàn tay của mình, chị ta hốt hoảng kêu lên: "Cậu hãy đi khỏi đây, hãy vì Chúa! Hãy đi khỏi đây!". Và quả thật, anh ta chỉ vừa mới kịp đi khuất trong rặng cây thì bỗng nhiên ngài M. xuất hiện. Anh chàng người lai nghe thấy tiếng la hét. Anh ta bắt đầu lắng nghe; tìm anh đập mạnh không cho anh ta nghe rõ được dù là một lời giải thích mà nếu bị người chồng phát hiện ra thì sự chạy trốn ấy có thể đem lại kết cục bi thảm cho lời giải thích ấy. Trường hợp này đã làm cho người em trai của anh chồng ấy sôi sục. Anh chàng đã hiểu ra rằng kể từ hôm ấy anh phải trở thành người bảo vệ nạn nhân đó. Anh ta quyết định từ bỏ mọi ý nghĩ yêu thương thâm kín. Tình yêu có thể hy sinh mọi cái, nhưng không thể hy sinh quyền che chở, bởi vì sự hy sinh nói sau cùng này sẽ có thể là sự hy sinh của kẻ hèn nhất. Anh ta tiếp tục đến thăm người anh của mình, sẵn sàng nói chuyện với anh trai một cách công khai, cởi mở, nói tất cả cho anh trai biết. Về mặt này, ngài M. chưa có sự nghi ngờ nào cả, nhưng sự kiên trì ấy của em trai đã gây ra mối hoài nghi. Tuy chưa nắm được rõ ràng nguyên nhân sự quan tâm của em trai,

nhưng ngài M. bắt đầu có thái độ không tin vào em trai, trù tính trước xem điều đó có thể dẫn đến đâu. Chẳng bao lâu sau chàng người lai nhận ra rằng anh của mình không phải luôn luôn vắng mặt, như sau này anh ta khẳng định mỗi khi khách uống công bảm chuông ngoài cổng ngôi nhà ở Pát-xi. Người thợ nguội đang học nghề đã làm cho anh người lai ấy chiếc chìa khoá rập theo mẫu những chiếc chìa mà người chủ của anh thợ ấy đã làm cho ngài M. Sau mười ngày vắng mặt, anh chàng người lai, vì bị dẫn vật bởi nỗi sợ hãi và những suy tưởng huyền hoặc điên rồ nhất, đã vượt tường vào ban đêm, bẻ gãy chấn song ở cổng chính, trèo lên mái nhà bằng thang, rồi theo ống máng nước tụt xuống phía cửa sổ của kho hầm. Những tiếng rên rỉ âm ỉ đã thôi thúc anh ta bí mật bò đến chiếc cửa kính. Những gì anh ta trông thấy đã làm cho tim anh ta thất lại. Ánh đèn rọi sáng... Đằng sau những tấm rèm là ngài M. đầu tóc rũ rượi, mặt đỏ gay do tức giận, cời trần, nằm co rúm bên cạnh người vợ trên chiếc giường mà chị ta không dám rời khỏi, mặc dù tìm mọi cách tách xa ông ta, ông ta dồn dập quở mắng người vợ một cách cay độc và trông ông ta giống con hổ sẵn sàng xé chị ta ra từng mảnh. Ông ta nói với chị vợ: "Đúng là tôi xấu

xí, tôi là con quái vật, tôi biết quá rõ điều đó, tôi làm cho cô sợ hãi. Cô muốn người ta giải thoát cô khỏi tay tôi để hình dạng của tôi không làm cho cô sâu nào. Cô khao khát cái ngày mà cô được giải thoát. Cô đừng cãi lại tôi, tôi đoán biết được những ý nghĩ của cô qua sự hoảng sợ của cô, qua sự kháng cự của cô. Cô đỏ mặt khi nghe thấy những lời chế giễu không có lẽ độ mà tôi gây ra; trong lòng cô căm phẫn tôi! Chắc chắn, có đêm từng phút đến khi nào tôi sẽ không còn quấy rầy cô bởi những khiếm khuyết thể xác và bởi sự có mặt của tôi. Đủ lắm rồi!

Những mong muốn ghê sợ đang chiếm lấy người tôi, tôi muốn làm cho cô trở nên xấu xí, làm cho cô giống tôi, để cô không còn hy vọng tình tự với lũ nhân tình trong nỗi bất hạnh là cô đã có lúc biết tôi. Tôi sẽ đập vỡ tất cả những chiếc gương trong ngôi nhà này để không nhìn thấy trong những chiếc gương ấy sự tương phản, để chúng sẽ không còn là nguồn nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh của cô nữa. Có đúng là lẽ ra tôi phải đưa cô đi gặp gỡ mọi người hoặc để cô đi một mình, để chứng kiến ai ai cũng sẽ khuyến khích lòng thù ghét của cô đối với tôi? Không, không, cô không thể rời khỏi ngôi nhà này nếu

chưa giết được tôi! Cô hãy giết tôi đi, hãy làm cái điều mà hằng ngày bản thân tôi cảm thấy háo hức muốn làm". Và con người rừng ấy lăn lộn khắp giường kêu la âm ỉ, nghiêng răng, sùi bọt mép, với hàng nghìn triệu chứng của bệnh điên, tự mình đánh đập bản thân trong cơn tức giận, ở bên cạnh người đàn bà bất hạnh từng có với hắn nhiều cử chỉ âu yếm dịu dàng nhất cũng như những lời cầu xin thống thiết. Sau cùng chị ta đã làm cho hắn trấn tĩnh lại. Không nghi ngờ gì nữa, sự thương cảm đã thay cho tình yêu; nhưng điều đó đối với con người đã trở nên hết sức đáng sợ mà sự ham mê của hắn vẫn giữ nguyên cường độ. Cảnh tượng ấy đã làm cho anh chàng người lai hết sức buồn rầu, anh ta đứng thờ thẩn. Anh ta sợ hãi và chẳng biết phải đến gặp ai cầu xin cứu giúp người đàn bà bất hạnh thoát khỏi những sự tra tấn ấy. Hiển nhiên là những cảnh tượng ấy đã lặp đi lặp lại mỗi ngày, bởi vì khi cơn co giật xảy đến sau những cảnh tượng ấy, thì bà M, lại chạy đến lấy các lọ thuốc đã chế sẵn để dùng vào mục đích đó nhằm phần nào làm dịu bớt tên đao phủ của bà. Vào thời điểm ấy anh chàng người lai là đại diện duy nhất của gia đình ngài M. ở Pa-ri. Chính

trong những trường hợp như thế điều đặc biệt đáng nguyên rủa là sự lễ mễ về các thủ tục tư pháp, thái độ thờ ơ của thứ luật pháp không thể máy may từ bỏ tính thủ cựu của nó, đặc biệt là khi vấn đề có liên quan đến phụ nữ, nhân vật mà các nhà làm luật dành cho họ những đảm bảo ít nhất. Một lệnh bắt giam, một biện pháp tùy tiện khác nào đó sẽ có thể ngăn ngừa được điều bất hạnh mà người chứng kiến cảnh giận dữ điên loạn ấy đã thấy trước quá rõ. Song, anh ta đã định thử mọi cách, gánh chịu lấy những hậu quả, hoàn cảnh của anh ta đã tạo khả năng để anh ta có thể chấp nhận những hy sinh to lớn và không sợ phải chịu trách nhiệm về một việc làm quá táo bạo. Đã có một số bác sĩ trong số bạn bè của anh ta, những người cũng kiên quyết như anh ta, chuẩn bị cuộc đột nhập vào ngôi nhà của ngài M. để xác nhận những giây phút điên rồ ấy và dùng vũ lực chia tách đôi vợ chồng ra, khi những biện pháp ngăn ngừa quá chậm trễ đã đáng cho người ta phải tự sát để thoát khỏi cảnh ngộ.

Dĩ nhiên, đối với ai không dừng lại ở nghĩa đen của từ, thì vụ tự sát này là vụ

giết người do người chồng thực hiện^{1*}; nhưng vụ này cũng là kết quả của cơn ghen tuông bất bình thường. Kẻ ghen tuông cần có nô lệ, kẻ ghen tuông có thể yêu, nhưng đối với hần tình yêu chỉ là đồ xa xỉ bổ sung cho cảm giác ghen tuông^{2*}. *Kẻ ghen tuông trước hết là kẻ tư hữu*. Tôi đã ngăn cản anh chàng người lai ấy gây ra một vụ tai tiếng vô ích và nguy hiểm, nguy hiểm trước hết đối với ký ức về người đàn bà mà anh ta yêu, bởi lẽ đám công chúng nhàn rỗi sẽ buộc tội nạn nhân đã phụ tình người chồng và có quan hệ gian díu với em trai của chồng. Tôi đã có mặt trong đám tang. Ngoài người em trai ấy và tôi, không ai biết sự thật cả. Tôi nghe thấy chung quanh mình những lời đàm tiếu không tốt về vụ tự sát này, nhưng tôi không để ý đến chúng. Dư luận xã hội làm người ta phải đỏ mặt xấu hổ khi ta quan sát thật gần dư luận ấy, với thái độ tức tối hèn nhát và những giả thiết bẩn thỉu của nó. Dư luận xã hội quá bị chia rẽ bởi hoàn cảnh cô lập của mọi người, quá ngu dốt, quá hư hỏng, bởi vì

1* Những từ: "do người chồng thực hiện" do Mác thêm vào.

2* Câu này và câu tiếp theo, do Mác viết nghiêng, được ông rút ra từ bài miêu tả của Pơ-sê về một trường hợp tự sát khác.

mọi người đều xa lạ với mình, và tất cả mọi người đều xa lạ với nhau^{3*}. Tuy nhiên, hiếm thấy có tuần lễ nào trôi qua mà lại không cung cấp cho tôi những điều phát giác khác thuộc loại như thế. Cũng năm ấy tôi ghi nhận được những vụ tình duyên kết thúc bằng hai phát súng lục, do cha mẹ không đồng ý cuộc tình duyên đó.

Tôi cũng đã nêu ra những vụ tự tử của các nhân vật thuộc giới thượng lưu, họ đã bị đẩy đến tình trạng bất lực ở độ tuổi nở rộ mà sự lạm dụng lạc thú đã dẫn đến trạng thái u sầu không vượt qua nổi.

Có nhiều người tự vẫn vì day dứt bởi ý nghĩ cho rằng sau những sự đẩy dọa vô bổ kéo dài bằng những chỉ dẫn chữa chạy của bác sĩ làm kiệt sức con người, y học tỏ ra bất lực không giải thoát được những con người ấy thoát khỏi bệnh tật của họ.

Có thể soạn được một văn tập tuyệt diệu gồm những đoạn trích của các tác giả nổi tiếng và những bài thơ được viết ra bởi những con người tuyệt vọng muốn khoác lên cái chết của mình một ánh hào quang

3* Câu này do Mác rút ra từ bài miêu tả của Pơ-sê về một vụ tự sát khác và được truyền đạt lại một cách thoáng; những chữ sau cùng: "bởi vì mọi người đều xa lạ với mình, và tất cả mọi người đều xa lạ với nhau" do Mác thêm vào.

nào đó. Vào giây phút bình thản đến kỳ lạ xảy đến sau quyết định tự vẫn, trong lòng người ta xuất hiện sự phấn chấn để lấy nào đó, và sự phấn chấn ấy tuôn vào trang giấy, ngay cả ở những nhân vật đại diện cho các giai cấp không hề có trình độ học vấn nào. Tập trung suy nghĩ trước sự hy sinh mà họ suy ngẫm chiều sâu của sự hy sinh ấy, họ dồn toàn bộ sức lực của mình vào việc bày tỏ nỗi niềm của mình qua một cách thể hiện sáng chói và đặc trưng nào đó.

Một số những bài thơ ấy, bị chôn vùi trong đống hồ sơ lưu trữ, là những tác phẩm điều luyện. Một người tư sản ngu si nào đó đã đầu tư toàn bộ tâm hồn của hán vào công việc kinh doanh, và coi thương mại là Thượng đế, có thể coi tất cả những điều đó là rất lãng mạn và có lẽ hán sẽ có thái độ chế nhạo những nỗi khổ đau mà hán không hiểu được; thái độ xem thường của hán sẽ không làm chúng ta ngạc nhiên.

Liệu có thể chờ đợi gì khác ở những tâm hồn chỉ đáng giá ba xu, thậm chí không ngờ rằng tự chúng đang giết chết bản thân mình hằng ngày, hằng giờ, từng phần một, giết chết bản chất người của mình!

Nhưng có thể nói gì về những người tốt bụng tự xem mình là kính Chúa, có học, thể nhưng lại lập lại những điều bí ối đó?

Không nghĩ ngờ gì cả, điều hết sức quan trọng là làm thế nào để những người khổ chịu đựng được một cuộc sống như vậy, chỉ ít chi vì lợi ích của các giai cấp đó đặc quyền của thế giới này, là những giai cấp sẽ có thể bị phá sản do nạn tự sát hàng loạt của đám dân đen; nhưng phải chăng không còn cách nào khác để làm cho sự tồn tại của giai cấp ấy trở nên dễ chịu, ngoài những hành động xúc phạm, những lời chế giễu và những từ đẹp đẽ? Vả lại, có lẽ những con người bản cùng ấy có một tâm cỡ tâm hồn lớn lao nào đó, nếu như sau khi quyết định chết thì bản thân họ tự thủ tiêu mình, mà không lựa chọn con đường dẫn đến tự vẫn bằng đoạn đầu đài. Tuy nhiên, thời đại thương mại của chúng ta càng tiến lên phía trước^{1*} thì những vụ tự sát cao đẹp ấy của đám người bản hàn càng ít, thay vào đó là thái độ thù địch có ý thức, và những kẻ bản cùng đã không ngần ngại lao vào con đường trộm cắp và giết người. Cố để bị hành hình dễ hơn kiếm được việc làm. Lọc loại các hồ sơ lưu trữ của cảnh sát, tôi chỉ tìm thấy một ví dụ hiển nhiên duy nhất về sự hèn nhát trong bản liệt kê các vụ tự sát. Đây là câu chuyện về một thanh niên

1* Trong tác phẩm của Po-sê viết: "thời đại không có niềm tin".

người Mỹ tên là Uyn-phrít Ram-xây đã tự vẫn để khỏi phải đấu súng.

Việc phân loại những nguyên nhân khác nhau dẫn đến tự sát là sự phân loại *những khuyết tật của chính xã hội chúng ta*. Có người tự vẫn vì bọn người mưu mô đã đánh cắp sáng chế của anh ta, còn anh ta sau khi rơi vào cảnh túng bấn khủng khiếp nhất do phải tiến hành những công trình nghiên cứu khoa học lâu dài, thậm chí không thể chi trả cho bằng sáng chế của mình. Người khác tự vẫn để tránh những khoản chi phí to lớn và sự truy nã ô nhục vào thời điểm gặp khó khăn về tiền bạc, tuy nhiên, đó là những khó khăn thông thường đến mức những người được uỷ nhiệm hướng dẫn các lợi ích xã hội không mấy may quan tâm đến chúng. Người thứ ba đã tự vẫn vì không thể tìm được việc làm sau một thời gian dài chịu đựng những sự xúc phạm và sự keo kiệt của những kẻ phân phối việc làm một cách không bị kiểm soát ở xã hội chúng ta.

Một bác sĩ đã có lần tham khảo ý kiến của tôi về một cái chết mà ông ta coi bản thân mình có lỗi gây ra nó.

Một lần, vào buổi tối, khi trở về Ben-
vin, nơi ông ta sống, ông đã bị một phụ nữ đeo mạng che mặt chặn lại trên một đường phố nhỏ, nơi nhà cửa ở sâu trong đường phố ấy. Bằng một giọng

run rẩy người phụ nữ ấy đề nghị ông ta lắng nghe chị ta nói. Cách một quãng có một người đi dạo mà ông ta không nhìn rõ nét mặt. Có một người đàn ông theo dõi chị ta. Chị ta nói với người bác sĩ: "Thưa ngài, tôi đang có mang, và nếu điều này lộ ra, tôi sẽ bị sỉ nhục. Gia đình tôi, dư luận người đời, những người tử tế sẽ không tha thứ cho tôi.

Người đàn bà mà tôi đã phản lại sự tin cậy của chị ấy, sẽ phát điên và nhất định sẽ ly dị với

chồng mình. Tôi bảo vệ không phải sự nghiệp của cá nhân tôi. Tôi là nguyên nhân của vụ tai tiếng mà chỉ có cái chết của tôi mới ngăn chặn được. Tôi muốn tự vẫn, nhưng người ta muốn tôi sống. Tôi nghe nói, ngài là một người có lòng trắc ẩn, và điều đó cho tôi niềm tin rằng ngài không muốn trở thành đồng lõa trong vụ giết chết đứa trẻ, nếu như ngay cả đứa trẻ đó chưa ra đời. Ngài thấy đó, đây là chuyện phá thai. Tôi sẽ không hạ mình cầu xin, hạ mình xuống đến mức biện minh cho điều mà tôi cho là hành động tội lỗi đáng chê trách nhất. Tôi đã chỉ nhượng bộ lời cầu khẩn của kẻ khác khi cầu viện ngài, bởi vì tôi biết cách chết. Tôi kêu gọi cái chết, và để làm việc này tôi không cần đến ai cả. Chỉ cần tạo ra cái vẻ là anh thích tưới vườn: để làm việc

đó chỉ cần xô những chiếc guốc gỗ vào, tìm một chỗ trơn ở nơi mà hàng ngày người ta đi lấy nước, tạo ra cảnh như thể anh trượt vào hố nước và chết chìm, sau đó mọi người sẽ nói rằng đã xảy ra "tai nạn". Thưa ngài, tôi đã trù liệu trước mọi điều. Tôi muốn điều đó diễn ra vào sáng mai, tôi toàn tâm sẵn lòng làm điều đó. Mọi cái đã được chuẩn bị. Người ta ra lệnh cho tôi phải nói với ngài điều đó, thế là tôi nói với ngài. Ngài phải quyết định xem sẽ xảy ra một vụ giết người hay là hai vụ giết người, bởi vì tôi đã hèn nhát thề rằng tôi sẽ không giấu giếm để ngài quyết định tất cả. Mong ngài hãy quyết định!".

Ông bác sĩ nói tiếp: "Tình thế phải quyết định một trong hai phương án đó đã làm cho tôi kinh sợ. Giọng nói của người đàn bà ấy vang lên trong trẻo và hài hoà; bàn tay chị ta, mà tôi nắm trong tay tôi, là bàn tay mỏng manh và dịu dàng, nổi tuyệt vọng không giấu giếm và nhất quyết của chị ta nói lên rằng chị rất thông minh. Nhưng vấn đề liên quan đến một điểm mà tôi thực sự cảm thấy sợ hãi, tuy rằng trong cả nghìn trường hợp - ví dụ, trong những ca đẻ khó, khi nhà phẫu thuật đứng trước vấn đề là phải cứu ai,

cứu mẹ hay cứu con, chính trị hay là tính nhân đạo, thì người ta không cần chờ giải quyết vấn đề này theo cách suy xét của mình".

"Hãy chạy ra nước ngoài", tôi nói. "Không thể được, chị ta đáp lại, không thể nghĩ đến điều đó được".

"Hãy có những biện pháp can trọng thích đáng". "Tôi không thể có những biện pháp ấy được; tôi ngủ cùng phòng với người đàn bà mà tôi đã phụ tình bạn của người ấy". "Đấy là người bà con với chị ư?". "Tôi không thể trả lời thêm gì cho ngài nữa".

Ông bác sĩ nói tiếp: "Tôi có thể hiến dâng nhiều cái để cứu người đàn bà ấy khỏi hành động tự vẫn hoặc khỏi một hành động tội ác, hoặc là để chị ta thoát ra khỏi cuộc xung đột này mà không cần đến sự giúp sức của tôi. Tôi đã buộc tội mình là tàn nhẫn, vì đã hoảng sợ bị xem là đồng loã trong vụ giết người. Cuộc đấu tranh thật khủng khiếp. Sau đó quý dữ đã thì thâm vào tai tôi rằng ý muốn sẵn lòng chết chưa phải là tự sát; rằng khi tước đi của những con người bị mất thanh danh khả năng làm điều ác thì như thế là ta buộc họ phải từ bỏ các tội lỗi của mình. Tôi đoán biết đời sống xa hoa qua những đường thêu trên cánh tay

áo của chị ta và đoán biết sự giàu có qua cách nói hoa mỹ của chị ta. Vẫn biết có quan điểm cho rằng đối với những kẻ giàu có ta cần ít thương cảm với họ hơn. Ý thức phẩm giá của tôi đã phản nộ phản đối ý nghĩ quyến rũ bằng tiền bạc, mặc dù vấn đề này thậm chí đã không được động chạm đến, điều đó là một bằng chứng nữa về sự thanh nhã và lòng quý trọng đối với tôi.

Tôi đã trả lời *từ chối*; người đàn bà ấy nhanh chóng bỏ đi; tiếng xe ngựa đã làm cho tôi nhận ra rằng tôi không còn khả năng sửa chữa điều tôi đã làm nữa.

"Sau hai tuần lễ, các tờ báo đã giải cho tôi điều bí mật đó. Cô cháu họ trẻ của một *chủ ngân hàng* Pa-ri, không quá 18 tuổi, người cháu yêu dấu được bà cô mình nuôi dưỡng và từ khi mẹ cô ta chết bà cô chẳng để cô cháu xa mình bao giờ, đã trượt chân rơi xuống suối trong trang trại của những người bảo trợ cô ở Vin-móm-blê và đã chết đuối. Ngài bảo trợ cô ta đau khổ khôn nguôi; với tư cách là người chú, kẻ quyến rũ hèn nhát ấy đã có thể đắm mình vào nỗi đau khổ trước mắt mọi người".

Như chúng ta thấy, khi không còn lối thoát tốt hơn thì tự vẫn thường là phương cách cuối cùng để chống lại những sự trắc trở trong cuộc sống riêng.

Trong số những nguyên nhân dẫn đến tự

sát tôi rất thường phải nêu ra nguyên nhân bị mất chức, bị từ chối cung cấp việc làm, sự cắt giảm đột ngột tiền công, do đó gia đình bị mất nguồn sinh nhai cần thiết, bởi vì đa số các gia đình ấy sống không có khoản tiền để dành nào.

Vào lúc trong cung vua cắt giảm số người của đội cận vệ, có một người tử tế bị thải hồi cùng với những người khác, - cũng như những người khác, anh ta bị người ta thẳng tay thải hồi. Độ tuổi của anh và việc không có ai bảo trợ làm anh không có khả năng gia nhập lại quân đội; trong công nghiệp anh ta không thể kiếm được việc làm do không được đào tạo. Anh ta cố gắng xin vào làm trong một cơ quan dân sự; cũng như ở mọi nơi, số lượng đông đảo những người cạnh tranh đã bịt kín cả con đường này đối với anh. Anh ta lâm vào tâm trạng tuyệt vọng đờ đẫn và đã tự vẫn.

Trong túi áo của anh người ta đã tìm thấy một lá thư giải thích tình cảnh của anh. Vợ anh là một thợ may nghèo; hai cô con gái của anh, 16 tuổi và 18 tuổi, cùng làm việc với mẹ. Trong các giấy tờ để lại, anh *Tác-nô*, người đã tự vẫn, nói như thế này: "vì anh ta không còn có khả năng giúp ích cho gia đình nữa và buộc phải trở thành gánh nặng cho vợ và các con, cho nên anh ta thấy có bốn phận phải tự vẫn để giải thoát vợ và các con khỏi gánh nặng thêm này; anh ta trao

các con của mình cho nữ công tước Ăng-gu-lêm bảo trợ, anh ta hy vọng rằng với lòng nhân ái của mình, nữ công tước sẽ có lòng thương cảm đối với nỗi bất hạnh của các con của anh". Tôi đã soạn bản báo cáo trình lên cảnh sát trưởng Ăng-glê-xơ và sau khi giấy tờ kinh qua tất cả các cấp - bà nữ công tước đã gửi 600 phrăng cho gia đình bất hạnh của anh *Tác-nô*.

Không nghi ngờ gì nữa, đây là khoản trợ giúp thảm hại sau sự mất mát như thế! Nhưng làm sao một gia đình^{1*} có thể giúp tất cả những người bất hạnh được nếu như - xét đến mọi yếu tố - cả nước Pháp hiện nay không thể nuôi nổi những người bất hạnh ấy. Lòng từ thiện của những người giàu có không đủ để làm việc ấy nếu như ngay cả toàn thể dân tộc chúng ta có tín ngưỡng, mà dân tộc ấy lại xa lạ với điều đó. *Tự vấn loại trừ phần lớn nhất của những gian khó, còn đoạn đầu dài thì loại trừ những gian khó còn lại. Chỉ có sự cải tạo toàn bộ hệ thống nông nghiệp và công nghiệp của chúng ta mới có thể đem lại những nguồn thu nhập và sự giàu có thực sự.* Trên tấm giấy da cừu có thể dễ dàng công bố bản hiến pháp - quyền của mỗi công dân được học hành, được lao động và trước hết được

1* Trong tác phẩm của Pơ-sê viết: "gia đình hoàng gia".

có nguồn tư liệu sinh sống tối thiểu. Nhưng tất cả những ước vọng cao đẹp ghi trên giấy ấy chưa thể làm được hết mọi chuyện: còn có một nhiệm vụ trực tiếp là biến những ý tưởng, tự do chủ nghĩa ấy thành những thiết chế vật chất và những thiết chế xã hội^{2*} hợp lý. Thế giới cổ đại, đa thần giáo đã để lại trên trái đất những công trình sáng tạo tuyệt mỹ; liệu nền tự do ngày nay có tụt hậu so với kẻ cạnh tranh với mình không? Ai sẽ là người nối kết hai nhân tố hùng hậu ấy của sức mạnh?

Pơ-sê đã viết như thế.

Để kết thúc, chúng tôi xin dẫn ra đây bản thống kê của ông về những vụ tự vấn hàng năm ở Pa-ri.

Như ta thấy qua một bản thống kê khác do *Pơ-sê* dẫn ra, trong thời gian 1817 - 1824 ở Pa-ri^{1*} người ta đã ghi được 2.808 trường hợp tự vấn. Dĩ nhiên, trên thực tế số vụ tự vấn còn lớn hơn. Ví dụ, chỉ trong rất ít trường hợp người ta mới được biết những người chết chìm mà thi thể của họ được quàn tại nhà xác, là những người tự vấn hay không.

Bảng thống kê các vụ tự vấn ở Pa-ri trong năm 1824

Số lượng	{	Nửa đầu năm - 198	}	Tổng cộng.....	371
		Nửa cuối năm - 173			

2* Từ: "xã hội" do Mác thêm vào.

1* Trong tác phẩm của Pơ-sê ghi: "tại quận Xen".

Trong số đó sau khi tự vấn không thành, số người còn sống.....	125		
Trong số đó sau khi tự vấn đã chết.....	246		
Nam giới.....	239		
Nữ giới.....	132		
Số người chưa lập gia đình.....	207		
Số người đã lập gia đình.....	164		
Hình thức tự vấn	{	Nhảy từ trên cao.....	47
		Thắt cổ.....	38
		Dùng dao tự sát.....	40
		Dùng súng tự sát.....	42
		Dùng thuốc độc tự sát.....	28
		Dùng hơi độc tự sát.....	61
		Nhảy xuống nước tự vấn.....	115

Động cơ tự vẫn	{	Vì tình, cãi cọ trong gia đình và buồn chán.....	71
		Bệnh tật, chán sống, tinh thần suy sụp.....	128
		Hành vi xấu, đánh bạc, xổ số, sợ bị quở mắng và trừng phạt.....	53
		Cảnh túng bấn, mất việc làm, hết việc làm.....	59
		Những nguyên nhân không rõ.....	60

*Do C.Mác
viết vào nửa
cuối 1845
Đã đăng
trong tạp chí
"Gesellschaft-
sspiegel",
Bd.II, số 7,
1846
Ký tên: Các
Mác*

*In theo bản
đăng trong tạp
chí
Nguyên văn là
tiếng Đức*

PH.ĂNG-GHEN
TRÍCH TÁC PHẨM CỦA PHU-RI-Ê VÊ
THƯƠNG MẠI¹⁶²

[NHẬP ĐỀ]

Người Đức dần dần bắt đầu tâm thường hoá cả phong trào cộng sản. Và ở đây, như mọi khi, là những người cuối cùng và bất động nhất, họ nghĩ rằng họ có thể che đậy sự lạc hậu của mình bằng thái độ khinh thường đối với những tiên bối của mình và bằng lối triết lý ba hoa rỗng tuếch. Chủ nghĩa cộng sản chỉ vừa mới xuất hiện ở nước Đức, thế mà cả một đạo quân những đầu óc đầu cơ đã chiếm lấy chủ nghĩa đó nhằm mục đích kiếm vốn, họ tưởng tượng rằng họ đã làm được những chuyện kỳ diệu nếu như họ dịch những luận điểm đã trở nên tâm thường ở Pháp và ở Anh sang ngôn ngữ lô-gích học của Hê-ghen và giờ đây họ dâng cho thế giới cái điều khó hiểu mới ấy như là một điều chưa từng có, như là "lý luận đích thực của Đức", để rồi sau đó chửi bới thoả thích "thực tiễn xấu xa" và những học thuyết xã hội "nực cười" của người Pháp và người Anh có đầu óc hạn chế. Cái hệ thống lý luận Đức luôn luôn có sẵn ấy đã có được điểm phức vô hạn được gửi một chút triết học Hê-ghen về lịch sử và được đưa vào - nhờ một nhân vật nào đó trong số các giáo sư đã khô héo của họ ở Béc-lin - hệ thống các phạm trù vĩnh cửu, - cái lý luận, có thể là, về sau đã có dịp được lật các trang tác phẩm của Phoi-ơ-bắc, một số bài viết của những tác giả cộng sản Đức và tác phẩm của ngài Stai-nơ về chủ nghĩa xã hội Pháp¹⁶³ - cái lý luận Đức thuộc phẩm cấp tồi nhất ấy¹⁶⁴ đã không hề gặp khó khăn nào khi

tạo dựng cho mình một cách thích đáng chủ nghĩa xã hội Pháp và chủ nghĩa cộng sản theo kiểu của ngài Stai-nơ, rồi dành cho ông này một vị trí thứ yếu "*vượt trội*", ông ta, "*nâng*" ông ta lên trình độ phát triển "cao hơn" của "lý luận Đức" luôn luôn có sẵn. Dĩ nhiên, lý luận ấy không hề có ý định tự nó tìm hiểu, dù là sơ qua, đề tài cần được nâng lên một trình độ cao hơn, nó không hề có ý định liếc nhìn tác phẩm của Phu-ri-ê, của Xanh-Xi-mông, của Ô-oen và của các tác giả cộng sản Pháp, - đối với nó, những đoạn trích nghèo nàn trong các tác phẩm của Stai-nơ hoàn toàn đủ để tuyên bố thắng lợi chói lọi của lý luận Đức đối với những cố gắng thảm hại của nước ngoài.

Đối lập với thói kiêu ngạo nực cười ấy của lý luận Đức bất tử, điều hoàn toàn cần thiết là sau cùng, chỉ cho người Đức thấy rõ tất cả những gì mà họ có được nhờ nước ngoài từ khi họ nghiên cứu các vấn đề xã hội. Trong tất cả những câu khoa trương sáo rỗng mà ngày nay trên sách báo Đức người ta trình bày âm ỉ, coi đó là những nguyên lý cơ bản của học thuyết chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội đích thực, thuần khiết, của Đức, cho đến nay không có một ý tưởng nào nảy nở trên miếng đất của Đức. Những gì mà người Pháp hoặc người Anh đã nói cách đây mười năm, hai mươi năm, thậm chí bốn mươi năm - và họ đã nói rất hay, rất rõ, bằng thứ ngôn ngữ rất đẹp - thì sau chót, chỉ mới một năm gần đây người Đức mới được biết một cách bập bõm, thất thường và Hê-ghen hoá những điều đó hoặc may mắn lắm đã phát hiện ra một cách muộn màng một lần nữa và công bố dưới một hình thức tồi tệ hơn nhiều, trừu tượng hơn, xem đó là phát kiến hoàn toàn mới mẻ. Ở đây tôi cũng không dành ngoại lệ cả đối với những tác phẩm của tôi. Cái mà người Đức tự tạo ra, đó chỉ là hình thức tồi tệ, trừu tượng, khó hiểu và thô kệch trong đó họ thể hiện những ý tưởng đó. Và như những nhà lý luận đích thực phải làm, họ coi điều đáng được chú ý ở người Pháp - họ hầu như hoàn toàn

chưa biết về người Anh - ngoài những nguyên lý *chung nhất*, chỉ là điều tồi tệ nhất và trừu tượng nhất: sơ đồ hoá xã hội tương lai, *những học thuyết xã hội*. Họ đã bình thản vứt bỏ mặt tốt nhất, đó là *việc phê phán xã hội hiện tồn*, cơ sở thật sự, nhiệm vụ chủ yếu của mọi công trình nghiên cứu các vấn đề xã hội. Chẳng phải nói, những nhà lý luận thông thái ấy cũng thường hay có ý kiến nhận xét khinh thường hoặc hoàn toàn không nhắc tới một người Đức duy nhất đã *thật sự* làm được một điều gì đó, *ông Vai-tlinh*.

Tôi muốn giới thiệu với các ngài thông thái ấy một chương nhỏ trong tác phẩm của Phu-ri-ê, có thể làm mẫu cho họ. Đúng là Phu-ri-ê không xuất phát từ lý luận của Hê-ghen và vì thế - than ôi! - đã không thể đi đến chỗ nhận thức được chân lý tuyệt đối, thậm chí không đến được chủ nghĩa xã hội tuyệt đối; quả thật, vì khiếm khuyết này nên đáng tiếc là Phu-ri-ê đã đi chệch khỏi con đường chân chính và đã đi đến - thay vì phương pháp tuyệt đối - phương pháp loạt và đi đến những luận điểm như biển nước biển thành nước chanh, couronnes boréale và australe^{1*}, sự tử không còn dữ tợn và sự liên hợp của các hành tinh¹⁶⁵. Cứ cho là như thế! Song tôi dù sao vẫn dễ dàng tin, cùng với ngài Phu-ri-ê vui tính, vào tất cả những điều kỳ diệu ấy, hơn là tin vào vương quốc tuyệt đối của tinh thần, trong đó tuyệt nhiên chẳng có nước chanh nào cả, hoặc tin vào sự đồng nhất của tồn tại và không tồn tại và vào sự liên hợp của các phạm trù vĩnh cửu. Sự nhảm nhí kiểu Pháp chỉ ít cũng làm cho người ta thấy vui vẻ, trong khi sự nhảm nhí của Đức thì u sầu và thâm thúy. Ngoài ra, Phu-ri-ê đã phê phán các quan hệ xã hội hiện tồn một cách gay gắt, sinh động và sắc sảo, khiến chúng ta sẵn lòng tha thứ cho ông về những sự viển vông vũ trụ học cũng dựa trên thế giới quan thiên tài.

1* - quảng cực Bắc và cực Nam.

Đoạn trích mà tôi thông báo ở đây được tìm thấy trong di cảo của Phu-ri-ê và đã được đăng trong tập thứ nhất của tạp chí "Phalange"¹⁾ do phái Phu-ri-ê xuất bản từ đầu năm 1845. Tôi bỏ đi trong đoạn trích này những gì có liên quan đến thuyết thực chứng của Phu-ri-ê và nói chung những điều không quan trọng, tóm lại, tôi đã xử lý văn bản ấy một cách thoảng, đó là điều hoàn toàn cần thiết để làm cho các tác phẩm của các tác giả xã hội chủ nghĩa nước ngoài - được viết nhằm những mục đích nhất định - trở nên dễ hiểu đối với công chúng xa lạ với những mục đích ấy. Đoạn trích này tuyệt nhiên không phải là điều thiên tài nhất trong số những gì do Phu-ri-ê viết ra, và thậm chí cũng không phải là điều xuất sắc trong số những điều ông viết về thương mại, - tuy vậy chưa có một người xã hội chủ nghĩa cộng sản Đức nào, trừ Vai-tlinh, viết được một điều gì có thể so sánh được với bản nháp sơ thảo ấy, dù ở mức độ xa xôi nhất.

Để công chúng Đức khởi uổng công đọc chính tờ tạp chí "Phalange", tôi phải nêu rõ rằng tạp chí này là sự đầu cơ thuần túy mang tính chất tiền bạc của phái Phu-ri-ê và những bản thảo của Phu-ri-ê công bố trên tạp chí ấy có giá trị rất khác nhau. Các ngài thuộc phái Phu-ri-ê ấn hành cơ quan ngôn luận này đã trở thành các nhà lý luận khoa trương giống người Đức, và thay cho sự hài hước mà ông thầy của họ đã thể hiện khi vạch trần thế giới tư sản, thì họ đã đặt một sự thông thái thiêng liêng, cơ bản, lý luận, khó đảm đảm, và vì vậy họ đã bị chế

1) "La Phalange". Revue de la science sociale, XIV, annéc, 1-re re série in 8°, pris, aux Bureaux de la Phalange. 1845.- Publication des Manuscrits de Fourier, section ébauchée des trois unites externes, P.1-42 des Januar - und Februarheftes ["Pha-lăng-giơ", Tạp chí khoa học - xã hội, xuất bản năm thứ XIV, bộ thứ nhất, in 8°, Pa-ri nhà xuất bản "Pha-lăng-giơ", 1845. - Ấn bản công bố các bản thảo của Phu-ri-ê, sơ thảo chương nói về ba sự thống nhất bề ngoài, Tháng Giêng - tháng Hai, tr.1- 42].

giễu một cách thích đáng ở Pháp, còn ở Đức thì họ lại được công nhân. Bài viết của họ miêu tả những thắng lợi tưởng tượng của học thuyết Phu-ri-ê trong tập thứ nhất tạp chí "Phalange" có thể làm cho vị giáo sư thuộc phương pháp tuyệt đối thích thú.

Tôi bắt đầu thông báo của mình từ một luận đề đã được công bố trong tác phẩm "Học thuyết về bốn vận động". Cũng tác phẩm ấy đã công bố phần khá lớn đoạn trích mà tôi giới thiệu, song, tôi chỉ rút ra từ đó và dẫn ra đây những điều cần thiết nhất.

I¹⁶⁶

"Bây giờ chúng tôi xin đề cập đến điểm nhạy cảm nhất của nền văn minh; đây là nhiệm vụ rất không dễ chịu - lên tiếng chống lại điều ngu ngốc hiện nay, chống lại những điều huyền hoặc mang tính chất bệnh dịch thật sự.

Ngày nay mà lên tiếng chống lại những điều phi lý của thương mại thì có nghĩa là đặt mình vào vị thế bị nguyên rủa, chẳng khác nào vào thế kỷ XII mà người ta lên tiếng chống lại sự bạo ngược của các giáo hoàng và các nam tước. Nếu phải lựa chọn giữa hai vai trò nguy hiểm thì tôi cho rằng dùng những chân lý cay đắng để chọc vào một tên độc tài nào đó ít nguy hiểm hơn là xúc phạm tinh thần con buôn mà ngày nay nó như một tên bạo chúa đang ngự trị nền

văn minh và thậm chí thống trị cả bọn độc tài.

Tuy vậy, ngay cả một sự phân tích hồi hợt cũng sẽ cho thấy rằng hệ thống thương mại của chúng ta đang hạ thấp và làm rối loạn nền văn minh và rằng trong thương mại, cũng như trong tất cả mọi công việc khác, dưới ảnh hưởng của các môn khoa học đáng ngờ, chúng ta ngày càng sa vào con đường sai lầm.

Cuộc tranh cãi về thương mại diễn ra mới độ nửa thế kỷ nay, ấy thế mà nó đã cho ra đời hàng ngàn tập sách; nhưng những người khởi xướng cuộc tranh cãi ấy đã không thấy rằng xét về cấu trúc của nó thì cơ chế thương mại mâu thuẫn gay gắt với mọi lẽ phải. Cơ chế ấy bắt toàn bộ xã hội tuân theo một giai cấp, giai cấp những nhân viên ăn bám và phi sản xuất - các nhà buôn^{1*}. Tất cả các giai cấp cơ bản của xã hội^{2*} - người sở hữu¹⁾, nông dân, chủ xưởng và thậm chí chính phủ đều phục tùng giai cấp thứ yếu, giai cấp phụ - đó là các thương

1) Chớ nên quên rằng Phu-ri-ê không phải là người cộng sản.

1* Ăng-ghen dùng các từ tiếng Đức "Kaufmann" và "Kaufleute" để dịch các thuật ngữ được Phu-ri-ê sử dụng: "marchand" và "négociant".

2* Từ: "xã hội" do Ăng-ghen thêm vào.

nhân mà lẽ ra phải là những kẻ tuân theo những người kể trên, phải là nhân viên của họ, phải là một người đại diện có thể bị bãi miễn và chịu trách nhiệm trước những người kia, nhưng thương nhân ấy lại điều khiển và kìm giữ theo ý mình tất cả mọi động lực của lưu thông.

Về những điều lầm lạc khác không liên quan đến thương mại thì dư luận xã hội và các hiệp hội khoa học đã tỏ ra dễ thoả thuận hơn; về cơ bản người ta đồng ý với ý kiến cho rằng các học thuyết triết học là những ảo tưởng nguy hiểm, rằng kinh nghiệm bác bỏ những tham vọng của chúng ta muốn có khả năng hoàn thiện, rằng những học thuyết của chúng ta về tự do không tương dung với nền văn minh, rằng những đức hạnh của chúng ta là tấn hài kịch xã hội, còn luật pháp của chúng ta là một mớ bòng bong; người ta thậm chí đùa dỡn đề tài của những cuộc tranh cãi thời thượng - hệ tư tưởng¹⁶⁷. Nhưng sự ba hoa về thương mại, với những học thuyết của nó về cân cân thương mại, về đối tượng, về sự cân đối, về sự đảm bảo, đã trở thành vật thiêng mà mọi người đều sùng bái. Do đó, ảo tưởng mà chúng ta phải xua tan là thế đấy.

Trước hết cần chỉ ra rằng hệ thống thương mại của chúng ta - vật tồn thờ một cách

ngu muội hiện nay - là cực đối lập với chân lý, với lẽ công bằng, do đó, với sự thống nhất.

Thật khó giải thích cho thế kỷ thấy rằng chính hoạt động mà nó xem là mẫu mực của sự sáng suốt, chẳng qua chỉ là dấu ấn của sự đốt nát in lên toàn bộ nền chính trị của nó. Chúng ta hãy xem xét du chi nưưng ket qua đa biệt; sự độc quyền về biển, sự độc quyền về thuế khoá, sự gia tăng nợ quốc gia, những

vụ phá sản xảy ra kế tiếp nhau vì tiền giấy, sự gian lận tăng lên trong tất cả mọi quan hệ giao dịch. Ngay bây giờ đã có thể phủ nhỏ cơ chế *mậu dịch tự do*^{1*}, nghĩa là *tự do lừa đảo*, tình trạng vô chính phủ đích thực ấy trong công nghiệp, cái sức mạnh biểu hiện ra một cách quái đản ấy trong xã hội^{2*}.

Làm thế nào mà cái giai cấp *gian dối nhất* trong cơ thể xã hội lại có được sự đỡ đầu lớn nhất của "*những vị tông đồ của chân lý*"^{3*}. Làm sao mà các nhà khoa học dạy

1) Giới thương gia Đức cũng có câu châm ngôn hết như vậy.

1* Ở đây và tiếp theo; trong phần trích, những từ in nghiêng là do Ăng-ghen nhấn mạnh.

2* Các từ: "trong xã hội" do Ăng-ghen thêm vào.

3* Các từ: "những vị tông đồ của chân lý" được Ăng-ghen để trong ngoặc kép và

người ta khinh rẻ những của cải thấp hèn thì giờ đây lại chỉ tăng bậc các giai cấp hướng tới sự giàu có *per fas et nefas*^{4*}, giai cấp những tên đầu cơ ở sở giao dịch và những tên chủ bao mua lớn? Trước kia các

có tên tuổi đã dùng lương tâm uyển chuyển

bảo vệ luận điểm cho rằng chiếm đoạt và ăn cắp là những điều khác nhau. Làm sao mà giờ đây cũng chính những nhà triết học ấy lại biến thành những kẻ tán dương của giai cấp còn vô đạo đức hơn, bởi vì nó khẳng định rằng thói con buôn không phải là lừa đảo, rằng lừa bịp người mua không có nghĩa là ăn cắp của người mua, rằng việc đầu cơ ở sở giao dịch và việc bao mua hoàn toàn không có nghĩa là trấn lột giai cấp sản xuất, tóm lại, nên làm việc chỉ vì đồng tiền chứ không phải vì vinh quang; đây là điệp khúc mà giới thương gia đồng thanh lặp lại: "Chúng tôi không làm gì vì sự vinh quang"¹⁾. Có cần phải ngạc nhiên khi thấy những môn khoa học hiện đại đã đi chệch con đường chân chính, nếu như những môn khoa học ấy bảo vệ việc làm của những kẻ công khai truyền bá những nguyên tắc ấy?...

viết nghiêng.

4* - bằng mọi thủ đoạn chính đáng và không chính đáng.

Thương mại mang những hình thức khác nhau trong những giai đoạn phát triển xã hội khác nhau, bởi vì thương mại là điểm hội tụ của mọi đời sống xã hội và nó tồn tại chừng nào nói chung có của cải xã hội. Nhân dân trở nên có tính xã hội, tạo thành xã hội từ khi nhân dân bắt đầu tiến hành trao đổi. Vì vậy, thương mại diễn ra ngay từ khi còn chế độ mông muội, trong đó thương mại mang hình thức trao đổi trực tiếp. Dưới *chế độ phụ hệ* thương mại mang hình thức trao đổi gián tiếp; trong *chế độ dã man* cơ sở của phương pháp thương mại là những hình thức độc quyền, những giá cả tối đa và được ấn định, những vụ trưng thu cưỡng bức của chính phủ, còn trong *chế độ văn minh* thì có cạnh tranh cá nhân, hay là cuộc đấu tranh gian lận và vô trật tự^{1*}.

Chúng tôi thấy không cần nói nhiều về hình thức trao đổi trực tiếp ở người mông muội - chưa biết đến tiền. Có ai đó gặp may trong lần đi săn, thế là người ấy đem con thú săn bắt được đổi lấy những mũi tên do người khác chế tạo, người này không đi săn và cần đến thực phẩm. Phương thức

^{1*} Trong đoạn này chính Ăng-ghen truyền đạt nội dung biểu đồ của Phu-ri-ê "Bảng thống kê trình tự các phương pháp thương mại được áp dụng trong những thời kỳ khác nhau".

này chưa phải là thương mại, đó là sự trao đổi.

Phương thức thứ hai, trao đổi gián tiếp, chính là thương mại ban đầu. Nó do người trung gian tiến hành, anh ta *trở thành kẻ sở hữu những thứ mà anh ta không sản xuất ra và không có ý định tiêu dùng*. Phương pháp này, dù nó có dở như thế nào và dù nó có tạo địa bàn lớn như thế nào cho sự tuỵ tiện, song rất hữu ích trong ba trường hợp sau đây:

- 1) Ở những nước non trẻ chỉ có nông nghiệp, chưa có công nghiệp; đó là tình trạng của tất cả những nước thuộc địa ở thời kỳ đầu.
- 2) Ở những nước đường sá khó khăn như xứ Xi-bi-ri hoặc các vùng sa mạc châu Phi; những thương gia vượt qua cái nóng bức và rét buốt để đưa những vật phẩm cần thiết đến vùng xa xôi như vậy là người rất có ích.
- 3) Ở những nước bị áp bức và bị nô dịch, nơi mà người du mục chặn cướp các đoàn lạc đà thổ hàng, tống tiền các thương gia, nhiều khi còn giết cả thương gia - ở đó cần hết sức che chở cho những người không quản những hiểm nguy ấy vẫn đưa hàng hoá đến xứ sở xa xôi. Nếu thương gia ấy giàu lên thì cũng xứng đáng.

Trong ba trường hợp trên, các thương gia không phải là bọn đầu cơ ở sở giao dịch, không phải là người bao mua; họ không bán đi bán lại như một kẻ đầu cơ này bán cho kẻ đầu cơ khác những vật phẩm dành để tiêu dùng. Khi đến nơi họ công khai rao bán những vật phẩm ấy với người tiêu dùng tại nơi mua bán hoặc tại nơi họp chợ; họ đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp. Họ muốn kiếm tiền - chẳng có gì chính đáng hơn thế trong thế giới văn minh; ai gico hạt, người ấy xứng đáng hái quả. Nhưng rất ít khi các thương gia hài lòng với chức năng ấy của mình; đơn độc hoặc liên kết lại, họ tiến hành mưu mô để kìm hãm sự lưu thông hàng hoá và lập tức nâng giá.

Thương mại mang tính chất xấu xa từ khi những kẻ trung gian, do quá đông, trở thành những kẻ ăn bám trên cơ thể xã hội^{1} và thoả thuận với nhau để loại bỏ hàng hoá, tăng giá, lấy cớ là do nạn khan hiếm do chính họ tạo ra một cách giả tạo, tóm lại, nhằm bóc lột cùng một lúc cả người sản xuất, cả người tiêu dùng nhờ những thủ đoạn đầu cơ, thay vì công khai phục vụ người sản xuất và người tiêu dùng trong tư*

1* Những từ: "Trên cơ thể xã hội" do Ăng-gheh thêm vào.

cách đơn giản là kẻ trung gian. Sự trung gian môi giới công khai như vậy còn có thể thấy ở các chợ nhỏ của chúng ta ở nông thôn và thành thị. Người đứng ra mua một trăm con bê hoặc con cừu là người môi giới hữu ích đối với hai mươi nông dân mà nếu không thì những nông dân này đã phải mất nhiều ngày lao động để chở đến chợ ở thành phố. Nếu như sau khi đến chợ anh ta công khai bày bán gia súc của mình thì như vậy anh ta cũng phục vụ cả người tiêu dùng; nhưng nếu anh ta dùng những thủ đoạn có trời mới biết để thoả thuận với "những bạn buôn"^{2*} khác nhằm cất giấu ba phần tư số cừu, nói với các chủ hàng thị rằng cừu trở nên khan hiếm, rằng anh ta chỉ có thể cung cấp cho một ít *bạn bè*, nếu nhờ cái cớ ấy anh ta bán được với giá đắt hơn một nửa, gây cho người tiêu dùng nỗi lo lắng, rồi sau đó bắt đầu lần lượt đưa ra những con cừu mà họ cất giấu, đem bán chúng với những giá quá cao, vì nỗi lo sợ đã gico vào lòng người ta trước đó, nên anh ta bòn rút qua đó rất nhiều tiền của người tiêu dùng, - thì đây không còn là sự lưu thông đơn giản, không còn là hành động

2* Những từ: "những bạn buôn" ở đây và tiếp theo do Ăng-gheh để trong ngoặc kép.

công khai bán hàng hoá không kèm theo hành vi láu cá nào, - đây đã là sự lưu thông phức tạp, với những thủ đoạn lắt léo vô cùng đa dạng, làm nảy sinh ba mươi sáu tật xấu tiêu biểu cho hệ thống thương mại của chúng ta và nó chẳng khác nào độc quyền hợp pháp. Khi người ta dùng mách khoé để chiếm toàn bộ sản phẩm để tăng giá sản phẩm lên, thì điều đó có nghĩa là người ta dùng âm mưu để tiến hành hành động ăn cướp lớn hơn nhiều so với mức tổ chức độc quyền thực hiện bằng bàn tay vũ trang.

Tôi không bàn thêm nữa về phương pháp đặc trưng cho chế độ dã man. Phương pháp này bao gồm những giá tối đa, những vụ trưng thu và những biện pháp độc quyền còn rất thường được sử dụng cả trong nền văn minh. Như tôi đã nói ở chỗ khác, những cách thức hành động khác nhau, đặc trưng cho các thời kỳ riêng biệt, đã chuyển sang những thời kỳ khác; vì vậy, không nên ngạc nhiên khi thấy chế độ văn minh vay mượn những nét riêng lẻ của những giai đoạn phát triển cao hơn cũng như của những giai đoạn phát triển thấp hơn. Như vậy, cơ chế thương mại văn minh của chúng ta là sự pha trộn những đặc điểm tiêu biểu của tất cả các thời kỳ, song những

đặc điểm tiêu biểu cho giai đoạn văn minh chiếm ưu thế - mà các đặc điểm nói sau này còn ghê tởm hơn là các nét vốn có của thời kỳ dã man; bởi vì núp dưới bộ mặt hợp pháp, nền thương mại của chúng ta chẳng qua là sự ăn cướp có tổ chức và được hợp pháp hoá, khi mà bọn thương lái mỗi giới có thể cấu kết với nhau để gây tình trạng đất lên giá tạo của tất cả các mặt hàng thực phẩm và cướp đoạt của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng, vợi vã tích góp được những tài sản đầy tai tiếng lên đến 50 triệu mà những chủ nhân của các tài sản ấy còn than phiền rằng thương mại không được che chở, rằng các thương gia không thể tồn tại, rằng người ta không làm gì cả và rằng quốc gia sẽ tiêu vong nếu người ta đẩy thương nhân đến chỗ không thể kiếm được hơn 50 triệu đồng.

Trong khi đó có một môn khoa học mới^{1*} nào đó dạy chúng ta rằng cần dành cho những người ấy tự do hoàn toàn. Người ta nói với chúng ta: có điều là hãy dành cho thương nhân quyền tự do hành động; không có sự tự do ấy thì người thương lái vốn chỉ kiếm được có 50 triệu đồng có thể sẽ chỉ kiếm được vèn vèn một triệu đồng gì

1* Từ: "mới" do Ăng-ghehen thêm vào.

đó và gia đình khả kính của thương lái ấy sẽ phải sống bằng 50 nghìn phrăng tiền lãi.

Dii, talem avertite casum!*

Sự khinh bỉ thương mại, một sự khinh bỉ bẩm sinh của tất cả mọi dân tộc, chiếm ưu thế ở tất cả các dân tộc đáng kính trọng, trừ một số bộ lạc ven biển chuyên nghề buôn bán, họ thu được lợi lộc qua những hoạt động bòn rút kiểu con buôn và qua những vụ gian lận. A-ten, Ti-rơ và Các-ta-giơ từng thu được lợi nhuận qua thương mại, không thể biểu hiện thái độ khinh bỉ đối với thương mại; người nào cũng kiêng dè về những con đường đã dẫn anh ta đến sự giàu có, và nhà tài chính càng ít cười giễu cái nghề thuật khiến cho người ta có thể ghi những con số không vào các tài khoản hoặc giả để cho kẻ thù chiếm đoạt các sổ kế toán, trong khi đó đã giấu két bạc vào một nơi an toàn nhưng lại tuyên bố rằng kẻ thù đã cướp đi két bạc ấy cùng các sổ kế toán. Trên thực tế ở các dân tộc cổ đại, cũng như ở những con người thời đại mới, thương mại đã từng là đề tài chế giễu của tất cả các giai cấp khả kính. Làm sao có thể quý trọng cái nghề hoàn toàn mang tính chất gian lận, làm sao có thể quý trọng những

1* Xin các vị thánh thần giải cứu chúng con khỏi trường hợp này! (Lấy lại câu trong bản trường ca của Viéc-gi-ơ "Ê-nê-ít", qu.III).

con người mà trong mỗi lời nói của họ đều bộc lộ sự lừa đảo và những con người đó đã nhờ cái nghề thuật thuần khiết ấy mà kiếm ngay được nhiều triệu, trong khi người nông dân trung thực nhờ kinh nghiệm phong phú của mình, nhờ lao động và sự căng thẳng mà canh tác mảnh ruộng của mình thì trải trải mới tăng được một ít số thu nhập nhỏ nhoi của mình? Trong khi ấy đã một thế kỷ nay môn khoa học mới, được gọi là kinh tế học, đã tăng bậc tận chín tầng mây bọn con buôn, bọn gian lận ở sở giao dịch, bọn thương lái, bọn cho vay nặng lãi và bọn phá sản, bọn độc quyền và bọn thương nhân ăn bám; các chính phủ bị gánh nặng những khoản nợ ngày càng chồng chất và luôn tìm kiếm các phương thức làm sao có thể vay được tiền, đã buộc phải che giấu sự khinh bỉ của mình và thương hại cái giai cấp con buôn hút máu ấy, cái giai cấp khoá chặt hòm tiền của nền văn minh và bòn rút tất cả các báu vật của sản xuất nông nghiệp và công nghiệp dưới chiêu bài phục vụ nền sản xuất ấy. Không ai phủ nhận rằng thương mại bảo đảm vận tải, cung ứng, lương thực và phân phối, nhưng nó hành động như một người nô bộc làm một công việc thực sự đáng giá 10 000 phrăng nhưng lại đánh cắp của người chủ 10 000 phrăng mỗi năm,

mười lần lớn hơn con số mà hắn đã làm ra cho ông chủ của mình.

Cũng giống như anh chàng có tính hoang, thâm khinh bỉ anh chàng Do Thái, anh chàng tiêu hoang này tuần nào cũng đến với anh chàng Do Thái và để cho anh kia bóc lột mình, nhưng lần nào cũng rất lịch sự chào hỏi anh chàng Do Thái, cũng y như thế, các chính phủ ngày nay thấy cần ký một bản hoà ước tạm thời đây lòng khinh bỉ với giới thương nhân, tuy nhiên, giới thương nhân ấy lại có trọng lượng càng lớn một khi nó càng khéo léo hoà trộn với chính những chủ xưởng mà nó bóc lột.

Những nhà kinh tế học xem cái ổ gian phi con buôn ấy là nơi nuôi dưỡng giáo điều mới, là kho tàng các học thuyết, họ đã lật nhào đạo đức cùng với những mộng ước của mình về sự thật để đưa lên ngai vàng những kẻ họ yêu chuộng - bọn đầu cơ ở sở giao dịch và bọn bị vỡ nợ. Sau đó tất thấy các nhà khoa học lại bắt đầu đua nhau trong việc tự hạ nhục mình; trước tiên khoa học bắt đầu chấp nhận "những bạn buôn ấy"^{1*} như những nhân vật ngang hàng, - Vôn-te đã viết vở kịch nói về một thương

1* Những từ: "những bạn buôn" là do Ăng-ghen thêm vào.

nhân người Anh^{2*}. Ngày nay bọn đầu cơ ở sở giao dịch sẽ tha hồ cười giễu nếu như nhà khoa học dám mạo muội viết bi kịch nói về bọn chúng! Sự đầu cơ ở sở giao dịch đã lột bỏ mặt nạ nó không cần đến sự tán dương của các nhà khoa học nữa; nó muốn có sự tham gia bí mật, - *chẳng mấy chốc nữa nó sẽ muốn có sự tham gia hợp pháp vào chính phủ!* Hắn chúng ta đã thấy hội nghị ở A-khen đã không thể quyết định điều gì trước khi hai chủ ngân hàng đến dự¹⁶⁸.

Nhưng những học thuyết kinh tế, cho dù chúng có ca ngợi như thế nào đi nữa thân hình vàng của giới thương gia, thì cũng không thể xoá bỏ được sự khinh bỉ tự nhiên mà các dân tộc dành cho nó.

Thương mại vẫn còn là đối tượng khinh bỉ của giới quý tộc, giới tăng lữ, người có tài sản, giới quan chức, luật gia, nhà khoa học, nó còn bị sự khinh bỉ của giới họa sĩ, binh lính, của mọi giai cấp đáng kính. Thật là uổng công khi nó dùng những lý lẽ nguy biện bất tận để chứng minh với họ rằng cần kính trọng bọn hút máu hoạt động ở sở giao dịch, - dù sao lòng khinh bỉ bẩm sinh đối với loại

2* Ph. Vôn-te. "Da-i-ra" (vở bi kịch này nói về thương gia người Anh tên là Ê-vô-rác-đơ Phôn-cơ, người ngưỡng mộ và đờ đầu tác giả).

người mới phát lên đó vẫn còn ngự trị. Ai cũng chịu ảnh hưởng của giáo điều có sự trợ giúp của số mệnh, nhưng ai cũng tiếp tục thâm kín khinh bỉ lũ con buôn không hề bối rối trước điều đó và tiếp bước theo con đường chiếm đoạt. Làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là thế kỷ của chúng ta, cái thế kỷ đã công bố những tác phẩm nói về tội ác của biết bao nhiêu loại công dân, thậm chí nói về những tội ác của bọn theo chế độ liên bang ở Mỹ¹⁶⁹ chỉ tồn tại một tháng trong năm 1815, làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là cái thế kỷ ấy, một thế kỷ trong những bộ luật của mình và trong các ấn phẩm của mình nói về các tội ác đã không thương xót vua chúa, giáo hoàng - lại đã không một lần định công bố những tội ác của bọn con buôn? Trong khi ấy giới tác giả lại nhất tề than phiền rằng họ thiếu tư liệu. Để chỉ rõ cho họ thấy tài liệu này hữu ích đến mức nào, tôi đã phân tích một cách có hệ thống chỉ đọc một loại tội ác (trong số ba mươi sáu tội ác)^{1*} của giới con buôn trong thời đại văn minh. Dưới đây là ba mươi sáu đặc điểm tiêu cực của nền thương mại chúng ta trong điều kiện ngự trị của sự cạnh tranh cá nhân và đấu tranh hỗn loạn dựa

1* Những từ trong ngoặc đơn do Ăng-gheh thêm vào.

trên sự lừa đảo.

**BẢNG DỰ BÁO NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TIÊU BIỂU CỦA
THƯƠNG MẠI TRONG THỜI ĐẠI VĂN MINH^{2*}**

Những điểm then chốt: tài sản môi giới và tình trạng phân nhỏ của nông nghiệp:

1) Tính chất hai mặt của thương mại.

2) Xác định tùy tiện giá trị.

3) Tự do lừa đảo.

4) Tình trạng không đoàn kết, không có những cam kết với nhau^{3*}.

5) Biển thủ, phân tán tư bản.

6) *Sự sút giảm tiền công.*

7) *Sự tác nghẽn một cách giả tạo các nguồn cung ứng.*

8) *Tình trạng ứ thừa gây ra đình đốn.*

9) Sự chiếm đoạt ngược chiều.

10) Chính sách tàn phá.

11) *Tình trạng trì trệ, hay là tình trạng không có khả năng trả nợ phổ biến* (tác động ngược chiều và phản hồi).

12) *Tiền giả.*

13) Tình trạng hỗn loạn tài chính.

14) *Nạn dịch tội ác.*

15) Chính sách ngu dân.

2* Bảng dự báo này được nêu trong phần mào đầu "Đặt vấn đề" trong tác phẩm của Phu-ri-ê (một số mục do Ăng-gheh dẫn ra theo cách phỏng dịch; những chữ in nghiêng là do Ăng-gheh nhấn mạnh).

3* Những từ: "không có những cam kết với nhau" do Ăng-gheh thêm vào.

- 16) *Tính chất ăn bám.*
- 17) *Mua vét (accaparement).*
- 18) *Đấu cơ ở sở giao dịch.*
- 19) *Cho vay nặng lãi.*
- 20) *Lao động không có kết quả.*
- 21) *Xổ số công nghiệp (những trò đấu cơ ham mê).*
- 22) *Những hình thức độc quyền gián tiếp của các hàng hội khép kín.*
- 23) *Độc quyền của nhà nước, sự quản lý của nhà nước, bị ép buộc bởi sự xuyên tạc.*
- 24) *Độc quyền ngoại lai hay là độc quyền thuộc địa.*
- 25) *Độc quyền đường biển.*
- 26) *Độc quyền phong kiến, có tính đẳng cấp.*
- 27) *Sự khiêu khích không có cơ sở^{1*}.*
- 28) *Sự thua lỗ.*
- 29) *Nạn làm giả.*
- 30) *Sự huỷ hoại sức khoẻ.*
- 31) *Sự phá sản.*
- 32) *Buôn lậu.*
- 33) *Nạn cướp biển.*
- 34) *Quy định mức tối đa và sự trưng thu.*
- 35) *Nạn nô lệ đầu cơ.*
- 36) *Chủ nghĩa vị kỷ phổ biến.*

Trong ba mươi sáu đặc điểm ấy chúng tôi chỉ xem xét tỉ mỉ một đặc điểm, đó là tình trạng phá sản; trước đó tôi sẽ nói thêm đôi lời về một số đặc điểm khác.

II TÍNH CHẤT SAI LÂM CỦA NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA KINH TẾ LIÊN QUAN ĐẾN LƯU THÔNG

(ĐƯỢC CHỨNG MINH QUA VÍ DỤ VỀ BA ĐẶC ĐIỂM TIÊU
BIỂU CỦA THƯƠNG MẠI, ĐƯỢC CHỈ RA TRONG BIỂU
ĐỒ,
ĐÁNH SỐ 7, 8, 12: SỰ TẮC NGHẼN GIẢ TẠO CÁC NGUỒN
CUNG ỨNG, TÌNH TRẠNG Ứ THỪA GÂY RA ĐÌNH TRỆ
TRONG SẢN XUẤT, TIỀN GIẢ.)

Thế kỷ chúng ta có hết sức nhiều học
thuyết về sự vận động của công nghiệp,
nhưng vẫn không phân biệt được lưu thông
với nạn tắc nghẽn. Thế kỷ chúng ta lẫn lộn
lưu thông liên tục với lưu thông xen kẽ, lưu
thông giản đơn với lưu thông phức tạp. Tuy
nhiên, chúng ta hãy gác lại không bàn đến
những sự khác biệt khó khan ấy; cứ để các
sự thực nói lên, rằng những sự thực ấy sẽ là
cơ sở để chúng ta xác lập những nguyên lý
trái ngược hẳn với những nguyên lý của
kinh tế học.

^{1*} Từ: "không có cơ sở" do Ăng-ghen thêm vào.

Cũng như các dân tộc, các chính phủ cũng đồng ý rằng cần tuyên án tử hình những kẻ làm tiền giả, cũng như làm giả các chứng khoán quốc gia. Người ta cũng tuyên án tử hình bọn làm giả giấy bạc và tiền kim loại.

Thật là một biện pháp đề phòng rất sáng suốt. *Nhưng tại sao giới thương nhân lại có cái quyền làm tiền giả ấy, nếu như vì tội ác ấy những người khác bị đưa lên giá treo cổ?*

Mỗi tờ kỳ phiếu do thương nhân phát ra đều chứa đựng khả năng giả mạo, vì hoàn toàn không thể tin chắc được rằng đến lúc nào đó tấm kỳ phiếu ấy sẽ được thanh toán. Mỗi kẻ có ý định gây ra sự phá sản thì đều làm cho lưu thông tràn ngập những tấm kỳ phiếu của mình mà hẳn tuyệt nhiên không có ý định thanh toán vào lúc nào đó. Bằng cách ấy trên thực tế hẳn đã làm tiền giả và tán phát những đồng tiền ấy.

Người ta có thể phản bác lại rằng cả người khác cũng được hưởng đặc quyền ấy, rằng bất kỳ người nào có của như thương nhân đều có thể đưa kỳ phiếu vào lưu thông.

Không phải thế. Người có của không có khả năng ấy. Quyền trở thành hư ảo nếu ta không thực hiện được nó. Bằng chứng là quyền hiến định của nhân dân được có chủ quyền, một thứ đặc quyền có tính chất

khoa trương, trong đó người bình dân không có thậm chí khả năng ăn trưa khi trong túi anh ta không có một xu nào. Nên nhớ rằng từ yêu sách về chủ quyền đến yêu sách về bữa ăn trưa có một khoảng cách rất xa. Nhiều quyền tồn tại y như vậy, ở trên giấy, chứ không phải trong thực tế, và việc trao các quyền ấy là sự xúc phạm đối với những ai không thể đạt được thậm chí những quyền còn ít quan trọng hơn đến trăm lần.

Với người có của khi phát hành các tấm kỳ phiếu thì tình hình cũng y như vậy. Người ấy có quyền phát hành các kỳ phiếu, y như người bình dân có quyền đòi chủ quyền; nhưng có quyền và thực hiện quyền ấy là hai vấn đề rất khác nhau. Nếu người có của phát hành kỳ phiếu thì sẽ không tìm được ai chịu nhận tấm kỳ phiếu ấy mà không có đảm bảo, và người ta có thái độ đối với người có tài sản ấy như là một người có ý định phát hành tiền giả. Người ta sẽ đòi giấy thế chấp số bất động sản hoàn toàn không bị mắc nợ, ngoài ra còn đòi thêm những khoản lợi tức rất cao. Với cái giá như vậy các tấm kỳ phiếu của người sở hữu tài sản sẽ được phân bổ và với một sự bảo đảm như vậy những tấm kỳ phiếu ấy sẽ trở thành những đồng tiền có giá thật sự, chứ không phải

những đồng tiền
 ma như những tấm kỳ phiếu của tên con
 buôn lợi dụng tước hiệu của mình "người
 bạn buôn" để tìm cách đưa vào lưu thông
 hàng triệu tấm kỳ phiếu "có giá", trong khi
 không hề có sẵn lấy một phần trăm giá trị
 của con số một triệu ấy, thậm chí 10 000
 phrăng để làm đảm bảo cho một triệu ấy.
 Thật khéo làm sao khi các chính phủ để
 người khác lừa bịp mình qua việc cho
 phép họ tước đi của mình khả năng ấy,
 nhưng lại bảo đảm khả năng ấy cho
 thương gia!^{1*} Thương gia có khoản bảo
 đảm mười nghìn phrăng, nhưng lại đưa
 vào lưu thông số kỳ phiếu trị giá một
 triệu; nếu hấn muốn thì hấn có được
 quyền làm việc đó và có được sự bảo hộ;
 hấn có quyền tung vào lưu thông khối
 lượng chứng khoán, mà luật pháp thì lại
 không thể điều tra xem hấn phân bố tư
 bản của hấn như thế nào, hấn có gì để làm
 vật bảo đảm. Một ngân khố có số bảo đảm
 mười triệu sẽ có quyền - với tỷ lệ như vậy
 - phát hành số chứng khoán lên đến một
 tỷ đồng. Nhưng nếu có một chính phủ nào
 đó định hành động như vậy mà không
 tham vấn công luận, không thông báo cho
 công luận biết động cơ của mình thì chính

phủ ấy sẽ bị mất uy tín, sẽ đẩy đất nước
 mình vào tình trạng hỗn loạn về chính trị;
 chính phủ ấy sẽ chỉ làm đúng cái việc như
 thế, sẽ sử dụng đúng cái đặc quyền mà có
 bao nhiêu tên mưu mô quỷ quyệt - nhiều
 khi cũng không có nổi một phần trăm
 những sự bảo đảm ấy và hoàn toàn không
 xứng đáng nổi công việc làm ăn của mình
 - hưởng dụng.

Người ta có thể trả lời rằng những kẻ mưu
 mô ấy biết cách thuyết phục những kẻ khờ
 dại, biết cách chiếm được lòng tin của họ;
 qua đó mà người ta tôn điều sau đây lên
 thành nguyên tắc của thương mại: nghệ
 thuật lừa bịp những con người tốt bụng và
 cả tin đáng nhận được mọi sự bảo trợ, hơn
 nữa, sự bảo trợ này phải được giới hạn ở
 giới thương nhân và không áp dụng cho
 chính phủ. Tôi không khẳng định rằng phải
 cho phép cả hai phía ấy áp dụng cái nghệ
 thuật cao quý ấy, trái lại, cần phải cấm chỉ
 giới thương nhân áp dụng nghệ thuật ấy,
 giống như các người cầm quyền bị cấm
 làm việc đó.

Qua những điều nói trên ta thấy rằng
 thương nhân có khả năng *phát hành
 tiền giả dưới hình thức kỳ phiếu* (đặc
 điểm tiêu biểu thứ mười hai) - đó là tội
 ác chẳng khác gì tội của kẻ làm tiền giả,
 vì tội ấy mà nhiều loại tên bịp bợm
 khác bị đưa lên giá treo cổ, - và thấy rằng

1* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê viết: "tripoteur" (kẻ đầu cơ).

hệ thống thương mại của các dân tộc văn minh đã hợp pháp hoá và bảo vệ *việc thi đua lừa bịp* (đặc điểm tiêu biểu thứ ba).

Đáp lại lời buộc tội làm tiền giả và đáp lại những điểm quy tội khác, người ta có thể trả lời rằng cần có các thương nhân để tiến hành lưu thông, rằng các quan hệ giao dịch sẽ không tiến hành được nếu các nhân vật đại diện ấy bị trói tay, rằng như thế nhà nước sẽ làm lung lay uy tín quốc gia và sẽ đánh liều toàn bộ nền công nghiệp của mình.

Hoàn toàn đúng là thương mại có thuộc tính *ngày càng trói chặt chúng ta trong xiềng xích khi cơ thể xã hội biểu hiện những dấu hiệu kháng cự*. Ngay khi một biện pháp hành chính nào đó hạn chế những trò gian manh của thương nhân là thương nhân hạn chế cho vay, làm tê liệt lưu thông, và thế là nhà nước muốn xoá bỏ khuyết tật trước kia thì rồi cuộc lại tạo ra những tật xấu mới. Sự tác động này được biểu thị trong biểu đồ, dưới cái tên: tác động phản hồi (đặc điểm tiêu biểu thứ mười một).

Người ta vin vào mối nguy ấy để đề ra nguyên tắc: chỉ cần các vị dành cho các

thương nhân được tự do hành động thì sự tự do đầy đủ của họ sẽ bảo đảm lưu thông.

Đây là nguyên tắc hết sức sai lầm, bởi vì chính sự tự do đầy đủ ấy để ra tất cả những thủ đoạn gian manh hết sức có hại cho lưu thông: sự đầu cơ ở sở giao dịch, nạn mua vét, tình trạng phá sản, v.v. mà từ đó nảy sinh hai đặc điểm tiêu biểu:

7) Tình trạng tác nghẽn giả tạo các nguồn cung ứng.

8) Tình trạng ứ thừa gây ra đình đốn.

Chúng ta hãy xem hai đặc điểm ấy có ảnh hưởng như thế nào đến lưu thông.

Thương nghiệp không bằng lòng với việc chuyển sang hàng hoá từ tay người sản xuất sang tay người tiêu dùng, họ hoạt động mưu mô qua việc mua vét và đầu cơ ở sở giao dịch để gây ra tình trạng đất đỏ giả tạo của những loại thực phẩm mà vào thời điểm ấy không có dồi dào. Năm 1807 do sự đầu cơ ở sở giao dịch mà giá đường vào tháng Năm đã đột ngột tăng lên đến năm phrăng, nhưng đến tháng

Bảy thì cũng đường ấy lại tụt giá xuống còn hai phrăng tuy rằng không có chuyển vận chuyển mới nào đến đó.

Nhưng sự đầu cơ ở sở giao dịch đã bị phá vỡ bằng thông tin sai lạc, và bằng con đường đó giá đường được đưa trở lại giá trị thực của nó; những trò mưu mô và sự lo ngại - được tạo ra một cách giả tạo - về khả năng chấm dứt vận chuyển đường đến đã được khắc phục; trò mưu mô và việc tạo ra một cách giả tạo tình trạng hoảng loạn diễn ra hàng ngày đối với một mặt hàng thực phẩm nào đó và *tạo ra* tình trạng thiếu mặt hàng đó, tuy rằng trên thực tế không có tình trạng thiếu mặt hàng này. Năm 1812 khi mùa màng được bảo đảm và bọn mua vét bị thất vọng thì người ta có thể chứng kiến những khối lượng lớn ngũ cốc và bột mì bỗng dung tuôn chảy ra từ các kho chứa của chúng. Như vậy, đã không có tình trạng khan hiếm nào cả và nói chung đã không có nguy cơ bị đói nào cả nếu như số lượng thực phẩm dự trữ này được phân phối hợp lý. Nhưng thương mại có thuộc tính là nó có thể đình chỉ cung ứng, làm tắc nghẽn lưu thông, tạo ra những nỗi sợ hãi hoảng loạn và nạn đói giả tạo ngay *trước* khi mối nguy cơ xuất hiện, ngay khi tiên đoán khả năng xuất hiện nguy cơ ấy.

Cũng tác động ấy diễn ra cả trong trường hợp có dồi dào khi thương mại kìm hãm sự cung ứng, gây ra một cách giả tạo sự lo sợ thừa ứ. Trong trường hợp thứ nhất nó tác động tích cực qua việc mua trữ và rút khỏi lưu thông những số thực phẩm dự trữ; trong trường hợp thứ hai nó tác động tiêu cực qua việc không mua hàng và để giá cả tụt xuống đến mức nông dân không thể hoàn lại cho mình ngay cả các chi phí sản xuất. Từ đó nảy sinh đặc điểm tiêu biểu thứ tám của thương mại - tình trạng ứ thừa gây ra sự đình đốn.

Giới thương nhân trả lời rằng họ không có lý do gì phải mua một khi không thấy trước có lợi nhuận, và rằng họ không điên rồ đến mức dự trữ ngũ cốc làm quá tải các kho chứa của mình, nếu như không có hy vọng gì về việc nâng giá và nếu họ có thể đầu tư, một cách có lợi lớn hơn nhiều, những số vốn của mình vào những mặt hàng mà sự khan hiếm về chúng - sự khan hiếm ấy dễ dàng tăng lên thông qua việc mua vét - hứa hẹn đem lại lợi nhuận cho họ.

Có đúng đây là những nguyên tắc thuận tiện và dễ chịu trong một hệ thống xã hội mà chỉ ở đó người ta mới có thể nói đến chúng, còn gì nữa về những bảo

đảm cho nhau? Vậy là, khi nào họ muốn thì giới thương gia được miễn làm nghĩa vụ phục vụ cơ thể xã hội. Điều này giống như trường hợp quân đội được phép lẩn tránh việc chiến đấu vào thời điểm có nguy cơ và phục vụ mà chỉ tính đến lợi ích của mình, chứ không tính đến lợi ích của quốc gia. Đó là chính sách thương mại ở nước ta, nó hiểu một cách phiến diện như thế về tất cả mọi sự cam kết^{1*}.

Vào năm 1820 tại những tỉnh khác nhau, nơi mà giá bán 4 phrăng chỉ đủ bù chi phí sản xuất, giá lúa mì tụt xuống dưới ba phrăng. Tình trạng ấy lẽ ra đã không xảy ra nếu như giới thương nhân Pháp thu mua kịp thời - như lẽ ra phải làm trong hệ thống có đi có lại thích ứng với lợi ích của cả hai bên - số lương thực ấy để cung ứng cho 30 triệu dân trong sáu tháng. Khối lượng dự trữ ấy nếu được rút ra khỏi lưu thông và cất giấu trong các kho chứa, sẽ duy trì được giá cả của số ngũ cốc còn lại, và người nông dân sẽ không bị thiệt thòi do sản phẩm của mình bị mất giá và do không bán được sản phẩm. Nhưng hệ thống thương mại của chúng ta lại tác động chính là theo tính thần ngược lại; nó làm gia tăng sức ép do tình trạng ứ thừa và làm tăng nạn

1* Hai đoạn tiếp theo trong tác phẩm của Phu-ri-ê, Ăng-ghen đã bỏ qua.

đói, và như vậy, nó tác động theo khuynh hướng phá hoại trong cả hai hướng. Tôi đã chọn đặc điểm thứ tám - tình trạng ứ thừa gây ra sự đình đốn, nhằm chỉ rằng phương pháp thương mại hiện hữu chứa đựng trong mình nó những khuyết tật tiêu cực cũng như tích cực và nhiều khi nó có nguy cơ không can thiệp và không biết cách giúp ích trong trường hợp cần thiết, ngay cả khi đó là một sự trợ giúp dễ thực hiện. Bởi vì trong thời gian có nạn đói khi cần có 500 triệu để mua vét lúa mì thì lập tức có ngay số tiền ấy; nhưng nếu số tiền ấy cần thiết để phòng ngừa, để bổ sung cho các kho chứa vào thời kỳ dư thừa thì sẽ không có nổi năm trăm ta-le^{2*}. Không có sự có đi có lại, cũng không có điều khoản đảm bảo trong bản hợp đồng ký giữa cơ thể xã hội và tập đoàn thương gia. Tập đoàn thương gia chỉ phục vụ lợi ích của chính mình, chứ không phải lợi ích của xã hội, và kết quả là rất nhiều khoản vốn mà tập đoàn này đầu tư là một sự biến thủ của toàn bộ nên sản xuất. Trong biểu đồ, ở mục liệt kê những đặc điểm tiêu biểu tôi đã gọi sự biến thủ này là: "phân tán tư bản". Như vậy, ở cả hai cực của thương mại đều

2* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê viết: "ê-quy".

không hề có những sự cam kết
mấy may nào đối với cơ thể xã hội, cơ thể
này bị trói chân tay, bị đem làm mồi
cho con quái vật Mi-nô-ta-vrô và đảm bảo
cho nó có được quyền lực độc tài đối với tư
bản và đối với các tư liệu sinh hoạt. Chính
là quyền độc tài! Bởi vì sau ngân ấy lời nói
âm ỉ chống lại nền độc tài, người ta vẫn
chưa phát hiện thấy một nền độc tài *thực sự*
như *nền độc tài của thương mại*, tên
chuyên chế đích thực trong thế giới văn
minh!^{1*}.

Qua tất cả những điều kể trên ta thấy rằng
cơ chế văn minh bảo đảm cho giới thương
gia được hoàn toàn không bị trừng phạt về
tội làm tiền giả, một tội mà những hạng
người khác phạm phải thì bị án tử hình, và
cái cố để không bị trừng phạt là sự giúp đỡ
mà tựa hồ như các thương gia dành cho
khâu lưu thông; thực ra họ khước từ giúp
đỡ khâu lưu thông; theo ý nghĩa tích cực
thì bằng con đường làm tác nghẽn giả tạo
các nguồn cung ứng, theo ý nghĩa tiêu cực
thì bằng sự dối đảo gây nên tình trạng đình
đốn.

Thêm vào tính chất dễ đánh lừa của các kết
quả lại còn tình trạng hoàn toàn không có

nguyên tắc nào cả. Các nhà kinh tế học
thừa nhận rằng khoa học của họ tuyệt
nhiên không có những nguyên tắc xác
định; quả thật điều đó là tính vô nguyên tắc
quá quắt - dành tự do hoạt động hoàn toàn
cho loài người mỗi giới đã đối bại đến mức
như đám thương gia.

Kết quả là sự phát triển của thương mại
diễn ra một cách nhảy vọt, co giật, với
những điều bất ngờ và thái quá đủ loại như
ta có thể thấy hàng ngày trong cơ chế
thương mại hiện nay chỉ để ra sự lưu thông
ngát quãng, không có những bước chuyển
tiếp đều đặn, không có sự cân đối và sự
vững chắc.

Một trong những kết quả đáng chú ý của
tình trạng lộn xộn ấy là nhân dân dám chỉ
trích chính phủ có những sự lạm dụng tài
chính mà họ không bao giờ dám quở trách
giới thương gia về những sự lạm dụng ấy.
Bằng chứng về điều đó là hai vụ phá sản:
của những giấy bạc ngân hàng Lô và của
những tín phiếu¹⁷⁰. Đây không phải là những
vụ phá sản đột ngột, từ lâu người ta thấy
những vụ phá sản này đang đến gần; lẽ ra có
thể ngăn ngừa những vụ ấy bằng một sự hy
sinh cục bộ kịp thời. Mặc dù có những tình
huống giảm nhẹ, nhưng công chúng không
hề khoan dung. Công chúng đã tuyên bố
một cách đúng đắn rằng những giấy bạc

^{1*} Trong đoạn này Ăng-ghen đã phần nào lược dịch và phỏng dịch nguyên tác của
Phu-ri-ê.

ngân hàng Lô và những tín phiếu là tiền giả,
là sự ăn cướp có vũ trang.

Nhưng vậy tại sao chính đám công chúng
ấy lại cao thượng chịu đựng hành động
phát hành tiền giả ở đám thương nhân, là
hành động mà công chúng ấy đã không tha
thứ cho các chính phủ ngay cả khi các
chính phủ tỏ ra khá thận trọng, qua việc
chuẩn bị vụ phá sản bằng cách từ từ giảm
giá, tạo điều kiện cho các chủ nhân giấy
bạc có thể tránh được phá sản? Đối với
những người sở hữu các chứng khoán có
giá thì không có khả năng ấy. Sự phá sản
ập đến với họ như cú sét đánh. Có những
người hôm nay khi đi ngủ còn là chủ sở
hữu 300 000 phrăng, đến sáng hôm sau khi
thức dậy thì chỉ sở hữu có

100 000 phrăng do sự phá sản. Hội nghị
quốc ước đã bắt chước lễ thói ấy trong
chiến dịch tích tụ một phần ba giá trị danh
nghĩa¹⁷¹; nó đã không ngớt bị chỉ trích về
hành động ấy, được coi là hành động ăn
cướp hoàn toàn đủ bằng chứng. Vậy mà
người ta vẫn dành cho từng thương nhân
cái quyền thực hiện những vụ ăn cướp còn
trắng trợn hơn và để cho hần, khi tuyên bố
phá sản, chiếm đoạt hai phần ba số giá trị
mà nó nhận lại, trong khi Hội nghị quốc
ước đã không thanh toán hai phần ba số
tiền mà nó chưa bao giờ nhận. Những tội

ác của đám thương nhân lại còn đáng phần
nợ hơn biết bao nhiêu nữa nếu so sánh
chúng với những hành động chính trị bị ôi
thậm chí hết sức lớn khác!^{1*}

Những chi tiết tiếp nữa sẽ cho thấy rằng
chính sách hiện nay, bằng cách trao việc
buôn bán cho những thương nhân tự do,
hoàn toàn được miễn mọi cam kết, như vậy
là đã có hành động thả sói vào chuồng cừu
và gây ra mọi hành động ăn cướp.

Bây giờ chúng ta chuyển sang hiện tượng
phá sản để miêu tả hiện tượng này tí mỉ
hơn một chút.

III NGÔI THỨ PHÁ SẢN

Khi tội ác xảy ra rất thường xuyên thì
người ta quen với nó và người ta trở
thành những nhân chứng hờ hững nhìn
tội ác diễn ra¹⁷². Ở I-ta-li-a hay ở Tây
Ban Nha, người ta rất bình thản nhìn tên
sát nhân lén dùng dao găm giết chết
nạn nhân đã định sẵn rồi chạy vào nhà thờ
là nơi tên sát nhân không bị trừng phạt. Ở
I-ta-li-a có thể chứng kiến các bậc cha mẹ
làm tàn phế và giết chết con cái mình để

1* Trong nguyên tác của Phu-ri-ê tiếp theo là những từ: "như những hành động tội
ác của Hội nghị quốc ước".

hoàn thiện giọng nói của chúng, và các vị phục vụ "chúa trời" khuyến khích những hành động tàn ác ấy để có được những giọng hát hay cho dàn đồng ca của nhà thờ. Những hành động ghê tởm ấy gây nên sự phẫn nộ ở bất kỳ một dân tộc văn minh nào nếu những hành động ấy diễn ra ở xứ sở của họ, - nhưng, đến lượt họ, ở mỗi dân tộc ấy^{1*} lại có những tập tục đáng phẫn nộ khác khiến người I-ta-li-a phải sôi máu lên. Nhưng nếu một dân tộc này rất khác một dân tộc kia bởi những tập tục và quan niệm của mình trong thời đại văn minh, thì về mặt này sự khác nhau sẽ ra sao giữa một thời đại xã hội này với một thời đại xã hội khác, những tật xấu được chịu đựng trong thời đại văn minh sẽ bị coi là ghê tởm đến mức nào trong những thời đại xã hội khác, ít hoàn thiện hơn! Thật khó tin được rằng tại những nước tự xưng là những nước có tổ chức tốt lại có thể chịu đựng, dù là trong giây lát, những điều bỉ ổi như nạn phá sản^{2*}.

Nạn tuyên bố phá sản là trò lừa đảo mang tính chất sáng tạo nhất và vô liêm sỉ nhất chưa từng tồn tại bao giờ; hành động tuyên

bố phá sản bảo đảm cho mỗi thương nhân có khả năng hâm nóng công chúng về một số tiền nào đó tương ứng với tài sản hoặc tín nhiệm của người đó, như thế một kẻ giàu có có thể nói: tôi khai trương công việc buôn bán vào năm 1808; đến ngày nào đó trong năm 1810 tôi dự tính biến thủ ngân nào đó triệu đồng, dù chúng là của bất kỳ ai.

Chúng ta hãy gác lại một hiện tượng nhất thời - bộ luật mới của Pháp¹⁷³ và ý định của bộ luật ấy trừng phạt về tội phá sản. Vì có những ý kiến khác nhau về thành công của ý đồ ấy và đã có những cách thức qua mặt các đạo luật mới, cho nên chúng ta hãy để cho thực tiễn giải quyết vấn đề này, còn tạm thời cơ sở suy luận của chúng ta là những sự thực mọi người đã biết cho đến nay; chúng ta hãy xem xét tình trạng lộn xộn là kết quả của học thuyết triết học và của nguyên lý triết học: dành cho giới thương nhân quyền tự do hoàn toàn mà không đòi phải có một bảo đảm nào về sự biết điều, tính trung thực và khả năng thanh toán của từng thương gia.

Do đó mà nảy sinh nạn phá sản, bên cạnh những tội lạm dụng khác, tuyên bố phá sản

1* Phu-ri-ê nêu ra các dân tộc ấy: "Pháp, Đức, Nga, Anh".

2* Câu sau cùng do Ăng-ghen lược dịch.

là hành động ăn cướp đáng ghê tởm hơn nhiều so với hành động ăn cướp trên đường cái quan. Tuy nhiên, người ta đã quen với hành động ăn cướp ấy và chịu đựng nó đến mức người ta thậm chí thừa nhận ngay cả *các vụ phá sản trung thực*, trong đó tên đầu cơ chỉ biến thủ một nửa thôi.

Chúng ta hãy chuyển sang mô tả tỉ mỉ hành động anh hùng mà các dân tộc cổ xưa ít biết đến ấy. Kể từ đó hành động anh hùng ấy đã phát triển tuyệt vời. Nó tạo điều kiện cho những nhà phân tích có thể quan sát hàng loạt giai đoạn phát triển xác nhận các thành quả của năng lực hoàn thiện của chúng ta.

***THỨ BẬC CỦA HIỆN TƯỢNG PHÁ SẢN. ĐẶC ĐIỂM
TIÊU BIỂU THỨ 31. NHỮNG TỘI ÁC CỦA GIỚI THƯƠNG
NHÂN. LOẠT TỰ DO TRONG BA CẤP, CHÍN LOẠI,
BA MƯƠI SÁU KIỂU¹⁷⁴***

***CÁNH HỮU, HAY LÀ CÁNH ĐI LÊN - NHỮNG DẠNG ĐỂ
DÀNG***

I. NHỮNG LOẠI VÔ TỘI

- 1) Sự phá sản ngay thơ.
- 2) Sự phá sản liều mạng.
- 3) Sự phá sản thâm lạng.

- 4) Sự phá sản sau khi chết.

II - NHỮNG LOẠI ĐÁNG KÍNH

- 5) Sự phá sản của kẻ khờ dại.
- 6) Sự phá sản điên rồ.
- 7) Sự phá sản vô nguyên tắc.

III - NHỮNG KẸ QUYẾN RŨ

- 8) Sự phá sản ổn thoả.
- 9) Sự phá sản mang phong thái tốt.
- 10) Sự phá sản lịch sử.
- 11) Sự phá sản do nhĩa.
- 12) Sự phá sản uỷ mị.

TRUNG TÂM CỦA LOẠT. - NHỮNG DẠNG ĐỒ SỘ

IV. CÁC NHÀ CHIẾN THUẬT

- 13) Sự phá sản béo bở.
- 14) Sự phá sản mang tính thế giới chủ nghĩa.
- 15) Sự phá sản đầy hứa hẹn.
- 16) Sự phá sản siêu

việt.

17) Sự phá sản từ từ.

V. NHỮNG KẺ LỰA CHIẾU

18) Sự phá sản bằng

hoả lực quét.

19) Sự phá sản như đội

hình khép kín.

20) Sự phá sản với đội

hình hành quân.

21) Sự phá sản với đội

hình tấn khai.

VI. NHỮNG KẺ GÂY PHẢN NỘ

22) Sự phá sản đại quy

mô.

23) Sự phá sản rộng

lớn.

24) Sự phá sản theo

tinh thần Át-ti-la.

CÁNH TRÁI, HAY LÀ CÁNH ĐI XUỐNG. - NHỮNG DẠNG KHÔNG TRONG SẠCH

VII. NHỮNG TÊN LỪA LỘC NHAM HIỂM

25) Sự phá sản để bồi

hoàn.

26) Sự phá sản ngoại

hạng.

27) Sự phá sản

crescendo^{1*}.

28) Sự phá sản giả dối.

VIII. NHỮNG KẺ BÔI BÁC

29) Sự phá sản trên cơ

sở ảo tưởng.

30) Sự phá sản vì tàn

phế.

31) Sự phá sản do tuyệt

vọng.

32) Sự phá sản đều

cánh.

IX. NHỮNG NGƯỜI ANH EM GIẢ

33) Sự phá sản bị

bọm.

34) Sự phá sản của kẻ

bị treo cổ.

35) Sự phá sản hú họa.

36) Sự phá sản làm tròn

cười.

IV

CÁNH ĐI LÊN CỦA NHỮNG KẺ PHÁ SẢN

1* - ngày càng gia tăng.

Trong thế kỷ rất đỗi bại, rất tham tàn, ta sẽ tự biến thành trò cười cho mọi người nếu ta có ý định dùng giọng thầy giáo để chống lại những tật xấu mà mọi người chấp nhận. Sẽ hợp lý hơn nhiều nếu hành động theo giọng điệu đang ngự trị và xem xét các tội ác xã hội từ khía cạnh nực cười của chúng. Như thế, tôi sẽ chứng minh rằng hành động phá sản là hành động bịp bợm nực cười hơn nhiều so với mức lượng định của những kẻ a tòng và bảo vệ hành động ấy, những kẻ ấy coi những trò ăn cướp con buôn của hành động ấy chỉ là những trò vụn vặt đáng yêu.

Mọi cái đều có tính chất tương đối trong tật xấu cũng như trong đức hạnh. Và bọn ăn cướp có những khái niệm của chúng về công bằng và danh dự. Vì thế không nên ngạc nhiên khi thấy rằng cả bọn phá sản cũng chấp nhận, trong giới của mình, những nguyên tắc nào đấy và những mức độ khác nhau của sự đê uố. Tôi lấy điều đó làm cơ sở cho biểu đồ của tôi. Tôi phân biểu đồ này, theo quy tắc thông thường, thành ba phần, trong đó phần thứ nhất bao gồm những sắc thái nhẹ nhàng, mỹ miều; phần thứ hai gồm những tính cách oai vệ, cao siêu; phần thứ ba gồm những dạng tâm thường, không độc đáo. Cánh bên phải mở đầu cuộc diễu hành.

NHỮNG NGƯỜI VÔ TỘI

1) *Sự phá sản ngay thơ* - đây là sự phá sản của một anh chàng nhãi nhép đi những bước đầu tiên trong sự nghiệp của mình, và đã thiếu suy nghĩ, chưa có được một sách lược chuẩn bị mà đã giờ trò lừa bịp, tự tuyên bố đã phá sản. Vị chường khế chẳng khó khăn gì trong việc thu xếp sự việc này.

Ông ta mô tả hành động ấy như là một hành động điên rồ của tuổi thanh niên, ông nói: giới trẻ trông cậy vào lòng khoan dung của các vị, thưa các ngài chủ nợ^{1*}. Câu chuyện khó chịu ấy kết thúc bằng sự hân hoan của mọi người, bởi vì những sự phá sản của những anh chàng non nớt ấy luôn luôn có sự đa dạng nhờ những sự cố nực cười: những kẻ cho vay nặng lãi bị lừa bịp, những kẻ keo kiệt được thân bí hoá^{2*} v.v..

Kẻ bị phá sản loại đó có thể cả gan làm nhiều việc lừa đảo; giấu giếm hàng hoá, những vụ vay mượn tai tiếng, ăn trộm của những người thân, bạn bè, hàng xóm; mọi

1* Những từ: "các ngài chủ nợ" là do Ăng-ghen thêm vào.

2* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê là: ""những tay Ác-pa-gông" được thân bí hoá" (Ác-pa-gông là nhân vật chủ yếu trong vở hài kịch của Mô-li-e: "Lão hà tiện").

cái đều bị số toét bằng một lý lẽ của một kẻ đồng lõa nào đó, tuyên bố với các chủ nợ đang nổi giận: "Các ngài muốn gì? Đây vẫn còn là một cậu bé chưa am hiểu công việc, phải bỏ qua điều này; với thời gian anh ta sẽ trưởng thành".

Những anh chàng non trẻ phá sản này có được một sự hậu thuẫn lớn đối với mình - sự cười giễu. Trong thương mại có nhiều sự giễu cợt; ở đây người ta có xu hướng cười giễu những kẻ bị lừa nhiều hơn là lên án những tên bịp bợm, và nếu kẻ bị phá sản bị những người khác cười giễu mình thì anh ta có thể tin chắc rằng chẳng lâu nữa đa số chủ nợ của mình sẽ đầu hàng, và anh ta sẽ lập tức đạt được sự thoả thuận.

2) *Sự phá sản liêu mạng* - đó là sự phá sản của một số tay mới bắt đầu chơi theo kiểu được ăn cả ngã về không, của những kẻ nhảy nước đại, lao vào những vụ làm ăn và đầu cơ điên rồ, bỏ ra những số tiền lớn, làm bộ như là những nhân vật quan trọng để nhằm nhận được ngay khoản tín dụng tạm thời và khéo léo giữ nó cho mình bằng một sự hy sinh kín đáo. Sau khi đã lao vào hoạt động đầu cơ, những kẻ liêu lĩnh ấy phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác và thường kết thúc bằng hành động trốn chạy. Người

ta biện minh vụ việc như là một việc làm cầu thả bôi bác, và người ta dễ dàng giải quyết vụ việc ấy, bởi vì cũng như vụ việc trước đó, vụ việc này cung cấp đề tài cho những sự cười giễu.

Những kẻ liêu lĩnh ấy là một hiện tượng rất thường thấy ở Pháp, tại đó người ta gọi những kẻ liêu lĩnh ấy là bọn đầu cơ. Lối chơi rất chính xác của bọn người này là đẩy nhanh kết cục sao cho sự sụp đổ của họ xảy ra đúng vào lúc người ta cho rằng họ mới chỉ bắt đầu và ai ai cũng cho họ vay để làm công việc đầu tiên, vì nghĩ rằng kẻ liêu lĩnh ấy sẽ không thất bại ngay trong năm đầu.

3) *Sự phá sản thâm lặng*, một cách bí mật - đó là sự phá sản, khi mà con nợ đang gặp khó khăn đề xuất "một sự thoả thuận nhỏ", một khoản giảm lãi suất 25%, hay là một sự trang trải bằng hàng hoá với khoản tăng giá 25%. Người môi giới giải thích với các chủ nợ rằng điều đó rất có lợi cho họ, vì nếu gây sức ép với đương sự hoặc buộc đương sự phải tự tuyên bố vỡ nợ thì khoản thua thiệt ít nhất sẽ là 50%.

Trong thương mại người ta rất khẩn khoản đòi cách thanh toán tương đối loại đó. Có nhiều tên bịp bợm sau khi đã trấn lột của

các vị 30%, sau đó lại chứng minh với các vị rằng các vị đã kiếm được nhiều tiền, bởi vì những tên lừa đảo ấy đã không lột hết 50% của các vị. Số khác lại khẳng định rằng họ chịu những khoản thua thiệt lớn, bởi vì họ kiếm được, trên lưng các vị, không quá 40%, mà lẽ ra phải kiếm được 60%. Lối tính toán ấy có vẻ nực cười, nhưng trong thương mại đã được mọi người công nhận; lối tính toán này đạt đến thành công đầy đủ của nó trong sự phá sản thảm lạng. Người ta chứng minh với các vị rằng khoản chiết khấu nhỏ 25% ấy là lợi nhuận ròng so với khoản 50% mà sự phá sản phải trả giá. Bị chấn động bởi sức mạnh của sự chứng minh tương tự như vậy, các chủ nợ đành ký vào bản "thỏa thuận nhỏ". Người nào đáng hưởng 4 000 phrăng, thì nhận được 3 000 phrăng, và đây tuyệt nhiên không bị gọi là sự phá sản.

4) *Sự phá sản sau khi chết* được công bố sau khi nhân vật chính đã chết; cái chết trở thành sự biện minh cho người đã khuất, mà người ta bảo rằng người ấy đã hy vọng sẽ lại chấn chỉnh được công việc làm ăn của mình, và không nghi ngờ gì nữa, người ấy sẽ làm được việc đó một cách vẻ vang nếu còn sống. Sau đấy người ta bắt đầu khen ngợi những phẩm chất tuyệt diệu của kẻ đó, thành tâm thông cảm với những đứa con côi cút khốn khổ của kẻ đó. Chẳng lẽ

các chủ nợ lại muốn quấy rầy người đàn bà goá khổ đau ư! Đặc biệt nếu bà goá ấy lại xinh đẹp, thì đó sẽ là một hành động dã man! Trong khi ấy bà vợ goá ấy, nhờ sự giúp sức của một số cá nhân thân tín, đã lấy ra những khoản khá lớn trước khi diễn ra việc tịch biên tài sản. Những khoản còn thiếu thì được quy cho người quá cố không có thời gian để chỉnh đốn công việc làm ăn, và sẽ không trở về để vạch trần sự dối trá này nữa. Nếu còn thiếu 25% thì người ta đã có thể nâng con số ấy lên đến 50%; và việc này không đòi hỏi mất nhiều công khó nhọc một khi đã bắt tay vào việc; hơn nữa, sẽ điên rồ đường nào nếu tuyên bố phá sản với tỷ suất 25%, một khi sự phá sản với tỷ suất 50% còn được coi là một sự phá sản trung thực - đặc biệt là nếu kẻ có lỗi là một người quá cố đáng kính mà nếu bởi nhong vong linh người đó thì thật ghê tởm!

NHỮNG NHÂN VẬT KHẢ KÍNH

Bốn loại được mô tả trên đây thuộc vào loại hình vô tội giả. Bây giờ chúng ta hãy xem xét, theo trình tự, những hình thức vô tội thực sự. Thật sẽ không công bằng nếu lên án tất cả cái đám con nợ không có khả năng trả nợ chỉ vì chín phần mười trong số ấy là những kẻ lừa đảo. Tôi xin dẫn ra đây ba loại thật sự đang được xá

tội. Chúng ta sẽ còn phải kết tội rất nhiều kẻ có tội; vì thế trước hết chúng ta hãy tìm một số người trung thực trong đám người đã trở nên đông đảo ấy từ thời cách mạng^{1*}, đến nỗi ở một số thành phố người ta không còn hỏi xem ai đã phá sản, mà người ta chỉ hỏi xem ai *không* phá sản.

5) *Sự phá sản của kẻ khờ dại* - đó là sự phá sản của kẻ bất hạnh, không ăn cắp một xu nào, đưa hết cho các chủ nợ và đầu hàng không điều kiện các chủ nợ mà không hề có một sự lừa đảo nào. Những kẻ phá sản khác thì cười giễu anh ta và tuyên bố anh ta là kẻ khờ dại^{2*}, mà lẽ ra chí ít cũng phải biết bảo đảm cho mình; thật vậy, người thật thà như vậy thật không xứng với thời đại chúng ta - thời đại của năng lực hoàn thiện.

6) *Sự phá sản diên rở* là công việc của kẻ đã rơi vào cảnh tuyệt vọng, kẻ tự xem mình bị làm nhục và đôi khi tự bắn vào đầu hoặc nhảy xuống sông tự tử. Nhưng điều đó lại có nghĩa là hầu như hoàn toàn không ngang tầm với địa vị của mình - trở thành người trung thực ở thế kỷ XIX và tệ hơn nữa lại là trong thương mại!

Dù sao thì tôi cũng lấy làm thú vị mà nói

rằng những con người như thế vẫn còn thấy trong lĩnh vực thương mại, song rất hãn hữu, *rari nantes in gurgite vasto*^{3*}. Mỗi người đều tiên đoán số phận của họ, vì biết rằng trong mười kẻ lừa đảo lao vào thương mại thì có chín người thành công, trong khi đó trong số mười người trung thực thì có chín người bị phá sản.

7) *Sự phá sản vô nguyên tắc* - đó là sự phá sản của kẻ khờ khạo đã để cho toà án can thiệp vào, và đưa ra những án quyết làm ô nhục kẻ phá sản, và tước đoạt của anh ta sạch sành sanh mọi thứ, thay vì phải hành động như đa số những người khôn ngoan biết rút ra khỏi tình cảnh khó khăn ấy một cách vẻ vang và có lợi. - Ba vị hiệp sĩ trung thực ấy ít xứng đáng với đám bạn hữu vô cùng cao quý, khiến tôi phải vội vã kết thúc vấn đề của họ. Chúng ta hãy chuyển sang nói về loại người xứng đáng hơn với sự tán thành của những người sành sỏi.

NHỮNG KẺ CÁM ĐỐ

1* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê: "hồi sinh" (régénération).

2* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê: "chàng ngốc".

3* - *những người bơi lội hiếm hoi trong vực biển mênh mông không bờ bến* (Viết-gi-lơ. "Ê-nê-ít", quyển thứ nhất).

Cớ sao lại không để cho mình bị cám dỗ bởi kẻ phá sản cũng như bởi nhiều loại nhân vật xấu xa khác. Bây giờ chúng ta hãy xem xét loại người chứa đầy mọi sự tuyệt diệu và được tạo ra để chinh phục mọi trái tim.

8) *Sự phá sản ỏn thoả*, sự phá sản kinh tế - đó là công việc của một con người uỷ mị chỉ mong muốn điều tốt đẹp cho các chủ nợ của mình và sẽ hết sức đau khổ nếu anh ta phải đẩy họ vào những khoản chi phí, và anh ta thuyết phục họ đồng ý với tỷ lệ 50%, để tránh sự can thiệp của toà án, vì toà án sẽ ngốn hết. Anh ta cho các chủ nợ hiểu rằng anh ta muốn xử sự với các chủ nợ như những người bạn mà anh ta coi trọng lợi ích của họ. Trần trề lòng biết ơn về những sự giúp đỡ dành cho mình, anh ta run sợ khi nghĩ đến những khoản án phí mà họ sẽ phải chịu. Bằng những lời lấy lòng ấy và bằng những mẹo khác người ta cám dỗ những người này, còn những người khác thì nhượng bộ vì lo sợ trước việc kiện ra toà sẽ ngốn hết.

9) *Sự phá sản mang phong thái tốt* là sự phá sản của những người rất có tiếng tăm trong giới thượng lưu và nhà cửa họ cho đến giây phút cuối cùng vẫn được duy trì tươm tất. Vì những nhân vật ấy hoàn

toàn là comme il faut^{1*}, nên họ có nhiều sự bảo hộ, và nếu họ giành được cho bản thân không quá 60% thì họ cũng dễ dàng đạt đến sự thoả thuận; đặc biệt là nếu các bà chủ và các cô con gái của các ông chủ trong nhà sắm vai những người cầu xin, hơn nữa còn dùng đến lời răn của Xan-chét¹⁷⁵ cho phép họ choàng tấm áo choàng thêu ren rất mỏng mỗi khi họ đi thỉnh cầu về những việc quan trọng.

10) *Sự phá sản lịch sử* là công việc của những phụ nữ đẹp; thật là thiếu lịch sự nếu phàn nàn về điều này, cần phải có thái độ thích đáng đối với phái đẹp. Một phụ nữ đẹp có công việc buôn bán, rồi tuyên bố phá sản^{1*}, cướp đi của các vị hàng nghìn ta-le^{2*}, và nếu các vị hoạn học người phụ nữ ấy, thì điều đó chỉ chứng minh rằng các vị không biết xử sự, bà ta có quyền công kích những kẻ ngang ngược. Tôi có được nghe kể về một bà như vậy đã phát biểu về người chủ nợ: "Con người ấy là người thế nào vậy! Nghe nói, ông ta vẫn không hài lòng; quả thật,

1* - những người tử tế.

1* Những từ: "có công việc buôn bán, rồi tuyên bố phá sản" là do Ăng-ghen thêm vào.

2* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê: "ê-quy".

tôi không khuyên ông ấy kêu ca về việc bị mất năm mươi đồng lu-i-vàng, tôi đã phải sưởi ấm ông ta gấp đôi số tiền ấy!". Ông ta đã cả gan có những hành động suông sã với bà ta, và bà ta có quyền xem ông ta là người vô ơn.

11) *Sự phá sản do nhĩ ý*, trong đó hoàn toàn thấy rõ rằng các chủ nợ được kiểm chác; điều đó diễn ra như thế nào? Trong trường hợp con nợ không có khả năng trả nợ thì chiếm một phần nhỏ, 40%, còn số tiền còn lại là khoản tiền bảo đảm, một khoản bảo đảm rất lớn. Điều này được coi là một thắng lợi lớn, khiến cho viên chủ nợ khế chúc mừng những chủ nợ có mặt đã kết thúc một công việc làm ăn tuyệt vời, đã được "sự nhĩ ý đích thực" của số mệnh. Trong số mười nghìn phrăng chỉ mất có bốn nghìn phrăng, và nhận lại sáu nghìn - đó là một khoản lời thực sự. Một người không quen buôn bán sẽ không biết đánh giá nhĩ ý này; anh ta muốn nhận đủ mười nghìn phrăng của mình và sẽ cho rằng người ta đã cướp đi của anh ta bốn nghìn phrăng. Những cung cách ấy thật là bất lịch sự! Sao lại khẳng định rằng người ấy trấn lột các vị khi anh ta dành cho các vị khoản chiết khấu 40%, còn về phương diện khác thì xử sự với các vị như là một người bạn!

12) *Sự phá sản uỷ mị* thường thấy ở một số người đọc những bài diễn văn làm quý vị cảm động tận đáy lòng và dành cho chủ nợ những tình cảm lai láng và những lời tốt đẹp đến nỗi người chủ nợ ấy sẽ là một tên dã man nếu không đầu hàng tức khắc, nếu không tự coi mình có diễm phúc được giúp đỡ những con người tuyệt trần có lòng thương yêu dịu dàng tất cả những người đưa tiền của cho họ ném qua cửa sổ. Những con người loại như vậy thanh toán bằng những lý lẽ tuyệt vời và bằng những lời khen lấy lòng mạnh nhất, họ tác động vào chủ nợ bằng tình cảm, lời cuốn chủ nợ bằng những câu chuyện chỉ nói về những điều tốt bụng của chủ nợ và của họ; đến cuối cuộc trò chuyện quý vị cảm thấy mình hoàn thiện hơn nhiều, quý vị phát hiện thấy ở mình rất nhiều đức tính tốt bù đắp thừa thãi cho số tiền bị cướp đi. Dù quý vị bị ít đi vài nghìn phrăng, nhưng lại có nhiều điều tốt đẹp hơn nhiều, - đó là lợi nhuận ròng đối với những tâm hồn tuyệt vời. Một trong số những diễn viên hài kịch đó có lần đã nói với tôi: "Tôi rất thương các ngài ấy, họ là những người rất tử tế, những người rất đáng kính" - và anh chàng trẻ tuổi tuyệt vời đó, để chứng minh lòng quý

trọng của mình, đã trấn lột của họ ngay trong vụ làm ăn đầu tiên bằng tấm kỳ phiếu mà anh ta trao cho họ như tặng phẩm và để tỏ thái độ chào mừng. Anh ta chi ra khoản tiền ấy để làm quen với họ, nhưng sau đó một tháng anh ta tuyên bố mình phá sản. Một niềm vui sướng biết bao đối với những ngài ấy - nhận thấy *lòng quý trọng*^{1*} của anh ta để trang trải mười nghìn phrăng! Tôi đã giữ lời; tôi đã hứa đưa ra một xã hội những kẻ căm đố. Ta sẽ chẳng tìm thấy gì ngoài tình bạn, thiện ý, một giọng tốt đẹp và những tình cảm triu mến của tất cả những kẻ phá sản thuộc loại thật sự đây nhĩ ý ấy. Nhưng nếu loại người ấy có sứ mạng chinh phục các trái tim thì những loại người khác lại sẽ làm cho người ta thán phục, sẽ nêu gương về những tình cảm nồng nhiệt sáng chói, về những tính cách cao đẹp, họ là những nhân vật chính của nhóm mình.

V TRUNG TÂM - NHỮNG DẠNG VĨ ĐẠI

Bây giờ chúng ta bàn sang những thành tựu hết sức vĩ đại của tinh thần

1* Chữ in nghiêng là do Ăng-ghen nhấn mạnh.

thương mại, bàn đến những hoạt động đại quy mô đánh dấu những thành công của thời đại trên con đường hồi sinh và hoàn thiện. Ở đây sự phá sản bộc lộ tất cả tài nghệ của nó và sẽ tác động theo những bình diện rộng lớn mà sự phân tích chúng sẽ chứng minh tính chất sáng suốt của nguyên tắc: hãy dành cho các thương gia cơ hội hành động, hãy để cho họ được hoàn toàn tự do thực hiện những chủ thuyết cao cả của họ về lừa đảo và ăn cướp.

CÁC CHIẾN THUẬT

13) *Sự phá sản béo bở* là sự phá sản của những kẻ đầu cơ có tâm cỡ, có tài năng trong thương mại. Chủ ngân hàng Đơ-răng-tơ có hai triệu¹⁷⁶ và mong muốn thật nhanh chóng và bằng mọi cách tạo cho mình một gia tài bốn - năm triệu. Dựa vào số tư bản đã biết của mình, ông ta nhận được khoản tín dụng tám triệu bằng kỳ phiếu, hàng hoá và những thứ khác, do đó, ông ta có thể hy vọng có được một quỹ mười triệu. Ông ta lao vào một vụ đầu cơ lớn, vào một cuộc chơi bằng hàng hoá và chứng khoán của nhà nước. Có thể, đến cuối năm, thay vì tăng gấp đôi số tiền hai triệu của mình, ông ta sẽ mất số tiền ấy; các vị sẽ coi là ông ta bị phá sản, - không hề có chuyện đó, ông ta vẫn sẽ thành công trong việc có được bốn

triệu ấy như thể công việc làm ăn của ông ta diễn ra suôn sẻ; bởi vì trong tay ông ta vẫn còn tám triệu mà ông ta vay được, và bằng sự phá sản "trung thực" ông ta sắp xếp sao cho kéo dài được việc thanh toán một nửa số tiền ấy thêm mấy năm. Như thế, kết quả là sau khi bị mất đi hai triệu của mình, ông ta hoá ra lại sở hữu bốn triệu ăn cắp của công chúng. Thật là một điều tuyệt diệu biết bao - tự do buôn bán! Bây giờ thì các vị hiểu rằng tại sao ngày nào cũng nghe nói về thương nhân ấy như thế này: công việc làm ăn của ông ta diễn ra rất tốt kể từ khi ông ta phá sản!

Cơ hội tiếp theo của kẻ phá sản: sau khi bí mật chiếm hữu bốn triệu, ông Đô-răng-tơ vẫn hoàn toàn giữ được thanh danh của mình và sự kính trọng của xã hội, không phải như là một tên lừa đảo gặp may, mà như là một thương gia không gặp may.

Chúng tôi sẽ giải thích rõ điều này.

Đô-răng-tơ đã tranh thủ được dư luận xã hội khi ông ta suy tính sự phá sản của mình; những lễ lạt mà ông ta tổ chức trong thành phố, những cuộc mời mọc mọi người ra vùng ngoại ô của ông đã đem lại cho ông những người ủng hộ nhiệt thành; đám thanh niên vàng ngọc ủng hộ ông ta; các hoa khôi chia buồn với ông ta về nỗi bất hạnh - ở thời đại chúng ta nỗi bất hạnh đồng nghĩa với sự

phá sản; người ta tăng bốc tính cách cao đẹp của ông xứng đáng với một số phận tốt đẹp hơn. Nghe những người bảo vệ ông ta nói thì có thể tưởng rằng chính kẻ phá sản bị thiệt hại nhiều hơn là những người mà tài sản của họ đã bị kẻ phá sản ấy đã cướp mất. Tất cả tội vạ đều quy cho các sự biến chính trị, cho những điều kiện không thuận lợi và cho kho ngôn từ khác vốn có của các viên chức khổ rất say mê với nghệ thuật đánh trả những cuộc tấn công của đám chủ nợ giận dữ. Sau cuộc tấn công thứ nhất, Đô-răng-tơ tung ra một số người trung gian, kịp thời ban phát một số tiền nào đó và chẳng bao lâu sau dư luận xã hội đã được nhào nặn đến độ khiến cho những ai nói xấu Đô-răng-tơ thì sẽ bị coi là vô nhân đạo.

Hơn thế nữa, những ai bị ông ta cướp mất những khoản tiền lớn nhất thì lại ở xa một trăm hoặc hai trăm dặm, ở Hăm-buốc hoặc ở Am-xtéc-đam, với thời gian họ sẽ người đi, và lại họ cũng không đóng vai trò lớn, lời than thở xa xôi của họ không ảnh hưởng đến dư luận xã hội ở Pa-ri. Ngoài ra, Đô-răng-tơ chỉ làm cho họ mất đi có một nửa, mà thông thường thì người ta cho rằng ai chỉ ăn trộm một nửa thì người ấy bất hạnh hơn là có tội; như thế, ngay từ đầu Đô-răng-tơ đã được trắng án trong con mắt của dư luận xã

hội. Một tháng sau, sự chú ý của xã hội bị cuốn hút vào những vụ phá sản khác giạt gần hơn, trong đó từ hai phần ba đến ba phần tư bị tiêu tan. Một niềm vinh quang mới đối với Đô-răng-tơ, kẻ đã chỉ cướp đi có một nửa; hơn nữa, đây là câu chuyện cũ, đã bị lãng quên rồi! Nhà của Đô-răng-tơ đã lại bắt đầu mở cửa dân dân cho công chúng, viên đầu bếp của ngôi nhà này lại đạt được quyền lực như trước đây đối với những bậc tài trí và lấn át những tiếng kêu thét của một số tay chủ nợ hay câu gắt, không thông cảm với nỗi bất hạnh và không biết xử sự với một xã hội tốt.

Sau chưa đầy sáu tháng đã kết thúc vụ làm ăn mà nhờ đó Đô-răng-tơ và những kẻ như hắn đã cướp đi của công chúng hàng triệu, làm phá sản các gia đình mà chúng nắm trong tay gia tài của họ, chúng đẩy các thương nhân trung thực vào cảnh phá sản, làm cho họ giống với bọn lừa đảo. Phá sản là tội ác xã hội duy nhất lan tràn như một bệnh dịch và làm cho người trung thực cũng bị ô nhục như kẻ lừa đảo. Một thương nhân trung thực bị thiệt hại vì sự phá sản của hai mươi tên vô lại thì cuối cùng đã tự mình buộc phải ngừng việc thanh toán của mình lại.

Từ đó dẫn đến kết quả là bọn lừa đảo phá sản - bọn này chiếm chín phần

mười toàn bộ bọn người đó - lại coi mình là những người trung thực gặp phải điều bất hạnh, rồi chúng đồng loạt kêu gào: cần thương hại chúng tôi hơn là quở trách. Nếu nghe chúng nói thì đây toàn là những kẻ nịnh bợ thánh thiện bé nhỏ, hoàn toàn là những kẻ chịu tội trên các thuyền chiến khổ sai, bọn người này lúc nào cũng khẳng định rằng chúng đã không phạm phải tội ác nào cả.

Trước những lời lẽ ấy, những người ủng hộ mậu dịch tự do sẽ trả lời bằng những lời bàn tán về các đạo luật khủng bố, về các toà án; xin các vị hãy đại xá! Lập ra các toà đại hình để xử những kẻ cướp đi mấy triệu ngay lập tức! Tuy nhiên, câu ngạn ngữ: trộm nhỏ thì treo cổ, nhưng trộm lớn thì được thả^{1*}, không thể áp dụng được vào thương mại, bởi vì thậm chí một kẻ phá sản nhỏ nhất, được sự bảo vệ của giới thương gia, lại tuột khỏi tay công lý.

14) *Sự phá sản mang tính chất thế giới chủ nghĩa*. Đó là sự liên minh của thiên tài thương mại với thiên tài triết học. Kẻ phá sản thật sự trở thành một công dân của thế giới khi kẻ đó sử dụng một quốc gia, nhưng lại tạo ra một sự phá sản lần lượt ở một số

1* Những từ: "nhưng trộm lớn thì được thả" là do Ăng-ghen thêm vào.

quốc gia khác. Đây là một sự đầu cơ chắc chắn. Khi đến một nước còn là một người không quen biết, nên người đó khi cần thiết có thể thay đổi họ tên như những người Do Thái vẫn làm, rồi nhờ số vốn tích góp được trong lần phá sản trước, người ấy nhận được ngay khoản tín dụng. Thật là một ý tưởng nực cười biết bao của chính sách hiện nay - trao quyền quản lý sản phẩm công nghiệp cho những con người không có mối liên hệ vững chắc với tổ quốc của mình, không gắn bó với tổ quốc mình bằng những lãnh địa lớn và có thể - với tư cách là những kẻ theo chủ nghĩa thế giới - đầu cơ qua việc lợi dụng hàng nửa tá vụ phá sản được dựng lên lần lượt ở Pa-ri, Luân Đôn, Hăm-buốc, Tô-ri-en-tơ, Na-plơ và Ca-đi-xơ. Tôi sẽ mô tả loại hình phá sản này ở mục nói về sự phá sản bằng hoả lực quết, trong đó nhân vật trung tâm của thủ đoạn này là kẻ theo chủ nghĩa thế giới.

15) *Sự phá sản có nhiều hứa hẹn*. Nó bắt nguồn chỉ từ thời cách mạng^{2*} và tuổi của nó chưa quá nửa thế kỷ. Trước kia những người trẻ tuổi không bắt đầu hoạt động thương mại sớm đến thế và không bao giờ trở thành người lãnh đạo

dưới ba mươi tuổi. Bây giờ thì ở tuổi mười tám họ đã quản lý nhà buôn và ở tuổi hai mươi họ có thể thực hiện vụ phá sản đầu tiên cho phép họ có những hy vọng lớn vào tương lai. Trong số họ có những kẻ ở tuổi ba mươi đã thực hiện ba vụ phá sản và đã nhiều lần nuốt hàng trăm ta-le của những người đã tín nhiệm họ. Khi nhìn thấy họ, người ta bảo: "Anh ta rất trẻ đối với một niềm vinh quang như thế, nhưng chúng ta đang sống trong thời đại của những người trẻ tuổi".

16) *Sự phá sản siêu việt* đòi hỏi phải có một kế hoạch rộng có quy mô lớn, một văn phòng có ba mươi hoặc bốn mươi nhân viên, nhiều chiếc tàu biển, những mối liên hệ khổng lồ tại tất cả các nước; sau đó xảy đến một vụ phá sản bất ngờ, một cuộc sụp đổ khủng khiếp, những đòn giáng trả của nó vang vọng khắp bốn phương trời và để lại những vụ phá sản hỗn loạn mà nhờ chúng đám người làm ăn có thể tồn tại trong suốt mười năm. Đó là một vụ làm ăn mà trong đó thiên tài con buôn được thi thố với tất cả vẻ chói lọi của nó; vụ đó phải dẫn đến một vụ thua thiệt ít ra là ba phần tư, vì trong bức tranh to tát ấy mọi cái phải có quy mô lớn.

17) *Sự phá sản từ từ* - đó là sự phá sản của

2* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê viết là "phục hưng".

kẻ đầu cơ, nhờ sáng suốt tiến hành vụ làm ăn của mình mà có thể đi đến bảy - tám vụ phá sản nối tiếp nhau sau đó. Trong trường hợp này, kẻ đầu cơ đó phải đi bằng con đường khác hơn là trường hợp anh ta trông cậy vào một hoặc hai vụ phá sản.

Những nguyên tắc là như sau:

- 1) Trong vụ phá sản đầu tiên chỉ ăn cướp vừa phải thôi, 50% là đủ rồi, không nên làm mọi người nổi giận ngay từ đầu, nếu không vụ phá sản thứ hai sẽ trở nên quá khó khăn nếu làm cho mình mất uy tín bằng hành động ăn cướp quá đáng trong đòn đánh đầu tiên.
- 2) Trong lần phá sản thứ hai cần ăn cướp hoàn toàn ít thôi, không quá 30%, để chứng minh rằng kẻ phá sản đã thông thạo, rằng anh ta hoạt động đã khéo léo hơn, thận trọng hơn và sẽ trở thành một thương gia hoàn hảo, trở thành "một bạn buôn" xứng đáng nếu anh ta hồi phục lại sau cú đòn thứ hai.
- 3) Trong vụ phá sản thứ ba cần ăn cướp khá nhiều, ít ra là 80%, tự biện minh rằng khoản thua lỗ không bình thường, và do một sự ngẫu nhiên phi thường gây ra; khi tiến hành vụ phá sản này phải lợi dụng một số bối cảnh gay gắt tạm thời, nhấn mạnh hành vi tốt của mình trong vụ

- phá sản thứ hai, để chứng minh rằng lỗi hoàn toàn do các sự biến bên ngoài.
- 4) Trong vụ phá sản thứ tư chỉ chiếm đoạt 50% để cho người ta thấy rằng anh là con người thận trọng và anh biết giữ mình trong những giới hạn thích đáng khi hoàn cảnh không buộc anh phải xâm phạm những giới hạn ấy.
 - 5) Trong vụ phá sản thứ năm đã có thể tiến đến mức 60%, bởi vì công chúng đã quen với hiện tượng này rồi; 10% nhiều hơn hoặc ít hơn không cản trở hành động đầu cơ ấy một khi dư luận xã hội đã quen với hành động đầu cơ đó rồi; bởi vì như đã biết, ai đã thực hiện bốn vụ phá sản thì kẻ đó sẽ thực hiện vụ phá sản thứ năm và thứ sáu. Tôi có biết một tay bọm trẻ, người ta đã giấu cốt hần sau lần phá sản thứ tư của hần, vì hần đội chiếc mũ mục sư để tỏ ra mộ đạo và có phẩm hạnh tốt; hần không bối rối trước việc này và đã chuẩn bị vụ phá sản thứ năm.
- Những vụ phá sản thứ sáu và thứ bảy được thực hiện ad libitum^{1*}, người ta chỉ tiến hành những vụ phá sản ấy khi tuổi già đang đến gần và vào thời kỳ người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi với vòng nguyệt quế.

1* - do sự mong muốn.

Không có gì dễ dàng hơn là biện minh cho cuộc phá sản thứ sáu: người ấy đã quá già rồi nên không thể thay đổi, chẳng có ai ngạc nhiên nữa. Tuy nhiên người ta cầu nhàu một chút cái chính phủ không muốn bảo trợ thương mại và là nguyên nhân của những vụ khó xử nhỏ nhỏ mà những nhà kinh doanh trung thực gặp phải ấy.

Đừng nên ngạc nhiên trước việc tôi dẫn ra ở đây một số nguyên tắc được vận dụng trong vụ phá sản; đây là nghệ thuật hoàn toàn mới, giống như khoa kinh tế chính trị đã đẻ ra môn nghệ thuật ấy, và nó chưa có những nguyên tắc cố định, thậm chí cũng chưa có danh mục phương pháp. Ví dụ, trong loại phá sản từ từ thì chỉ bốn mức độ đầu có tên gọi mà thôi.

Kẻ nào đã thực hiện vụ phá sản đầu tiên thì kẻ ấy là "hiệp sĩ"^{2*} bình thường.

Trong lần phá sản thứ hai kẻ phá sản ấy được mang tên gọi là "hoàng tử".

Trong lần phá sản thứ ba, hẳn nhận tước vị "vua".

Trong lần phá sản thứ tư - "hoàng đế".

Đối với các bậc năm, bậc sáu, bậc bảy thì chưa có tên gọi. "Những bạn buôn" chân chính phải vươn tới hết cung bậc. Để trở

thành người phá sản "hài hoà" cần phải thực hiện bảy "vụ phá sản trung thực" với mức thua lỗ trung bình là 50%, sau đó thực hiện vụ phá sản mạnh, đầy đủ như là cốt lõi của toàn bộ chuỗi vụ phá sản, trong đó được phép vơ vét chỉ ít là 80% để bù cho mức độ vừa phải thể hiện trong tất cả các vụ phá sản còn lại; nên biết rằng 50% trong những vụ phá sản đầu chỉ là biểu giá trung thực, một khoản cống hoàn toàn nhỏ bé, không cho ai có quyền quở trách, bởi vì đây là cái giá được chấp nhận khi tuyên bố phá sản, là cái giá cố định giống như giá chiếc bánh ga-tô hoặc giá của một chuyến đi xe ngựa.

NHỮNG KẾ THỰC HIỆN CÁC MÁNH KHOẾ

Trong mục này chúng ta xem xét những sự di chuyển hàng loạt, đòi hỏi phải có sự tác động qua lại của một số kẻ bị phá sản vì lợi ích của thương mại và vì thắng lợi của chân lý cao cả. Những mưu chước tập thể ấy sẽ cho chúng ta thấy bốn loại cao thủ về di chuyển.

18) *Sự phá sản bằng hoả lực quét*. Thường thường sự phá sản này phát sinh do những đòn trả đũa, do sự đan xen của những vụ phá sản, trong đó vụ phá sản này kéo theo

^{2*} Ở đây và tiếp theo, Ăng-ghen đặt những từ này trong ngoặc kép.

vụ phá sản khác. Tôi sẽ mô tả một vụ phá sản như thế thuộc loại trung bình, theo thể loại tư sản, là một loại phá sản dễ hiểu nhất đối với đông đảo bạn đọc. Chúng tôi dẫn ra đây nhân vật trung tâm của mưu kế phá sản kiểu hoá lực quét, đó là một trong số những bậc thầy theo chủ nghĩa thế giới mà tôi đã gác lại việc xác định bọn người ấy.

Người Do Thái I-xca-ri-ốt đến nước Pháp¹⁷⁷ với số vốn 100.000 phrăng^{1*} mà ông ta đã kiếm được trong lần phá sản thứ nhất của mình. Ông ta khai trương công việc buôn bán tại một thành phố nào đó, ở đấy ông ta có sáu nhà buôn.

Kinh địch được kính trọng và tín nhiệm. Để tước mất khách hàng và danh tiếng tốt đẹp của họ, I-xca-ri-ốt lập tức bắt đầu từ việc bán các hàng hoá của mình theo giá thành - phương cách chắc chắn để thu hút quần chúng. Chẳng bao lâu sau các địch thủ bắt đầu lớn tiếng nguyên rủa ông ta, còn ông ta thì cười giễu những lời than vãn của họ và lại càng tiếp tục bán hàng hoá của mình theo giá thành.

Lúc ấy dân chúng nồng nhiệt hô: cạnh tranh muôn năm, những người Do Thái muôn năm, triết học và tình huynh đệ

muôn năm! Tất cả mọi hàng hoá trở nên rẻ hơn sau khi I-xca-ri-ốt tới, rồi công chúng tuyên bố với các nhà buôn địch thủ của ông ta: "Các ngài ơi, các ngài là những người

Do Thái thực thụ, các ngài muốn kiếm chác quá nhiều, chỉ một mình I-xca-ri-ốt là người trung thực, ông ta thoả mãn với khoản lợi nhuận vừa phải, vì ông ta không ăn tiêu rộng rãi như các ngài". Tất cả những lời tuyên bố của các hãng buôn cũ đều uống công khi họ tuyên bố rằng I-xca-ri-ốt là tên lừa đảo cải trang trước sau rồi sẽ bị phá sản; công chúng quy tội họ ghen tức và vu khống, và thế là công chúng ngày càng đến với người I-xra-en ấy.

Kẻ bịp bợm ấy toan tính như sau: qua việc bán hàng hoá theo giá thành, ông ta chỉ mất số lợi tức của số vốn của mình, chẳng hạn mỗi năm mất đi 10.000 phrăng, nhưng ông ta tạo ra cho mình một thị trường tiêu thụ lớn, tạo cho mình, ở các thành phố cảng, tên tuổi của một nhà tiêu thụ lớn, và với việc thanh toán sòng phẳng, ông ta rất được tín nhiệm. Trò gian xảo này kéo dài hai năm, trong thời gian ấy ông I-xca-ri-ốt chẳng kiếm chác được gì tuy đã bán ra một khối lượng lớn hàng hoá! Thủ đoạn của ông ta vẫn được giấu kín, bởi vì những người Do Thái chỉ sử dụng các nhân viên văn phòng là người Do Thái, họ là những

1* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê, ở đây và ở đoạn dưới: "đồng li-vro".

kẻ thù giấu mặt của mọi dân tộc và không bao giờ phan phui trò lừa đảo do một ai đó trong số "những người đảng mình" tiến hành.

Khi mọi chuyện đã chín muồi để gỡ nút thì ông I-xca-ri-ốt sử dụng toàn bộ sự tín nhiệm của mình, đặt hàng với những khối lượng khổng lồ tại tất cả các thành phố cảng, mua chịu hàng hoá với số tiền 500 - 600 nghìn phrăng. Ông ta gửi số hàng hoá ấy ra nước ngoài, và đem bán tổng táng rẻ mạt số hàng hiện có trong kho. Khi mọi thứ đã được chuyển hoá thành tiền thì I-xca-ri-ốt biến mất với túi tiền của mình và trở về nước Đức, nơi ông ta đã gửi số hàng hoá đã mua chịu tới, nhanh chóng bán số hàng hoá ấy đi, và sau khi đi khỏi nước Pháp ông ta trở nên giàu gấp bốn lần so với lúc ông ta đến Pháp; ông ta có 400 000 phrăng, đến Luân Đôn hoặc đến Li-voóc-nô để rồi bày trò phá sản lần thứ ba.

Khi ấy tám màn che bỗng rụng rơi tuột, và tại thành phố nơi ông ta thực hiện mưu đồ của mình, người ta đã tỉnh ngộ. Người ta thấy thật nguy hiểm biết nhường nào khi để cho những người Do Thái làm nghề buôn bán, họ là những kẻ lang thang không có sự ràng buộc với cái gì cả. Nhưng vụ phá sản ấy của I-xca-ri-ốt chỉ là bước đầu của trò

lừa bịp; chúng ta hãy theo dõi ngọn lửa quét.

Vị Do Thái ấy có sáu địch thủ, chúng ta gọi họ là **A, B, C, D, E, F**.

A từ lâu đã rơi vào tình trạng khó khăn và do không có tài sản, nên đã tồn tại lay lắt nhờ tiếng thơm của mình, nhưng vì bị mất hết khách hàng sau khi ông Do Thái ấy tới, nên ông ta chỉ chịu đựng nỗi sự cạnh tranh trong vòng một năm, và do chưa được chuẩn bị để lĩnh hội những chủ thuyết triết học mới ấy bảo hộ cho bọn người lang thang, cho nên **A** đã thấy mình buộc phải khuất phục trước sách lược của I-xca-ri-ốt và tự tuyên bố phá sản.

B chịu đòn được lâu hơn; ngay từ đầu ông này đã nhận thấy sự bịp bợm của kẻ Do Thái và đợi cho cơn bão táp này qua đi để lấy lại đám khách hàng của mình đã bị tên bịp bợm I-xca-ri-ốt tước mất. Nhưng lúc ấy ông ta dính líu vào một vụ phá sản ở nước ngoài; điều đó đủ để làm cho sự phá sản của ông ta chóng xảy ra; ông ta cho rằng ông ta sẽ có thể chịu nổi hai năm, nhưng mới qua 15 tháng ông ta đã buộc phải tự tuyên bố phá sản.

C cùng hội với một nhà buôn nước ngoài đã bị một I-xca-ri-ốt khác làm khánh kiệt, - những kẻ như vậy ở thành phố nào cũng có; **C** bị lôi cuốn vào sự phá sản của người cùng hội của mình, và sau khi ông

ta chịu thiệt thòi trong vòng mười tám tháng để qua được sự cạnh tranh của người Do Thái bịp bợm, ông ta cũng buộc phải *tự tuyên bố phá sản*.

D thì nổi trội ở tính trung thực bề ngoài hơn là tính trung thực thật sự. Ông ta còn tiền để cầm cự, mặc dù cả ông ta cũng đã bị thiệt hại 20 tháng trời do sự cạnh tranh của ông Do Thái nọ; nhưng do tức giận vì những khoản thua lỗ gây ra cho ông ấy, nên ông ta đã nhượng bộ trước sự căm dỗ của tật xấu mà ông

ta đã nhìn thấy vô vàn tấm gương chung quanh mình. Ông ta thấy rằng
ba

người trong hội của ông ta đã bắt đầu cuộc tiến quân, và ông ta là người thứ tư trong liên minh này, đành phải tham gia cuộc hành quân ấy với chiêu bài những niềm bất hạnh có thật hoặc giả tạo. Cuộc đấu tranh hai mươi tháng trời chống I-xca-ri-ốt đã khiến ông **D** chán ngấy, thế là ông ta thấy không có gì khôn ngoan hơn là *tự tuyên bố phá sản*.

E đã cấp những khoản vay lớn cho bốn đồng nghiệp của mình đã lần lượt tự tuyên bố phá sản; ông ta đã xem tất cả những người ấy có khả năng thanh toán như họ đã từng là như vậy khi thủ đoạn của I-xca-ri-

ốt chưa phá hỏng sự nghiệp của họ. **E** cảm thấy mình bị phá sản do sự phá sản của bốn nhà buôn này; hơn nữa, chính bản thân ông ta cũng không còn khách hàng nữa; tất cả công chúng đã đổ dồn tới I-xca-ri-ốt, kể bán hàng hoá theo giá thành. **E** không còn tiền, uy tín của ông ta bị sụp đổ, người ta chèn ép ông ta, và do không còn khả năng thực hiện các cam kết của mình nữa nên ông ta kết thúc bằng việc *tự tuyên bố phá sản*.

F có đủ tiền bạc, nhưng do năm vụ phá sản trước cho phép kết luận rằng chẳng bao lâu nữa cả ông ta cũng theo gót những người kia, ông ta đã mất uy tín ở tất cả các thành phố cảng. Hơn nữa, một số người phá sản, sau khi kết thúc hợp đồng, gờ đây lại bán hàng hoá của mình với giá rẻ mạt để có khả năng trả tiền khi đến hạn các đợt thanh toán đầu. Để bán hàng được nhanh, họ chịu mất đi một phần mười giá trị và dù sao cũng kiếm được bốn phần mười, bởi vì họ đã đồng ý với tỷ lệ 50%. Qua đó **F** đã hoàn toàn bị đê bẹp, và thế là ông ta không còn cách nào khác hơn là *tự tuyên bố phá sản* giống như các đối thủ của mình.

Vậy là, chỉ cần một kẻ lang thang hoặc một gã Do Thái nào đó gây dựng vững vàng cơ

sở làm ăn là đủ để phá hoại toàn bộ một tập đoàn thương mại của một thành phố lớn và lôi kéo những con người trung thực nhất vào vòng tội ác; bởi vì mỗi vụ phá sản đều ít nhiều là một tội ác, dù nó có được biện hộ ra sao bằng những cái cớ dễ coi khác nhau, giống như những cớ mà tôi đã mô tả trong sáu vụ phá sản ấy, và trong tất cả những cái cớ ấy hầu như chẳng bao giờ có một lời sự thật nào. Sự thật là người nào cũng tham lam vợ lấy cơ hội ăn cắp thuộc loại không bị trừng phạt.

Đôi khi hoả lực quét mang hình thức chạm bật trở lại, tác động từ xa và làm té liệt cùng lúc một tá nhà buôn ở những nước khác nhau. Họ có chung lợi ích, và sự phá sản của nhà buôn chính yếu dẫn đến sự sụp đổ của tất cả các nhà buôn thứ yếu hữu quan giống như sự sụp đổ của một loạt quân cờ đô-mi-nô^{1*}. Đây là một sự phối kết hợp quan trọng, xứng đáng được hiện diện trong số những thủ thuật lớn; dù sao thì hiện tượng chạm bật trở lại ấy phát huy tác dụng từ những khoảng cách xa cũng phải tạo thành một loại hình đặc biệt trong sự phân loại chính xác hơn.

19) *Sự phá sản theo đội hình khép kín* đòi hỏi một hoàn cảnh thuận lợi để biện hộ và thúc giục đông đảo các thương gia dám thực hiện bước đi nguy hiểm. Trong trường hợp này họ hậu thuẫn cho nhau, thoát nạn nhờ số đông của mình, giống như một trung đoàn tạo thành đội hình khép kín để dùng lưới lê mở đường cho mình. Cũng như vậy, trong trường hợp thuận lợi các đối tượng bị phá sản phải khép chặt đội ngũ của mình, mỗi ngày phải công bố ở sở giao dịch một chuỗi vụ phá sản và thực hiện lần lượt những vụ phá sản ấy, nhanh chóng đến mức dư luận xã hội bị mất phương hướng, và nhờ đó các thoả thuận đạt được dễ dàng, nếu xét đến thời buổi phức tạp. Những vụ phá sản kiểu ấy lập lại theo định kỳ ở Luân Đôn; vào năm 1800 Pa-ri cũng đã có được một kinh nghiệm tuyệt diệu về hình thức phá sản theo đội hình khép kín, kinh nghiệm này đã kết thúc một cách rất thành công đối với nhiều "người bạn buôn".

20) *Sự phá sản theo đội hình hành quân* là một loạt những vụ phá sản liên quan với nhau, nhưng xảy ra với những quãng thời gian tương ứng là ba tháng. Trái ngược với các đội hình khép kín, khi mà những vụ phá sản lần lượt nối tiếp nhau xảy ra, ngày này nối tiếp ngày khác, trong hình thức đội

1* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê: giống như dãy nhà bẳng quân bài.

hình hành quân cần có sự thoả thuận trước để tuyên bố phá sản theo thứ tự, vào lúc mà đối tượng đi trước chỉ vừa mới đi đến thoả thuận. Ví dụ, **A** đạt được thoả thuận với các chủ nợ sau khi phá sản được ba tháng, và **B** phải lập tức tự tuyên bố phá sản, vì bây giờ những người trung gian sẽ thấy công chúng đã được chuẩn bị rồi, và họ có thể nói: "Đây vẫn là câu chuyện giống như đã xảy ra với **A**, cái này ắt kéo theo cái kia, cần phải ký kết thoả thuận y như thế". Cũng vậy đối với **C**, là người đã phá sản sau ba tháng, sau đó là đối với **D, E, F, G**, nếu như họ biết cách

phối hợp một cách thích đáng các hành động của mình và tuân thủ những khoảng cách thời gian thì họ sẽ đạt được một sự thoả thuận giống nhau cho tất cả. Đội hình hành quân là một thủ đoạn rất chắc chắn với sự chỉ đạo khéo léo, nhưng không phải thích hợp đối với mọi hoàn cảnh, và chỉ có thiên tài về phá sản mới có thể xác định xem trong những trường hợp nào thì thủ đoạn ấy áp dụng được.

21) *Sự phá sản bằng đội hình tản khai* được những tay bịp bợm nhỏ bắt đầu tiến hành, họ thực hiện trước một bước chuyển động lớn, và lúc ở đây lúc ở kia họ tạo ra những sự phá sản nhỏ trong buôn bán nhỏ của họ. Từ đó người ta kết luận rằng tình hình làm

ăn diễn ra không tốt và đợt làm ăn này sẽ nóng bỏng. Thật vậy, chẳng bao lâu sau đã nghe thấy tiếng gầm của đại pháo, đã xảy ra những vụ phá sản đến hàng triệu khiến cho dư luận xã hội quan tâm lâu. Sau cùng, cuộc di chuyển kết thúc bằng cuộc nổ súng hậu vệ của những kẻ phá sản nhỏ bé, của các tay buôn bán thực phẩm tạp hoá ở các thành phố nhỏ, họ kết thúc đợt làm ăn và bị phá sản.

NHỮNG KẺ GÂY CẢM PHẢN

Thế ư! Chẳng lẽ tất cả những vụ tai tiếng ấy chưa đủ hay sao, và các ngài có thể còn đưa ra cho chúng tôi một cái gì đó tồi tệ hơn là bản liệt kê nêu trên ư? Tôi mới chỉ nêu ra những kẻ phá sản trung thực nhất. Bây giờ chúng ta đã tiến đến cánh hướng xuống tồi tệ^{1*} và có thể liệt vào cánh đó những kẻ phá sản hành động theo một kế hoạch rộng lớn nhưng lại xem thường những phương pháp có tính chất đạo đức và làm mất uy tín hiệp hội cao cả.

22) *Sự phá sản đại quy mô* đụng chạm đến tất cả mọi giai cấp trong xã hội, đến tận những con người có thân phận

1* Từ: "tồi tệ" là do Ăng-ghehen thêm vào.

nhỏ bé nhất, những người làm công việc hâu hạ v.v. đã đem trao cho kẻ giả nhân giả nghĩa giữ hộ những món tiền dành dụm không lớn của mình. Chẳng bao lâu sau vụ phá sản đã cướp đi tiền của của hàng trăm người sở hữu nhỏ, những người tư sản nhỏ và những người cả tin.

Cả một thành phố bị lôi kéo vào vụ việc này. Nói chung, sự phá sản kiểu ấy trước hết làm thiệt hại những tầng lớp không buôn bán trong xã hội và gây tai hại nhiều cho hiệp hội thương gia, vì nó gây ra trong dân chúng và trong giới tư sản nhỏ những sự suy xét hoàn toàn không vừa lòng đối với giới thương gia trung thực.

23) *Sự phá sản rộng lớn* - đó là sự phá sản của một tên vô lại không tên tuổi nào đó, tuy không có vốn liếng, không có được sự tin cậy nhưng hắn vẫn lao vào được những vụ làm ăn lớn, trong đó hắn gây ra một vụ phá sản cũng to lớn như vụ phá sản do các chủ ngân hàng có địa vị cao và hùng mạnh gây ra. Mọi người đều tự hỏi: làm sao một tên lừa đảo như vậy lại có thể có được nhiều mối liên hệ đến thế và tổ chức được một vụ phá sản béo bở đến thế?

Gã bịp bợm ấy là cực đối lập với gã bịp bợm trước; hắn dùng con đường khác để đạt cũng mục tiêu ấy, cụ thể là hắn kích động dư luận xã hội chống lại những âm

muu của giới thương gia và chống lại những đạo luật phi lý đã dành tự do hoàn toàn cho những con buôn ấy.

24) *Sự phá sản theo tinh thần Át-ti-la* tăng bốc tận mây xanh niềm vinh quang của những kẻ bị phá sản và làm đất nước khánh kiệt đến mức giống như cả một đoàn quân man rợ đã tràn qua đất nước này. Về phương diện này có thể dẫn ra đây vụ phá sản nổi tiếng diễn ra vào năm 1810 ở Oóc-lê-ăng, do một gã tài tử T. nào đó thực hiện. Hắn tuyên bố phá sản với khoản thâm hụt 16 triệu, số tiền này đã được phân bố một cách tài tình hết sức ở thành phố Oóc-lê-ăng bất hạnh, khiến cho thành phố như bị sét đánh. Tất cả mọi tầng lớp dân cư đã bị phá sản. Những người lãnh nạn đã chạy đến Li-ông và loan tin: Oóc-lê-ăng đã bị tiêu diệt, mọi người đều bị phá sản, gã T. đã cướp hết sạch của mọi người. Căn cứ vào những thông báo tỉ mỉ thì hắn đã thực hiện âm mưu của mình đến độ đã cảm dỗ được và đã cướp bóc tất cả các giai cấp, từ các nhà tư bản giàu có đến những người đây đó nghèo đã tích góp cả đời được mấy phrăng^{1*} để gửi số tiền ấy cho một thương nhân nhỏ giữ hộ, sau đó cho phép hắn cướp

1* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê: "ê-quy".

đi số tiền ấy dưới sự che chở của nguyên tắc tuyệt đối: hãy để cho các thương gia hành động, họ biết rõ hơn cả về cái gì nằm trong lợi ích của họ.

Thật là những vụ cướp bóc ghê tởm! Có bao nhiêu dạng tội ác chỉ riêng trong lĩnh vực các chiến tích thương mại! Lĩnh vực duy nhất có một, bởi vì cần biết rằng phá sản chỉ là đặc điểm tiêu biểu thứ ba mươi mốt của hoạt động thương mại được xây dựng trên sự lừa đảo, đối với nền thương mại ấy thì khoa học đòi hỏi một sự tự do hoàn toàn với cái cố rằng các thương gia biết rõ nhất cái gì nằm trong lợi ích của họ. Đúng vậy, điều đó họ biết quá rõ, nhưng họ lại biết quá tối đâu là lợi ích của quốc gia và của nền công nghiệp; khoa học đã lừa bịp chúng ta như vậy đó bằng học thuyết của nó về sự tự do tuyệt đối của thương nhân.

VI CÁNH HUỐNG XUỐNG. - NHỮNG SẮC THÁI KHÔNG SẠCH SẼ

Từ việc mô tả những chiến tích vĩ đại, chúng tôi chuyển sang mô tả những chiến lợi phẩm khiêm tốn hơn. Trong sự phá sản không phải mọi thứ đều hùng vĩ như ba phạm trù trung tâm. Nhưng cả ở cánh trái

chúng ta cũng sẽ tìm thấy một bộ sưu tập những kẻ phá sản đáng được chú ý, những kẻ phá sản mang sắc thái khiêm tốn hơn mà những đức hạnh tư sản và những tật xấu của họ sẽ dễ chịu hơn đối với con mắt của chúng ta sau ánh chói loà của vô vàn những sự tích anh hùng; chúng ta sẽ còn thấy những loại người có khả năng làm vui vẻ bạn đọc - đặc biệt là loại người sau cùng - loại huynh đệ giả làm mất thanh danh tất cả hiệp hội những người bị phá sản. - Chúng tôi bắt đầu từ một sắc thái nghiêm trọng hơn.

NHỮNG KẺ BỊP BỌM NHAM HIỂM

25) *Sự phá sản để bồi hoàn* được thực hành nhằm mục đích bù đắp khoản thua lỗ do một cuộc thất bại nào đó. Ví dụ, ngày hôm nay có một gã đầu cơ nào đó thua kiện khiến cho hắn mất đi 100 000 phrăng nhưng ngày mai hắn tuyên bố phá sản, khiến cho hắn thu được 200 000. Như vậy, thay vì bị mất đi số tiền bị tranh tụng thì hắn lại được số tiền ấy. Khả năng này của thương mại trong việc bồi hoàn cho bản thân vì tình hình diễn biến bất lợi là một trong những thuộc tính ưu tú của nó; thương mại nắm được nghệ thuật kiếm được cho mình lợi lộc trong bất kỳ tai họa

nào ở trên bộ và trên biển^{1*}. Sau khi được biết về vụ đắm tàu thì sang ngày hôm sau tay chủ tàu liền cứu chữa công việc làm ăn của mình bằng vụ phá sản thắng lợi; những vụ phá sản như vậy diễn ra một cách suôn sẻ, vì viên chưởng khế tuyên bố: đó không phải là lỗi của người phá sản, hoàn cảnh buộc anh ta phải làm như vậy, đúng ra cần thương hại anh ta hơn là quở trách.

Đáp lại lý lẽ ấy, người điền chủ - bằng cách này số đóng góp của điền chủ này tan thành mây khói - sẽ cãi lại: tôi không thể bồi hoàn cho mình khi mưa đá hoặc lụt lội làm tiêu ma mùa màng của tôi, tôi không có ai để mà trút số thua thiệt. - Thật là một lý lẽ lạ lùng! Lẽ nào các điền chủ không biết rằng trong cơ chế hiện hành họ là giai cấp phụ thuộc, lệ thuộc vào tầng lớp những người phi sản xuất được gọi là thương gia, là những người vợ vào tay mình toàn bộ sản phẩm sản xuất ra, đòi hỏi người ta phải trả tiền cho họ bằng tiền của quần chúng, giống như một đội quân đánh thuê, do không có kẻ thù để mà cướp bóc, nên quay ra trấn lột những người bạn của mình và dân lành? Đó là anh chàng con buôn, *một tên lính cô-dắc đích thực của công nghiệp,*

phương châm của anh ta là: tôi làm việc không phải vì niềm vinh quang, tôi cần kiểm soát cái gì đó. Nhà buôn nào cũng muốn vợ vét, nhưng nếu có ai đó có ý định vợ vét của anh ta thông qua kiện tụng hoặc bằng cách khác thì anh chàng con buôn ấy luôn luôn tìm được lối thoát ra khỏi tình thế, và thông qua thủ đoạn phá sản để bồi hoàn anh ta lại vợ vét của người khác.

26) *Sự phá sản ngoại hạng* do một người khôn ngoan tiến hành, người này đã lường trước hết cả mọi sự ngẫu nhiên và để dành một số tiền tiết kiệm để dùng vào việc chống chọi lại những cơn bão tố và khống chế những kẻ bướng bỉnh; nếu người ấy muốn thông qua cuộc phá sản của mình kiểm soát 200 000 phrăng thì người đó phải cướp đi 300 000, trong đó hắn dùng một phần ba số tiền ấy vào những mục đích hữu ích, vào quà cáp v.v.; hắn biết cách trấn an những kẻ to mồm tuyệt vọng nhất, làm tê liệt hoạt động tư pháp; chi một số tiền nhỏ vào chỗ này, một khoản tiền khác vào chỗ kia, tóm lại, công việc làm ăn của hắn được tiến hành sôi động, và cuối cùng thì vụ phá sản đem lại cho hắn nhiều bạn bè, họ nhận được phần của họ trong chiếc bánh và nói về hắn rằng đó là một người comme

1* Những từ: "trên bộ và trên biển" là do Ăng-ghen thêm vào.

il faut^{1*} hiểu biết công việc một cách tinh tế.

27) *Sự phá sản crescendo*^{2*} được tiến hành dưới hình thức trò diễn gian lận có một số hồi, trong đó mỗi cảnh diễn được tiến hành với sự lý thú ngày càng tăng. Thoạt đầu vấn đề được trình bày là tình thế khó khăn không lớn, như là một trục trặc trong việc rút vốn, khiến cho cần có một tỷ lệ khấu giảm 30% để tránh phá sản. Các chủ nợ cảm thấy lo lắng và lảng lạng chấp nhận thoả thuận, vì họ được báo cho biết rằng sự thế có thể quay sang chiều hướng xấu và rằng cần phải hậu thuẫn cho một nhân vật có tiếng tăm. Trong khi ấy, ba tháng sau tình hình của người ấy lại chao đảo. Người ta lại tìm đến các chủ nợ và lại bảo cho họ biết rằng người ta lo ngại người ấy phá sản; người ta thú nhận rằng tình hình xấu hơn là người ta tưởng và rằng lẽ ra phải đồng ý với tỷ lệ khấu giảm 50%. Một số chủ nợ bắt đầu nổi cáu, vấn đề trở nên rắc rối, con nợ tuyên bố phá sản, và hơn nữa, lại với những điều kiện hết sức thuận lợi, khiến cho thay vì 50% người ta chấp nhận bị mất từ 80% đến 90%, số còn lại chỉ có thể được trả sau vài năm. Tuy nhiên, dù sao vẫn còn

1* - tử tế, đứng đắn.

2* - ngày càng gia tăng.

có thể dễ dàng ký thoả thuận, bởi vì các chủ nợ đã được tẩy não một cách khéo léo và dần dần đã quen với mức độ bị mất 30%, sau đó là 50% và 70%, họ mỗi một vì đấu tranh, họ ký vào thoả thuận và xem như vụ làm ăn đen đui ấy đã hoàn toàn thất bại, mà thoạt đầu nói đến khoản thua lỗ chỉ là 30%. Phương pháp này không phải là phương pháp tối tệ nhất và có thể được giới thiệu với những tay đầu cơ nào kiên trì các nguyên tắc.

28) *Sự phá sản có tính chất đạo đức giả* - đó là việc làm của một nhân vật thần thánh có chân trong tất cả các hội huynh đệ và mang cây ban-đa-khin¹⁷⁸ trong thời gian các cuộc rước thánh. Người này dễ dàng có được khoản tín dụng và những người đóng góp, và anh ta có thể thực hiện một cách lạng lẽ một vụ phá sản rộng lớn. Tôi đã gặp những vụ phá sản kiểu ấy, trong đó khoản thua thiệt của phía chủ nợ là 90%. Trong trường hợp này sự ưu việt thể hiện ở chỗ là kẻ phá sản vẫn tìm kiếm được đủ số người biện hộ cho hắn: trời ơi, đây là

một người ngoan đạo; nếu ông ta gặp không may trong thương mại thì chỉ vì ông ta coi thường những phúc lợi của thế giới này. - Tinh thần ngoan đạo ấy của ông ta

được sử dụng để đẩy nhanh sự thoả thuận, để nhờ đó vị thánh tông đồ ngoan đạo ấy vẫn giữ được cho mình một phần chút ít kha khá những phúc lợi trần gian bên cạnh niềm hy vọng về những phúc lợi của thế giới bên kia.

NHỮNG KẺ BÔI BẮC

Trong nghề nào cũng gặp phải những kẻ dốt nát không tuân theo các nguyên tắc, và từ chất liệu tốt nhất họ làm ra sản phẩm có chất lượng tồi. Cũng như vậy, trong số những kẻ phá sản cũng có những kẻ vụng về chỉ biết biến vàng thành đồng và bị phá sản một cách vô cùng ngu xuẩn ở lĩnh vực mà những người khác có thể ký kết một giao kèo tuyệt hảo. Ở đây, tôi xin dẫn ra vấn đề nêu lên bốn hình thức; bởi vì trong loại người thật sự trung thực này không có gì đáng chú ý. Tôi nêu loại người phá sản này chỉ để cho sự phân tích được đầy đủ mà thôi.

29) *Sự phá sản trên cơ sở những ảo tưởng* - đó là sự phá sản của những kẻ mê muội bị cuốn hút bởi những câu chuyện hợp thời thượng, họ lao vào thương mại nhưng không am hiểu những trò lấu cá trong buôn bán, và dĩ nhiên, giống như con bướm bay vào lửa, sẽ bị cháy cánh. Năm 1789 có thể

thấy nhiều người chủ sở hữu tài sản lớn lẽ ra không nên rơi vào dòng nước xoáy này nhưng họ đã phung phí tài sản thừa kế giàu có ấy trong dòng nước xoáy ấy và kết thúc bằng vụ phá sản đã ngốn hết tài sản và danh dự của họ. Đồng thời cũng phải thấy rằng trong cuộc phá sản chỉ có người trung thực bị mất danh dự của mình, trong khi tên lừa đảo hiểu rõ những nguyên tắc vĩ đại của thương mại thì sẽ biết cách thực hiện vụ phá sản của mình sao cho hẳn có được cả của cải cả danh dự. Nhưng các ngài cao quý, khi rơi vào tổ ong vô vẽ của nghề buôn bán, lại muốn hành động một cách trung thực, nhưng lại bị bọn mưu mô vây quanh, trở thành đồ chơi trong tay chúng và tất phải kết thúc bằng một vụ phá sản vì những ảo tưởng của mình. Có nhiều tiểu chủ cũng mắc phải sai lầm ấy. Vì bị cuốn hút bởi cơn sốt buôn bán, họ để lại ruộng vườn của mình, bán đi khoảnh đất không lớn của mình để mở một quầy hàng trong thành phố, đi đến cảnh phá sản không tránh khỏi.

30) *Sự phá sản của kẻ quá già nua* - đó là sự phá sản của một kẻ vô phương cứu chữa muốn chết với vũ khí trong tay. Có không ít những kẻ mà lẽ ra đã đến lúc rời bỏ công việc kinh doanh, do tuổi tác đè nặng, họ

chỉ làm một điều là phạm phải những sai lầm, họ không biết đến những điều cải tiến mới nhất, khi đã ở tuổi già họ mất đi tài sản do lao động bao năm đã tích cóp được, song họ cố chấp đến khi những sai lầm tái phạm làm cho phá sản trở thành không thể tránh khỏi. Phải dùng cái tên như thế nào để gọi một người độc thân ở tuổi tám mươi, sở hữu hai triệu; quả thật đối với một ông già không vợ con như thế là đủ rồi, tuy nhiên ông già đó vẫn khăng khăng tiếp tục kinh doanh ở độ tuổi mà lẽ ra ông ta cần nghỉ ngơi và sửa chữa những lỗi lầm của mình. Nếu một người như vậy bị phá sản và ở tuổi tám mươi lại bị mất đi đồng tài sản chớ lợi của mình thì quả thật ông ta là kẻ cuồng tín thương mại. Một kẻ bị phá sản như vậy là một kẻ tàn tật đáng dùng làm hình mẫu cho đề mục này, bởi vì đối với mỗi loại tôi có thể dẫn ra kiểu người tương ứng^{1*} để người ta không buộc tội tôi là phóng đại. Tuy nhiên, ở mỗi thành phố đều có thể bắt gặp nhiều kẻ cuồng tín như vậy, những ông già khom vắn ngoan cố tiếp tục công việc buôn bán, gánh chịu sự diệt vong không vinh quang trong công việc ấy; vì ở thời đại chúng ta, khi mà mọi cái đều được

1* Tên của những hình mẫu này đã được nêu trong nguyên bản viết tay của Phu-ri-ê.

đưa tới độ tinh hoa, trong công việc buôn bán, cũng như trong chiến tranh, cần có những người trẻ tuổi được giáo dục trên cơ sở sách lược mới; nếu những người trẻ tuổi coi phá sản là trò chơi khôn ngoan thì dù sao đi nữa sự phá sản cũng là điều ô nhục đối với những ông già giàu có mà lẽ ra hai mươi năm về trước đã phải nghĩ đến chuyện nghỉ hưu.

31) *Sự phá sản để đê bẹp* xuất hiện do những kẻ cạnh tranh đáng sợ cố ý vội vã đối mặt với sự phá sản của mình và phá sản để giành giật một phần lợi nhuận nhỏ ở địch thủ của mình. Có thể thấy nhiều kẻ kinh doanh thua lỗ, với hy vọng là đối thủ cạnh tranh sẽ phá sản sớm hơn họ và họ sẽ vẫn là kẻ chiến thắng trong trận chiến. Đặc biệt tại các văn phòng ngành vận tải và tại các hội chợ hàng dệt, ví dụ: tại hội chợ ở Bô-co¹⁷⁹, ta thấy cuộc đấu tranh loạn xạ ấy ngự trị, kết quả là "những kẻ bị đê bẹp" buộc phải tự tuyên bố phá sản.

32) *Sự phá sản kiểu bí ối* do kẻ mới vào nghề miệng còn hơi sữa xếp đặt, một kẻ như vậy, thay vì hành động theo nguyên tắc, lại phá sản cùng với vợ con; và thêm vào đó lại còn rơi vào nanh vuốt của ngành tư pháp và làm trò cười cho "những bạn buôn", họ chỉ quý trọng những kẻ phá sản

có sức mạnh và chính đáng. Trong tiếng
lóng trộm cắp của ngành buôn bán người ta
nói đến kẻ phá sản đã để gia đình mình
phải đi lưu lạc khắp bốn phương: "Đây thật
sự là hành động bỉ ổi". - Nếu hán xếp đặt
một vụ phá sản béo bở, người ta sẽ gọi hán
là chàng trai khôn khéo, cái đầu thông
minh.

NHỮNG NGƯỜI ANH EM GIẢ

Tôi gọi là anh em giả những kẻ nào đẩy
nhóm người bị phá sản đáng kính vào cảnh
bị công chúng khinh rẻ. Một số trong
những kẻ đó gây nên sự phẫn nộ, số khác
thì gây nên sự giễu cợt. Tôi không liệt vào
loại người này những nhân vật siêu việt ăn
cướp hàng triệu, - những nhân vật đó mãi
mãi khả kính và không làm mất uy tín tất
cả nhóm người ấy; trong chế độ văn minh
những tên trộm lớn không bao giờ bị người
ta khinh bỉ, nhưng những tên trộm nhỏ thì
chắc chắn là những kẻ được dành cho giá
treo cổ, và nếu bọn này kích động dư luận
xã hội chống lại hành động lừa đảo và
chống lại những người phá sản cỡ nhỏ thì
họ trở nên không xứng đáng được gia nhập
nhóm người đó và xứng đáng được gọi là

những người anh em giả.

33) *Sự phá sản bịp bợm* là đặc trưng của
những bọn đều cáng cỡ nhỏ, trong khi bị
phá sản thường thực hiện những vụ ăn cắp
nhỏ không lịch sự, khiến cho các hàng xóm
có ý kiến nên treo cổ chúng. Việc ăn cắp
100 000 ta-le sẽ không gây ra những lời
bàn tán như vậy, nhưng hành động ăn cắp
100 ta-le lại làm cho người ta nghĩ đến giá
treo cổ, tuy nhiên, điều đó chẳng nguy
hiểm đối với tên bịp bợm, vì hội huynh đệ
của những người phá sản không bỏ mặc
đồng nghiệp của mình bị bắt nạt; toà án sắp
sửa sẽ coi mình có quyền chuyển từ những
tên trộm nhỏ sang những tên trộm lớn, điều
đó thật rất khó chịu đối với những ai hành
động theo các nguyên tắc vĩ đại và sau vụ
phá sản "trung thực" đã tìm được chỗ đứng
trong một xã hội tốt đẹp.

34) *Sự phá sản của kẻ bị treo cổ* là sự phá
sản trong đó, ngoài những điều dễ tiện bị
ổỉ, nhân vật chính còn có những hành động
bỉ ổi kiểu bác học, ví dụ như hán trấn lột
chính bản thân mình và sau đó sử dụng
chiến thuật đa cảm.

Xca-pen, một chủ hiệu nhỏ¹⁸⁰, dựng ra một
vụ phá sản thảm hại, chỉ vền vện có

40 000 phrăng^{1*}; hần giấu 30 000 phrăng là khoản lợi nhuận rỗng của cuộc làm ăn này; sau đó hần hiến cho các chủ nợ số tiền còn lại, 10 000 phrăng. Khi người ta hỏi hần về khoản tiền thiếu hụt 30 000 phrăng thì hần trả lời rằng hần không biết cách ghi chép sổ sách kế toán, giống như các đại thương gia, và rằng hần đã gặp "thất bại". Các vị cho rằng người ta sẽ trừng phạt Xca-pen như một tên trộm nhỏ đã chỉ ăn cắp có 30 000 phrăng ư? Nhưng phải chăng các chủ nợ không biết rằng nếu toà án can thiệp vào sự việc này thì toà án sẽ nuốt hết số tiền 10 000 phrăng còn lại chỉ để trả cho một bữa ăn sáng ư? Và khi 10 000 phrăng ấy sẽ được chi hết thì vẫn sẽ chưa giải quyết được gì cả.

Và nếu có thành công trong việc làm cho Xca-pen bị treo cổ thì có lẽ sẽ còn phải bỏ ra 10 000 phrăng nữa cho việc này, và sẽ không rõ chuyện này sẽ đi đến kết quả gì. Do đó, nhận số tiền ít ỏi 10 000 phrăng thì tốt hơn là để mất số tiền ấy, hơn nữa còn phải bỏ ra thêm một khoản tiền bằng từng ấy nữa. Thông qua viên chuông khế của mình, Xca-pen sử dụng lý lẽ này, và *như vậy bản thân kẻ phá sản lại đem toà án ra để dọa các chủ nợ của mình*. Và nhằm mục

đích gì mà các chủ nợ của Xca-pen lại cần nổi xung lên chống lại Xca-pen? Một số nghĩ rằng cần theo tấm gương cao đẹp của Xca-pen, còn số khác thì đã tiến xa hơn Xca-pen trên con đường thăng tiến; và vì chó sói không ăn thịt lẫn nhau, cho nên chẳng bao lâu sau Xca-pen tìm được một số người sẵn sàng ký tên đồng ý với những đề nghị của Xca-pen; một số người ký vào bản thoả thuận vì sợ toà án can thiệp vào, số khác thì tỏ ra kiên quyết, họ nói rằng họ hy sinh tất cả để đưa tên lừa đảo đến cảnh tù khổ sai. Khi ấy Xca-pen phái vợ con mình đến gặp những người ấy, vợ và các con hần thì dùng bài than khóc thuộc lòng để cầu xin sự thương hại; bằng cách này, trong mấy ngày Xca-pen và những viên chuông khế của hần đã thu thập được đa số chữ ký, sau đó họ cười giễu những người lưỡng lự mà họ chẳng cần đến nữa. Người ta giễu cợt sự tức giận của họ, Xca-pen thì trả lời bằng những lời nịnh bợ, những cái cúi đầu quy lụy lấy lòng, và sau kết cục may mắn của vụ phá sản lần thứ nhất thì hần lại suy tính vụ phá sản mới.

35) *Sự phá sản để bỏ trốn* được sử dụng ở các thành phố lớn; những kẻ này lảng lạng bỏ trốn khi gần đến thời hạn thanh toán,

1* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê, ở chỗ này và ở đoạn dưới: "li-vơ".

đem theo số đồ đạc thâm hại của mình giữa đêm tối. Hình thức phá sản này rất phổ biến trong giới thợ dệt lụa ở Li-ông; thuộc vào loại này cũng cần phải kể đến tất cả những chàng công tử và các nàng ăn diện, họ đặt mua hàng ở hiệu ăn, ở nhà may và thợ giày tất cả những gì tốt nhất và rất dễ dãi về giá cả, vì họ có ý định chỉ thanh toán bằng những lời hoa mỹ rồi bỏ trốn ngay khi các chủ nợ bắt đầu quấy rầy họ.

Hình thức phá sản nực cười này chỉ ra khía cạnh không tốt của nhóm người này. Khi người ta chửi bới một kẻ đã lừa hai mươi chủ hiệu nhỏ thì người ta cũng dễ dàng quen chửi bới một người *comme il faut*^{1*} đã vì sự phá sản của mình mà làm cho hai mươi gia đình bị khánh kiệt, nhưng cần đề bẹp những lời phê phán tùy tiện ấy để không làm lung lay sự kính trọng mà những người phá sản trung thực có được - họ là "những bạn buôn".

36) *Sự phá sản gây sự giễu cợt* - đó là sự phá sản của chủ hiệu nhỏ tự tuyên bố phá sản in *optima forma*^{2*}, hoàn toàn giống như những chủ ngân hàng có thế lực và hùng mạnh, người chủ hiệu nhỏ ấy đề nghị trả

1* - tử tế, đứng đắn.

2* - theo đúng thủ tục.

cho các chủ nợ không quá 5%. Vụ phá sản kiểu này là việc làm của một diễn viên ở Li-ông, trong số những người khác, người diễn viên này diễn rất tuyệt các vai hài và nhờ vậy được công chúng rất hâm mộ. Với ý thức tuân thủ mọi quy tắc, anh chàng diễn viên này đề nghị với các chủ nợ của mình để cho anh ta trả số tiền bằng *ba phần trăm*. Một số chủ nợ đã phần nộ và muốn nhờ toà gửi trát đòi anh ta ra toà, nhưng anh ta đã thần bí hoá toà án, giống như anh ta đã làm trên sân diễn trong vở kịch "Luật sư Pa-tê-lanh", thế là tất cả công chúng đứng về phía anh ta. Vụ phá sản của anh ta là tấn hài kịch rất nực cười gồm một số màn tuyệt diệu. Dù cho đám chủ nợ có giận dữ ra sao đi nữa, công chúng cũng giễu cợt họ như đã cười giễu Ghi-ôm trong vở kịch "Luật sư Pa-tơ-lanh".

Ở đây tôi trình bày lướt qua tất cả những định nghĩa ấy. Song, bản danh mục của tôi không đầy đủ lắm, cho nên cần xem nó chỉ là một phác thảo mà ai cũng có thể bổ sung những loại hình còn thiếu^{1*}. Mà những loại hình đáng chú ý như vậy thì có rất nhiều. Cách đây chỉ mấy ngày, các báo ở Pa-ri đã dẫn ra trường hợp phá sản tuyệt diệu của

1* Ở đầu và cuối đoạn này Ăng-ghe-nơ đã phần nào phỏng theo bản viết của Phu-ri-ê.

một gã Y, với số tiền vốn vẹn 10 000 phrăng vậy mà hắn đã lập ra một hãng được quảng cáo rộng rãi, hình như đặt tên cho hãng này là phòng phục hưng thương mại hoặc bằng cái tước hiệu khác nào đó không kém phần rùm beng, và bằng cách ấy hắn đã móc được một triệu của mấy tay khờ dại, hắn đã trả số tiền ấy, như thường lệ, bằng một vụ phá sản đẹp. Tóm lại, số lượng những hình thức phá sản khác nhau do tôi dẫn ra có thể dễ dàng nhân lên gấp đôi.

VII NHỮNG KẾT LUẬN^{2*}

Nếu chú ý rằng phá sản chỉ là một trong số ba mươi sáu đặc điểm tiêu biểu của thương mại thì rất khó giải thích được tại sao cái nguồn tội ác hết sức phong phú ấy, cái cơ chế thương mại ấy cho đến nay chưa được phân tích ở thế kỷ chúng ta, là thế kỷ kiên quyết chống lại tội ác của mọi giai cấp xã hội và công bố ngay cả những tội lỗi của vua chúa và giáo hoàng.

Nếu đọc bảng liệt kê những thủ đoạn con

buôn bản thủ ấy thì lập tức nảy ra một câu hỏi là tại sao cái thế kỷ tự xưng là người bạn của chân lý cao cả lại có thể hoàn toàn nghiêm chỉnh say mê với nền thương mại hoàn toàn dựa trên sự lừa đảo, lấy cố là cuộc sống không thể thiếu thương mại; do vậy cần ngoan ngoãn cam chịu hành động lừa đảo và tráo lộn, đại loại như những hành động lừa đảo mà chúng tôi đã liệt kê chỉ trong một hình thức tội phạm thương mại - phá sản.

Song, chúng tôi xin kết thúc đề tài phá sản.

Trong lĩnh vực thương mại câu ngạn ngữ: toà án chỉ trừng phạt những tên trộm nhỏ, tỏ ra không đúng. Kẻ phá sản, ngay cả loại nhỏ nhất, cũng thoát khỏi sự truy tố của toà án nhờ sự che chở của chính các thương gia. Điều đó đã thấy rõ khi xem xét loại hình cuối cùng (những người anh em giả)^{1*} - những kẻ phá sản thu nhỏ.

Sẽ phí công nếu dẫn ra những trường hợp trừng trị một số kẻ phá sản có ý xấu; có đến chín mươi chín kẻ thoát khỏi một cách may mắn, và nếu kẻ thứ một trăm bị thất bại thì chắc chắn đấy là một kẻ ngu dốt không biết tiến hành mưu đồ, bởi vì ngày nay trò làm ăn này

2* Trong tác phẩm của Phu-ri-ê: "Những kết luận về phá sản".

1* Những từ trong ngoặc là do Ăng-ghen thêm vào.

chắc chắn đến mức người ta đã từ lâu quên
đi những biện pháp phòng ngừa trước kia. Trước kia kẻ bị phá sản bỏ trốn đến Tô-ri-en-tơ, Lê-giơ hoặc Ca-ru-giơ. Nhưng từ thời phục sinh năm 1789 thì tập tục này không còn nữa. Giờ đây ai ai cũng xếp đặt sự phá sản trong phạm vi gia đình. Công việc được chuẩn bị bình tĩnh, khi xảy ra phá sản, kẻ phá sản ra ngoại ô một tháng, đến chỗ họ hàng và bạn bè, trong khi ấy viên chủ nợ khế thu xếp mọi chuyện. Sau đó vài tuần thủ phạm lại xuất hiện, và công chúng đã quen với chuyện này đến mức họ coi chuyện ấy là một trò đùa đáng yêu; điều này được gọi là "trút gánh nặng", rồi người ta nói một cách rất bình thản: "Anh ta lại xuất hiện, anh ta vừa mới hồi phục sau kỳ sinh nở". Tôi nhận thấy rằng phá sản là tội ác xã hội duy nhất mang tính chất dịch bệnh và nó lôi kéo người trung thực vào con đường lừa đảo một cách trái với ý muốn của người đó. Nếu cộng thêm vào hình thức phá sản sự đầu cơ chứng khoán và nhiều điều bí ẩn khác thì sẽ thấy rõ rằng tôi đã có lý khi khẳng định rằng những con người thuộc thời đại văn minh chưa

bao giờ phạm phải những điều phi lý chính trị nhiều như từ lúc họ lao vào thương mại. Những nhà triết học chỉ mơ tưởng đến mọi thứ đối trọng và bảo đảm, nhưng chưa một lần nghĩ cách cố giành cho cơ thể xã hội một sự bảo đảm mà các chính phủ đòi hỏi - một cách rất cần trọng - ở những nhân viên quốc khố của mình! Nhà vua bảo đảm cho mình có được lòng trung thực của nhân viên thu thuế của mình bằng khoản tiền bảo đảm và bằng triển vọng không tránh khỏi bị trừng phạt nếu nhân viên thu thuế ấy dám cả gan đem tiền của nhà nước ném vào ván bài hoặc phung phí chúng. Tại sao chúng ta không phải nhìn thấy cảnh những nhân viên thu tiền nhà nước chiếm đoạt số thu nhập do thuế đem lại và tuyên bố với chính phủ trong một bức thư ai oán: "Thời buổi khó khăn, hoàn cảnh quẫn bách, những trường hợp đau buồn v.v., tóm lại, tôi tuyên bố phá sản, khánh kiệt hoặc xin các vị hãy gọi điều đó như thế nào tùy ý. Trong quỹ của các ngài phải có mười triệu; tôi đề nghị trả cho các ngài một nửa số ấy, năm triệu, trả trong vòng năm năm. Xin hãy thương hại nhân viên thu ngân bất hạnh này; hay vẫn tín nhiệm tôi và cứ để cho tôi quản lý quỹ của các ngài, nếu không thì tôi không thể

trả con số một nửa ấy cho các ngài như tôi
 để nghị bây giờ; nhưng nếu các ngài vẫn
 duy trì chức vụ và những khoản thu nhập
 cho tôi thì tôi sẽ cố gắng hoàn thành một
 cách trung thực các cam kết của mình,
 nghĩa là đãi các ngài vụ phá sản thứ hai
 ngay khi nào quỹ lại đầy trở lại".

Đó là vấn đề nội dung tất cả những bức thư
 của các con nợ tự tuyên bố vỡ nợ. Những
 nhân viên thu thuế không noi theo gương
 này chỉ vì họ biết rằng không một học
 thuyết triết học nào lại có thể bảo vệ họ
 không bị sự trừng phạt mà kẻ phá sản tránh
 được nhờ núp dưới nguyên tắc: hãy để cho
 các thương gia được hoàn toàn tự do, đừng
 đòi hỏi một sự bảo đảm nào chống lại
 những trò gian xảo của họ.

[KẾT LUẬN]

Đó là những gì Phu-ri-ê viết. Phần tiếp theo của bài này trong
 tập thứ hai "Phalange" gồm có ba chương nói về sự đầu cơ chứng
 khoán, về việc mua vét (accaparement) kiếm lời và về tính chất
 ăn bám, song những chương này phần nhiều đã được công bố
 trong "Bốn vận động"¹⁸¹. Một phần vì nguyên nhân này, một phần
 cũng vì lý do là đoạn đăng trên đây hoàn toàn đủ để phục vụ mục
 tiêu của tôi rồi, cho nên tôi kết thúc ở đây.

Mong rằng các ngài bác học Đức, những người rất hăng hái đi
 dọc ngang "biển cả vô bờ" của những học thuyết không đáy^{1*} và
 bằng mọi giá cố gắng tìm cho ra "*nguyên tắc*" của "chủ nghĩa xã
 hội" hay noi gương người commis; marchand^{2*} Phu-ri-ê. Phu-ri-ê
 không phải là nhà triết học, ông rất ghét triết học, chế giễu cay
 độc nó trong các tác phẩm của mình và ngoài ra còn phát biểu
 nhiều suy xét mà "các nhà triết học về chủ nghĩa xã hội" Đức của
 chúng ta phải lưu ý tới. Thật ra, họ bác bỏ tôi rằng Phu-ri-ê cũng
 "trừu tượng" không kém, rằng bằng các loạt tác phẩm của mình
 Phu-ri-ê đã tạo dựng nên Thượng đế và thế giới không kém gì
 ngay chính Hê-ghen, nhưng điều đó sẽ không cứu thoát họ.
 Những tư tưởng lập dị thiên tài - bất chấp tất cả - của Phu-ri-ê
 không biện minh cho cái gọi là những lập luận của học thuyết
 Đức khô héo. Phu-ri-ê thiết kế tương lai theo cách của mình sau
 khi ông đã nhận thức đúng đắn quá khứ và hiện tại; học thuyết
 của Đức trước hết thanh toán, theo cách của mình, với lịch sử quá
 khứ, rồi sau đó nó cũng chỉ định cho tương lai phải đi theo
 phương hướng nào. Chẳng hạn, hãy đem những thời đại phát
 triển xã hội mà Phu-ri-ê đưa ra (mông muội, phụ hệ, dã man, văn
 minh) cùng những nhận định về các thời đại ấy để so sánh với tư
 tưởng tuyệt đối của Hê-ghen, cái tư tưởng chặt vật mở đường cho
 mình xuyên qua mê lộ của lịch sử và cuối cùng ị ạch xây dựng nên
 dáng vẻ của thuyết phân ba để đối chọi với *bốn* đế chế thế giới¹⁸²;
 còn về những chủ thuyết hậu Hê-ghen thì chẳng đáng đề cập đến
 chúng. Bởi vì, nếu học thuyết của Hê-ghen dù sao cũng có ý nghĩa
 nào đó, dù là ý nghĩa sai lệch, thì chủ thuyết của các nhà sáng chế
 ra các học thuyết hậu Hê-ghen chẳng chứa đựng ý nghĩa nào cả.

1* Chơi chữ: grundlos" - "không đáy", còn có nghĩa là "không có cơ sở", "trống
 rỗng".

2* - nhân viên thương mại.

Cuối cùng thì đã đến lúc người Đức phải chấm dứt khoe khoang sự am hiểu vững vàng. Từ những dữ kiện nghèo nàn nhất họ chẳng những đưa ra cho các vị mọi thứ, mà họ còn gắn điều đó với lịch sử toàn thế giới. Trên cơ sở sự kiện bất kỳ nào thu thập được từ nguồn thứ ba, mà họ thậm chí cũng không hay biết sự kiện ấy đã xảy ra theo cách này hay theo cách kia, - họ sẽ chứng minh với các ngài rằng sự kiện ấy *tất đã phải* xảy ra đúng như vậy, chứ không thể theo cách khác được. Phải chăng có ai đó ở Đức đã viết về những vấn đề xã hội mà lại không nói cả về Phu-ri-ê một điều gì đó khiến cho người ấy làm mất uy tín một cách cơ bản nhất tâm hiểu biết vững vàng của người Đức? Trong số những người khác có một ngài Cai-dơ¹⁸³ nào đó đã lập tức sử dụng "tác phẩm xuất sắc của L.Stai-nơ" để xây dựng nên một cấu trúc lịch sử toàn thế giới, nhưng tiếc thay, nó chỉ có một khiếm khuyết là tất cả những sự việc được lấy làm nền tảng cho nó, lại là giả. Về Phu-ri-ê thì ít ra đã có khoảng hai mươi lần lý luận của Đức đã dành "chỗ" cho Phu-ri-ê "trong sự phát triển tư tưởng tuyệt đối", - và mỗi lần nó lại dành cho ông một chỗ khác - và lần nào thì thật ra lý luận của Đức cũng nhờ cậy vào ngài Stai-nơ hoặc vào những nguồn khác cũng đáng ngờ như vậy. Chính vì vậy mà "chủ nghĩa xã hội tuyệt đối" của Đức mới tỏ ra thảm hại khủng khiếp như vậy. Đôi chút tính "nhân đạo", như hiện nay người ta vẫn quen nói như thế; một đôi chút "sự thực hiện" tính nhân đạo này, hay là nói đúng hơn, tính súc vật, một đôi điều về sở hữu theo Pru-đông - từ nguồn thứ ba hoặc thứ tư, - vài câu than thở về giai cấp vô sản, đôi điều về tổ chức lao động, những hiệp hội thảm hại nhằm cải thiện tình cảnh của các giai cấp bên dưới trong nhân dân¹⁸⁴ - bên cạnh sự ngu dốt vô hạn về kinh tế chính trị học và về thực trạng của xã hội - toàn bộ "chủ nghĩa xã hội" ấy chung quy là thế, hơn nữa thứ "chủ nghĩa xã hội" ấy lại còn mất đi giọt máu cuối cùng, những dấu vết cuối cùng của nghị lực và sức mạnh do tính phi đảng phái của nó trong lĩnh vực lý luận, do "sự tư duy

tuyệt đối bình thản" của nó. Và người ta muốn dùng cái trò đánh bùn sang ao ấy để cách mạng hoá nước Đức, khởi động giai cấp vô sản, thúc giục quần chúng suy nghĩ và hành động!

Nếu như các vị phó giáo sư Đức nửa cộng sản và hoàn toàn cộng sản ở nước ta chịu khó tìm hiểu một chút những tác phẩm chủ yếu của Phu-ri-ê, không khó hiểu đối với họ, chẳng khác gì mọi cuốn sách của Đức, - thì họ đã tìm thấy trong các tác phẩm ấy một nguồn tư liệu vô tận cho việc xây dựng và cho những mục đích khác! Họ đã có thể tìm thấy ở đó bao nhiêu tư tưởng mới mà giờ đây vẫn còn mới mẻ đối với nước Đức! Nhưng những con người hiền lành ấy cho đến nay vẫn chưa có khả năng đưa ra lời buộc tội nào đối với xã hội đương thời, ngoài tình cảnh của giai cấp vô sản, vả lại, cả về vấn đề này họ cũng có thể nói không nhiều lắm. Dĩ nhiên, tình cảnh của giai cấp vô sản là điểm chủ yếu, nhưng phải chăng việc phê phán xã hội đương thời chỉ có thể thôi ư? Qua tấm gương của Phu-ri-ê - ông này, trừ những tác phẩm sau này, hoàn toàn ít đề cập đến điểm này - có thể thấy rằng chẳng cần đề cập đến điểm này cũng có thể thừa nhận xã hội hiện tồn là một xã hội hoàn toàn vô dụng, và chỉ riêng bằng sự phê phán giai cấp tư sản - chính là phê phán những quan hệ qua lại trong nội bộ nó, không đề cập đến quan hệ của nó với giai cấp vô sản - cũng có thể đi đến kết luận về sự cần thiết phải cải tổ lại xã hội. Trong việc phê phán kiểu như vậy thì cho đến nay Phu-ri-ê là người duy nhất. Phu-ri-ê kiên quyết vạch trần sự giả dối của cái xã hội khả kính, sự mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn của nó, tính chất trống rỗng của toàn bộ lối sống của nó, chế nhạo triết học của nó, ý hướng của nó hướng tới perfection de la perfectibilité perfectibilisante^{1*} và hướng tới auguste vérité^{2*}; Phu-ri-ê chế giễu "đạo đức trong sạch" của nó,

1* - sự hoàn thiện khả năng hoàn thiện đang hoàn thiện.

2* - chân lý tối cao.

những quy định xã hội đồng nhất và đem những quy định ấy ra so sánh với thực tiễn của xã hội ấy và với *doux commerce*^{1*} mà ông đã phê phán một cách tài tình, với những sự hưởng lạc vô độ không đem lại niềm hoan lạc, sự ngoại tình có tổ chức trong hôn nhân, tình trạng hỗn loạn phổ biến. Đó là tất cả những mặt của xã hội hiện tồn mà ở Đức người ta hoàn toàn chưa đặt vấn đề. Thật ra, người ta đã có nói đôi điều về yêu đương tự do, về địa vị của phụ nữ, về việc giải phóng phụ nữ; nhưng điều đó chung quy là gì? Đôi ba câu rối rắm, mấy chiếc bút-tát xanh, một chút cuồng loạn và một phần nhỏ đáng kể những lời than vãn về tình trạng lộn xộn trong gia đình Đức - đầu voi đuôi chuột!

Trước hết người Đức lẽ ra cần phải tìm hiểu đôi chút về phong trào xã hội ở nước ngoài, về thực tiễn và văn học của phong trào xã hội ấy - toàn bộ lịch sử nước Anh và nước Pháp trong tám mươi năm gần đây, nền công nghiệp Anh và cuộc cách mạng Pháp đều thuộc phong trào thực tiễn - sau đó người Đức lẽ ra cần phải làm trong thực tiễn và trong văn học ngần ấy việc mà các nước láng giềng của họ đã làm, và *chỉ sau khi làm như vậy rồi* mới nên nêu ra những vấn đề nhàn đàm như vấn đề về những công lao lớn hơn hay nhỏ hơn của các dân tộc khác nhau. Nhưng lúc đó sẽ không có được cử tọa cho những cuộc tranh cãi ngụy biện kiểu ấy.

Còn hiện thời thì điều tốt nhất đối với người Đức là trước hết hãy tìm hiểu những thành quả của nước ngoài. Tất cả những cuốn sách đã xuất bản cho tới nay bàn về vấn đề này hết thảy đều là những cuốn sách *dở*. Những sự trình bày vấn đề như vậy may lắm cũng chỉ có thể phê phán các tác phẩm, chứ không phải giới thiệu bản thân các tác phẩm. Những tác phẩm ấy phân thì hiếm thấy và không thể kiếm được ở Đức, phân thì

1* - nền thương mại đáng yêu.

quá dày, một phần lại hoà lẫn với những tư liệu chỉ còn có ý nghĩa lịch sử và văn học và không còn lý thú đối với công chúng Đức vào năm 1845 nữa. Để có thể tiếp cận được những tác phẩm ấy - mà nội dung quý báu của chúng cho đến nay vẫn mới đối với nước Đức - cần phải lựa chọn và xử lý, giống như cách người Pháp vẫn làm đối với tất cả các tài liệu nước ngoài tới tay họ, cả trong những công việc như thế người Pháp cũng có đầu óc thực tế hơn nhiều so với chúng ta. Những tác phẩm hết sức quan trọng của sách báo xã hội chủ nghĩa ngoại quốc, sau khi được xử lý như vậy, sẽ được xuất bản trong tương lai gần. Một số người cộng sản Đức đã tập hợp nhau lại để thực hiện sáng kiến ấy, trong số họ có những nhà hoạt động xuất sắc nhất của phong trào, họ cũng có thể dễ dàng viết ra những tác phẩm độc đáo¹⁸⁵ như thế; cần hy vọng rằng một sáng kiến như vậy sẽ cho các nhà lý luận thông thái Đức thấy rằng tất cả sự thông thái của họ đã lỗi thời rồi, rằng ở phía bên kia sông Ranh và biển La-Măng-sơ, tất cả những điều đó từ rất lâu rồi đã được tranh luận kỹ theo tinh thần *pro et contra*^{1*}. Và chỉ sau khi họ nhận ra những gì đã được thực hiện *trước* họ thì họ mới có thể cho người ta thấy *bản thân họ có thể* làm được gì.

Bruy-xen

Do Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
cuối năm
1845
Đã đăng

In theo bản in trong niên giám
Nguyên văn là tiếng Đức

1* - tán thành và bác bỏ.

*trong niên
giám
"Deutsches
Bürgerbuch
für 1846",
Mannheim,
1846
Ký tên:
Ph.Ăng-
ghen*

PH.ĂNG-GHEN

PHOI-Ơ-BẮC¹⁸⁶

a) Toàn bộ triết học của Phoi-ơ-bắc quy tụ 1) vào triết học tự nhiên, - thụ động yêu tha thiết thiên nhiên, hăm mộ bái phục trước vẻ tuyệt diệu và hùng mạnh vạn năng của thiên nhiên, 2) vào nhân học, cụ thể là α) vào sinh lý học - những gì được nói trong lĩnh vực này không chứa đựng điều gì mới mẻ hơn những gì mà các nhà duy vật chủ nghĩa đã nói về sự thống nhất giữa thể xác và linh hồn, có điều là điều đó được nói không máy móc như thế, nhưng hoa mỹ hơn chút ít, β) vào tâm lý học, một thứ tâm lý học quy thành những vần thơ ca tụng tình yêu, tăng bốc tình yêu đến tận mây xanh, giống như sự sùng bái thiên nhiên, ngoài ra thì chẳng có gì mới mẻ cả, 3) vào đạo đức, vào đời sống - phải đáp ứng khái niệm "con người"; *impuissance mise en action*^{1*}. Hãy tham khảo §54 tr.81: "Thái độ đạo đức và hợp lý của con người đối với dạ dày là ở chỗ con người xem dạ dày không phải là cái gì đó mang tính súc vật, mà như là cái gì đó mang tính người". - §61: "Con người... với tư cách là sinh vật có đạo đức" và những lời bàn luận dài dòng về đạo đức trong "Bản chất của đạo Cơ Đốc".

b) Trong giai đoạn phát triển hiện nay con người có thể thoả mãn các nhu cầu của mình chỉ ở bên trong xã hội; nói chung thì ngay từ đầu, từ khi con người tồn tại, con người đã cần đến nhau và chỉ nhờ vậy mà con người mới có thể phát triển các nhu cầu và những năng lực v.v. của mình; con người tham

1* - sự bất lực được đưa vào hành động¹⁸⁷.

gia vào sự giao tiếp, - tất cả những ý này Phoi-ơ-bắc thể hiện theo cách là

"từng con người riêng lẻ *tự bản thân mình không có trong mình bản chất của con người*", "*bản chất của con người chỉ là ở tính cộng đồng, ở sự thống nhất giữa con người với con người, nhưng là sự thống nhất dựa vào sự khác biệt thực hiện giữa Tôi và Anh. - Bản thân con người là con người theo nghĩa thông thường*), còn con người trong *sự thống nhất* với con người, sự thống nhất giữa *Tôi và Anh, là Thượng đế*"
(tức là con người theo nghĩa siêu phàm)

(§61, 62, tr.83).

Triết học đã đi đến chỗ là đối với sự thật tầm thường là cần có sự giao tiếp giữa người với người, một sự thật mà nếu không biết đến nó thì nói chung trên thế gian sẽ không bao giờ xuất hiện một thế hệ người tiếp theo đã từng có lúc tồn tại và sự thật ấy đã biểu hiện ở sự khác biệt về giới tính, - ở đoạn cuối của toàn bộ con đường đi của mình, triết học đã trình bày sự thật ấy như là kết quả vĩ đại nhất. Hơn nữa lại là dưới hình thức thần bí "sự thống nhất giữa Tôi và Anh". Câu nói này lẽ ra đã hoàn toàn không thể có được nếu Phoi-ơ-bắc không ám chỉ $\times\times\acute{\iota}\ \acute{\epsilon}\ \acute{\tau}\acute{\epsilon}\chi\eta\nu$ ^{1*} hành vi tình dục, hành vi tiếp nối nói giống, tính cộng đồng của Tôi và Anh^{2*}. Và vì tính cộng đồng của Phoi-

1* - chủ yếu.

2* Chính vì con người = cái đầu + trái tim và vì để tạo ra con người thì cần có hai người, - một người hiện diện trong sự giao tiếp của hai người với tư cách là *cái đầu*, con người kia thì với tư cách là *trái tim* - *người đàn ông và người đàn bà*. Nếu không thì không hiểu được tại sao *hai người* thì có nhân tính hơn một người. Cá nhân theo tinh thần Xanh - Xi-mông.

ơ-bác trở thành tính cộng đồng *thực tế*, cho nên tính cộng đồng chỉ giới hạn ở hành vi tình dục và ở sự thoả thuận lẫn nhau về những suy nghĩ triết học và những vấn đề triết học, ở "biện chứng đích thực" (§64), ở đối thoại, ở "sự *sản sinh ra* con người cả về mặt tinh thần, cả về mặt thể chất" (tr.67). Không thấy nói một lời nào về việc sau này con người "*đã được sinh ra*" ấy sẽ làm gì ngoài việc con người ấy vẫn lại *sản sinh ra* những con người" về mặt "tinh thần" và về mặt "thể chất". Phoi-ơ-bác chỉ biết đến sự giao tiếp giữa *hai* người,

"cái chân lý rằng không một sinh vật nào tự bản thân nó là sinh vật đích thực, hoàn hảo, tuyệt đối, rằng chân lý và sự hoàn thiện - chỉ biểu hiện trong sự liên kết, trong sự thống nhất của *hai* sinh vật giống nhau về bản chất" (tr.83, 84).

c) Phần đầu của "Triết học của tương lai" đã lập tức làm lộ ra sự khác nhau giữa chúng tôi và ông:

§1: "Nhiệm vụ của thời đại mới là thực hiện và nhân hoá Thượng đế, biến thần học thành nhân học, hoà tan thần học trong nhân học". Hãy tham khảo: "Sự phủ định thần học là *bản chất* của thời đại mới" ("Triết học của tương lai", tr.23).

d) Sự khác biệt mà Phoi-ơ-bác nêu ra giữa Thiên chúa giáo và đạo Tin lành ở §2 - Thiên chúa giáo: "thần học", "chỉ quan tâm xem cái gì là bản thân Thượng đế", có "xu hướng tư biện và chiêm vọng"; còn đạo Tin lành thì chỉ giới hạn ở Cơ Đốc học, để Thượng đế tự tại, để sự tư biện và sự chiêm vọng cho các nhà triết học, - sự khác biệt ấy chẳng qua là sự phân công lao động bắt nguồn từ

nhu cầu phù hợp với trình độ phát triển tương đối yếu của khoa học. Chỉ xuất phát từ nhu cầu ấy, một nhu cầu tồn tại *bên trong thần học*, Phoi-ơ-bác đã giải thích đạo Tin lành, và sau đó lịch sử độc lập của triết học đã hoà theo điều đó một cách tự nhiên.

e) "Tồn tại không phải là khái niệm phổ biến, tách rời khỏi các vật. Nó thống nhất với cái hiện hữu... Tồn tại là sự giả định bản chất. *Bản chất của tôi thế nào thì tồn tại của tôi thế ấy*. Cá sống dưới nước, nhưng không thể tách bản chất của cá khỏi tồn tại ấy. Chỉ riêng ngôn ngữ đã đồng nhất tồn tại và bản chất. Chỉ có trong đời sống của con người, *và lại chỉ trong những trường hợp không bình thường, bất hạnh* thì tồn tại mới tách khỏi bản chất; ở đây thấy rằng bản chất của con người không có được ở nơi mà bản thân con người tồn tại, nhưng chính vì sự phân chia ấy mà con người, cả theo ý nghĩa đích thực, đã không có được bằng linh hồn của mình ở nơi mà thể xác con người hiện diện thực sự. Chỉ có nơi nào có trái tim của Anh thì *Anh mới hiện diện* ở đó. Nhưng tất cả mọi sự vật - *trừ những trường hợp trái tự nhiên* - đều sẵn lòng có mặt ở nơi chúng hiện diện, và chúng sẵn lòng là cái mà chúng đang là" (tr.47).

Thật là một sự tán dương tuyệt diệu cái hiện hữu. Ngoại trừ những trường hợp trái tự nhiên, trừ một số ít trường hợp không bình thường, còn thì Anh sẵn lòng, ở tuổi lên bảy, trở thành người canh gác dưới mỏ than, đứng một mình mười bốn giờ trong bóng

tối, và một khi tồn tại của Anh là như thế thì bản chất của Anh cũng như thế. Cũng như thế đối với thợ xe sợi bên máy sợi con dọc di động. Đó là "bản chất" của Anh: Anh phải tuân theo một lĩnh vực lao động nào đó. Hãy tham khảo "bản chất của tín ngưỡng"¹⁸⁸, tr.11, "cơn đói không được làm dịu bớt"...

f) §48, tr.73: "Chỉ có *thời gian* mới là *phương tiện* để liên kết một cách không mâu thuẫn - trong cùng một thực chất - những định nghĩa trái ngược nhau hoặc mâu thuẫn nhau. Chỉ ít thì điều đó cũng xảy ra trong sinh vật sống. Chỉ có bằng cách ấy ở đây mới bộc lộ ra - chẳng hạn, trong con người - *mâu thuẫn* ở chỗ hiện nay tôi đang bị một định nghĩa nào đó, một ý định nào đó, rồi sau đó lại là một định nghĩa hoàn toàn khác và thậm chí còn trực tiếp đối nghịch, - chế ngự và choán hết lấy tôi".

Cái đó được Phoi-ơ-bác gọi là 1) mâu thuẫn, 2) sự liên kết các mâu thuẫn và 3) cái đó, theo ý kiến của ông, được thực hiện bởi thời gian. Tất nhiên, bởi thời gian "được choán đầy", nhưng vẫn bởi thời gian, chứ không phải bởi những gì đang diễn ra trong đó. Luận điểm này đồng nghĩa với luận điểm cho rằng chỉ có trong thời gian mới có thể diễn ra sự thay đổi.

Do Ph.Ăng-ghen viết chắc là vào mùa thu năm 1845 Công bố lần đầu trong Marx - Engels Gesamtausgabe.

In theo bản viết tay Nguyễn Văn là tiếng Đức

Erste Abteilung, Bd.5, 1932.

C.MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN

*TRẢ LỜI SỰ PHẢN PHÊ PHÁN CỦA B.BAU-O¹⁸⁹

Bruy-xen, ngày 20 tháng Mười một. *Bru-nô Bau-ơ*, đã áp a áp úng trong "*Wigand's Vierteljahrchrift*", tập III, tr.138 và các trang tiếp theo, một vài câu đáp lại tác phẩm của *Ăng-ghen* và của *Mác* "Gia đình thần thánh, hay là phê phán sự phê phán có tính chất phê phán, 1845". Trước hết *B.Bau-ơ* tuyên bố rằng *Ăng-ghen* và *Mác* đã không hiểu ông ta, ông ta lặp lại một cách hết sức ngây ngô những câu cũ rích, kiểu cách, từ lâu đã trở thành vô nghĩa, rồi ông ta tỏ ý tiếc rằng cả hai tác giả nói trên đã không biết đến câu nói của ông ta về "cuộc đấu tranh không ngừng và về thắng lợi, về sự tiêu diệt và sự sáng tạo của phê phán", rằng chính phê phán là "sức mạnh duy nhất của lịch sử", rằng "duy nhất chỉ có người phê phán và chỉ có nhà phê phán đã *đả kích* tôn giáo trong tính chính thể của nó và *đả kích* nhà nước trong những biểu hiện khác nhau của nó", rằng "nhà phê phán đã và đang làm việc", vẫn với giọng điệu như thế của những lời cam đoan huênh hoang và những lời giải bày nồng nhiệt. Trong chính bài trả lời của mình *Bau-ơ* đã trực tiếp cho ta một khuôn mẫu mới, rất kỳ lạ về việc "*nhà phê phán đã và đang làm việc như thế nào*". Cụ thể là, nhà phê phán "cần mẫn" ấy cho rằng điều thích hợp hơn *đối với mục đích* của mình là làm cho *bài bình luận cuốn sách ấy*, đăng trên *Westphälisches Dampfboot*" (số tháng Năm, tr.206 và tiếp theo)¹⁹⁰, một bài bình luận tầm thường và rối bời, - trở thành đề tài cho những lời thốt lên và trích dẫn của ông ta, thay

vì chính cuốn sách của *Ăng-ghen* và *Mác*; bài bình luận ấy là *một sự đánh tráo* mà ông ta giấu bạn đọc với một thái độ thận trọng mang tính phê phán.

Trong khi chép lại từ các trang của tờ "Dampfboot", ông *Bau-ơ* đã làm gián đoạn "*công việc nặng nhọc*" này của sự sao chép, chỉ bằng cử chỉ nhún vai đơn giản nhưng có nhiều ý nghĩa. Toàn bộ sự phê phán có tính chất phê phán chung quy là một cái nhún vai, kể từ khi sự phê phán ấy chẳng còn gì để nói nữa. Sự phê phán ấy tìm thấy sự giải thoát cho mình ở *những cơ bắp trên vai*, mặc dù mình căm ghét cái *cảm tính* mà sự phê phán ấy không biết quan niệm một cách nào khác hơn là dưới hình thức "*chiếc gậy*" (hãy xem tờ "*Wigand's Vierteljahrsschrift*", tr.130), dưới hình thức công cụ trừng phạt đối với sự trần trụi thần học của mình.

Do vội vàng và hồi hợt, nhà bình luận ở Ve-xơ-pha-li đã truyền đạt nội dung của cuốn sách do ông ta bình luận bằng những lời đúc kết nực cười, thật sự mâu thuẫn với chính cuốn sách ấy. Nhà phê bình "cần mẫn" ấy đã chép lại cuốn sách bởi bác này của nhà bình luận, gửi nó cho *Ăng-ghen* và *Mác* và hân hoan thốt lời với đám quần chúng không có đầu óc phê phán mà ông ta chỉ nhìn một cái là đã làm cho đám quần chúng ấy biến thành tro bụi, còn đối với những người khác thì ông ta uốn éo quyền rũ về phía mình: "*Các vị hãy nhìn xem những địch thủ của tôi là như thế nào!*".

Giờ đây chúng ta hãy đối chiếu những tài liệu một cách nguyên văn.

Nhà bình luận trong tờ "Westphälisches Dampfboot":

"Để giết chết những người Do Thái, ông ta (*B.Bau-ơ*)" biến họ thành những nhà thần học, còn vấn đề giải phóng chính trị thì được ông biến thành vấn đề giải phóng con người; để tiêu diệt *Hé-ghen*,

ông ta biến Hê-ghe-n thành ngài *Hin-ri-ch*; còn để thanh toán cách mạng Pháp, chủ nghĩa cộng sản, Phoi-ơ-bác thì ông ta

kêu gào: "quần chúng, quần chúng, quần chúng!", và một lần nữa kêu gào: "quần chúng, quần chúng, quần chúng!" và ông ta dẫm đạp lên khối quần chúng ấy vì tinh thần mà hiện thân của nó là sự phê phán, là hiện thân chân chính của ý niệm tuyệt đối ở trong Bru-nô người Sác-lốt-ten-buốc" ("Westphälisches Dampfboot", như trên, tr.212).

Nhà phê bình "cần mẫn":

"Cuối cùng "thì" nhà phê phán sự phê phán có tính chất phê phán" trở thành "áo tử", "ông ta đóng vai một anh hề mặc quần áo chấp nhiều mụn màu trên teatro mundi^{1*} và muốn thuyết chúng ta tin "rằng ông ta *khẳng định* một cách hoàn toàn nghiêm chỉnh rằng *Bru-nô Bau-ơ*, để giết chết những người Do Thái, v.v. và v.v." - tiếp theo là *nguyên văn* đoạn vừa được dẫn từ tờ "Westphälisches Dampfboot", là đoạn hoàn toàn không có trong "Gia đình thần thánh" ("*Wigand's Vierteljahr sschrift*",

tr.142).

Xin các vị hãy đem so sánh đoạn này với cách trình bày thái độ của sự phê phán có tính chất phê phán đối với vấn đề Do Thái và đối với sự giải phóng chính trị trong "Gia đình thần thánh", chẳng hạn ở các trang 163-185, thái độ của nó đối với cách mạng Pháp, các trang 185 - 195, đối với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, các trang 22 - 74, trang 211 và các trang tiếp theo, các trang 243 - 244, cũng như toàn bộ phần nói về sự phê phán có tính chất phê phán qua hình ảnh của Ru-đôn-phơ, *công tước* xứ Hê-rôn-stai-nơ, các trang 258 - 333¹⁹¹. Về thái độ của sự phê phán có tính chất phê phán đối với *Hê-ghe-n*, xin hãy xem bí mật của "cấu trúc tư biện" và phần trình bày tiếp theo, trang 79 và các trang tiếp theo, sau đó là các trang 121 và 122, tr.126 - 128, tr.136 - 137, các trang 208 - 209, tr.215 - 227 và tr. 304 - 308; về thái độ của sự phê phán có tính chất phê phán đối với *Phoi-ơ-bác*, xin hãy xem các trang 138 - 141, và sau hết, về kết quả và xu hướng của các trận chiến phê phán chống lại cách mạng Pháp, chống lại chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa xã hội - các trang 214 - 215.

Từ các đoạn ấy ta sẽ thấy rõ rằng nhà bình luận ở Ve-xơ-pha-li ấy đã biến tất cả cái đó thành sự tóm lược sai lạc và thuần túy tưởng tượng ra sai lạc nhất, đến mức lực cười, - sự tóm lược ấy bị nhà phê phán "*trong sách*" và "*cần mẫn*" ấy gửi cho nguyên bản, với một sự khôn khéo "có tác dụng xây dựng và tiêu diệt".

Tiếp nữa!

Nhà bình luận trên tờ "Westphälisches Dampfboot":

"Đáp lại sự tự tâng bốc mình một cách tâm thường của ông ta"(chính là của *B.Bau-ơ*), "trong đó ông ta cố gắng chứng minh rằng

1* - sân khấu thế giới.

ở chỗ nào mà trước kia ông ta bị trói buộc bởi những định kiến của quần chúng thì ở đó sự trói buộc ấy chỉ là ảo tưởng tất yếu của sự phê phán, - đáp lại điều này *Mác* hứa cho xuất bản một *bài khảo luận nhỏ mang tính chất kinh viện* dưới đây. "Tại sao sự mang thai của đức bà đồng trinh Ma-ri-a phải được chính ngài *Bru-nô Bau-ơ* chứng minh", v.v. và v.v." ("*Dampfboot*", tr.213).

"*Nhà phê phán cần mẫn*":

"Ông ta (nhà phê phán sự phê phán có tính chất phê phán) "muốn *chứng minh với chúng ta*" - và cuối cùng thì bản thân ông ta bắt đầu "*tin*" vào sự lừa bịp của mình - rằng ở chỗ nào mà *Bau-ơ* trước kia bị trói buộc bởi những định kiến của quần chúng thì ở đó hiện nay ông ta quan niệm sự trói buộc ấy chỉ như là một ảo tưởng tất yếu của sự phê phán, chứ không phải ngược lại, như là kết quả của tiến trình phát triển tất yếu của sự phê phán, và do vậy nhà phê phán ấy đề xuất một bài khảo luận nhỏ mang tính chất kinh viện sau đây để *đáp lại* "*sự tự tặng bốc mình một cách tâm thường*": "Tại sao sự mang thai của đức bà đồng trinh Ma-ri-a, v.v. và v.v." ("*Wigands' Vierteljahrsschrift*", tr.142 - 143).

Trong "*Gia đình thần thánh*", ở các tr.150 - 163¹⁹² bạn đọc

sẽ thấy một chương riêng nói về *sự tự tán dương của Bru-nô Bau-ơ*, nhưng tiếc thay, trong chương này lại *không có một lời nào* về bài khảo luận nhỏ có tính chất kinh viện kể trên, như thế, bài khảo luận ấy tuyệt nhiên không được đề xuất như bài đáp lại sự tự tán dương của *Bru-nô Bau-ơ* như nhà bình phẩm ở *Ve-xtơ-pha-li* tưởng tượng ra và như *Bru-nô Bau-ơ* đã ngoan ngoãn chép lại điều đó ở ông kia, làm ra về trích từ "*Gia đình thần thánh*", ở đôi chỗ thậm chí còn sử dụng các *ngoặc kép*. Thật ra, bài khảo luận đã được nói đến ở đoạn khác và nói nhân một lý do khác. (Hãy tham khảo "*Gia đình thần thánh*", tr.164 và 165¹⁹³). Ở đó vấn đề ấy được đề cập đến theo ý nghĩa nào thì mong bạn đọc hãy tự mình tìm hiểu và bạn đọc sẽ một lần nữa ngạc nhiên trước sự khôn ngoan "trong sạch" của "nhà phê phán cần mẫn".

Để kết thúc, *nhà phê phán "cần mẫn"* thốt lên:

" Dĩ nhiên, *tất cả những điều đó* (tức là những điều suy xét mà *Bru-nô Bau-ơ* vay mượn của tờ "*Westphälisches Dampfboot*" và do ông ta *giúi* cho các tác giả của "*Gia đình thần thánh*") đã bịt chặt mồm *Bru-nô Bau-ơ* và hướng sự phê phán vào con đường chân chính. *Ngược lại*, *Mác* đã cho chúng ta xem một cuộc trình diễn mà trong đó cuối cùng bản thân ông ta sắm vai hài nực cười" ("*Wigand's Vierteljahrsschrift*", tr.143).

Để hiểu được từ "*ngược lại*" ấy, cần phải biết rằng *nhà bình luận ở Ve-xtơ-pha-li* - mà *Bru-nô Bau-ơ* làm việc cho ông ta với tư cách là *nhân viên sao chép* - đã đọc để nhân viên sao chép có đầu

óc phê phán và cần mẫn ấy viết đoạn dưới đây:

"Tấn kịch lịch sử - toàn thế giới" (chính là cuộc đấu tranh của sự phê phán của *Bau-ơ* chống lại quần chúng) "đã biến thành, một cách không có nghệ thuật gì đặc biệt, *tấn hài kịch vô cùng nực cười*" ("Westphälisches Dampfboot", tr.213).

Đến đây nhân viên sao chép bất hạnh ấy chồm lên khỏi chỗ ngồi: chép lại bản án chính mình quả thật là một việc quá sức của ông ta. "*Ngược lại!*" - ông ta ngắt lời nhà bình luận ở Ve-xtơ-pha-li đang đọc cho ông ta chép ấy - "*Ngược lại... Mác... là một vai hài nực cười!*", - rồi ông ta lau giọt mồ hôi lạnh toát trên trán.

Sử dụng trò *giúi* cho người khác một cách hết sức vụng về, sử dụng cái trò xuyên tạc thảm hại nhất, như vậy thì *Bru-nô Bau-ơ* chỉ xác nhận lần cuối cùng bản án tử hình mà *Ăng-ghen* và *Mác* đã dành cho ông ta trong "Gia đình thần thánh".

Viết ngày 20 tháng

Mười một 1845

Đã đăng không ký tên

trong tạp chí

"Gesellschaftsspiegel",

Bd, II, số 7, 1846

In theo bản in trong tạp chí

Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN

*NHỮNG TRÍCH ĐOẠN BẢN THẢO TẬP I TÁC PHẨM "HỆ TƯ TƯỞNG ĐỨC"¹⁹⁴

TRÍCH CHƯƠNG THỨ NHẤT: "PHOI-O-BẮC - SỰ ĐỐI LẬP GIỮA QUAN ĐIỂM DUY VẬT VÀ QUAN ĐIỂM DUY TÂM"

[1] Tất nhiên, chúng ta sẽ không khổ công khai sáng cho các nhà triết học thông thái của chúng ta về sự thật là "cuộc giải phóng" "con người" chưa tiến lên được một bước nào, nếu họ đem triết học, thần học, thực thể và tất cả mọi thứ rác rưởi khác hoà tan trong "tự ý thức", nếu như họ giải phóng "con người" khỏi sự thống trị của những câu sáo rỗng mà con người chưa bao giờ bị chúng nô dịch ấy^{1*}; là sự giải phóng thực tế không thể thực hiện được theo cách nào khác hơn là trong thế giới hiện thực và bằng các phương tiện hiện thực; là không thể thủ tiêu chế độ nô lệ nếu không có máy hơi nước và máy kéo sợi, không thể thủ tiêu chế độ nông nô nếu không có nền nông nghiệp được cải tiến; là nói chung không thể giải phóng con người chừng nào con người chưa thể bảo đảm đầy đủ cho mình - về chất lượng và số lượng - cái ăn và thức uống, nhà

1* Mác ghi ở ngoài lề: "Sự giải phóng triết học và sự giải phóng thực tế". "Con người nói chung. Cái duy nhất. Cá nhân". "Những điều kiện địa chất, thuỷ văn v.v.. Thế xác con người. Nhu cầu và lao động".

ở và quần áo. "Giải phóng" là công việc lịch sử, chứ không phải là công việc của tư duy, và những quan hệ lịch sử, trạng thái của công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, sự giao tiếp...^{1*} sẽ dẫn đến giải phóng... [2] sau đó, tùy theo những mức độ phát triển khác nhau của những quan hệ ấy, người ta sẽ loại bỏ sự phi lý của thực tế, của chủ thể, của tự ý thức và của sự phê phán thuần khiết, cũng hoàn toàn như người ta loại bỏ sự phi lý tôn giáo và thần học, sau đó người ta lại xoá bỏ nó khi những quan hệ ấy sẽ tiến triển đủ xa trong sự phát triển của mình^{2*}. Tất nhiên, ở một nước như nước Đức, nơi mà sự phát triển lịch sử chỉ diễn ra dưới hình thức thảm hại nhất thì những sự vận động ấy trong lĩnh vực tư duy thuần tuý, sự nghèo nàn được tăng bốc đến tận mây xanh và bất động ấy bù vào sự thiếu vắng những phong trào lịch sử, bám rễ sâu, cho nên cần đấu tranh chống lại chúng. Nhưng đó là cuộc đấu tranh mang ý nghĩa địa phương^{3*}.

[29] thậm chí không một chút phù hợp với "bản chất" của chúng, - thì, theo đoạn kể trên, đó là điều bất hạnh không tránh khỏi mà người ta bảo cần phải được bình thản chịu đựng. Nhưng hàng triệu những người vô sản hoặc những người cộng sản ấy suy nghĩ hoàn toàn khác và sẽ có lúc họ chứng minh được điều đó, khi mà bằng thực tiễn, bằng con đường cách mạng, họ sẽ làm cho "tồn tại" của mình phù hợp với "bản chất" của mình. Vì thế, trong những trường hợp như vậy Phoi-ơ-bắc không bao giờ nói đến thế giới của con người, nhưng lần nào ông cũng

1* Bản thảo bị hư hại: phần dưới của trang viết bị rời ra, thiếu một dòng của phần chính văn.

2* Mác ghi ở ngoài lề: "Những câu sáo rỗng và sự vận động thực tế. Ý nghĩa của những câu sáo rỗng đối với nước Đức".

3* Mác ghi ở ngoài lề: "Ngôn ngữ là ngôn ngữ của thực tại".

được cứu thoát nhờ chạy trốn vào lĩnh vực thiên nhiên bên ngoài, hơn nữa lại là thú thiên nhiên chưa được con người chế ngự. Nhưng cùng với mỗi phát minh mới, cùng với mỗi bước tiến của công nghiệp thì lại có một mẫu mới tách ra khỏi lĩnh vực ấy, và như vậy, cái miếng đất mà trên đó nảy nở những ví dụ cho các luận điểm như vậy của Phoi-ơ-bác ngày càng trở nên ít hơn. Chúng tôi chỉ giới hạn ở một luận điểm: "bản chất" của cá là "tồn tại" của nó, là nước. "Bản chất" của cá sông là nước sông. Nhưng thú nước đó sẽ thôi không còn là "bản chất" của nó nữa, nó trở thành môi trường không thích hợp cho sự tồn tại của nó ngay khi con sông ấy sẽ khuất phục công nghiệp, ngay khi con sông ấy sẽ bị ô nhiễm bởi các chất nhuộm và những chất thải khác, ngay khi các con tàu sẽ chạy xuôi ngược trên con sông ấy, ngay khi nước của con sông ấy sẽ được đưa vào các con kênh mà ở đó có thể làm cho cá mất đi môi trường để nó tồn tại, bằng cách đơn giản là chấm dứt cung cấp nước. Việc tuyên bố tất cả những mâu thuẫn loại đó là tình trạng không bình thường không tránh khỏi, thật ra lại không khác với sự an ủi mà thánh Ma-khơ Stiéc-nơ dành cho những kẻ bất mãn, khi nói rằng mâu thuẫn ấy là mâu thuẫn của chính họ, tình cảnh không tốt đẹp đó là tình cảnh không tốt đẹp của chính họ, vả lại họ có thể yên tâm ở việc này, hoặc có thể cứ giữ lại bên mình sự bất mãn của chính mình, hoặc là nổi loạn một cách hoang tưởng chống lại tình cảnh ấy. Quan niệm này của Phoi-ơ-bác cũng ít khác với lời quở trách của thánh Bru-nô: những hoàn cảnh bất hạnh ấy, theo ông ta nói, xảy ra là vì những ai bị rơi vào bất hạnh lại mắc kẹt trong cái gông "thực thể", không đi đến "tự ý thức tuyệt đối" và không nhận thức được những quan hệ tội tệ ấy như là tinh thần nảy sinh từ tinh thần của mình.

TRÍCH CHƯƠNG THỨ BA: "THÁNH MA-KHƠ"

...^{1*} [và rằng những người tư sản... thể hiện... sự thống trị của những chủ sở hữu... rằng ngày nay các chủ sở hữu đã trở thành giai cấp tư sản par excellence^{2*}].

[...] "Ngay từ ngày 8 tháng Bảy lời tuyên bố của tổng giám mục Ô-chi-on^{3*} và của Ba-re đã làm tiêu tan cái vẻ rằng Mỗi người, Từng người đều có ý nghĩa trong hoạt động lập pháp; nó đã cho thấy sự bất lực hoàn toàn của cử tri; đa số các nghị sĩ đã làm chủ tình hình".

"Tuyên bố của tổng giám mục Ô-chi-on và của Ba-re" là *đề nghị* mà tổng giám mục Ô-chi-on đã đưa ra ngày 4 (chứ không phải ngày 8) tháng Bảy và Ba-re không dính dáng gì đến, ngoài việc ông ta đã ủng hộ đề nghị này vào ngày 8 tháng Bảy cùng với nhiều người khác¹⁹⁵. Đề nghị này đã được thông qua ngày 9 tháng Bảy, vì thế hoàn toàn không hiểu nổi tại sao thánh Ma-khơ nói đến ngày 8 tháng Bảy. Đề nghị này tuyệt nhiên không "làm tiêu tan" "cái vẻ rằng *Mỗi người, Từng người* đều có ý nghĩa" v.v. - trái lại, đề nghị ấy đã làm tiêu tan hiệu lực bắt buộc của những uỷ nhiệm thư trao cho các đại biểu, nghĩa là ảnh hưởng và "ý nghĩa" không phải của "Mỗi người, Từng người", mà là của 177 bailliages phong kiến và của 431 divisions des ordres¹⁹⁶; bằng việc thông qua đề nghị này, Quốc hội đã làm cho Hội nghị ba đảng cấp mất đi tính chất phong

1* Phần văn trước đoạn trích này, xin xem trong tập 3, tr.274 (hai đoạn đầu).

2* - phần nhiều; phần đầu những dòng dẫn ra trên đây đã bị hư hại.

3* Ám chỉ Ta-lây-răng, từng là tổng giám mục Ô-chi-on từ năm 1788 đến 1791.

kiến trước kia của chúng. Tuy nhiên, hồi đó vấn đề không phải là học thuyết đúng đắn về cơ quan đại diện nhân dân, mà là những vấn đề rất thực tiễn, cấp bách. Quân đội của Brôi luôn luôn đe dọa Pa-ri và mỗi ngày qua đi lại càng tiến tới gần; thủ đô lúc ấy ở trong tình trạng hết sức huyên não; chưa đầy hai tuần lễ qua đi sau jeu-de-paume và lit-de-justice¹⁹⁷; triều đình đã thực hiện mưu mô cùng với khối đông quý tộc và tầng lũ để chống lại Quốc hội; cuối cùng thì ở đa số tỉnh, do những loại thuế quan phong kiến còn tồn tại ở các tỉnh đó và do tính chất phong kiến của toàn bộ nền nông nghiệp, cho nên nạn đói đã hoành hành và tình trạng rất thiếu tiền đã bộc lộ. Vào thời điểm ấy - như đích thân Ta-lây-răng tuyên bố - cần có một *assemblée essentiellement active*^{1*}, trong khi đó những uỷ nhiệm thư của giới quý tộc và của các thế lực phản động khác đã tạo cơ hội cho triều đình viện vào cử tri để tuyên bố quyết định của Quốc hội là vô hiệu lực. Sau khi thông qua đề nghị của Ta-lây-răng, Quốc hội đã tự tuyên bố độc lập, đã tiến đoạt quyền lực mà Quốc hội cần có, tất nhiên trong lĩnh vực chính trị điều đó chỉ có thể diễn ra trong khuôn khổ những hình thức chính trị và trong điều kiện vận dụng các học thuyết hiện hữu của Rút-xô v.v. (hãy tham khảo "Le Point du jour", 1789, các số 15 và 17, do Ba-rơ đờ Vi-ô-dắc xuất bản). Quốc hội đã buộc phải thực hiện bước hành động này, bởi vì đông đảo quần chúng đứng sau nó đã thúc đẩy nó tiến lên phía trước. Như vậy, nhờ đó Quốc hội tuyệt nhiên đã không biến thành một "Quốc hội hoàn toàn vị kỷ tách rời khỏi cuống nhau và không biết thương hại", ngược lại, nó lần đầu tiên đã trở thành một *cơ quan thật sự* của khối quần chúng đông đảo người Pháp, nếu không thế thì khối quần chúng ấy sẽ thủ tiêu nó, như đã xảy ra về sau với các đại biểu "hoàn toàn vị kỷ", "đã tách rời khỏi cuống

1* Quốc hội đặc biệt tích cực.

nhau". Nhưng với sự trung gian của nhân viên môi giới của mình về các vấn đề lịch sử^{2*}, thánh Ma-khơ coi đó chỉ là việc giải quyết vấn đề lý luận; ông thánh ấy coi Quốc hội lập hiến - sáu ngày trước khi ngục Ba-xti bị công phá - là một nghị hội của các cha cố tranh cãi nhau về một đoạn nào đó trong các giáo lý! Tuy nhiên, vấn đề "ý nghĩa của Mỗi người, Từng người" chỉ có thể xuất hiện trong một cơ quan đại diện được bầu ra một cách dân chủ, và trong thời kỳ nổ ra cách mạng vấn đề ấy chỉ được nêu ra trong Hội nghị quốc ước, cũng vì những nguyên nhân mang tính chất kinh nghiệm như trong trường hợp kể trên về vấn đề các uỷ nhiệm thư. Vấn đề *cũng* được Quốc hội lập hiến giải quyết về mặt lý luận, - đó là sự khác biệt giữa cơ quan đại diện của *giai cấp* thống trị với cơ quan đại diện của các *đảng cấp* thống trị, và sự thống trị về chính trị ấy của *giai cấp* tư sản do địa vị của Từng người, và do đó, những quan hệ sản xuất lúc bấy giờ quy định. Cơ quan đại diện là một sản phẩm hoàn toàn đặc thù của xã hội tư sản hiện đại là xã hội cũng khó tách khỏi nó, cũng như khó tách khỏi từng cá nhân đương đại.

Giống như thánh Ma-khơ coi 177 bailliages và 143 divisions des ordres là những "Từng người", vị thánh ấy sau đó cũng coi nhà vua chuyên chế và cái *car tel est notre plaisir*^{1*} của ông ta là sự thống trị của "Từng người" đối lập với ông vua lập hiến, đối lập với "sự thống trị của bóng ma" (tr.141), và coi nhà quý tộc, thành viên của phường hội một lần nữa vẫn là "Từng người", đối lập với công dân của nhà

2* Âm chỉ B.Bau-ơ.

1* - "vì ý chí của Trăm là như vậy" - câu công thức ở đoạn cuối các chỉ dụ của các vua Pháp.

nước (tr.137).

"Cách mạng không nhằm chống *Cái hiện*
tồn, nói chung, mà là chống lại cái hiện tồn
ấy, chống *trạng thái xác định* ấy"

(tr.145)¹⁹⁸.

Như vậy, không chống lại chế độ sở hữu ruộng đất, thuế khoá, thuế quan hiện hành đang cản trở thương mại ở khắp nơi và...

*Viết giữa
tháng Mười
một 1845 và
đầu năm
1846
Công bố lần
đầu bằng
tiếng của
nguyên bản
trong tạp chí
"International
Review of
Social
History",
Vol.VII, 1962,
Pari I*

*In theo
bản
viết tay
Nguyên
văn là
tiếng
Đức
Những
trích
đoạn
của
chương
thứ
nhất
được
công
bố
bằng
tiếng
Nga
lần đầu
trong
tạp chí
"Những
vấn đề
triết
học" số
10,
1965;
trích
đoạn
của*

*chương
thứ ba
được
công
bố
bằng
tiếng
Nga
lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

DỰ THẢO BIỂU TƯỢNG
NIỀM TIN CỘNG SẢN¹⁹⁹

Câu hỏi 1. Ông là người cộng sản?

Trả lời. - Đúng.

Câu hỏi 2. Mục tiêu của những người cộng sản là gì?

- Cải tạo xã hội sao cho mỗi thành viên của xã hội có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi năng lực và sức lực của mình, đồng thời không xâm phạm đến những điều kiện cơ bản của xã hội ấy.

Câu hỏi 3. Ông có dự định đạt đến mục tiêu ấy bằng cách nào?

- Bằng cách thủ tiêu chế độ tư hữu, chế độ tài sản chung sẽ thay vào chế độ tư hữu.

Câu hỏi 4. Ông dựa vào cái gì để luận chứng cho chế độ tài sản chung?

- Thứ nhất, dựa vào chỗ sự phát triển của công nghiệp, của nông nghiệp, của thương mại và của quá trình thực dân hoá đã làm xuất hiện rất nhiều lực lượng sản xuất và tư liệu sinh hoạt; vào chỗ những khả năng vô tận của việc gia tăng không hạn chế các lực lượng sản xuất và tư liệu sinh hoạt chứa đựng ở các máy móc, các thiết bị hoá chất và những thiết bị bổ trợ khác.

- Thứ hai, dựa vào chỗ trong ý thức hoặc tình cảm của mỗi người có những luận điểm nào đó tồn tại như những nguyên lý bất di bất dịch, những luận điểm này là kết quả của toàn bộ quá trình phát triển lịch sử và không cần phải chứng minh.

Câu hỏi 5. Những luận điểm ấy là gì?

- Ví dụ, mỗi người đều muốn được hạnh phúc. Hạnh phúc của từng người không tách rời hạnh phúc của mọi người, v.v..

Câu hỏi 6. Ông dự định chuẩn bị cho chế độ tài sản chung của ông bằng cách nào?

- Thông qua giáo dục và tập hợp giai cấp vô sản.

Câu hỏi 7. Giai cấp vô sản là gì?

- Giai cấp vô sản là giai cấp xã hội chỉ sống bằng lao động của mình²⁰⁰, chứ không phải bằng lợi nhuận do một tư bản nào đó mang lại; vì vậy, đó là giai cấp mà niềm hạnh phúc và sự đau khổ, cuộc sống và cái chết của nó phụ thuộc vào sự thay đổi tình hình tốt và xấu, tóm lại, phụ thuộc vào sự biến động của cạnh tranh.

Câu hỏi 8. Tức là trước đây không phải lúc nào cũng có những người vô sản?

- Không phải mọi lúc. Người nghèo và các giai cấp lao động thì bao giờ cũng có; thông thường thì những người lao động hầu như lúc nào cũng là những người nghèo. Còn những người vô sản thì trước đây không phải lúc nào cũng có, cũng như không phải lúc nào cạnh tranh cũng là cạnh tranh tự do.

Câu hỏi 9. *Giai cấp vô sản xuất hiện như thế nào?*

- Giai cấp vô sản xuất hiện do áp dụng máy móc mà người ta bắt đầu sáng chế ra từ giữa thế kỷ trước và trong số những máy móc đó thì chủ yếu nhất là: máy hơi nước, máy kéo sợi và máy dệt. Những máy móc đó giá rất đắt và vì vậy những người mua được chúng chỉ có thể là những người giàu có, và những máy móc ấy đã lấn át công nhân hồi bấy giờ, vì nhờ máy móc mà người ta có thể sản xuất ra hàng hoá được rẻ hơn và nhanh hơn so với những công nhân ngày trước có thể làm ra những hàng hoá ấy trên những chiếc xa kéo sợi và những chiếc khung cửi không hoàn thiện của mình. Như vậy, máy móc đã hoàn toàn trao nền công nghiệp vào tay các nhà đại tư bản và đã hoàn toàn làm mất giá tài sản bé nhỏ đã từng thuộc sở hữu của công nhân và chủ yếu gồm các dụng cụ, những chiếc khung cửi v.v. của họ, như thế nhà tư bản nhận được tất cả, còn người công nhân thì chẳng được gì cả. Hệ thống công xưởng đã được mở đầu bằng cách đó. Khi các nhà tư bản thấy rằng điều đó có lợi đến mức nào cho họ thì họ bắt đầu phổ biến hệ thống công xưởng vào ngày càng nhiều ngành lao động. Họ đã thực hiện phân công lao động giữa các công nhân ngày càng nhiều, khiến cho những ai trước kia thực hiện toàn bộ công việc thì từ nay chỉ làm một phần nào đó công việc ấy mà thôi. Công việc được đơn giản hoá bằng cách ấy đã cho phép chế tạo ra sản phẩm nhanh hơn và nhờ vậy rẻ hơn, và chỉ sau đó thì hầu như trong mỗi ngành lao động người ta đều phát hiện thấy rằng cả ở đây nữa cũng có thể áp dụng máy

móc. Ngay sau khi sản xuất công xưởng được xác lập trong một ngành lao động nào đó giống như điều đó đã xảy ra trong khâu kéo sợi và dệt vải thì lập tức nó được chuyển vào tay các nhà tư bản lớn, thế là công nhân bị mất đi những tàn dư cuối cùng của địa vị độc lập.

Dần dần chúng ta đi đến chỗ là sản xuất công xưởng được xác lập gần như trong *tất cả* các ngành lao động. Kết quả là tầng lớp trung lưu hồi ấy, đặc biệt là những nghệ nhân tiểu thủ công, ngày càng bị phá sản, địa vị trước kia của người lao động đã hoàn toàn thay đổi, và hình thành nên hai giai cấp mới dần dần nuốt mất tất cả các giai cấp khác. Cụ thể là:

I. Giai cấp các nhà đại tư bản mà ở tất cả các nước tiên tiến họ gần như là những người duy nhất sở hữu các tư liệu sinh hoạt cũng như những tư liệu (máy móc, công xưởng, xưởng thợ v.v.) mà nhờ đó những tư liệu sinh hoạt ấy được sản xuất ra. Đó là giai cấp *những người tư sản* hoặc *giai cấp tư sản*.

II. Giai cấp những người hoàn toàn không có tài sản, do vậy họ buộc phải bán lao động của mình cho giai cấp thứ nhất, giai cấp tư sản, chỉ để nhận được những tư liệu sinh hoạt từ những người tư sản. Vì trong sự mua bán lao động ấy, các bên ở vào *địa vị không ngang bằng*, người tư sản ở vào địa vị có lợi hơn, cho nên những người không có tài sản buộc phải cam chịu nhận các điều kiện tồi tệ mà người tư sản đặt ra cho họ. Giai cấp phụ thuộc vào giai cấp tư sản được gọi là giai cấp *những người vô sản* hoặc *giai cấp vô sản*.

Câu hỏi 10. *Người vô sản khác người nô lệ ở chỗ nào?*

- Người nô lệ được bán vĩnh viễn. Người vô sản thì buộc phải tự bán bản thân mình hàng ngày và hàng giờ. Người nô lệ là tài sản của *một* ông chủ và chính vì vậy sự tồn tại của người nô lệ được bảo đảm, cho dù sự tồn tại ấy có thảm hại như thế nào đi nữa. Người vô sản là nô lệ - có thể nói như vậy - của toàn thể *giai cấp* tư sản, chứ không phải của *một* ông chủ; do vậy sự tồn tại của người vô sản không được bảo đảm khi không có ai mua lao động của anh ta, khi không có ai cần đến lao động của anh ta. Người nô lệ được coi là *đồ vật*, chứ không phải là thành viên của xã hội công dân. Người vô sản được thừa nhận là *cá nhân* là thành viên của xã hội công dân. Do đó, người nô lệ *có thể* có một sự tồn tại kha khá hơn người vô sản, nhưng người vô sản đứng ở một trình độ phát triển cao hơn. Người nô lệ tự giải phóng mình bằng cách *trở thành người vô sản* và *chỉ* xoá bỏ quan hệ *nô lệ* trong tất cả các quan hệ sở hữu. Còn người vô sản thì chỉ có thể giải phóng mình nếu anh ta xoá bỏ *sở hữu nói chung*.

Câu hỏi 11. *Người vô sản khác người nông nô ở chỗ nào?*

- Người nông nô được sử dụng khoảnh ruộng tức là công cụ sản xuất, đổi lại anh ta phải giao nộp một phần lớn hoặc nhỏ số thu nhập của mình. Người vô sản thì làm việc bằng các công cụ sản xuất thuộc sở hữu của người khác, và người kia - để đổi lấy lao động của người vô sản - nhường lại cho người vô sản một phần sản phẩm được quy định thông qua sự cạnh tranh. Phần sản phẩm của người lao động nông nô được

xác định bởi lao động của mình, tức là bởi chính anh ta. Phần của người vô sản được xác định bởi sự cạnh tranh, tức là trước hết bởi chính người tư sản. Sự tồn tại của người nông nô được bảo đảm, sự tồn tại của người vô sản không được bảo đảm. Người nông nô giải phóng mình bằng cách đánh đuổi tên địa chủ phong kiến của mình và tự mình trở thành người sở hữu, tức là bước vào lĩnh vực cạnh tranh và đến một lúc nào đó nhập vào giai cấp hữu sản hưởng đặc lợi. Còn người vô sản thì giải phóng mình bằng cách thủ tiêu sở hữu, thủ tiêu cạnh tranh và mọi sự khác biệt giai cấp.

Câu hỏi 12. *Người vô sản khác thợ thủ công ở chỗ nào?*

- Khác với người vô sản, cái gọi là thợ thủ công - mà trong thế kỷ trước còn tồn tại hầu như ở khắp mọi nơi và cả ngày nay cũng còn tồn tại ở một số nơi - nhiều lắm là người vô sản *tạm thời*. Mục tiêu của anh ta là tự bản thân mình kiếm cho được một khoản tư bản và dùng tư bản ấy để bóc lột những công nhân khác. Anh ta thường đạt được mục tiêu ấy ở những nơi còn tồn tại phường hội, hoặc ở những nơi mà sự tự do hành nghề chưa dẫn tới chỗ làm nghề thủ công theo kiểu công xưởng và tới sự cạnh tranh mạnh mẽ. Nhưng ngay khi hệ thống công xưởng được áp dụng vào nghề thủ công và sự cạnh tranh phát triển rộng rãi, thì triển vọng ấy bị tiêu tan, và người thợ thủ công ngày càng biến thành người vô sản. Như vậy, thợ thủ công tự giải phóng mình bằng cách *hoặc* trở thành người tư sản, hoặc nói chung chuyển sang tầng lớp trung gian, *hoặc* trở thành người vô sản do

sự cạnh tranh (như điều này hiện nay phần nhiều đang diễn ra) và gia nhập vào phong trào của giai cấp vô sản, tức là phong trào cộng sản ít nhiều có tính tự giác.

Câu hỏi 13. *Tức là, ông không cho rằng chế độ chung tài sản đã có thể tồn tại trong mọi thời đại?*

- Không. Chủ nghĩa cộng sản chỉ xuất hiện khi máy móc và những sáng chế khác đã làm cho tất cả các thành viên của xã hội có thể có triển vọng nhận được một học vấn toàn diện, một cuộc sống hạnh phúc. Chủ nghĩa cộng sản là học thuyết về giải phóng, một học thuyết không thể có được đối với những người nô lệ, những nông nô hoặc những thợ thủ công, mà nó chỉ có thể có đối với những người vô sản, vì vậy chủ nghĩa cộng sản tất yếu thuộc về thế kỷ mười chín và nó không thể xuất hiện vào bất kỳ lúc nào trong những thời đại trước kia.

Câu hỏi 14. *Chúng ta hãy trở lại câu hỏi thứ sáu. Nếu ông có ý định chuẩn bị tính cộng đồng bằng con đường giáo dục và tập hợp giai cấp vô sản, thì như vậy là ông bác bỏ cách mạng?*

- Chúng tôi tin rằng mọi âm mưu không những là vô ích, mà thậm chí còn có hại. Chúng tôi cũng biết rằng không thể là cách mạng theo kiểu sắp đặt từ trước và một cách tùy tiện, rằng ở mọi nơi và mọi lúc các cuộc cách mạng là kết quả tất yếu của những bối cảnh tuyệt nhiên không phụ thuộc vào ý chí và sự lãnh đạo của từng đảng, cũng như của trọn cả những giai cấp. Nhưng đồng thời chúng tôi thấy rằng sự phát triển của giai cấp vô sản hầu như ở tất cả các nước trên thế giới đều bị các giai cấp

hữu sản đàn áp bằng bạo lực, và rằng chính qua đó các địch thủ của những người cộng sản lại hết sức làm lợi cho cách mạng. Nếu rốt cuộc tất cả những điều đó đẩy giai cấp vô sản bị áp bức đứng lên làm cách mạng thì lúc đó chúng tôi sẽ bảo vệ sự nghiệp của giai cấp vô sản bằng hành động không kém gì hiện nay bằng lời nói.

Câu hỏi 15. *Ông có ý định lập tức thiết lập chế độ tài sản chung thay cho trật tự xã hội hiện nay không?*

- Chúng tôi không nghĩ đến việc này. Sự phát triển của quần chúng không cho phép ra sắc lệnh. Sự phát triển ấy được chế định bởi sự phát triển của những điều kiện, trong đó những quần chúng ấy sống, vì vậy sự phát triển ấy diễn ra từ từ.

Câu hỏi 16. *Ông cho rằng bằng cách nào có thể thực hiện bước chuyển từ trạng thái ngày nay sang chế độ tài sản chung?*

- Điều kiện cơ bản đầu tiên để thực hành chế độ tài sản chung là sự giải phóng giai cấp vô sản về chính trị bằng con đường thiết lập một chế độ nhà nước dân chủ.

Câu hỏi 17. *Ông sẽ thực hiện biện pháp đầu tiên nào sau khi ông thiết lập nền dân chủ?*

- Bảo đảm các tư liệu sinh hoạt cho giai cấp vô sản.

Câu hỏi 18. *Ông có ý định thực hiện việc này như thế nào?*

- I. Bằng cách thực hiện sự hạn chế sở hữu tư nhân có tác dụng chuẩn bị việc dần dần biến nó thành sở hữu công cộng, ví dụ, thông qua

các thuế lũy tiến, hạn chế quyền thừa kế để chuyển vào tay nhà nước v.v..

II. Bằng cách cung cấp cho công nhân việc làm tại các xưởng thợ và các công xưởng quốc gia, cũng như tại các điền trang quốc gia.

III. Bằng cách giáo dục tất cả mọi trẻ em bằng quỹ của nhà nước.

Câu hỏi 19. *Ông tổ chức như thế nào công việc giáo dục ấy trong thời kỳ quá độ?*

- Từ khi chúng không cần đến sự chăm sóc của mẹ, tất cả mọi trẻ em sẽ được giáo dục và học tập tại các cơ sở quốc lập.

Câu hỏi 20. *Phải chăng cùng với việc thực hành chế độ tài sản chung thì đồng thời cũng sẽ áp dụng chế độ chung vợ?*

- Tuyệt nhiên không. Đối với các quan hệ cá nhân giữa chồng và vợ, cũng như đối với công việc của gia đình nói chung, chúng tôi chỉ can thiệp trong chừng mực nếu việc duy trì các hình thức hiện hành bắt đầu cản trở chế độ xã hội mới. Tuy nhiên, chúng tôi biết rất rõ rằng trong tiến trình lịch sử, các quan hệ gia đình đã trải qua những sự thay đổi tùy thuộc vào quan hệ sở hữu và vào các thời kỳ phát triển, do đó sự thủ tiêu chế độ tư hữu sẽ có ảnh hưởng rất to lớn cả đối với những quan hệ ấy.

Câu hỏi 21. *Dưới chế độ cộng sản các dân tộc có còn được duy trì không?*

- Những đặc điểm dân tộc của các dân tộc hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc cộng đồng, sẽ không khỏi hoà trộn vào nhau chính nhờ sự hợp nhất ấy và do đó chúng sẽ biến đi giống như sự biến

đi của mọi sự khác biệt về đẳng cấp và giai cấp nhờ sự thủ tiêu cơ sở của những sự khác biệt ấy - chế độ tư hữu.

Câu hỏi 22. *Phải chăng những người cộng sản bác bỏ những tôn giáo hiện hành?*

- Tất cả những tôn giáo đã từng tồn tại cho đến nay đều là biểu hiện của những trình độ phát triển lịch sử khác nhau của từng dân tộc hoặc của quần chúng nhân dân. Còn chủ nghĩa cộng sản là giai đoạn phát triển lịch sử làm cho tất cả các tôn giáo hiện hành^{1*} trở nên không cần thiết và bị gỡ bỏ [aufhebt]. Thay mặt và được sự uỷ nhiệm của đại hội.

Thư ký
Hai-đơ^{2*}

Chủ tịch
Các Si-lo^{3*}

Luân Đôn, ngày 9 tháng Sáu 1847

<i>Công bố lần đầu trong</i>	<i>In theo</i>
<i>cuốn sách:</i>	<i>bản</i>
<i>"Gründungsdokumente</i>	<i>viết tay</i>
<i>des Bundes der</i>	<i>Nguyên</i>
<i>Kommunisten (Juni bis</i>	<i>văn là</i>
<i>September 1847)"</i>	<i>tiếng</i>
<i>Hamburg, 1969</i>	<i>Đức</i>
	<i>In bằng</i>

tiếng
Nga
lần đầu
trong
tạp chí
"Những
vấn đề
lịch sử
Đảng
Cộng
sản
Liên
Xô" số
1, 1970

1* Đến đây kết thúc phần do Ăng-ghe-ni viết tay.

2* Biệt danh trong Liên đoàn của Vin-hem Vôn-phơ.

3* Biệt danh trong Liên đoàn của Các Sáp-phơ.

C.MÁC

PHÁI BẢO HỘ MẬU DỊCH²⁰¹

1) Chưa bao giờ người ta bảo vệ tiểu công nghiệp, mà chỉ bảo vệ công nghiệp cơ khí thôi. Ví dụ, ở Đức có trường phái của Li-xơ. Guy-lích.

2) Nếu tin vào những điều phái bảo hộ mậu dịch nói thì may lắm họ cũng chỉ duy trì status quo. Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch không bao giờ đạt đến việc bán được sản phẩm được bảo hộ tại các thị trường ngoại quốc. Do đó, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch là phản động.

3) Niềm an ủi cuối cùng của phái bảo hộ mậu dịch là đất nước bị bóc lột không phải bởi các nhà tư bản nước ngoài, mà bởi các nhà tư bản trong nước.

4) Người ta nói rằng cần phải thực hiện các cải cách ở trong nước trước khi nghĩ đến tự do mậu dịch. Bản thân hệ thống bảo hộ mậu dịch không được trao quyền cải cách địa vị của các giai cấp. Nhưng người ta nói rằng sẽ là ngu ngốc nếu cải cách các quan hệ quốc tế trước khi các quan hệ trong nước được cải cách. Nhưng chế độ bảo hộ là gì? Là bằng chứng cho thấy giai cấp thực hiện chế độ ấy giữ chính quyền trong tay mình. Do vậy, chừng nào chế độ bảo hộ còn có hiệu lực thì các nhà tư bản sẽ không có những nhượng bộ nào cả. Thưa các ngài, ngoài ra, những cải cách xã hội và lịch sử quy mô lớn không bao giờ được thực hiện bằng những sự nhượng bộ, nhờ sự rộng lượng của các giai cấp thống trị, mà chỉ do nécessité

des choses^{1*}. Cần phải buộc người ta thực hiện những cải cách ấy. Do đó, thật là kỳ cục nếu nghĩ rằng ở một đất nước mà chế độ bảo hộ mậu dịch - ngay cả dưới hình thức thuế quan đánh vào hàng hoá nhập khẩu - ngự trị lại có cái gì đó có thể thay đổi trong quan hệ giữa tư bản và lao động. Tôi sẽ không nói thêm về phái bảo hộ mậu dịch.

*Do C.Mác viết
khoảng ngày 18
tháng Chín
1847
Công bố lần
đầu trong Marx
- Engels
Gesamtausgabe.
Erste Abteilung,
Bd.6, 1932*

*In theo
bản
viết tay
Nguyễn
văn là
tiếng
Đức
In bằng
tiếng
Nga
lần đầu*

1* - sự tất yếu khách quan.

"Phái bảo hộ mậu dịch"

**Trang bản thảo viết tay bài viết của C.
Mác**

C.MÁC

CẦU²⁰²

Trong đa số tác phẩm kinh tế chính trị học, *cầu* được xem xét hầu như chỉ trên góc độ cá nhân mà thôi. Sự phát triển lịch sử toàn thế giới của cầu - sự phổ biến rộng khắp của cầu - trước hết phụ thuộc vào việc các nước khác nhau trên thế giới hiểu biết sản phẩm của nhau. Nếu như trong quá trình phát triển cầu tạo nên thương mại, thì đến lượt mình thương mại ban đầu do cầu tạo ra. Cầu tạo ra thành nội dung vật chất của thương mại - tổng thể các vật trao đổi, tổng thể những hàng hoá được dùng để trao đổi và mua bán. Các cuộc chiến tranh, những cuộc viễn du được tiến hành nhằm mục đích khám phá v.v., tất cả những sự kiện lịch sử mà kết quả là các dân tộc thiết lập quan hệ với nhau, - cũng là những điều kiện để mở rộng số cầu - để hình thành thị trường thế giới. Sự đảm bảo cho số cầu tăng lên trước hết và trực tiếp là do có sự trao đổi qua lại *những sản phẩm đã có sẵn* của các nước khác nhau. Dần dần cầu mất đi tính chất cục bộ v.v. và trở nên phổ biến rộng rãi. Như vậy, sản phẩm của tất cả các nước ngày càng đi vào sự tiêu dùng của dân cư nước này hoặc nước kia.

Ví dụ, *những cuộc thập tự chinh* đã làm cho sản phẩm của phương Đông được biết đến nhiều hơn và đã làm tăng mạnh số cầu về những sản phẩm phương Đông ở Tây Âu (hãy tham khảo J quyển III, tr.106). Những địa điểm hội tụ các sản phẩm ấy để trao đổi thì biến thành những thành phố của thị trường thế giới; trước khi tìm ra châu Mỹ thị trường thế giới chủ yếu tồn tại dưới hình thức ấy. Ở các thế kỷ XIV và XV, đó là thành

phố Công-xtăng-ti-nốp, các thành phố ở I-ta-li-a, thành phố Bruy-ghe và Luân Đôn. Cả bây giờ tại những thành phố ấy còn đang diễn ra *một cái gì đó đại loại như hội chợ*, nghĩa là chúng là địa điểm hội tụ những đoàn thương nhân vận chuyển hàng hoá. Trong thế kỷ XIX các hội chợ chỉ còn mang ý nghĩa thứ yếu (hãy tham khảo J quyển III, tr.166). Những thị trường ấy còn phụ thuộc hết sức ít vào nền công nghiệp của nước mình và nói chung sự thịnh vượng của chúng chính là gắn với việc chúng là những kho thương mại chung, - điều này thấy rõ qua sự việc là sau năm 1498 nền thương mại của các thành phố I-ta-li-a suy sụp từ khi Li-xbon trở thành thị trường chủ yếu của vải và các đồ gia vị của Ấn Độ. Cũng như vậy, thành phố Ăng-ve ở thế kỷ XVI cũng mang tính chất hạn chế như thành phố Bruy-ghe v.v. trước kia vậy.

Vị trí đứng đầu trong lĩnh vực thương mại. Dân tộc thương mại thống trị đầu tiên là người Hà Lan (từ cuối thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII). Trước đó chỉ tồn tại *những thành phố thương mại* lớn. Người Tây Ban Nha và người Bồ Đào Nha tạo thành bước chuyển từ ưu thế của các thành phố thương mại sang ưu thế của các dân tộc thương mại. Tuy nhiên, hoạt động thuỷ vận phục vụ thương mại và nghề đánh cá vẫn là một bộ phận cấu thành có tính chất quyết định của vị trí đứng đầu của Hà Lan.

Khu vực Đông - Bắc châu Âu và quan hệ của nó - với tính cách là khu vực nông nghiệp - đối với khu vực Tây Âu. Theo đà nghề thủ công và nghề đóng tàu ở đây ngày càng phát triển thì số câu về nguyên liệu của khu vực Đông - Bắc tăng lên, cùng với nó nền sản xuất ra nguyên liệu ấy cũng tăng lên.

Hà Lan, dân tộc công - thương đầu tiên từ cuối thế kỷ XVI và giữa thế kỷ XVII, cũng là dân tộc đầu tiên không được bảo đảm bằng nền nông nghiệp của nước mình và dân số nước này đã tăng nhanh hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp ở trong

nước. Vì vậy Hà Lan là nước đầu tiên bắt đầu tiến hành những vụ mua ngũ cốc lớn. *Am-xtéc-đam* trở thành kho cất giữ ngũ cốc chủ yếu của Tây Âu (hãy tham khảo J quyển III, tr. 167).

<i>Do C.Mác</i>	<i>In theo bản</i>
<i>viết vào</i>	<i>viết tay</i>
<i>tháng</i>	<i>Nguyễn văn</i>
<i>Chạp</i>	<i>là tiếng Đức</i>
<i>1847</i>	<i>In bằng tiếng</i>
<i>Công bố</i>	<i>Nga lần đầu</i>
<i>lần đầu</i>	
<i>bằng tiếng</i>	
<i>Pháp</i>	
<i>trong</i>	
<i>sách: Rarl</i>	
<i>Marx,</i>	
<i>"Oeuvres.</i>	
<i>Economie.</i>	
<i>II",</i>	
<i>[Paris],</i>	
<i>1968.</i>	

C.MÁC

* PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG III "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"²⁰³

1) < Phê phán^{1*}> Các học thuyết phê phán - không tưởng (các học thuyết cộng sản của nghĩa.)

2)

1) Chủ nghĩa xã hội phản động, chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tôn giáo, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

2) Chủ nghĩa xã hội tư sản.

3) Chủ nghĩa xã hội triết học - Đức^{2*}

4) Sách báo phê phán - không tưởng. Các học thuyết của Ô-oen, Ca-bê, Vai-tlinh, Phu-ri-ê, Xanh-Xi-mông, Ba-bốp.

5) Sách báo trực tiếp mang tính đảng.

6) Sách báo cộng sản chủ nghĩa²⁰⁴.

*Do C.Mác viết
vào cuối tháng
Chạp
1847 - đầu
tháng Giêng*

1* Trong bản viết tay từ này bị Mác gạch bỏ.

2* Mục này trong đề cương, Mác ghi ở phía bên trái ngoài lề trang viết và đã thay đổi một cách tương ứng số thứ tự của các mục tiếp theo.

*1848
Công bố lần
đầu trong Marx
- Engels
Gesamtausgabe.
Erste Abteilung,
Bd.6, 1932*

C.MÁC

*TRANG TRONG BẢN NHÁP VIẾT TAY "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"²⁰⁵

... của những người vô sản, ủng hộ đạo luật về ngày làm việc 10 giờ, không tán thành những ảo tưởng của họ về kết quả của biện pháp ấy^{1*}.

Tuy nhiên chúng ta đã thấy:

Những người cộng sản không đưa ra một học thuyết mới nào về chế độ tư hữu. Họ chỉ xác nhận sự thật lịch sử : < các tư liệu sản xuất>^{2*} các quan hệ sản xuất tư sản, và như vậy cả các quan hệ sở hữu tư sản không còn <phù hợp> với <các...> xã hội > <phát triển nhất> với sự phát triển của các lực lượng sản xuất xã hội, vì vậy không còn phù hợp với < sự phát triển của chính công nghiệp > và trong...

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* Hai dòng đầu do Gien-ni Mác viết.

2* Trong ngoặc nhọn là những từ bị gạch bỏ trong bản viết tay.

Nhưng các vị đừng tranh cãi với chúng tôi bằng cách <đối lập>, đồng thời đánh giá việc bãi bỏ sở hữu tư sản xét trên góc độ những tư tưởng tư sản của các vị về tự do, về giáo dục v.v.. Bản thân những tư tưởng của các vị <chỉ là> <phù hợp> là sản phẩm của các quan hệ sản xuất tư sản <hiện tồn>, của các quan hệ sở hữu tư sản, giống hệt như quyền của các vị chỉ là ý chí của giai cấp các vị được nâng lên thành luật, ý chí mà nội dung của nó do các điều kiện vật chất của đời sống giai cấp các vị quyết định.

Quan niệm thiên vị <của các vị> buộc các vị phải biến những quan hệ sản xuất và quan hệ sở hữu tư sản của mình từ chỗ là những quan hệ <chỉ> mang tính chất lịch sử, nhất thời, chỉ phù hợp với trình độ <chín muồi> phát triển nào đó của lực lượng sản xuất, thành những quy luật vĩnh hằng của tự nhiên và lý trí, các vị chia sẻ cái quan niệm thiên vị ấy với tất cả các giai cấp đã thống trị trước kia và đã tiêu vong!

Khi vấn đề có liên quan đến chế độ sở hữu tư sản thì các vị không dám hiểu tiếp cái điều mà các vị cho là có thể hiểu được về sở hữu phong kiến.

Tuy vậy các vị vẫn không thể phủ nhận sự thật là <trong tiến trình> phát triển của nền công nghiệp <tư sản> thì... phiến diện,...^{1*}.

Những người cộng sản không đưa ra một học thuyết mới nào về sở hữu. Họ chỉ xác nhận sự thật, còn các vị thì phủ nhận những sự thật hiển nhiên nhất, các vị buộc phải phủ nhận những sự thật ấy. Các vị là những người không tưởng hướng về quá khứ.

Do

In theo bản

1* Trong bản viết tay toàn bộ câu này, kể cả những từ bị gạch bỏ, đã bị gạch bỏ bằng một số đường gạch.

<i>C.Mác</i>	<i>viết tay</i>
<i>viết</i>	<i>Nguyên văn</i>
<i>vào</i>	<i>là tiếng Đức</i>
<i>tháng</i>	<i>In bằng tiếng</i>
<i>Chạp</i>	<i>Nga lần đầu</i>
<i>1847 -</i>	
<i>tháng</i>	
<i>Giêng</i>	
<i>1848</i>	
<i>Công</i>	
<i>bố lần</i>	
<i>đầu</i>	
<i>dưới</i>	
<i>hình</i>	
<i>thức</i>	
<i>bản</i>	
<i>chụp</i>	
<i>trong</i>	
<i>tạp chí</i>	
<i>"Der</i>	
<i>wahre</i>	
<i>jacob"</i>	
<i>số 565</i>	
<i>(6),</i>	
<i>ngày</i>	
<i>17</i>	
<i>tháng</i>	
<i>Ba</i>	
<i>1908</i>	

PH.ĂNG-GHEN

**BỮA TIỆC CỦA NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ
CẢI CÁCH ĐIỂN RA Ở LI-LỢ. - ĐIỂN VĂN
CỦA NGÀI LỖ-ĐRUY-RÔ-LANH²⁰⁶**

Đáp lại lời chúc rượu: "Vì công nhân, - vì những quyền không thể tước đoạt của họ, vì những lợi ích thiêng liêng của họ hiện chưa được thừa nhận".

"Thưa các vị! Vàng, vì công nhân! Vì những quyền không thể tước đoạt được của họ, vì những lợi ích thiêng liêng của họ mà cho đến nay chưa được công nhận. Vì những quyền không thể tước đoạt của con người đã được hai cuộc cách mạng về vang^{1*} tuyên bố trên nguyên tắc, nhưng trên thực tế đã không được áp dụng do những mảnh khoé khôn khéo, dần dần những quyền ấy bị tước đi của nhân dân và giờ đây chỉ còn là một hồi ức về vang nhưng cay đắng! Người ta nói: trao các quyền chính trị cho nhân dân là một hành động điên rồ. Làm sao có thể tin cậy trao các quyền ấy cho nhân dân trong khi nhân

1* Rõ ràng đây có ý nói đến những cuộc cách mạng năm 1789 - 1794 và 1830.

dân không có năng lực, ngu dốt, đôi bại về đạo đức? Trao tự do chính trị cho nhân dân thì tức là giải toả một sức mạnh mù quáng và nguy hiểm! Đó là cách mạng - máu - vô chính phủ - hỗn loạn! Thưa các ngài, các ngài hiểu rõ dân chúng, các ngài sống trong thành phố công nghiệp này, một thành phố rất giàu nhưng đồng thời cũng rất nghèo, - liệu các ngài có thể tin vào tính chất chân thật của bức tranh ấy không?

Ồ! Chắc chắn không còn hoài nghi gì nữa, nếu ta liếc đọc các tác phẩm của một số nhà văn viết tiểu thuyết mà đối với họ thì khía cạnh quan trọng nhất của vấn đề lại có vẻ tầm thường, nhàm chán, họ - để thu được thành công - họ mô tả điều khôi hài, viễn tưởng, không bình thường, - thì nhân dân chính là như vậy! Xem sinh hoạt của một địa phương nào đó - mà ở đấy bọn tội phạm tránh toà án tìm được nơi ẩn náu - hoặc lối sống của bọn cận bã trong xã hội là cuộc sống bình thường của các thành phố chúng ta, họ nói với chúng ta: "Nhân dân là như thế đó!" Dĩ nhiên, nhân dân sẽ là như thế nếu chúng ta tin vào những nhà văn viết thuê ấy, họ kêu la về cuộc xâm lăng của đám người dã man để hù dọa đám nhà giàu! *Của bọn dã man!* Họ gán nhãn hiệu ấy cho nhân dân, qua đó mà xúc phạm nhân dân một cách nặng nề nhất. Ôi! Nếu

như cái từ bọn dã man luôn luôn biểu thị những người chân chất, mạnh mẽ, đẽ găn, tràn đầy nghị lực của tuổi trẻ! - thì chỉ có những con người dã man như vậy mới có thể cứu cái thế giới quan phương rệu rã của chúng ta đang đi nhanh đến sự suy sụp do bất lực và tham nhũng. Không, một nghìn lần không! Nhân dân không phải như thế. Cần phải tìm kiếm nhân dân không phải ở nơi diễn ra tội ác và sự đòi truy. Để nhận biết được nhân dân, chúng ta cần đi đến những thành phố công nghiệp, nơi mà tên chủ xưởng đấu tranh với tình trạng cạnh tranh không gì kiềm chế nổi đang đè nặng lên hần, nơi hần nằm trong gọng kìm siết chặt giữa áp lực chuyên chế của tư bản và sự kháng cự của công nhân làm thuê, và hần buộc phải hạ mức tiền công xuống để tránh khỏi sự phá sản và sự ô nhục. Ôi! Xin đừng tin rằng nhân dân đi tìm sự công bằng luôn luôn xem các ông chủ là thủ phạm gây ra sự tất yếu tàn nhẫn ấy. Vì nhân dân biết rằng nền công nghiệp của chúng ta cần đến nguồn tiêu thụ, rằng trước mặt chúng ta đa số các thị trường thế giới đều đã bị đóng lại, và nền thương mại của chúng ta đã lâm vào cảnh suy sụp ở những nơi mà lá cờ của chúng ta bị người ta lấy chân chà đạp lên. Và kia, giữa những bất trắc ấy của số phận, giữa những sự chao đảo ấy, giữa tình trạng khủng hoảng về tiền công thì

người công nhân còn biết làm gì? Vì số tiền kiếm được của người cha không đủ để nuôi gia đình nên người con gái trở thành gái mại dâm vì mẩu bánh mì, người ta đẩy đứa trẻ ít tuổi đi phục vụ cho cỗ máy quái đản ấy và làm kiệt quệ những sức lực còn yếu ớt của mình. Và khi ngắm nhìn những sản phẩm tuyệt hảo, sản phẩm của nền công nghiệp chúng ta, các vị nhìn thấy những đứa trẻ còi cọc, những cô gái trẻ nhợt nhạt, những người đàn ông kiệt sức vì còng lưng dưới sức nặng của lao động quá sức. Tuy vậy, trong số dân chúng hao mòn về thể xác ấy thì mỗi người nào tránh được sự kiệt quệ, bệnh tật, người nào đạt được sự phát triển bình thường, đều dũng cảm đi chiến đấu bảo vệ tổ quốc, sẵn sàng chết dưới ngọn cờ của Tổ quốc! Đó là dân chúng các thành phố, họ là những người đẽ găn, hiền hoà, kiên nhẫn chịu đựng những nỗi đau đọa hàng ngày, và hơn thế nữa, họ còn tự khai thác trong chính mình nguồn ánh sáng tri thức mà họ nhận được rất ít ỏi, họ đọc sách, đôi khi còn làm thơ nói về những khổ ải và niềm khao khát của mình, họ ra báo để làm sáng tỏ những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến vận mệnh tương lai của nhân loại và chuẩn bị giải pháp cho vận mệnh ấy! Dân chúng các thành phố mà một số tác giả, do sự thiếu năng trí tuệ của mình, đã gọi dân chúng ấy

là bọn người man rợ, là thế đấy!... Qua sự phác thảo lướt qua, không đầy đủ này chúng ta chỉ thấy được đời sống bình thường của dân chúng, cuộc đấu tranh thường nhật của họ, nhưng nếu bỗng nhiên xảy ra một tai họa không lường trước được nào đó - một trận lụt dữ dội cuốn trôi tất cả vào lòng xoáy của nó, hoặc một trận hoả hoạn khủng khiếp, hoặc đột nhiên một đợt dịch tả hung dữ bắt đầu hoành hành, - thì ai sẽ là người đầu tiên hưởng ứng lời kêu gọi tính nhân đạo? Ai sẽ quên đi gia đình mình, những người vợ của mình, những đứa con bị cột chặt vào giường bệnh mà ngày mai chúng có thể chết, ai sẽ hiến dâng đời mình mà không đòi hỏi một sự bồi hoàn, để rồi sau khi hoàn thành nghĩa vụ của mình họ sẽ biến đi mất mà thậm chí không cho biết tên tuổi của mình? - Đó là nhân dân! Bằng bản lĩnh và sự hy sinh quên mình, bằng lý trí và trái tim của mình, nhân dân xứng đáng được hưởng những quyền mà nhân dân đang giành lấy. Và ai hiểu rõ điều đó hơn những công dân đã chiến thắng hai tầng thống trị bạo ngược của giới quý tộc và giới tăng lữ nhờ những nỗ lực siêu phàm của nhân dân? Hướng về giới tăng lữ ấy, về giới quý tộc ấy trong thời kỳ tồn tại các Hội nghị ba đẳng cấp năm 1614, một đại biểu của *giai cấp tư sản* có lần đã nói như thế này: "Các ngài,

những người anh của chúng tôi, và cả các ngài kia nữa, những người em trai của chúng tôi - vì tất cả chúng ta đều là những người anh em - chúng ta tạo thành cùng một dân tộc". Vậy mà giới tăng lữ và giới quý tộc đã tìm cách bịt miệng đại biểu dững cảm ấy của đẳng cấp *thứ ba* và buộc những tên đầy tớ của mình đánh như tử đại biểu ấy, coi người bình dân là thuộc chủng tộc bị phụ thuộc và hạ đẳng... Nhân dân chẳng những xứng đáng tự đại diện cho bản thân mình, mà - nếu nói cho công bằng - chỉ *một mình* nhân dân mới có thể đại diện một cách thành công cho *bản thân mình*. Thật vậy, hiện nay trong viện lập pháp ai là người hiểu đầy đủ những lợi ích của nhân dân, những nhu cầu của nhân dân để dám đứng ra bảo vệ những lợi ích đó?... Thưa các ngài, có nhiều người sẵn sàng ủng hộ nguyên tắc cải cách của chúng tôi, bởi vì hiện nay tính tất yếu của cải cách là điều tự nó đã hiển nhiên. Nhưng họ vẫn còn sợ hãi thảng

lợi của phái dân chủ, vậy mà chưa bao giờ một phong trào to lớn và quan trọng như thế trong quá trình phát triển đi lên của loài người lại có được những dấu hiệu thuận lợi như thế! Chúng ta hãy điểm qua những nhân vật xuất chúng ở thời đại của chính chúng ta. Có một nhân vật đứng cao hơn tất cả, những lời tiên tri của nhân vật ấy đọng lại trong mỗi trái tim. "Không đầy năm mươi năm nữa, - Na-pô-lê-ông nói, - châu Âu sẽ trở thành châu Âu của người Cô-dắc, hoặc châu Âu của chế độ cộng hoà"...Châu Âu sẽ không trở thành châu Âu của người Cô-dắc, và các vị có quyền nói như vậy tại thành phố yêu nước này. Nếu ở đâu đó có những sự hoài nghi về điểm này thì dĩ nhiên không phải trong số những ai mà tình yêu của họ đối với nền độc lập dân tộc và đối với cách mạng lại biến - trong năm 1792 - mỗi công dân thành một vị anh hùng! Châu Âu sẽ trở thành châu Âu của chế độ cộng hoà - nhưng ở đây, thưa các ngài, tôi tạm dừng lại - các đạo luật tháng Chín còn có hiệu lực²⁰⁷, và muốn trở nên có sức mạnh, tự vũ trang để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa, chúng ta phải biết hành động trong khuôn khổ luật pháp. Vì vậy, tôi sẽ chỉ mạn phép nêu lên - với tư cách là những nhân vật thể hiện những suy nghĩ của tôi - tên tuổi của một số nhân vật tạo nên niềm vinh quang của đất nước

chúng ta. Chẳng hạn, tên tuổi của nhân vật đã ca bài ca cao cả ca ngợi chế độ chính thống và đã giành được niềm vinh quang, đã tìm cách làm sống lại những đồng đồ nát xưa kia của quá khứ - Sa-tô-bri-ăng, một con người chân thành, đã không thể hình dung một tương lai gần nhất của thế giới theo cách nào khác hơn là một sự vận động tiến theo con đường dân chủ... nhân vật Bê-răng-giê mà những bài ca yêu nước của ông sẽ được mọi người hát mãi - đó là những bài ca mà chúng ta, những người cùng thời với ông, phải buộc con cái chúng ta phải học thuộc như là các bài cầu nguyện, chừng nào còn chưa thực hiện được sự trả thù về trận Oa-téc-lô! Bê-răng-giê tin vào sự thiết lập chủ quyền của nhân dân. Còn La-mác-tin, với những bài thơ nẩy lửa và tài hùng biện của ông, - ông đã trải qua chế độ chính thống, - thì đã từng ở trong đăm lầy của phái ôn hoà, để xích lại gần với chúng ta. Mặc dù ông là người nồng nhiệt hâm mộ phái Gi-rông-đanh, nhưng tính ngay thẳng cao đẹp của con người ông đã cho phép ông có những kết luận có lợi cho phái cấp tiến. Song có cái gì đó làm ông càng cách xa nền dân chủ thuần khiết; về phần tôi, tôi chỉ nhìn thấy những bước tiến khổng lồ mà hàng ngày ông bước đi nhanh chóng xích lại

gân chúng ta. Đó là tình hình trong lĩnh vực văn chương, thừa các ngài, và sự xác nhận nhất trí của những nhân vật nổi tiếng như vậy có lợi cho đảng chúng ta phải đủ để

củng cố những niềm hy vọng của đảng. Nhưng xin hãy nhìn vào lĩnh vực khoa học. Xin hãy chú ý đến nhân vật đứng cao hơn mọi người, nhân vật mà cả cựu thế giới, cả tân thế giới đều muốn lấy đi của chúng ta –

A-ra-gô! Nếu không vì những công vụ không thể trì hoãn thì ông ấy đã có mặt ở đây với chúng ta. Ông ấy lẽ ra đã kể tốt hơn nhiều - so với mức tôi có thể làm việc đó - cho các ngài về các quyền của nhân dân; bởi vì ông là người đầu tiên đã từng bảo vệ các quyền ấy trong một đại hội đồng khác, nơi cần có không ít dũng khí tinh thần để làm việc này. Vậy thì sao? Phải chăng A-ra-gô không hoàn toàn trung thành với dân chủ? Còn trong lĩnh vực nghệ thuật, ai là người đã dùng đường nét mạnh mẽ để đẽo nên trên đá cẩm thạch hình ảnh những nhân vật đã phục vụ nhân dân một cách tốt nhất? Ai đã vĩnh viễn in vào đồng đen hình dáng những nhà cách mạng vĩ đại để truyền lại những hình dáng ấy cho con cháu của họ - các thế hệ tương lai - để chiêm ngưỡng? Đa-vít Đăng-giê! Phải chăng cả ông nữa cũng không bảo vệ sự nghiệp của nhân dân? Vậy là, nếu có

ngân ấy nhân vật lừng danh lên tiếng ủng hộ dân chủ hoặc đấu tranh nhằm thực hiện dân chủ, thì tại sao từ đó không đưa ra kết luận rằng luật pháp và thiên mệnh đang chiến đấu cùng chúng ta và vì chúng ta? Đó là những bài học mà một số nhân vật tài ba đã truyền đạt. Còn những bài học do các dân tộc truyền đạt thì chẳng nhẽ lại không được thể hiện công khai? Xin hãy nhìn vào nước Ba Lan - vào nước Ba Lan anh hùng - nhíp đập cuối cùng của trái tim của nó vẫn còn hiến dâng cho cuộc đấu tranh vì tự do - nó không còn quân đội nữa, mỗi ngày lại có thêm một người chịu chết vì nghĩa đem thân ra hy sinh cho sự nghiệp của Ba Lan. I-ta-li-a; nó cũng hướng đến thống nhất. Nó đứng lên từ đống đổ nát đã từng tạo nên niềm vinh quang của nó, để giành niềm vinh quang mới cho mình. Mong rằng nó đừng tỏ ra dễ tin trong cơn bưng bít của mình, mong rằng nó hãy nhớ đến Ma-da-ni-en-lô. Thụy Sĩ; - tôi cảm thấy rằng tôi phải cân nhắc kỹ những câu nói của mình trong giây phút long trọng này. Chúng ta chỉ có thể làm một việc, thừa các ngài, chúng ta có thể thống nhất lại tạm thời, trong những hồi ức và ý nghĩ, với những ai được chúng ta coi là anh em, và mong rằng thắng lợi luôn luôn ở phía họ, giống như cho đến nay luật pháp và lý trí đã ở phía họ! Sự nghiệp của Thụy Sĩ là sự nghiệp của chúng ta, thừa các ngài; ở đó

những người cấp tiến đang chiến đấu chống lại hai kẻ thù đang là tai họa cho thời đại chúng ta - bọn quý tộc và bọn thầy tu vô liêm sỉ. Tôn trọng tín ngưỡng, nhưng phải đấu tranh chống lại những kẻ núp dưới mặt nạ tôn giáo để phục vụ cho chế độ chuyên chế và bọn bạo chúa. Những kẻ thiển cận là những kẻ không nhận ra sự liên minh

tay đôi ấy - thiên tài và nhân dân - là sự
hiển hiện tới gần của chúa cứu thế bình
đẳng! Vậy là, hỡi nhân dân mà tôi mong
muốn hy sinh tất cả lòng trung thành và
sức mạnh của mình cho người, - xin nhân
dân hãy *hy vọng* và *tin tưởng*. Vào thời kỳ
này, khi mà niềm tin trước kia của người
đang tắt dần, khi mà ánh sáng mới chưa tỏa
sáng lên người, thì tối tối, trong căn nhà
thảm hại của mình, xin người hãy thành
kính lặp lại biểu tượng bất diệt: TỰ DO,
BÌNH ĐẲNG, BÁC ÁI! Vàng, tự do cho
tất cả; tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, tự
do lập hội; bởi vì con người không thể trở
thành người có đạo đức nếu không giao lưu
với những người khác, còn chế độ dựa trên
tham nhũng thì tìm cách cô lập con người,
nhằm mục đích nô dịch con người càng
nhiều hơn nữa. Họ hiểu rằng không thể bẻ
gãy một bó que được bó chặt lại với nhau.
Bình đẳng cũng dành cho mọi người - bình
đẳng trước pháp luật dân sự, bình đẳng
trong các công việc chính trị, bình đẳng
trong lĩnh vực giáo dục học vấn, để cho
con người chỉ tuân theo đạo lý và đức
hạnh! Lòng bác ái là nguồn bất tận sẽ đẻ ra
những thiết chế cao đẹp và vẻ vang - của sự
thống nhất và sức mạnh^{1*}. Khi ấy lao động

sẽ không chỉ là quyền mà sẽ trở thành
nghĩa vụ. Mong rằng sẽ không có những
nguồn thu nhập nào khác, ngoài các nguồn
thu nhập bằng lao động và để phục vụ lao
động. Vàng, sự giải cứu. Ôi, biểu tượng vĩ
đại và bất diệt, ngày hiển hiện của người đã
đến gần! Hỡi nhân dân, mong rằng những
tràng võ tay dành cho kẻ đầy tớ ngoan
ngoãn của người, sẽ trở lại với người và sẽ
đem lại cùng một lúc cho người cả niềm an
ủi, cả niềm hy vọng!"

<i>Do</i>	<i>In theo</i>
<i>Ph.Ăng-</i>	<i>bản in</i>
<i>ghen viết</i>	<i>trên báo</i>
<i>vào nửa</i>	<i>Nguyễn</i>
<i>dầu</i>	<i>văn là</i>
<i>tháng</i>	<i>tiếng Anh</i>
<i>Chạp</i>	<i>In bằng</i>
<i>1847</i>	<i>tiếng Nga</i>
<i>Đã đăng</i>	<i>lần đầu</i>
<i>trên báo</i>	
<i>"The</i>	
<i>Northern</i>	
<i>Star" số</i>	
<i>530,</i>	
<i>ngày 18</i>	
<i>tháng</i>	
<i>Chạp</i>	
<i>1847 với</i>	
<i>lời ghi</i>	

1* Trong diễn văn của Lo-đruy - Rô-lanh ghi là: "những thiết chế vĩ đại - tín dụng

hiệp hội, tình đoàn kết".

*chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên bán
báo ở
Pa-ri gửi
về"*

PH.ĂNG-GHEN

**PHONG TRÀO ĐÒI CẢI CÁCH Ở PHÁP. -
BỮA TIỆC Ở ĐI-GIÔNG²⁰⁸**

Cuộc hội họp này của những người dân chủ ở tỉnh Cốt-do hiển nhiên là cuộc hội họp sáng chói nhất trong toàn bộ một loạt buổi chiêu đãi của những người ủng hộ cải cách. Dự bữa ăn trưa ấy có 1300 người. Đã có sự tham dự của các đoàn đại biểu của hầu hết các thành phố lân cận, thậm chí có cả đoàn đại biểu Thụy Sĩ gồm công dân của các thành phố Nơ-sa-ten Giơ-ne-vơ và Luy-xéc-nơ. Về tính chất của cuộc hội họp này có thể suy xét căn cứ theo tên tuổi của các diễn giả chủ chốt: các ngài Lu-i Blăng, Phlô-công, Lơ-đruy Rô-lanh, Ê-chiên A-ra-gô, - tất cả những người này thuộc đảng dân chủ cực đoan mà đại diện là báo "La Réforme". Chúng tôi thấy không cần thiết phải nói rằng tại bữa tiệc này không có ai nâng cốc chúc Lu-i-Phi-lip.

Ngài Xi-nhắc từ thành phố Grê kê bên đã nâng cốc "Chúc những người dân chủ thành phố Li-lơ" mà mới đây tại bữa tiệc trong thành phố của mình đã kiên quyết bác bỏ thỏa hiệp với các phần tử tự do chủ nghĩa giả hiệu và nhờ nghị lực, sự nhất trí và sự sáng suốt của mình họ đã cứu được danh dự của phái dân chủ^{1*}.

Sau đó ngài Ê-chiên A-ra-gô - đại biểu nổi tiếng của giới văn chương Pa-ri, mà vở hài kịch của ông "Những người quý

1* Xem tập này, tr. 533 - 538.

tộc" vừa mới gần đây đã được trình diễn và thu được thành công to lớn - đã nói về chủ đề "Sự phát triển của văn học, khoa học và nghệ thuật"; trong bài diễn văn sáng chói của mình ông đã chỉ rõ rằng dưới chế độ tự do và dân chủ, văn học và khoa học sẽ có được sự phát triển nhanh chóng như thế nào.

Vị chủ tọa đã mời ngài Lu-i Blăng lên đọc lời chúc rượu "Tiến bộ trong tương lai của nước Pháp"^{1*}, ngài Blăng được những người có mặt trong cuộc họp chào đón rất nồng nhiệt. Ngài Blăng đã đọc bài diễn văn tuyệt diệu chứa đựng nhiều tư tưởng đúng đắn và sáng ngời về tình hình phát triển trong quá khứ của nước Pháp, về những kết luận có thể rút ra từ sự phát triển ấy, về tương lai của nước Pháp, về dấu ấn đặc biệt và không thể phai mờ mà cách mạng đã để lại trong toàn bộ phong trào dân chủ Pháp. Bài diễn văn của ông đã bị gián đoạn nhiều lần và bị gián đoạn một cách xứng đáng bởi những tràng vỗ tay. Bài diễn văn ấy hoàn toàn xứng đáng với nhà văn và nhà sử học ưu tú hiện nay của nước Pháp. Tuy nhiên, trong bài diễn văn ấy có một điểm khiến chúng tôi muốn phát biểu đôi điều nhận xét, vả lại chúng tôi hy vọng rằng những nhận xét ấy sẽ được đón nhận với tinh thần thiện ý như thiện ý của chúng tôi khi viết những nhận xét ấy.

Ngài Blăng nói:

"Chúng ta cần một sự nhất trí trong khuôn khổ dân chủ. Mong rằng đừng có một ai làm lạc - chúng ta suy nghĩ và lao động không những cho nước Pháp, mà cho cả thế giới, bởi vì tương lai của nước Pháp chứa đựng cả tương lai của nhân loại. Thật vậy, chúng ta có một địa vị ưu thế khiến cho chúng ta tuy

1* Trong diễn văn của Lu-i Blăng ghi là: "Tương lai của nước Pháp".

không bao giờ thời mang tinh thần dân tộc nhưng không tránh khỏi là những người theo chủ nghĩa thế giới, và thậm chí là những người theo chủ nghĩa thế giới nhiều hơn là mang tinh thần dân tộc. Bất kỳ người nào tự gọi mình là người dân chủ và mong muốn đồng thời là một người Anh đều sẽ bác bỏ lịch sử nước mình, bởi vì vai trò mà nước Anh đã đóng thì luôn luôn được quy tụ thành cuộc đấu tranh của chủ nghĩa vị kỷ chống lại lòng bác ái. Cũng như vậy, người Pháp nào không muốn là người theo chủ nghĩa thế giới thì người đó sẽ phủ nhận vai trò^{1*} của nước mình, bởi vì ở Pháp không bao giờ có thể có ưu thế cho một tư tưởng nào không phục vụ lợi ích của toàn thế giới. Thừa các ngài, vào thời kỳ diễn ra các cuộc thập tự chinh, khi mà châu Âu tiến quân để giành lấy mộ chúa trời thì chính nước Pháp đã bảo trợ cuộc tiến quân này. Sau này, khi các cha cố Thiên chúa giáo có ý định áp đặt lên chúng ta cái ách thống soái của giáo hoàng thì những giáo chủ xứ Ga-lô đã đứng lên bảo vệ tự do tín ngưỡng. Ai là người đã ủng hộ nước Mỹ non trẻ theo chế độ cộng hoà trong những ngày cuối cùng của chế độ quân chủ già nua?²⁰⁹ Nước Pháp, vẫn lại là nước Pháp

1* Trong diễn văn của Lu-li Blăng: "lịch sử".

ấy! Và nếu điều đó đúng với nước Pháp quân chủ thì liệu điều đó có thể lại không đúng đối với nước Pháp theo chế độ cộng hoà được không? Trong các biên niên sử, liệu có ở chỗ nào chúng ta tìm thấy một cái gì đó giống với tinh thần không vụ lợi kỳ lạ, đầy tinh thần tự hy sinh, của nước cộng hoà, khi mà nó đổ máu trên các đường biên giới và trên đoạn đầu đài, nhưng nước cộng hoà ấy vẫn thấy có thể đổ máu vì những người anh em của mình ở Ba-ta-va!²¹⁰ Khi nó trong tư thế chiến bại hoặc chiến thắng nó thậm chí đã toả sáng thiên tài của mình lên kẻ thù! Mặc cho châu Âu phái mười sáu đạo quân đi đánh chúng ta, đáp lại, chúng ta sẽ gửi tự do đến cho châu Âu".

Mặc dù không hề có ý định hạ thấp ý nghĩa của những nỗ lực anh hùng của cách mạng Pháp hoặc của lòng biết ơn to lớn mà thế giới có quyền bày tỏ với các nhà hoạt động vĩ đại của nước Cộng hoà, nhưng chúng tôi cho rằng lập trường đối sách của Pháp và Anh đối với chủ nghĩa thế giới²¹¹ được miêu tả hoàn toàn không đúng trong đoạn dẫn ra ở trên. Chúng tôi hoàn toàn phủ nhận tính chất thế giới chủ nghĩa mà người ta gán cho nước Pháp trước cách mạng; bằng chứng về điều đó có thể là thời kỳ trị vì của Lu-i XI và Ri-sơ-li-ơ. Vậy thật ra ngài Blăng²¹² gán cho nước Pháp điều gì? Rằng ở Pháp, thứ tư tưởng không phục vụ lợi ích của toàn thế giới chưa bao giờ có thể có được ưu thế. Và chúng tôi nghĩ rằng ngài Lu-i Blăng không thể kể ra cho chúng ta bất kỳ một nước nào trên thế giới lại có thể hành động khác hơn là nước Pháp từng như đã hành động. Hãy

lấy nước Anh làm ví dụ, cái nước Anh mà ngài Blăng đã trực tiếp đem ra đối chọi với nước Pháp. Nước Anh đã sáng chế ra máy hơi nước; nước Anh đã xây dựng đường sắt; nhưng chúng tôi cho rằng những cái đó đáng giá không ít ý tưởng. Nhưng nước Anh đã sáng chế ra những cái đó cho riêng mình hay là cho toàn thế giới? Người Pháp khoe rằng đầu đầu họ cũng phổ biến nền văn minh, đặc biệt là ở An-giê-ri. Vậy ai đã phổ biến văn minh ở Mỹ, ở châu Á, ở châu Phi và ở Ô-xtrây-li-a nếu không phải là cái nước Anh? Ai đã lập ra chính cái nước cộng hoà mà nước Pháp đã tham gia phần nào trong việc giải phóng nó? Đó là nước Anh, vẫn lại là nước Anh ấy! Nếu nước Pháp đã góp phần thúc đẩy giải phóng Cộng hoà Mỹ khỏi ách thống trị của Anh, thì đúng hai trăm năm trước đó nước Anh đã giải phóng Cộng hoà Hà Lan thoát khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha²¹³. Nếu như vào cuối thế kỷ trước nước Pháp nêu tấm gương về vang cho toàn thế giới thì chúng ta không thể im lặng lơ đi sự thật là nước Anh đã nêu tấm gương y như vậy trước đó một thế kỷ rưỡi²¹⁴, vào thời gian ấy thậm chí nước Pháp chưa sẵn sàng noi theo tấm gương ấy. Về tư tưởng thì chính những tư tưởng mà các nhà triết học Pháp ở thế kỷ XVIII - Vôn-te, Rút-xô, Đi-dơ-rô, Đa-lăm-be và những người khác - đã phổ biến rất thành công thì khởi nguồn những tư tưởng nảy sinh ở đâu nếu không phải là ở nước Anh? Chúng ta sẽ không quên Min--ton, người đầu tiên bảo vệ vụ giết vua, An-giơ-nôn Xít-ni, Bô-linh-bróc và Sếp-xbe-ri vì những môn đồ người Pháp của họ đã tỏ ra sáng chói hơn.

Nếu một người Anh "tự gọi mình là người dân chủ... thì người Anh đó sẽ bác bỏ lịch sử của đất nước của chính mình", - ngài Blăng nói.

Chúng tôi cho rằng bằng chứng chủ yếu nhất về nền dân chủ đích thực chính là việc nền dân chủ ấy *phải* từ chối mọi trách

nhệm về quá khứ đầy cảnh bản cùng, bạo ngược, áp bức giai cấp và mê tín. Mong rằng người Pháp không phải là ngoại lệ trong số những người dân chủ khác; mong rằng họ không nhận lãnh trách nhiệm về những hành động của các vua chúa và giới quý tộc nước mình thuộc những thời kỳ trước kia. Vì vậy, điều mà ngài Blăng xem là thiếu sót của những người dân chủ Anh, thì chúng tôi lại coi là ưu điểm lớn của họ, cụ thể là họ *phải* từ bỏ quá khứ và chỉ nhìn vào tương lai mà thôi.

"Người Pháp không tránh khỏi là người theo chủ nghĩa quốc tế". Đúng, trong một thế giới mà ở đó ảnh hưởng của Pháp, tập tục Pháp, đạo đức Pháp, tư tưởng Pháp, trật tự chính trị của Pháp chiếm ưu thế. Trong một thế giới mà mỗi dân tộc đều đã tiếp nhận những thuộc tính tiêu biểu của dân tộc Pháp. Nhưng chính đó là điều mà những người dân chủ các nước khác không thể chấp nhận được. Hoàn toàn sẵn sàng từ bỏ những nét thô lậu của dân tộc mình, họ chờ đợi cũng điều đó ở người Pháp. Họ không thoả mãn với lời khẳng định của người Pháp rằng họ là những người theo chủ nghĩa thế giới; khẳng định như vậy khác nào đòi hỏi tất cả những người thuộc dân tộc khác đều phải trở thành người Pháp.

Hay đem nước Đức ra mà so sánh. Nước Đức là quê hương của một số lượng lớn những phát minh, ví dụ, phát minh ra máy in. Nước Đức - điều này đã được tất cả mọi người công nhận - đã đẻ ra một số lượng lớn hơn nhiều những tư tưởng cao cả và thế giới chủ nghĩa so với nước Pháp và nước Anh cộng lại. Vậy mà trên thực tế nước Đức đã luôn luôn bị hạ nhục, luôn luôn bị thất vọng với tất cả những niềm hy vọng của mình. Hơn ai hết, nước Đức có thể kể về chủ nghĩa thế giới của Pháp là gì. Nếu nước Pháp đã có thể than vãn với mức độ nào - điều đó là hoàn toàn chính đáng - về sự tráo trở của chính sách của nước Anh, thì tự nước Đức cũng ném trái ngạn ấy

chính sách tráo trở của nước Pháp, kể từ Lu-i XI cho đến Lu-i - Phi-líp. Nếu chúng tôi đem ra áp dụng thước đo của ngài Lu-i Blăng, thì những người theo chủ nghĩa thế giới đích thực lại là người Đức, vậy mà họ thì lại tuyệt nhiên không có tham vọng về điều đó.

Nhưng về vấn đề này nói như vậy đã đủ rồi. Chúng tôi muốn tổ chức một cuộc tranh luận về vấn đề này, vì chỉ có như vậy mới có thể đưa đến sự hiểu biết lẫn nhau, đến sự liên minh bền vững giữa giới dân chủ Pháp và giới dân chủ Anh.

Sau bài phát biểu của ngài Blăng, ngài Phlô-công đã nâng cốc chúc "Vì những người dân chủ châu Âu".

Ngài Phlô-công nói:

"Xin các vị hãy nhìn chung quanh mình, hãy lắng nghe những tiếng nói đến từ những nước khác; những lời than vãn hoặc những lời đe dọa; những tiếng thở dài than vãn hoặc những sự hy vọng - những cái đó nói lên điều gì? Chúng kêu gọi hãy đi theo những nguyên tắc của cách mạng Pháp; đứng trước mọi chế độ chuyên chế họ tuyên bố phương châm bất hủ của cách mạng Pháp: *Tự do, Bình đẳng, Bác ái!* Đúng vậy, chính những dân tộc bị lầm lạc do địa vị nô lệ và sự dốt nát của mình, đã tiến hành cuộc chiến tranh ô nhục chống lại cách mạng; giờ đây họ tụ tập thành những đám đông để đứng dưới lá cờ của cách mạng, và họ hứa làm những người nhiệt thành bảo vệ những nguyên tắc về vang mà trong quá khứ họ đã không tin vào sự toàn thắng

của những nguyên tắc ấy. Giờ đây toàn thế giới đã thấy hiển nhiên sự thật đáng kinh ngạc ấy, và tôi không biết có gì đáng kinh sợ hơn đối với kẻ thù của chúng ta, tôi không biết có gì có thể nhắc nhở một cách hữu hiệu hơn cho chúng ta nhớ đến nghĩa vụ của chúng ta. Ở nước Anh, bên cạnh các phe phái cũ, nhân dân đã tự tổ chức lại trước mặt giới quý tộc giàu có nhất... và chuyên chế nhất trên thế giới. Một hiệp hội to lớn, do những thủ lĩnh có kinh nghiệm lãnh đạo, hàng ngày đang tuyển mộ vào hàng ngũ mình rất nhiều công nhân, những công nhân này sẽ đảm nhận nhiệm vụ trả thù cho tất cả những điều bất công mà nhân loại đã hứng chịu. Quyền con người không phải là phương châm mới ở nước Anh. Ngay từ thời kỳ xảy ra những cuộc nội chiến^{1*} trước kia giữa chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo và những cuồng vọng chính trị, nhiều chính đảng thấy rõ chân lý xã hội vĩ đại. Khi ông A-dam cày ruộng, còn bà E-va kéo sợi.

Thì lúc ấy ông chủ ở đâu?²¹⁵

Câu này do phái Cô-ven-nan²¹⁶ tung ra gần ba trăm năm về trước. Cũng vấn đề ấy

1* Từ "nội" do Ăng-ghen thêm vào.

nay lại được nêu lên; các ông trùm của ngành công nghiệp bông vải cũng xem thường những lời than vãn của công nhân không kém gì bọn lãnh chúa ngày xưa. Vì thế nếu chỉ tuyên bố các quyền của mình thì còn ít, nhân dân phải đủ mạnh để chiếm lấy những quyền ấy, và nhân dân Anh biết rõ điều đó... Ở Bỉ đúng vào lúc này một hội đang được thành lập, nó tập hợp những người dân chủ thuộc tất cả mọi dân tộc, và đại hội dân chủ đang được chuẩn bị²¹⁷. Ở nước Đức, trong khi bọn vua chúa đang tiêu khiển với trò ban phát bản hiến pháp thì nhân dân chuẩn bị tự mình giải quyết nhiệm vụ tự cứu lấy mình".

Sau đó diễn giả điếm qua phong trào ở Ba Lan, I-ta-li-a và Thụy Sĩ, và kết thúc bài diễn văn của mình bằng những lời sau đây:

"Đúng là những hạt giống cách mạng đang nảy mầm, đất màu mỡ, đoá hoa hy vọng tuyệt vời đang tô điểm cánh đồng của tương lai. Nhưng mùa đông lại kéo dài, chúng ta phải nhanh chóng cầm lấy liềm để gặt hái vụ mùa của mình. Vậy chúng ta lại bắt tay vào sự nghiệp cách mạng, bắt đầu từ điếm mà cha ông chúng ta đã kết thúc. Chúng ta hãy khẩn trương lên, nếu không chúng ta sẽ phải bắt tay vào sự nghiệp ấy ở điếm mà cha ông chúng ta đã bắt đầu" (Vô

tay vang dậy).

Bài chúc rượu tiếp theo "Vì chủ quyền của nhân dân" do ngài Lơ-đruy - Rô-lanh, đại biểu hạ viện, đọc.

Sau đó người ta đã đọc các bức thư với những lời cáo lỗi, do các ngài Phrăng-xoa A-ra-gô, La-mơ-ne và Đuy-pông đờ l'Ô-rơ gửi đến, đến đó hội nghị bế mạc.

Cuộc mít-tinh ấy chứng minh rằng những người dân chủ ở địa phương ngày càng rời bỏ đảng "National" để đoàn kết chung quanh đảng "Réforme".

*Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào nửa
đầu
tháng
Chạp
1847
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
530,
ngày 18
tháng
Chạp
1847 với
lời ghi
chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên bán
báo ở
Pa-ri gửi
về"*

*In theo bản
in trên báo
Nguyên
văn là
tiếng Anh
In bằng
tiếng Nga
lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO HIẾN CHƯƠNG²¹⁸ [THƯ CỦA HỘI "NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ ANH EM" GỬI CÔNG NHÂN ANH VÀ AI-RƠ-LEN]

Hội "*Những người dân chủ anh em*" trong cuộc họp gần đây nhất của mình đã thông qua bức thư gửi công nhân Anh và Ai-rơ-len. Người soạn bức thư này là ngài Hác-ni, uỷ viên ban biên tập của báo "Northern Star", bức thư được công bố trong số ra gần đây nhất của báo này²¹⁹.

Sau khi vẽ lên, một cách vừa ngắn gọn vừa hùng hồn, bức tranh về những nỗi đau khổ mà hiện nay giai cấp công nhân phải chịu đựng, bức thư kêu gọi công nhân ở cả hai hòn đảo bổ sung thêm cho hàng ngũ tổ chức đảng của mình.

Giai cấp tư sản đang giăng bẫy các vị ở
khắp nơi. Nhằm mục đích làm cho

các vị khởi chú ý đến Hiến chương nhân dân²²⁰, - mục tiêu duy nhất mà các vị cần phải đạt tới, - giai cấp tư sản để ra mọi thứ dự án cải cách hời hợt. Vậy mà chỉ trong vòng có mấy năm đã hai lần người ta đã cung cấp cho các vị bài học hà khắc và các vị đã có thể thấy rằng đối với các vị bất kỳ một dự án cải cách nào do giai cấp tư sản đưa ra cũng đều là cái gì đó giống như những trái cây sinh trưởng, như người ta nói, trên bờ biển chết; những quả ấy đẹp và trông có vẻ tươi rói, nhưng đã hoàn toàn mục rữa từ bên trong. Xin hãy nhớ lại cuộc vận động ủng hộ bản *dự luật cải cách*²²¹ và chiến dịch đòi huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc¹³⁵.

... Tuy nhiên, những tổ chức còn đòi các vị ủng hộ - đó là liên minh toàn quốc đòi loại trừ những sự lạm dụng, hiệp hội chống giáo hội nhà nước, đủ các loại tổ chức đấu tranh đòi loại trừ tham nhũng, đòi cải cách hệ thống tiền tệ, huỷ bỏ một số sắc thuế, v.v. và v.v.. Mục đích duy nhất của các tác giả của tất cả những dự án ấy là: củng cố và mở rộng ảnh hưởng của giai cấp tư sản đã cầm lái chính quyền ở đế quốc Anh. Tất cả họ đã tập hợp lại để từ chối các vị trong việc phê chuẩn các quyền công dân của các vị; do đó, họ là kẻ thù công khai của quý vị. Nếu họ thật

sự mong muốn cải thiện số phận của các vị thì họ đã giúp các vị nắm lấy quyền lực tối cao rồi. Họ hiểu rất rõ rằng mọi cải cách mà họ đang phấn đấu thực hiện, cũng như nhiều điều khác nữa sẽ được thực hiện ngay khi nào các vị có thể bầu các đại biểu vào các cơ quan lập pháp. Làm sao họ dám tự xưng là bạn bè của các vị, nếu đồng thời họ từ chối không cho các vị quyền bầu cử?

Mỗi công nhân hãy thấm nhuần chân lý vĩ đại là: sự phục hưng của giai cấp công nhân và sự giải cứu toàn xã hội là sự nghiệp của những ai đã sinh ra trong các túp lều và trên các gác thượng. Hãy đón nhận, với tình anh em, bất kỳ một người nào xuất thân từ các giai cấp có đặc quyền nhưng đã từ bỏ những khác biệt giai cấp và tìm kiếm sự liên minh với các vị; nhưng tuyệt đối đừng chờ đợi sự giải phóng đến từ một giai cấp nào đó đứng bên trên các vị... Các vị đã bị các giai cấp có đặc quyền đặt ra ngoài vòng pháp luật, các vị cần phải tìm kiếm phương tiện để thực hiện sự hồi sinh của mình ở ngay trong các đấu óc có học vấn, những trái tim dũng cảm và những cánh tay mạnh mẽ của chính mình.
... Cần lưu ý các vị nhận rõ âm mưu hết sức bỉ ổi của những kẻ chống đối

mọi cuộc cải cách và của những phần tử cải cách tư sản hồi hợt nhằm chống lại lợi ích của các vị. Những kẻ âm mưu ấy đang cố gắng làm sống lại tình trạng hiềm khích dân tộc trước kia mà hiện nay gần như đã tắt ngấm, mối hiềm khích ấy đã có thời đẩy công nhân nước này tiêu diệt công dân các nước khác theo tín hiệu của bọn thống trị của nước mình. Chúng ra sức thổi bùng trong nhân dân các đảo của chúng ta lòng thù hận không khoan nhượng đối với nhân dân Pháp với cái cố như thể nhân dân Pháp muốn xâm chiếm và nô dịch nước Anh.

Hỡi anh em công nhân Anh và Ai-rơ-len!
Đất nước của anh em đã bị kẻ thù xâm chiếm và nô dịch, nhưng đó là kẻ thù trong nước đã đẩy anh em xuống địa vị những người cùng cực cả về phương diện chính trị, cả về phương diện xã hội. Anh em không thể tự giải phóng mình khỏi những kẻ thù ấy, trong khi làm tăng sức mạnh vũ trang của chúng. Chúng tôi tin rằng nhân dân chân chính của nước Pháp, những người vô sản, qua kinh nghiệm của chính mình, đã hiểu rõ rằng kẻ thù của họ, cũng như kẻ thù ở nước chúng tôi, không phải ở nước ngoài mà ở ngay trong nước mình. Cũng như ở nước Anh, ở nước Pháp giai cấp đại tư sản đang thống trị tuyệt đối,

đang chà đạp lên những đứa con của lao động. Cũng như ở nước Anh, nhân dân ở Pháp đang đấu tranh chống kẻ thù ấy, vì tự do, bình đẳng và bác ái.

Nhưng trong giây lát chúng ta hãy giả định rằng đất nước đang bị đe dọa bởi sự xâm lăng của kẻ thù; trong trường hợp này nước Anh không có gì phải lo sợ nếu nhân dân Anh được tự do. Tuyệt nhiên không phải là các đội quân, không phải hạm đội và không phải các pháo đài mới là sự bảo vệ đích thực của dân tộc; người duy nhất bảo vệ đất nước là nhân dân thật sự được tự do...

Hãy để cho các giai cấp có đặc quyền bị tước mất các quyền tiếm đoạt; hãy thiết lập sự bình đẳng chính trị và công bằng xã hội, - lúc ấy thì nước Anh sẽ không sợ các quân đội của toàn thế giới. Ngược lại, nhân dân tất cả các nước sẽ vui mừng hoan nghênh sự hùng cường của Anh tăng lên nếu sự hùng cường ấy sẽ hướng vào việc bảo vệ tự do và hướng vào việc giải phóng toàn nhân loại về mặt xã hội.

Hỡi anh em công nhân Anh và Ai-rơ-len!
Tại sao anh em cầm vũ khí, vì lý do gì anh em chiến đấu để duy trì những thiết chế mà trong đó không có sự tham gia của anh em, duy trì những đạo luật

được ban hành không phải để bảo vệ anh em, mà nói đúng hơn, để cưỡng bức anh em, để duy trì đồng tài sản mà anh em có thể coi chỉ là sự tích lũy những thành quả lao động của anh em bị cướp đi? Người ta trấn lột của anh em những sản phẩm do nghề của anh em làm ra, sau đó người ta lại sử dụng sự nghèo khổ của anh em làm cái cớ để tước mất các quyền công dân của anh em! Vậy mà anh em, những người bị nô dịch, bị tước đoạt và bị xúc phạm bởi bọn chủ sở hữu, lại còn bị người ta đòi hỏi anh em phải đổ máu của mình để bảo vệ chính bọn chủ sở hữu ấy! Mặc cho bọn có đặc quyền đặc lợi, mặc cho bọn chủ sở hữu tự chúng đấu tranh vì lợi ích của chúng, vì những đặc quyền và vì sở hữu của chúng! Nếu chúng tỏ ra quá yếu thì chúng hãy trao cho nhân dân những gì mà nhân dân đáng được; hãy để chúng học cách tuân thủ ý chí nhân dân; lúc đó toàn dân tộc sẽ dựng lên chung quanh những đảo của nước Anh một bức thành lũy mà sẽ không có một tên xâm lược ngoại bang nào có thể vượt qua được!

Trước hết anh em cần giành lấy chính quyền, điều cần thiết cho sự nghiệp giải phóng xã hội của anh em. Chừng nào anh em chưa giành được chính quyền ấy thì anh em hãy công khai tuyên bố: không được hưởng quyền đầu phiếu thì chúng tôi sẽ không cầm vũ khí! Các ngài hãy trao cho

chúng tôi quyền bầu cử, nếu không chúng tôi sẽ không đi chiến đấu!
Hỡi anh em công nhân Anh và Ai-ơ-len!... Anh em hãy chống trả bọn âm mưu đang tìm cách xúi bẩy dân tộc này chống lại dân tộc khác với cái cớ ô nhục và giả dối rằng dân chúng các nước khác nhau là những kẻ thù tự nhiên. Anh em hãy đoàn kết lại chung quanh ngọn cờ dân chủ, trên đó có ghi dòng chữ: mọi người đều là anh em!

Thay mặt hội "Những người dân chủ anh em" những nhân vật dưới đây đã ký tên: Gi. Giu-li-an Hác-ni, Êc-ne-xơ Giôn-xơ, Tô-mát Clác-cơ, Sác-lơ Kim (Anh); Gi. - A.Mi-sơ-lô, G.Béc-na (Pháp); Các Sáp-pơ, I.Môn (Đức); Gi. Sa-bê-lít-xơ, G.Cre-lơ (Thụy Sĩ); Pê-tơ Hôn-mơ, Lun-tơ-béc (Xcăng-đi-na-vơ); Lút-vích Ô-boóc-xki (Ba Lan); K.Pô-sơ, P.Bli-um (Nga).

*Do
Ph.Ăng-
ghen
viết
ngày 9
tháng
Giêng
1848
Đã
đăng
không
ký tên
trên
báo "La
Ré
forme",*

*In theo
bản in trên
báo
Nguyễn
văn là
tiếng Pháp
In bằng
tiếng Nga
lần đầu*

ngày 10
tháng
Giêng
1848

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHÁP²²²

Chính phủ làm gì? Không làm gì cả.

Phái đối lập chính thức trong nghị viện làm gì? Không làm gì cả.

Nước Pháp có thể chờ đợi gì ở lưỡng viện hiện nay? Không có gì cả.

Ghi-dô muốn gì? Vẫn làm bộ trưởng.

Chi-e, Mô-lê và đồng bọn muốn gì? Lại trở thành các bộ trưởng.

Nước Pháp được lợi gì nhờ "ô-te toi [de là], afin que je m'y mette?"^{1*}. Không được gì cả.

Như vậy, cả chính phủ, cả phái đối lập đều rơi vào tình trạng không làm gì cả.

Ai sẽ một mình tiến hành cuộc cách mạng Pháp trong tương lai? Giai cấp vô sản.

Giai cấp tư sản sẽ làm gì cho điều đó?... Không gì cả.

Do
C.Mác
viết giữa

In theo bản in trên
báo
"Deutsch -

ngày 9 và
14 tháng
Giêng
1848
Đã đăng
không ký
tên trên
báo
"Deutsch
-
Brüsseler
-
Zeitung",
số 5,
ngày 16
tháng
Giêng và
trên báo
"La
Réforme",
ngày 19
tháng
Giêng
1848

Brüsseler -
Zeitung",
có đôi chiếu với
bản in trên báo
"La Réforme"
Nguyễn Văn là
tiếng Đức
In bằng tiếng Nga
lần đầu

1* - "hãy đi khỏi đây để tôi ngồi vào chỗ của anh".

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG SỰ VẠCH TRẦN GIẬT GÂN. - ÁP-ĐƠ-EN-CA-ĐE. - CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA GHI-DÔ

Một tài liệu đáng chú ý vừa được công bố và phổ biến tại hạ viện²²³, tựa hồ như là món quà Năm mới. Đó là tài liệu trình bày những sự việc vạch trần cho người ta thấy bằng cách nào mà ngài Pơ-ti nào đó đã nhận được chức vụ người thu thuế (*receveur particulier*) ở Coóc-bây, cách Pa-ri không xa, và tài liệu này do chính ngài Pơ-ti công bố. Ông ta buộc phải có bước hành động này do xảy ra vụ xử lý hôn giữa ông ta và bà vợ, trong quá trình xử đã có lời tuyên bố rằng tuồng như ngài Pơ-ti đã mua chức vụ của mình qua việc lợi dụng sự gần gũi của bà vợ ông ta với một vị trưởng phu có quan hệ chặt chẽ với ngài Ghi-dô. Giờ đây ngài Pơ-ti tuyên bố như sau trong tài liệu do ông ta công bố:

"Đúng là chức vụ của tôi có được là do mua bán, cũng như mọi chức vụ khác được mua ở thời đại chúng ta, nhưng được mua không phải bằng con đường đánh đi, mà bằng tiền mặt".

Tiếp đó ngài Pơ-ti mô tả chi tiết việc ông ta lúc đầu vận động chạy chọt chức chuyên viên - cố vấn trong phòng tài khoản; việc bộ này lúc đầu đã hứa đưa ông ta vào chức này nếu ông ta làm cho một trong số các cố vấn phải từ chức; viên thư

ký của bộ trưởng^{1*} đã gợi ý cho ông ta biết người nào trong số các cố vấn có xu hướng bán chức vụ của mình nhiều hơn; sau đó, với 15 000 phrăng ông ta đã đạt được vụ từ chức đáng mong muốn; sau đó người ta tuyên bố với ông ta rằng ông ta phải đạt cho được việc thải hồi chuyên viên cố vấn không phải thuộc hạng hai, mà là thuộc hạng một, vì chính phủ muốn có vụ từ chức ấy để thực hiện lời hứa mà chính phủ đã đưa ra khi lên cầm quyền; bằng nhiều cách thuyên chuyển chức vụ mà người ta đã bù được mức chênh lệch trong giá cả của hai vụ từ chức này; sau cùng bằng cách nào người ta đã đạt được vụ từ chức; sau việc đó bộ chẳng những đã đòi vụ từ chức mà người ta đã đạt được, mà cả vụ từ chức của nhân vật thuộc hạng cao hơn, ông cố vấn trưởng; bằng cách nào mà cả vụ từ chức này cũng đã thành công nhờ "thanh toán bằng tiền mặt"; rốt cuộc, người ta đề nghị ngài Pơ-ti đồng ý nhận chức cán bộ thu thuế ở Coóc-bây thay vì chức vụ tại phòng tài khoản; việc ngài Pơ-ti đã đồng ý với điều đó; cuối cùng, việc những đơn xin từ chức đã được ký và được đổi lấy những khoản tiền đã giao ước từ trước và hai ngày sau người ta đã công bố tất cả mọi sắc lệnh của nhà vua chấp nhận các vụ từ chức và thực hiện những vụ thuyên chuyển và đề bạt chức vụ cho các nhân vật hữu quan, theo đúng những điều kiện của vụ mặc cả.

Đó là những sự việc chủ yếu của vụ việc này. Còn có cả những sự việc khác ít quan trọng hơn, chứng minh rằng ngài Pơ-ti, ngay sau khi vừa trả số tiền thứ nhất, thì đã buộc phải nộp những khoản bổ sung mới khác. Nhưng tôi sẽ không đề cập chuyện này. Tôi chỉ nêu lên rằng trong tài liệu do ngài Pơ-ti công bố, tất cả các tên tuổi được dẫn ra đầy đủ.

Không khó khăn gì mà không hình dung được cuốn sách nhỏ này đã gây ra sự âm ỉ như thế nào tại Pa-ri. Tất cả các báo đều đăng cuốn sách mỏng này, nhất là vì ông bộ trưởng tài

1* Ý nói bộ trưởng tài chính La-ca-vơ - La-pla-nhơ.

chính (mà phòng tài khoản nằm trong bộ này) - dưới sự chỉ đạo của ông ta những vụ giao kèo nêu trên đã được ký kết - đã công khai phủ nhận những sự việc như thế trong bài trả lời cuộc chất vấn của ngài Luy-nô tại hạ viện. Ngài Luy-nô khi ấy đã tuyên bố rằng trong bộ kể trên việc mua bán chức vụ là việc làm mà ai ai cũng biết. Đa số nghị sĩ trong hạ viện biết chuyện này cũng rõ như phe đối lập. Nói vắn tắt, mọi người đều biết chuyện này, có lẽ trừ bản thân ông bộ trưởng. Ngài La-ca-vơ đã dứt khoát bác bỏ lời tuyên bố ấy²²⁴. Hiện nay sự thể đã đi đến chỗ không thể lấp liếm vụ này được nữa. Tuy toàn thành phố Pa-ri quan tâm đến vụ này hầu như suốt cả một tuần lễ, song chính phủ vẫn hoàn toàn im lặng.

Chúng tôi chỉ xin nhắc lại những lời phát biểu của ngài Duy-panh bố khi ngài Luy-nô đưa vấn đề này ra hạ viện:

"Vị tất đáng làm cách mạng để thủ tiêu tệ
mua bán chức vụ, nếu người ta tạo khả
năng cho chế độ ô nhục ấy lại ngóc đầu
dậy".

Đề tài tiếp theo gây chú ý cho các báo là việc bắt Áp-đơ-en - Ca-đe làm tù binh và quyết định mà chính phủ sẽ đưa ra liên quan đến nơi cư trú tương lai của ông ta²²⁵. Không nghi ngờ gì nữa, chính phủ sẽ xác nhận và thực hiện lời hứa của huân tước Ô-man-xki và sẽ đưa vị thủ lĩnh Hồi giáo ấy đến Ai Cập²²⁶. Điều đáng chú ý là hầu hết các báo đối lập, từ báo "National" đến báo "Constitutionnel", đều đã đòi hỏi phải bãi bỏ lời hứa ấy. Bây giờ điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, lời hứa ấy được đưa ra một cách ước lệ, và chính phủ được quyền xác nhận lời hứa ấy hoặc không xác nhận. Theo ý kiến của tờ "Sun", việc từ chối xác nhận sẽ không có nghĩa là hành động trực tiếp *làm nhục*. Nhưng còn có một sự thật không thể nghi ngờ được là: vẫn những báo ấy sẽ lý giải hành động như vậy của bất kỳ một chính phủ nào khác, đặc biệt là

Chính phủ Anh là một sự phản bội bỉ ổi nhất. Điều hoàn toàn hiển nhiên là: do không thể khôi phục được tình hình khi Áp-đơ-en - Ca-đe chịu đầu hàng với những điều kiện nhất định, nên sẽ hết sức không cao thượng nếu từ chối không xác nhận cho ông ta các điều kiện đầu hàng. Nhưng trong các vấn đề như vậy các tờ báo *dân tộc* ấy tỏ ra mù quáng và phạm phải chính những hành động mà nếu những người khác phạm phải thì họ lên án. Có hai tờ báo duy nhất đã lên tiếng ủng hộ việc xác nhận bản thoả thuận với Áp-đơ-en - Ca-đe, - đó là tờ "Presse" và tờ "Réforme". Tờ báo thứ nhất, theo xu hướng bảo hoàng, đã đòi hỏi phải xác nhận, vì chính phủ không thể chối bỏ lời hứa mà người con trai của nhà vua^{1*}, *người con của nước Pháp*, đã đưa ra; bằng cách đó nó đã làm sống lại tước hiệu cũ, trước cách mạng, của các hoàng tử mang dòng máu vua chúa. Tờ "Reforme" tuyên bố: Không, đây là vấn đề rất tế nhị - ở đây danh dự của nước chúng ta bị đụng chạm; trong những vấn đề như vậy, thể hiện lòng cao thượng quá mức thì tốt hơn là tỏ ra nghiêm khắc quá mức, do vậy cần xác nhận lời đã hứa, *thậm chí nếu đó là lời hứa của vị hoàng tử*. Lại chỉ một mình báo "Reforme" có lập trường đúng đắn trong vấn đề này.

Theo ý kiến chúng tôi, nói chung việc vị lãnh tụ của người A-rập bị bắt làm tù binh là một việc rất thành công. Cuộc đấu tranh của dân A-rập du mục là vô vọng, và mặc dù phương thức tiến hành chiến tranh chống lại họ, do những lính chiến thô bạo như Buy-giô tiến hành, đáng bị kiên quyết lên án, song việc chinh phục An-giê-ri là một sự kiện quan trọng và thuận lợi đối với sự tiến bộ của văn minh. Những hành động cướp biển của các quốc gia vùng Béc-bê-ri, mà Chính phủ Anh chưa bao giờ cản trở khi chúng chưa đụng chạm đến các tàu

1* - quận công Ô-man-xki, con trai của Lu-i - Phi-líp.

2* - Áp-đơ-e-rơ - Rác-man.

bè của Chính phủ Anh, đã chỉ có thể bị chặn đứng bằng việc chinh phục một trong số những quốc gia ấy. Còn việc chinh phục An-giê-ri đã buộc các thủ lĩnh Tuy-ni-di và Tơ-ri-pô-li, thậm chí cả hoàng đế Ma-rốc^{2*}, phải bước vào con đường văn minh. Họ đã phải tìm kiếm một công việc khác cho nhân dân nước mình, ngoài nghề cướp biển, và tìm kiếm những phương thức khác để bổ sung cho quốc khố của mình, hơn là nhờ vào khoản cống nạp do các tiểu quốc gia châu Âu nộp cho họ. Và nếu chúng ta có thể lấy làm tiếc là nền tự do của các dân A-rập du mục ở sa mạc bị thủ tiêu, thì chúng ta cũng không được quên rằng chính những người A-rập du mục ấy là dân tộc của những tên kẻ cướp mà phương tiện sinh sống chủ yếu của họ là việc tấn công nhau hoặc những cuộc tập kích vào dân nông thôn sống định cư mà chúng đã cướp đi của họ tất cả những gì chúng tìm thấy, giết chết tất cả những ai kháng cự và bắt đi những người còn lại để đem bán làm nô lệ. Chỉ nhìn từ xa thì mới cảm thấy tất cả các dân tộc Béc-bê-ri tự do ấy rất kiêu hãnh, cao thượng và vẻ vang; nhưng nếu các vị nhìn họ gần hơn thì các vị sẽ thấy rằng họ - cũng như các dân tộc văn minh hơn - đều mang động cơ thêm khát kiếm chác và chỉ áp dụng những phương pháp thô lỗ hơn và tàn bạo hơn. Cuối cùng, tên *tư sản* hiện đại - với nền văn minh, nền công nghiệp, trật tự và học vấn tương đối của hắn - tỏ ra tốt hơn là một chúa phong kiến hoặc một tên ăn cướp trấn lột với trạng thái dã man của xã hội mà những kẻ đó là thành viên.

Ngài Ghi-dô đã trình hạ viện một phần thư tín ngoại giao liên quan đến Thụy Sĩ và I-ta-li-a. Thư tín ngoại giao liên quan đến Thụy Sĩ lại chứng minh rằng ông ta thường xuyên *cẩn câu* huân tước Pan-móc-xtôn, cả hai thứ thư tín ấy chứng tỏ rằng nước Pháp đã liên minh chặt chẽ với nước Áo. Đó là nấc thang cuối cùng của sự ô nhục mà cho đến nay nước Pháp của Lu-i - Phi-líp đã thoát khỏi. Hiện thân của sự bạo ngược, của sự áp bức được thực hiện bằng những phương pháp bỉ ổi nhất, một đất nước trì trệ và phản

động - dấy, đó hoá ra là người đồng minh của nước Pháp đã được cải tạo bằng hai cuộc cách mạng! Không thể rơi xuống thấp hơn được nữa. Nhưng điều đó tuyệt nhiên không tồi. *Giai cấp tư sản* càng hạ nhục đất nước mình thì ngày trừng phạt càng tới gần. Và ngày ấy sẽ đến sớm hơn dự tính của *giai cấp tư sản*. Có một đảng mà *giai cấp tư sản* không tính đến, và đảng ấy là nhân dân Pháp cao thượng, độ lượng và dũng cảm.

Cuộc tranh chấp giữa báo "Reforme" và báo "National" đã được chuyển cho ban giám định - được hai đảng bầu ra - xem xét. Tất cả những lời phát biểu thù địch đều tạm thời bị chấm dứt. Cuối tháng này sẽ đưa ra quyết định. Dù quyết định ấy sẽ như thế nào, thì chúng tôi cũng hy vọng rằng tờ "Reforme" từ nay vẫn sẽ thực hiện đường lối duy nhất có thể cứu được nền dân chủ ở Pháp.

Do
Ph.Ăng-
ghen viết
vào
khoảng
ngày 10 -
13 tháng
Giêng
1848
Đã đăng
trên báo
"The
Northern
Star" số
535, ngày
22 tháng
Giêng

In theo bản in
trên báo
Nguyễn văn
là tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu

*1848 với
lời ghi
chú của
ban biên
tập: "Bài
của
phóng
viên bản
báo ở Pa-
ri gửi về"*

PH.ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO HIẾN CHƯƠNG

[MÍT - TINH ỦNG HỘ BẢN THỈNH NGUYỆN QUỐC DÂN]²²⁷

Vào thứ ba tuần trước^{1*} tại Luân Đôn đã có cuộc mít-tinh thứ tư, dưới sự chủ tọa của ngài Giu-li-an Hác-ni, do Hội đồng Hiến chương triệu tập để thông qua bản thỉnh nguyện quốc dân. Lần lượt lên phát biểu có các ngài Clác-cơ và Đích-xơn đại diện cho Ban chấp hành trung ương phong trào Hiến chương²²⁸, ngài Uê-xơ từ thành phố Mác-xphin-đơ, các ngài Xken-tơn, Kin và Pha-xen. Nhưng những diễn giả chủ yếu tối hôm ấy là Hác-ni và Giôn-xơ. Dưới đây là những đoạn trích từ các diễn văn của họ:

Ngài "Éc-ne-xơ Giôn-xơ. - Chúng ta hội họp ở đây để góp phần xúc tiến việc thông qua *đạo luật đặc biệt* chống lại chính phủ, nhằm gây một *sức ép từ bên ngoài* có thể biến ngay cả một huân tước nhỏ và nghèo là ông Giôn Rốt-xen thành một nhà hoạt động nhà nước. Chúng ta cần có áp lực ấy từ bên ngoài^{2*}, bởi vì trong số tất cả các nghị viện đã từng tồn tại ở nước chúng ta thì nghị viện hiện nay chắc chắn có thái độ

1* - ngày 11 tháng giêng 1848.

2* Nửa đầu câu này là do Ăng-ghen thêm vào.

thù địch nhất đối với công nhân. (Có một giọng thốt lên: Không, không!) Có ai đó nói rằng "không". Nhưng tôi xin nhắc lại rằng chưa bao giờ giai cấp đặc quyền tỏ thái độ thù địch đối với công nhân như giai cấp tư sản ở nước ta. (Có sự tán thành). Giai cấp tư sản ấy đánh tan

giới quý tộc từ phía trái, và đánh tan phái dân chủ từ phía phải, và trên đồng đồ nát của

hai phái kia đã dựng lên ngai vàng của mình. Tôi tuyệt nhiên không muốn làm sống lại giới quý tộc. Không! Xin đừng đụng chạm đến con rắn đã bị đè nát, nó sẽ cắn vào cánh tay muốn chữa chạy cho nó... Dưới thời cai trị của giới quý tộc các giai cấp cần lao đã là những nô lệ no nê, dưới thời cai trị của ngài, thưa ngài bảo vệ giai cấp tư sản, họ là những nô lệ đang chết đói^{1*}. (Vỗ tay như sấm).

Vì chúng ta có một nghị viện mang tính chất tư sản hơn, do đó, có thái độ thù địch hơn bao giờ hết đối với chúng ta, cho nên đã tới lúc tổ chức cuộc kháng cự. Và nhân dân hiểu điều đó... Chúng ta cũng tăng quân đội của chúng ta lên; đội cận vệ cũ của phong trào Hiến chương lại bước vào

1* Trong diễn văn của Giôn-xơ câu này được biên tập như sau: "Dưới chế độ phong kiến nhân dân là những nô lệ no nê - dưới thời cai trị của ngài, thưa ngài, họ là những nô lệ gầy còm".

trận địa vinh quang. Chúng ta cũng đang tuyển mộ đội dân cảnh của chúng ta - hàng triệu người cùng cực. Chúng ta cũng cùng cố "công cuộc phòng thủ dân tộc" của chúng ta; lòng dũng cảm trong những trái tim, kỷ luật trong hàng ngũ của mình, sự thống nhất trong hành động! (Vỗ tay vang dậy).

Nhưng ở đây có mặt những ngài cho rằng tất cả những cái đó còn ít và họ tuyên bố rằng có hàng triệu con người kiên quyết, được tổ chức tốt và hoàn toàn có ý thức vẫn chưa đủ để giành lấy Hiến chương. ... Các ngài ấy kêu gọi nhân dân hãy giàu lên, họ khẳng định rằng khi ấy nhân dân sẽ có tự do. Nhưng tôi lại tuyên bố với các vị rằng: hãy giành lấy tự do, và lúc ấy các vị sẽ giàu có! (Vỗ tay).

... Các vị sẽ giàu lên! Nhưng bằng cách nào? Tại nhà tế bán hay trong nhà tù? Hay là các vị sẽ giàu lên trong những cánh rừng cấm, nơi mà giới quý tộc tiến hành săn bắn? Hay là các vị sẽ giàu lên bằng cách nhận được sáu si-linh (8 phrăng) mỗi tuần lễ? Hay là tại các nghĩa địa của xứ Ai-rơ-len đói khát? (Vỗ tay.) Các vị hãy nói điều đó với những công nhân Man-se-xtơ bị ném ra đường phố hoặc nói với 20 nghìn người thất nghiệp ở Brát-phoóc! Các vị hãy nói điều đó với người nông dân Ai-rơ-len đang chết đói bên cạnh túp lều của mình đã

bị chủ đất^{2*} đối trọi! Các vị hãy thử nói điều đó với người ăn xin đang xin xỏ các nhà quý tộc ở đường Gróp-noóc-xvơ! Các vị hãy nói dứt khoát với người ăn xin ấy rằng anh ta vẫn phải là người nô lệ; nhưng xin đừng xúc phạm đến cảnh nghèo túng của anh ta bằng cách đòi hỏi anh ta phải giàu lên! Tôi biết rằng các vị sẽ vin vào *Hội ruộng đất*²²⁹ về vang của chúng ta để chứng minh rằng nhân dân có thể giàu lên...

Không biết các vị có tưởng tượng rằng chính phủ sẽ để cho các vị tự do hành động chăng?... Hội ấy đã cứu được năm mươi ngàn gia đình khỏi bị phá sản, nhưng các vị hãy tin rằng nghị viện sẽ ngăn cản các vị lập ra những hội khác như thế nếu các vị không giành được chính quyền!... Mong rằng các hội viên của hội ấy nhớ đến số phận của cha ông mình, những *trung nông khá giả* ở nước Anh đã từng sở hữu ruộng đất. Bằng cách nào mà họ đã bị mất ruộng đất? Thuế khoá đã bóp chết họ.

... Thế thì đã sao! Hãy tích lũy tiền đi, sẽ cần có tiền để nuôi đội dân cảnh, để tăng quân đội lên! Tiền của các vị!^{1*} Cần có chúng để xây lên những cung điện mới, để xây dựng những giáo khu mới, để nuôi

2* Từ: "chủ đất" do Ăng-ghen thêm vào.

1* Những từ: "Tiền của các vị" do Ăng-ghen thêm vào.

những đứa con tương lai của vua chúa! Các vị hãy tích lũy tiền bạc, tự mình hãy trở thành những nhà tư sản, khi ấy các vị sẽ thấy là giai cấp tư sản sẽ không còn cảm thấy sợ hãi trước mặt các vị nữa!^{2*} Các vị hãy tích lũy tiền bạc - công việc không thể thực hiện được này tựa hồ như là phương cách cứu nguy duy nhất của các vị! Vậy tại sao người ta lại không nói đến bầu cử, không nói đến thắng lợi đáng ghi nhớ của chúng ta tại Nốt-tinh-hem²³⁰, đến tổ chức của chúng ta, đến việc soạn thảo bản thỉnh nguyện quốc dân của chúng ta... và của hội nghị quốc ước?

... Không, hỡi các bạn của tôi, trước hết chúng ta cần có quyền bầu cử... Và các vị, những người dân Luân Đôn, có thể làm được nhiều hơn để giành cho được quyền bầu cử so với những người anh em của các bạn ở tỉnh lẻ... Những người miền Bắc dửng dưng của chúng ta thì ở cách xa đấy; tiếng nói của họ sẽ tan biến mất trước khi đến được nghị viện, mà ngoài ra họ còn bị ngăn cách với nghị viện ấy bởi nhiều trại lính và chốt quân sự. Còn các vị, những cư dân Luân Đôn, thì có khả năng tự mình đến gõ cửa Thánh Xtê-phan²³¹ và gõ cửa cho

đến khi những con nợ thuộc tầng lớp đặc quyền của các vị phải run sợ mà trả lại cho các vị tất cả những gì mà họ nợ các vị trong nhiều thế kỷ! Các vị hãy dôn hết lực mà gõ cửa, không ngừng gõ cho đến khi công lý giành được thắng lợi! (Vỗ tay như sấm).

Ngài Giu-li-an Hác-ni. - Chúng ta họp nhau lại tại đây để thông qua bản thỉnh nguyện gửi nghị viện... Nhưng chúng ta không cầu xin sự thương xót, cũng như lòng từ bi. Nếu như chúng ta thậm chí có thể hạ mình xuống đến hành động ấy thì cả khi đó chúng ta cũng phải biết rằng chúng ta không có lý do nào để hy vọng có được lòng từ bi ấy của những kẻ áp bức chúng ta... Nền nhớ rằng chẳng cần cầu xin tên bạo chúa rủ lòng thương mà cha ông chúng ta vẫn đã thoát khỏi ách áp bức của tên phản bội Sác-lơ I. Cả người Mỹ nữa cũng không cầu xin lòng từ bi mà họ cũng đã quẳng được gông xiềng của mình. Và nhân dân Pháp đã không dùng những lời kêu gào về lòng từ bi mà vẫn lật nhào sự tàn bạo của chế độ phong kiến, của giáo hội và của chế độ quân chủ. (Vỗ tay vang dậy).

Không. Sẽ là uống công nếu chúng ta đi cầu xin ân huệ ở tư bản. Tất cả những bản thỉnh nguyện của chúng ta đều sẽ không đạt được gì cả, nếu không kèm theo những

2* Câu này do Ăng-ghen thêm vào.

biện pháp khác. Và ngay từ đầu chúng ta không cầu xin ân huệ, chúng ta đòi công bằng. Chúng ta đòi sự công bằng không chỉ bằng bản thỉnh nguyện của mình, mà còn bằng sự cổ động của mình, bằng tổ chức của mình, tổ chức ấy đã bắt đầu gây khiếp sợ cho những tên tư sản trong nghị viện. Do vậy, các vị hãy dừng chấm dứt cuộc cổ động ở trong nước, bởi vì ngay sau khi các vị chấm dứt cuộc cổ động ấy thì tất cả những bản thỉnh nguyện của các vị sẽ chỉ còn là những lời trống rỗng.

... Thật vậy, mục đích của cuộc đấu tranh này xứng đáng để người ta đấu tranh cho mục đích ấy. Các vị hãy nhìn vào đế quốc to lớn này, được lập ra nhờ sức mạnh bàn tay của cha ông các vị và được củng cố bằng máu của họ;... nhìn vào đế quốc ấy gồm 160 triệu dân, chiếm một phần sáu trái đất mà mặt trời không bao giờ lặn trên các lãnh địa của nó²³². Và làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là các vị, những người đi chinh phục và sở hữu hàng trăm nghìn dặm vuông lại không có được một phút đất của bản thân mình, hàng triệu người thừa kế của đế chế tươi đẹp này lại bị chết đói, hàng nghìn cư dân của nó không có nơi ở để tránh cái giá lạnh mùa đông? Những cửa cái đủ loại, những sản phẩm thiên nhiên và sản phẩm công nghiệp, được sản xuất ra trong ranh giới đế quốc Anh... Các công xưởng của

chúng ta khiến toàn thế giới phải kinh ngạc và ghen tị. Các thợ thủ công của chúng ta, những nông dân của chúng ta, các thủy thủ của chúng ta đâu đâu cũng nổi danh về sự khéo léo, tài nghệ, lòng dũng cảm. Đã có mọi yếu tố của sự vĩ đại và sự thịnh vượng, vậy mà các vị vẫn bị cảnh bản cứng đờ nặng. Nhưng đế quốc này có quyền trở thành sở hữu của toàn dân, chứ không phải của một nhóm bọn vô công rồi nghề, bọn đầu cơ và bọn có đặc quyền. Phải

chàng nó không xứng đáng để cố gắng giành lấy nó? Và các vị sẽ giành được nó bằng bản Hiến chương. (Vỗ tay). Còn khi bọn tiếm đoạt đề nghị các vị cầm lấy vũ khí để bảo vệ đất nước thì các vị hãy khước từ chúng về việc đó cho đến khi nào các vị giành được phần của mình trong số những lợi lộc nhận được... Nếu các vị cầm lấy súng thì số phận nào chờ đợi các vị? Các vị hãy nhớ đến người lính tội nghiệp vừa mới đây bị xử bắn ở Ấn Độ vì bất tuân lệnh; đó là số phận của các vị; và hãy so sánh điều đó với con số to lớn hai triệu rưỡi pao xtéc-linh (60 triệu phrăng) mà quận công Oen-lin-ton nhận được từ quốc khố; đó là phần được hưởng của bọn quý tộc. Không sao! Nếu bọn quý tộc lo sợ cho các lãnh địa của chúng, thì hãy mặc cho chúng chiến đấu bảo vệ những lãnh địa ấy! Nếu giáo hội lo sợ cho những khoản thu nhập to lớn của mình thì cứ để các cha cố và các giám mục cầm lấy vũ khí! Nếu bọn cho vay nặng lãi và bọn tham tàn ở Săng-giơ-A-li²³³ run sợ cho những tư bản của mình thì hãy mặc họ đi bảo vệ những tư bản ấy! Nếu các chủ xưởng, các thương nhân lo sợ bị trấn lột thì hãy mặc cho họ cầm lấy vũ khí và chiến đấu bảo vệ tài sản của mình! ... Nhưng các vị, những người từ nhân dân mà ra, những người con của lao động, bị công việc nặng nhọc và được trả công tồi tệ nặng, những nô lệ bị mất nhà cửa làm việc cho

bọn có đặc quyền, các vị - những người không có nào ruộng đất, nào thu nhập, nào địa tô, nào thuế thập phân, nào chứng khoán nhà nước, nào cổ phiếu, nào lợi nhuận, nào lợi tức cho vay nặng lãi, nào quyền bầu cử, - các vị - những người không được nhà vua bảo đảm nào an ninh, nào luật bảo vệ, - các vị buộc phải chiến đấu vì sự nghiệp của người khác hoặc là hoàn toàn không chiến đấu! (Có tiếng hô: "hoan hô"). Nếu các vị sẽ phải chiến đấu thì hãy chiến đấu cho bản thân mình. (Vỗ tay). Khi các huân tước, các cha cố hoặc những nhà tư sản đòi các vị xông vào trận đánh, thì các vị hãy trả lời họ: nếu không được hưởng quyền bỏ phiếu thì chúng tôi sẽ không cầm vũ khí! Có những tên bịp bợm và ngu ngốc nào đó ba hoa về cuộc phòng thủ quốc gia; đối với các thành viên phong trào Hiến chương nó có một ý nghĩa duy nhất: *ruộng đất cho toàn dân, mỗi người đều có quyền bầu cử, mỗi người đều có vũ khí của mình!* (Vỗ tay như sấm).

Do
Ph.Ăng-
ghen viết
ngày 16 -
18 tháng
Giêng
1848
Đã đăng
không ký
tên trên

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu*

*báo "La
Réforme",
ngày 19
tháng
Giêng
1848*

PHỤ LỤC

GỬI BẠN ĐỌC VÀ CỘNG TÁC VIÊN CỦA TẠP CHÍ "GESELLSCHAFTSSPIEGEL"¹⁸⁴

Ý nguyện cao cả muốn mau mau đến giúp loài người đang đau khổ - thật vẻ vang cho thế kỷ XIX, hiện nay ý nguyện này đang bộc lộ ở khắp nơi - tạm thời ở nước Đức chưa có được một cơ quan ngôn luận trung ương mà trên các trang của nó có thể loan báo những tai họa cần được khắc phục, cũng như các phương tiện đáng mong muốn hoặc đang được thực hiện nhằm mục đích ấy, và trình bày chi tiết hơn về tác dụng hữu hiệu hoặc vô hiệu quả của chúng. Khi giới thiệu với bạn đọc số đầu tiên của cơ quan ngôn luận này, chúng tôi hy vọng rằng mỗi người có lòng nhân ái đều sẽ tự mình thấy có bổn phận phải hậu thuẫn cho tờ "*Gesellschaftsspiegel*" bằng những tin bài thích đáng.

Để tìm kiếm và sử dụng những phương cách loại bỏ một cách cơ bản và triệt để những tật xấu nhiều vẻ, vả lại còn được che giấu một cách giả tạo trong đời sống xã hội của chúng ta, thì trước hết cần nghiên cứu những tật xấu ấy. Do vậy, tạp chí "*Gesellschaftsspiegel*" dự định đưa ra cho bạn đọc phán xét mọi căn bệnh của cơ thể xã hội; tạp chí sẽ cho đăng những bài khảo luận chung, những bài chuyên đề, những bài có số liệu thống kê và những bài mô tả những trường hợp tiêu biểu riêng lẻ sẽ tạo điều kiện làm sáng tỏ một cách đúng đắn các quan hệ xã hội của tất cả mọi giai cấp và sẽ giúp *các hiệp hội* được lập ra để xoá bỏ các tệ nạn xã hội¹⁸⁴; tạp chí này sẽ hoàn toàn dựa trên các sự việc có thật, chỉ dẫn ra các sự thật và đưa ra sự phán xét trực tiếp căn cứ trên các sự việc

có thật, - một sự phán xét mà bản thân những kết luận tiếp theo rút ra từ đó vẫn lại là những sự thật hiển nhiên.

Chúng tôi chú ý đến *tình cảnh của giai cấp công nhân* trước tiên, bởi vì trong số tất cả những tai ương của xã hội văn minh ngày nay thì tình cảnh của giai cấp công nhân là nghiêm trọng nhất. Điều chúng tôi đặc biệt mong muốn là những bài mô tả, những số liệu thống kê, những sự thật riêng lẻ có tính thuyết phục thu thập về từ tất cả mọi miền nước Đức, trước hết từ những địa phương mà tình trạng nghèo túng khác thường đang ngự trị. Chúng tôi cũng muốn có được những tư liệu về tỷ lệ số lượng giữa những người cần được giúp đỡ, nói chung giai cấp không có của, và giai cấp có của; về sự gia tăng tình trạng nghèo khổ v.v..

Phạm vi những bài thảo luận của chúng tôi bao gồm trạng thái tinh thần, trạng thái trí tuệ và đạo đức, cũng như trạng thái thể chất của công nhân, và chúng tôi sẵn sàng tiếp nhận những thông tin liên quan đến tình hình sức khỏe - vì tình hình này do những điều kiện xã hội quyết định, tình hình học vấn và đạo đức của những người vô sản. Tài liệu thống kê về tội ác, về nạn mại dâm cũng đáng được đặc biệt chú ý, đặc biệt là nếu đồng thời đưa ra những số liệu so sánh về những khoảng thời gian khác nhau, về những địa phương khác nhau và những điều kiện đời sống khác nhau.

Đối với các mục tiêu của tờ "*Gesellschaftsspiegel*" thì lĩnh vực nghiên cứu thuận lợi nhất về mặt này là:

1) *Các thành phố lớn*, những thành phố này không thể tồn tại được nếu không có giai cấp vô sản đông đảo, chen chúc trong một không gian nhỏ. Ở đây, ngoài những hậu quả thông thường mà đâu đâu cảnh bản hàn cũng dẫn đến, chúng tôi sẽ chú ý đến cả ảnh hưởng của sự tập trung dân cư như vậy đối với trạng thái thể chất, trí tuệ và đạo đức của các giai cấp cần lao. Những bài mô tả, những tư liệu thống kê, những tư

liệu y tế và những tư liệu khác, bên cạnh những sự việc riêng lẻ soi rọi cho người ta thấy rõ "những ổ chuột" tại các thành phố lớn và nhỏ của chúng ta - mà thường hay bị che khuất nhiều nhất khỏi con mắt mọi người - sẽ được tiếp nhận với lòng biết ơn.

2) *Những khu công nghiệp và công xưởng*, mà sự tồn tại của chúng cũng tùy thuộc vào sự hiện diện của giai cấp vô sản đông đảo. Ở đây, ngoài những điều khác, chúng tôi muốn lưu ý các cộng tác viên của chúng tôi về những điểm dưới đây:

a. Bản thân *tính chất của lao động*; những hình thức riêng lẻ của lao động mà xét về tính chất hoặc do những điều kiện không thích hợp và do làm việc quá lâu trong ngành sản xuất này thì có hại cho sức khỏe; lao động của trẻ em và của phụ nữ tại các công xưởng và những hậu quả của nó; thái độ tặc trách đối với các trẻ em lao động và không lao động và đối với vợ của những người vô sản, sự tan vỡ của gia đình, lao động của phụ nữ và của trẻ em lẫn át lao động của những đàn ông trưởng thành, những sự cố do máy móc gây ra, v.v..

b. *Sự lệ thuộc của công nghiệp vào người cung cấp việc làm*. Về điểm này chúng tôi thấy mình có bổn phận phải ủng hộ phía giai cấp công nhân không được bảo vệ để chống lại chính quyền, cụ thể là chống lại những hành động lạm dụng quyền lực mà than ôi, bọn tư bản khá thường hay phạm phải. Chúng tôi sẽ thẳng tay đưa ra cho xã hội lên án từng trường hợp áp bức công nhân và sẽ đặc biệt biết ơn các thông tin viên của chúng tôi về những thông tin chính xác nhất về điểm này có nêu rõ tên tuổi, địa điểm và ngày tháng. Nếu công việc tại các công xưởng kéo dài quá lâu và thậm chí vào ban đêm, nếu trong những giờ tự do, công nhân còn phải lau chùi máy móc, nếu các chủ xưởng đối xử thô bạo hoặc bạo ngược với công nhân của mình, ban hành những quy tắc lao động tàn bạo, trả lương bằng hàng hoá thay vì tiền, - thì chúng tôi sẽ đặc biệt

truy nã các "truck-system" vô lương tâm ấy, dù nó được áp dụng ở đâu và dưới hình thức nào đi nữa, - nếu công nhân làm việc trong những nhà xưởng có hại cho sức khoẻ và họ buộc phải cư trú trong những nơi ở tồi tàn thuộc sở hữu của chủ xưởng, tóm lại, nếu như ở bất cứ nơi nào bọn tư bản có những hành động bất công nào đó đối với công nhân thì chúng tôi sẽ đề nghị bất cứ ai có khả năng thông báo cho chúng tôi biết về việc này hãy gửi đến cho chúng tôi càng nhanh càng tốt những tư liệu chính xác. Chúng tôi dự tính công bố mọi hành vi vi phạm những đạo luật được ban hành để bảo vệ người nghèo chống lại người giàu, và từng sự vi phạm như vậy với những chi tiết nhỏ nhất và nhục nhã của nó. Chỉ có như vậy những đạo luật hiện thời chỉ tồn tại trên giấy ấy mới có thể thật sự có hiệu lực.

c. *Thái độ khinh thường đối với công nhân* của xã hội nói chung khi họ bị mất việc do cạnh tranh, do sử dụng những máy móc hoàn thiện hơn, do sử dụng lao động của phụ nữ và trẻ em, do những biến động trong thương mại, do sự cạnh tranh của nước ngoài hoặc khi họ bị mất khả năng làm việc vì bệnh tật, tàn tật và tuổi già, cũng như sau mỗi lần tình cảnh của công nhân bị xấu đi do tiền công giảm xuống.

Chúng tôi sẽ miêu tả tình hình bên trong và bên ngoài chẳng những của *giai cấp vô sản*, mà cả của *giai cấp hữu sản*. Trên cơ sở những sự việc có thật, chúng tôi sẽ chứng minh rằng *cạnh tranh tự do của các nhà kinh doanh tư nhân mà không có tổ chức lao động và trao đổi* sẽ dẫn đến sự *bần cùng hoá giai cấp trung lưu*, tập trung tài sản vào tay một ít người và bằng cách đó gián tiếp khôi phục lại độc quyền; rằng tình trạng phân nhỏ chế độ đại sở hữu ruộng đất làm phá sản người điền chủ nhỏ và gián tiếp khôi phục lại chế độ đại sở hữu ruộng đất; rằng cuộc đấu tranh cạnh tranh mà tất cả chúng ta bị thu hút vào, *đang phá vỡ nền tảng của xã hội* và bằng thái độ vụ lợi thô bỉ *đang huỷ hoại đạo đức toàn xã hội*.

Tờ "*Gesellschaftsspiegel*" sẽ miêu tả cảnh túng thiếu vật chất và nghèo nàn về tinh thần và đạo đức không những trong những trường hợp mà cả hai cảnh đó diễn ra cùng với nhau, tạp chí này, nói đúng hơn, dự định miêu tả cảnh bần cùng dưới mọi hình thức, do đó, cũng miêu tả cảnh bần cùng của các giai cấp có địa vị cao hơn. Trong sự miêu tả của mình, tạp chí này sẽ không chỉ hạn chế ở những bảng thống kê và ở việc miêu tả những trường hợp có thật trong đời sống, mà còn dành các trang của tạp chí để đăng cả các tác phẩm nghệ thuật bằng văn xuôi và bằng thơ, dĩ nhiên là chỉ những tác phẩm nghệ thuật phản ánh *trung thực* cuộc sống. Đối với tạp chí này những bài khảo luận dựa trên *cơ sở* đời sống cũng không kém phần nên có so với những bài khảo luận rút từ *chính* cuộc sống.

Người nào cảm thấy những sự vạch trần hết sức thẳng tay về tình cảnh dân cư công nghiệp, dân cư nông nghiệp và các dân cư khác của chúng ta - tình cảnh này cho đến nay thường hay được tô điểm một cách giả dối hoặc che giấu nhiều hơn cả, - người nào mà sự miêu tả công khai về toàn bộ trật tự xã hội của chúng ta do tạp chí "*Gesellschaftsspiegel*" dự định đưa ra sẽ làm cho rất đau đầu và đau tim thì người đó sẽ không có thiện ý đối với sáng kiến của chúng tôi. Mong rằng người đó sẽ suy ngẫm thấy rằng sự dũng cảm cần có để nhìn thẳng vào tật xấu, cũng như sự yên lòng với việc hiểu rõ vấn đề, xét cho cùng, sẽ có tác dụng tốt hơn nhiều đối với trí tuệ và tình cảm, hơn là sự uỷ mị đốn hèn và lý tưởng hoá, tìm kiếm nguồn an ủi trước thực tại đáng buồn trong cái lý tưởng giả dối không có và không thể có, vì nó được xây dựng trên các ảo tưởng! Sự uỷ mị lý tưởng hoá như vậy đã phô bày một cách đạo đức giả sự thông cảm của mình đối với những đau khổ của loài người, nếu những đau khổ ấy trở thành đối tượng của một vụ bê bối chính trị - như chúng ta đã thấy trong thời gian xảy ra những vụ lộn xộn ở Xi-lê-di²³⁵ - khi mà tất cả các báo chí bỗng nhiên nói đến cái gọi là chủ nghĩa xã hội, - nhưng

ngay khi *các vụ lộn xộn* vừa chấm dứt thì người nghèo lại được dành cho cơ hội *bình thân* chết đói.

Sau cùng, phạm vi quan tâm của tờ "*Gesellschaftsspiegel*" bao gồm cả những nỗ lực đang được tiến hành nhằm chấm dứt những tai họa xã hội và tình trạng bất ổn xã hội, - do đó, một mặt, đó là *hoạt động của các hiệp hội mà giờ đây đang xuất hiện*, và mặt khác, đó là những biện pháp cưỡng bức hạn chế phần nào những tai họa này, nhưng chỉ là để làm nảy sinh ra những tai họa khác. Trong số các vấn đề cần quan tâm ấy có: hậu quả tai hại của những bản án làm ô nhục danh dự, vĩnh viễn đặt kẻ phạm tội ra ngoài xã hội, lối hành xử với những phạm nhân thâm căn cố đế tại các nhà tù thông thường và lối biệt giam tại các địa điểm giam giữ ở Pen-xin-va-ni, nhiều vụ giết hại như là hệ quả của các đạo luật truy tố tội sẵn sẵn bất hợp pháp, thực trạng và việc áp dụng các đạo luật về dân nghèo và về cảnh sát y tế, những tội ác hình sự tiêu biểu v.v..

Chúng tôi kêu gọi tất cả những ai có khả năng cung cấp cho chúng tôi các tư liệu về những mục tiêu trên hoặc về những mục tiêu tương tự thuộc phạm vi cương lĩnh của tờ "*Gesellschaftsspiegel*", đặc biệt kêu gọi các ngài linh mục, các thầy giáo ở các trường, các bác sĩ và viên chức giúp đỡ thân ái, và chúng tôi đảm bảo, trong mọi trường hợp cần thiết, giữ kín tên tuổi và trao cho các thông tin viên của chúng tôi chỉ chịu *trách nhiệm về sự chính xác của những sự thật mà họ thông báo*. Còn ban biên tập đảm nhận trách nhiệm về việc công bố các sự việc ấy.

*Viết vào cuối tháng
Giêng 1845
Đã đăng trong tạp chí
"Gesellschaftsspiegel",
Bd.1, 1845*

*In theo
bản
đăng
trong
tạp chí*

*Nguyễn
văn là
tiếng
Đức*

LỜI CAM KẾT CỦA C.MÁC KHÔNG CÔNG BỐ TẠI BỈ CÁC TÁC PHẨM ĐỀ CẬP ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ HIỆN HÀNH²³⁶

Ngày 22 tháng Ba 1845

Để được phép cư trú tại nước Bỉ, tôi đồng ý cam kết không công bố tại Bỉ bất kỳ tác phẩm nào đề cập đến các vấn đề chính trị hiện hành.

Tiến sĩ *Các Mác*

<i>Công bố</i>	<i>In theo bản viết</i>
<i>lần đầu</i>	<i>tay</i>
<i>trên tạp</i>	<i>Nguyên văn là</i>
<i>chí</i>	<i>tiếng Đức</i>
<i>"L'Europe</i>	<i>In bằng tiếng</i>
<i>Nouvelle"</i>	<i>Nga lần đầu</i>
<i>số 346,</i>	
<i>1924</i>	

ĐIỀU LỆ CỦA LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN²³⁷ VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

PHẦN I
LIÊN ĐOÀN

Điều 1. Mục tiêu của Liên đoàn là giải phóng mọi người bằng cách phổ biến học thuyết cộng đồng tài sản và thực hiện càng nhanh càng tốt học thuyết này.

Điều 2. Liên đoàn phân thành các chi hội và các khu hội, đứng đầu là Ban Chấp hành Trung ương với tư cách là cơ quan chấp hành.

Điều 3. Mỗi người muốn gia nhập Liên đoàn đều phải:

- xử sự xứng đáng;
- không bao giờ có hành vi gây ô nhục;
- thừa nhận những nguyên tắc của Liên đoàn;
- công khai cho biết các phương tiện sinh sống;
- không được gia nhập bất kỳ một tổ chức chính trị hoặc tổ chức dân tộc nào;
- được nhất trí kết nạp vào một chi hội và
- trung thành với lời thề của mình và giữ bí mật.

Điều 4. Tất cả các thành viên của Liên đoàn đều bình đẳng, họ là anh em, và với tư cách ấy, họ có bổn phận giúp đỡ nhau trong mọi trường hợp.

Điều 5. Tất cả các thành viên của Liên đoàn đều mang bí danh trong Liên đoàn.

P H Ầ N II C H I H ỘI

Điều 6. Chi hội gồm ít nhất ba và nhiều nhất mười hai hội viên. Trong trường hợp vượt quá số ấy thì tiến hành chia tách.

Điều 7. Mỗi chi hội bầu ra chủ tịch và phó chủ tịch. Chủ tịch lãnh đạo các cuộc họp, phó chủ tịch giữ quỹ gồm số đóng góp của các hội viên của Liên đoàn.

Điều 8. Các hội viên của chi hội phải hết sức cố gắng tăng số lượng thành viên của Liên đoàn, thu hút những người làm được việc, và phải luôn luôn hướng tới chỗ tuân theo những nguyên tắc của Liên đoàn, chứ không phải tuân theo ý kiến của cá nhân này, hay cá nhân khác.

Điều 9. Việc kết nạp các thành viên mới do chủ tịch của chi hội và một hội viên giới thiệu người được kết nạp vào Liên đoàn tiến hành.

Điều 10. Các chi hội không biết nhau và mang các tên gọi khác biệt mà họ tự lựa chọn cho mình.

P H Ầ N III K H U H ỘI

Điều 11. Khu hội gồm ít nhất hai và nhiều nhất mười chi hội.

Điều 12. Các chủ tịch và phó chủ tịch những chi hội ấy tạo thành Ban chấp hành Khu hội. Họ bầu ra người lãnh đạo trong hàng ngũ của mình.

Điều 13. Ban chấp hành Khu hội là cơ quan chấp hành đối với tất cả các chi hội trong khu.

Điều 14. Các chi hội tồn tại độc lập phải gia nhập Ban chấp hành Khu hội đã có, hoặc cùng với các chi hội lẻ khác lập Khu hội mới.

P H Ầ N IV B AN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Điều 15. Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan chấp hành của toàn thể Liên đoàn.

Điều 16. Ban Chấp hành Trung ương gồm ít nhất năm uỷ viên và được bầu ra bởi Ban chấp hành Khu hội của địa phương phải trở thành nơi đóng trụ sở của Ban Chấp hành Trung ương.

P H Ầ N V ĐẠI HỘI

Điều 17. Đại hội là cơ quan lập pháp của Liên đoàn.

Điều 18. Mỗi Khu hội đều cử đại biểu đi dự đại hội.

Điều 19. Đại hội họp hàng năm, vào tháng Tám. Trong những trường hợp quan trọng, Ban Chấp hành Trung ương có quyền triệu tập đại hội bất thường.

Điều 20. Mỗi lần họp, đại hội ấn định địa điểm mà trong năm đó Ban Chấp hành Trung ương phải đóng trụ sở của mình.

Điều 21. Tất cả các quyết định có tính chất lập pháp của đại hội đều được đưa ra cho các chi hội để chấp thuận hoặc bác bỏ.

Điều 22. Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan chấp hành của Liên đoàn, báo cáo trước đại hội về hoạt động của mình và vì vậy các uỷ viên của Ban Chấp hành Trung ương tham dự đại hội, nhưng không có quyền bỏ phiếu.

PHẦN VI **CÁC QUY TẮC CHUNG**

Điều 23. Ai có hành động không xứng đáng hoặc trái với nguyên tắc của Liên đoàn thì người ấy sẽ bị đình chỉ công tác trong Liên đoàn, hoặc bị khai trừ ra khỏi Liên đoàn tuỳ theo hoàn cảnh. Người bị khai trừ không thể được kết nạp trở lại.

Điều 24. Những hội viên phạm tội sẽ bị đưa ra xét xử tại Ban chấp hành Khu hội; hội viên ấy phải chăm lo đến việc thi hành phán quyết.

Điều 25. Mỗi chi hội phải theo dõi hết sức nghiêm ngặt các cá nhân đã bị đình chỉ công tác và bị khai trừ, ngoài ra cần phải theo dõi cẩn thận các cá nhân đáng ngờ ở địa phương mình và theo dõi tất cả những gì mà những cá nhân ấy có thể làm có hại cho Liên đoàn, phải lập tức thông báo cho Ban chấp hành Khu hội, Ban chấp hành này sau đó có bổn phận thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm an ninh cho Liên đoàn.

Điều 26. Các chi hội và các Ban chấp hành Khu hội cũng như Ban Chấp hành Trung ương phải họp ít nhất hai tuần một lần.

Điều 27. Các chi hội nộp các khoản đóng góp hàng tuần hoặc hàng tháng với mức do các Ban chấp hành Khu hội tương ứng quy định. - Những khoản đóng góp ấy được dùng vào việc phổ biến những nguyên tắc cộng đồng tài sản và vào các chi phí bưu chính.

Điều 28. Các Ban chấp hành Khu hội cứ sáu tháng một lần phải báo cáo với các chi hội của mình về các khoản tiền thu được và các khoản chi tiêu.

Điều 29. Các uỷ viên Ban chấp hành các Khu hội và Ban chấp hành trung ương được bầu cho nhiệm kỳ một năm, sau đó họ phải hoặc là được tái cử vào chức vụ của mình, hoặc là được thay thế bằng những người khác.

Điều 30. Bầu cử diễn ra vào tháng Chín. Tuy nhiên, các cử tri bất cứ lúc nào cũng có thể bãi miễn các nhân vật chức sắc của mình nếu các cử tri không hài lòng với cung cách mà các nhân vật chức sắc ấy thi hành trách nhiệm của họ.

Điều 31. Các Ban chấp hành Khu hội phải chăm lo sao cho trong các chi hội của họ có tài liệu phục vụ cho những cuộc thảo luận cần thiết và bổ ích. Về phần mình Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm phải gửi đến tất cả các Ban chấp hành Khu hội những câu hỏi mà việc thảo luận chúng có ý nghĩa quan trọng đối với nguyên tắc của chúng ta.

Điều 32. Mỗi Ban Chấp hành Khu hội, nếu không có ban chấp hành này thì chi hội và thậm chí mỗi hội viên của Liên đoàn - nếu hội viên này là người duy nhất - phải thường xuyên trao đổi thư tín với Ban chấp hành Trung ương hoặc với Ban chấp hành Khu hội.

Điều 33. Mỗi hội viên của Liên đoàn muốn thay đổi nơi cư trú của mình đều có bổn phận báo trước về việc đó cho chủ tịch chi hội của mình.

Điều 34. Mỗi ban chấp hành Khu hội có thể tuỳ ý đưa ra những biện pháp mà nó thấy cần thiết để đảm bảo an ninh cho Khu hội và tăng cường hoạt động của nó. Song những biện pháp ấy không được trái với điều lệ chung.

Điều 35. Tất cả những kiến nghị về thay đổi Điều lệ đều phải được gửi đến Ban Chấp hành Trung ương, còn Ban Chấp hành Trung ương thì phải trình chúng lên đại hội để quyết định.

P H Ầ N VII KẾT NẠP VÀO LIÊN ĐOÀN

Điều 36. Sau khi đọc Điều lệ, hai hội viên của Liên đoàn - như quy định trong Điều 9 - đưa ra năm câu hỏi dưới đây cho người được dự định kết nạp vào làm hội viên của Liên đoàn. Nếu người được kết nạp trả lời các câu hỏi ấy là: "có" thì người ấy phải tuyên thệ và được tuyên bố là hội viên của Liên đoàn.

Dưới đây là năm câu hỏi đó:

- a) Anh có tin vào tính chất đúng đắn của các nguyên tắc cộng đồng tài sản không?
- b) Anh có thấy cần có sự tồn tại của Liên đoàn vững mạnh, để thực hiện càng nhanh càng tốt các nguyên tắc trên hay không, anh có muốn gia nhập Liên đoàn ấy không?
- c) Anh có hứa, bằng lời nói và việc làm, thường xuyên góp phần phổ biến và thực hiện thực tế các nguyên tắc cộng đồng tài sản hay không?
- d) Anh có hứa giữ bí mật về sự tồn tại của Liên đoàn và về mọi công việc của nó không?
- e) Anh có hứa tuân thủ các quyết định của Liên đoàn không? Vậy, anh hãy hứa với chúng tôi để xác nhận!

Thay mặt và được sự uỷ nhiệm của đại hội

Thư ký Chủ tịch
Hai-đơ^{1*} **Các Si-lơ**^{2*}

Luân Đôn, ngày 9 tháng Sáu 1847

*Công bố lần đầu trong
cuốn sách:
"Gründungsdokumente
des Bundes der
Kommunisten (Juni bis
September 1847)",
Hamburg, 1969*

*In theo
bản
viết tay
Nguyễn
văn là
tiếng
Đức
In bằng
tiếng
Nga
lần đầu
trong
tạp chí
"Lịch
sử cận
đại và
hiện
đại" số
6, 1970*

1* Bí danh trong Liên đoàn của V.Vôn-phơ.

2* Bí danh trong Liên đoàn của C.Sáp-pơ.

THƯ THÔNG TRI CỦA ĐẠI HỘI LẦN THỨ NHẤT LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA LIÊN ĐOÀN THÁNG SÁU 1847

ĐẠI HỘI GỬI LIÊN ĐOÀN^{1*}

Anh em thân mến!

Đại hội lần thứ nhất của Liên đoàn - mà Ban Chấp hành Trung ương (Hội đồng nhân dân) đã công bố triệu tập vào tháng Hai năm ngoái²³⁸ - đã khai mạc ở đây, tại Luân Đôn, ngày 2 tháng Sáu năm nay và đã kết thúc công việc của mình. Do toàn bộ hoàn cảnh của Liên đoàn chúng ta, đại hội không thể họp công khai được²³⁹.

Nhưng chúng tôi, các đại biểu dự đại hội, có bổn phận bây giờ phải giới thiệu với các đồng chí về những phiên họp ấy, ít ra cũng ở mức độ để các đồng chí có được quan niệm chung về những cuộc tranh luận của chúng tôi.

Chúng tôi lại càng phải làm việc này vì Ban Chấp hành Trung ương trước đây phải báo cáo trước chúng tôi và *chúng tôi* phải báo cáo về việc đại hội đã đánh giá như thế nào về bản báo cáo ấy. Chúng tôi cần làm việc này còn vì chúng tôi đã bổ sung vào Điều lệ mới một điều khoản, theo đó tất cả mọi nghị quyết có tính chất lập pháp của đại hội phải được từng chi

1* Trong nguyên bản Môn đã đích thân thêm mấy từ: "gửi đến Hăm-buốc".

hội phê chuẩn²⁴⁰. Do vậy, ít ra đối với phần này của những nghị quyết của chúng tôi, vì hai nguyên nhân chúng tôi có bốn phần phải trình bày những suy nghĩ của chúng tôi với các đồng chí.

Sau khi thẩm tra các uỷ nhiệm thư, Hội đồng cũ trước hết đã phải báo cáo trước đại hội về nhiệm kỳ lãnh đạo của mình và thông báo về tình hình trong Liên đoàn. Các đại biểu đã hoàn toàn tán thành hoạt động của Hội đồng đã bảo vệ lợi ích của Liên đoàn và đã bắt tay cải tổ Liên đoàn. Như vậy đã kết thúc đề mục này. Từ báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương và từ những bức thư trình lên Đại hội, chúng tôi đã rút ra tư liệu cho bản tổng quan ngắn gọn dưới đây.

Tại *Luân Đôn* Liên đoàn của chúng ta là mạnh nhất. Tự do lập hội và tự do ngôn luận đã hết sức tạo dễ dàng cho công tác tuyên truyền và khiến cho đông đảo hội viên tích cực có thể sử dụng sức lực và tài năng của mình phục vụ Liên đoàn và phục vụ sự nghiệp của Liên đoàn. Nhằm mục đích này Liên đoàn sử dụng "Hội giáo dục của công nhân Đức"²⁴¹ và chi nhánh của nó ở Oai-sê-pen. Tiếp đó, các hội viên của Liên đoàn tham gia hội "Những người dân chủ anh em", tham gia các hội cộng sản Pháp để tiến hành các cuộc tranh luận²⁴² v.v..

Đóng trụ sở ở Pa-ri, bản thân Hội đồng đã đi đến kết luận rằng Liên đoàn ở Luân Đôn đã có nhiều khả năng hơn Hội đồng trong việc đảm nhận công tác lãnh đạo ở cấp trung ương đối với các công việc của Liên đoàn. Tính chất đáng tin cậy của việc bảo quản mọi văn bản và sự an toàn của bản thân các uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương không đâu có thể được bảo đảm như ở đây. Trong thời gian diễn ra các phiên họp của mình đại hội đã có cơ hội thấy rõ rằng các chi hội ở Luân Đôn có đủ số người làm được việc mà ta có thể giao phó cho họ quyền chấp hành tối cao của Liên đoàn được. Vì vậy, đại hội quyết định rằng Ban Chấp hành Trung ương vẫn ở lại Luân Đôn.

Ở *Pa-ri* trong những năm gần đây Liên đoàn đã lâm vào tình trạng suy sụp nghiêm trọng²⁴³. Đã lâu các uỷ viên Ban chấp hành Khu hội và các uỷ viên Hội đồng chỉ tranh cãi về hình thức và về những sự vi phạm không có thực đối với Điều lệ, thay vì quan tâm đến công việc của toàn thể Liên đoàn hoặc của các Khu hội của mình. Các chi hội cũng đã thảo luận về những chuyện lật vặt không cần thiết như thế làm mất thời gian và gây ra lục đục. Cùng lắm người ta cũng chỉ bắt đầu thảo luận những vấn đề cũ đã được nhai đi nhai lại bất tận và đến phát ngấy từ thời xuất hiện tác phẩm "Những bảo đảm" của Vai-tlinh²⁴⁴. Trong bản thân Liên đoàn ở Pa-ri không thấy có tiến bộ nhỏ nhoi nào, không có một sự tham gia nhỏ nhoi nào vào việc phát triển các nguyên tắc, vào phong trào của giai cấp vô sản, như đã diễn ra trong các tổ chức khác của Liên đoàn và ở *bên ngoài Liên đoàn*. Kết quả là tất cả những ai không hài lòng với những cơ hội tạo ra cho họ ở *bên trong* Liên đoàn thì đều đi tìm kiếm sự khai sáng tiếp ở *bên ngoài Liên đoàn*. Gã kiếm chác trong nghề văn chương và kẻ bóc lột công nhân, nhà văn Đức *các Gruyn*, đã lợi dụng nhu cầu này về khai sáng. Gã ấy đã gia nhập phong trào cộng sản khi nhận ra rằng với những trước tác cộng sản có thể kiếm được tiền. Sau một thời gian ông ta thấy rằng nếu cứ tiếp tục mạo nhận mình là người cộng sản thì thật nguy hiểm, thế là ông ta tìm được cái cớ để rút lui, qua cuốn sách mới của Pru-đông về những mâu thuẫn trong môn kinh tế chính trị²⁴⁵ mà ông ta đã dịch ra tiếng Đức. Những suy xét kinh tế chính trị chứa đựng trong cuốn sách nói chung rất không đáng kể này, đã được ông Gruyn trên đây lấy làm cơ sở cho những bài giảng mà ông ta đã giảng cho các hội viên của Liên đoàn ở Pa-ri. Đến nghe những bài giảng ấy là hai loại người dưới đây: 1. những người nói chung đã chán ngấy chủ nghĩa cộng sản; 2. những người có thể là đã hy vọng tìm được ở ông Gruyn ấy câu trả lời cho nhiều câu hỏi và thắc mắc đã không thể giải quyết được tại các cuộc họp của các chi hội. Loại người nói sau cùng này là một nhóm

khá đông gồm những hội viên làm được việc nhất và có khả năng phát triển thuộc các chi hội ở Pa-ri. Nhờ sự ba hoa và nhờ sự rất uyên bác giả hiệu nên nhân vật Gruyn nêu trên đã một thời gian làm loá mắt được nhiều người trong số những hội viên ấy. Kết quả là Liên đoàn đã bị chia rẽ. Ở một phía là đảng hoàn toàn chiếm ưu thế trong Hội đồng nhân dân, trong Khu hội, đảng - cái đảng của phái Vai-tlinh; ở phía kia là những ai còn cho rằng có thể học hỏi đôi điều ở Gruyn. Nhưng cả những người ấy cũng mau chóng nhận ra rằng Gruyn đã lên tiếng phát biểu những lời thù địch gay gắt chống lại những người cộng sản và rằng toàn bộ học thuyết của ông ta hoàn toàn không có khả năng thay thế chủ nghĩa cộng sản. Đã diễn ra những cuộc tranh luận ác liệt, trong quá trình diễn ra những cuộc tranh luận ấy người ta nhận thấy rõ là hầu hết hội viên của Liên đoàn đều tỏ ra trung thành với chủ nghĩa cộng sản và chỉ có hai hoặc ba người đã bảo vệ nhân vật Gruyn nêu trên và luận thuyết kiểu Pru-đông của ông ta. Đồng thời người ta cũng thấy rõ là chính nhân vật Gruyn đó, vẫn chứng nào tật ấy, đã lừa bịp công nhân, sử dụng những khoản đóng góp 30 phrăng để phục vụ các mục đích cá nhân của mình, - đó là số tiền mà công nhân quyên góp được để ủng hộ những người Ba Lan khởi nghĩa²⁴⁶, - và nói chung đã moi được ở những công nhân ấy mấy trăm phrăng để in cuốn sách thảm hại nói về các nghị quyết của Quốc hội Phổ²⁴⁷. Kết quả là đa số những thính giả trước kia của Gruyn đã tách ra và lập ra một đảng mới coi nhiệm vụ chủ yếu của mình là phát triển hơn nữa nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa với mọi hệ quả của nó và gắn với các quan hệ xã hội. Vì sự phân liệt này mà tổ chức của Liên đoàn ở Pa-ri đã tan rã. Hội mùa đông Ban Chấp hành Trung ương đã cử một phái viên^{1*} để khôi phục lại tổ chức này ở mức độ có thể. Nhưng những cuộc tranh cãi đã mau chóng tiếp tục;

1* - I. Môn.

ba phái khác nhau và ba nguyên tắc khác nhau không dung hoà được với nhau. Phái cấp tiến, thông qua sự trợ giúp của phái Vai-tlinh, đã khai trừ được ra khỏi Liên đoàn 3 - 4 nhân vật ngoan cố thuộc nhóm Gruyn, những kẻ đã trực tiếp chống lại chủ nghĩa cộng sản. Nhưng trong thời gian bầu đại biểu đi dự đại hội cả hai phái, trong phiên họp của Ban chấp hành Khu hội, đã lại đấu đá nhau. Sự phân liệt trở nên không tránh khỏi, và để ít ra có thể tiến hành được việc bầu cử, ba chi hội - trong đó phái cấp tiến có nhiều đại biểu hơn những phái khác - đã quyết định tách khỏi hai chi hội là chỗ dựa chủ yếu của phái Vai-tlinh, rồi trong hội nghị toàn thể của mình họ đã bầu ra một đại biểu đi dự đại hội. Tình hình đã diễn ra như thế. Như vậy là phái Vai-tlinh đã tạm thời bị khai trừ ra khỏi Liên đoàn, và số lượng hội viên của Liên đoàn đã giảm đi 1/3. Sau khi xem xét những luận cứ của hai phái trình lên, đại hội đã đồng ý với cách hành động của ba chi hội, vì phái Vai-tlinh đâu đâu cũng kìm hãm sự phát triển của Liên đoàn, điều đó có thể thấy rõ qua kinh nghiệm ở Luân Đôn và ở Thụy Sĩ. Đại hội nhất trí quyết định khai trừ phái Vai-tlinh ở Pa-ri ra khỏi Liên đoàn và để cho một đại biểu của phái đa số ở Pa-ri^{1*} đến dự đại hội.

Tất nhiên, số lượng hội viên của Liên đoàn ở Pa-ri đã giảm đi rất nhiều. Nhưng đã loại bỏ được những phần tử gây kìm hãm, và nhờ cuộc đấu tranh ấy mà mọi người đã được khích lệ tiến đến hoạt động mới. Đã xuất hiện tinh thần mới, một nghị lực chưa từng có. Những hành động truy nã của cảnh sát hình như đã chấm dứt, và nói chung những hành động ấy không nhằm chống lại phái hiện nay đã thắng và chỉ có một người thuộc phái ấy bị trục xuất, mà hầu như chỉ nhằm đụng chạm đến phái Gruyn - đó là bằng chứng cho thấy rằng nguyên nhân

1* - Ph.Ăng-ghen.

của những hành động truy nã là những thông báo của chính phủ Phổ, như sẽ thấy rõ qua nội dung dưới đây. Còn khi chính phủ giải tán những cuộc họp công khai của đội cảnh vệ thành phố thì điều đó cũng chủ yếu liên quan đến những phần tử theo Gruyn đã từng đọc ở đó những bài diễn văn dài và gay gắt đả kích chủ nghĩa cộng sản, vì trong những điều kiện ấy những người cộng sản dĩ nhiên đã không thể tự do trả lời họ được. Như vậy, giờ đây ở Pa-ri tình hình của Liên đoàn khá hơn nhiều so với khi nó đồng ý thay đổi địa điểm đóng trụ sở của Hội đồng nhân dân. Giờ đây số lượng chúng ta ít đông đảo hơn, nhưng chúng ta thống nhất, và ở đó chúng ta có những con người làm được việc.

Ở *Li-ông* Liên đoàn có những hội viên có tổ chức; có lẽ những hội viên ấy đang tham gia công việc tùy theo sức mình.

Ở *Mác-xây* chúng ta cũng đã thiết lập được tổ chức. Về các hội viên thuộc tổ chức ở đó thì người ta viết cho chúng tôi những điều sau đây: "Tình hình của Liên đoàn ở *Mác-xây* không tốt lắm. Việc khích lệ bằng thư từ chưa chắc có thể giúp ích được gì"; chúng tôi sẽ cố gắng để vào mùa thu này một số trong chúng tôi sẽ đến đó và tổ chức Liên đoàn lại từ đầu.

Liên đoàn cũng được củng cố ở *Bỉ*. Ở *Bruy-xen* đang tồn tại một chi hội tích cực mà các hội viên của nó là người Đức và người Bỉ, những người đã tổ chức ở *Li-e-giơ* một chi hội thứ hai gồm những công nhân công xưởng *Va-lông*. Tại nước này Liên đoàn có những triển vọng rất sáng sủa, và chúng tôi hy vọng rằng tại đại hội sau *Bỉ* sẽ có một số đại biểu cho mình.

Ở *Đức* chúng ta có một số chi hội ở *Béc-lin* mà vào mùa xuân này đã bị cảnh sát đột nhiên phá tan. Chắc chắn là các hội viên của Liên đoàn thông qua các báo đã biết được việc một hội nghị công nhân, do các hội viên của Liên đoàn lãnh đạo, đã bị cảnh sát giải tán, và việc người ta đã khởi sự điều tra và kết quả là một số hội viên giữ cương vị lãnh đạo của

Liên đoàn đã bị bắt. Trong số những người bị bắt có một người tên là *Phri-đrich Men-ten*, thợ may, sinh quán ở *Pốt-xdam*, khoảng 27 tuổi, có vóc người trung bình, mập lùn v.v.. Trước kia ông ta sống ở *Luân Đôn* và ở *Pa-ri*, tại đó ông ta thuộc phái *Gruyn* và đưa ra những lời ba hoa uỷ mị về tình yêu; tuy nhiên, sau khi nghiên cứu khá chính xác tình hình của Liên đoàn trong những cuộc du hành của mình, ông ta đã không đủ sức chịu đựng thử thách nhỏ này. Trường hợp này một lần nữa cho thấy rằng những con người với bản chất dễ bị kích động ấy, với tư duy hạn chế và không rõ ràng, sau cùng thì chỉ tìm cho mình sự thoả mãn trong tôn giáo. Trong vòng mấy ngày vị cha cố đã hoàn toàn làm chuyển biến được nhân vật *Men-ten* kể trên, và trong thời gian ngồi tù ông ta đã hai lần thực hiện tấn hải kịch làm lễ rước thánh thể. Một hội viên của Liên đoàn ở *Béc-lin* viết cho chúng tôi điều sau đây: "... trước toà ông ta đã kể về các chi hội ở *Pa-ri*, ở *Luân Đôn*, ở *Hăm-buốc* và *Ki-lơ* (mà bản thân ông ta đã đến tham dự) và đã cung cấp các địa chỉ theo đó *Héc-man Cri-gơ* gửi báo "*Volks-Tribun*" của mình đến *Béc-lin*. Ông ta đã nói điều này trực tiếp vào mặt một bị can khác; chẳng phải tôi đã bán cho anh những cuốn sách này là gì? Chẳng phải chúng ta đã họp ở chỗ ấy và chỗ kia là gì? Chẳng phải anh là hội viên của Liên đoàn những người chính nghĩa là gì? Và khi nhận được câu trả lời phủ nhận về tất cả các câu hỏi ấy thì *Men-ten* nói: làm sao anh có thể lãnh lấy trách nhiệm về chuyện này trước chúa quyền lực vạn năng và nắm biết mọi chuyện? Và còn nhiều điều ngu ngốc khác nữa. May thay, sự bỉ ổi của nhân vật *Men-ten* nêu trên đã không làm cho những bị can khác lầm lạc, vì vậy chính phủ không còn biết làm gì ngoài việc trả tự do cho những người bị bắt. Những lời tố giác của nhân vật *Men-ten* nêu trên rõ ràng là có quan hệ hết sức trực tiếp đến những hành động truy nã những người cộng sản Đức ở *Pa-ri*. Chúng ta có thể tự chúc mừng mình về việc phần tử *Men-ten* thuộc phái *Gruyn* đã

xem phái Gruyn là những người thật sự lãnh đạo Liên đoàn và đã tố giác những người này. Qua đó đại bộ phận những người cộng sản chân chính đã không bị truy nã. Dĩ nhiên, do sự kiện này mà toàn bộ Khu hội Béc-lin đã bị phá nát tổ chức. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng rằng nhờ nghị lực mà chúng tôi đã biết của các hội viên Liên đoàn ở đó, sắp tới đây việc tổ chức lại Khu hội đó sẽ được tiến hành.

Tại *Hăm-buốc* cũng diễn ra quá trình định hình tổ chức. Tuy nhiên, các hội viên ở đó của Liên đoàn có phần nào hoảng sợ trước những vụ truy nã ở Béc-lin. Song, không một giây phút nào các mối quan hệ bị cắt đứt.

Tiếp nữa, Liên đoàn đã được tổ chức ở An-tôn, Brê-men, Mai-in-xơ, Muyn-khen, Lai-pxích, Khuê-ních-xbéc-gơ, Toóc-nơ^{1*}, Ki-lơ, Mác-đơ-buốc, Stút-gát, Man-hem và Ba-đen - Ba-đen. Ở vùng Xcăng-di-na-vơ Liên đoàn được tổ chức ở Xtốc-khôm.

Tình hình của Liên đoàn ở *Thụy Sĩ* không phấn khởi như chúng ta đã có thể mong muốn. Tại đây, ngay từ đầu phái Vai-tlinh đã áp đảo. Tình trạng phát triển kém ở các chi hội tại Thụy Sĩ đã đặc biệt thể hiện ở chỗ: một mặt, các chi hội ấy không có khả năng tiến hành đến cùng cuộc đấu tranh cũ với phái nước Đức trẻ, và mặt khác - họ đã chống lại phái nước Đức trẻ trong tinh thần tôn giáo và đã cho phép bọn người xoay sở thảm hại nhất, ví dụ như nhân vật khoa trương Ghê-ooóc Cun-man người vùng Hôn-stai-nơ, bóc lột họ một cách bỉ ổi nhất. Do những vụ khủng bố của cảnh sát mà Liên đoàn ở Thụy Sĩ đã bị rã nát về tổ chức đến mức là đại hội đã ra nghị quyết thi hành những biện pháp đặc biệt để tổ chức Liên đoàn mới từ đầu. Dĩ nhiên kết quả và tính chất của những biện pháp này chỉ sau này

1* Tên gọi ngày nay là: Ca-li-nin-grát, Tô-ru-nhơ.

mới có thể thông báo cho các chi hội.

Về *Mỹ* thì cần chờ đợi những thông báo chi tiết hơn của phái viên do Ban Chấp hành Trung ương cử đến đó, khi ấy sẽ có thể trình báo cáo về điều kiện hoạt động của Liên đoàn ở đó^{1*}.

Bản báo cáo ấy, cũng như chính những bức thư được đệ trình toát lên hai kết luận: thứ nhất, vào thời điểm Hội đồng nhân dân ở Luân Đôn đảm nhận việc lãnh đạo thì không nghi ngờ gì nữa. Liên đoàn lúc ấy còn ở trong tình thế khó khăn, và Ban Chấp hành Trung ương trước đây²⁴⁸ không hiểu những trách nhiệm đã được giao phó cho nó; nó đã hoàn toàn không quan tâm đến sự thống nhất của Liên đoàn, song song với quá trình Liên đoàn bị phá rã về tổ chức ấy thì ở một số chi hội dần dần nảy nở các phần tử thù địch. Trong những điều kiện đe dọa sự tồn tại của Liên đoàn như vậy, Ban Chấp hành Trung ương ở Luân Đôn đã lập tức thi hành những biện pháp cần thiết; nó cử các phái viên đi nhiều nơi, gạt bỏ một số hội viên của Liên đoàn tỏ ra nguy hiểm cho sự tồn tại của toàn bộ tổ chức, khôi phục các mối liên hệ, triệu tập đại hội chung và chuẩn bị những vấn đề phải được thảo luận ở đó. Đồng thời nó còn thực hiện những bước đi nhằm thu hút những phần tử khác thuộc phong trào cộng sản vào Liên đoàn mà trước kia đứng xa Liên đoàn²⁴⁹. - Những bước đi ấy đã thành công hoàn toàn.

Sau khi giải quyết những vấn đề ấy, đại hội bắt tay xem xét Điều lệ. Do việc thảo luận đó, tất cả các điều khoản trong Điều lệ đã được nhất trí thông qua; bản Điều lệ mới đã được đưa về các chi hội để thông qua lần cuối. Nhằm luận chứng cho những thay đổi được đưa vào Điều lệ, chúng tôi muốn đưa ra những nhận xét

1* Trước đoạn này, văn bản do chính V.Vôn-phơ viết; tiếp đó là nét chữ khác - hoặc là của I. Môn, hoặc là của G.Bau-ơ.

sau đây:

Việc thay đổi tên gọi Liên đoàn những người chính nghĩa thành Liên đoàn những người cộng sản đã được chấp nhận vì: thứ nhất, do sự phản bội bỉ ổi của nhân vật Men-ten nêu trên mà tên gọi cũ đã bị chính phủ biết và do vậy nên thay đổi nó. Thứ hai, chủ yếu vì tên gọi cũ được chấp nhận trong những hoàn cảnh đặc biệt, có xét đến những sự kiện đặc biệt không có gì giống mục đích của Liên đoàn hiện nay. Như vậy, tên gọi này không còn phù hợp với thời đại chúng ta và biểu hiện ít nhất điều mà chúng ta hướng tới. Nhiều người muốn có chính nghĩa, nói đúng hơn, muốn có cái mà họ gọi là chính nghĩa, nhưng điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa họ là những người cộng sản. Còn chúng ta có sự khác biệt không phải ở chỗ chúng ta muốn có chính nghĩa nói chung - điều này thì mỗi người đều có thể khẳng định về mình - mà là ở chỗ chúng ta chống lại chế độ xã hội hiện hữu và chống lại chế độ tư hữu, ở chỗ chúng ta muốn có chế độ cộng đồng tài sản, ở chỗ chúng ta là những người cộng sản. Vì vậy, đối với Liên đoàn của chúng ta chỉ có *một* tên gọi thích hợp, nó biểu hiện cái mà chúng ta thật sự đại diện, và chúng ta đã lựa chọn tên gọi ấy. Cũng theo tinh thần ấy chúng ta đã thay các tên gọi "Vùng" và "Viện" - đã được truyền lại cho chúng ta từ các tổ chức chính trị, mà tính chất Tơ-tông của chúng đã gây ra một ấn tượng xấu trong khi Liên đoàn của chúng ta thì lại mang tính chất chống chủ nghĩa dân tộc, mở rộng cửa cho tất cả các dân tộc; chúng ta đã thay những tên gọi ấy bằng những từ thật sự biểu thị cái mà chúng phải biểu thị. Việc áp dụng những tên gọi đơn giản và rõ ràng như vậy còn giúp nhiều hơn nữa vào việc tẩy sạch Liên đoàn mang tính chất tuyên truyền của chúng ta khỏi tính chất âm mưu mà kẻ thù thích gán cho chúng ta.

Sự cần thiết phải lập lại đại hội mà hiện đã được triệu tập lần đầu, phải triệu tập *đều đặn* đại hội, phải chuyển giao cho nó toàn bộ quyền lập pháp của Liên đoàn với điều kiện sau

đó được các chi hội tán thành - sự cần thiết ấy đã được nhất trí thừa nhận, không có cuộc tranh luận nào về vấn đề này. - Chúng tôi hy vọng rằng trong những điều xác định đã được quy định ở đây đã tìm thấy những điểm cần thiết và nhờ có chúng mà đảm bảo được hoạt động hữu hiệu của đại hội vì lợi ích của toàn thể Liên đoàn.

Việc xoá bỏ những tên gọi đã được thay thế - ở chỗ nào có đề cập đến những điều xác định trong Điều lệ - bằng những điều khoản cụ thể của Điều lệ, còn ở chỗ nào đề cập đến những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa phổ biến thì được thay bằng Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa, - việc xoá bỏ ấy làm cho Điều lệ mang một hình thức đơn giản hơn và đồng nhất hơn, đồng thời cũng xác định chính xác hơn vai trò của từng cơ quan lãnh đạo.

Sau khi giải quyết vấn đề Điều lệ chúng tôi đã chuyển sang thảo luận những kiến nghị khác nhau do Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị hoặc do một số đại biểu đưa ra.

Trước hết đã thảo luận ý kiến của một đại biểu đề nghị sau sáu tháng thì triệu tập đại hội mới. Bản thân đại hội đã hiểu rằng với tư cách là đại hội đầu tiên - được triệu tập và họp vào thời điểm mà tổ chức của Liên đoàn đã bị suy yếu - nó phải tự coi mình trước hết là một đại hội thành lập tổ chức. Đại hội hiểu rằng để giải quyết một cách nghiêm túc những vấn đề quan trọng hiện có thì cần triệu tập một đại hội mới. Hơn nữa, Điều lệ mới quy định triệu tập đại hội thường kỳ vào tháng Tám, và như thế, khoảng cách thời gian chỉ là gần hai tháng. Nhưng vì không thể lùi thời điểm triệu tập đại hội lần thứ hai đến tháng Tám năm 1848, cho nên đã quyết định triệu tập đại hội lần thứ hai này vào thứ hai, ngày 29 tháng Mười một năm nay, tại đây, tại Luân Đôn. - Không gì cản trở được chúng ta cả mùa xấu trong năm, lẫn những khoản chi phí mới. - Liên đoàn đã trải qua khủng hoảng và trong bối cảnh

hiện nay Liên đoàn không được sợ hãi sự căng thẳng bất thường này. - Hiến pháp mới của Liên đoàn chứa đựng những quy định tương ứng về thể thức bầu đại biểu, vì vậy chúng tôi hy vọng rằng đến dự đại hội thứ hai sẽ có đại biểu của nhiều Khu hội.

Đề nghị cũng của đại biểu ấy về việc dành một quỹ nhất định để cử các phái viên đi các nơi cũng được mọi người tán thành. - Người ta thấy Liên đoàn của chúng ta cần có hai loại phái viên. Thứ nhất, đó là những phái viên được cử đến những địa phương xác định bằng tiền của Liên đoàn với nhiệm vụ đặc biệt; hoặc thành lập Liên đoàn ở những địa phương chưa có Liên đoàn, hoặc là khôi phục lại Liên đoàn ở nơi nó đã bị tan rã. Những phái viên ấy nhất thiết phải được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ban Chấp hành Trung ương. - Thứ hai, đó là những công nhân trở về quê quán hoặc họ sẽ tiến hành những chuyến đi khác nào đó. Những công nhân đó - nhiều khi là những người rất am hiểu - có thể được sử dụng một cách rất có ích đối với Liên đoàn trong khâu đến thị sát các chi hội riêng lẻ ở không xa đường đi của họ, nếu Liên đoàn trang trải cho họ những chi phí bổ sung liên quan đến việc này. Những phái viên không thường xuyên dĩ nhiên có thể chịu sự kiểm soát trực tiếp của các Ban chấp hành Khu hội và chỉ trong những trường hợp đặc biệt thì phải hành động dưới sự kiểm soát của Ban Chấp hành Trung ương. - Vì vậy đại hội quyết định: uỷ nhiệm cho Ban Chấp hành Trung ương thu của mỗi Ban chấp hành Khu hội một khoản nộp nhất định cứ ba tháng một lần và lấy các khoản nộp ấy lập quỹ để cử đi các phái viên thuộc loại thứ nhất. Tiếp nữa, uỷ nhiệm cho các Ban chấp hành Khu hội sử dụng một cách thường xuyên hơn từ trước đến nay - bằng cách kể trên - các thành viên được việc của Liên đoàn làm phái viên *không thường xuyên* ấy và trả trước các khoản chi phí bổ sung cho các chuyến đi ấy, lấy kinh phí trong các quỹ của chính mình. - Trong những trường hợp đặc biệt các Ban

chấp hành Khu hội có thể sử dụng quỹ của Ban Chấp hành Trung ương cho mục đích này. Dĩ nhiên, Ban Chấp hành Trung ương quyết định vấn đề xét xem có nên thoả mãn đòi hỏi như vậy về tiền bạc hay không. Mỗi phái viên chịu trách nhiệm trước cấp đã cung cấp tiền cho mình và báo cáo trước cấp đó.

Tất cả các đồng chí sẽ thấy cần tổ chức công tác tuyên truyền với sự giúp đỡ của các phái viên và đặt công tác tuyên truyền ấy dưới sự lãnh đạo tập trung. - Chúng tôi hy vọng rằng những quyết định được tính toán kỹ càng của chúng tôi sẽ được các đồng chí tán thành và đem lại những kết quả tốt đẹp cho sự nghiệp của chúng ta.

Vấn đề tiếp theo là vấn đề cơ quan báo chí của Liên đoàn; mọi người đã thừa nhận - mà không hề có sự tranh luận nào - rằng cơ quan này là hết sức cần thiết. Cũng đã quyết định - mà không có ý kiến phản đối nào - rằng cơ quan ngôn luận này chỉ được xuất bản ở Luân Đôn, rằng cơ quan ấy phải được xuất bản không quá một lần mỗi tuần và ít nhất một lần mỗi tháng. - Tên gọi, tiêu đề và khổ của cơ quan ngôn luận này đã được xác định và sẽ được thông báo cho các đồng chí trong số in thử sẽ xuất bản trong tháng Bảy. Để tiến hành việc biên tập, một uỷ ban đã được thành lập để chuẩn bị xuất bản tạp chí. Tổng biên tập đã được bổ nhiệm rồi^{1*}. Đồng chí ấy sẽ thực hiện việc lãnh đạo cùng với uỷ ban. - Sau khi thoả thuận tất cả các vấn đề ấy, đại hội đã chuyển sang vấn đề chi tiêu. - Trước hết cần mua sắm nhiều thứ nữa để trang bị cho xưởng in, đặc biệt là chiếc máy in bằng sắt, Ban Chấp hành Trung ương được uỷ nhiệm thu các khoản đóng góp từ các khu để làm việc này. Sau đó người ta đã tính toán các khoản chi phí. - Người ta thấy rằng với giá 2 pen-xơ = 4 xu = 2 din-béc-grô-sơ

1* - V.Vôn-phơ.

= 6 cây-xơ cho mỗi số với quy mô một tờ in, thì để trang trải chi phí, cần có một số lượng người đặt mua mà hiện nay chưa thể hy vọng chắc chắn có được. - Một tờ nguyệt san mà không có tổng biên tập thì có thể tồn tại với một số lượng người đặt mua không nhiều, nhưng một tạp chí như vậy sẽ không thoả mãn yêu cầu của Liên đoàn. - Liệu chúng ta có thể có được một số lượng người đặt mua cần thiết đối với một tờ tuần san hay không thì - như đã nêu - điều đó hoàn toàn chưa rõ, vì vậy sẽ là quá sớm nếu có bất kỳ những sự cam kết nào về vấn đề này. Vì vậy chúng tôi đã quyết định như sau: thoát đầu, vào tháng Bảy sẽ xuất bản số ấn hành thử miễn phí. Sau đó, thông qua các khu hội, các chi hội sẽ thông báo cho biết các chi hội ấy có bao nhiêu thành viên; vì đại hội đã quyết định rằng chỉ ít thì chừng nào tạp chí này vẫn là một nguyệt san, thì mỗi thành viên của Liên đoàn trả tiền cho một bản của tạp chí này, mỗi chi hội chỉ nhận một bản, số bản còn lại được phân phát miễn phí. - Các thành viên của Liên đoàn sau đó sẽ phải tìm hiểu rõ xem chắc chắn sẽ có thể phát hành được bao nhiêu bản tại địa phương của họ, họ sẽ phải thu thập số lượng đặt mua và cũng phải thông báo về điều này. - Sau đó, đến tháng Mười một, tùy theo những số liệu nhận được từ Ban Chấp hành Trung ương, đại hội sẽ ra những quyết định tiếp theo và sẽ cố gắng xuất bản tạp chí trước tết Năm mới. - Tạm thời xưởng in Luân Đôn sẽ được sử dụng để in các truyền đơn²⁵⁰.

Sau cùng là vấn đề Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa. - Đại hội cho rằng việc công khai tuyên bố các nguyên tắc của Liên đoàn là bước hành động có ý nghĩa cực kỳ vĩ đại; rằng Biểu tượng niềm tin, sau mấy năm, có thể là sau mấy tháng, sẽ không còn phù hợp với thời đại nữa và sẽ không phù hợp với tinh thần của đa số, nó sẽ có một tác dụng tai hại chẳng khác gì một Biểu tượng niềm tin hay thì sẽ có ích. Vì vậy, cần tiến hành bước ấy một cách đặc biệt thận trọng và không nên vội vã. Chính trong vấn đề này, cũng như

trong vấn đề cơ quan ngôn luận của Liên đoàn, Đại hội đã nhận thức được rằng đại hội phải đưa ra không phải một dự thảo cuối cùng, mà chỉ đưa ra một sáng kiến thành lập để thông qua cuộc tranh luận về đề cương Biểu tượng niềm tin mà cung cấp một nguồn dinh dưỡng mới cho cuộc sống đang bừng tỉnh trong Liên đoàn. Vì vậy đại hội đã quyết định soạn ra một phác thảo đề cương như vậy và giới thiệu nó với các chi hội để thảo luận, cũng như để thảo ra và gửi lên Ban Chấp hành Trung ương những đề nghị về các điểm sửa đổi và bổ sung. Bản đề cương được đính kèm^{1*}. - Chúng tôi khuyến nghị các chi hội thảo luận nó một cách nghiêm túc và chín chắn. - Một mặt, chúng tôi đã cố gắng tránh thật xa mọi sự sáng chế ra các học thuyết và tránh mọi thứ chủ nghĩa cộng sản trại lính, mặt khác, chúng tôi cố gắng dứt khoát với lối ba hoa thảm hại và tầm thường về tình yêu và những lời uỷ mị đa cảm của một số người cộng sản. Ngược lại, chúng tôi đã cố gắng thường xuyên lưu ý đến các quan hệ xã hội, mà chỉ có những quan hệ ấy mới để ra chủ nghĩa cộng sản, và chúng tôi luôn luôn cố duy trì nền tảng vững chắc dưới chân mình. Chúng tôi hy vọng rằng Ban Chấp hành Trung ương sẽ nhận được ở các đồng chí nhiều điểm bổ sung và đề nghị sửa đổi, và một lần nữa chúng tôi kêu gọi các đồng chí tranh luận một cách đặc biệt cặn kẽ chính là về vấn đề này.

Các anh em thân mến, đó là điểm qua công việc của đại hội, đó là kết quả những cuộc thảo luận của chúng ta^{2*}. Chúng tôi lẽ ra rất sẵn lòng trình bày những điểm được nêu ra với chúng tôi dưới hình thức những quyết định hoàn chỉnh, lẽ ra đã lập ra cơ quan ngôn luận của Liên đoàn, lẽ ra đã tuyên bố những nguyên lý cộng sản chủ nghĩa trong Biểu tượng niềm tin. Nhưng vì lợi ích của Liên đoàn, vì lợi ích của phong trào cộng sản nên ở đây bản

1* Xem tập này, tr.513-522.

2* Từ đoạn này trở đi lại là phần văn bản do V.Vôn-phơ viết.

thân chúng tôi đã phải tự giới hạn mình, đã phải lại dựa vào đa số và để cho đại hội lần thứ hai thông qua *những gì* mà chúng tôi đã chuẩn bị.

Bây giờ, các anh em thân mến, các đồng chí còn phải chứng minh rằng sự nghiệp của Liên đoàn, sự nghiệp chủ nghĩa cộng sản thật gần gũi với trái tim của các đồng chí. Liên đoàn đã thắng lợi bước ra khỏi thời kỳ suy thoái. Đã khắc phục được sự yếu kém và tình trạng uể oải, đã loại bỏ được các phân tử thù địch xuất hiện trong chính bản thân Liên đoàn. Những phần tử mới đã gia nhập. Tương lai của Liên đoàn đã được bảo đảm. Nhưng thưa các anh em thân mến, chúng ta cũng chưa ở vào tình hình khiến chúng ta có thể, dù chỉ một giây phút, giảm bớt những nỗ lực của mình, chưa phải tất cả các vết thương đều đã được hàn gắn, không phải tất cả những khiếm khuyết đã được bỏ khuyết, vẫn còn thấy biểu hiện *một số* hậu quả bệnh hoạn của cuộc đấu tranh mà chúng ta đã trải qua. Vì vậy, lợi ích của Liên đoàn, lợi ích của chủ nghĩa cộng sản đòi hỏi các đồng chí hoạt động khẩn trương trong một thời gian ngắn nữa; vì vậy trong vòng mấy tháng các đồng chí phải làm việc không biết mệt mỏi. Hoàn cảnh đặc biệt đòi hỏi phải có một nghị lực phi thường. Một cuộc khủng hoảng giống như cuộc khủng hoảng mà Liên đoàn chúng ta đã trải qua, khi mà thoát đầu chúng ta đã phải đấu tranh chống tình trạng trì trệ do cái ách nặng nề của những hành động truy nã kiểu Đức và của những hành động truy nã khác của cảnh sát gây ra, nhưng nhiều nhất bắt nguồn từ chỗ niềm hy vọng về một sự cải thiện nhanh chóng các quan hệ xã hội trở nên ngày càng xa vời; - một cuộc khủng hoảng mà trong đó chúng ta đã phải đấu tranh không những chống lại những hành động truy nã của kẻ thù của chúng ta - của các chính phủ chịu ảnh hưởng của giai cấp tư sản hoặc các chính phủ cùng hành động với giai cấp tư sản chống lại chúng ta, mà còn chống lại kẻ thù ở ngay trong hàng ngũ chúng ta mà chúng ta phải thắng và vô hiệu hoá chúng, không đếm xỉa

đến các cá nhân, mà chỉ chú ý đến tình thế nguy ngập của Liên đoàn, và chỉ xét đến nguy cơ toàn bộ đảng cộng sản nói tiếng Đức bị tan rã tổ chức. Các anh em, không thể khắc phục được một cuộc khủng hoảng như vậy chỉ trong một đêm. Và ngay cả nếu sự tồn tại của Liên đoàn, nếu sức mạnh của tổ chức lại được củng cố, thì vẫn phải mất nhiều tháng liên tục nỗ lực trước khi có thể nói: chúng ta đã hoàn thành bổn phận của mình, của những người cộng sản, bổn phận của các thành viên Liên đoàn.

Hỡi anh em! Với niềm tin tưởng hoàn toàn rằng cũng như chúng tôi, các đồng chí sẽ cảm nhận được tính chất quan trọng của bối cảnh này; với niềm tin tưởng hoàn toàn rằng cả trong hoàn cảnh khó khăn này các đồng chí cũng sẽ đáp ứng được với tình hình, chúng tôi tin tưởng dựa vào các đồng chí, dựa vào lòng trung thành của các đồng chí đối với sự nghiệp chung! Chúng tôi biết rằng lòng thèm khát kiếm chác bĩ ổi của giai cấp tư sản không để cho các đồng chí có được một giây phút để đấu tranh vì sự nghiệp chung của chúng ta; chúng tôi biết rằng giai cấp tư sản giảm đến tối đa mức tiền công chết đói mà các đồng chí nhận được cho sự lao động nặng nhọc của mình; chúng tôi biết rằng chính bây giờ các đồng chí đặc biệt bị khổ sở vì đói và vì cuộc khủng hoảng, chúng tôi biết rằng giai cấp tư sản đang truy nã các đồng chí, bắt bớ, huỷ hoại sức khoẻ của các đồng chí, uy hiếp cuộc sống của các đồng chí một khi các đồng chí vẫn tìm được thời gian và tiền bạc để hành động vì lợi ích của sự nghiệp chung. Chúng tôi biết tất cả những cái đó, nhưng bất chấp tất cả, không một phút nào chúng tôi do dự trong việc đòi hỏi ở các đồng chí những sự hy sinh mới về tiền bạc và kêu gọi các đồng chí tăng gấp đôi những nỗ lực của mình. Bởi lẽ bản thân chúng tôi sẽ buộc phải hủ thẹn mà từ bỏ tham gia phong trào nếu như chúng tôi không biết rằng những người bầu ra chúng tôi, để có những quyết định vì hạnh phúc chung, đã sẵn sàng kiên quyết

và lập tức thực hiện các quyết định của chúng tôi, nếu như chúng tôi không biết rằng trong Liên đoàn của chúng ta *không* có ai không coi lợi ích của Đảng cộng sản, việc lật đổ giai cấp tư sản và thắng lợi của cộng đồng, là sự nghiệp thiết thân nhất, đáng quý nhất; nếu như chúng tôi không biết rằng những người có đủ quyết tâm để gia nhập Liên đoàn, là việc làm kéo theo những hiểm nguy lớn, cũng có đủ quyết tâm và sức mạnh để chống lại những hiểm nguy ấy, để làm cho Liên đoàn trở thành một tổ chức lớn và hùng mạnh ở toàn châu Âu; sau cùng nếu chúng tôi không biết rằng những người như vậy trở nên càng dũng cảm, càng phấn khởi một khi những trở ngại gặp phải trên con đường của họ càng lớn.

Hỡi anh em! Chúng ta đại diện cho một sự nghiệp vĩ đại, tuyệt vời. Chúng ta tuyên bố thực hiện một cuộc cải tạo vĩ đại nhất trong lịch sử - một cuộc cải tạo mà xét về tính chất căn bản và xét về kết quả thì không có cuộc cải tạo nào trong lịch sử thế giới sánh được với nó. Chúng ta không biết liệu chúng ta sẽ có cơ hội được hưởng những thành quả của công cuộc cải tạo này hay không. Nhưng chúng ta biết *một điều* là cuộc cải tạo ấy đang đến gần một cách không thể cưỡng lại được. Chúng ta thấy rằng đâu đâu, ở Pháp, ở Đức, ở Anh, ở Mỹ, quần chúng vô sản phần nọ cũng tham gia phong trào và đôi khi chưa vững tin, nhưng họ đòi hỏi ngày càng lớn tiếng và rõ ràng phải được giải phóng khỏi quyền lực của đồng tiền, khỏi các xiềng xích của giai cấp tư sản. Chúng ta thấy rằng giai cấp tư sản ngày càng trở nên giàu có, rằng đẳng cấp trung lưu ngày càng bị phá sản và rằng bản thân quá trình phát triển lịch sử dẫn đến cuộc cách mạng vĩ đại sẽ nổ ra vào đúng lúc do tình trạng bần cùng của nhân dân và do thái độ xác xược của bọn nhà giàu. Hỡi anh em, tất cả chúng ta hy vọng sẽ sống đến ngày ấy, và nếu điều đó chưa xảy ra vào mùa xuân năm ngoái như đã dự báo trong lời kêu gọi của Hội đồng nhân dân^{251*}, nếu như chúng ta chưa thể cầm vũ khí được, thì mong

anh em đừng để bị người ta đẩy vào sự lầm lạc! Cái ngày ấy sẽ đến, và vào ngày ấy quần chúng nhân dân siết chặt hàng ngũ, sẽ đập tan quân đội đánh thuê của bọn tư bản, - đến ngày ấy sẽ thấy rằng Liên đoàn của chúng ta là gì và nó hành động như thế nào! Nếu như chúng ta không có cơ hội hưởng *tất cả các* thành quả của cuộc đấu tranh vĩ đại, nếu như hàng trăm người trong chúng ta sẽ hy sinh dưới làn đạn của giai cấp tư sản, thì tất cả chúng ta, ngay cả những người đã hy sinh, dù sao cũng đã trải qua *đấu tranh*, và cuộc đấu tranh ấy, bản thân thắng lợi ấy xứng đáng với một cuộc đời tràn đầy sự lao động khẩn trương nhất.

Đến đây chúng tôi xin kết thúc. Chúc các đồng chí gặp mọi điều tốt đẹp!

Thay mặt đại hội

Thư ký
Hây-đơ^{1*}

Chủ tịch
Các Si-lơ^{2*}

Luân Đôn, ngày 9 tháng Sáu 1847

ông bố lần đầu trong cuốn sách "Grundungsdokumente des Bundes der Kommunisten (Juni bis September 1847)".

Hamburg, 1969

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu
trong tạp chí "Những vấn đề
lịch sử Đảng Cộng sản Liên
Xô" số 1, 1970*

1* Bí danh của V.Vôn-phơ trong Liên đoàn.

2* Bí danh của C.Sáp-pơ trong Liên đoàn.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN
Ở LUÂN ĐÔN GỬI CHI HỘI CỦA LIÊN ĐOÀN
Ở HĂM-BUỐC²⁵²

Luân Đôn, ngày 24 tháng Sáu 1847

Anh em thân mến!

Chúng tôi đã nhận được bức thư của các đồng chí đề ngày 18 tháng này cùng với bản phụ lục Béc-lin và chúng tôi vui mừng được biết rằng, vẫn như trước đây, các đồng chí tỏ ý sẵn sàng đấu tranh bằng lời nói và việc làm cho quyền lợi của chúng ta.

Chúng tôi chuyển tới cho các đồng chí bức Thông tri của đại hội gửi Liên đoàn, cũng như bản Điều lệ mới và bản dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa và đề nghị các đồng chí trả lời càng sớm càng tốt về sáu câu hỏi dưới đây, để chúng tôi có thể lập tức bắt đầu các công việc chuẩn bị cần thiết cho việc tổ chức đại hội lần thứ hai:

1. Các đồng chí có hài lòng với hoạt động của đại hội và có đồng ý với các nghị quyết đã thông qua tại đại hội này hay không;
2. Các đồng chí chấp nhận hay là bác bỏ Điều lệ mới;
3. Các đồng chí có thể cung cấp số tiền cần thiết trong một quý hoặc trong nửa năm để phục vụ vào các mục đích đã nêu trong Thông tri của đại hội hay không, và các đồng chí có thể cung cấp tiền với mức nào;

4. Các đồng chí đã thành lập Khu hội chưa, nếu chưa thành lập thì các đồng chí thành lập Khu hội với địa phương nào thì dễ dàng hơn cả và tốt hơn cả. - Xin tham khảo điều 14 trong Điều lệ^{1*};

5. Có cần dành tạp chí của Liên đoàn, dự định xuất bản vào tháng Tám, cho địa phương các đồng chí hay không và với số lượng bao nhiêu bản;

6. Các tư tưởng xã hội và cộng sản chủ nghĩa có được truyền bá trong dân chúng địa phương các đồng chí hay không và bằng những phương tiện nào, và những tư tưởng ấy được hưởng ứng ra sao.

Tiếp nữa, chúng tôi đề nghị các đồng chí thảo luận một cách nghiêm túc nhất dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa và thông báo cho chúng tôi càng sớm càng tốt, tất cả những điểm mà các đồng chí cho là nên bổ sung và sửa đổi, để chúng tôi có thể hệ thống hoá lại và trình lên kỳ đại hội tới đây để thảo luận, đại hội ấy phải soạn thảo lần cuối văn bản Biểu tượng niềm tin.

Cũng sẽ tốt, nếu ngay từ bây giờ các đồng chí quyết định xem liệu các đồng chí có thể một mình hoặc cùng với địa phương khác cử một đại biểu đến dự kỳ đại hội tới hay không và thông báo cho chúng tôi biết về quyết định của mình.

Chúng tôi hy vọng rằng các đồng chí sẽ làm tất cả những gì mà sức mình cho phép làm để củng cố và tổ chức ra Liên đoàn ở An-tôn, Mác-đơ-buốc, Béc-lin v.v., vì vậy chúng tôi đề nghị các đồng chí hết sức cố gắng cung cấp Điều lệ, dự thảo

1* Xem tập này, tr.573-574.

Biểu tượng niềm tin, cũng như Thông tri của đại hội cho các thành viên của Liên đoàn hiện có ở những địa phương kể trên.

Cuối cùng chúng tôi một lần nữa phải lưu ý các đồng chí rằng vì hiện nay chỉ có đại hội mới có quyền sửa đổi điều lệ, cho nên các đồng chí chỉ cần thông báo cho biết các đồng chí có chấp nhận điều lệ hay không; còn nếu các đồng chí thấy cần có những điểm sửa đổi hoặc bổ sung nào đó, thì chúng tôi đề nghị các đồng chí gửi cho chúng tôi các đề nghị của các đồng chí về vấn đề này, và về phía mình chúng tôi sẽ trình những đề nghị ấy lên đại hội tới để đại hội thảo luận và đưa ra quyết định.

Các anh em, đến đây chúng tôi xin kết thúc. - Chúng tôi hy vọng *mau chóng* nhận được của các đồng chí những tin tức tốt đẹp, gửi đến tất cả các đồng chí lời chào nồng nhiệt.

Thay mặt và được sự uỷ nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

Bí thư: ***I-ô-xíp Môn*** Chủ tịch ***Các Sáp-pơ***

Vì V.Ma-rơ đang có mặt ở Hăm-buốc và chắc chắn các đồng chí đã trực tiếp biết nhân vật ấy, cho nên chúng tôi xin hỏi các đồng chí có cho rằng có thể và nên thu hút nhân vật này tham gia công việc của chúng ta hay không?

Địa chỉ: bà Rô-xơ

44 phố Se-xtơ, đường Kê-ninh-tơn Luân Đôn

*Công bố lần đầu trong
cuốn sách*

*"Grundungsdokumente
des Bundes der
Kommunisten (Juni
bis September 1847)".
Hamburg, 1969*

*In theo
bản*

*viết tay
Nguyễn
văn là
tiếng
Đức
In bằng*

*tiếng
Nga
lần đầu*

THƯ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG GỬI LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN THÁNG CHÍN 1847

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG GỬI LIÊN ĐOÀN²⁵³

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

Hỡi anh em,

Đã ba tháng trôi qua từ khi đại hội kết thúc công việc và từ khi các đồng chí nhận được Thông tri của Ban Chấp hành Trung ương^{1*}. Vì vậy, chúng tôi lại trình bày với các đồng chí bản báo cáo tổng kết hoạt động của chúng tôi trong thời gian qua và chúng tôi điểm lại tình hình của Liên đoàn trong thời gian hiện nay.

Chúng tôi lấy làm tiếc rằng chúng tôi không thể thông báo với các đồng chí những tin tức rất đáng mừng, nhưng chúng tôi đã quyết định chỉ nói sự thật về mọi cái với các đồng chí, dù sự thật ấy có như thế nào đi nữa. Một số người có xu hướng nghĩ rằng bao giờ cũng chỉ nên nhấn mạnh những mặt tốt đẹp trong tình hình của chúng ta, để mọi người đừng mất tinh thần; ngược lại, chúng tôi giữ quan điểm rằng tất cả mọi người phải biết về những khó khăn đặc biệt và nhiều mặt trong cuộc đấu tranh mà chúng ta đang tiến hành. - Một người chân chính

1* Xem tập này, tr.579-597.

thì không khiếp sợ trước điều đó, mà ngược lại, điều đó sẽ thôi thúc có những hành động tích cực hơn.

Chùng nào Liên đoàn của chúng ta chưa có đủ lực lượng và chưa được củng cố, chùng nào nó chưa tích cực tham gia vào các sự kiện đương thời, thì ảnh hưởng của chúng ta vẫn chưa lớn. - Tuy nhiên, chúng ta giờ đây đã có nền móng mới và ở một số nơi người ta đã hành động tuông như với một cao trào mới, song nhìn chung chúng ta còn rất xa với trình độ mà lẽ ra từ lâu chúng ta đã phải vươn tới rồi. - Sau khi gửi Thông tri của đại hội đi rồi, chúng tôi hy vọng nhận được từ khắp nơi những câu trả lời thuận lợi và xác định. - Ban Chấp hành Trung ương đã gửi bức thư kèm theo^{1*} Thông tri, bức thư ấy đã nhấn mạnh một lần nữa những vấn đề cần được trả lời, và đã đề nghị gửi đến câu trả lời nhanh chóng và xác định.

Tạm thời chúng tôi mới chỉ nhận được câu trả lời xác định của Ban Chấp hành khu Bruy-xen^{2*}. Từ các địa phương khác người ta đã thông báo cho chúng tôi biết rằng họ đã nhận được Thông tri, cảm ơn về những sự cố gắng của chúng tôi, đưa ra một số nhận xét chung, tất cả chỉ có thể thôi.

Tại sao lại có thái độ lơ là như vậy và thái độ ấy có thể đưa chúng ta đến đâu? - Nhiều người vô sản Đức mơ ước trở thành những người tự do, nhưng nếu họ sẽ không hành động kiên quyết hơn từ trước đến nay thì quả thật họ sẽ không tiến xa được. - Những con bồ câu rán sẽ không tự chúng bay vào miệng chúng ta. - Nhiều người gặp phải trở ngại trong hành động do sức ì tinh thần của họ; tuy nhiên, những người khác thì nói nhiều, nhưng khi vấn đề đi đến chỗ cần có những hy sinh về tiền bạc thì họ lại có những bộ mặt nã nể, họ nghĩ

1* Xem tập này, tr.598-600.

2* Trong nguyên bản có chú thích cuối trang như sau: "Hôm qua chúng tôi đã nhận được một bức thư từ Lai-pxích, xin xem ở phía dưới" (xem tập này, tr.608-609).

ra đủ mọi lý do biện bạch và họ chẳng đóng góp gì cả: những người khác nữa thì tỏ ra khá hèn nhát như những tay tư sản, đầu đầu họ cũng chỉ thấy những tay chân của cảnh sát và bọn sen dâm và họ luôn luôn cho rằng chưa đến lúc hành động. Nhìn vào tất cả những cái đó người ta có thể rơi vào những cơn đau nhói. Phần lớn những người vô sản - hơn nữa là những người có năng lực hoạt động nhất sống ở Xi-lê-di, Dắc-den, vùng Ranh thuộc Phổ, Ve-xtơ-pha-li và ở Hét-xen thì gần như hoặc hoàn toàn không có sự lãnh đạo, ít ra là sự lãnh đạo của những người cộng sản.

Vì vậy, một lần nữa chúng tôi kêu gọi các thành viên thuộc Liên đoàn của chúng ta sau cùng hãy tỉnh giấc và bắt tay vào việc và trước hết đưa ra câu trả lời rõ ràng cho Thông tri của đại hội, để ít ra chúng tôi biết được chúng tôi có thể trông cậy vào ai.

Sau khi đại hội kết thúc, chúng tôi đã gửi Thông tri của đại hội, bản Điều lệ mới, biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa và bức thư kèm theo của Ban Chấp hành Trung ương đến mười thành phố của Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Đức và Thụy Điển là những nơi có các chi hội của Liên đoàn. - Ngoài ra từ Luân Đôn chúng tôi đã cử hai phái viên toàn quyền sang Mỹ, một phái viên đến Na Uy, một phái viên đến Đức và một phái viên đến Hà Lan^{1*}. - Tất cả những phái viên ấy đã hứa với Ban Chấp hành Trung ương làm tất cả những gì mà sức họ cho phép, và lập tức lập ra những chi hội mới ở những địa phương mà họ dừng chân, và gắn các chi hội ấy với chúng tôi.

Căn cứ vào nghị quyết của đại hội, cơ quan ngôn luận mới của Liên chi đoàn^{2*} phải được ấn hành vào tháng Tám; người ta đã hứa gửi bài cho tạp chí này cũng như ủng hộ nó về tiền

1* Chắc chắn đây có ý nói đến I.Đô-lơ.

2* - "Kommunistische Zeitschrift".

bạc; ngoài ra đã kêu gọi tất cả mọi thành viên của Liên đoàn giúp đỡ, tùy theo sức họ. Tiếc thay, về phương diện này đa số lời hứa vẫn dừng lại ở lời nói. Trừ Khu Bruy-xen - hàng tháng nó gửi đến một pao xtéc-linh để in và năm phrăng để tuyên truyền, và ngoài người anh em Han-đơ đã gửi bài đến cho chúng tôi thì cho đến nay chúng tôi chưa nhận được gì của ai cả. - Ban biên tập mà người ta hứa từ ngày này sang ngày khác gửi những bài cần thiết cho nó thì cuối cùng, nó đã buộc phải tự mình làm mọi việc để xuất bản, ít ra là số in thử. Nếu sau này chúng tôi không có được sự ủng hộ lớn hơn từ trước đến nay thì cả trong việc này chúng ta cũng không tiến xa được. Để đưa xướng in của chúng ta vào tư thế hoàn toàn sẵn sàng, để ngoài cơ quan ngôn luận của Liên đoàn ra chúng ta có thể ấn hành cả truyền đơn và những cuốn sách nhỏ nữa thì chúng ta còn thiếu 600 phrăng. Chỉ trong phạm vi Luân Đôn thôi thì chúng tôi không thể kiếm đủ số tiền ấy được.

Từ khi gửi Thông tri của đại hội đi, chúng tôi đã nhận được các thông báo từ những địa phương sau đây:

^{1*}*Thụy Điển*. Từ chỗ phái viên^{2*} do chúng tôi cử đi - phái viên này đã đi qua ngã Hen-xin-gơ để đến Thụy Điển và đã đi bộ khắp đất nước - chúng tôi có nhận được bức thư đề: Up-xa-la, ngày 23 tháng Năm. Ở đây, tại Luân Đôn, do đồng chí ấy không mang theo gì cả, nên đồng chí ấy đã chất đầy va li những truyền đơn cộng sản và đã đưa an toàn số truyền đơn ấy qua biên giới vào Thụy Điển. - Đồng chí ấy cho chúng tôi biết rằng tại tất cả các thành phố có công nhân Đức, đồng chí ấy đều gặp gỡ họ ở các xưởng thợ, phân phát cho họ các truyền đơn của chúng ta, và công tác tuyên truyền của đồng chí ấy đã nhận

1* Trong bản viết tay, ở đầu đoạn này ghi số 1.

2* Ý nói Au-gu-xtơ An-dốc-xơ, sau này có bí danh là "Láp-lan-đét-xơ".

được một sự hưởng ứng sống động. Đáng tiếc là đồng chí ấy, vì không kiếm được việc làm, nên đã không thể lưu lại đủ lâu ở một địa phương để thành lập các chi hội. - Tại Xtốc-khôm đồng chí ấy đã trao lại cho chi hội địa phương (tiền đồn cộng sản của chúng ta ở miền Bắc) hai bức thư đầu của Ban Chấp hành Trung ương²⁵⁴, và những thông báo của đồng chí ấy đã đem lại dũng khí cho anh em ở đó. - Từ Xtốc-khôm đồng chí ấy đến Up-xa-la, từ đấy đi đến Hơ-vlơ, tại đó đồng chí ấy có đi làm một thời gian, còn bây giờ thì đang trên đường đến U-mê-ô và Toóc-nê-ô. Phái viên cộng sản có mặt trong hàng ngũ những người Láp-lan-đét-xơ!

Một thành viên của Liên đoàn, từ Các-lơ-xru-na đến Luân Đôn đã kể lại cho chúng tôi: người anh em K., trước kia từng sống ở Pa-ri và Luân Đôn, đã thành lập các chi hội ở V., và ở đó Liên đoàn đã có hơn 100 thành viên. Người anh em đến từ Các-lơ-xru-na đã cho chúng tôi địa chỉ của K, thế là chúng tôi đã gửi cho người ấy bức thư này cùng với bản Điều lệ mới và bức thư gửi riêng cho các thành viên ở đó của Liên đoàn. - Từ Xtốc-khôm chúng tôi nhận được bức thư đề ngày 8 tháng Bảy. Anh em của chúng ta ở đấy rất nhiệt tình tán thành những nguyên tắc của chúng ta. Người anh em Phoóc-xen, thành viên của Liên đoàn, trong một cuốn sách mỏng viết bằng tiếng Thụy Điển, đã trả lời một vị cha cố công khai đả kích chủ nghĩa cộng sản; trong cuốn sách này Phoóc-xen đã giải thích những nguyên tắc của chúng ta cho cả nhân dân biết nữa²⁵⁵. - Báo "*Aftonbladet*" tờ báo lớn nhất ở Thụy Điển, cũng bảo vệ chủ nghĩa cộng sản chống lại đám cha cố. Họ viết tiếp cho chúng tôi: "Đáng tiếc là Hội giáo dục ở Xtốc-khôm mà trước kia chúng ta coi là nấc thang chuẩn bị đi vào chủ nghĩa cộng sản thì nay đã rơi và tay bọn phi-li-xtanh. Nhưng bên trong Hội Xcan-đi-na-vơ ở đây²⁵⁶ mà tất cả chúng tôi là thành viên và một người trong số chúng tôi là chủ tịch, những thành phần dân chủ thật sự chiếm đa số, chúng tôi tuyển chọn các thành

viên của mình chính là từ hội này". Ngay sau khi nhận được bức thư ấy, chúng tôi viết lại, bằng chữ cái la-tinh, bản Thông tri của đại hội. Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa và bản Điều lệ, vì đa số người Thụy Điển không biết các chữ cái gô-tích, và chúng tôi đã gửi tất cả những thứ đó cho họ qua bưu điện. - Chúng tôi chờ đợi thư trả lời bức thư cuối cùng ấy.

Đức. Cách đây gần sáu tuần có một phái viên được cử từ đây đến Béc-lin, mang theo bức thư của chúng tôi gửi cho những người anh em ở đấy và phái viên này có nhiệm vụ khích lệ họ. - Phái viên ấy có ý định lưu lại ở đó khoảng một tuần lễ, sau đó đi Lai-pxích và từ đó gửi cho chúng tôi bản báo cáo. Chúng tôi hy vọng mau chóng nhận được thông báo.

Những người anh em ở Br.^{1*} báo cho chúng tôi biết họ đã nhận được những bức thư của chúng tôi và họ hứa trong thời gian gần nhất sẽ trả lời cặn kẽ những bức thư ấy, nhưng tạm thời việc này chưa được thực hiện.

Những người anh em ở Hăm-buốc đã xác nhận rằng đã nhận được những bức thư của chúng tôi và tỏ ý lấy làm tiếc về việc thay đổi tên gọi Đồng minh những người chính nghĩa mà họ muốn khôi phục lại tên gọi ấy; tiếp nữa, họ tuyên bố rằng họ hoàn toàn không hài lòng khi người ta đã kích một cách gay gắt như vậy đối với những người ủng hộ V.Vai-tlinh và Gruyn như đã làm trong Thông tri của đại hội. Họ đề nghị giữ thái độ ôn hoà, sự thống nhất và họ nói: "Nếu một người đứng thấp hơn hoặc cao hơn một nấc so với nguyên tắc thì chúng ta không được đả kích người ấy và chia rẽ hàng ngũ chúng ta, bởi vì - theo ý kiến của các vị - làm sao chúng ta có thể hành động được nếu chúng ta muốn tỏ thái độ phiến diện như vậy; chúng ta thu hút về phía mình tất cả những lực lượng tiến bộ và

chúng ta cố gắng, bằng con đường thuyết phục, dần dần làm cho họ ngã theo những tư tưởng của chúng ta".

Bác bỏ ý kiến của những người anh em ở Hăm-buốc, chúng ta phải nói rằng những nguyên nhân thúc đẩy phải thay đổi tên gọi của Liên đoàn được dẫn ra trong Thông tri của đại hội thì rất cơ bản, và nếu không đưa ra được những ý kiến bác bỏ có luận cứ nghiêm chỉnh thì Ban Chấp hành Trung ương, trong kỳ đại hội tới, sẽ bảo vệ việc duy trì tên gọi Đồng minh những người cộng sản. - Tên gọi này thật sự biểu hiện chúng ta là gì và chúng ta muốn gì trong khi tên gọi cũ lại không phản ánh được điều đó. Tên gọi Liên đoàn những người chính nghĩa biểu thị tất cả và không gì cả, còn chúng ta thì phải rõ ràng dứt khoát. - Vì vậy, mong rằng những người anh em ở Hăm-buốc một lần nữa đọc kỹ những luận cứ được dẫn ra trong Thông tri. Nếu họ bác bỏ được những luận cứ đó thì lúc ấy chúng tôi sẽ đồng ý với họ, nhưng chúng tôi không thể tính đến chỉ nguyên những biểu hiện tình cảm được.

Về điểm thứ hai chúng tôi muốn nhận xét rằng phái Vai-tlinh và Gruyn tuyệt nhiên không bị công kích, họ chỉ được giới thiệu một cách đích thực. - Đã đến lúc phải thức tỉnh, chúng ta không thể ước mơ và loay hoay với những học thuyết khiến chúng ta mất đi mọi tính tích cực nữa, chúng ta không muốn có quan hệ với những người chết. Phái Gruyn là những người nói nhiều về bình đẳng mà không hiểu ý nghĩa của từ ngữ đó, họ có thái độ phê phán đối với mọi cái, chỉ trừ bản thân mình, tóm lại, họ là những người tự phụ nói nhiều và không làm gì cả. Chúng ta không phải là những tên tư sản giọng lưỡi ngọt xớt, và vì vậy chúng ta nói không phải bằng những lời ám chỉ, mà nói thẳng ra, nghĩa là chúng ta gọi các sự vật bằng tên thật của chúng.

Trong Liên đoàn đã hơn mười năm nay người ta cổ súy sự đúng mực, thái độ thận trọng và sự thống nhất, nhưng với tất

1* Có thể, đây là nói Brê-men hoặc Bre-xlau (Vrò-xláp).

cả những sự cố sớ ấy, với tất cả tình thương yêu huynh đệ chúng ta hầu như đã không làm được gì cả và đến năm gần đây nhất thì gần tan rã. - Chúng ta cần phải thay đổi các phương pháp của mình; thật là không chính đáng nếu đòi hỏi chúng ta suốt đời làm những việc không đâu vào đâu và chỉ ngồi mơ ước. - Chúng tôi kiên trì ý kiến dưới đây: 100 người làm được việc thì tốt hơn là 1000 người mà một nửa số đó là những kẻ không có quyết tâm và thờ ơ. - Thay vì dừng lại và giúp những người kém năng lực tiến bước thì chúng ta dừng cảm lao lên phía trước, có thể điều đó sẽ buộc cả những người khác phải cố gắng lên. - Tuy nhiên, hình như những người anh em ở Hăm-buốc đã đạt được không nhiều lắm bằng thái độ ôn hoà của mình, bởi vì họ không viết gì về việc gửi tiền cho công tác tuyên truyền và in ấn, còn về cơ quan ngôn luận của Liên đoàn thì họ tuyên bố rằng do nạn thất nghiệp gia tăng nên họ chỉ có thể mua mấy số ấn phẩm ấy mà thôi.

Ở đây, chúng tôi phải giải thích rằng mỗi thành viên của Liên đoàn đều có *bốn phần* phải mua một bản tạp chí ấy; nếu người ấy không thể trả tiền mua tạp chí ấy thì chi hội mà người ấy là thành viên hãy làm việc đó.

Hỡi anh em, một lần nữa chúng tôi kêu gọi anh em; chúng ta dùng phung phí tất cả sức lực của mình vào sự ôn hoà không đúng lúc, vào việc đoàn kết những khuynh hướng đối lập nhau, dùng trở thành trò cười cho các đảng phái khác - chúng ta có thể đạt được thắng lợi chỉ cần chúng ta muốn, còn nếu chúng ta muốn thì chúng ta chẳng cần gì ngoài sự dũng cảm! sự dũng cảm! sự dũng cảm! Nếu người ta không muốn hoặc không thể đi xa đến mức như chúng ta đang làm, - không hề chi, nếu họ có những ý định trung thực thì chúng ta không từ chối quý trọng họ, nhưng nếu người ta kêu gọi chúng ta quay trở lại phía sau để đoàn kết với những kẻ rút lui thì chúng ta tuyên bố: không bao giờ!

Những người anh em chúng ta ở Lai-pxích từ lâu đã viết rằng một số thành viên của Liên đoàn, vì hoảng sợ trước giọng có phần gay gắt trong bức thư của Ban Chấp hành Trung ương, nên đã rời bỏ hàng ngũ của Liên đoàn. Những người khác thì hứa giữ lòng trung thành với tổ chức và làm mọi việc mà sức họ cho phép. - Chúng ta chỉ có thể chúc mừng những người anh em ở Lai-pxích về việc họ đã thoát khỏi những người mà không một ai trong số họ có đủ dũng cảm để trở thành con người chân chính. Bức thư từ Lai-pxích mà chúng tôi nhận được hôm qua đã được viết với một văn phong hoàn toàn khác, mạnh mẽ hơn bức thư trước đó, - rõ ràng là chi hội ở đó đã khắc phục được thái độ thiếu kiên quyết của mình.

Trước hết chi hội ở Lai-pxích cho rằng cần làm cho Biểu tượng niềm tin có được tính chất khoa học hơn và có thể dễ hiểu đối với tất cả các giai cấp trong xã hội - Chi hội ấy đề nghị hầu như hoàn toàn chỉnh lý văn kiện ấy và đưa ra những lý do để làm việc ấy. Chúng tôi sẽ trình những điểm sửa đổi được kiến nghị lên đại hội sắp tới để thảo luận. Ban Chấp hành Trung ương đồng ý với đa số đề nghị được nêu trong bức thư. Tiếp nữa chi hội ấy tuyên bố rằng nó có ý định mua thêm 12 bản tạp chí nữa, ngoài những bản ấn định cho các thành viên của chi hội, để phổ biến chúng. Nếu tất cả các chi hội đều noi gương của chi hội Lai-pxích thì cơ quan ngôn luận của Liên đoàn sẽ có thể xuất bản hàng tuần và được bán với giá rẻ một nửa. - Đối với các khoản đóng góp cho tuyên truyền và xuất bản, chúng tôi đề nghị chuyển cho chúng tôi càng sớm càng tốt. - Chúng tôi hy vọng rằng ở Lai-pxích sắp sửa xuất hiện chi hội thứ hai; nhưng nếu điều đó không xảy ra thì chi hội thứ nhất có thể nhập với các chi hội ở B.^{1*}; chúng tôi sẽ có những biện pháp để thực hiện việc này.

1* Chắc là ở Béc-lin.

Từ M.^{1*} chúng tôi chưa nhận được thông báo nào và ở đó chúng tôi không biết một địa chỉ nào cả, vì thông tin viên của chúng tôi ở đó hình như đã rời đi Pa-ri rồi. - Chúng tôi sẽ cố gắng khôi phục liên lạc với các chi hội ở đó càng nhanh càng tốt.

Chúng tôi không thể gửi Thông tri của đại hội đến Ma-in-xơ bằng bưu điện. - Chỉ mới cách đây một tháng có một thành viên ở đây của Liên đoàn đã được phái đến đó, chúng tôi đã cung cấp mọi thứ cho người ấy. - Vì vậy chúng tôi chưa thể nhận được lời phúc đáp nào từ đó. Trong bức thư nhận được của các thành viên của Liên đoàn ở Ma-in-xơ người ta thông báo cho chúng tôi rằng ở đây người ta đang dự tính thành lập một chi hội thứ hai, do vậy sẽ lập ra Khu hội. - Cảnh sát thường xuyên theo dõi những người anh em của chúng ta ở Ma-in-xơ. Song điều đó lại càng cổ vũ họ tích cực đấu tranh vì sự nghiệp của chúng ta. - Vinh dự thay và vinh quang thay cho những người vô sản dũng cảm ở Ma-in-xơ; nếu đâu đâu trong nước Đức người ta cũng hành động như ở đó thì tình hình của chúng ta sẽ tuyệt vời.

Hà Lan. Ở Am-xtéc-dam có Hội giáo dục, hội này có liên hệ với chúng ta và trong hàng ngũ hội này có những người làm được việc. - Cách đây ba tuần chúng tôi đã cử đến đó một phái viên toàn quyền^{2*} nhằm mục đích thành lập chi hội²⁵⁷.

Mỹ. Phái viên được cử từ đây đến Niu Oóc vào mùa xuân này đã vẽ ra cho chúng tôi một bức tranh đáng buồn về tình hình của Liên đoàn ở Tân Thế Giới. - Liên đoàn ở Niu Oóc đã có được những thành tựu to lớn khi Vai-tlinh tới đó^{3*} và thắp lên ở đó ngọn đuốc hiêm khích. - Bắt đầu nổ ra những

1* Chắc chắn là từ Muyn-khen.

2* - I.Đô-lơ.

3* - đầu năm 1847.

cuộc tranh cãi ác liệt tại các cuộc họp mà hậu quả là toàn bộ tổ chức đã tan rã. - Trước kia các chi hội ở Niu Oóc thường xuyên kêu gọi chúng tôi hãy ôn hoà và họ khẩn thiết yêu cầu giảng hoà với Vai-tlinh; còn giờ đây, hai tuần lễ sau khi Vai-tlinh tới đó, khi mà chính bản thân họ lao vào cuộc tranh cãi khốc liệt với ông ta thì các thông tin viên đã nản lòng đến nỗi họ không còn viết tin cho chúng tôi nữa, để khỏi buộc phải tiết lộ tình hình bí mật của Liên đoàn sở tại. - Điều này được phái viên đang có mặt ở đó thông báo cho chúng tôi hay; trong bối cảnh đó phái viên ấy đã không thể làm được gì ở Niu Oóc và đã bỏ đến bang Uy-xcôn-xin, tại đó ông ấy hứa đem hết sức ra để tác động có lợi cho sự nghiệp của chúng ta.

Tại Phi-la-đen-phi-a còn có nhiều thành viên của Liên đoàn, chúng tôi đã khẩn thiết yêu cầu họ khôi phục lại các chi hội ở đó. - Chúng tôi đã uỷ quyền cho hai phái viên - mà cách đây vài tuần đã từ đây đến Niu Oóc và Phi-la-đen-phi-a, - dồn mọi sức lực để khôi phục Liên đoàn các địa phương ấy trên cơ sở bản Điều lệ được hoàn thiện.

Pháp. Tại Mác-xây tình hình vẫn không thay đổi. - Đã có một số thành viên của Liên đoàn được phái từ Li-ông tới đó, họ hứa làm tất cả những gì có thể làm được để thổi luồng sinh khí mới vào Liên đoàn ở đó.

Từ Li-ông người ta cho biết rằng các thành viên của Liên đoàn đang hoạt động theo sức mình và đang thảo luận Biểu tượng niềm tin. - Khu hội Li-ông tán thành bản Điều lệ mới, trừ chương 7 liên quan đến việc kết nạp hội viên mới. - Các hội viên ở Li-ông cho rằng không nên đòi hỏi những người được kết nạp phải tuyên thệ, bởi vì đã có nhiều trường hợp người ta hứa đủ thứ nhưng không thực hiện điều gì cả; cần chủ yếu chú ý đến hành vi của con người. - Chúng tôi lưu ý các hội viên ở Li-ông rằng điều cần phải có không phải là sự tuyên

thệ mà là lời nói trung thực. Tiếp nữa, các hội viên ở Li-ông viết:

"Vì hồi tháng Chín chúng tôi lại rơi vào tình trạng gay cấn, cho nên chúng tôi đề nghị các đồng chí hỏi các hội viên ở Pa-ri xem họ liệu có thể cử một số hội viên làm được việc sẵn sàng hy sinh quên mình vì sự nghiệp chung và chọn Li-ông là nơi cư trú trong một thời gian, có được không. Tất cả các hội viên già của Liên đoàn đều có ý định ra đi và vì thế không có đủ những người *có thể đảm nhận* việc lãnh đạo.

Vì vậy các đồng chí hãy cố gắng ngăn ngừa nguy cơ tan rã.

Về tạp chí sẽ được các đồng chí xuất bản, thì chúng tôi chưa thể xác định số lượng bản mà chúng tôi có thể mua, vì mọi cái đều có thể đi theo chiều hướng khác".

Người ta không thông báo gì về tiền dùng vào việc in ấn và tuyên truyền.

Chúng tôi khẩn thiết đề nghị anh em ở Pa-ri cử càng nhanh càng tốt một số hội viên làm được việc của Liên đoàn đến Li-ông.

Từ Pa-ri người ta viết cho chúng tôi rằng ở đó bản Điều lệ đã được nhất trí chấp nhận, rằng các chi hội đang thảo luận Biểu tượng niềm tin và rằng số lượng các hội viên của Liên đoàn đã tăng lên đáng kể. Tạm thời chúng tôi chưa biết kết quả cuộc thảo luận, cũng không có tin về việc người ta có quyền góp tiền dùng vào mục đích in ấn và tuyên truyền hay không. Tuy nhiên, vinh dự thay cho các hội viên ở Pa-ri, cần phải nói rằng gần đây họ đã quyên góp được những khoản tiền lớn, đã cử đại biểu^{1*} đến dự đại hội và cử phái viên đến Thụy Sĩ^{2*}.

1* - Ph.Ăng-ghen.

2* - X.Boóc-nơ.

Qua bức thư riêng của một hội viên của Liên đoàn ở Pa-ri, được chuyển đến Ban Chấp hành Trung ương^{1*}, người ta thấy rằng, trong các chi hội Pa-ri, thật đáng tiếc, còn có nhiều người cho đến nay chưa thoát ra khỏi tư tưởng phi lý của Gruyn và những tư tưởng rất độc đáo của Pru-ông. Cảm thấy kỳ lạ là những con người ấy, tuy là hội viên của Liên đoàn những người cộng sản, nhưng lại bác bỏ chủ nghĩa cộng sản; họ muốn có bình đẳng, chỉ có thể thôi. - Những sự lục đục nội bộ ấy có lẽ là nguyên nhân khiến chúng tôi rất hiếm khi nhận được thông báo từ Pa-ri. Pru-ông cũng đã trở thành một nhà triết học Đức thực thụ đến mức là bản thân ông ta không biết mình muốn gì. Gruyn đã làm cho các quan điểm của Pru-ông càng mù mờ hơn nữa, vì thế vị tất có thể đòi hỏi phải có sự rõ ràng ở những người ủng hộ các học thuyết của hai vị trưởng phụ ấy. - Chúng tôi kêu gọi những người ủng hộ Pru-ông và Gruyn đọc cuốn sách của Mác "Sự khốn cùng của triết học", mà như chúng tôi nghe nói, cuốn sách này cũng đã được dịch sang tiếng Đức²⁵⁸, và họ sẽ hiểu rằng nhà nước bình đẳng - cái nhà nước mà họ đã nhiều lần đòi hỏi phải có, nhưng lại nói rất không rõ ràng - chẳng qua là nhà nước hiện nay mà thôi. - Như vậy người ta quay cuồng trong cái vòng những ý tưởng lảm lạc và cuối cùng họ lại đi đến cái điểm mà họ đã xuất phát.

Chúng tôi kêu gọi những người cộng sản ở Pa-ri kiên quyết bám chặt vào nhau và phấn đấu sao cho những ý tưởng lảm lạc biến đi khỏi các chi hội. Nếu những người ủng hộ Gruyn và Pru-ông sẽ khẳng khái giữ những nguyên tắc của mình thì họ phải - nếu họ là những người trung thực - rút ra khỏi Liên đoàn và hành động một cách độc lập. - Trong Liên đoàn của chúng ta chỉ có thể có những người cộng sản. - Chừng nào trong các chi hội của chúng ta còn có những người ủng hộ Gruyn thì cả họ, cả chúng ta đều không thể tiến hành một

1* Có thể qua bức thư của Ăng-ghen.

công tác tuyên truyền có hiệu quả; lực lượng sẽ bị phân tán, còn thanh niên sẽ nản lòng, - do đó thà phân liệt còn hơn có những sự hiềm khích nội bộ²⁵⁹.

Những phần tử theo Vai-tlinh đã bị khai trừ lại gửi đến cho chúng tôi một bức thư dài, trong đó họ công kích chúng tôi và các chi hội Pa-ri và khẳng định rằng họ là những người cộng sản chân chính. Cuối thư họ đề nghị chỉ ra một địa chỉ đáng tin cậy, vì họ còn có những việc muốn uỷ nhiệm cho chúng tôi. - Song, các phần tử theo Vai-tlinh không nói đến việc họ tuy bị thiếu số, họ vẫn giữ lại toàn bộ quỹ tiền của các chi hội Pa-ri mà một người trong số các phần tử ấy nắm giữ. - Hành vi như vậy hoàn toàn phù hợp với thuyết biến thủ mà thủ lĩnh của họ đã từng quảng bá²⁶⁰.

Chúng tôi đã trả lời rất lịch sự rằng chúng tôi đã hành động theo ý thức nghĩa vụ và theo niềm tin, và chúng tôi sẽ kiên quyết giữ vững những điều mà chúng tôi thừa nhận là đúng. Vì vậy những lời xúc phạm của họ không thể đụng chạm được chúng tôi. - Chúng tôi đã gửi cho họ một địa chỉ mà họ đề nghị cung cấp, nhưng từ bấy đến nay chúng tôi không nghe gì về họ nữa.

Thụy Sĩ. Ban Chấp hành Trung ương đã thông báo cho anh em ở La-Sô-dờ-Phông biết về việc một phái viên^{1*} sắp tới đó và chúng tôi kêu gọi họ giúp phái viên ấy, tùy theo sức mình, trong việc cải tổ Liên đoàn ở Thụy Sĩ.

Chi hội Béc-nơ ít lâu nay đã có thái độ nước đôi. - Từ nơi ấy người ta thông báo cho chúng tôi biết rằng người ta dự tính xuất bản tờ báo cộng sản "Der Wanderer" và đề nghị chúng tôi giúp đỡ.

Chúng tôi đã gửi 25 phrăng và tám ngàn phiếu 50 phrăng đến Lô-dan và đến La-Sô-dờ-Phông. Song, số tiền ấy đã bị những người ở Béc-nơ chi vào việc in các tờ truyền đơn của Các Hai-nơ-txen mà hồi ấy đã là một kẻ thù hết sức ác độc của những người cộng sản. - Ngày 29 tháng Sáu chúng tôi lại nhận được bức thư từ Béc-nơ, trong đó chúng tôi được thông báo rằng phái nước Đức trẻ²⁶¹ đã sử dụng mọi phương tiện để chống lại những người cộng sản ở Thụy Sĩ, và họ đã kêu gọi lập cơ quan ngôn luận của Liên đoàn càng nhanh càng tốt. Đồng thời người ta cũng gửi cho chúng tôi một truyền đơn nhỏ "Nạn đói ở Đức và các vua chúa Đức" và đã đề nghị chúng tôi tự nguyện đóng góp vào việc tiếp tục phổ biến "Các bài viết quân sự", - "Sự chuẩn bị" v.v.²⁶². Người ta viết thư cho chúng tôi: "Tuy nhiên, có một số người trong đảng cộng hoà có những ý định cao đẹp, cụ thể là Hai-nơ-txen dũng cảm, nhưng ông ta bị trói buộc, ông ta không phải là linh hồn của phong trào cộng hoà Đức, hiện nay ông ta là cánh tay phải v.v.".

Hai-nơ-txen đặc biệt điên cuồng chống những người cộng sản; song chi hội ở Béc-nơ đang in và phổ biến các truyền đơn của ông này và có lẽ chi hội này có mối liên hệ trực tiếp với ông ta. Chúng tôi đã và vẫn đang thấy điều này đáng nghi ngờ. - Chúng tôi sẽ không cho phép xỏ mũi chúng tôi; ngày nay mỗi người trung thực đều phải công khai triển khai ngọn cờ của mình. Vì vậy, chúng tôi đã gửi một bức thư nghiêm chỉnh cho chi hội Béc-nơ và đề nghị lập tức có những sự giải thích, nhưng cho đến nay chúng tôi vẫn chưa nhận được thư trả lời.

Từ Giơ-ne-vơ phái viên của chúng tôi viết rằng, ở đó tình hình của chúng ta đang có chiều hướng thuận lợi nhất. - Mùa xuân này, hai hội viên của Đồng minh đã thành lập, một chi hội tại Giơ-ne-vơ; trong khi phái viên đang ở đó thì chi hội thứ hai đã được thành lập và trong tương lai dự định thành lập chi hội thứ ba. - Ngoài ra, còn có một hội công khai được sử dụng để đào tạo những người cộng sản thạo việc. Qua đó

1* - X.Boóc-nơ.

có thể kết luận rằng ở Giơ-ne-vơ hình như đảng của chúng ta lại củng cố được trận địa của mình, và nếu những người anh em của chúng ta ở đó sẽ tiếp tục hành động cũng tích cực như họ đã làm từ trước đến nay, thì những người cộng sản ở Thụy Sĩ chẳng bao lâu nữa sẽ mạnh hơn bất cứ ở đâu. - Ở La-Sô-dờ-Phông - như phái viên đã cho biết - những người theo Vai-tlinh bị khai trừ đã gửi một số bức thư đầy những lời đả kích cá nhân bỉ ổi nhất chống lại một số hội viên của Liên đoàn; trong các thư ấy phái Vai-tlinh kêu gọi các hội viên địa phương ngả theo họ. - Nhưng các chi hội ở La-Sô-dờ-Phông đã không mắc mưu của bọn người ấy và muốn chờ ngày phái viên của chúng tôi tới đó để đưa ra câu trả lời dứt khoát. Khi ở Giơ-ne-vơ, phái viên của chúng tôi đã tiếp xúc với Pê-téc-sen ở Lô-dan, là nhân vật còn ảnh hưởng khá lớn đối với những người cộng sản ở Thụy Sĩ. Hy vọng rằng phái viên của chúng tôi sẽ lôi kéo được nhân vật này về phía phong trào chúng ta.

Phái Vai-tlinh ở Pa-ri đã dùng số tiền ăn cấp được của Liên đoàn chúng ta để cử ông Hoóc-nơ-su nào đó làm phái viên đến Thụy Sĩ với nhiệm vụ lôi kéo các chi hội ở đó ngả theo phái Vai-tlinh. Hiện nay ông Hoóc-nơ-su này đang có mặt ở Lô-dan. Trước kia ông ta có mặt ở Luân Đôn, vì vậy chúng tôi biết rõ ông này và có thể nói chắc rằng ông ta hoàn toàn không có năng lực tiến hành một công tác tuyên truyền nào cả. - Ông ta là một tay ba hoa buồn tẻ đến khủng khiếp và nói chung không đáng giá bao nhiêu. - Khi rời Luân Đôn, ông ta đã đề nghị chi hội của mình tạm ứng một khoản tiền nhỏ để đi đường, hứa trong thời gian gần nhất sẽ hoàn trả số tiền ấy. Chi hội này đã trao cho ông ta 25 phrăng. - Từ bấy đến nay đã hai năm, vậy mà, tuy đã nhiều lần được người ta nhắc nhở về chuyện này, Hoóc-nơ-su vẫn chưa hoàn trả tí gì. Quả thật đáng buồn là những kẻ như Hoóc-nơ-su - mà mục tiêu duy nhất của họ là thoả mãn tính chây lười và thói quá tự tin của mình - cho đến nay vẫn có cơ hội phung phí những đồng tiền do lao động cực nhọc của những người vô sản mới có được.

Hiện nay phái viên của chúng tôi đang đi đến các thành phố nằm trên bờ hồ Giơ-ne-vơ, sau đó sẽ đến La-Sô-dờ-Phông v.v.. Ông ấy đề nghị chúng tôi cung cấp thêm tiền để tiếp tục cuộc hành trình; chúng tôi đã lập tức gửi cho ông ấy 50 phrăng, nhưng số tiền ấy chúng tôi đã phải đi vay, vì quỹ của chúng ta đã rỗng.

Bỉ. Ở Bỉ công việc của chúng ta tiến hành tốt. - Từ sau đại hội, đã có hai Khu hội được thành lập ở nước này; chúng tôi chưa có liên lạc trực tiếp với Khu hội ở Le-giơ trong số hai Khu hội ấy, song chúng tôi đang hàng ngày chờ đợi thư.

Khu hội Bruy-xen đã đặt quan hệ với vùng Ranh thuộc Phổ và đang hoạt động tích cực²⁶³. Khu hội này đã tổ chức được hội ca hát và Hội giáo dục²⁶⁴; lãnh đạo hai hội này là các hội viên của Liên đoàn những người cộng sản và cả hai hội này đều là trường đào tạo đối với những người gia nhập Liên đoàn.

Tại Bruy-xen, Điều lệ đã được chấp nhận, song người ta đã đưa ra hai điểm sửa đổi để đem ra thảo luận tại đại hội sắp tới - điểm sửa đổi thứ nhất được kiến nghị liên quan đến mục "e", điều 3, chương I; điểm sửa đổi thứ hai liên quan đến điều 21, chương V²⁶⁵. - Các hội viên ở Bruy-xen nói: "Chúng tôi cho rằng sẽ sai lầm về mặt chính trị nếu cấm các hội viên của Liên đoàn gia nhập một tổ chức chính trị hoặc tổ chức dân tộc nào đó, vì như vậy chúng ta mất mọi khả năng ảnh hưởng đến những tổ chức ấy". Tiếp nữa, về điều 21: "Khi thời kỳ cách mạng hơn đã tới thì sự hạn chế này sẽ trở nên bất tất cả nghị lực của đại hội. Xin hãy nhớ lại rằng vào năm 1794 bọn quý tộc đã đưa ra tại Hội nghị quốc ước những yêu sách như thế để làm tê liệt tất cả mọi hoạt động của Hội nghị quốc ước".

Chúng tôi kêu gọi các chi hội xem xét kỹ lưỡng những kiến nghị kể trên và cung cấp cho các đại biểu của mình đi dự đại hội những chỉ thị liên quan đến những kiến nghị ấy.

Nhân cuộc thảo luận Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa, nhiều điểm sửa đổi quan trọng đã được đề xuất, chúng tôi sẽ trình lên đại hội xem xét.

Như đã nhắc tới ở trên, Khu hội Bruy-xen đã dành 25 phrăng vào việc in ấn và vào thời gian đầu, mỗi tháng dành 5 phrăng cho việc tuyên truyền. - Chúng tôi đề nghị tất cả các Khu hội khác hết sức nhanh chóng làm theo gương này.

Luân Đôn. Tại Luân Đôn Điều lệ mới đã được nhất trí thông qua, và tại tất cả các chi hội đang có những cuộc thảo luận sôi nổi về Biểu tượng niềm tin. - Ngay khi nào những cuộc thảo luận ấy kết thúc thì Ban chấp hành Khu hội ở đây sẽ chuyển cho chúng tôi tất cả những kiến nghị và những điểm bổ sung. - Hai tháng vừa qua có nhiều hội viên của Liên đoàn rời đây đi, nhưng sắp tới chúng tôi sẽ lấp đầy chỗ trống đó. Các hội giáo dục là những trường học chuẩn bị của chúng ta, ngày càng thấy rõ ích lợi to lớn của những hội ấy.

Bao trùm Khu hội Luân Đôn là bầu không khí hoàn toàn nhất trí và ý hướng chung muốn hành động, tùy theo sức mình, nhằm làm lợi cho sự nghiệp của chúng ta. - Nửa năm vừa rồi tại đây chúng tôi đã chi ra hơn một nghìn phrăng vào các ấn phẩm v.v., vào tạp chí^{1*}, vào các chi phí bưu điện và in ấn, vào các khoản chi tiêu có liên quan đến đại hội, đến việc cử các phái viên v.v.. - Sau nữa, mỗi hội viên của Liên đoàn có nghĩa vụ hàng tuần đóng góp 3 pen-ni vào quỹ của Hội giáo dục, ngoài ra, hầu như cuộc họp buổi tối nào cũng tiến hành những sự quyên góp cá nhân để giúp những người túng thiếu. - Hơn một nửa số hội viên Liên đoàn chúng ta không có việc làm và sống trong cảnh túng thiếu, vì vậy chúng tôi không thể một mình gánh chịu tất cả các khoản chi tiêu như chúng tôi đã làm trước đây. - Vì thế chúng tôi buộc phải khẩn thiết

1* - "Kommunistische Zeitschrift".

đề nghị tất cả các Khu hội và chi hội giúp đỡ tiền bạc cho chúng tôi tùy theo khả năng của mình và càng nhanh càng tốt, để hoàn tất khâu lắp đặt thiết bị cho xưởng in của Liên đoàn, để tiếp tục xuất bản tạp chí của chúng ta và tiến hành công tác tuyên truyền. Hiện nay tiền bạc của chúng tôi đã cạn kiệt. Trước kia chúng tôi luôn luôn gửi tiền đi mỗi khi có yêu cầu, vì vậy chúng tôi có thể tự cho phép mình hy vọng rằng chúng tôi cũng sẽ không bị bỏ mặc trong cảnh khó khăn.

Số tạp chí in thử của Liên đoàn chúng ta đã bán chạy ở Luân Đôn và thu hút sự chú ý to lớn của các kiều dân ngoại quốc sinh sống ở đây. - Chúng tôi đã bày bán số tạp chí ấy ở nhiều cửa hàng sách và tại các quầy bán báo. Chúng tôi đã gửi tạp chí đến tất cả các địa chỉ, và ở chỗ chúng tôi còn lại 1000 bản có thể gửi đến nơi nào còn có nhu cầu.

Đến đây, chúng tôi kết thúc báo cáo của chúng tôi về tình hình của Liên đoàn và về hoạt động của chúng tôi; hiện nay chúng tôi có khả năng tự mình suy xét xem tình hình công việc của chúng tôi như thế nào, Ban Chấp hành Trung ương thực hiện ra sao các nhiệm vụ của mình trong ba tháng gần đây trong vai trò cơ quan chấp hành của Liên đoàn.

Các đồng chí sẽ thấy rằng - như đã nói ở phần đầu bức thư của chúng tôi - khắp nơi đang diễn ra hoạt động tích cực, nhưng nói chung chúng tôi còn cách xa mục tiêu mà lẽ ra chúng tôi đã phải đạt tới từ lâu rồi. Hỡi anh em, vì vậy chúng tôi hy vọng rằng giờ đây các đồng chí sẽ dốc hết sức ra để chúng ta tiến lên phía trước được nhanh hơn và để trong báo cáo tiếp theo chúng tôi có thể thông báo những tin vui hơn trước đây.

Nhưng trước khi kết thúc, chúng tôi kêu gọi các đồng chí chú ý một cách nghiêm túc nhất đến những điểm dưới đây. Chúng tôi khẩn thiết đề nghị:

1. Tất cả các Khu hội và các chi hội tồn tại độc lập, nếu họ có cơ hội nào đó, phải cử đại biểu đi dự đại hội sắp tới

và quan tâm làm sao để đại biểu ấy có thể đến Luân Đôn vào ngày 29 tháng Mười một năm nay. - Các đồng chí biết rằng tại đại hội lần thứ nhất chúng ta chưa thông qua được những nghị quyết cuối cùng và vì lý do ấy đã thừa nhận cần triệu tập đại hội thứ hai ngay trong năm nay²⁶⁶. - Đại hội thứ hai này sẽ có ý nghĩa rất quan trọng, bởi vì nó không những sẽ phải thảo ra Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa, mà còn phải thông qua các nghị quyết liên quan đến việc tổ chức hoàn chỉnh Liên đoàn và thành lập cơ quan ngôn luận của nó, cũng như đến việc tiếp tục tiến hành công tác tuyên truyền của chúng ta. - Vì vậy tuyệt đối cần có thật nhiều đại biểu tới dự đại hội này. - Thưa anh em! Chúng tôi hy vọng rằng các đồng chí sẽ không dừng lại trước bất kỳ những sự hy sinh nào để hoàn thành bốn phận của mình;

2. Tất cả những khu hội và chi hội chưa tiến hành quyên góp tiền bạc cho công tác in ấn và tuyên truyền thì phải tiến hành ngay tức khắc công việc này. - Nếu tất cả mọi người đóng góp *một chút* thì chúng tôi sẽ có khả năng tích cực bắt tay vào việc. - Không có tiền chúng ta không thể tiến hành công tác tuyên truyền nào cả. - Chúng tôi đề nghị những Khu hội và chi hội đã thu góp được tiền thì chuyển tiền cho chúng tôi càng nhanh càng tốt;

3. Tất cả những Khu hội và chi hội chưa có câu trả lời dứt khoát về Thông tri của đại hội thì phải làm ngay việc này;

4. Tất cả những khu hội và chi hội chưa thông báo cho biết họ sẽ lấy tạp chí của chúng ta bao nhiêu bản thì phải làm ngay việc này, cũng như phải nêu rõ những con đường theo đó tạp chí có thể được chuyển một cách nhanh nhất và an toàn nhất đến những địa phương hữu quan;

5. Tất cả các Khu hội và chi hội phải thông báo cho chúng tôi biết tại khu của họ có tiến hành tuyên truyền chủ nghĩa

cộng sản hay không và hoạt động tuyên truyền ấy mang tính chất như thế nào.

6. Chúng tôi đề nghị tất cả các thành viên của Liên đoàn gửi bài và các bài thơ đến ban biên tập của tạp chí chúng tôi. - Như chúng tôi đã nêu, có nhiều thành viên của Liên đoàn đã hứa gửi bài viết cho số đầu, nhưng họ đã không giữ lời hứa; chúng tôi cho rằng đó chỉ là do thái độ không nghiêm túc không được có trong hàng ngũ chúng ta.

Hy vọng trong thời gian tới sẽ nhận được những thông báo tốt đẹp và rõ ràng của các đồng chí; xin gửi lời chào đến các đồng chí.

Thay mặt và được sự uỷ nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

Các Sáp-phơ ;

Hen-rich

Bau-ơ

I-ô-xíp Môn

Luân Đôn, ngày 14 tháng Chín

1847

P.S. Đúng vào lúc bức thư này phải được đưa in, chúng tôi nhận được những bức thư của các phái viên gửi từ nước Đức và Thụy Sĩ.

Từ nước Đức chúng tôi nhận được tin cho biết: nhiệt tình của những người anh em chúng ta ở Béc-lin thật là đặc biệt, đặc biệt là từ khi ở đó xảy ra sự kiện nổi tiếng²⁶⁷. - Chính phủ quả là đã tiếp tay cho chúng ta. - Nhờ có sự ồn ào dấy lên chung quanh những người cộng sản mà các nguyên tắc của chúng ta đã được biết đến rộng rãi, còn dân chúng thì thay vì sợ hãi, họ đã được những nguyên tắc ấy cổ vũ. Phái viên kết thúc bức thư của mình bằng những lời dưới đây: Hỡi anh em, chúng ta có thể vững tin nhìn vào tương lai, đâu đâu cũng có những người xứng đáng đứng

lên bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa.

Từ Thụy Sĩ chúng tôi nhận được những tin tức hết sức thuận lợi. - Ở đó đã gây dựng được tổ chức của Liên đoàn, và Liên đoàn đã tồn tại ở hơn 10 điểm khác nhau. - Pê-téc-sen đã chuyển sang phía chúng ta. Phái viên viết: ở La-Sô-dờ-Phông và ở Lơ-Lô-clơ, theo ý kiến tôi, Liên đoàn của chúng ta có những thành viên ưu tú và hăng hái, lòng dũng cảm của họ là không gì lay chuyển được. - Hoan hô, hỡi anh em, hãy tiến lên! - Những phần tử theo Vai-tlinh bị khai trừ đâu đâu cũng bị xua đuổi. - Đã giải quyết xong sự hiểu lầm với chi hội Béc-nơ. - Bây giờ chúng ta tuyên bố rằng chúng ta đã có thái độ bất công đối với anh em ở đó, họ kiên quyết kiên trì các nguyên tắc của chúng ta. - Chúng tôi rất mừng là có thể tuyên bố điều đó. Về tình hình tiếp theo xin để đến báo cáo sau.

Ban chấp hành trung ương

Các Sáp-pơ

I-ô-xíp Môn

Hen-ri-ch Bau-ơ

Công bố lần đầu trong	In theo
cuốn sách:	bản viết
"Grundungsdokumente	tay
des Bundes der	Nguyên
Kommunisten (Juni	văn là
bis September 1847)".	tiếng
Hamburg, 1969	Đức
	In bằng
	tiếng
	Nga lần
	đầu
	trong
	tạp chí
	"Lịch
	sử cận
	đại và

hiện
đại" số
6, 1970

**BÀI TƯỜNG THUẬT CỦA BÁO "NORTHERN
STAR" VỀ CUỘC MÍT-TINH QUỐC TẾ
Ở LUÂN ĐÔN NGÀY 29 THÁNG MƯỜI MỘT 1847,
ĐỂ KỶ NIỆM 17 NĂM CUỘC KHỞI NGHĨA
BA LAN NĂM 1830²⁶⁸**

Thứ hai tuần trước, ngày 29 tháng Mười một, lễ kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 đã được tiến hành trọng thể bằng một cuộc mít-tinh công khai diễn ra tại hội trường của Hội liên hiệp Đức ở đường Đru-ri - Lanh.

Cuộc mít-tinh này do hội "Những người dân chủ anh em" cùng với Ủy ban dân chủ phục hưng Ba Lan đứng ra tổ chức. Hội trường chật ních các đại biểu của: Anh, Xcốt-len, Ai-rơ-len, Pháp, Đức, Bỉ và Ba Lan.

Ngài *Giôn Ác-nốt* được bầu làm chủ tọa cuộc mít-tinh này, đã thông báo về mục đích của cuộc mít-tinh và đề nghị ngài *Xtôn-út* đọc bản nghị quyết thứ nhất.

Ngài *Xtôn-út* đã kể về tinh thần anh hùng và dũng cảm của người Ba Lan ở Vác-sa-va, về lòng trung thành vô hạn của họ đối với sự nghiệp tự do, ông đã ca ngợi bản "Tuyên ngôn Cra-cốp"²⁶⁹ gọi nó là mẫu mực về cương lĩnh dân chủ, sau đó ông đã đọc bản nghị quyết thứ nhất với nội dung sau đây:

"Chúng tôi coi việc chia cắt Ba Lan là một trọng tội mà loài người phải mãi mãi nguyên rửa. Với lòng biết ơn và khâm phục, chúng tôi nhớ đến những nỗ lực anh hùng của nhân dân Ba Lan vào những năm 1830 - 1831 nhằm khôi phục nền độc lập của Tổ quốc mình. Chúng tôi kính cẩn tưởng nhớ những

người đã ngã xuống theo tinh thần tử vì nghĩa trong cuộc đấu tranh vẻ vang để giải phóng nhân dân nước mình khỏi ách nô lệ và thông cảm sâu sắc với tất cả những nạn nhân của ách áp bức này đang bị dầy dọ trong nhà tù, tại nơi đi dầy khổ sai và biệt xứ".

Sau đó vì chủ tọa mời ngài *Éc-ne-xơ Giôn-xơ* lên phát biểu ủng hộ bản nghị quyết. Ngài *Giôn-xơ* nói: "Vào ngày này, cách đây mười bảy năm, nước Ba Lan đã bùng tỉnh sau cơn ngủ mê mệt của mình để bắt đầu một cuộc đấu tranh sống mái; vào ngày này cách đây mười bảy năm, Ba Lan đã căng tẩm thân rỉ máu vì những nhục hình mà nước Nga tra tấn nó, và Ba Lan đã đập tan xiềng xích; vào ngày này cách đây mười bảy năm Ba Lan đã từ một tỉnh trở thành một dân tộc! (Vỗ tay). Sự yên tĩnh đã bao trùm Vác-sa-va. Nước Nga ít chờ đợi nhất về khả năng xảy ra một cuộc khởi nghĩa, - vậy mà bỗng nhiên nó đã nổ ra". Tiếp đó ngài *Giôn-xơ* đã thuật lại một cách rõ ràng về quá trình cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va đã phát triển và giành thắng lợi như thế nào, ông đặc biệt nhấn mạnh tình huống là chừng nào dân chúng chưa được vũ trang thì kết cục còn chưa chắc chắn. "Sau đó tình hình diễn ra nhanh như chớp, chỉ sau mấy giờ đại công tước Côn-xtan-tin đã phải rút về cửa ô Mốc-xtốp cùng với 11000 quân Nga, và giống như một kẻ lang thang không nhà, ông ta đã phải qua đêm ở bên gốc cây, lấy cành lá che người". (Vỗ tay). Tiếp đó diễn giả điể qua diễn biến tiếp theo của cuộc khởi nghĩa và bày tỏ niềm tin tưởng rằng "lẽ ra cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi, nếu đó không phải là cuộc khởi nghĩa mang tính chất quý tộc, mà là cuộc khởi nghĩa của nhân dân, nếu như nó dựa vào cái văn kiện là bản Tuyên ngôn Cra-cốp tuyệt diệu. (Vỗ tay). Tuy nhiên, chúng ta không được nản chí. Ba Lan đã sẵn sàng tiến hành một cuộc đấu tranh mới. - Ký ức cả một đoàn quân những người tử vì nghĩa thật thiêng liêng đối với chúng ta và chúng ta sẽ có một đạo quân mới của những anh hùng mà tình hình châu Âu

báo trước thắng lợi của đạo quân ấy". Tiếp đó diễn giả nêu lên rằng tất cả các nước châu Âu đều đối diện với những đổi thay bên trong, ông phân tích những điểm yếu ẩn kín của các đại cường quốc, và sau khi nói vài lời mạnh mẽ và đầy xúc động về Ai-rơ-len, ông kết thúc diễn văn của mình bằng lời kêu gọi cử tọa chuẩn bị cho cuộc đấu tranh này mai sẽ nổ ra ở Anh và trên lục địa. Bài diễn văn của ngài Giôn-xơ là một trong những bài diễn văn mạnh mẽ và thấm thiết nhất, nó đã tạo nên những tràng vỗ tay nhiệt liệt.

Trong bài diễn văn mạnh mẽ đọc bằng tiếng Pháp, ngài *Mi-sơ-lô* ủng hộ bản nghị quyết đã được nhất trí thông qua.

Các Sáp-pơ được đón tiếp bằng những tràng vỗ tay nồng nhiệt, bước lên bục để tuyên đọc bản nghị quyết thứ hai, ông nói: "Thưa các vị, khi mọi người đấu tranh cho sự thật và tự do trong sự nghiệp vĩ đại, cho dù lúc đầu họ không thu được thắng lợi, nhưng cuối cùng nhất định họ sẽ đạt được mục tiêu; những con người như thế thật xứng đáng với mọi sự khen ngợi; vì vậy - diễn giả nói - danh dự và niềm vinh quang thuộc về những người Ba Lan dũng cảm. (Vỗ tay vang dậy.) Vinh quang thay cho những ai đã ngã xuống ở Vác-sa-va, vinh quang thay cho những ai đã ngã xuống vì bàn tay tên đao phủ, vinh quang thay cho những ai đã chết trong những hầm mỏ ở Xi-bi-ri, cho những ai đã bỏ mình ở Cra-cốp, và cho tất cả những người tử vì nghĩa đấu tranh cho tự do. (Vỗ tay kéo dài). Tháng Bảy năm 1830 ở Pháp đã nổ ra cuộc cách mạng, sau đó, vào tháng Mười một, lời kêu gọi giành tự do đã trở thành lời kêu gọi rộng khắp, và nhiều người muốn nước Ba Lan được giải phóng khỏi nước Nga, nhưng họ không muốn xóa bỏ chế độ nông nô ở Ba Lan; có thể tin chắc rằng nếu giai cấp quý tộc Ba Lan không tìm cách duy trì vĩnh viễn kiếp nô lệ của quần chúng thì lẽ ra cách mạng đã thắng lợi rồi, và lẽ ra giờ đây toàn thể chủng tộc Xla-vơ đã được tự do rồi. (Vỗ tay vang dội.) Nhưng những người vô sản Ba Lan đưa ra câu hỏi: "Chúng tôi được lợi lộc gì nhờ

việc Ba Lan sẽ được giải phóng khỏi ách thống trị của nước Nga, nếu tôi vẫn ở dưới ngọn roi của tên quý tộc Ba Lan?". (Xin hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!) Vậy là, cách mạng đã thất bại, và những người con của Ba Lan đã buộc phải đi sống lưu vong, mang theo những hạt giống tự do đến nước Đức, nước Pháp, nước Anh và những nước khác, và đến năm 1845 thì những người được đổi mới về tinh thần đã trở lại đất Ba Lan và đã tung ra bản tuyên ngôn nổi tiếng mãi mãi về vang của mình, đó là bản tuyên ngôn đề xướng những tư tưởng dân chủ nhân danh chế độ cộng hoà Cra-cốp. (Vỗ tay kéo dài.) Nhưng than ôi, cố gắng ấy đã không đem lại kết quả, hạt giống tôi được gieo xuống vào năm 1830 đã đem lại mùa thu hoạch tồi, bọn bạo chúa đã lợi dụng được nông dân để chống lại những người yêu nước²⁷⁰, cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp, và tâm địa đen tối của Mét-téc-ních lại hý hửng say sưa với máu đổ ra của những người Ba Lan tử vì nghĩa đã ngã xuống. (Xin hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!). Nhưng may thay, tình huynh đệ đã nhanh chóng được củng cố, những nguyên tắc công bằng chính trị và xã hội đã lan toả ra khắp nơi. (Vỗ tay vang dậy.) Xin các vị hãy nhìn vào Thụy Sĩ²⁷¹. (Vỗ tay kéo dài.) Và tự do sẽ thắng bất chấp con nhện già khô héo^{1*} ở điện Tuy-lơ-ri. (Có tiếng ồn ào sau khi nghe thấy từ "con nhện".) Phái cấp tiến ở Thụy Sĩ đã thắng Lu-i - Phi-líp và Ghi-dô. Sau đó xuất hiện huân tước Pan-móc-xtơn tuyệt diệu, ông ta nói: "Nào, chúng ta hãy thu xếp vấn đề một cách ổn thoả". "Chao ôi, - con nhện già bất lực ở Pa-ri trả lời, - chính đó là điều ta muốn". (Có tiếng cười.) Thế là không một trung đoàn nào tiến vào Thụy Sĩ, con nhện già đã không dám phá các trung đoàn ấy đến đó. (Những tràng vỗ tay vang dậy.) Đó là thắng lợi của những người dân chủ. Vậy bây giờ ai là những kẻ âm mưu? Đó là Mét-téc-ních, là con nhện già khô héo ở nước Pháp, là huân

1* - Lu-i - Phi-líp.

tước Pan-móc-xton và những phần tử quý quyết. (Vỗ tay vang dậy.) Nhưng nhân dân sẽ nhanh chóng kết liễu âm mưu của chúng". (Vỗ tay kéo dài.) Diễn giả nói rằng ông muốn công bố một tin thú vị rằng Hiệp hội dân chủ, tức là Hiệp hội những người dân chủ anh em, đã được thành lập ở Bruy-xen và Hiệp hội này đã phái nhà khoa học, tiến sĩ Mác, đến cuộc mít-tinh này với tư cách là người đại diện cho mình. (Vỗ tay kéo dài.) Sau đó ông Sáp-pơ tuyên đọc văn bản dưới đây:

Gửi hội nghị thành viên của hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn.

"Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, uỷ viên ban chấp hành Hiệp hội dân chủ - được thành lập ở Bruy-xen nhằm thống nhất và xây dựng tình huynh đệ giữa tất cả các dân tộc, - có vinh dự được cử đến hội nghị của các đồng chí đại biểu của chúng tôi, tiến sĩ Các Mác, Phó chủ tịch Ban Chấp hành của chúng tôi, để thiết lập mối liên hệ thư tín và những quan hệ thân hữu giữa các hiệp hội chúng ta. Tiến sĩ Mác có thẩm quyền hành động thay mặt Ban chấp hành chúng tôi phù hợp với những mục tiêu nêu trên.

Chúng tôi gửi đến các đồng chí lời chào anh em.

Mê-li-nê (tướng), chủ tịch danh dự.

Giô-tơ-răng, chủ tịch.

Anh-be, phó chủ tịch.

Pi-các, thư ký.

Ghê-oóc Véc-thơ.

Lê-lê-ven.

Bruy-xen, ngày 26 tháng Mười một 1847".

Bức thư này được đón nhận bằng những tràng vỗ tay nhiệt liệt. C.Sáp-pơ đã nồng liệt chào mừng nhà yêu nước Ba Lan vĩ đại Lê-lê-ven và chiến sĩ lão thành đầu bạc, "người con của

Cộng hoà Pháp" tướng Mê-li-nê, và cuối cùng đã đệ trình bản nghị quyết sau đây:

"Cam kết dành sự giúp đỡ hết sức theo khả năng cho những người yêu nước Ba Lan, chúng tôi kiên quyết không tán thành tinh thần quý tộc đã tác động một cách tai hại đến cuộc đấu tranh năm 1830. Chúng tôi cho rằng tính chất tiến bộ của Ba Lan thể hiện ở Tuyên ngôn Cra-cốp năm 1846^{1*} chứa đựng những nguyên tắc dân chủ chính trị rộng rãi và công bằng xã hội mà chỉ có những nguyên tắc ấy mới có thể là cơ sở cho một nền tự do đích thực và phúc lợi xã hội".

T.Lu-ca-xơ ủng hộ bản nghị quyết và đã tỏ ý hài lòng về việc tại đây, ông đã gặp được rất nhiều người anh em của mình là những người dân chủ. Ông tin chắc rằng nếu những người dân chủ Anh (phái Hiến chương) sẽ giành được tự do thì họ có thể nói với "con nhện già ở Pa-ri" và tất cả những tên bạo chúa khác: "Hãy dừng lại, không được bước thêm bước nào". (Vỗ tay.)

Bản nghị quyết đã được nhất trí thông qua.

Sau đó tiến sĩ *Mác*, đại biểu từ Bruy-xen đến, bước lên bục, và ông đã được đón tiếp hết sức nhiệt liệt. Ông đã đọc bài diễn văn mạnh mẽ bằng tiếng Đức mà thực chất tựu trung như sau: ông được những người dân chủ Bruy-xen cử đến đây để thay mặt họ kêu gọi những người dân chủ ở Luân Đôn, và thông qua họ kêu gọi những người dân chủ Anh triệu tập đại hội quốc tế - đại hội của công nhân nhằm mục đích giành lấy tự do trên toàn thế giới. (Vỗ tay vang dậy.). Giai cấp tư sản, *phái chủ trương tự do mậu dịch* đã triệu tập đại hội²⁷², nhưng tình huynh đệ của họ mang tính chất một chiều, và ngay khi nào họ nhận ra rằng những đại hội như vậy sẽ có lợi cho công nhân nhiều hơn, thì tình huynh đệ của họ sẽ lập tức tan rã

1* Trong báo "Northern Star" in năm là: năm 1845.

và các đại hội của họ sẽ chấm dứt. (Xin hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!) Những người dân chủ Bỉ đã cảm thấy rằng phái Hiến chương ở Anh là những người dân chủ đích thực và rằng sau khi họ thực hiện được sáu điểm trong Hiến chương của mình thì con đường đi đến tự do sẽ được mở ra cho toàn thế giới. "Hỡi anh em công nhân nước Anh, anh em hãy phấn đấu thực hiện cho được mục tiêu vĩ đại ấy" - diễn giả nói - "và anh em sẽ được chào đón như những vị cứu tinh của toàn thể nhân loại". (Vỗ tay vang dội.)

Giu-li-am Hác-ni đã tuyên đọc bản nghị quyết sau đây:

"Những người tham gia cuộc mít-tinh vui mừng được biết tin về việc thành lập hội "Những người dân chủ anh em" ở Bruy-xen; đáp lại lời đề nghị liên minh của hội đó, những người tham gia cuộc mít-tinh hoan nghênh đại biểu của hội đó, tiến sĩ Mác, với tình cảm triu mến anh em sâu sắc; những người tham gia cuộc mít-tinh nhiệt liệt tán thành đề nghị về việc triệu tập đại hội của những người dân chủ tất cả các nước và cam kết cử các đại biểu đến dự đại hội này, dù các hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn và Bruy-xen triệu tập đại hội ấy bất cứ lúc nào".

Đọc xong bản nghị quyết, diễn giả sau đó đã đọc bài diễn văn dài về cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830, về những thắng lợi của phong trào Hiến chương, về triển vọng của phong trào hùng hậu ở nước Anh nhằm thực hiện Hiến chương ấy²²⁰, về ý nghĩa của hội "Những người dân chủ anh em", về ích lợi to lớn mà đại hội trừ tính được triệu tập của những người dân chủ mọi nước có thể mang lại. Những nhận xét của ông đã được đón nhận nhiệt liệt.

Ngài *Xtôn-út* ủng hộ bản nghị quyết đã được nhất trí thông qua.

Sau đó mọi người hô to "hoan hô" ba lần chào mừng ngài Lê-lê-ven về vang, hoan hô ba lần vị tướng anh hùng Mê-li-nê và hoan hô ba lần những người dân chủ Bruy-xen.

Sắc-lơ Kin đưa ra bản nghị quyết thứ tư với nội dung sau đây:

"Thừa nhận tình huynh đệ của mọi người, chúng tôi coi mình có nghĩa vụ đấu tranh cho sự thắng lợi của các nguyên tắc dân chủ ở tất cả các nước và tin chắc rằng việc thực hiện "Hiến chương nhân dân" sẽ tạo khả năng để nhân dân Anh dành cho sự nghiệp của nhân dân Ba Lan một sự giúp đỡ thiết thực hơn là "những lời phản kháng" mà Chính phủ Anh đã bày tỏ trên báo chí cho tới nay, chúng tôi vui mừng hoan nghênh những ý định của nhân dân Anh muốn dồn mọi nỗ lực để nghị viện, bằng con đường lập pháp, thừa nhận và phê chuẩn những quyền lợi và những đặc lợi mà người ta đã khước từ họ lâu rồi".

Diễn giả nói: chúng ta tuyên truyền tình anh em ở khắp nơi, bởi vì chúng ta đã ném trái tác hại do không có tình anh em ấy. Thật ra, tại các nhà thờ và những nơi cầu nguyện, vào những chủ nhật người ta cũng nói với chúng ta: "Tất cả chúng ta đều là anh em", nhưng nếu trong trường hợp có mưa thì chúng ta, khi bước ra khỏi những nhà thờ hoặc nhà nguyện ấy tìm cách ngồi lên những chiếc xe của những người anh em giàu có của mình, thì việc ấy sẽ gây ra vụ tai tiếng như thế nào! (Có tiếng cười to) Và điều đó diễn ra sau khi cách đây mười phút chính những con người ấy hát đồng ca: "Mọi người đều là anh em". (Xin hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!) Tuy vậy tình anh em là một chân lý không đòi hỏi phải chứng minh, và chừng nào chưa thể đạt được những kết quả đáng kể và thực tế nào đó, thì cần phải làm sao để tình anh em chẳng những được thừa nhận trên khắp thế giới, mà còn được thực hiện trên thực tế. (Vỗ tay vang dội). Chúng ta tập hợp ở đây để kỷ niệm trọng thể cách mạng Ba Lan, và một câu hỏi đặt

ra: chúng ta có thể giúp được gì cho Ba Lan? Nếu không có quyền lực thì chúng ta không thể giúp gì được. Chúng ta thực hiện được hiến chương thì chúng ta sẽ có quyền lực. (Vỗ tay.)

Ngài *Ang-ghen* (từ Pa-ri đến) đã ủng hộ bản nghị quyết và nói: Thưa đồng bào yêu quý, việc kỷ niệm cách mạng Ba Lan có ý nghĩa không những đối với Ba Lan, mà cả đối với toàn thế giới, vì lễ kỷ niệm ấy sẽ giúp phổ biến hơn nữa và rộng rãi hơn nữa các nguyên tắc dân chủ. (Xin hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!) Là một người Đức, ông rất quan tâm đến những thắng lợi của Ba Lan, bởi vì điều đó sẽ đẩy nhanh việc giải phóng nước Đức, còn nước Đức thì quyết định sớm hay muộn sẽ giành lấy tự do. (Vỗ tay vang dậy.) Ông tin chắc rằng không một dân tộc nào có thể trở thành tự do mà lại không thông qua đó mà mang lại lợi ích cho tất cả các dân tộc khác. Ông đã có thời gian sống ở nước Anh và tự hào rằng ông có thể tự gọi mình là thành viên phong trào Hiến chương "không chỉ trên danh nghĩa". (Vỗ tay kéo dài.) Hiện nay ai là những kẻ áp bức chủ yếu của các dân tộc? Không phải đẳng cấp quý tộc, mà là bọn nhà giàu và bọn tham lam, giai cấp tư sản. (Vỗ tay kéo dài.) Vậy, nghĩa vụ của giai cấp công nhân ở tất cả các nước là thống nhất lại và giành tự do cho tất cả mọi người. (Vỗ tay nhiệt liệt.)

Ngài *Tê-đê-xcô* (từ Bruy-xen đến, đã đọc bài diễn văn trước cử tọa bằng tiếng Pháp; những đoạn trích bàn diễn văn ấy dẫn ra ở đây không cho phép đánh giá đầy đủ tài hùng biện của ông ấy) nói rằng người Bỉ xem những người dân chủ Anh là đảng dẫn đường và họ tin rằng những người dân chủ Anh sẽ thực hiện được biện pháp vĩ đại này - Hiến chương nhân dân. Ông khâm phục tinh thần đang chế ngự trong cuộc mít-tinh này. Ông sẽ trở về Bruy-xen để kể về những tình cảm tốt đẹp và lòng nhiệt tình tràn đầy nơi những người vô sản Anh, và về quyết tâm của họ đấu tranh cho đến khi nào họ thực hiện được Hiến chương của mình; và ông tin tưởng rằng khi bản

Hiến chương được áp dụng thì sẽ có được tiền công công bằng trả cho ngày lao động công bằng. (Xin hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!) Hiến chương sẽ tạo đà thúc đẩy sự nghiệp tiến bộ, khiến cho toàn lục địa châu Âu sẽ noi theo tấm gương ấy và nền tự do sẽ toàn thắng trên khắp thế giới. (Vỗ tay vang dậy.)

Đại tá *Ô-boóc-xki*, một người Ba Lan sống lưu vong, đã nói rằng khi cuộc cách mạng Ba Lan nổ ra thì hai trăm hạ sĩ quan đã tìm chân ba trung đoàn quân Nga, và đến khi quân Nga biết được rằng họ đang chiến đấu chống lại Ba Lan thì họ đã quay súng chống lại những kẻ áp bức mình. Mặc cho nước Ba Lan cũ chết đi, nhưng nước Ba Lan trẻ sẽ đứng dậy, và nó sẽ mạnh hơn nhiều so với nước Ba Lan cũ. (Vỗ tay vang dậy.) Ông đại tá ấy vẫn hy vọng rằng nước Ba Lan sẽ trở thành chiến trường đầu tiên vì tự do. Với lòng biết ơn chân thành đối với nhân dân Anh, lúc đó ông hô: "Hu-ra, dân chủ muôn năm!" (Vỗ tay kéo dài.)

Ngài *Ang-ghen* sau đó nói rằng cách đây không lâu ông đã từ Pa-ri đến, và rằng những người dân chủ chân chính ở Pa-ri tán thành triệu tập đại hội quốc tế. (Vỗ tay kéo dài.)

Nghị quyết đã được nhất trí thông qua.

Giu-li-an Hác-ni lại bước lên bục và đọc những đoạn trích trong bài tự bào chữa của Lút-vích Mi-e-rô-xlap-xki, một trong số những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1846 hiện đang bị giam trong nhà tù ở Béc-lin và bị kết án tử hình²⁷³. Những đoạn trích bài tự bào chữa ấy đọc lên đã gây một ấn tượng lớn đối với những người có mặt. Gi. Hác-ni sau đó đã tuyên bố rằng ông ấy đặc biệt hài lòng về những lời phát biểu của bạn ông là *Ang-ghen*. Ông vui mừng thấy rằng người Đức có những tình cảm anh em sâu sắc đối với người Ba Lan. Ông tin rằng ngay sau khi người Đức giành được tự do thì họ sẽ lập tức thực hiện sự nghiệp vĩ đại phục hưng dân tộc và sẽ kết liễu hành động tai hại mà bọn bạo chúa Áo và Phổ đã giúp

Ê-ca-tê-ri-na thực hiện, - kết liễu hành động thủ tiêu nước Ba Lan. Ông biết rằng nếu người Pháp giành được tự do, nếu họ đập tan được chế độ chuyên chế bỉ ổi đã đẩy đất nước họ đến cùng cực của sự nhục nhã, - thì ý nghĩ đầu tiên của họ sẽ là giải phóng nước Ba Lan. (Vỗ tay.) Nếu lần sau nước Pháp tiến đến Mát-xcơ-va thì không phải do hoàng đế cầm đầu. Câu châm ngôn của Na-pô-lê-ông nói: "sai lầm chính trị còn tệ hại hơn tội ác chính trị". Ông ta đã phạm phải tội ác và phạm sai lầm nghiêm trọng nhất khi tiến đến Vác-sa-va trong thời gian tiến quân đánh nước Nga, ông ta không chịu tuyên bố khôi phục nước Ba Lan. Nếu ông ta lập lại nước Cộng hoà Ba Lan trong những đường biên giới trước kia của nó thì ông ta lẽ ra đã làm sống lại linh hồn của dân tộc, và hai mươi triệu người lẽ ra đã tạo thành đạo quân hậu bị của ông ta, - một đạo quân được thôi thúc bởi nhiệt tình bất khả chiến thắng và bởi lòng trung thành với người đã giải phóng mình. Nhưng không, Na-pô-lê-ông, mối đe dọa của các ông vua, lại là một bạo chúa đối với nhân dân; là kẻ tử thù nhất của "quyền thánh thần", nhưng đồng thời ông ta cũng là kẻ thù không kém đối với chủ quyền của nhân dân. Ông ta muốn áp đặt điều kiện cho ông vua chuyên chế phương Bắc^{1*}, nhưng để phục vụ lợi ích của mình, chứ không phải phục vụ lợi ích của Ba Lan và của các dân tộc khác bị chà đạp bởi gót sắt của tên vua chuyên chế ấy. Sự ích kỷ của ông ta đã nhận được sự quả báo xứng đáng. Khi ông ta chạy tháo thân để thoát khỏi những ngọn giao muốn trả thù của lính cô-dắc và để thoát khỏi những trận băng giá và những cơn bão tuyết còn khủng khiếp hơn cùng với những bạn đường không tránh khỏi của chúng - cảnh đói khát và dịch bệnh - thì Na-pô-lê-ông đã không tìm được ở Ba Lan một cứ điểm phòng thủ, nơi ông ta có thể ẩn náu và để cho các đội quân bị đánh tả tơi của ông ta được nghỉ lấy sức để rồi sau

1* - A-lếch-xan-đơr I.

đó giáng trả những kẻ đang truy đuổi mình. Ông ta đã khước từ làm cho Ba Lan sống lại, và như vậy, khi ông ta cần đến các lực lượng vũ trang của Ba Lan để thoát khỏi những đòn giáng của người Nga thì không có được những lực lượng ấy. Nhưng chính thể cộng hoà tương lai sẽ sửa lại tội ác chính trị của hoàng đế ấy, và hoàn toàn không còn xa nữa cái ngày nước Pháp sẽ trở thành nước cộng hoà, còn nhân dân Anh sẽ có được Hiến chương của mình. (Vỗ tay kéo dài.) Để kết thúc diễn giả đề nghị bày tỏ lòng biết ơn đối với vị chủ tịch^{1*}.

Các Sáp-phơ đã ủng hộ đề nghị này - đề nghị mà cả ngài I-xác Uyn-xơn cũng tán thành, - ông ấy cho biết ông ấy đã hài lòng biết bao về tiến trình cuộc mít-tinh này, so với cuộc mít-tinh đã diễn ra cách đây khoảng hai tuần lễ dưới sự chủ tọa của tiến sĩ Baurin tại trụ sở của "Crau-nơ-ên-đơ An-ke" khi ông ấy đã phải đưa ra điểm sửa đổi. (Vỗ tay.)

Những tràng vỗ tay đã biểu thị lòng biết ơn đối với vị chủ tọa.

Sau khi vị chủ tọa cảm ơn về thái độ tán thành vừa được phát biểu thì cử tọa hô vang "hu-ra" ba lần để chào mừng "người anh hùng tử vì nghĩa Mi-e-rô-xláp-xki"; hô vang "hu-ra" ba lần để chào mừng báo ""Reforme" và những người dân chủ Pháp; hô vang "hu-ra" ba lần để chào mừng báo "Northern star" và "Deutsche - Brusseler - Zeitung", ba lần hô vang những lời phẫn nộ bày tỏ thái độ kiên quyết lên án các báo "Times", "Journal des Débats", báo "Osterreichischer Beobachter".

Sau đó ngài Môn đã hát rất hay bài "Mác-xây-e", và đến đó cuộc mít-tinh thú vị này kết thúc.

*Đăng
trên báo
"The*

*In theo bản
in trên báo
Nguyên văn*

1* - Gi. Ác-nốt.

*Northern
Star" số
528,
ngày 4
tháng
Chap
1847*

*là tiếng Anh
In bằng tiếng
Nga lần đầu*

THƯ CỦA HIỆP HỘI DÂN CHỦ BRUY-XEN GỬI NHÂN DÂN THỤY SĨ

HIỆP HỘI DÂN CHỦ ĐƯỢC THÀNH LẬP Ở BRUY-XEN (BỈ) VÀ CÔNG BỐ MỤC TIÊU CỦA MÌNH LÀ SỰ THỐNG NHẤT VÀ TÌNH ANH EM GIỮA TẤT CẢ CÁC DÂN TỘC, - GỬI NHÂN DÂN THỤY SĨ

Hỡi anh em Thụy Sĩ của chúng tôi!

Ở đất nước các bạn vừa mới kết thúc cuộc đấu tranh gian khổ²⁷⁴. Tất cả các dân tộc đều nhìn vào cuộc đấu tranh ấy với sự lo lắng xen lẫn với nỗi buồn mà những trái tim cao đẹp luôn luôn cảm nhận mỗi khi thấy cảnh nội chiến.

Ở đây chúng tôi không có ý định tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến cuộc xung đột ấy. Cả hai phía đều muốn tự mình giải quyết nó, không cần đến bất kỳ sự trung gian nào.

Mong rằng những kẻ nào không được mời mà đã tự ý muốn

đóng vai các quan toà tình nguyện để phán xử những tranh chấp nội bộ của các bạn, - hãy nhận lấy lời chê trách về sự bộp chộp tội lỗi.

Những sự bộp chộp ấy có nguy cơ mang một tính chất khác.

Tất cả những người bạn của tự do có quyền phần nộ về sự bộp chộp ấy, nếu không phải là giống hồi chuông báo động.

Lúc đầu có thể giải thích được những sự mong ước ít nhiều nồng nhiệt, ít nhiều chân thành, thậm chí cả những lời đề nghị muốn giúp đỡ phía này hoặc phía kia, mà không cần viện đến những động cơ khác, ngoài ý kiến khác nhau trong lĩnh vực những tín điều chính trị hoặc những tín điều tôn giáo.

Giờ đây thì vấn đề đã khác.

Sự can thiệp của đại hội các ông vua²⁷⁵ vào công việc của các bạn chỉ có thể được hiểu như là một sự tấn công công khai hoặc được che đậy nhằm vào các thiết chế của các bạn và đặc biệt nhằm vào sự phát triển hợp pháp của những thiết chế ấy, sự phát triển mà các bạn đã đạt được trong mười lăm năm trở lại đây.

Gần sáu thế kỷ là người bảo vệ nền tự do đã bị bạn phong kiến tiếm quyền triệt để xua đuổi ra khỏi tất cả các phần khác của châu Âu, hồi những người anh em Thụy Sĩ của chúng tôi ơi, các bạn có bốn phận - trước chúng tôi, trước bản thân mình - phải bảo vệ lần cuối di sản quý báu này, vào giờ phút quyết định này, khi mà tất cả các dân tộc đang chuẩn bị đòi hỏi các bạn chia sẻ di sản đó.

Nếu các bạn cho phép người ta tước đi của các bạn di sản ấy, thì sáu thế kỷ cảnh giác ngoan cường - chúng tôi biết ơn sâu sắc các bạn về sự cảnh giác ấy - sẽ bị mất đi đối với các bạn cũng như đối với toàn bộ phần còn lại của châu Âu.

Bị trục xuất sang bên kia đại dương, đến một miếng đất mới, các thiết chế dân chủ của các bạn, trong một thời gian dài, sẽ

không còn là kiểu mẫu để chúng tôi thường xuyên nghiên cứu và có thể học tập được.

Việc cai quản đất nước bởi những người lãnh đạo được toàn thể nhân dân bầu ra; - quản lý các công việc nhà nước mà không kèm theo những khoản đóng góp tiền bạc nặng nề, không làm khánh kiệt nhân dân lao động để trả lương cho bọn quan lại vô dụng đông đảo; - phòng thủ quốc gia không cần đến các đội quân thường trực; - sự thịnh vượng về thương mại và công nghiệp của quốc gia mà không cần đến thuế quan; - tự do tín ngưỡng mà không có sự thống trị của thần quyền; - còn có thể tìm đâu ra nữa một kiểu mẫu đáng bắt chước về một chế độ mà ngày nay toàn châu Âu đang hướng tới, nếu như Thụy Sĩ sẽ cho phép bọn vua chúa, bọn chủ ngân hàng, bọn bộ trưởng, bọn làm thuê, bọn độc quyền bọn khổng luận được can thiệp vào công việc nước mình?

Sự can thiệp của bọn ấy không thể có một mục đích nào khác ngoài việc xoá sạch trên trái đất cái tấm gương ấy - tấm gương nguy hiểm đối với chúng và nằm ở trung tâm châu Âu - của một dân tộc tự mình quản lý đất nước mình, không cần đến sự giúp đỡ của bọn chúng.

Điều đó thật hết sức rõ ràng đối với chúng tôi, những người đã tụ họp ở đây và từ tất cả mọi miền châu Âu đến do những biến động chính trị trong thời gian gần đây và hiện đang sống giữa một dân tộc bé nhỏ và tự do như đất nước các bạn và gần như theo cung cách của các bạn; cho nên chúng tôi thấy cần phải bày tỏ với các bạn, hồi anh em Thụy Sĩ của chúng tôi, nguyện vọng nhất trí là: mong các bạn chống lại một cách thích đáng những âm mưu ngoại giao đang được người ta vạch ra để chống lại các bạn.

Chúng tôi khẩn khoản đề nghị các bạn đừng nghe theo những

đề nghị nham hiểm ấy của năm triều đình (chúng tôi không nói là của năm dân tộc) muốn đứng ra làm trung gian, những triều đình ấy hợp nhất lại với nhau để nhử các bạn vào cái cạm bẫy tai hại. Các bạn không nên sợ những sự đe dọa có thể có từ phía chúng. Các bạn chỉ phải đề phòng các mưu mô của chúng mà thôi.

Nếu sự đe dọa của chúng tỏ ra nghiêm trọng thì các bạn sẽ có thể đọ sức với những lực lượng mà các triều đình ấy thật sự có trong tay, khi tính đến việc chúng có những khó khăn bên trong ngày càng gia tăng.

Còn nếu chúng muốn cưỡng bức các bạn bằng vũ lực, thì các bạn sẽ không thiếu đồng minh. Một lần nữa, hồi anh em Thụy Sĩ của chúng tôi, chúng tôi khuyên các bạn giữ gìn di sản thiêng liêng này, di sản tự do dân chủ của châu Âu mà các bạn đã gìn giữ rất tốt cho đến nay và gần đây được các bạn sử dụng vào việc phục vụ các quyền và lợi ích của đại đa số.

Chúng tôi bày tỏ trước với các bạn lòng biết ơn của chúng tôi về tinh thần kiên cường mà các bạn sẽ cho thế giới thấy, và bày tỏ những cảm tình hết sức sống động của chúng tôi đối với các bạn.

Thay mặt Hiệp hội dân chủ kể trên, trên cơ sở nghị quyết được thông qua tại hội nghị chung của Hiệp hội diễn ra vào ngày 29 tháng Mười một năm 1847 sau lễ kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba Lan, được cử hành vào cùng ngày hôm đó tại toà đô chính Bruy-xen.

Ban chấp hành của Hiệp hội:

Tướng *Mê-li-nê*, người lãnh đạo các đội dân binh trong năm 1830, chủ tịch danh dự.

L.Giô-tơ-răng, luật sư, cựu uỷ viên của đại hội dân tộc Bỉ năm 1830, chủ tịch.

Manh-xơ, luật sư thuộc Toà thượng thẩm Bruy-xen.

Anh-be, Phó chủ tịch, cựu chủ biên báo "*Peuple souverain*" ở Mác-xây.

Các Mác, cựu chủ biên báo "*Rheinische Zeitung*", phó chủ tịch.

I-oa-khim Lê-lê-ven, uỷ viên Chính phủ quốc gia.

Ghê-oóc Véc-thơ.

Thư ký của Hội, *A.Pi-các*, luật sư của Toà thượng thẩm Bruy-xen.

Xpin-hoóc-nơ, luật sư của Toà án Ghen-tơ. Người đứng đầu chính phủ lâm thời của xứ Phlăng-đri-a năm 1830.

Pê-le-rinh, thợ đóng giày.

A.Boóc-stết, chủ biên báo "*Deutsche - Brusseler - Zeitung*".

Tán thành bức Thư này còn có những công nhân Đức là thành viên của Hội ở Bruy-xen. Bằng chứng về sự tán thành này là chữ ký của những uỷ viên Ban chấp hành của Hội này.

Chủ tịch - *Va-lau*

Phó Chủ tịch - *Hét-xơ*

Vôn-phơ - thư ký

Ri-den - thủ quỹ

Viết ngày

29 tháng

Mười một

1847

Đã đăng

trên báo

"La

Reforme",

In theo bản

viết tay

Nguyên văn

là tiếng Pháp

In bằng tiếng

Nga lần đầu

ngày 5

tháng

Chạp

1847

**BIÊN BẢN GHI BÀI PHÁT BIỂU
CỦA PH.ĂNG-GHEN TẠI HỘI GIÁO DỤC
CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN
NGÀY 30 THÁNG MƯỜI MỘT 1847²⁷⁶**

Hỡi các vị! Cách đây 350 năm, khi Cri-xtô-phơ Cô-lum-bô phát hiện châu Mỹ thì chắc là ông không hình dung được rằng phát hiện của ông không những sẽ lật nhào toàn bộ xã hội châu Âu hồi bấy giờ cùng với trật tự của nó, mà sẽ còn đặt cơ sở cho việc hoàn toàn giải phóng tất cả mọi dân tộc; thế mà ngày càng bộc lộ ra rằng tình hình diễn ra đúng như vậy. Nhờ phát hiện châu Mỹ mà đã tìm được con đường biển mới tới Đông Ấn, điều đó hoàn toàn làm thay đổi những quan hệ thương mại trước kia của châu Âu; kết quả của việc này là sự sụp đổ hoàn toàn những quan hệ thương mại của I-ta-li-a và của Đức và sự vươn lên hàng đầu của những nước khác; thương mại đã bị các nước phương Tây chiếm lĩnh, và do đó, nước Anh bắt đầu giữ vai trò hàng đầu. Trước khi tìm ra châu Mỹ thì một số nước, ngay cả ở châu Âu, còn rất cách xa nhau, và nhìn toàn cục thì thương mại giữ một vị trí không đáng kể. Chỉ sau khi tìm được con đường mới tới Đông Ấn và ở châu Mỹ đã mở ra một địa bàn rộng lớn cho hoạt động có lợi cho các nước buôn bán của châu Âu, thì nước Anh mới bắt đầu ngày càng tập trung vào tay mình hoạt động thương mại, khiến cho các nước châu Âu khác phải xích lại với nhau ngày càng chặt chẽ hơn. Tất cả tình hình ấy dẫn đến chỗ xuất hiện nền đại thương mại và hình thành cái gọi là thị trường thế giới. Những khối của quý to lớn mà người châu Âu đã chở ra khỏi châu Mỹ và những khoản lợi nhuận rút ra từ hoạt động thương mại

nói chung, đã dẫn đến hậu quả là sự suy sụp của giới quý tộc cũ và sự xuất hiện giai cấp tư sản. Gắn với sự phát triển châu Mỹ còn có sự ra đời của máy móc, qua đó đã không tránh khỏi nổ ra cuộc đấu tranh mà hiện nay chúng ta đang tiến hành, cuộc đấu tranh của người vô sản chống lại người hữu sản.

Trước khi máy móc được phát minh ra thì hầu như mỗi nước cần bao nhiêu thì sản xuất ra bấy nhiêu, và hoạt động thương mại chủ yếu chỉ hạn chế ở những sản phẩm mà nước này hoặc nước kia hoàn toàn không thể sản xuất được; còn khi máy móc xuất hiện thì người ta bắt đầu sản xuất ra một số lượng sản phẩm nhiều đến mức khiến cho ở nhiều nơi người ta đã phải ngừng việc vì chính những người trước kia đã chế tạo ra các sản phẩm ấy bằng tay của mình, thì giờ đây họ bắt đầu đi mua các sản phẩm do máy móc sản xuất ra để bản thân mình tiêu dùng. Tình cảnh của các người thợ trước kia đã hoàn toàn thay đổi, và thế là toàn thể xã hội loài người trước kia gồm bốn sáu giai cấp khác nhau thì nay phân thành hai giai cấp đối lập thù địch với nhau.

Từ khi người Anh thao túng được nền thương mại thế giới và phát triển nền sản xuất cơ khí đến mức họ đã có thể cung cấp sản phẩm của mình hầu như cho toàn thể thế giới văn minh, từ khi giai cấp tư sản giành được quyền thống trị chính trị - thì người Anh đã thành đạt cả ở *châu Á*, cả ở đó giai cấp tư sản cũng bắt đầu vươn lên. Cùng với sự lan tràn của máy móc thì trạng thái dã man của các nước khác cũng không ngừng bị phá huỷ. Chúng ta biết rằng người Bồ Đào Nha^{1*} đã phát hiện ra *Đông Ấn* ở trong trình độ phát triển như người Anh, thế những người Ấn Độ nhiều thế kỷ tiếp tục sống như cũ, nghĩa là họ đã ăn, uống và sống lay lắt; đời ông canh tác mảnh đất của mình thế nào thì đời cháu cũng làm thế ấy; còn nhiều

1* Có lẽ trong biên bản ghi nhầm là: người Tây Ban Nha.

cuộc chính biến bằng bạo lực đã xảy ra thì chẳng qua là cuộc tranh giành quyền bính giữa các bộ lạc khác nhau. Khi người Anh đến đó và bắt đầu phổ biến các hàng công nghiệp của mình thì người Ấn Độ bị mất nguồn kiếm sống và do đó họ bắt đầu ra khỏi trạng thái bất động của mình. Công nhân thì bỏ quê nhà ra đi và hoà nhập với các dân tộc khác, lần đầu tiên họ trở nên có khả năng tiếp thu nền văn minh. Giới quý tộc già nua của Ấn Độ đã hoàn toàn phá sản, và ở đó người ta xúi mọi người chống lại nhau, giống như ở nước chúng ta vậy.

Sau này chúng ta đã thấy rằng ở *Trung Quốc*, một đất nước đã hơn một nghìn năm chống lại mọi sự phát triển và sự vận động của lịch sử thì khi xuất hiện người Anh và máy móc của họ, mọi cái đã thay đổi và bị cuốn hút vào văn minh.

Nước Áo, cái nước *Trung Quốc* ở châu Âu này, là nước duy nhất mà trật tự bên trong của nó đã không bị lay chuyển bởi cuộc cách mạng Pháp và thậm chí Na-pô-lê-ông cũng không thể làm gì được nó, - thì cũng đã nhường bước cho sức mạnh của hơi nước; ở đó bỗng nhiên mọi cái đã thay đổi dưới ảnh hưởng của máy móc, thuế quan bảo hộ, đã làm cho máy móc xuất hiện ở nước này. Kết quả là giai cấp tiểu tư sản đã lên ngôi và lật nhào giới quý tộc bên trên; Mét-téc-ních phần nào đã bị bỏ rơi, dĩ nhiên đó là điều mà không bao giờ ông ta chờ đợi; trong phiên họp gần đây nhất của quốc hội xứ Bô-hêm, giai cấp tư sản đã khước từ không phê chuẩn cho ông ta khoản thuế 50.000 gun-đen. Các giai cấp trong xã hội đã thay đổi, những thợ tiểu thủ công bị phá sản và buộc phải biến thành những công nhân bình thường, do vậy đã xuất hiện một thành phần có thể trở nên nguy hiểm cho Mét-téc-ních.

Ở *I-ta-li-a* nền sản xuất công nghiệp cũng đã phát triển, đâu đâu giai cấp tư sản cũng cưỡi lên cổ Mét-téc-ních, và thế là chính phủ rơi vào tình cảnh khó khăn khiến cho Mét-téc-ních

phải đồng ý với sự khước từ của xứ Bô-hêm không chịu trả khoản thuế 50.000 gun-đen.

Vậy là, nhờ tìm ra châu Mỹ mà toàn bộ xã hội phân ra thành hai giai cấp, điều đó không thể xảy ra được nếu không xuất hiện thị trường thế giới. Công nhân toàn thế giới ở đâu cũng có những lợi ích giống nhau, đâu đâu các giai cấp trung gian cũng biến mất, và những lợi ích khác nhau của họ bắt đầu hoà đồng. Do vậy, nếu cách mạng nổ ra tại một nước nào đó thì nó không khởi tác động đến cả những nước khác, và chỉ mãi giờ đây quá trình giải phóng thật sự mới có thể diễn ra.

<i>Công bố lần đầu</i>	<i>In theo bản</i>
<i>trong ấn phẩm:</i>	<i>in trong ấn</i>
<i>"Archiv für die</i>	<i>phẩm</i>
<i>Geschichte des</i>	<i>Nguyên văn</i>
<i>Sozialismus und</i>	<i>là tiếng Đức</i>
<i>der</i>	<i>In bằng tiếng</i>
<i>Arbeiterbewegung".</i>	<i>Nga lần đầu</i>
<i>Achter</i>	
<i>Jahrgang.Leipzig.</i>	
<i>1919</i>	

BIÊN BẢN GHI BÀI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC TẠI HỘI GIÁO DỤC CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN NGÀY 30 THÁNG MƯỜI MỘT 1847

Về nước Bỉ tôi có thể thông báo rằng Hội công nhân đã được thành lập ở đó và hiện nay có 105 thành viên²⁷⁷. Công nhân Đức ở Bruy-xen mà trước đây hoàn toàn rời rạc thì giờ đây đã là một lực lượng; nếu như trước kia họ không được mời đến đâu cả thì năm nay một đại diện của Hội này đã được đề nghị tham gia lễ kỷ niệm cuộc cách mạng Ba Lan được chính quyền thành phố cử hành tại Bruy-xen và lên phát biểu nhân danh Hội này. Trong trường hợp nếu chính phủ tìm cách trấn áp Hội này - vì nó nhất định sẽ ảnh hưởng đến cả các công nhân Bỉ nữa - thì Hội này quyết định sẽ chuyển giao thư viện của mình gồm 300 cuốn sách và tài sản khác cho Hội ở Luân Đôn.

Tôi xin nêu thêm mấy nhận xét nữa về sách báo. Giờ đây, trong một tác phẩm của mình²⁷⁸, *Lu-i Blăng* chứng minh rằng trong thời gian nổ ra cuộc cách mạng Pháp, vào thời điểm giai cấp vô sản đánh phá ngục Ba-xti, nhà tù của thành phố, thì giai cấp tư sản đã có những quyết định chống lại những người đã đổ máu để bảo đảm thắng lợi cho giai cấp tư sản. Giờ đây tất cả các nhà hoạt động chủ chốt của cách mạng hiện nguyên hình, đã xuất hiện nhiều truyền đơn được viết theo tinh thần giai cấp vô sản và có ảnh hưởng lớn đến xã hội. Người Pháp hành động vì lợi ích của một đảng nào đó nhiều hơn là để trục lợi. Trước khi nổ ra cuộc cách mạng tháng Bảy^{1*} đã thấy lưu

1* - năm 1830.

hành những truyền đơn được viết theo tinh thần giai cấp tư sản, cũng hết như bây giờ đang lưu hành những tờ truyền đơn được viết theo tinh thần giai cấp vô sản.

Trong số tất cả những tác phẩm do triết học Đức viết ra thì những tác phẩm quan trọng nhất đã dành để phê phán tôn giáo; nhưng sự phê phán ấy đã xuất phát không phải từ sự phát triển xã hội. Tất cả những gì viết cho đến nay nhằm chống lại Cơ Đốc giáo đều chỉ giới hạn ở việc chứng minh rằng tôn giáo ấy dựa trên những nguyên lý lảm lạc, chẳng hạn, các tác gia đã vay mượn của nhau; nhưng cho đến nay vẫn chưa nghiên cứu sự sùng bái thực tế đối với Cơ Đốc giáo. Chúng ta biết rằng tư tưởng cao nhất trong đạo Cơ Đốc là sự hiến sinh con người làm vật tế. Trong tác phẩm mới xuất bản gần đây của mình, *Dau-mơ* chứng minh rằng quả thật các tín đồ Cơ Đốc giáo đã giết chết người sống và trong thời gian làm nghi lễ họ đã ăn thịt người và uống máu người²⁷⁹. Qua đó ông giải thích tại sao người La Mã có thái độ khoan dung đối với mọi giáo phái, nhưng đã truy nã các tín đồ Cơ Đốc giáo và tại sao các tín đồ Cơ Đốc giáo sau này đã thủ tiêu tất cả các trước tác đa thần giáo viết chống lại đạo Cơ Đốc. Bản thân thánh tông đồ Pau-lô nhiệt thành chống lại việc để cho những ai không hoàn toàn am hiểu các thánh lễ tham dự cuộc rước lễ. Giờ đây cũng dễ dàng giải thích, chẳng hạn về nguồn gốc các xác khô của 11 000 cô gái đồng trinh v.v.; có tài liệu viết vào thời trung cổ kể về một kế ước được ký kết giữa các nữ tu sĩ thuộc một tu viện Pháp với bà ni viện trưởng về việc hoàn toàn không được mở ra để xem xác khô nữa nếu không có sự đồng ý của tất cả mọi người. Cái cố để làm việc ấy là: có một vị nam tu sĩ thường xuyên từ Khuên đi Pa-ri và ngược lại, và mỗi lần vị tu sĩ ấy đã để lại những xác khô của ai đó. Tất cả những gì gắn với điều này thường được coi là sự bịp bợm của các cha cố, nhưng trong chuyện này họ cũng được xem là có sự khôn ngoan và sáng suốt vượt xa thời đại họ đã sống. Nghi

thức hiến sinh con người được coi là một việc thiêng liêng, và nghi thức này là có thật. Đạo Tin lành chỉ chuyển việc đó sang đời sống tinh thần của con người và giảm nhẹ nghi thức ấy đi một chút. Vì vậy trong giới tín đồ đạo Tin lành người ta thấy có nhiều người - như nó được mô tả trong tác phẩm của *Dau-mơ* - đã giáng đòn cuối cùng vào đạo Cơ Đốc; bây giờ câu hỏi đặt ra là điều này có ý nghĩa gì đối với chúng ta. Điều đó làm cho chúng ta tin rằng xã hội cũ đang đi đến sự diệt vong, rằng toàn bộ toà lâu đài đó của sự lừa bịp và của những định kiến sẽ sụp đổ.

<i>Công bố lần đầu</i>	<i>In theo</i>
<i>trong ấn phẩm:</i>	<i>bản in</i>
<i>"Archiv für die</i>	<i>trong</i>
<i>Geschichte des</i>	<i>ấn</i>
<i>Sozialismus und</i>	<i>phẩm</i>
<i>der</i>	<i>Nguyên</i>
<i>Arbeiterbewegung".</i>	<i>văn là</i>
<i>Achter</i>	<i>tiếng</i>
<i>Jahrgang, Leipzig,</i>	<i>Đức</i>
<i>1919</i>	<i>In bằng</i>
	<i>tiếng</i>
	<i>Nga</i>
	<i>lần đầu</i>

BIÊN BẢN GHI BÀI PHÁT BIỂU CỦA PH.ĂNG-GHEN TẠI HỘI GIÁO DỤC CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN NGÀY 7 THÁNG CHẠP 1847

Ngài *Ăng-ghen* đọc bản báo cáo, trong đó ông chứng minh rằng những cuộc khủng hoảng thương mại nảy sinh chỉ do tình trạng sản xuất thừa và rằng các sở giao dịch là những điểm chủ yếu mà tại đó những người vô sản được hun đúc nên.

<i>Công bố lần đầu</i>	<i>In theo bản in trong ấn phẩm</i>
<i>trong ấn phẩm:</i>	<i>Nguyên văn là tiếng Đức</i>
<i>"Archiv für die</i>	<i>In bằng tiếng Nga lần đầu</i>
<i>Geschichte des</i>	
<i>Sozialismus und</i>	
<i>der</i>	
<i>Arbeiterbewegung".</i>	
<i>Achter</i>	
<i>Jahrgang, Leipzig,</i>	
<i>1919</i>	

**TRÍCH BÀI TƯỜNG THUẬT
CỦA BÁO "DEUTSCHE - BRÜSSELER - ZEITUNG",
VỀ CUỘC GẶP MẶT NĂM MỚI
CỦA HỘI CÔNG NHÂN ĐỨC TẠI BRUY-XEN
NGÀY 31 THÁNG CHẠP 1847²⁸⁰**

...Sau đó *Các Mác* lên phát biểu và đọc bài chúc rượu bằng tiếng Pháp chào mừng Hiệp hội dân chủ Bruy-xen²¹⁷, phân tích một cách sáng tỏ và rõ ràng và nhấn mạnh sứ mạng tự do chủ nghĩa của nước Bỉ đối chọi lại chế độ chuyên chế, ông đã đánh giá thích đáng tác động tốt của bản hiến pháp tự do chủ nghĩa của một đất nước mà trong đó được phép tiến hành những cuộc thảo luận tự do, được quyền lập hội và có thể truyền bá những hạt giống của chủ nghĩa nhân đạo vì lợi ích của toàn châu Âu^{1*}. (Vỗ tay vang dậy).

<i>Đã đăng</i>	<i>In theo bản in</i>
<i>trên báo</i>	<i>trên báo</i>
<i>"Deutsche</i>	<i>Nguyên văn là</i>
<i>-</i>	<i>tiếng Đức</i>
<i>Brüsseler</i>	<i>In bằng tiếng</i>

1* Về đoạn này của bài tường thuật, ban biên tập đã có chú thích như sau: "Tại một cuộc họp trước của Hội công nhân Đức, Các Mác đã đọc bản báo cáo về vấn đề quan trọng: "Tiền công là gì?"; ông nói rõ ràng, thiết thực và dễ hiểu, đã phê phán hết sức gay gắt hiện trạng, đưa ra những bằng chứng thực tế, cho nên chúng tôi có ý định sắp tới đây giới thiệu bản báo cáo ấy với bạn đọc"²⁸¹.

-
Zeitung",
số 2, ngày
6 tháng
Giêng
1848

Nga lần đầu

BÀI TƯỜNG THUẬT CỦA BÁO "DEUTSCHE - BRÜSSELER - ZEITUNG", VỀ BÀI DIỄN VĂN CỦA MÁC TẠI HỘI NGHỊ CỦA HIỆP HỘI DÂN CHỦ NGÀY 9 THÁNG GIÊNG 1848²⁸²

Chưa bao giờ có một hội nghị đông người dự đến thế. Có nhiều người nghe đứng sâu trong hội trường. Bảy thành viên mới đã được kết nạp.

Nhờ bản báo cáo của *Các Mác* về tự do mậu dịch mà hội nghị này là một trong số những hội nghị lý thú nhất, trong số những hội nghị mà trước kia Hiệp hội này đã triệu tập. Báo cáo của Mác bằng tiếng Pháp kéo dài hơn một giờ, nhưng sự chú ý của những người nghe không suy giảm.

Theo đề nghị của một thành viên, người ta đã có quyết định nhất trí - không có *một ý kiến phản đối* - cho in bài diễn văn này, do Hiệp hội tài trợ.

Chúng tôi chỉ xin nêu rằng những lời kết thúc trong bài diễn văn của tiến sĩ Brây-ơ, cụ thể là: các tư liệu sản xuất (máy móc v.v.) phải thuộc sở hữu của *toàn xã hội*, chứ không phải thuộc sở hữu một số thành viên trong xã hội - đã được hoàn toàn tán thành.

Ở đây chúng tôi xin dẫn ra một sự phân tích ngắn gọn về bài diễn văn của Mác:

"Thành tựu vĩ đại của nền mậu dịch tự do trong thế kỷ XIX là việc bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc ở nước Anh. Nói chung các nhà công nghiệp hiểu thương mại tự do trước hết là tự do buôn bán nguyên liệu và đặc biệt là tự do buôn bán ngũ

cốc. Sự vận động của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc chỉ theo đuổi mục đích nhân ái - làm cho các tư liệu sinh hoạt trở nên rẻ hơn cho dân chúng, cũng giống như những người ủng hộ tự do mậu dịch nói chung chỉ khao khát cải thiện tình cảnh của các giai cấp cần lao".

Ngài Mác nêu thái độ vô ơn đến kinh ngạc của dân chúng, đặc biệt là của dân chúng ở Anh, đối với những người có tinh thần hy sinh quên mình ấy. "Pain à bon marché"^{1*}, - ông nói, - giờ đây cũng mang tiếng xấu như "gouvernement à bon marché"^{2*} ở Pháp. Sau đó ông điếm qua những quan điểm tiêu biểu nhất của phái tự do mậu dịch Anh. Ông chế giễu những câu nói mâu thuẫn và giả nhân giả nghĩa mà họ nói với các tầng lớp dân chúng khác nhau - với công nhân công xưởng, với các nhà kinh doanh nhỏ, các người lính canh, các công nhân nông nghiệp. Ông nhận xét cặn kẽ ba tác phẩm đã nhận được giải thưởng do Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc trao và có mục đích chứng minh ảnh hưởng tốt của việc bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc đối với nền nông nghiệp của nước Anh.

Ngài Mác mô tả vắn tắt thái độ của công nhân Anh đối với các chủ xưởng của mình, nhằm chỉ ra tất cả tính chất rỗng tuếch của những câu nói nhân ái của phái tự do mậu dịch.

Ông nói tiếp: cuộc đấu tranh đòi huỷ bỏ các đạo luật ngũ cốc ở Anh chỉ là cuộc đấu tranh giữa các nhà tư bản công nghiệp và giới chủ đất. Với việc bãi bỏ các đạo luật ấy giai cấp công nhân chỉ có thể thiệt hại trực tiếp. Giải thích điều này, ngài Mác nêu ra lợi ích - chính trị đã thúc đẩy công nhân Anh ủng hộ các nhà tư bản. Cụ thể là công nhân muốn thủ tiêu những tàn dư cuối cùng của chế độ phong kiến ở Anh.

1* - "Bánh mì giá rẻ".

2* - "chính phủ rẻ tiền".

Sau đó ngài Mác bác bỏ một cách cặn kẽ lời khẳng định của phái tự do mậu dịch rằng giai cấp công nhân được hưởng lợi nhờ tất cả các loại hàng hoá trở nên rẻ hơn và nhờ của cải quốc gia và tư bản sản xuất tăng lên. Ngược lại, - ông chỉ rõ, - tiền công tất phải ngày càng giảm theo đà gia tăng của cái gọi là của cải quốc gia. Ông nói: "Tuy nhiên, ảnh hưởng của mậu dịch tự do đối với tình cảnh của giai cấp công nhân không còn là vấn đề nữa". Trong khi trình bày các quy luật kinh tế, tất cả các nhà kinh tế học đều xuất phát từ tiền đề rằng mậu dịch tự do đã được thực hiện đầy đủ. Các quy luật liên quan đến sự xác định tiền công có thể tìm thấy ở trong mỗi cuốn sách giáo khoa kinh tế chính trị học, do đó, là những quy luật có thể áp dụng càng chính xác khi mà tự do mậu dịch được thực hiện càng đầy đủ. Song, quy luật cơ bản quy định mức tiền công, quy luật đã được công bố bởi các nhà kinh tế học, từ Kê-nê đến Ri-các-đô, là ở chỗ mức tiền công bình thường là mức tiền công tạo khả năng cho người công nhân có thể tồn tại với tư cách là công nhân và tiếp tục nòi giống của mình như vậy, điều đó có nghĩa là: tiền công tối thiểu chính là mức tiền công bình thường.

Tự do mậu dịch là giải thoát tư bản khỏi những gông xiềng *quốc gia* còn kìm hãm ít nhiều sự phát triển của tư bản. đó là tự do của tư bản đối với lao động. Do vậy, thay vì loại trừ mâu thuẫn giữa tư bản và lao động làm thuê thì tự do mậu dịch lại làm cho mâu thuẫn ấy trở nên gay gắt hơn. Ngài Mác thốt lên: chẳng lẽ kẻ thù của tôi không còn là kẻ thù của tôi nữa do nó đã xé bỏ những gông xiềng trói buộc cuộc đấu tranh của nó chống lại tôi? Cái có thể giúp ích cho công nhân chỉ là sự thủ tiêu toàn bộ hệ thống quan hệ giữa lao động làm thuê và tư bản.

Ngài Mác nói tiếp: loại *fraternité*^{1*} mà tự do mậu dịch thiết lập giữa các giai cấp khác nhau của một dân tộc - cũng được

1* - tình huynh đệ.

tự do mậu dịch thiết lập giữa các dân tộc khác nhau trên trái đất. Chỉ có trong đầu các đại biểu của giai cấp tư sản mới có thể nảy sinh ý tưởng phong cái tên gọi *fraternité universexlle*^{1*} cho sự bóc lột đã được giải phóng khỏi những sự trói buộc dân tộc, sự bóc lột đã được nâng lên tầm cao chủ nghĩa thế giới.

Tiếp đó ngài Mác trả lời một số điều ngụy biện của phái tự do mậu dịch, chẳng hạn, cho rằng mậu dịch tự do sẽ thực hiện một sự phân công lao động quốc tế, trong đó mỗi dân tộc sẽ sản xuất theo *sứ mạng tự nhiên* của mình và trong mỗi ngành công nghiệp sẽ lựa chọn cho mình một chuyên ngành nhất định v.v.. "Nếu phái ủng hộ mậu dịch tự do không có năng lực hiểu được rằng tại sao một dân tộc này có thể làm giàu trên lưng một dân tộc khác, thì điều đó chẳng có gì lạ lùng. Vì những ngài ấy không hiểu được bằng cách nào mà ở trong mỗi nước một giai cấp này lại có thể làm giàu trên lưng giai cấp khác".

Ngài Mác nói vấn đề về *chế độ bảo hộ* mà trong tình trạng lạc hậu của dân tộc thì chế độ ấy là phương cách để thực hiện mậu dịch tự do ở bên trong nước ấy, để đánh đổ chế độ phong kiến, thiết lập sự thống trị của giai cấp tư sản và đặt một dân tộc chưa phát triển về mặt công nghiệp vào địa vị phụ thuộc vào thị trường thế giới, tức là phụ thuộc vào việc buôn bán tự do với các dân tộc khác.

Ngài Mác kết luận với những lời sau đây:

"Nhưng nói chung, thưa các ngài, ở thời đại chúng ta chế độ bảo hộ là chế độ bảo thủ, trong khi chế độ mậu dịch tự do tác động phá hoại, chế độ ấy gây ra sự suy sụp của những dân tộc trước kia và đưa sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đến đỉnh điểm. Nó đẩy nhanh *cách mạng*

1* - tình huynh đệ rộng khắp

xã hội, và hiểu theo ý nghĩa đó, những người dân chủ có thể bỏ phiếu tán thành mật dịch tỵ do".

*Đã đăng
trên báo
"Deutsche
-
Brüsseler
-
Zeitung",
số 5, ngày
16 tháng
Giêng
1848*

*In theo bản
in trên báo
Nguyên văn
là tiếng Đức
In bằng
tiếng Nga
lần đầu*

1848

**TRÍCH BÀI TƯỜNG THUẬT
CỦA BÁO "DEUTSCHE - BRÜSSELER - ZEITUNG",
VỀ BUỔI LỄ Ở BRUY-XEN KỶ NIỆM HAI NĂM
CUỘC KHỞI NGHĨA CRA-CỐP NĂM 1846**

Lễ kỷ niệm cuộc Cách mạng Cra-cốp được khai mạc trọng thể bằng cuộc mít-tinh đông đảo tối ngày 22 tháng Hai tại phòng họp "Cựu Triều" ở Bruy-xen, phố Xe-rơ Noa-rơ với ánh đèn rực rỡ, trang hoàng bằng cờ Ba Lan và cờ Bỉ. Một số diễn giả đã phát biểu: Lê-lê-ven, Các Mác, Ph.Ăng-ghen, Va-lau, luật sư Luy-bli-nơ v.v.; họ nói rất hăng say về tính chất thuần túy dân chủ của cuộc khởi nghĩa Cra-cốp. Trong số tới chúng tôi sẽ thông báo tỉ mỉ về buổi lễ này²⁸³, bây giờ chúng tôi chỉ xin ghi nhớ rằng, sau cuộc mít-tinh là một bữa tiệc có gần 100 người dự, trong đó những nhà dân chủ Bỉ và Đức đã nhiều lần đứng lên chúc rượu. Cũng không thiếu những bài ca hát bên bàn tiệc.

<i>Đã đăng</i>	<i>In theo bản in</i>
<i>trên báo</i>	<i>trên báo</i>
<i>"Deutsche</i>	<i>Nguyên văn là</i>
<i>-</i>	<i>tiếng Đức</i>
<i>Brüsseler</i>	<i>In bằng tiếng</i>
<i>-</i>	<i>Nga lần đầu</i>
<i>Zeitung",</i>	
<i>số 16,</i>	
<i>ngày 24</i>	
<i>tháng Hai</i>	

**CHÚ THÍCH
CÁC BẢN CHỈ DẪN**

CHÚ THÍCH

- 1 Bản tóm tắt bài viết của Ăng-ghen "Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị" được công bố trong tạp chí "Deutsch - Französische Jahrbücher" (xem Toàn tập, T.1, 1995, tr.744-786) có ở quyển vở thứ năm trong số chín quyển vở do Mác ghi chép tại Pa-ri về kinh tế ("Những quyển vở ở Pa-ri"). Những tư liệu trong quyển vở này có thể được ghi ngày tháng vào khoảng nửa đầu năm 1844.

Bản tóm tắt này là một trong những điều chứng tỏ sự đánh giá cao của Mác đối với tác phẩm về kinh tế đầu tiên của Ăng-ghen. Sự đánh giá cao ấy đã ảnh hưởng với mức độ không nhỏ đến tính chất của những mối quan tâm khoa học của Mác, cùng với các nguyên nhân khác nữa đã thôi thúc ông khẩn trương nghiên cứu khoa kinh tế chính trị, mà thực tế được tiếp tục suốt cuộc đời ông, chỉ gián đoạn đôi chút. Khi đã là một nhà kinh tế học lão luyện, Mác đã gọi bài viết của Ăng-ghen là một phác họa thiên tài và nhiều lần đã trích dẫn nó trong bộ "Tư bản". - 11.

- 2 Ở đây Mác trình bày một đoạn trong bài viết của Ăng-ghen nói về điều kiện lao động sau khi xoá bỏ sở hữu tư nhân (xem Toàn tập, T.1, 1995, tr.759-760). - 11.
- 3 Bản tóm lược này về cuốn sách của Giêm-xơ Mi-lơ "Những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị" do C. Mác viết, có lẽ vào nửa đầu năm 1844, dựa theo bản dịch tiếng Pháp của Pa-ri-dô ("Elémens d'économie politique". Traduits de l'anglais par J.T.Parisot, Paris, 1823), là quyển thứ tư và thứ năm trong số chín quyển vở do Mác ghi chép về kinh tế tại Pa-ri từ tháng Mười 1843 đến tháng Giêng 1845. Trong bản in này, tất cả những đoạn trích dẫn cuốn sách của Min đều được để trong ngoặc kép, còn phần Mác tự trình

bày về văn bản được tóm lược thì không để trong ngoặc kép, không kể trong bản viết tay của chính Mác có hay không có ngoặc kép. Trong khi chuẩn bị bản dịch tiếng Nga, ban biên tập đã đối chiếu tất cả mọi đoạn ghi chép chủ yếu bằng tiếng Đức của Mác không chỉ với bản dịch tiếng Pháp, mà cả với nguyên bản tiếng Anh quyển sách của Min mà Mác không sử dụng đến.

Khác với nhiều tài liệu loại này trong tư liệu lưu trữ của Mác (các phần ghi chép, tóm lược), trong tài liệu này thì phần lớn là những điều suy luận của chính Mác có nội dung gắn liền với "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" và những điều suy luận trước đó của Mác. Trong các dấu ngoặc vuông (dấu của ban biên tập), những trang của quyển vở đặc biệt của Mác, nơi có bản tóm lược được công bố này, được ghi bằng chữ số La Mã. Những chữ in nghiêng trong phần trích dẫn thường là do Mác nhấn mạnh. - 13.

- 4 Mác quan niệm kinh tế chính trị học hiện đại là học thuyết của Đ.Ri-các-đô và những người kế tục ông, đặc biệt là Đ.Min và có lẽ, của cả những nhà kinh tế học khác cùng thời với Ri-các-đô. - 31, 149.
- 5 Trong các định nghĩa này về chúa trời bị tha hoá và về con người bị tha hoá. Mác tái hiện tư tưởng của Phoi-ơ-bác được diễn đạt trong tác phẩm của ông "Bản chất của đạo Cơ Đốc", đặc biệt trong chương II và chương III: "Bản chất chung của tôn giáo" và "Chúa trời là thực chất của lý trí". - 33.
- 6 *Thuyết trọng tiền* - hình thái ban đầu của chủ nghĩa trọng thương; những người theo chủ nghĩa này cho rằng toàn bộ sự giàu có là ở tiền bạc, ở việc tích góp các kim loại quý, - từ đó mà có việc cấm mang vàng và bạc ra nước ngoài, cố mua ít đi ở các nước khác và cố bán nhiều cho họ, chính sách cán cân tiền tệ bội thu (xem thêm chú thích 50). - 33.
- 7 Ở đây Mác trích dẫn các tác phẩm sau: Destutt de Tracy. "Elémens d'ideologie". IV et V parties. Traité de la volonte et de ses effets. Paris, 1826, pp. 68,78 (Đe-xtuyt Đơ Tơ-ra-xi. "Cơ sở của hệ tư tưởng". Phần IV và V. Khảo luận về ý chí và tác động của ý chí, Pa-ri, 1826, tr.68, 78). Adam Smith. "Recherches sur la nature et les causes de la richesse des nations". Traduction nouvelle par Germain Garnier. Tome I. Paris, 1802, p.46 (A-đam Xmít. "Nghiên

cứu về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các dân tộc". Bản dịch mới của Gi-Gác-ni-ê. T.I, Pa-ri, 1802, tr.46). [Bản dịch tiếng Nga: A-đam Xmít. "Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các dân tộc". Mát-xcơ-va, 1962, tr.33]. - 41, 203.

- 8 Việc dùng từ "Schacher" (nguyên văn là: con buôn) ở đây để chỉ thương mại thay cho từ tiếng Đức thông dụng là "Handel" có lẽ phản ánh phần nào thái độ cực kỳ tiêu cực của S.Phu-ri-ê đối với thương mại (xem tập này, tr.439 - 490) và phản ánh cả truyền thống của văn chương phê phán xã hội lúc bấy giờ đang bằng mọi cách nhấn mạnh sự chỉ trích của mình đối với việc trao đổi trên thị trường một cách tự phát dưới chế độ tư hữu, đối lập với "sự trao đổi có tổ chức", kể cả dùng những thuật ngữ chuyên môn nghe chối tai rõ ràng. - 46.
- 9 "*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*" có lẽ là bản sơ thảo đầu tiên cuốn sách do Mác viết "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị". Tác phẩm đến tay chúng ta dưới dạng ba bản thảo trên các tờ giấy cỡ 30 x 40cm, mỗi bản thảo được đánh số trang riêng của nó (đánh bằng chữ số La Mã). Trong bản thảo đầu (36 trang) có một số trang được chia ra làm hai hay ba cột song song với nhau, và mỗi cột lại có tiêu đề riêng: "Tiền công", "Lợi nhuận của tư bản", "Địa tô". Bắt đầu từ trang XVII văn bản chỉ viết thành một cột với tiêu đề "Địa tô", còn từ trang XXII đến hết bản thảo thứ nhất thì Mác viết trên cả ba cột, không kể những tiêu đề đã được ghi từ trước. Văn bản của sáu trang ấy (XXII - XXVII) được công bố trong tập này dưới tiêu đề của ban biên tập "Lao động bị tha hoá". Chỉ có bốn trang của bản thảo thứ hai là còn giữ được. Bản thảo thứ ba gồm 17 tờ giấy khổ lớn đóng bằng chỉ trắng (34 tờ gấp). Cuối bản thảo thứ ba (trang XXXIX - XL) là "Lời tựa" mà trong tập này và cả trong các lần xuất bản trước đã được in lên phần đầu. Một mục của bản thảo, được đánh dấu là mục 6 (nói về việc phê phán triết học của Hê-ghen), được in ở cuối tác phẩm phù hợp với ý định mà Mác đã nêu trong "Lời tựa".

Tên gọi toàn bộ bản thảo của Mác và cả những tiêu đề các phần của bản thảo in trong ngoặc vuông do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin

- thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (trước đây) đặt. - 65.
- 10 Ở đây và ở những phần tiếp theo, các chữ số La Mã là số trang do tác giả đánh trong bản thảo. - 67.
- 11 Mở đầu việc phê phán này là tác phẩm "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-n. Lời nói đầu" của C.Mác (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr.569-590). - 67.
- 12 Dự định này không thực hiện được. Có lẽ, Mác không viết những cuốn sách nêu trên chủ yếu không phải vì những hoàn cảnh khách quan khác nhau mà vì ông đã thấy rõ rằng không thể tự nghiên cứu một cách khoa học những vấn đề về pháp quyền, đạo đức, chính trị và những phạm trù khác của kiến trúc thượng tầng khi chưa đưa ra được một sự phân tích khoa học về cơ sở hạ tầng của một xã hội bất kỳ nào, trong đó có xã hội tư sản, - tức là về các quan hệ sản xuất. - 67.
- 13 Có ý nói đến B.Bau-ơ, người đã công bố trong nguyệt san "Allgemeine Literatur - Zeitung" hai bài nhận xét dài về các tác phẩm, các bài báo và những cuốn sách về vấn đề người Do Thái. Phần lớn những câu Mác trích dẫn ở đây được lấy từ hai bài nhận xét này, đăng trong quyển số I (tháng Chạp 1843) và trong quyển số IV (tháng Ba 1844) của báo này. Những cụm từ "lời lẽ không tưởng" và "khối đông đức" nằm trong bài báo của B.Bau-ơ "Cái gì là đối tượng phê phán lúc này?" trong quyển số VIII của "Allgemeine Literatur - Zeitung" (tháng Bảy 1844). Việc phê phán cận kề nguyệt san này về sau được Mác và Ăng-ghe-n đưa ra trong tác phẩm "Gia đình thần thánh hay Phê phán sự phê phán có tính chất phê phán" (xem Toàn tập, t.2, 1995). - 68.
- 14 Vào thời kỳ này, ngoài tiếng Đức ra, Mác còn thông thạo cả tiếng Pháp và khá am hiểu văn học Pháp. Ông đã đọc và thường tóm lược các tác phẩm của Công-xi-đê-răng, Le-ru, Pru-đông, Ca-bê, Đê-da-mi, Bu-ô-na-rô-ti, Phu-ri-ê, La-ô-te-rơ, Vin-lơ-gác-đen và các tác giả khác. Vào nửa đầu những năm 40 Mác chưa nắm chắc được tiếng Anh và vì vậy ông chỉ có thể đọc các tác phẩm của những nhà xã hội chủ nghĩa Anh thông qua bản dịch ra tiếng Đức hoặc tiếng Pháp. Thí dụ, Mác biết đến tác phẩm của Ô-oen

- qua bản dịch tiếng Pháp và cả qua các tác phẩm của những tác giả Pháp trình bày quan điểm của Ô-oen. Văn bản của chính "Bản thảo kinh tế - triết học" và cả những tài liệu khác cũng không có những dấu hiệu cho thấy sự hiểu biết rộng rãi hơn đối với sáng tác của các nhà xã hội chủ nghĩa Anh, mà chỉ sau này mới thấy rõ, ví dụ trong "Sự khốn cùng của triết học" viết vào năm 1847. - 68.
- 15 Ngoài tác phẩm chính của Vai-tinh "Đảm bảo sự hài hoà và tự do" (1842), Mác chắc có ý nói đến những bài báo được công bố trong các tạp chí do chính Vai-tinh xuất bản vào những năm 1841 - 1843, và cả tác phẩm có tính chất cương lĩnh của Vai-tinh viết cho Liên đoàn những người chính nghĩa "Loài người, thực trạng và tương lai của nó".
- Trong văn tập do Ghê-ơóc Héc-véc xuất bản "Einundzwanzig Bogen aus der Schweiz". Zürich und Winterthur, 1843 ("Hai mươi mốt tờ in gửi từ Thụy Sĩ". Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843) có đăng ba bài báo khuyết danh của Hét-xơ: "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản", "Triết học của hành động", "Tự do đầy đủ và duy nhất". - 68.
- 16 Xem Toàn tập, t.1, 1995, tr.747-786, - 68.
- 17 Trong những bức thư Mác gửi Ru-gơ, trong các bài báo của Mác "Về vấn đề Do Thái", "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-n. Lời nói đầu", công bố trên tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher" (tháng Hai 1844) có nghiên cứu ít ra là những yếu tố đầu tiên sau đây của nội dung "Bản thảo kinh tế - triết học" - "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị": đòi phê phán một cách thẳng tay đối với thế giới hiện tại như một trong những điều kiện tiên quyết quan trọng nhất để xây dựng thế giới mới; kêu gọi phê phán chính trị, giữ một lập trường nhất định của đảng trong chính trị và thiết lập bằng cách đó mối liên hệ sinh động giữa lý luận với cuộc đấu tranh hiện thực; khám phá bản chất của sự sùng bái tiền tệ trong xã hội tư sản, bản chất của tiền với tính cách là bản chất của lao động tha hoá khỏi con người và của tồn tại của con người; đặt vấn đề sự tha hoá của con người với chính bản thân anh ta và với thiên nhiên trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản; đánh giá một cách có phê phán chủ nghĩa

- cộng sản không tưởng ("lúc bấy giờ") - hình thức của nó đã được Ca-bê, Đê-đa-mi, Vai-tinh và những người khác cổ xúy; đặc biệt chú trọng việc thủ tiêu chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa với tính cách là mục đích chủ yếu và nội dung của cuộc cách mạng xã hội triệt để ("Sự giải phóng của toàn thể loài người"); luận điểm về sự hình thành và nâng cao - cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản - giai cấp vô sản - giai cấp có sứ mệnh tiêu diệt chế độ tư hữu và trở thành "trái tim", tức là động lực cơ bản của việc xây dựng lại xã hội mang tính cách mạng. - 68.
- 18 L.Feuerbach. "Grundsätze der Philosophie der Zukunft". Zürich und Winterthur. 1843 (L.Phoi-ơ-bắc "Những nguyên lý cơ bản của triết học tương lai". Xuy-rích và Vin-téc-tua. 1843).
- Bài báo của L. Phoi-ơ-bắc "Những nguyên lý ban đầu đối với cải cách triết học" đã được đăng trong tập thứ hai của văn tập "Anekdoten zur neuesten deutschen Philosophie und Publicistik" ("Điều chưa công bố của lĩnh vực triết học và chính luận Đức hiện đại"). Trong văn tập gồm hai tập này, ngoài tác phẩm của các tác gia khác còn có bài viết của Mác "Nhận xét bản chỉ thị mới nhất về chế độ kiểm duyệt của Phổ". Một bài được công bố ở đây "Lu-the là trọng tài giữa Stơ-ra-u-xơ và Phoi-ơ-bắc" mà tác giả của nó cho đến gần đây vẫn được coi là Mác, do L. Phoi-ơ-bắc viết. - 69.
- 19 Ở đây Mác ngụ ý nói đến toàn bộ quan điểm duy vật của Phoi-ơ-bắc nói chung, mà chính Phoi-ơ-bắc đã gọi là "chủ nghĩa tự nhiên" và "chủ nghĩa nhân văn" hay "nhân chủng học" và trong đó đã phát triển ý tưởng cho rằng triết học mới, tức là triết học của Phoi-ơ-bắc, làm cho con người với tư cách là một phần không thể tách rời được của giới tự nhiên trở thành đối tượng duy nhất và cao nhất của mình. Triết học ấy, hay nhân chủng học, theo ý Phoi-ơ-bắc, bao gồm cả sinh lý học và trở thành một khoa học phổ quát: ông khẳng định rằng bản chất của thời đại mới là tôn sùng cái thực tế, cái đang tồn tại mang tính vật chất: bản chất của triết học mới là phủ định thần học, khẳng định chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân đạo. - 69.
- 20 Mác đã cùng với Ăng-ghe-n, thực hiện ý định này của mình trong cuốn sách

- "Gia đình thần thánh, hoặc Phê phán sự phê phán có tính chất phê phán" (xem Toàn tập, t.2, 1995) sau khi viết "Lời tựa" ấy. - 71.
- 21 Mác chia các trang của bản thảo đầu tiên ra làm ba cột song song với nhau với các tiêu đề: "Tiền công", "Lợi nhuận của tư bản" và "Địa tô". Mỗi cột đều ghi đầy chính văn liên quan đến các chủ đề nêu trên. Nhưng việc trình bày làm ba cột như thế bị phá vỡ, mà đến cuối bản thảo, về thực chất, mất hết mọi ý nghĩa. Các tiêu đề do Mác định ra tương ứng với ba phạm trù của kinh tế chính trị học tư sản, những phạm trù mà, đến lượt mình, theo học thuyết của A-đam Xmit, là ba kiểu thu nhập của ba giai cấp cơ bản của xã hội tư sản lúc đó - giai cấp công nhân, giai cấp tư sản công nghiệp và các điền chủ. - 72.
- 22 Mác trích dẫn trang 138, t.I, tác phẩm của A. Xmit (xem chú thích 7) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 66]. Tất cả những trích dẫn tiếp theo do Mác đưa ra đều dựa vào ấn phẩm này. - 73.
- 23 Trích dẫn tr.162, t.II tác phẩm của A.Xmit (xem chú thích 7) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 194]. - 75.
- 24 Trích dẫn tr.193, t.I tác phẩm của A. Xmit (xem chú thích 7) [Bản dịch tiếng Nga, tr. 84]. - 78.
- 25 Lợi tức kép là lợi tức được tính một cách liên tục không chỉ dựa trên đại lượng ban đầu, mà còn dựa vào gia số đối với nó trong một thời hạn nhất định nào đó. Như vậy, đại lượng ban đầu được tăng lên giống như cấp số nhân, ví dụ: $2 \times 2 = 4 \times 2 = 8 \times 2 = 16$ v.v.. - 78, 95.
- 26 Ở trang VII của bản thảo đầu, khác với các trang trước đó, Mác trình bày chủ đề "Tiền công" ở tất cả ba cột. Ở trang VIII ông trình bày hai chủ đề: ở cột đầu, bên trái - "Tiền công", ở cột thứ hai, bên phải. - "Lợi nhuận của tư bản". - 79.
- 27 W.Schulz. "Die Bewegung der Production. Eine geschichtlich - statistische Abhandlung zur Grundlegung einer neuen Wissenschaft des Staats und der Gesellschaft". Zürich und Winterthur. 1843 (V.Sun-dơ. "Sự vận động của sản

- xuất. Nghiên cứu có tính lịch sử thống kê học để đạt cơ sở cho môn khoa học mới về nhà nước và xã hội". Xuy-rích và Vin-téc-tua. 1843). - 83.
- 28 C.Pecqueur. "Théorie nouvelle d'économie sociale et politique, ou Etudes sur l'organisation des sicuètes", Paris, 1842 (C.Péch-co. "Học thuyết mới về kinh tế xã hội và kinh tế chính trị, hoặc Nghiên cứu về việc tổ chức xã hội". Pa-ri, 1842). - 85, 101.
- 29 Ch. Loudon. "Solution du problème de la population et de la subsistance". Paris, 1842 (S.Lao-đơn "Giải quyết vấn đề dân số và lương thực", Pa-ri, 1842). - 86.
- 30 E. Buret "De la misère des classes laborieuses en Angleterre et en France". T.I, Paris, 1840 (E.Buy-rê, "Về sự cùng khổ của giai cấp công nhân ở nhà nước Anh và nước Pháp". T.I, Pa-ri, 1849). - 86.
- 31 J.B.Say. "Traité d'économie politique". Troisième édition. T.I. II. Paris, 1817, (Gi.B. Xáy. "Khảo luận về kinh tế chính trị". Xuất bản lần thứ ba, T.I-II, Pa-ri, 1817). - 89.
- Toàn bộ đoạn này không phải của A.Xmít, mà của Gi.Hác-ni-ê - người dịch ra tiếng Pháp tác phẩm của ông "Sự giàu có của các dân tộc". - 90.
- 33 Ở chỗ này Mác tái hiện tư tưởng của A.Xmít về ý nghĩa tốt của sự cạnh tranh mà ông đã phát biểu trong tác phẩm chính của mình là "Sự giàu có của các dân tộc". Xmít cho rằng giả dụ nếu tư bản được phân bố trong hai mươi thương nhân, thì sự cạnh tranh giữa họ sẽ tăng, và điều đó sẽ đem lại lợi ích trực tiếp cho cả người tiêu dùng cũng như người sản xuất, bởi vì các thương nhân khác nhau buộc phải bán rẻ hơn và mua đắt hơn so với trường hợp toàn ngành ấy do một hay hai người nắm độc quyền. Theo ý kiến của Xmít, sự cạnh tranh ngày càng tăng giữa các tư bản khác nhau ắt phải góp phần tăng tiền trả cho lao động và nó không làm giảm lợi nhuận. Trong điều kiện cầu về sức lao động ngày càng lớn và có sự cạnh tranh giữa các tư bản thì các nhà tư bản đứng trước việc cần phải phá vỡ "Sự thoả thuận tự nhiên" về việc không tăng tiền công. - 95.
- 34 Tất cả đoạn này, bao gồm cả những đoạn trích dẫn từ cuốn sách của Ri-các-đô

- "Nguyên lý của kinh tế chính trị và chính sách thuế" và từ cuốn sách của Xi-xmôn-đi "Những nguyên lý mới của kinh tế chính trị học" là trích từ cuốn sách: E. Buret. "De la misère des classes laborieuses en Angleterre et en France". T.I, Paris, 1840, p.6-7 (xem chú thích 30). - 103.
- 35 Có ý nói đến lập luận của Xmít về những nhân tố quyết định sự thành công của những người làm công và lượng tiền công. Trong số các nhân tố này có "khả năng hoặc không có khả năng thành công". Đặc biệt, Xmít nói: "Hãy cho con bạn đến học việc với người thợ đóng giày, bạn có thể tin chắc rằng nó học được cách khâu giày, còn nếu bạn gửi con bạn đi học trường luật, thì có thể đánh cuộc, ít ra là, hai mươi lấy một rằng con bạn sẽ không đạt được những thành công cho phép nó sống bằng chính cái nghề này. Trong trò chơi xổ số hoàn toàn chính đáng thì những số trúng thưởng phải được tất cả những gì mà các số không trúng bị mất. Trong cái nghề mà cứ một người thành đạt có hai mươi người thất bại thì một người ấy phải được tất cả những gì mà hai mươi người thất bại kia lẽ ra đã nhận được". - 106.
- 36 Ở chỗ này Mác đưa ra luận điểm của A.Xmít, mà theo đó thì số câu ngày càng tăng của cư dân về một sản phẩm thông dụng nào đó, ví dụ như khoai tây, sự tăng số người tiêu dùng thứ sản phẩm này, ngay cả khi nó có được ở vùng thổ nhưỡng trung bình, thì cũng sẽ tạo ra sự dư thừa lớn hơn về giá trị trong tay chủ trang trại sau khi đã bù lại giá trị của những chi phí về vốn và chi phí về tiền công lao động. Đến lượt mình, phần dư thừa lớn này sẽ dành cho người sở hữu ruộng đất. Từ đó có kết luận: số lượng cư dân tăng lên thì mức địa tô cũng tăng lên. - 112.
- 37 Ở đây Mác nêu kết luận, bắt nguồn từ bối cảnh chung các lập luận của những đại diện của cái gọi là kinh tế chính trị học hiện đại, trước hết là của Đ.Ri-các-đô, về mối quan hệ giữa các chủ sở hữu ruộng đất, không làm việc mà vẫn thu được địa tô - do quyền sở hữu ruộng đất với tính cách là tư liệu sản xuất cơ bản - với những người sản xuất ra nông phẩm - những người thuê ruộng, đang chiếm phần đáng kể cư dân nước Anh vào thời kỳ công trường thủ công của chủ nghĩa tư bản và những giai đoạn đầu của sản xuất công xưởng. Về A.Xmít thì ông đã đi theo phái trọng nông, chứng

- minh sự đồng nhất không có thật giữa lợi ích của chủ sở hữu ruộng đất với xã hội. - 113, 150.
- 38 Nhận xét này, chắc là liên quan đến các quan điểm tiểu tư sản của Xi-xmôn-di, người đã lý tưởng hoá quan hệ tư hữu ruộng đất - kiểu gia trưởng. - 118.
- 39 Thuật ngữ "mèo con buôn" trong nguyên bản tương ứng với một từ rất khó dịch là "Verschacherung". Sách báo phê phán xã hội lúc đó theo truyền thống bắt nguồn từ Phu-ri-ê, đã coi khinh việc buôn bán tư nhân và các kiểu giao dịch chợ búa nói chung, coi đó là công việc xấu xa, hèn hạ nói chung. Trong trường hợp này cũng như ở các chỗ khác của "Bản thảo kinh tế - triết học" có ảnh hưởng nhất định, ít ra là về mặt thuật ngữ, của những người đi trước Mác đối với Mác trong việc lý giải thương mại (xem cả chú thích 8). - 118.
- 40 Kết luận tương tự đã được dùng khá phổ biến trong sách báo phê phán xã hội thời bấy giờ. Chẳng hạn, V. Vai-tinh đã viết trong tác phẩm "Đảm bảo sự hài hoà và tự do" của mình: "Cái hổ xuất hiện trong khi xây dựng thành lũy cũng giống như sự nghèo túng xuất hiện trong khi tích lũy của cải". - 128.
- 41 Trong bản thảo Mác diễn đạt sự tha hoá bằng hai thuật ngữ nhiều khi dùng cạnh nhau: "Entfremdung" và "Entäußerung". Về cơ bản, đây là các khái niệm đồng nghĩa và trong tiếng Nga hoàn toàn có thể dịch chúng chỉ bằng một từ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, thuật ngữ "Entäußerung" cũng được Mác dùng trong bản thảo này với ý nghĩa khác, đặc biệt dùng để chỉ sự trao đổi hoạt động, sự chuyển hoá từ trạng thái này sang trạng thái khác, sự tiếp thu được, tức là những hiện tượng kinh tế và xã hội không biểu hiện mối quan hệ thù địch và xa lạ. Cùng với thuật ngữ "Entfremdung" Mác còn dùng "Selbstentfremdung" (nguyên văn là "tự tha hoá"). Ông dùng thuật ngữ này chỉ hoạt động của người công nhân, chỉ lao động của anh ta trên nền tảng tư bản chủ nghĩa như một hoạt động quay trở lại chống chính bản thân người công nhân, không phụ thuộc vào anh ta và cũng không thuộc về anh ta. - 129.
- 42 Ở chỗ này Mác tái hiện dưới dạng đã chỉnh lý một trong những luận điểm của triết học Phoi-ơ-bác, người coi tôn giáo như một sự tha hoá của bản

- chất con người. Trong tác phẩm của mình "Bản chất của đạo Cơ Đốc" Phoi-ơ-bác đã chứng minh rằng vì cái tích cực trong quan điểm của bản chất thần thánh chỉ là cái mang tính người, nên quan điểm của con người là đối tượng của ý thức, là cái hoàn toàn có tính chất phủ định, Phoi-ơ-bác nói, để làm giàu cho thần thánh, con người phải trở nên nghèo, để thần thánh là tất cả, thì con người phải trở thành không là gì cả. Con người phủ định trong bản thân mình cái mà anh ta cho là có trong thần thánh. - 129.
- 43 Ý nghĩ được nêu ra ở đây giống với những luận điểm của Phoi-ơ-bác, người đã coi tôn giáo và triết học duy tâm là sự tha hoá của tồn tại của con người và hoạt động tinh thần của con người. Phoi-ơ-bác viết rằng thần thánh với tính cách là một cái gì đó cao siêu đối với con người, với tính cách là cái không mang tính chất của con người, là bản chất khách quan của lý trí, thần thánh và tôn giáo - đó là bản chất mang tính vật thể của trí tưởng tượng. Ông còn viết rằng bản chất của lô-gích học Hê-ghe-n là hoạt động của chủ thể, là tư duy bị đánh cắp của chủ thể, rằng triết học tuyệt đối làm tha hoá bản chất của chính con người, làm tha hoá hoạt động của con người. - 133.
- 44 Trong đoạn này và đoạn tiếp theo Mác đã dùng thuật ngữ của Phoi-ơ-bác và tiếp thu một cách sáng tạo tư tưởng của ông: trong tôn giáo, "bản chất loài" của con người và tính chất xã hội của con người bị tha hoá: tôn giáo dựa trên sự khác biệt một cách căn bản của con người với loài vật - trên ý thức với ý nghĩa thật chặt chẽ, ý thức chỉ có ở nơi mà đối tượng và bản chất của sinh vật là loài của nó; con người không phải là một sinh vật bộ phận, giống như động vật, mà là một sinh vật toàn năng, vô hạn. - 134.
- 45 *Loài, cuộc sống loài, bản chất loài* - các thuật ngữ của Phoi-ơ-bác biểu thị khái niệm con người, cuộc sống đích thực của con người, một cuộc sống giả định phải có tình bạn và các mối quan hệ thân thiện, tình yêu, như là một sự tự cảm nhận của loài hoặc sự nhận thức thiết thực rằng cá nhân là thuộc một tổng thể người. Phoi-ơ-bác viết rằng bản chất loài cho phép mỗi cá nhân cụ thể tự tồn tại trong số đông vô vàn những cá nhân khác nhau. Ông thừa nhận có sự thù địch lẫn nhau và sự đối lập về lợi ích của nhiều người, tuy nhiên ông nêu sự thù địch và đối lập đó thực ra không phải xuất phát từ những điều kiện thực tế lịch sử của xã hội có giai cấp,

những điều kiện kinh tế của cuộc sống trong xã hội tư sản mà xuất phát từ sự xa lạ của con người đối với bản chất thực sự, tức là bản chất loài của anh ta, xuất phát từ chỗ con người dứt bỏ một cách giả tạo, tuy hoàn toàn không phải không tránh khỏi, cuộc sống loài hoà hợp do chính giới tự nhiên quyết định. - 136.

- 46 Ở đây nêu những luận điểm xuất phát của việc Mác phê phán quan niệm "bình đẳng" trên cơ sở các quan hệ tư bản chủ nghĩa, quan niệm mà Pru-đông đã trình bày trong tác phẩm nổi tiếng "Chế độ sở hữu là gì?" Bằng một công thức mang tính cải lương không tưởng tiểu tư sản, Pru-đông đề ra việc thay chế độ sở hữu tư nhân bằng "chế độ sở hữu xã hội" dưới dạng sản nghiệp nhỏ ngang bằng nhau nằm trong tay những người trực tiếp sản xuất đồng thời có sự trao đổi "ngang bằng nhau" các sản phẩm đã sản xuất ra. Thực tế đây là sự phân nhỏ sở hữu tư nhân. Pru-đông quan niệm về "sự bình đẳng" của việc trao đổi theo cách "những người công nhân đã liên hợp lại" luôn phải được nhận tiền lương ngang bằng nhau, bởi vì trong khi trao đổi cho nhau các sản phẩm của mình, thậm chí nếu trên thực tế đó là những sản phẩm không bằng nhau, mỗi người đều được nhận như nhau, còn số dư của sản phẩm của người này so với sản phẩm của người khác sẽ nằm ngoài sự trao đổi, sẽ không trở thành tài sản của xã hội, và như vậy, sự bình đẳng của tiền lương sẽ hoàn toàn không bị phá vỡ. Mác tuyên bố rằng trong lý luận của Pru-đông, xã hội hiện ra như một nhà tư bản trừu tượng và ông nói rằng Pru-đông không chú ý đến những mâu thuẫn hiện thực của nền sản xuất hàng hoá, một nền sản xuất vẫn còn hiệu lực cả trong hệ thống sở hữu nhỏ ("ngang bằng nhau"). Ít lâu sau trong "Gia đình thần thánh" đã nêu kết luận rằng Pru-đông khắc phục sự tha hoá kinh tế trong những giới hạn của chính sự tha hoá đó, nghĩa là trên thực tế hoàn toàn không khắc phục sự tha hoá. - 143.
- 47 Những từ này mở đầu trang XL, trong bản thảo thứ hai của Mác. Phân đầu của câu, cũng như 39 trang đầu của bản thảo thứ hai này không còn lưu lại được đến ngày nay. - 147.
- 48 Có ý nói đến đạo luật mới về người nghèo được nghị viện Anh thông qua năm 1834. Đạo luật này chỉ cho phép có một hình thức trợ giúp người nghèo -

xếp cho họ vào ở những nhà tế bần với chế độ như nhà tù. Một trong những mục đích chính của đạo luật về người nghèo là tạo ra cho những người chủ xí nghiệp những điều kiện cực kỳ thuận lợi để thuê mướn nhân công. Ăng-ghe-n nhận xét tỉ mỉ đạo luật về người nghèo và những nhà tế bần đã được lập ra theo đạo luật ấy trong tác phẩm "Tinh cảnh giai cấp lao động ở Anh" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.684-698). - 148.

- 49 Điều bổ sung này có lẽ là thuộc một trong số những trang không còn giữ lại được, cũng như phần bổ sung dưới đây đối với trang XXXIX, có thể từ bản thảo thứ hai. - 157.
- 50 "*Kinh tế chính trị học có kiến thức*" trước hết gắn với tên tuổi của A.Xmít, người mà Mác, tiếp theo Ăng-ghe-n, gọi là nhà cải cách, là "Luy-the" của môn khoa học này, được Mác coi một cách xác đáng là giai đoạn cao hơn trong sự phát triển tư tưởng kinh tế học so với thuyết trọng tiền và chủ nghĩa trọng thương - các học thuyết kinh tế có trước đó và so với các hình thái tương ứng của chính sách kinh tế. Cả hai hệ thống (đúng hơn là hai nhánh về thực chất của cùng một hệ thống) đều định hướng vào việc đạt được sự bội thu (hệ thống trọng tiền) hay sự xuất siêu (chủ nghĩa trọng thương). Cả trong hai trường hợp này đều nói về tích lũy tiền tệ vì đồng tiền, việc kiếm tiền bằng bất cứ giá nào và việc tích trữ vàng bạc, về thực chất, được coi là mục đích cao nhất và thậm chí là mục đích tự nó. Nói theo ngôn ngữ của Mác, về mặt tiền, hình thức đặc biệt của của cải, "phải được gìn giữ và xác lập chỉ bằng phương thức bên ngoài", phái trọng thương đã biểu hiện ra là những người thờ ngẫu tượng và bái vật. Đồng thời các môn đồ của hai hệ thống này đều không chú ý đến chính sản xuất, không thấy sự phát triển nó là cơ sở của của cải xã hội. Chỉ có "kinh tế chính trị học có kiến thức" thừa nhận sự sản xuất và lao động là nguyên tắc, tức nguyên lý, chủ yếu của mình. - 157.
- 51 Xem Ph.Ăng-ghe-n. "Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị" (Toàn tập, t.1, 1995, tr.747-786). - 157.
- 52 Các khái niệm "*đổi lập*" và "*mâu thuẫn*" được Hê-ghe-n phân biệt trong "Lô-gích học" như sau: trong sự *đổi lập*, mối quan hệ giữa hai mặt là một trong hai

- mặt đó do mặt kia quyết định và vì vậy nó chỉ là một yếu tố, nhưng đồng thời mỗi mặt của đối lập cũng tự quyết định chính nó, và điều đó truyền cho nó tính độc lập; trong *mâu thuẫn*, ngược lại, mối quan hệ là mỗi mặt, trong tính độc lập của mình lại bao hàm mặt kia, và vì vậy mà tính độc lập của cả hai hoá ra bị loại trừ. - 163.
- 53 Trong sự không tưởng của mình về thế giới tương lai, cái gọi là chế độ thành viên. Sác-lơ Phu-ri-ê, bất chấp những xu hướng hiện thực của sự phát triển kinh tế và bất chấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị học mà ông hoàn toàn phủ nhận, ông coi kinh tế chính trị học ấy là một khoa học sai lầm và khẳng định rằng nền sản xuất công nghiệp trong những điều kiện của một "chế độ hợp lý" phải được duy trì chỉ như phần bổ sung cho nghề nông, như "một phương tiện làm lãng quên sự lạng yèn của lòng đam mê" trong lúc có mưa to và lúc thiếu việc làm vào mùa đông dài đằng đẵng; ông khẳng định rằng chính chúa trời, chính thiên nhiên định sẵn cho con người thành viên chỉ dành cho lao động công nghiệp một phần tư lượng thời gian của mình, rằng lao động công nghiệp chỉ là nghề nông phụ trợ và đa dạng. - 164.
- 54 Những luận điểm này được Xanh - Xi-mông mở rộng trong tác phẩm "Kinh bốn của các kỹ nghệ gia" ("Catéchisme des industriels". Paris, 1824). - 164.
- 55 Ở đây Mác hiểu "chủ nghĩa cộng sản" là những hệ thống quan điểm không tưởng do Ba-bốp, Ca-bê, Đê-đa-mi ở Pháp, Ô-oen ở nước Anh, Vai-tinh ở nước Đức đề xuất. Lần đầu tiên Mác dùng thuật ngữ "chủ nghĩa cộng sản" để chỉ những quan điểm của chính mình trong tác phẩm ""Gia đình thần thánh". - 164.
- 56 Ở đây với cụm từ hình thái đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản, chắc là, trước hết Mác ngụ ý những quan điểm không tưởng được hình thành dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 - 1794 của Ba-bốp và những người ủng hộ ông về một xã hội "hoàn toàn bình đẳng" và những phương thức thực hiện trên cơ sở "công xã dân tộc" thay thế cho kinh tế tư nhân. Mặc dù những quan niệm này thể hiện được nguyện vọng của giai cấp vô

- sản thời đại của mình, nhưng xét toàn bộ chúng còn mang tính sơ khai, bình quân thô thiển. - 164.
- 57 Đây hoàn toàn có thể là ý kiến của Mác nhằm chống lại Rút-xô. Tình trạng mà Mác gọi là không tự nhiên thì, ngược lại, Rút-xô và những người kế tục ông lại cho là tự nhiên đối với con người sự tồn tại chưa được học vấn, văn hoá và văn minh đưng tới. Những luận điểm loại này được Rút-xô mở rộng trong các cuốn sách "Bàn về khoa học và nghệ thuật", "Bàn về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa mọi người" và trong những tác phẩm khác. - 165.
- 58 Dùng thuật ngữ của Phoi-ơ-bắc, ở đây Mác nêu quan niệm duy vật biện chứng của mình về chủ nghĩa cộng sản đem lại "việc giải đáp câu đố của lịch sử", nói cách khác, có nghĩa là đưa ra sự tất yếu của chủ nghĩa cộng sản xuất phát từ sự phát triển của những mâu thuẫn khách quan của xã hội dựa trên cơ sở tư hữu. - 167.
- 59 Có ý nói đến những ý kiến phê phán của Ô-oen đối với tất cả mọi tôn giáo mà, theo như ông nói, đã gây ra những tiền đề nguy hiểm và tai hại cho mọi người, đã gieo rắc trong xã hội sự thù địch giả tạo; Ô-oen chỉ ra rằng sự không thể dung thứ được của tôn giáo là cản trở trực tiếp con đường dẫn tới sự hài hoà và niềm vui rộng khắp; Ô-oen coi những quan niệm của bất kỳ tôn giáo nào đều là những sự lầm lạc thô bạo. - 169.
- 60 Phạm từ *chiếm hữu* ["Haben"] gặp trong các tác phẩm của M.Hét-xơ, đặc biệt trong bài báo "Triết học hành động", đăng trong văn tập "Hai mươi mốt tờ gửi từ Thụy Sĩ" (xem chú thích 15). - 173.
- 61 Phoi-ơ-bắc gọi lý luận của mình về nhận thức là *tâm lý học*. Có lẽ ở đây thuật ngữ này được dùng với nghĩa đó. - 177.
- 62 *Địa cầu học* được dùng ở thế kỷ XVIII - XIX để chỉ ngành địa chất học mô tả. - 181.
- 63 *Generatio aequivoca* - đây là cách nói mà Mác dùng như từ đồng nghĩa với *génération spontanée* trong tiếng Pháp, nghĩa đen là sự ra đời tự phát. Ăng-ghen cũng nói về *generatio aequivoca* - sự xuất hiện của cuộc sống bằng con đường

- tự phát sinh - trong tác phẩm "Biện chứng của tự nhiên" (xem Toàn tập, t.20, 1994, tr. 804-806). - 181.
- 64 Ở đây là sự phê phán của Mác đối với các luận điểm kiểu Man-tút trong thuyết nhân khẩu của Min (xem tập này, tr.15-23). - 192.
- 65 Trích dẫn các trang 29-46, t.I và các trang 191-195, t.II tác phẩm của Xmít (xem chú thích). [Bản dịch tiếng Nga, tr.27-30, 203]. - 203.
- 66 Trích dẫn các trang 300, 76-77, t.I và các trang 6 và 465, t.II tác phẩm của Xây (xem chú thích 31). - 203.
- 67 F,Skarbek. "Théorie des richesses sociales". Seconde édition. T.I, Paris, 1839, pp. 25-27,75, 121-131 (Ph.Xcác-béch. "Lý luận về của cải xã hội". Xuất bản lần thứ hai. T.I. Pa-ri, 1839, tr.25-27, 75, 121-131). - 204.
- 68 Mác trích dẫn các trang 7,11-12 cuốn sách của D. Min (xem chú thích 3). - 204.
- 69 Có ý nói đến tác phẩm gồm ba tập của B.Bau-ơ "Phê phán lịch sử phúc âm của những kinh Phúc âm tương đồng" ("Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker". Bd. 1-2, Leipzig, 1841; Bd. 3. Braunschweig, 1842). Trong sách báo về lịch sử tôn giáo ba cuốn kinh Phúc âm đầu tiên sát nhau về nội dung (của Mát-phây, của Mác-cơ, của Lu-ca) nằm trong "Kinh tân ước thường được gọi là những kinh Phúc âm tương đồng. Cách trình bày có tính nhất quán, những điểm vay mượn lẫn nhau, sự giống nhau của nhiều nguồn gốc, sự trùng hợp về cách thể hiện và dùng thuật ngữ đã chứng tỏ sự giống nhau của các kinh Phúc âm tương đồng này. - 217.
- 70 B.Bauer. "Dasentdeckte Christenthum". Zürich und Winterthur, 1843 (B.Bau-ơ. "Ki-tô giáo bị vạch trần". Xuy-rích và Vin-téc-tua. 1843). - 218.
- 71 B.Bauer. "Die gute Sache der Freiheit und meine eigene Angelegenheit". Zürich und Winterthur, 1842 (B.Bau-ơ. "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do và sự nghiệp của bản thân tôi". Xuy-rích và Vin-téc-tua. 1842). - 218.
- 72 Có ý nói đến các bài phát biểu của phái Hê-ghen trẻ trên tờ "Allgemeine Literatur - Zeitung" . - 218.
- 73 Ở đây Mác tái hiện những điều lập luận có tính phê phán của Phoi-ơ-bắc

- nhằm chống Hê-ghen ở các §§29-30 trong cuốn sách "Những nguyên lý cơ bản của triết học tương lai" của ông (xem chú thích 18). - 221.
- 74 Tám cụm từ "sự vượt qua mọi mặt của đối tượng" này được chép ra gần như nguyên văn từ chương cuối của "Hiện tượng học tinh thần" của Hê-ghen. - 230.
- 75 Phoi-ơ-bắc gọi các quan điểm triết học của mình là chủ nghĩa tự nhiên và chủ nghĩa nhân đạo, nhưng đồng thời ông cũng thường tránh thuật ngữ chủ nghĩa duy vật, rõ ràng là bằng cách đó ông thể hiện sự không tán thành của mình đối với một số nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật Anh và Pháp trước đây, đặc biệt là không tán thành tính trừu tượng, thuyết duy cảm, coi cảm tính là cơ sở và nguồn gốc duy nhất của tri thức. Ở chỗ này Mác nói về các hình thái của triết học duy vật trước Phoi-ơ-bắc, tán thành việc không thoả mãn với các hình thái này, - điều vốn có của Phoi-ơ-bắc. Không phải chủ nghĩa duy vật cũ ấy, không phải chủ nghĩa duy tâm, mà là triết học Phoi-ơ-bắc - chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa nhân đạo - có khả năng khám phá bí mật của lịch sử toàn thế giới. - 232.
- 76 Những luận điểm do Mác trình bày về con người như một thực thể tự nhiên trực tiếp và hoạt động chủ yếu dựa vào các nguyên tắc mà Phoi-ơ-bắc đã phát triển, đối lập với chủ nghĩa duy tâm tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm triết học; coi con người là một thực thể đặc biệt, có ý thức của tự nhiên, xác định bản chất bằng tính chất của sự vật bên ngoài, tính chất sự vật tất yếu của bất kỳ một sinh vật nào, của bất kỳ bản chất nào để một sinh vật cảm tính tồn tại cần có những sự vật khác ngoài bản thân nó (không khí để thở, nước để uống, ánh sáng để nhìn, sản phẩm động vật và thực vật để ăn v.v.). - 232.
- 77 Thuật ngữ "sự đau khổ" xuất phát từ Phoi-ơ-bắc, người, cũng giống như Mác, đã lý giải nó là một hình thái biểu hiện và phương thức tác động của môi trường xung quanh và thế giới bên ngoài đến con người. Phoi-ơ-bắc nói rằng chỉ có sinh vật nào chịu đau khổ, sống thiếu thốn mới là sinh vật cần thiết; sự tồn tại không có nhu cầu là sự tồn tại thừa; chỉ có cái gì biết đau đớn mới xứng đáng được tồn tại. Khác với Phoi-ơ-bắc, Mác sửa lại một cách

- căn bản và mở rộng nguyên tắc có tính chất kinh nghiệm "sự đau khổ", đưa vào đó cả thực tiễn xã hội, hoạt động khôn ngoan và hướng đích của con người nhằm nắm chắc và cải tạo thế giới bên ngoài. - 234.
- 78 Mác, dựa vào Phoi-ơ-bắc và sử dụng thuật ngữ của Phoi-ơ-bắc, phê phán các luận điểm của Hê-ghe-n. Đặc biệt, Phoi-ơ-bắc viết trong "Đề cương sơ thảo về cải cách triết học" rằng ở Hê-ghe-n tư tưởng là tồn tại, là chủ thể, mà tồn tại đồng thời lại là vị thể, lô-gích là tư duy trong những hình thái đặc biệt đối với nó, ý nghĩa là chủ thể không có vị thể, hay ý nghĩa là chủ thể và cũng là vị thể của chính mình; Hê-ghe-n nắm bắt khách thể chỉ trong ý nghĩ thôi, coi đó là vị thể của ý nghĩ biết tư duy. Cách nói "sự quay vòng thuần túy, *liên tục* trong bản thân mình" - đó có lẽ là phỏng theo cách nói của Hê-ghe-n "vòng tròn thu hút trong bản thân nó", "vòng tròn của những vòng tròn" trong tác phẩm của Hê-ghe-n "Lô-gích học". - 243.
- 79 Ở đây và tiếp theo Mác trích dẫn các trang của cuốn sách: G.W.F.Hegel. "Encyclopädie der philosophischen Wissenschaften im Grundrisse". Dritte Ausgabe, Heidelberg, 1830 (G.V. Ph. Hê-ghe-n. "Bách khoa thư tóm tắt của khoa học triết học". Xuất bản lần thứ ba. Hây-đen-béc, 1830). - 245.
- 80 Trích dẫn tr.393 cuốn sách của Hê-ghe-n (xem chú thích 79). - 249.
- 81 Bài này là bài thứ hai của Mác được công bố trên báo Đức "Vorwärts" ("Tiến lên!") xuất bản ở Pa-ri từ tháng Giêng đến tháng Chạp 1844; Mác bắt đầu cộng tác với báo này từ mùa hè năm 1844 với việc công bố bài "Những nhận xét có tính phê phán đối với bài báo của một "Người Phổ": "Vua Phổ và cải cách xã hội"" (xem Toàn tập, t.I, 1995, tr.591). Từ tháng Chín 1844, sau khi trở thành thành viên của ban biên tập, Mác bắt đầu tham gia trực tiếp vào việc biên tập tờ báo, có ảnh hưởng cả đến các công việc tổ chức của ban biên tập. Theo đề nghị của Mác, Ăng-ghe-n cũng cộng tác với báo này. Cộng tác với báo này còn có cả Hai-nơ, Ghéc-véc, Ê-véc-béc, Ba-cu-nin v.v.. Chịu ảnh hưởng của Mác, tờ báo đã bắt đầu có tính chất cộng sản, trở thành cơ quan của phong trào xã hội chủ nghĩa; tờ báo phê phán kịch liệt nền chính trị phản động của chế độ chuyên chế Phổ và cả chủ nghĩa tự do ôn hoà Đức. Theo yêu cầu của Chính phủ Phổ, tháng Giêng 1845,

- nội các Ghi-đô đã ban hành lệnh trục xuất Mác và một số cộng tác viên khác của báo này khỏi nước Pháp; việc xuất bản tờ "Vorwärts!" chấm dứt. - 250.
- 82 Trích dẫn sắc lệnh của Phri-đrich - Vin-hem IV, công bố ngày 9 tháng Tám 1844 tờ "Allgemeine PreuBische Staats - Zeitung" ("Báo quốc gia phổ thông Phổ"). Nguyên do việc ban hành sắc lệnh này là việc nhà vua bị G.Séc, thị trưởng cũ của thành phố Stoóc-cốp, mưu sát hụt vào ngày 26 tháng Bảy 1844 tại Béc-lin. - 250.
- 83 Có ý nói đến đề nghị của nhà ngoại giao Phổ Bun-den về việc cải cách cơ cấu nhà nước Phổ do ông trình lên Phri-đrich - Vin-hem IV vào xuân hè năm 1844 dưới hình thức tờ biểu ghi nhớ. Theo dự án của Bun-den dự kiến sẽ thành lập một quốc hội Phổ theo hình mẫu nghị viện Anh, gồm hai viện với Thượng nghị viện của giới quý tộc và Hạ nghị viện được bầu ra trên cơ sở nguyên tắc đẳng cấp. - 255.
- 84 Bài tin này, lần đầu được công bố bằng tiếng Nga, mở đầu sự cộng tác của Ăng-ghe-n với tờ báo của phái Hiến chương "Northern star" ("Ngôi sao phương Bắc"), sự cộng tác này có một số lần đứt quãng, kéo dài đến năm 1848. Trước đó báo đã đăng lại (ngày 11 và 25 tháng Mười một 1843) bài báo của Ăng-ghe-n "Những thắng lợi của phong trào cải cách xã hội trên lục địa" đã được công bố có ký tên ông trên tuần báo "New Moral World" (xem Toàn tập, t.I, 1995, tr.721) với lời nói đầu của ban biên tập như sau. "Với tên gọi như trên, trên tờ "New Moral World" ra ngày 4 tháng Mười một đã xuất hiện một bài báo lý thú dưới ngòi bút của Ph.Ăng-ghe-n. Vì khối lượng của bài báo quá lớn đối với tờ báo của chúng tôi, chúng tôi xin dẫn ra phần dưới đây trong bài báo đó". Trong việc công bố những đoạn trích phần thứ hai nói về nước Đức và Thụy Sĩ, trong đôi lời mở đầu ban biên tập lại một lần nữa nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của bài báo của Ăng-ghe-n. Từ tháng Năm 1844, Ăng-ghe-n thường xuyên gửi cho báo những thông tin về các sự kiện ở các nước thuộc lục địa châu Âu, trước hết, về phong trào chính trị và xã hội (xem bức thư đã công bố trong tập này của Ăng-ghe-n (tr.261) gửi ban biên tập báo "Northern star"). Bài tin đã in trên báo này trong mục "Nước Đức". - 259.
- 85 Có ý nói đến Hiệp bang Đức được thành lập năm 1815 theo quyết nghị của

dại hội Viên và lúc đầu bao gồm 34 quốc gia Đức và 4 thành phố tự do, với chế độ chuyên chế - phong kiến. Hiệp bang củng cố sự phân tán về chính trị và kinh tế của nước Đức và cản trở sự phát triển tiến bộ của nước Đức; cơ quan chung của Hiệp bang Đức - Quốc hội Hiệp bang gồm đại diện các quốc gia Đức, đã trở thành thành trì của thế lực phản động Đức. - 259.

- 86 Biên bản cuối cùng được thông qua tại hội nghị bộ trưởng các quốc gia trong Hiệp bang Đức diễn ra ở Viên năm 1834 đã dự tính các biện pháp đàn áp phong trào dân chủ và tự do ở nước Đức. Biên bản này và các quyết định của Hiệp bang Đức tháng Sáu - tháng Bảy 1832 được nhắc đến trong đoạn trích là câu trả lời của giới cầm quyền Đức đối với sự kích động do cách mạng Pháp năm 1830 gây ra trong nước. Người cổ vũ chính những biện pháp cảnh sát đó là thủ tướng Áo Mét-téc-ních.

Biên bản của Hội nghị Viên cùng với các văn kiện mật khác của Hiệp bang Đức được C.G.Ven-cơ, nhà chính luận thuộc cánh tự do và nhà sử học Đức, công bố trong cuốn sách "Wichtige Urkunden für den Rechtszustand der deutschen Nation". Mannheim, 1844 ("Các văn kiện quan trọng về địa vị pháp lý của dân tộc Đức", Man-hai-mơ, 1844). Chắc chắn là các giới dân chủ đã biết Biên bản này từ trước khi sách ra mắt. Tháng Giêng 1844 nó được công bố trên báo "Vorwärts!". - 259.

- 87 Có ý nói đến vụ án diễn ra vào tháng Giêng - tháng Hai 1844 xứ Ô' Côn-nen, nhà hoạt động theo khuynh hướng tự do chủ nghĩa của phong trào dân tộc Ai-rơ-len, nhà tổ chức việc cổ động đòi bãi bỏ sự hợp nhất năm 1801 giữa Anh và Ai-rơ-len. Sự hợp nhất này đã thủ tiêu những dấu vết cuối cùng của chế độ tự trị của Ai-rơ-len và bãi bỏ nghị viện Ai-rơ-len. Yêu sách đòi bãi bỏ sự hợp nhất (Repeal of Union) là khẩu hiệu được hăm mộ nhất từ những năm 20 của thế kỷ XIX ở Ai-rơ-len. Năm 1840 thành lập Hiệp hội những người đòi huỷ bỏ sự hợp nhất, năm 1843 Hiệp hội triển khai công tác cổ động đòi bãi bỏ sự hợp nhất lời cuốn đồng đảo quần chúng nhân dân Ai-rơ-len. Dựa vào phong trào quần chúng, Ô' Côn-nen và các thủ lĩnh khác của cánh tự do chủ nghĩa trong Hiệp hội muốn giữ phong trào trong khuôn khổ hiến pháp, hướng tới biện pháp hoà hiệp với các giai cấp cầm quyền Anh. Chính phủ của đảng To-ri hoảng sợ trước quy mô của phong

trào giải phóng - dân tộc Ai-rơ-len, đã quyết định đàn áp mạnh phong trào, khởi tố Ô' Côn-nen tại toà án. Tháng Giêng 1844. Ô' Côn-nen và những người ủng hộ ông bị kết án 12 tháng tù giam. Tuy nhiên dưới ảnh hưởng của sự phản kháng của quần chúng, Thượng nghị viện đã phải huỷ bỏ bản án. - 259.

- 88 Bức thư này của Ăng-ghe-n gửi ban biên tập báo "Northern star" còn giữ được dưới dạng một đoạn được trích dẫn trong bài của ban biên tập in trong số báo ra ngày 4 tháng Năm 1844 dưới tiêu đề "The movement at home and abroad" ("Phong trào ở trong nước và ở ngoài nước"). Trong bài này ban biên tập thông báo rằng họ muốn làm cho tờ báo có tính chất quốc tế bằng cách lôi kéo "những ai có thể giúp đỡ tờ báo trong sự nghiệp này" cùng cộng tác. Bài báo của Ăng-ghe-n "Những kết quả của phong trào cải tổ xã hội trên lục địa" (xem chú thích 84) là minh chứng cho sự giúp đỡ như vậy, ban biên tập không nêu tên tác giả bài báo này và nhận xét nó là "bản tổng thuật hay về chủ nghĩa cộng sản trên lục địa, do một người am hiểu vấn đề đó viết" trước đây đã được đăng báo.

Sau khi trích dẫn đoạn này trong bức thư của Ăng-ghe-n, ban biên tập viết: "Chúng tôi hài lòng chấp nhận đề nghị của bạn chúng tôi, cùng chia sẻ niềm tin của anh ấy rằng: trong thời gian tới trên lục địa sẽ diễn ra những sự kiện có ý nghĩa to lớn". Từ số này mở đầu sự cộng tác chính thức của Ăng-ghe-n với tờ báo của phái Hiến chương. Các tài liệu của Ăng-ghe-n được công bố với ghi chú của ban biên tập: "Bài của phóng viên bản báo" trong phần "phong trào trên lục địa" dưới các mục biên tập với phần chỉ dẫn nước mà thông tin đề cập tới. Như đã thấy qua bức thư, Ăng-ghe-n giao quyền cho ban biên tập được sử dụng các tài liệu do ông gửi đến theo ý kiến của ban biên tập. Có thể một phần chính vì thế mà đôi khi một số bài của Ăng-ghe-n đã được công bố dưới các mục khác nhau trong một số báo. - 261.

- 89 Như đã biết, về sau Mác và Ăng-ghe-n kiên trì quan điểm rằng điều đáp ứng các nhiệm vụ đấu tranh triệt để nhằm thủ tiêu sự phân tán về chính trị của đất nước và xoá bỏ những tàn tích của trạng thái phân lập trung cổ không phải là việc thiết lập nước cộng hoà liên bang mà là thiết lập nước

- cộng hoà tập trung thống nhất. Trong thời kỳ cách mạng 1848 - 1849, Mác và Ăng-ghen đối lập với những người cộng hoà tiểu tư sản, những người ủng hộ nguyên tắc liên bang, hai ông bảo vệ yêu sách đòi biến nước Đức thành nước Cộng hoà dân chủ thống nhất. - 261.
- 90 Bài báo này được in trên báo "Northern star" trong mục "Nước Phổ". Những hoạt động của sinh viên Béc-lin chống việc tăng cường các trật tự phản động được mô tả trên báo này diễn ra vào tháng Hai - tháng Ba 1844. Những hoạt động đó được soi sáng trên báo chí Đức, nói riêng trên tờ "Kölnische Zeitung" mà Ăng-ghen lưu tâm theo dõi. Theo thông báo của báo này trong số 46 ra ngày 15 tháng Hai 1844, phong trào sinh viên bắt đầu ở Béc-lin, sau đó lan ra các thành phố khác có trường Đại học tổng hợp ở nước Đức (Bon, Ha-lơ, Hai-đen-béc, I-ê-na). - 265.
- 91 Bài này được in trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Đức". - 267.
- 92 Ăng-ghen nhắc đến cuốn sách: F.A. Steinmann. "Caricaturen und Silhouetten des neunzehnten Jahrhunderts". Coesfeld, 1843 (Ph.A. Stai-nơ-man. "Những biếm họa và hình bóng của thế kỷ thứ mười chín". Cô-xphen-đơ, 1843). - 267.
- 93 D.F.Strau. "Das Leben Jesu". Bd.1-2. Tubingen, 1835-1836 (D.Ph.Stơ-ra-út. "Thần thế của Giê-su". Tập 1-2. Thụy-bin-ghen, 1835-1836); trong cuốn sách này tác giả đứng trên lập trường của phái Hê-ghen cánh tả để phê phán tôn giáo.
Tác phẩm được nhắc đến của Stơ-ra-út "Sự tích các tông đồ" không được xuất bản. - 268.
- 94 Bài báo được đăng trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Ba Lan". - 270.
- 95 Có ý nói đến cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1830 - 1831. - 270.
- 96 Rõ ràng là Ăng-ghen có ý nói đến cuốn sách của A.Gu-rốp-xki "La Vérité sur la Russie et sur la révolte des provinces Polonaises". Paris, 1834 ("Sự thật về nước Nga và về cuộc khởi nghĩa của các tỉnh ở Ba Lan". Pa-ri, 1834), trong đó đã trình bày các quan điểm theo tinh thần Đại Xla-vơ phản động. Năm 1841 lại ấn hành các cuốn sách của ông: "Văn minh và nước Nga" (Lai-pxích) và "Suy nghĩ về tương lai của Ba Lan" (Béc-lin). - 270.

- 97 Bài báo được in trên tờ "Northern star" trong mục "Ba-vi-e". - 272.
- 98 Có ý nói đến "Van-ha-la" - toà nhà cực lớn gần Rê-ghen-xbuốc được xây dựng vào năm 1841 theo ý muốn của vua Lút-vích I xứ Ba-vi-e. Trong đó tập hợp các tượng bán thân của hầu hết những nhân vật nổi tiếng của nước Đức.
"Wathalla's Genossen, geschildert durch König Ludwig den Ersten von Bayern, den Grunder Walhalla's". München, 1842 ("Những nhân vật ở Van-ha-la được mô tả bởi vua Lút-vích đệ nhất xứ Ba-vi-e, người sáng lập Van-ha-la". Muyn-khen, 1842). Trong cuốn sách chỉ dẫn này có tiểu sử các nhà hoạt động Đức mà tượng bán thân của họ được tập hợp ở Van-ha-la.
Những bài thơ của Lút-vích xứ Ba-vi-e là mẫu mực của thơ ca trống rỗng và cầu kỳ được xuất bản năm 1842. - 273.
- 99 Bài này được in trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Phổ". - 274.
- 100 Bài này được in trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Nga" có ý nói về những thay đổi trong thành phần Ủy ban các bộ trưởng - cơ quan hành pháp cao nhất của nước Nga Nga hoàng (tồn tại từ năm 1802 đến 1906). - 275.
- 101 Có ý nói đến cuộc chiến tranh của Chính phủ Nga hoàng chống các dân tộc Bắc Cáp-ca-dơ đang tiến hành cuộc đấu tranh giành độc lập. Trong những năm 20 của thế kỷ XIX phong trào giải phóng của cư dân miền núi Bắc Cáp-ca-dơ chống chính sách thực dân của chế độ Nga hoàng và sự chuyên chế của bọn phong kiến địa phương do Sa-min đứng đầu, năm 1834 ông này đã tuyên bố là quốc vương, của Đa-ghe-xtan. Phong trào đạt đến đỉnh cao nhất vào những năm 40 của thế kỷ XIX, mãi đến năm 1859 mới bị dẹp tan. - 275.
- 102 Bài này được in trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Pháp". Bài báo này làm sáng tỏ cuộc bãi công của thợ mỏ Pháp ở Phi-đơ-gi-ô xảy ra vào tháng Tư - tháng Năm 1844. - 277.
- 103 Lễ tang Gi. La-phít-tơ biến thành cuộc tuần hành lớn của các lực lượng cộng hoà Pháp diễn ra ở Pa-ri ngày 30 tháng Năm 1844. - 277.

- 104 Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân An-giê-ri dưới sự lãnh đạo của Áp-đơ-en-Ca-đe chống bọn Pháp xâm lược kéo dài từ năm 1832 đến 1847, có thời gian ngắt quãng. Trong thời gian 1839 - 1844, nhờ có ưu thế đáng kể về quân sự người Pháp đã chiếm được đất nước của Áp-đơ-en-Ca-đe ở Tây An-giê-ri, nhưng người lãnh đạo của nhân dân An-giê-ri tổ chức cuộc đấu tranh du kích nhờ sự giúp đỡ của hoàng đế Ma-rốc. Sau khi quân đội của Hoàng đế Ma-rốc thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp - Ma-rốc năm 1844, Áp-đơ-en-Ca-đe ẩn lánh trên các ốc đảo của Xa-ha-ra. Giai đoạn cuối cùng của cuộc đấu tranh của người An-giê-ri là cuộc khởi nghĩa ở Tây An-giê-ri trong những năm 1845 - 1847 cũng bị thực dân Pháp đè bẹp (xem thêm chú thích 225). - 279.
- 105 Bài báo này được in trên tờ "Northern star" trong mục "Thụy Sĩ" là bài đầu tiên trong số các tác phẩm của Ăng-ghen đề cập đến các vấn đề lịch sử Thụy Sĩ. Bài này phản ánh thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh giữa các bang theo Thiên chúa giáo còn lạc hậu nhất vào năm 1843 thành một liên minh riêng rẽ - Đôn-đéc-bun, với các lực lượng cấp tiến - tự do chủ nghĩa ủng hộ việc tiến hành những cải tổ tiến bộ theo hướng tư bản chủ nghĩa ở Thụy Sĩ. Bài báo gắn chặt với tác phẩm của Ăng-ghen về cuộc nội chiến ở Thụy Sĩ năm 1847 (xem Toàn tập, t.4. 1993, tr.494-505). - 281.
- 106 "*Nước Thụy Sĩ trẻ*" - tổ chức của những người dân chủ và cách mạng Thụy Sĩ, thành lập vào giữa những năm 30; trong những năm 1835 - 1836 xuất bản tờ báo bằng tiếng Pháp ("La Jeune Suisse") và bằng tiếng Đức ("Die Junge Schweiz"). Cùng với các tổ chức dân tộc khác của các nhà chính trị sống lưu vong ("Nước Đức trẻ", "Nước I-ta-li-a trẻ", "Nước Ba Lan trẻ", v.v.), tổ chức "Nước Thụy Sĩ trẻ" gia nhập vào tổ chức "Châu Âu trẻ" được thành lập theo sáng kiến của Mát-di-ni ở Thụy Sĩ vào năm 1834 và đặt mục tiêu là đấu tranh cho độc lập dân tộc và thiết lập chế độ cộng hoà ở các nước châu Âu. - 282.
- 107 Bài báo in trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Phổ". Dự luật về ly hôn mà lịch sử của nó được nghiên cứu trong bài báo này được soạn năm 1842 bởi Xa-vi-nhi, một trong những người sáng lập ra trường phái pháp

- quyền lịch sử phản động, trong những năm 1842 - 1848 ông này giữ chức bộ trưởng Phổ phụ trách việc sửa đổi các đạo luật. - 284.
- 108 Mặc dù việc chuẩn bị dự luật về ly hôn trong giới chức trách chính phủ được tiến hành bí mật, nhưng ngày 20 tháng Mười 1842 nó được công bố trên tờ "Rheinische Zeitung" do Mác làm chủ biên, điều đó mở đầu việc thảo luận rộng rãi về dự luật ấy trên báo chí Đức. Ngày 19 tháng Chạp trên tờ "Rheinische Zeitung" đã in bài báo của Mác "Bản dự luật về ly hôn" (xem Toàn tập, t.I, tr.231-235), trong đó bản dự luật bị phê phán. Việc công bố bản dự luật đó trên tờ "Rheinische Zeitung" và việc ban biên tập kiên quyết chối từ nêu tên người gửi bản dự luật đến là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc cấm ấn hành tờ báo vào tháng Ba 1843. - 284.
- 109 *Lan-tắc* (Hội đồng dân biểu) - các hội nghị đảng cấp khu và tỉnh được tổ chức ở Phổ vào năm 1823, gồm chủ yếu các đại diện của tầng lớp quý tộc; các công xã thành thị và nông thôn có số đại biểu trong các Lan-tắc đó hoàn toàn không đáng kể; các hội nghị này do vua triệu tập và quyền hạn của chúng thường chỉ hạn chế ở việc thảo luận các dự luật, cũng như các vấn đề kinh tế địa phương và việc quản lý tỉnh. - 284.
- 110 Ban biên tập báo "Northern star" bổ sung đoạn sau đây vào bài này của Ăng-ghen:
"Để bổ sung vào những điều đã trình bày ở trên, chúng tôi dẫn ra đoạn trích từ báo "Sun": "Theo những tin tức từ Bre-xlau ngày 9 tháng này thì thợ dệt đã bắt đầu đi làm sau khi giành được việc tăng tiền công. Trong các cuộc hành quân họ rút vào một số khu rừng và mang theo súng săn và đạn, hoàn toàn không động chạm đến cái gì cả". - 286.
- 111 Trong bài báo này Ăng-ghen mô tả tỉ mỉ phong trào phản đối ở Xi-lê-di vào mùa hè năm 1844, bài báo đã được đăng trên tờ "Northern star" trong mục "Nước Phổ". - 287.
- 112 Ăng-ghen có ý nói đến bài ca cách mạng "Cuộc tàn sát đẫm máu" được phổ biến trong thợ dệt Xi-lê-di. - 287.
- 113 Bài báo "Chủ nghĩa xã hội ở lục địa" được viết dưới hình thức bức thư gửi

- báo "New Moral World" có lời mở đầu và kết thúc gửi ban biên tập, những phần này có lẽ do Ăng-ghen viết. - 293.
- 114 Ăng-ghen có ý nói đến việc ông lưu lại Pa-ri vào cuối tháng Tám - đầu tháng Chín 1844, tại đây ông đã gặp Mác, cuộc gặp đã mở đầu tình bạn và sự hợp tác sáng tạo giữa hai ông. - 293.
- 115 Có ý nói đến nhóm những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh đã tổ chức vào năm 1842 khu di dân - công xã "Công-coóc-di-um" ở Hem-com-mân (vùng ngoại vi Luân Đôn); là những người kế tục nhà thần bí học Anh Gi. P. Gríp-xơ, những người xã hội chủ nghĩa Hem-com-mân tuyên truyền ý thức tự hoàn thiện về đạo đức và nếp sống khổ hạnh; khu di dân tồn tại không lâu và chẳng bao lâu bị tan rã. - 293.
- 116 Có ý nói đến các cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Bắc Phi. Tháng Tám 1844, sau khi buộc tội hoàng đế Ma-rốc giúp đỡ thủ lĩnh các bộ tộc An-giê-ri Ăp-đơ-en-Ca-đe (xem chú thích 104), quân đội Pháp mở đầu các hành động quân sự chống Ma-rốc. Bị thất bại, hoàng đế Ma-rốc buộc phải ngừng giúp đỡ Ăp-đơ-en-Ca-đe và đến năm 1845 ký hiệp ước có lợi cho Pháp. - 293.
- 117 Tác phẩm này do Ăng-ghen viết để trả lời lời phản bác của những người chống đối chủ nghĩa cộng sản đã tuyên bố là không thể thực hiện được chủ nghĩa cộng sản trong thực tế. Như đã thấy qua bức thư của Ăng-ghen gửi Mác, từ đầu tháng Mười 1844 ông đã bắt tay viết cuốn sách mỏng để kể dưới hình thức phổ thông "về thực tiễn đang tồn tại của chủ nghĩa cộng sản ở Anh và ở Mỹ" (xem *Toàn tập*, t.27, 1996, tr.15-16). Nguồn tài liệu chủ yếu là loạt gồm 29 bức thư của Giôn Phin-sơ, nhà du lịch theo trường phái Ô-oen, được công bố trên tờ "New Moral World" từ 13 tháng Giêng đến 19 tháng Mười 1844 dưới tiêu đề "Notes of Travel in the United States" ("Bút ký về chuyến du lịch đến nước Mỹ"). Một số đoạn trích từ những bức thư của Phin-sơ được Ăng-ghen dẫn ra trong bản dịch có phần thoáng của chính ông sang tiếng Đức. Tác phẩm trên được công bố không phải dưới dạng cuốn sách mỏng, mà trong niên giám "Deut sches Bürgerbuch" ("Sách cho các công dân Đức") ra đời tháng Chạp 1844. Sách không ghi tên tác

- giả. Ăng-ghen nhắc đến tác phẩm đó trong bài tổng thuật sách báo cộng sản trong loạt bài viết của ông về những thành quả của chủ nghĩa cộng sản ở Đức (xem *Toàn tập*, t.2, 1995, tr.711-712). - 299.
- 118 Trích dẫn bức thư thứ V của Phin-sơ từ báo "New Moral World" số 33, ngày 10 tháng Hai 1844. - 304.
- 119 Đoạn trích được dẫn ra từ bài tin của L.Pít-két-lic "Where to, and how to proceed. Description of the Schaker Villages" ("Bắt đầu ở đâu và bắt đầu như thế nào. Mô tả các khu di dân cư của người Sây-cơ") đăng trên tờ "Northern star" số 286, ngày 6 tháng Năm 1843. - 304.
- 120 Trích dẫn bức thư thứ VI và VII của Phin-sơ từ báo "New Moral World" các số 34 và 35 ngày 17 và 24 tháng Hai 1844. - 308.
- 121 Ở đây và ở dưới, các bức thư thứ VIII và IX của Phin-sơ từ báo "New Moral World" các số 36 và 37, ngày 2 và 9 tháng Ba 1844 được sử dụng trong khi mô tả các khu di dân của những người ly khai. - 309.
- 122 *Phái thống nhất* hay là *phái chống thuyết ba ngôi* - đại biểu của trào lưu tôn giáo phản bác tín điều "tam vị nhất thể". Xuất hiện vào thế kỷ XVI, như là sự phản kháng của quần chúng nhân dân và của giai cấp tư sản cấp tiến chống giáo hội phong kiến. Phong trào thống nhất thâm nhập vào Anh và Mỹ vào thế kỷ XVII. Trong học thuyết của nó mặt tinh thần - đạo đức của tôn giáo được đưa lên hàng đầu đối lập với mặt bề ngoài, mặt nghi thức của tôn giáo. - 312.
- 123 Trong lúc mô tả khu di dân cộng sản chủ nghĩa "Hài hoà" ở Hem-psia do những người kế tục Ô-oen thành lập năm 1841 và tồn tại đến đầu năm 1846. Ăng-ghen đã sử dụng tùy bút của Xô-mơ-vin được đăng trên tờ "Morning Chronicle" ngày 13 tháng Chạp 1842 ký tên "One who has whistled at the Plough" ("Một trong số những người tự cấy ruộng"). - 314.
- 124 Bài này có nhan đề "Cấu trúc hiện tượng học của Hê-ghen" do Mác đặt có trong sổ ghi chép những năm 1844 - 1847 của Mác (cuốn đầu trong các vở ghi chép của Mác mà chúng ta có). Những tư tưởng chủ yếu chứa đựng trong bốn điểm của những bài này được Mác phát triển trong tác phẩm "Gia

- đình thần thánh", đặc biệt là trong chương "Bí mật bị bóc trần của những "quan điểm"" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.124-125, 287-291). - 320.
- 125 Bản sơ thảo dàn bài tác phẩm về nhà nước hiện đại không có đầu đề của tác giả và nằm trong quyển vở ghi chép của Mác trong những năm 1844 -1847. Những điểm chính của sơ thảo trùng hợp với những điểm của bản mục lục vấn đề do Mác soạn vào mùa hè năm 1843 cho cuốn "Những tập về Crai-snắc" nói về lịch sử toàn thế giới, trong đó có lịch sử cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII. Sau chuyến đi Pa-ri vào mùa thu năm đó trở về, Mác lại bắt tay vào việc nghiên cứu những vấn đề đó, ông có ý định viết "Lịch sử Hội nghị quốc ước". Với mục đích đó ông soạn dự thảo đề cương hồi ký của Lê-va-xơ, một người phái Gia-cô-banh (xem Toàn tập, t.40). Các tài liệu do Mác sưu tập được, phần lớn không còn lưu lại được đến ngày nay, ông đã sử dụng một phần trong tác phẩm "Gia đình thần thánh". Có lẽ, ông đã soạn sơ thảo này nhân ý định viết tác phẩm về cách mạng Pháp. Mác không đơn thuần tái tạo trong đó văn bản mục lục vấn đề cho "Những tập về Crai-snắc", mà còn bổ sung một cách căn bản cho điểm 9: "Cuộc đấu tranh nhằm *thủ tiêu* [Aufhebung] nhà nước và xã hội công dân", nghĩa là cuộc đấu tranh nhằm bãi bỏ nhà nước bóc lột và toàn bộ hệ thống các quan hệ kinh tế - xã hội đang tồn tại. - 321.
- 126 Bản thảo này của Mác là bản sơ thảo đầu tiên tác phẩm mà ông dự định viết về cuốn sách của Ph. Li-xơ, nhà kinh tế học tư sản Đức "Das nationale System der politischen Ökonomie. Erster ban. Der internationale Handel, die Handelspolitik und der deutsche Zollverein" xuất bản năm 1841. Trong cuốn sách này tác giả đã khoác lác hứa sẽ nghiên cứu bản chất và nguyên nhân những ý kiến sai lầm của lý luận về thương mại quốc tế và chính sách thương mại đang chiếm ưu thế trong kinh tế chính trị. Sau khi xuất bản, cuốn sách được quảng cáo âm ỉ ở Đức như là bản tuyên ngôn của giai cấp tư sản trẻ của nước Đức đang khao khát sự giàu có và sự thống trị, là đơn thuốc độc đáo kích thích về phương diện kinh tế - chính trị "sự phồn vinh, văn hoá và sức mạnh của Đức". Trong bức thư gửi Mác ngày 19 tháng Mười một 1844, Ăng-ghen nhắc lại ý của ông định viết cuốn sách mỏng phê phán quyển sách đó, còn trong bức thư gửi Mác ngày 17 tháng

Ba 1845 Ăng-ghen tỏ ý tán thành các kế hoạch của chính Mác định phân tích phê phán các quan điểm lý luận của Li-xơ, Ăng-ghen không viết được cuốn sách mỏng riêng bàn về Li-xơ, nhưng lòng ham muốn chính sách bảo hộ của các nhà tư bản Đức được Li-xơ hệ thống hoá đã bị ông phê phán ở một trong "Các bài diễn văn tại En-bơ-phen-đơ" của ông (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.736-738).

Bài báo của Mác về Li-xơ cũng không xuất hiện trên báo chí. Bản thảo này của Mác chúng ta không có đầy đủ. Tờ đầu bị mất, trong tờ này, có lẽ, có tiêu đề của tác giả. Không tìm thấy các tờ 10-21 và 23. Trong bản thảo Mác phân tích và trích dẫn tập đầu cuốn sách đã nêu của Li-xơ. Ông dẫn ra các đoạn trích từ các nguồn của Pháp theo bản dịch tiếng Đức của chính ông. Những chỗ in nghiêng trong các đoạn trích thường là do Mác nhấn mạnh. Ở đầu mỗi tờ ông ghi số trang bản thảo bằng các chữ số A-rập, trong tập này những số ấy được đặt trong ngoặc vuông. Khi chuẩn bị tác phẩm để công bố, những chỗ viết sai rõ rệt trong bản thảo được sửa chữa. Những tiêu đề của ban biên tập cho từng chương được đặt trong ngoặc vuông.

Sơ thảo bài báo về Li-xơ được phát hiện trong số di cảo của Mác được các cháu trai của con gái cả của Mác là Gien-ni Lông-ghê giữ gìn trong một thời gian dài. - 223.

- 127 *Mô-lô-xơ* - văn thơ gồm sáu phần trong niêm luật thơ cổ gồm ba âm tiết dài. Mác dùng thuật ngữ đó với ý nghĩa mỉa mai để nhận định văn phong nặng nề của Li-xơ. - 325.
- 128 Về cuốn sách của Xe-rơ, Li-xơ viết như sau: "Tác phẩm của An-tô-ni-ô Xe-rơ người Na-plơ là tác phẩm đầu tiên về kinh tế chính trị ở I-ta-li-a về phương tiện tạo ra dư thừa vàng và bạc cho "các vương quốc" (xem tr.456 tập đầu tác phẩm được phân tích của Li-xơ). - 330.
- 129 *Viện dự luật*- cơ quan chính quyền lập pháp ở Pháp trong thời kỳ chế độ tổng tài và Đế chế Na-pô-lê-ông I: thành lập năm 1799; giải thể năm 1807. - 331.
- 130 Có ý nói đến A.Xmít và những người kế tục ông. - 339.

- 131 Trong nguyên bản, từ "Verschacherung" tương ứng với thuật ngữ sự " bán", còn "Veräußerung" tương ứng với thuật ngữ sự "tha hoá", "chuyển nhượng". - 344.
- 132 Từ "Schacher" trong nguyên bản tương ứng với thuật ngữ "con buôn".- 346.
- 133 Trong một ý nghĩa nhất định những ý kiến đó của Mác dự đoán trước luận điểm "công nhân không có Tổ quốc" trong tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", không thể tước của công nhân cái mà họ không có. - 347.
- 134 Mác có ý nói đến cuốn sách của Gi.Ph.Brây "Labour's wrongs and labour's remedy; or, the Age of might and the age of right". Leeds, 1839 ("Những sự bất công trong mối quan hệ của lao động và những phương tiện loại trừ chúng, hay là Thế kỷ của sức mạnh và thế kỷ của sự công bằng". Lít, 1839). [Bản dịch tiếng Nga, tr. 113]. - 359.
- 135 Các đạo luật về ngũ cốc ở Anh (lần đầu tiên được thông qua vào thế kỷ XV) quy định thuế quan cao đối với sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu nhằm mục đích duy trì giá cao của chúng trên thị trường trong nước. Trong phần ba đầu thế kỷ XIX đã thông qua một số đạo luật (năm 1815 và 1822) thay đổi các điều kiện nhập khẩu lúa mì, còn đến năm 1828 thì thực hành biểu giá trượt nâng thuế nhập khẩu lúa mì đồng thời với việc hạ thấp giá cả của lúa mì trên thị trường trong nước và ngược lại, hạ thấp thuế nhập khẩu lúa mì đồng thời với việc nâng cao giá cả ấy.
- Xung quanh các đạo luật về ngũ cốc đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa giai cấp tư sản công nghiệp và tầng lớp quý tộc ruộng đất. Lãnh đạo chiến dịch đòi bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc là *Đông minh chống các đạo luật về ngũ cốc* do hai nhà công nghiệp Man-se-xơ là Cốp-đen và Brai-tơ thành lập năm 1838. Đông minh hoạt động dưới khẩu hiệu tự do buôn bán hoàn toàn, đấu tranh làm suy yếu vị trí kinh tế và chính trị của tầng lớp quý tộc ruộng đất và đồng thời cũng làm giảm tiền công. Các đạo luật về ngũ cốc đã bị bãi bỏ vào năm 1846. - 361, 386, 548.
- 136 Phong trào đòi cải cách ruộng đất, đòi cấp miễn phí cho mỗi người lao động một khoảnh đất, cũng như đòi các cải cách dân chủ khác đã được mở rộng ở Mỹ vào những năm 40 của thế kỷ XIX do Hiệp hội cải cách toàn quốc lãnh đạo. - 362.

- 137 *Hệ thống lục địa*, hay là cuộc *phong toả của lục địa*- cuộc phong toả kinh tế nước Anh được công bố bằng sắc lệnh đặc biệt của Na-pô-lê-ông I vào năm 1806 nhằm đảm bảo việc thiết lập bá quyền của nước Pháp ở châu Âu. Là một trong những biểu hiện cuộc cạnh tranh giữa giai cấp tư sản Anh và Pháp, sắc lệnh này cấm các quan hệ buôn bán, bưu điện và các quan hệ khác với các đảo của Anh quốc; các tàu thuyền của Anh và của các thuộc địa Anh bị cấm đi vào các cảng của châu Âu lục địa. Trong thời kỳ đạo luật có hiệu lực việc phong toả không có hiệu quả lắm, việc bãi bỏ về mặt hình thức được thực hiện vào năm 1814. - 363.
- 138 *Hiệp ước Mê-tu-en* - hiệp ước buôn bán Anh - Bồ Đào Nha được ký ngày 27 tháng Chạp 1703 bởi nhà ngoại giao Anh Mê-tu-en và cho phép sản phẩm len của Anh được đưa rộng rãi vào Bồ Đào Nha, đổi lại Bồ Đào Nha có quyền đưa vào Anh rượu vang Bồ Đào Nha với những điều kiện có lợi. Về điều bất lợi của hiệp ước Mê-tu-en đối với Bồ Đào Nha thì Li-xơ đã nói ở trang LXI, 28, 109-117 trong cuốn sách của ông ta. - 367.
- 139 Đề án "Tủ sách các nhà xã hội chủ nghĩa xuất sắc của nước ngoài" nằm trong quyển sổ ghi chép của Mác những năm 1844 - 1847 trong số những điều ghi vào tháng Ba 1845. Như đã thấy qua các bức thư của Ăng-ghe-n gửi Mác trong tháng Hai - tháng Ba 1845, kế hoạch đó đã được hai ông thảo luận nhiều lần. Tuy vậy việc xuất bản đã dự tính không thực hiện được vì thiếu người xuất bản. Công việc duy nhất thực hiện được là việc Ăng-ghe-n dịch "Một trích đoạn của Phu-ri-ê về buôn bán" với lời nói đầu và kết luận của ông (xem tập này, tr.435-496). - 368.
- 140 *Nhóm xã hội* (Carcle social) - tổ chức do đại diện giới trí thức dân chủ ở Pa-ri thành lập và hoạt động trong những năm đầu của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII. Nhà tư tưởng của nhóm này là C.Phô-sê đưa ra yêu sách chia đều ruộng đất, hạn chế các gia sản lớn, cũng như đem lại việc làm cho tất cả mọi công dân có khả năng lao động. Việc Phô-sê và những người ủng hộ ông phê phán sự bình đẳng hình thức được tuyên bố trong các văn kiện của cách mạng Pháp đã chuẩn bị cuộc đấu tranh dũng cảm hơn đáng kể nhằm bảo vệ các đại diện của phái hữu sản bình dân cấp tiến, "điên cuồng" như Giắc-Ru, Lơ-cléc, v.v.. - 368.

- 141 Ở đây không xác định được con người hoặc nguồn tài liệu mà Mác nêu ở đây. Không loại trừ việc trong bản thảo có chỗ viết sai. Mác có thể muốn nói đến đơ La-boóc-đơ (tên của La-lăng và La-boóc-đơ viết giống nhau). Ở một trong những trang sau của quyển vở ghi của Mác có gặp tên gọi cuốn sách của La-lăng "De l'Association", còn trong tập đầu của bộ "Tư bản" Mác trích dẫn cuốn sách của đơ La-boóc-đơ "De l'esprit d' association dans tous les intérets de la communauté". Paris, 1818 ("Về tinh thần hiệp hội trong tất cả các lĩnh vực sinh hoạt xã hội"). Paris, 1818. - 368.
- 142 Mác muốn nói đến T.Đê-da-mi, Gi.Gây và những người ủng hộ họ mà các quan điểm duy vật của họ đã được ông nhận xét trong chương VI cuốn sách "Gia đình thần thánh" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.334-335). Thuộc khuynh hướng cách mạng và duy vật trong chủ nghĩa cộng sản không tưởng của nước Pháp có cả các hội Babóop bí mật những năm 40 - "Những người lao động chủ trương bình đẳng" ("Travailleurs égalitaires") chịu ảnh hưởng tư tưởng của Đê-da-mi bao gồm chủ yếu là công nhân (hội xuất bản tạp chí "L'Égalitaire") lẫn phái theo chủ nghĩa nhân văn tập hợp chung quanh báo "L'Humanitaire". Ngay vào năm 1843 Ăng-ghe-nh đã viết trong bài "Những thắng lợi của phong trào đòi cải tổ xã hội trên lục địa" (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr.728-729) về việc đại biểu các hội này phê phán các quan hệ gia đình và hôn nhân tư sản. - 368.
- 143 Trong quyển vở ghi những năm 1844-1847, những ghi chép này của Mác được ghi ngay trước "Luận cương về Phoi-ơ-bắc". - 369.
- 144 "Luận cương về Phoi-ơ-bắc" do C.Mác viết ở Bruy-xen, có lẽ, vào tháng Tư 1845. Luận cương đó nằm trong quyển vở ghi những năm 1844-1847 dưới tiêu đề "I. Về Phoi-ơ-bắc". Tiêu đề "Luận cương về Phoi-ơ-bắc" được Ăng-ghe-nh đặt trong lời tựa ông viết cho lần xuất bản riêng năm 1888 cuốn sách của ông "Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức" và lần đầu tiên văn kiện lý luận quan trọng này được công bố trong phụ lục của tác phẩm đó. Trong lúc chuẩn bị in Ăng-ghe-nh đưa vào văn bản một số sửa đổi về mặt biên tập để làm cho những ghi chú của Mác ngắn gọn, không dùng cho việc công bố rộng rãi, trở nên dễ hiểu hơn đối với bạn đọc. Trong

- tập này. "Luận cương" được công bố trong hai dị bản: văn bản đầu tiên của Mác và văn bản đã qua Ăng-ghe-nh biên tập. - 370.
- 145 Có ý nói đến nội dung hai chương sau đây trong tác phẩm của L.Phoi-ơ-bắc "Das Wesen des christenthumes" (Leipzig, 1841); "Ý nghĩa của tạo vật trong đạo Do Thái" và "Quan điểm xuất phát của tôn giáo". - 370.
- 146 Bài này Ăng-ghe-nh viết vào nửa sau của năm 1845 (có lẽ vào cuối hè) sau khi đã ra đời tác phẩm "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh". Như đã thấy qua tiêu đề, phụ đề được ghi bằng số I và chính văn bản, Ăng-ghe-nh có ý định viết một loạt bài bổ sung cho cuốn sách bằng tài liệu thực tế cụ thể. Nguồn tài liệu cơ bản cho bài báo này là tin tức về cuộc bãi công của công nhân xây dựng mà tiến trình bãi công - được Ăng-ghe-nh nghiên cứu tỉ mỉ trong bài viết - được công bố trên tờ "Northern Star" số ra tháng Mười 1844 - tháng Giêng 1845.
- Bài này được in vào các số xuất bản tháng Giêng và tháng Hai năm 1846 của tạp chí "Westphälische Dampfboot" ("Tàu thủy Ve-xơ-pha-li"), tạp chí này, theo lời Ăng-ghe-nh, đã đăng "các bài về chủ nghĩa xã hội và tin tức về tình cảnh của những người lao động" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr. 529). Loạt bài mà Ăng-ghe-nh dự định viết không được tiếp tục. Sau khi được công bố lần đầu, bài báo không được tác giả đưa vào một trong những lần xuất bản cuốn sách "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" khi tác giả còn sống. - 381.
- 147 Xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.608-609.
- Vùng đất Van-di-men* - tên gọi đầu tiên đảo Ta-xman do người châu Âu đặt, dùng làm nơi giam giữ tù nhân đi đây. - 383.
- 148 *Đô-gbê-ri* (Dogberries) - người ta gọi các trọng tài hoà giải ở Anh theo tên nhân vật trong vở kịch của Sếch-xpia "Ăm ĩ vì một chuyện không đâu". - 385.
- 149 Trích dẫn nghị quyết cuộc mít-tinh của công nhân ở A-ston bên sông Lai-nơ ngày 9 tháng Năm 1842, họ đã thông qua quyết nghị về việc hành quân đến Man-se-xơ trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa 1842 (về cuộc khởi nghĩa, xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.616-617). - 386.

- 150 Rõ ràng là Ăng-ghe-n có ý nói đến bài báo "Cuộc mít-tinh liên tịch của các công đoàn xây dựng Man-se-xtơ" được đăng trên tờ "Northern star" số 375, ngày 18 tháng Giêng 1845. Trong bài đã nêu lên rằng cuộc mít-tinh được triệu tập ngày 11 tháng Giêng 1845 để thảo luận các điều kiện chấm dứt cuộc bãi công của những người xây dựng thuộc công ty Pô-linh và Hen-phri, đã mang tính chất bạo táp. Trên báo "Northern star" không thấy xuất hiện những tin tức tiếp theo về cuộc bãi công đó. Theo bài tường thuật của tờ "Manchester Guardian" ngày 24 tháng Chạp 1844, cuộc bãi công đã chấm dứt ngày 23 tháng Chạp 1844. Các chủ xí nghiệp buộc phải tuân thủ các thể lệ lao động được thiết lập tại các công trường khác. - 399.
- 151 Bài tin này là bài thứ hai trong loạt các bài báo mà Ăng-ghe-n gửi cho tờ "Northern star" sau khi trở lại cộng tác với tờ báo của phái Hiến chương vào tháng Chín 1845. Do không có mặt ở Anh vào cuối tháng Tám 1844 và bận rộn viết tác phẩm "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh", Ăng-ghe-n tạm thời ngừng việc gửi các bài tin cho báo. Mùa hè năm 1845 (giữa ngày 12 tháng Bảy và 26 tháng Tám) Mác và Ăng-ghe-n thực hiện chuyến đi từ Bruy-xen đến Luân Đôn và Man-se-xtơ. Trong thời gian lưu lại ở Luân Đôn, hai ông có cuộc gặp (vào giữa tháng Tám) với chủ biên của tờ "Northern star" là Hác-ni. Sau khi trở về Luân Đôn, Ăng-ghe-n lại bắt đầu sự cộng tác có hệ thống với tờ "Northern star", mở đầu bằng bài báo của ông "Cuộc chém giết nhau gần đây ở Lai-pxích. - Phong trào công nhân ở Đức" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.746-750), bài này cũng như bài tin trên, bài thứ hai, được in trên báo với ghi chú thông thường: "Bài của phóng viên bản báo". - 401.
- 152 Cuộc bãi công của thợ mộc Pa-ri mà Ăng-ghe-n nhắc tới bắt đầu vào tháng Sáu 1845 và kéo dài hơn ba tháng; được ghi trong lịch sử là "cuộc bãi công ngày 9 tháng Sáu". Những người bãi công đòi các chủ xí nghiệp quy định mức tiền công cố định và ký hợp đồng với công nhân. Báo "Réforme" đưa tin rộng rãi về tiến trình cuộc bãi công, và sau đó cũng đưa tin xét xử những người tham gia cuộc bãi công, thể hiện cảm tình của sự ủng hộ của các lực lượng dân chủ Pháp đối với công nhân bãi công. - 402.
- 153 Bài tin này là bài nhận xét đối với bài báo xuất hiện trên tờ báo quân chủ - lập hiến của Thụy Sĩ "Constitutionnel Neuchâtelois" số 109, ngày 11 tháng

Chín 1845. Bài này đã tạo cơ để cảnh sát truy lùng những người Đức sống lưu vong ở Thụy Sĩ.

Ăng-ghe-n dẫn bài báo trên tờ "'Constitutionnel Neuchâtelois" trong một bài lược dịch, chữ in nghiêng trong bản trích dẫn là do Ăng-ghe-n nhấn mạnh. - 404.

- 154 "*Nước Đức trẻ*" - hội cách mạng bí mật của những người Đức sống lưu vong thành lập vào đầu những năm 30 ở Thụy Sĩ (chính thức thành lập năm 1834); có quan hệ với tổ chức "Châu Âu trẻ" (xem chú thích 106). Thời gian đầu đóng vai trò đáng kể trong tổ chức "Nước Đức trẻ" là đại diện giới lưu vong tiểu tư sản Đức (sinh viên, các nhà chính luận, v.v.), họ đặt mục đích cho mình là thiết lập chế độ cộng hoà ở nước Đức bằng con đường âm mưu lật đổ. Chẳng bao lâu các thành viên của các liên đoàn công nhân và các câu lạc bộ cộng sản tham gia công tác tuyên truyền công khai các tư tưởng cộng sản có ảnh hưởng ngày càng lớn đến hoạt động của "Nước Đức trẻ". Vào giữa những năm 30, do việc hàng loạt những người Đức lưu vong bị đẩy ra khỏi Thụy Sĩ nên hoạt động của "Nước Đức trẻ" không còn nữa. Một số nhóm của tổ chức này tiếp tục hoạt động ở các bang dân chủ của Thụy Sĩ (Gio-ne-vơ, Vô) đã góp phần phục hồi tổ chức vào những năm 40. Chịu ảnh hưởng của các thành viên các câu lạc bộ cộng sản đang đấu tranh chống sách lược âm mưu. "Nước Đức trẻ" lưu tâm ngày càng nhiều đến các vấn đề xã hội.- 404, 409.
- 155 Phong trào "*Những tín đồ Thiên chúa giáo Đức*" mà một trong những người lãnh đạo của họ là linh mục I.Rôn-ngơ, xuất hiện năm 1844 ở nhiều quốc gia Đức và bao quát các tầng lớp đáng kể trong giai cấp tiểu tư sản và tư sản bậc trung; bác bỏ vai trò đứng đầu của giáo hoàng La Mã và nhiều tín điều và nghi lễ của giáo hội Thiên chúa giáo, "*Những tín đồ Thiên chúa giáo Đức*" tìm cách làm cho Thiên chúa giáo thích ứng với những nhu cầu của giai cấp tư sản Đức đang phát triển.
- "*Những người bạn của ánh sáng*" - trào lưu tôn giáo được thành lập năm 1841 nhằm chống thuyết kiến tín thống trị trong giáo hội Tin lành chính thống và chống chủ nghĩa thần bí cực đoan vốn có của nó. Sự đổi lập về mặt tôn giáo này là một trong những hình thức biểu hiện lòng bất

- bình của giai cấp tư sản Đức vào những năm 40 của thế kỷ XIX đối với trật tự phản động của nước Đức. Vào năm 1846 phong trào "Những người bạn của ánh sáng" đã dẫn đến chỗ lập ra cái gọi là "Các công xã tự do" tách ra từ giáo hội Tin lành chính thống. - 407.
- 156 Ăng-ghen dẫn ra bài báo "Cuộc tàn sát gần đây ở Lai-pxích - Phong trào công nhân ở Đức" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.747-750). - 408.
- 157 Vai-tlinh và những người ủng hộ ông bị nhà cầm quyền Xuy-rích bắt vào tháng Sáu 1843 và bị đưa ra toà vào tháng Chín năm đó. Viện kiểm sát không chứng minh được tội phản bội nhà nước và âm mưu lật đổ các bị cáo, và Vai-tlinh bị kết án tù giam và bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ vì xúi giục chống quyền sở hữu và xúc phạm tôn giáo; các môn đệ của ông cũng bị đẩy ra khỏi bang Xuy-rích. Vụ án Vai-tlinh được Ăng-ghen làm sáng tỏ trong bài báo "Những thắng lợi của phong trào cải cách xã hội trên lục địa" (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr.721-744). - 410.
- 158 Tác phẩm này do Mác viết cho Tạp chí dân chủ ra hàng tháng "Gesellschaftsspiegel" ("Tám gương xã hội"), mà Ăng-ghen đã tham gia vào việc tổ chức và soạn thảo đề cương của Tạp chí này (xem tập này, tr.566-571 và chú thích 234). Tác phẩm này là tài liệu công bố những trích đoạn do ông dịch sang tiếng Đức lấy từ xuất bản phẩm "Hồi ký" bốn tập của Pơ-sê được xuất bản ở Pa-ri năm 1838. Mác đã viết bình luận kèm theo những đoạn trích ấy trong phần mở đầu của ông và trong một số đoạn ngoài đề; đã sử dụng chương lấy từ tập đầu "Bàn về sự tự vẫn và những nguyên nhân của nó". Mác đưa ra một văn bản dưới dạng phỏng lược dịch, không ghi chú những chỗ lược bỏ, một số chỗ được truyền đạt theo cách biên tập của chính mình, nhấn mạnh khuynh hướng phê phán của chúng. Tư liệu về tác giả do Mác dẫn ra trong phần mở đầu được khai thác từ phần vào đề của Lê-va-xơ - người xuất bản "Hồi ký".

Trong tập này chính văn của Mác được in bằng cỡ chữ thường, những trích đoạn từ cuốn sách của Pơ-sê in bằng chữ nhỏ. Trong các chú thích cuối trang nêu lên những trường hợp phỏng theo quan trọng hơn và những chỗ Mác không bám vào nguyên bản khi trích dẫn, và cả những chỗ ông

- sắp xếp lại. Chỗ in nghiêng trong trích dẫn thường là do Mác nhấn mạnh. Bài viết được công bố trong số tháng Giêng của tạp chí, ký tên Mác. - 411.
- 159 Có ý nói đến cuốn sách "Dictionnaire universel de la géographie commercante par. J. Peuchet", Paris, 1799 - 1800. - 412.
- 160 *Một trăm ngày* - thời kỳ cầm quyền lần thứ hai của Na-pô-lê-ông I từ thời điểm ông khôi phục lại ngai vàng hoàng đế ngày 20 tháng Ba (sau khi từ đảo En-bơ trở về Pháp) đến lúc từ bỏ một lần nữa ngai vàng ngày 22 tháng Sáu 1815 sau thất bại ở trận Oa-téc-lô 4 ngày. - 413.
- 161 J.Peuchet. "Statistique élémentaire de la France". Paris, 1805. Rõ ràng ở đây viết sai hay in sai thành năm 1807. - 415.
- 162 Bản dịch các đoạn trích bản thảo của S.Phu-ri-ê nói về thương mại do Ăng-ghen thực hiện nhằm có kế hoạch xuất bản ở Đức "Tủ sách các nhà xã hội chủ nghĩa xuất sắc ở nước ngoài", Mác và Ăng-ghen nảy ra kế hoạch này từ đầu năm 1845. Bản sơ thảo kế hoạch do Mác soạn chứng tỏ rằng đã có dự định xuất bản một loạt tác phẩm của các tác giả Anh và Pháp (xem tập này, tr.368). Có lẽ vào mùa hè năm 1848, Ăng-ghen bắt đầu dịch bản thảo ở Bruy-xen. Phần mở đầu và kết luận đã được viết chắc là vào mùa thu năm 1845, vì chúng là câu trả lời cho các tác phẩm của một số người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" được xuất bản lúc bấy giờ.
- Ăng-ghen đã chọn dịch một trích đoạn trong số bảy chương đầu của bản thảo chưa hoàn thành của S.Phu-ri-ê "Des trois unités externes" ("Bàn về ba sự thống nhất bên ngoài"), một phần lớn bản thảo này lần đầu được công bố sau khi tác giả qua đời trong tạp chí của phái Phu-ri-ê "La Phalange" trong hai số đầu (tháng Giêng - tháng Hai và tháng Ba - tháng Tư 1845). Văn bản bản thảo trùng hợp với những đoạn tương ứng trong tác phẩm của Phu-ri-ê "Théorie quatre mouvements et des destinées générales" ("Lý luận về bốn vận động và các số mệnh chung") được công bố khuyết danh năm 1805 đã được ban biên tập thay bằng nhiều dấu chấm và bằng những chú thích hướng dẫn tham khảo các trang của tác phẩm này. Trong bản dịch của mình, Ăng-ghen đã khôi phục những chỗ trùng khớp theo lần xuất bản tác phẩm này vào năm 1891.

Văn bản bảy chương của bản thảo được Ăng-ghe-nen dựng lại trong bài lược dịch của ông, nhưng không phải chỗ nào cũng đánh dấu những chỗ lược bỏ bằng nhiều dấu chấm mà trong những trường hợp cá biệt ông nối những trích đoạn đã lược bỏ bằng những đoạn chêm vào của chính ông. Một số chỗ Ăng-ghe-nen lược dịch hoặc phỏng dịch, còn ở một số chỗ nội dung được truyền đạt theo cách trình bày của chính ông.

Trong tập này bản dịch bản thảo của Phu-ri-ê được công bố hoàn toàn đúng với bản công bố của Ăng-ghe-nen. Những chỗ quan trọng nhất Ăng-ghe-nen đi xa văn bản của Phu-ri-ê thì được nói rõ thêm trong những chú thích cuối trang. Lờ đi vào đề và lời kết luận của Ăng-ghe-nen được in bằng cỡ chữ thường, toàn bộ phần ông dịch của Phu-ri-ê in bằng chữ nhỏ. Chữ in nghiêng trong bản trích thường là do Ăng-ghe-nen nhấn mạnh. - 435.

163 Ăng-ghe-nen có ý nói đến quyển sách L. Stein. "Der Socialismus und Communismus des heutigen Frankreichs. Ein Beitrag zur Zeitgeschichte". Leipzig. 1842 (L. Stai-nơ "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước Pháp hiện nay. Lược khảo lịch sử hiện đại". Lai-pxích. 1842). - 435.

164 Với mấy chữ "*lý luận tối nhất của Đức*" Ăng-ghe-nen có ý nói đến cái gọi là những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" - trào lưu xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản tồn tại trong những năm 1844 - 1845 và được phổ biến trong giới trí thức và thợ thủ công Đức; trào lưu này là sự tổng hợp độc đáo của xu hướng Phoi-ơ-bác duy tâm chủ nghĩa với chủ nghĩa xã hội không tưởng của Pháp đã tước bỏ nội dung chủ yếu. Việc những người thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" tâm thường hoá các quan điểm của những người xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp, kết hợp với thái độ khinh thị cao ngạo đối với những người xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp được thể hiện đặc biệt trong cuốn sách của Grun "Die soziale Bewegung in Frankreich und Belgien" ("Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ"), xuất bản ở Đác-mơ-stát vào tháng Tám 1845.

Tác phẩm này của Ăng-ghe-nen phản ánh ý định đã chín muồi của Ăng-ghe-nen và Mác trong thời gian này nhằm phân định rạch ròi một cách công khai với "Chủ nghĩa xã hội chân chính" và phê phán các đại biểu của chủ nghĩa đó. Việc phê phán cận kề "chủ nghĩa xã hội chân chính" được

Mác và Ăng-ghe-nen triển khai trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" (xem Toàn tập, t.3, 1995). - 435.

165 Có ý nói đến sự mô tả có tính chất hoang đường trong các tác phẩm của Phu-ri-ê những sự thay đổi đường như phải diễn ra trong tương lai trong lĩnh vực tự nhiên: sự thay đổi mùi vị khó chịu của nước biển, sự xuất hiện những quang trên Bắc cực và Nam cực, việc dã thú trở thành những động vật có ích cho con người...

Phương pháp loại - phương pháp phân loại đặc biệt của Phu-ri-ê mà ông vận dụng khi phân tích các hiện tượng tự nhiên và xã hội khác nhau. Sử dụng phương pháp này Phu-ri-ê, đặc biệt, có ý định nghiên cứu xây dựng môn khoa học xã hội mới, lấy học thuyết về nhân tố xã hội - tâm lý - sức hút và sức đẩy của sự đam mê - làm cơ sở cho nó, coi đó là nguyên lý chủ yếu, theo ý ông, của sự phát triển xã hội. Trong phương pháp này và trong việc Phu-ri-ê vận dụng nó, các yếu tố không tưởng và phi khoa học đã được kết hợp với các quan sát hợp lý và các biểu hiện tự phát của phép biện chứng. - 437.

166 Ăng-ghe-nen đưa vào chương I tài liệu lấy từ lời nói đầu ("Đặt vấn đề") và từ chương đầu bản thảo của Phu-ri-ê mà tiêu đề do tác giả đặt là "Chuỗi liên tục các phương pháp buôn bán". Phần đầu các trích đoạn từ câu "Giờ đây chúng tôi đề cập tới chỗ nhạy cảm nhất của nền văn minh" đến câu "người ta tìm hãm tất cả những động lực của lưu thông" lấy từ tác phẩm "Lý luận về bốn vận động", tr.331-332. - 439.

167 Với các từ ngữ "*hệ tư tưởng*", "*các nhà tư tưởng*" Phu-ri-ê có ý nói đến nhóm các nhà kế tục triết học Pháp thế kỷ XVIII do nhà tư tưởng, nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa Ăng-toan Đê-xuyt đơ Tô-ra-xi đứng đầu; ông này là tác giả bộ sách gồm năm tập "Elémens D'idéologie" ("Nguyên lý của hệ tư tưởng") xuất bản vào năm 1804. - 440.

168 Tại hội nghị A-khen (1818) của các quốc gia trong Liên minh thần thánh (Anh, Áo, Phổ và Nga), việc chuẩn bị vấn đề về các điều kiện Pháp bồi thường chiến phí sau khi Na-pô-lê-ông thất trận, đã lôi cuốn những người đứng đầu các ngân hàng lớn nhất ở châu Âu. Nghiệp vụ tín dụng đối với

tiền bồi thường chiến phí của nước Pháp được quyết định tiến hành thông qua Ngân hàng Bê-rinh của Anh và ngân hàng Hôn của Anh - Hà Lan. Có lẽ, ở đây Phu-ri-ê có ý muốn nói đến hai chủ ngân hàng này. - 446.

169 *Phái nghĩa dũng năm 1815* - những người tình nguyện theo Na-pô-lê-ông I vào thời kỳ cầm quyền ngắn ngủi của ông ta trong năm 1815 từ lúc ở đảo En-bơ trở về đến khi thất bại ở Oa-téc-lô. - 447.

170 Có ý nói đến các giấy bạc ngân hàng do một ngân hàng đặc biệt được chính phủ cho phép phát hành ở Pháp năm 1716, ngân hàng này do Giôn Lô, một người phiêu lưu chạy từ Anh sang, thành lập. Năm 1720 ngân hàng của Lô bị phá sản, ông này bỏ chạy. Vì trước đó Lô đã chuyển ngân hàng thành sở hữu của nhà nước, nên sự đổ vỡ của ngân hàng này là hình thức tiềm ẩn của sự vỡ nợ của Nhà nước.

Tín phiếu - chứng khoán phát hành từ tháng Giêng 1789 trong thời kỳ cách mạng Pháp được đảm bảo bằng các khoản thu do bán các lãnh địa (tài sản quốc gia) bị sung công của tầng lớp quý tộc phong kiến và của nhà thờ. Tín phiếu được lưu thông như tiền giấy. Do sự phát hành và đầu cơ, đặc biệt tăng mạnh sau cuộc chính biến phản cách mạng vào tháng Bảy 1794 (ngày 9 tháng Nóng) tín phiếu đó đã nhanh chóng mất giá. Tháng Chạp 1796 tín phiếu này đã ngừng phát hành. - 455.

171 Phu-ri-ê quy kết một cách không đúng hoạt động này cho Hội nghị quốc ước. Hoạt động này do Hội đồng chấp chính - cơ quan Chính phủ tối cao của chế độ đã thế chân sự thống trị của Hội nghị quốc ước, tiến hành ngày 30 tháng Chín 1797. Hội đồng chấp chính cắt giảm hai phần ba các trái khoán nhà nước và thừa nhận kho bạc có trách nhiệm chi trả một phần ba, và số một phần ba này được gọi là một phần ba chắc chắn bảo đảm. - 456.

172 Văn bản từ câu "Khi tội ác diễn ra rất thường xuyên, người ta quen với nó và trở thành những nhân chứng hờ hững với nó" đến câu "kẻ đầu cơ đánh cắp chỉ một nửa" do Ăng-ghen lấy từ tác phẩm "Học thuyết về bốn vận động", tr.341-343. Sau đó Ăng-ghen theo bản in trên tạp chí "La Phalange". - 456.

173 Nói bộ luật mới của nước Pháp, Phu-ri-ê ngụ ý Bộ luật dân sự (Code civil) của Na-pô-lê-ông I ban hành năm 1804. - 457.

174 Trong bản thảo của Phu-ri-ê, họ tên cụ thể của các doanh thương bị phá sản được nêu trong bản liệt kê các loại hình phá sản. Tuy nhiên khi công bố tác phẩm này trong tạp chí "Phalange", những họ tên này đã bị bỏ qua và chỉ để lại những tên hư cấu, vay mượn từ các tác phẩm văn học. Trong chú thích cuối trang chính Ăng-ghen đã nêu rõ tình huống đó (xem tập này, tr.484). - 458.

175 Có ý nói đến tập sách của Tô-mát Xan-chét, nhà thần học - tu sĩ dòng Tên người Tây Ban Nha hồi thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII: "Bàn về sự bí ẩn thần kỳ của hôn nhân", cuốn sách có lối biện giải vụn vặt tinh vi, có dáng vẻ suông sã gắn với sự khiêu dâm. - 465.

176 Văn bản từ câu "Chủ ngân hàng Đô-răng có hai triệu" đến cuối điểm 13 ("chống lại những người chiếm đoạt mấy triệu ngay một lúc!") được Ăng-ghen lấy từ tác phẩm "Học thuyết về bốn vận động", tr.343-346. - 468.

177 Văn bản từ câu "Người Do Thái I-xca-ri-ốt đến nước Pháp", tới câu "với lòng tham lam mỗi người chộp lấy khả năng ăn cắp mà không bị trừng phạt" được Ăng-ghen lấy từ tác phẩm "Học thuyết về bốn vận động". tr.348-351. - 473.

178 Trong thời gian làm lễ trong đạo Thiên chúa người ta trang trọng khiêng cái gọi là tảng vật của thánh đi dưới cái diềm kiệu. - 482.

179 Thành phố nhỏ ở miền Nam nước Pháp là Bô-cơ được biết đến nhờ các hội chợ lớn được tổ chức hàng năm. - 484.

180 Văn bản từ câu "Xca-pen, người chủ hiệu nhỏ" đến hết điểm 34 được Ăng-ghen lấy từ tác phẩm "Học thuyết về bốn vận động", tr.346-347. - 486.

181 Trong số xuất bản hồi tháng Ba - tháng Tư của tạp chí "La Phalange", ngoài ba chương của bản thảo "Bàn về ba sự thống nhất bên ngoài" (VIII-X) được Ăng-ghen nhắc tới, cả các chương XI-XVIII của bản thảo cũng đã được công bố có lược bớt những chỗ trùng với những chỗ tương ứng trong tác phẩm "Học thuyết về bốn vận động". - 490.

- 182 Ăng-ghen so sánh một cách mỉa mai bức tranh của sự phát triển lịch sử được Hê-ghen mô tả trong tác phẩm "Triết học lịch sử" của ông với sự phân chia thời kỳ phong kiến - Thiên chúa giáo hồi trung thế kỷ của lịch sử toàn thế giới theo bốn đế chế: đế chế A-xi-ri - Ba-bi-lon, đế chế Mi-đi-a - Ba Tư, đế chế Hy Lạp - Ma-kê-đô-ni và đế chế La Mã (đế chế La Mã dưới các hình thái khác nhau, trong đó có Đế chế La Mã thần thánh của dân tộc Đức, dường như phải tồn tại đến tận cùng của thế kỷ). Theo quan niệm của Hê-ghen, lịch sử toàn thế giới, cơ sở của nó là quá trình tự nhận thức tư tưởng tuyệt đối, hoặc tinh thần thế giới, đã trải qua ba giai đoạn cơ bản, cụ thể là: lịch sử Tây Á và Ai Cập cổ đại, lịch sử thế giới Hy Lạp - La Mã, lịch sử các dân tộc Đức. Các dân tộc mà lịch sử không xếp được trong khuôn khổ của sơ đồ ba vế này, Hê-ghen biểu thị là các dân tộc phi lịch sử. - 491.
- 183 Ăng-ghen có ý nói đến cuốn sách: H.W. Kaiser. "Die Persönlichkeit des Eigentums", Bremen, 1843 (H.V. Cai-đơ. "Tính chất cá nhân của sở hữu". Brê-men, 1843). - 492.
- 184 Có ý nói đến các liên minh để cải thiện tình cảnh giai cấp công nhân được thành lập ở nhiều thành phố của nước Phổ trong những năm 1844 - 1845 theo sáng kiến của giai cấp tư sản tự do Đức nhằm mục đích đánh lạc hướng công nhân Đức khỏi cuộc đấu tranh cho lợi ích giai cấp của họ. Mặc dù các giai cấp cầm quyền tìm mọi cách làm cho các liên minh này mang tính chất từ thiện, vô hại, nhưng sự xuất hiện của các liên minh này là nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chính trị tích cực của quần chúng các thành thị và đã thu hút sự chú ý của các giới xã hội đông đảo của nước Đức đến vấn đề xã hội. Chính phủ Phổ hoảng sợ trước phương hướng hoạt động - không đúng mong muốn của họ - của các liên minh, đã vội vã ngăn chặn hoạt động đó vào mùa xuân 1845, không chuẩn y điều lệ của các liên minh và cấm các liên minh tiếp tục hoạt động. - 492, 565.
- 185 Có ý nói tới việc xuất bản "Tủ sách các nhà xã hội chủ nghĩa xuất sắc nước ngoài" mà Mác và Ăng-ghen đã dự định (xem chú thích 139). Hai ông trừ liệu lôi kéo cả nhiều người khác tham gia phong trào, trong số đó có Ghết, vào việc xuất bản "Tủ sách" này. Nhưng lập trường tư tưởng thiếu kiên định

- của Ghết đã trở thành một trong những nhà tư tưởng của "chủ nghĩa xã hội chân chính", đã làm trở ngại cho sự cộng tác của Mác và Ăng-ghen với ông ta và với nhiều người xuất bản và chủ biên khác của các tạp chí Đức và là một trong những nguyên nhân cản trở việc tiến hành xuất bản "Tủ sách". - 495.
- 186 Những bài viết tay này của Ăng-ghen rõ ràng là được dự định dùng để viết chương I tập đầu của tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" và đã được viết chắc là vào tháng Mười một 1845. Trong những bài viết đó có trích dẫn cuốn sách. L.Feuerbach. "Grundsätze der Philosophie der Zukunft". Zürich und Winterthur, 1843 (L.Phoi-ơ-bác. Những nguyên lý cơ bản của triết học tương lai". Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843). - 496.
- 187 Cách nói lấy từ cuốn sách của S.Phu-ri-ê "Học thuyết về bốn vận động và những số phận chung", chương mười hai. Phần kết. - 496.
- 188 L.Feuerbach. "Das Wesen des Glaubens im Sinne Luthers. Ein Beitrag zum "Wesen des Christentums"". Leipzig, 1844(L.Phoi-ơ-bác. "Bản chất của tín ngưỡng hiểu theo nghĩa của Lu-the. Bổ sung cho cuốn "Bản chất đạo Cơ Đốc". Lai-pxích. 1844). - 499.
- 189 Bài này được công bố khuyết danh là bài trả lời của các tác giả "Gia đình thần thánh" đối với sự phê phán tác phẩm nói trên, chứa đựng trong bài viết của B.Bau-ơ "Charakteristik Ludwig Feuerbachs" ("Nhận xét Lút-vích Phoi-ơ-bác") được in trên tờ "Wigand's Vierteljahrsschrift", Bd. III, 1845. Văn bản bài này một phần trùng hợp với văn bản của một trong những đoạn lấy từ chương II tập một tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" (xem Toàn tập, t.3, 1995, tr.141-143). - 500.
- 190 Bài bình luận cuốn "Gia đình thần thánh" được nhắc đến ở đây đã được đăng khuyết danh trong tạp chí "Das Westphälisches Dampfboot" trong số ra tháng Năm 1845. - 500.
- 191 Xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.34-81, 160-180, 180-189, 203 và các trang tiếp theo. - 502.
- 192 Xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.150-161. - 503.

- 193 Xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.162-164. - 504.
- 194 Những đoạn trích từ bản viết tay của tập I cuốn "Hệ tư tưởng Đức" được công bố trong tập này được phát hiện năm 1962 và được công bố bằng tiếng của nguyên bản trong tạp chí "International Review of Social History". Vol. VII. 1962, part I. Bản dịch tiếng Nga của hai đoạn trích liên quan đến chương thứ nhất, lần đầu được công bố năm 1965 trong Tạp chí "Những vấn đề triết học" số 10, còn sau đó vào năm 1966 được in trong cuốn sách: C.Mác và Ph.Ăng-ghen "Phoi-ơ-bác. Sự đối lập giữa quan điểm duy vật và quan điểm duy tâm", M., 1966 (văn bản của trích đoạn I xem tr.32-33, của trích đoạn II xem tr.57-58). Cũng xem C. Mác và Ăng-ghen, "Tuyển tập gồm ba tập", M. 1970, t.1, tr.15-16 và tr.38-39. Trích đoạn từ chương thứ ba được viết trên hai trang bản viết tay, công bố lần đầu trong tập này. Văn bản trước trích đoạn này xem Toàn tập, t.3, 1995, tr.274-275 (hai đoạn). - 506.
- 195 Đề nghị của giám mục xứ Ô-ten (Ta-lây-răng) đưa ra ngày 4 tháng Bảy 1789 được phân tích ở đây, là nhằm mở rộng quyền hạn của Quốc hội. Theo đề nghị đó những cuộc tranh luận tại Quốc hội không được hạn chế ở những vấn đề được đưa vào trong cái gọi là cahiers de doléances - thư uỷ nhiệm mà các cử tri của mỗi đẳng cấp giao cho đại biểu của mình nhân khi triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp; phải thừa nhận các đại biểu có quyền giải quyết mọi vấn đề theo sự phán xét của chính họ. - 509.
- 196 *Bailliages* - các khu tư pháp ở nước Pháp trước cách mạng, đó cũng là các khu bầu cử trong cuộc bầu cử vào Hội nghị ba đẳng cấp.
- Divisions des ordres* - sự phân chia theo đẳng cấp: tầng lớp quý tộc, giới tăng lữ và đẳng cấp thứ ba mà mỗi bailliages được chia thành. Con số 431 có lẽ được nêu không chính xác: phải là 531 divisions des ordres. - 509.
- 197 *Jeu-de-paume* - phòng chơi bóng ở Véc-xay. Ngày 20 tháng Sáu 1789 các đại biểu của đẳng cấp thứ ba mà ngày 17 tháng Sáu đã tự tuyên bố là quốc hội. - tập họp ở phòng này và đưa ra lời thề trang trọng là không giải tán chừng nào chưa thông qua được hiến pháp của nước Pháp.
- Lit-de-justice* - phiên họp của các nghị viện (các cơ quan tư pháp - hành

- chính cao cấp của nước Pháp trước cách mạng) với sự hiện diện của nhà vua, sự việc này làm cho việc đăng ký các mệnh lệnh của nhà vua trở thành bắt buộc, do đó, các mệnh lệnh đó có hiệu lực như một đạo luật. Trong trường hợp này là nói về phiên họp của Hội nghị ba đẳng cấp ngày 23 tháng Sáu 1789, tại phiên họp này nhà vua tuyên bố những quyết nghị mà đẳng cấp thứ ba thông qua ngày 17 tháng Sáu là không có hiệu lực và yêu cầu các đại biểu phải giải tán ngay. Tuy nhiên các đại biểu không chịu rời đi và tiếp tục các cuộc tranh luận. - 510.
- 198 Trích dẫn trang 145 của cuốn sách: Max Stirner. "Der Einzige und sein Eigentum". Leipzig, Verlag von Otto Wigand, 1845 (Ma-khor Stiéc-nơ. "Người duy nhất và sở hữu của nó". Lai-pxích, nhà xuất bản Ốt-tô Vi-gan, 1845). - 511.
- 199 Dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa là văn kiện có tính cương lĩnh được bàn bạc tại đại hội lần thứ nhất của Liên đoàn những người cộng sản ở Luân Đôn ngày 2-9 tháng Sáu 1847. Văn kiện này cùng với dự thảo Điều lệ và *Thông tri* của đại hội lần thứ nhất gửi các thành viên của Liên đoàn (xem tập này, tr.572-597) được phát hiện năm 1968 trong kho lưu trữ của Gioa-kim Phri-đrich Mác-ten-xơ, nhà hoạt động tích cực của Liên đoàn những người cộng sản. Bản thảo tìm thấy do Ăng-ghen viết, ngoại trừ đôi chữ viết xen vào và câu kết thúc, cũng như chữ ký của chủ tọa và thư ký đại hội.
- Việc Ăng-ghen tham gia tích cực công việc của đại hội (Mác không thể đến Luân Đôn) đã có ảnh hưởng đến hoạt động và các nghị quyết của đại hội. Đồng minh đã đổi tên gọi thành Liên đoàn những người cộng sản, phương châm trước kia của Đồng minh những người chính nghĩa: "Tất cả mọi người là anh em" được đổi thành phương châm mới, có tính giai cấp: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!". Dự thảo Điều lệ của Liên đoàn và dự thảo cương lĩnh này của Liên đoàn đã được chuẩn y tại phiên họp cuối cùng của Đại hội ngày 9 tháng Sáu 1847.
- Dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa cùng với dự thảo Điều lệ được phân phát đến các chi hội của Liên đoàn để thảo luận; người ta đã dự định phải tính đến kết quả thảo luận trong việc chuẩn y cuối cùng đối với cương lĩnh và Điều lệ tại Đại hội II. Khi xây dựng một dự thảo

cương lĩnh khác, hoàn thiện hơn của Liên đoàn những người cộng sản - "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản" (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.456-480), vào cuối tháng Mười 1847, Ăng-ghe-n đã dùng văn bản Biểu tượng niềm tin, chứng tỏ điều đó là những chỗ trùng hợp rõ rệt về văn bản học ở nhiều điểm cũng như những chỗ trong "Những nguyên lý" viện dẫn văn kiện trước thay vì trả lời một số câu hỏi mà có lẽ Ăng-ghe-n quyết định giữ lại dưới dạng trước đó. - 513.

- 200 Trong các tác phẩm được viết vào những năm 40 - 50 (trước khi Mác soạn thảo lý luận về giá trị thặng dư), Mác và Ăng-ghe-n đã dùng những khái niệm như "giá trị lao động", "giá cả lao động", "bán lao động" mà như Ăng-ghe-n nhận xét năm 1891 trong lời nói đầu viết cho cuốn sách của Mác "Lao động làm thuê và tư bản", "xét trên góc độ các tác phẩm sau này" thì các khái niệm đó "là không đạt và thậm chí còn không đúng nữa". Sau khi Mác xác định rằng người công nhân bán cho nhà tư bản không phải lao động của mình mà là sức lao động, những khái niệm đó đã được làm rõ. Trong những tác phẩm sau này, Mác và Ăng-ghe-n sử dụng khái niệm "giá trị sức lao động", "giá cả sức lao động", "bán sức lao động". - 514.
- 201 Tài liệu này có lẽ là bản sơ khảo một phần bài diễn văn mà Mác có ý định đọc ngày 18 tháng Chín 1847 tại Đại hội các nhà kinh tế học ở Bruy-xen. Do không được phát biểu tại đại hội, sau khi đại hội bế mạc, Mác đã chỉnh lý bài diễn văn của ông để đăng trên báo (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.360 - 363). Bản sơ thảo được viết ở trang cuối của quyển vở thứ 10 có ghi những đoạn trích của Mác, những đoạn trích này về cơ bản được ghi vào giữa nửa sau năm 1845 và đầu năm 1846. Một số chỗ trong bản thảo không giải đoán được do những vết mực. Bên dưới ở phần chính văn và trên lề có một vài hình vẽ của Ăng-ghe-n, có lẽ miêu tả những người tham dự đại hội của những nhà kinh tế học. - 523.
- 202 Đoạn viết tay này được giữ lại trong quyển vở của Mác chứa đựng bản thảo cuốn sách "Tiền công" để tháng Chạp 1847 (xem Toàn tập, t.6, 1993, tr.719-749). Không có những tư liệu chính xác về mối liên hệ giữa đoạn này với các tác phẩm khác của Mác trong các bản thảo và những bức thư còn lưu giữ được. Có thể giả định rằng đoạn văn này là bản sơ thảo chuẩn bị hoặc cho

bài "Diễn văn về tự do buôn bán" mà Mác đã phát biểu ngày 9 tháng Giêng 1848 tại cuộc họp của Hội dân chủ Bruy-xen (xem tập này, tr.452-455), hoặc cho các bài giảng về kinh tế chính trị học mà Mác đọc vào tháng Chạp 1847 tại Hội công nhân Đức ở Bruy-xen (xem chú thích 264).

Trong văn bản có một số chỗ Mác viện dẫn một trong những quyển vở của ông với những điều ghi chép vào mùa hè 1847. Quyển vở có bản tóm tắt cuốn sách của G. Gülich. "Geschichtliche Darstellung des Handels, der Gewerbe und des Ackerbaus der bedeutendsten handeltreibenden Staaten unserer Zeit". Bd.I-V, Jena, 1830-1845 (G.Guy-lích. "Sự miêu tả về phương diện lịch sử thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp của các quốc gia thương mại quan trọng nhất trong thời đại chúng ta". Các tập I-V. I-ê-na, 1830 - 1845). Những chỗ đã chỉ ra nằm ở tập I của cuốn sách này. Trong bản viết tay, chữ mở đầu họ của tác giả ghi là J (Mác thường viết họ Gülich là Jülich). Các tài liệu đã được Mác dùng trong khi viết "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"; một số suy nghĩ và điều khái quát được nghiên cứu ở chương I. - 527.

- 203 Sơ thảo dàn bài chương III "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được ghi trên bìa quyển vở của Mác, quyển này chứa đựng bản thảo "Tiền công" (xem chú thích trước) và có ghi chú "Bruy-xen. Tháng Chạp 1847". - 530.
- 204 Các điểm 5 và 6 của dàn bài không được phản ánh trong văn bản cuối của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". - 530.
- 205 Bản thảo này là trang duy nhất còn giữ được trong bản nháp "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Bản thảo viết sạch được gửi đi vào cuối tháng Giêng 1848 để in ở Luân Đôn không còn nữa. Trang của bản sơ thảo một phần thuộc chương I, còn về cơ bản thì thuộc chương II của "Tuyên ngôn". - 531.
- 206 Bài tin này của Ăng-ghe-n là bản dịch diễn văn của Lơ-đruy - Rô-lanh tại bữa tiệc của những người ủng hộ cuộc cải cách bầu cử tại Pháp diễn ra ở Li-lơ ngày 7 tháng Mười một 1847. Bản dịch được dịch theo bài tường thuật của tờ "Rèforme" ngày 10 tháng Mười một 1847 có rút gọn đôi chỗ. - 533.
- 207 *Các đạo luật tháng Chín 1835* được ban hành trong thời kỳ chế độ quân

- chủ tháng Bảy, các đạo luật này hạn chế quyền hạn của toà án hội thẩm, tăng cường các biện pháp đàn áp báo chí tiến bộ. - 536.
- 208 Bài "Phong trào đòi cải cách ở Pháp - Bữa tiệc ở Đì-giông" là dị bản mở rộng của bài tin của Ăng-ghen "Diễn văn của Lu-i Blăng tại bữa tiệc ở Đì-giông" được công bố trên tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" ngày 30 tháng Chạp 1847 (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.543-547). Bữa tiệc mô tả trong bài được tổ chức ngày 21 tháng Mười một 1847, bài tường thuật về bữa tiệc này được in trong tờ "Réforme" ra ngày 24 và 25 tháng Mười một 1847. - 539.
- 209 Có ý nói đến liên minh quân sự được ký năm 1778 giữa chính phủ của Lu-i XVI với Hợp chúng quốc trong thời gian cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ (1775 - 1783), và sự tham gia của đoàn quân viễn chinh và hạm đội Pháp trong các hoạt động quân sự chống nước Anh - nước cạnh tranh với Pháp về mặt buôn bán và chiếm thuộc địa. - 541.
- 210 Có ý nói đến cuộc thâm nhập của các đơn vị quân đội Cộng hoà Pháp vào tháng Giêng 1795 vào lãnh thổ Hà Lan với mục đích ủng hộ cuộc khởi nghĩa của địa phương chống chế độ quý tộc của quốc vương Vin-hem V. Do việc quốc vương bị lật đổ, nước cộng hoà Ba-táp (1795 - 1806) được tuyên bố thành lập và chẳng bao lâu nước này rơi vào vòng lệ thuộc nước Pháp của Na-pô-lê-ông. - 541.
- 211 Những từ "chủ nghĩa thế giới", "thuộc về chủ nghĩa thế giới" được Ăng-ghen dùng theo nghĩa "không có sự hạn chế dân tộc và những thiên kiến dân tộc". - 511.
- 212 Trong bài báo này, khi tập trung chú ý vào việc phê phán luận điểm dân tộc chủ nghĩa của Lu-i Blăng cho rằng nước Pháp có vai trò khai hoá đặc biệt, trong cuộc tranh luận với Blăng, Ăng-ghen không đặt cho mình nhiệm vụ bóc trần tính chất thực sự của cái "văn minh" tư sản mà các quốc gia tư bản chủ nghĩa gieo rắc ở các nước lạc hậu về mặt kinh tế. Trong những bài báo và những bức thư sau này viết về Ấn Độ, Ai-rơ-len, Trung Quốc, I-ran v.v., Mác và Ăng-ghen chỉ ra rằng việc lôi kéo các nước này vào quỹ đạo của các quan hệ tư bản chủ nghĩa đã diễn ra bằng con đường các quốc gia tư bản chủ nghĩa nô dịch thuộc địa, bằng cách biến các nước này thành vật phụ thuộc về nông nghiệp - nguyên liệu đối với chính quốc, cướp bóc

- trắng trợn tài nguyên thiên nhiên của họ và bọn thực dân bóc lột man rợ quần chúng nhân dân các nước này. - 541.
- 213 Cuộc cạnh tranh giành thuộc địa giữa Anh và Tây Ban Nha vào nửa sau của thế kỷ XVI đã quyện chặt với các sự kiện của cuộc cách mạng Hà Lan những năm 1566 - 1609. Sự thất bại của "Hạm đội bách chiến bách thắng" Tây Ban Nha trong năm 1588 và những thắng lợi khác của người Anh đối với người Tây Ban Nha đã làm cho Cộng hoà Hà Lan (nước Cộng hoà của các tỉnh liên hợp) dễ dàng chống lại những mưu toan của chế độ chuyên chế Tây Ban Nha nhằm khôi phục sự thống trị của họ trên vùng đất Hà Lan này. Trong cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha vào thời kỳ này người Anh và người Hà Lan thường hành động như những đồng minh. - 542.
- 214 Có ý nói đến cuộc cách mạng Anh giữa thế kỷ XVII dẫn đến việc thiết lập chế độ tư sản ở Anh. - 542.
- 215 Thơ hai câu phổ biến trong những người tham gia cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1381 ở Anh (cuộc khởi nghĩa Uớt Tay-lo). Loại hình thơ này được Giôn Bôn, một trong những nhà tư tưởng của cuộc khởi nghĩa, sử dụng rộng rãi trong hoạt động tuyên truyền trước những nông dân khởi nghĩa. Có lẽ, đây là phỏng theo văn bản của nhà thơ Anh thế kỷ XIV là Ri-sác Rôn Ham-pôn. - 545.
- 216 *Phái Cô-vê-nan* - những người theo phái Can-vanh ở Xcốt-len thế kỷ XVI và XVII đã thoả thuận và liên minh đặc biệt với nhau nhằm mục đích bảo vệ tôn giáo của mình chống sự xâm phạm của giới quý tộc ngả theo Thiên chúa giáo. Trước cuộc cách mạng Anh thế kỷ XVII, phái Cô-vê-nan đã trở thành hình thức chính trị và tư tưởng của tổ chức đấu tranh của những người Xcốt-len chống chế độ chuyên chế Xiu-át cho độc lập của đất nước mình. - 545.
- 217 Đây là nói về việc thành lập *Hiệp hội dân chủ* ở Bruy-xen vào mùa thu 1847. Hiệp hội đoàn kết trong hàng ngũ của mình những nhà cách mạng vô sản, chủ yếu là trong số những người cách mạng Đức sống lưu vong, và những phần tử tiên tiến trong phong trào dân chủ tư sản và tiểu tư sản. Mác và Ăng-ghen đóng vai trò tích cực trong việc thành lập Hiệp hội. Ngày 15 tháng

Mười một 1847 Mác được bầu làm Phó chủ tịch của Hiệp hội (nhà dân chủ Bỉ L. Giô-tơ-răng được bầu làm Chủ tịch). Nhờ ảnh hưởng của Mác, Hiệp hội dân chủ Bruy-xen trở thành một trong những trung tâm của phong trào dân chủ quốc tế. Chẳng bao lâu sau khi tổ chức, Hiệp hội bắt đầu thảo luận vấn đề triệu tập đại hội dân chủ quốc tế nhằm mục đích đoàn kết các lực lượng cách mạng châu Âu trên phạm vi quốc tế trong hoàn cảnh các sự kiện cách mạng đang trong quá trình chín muồi. Mác và Ăng-ghe-nen tham gia tích cực vào việc chuẩn bị đại hội này. Trong thời gian lưu lại ở Luân Đôn dự đại hội lần thứ hai Liên đoàn những người cộng sản, Mác đã có những trao đổi có kết quả về đại hội với các thủ lĩnh phái Hiến chương và đại diện các giới dân chủ và vô sản sống lưu vong ở Luân Đôn. Các cuộc trao đổi tương tự, có lẽ được Ăng-ghe-nen tiến hành với những người xã hội chủ nghĩa và dân chủ Pháp. Vào đầu năm 1848 người ta đã đạt được thoả thuận về việc tiến hành đại hội ở Bruy-xen, và đã thu xếp để khai mạc đại hội đúng vào ngày 25 tháng Tám 1848, ngày kỷ niệm lần thứ 18 cuộc cách mạng Bỉ. Tuy nhiên, do các sự kiện cách mạng ở châu Âu nổ ra vào tháng Hai 1848 nên các kế hoạch đó không thực hiện được. Trong những ngày cách mạng tư sản tháng Hai ở Pháp, cánh vô sản thuộc Hiệp hội dân chủ Bruy-xen đã tranh thủ vũ trang cho công nhân Bỉ và mở rộng cuộc đấu tranh cho nền cộng hoà dân chủ. Tuy nhiên, sau khi Mác bị trục xuất khỏi Bruy-xen vào đầu tháng Ba 1848 và nhà cầm quyền Bỉ trừng trị các phần tử cách mạng nhất của Hiệp hội, những người dân chủ tư sản Bỉ không thể lãnh đạo được phong trào quần chúng lao động chống chế độ quân chủ. Hoạt động của Hiệp hội đã mang tính chất hẹp hơn, thuần túy địa phương và vào năm 1849 trên thực tế đã chấm dứt. - 545, 648.

218 Bài tin này và bài sau nữa (xem tập này, tr.558-563) về phong trào Hiến chương Ăng-ghe-nen viết cho báo dân chủ Pháp "Réforme" mà ông đã cộng tác trong những năm 1847 - 1848, ông muốn dùng báo này để tuyên truyền những tư tưởng cộng sản và đoàn kết các lực lượng vô sản và dân chủ của các nước châu Âu. Ăng-ghe-nen có ý định, trước hết, tuyên truyền hết sức phổ thông ở Pháp phong trào Hiến chương và các tư liệu của báo chí của phong trào này, mà đầu tiên là báo "Northern Star". Những bài tin của Ăng-ghe-nen

hoặc những bài tường thuật của báo này mà ông đã chọn và dịch sang tiếng Pháp được đăng trên báo "Réforme" trong mục "Phong trào Hiến chương", "Sự cổ động của phong trào Hiến chương" và kèm theo đó thường là lời nói đầu của ban biên tập "Bài viết từ Luân Đôn gửi về cho chúng tôi". Suốt thời gian Ăng-ghe-nen cộng tác với tờ "Réforme" (từ tháng Mười 1847 đến tháng Giêng 1848) đã có bảy bài tin của ông (năm bài trong số đó đã in trong Toàn tập, t.4. 1993) được công bố, được sự giúp đỡ của Ăng-ghe-nen một số bài báo của Mác trong các báo khác cũng được đăng lại trên tờ "Réforme". Những bài báo của Ăng-ghe-nen, việc ông truyền bá kinh nghiệm của phái Hiến chương đã góp phần, trong một mức độ nhất định, khắc phục tính hẹp hòi, dân tộc của tờ báo của những người cộng hoà và những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp và có ảnh hưởng cách mạng hoá đến bạn đọc của tờ báo - những người của giai cấp công nhân Pháp và các tầng lớp trung lưu có tư tưởng cấp tiến. - 547.

219 Lời kêu gọi của Hội "Những người dân chủ anh em" mà Ăng-ghe-nen trích dẫn bên dưới có lược bớt đôi chút được thông qua tại cuộc họp của Hội ngày 3 tháng Giêng 1848 và công bố trên tờ "Northern Star" số 533, ngày 8 tháng Giêng 1848.

"Những người dân chủ anh em" - hội dân chủ quốc tế do các đại diện của cánh tả trong phong trào Hiến chương và những người cách mạng lưu vong (thành viên của Đồng minh những người chính nghĩa, v.v.) thành lập ở Luân Đôn vào năm 1845 với mục đích thiết lập các mối liên hệ chặt chẽ giữa các phong trào dân chủ của các nước khác nhau. Vào mùa hè năm 1845, Mác và Ăng-ghe-nen đang ở nước Anh, hai ông tham gia việc chuẩn bị cuộc họp của các nhà dân chủ các nước vào ngày 22 tháng Chín 1845, tại đó trên thực tế Hội này đã được thành lập. Do phải rời khỏi Luân Đôn nên hai ông không có mặt tại chính cuộc họp đó. Mác và Ăng-ghe-nen duy trì sự tiếp xúc thường xuyên với Hội "Những người dân chủ anh em", cố sức tác động về mặt tư tưởng đến hạt nhân vô sản của Hội mà đến năm 1847 bộ phận này đã gia nhập Liên đoàn những người cộng sản, và thông qua Hội, tác động theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa cộng sản khoa học đến những người tham gia phong trào Hiến chương. Hoạt động của Hội tiếp tục đến năm 1853. - 547.

220 *Hiến chương nhân dân* bao gồm những yêu sách của phái Hiến chương đã

- được công bố ngày 8 tháng Năm 1838 với tính cách là bản dự luật để trình lên nghị viện; Hiến chương gồm có sáu điểm: quyền bầu cử phổ thông (đối với đàn ông đủ 21 tuổi), bầu nghị viện hàng năm, bỏ phiếu kín, làm cho các khu bầu cử ngang nhau, bãi bỏ điều kiện tài sản đối với ứng cử viên ứng cử ghế nghị sĩ, thù lao cho các nghị sĩ. Trong năm 1839 và 1842 những bản thỉnh nguyện của phái Hiến chương yêu cầu thông qua Hiến chương nhân dân đã bị nghị viện bác bỏ. Trong những năm 1847 - 1848 phái Hiến chương lại mở một cuộc vận động có tính quần chúng đòi thông qua Hiến chương. - 547, 629.
- 221 Có ý nói đến cuộc vận động trong những năm 1830 - 1831 đòi cải cách nghị viện ở Anh. Theo văn bản về cải cách được thông qua năm 1832, thì ở các thành phố các chủ sở hữu và những người thuê nhà có thu nhập trên 10 pao xtéc-linh một năm có quyền bầu cử. Giai cấp vô sản và giai cấp tiểu tư sản là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh cho cải cách, nhưng không có quyền bầu cử. - 548.
- 222 Bài báo "Tình hình ở Pháp" lần đầu tiên được công bố trong tập này đã được in trên tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" ngày 16 tháng Giêng 1848 không ghi tên tác giả. Việc Mác là tác giả được xác nhận bởi nội dung bài báo mà trong đó có nhận định về giai cấp tư sản Pháp phù hợp với các quan điểm của Mác và Ăng-ghe-n cũng như đánh giá vai trò của giai cấp vô sản, là giai cấp duy nhất có khả năng hoàn thành và đưa cuộc cách mạng Pháp đến thắng lợi. Mác đã nhiều lần viết các bài chính luận của mình dưới hình thức hỏi và đáp, đặc biệt là trên tờ "Neue Rheinische Zeitung". Việc Mác là tác giả được xác nhận bởi việc công bố bản dịch tiếng Pháp của bài báo này trên tờ "Réforme" ngày 19 tháng Giêng 1848, trong thời gian này Ăng-ghe-n đang ở Pa-ri, ông duy trì sự tiếp xúc chặt chẽ với ban biên tập của báo này (xem chú thích 218). - 551.
- 223 Ăng-ghe-n trích dẫn và trình bày về cuốn sách mỏng: "Réponse de M.Petit, exreceveur des finances à Corbeil, aux calomnies répandues à l'occasion de son procès en séparation". Paris. 1847 ("Trả lời của ngài Pơ-ti, người thu thuế cũ ở Coóc-bây, về lời vu khống được loan truyền nhân vụ án ly hôn của ông ta". Pa-ri, 1847). - 552.

- 224 Việc chất vấn của Luy-nô ở Hạ nghị viện về vấn đề bán chức tước ở cơ quan tài chính và việc trả lời phủ định của bộ trưởng tài chính khi đó là La-ca-vơ - La-pla-nhơ đối với lời chất vấn đó xảy ra ngày 13 tháng Sáu 1846. Nhân việc công bố cuốn sách mỏng của Pơ-ti (xem chú thích trên) và sự phản ứng mạnh mẽ đối với cuốn sách mỏng đó của dư luận xã hội, ngày 7 tháng Giêng 1848 tờ "Rèforme" in lại các trích đoạn từ các cuộc tranh luận kể trên giữa Luy-nô và bộ trưởng tài chính và cả bài phát biểu về vấn đề đó của nghị sĩ đối lập A.M. Đuy-panh mà Ăng-ghe-n đã trích dẫn bên dưới. - 554.
- 225 Phân tích tin tức của báo chí về việc lãnh tụ An-giê-ri Áp-đơ-en - Ca-đe bị bắt làm tù binh (xem chú thích 104), trong bài báo này Ăng-ghe-n nói lên ý kiến của ông về phong trào này từ góc độ khác với điều đã đưa ra trong bài báo trước đó (xem tập này, tr.196-197). Lên án những phương pháp dã man mà nước Pháp tư sản sử dụng để chinh phục An-giê-ri, Ăng-ghe-n đã thấy ở đó việc các quan hệ tư bản chủ nghĩa không khỏi lấn gạt các quan hệ gia trưởng, phong kiến lạc hậu hơn và coi việc chống đối quá trình đó là chắc chắn thất bại. Tiếp đó, sau khi nghiên cứu sâu hơn lịch sử các cuộc xâm chiếm thuộc địa và sự kháng cự của quần chúng bị áp bức đối với ách thống trị thực dân, Ăng-ghe-n chỉ ra tính chất giải phóng và tiến bộ của cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản - cuộc đấu tranh về khách quan làm cho giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt, Ăng-ghe-n đã trình bày phong trào giải phóng của người An-giê-ri theo tinh thần đó trong bài "An-giê-ri" do ông viết để đăng trong "Bách khoa thư mới của Mỹ" năm 1857 (xem Toàn tập, t.14, 1994, tr.125-136). - 554.
- 226 Về chỗ này, ban biên tập tờ "Northern Star" đưa ra chú thích sau đây: "Bức thư này lẽ ra phải đến tay chúng tôi trong tuần lễ ấy, nhưng mãi tới thứ ba tuần trước nó mới đến tay chúng tôi nhờ một người bạn ở Pa-ri. Trong lúc đó phóng viên của chúng tôi trở thành nạn nhân của những ảo tưởng, dù chỉ trong giây lát cho rằng có khả năng hành động công bằng hoặc rộng lượng từ phía Lu-i -Phi-líp hoặc những người của ông ta, Áp-đơ-en-Ca-đe sẽ không được chuyển đi Ai Cập; ông ta sẽ bị giam giữ nghiêm ngặt ở Pháp.

Lại thêm một mẫu mực về lòng trung thực của các ông vua - lòng trung thực của Phi-líp bất lương!".

Áp-đơ-en-Ca-đe sống khoảng 5 năm ở Pháp với tư cách tù binh; mãi tới năm 1852 ông mới được chuyển đến Đa-mát của Xi-ri. - 554.

227 Trong bài tin này Ăng-ghe-n mô tả cuộc mít-tinh do phái Hiến chương triệu tập để thông qua đơn thỉnh nguyện quốc dân. Những đoạn trích dẫn từ diễn văn của Hác-ni và Giôn-xơ lấy trong bài tường thuật đăng trên báo "Northern Star" số 534, ngày 15 tháng Giêng 1848 do Ăng-ghe-n thực hiện có đôi chỗ rút gọn và nhiều trường hợp truyền đạt hơi thoảng. Ban biên tập tờ "Réforme" có lẽ đã bỏ đi phần bài báo mà Ăng-ghe-n đã trình bày, sau khi sử dụng các sự kiện và kiến giải có trong bài báo đó ở ba đoạn sau:

"Chúng tôi đã lưu ý bạn đọc của chúng tôi đối với công tác cổ động của phái Hiến chương. Tạm thời tờ "Réforme" là tờ báo Pháp duy nhất quan tâm đến tổ chức rộng rãi đó mà sức mạnh và nghị lực của nó ngày một lớn lên và trong một thời điểm nhất định nó phải lật đổ không thương tiếc toà nhà ghê tởm của tập đoàn thống trị Anh.

Hôm nay chúng tôi in diễn văn của hai diễn giả chính của phái Hiến chương là ông E. Giôn-xơ và ông Gi. Hác-ni. Khi đọc chúng, có thể thấy rõ rằng quần chúng đã phần nộ đến mức nào, có thể hiểu được sự chán chường đã xui khiến Rô-bốt Pin từ chức, tuy để giảm nhẹ gánh nặng cho nhân dân ông ta đã làm cái việc mà trước ông ta chưa có một nội các nào đã dám, thậm chí tìm cách làm.

Để hoàn toàn hiểu mục đích và ý nghĩa của những bài diễn văn mà chúng tôi dẫn ra, cần phải nhớ rằng các giai cấp có đặc quyền định đánh lạc hướng nhân dân, lừa dối họ bằng những điều dối trá về những cuộc xâm phạm có thể có trong thời gian tới. Họ không hề nghĩ xây dựng đồn bốt xung quanh Luân Đôn, nhưng chuẩn bị tăng đáng kể quân đội thường trực. Đó vẫn là cái phương pháp ấy. Người ta muốn đối xử với người Anh như đã đối xử với người dân Pa-ri. Giờ đây chúng ta sẽ thấy nhân dân trả lời những lời bóng gió ấy như thế nào. Chúng tôi xin nhường lời cho phóng viên của chúng tôi". - 558.

228 Có ý nói về *Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc* được thành lập vào tháng Bảy 1840, - đảng có tính quần chúng toàn quốc đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân của giai cấp vô sản, trong những năm phong trào Hiến chương lên cao, đảng này có đến 50 nghìn đảng viên. Hội là người khởi xướng nhiều cuộc vận động chính trị, triệu tập các Hội nghị quốc ước của phái Hiến chương. Tuy nhiên trong hoạt động của Hội đã biểu lộ việc thiếu sự thống nhất về tư tưởng và chính trị và sự không rõ ràng phần nào về mặt tổ chức. Sau thất bại của phái Hiến chương trong năm 1848 và sự phân liệt trong hàng ngũ Hội, Hội đã mất tính chất của một tổ chức có tính chất quần chúng, song dưới sự lãnh đạo của những người Hiến chương cách mạng Hội vẫn dẫn dắt cuộc đấu tranh nhằm khôi phục phong trào Hiến chương trên cơ sở xã hội chủ nghĩa. Hoạt động của Hội chấm dứt hoàn thành vào năm 1858. - 558.

229 *Hội ruộng đất* được thành lập năm 1845 theo sáng kiến của Ô-Côn-no và tồn tại đến năm 1848. Mục đích của Hội là mua ruộng đất bằng tiền quyền góp và phát canh từng khoảnh nhỏ với điều kiện ưu đãi cho các công nhân góp cổ phần. Mặt tích cực của hoạt động của Hội ruộng đất là đấu tranh, bằng các bản thỉnh nguyện gửi nghị viện và bằng hoạt động tuyên truyền trên báo chí, chống sự độc quyền chiếm ruộng đất của giới quý tộc. Tuy nhiên ý tưởng về khả năng giải thoát công nhân khỏi bóc lột, giảm bớt nạn thất nghiệp... bằng cách đưa họ trở lại với ruộng đất chỉ mang tính chất không tưởng. Hoạt động của Hội không mang lại những kết quả thực tế. - 560.

230 Có ý nói việc thủ lĩnh của phái Hiến chương là Phéc-guy-xơ Ô-Côn-no và một số nhà hoạt động cấp tiến được bầu vào nghị viện trong cuộc bầu cử diễn ra ngày 5 tháng Tám 1847 tại Nốt-tinh-hem. - 560.

231 *St. Stephen's Chapel* - nhà thờ Thánh Xtê-phen (tu viện Oét-min-xơ), nơi năm 1547 đã diễn ra các phiên họp của Hạ nghị viện. - 561.

232 Trong bài diễn văn của Hác-ni có sử dụng câu nói của những người cùng thời với vua Tây Ban Nha và hoàng đế Đức Sác-lơ V nói về các lãnh địa của ông ta là "mặt trời không bao giờ lặn" trên những vùng đất đó cả. - 561.

- 233 *Sông-giơ - A-li* (Change - Alley) - một phố ở Luân Đôn, nơi đóng trụ sở của ban quản trị Công ty tài chính - thương mại Nam Hải, một trong những địa điểm chính của các nghiệp vụ tiền nông và đầu cơ các loại giao dịch. - 562.
- 234 Ph.Ăng-ghe-nen và M.Hét-xơ đã viết lời kêu gọi gửi bạn đọc và cộng tác viên của tạp chí "Gesellschaftsspiegel" ở En-bơ-phen-đơ. Như đã thấy qua bức thư của Ăng-ghe-nen gửi Mác ngày 20 tháng Giêng 1845 (xem Toàn tập, t.27, 1996, tr.27), Ăng-ghe-nen đã tham gia việc chuẩn bị xuất bản tạp chí, việc khởi thảo đề án cho tạp chí, đề án này đã được công bố trong số đầu dưới hình thức lời kêu gọi này. Lúc đầu Ăng-ghe-nen dự định tham gia ban biên tập tạp chí, điều này ông đã viết trong một trong những bản tin của ông "Những thành tựu nhanh chóng của chủ nghĩa cộng sản ở Đức" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.699-715). Kế hoạch nghiên cứu tình cảnh công nhân do Ăng-ghe-nen khởi thảo về nhiều mặt phù hợp với những nhiệm vụ mà hồi đó ông đã đặt ra cho mình với tư cách là tác giả cuốn sách "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"; mặt khác trong đề án đã có một số ảo tưởng từ thiện uỷ mị trừu tượng bắt nguồn từ Hét-xơ - theo tinh thần "chủ nghĩa xã hội chân chính". Việc không thoả mãn với lập trường của Hét-xơ rõ ràng là một trong những nguyên nhân khiến Ăng-ghe-nen chối từ tham gia ban biên tập. Từ "Gesellschaftsspiegel" do Hét-xơ làm chủ biên chẳng bao lâu sau đã rời bỏ đường lối do Ăng-ghe-nen dự định trong đề án và đã trở thành cái loa tuyên truyền các tư tưởng cải lương chủ nghĩa và tư tưởng đa cảm của "chủ nghĩa xã hội chân chính". - 565.
- 235 Đây là nói về cuộc khởi nghĩa của thợ dệt Xi-lê-di vào tháng Sáu 1844 (xem tập này, tr.284-286). - 569.
- 236 Văn kiện này chứng tỏ những điều kiện nặng nề mà các nhà cầm quyền Bỉ đặt ra cho Mác sau khi ông bị trục xuất khỏi Pháp, Mác phải trao giấy cam kết này cho cơ quan cảnh sát ở Bruy-xen, nơi ông đã bị triệu đến ngày 22 tháng Ba 1845, Mác đã báo tin về trường hợp này trong bức thư gửi Hai-nơ ngày 24 tháng Ba 1845 (xem Toàn tập, t.27, 1996, tr.633). - 571.
- 237 Dự thảo Điều lệ Liên đoàn những người cộng sản được thông qua tại Đại hội đầu tiên của Liên đoàn vào đầu tháng Sáu 1847 và được phân phát cho

- các khu hội và chi hội để thảo luận. Bản dự thảo đã phản ánh công tác nhằm cải tổ tổ chức mà ban lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa đã làm theo lời khuyên của Mác và Ăng-ghe-nen. Vào đầu năm 1847 Mác và Ăng-ghe-nen đồng ý gia nhập Đồng minh với điều kiện cải tổ Đồng minh trên cơ sở dân chủ và loại bỏ những phần tử âm mưu và bè phái trong cơ cấu và hoạt động của Đồng minh. Ăng-ghe-nen tham gia công tác của đại hội (xem chú thích 199) đã có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thảo Điều lệ. Đại hội được triệu tập gồm đại biểu các khu, hội địa phương trở thành cơ quan tối cao thay cho cơ quan lãnh đạo trước đây - Hội đồng nhân dân hẹp - còn cơ quan chấp hành là Ban chấp hành Trung ương. Mối quan hệ lẫn nhau của tất cả các tổ chức của Liên đoàn được xây dựng trên cơ sở chế độ dân chủ và chế độ tập trung. Đồng thời nhiều điều của dự thảo chứng tỏ tính chưa hoàn tất của việc cải tổ và ảnh hưởng của các quan niệm bè phái cũ. Theo đề nghị của Ban chấp hành Khu hội Bruy-xen, chịu ảnh hưởng trực tiếp của Mác và Ăng-ghe-nen, sau đó các điểm này được sửa lại cho chính xác (xem chú thích 265). Đại hội lần thứ hai (tháng Chạp 1847) đã thông qua Điều lệ, Điều lệ này xác định rõ ràng cơ cấu tổ chức của Liên đoàn những người cộng sản trên những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản khoa học (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.731-739). Văn bản dự thảo đã tìm thấy vào năm 1968 cùng với văn bản dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa và các văn kiện khác - được công bố trong tập này - của Liên đoàn những người cộng sản trong đồng hồ sơ của Mác-ten-xơ - thành viên Liên đoàn những người cộng sản ở Ham-buốc. - 572.
- 238 Hội đồng nhân dân lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa (tháng Mười một 1846 trụ sở của nó đã chuyển từ Pa-ri sang Luân Đôn) - vào tháng Hai 1847 đã gửi cho các tổ chức địa phương của Đồng minh lời kêu gọi bầu đại biểu đi dự đại hội sẽ khai mạc ở Luân Đôn ngày 1 tháng Sáu. Trong lời kêu gọi Hội đồng nhân dân đã nêu rõ cả chương trình nghị sự của đại hội. Đại hội vẫn giữ trụ sở của cơ quan chấp hành lãnh đạo Liên đoàn ở Luân Đôn, tuy nhiên để phù hợp với dự thảo Điều lệ đã được thông qua từ thời điểm này cơ quan chấp hành được gọi là Ban Chấp hành Trung ương. - 579.

- 239 Là tổ chức bất hợp pháp nên Liên đoàn những người cộng sản không thể công khai tiến hành các phiên họp của các đại hội của mình và công bố các tài liệu của các đại hội được. - 579.
- 240 Có ý nói đến Điều 21 của dự thảo Điều lệ Liên đoàn những người cộng sản (xem tập này, tr. 575). - 580.
- 241 *Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn* do C.Sáp-pơ, I.Môn và những nhà hoạt động khác của Đồng minh những người chính nghĩa thành lập vào tháng Hai 1840. Sau khi thành lập Liên đoàn những người cộng sản, vai trò lãnh đạo trong Hội thuộc về các chi hội địa phương của Liên đoàn. Trong nhiều thời kỳ hoạt động khác nhau của mình, Hội đã có các chi nhánh ở các khu công nhân của Luân Đôn. Mác và Ăng-ghe-nh tham gia tích cực các hoạt động của Hội trong các năm 1847 và 1849-1850. Tuy nhiên ngày 17 tháng Chín 1850, Mác, Ăng-ghe-nh và nhiều người ủng hộ hai ông đã rút ra khỏi Hội do việc trong Hội ảnh hưởng của nhóm bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, - nhóm gây ra sự phân liệt trong Liên đoàn những người cộng sản, - tạm thời được tăng cường. Từ cuối những năm 50, Mác và Ăng-ghe-nh lại tham gia vào hoạt động của Hội giáo dục, trong một mức độ đáng kể Hội đã góp phần xác lập các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác trong cương lĩnh của Quốc tế I, Hội đã tồn tại đến năm 1918 như là một câu lạc bộ quốc tế và đã bị Chính phủ Anh đóng cửa. - 580.
- 242 Có ý nói đến các hội công nhân bí mật của Pháp những năm 40 của thế kỷ XIX mà các tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa khác nhau thuộc khuynh hướng không tưởng (Ca-bê, Đê-da-mi...) đã được phổ biến rộng rãi trong các hội viên của các hội đó. - 580.
- 243 Tình hình các chi hội ở Pa-ri của Đồng minh những người chính nghĩa những năm 1845 - 1846 được miêu tả trong báo cáo này phù hợp với thông báo mà Ăng-ghe-nh đang ở Pa-ri từ 15 tháng Tám 1846 gửi đến Bruy-xen cho Mác và các thành viên khác của Ủy ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen (xem những bức thư của Ăng-ghe-nh từ tháng Tám - tháng Chạp 1846 trong Toàn tập, t. 27, 1997). Phần này của báo cáo có lẽ được soạn trên cơ sở các thông báo của Ăng-ghe-nh, người đã đóng vai trò có tính chất quyết định trong việc

- khắc phục sự bất đồng về tư tưởng bên trong các chi hội Pa-ri của Đồng minh và trong việc phân định ranh giới giữa cánh cách mạng của các chi hội Pa-ri với các phần tử tiểu tư sản đã gắn bó với "chủ nghĩa xã hội chân chính" tiểu thị dân và với chủ nghĩa cộng sản không tưởng bình quân của Vai-tlinh. Không loại trừ khả năng phần này do chính Ăng-ghe-nh viết. - 581.
- 244 W. Weitling. "Garantien der Harmonie und Freiheit". Vivis, 1842 (V.Vai-tlinh. "Đảm bảo sự hài hòa và tự do". Vi-vi, 1842). - 581.
- 245 Cuốn sách của P.Gh.Pru-dông "Système des contradictions économiques, ou Philosophie de la misère" ("Hệ thống các mâu thuẫn kinh tế, hay là Triết học của sự khốn cùng") đã được ấn hành ở Đác-mơ-stát vào năm 1847 bằng bản dịch ra tiếng Đức của C.Grun. - 581.
- 246 Có lẽ đây là nói về số tiền mà các thành viên ở Pa-ri của Đồng minh những người chính nghĩa quyên góp được để giúp những người tham gia cuộc khởi nghĩa Cra-cốp năm 1846 (xem chú thích 269). - 582.
- 247 Đây có ý nói đến cuốn sách của C.Grun "Die preussischen Landtags - Alschiede. Ein Wort zur Zeit". Birwinken, 1846 ("Các quyết định của nhà vua gửi các hội đồng dân biểu Phổ; về các vấn đề hiện nay". Biéc-vin-ken, 1846). - 582.
- 248 Đây có ý nói đến Hội đồng nhân dân của Đồng minh những người chính nghĩa, mà trước khi chuyển trụ sở từ Pa-ri sang Luân Đôn (tháng Mười một 1846) gồm chủ yếu là những người theo phái Vai-tlinh. - 248.
- 249 Đây rõ ràng là nói về bức thư của ban lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa đề nghị Mác và Ăng-ghe-nh gia nhập Đồng minh và tham gia vào việc cải tổ Đồng minh trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Thay mặt Hội đồng nhân dân, I.Môn đã tiến hành trao đổi với Mác ở Bruy-xen và với Ăng-ghe-nh ở Pa-ri vào cuối tháng Giêng - đầu tháng Hai 1847. - 249.
- 250 Những dự định của Ban chấp hành Trung ương ở Luân Đôn về việc xuất bản cơ quan ngôn luận thường xuyên - báo hoặc tạp chí - của Liên đoàn những người cộng sản không thành công vì thiếu tiền. Chỉ ra được số thử nghiệm của tờ "Kommunistische Zeitschrift" ở Luân Đôn vào đầu tháng Chín

1847. Số này in ở nhà in của Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn. Nội dung của số này thể hiện ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghe-n. Những bài báo được công bố (của V. Vôn-phơ, C.Sáp-pơ v.v.) đã phê phán "chủ nghĩa xã hội chân chính" và các khuynh hướng khác của chủ nghĩa xã hội không tưởng, đã giáng đòn vào những lời công kích của Hai-nơ-txen chống những người cộng sản, và trình bày những luận điểm cốt lõi sách lược của phong trào vô sản. Trong số tạp chí thử nghiệm này lần đầu trên báo chí xuất hiện phương châm với tính cách là đề từ: "Giải cấp vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!". Trên thực tế, từ tháng Chín 1847 khi Mác và Ăng-ghe-n bắt đầu cộng tác với báo này, nắm các công việc biên tập của tờ báo thì tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" trở thành cơ quan ngôn luận thường xuyên của Liên đoàn những người cộng sản. - 592.
- 251 Đây có ý nói đến "Ansprache der Volkshalle des Bundes der Gerechten an den Bund, Februar 1847" ("Lời kêu gọi của Hội đồng nhân dân của Đồng minh những người chính nghĩa gửi Đồng minh, tháng Hai 1847") (xem chú thích 238). - 596.
- 252 Vào tháng Sáu 1847 Ban chấp hành Trung ương Liên đoàn những người cộng sản gửi những bức thư kèm theo tương tự tới toàn thể các chi hội của Liên đoàn ở các nước, và cả các văn kiện mà đại hội lần thứ nhất đã thông qua cho các chi hội đó. - 598.
- 253 Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản ngày 14 tháng Chín 1847 là báo cáo hàng quý về hoạt động của Liên đoàn sau đại hội lần thứ nhất (tháng Sáu 1847). Lời kêu gọi này được phát hiện cùng với cả các văn kiện khác của đại hội lần thứ nhất trong đồng hồ sơ của thành viên của Liên đoàn ở Ham-buốc là Mác-ten-xơ. Phần viết thêm của C.Sáp-pơ gửi Mác-ten-xơ ở trang cuối chứng minh rằng bản này dành cho chi hội Ham-buốc. - 601.
- 254 Có ý nói đến hai lời kêu gọi do cơ quan lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa đưa ra vào tháng Mười một 1846 và tháng Hai 1847, nghĩa là trước khi cải tổ Đồng minh những người chính nghĩa thành Liên đoàn những người cộng sản (xem chú thích 251). - 605.

- 255 Có ý nói đến cuốn sách mỏng của Phoóc-xen "Kommunismen och kristendomen". Stockholm, 1847 ("Chủ nghĩa cộng sản và đạo Cơ Đốc". Xtốc-khôm, 1847).- 605.
- 256 *Hội Xcan-di-na-vơ* - hội dân chủ cấp tiến, tồn tại vào nửa sau của những năm 40 thế kỷ XIX. Có liên hệ với Liên đoàn những người cộng sản, thành viên của Hội chủ yếu là công nhân và thợ thủ công. Chủ tịch Hội là Pi-e I-ô-tơ-rếch, thành viên của Liên đoàn, nhà dịch thuật, người xuất bản và kinh doanh sách, thư ký của Hội là Ếch-xtơ-rôm. - 605.
- 257 I-ô-han Đơ-lơ, người được cử đến Am-xtéc-đam vào tháng Tám 1847, đã thông báo vào tháng Mười cho Ban chấp hành trung ương biết về việc thành lập chi hội Am-xtéc-đam của Liên đoàn những người cộng sản gồm 8 người.
- Hội giáo dục công nhân ở Am-xtéc-đam* được thành lập ngày 14 tháng Hai 1847. Các thành viên của Liên đoàn những người cộng sản đóng vai trò tích cực trong việc tổ chức và hoạt động của Hội. Tháng Ba 1848 Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn đã gửi biểu Hội giáo dục công nhân ở Am-xtéc-đam 100 bản sách "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Các thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, những người lãnh đạo Hội giáo dục ở Am-xtéc-đam đã bị cảnh sát đàn áp khốc liệt vì đã tổ chức vào ngày 24 tháng Ba 1848 cuộc họp nhân dân quy mô lớn ở Am-xtéc-đam để ủng hộ cách mạng ở Pháp và ở Đức. - 610.
- 258 Dự định của Mác xuất bản bản dịch tiếng Đức cuốn sách "Sự khốn cùng của triết học" đã không thực hiện được. Lúc sinh thời Mác chỉ công bố bằng tiếng Đức những phần trích từ chương II của tác phẩm này. Lần xuất bản đầu tiên tác phẩm này do Ăng-ghe-n hiệu đính được thực hiện vào năm 1885. - 613.
- 259 Vào mùa thu 1847 tại các chi hội ở Pa-ri của Liên đoàn những người cộng sản đã xuất hiện tình hình rắc rối. Những người ủng hộ Vai-tinh bị đại hội lần thứ nhất khai trừ đã liên hợp với những người tán thành Grun. Vào tháng Mười đã xảy ra phân liệt. Một trong những chi hội đã chống những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa và đã bị khai trừ khỏi Liên đoàn theo quyết định của Ban chấp hành trung ương. Ăng-ghe-n, lúc đó đang ở Pa-ri, đã viết cho Mác ngày 25 - 26 tháng Mười 1847: "Mấy ngày trước khi tôi đến, những

- phần tử cuối cùng thuộc phái Grun đã bị tổng cổ, đây là cả một chi hội mà một nửa, tuy nhiên, sẽ quay trở lại. Cả thầy bây giờ chúng tôi có 30 người. Tôi đã lập tức tổ chức một chi hội tuyên truyền, chạy ngược xuôi suốt ngày và làm công việc tập huấn. Tôi lập tức được bầu vào uỷ ban khu vực, tôi được trao nhiệm vụ phụ trách công tác bài vở. Có đề nghị thu nạp 20 - 30 thành viên dự khuyết. Sắp tới chúng tôi sẽ lại mạnh thêm (xem Toàn tập, t.27, 1996, tr.157). - 614.
- 260 Có ý nói đến cuốn sách của V.Vai-ting xuất bản ở Béc-nơ năm 1845 "Das Evangelium eines armen Sünders" ("Sách Phúc âm của người tội lỗi nghèo"), trong đó việc ăn cắp được biện bạch là phương sách đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. - 614.
- 261 Có ý nói đến các thành viên cũ của tổ chức cách mạng bí mật của những người Đức sống lưu vong ở Thụy Sĩ "Nước Đức" đã bị cảnh sát phá tan vào năm 1845 (xem chú thích 154). - 615.
- 262 Nhắc đến các xuất bản phẩm sau đây: truyền đơn khuyết danh "Der deutsche Hunger und die deutschen Fürsten"; cuốn sách mỏng của C.Hai-nơ-txen "Dreißig Kriegsartikel der neuen Zeit für Officiere und Gemeine in despotischen Staaten". Neustadt ("Ba mươi bài báo về quân sự của thời kỳ mới dành cho các sĩ quan và binh sĩ ở các quốc gia chuyên chế". Noi-stát). - 615.
- 263 Đây là nói về các nhóm cộng sản ở Khuên, Ve-xtơ-pha-li, En-bơ - phen-đơ trước kia có quan hệ với Uỷ ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen do Mác và Ăng-ghen thành lập, và sau Đại hội I của Liên đoàn những người cộng sản đã thành lập các chi hội của Liên đoàn. - 617.
- 264 Đây có ý nói đến *Hội công nhân Đức* do Mác và Ăng-ghen thành lập ở Bruy-xen vào cuối tháng Tám 1847 với mục đích tuyên truyền trong công nhân những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Dưới sự lãnh đạo của Mác, Ăng-ghen và các bạn chiến đấu của hai ông, Hội đã trở thành trung tâm họp pháp để đoàn kết các lực lượng vô sản cách mạng ở Bỉ. Những phần tử ưu tú của Hội đã gia nhập Liên đoàn những người cộng sản. Hội có ảnh hưởng lớn cả đến phong trào công nhân Bỉ và đóng vai trò rõ rệt trong việc thành lập Hiệp hội dân chủ Bruy-xen (xem chú thích 217). Hoạt động của Hội

- công nhân Đức ở Bruy-xen đã chấm dứt chẳng bao lâu sau cách mạng tháng Hai 1848 ở Pháp nhân việc các thành viên của Hội bị cảnh sát Bỉ bắt giữ và trục xuất. - 617.
- 265 Những điểm Ban chấp hành khu Bruy-xen sửa chữa bản dự thảo Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản phản ánh cuộc đấu tranh của Mác nhằm hoàn thiện những nguyên tắc tổ chức của đảng vô sản và khắc phục những tàn dư hẹp hòi bề phái - vốn có của Đồng minh những người chính nghĩa - trong cơ cấu của nó và đã được Đại hội II của Liên đoàn những người cộng sản thông qua. Điểm về việc các chi hội chuẩn y quyết định của các đại hội đã bị bỏ, còn việc cấm các thành viên của Liên đoàn tham gia những tổ chức chính trị khác chỉ áp dụng đối với những tổ chức mà mục đích của chúng xa lạ với Liên đoàn. - 617.
- 266 Các văn kiện được thông qua tại Đại hội lần thứ nhất - Dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa và Điều lệ - được đại hội coi là những dự thảo sơ bộ phải được thảo luận tại các địa phương, tu chỉnh và chuẩn y lần cuối cùng tại Đại hội lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản (tháng Chạp 1847). - 620.
- 267 Đây là nói về vụ án chống những thành viên của Đồng minh những người chính nghĩa bị bắt ở Béc-lin vào mùa xuân 1847. Do nhân chứng chính là Men-ten, người đã khai báo các thành viên của Liên đoàn, chối từ những lời khai trước đó của ông ta, nên toà đã buộc phải phạt nhẹ một số người bị bắt, còn một số khác được trắng án. - 621.
- 268 Bài tường thuật về cuộc mít-tinh quốc tế do Hội "Những người dân chủ anh em" triệu tập tại trụ sở của Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn (xem chú thích 219 và 241) đã được đăng trên báo "Northern Star" dưới tiêu đề "The Polish Revolution - Important Public Meeting" ("Cách mạng Ba Lan - Cuộc mít-tinh công khai quan trọng"). Các bài diễn văn của Mác và Ăng-ghen tại cuộc mít-tinh được truyền đạt trong bài tường thuật dưới dạng rút ngắn (Văn bản những bài diễn văn đó của tác giả, xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.526-529). Bài tường thuật có một số chi tiết về cuộc mít-tinh, các

- chi tiết này bổ sung cho bài tin ngắn của Ăng-ghe-n về cuộc mít-tinh được công bố trên báo "Réforme" (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.530-532). - 623.
- 269 Đây có ý nói đến tuyên ngôn của chính phủ dân tộc của Cộng hoà Ba Lan, được thành lập ngày 22 tháng Hai 1846 trong tiến trình cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Cộng hoà Cra-cốp. Tuyên ngôn kêu gọi nhân dân Ba Lan kiên quyết đấu tranh cho độc lập dân tộc, tuyên bố và quyền dân chủ, bãi bỏ các đảm phụ phong kiến, giao cho nông dân sở hữu các khoảnh đất chia. Những người dân chủ Ba Lan (Đem-bốp-xki và những người khác) là những người đề xướng chủ yếu cuộc khởi nghĩa. Vào tháng Ba 1846 cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp đã bị các lực lượng của Áo và của nước Nga Nga hoàng đàn áp, còn đến tháng Mười một 1846 Áo, Phổ và Nga ký hiệp ước về việc nhập "thành phố Cra-cốp tự do" vào đế quốc Áo. - 623.
- 270 Trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Cra-cốp vào tháng Hai 1846 (xem chú thích 219), nhà cầm quyền Áo đã gây ra được cuộc xung đột ở Gia-li-xi giữa nông dân U-cra-i-na và các đội quân khởi nghĩa của quý tộc Ba Lan. - 626.
- 271 Có ý nói đến thắng lợi của các lực lượng tiến bộ trong cuộc nội chiến năm 1847 ở Thụy Sĩ và thất bại của những mưu toan của Đôn-đéc-bun hùng giành được cuộc can thiệp vũ trang của các cường quốc châu Âu vì lợi ích của mình (xem tập này, tr.281-283 và chú thích 275). - 625.
- 272 Mác đem đề nghị triệu tập đại hội dân chủ quốc tế đối lập với đại hội của các nhà kinh tế diễn ra ở Bruy-xen ngày 16 - 18 tháng Chín 1847 (về đại hội này, xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.353-359). - 628.
- 273 Lút-vích Mê-rô-xláp-xki được cử đến Pô-dơ-nan với tư cách là thành viên cơ quan "Tập quyền" (cơ quan lãnh đạo của Hội dân chủ Ba Lan), để tổ chức cuộc khởi nghĩa ở các vùng đất Ba Lan, đã bị nhà cầm quyền Phổ bắt không lâu trước khi khởi nghĩa nổ ra (tháng Hai 1846) và bị kết án tử hình, về sau được thay bằng án chung thân. Ông được thả nhân cuộc cách mạng ở Đức nổ ra vào tháng Ba 1848. - 632.
- 274 Có ý nói đến cuộc nội chiến ở Thụy Sĩ (xem chú thích 271 và 275). - 635.

- 275 Đây là nói về những âm mưu định tổ chức can thiệp về ngoại giao và vũ trang của năm cường quốc châu Âu (Pháp, Anh, Nga, Áo và Phổ) vào cuộc nội chiến ở Thụy Sĩ vì lợi ích của Đôn-đéc-bun, mà người chủ xướng là thủ tướng Áo Méc-téc-ních được Chính phủ Pháp của Ghi-dô ủng hộ. Trong các kế hoạch của Méc-téc-ních và Ghi-dô đưa ra có việc triệu tập hội nghị của năm cường quốc lớn để giải quyết vấn đề Thụy Sĩ, hội nghị này phải đưa ra cho các bên tham chiến ở Thụy Sĩ các điều kiện hoà bình. Các đội quân của Đôn-đéc-bun bị đánh tan nhanh chóng đã phá vỡ các kế hoạch phản động đó. - 636.
- 276 Trong thời gian lưu lại ở Luân Đôn với tư cách là các đại biểu của Đại hội lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản vào cuối tháng Mười một - đầu tháng Chạp 1847, Mác và Ăng-ghe-n cũng đã tham dự các cuộc họp của Hội giáo dục của công nhân Đức tại Luân Đôn (xem chú thích 241). Hai ông đọc nhiều báo cáo trước các thành viên của Hội. Những bản ghi các bài phát biểu của Mác và Ăng-ghe-n còn lưu giữ được rất cô đọng và không hoàn chỉnh. Trong tập này các bài phát biểu đó được công bố theo trình tự chúng đã được ghi trong sổ biên bản của Hội. Cuốn sổ ghi biên bản không tìm thấy. - 640.
- 277 Có ý nói đến *Hội công nhân Đức* do Mác và Ăng-ghe-n thành lập ở Bruy-xen vào cuối tháng Tám 1847 (xem chú thích 264). - 644.
- 278 Có ý nói đến tác phẩm của L. Blăng "Histoire de la Révolution française" ("Lịch sử cách mạng Pháp") ra mắt năm 1847 ở Pa-ri. - 644.
- 279 Có ý nói đến cuốn sách của Đau-mơ "Die Geheimnisse des christlichen Alterthums" ("Thánh lễ của đạo Cơ Đốc thời cổ"), được xuất bản ở Ham-buốc năm 1847. - 645.
- 280 Như đã thông báo trong bài tường thuật trên tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung", số 2, ngày 6 tháng Giêng 1848, tại buổi dạ hội mừng năm mới của Hội công nhân Đức tổ chức ở Bruy-xen ngày 31 tháng Chạp 1847 có mặt gần 130 người. Trong số khách dự có các nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cách mạng và dân chủ nhiều nước (Bỉ, Đức, Ba Lan, Pháp, v.v.). Ngoài Mác ra còn có V.Vôn-phơ, bạn của Mác và Ăng-ghe-n, một người cách mạng

- Đức, đã phát biểu ý kiến đề nghị nâng cốc chúc tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung", - "người biểu đạt các quan điểm và lòng mong ước của giai cấp vô sản"- thịnh vượng. Thay mặt giới dân chủ Ba Lan, nhà hoạt động lừng danh của phong trào giải phóng Ba Lan I.Lê-lê-ven đã chào mừng những người cách mạng và dân chủ các nước, bài nói của ông được toàn cuộc họp vỗ tay vang dội hưởng ứng. Trong phần cuối dạ hội Giê-ni Mác đọc thơ. Dạ hội chào đón năm mới được ghi nhận trong bài tường thuật là cuộc biểu dương quan trọng sự lớn mạnh và đoàn kết của các lực lượng dân chủ quốc tế. - 648.
- 281 Trong những số sau của tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung", không thấy có những thông tin về bài báo cáo của Mác "Tiền công là gì". Vào nửa cuối tháng Chạp 1847 Mác đọc nhiều bài giảng tại Hội công nhân Đức về lao động làm thuê và tư bản. Cùng với các tài liệu chuẩn bị khác cho các bài giảng Mác còn soạn sơ thảo bài "Tiền công" (xem Toàn tập, t.6, 1993, tr.719-749). - 648.
- 282 Bài tường thuật có trình bày diễn văn của Mác về tự do buôn bán này được in trên tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung", số 5, ngày 16 tháng Giêng 1848 dưới tiêu đề "Sitzung der demokratischen Gesellschaft am verflossenen Sonntag, den 9 Januar" ("Hội nghị Hiệp hội dân chủ vào chủ nhật vừa qua, 9 tháng Giêng"). Qua báo này Hiệp hội dân chủ đã hai lần (6 và 9 tháng Giêng) thông báo về hội nghị công khai sắp tới, mời những người ủng hộ mình đến nghe "báo cáo của Các Mác về các vấn đề kinh tế chính trị học". Hội nghị đã quyết định xuất bản diễn văn của Mác bằng tiền của Hiệp hội. Bài tin về bài phát biểu của Mác ngày 9 tháng Giêng do Boóc-nơ-stét soạn cũng được in trên tờ "La Réforme" ngày 19 tháng Giêng 1848. Diễn văn của Mác về tự do buôn bán được xuất bản ở Bruy-xen vào đầu tháng Hai 1848 (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.569-590). - 649.
- 283 Bài tường thuật về lễ kỷ niệm lần thứ hai ngày khởi nghĩa Cra-cốp 1846 tổ chức ở Bruy-xen không xuất hiện trên tờ "Deutsche - Brüsseler - Zeitung", vì ra số 17, số cuối cùng của báo này ra ngày 27 tháng Hai 1847. - 654.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

- A-lếch-xan-đrơ* (1777 - 1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825). - 633.
- A-ra-gô* (Arago), Đô-mi-ních Phrăng-xoa (1786 - 1853) - nhà thiên văn học, vật lý học và toán học Pháp nổi tiếng; nhà hoạt động chính trị tư sản; trong thời kỳ chế độ quân chủ tháng Bảy là thành viên viện dân biểu, người phái cộng hoà, năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời, tích cực ủng hộ những kẻ đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản Pa-ri. - 537, 545.
- A-ra-gô* (Arago), Ê-chiên (1803 - 1892) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà dân chủ; năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời, trong đó ông theo phái cộng hoà tư sản; em trai của Đô-mi-ních Phrăng-xoa. - 539.
- A-ri-xtốt* (384-322 trước công nguyên) - nhà tư tưởng vĩ đại thời cổ; trong triết học, ông dao động giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm; nhà tư tưởng của giai cấp chủ nô. - 181.
- Ai-sơ-hoóc-nơ* (Eichhorn), I-ô-han, An-brếch-tơ Phri-đrich (1779 - 1856) - nhà hoạt động nhà nước Phổ; trong những năm 1840 - 1848 là bộ trưởng lễ nghi, giáo dục và y tế. - 265.
- An-be* (1819 - 1861) - hoàng tử xứ Dắc-den - Cô-buốc-Gô-ta, chồng của nữ hoàng Anh Vích-to-ri-a. - 402.
- An-đơc-xơ* (Anders), Au-gu-xơ (La-phlan-đét-xơ) - nhà chính luận Đức, sống lưu vong ở Luân Đôn, thành viên Liên đoàn những người cộng sản; từ cuối năm 1858 là một trong những người lãnh đạo phân hội của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn tại I-xơ-En-đơ. - 604.

Anh-be (Imbert), Giắc (1793 - 1851) - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, tham gia cuộc khởi nghĩa Li-ông năm 1834, trong những năm 1833 - 1834 là chủ bút báo "Peuple Souverain" ở Mác-xây, trong những năm 40 sống lưu vong ở Bỉ, phó chủ tịch Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 627, 627, 638.

Ác-nốt (Arnott), Giôn - nhà hoạt động của phong trào Hiến chương. - 623, 634.

Ác-xê-lanh (Arceclin) - bác sĩ quân y của quân đội Pháp ở An-giê-ri. - 280.

Áp-đơ-e-rơ-Rắc-man (1778 - 1859) - vua Ma-rốc (1822 - 1859). - 279, 550.

Áp-đơ-en-Ca-đê (1808 - 1883) - lãnh tụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân An-giê-ri chống bọn xâm lược Pháp trong những năm 1832 - 1847; năm 1847 bị quân Pháp bắt làm tù binh, năm 1852 ông được phép cư trú ở Xi-ri. - 279, 280, 554, 555.

Át-ti-la (chết năm 453) - lãnh tụ của người Gun (433 - 453). - 479.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích (1820 - 1895) (tư liệu tiểu sử). - 68, 157, 261, 271, 287, 293, 299, 381, 382, 398, 340, 407, 409, 437, 438, 490, 494, 501, 502, 505, 554, 583, 612, 630, 632, 647.

Ăng-ghê-xơ (Anglès), Giuy-lơ (1878 - 1828), bá tước, quận trưởng cảnh sát ở Pa-ri. - 432.

Ăng-gu-lêm (Angoulême), Ma-ri-a-Tê-rê-da Sác-lốt Đờ, công tước phu nhân (1778-1851) - con gái của Lu-i XVI, vợ của công tước Ăng-gu-lêm. - 431.

B

Ba-bốp (Babeuf), Giắc-xơ (tên thật là Phrăng-xoa Nô-en) (1760 - 1797) - nhà cách mạng Pháp, đại biểu kiệt xuất của chủ nghĩa cộng sản bình quân, người tổ chức vụ âm mưu của "phái bình đẳng". - 368, 530.

Ba-cu-nin, Mi-kha-in A-lếch-xan-đrô-vích (1814-1876) - nhà cách mạng, nhà chính luận Nga, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức; về sau là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa dân túy. - 293.

Bar-re (Barère), Béc-tơ-răng (1755 - 1841) - nhà luật học Pháp, nhà hoạt động của cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị quốc ước

thuộc phái Gia-cô-banh; về sau tích cực tham gia cuộc chính biến phản cách mạng tháng Nóng. - 509, 510.

Bau-ơ (Bauer), Bru-nô (1809 - 1882) - nhà triết học duy tâm Đức, một trong những người thuộc phái Hê-ghen trẻ có tiếng tăm, phần tử cấp tiến tư sản, về sau là phần tử dân tộc tự do chủ nghĩa, tác giả một loạt tác phẩm về lịch sử đạo Cơ Đốc. - 68-70, 217, 218, 500-505, 508, 511.

Bau-ơ (Bauer), Êt-ga (1820 - 1886) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, em trai của Bru-nô Bau-ơ. - 294.

Bau-ơ (Bauer), Hen-rích - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân Đức, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, thợ giày; năm 1851 sang Ô-xtrây-li-a sống lưu vong. - 621, 622.

Bâu-rinh (Bowring), Giôn (1792 - 1872) - nhà hoạt động chính trị tư sản Anh, nhà ngôn ngữ học và văn học, chủ trương mâu dịch tự do. - 634.

Ben-ken-đoóc-phơ, A-lếch-xan-đrô Khri-xtô-phô-rô-vích, bá tước (1783 - 1814) - nhà hoạt động nhà nước Nga, người thân cận của Ni-cô-lai I; trong những năm 20 là trưởng hiến binh và Cục trưởng Cục 3. - 275.

Ben-tam (Bentham), I-ê-rê-mi-a (1748 - 1832) - nhà xã hội học tư sản Anh, nhà lý luận của chủ nghĩa duy lợi. - 368.

Béc-gát-xơ (Bergasse), Ni-cô-la (1750 - 1832) - nhà chính luận Pháp theo khuynh hướng quân chủ, nhà trọng nông, luật sư. - 153.

Béc-na (Barnard), G. - người Pháp lưu vong ở Luân Đôn, hội viên Hội "Những người dân chủ anh em". - 550.

Bê-răng-giê (Béranger), Pi-c Giăng (1780 - 1857) - nhà thơ Pháp, nhà dân chủ, tác giả những bài ca trào phúng. - 536.

Béch-cơ (Becker), Au-gu-xơ (1814 - 1871) - nhà chính luận Đức, trong những năm 40 là một trong những người lãnh đạo phái Vai-tinh ở Thụy Sĩ. - 410.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811 - 1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, nhà sử học, nhà hoạt động trong cuộc cách mạng 1848 - 1849, đứng trên lập trường thoả hiệp với giai cấp tư sản. - 539-544, 644.

- Bli-um* (Bluhm), P.- hội viên Hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn. - 550.
- Boóc-nơ* (Bom), Xitê-phan (tên thật là Xi-môn-Bút-téc-min-sơ) (1824-1898) - công nhân sắp chữ Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, trong thời gian cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức ông cộng tác với báo "Neue Rheinische Zeitung" và lãnh đạo Hội "Hữu ái công nhân", là một trong những đại biểu sớm của chủ nghĩa cải lương trong phong trào công nhân Đức; sau cách mạng ông rời bỏ phong trào công nhân. - 612, 614.
- Bôc-stét* (Bornstedt), An-đan-béc (1808 - 1851) - nhà chính luận Đức, người dân chủ tiểu tư sản; thành lập và chủ biên báo "Deutsche - Brüsseler - Zeitung", (1847 - 1848), sau cách mạng tháng Hai 1848 là một trong những người lãnh đạo Hội dân chủ Đức ở Pa-ri, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, bị khai trừ khỏi Liên đoàn vào tháng Ba 1848. - 639.
- Bô-linh-brốc* (Bolingbroke), Hen-ri Xanh-Giôn (1678 - 1751) - nhà triết học thần luận Anh, một trong các thủ lĩnh của đảng To-ri. - 542.
- Bô-na-pác-tơ* - xem *Na-pô-lê-ông I*.
- Bôi-mơ-le* (Baümler), I-ô-xíp Mi-kha-in (khoảng 1778 - 1853) - linh mục Đức, năm 1817 sang Mỹ sống lưu vong, ở đây ông thành lập khu di dân cộng sản ở Doa-rơ (bang Ô-hai-ô). - 308, 309.
- Bôc-kinh-hem* (Buckingham), Giêm-xơ Xin-cơ (1786 - 1855) - nhà văn và nhà du lịch Anh, nghị sĩ. - 311.
- Brây* (Bray), Giôn Phren-xít (1809-1897) - nhà kinh tế học Anh, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, môn đồ của Ô-oen; công nhân nhà in. - 359.
- Brây-ơ* (Breyer), Phri-đrich An-béc-tơ (1812 - 1876) - phân tử tự do chủ nghĩa Đức, trong những năm 40 là thầy thuốc ở Bruy-xen, hội viên Hội dân chủ Bruy-xen. - 649.
- Brôi* (Broglic), Vích-to Phrăng-xoa (1718-1804) - thống chế Pháp, thời kỳ nổ ra cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, ông chỉ huy liên quân phản cách mạng. - 509.
- Brum* (Brougham), Hem-ri Pi-tơ, nam tước (1778 - 1868) - nhà luật học và văn học Anh; trong những năm 20 -30 là nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Vích, thủ tướng (1830 - 1834), - 84.

- Bu-ô-na-rô-ti* (Buonaroti), Phi-líp (1761 - 1837) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào cách mạng ở Pháp cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, nhà cộng sản không tưởng, bạn chiến đấu của Ba-bốp. - 368.
- Bun-den* (Bunsen), Cri-xti-an Các I-ô-đi-a-xơ, nam tước (1791 - 1860) - nhà ngoại giao Phổ, nhà chính luận và thần học Phổ, gần gũi với các đại thần Phổ; đại sứ ở Luân Đôn (1842 - 1854). - 255.
- Buốc-bông* - vương triều ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830). - 412, 423.
- Buy-giô đơ la Pi-công-nơ-ri* (Bugeaud de la Piconnerie), Tô-ma Rô-be (1784 - 1849) - nguyên soái Pháp, người phái Oóc-lê-ăng, tham gia cuộc chiến tranh của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông, chỉ huy quân đội đàn áp cuộc khởi nghĩa cộng hoà ở Pa-ri năm 1834, một trong những người tổ chức các cuộc chiến tranh xâm lược ở An-giê-ri và Ma-rốc, tác giả một loạt tác phẩm về các vấn đề quân sự. - 555.
- Buy-rê* (Buret), O-gien (1810 - 1842) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp. - 86, 88, 103.

C

- Ca-bê* (Cabet), Ê-chiêng (1788 - 1856) - nhà chính luận Pháp, đại biểu có tiếng tăm của chủ nghĩa cộng sản không tưởng hoà bình, tác giả quyển sách "Cuộc hành trình đến I-ca-ri"; trong những năm 1841 - 1849 là chủ bút báo "Populaire". - 168, 368, 530.
- Cai-đơ* (Kaiser), Hen-rích Vin-hem - nhà văn Đức, tác giả quyển sách "Tính chất cá nhân của chế độ sở hữu". - 492.
- Can-crin*, Ê-go Phran-txê-vích (1774 - 1845) - nhà hoạt động nhà nước Nga, bá tước, sinh ra ở Đức, trong những năm 1823 - 1844 là bộ trưởng tài chính. - 275.
- Chi-e* (Thiers), A-đôn-phơ (1797-1877) - nhà sử học và nhà hoạt động nhà nước tư sản Pháp, thủ tướng (1936, 1840); năm 1848 là đại biểu Quốc hội lập hiến, trong những năm 1849 - 1851 là đại biểu Quốc hội lập pháp, thuộc

- phái Oóc-lê-âng; tổng thống nước cộng hoà (1871 - 1873), kẻ tàn sát Công xã Pa-ri. - 551.
- Clavie* (Clavière), Ê-chiên (1735 - 1793) - nhà hoạt động nhà nước Pháp; trong thời gian cuộc cách mạng 1789 - 1794 là đại biểu Quốc hội lập pháp; giữ cương vị bộ trưởng tài chính trong chính phủ Gi-rông-đanh. - 331.
- Clarc* (Clark), Tô-mát - một trong những người lãnh đạo phong trào Hiến chương, hội viên Hội "Những người dân chủ anh em", sau năm 1848 là một phần tử cải lương. - 550, 558.
- Cô-dơ-gác-ten* (Kosegarten), Vin-hem (1792 - 1868) - nhà chính luận phản động Đức, bảo vệ chế độ nông nô và thuyết giáo việc quay trở lại thời trung cổ. - 153.
- Cô-lin-xơ* (Collins), Giôn An-đốc-xơn (1810 - 1879) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, sang Mỹ sống lưu vong, ở đây vào năm 1843 ông thành lập khu di dân cộng sản ở Xke-ni-ten-xơ (bang Niu Oóc). - 312.
- Cô-lum-bô* (Columbo), Cri-xtô-phơ (1451 - 1506), nhà hàng hải kiệt xuất đã phát hiện ra châu Mỹ; phục vụ nước Tây Ban Nha, người gốc Giê-nơ. - 640.
- Côn-xtan-tin Pa-vlô-vích* (1779 - 1831) - đại công tước Nga. - 624.
- Công-tơ* (Comte), Sác-lơ (1782 - 1837) - nhà chính luận tự do chủ nghĩa Pháp, nhà kinh tế học tâm thường Pháp. - 331.
- Công-xi-đê-răng* (Considérant), Vích-to (1808 - 1893), nhà chính luận Pháp, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, học trò và môn đồ của Phu-ri-ê. - 368.
- Cốp-đen* (Cobden), Ri-sốt (1804 - 1865) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tự sản, chủ trương mậu dịch tự do, một trong những người thành lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc. - 387.
- Cre-lơ* (Krell), G. - hội viên Hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn, đại biểu của Thụy Sĩ. - 550.
- Cri-gơ* (Kriege), Héc-man (1820 - 1850) - nhà báo Đức, đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính", vào nửa sau những năm 40 lãnh đạo nhóm "chủ nghĩa xã hội chân chính" Đức ở Niu Oóc, chủ bút báo "Volks - Tribun". - 585.
- Crô-sa* (Crochard) - hạ sĩ quan quân đội Pháp ở An-giê-ri. - 280.

- Cu-ri-ê* (Courier), Pôn Lu-i (1772 - 1825) - nhà ngôn ngữ học và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tự sản; chống thế lực quý tộc và giáo quyền phản động ở Pháp. - 155.
- Cun-man* (Kuhlmann), Ghê-oóc - kẻ chỉ điểm bí mật của Chính phủ Áo; tự nhận xưng là "người tiên tri", tuyên truyền tư tưởng của "chủ nghĩa xã hội chân chính" trong thợ thủ công Đức thuộc phái Vai-tinh ở Thụy Sĩ bằng những lời lẽ tôn giáo. - 410, 586.

Đ

- Da-lăm-be* (D'Alembert), Giăng (1717 - 1783) - nhà triết học và toán học Pháp, một trong những đại biểu có tiếng tăm nhất của phong trào Khai sáng tư sản thế kỷ XVIII. - 542.
- Da-vít Dăng-giê* (David d'Angers), Pi-e Giăng (1788 - 1856) - nhà điêu khắc Pháp, trong những năm 40 tham gia phong trào đòi cải cách chế độ bầu cử. - 537.
- Dau-mơ* (Daumer), Ghê-oóc Phri-đrich (1800 - 1875) - nhà văn Đức, tác giả của những công trình về lịch sử tôn giáo. - 645.
- Đê-da-mi* (Dézamy), Tê-cô-đo (1803 - 1850) - nhà chính luận Pháp, đại biểu có tiếng tăm của khuynh hướng cách mạng trong chủ nghĩa cộng sản không tưởng. - 368.
- Đê-mu-lanh* (Desmoulin), Ca-min (1760 - 1794) - nhà chính luận Pháp, nhà hoạt động của cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, theo cánh hữu phái Gia-cô-banh. - 153.
- Đê-tuyét Đờ Tô-ra-xi* (Destutt de Tracy), Ăng-toan Lu-i Clốt, bá tước (1754 - 1836) - nhà kinh tế học tâm thường Pháp, nhà triết học duy cảm, ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến. - 41, 155, 203.
- Đi-đơ-rô* (Diderot), Đê-ni (1713 - 1784) - nhà triết học Pháp kiệt xuất, đại biểu của chủ nghĩa duy vật cơ giới, người vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp, nhà khai sáng, người đứng đầu nhóm Bách khoa thư. - 542.
- Đi-rích* (Dierig) - chủ nhà máy vải bông ở Lam-ghen-bi-lau (Xi-lê-di). - 288.

- Dích-xơn* (Dixon), Uy-li-am - người tích cực tham gia phong trào Hiến chương, uỷ viên Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc. - 558.
- Đô-lơ* (Dohl), I-ô-han Ban-ta-da - thành viên Liên đoàn những người cộng sản, năm 1847 là phái viên của Liên đoàn ở Hà Lan. - 603-610.
- Đuê-cơ* (Doleke), Héc-man - người tham gia phong trào cách mạng Đức những năm 30 - 40; hội viên hội bí mật "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ. - 404.
- Duy-noa-ê* (Dunoyner), Sác-lơ (1786 - 1862) - nhà kinh tế học tầm thường và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp. - 351.
- Duy-panh* (Dupin), Ăng-đrê Ma-ri Giăng Giắc (1783 - 1865) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng; đại biểu Quốc hội lập hiến (1848 - 1849). - 554.
- Duy-pông đơ l'Ô-ro* (Dupont de l'Eure), Giắc Sác-lơ (1767 - 1855) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử tự do chủ nghĩa; tham gia cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII và cuộc cách mạng năm 1830; trong những năm 40 gần gũi với những người cộng hoà tư sản ôn hoà; năm 1848 là chủ tịch chính phủ lâm thời. - 545.
- Duy-vây-ri-ê* (Duveyrer), Sác-lơ (1803 - 1866) - nhà trước tác và luật sư Pháp theo phái Xanh-Xi-mông. - 351.

E

- Ê-béc* (Hébert), Giắc Rơ-nê (1757-1794) - nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ của cánh tả trong phái Gia-cô-banh. - 368.
- Ê-si-lơ* (525 - 456 trước công nguyên) - nhà viết kịch Hy Lạp cổ đại kiệt xuất, tác giả của những vở bi kịch cổ điển. - 186.
- Ê-ca-tê-ri-na II* (1729 - 1796) - nữ hoàng Nga (1762 - 1796). - 633.
- Ê-li-da-bét* (Elisabeth) (1801 - 1873) - vợ của Phri-đrích-Vin-hem IV, hoàng hậu Phổ. - 250, 252, 402.

G

- Ga-nin* (Ganith), Sác-lơ (1758 - 1836) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị Pháp, hậu bối của chủ nghĩa trọng thương. - 155.
- Gay* (Gay), Giuy-lơ (1807 - sau 1876) - người cộng sản không tưởng Pháp. - 368.
- Gác-ni-ê* (Garnier), Giéc-manh (1754 - 1821) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị Pháp, người phái bảo hoàng; hậu bối của trường phái trọng nông; người dịch và phê bình A.Xmít. - 364.
- Ghi-dô* (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787 - 1874) - nhà sử học và nhà hoạt động nhà nước tư sản Pháp, từ năm 1840 đến cách mạng tháng Hai 1848 thực tế lãnh đạo chính sách đối nội và chính sách đối ngoại, biểu hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính. - 551, 552, 556.
- Ghi-nan* (Ginal) - linh mục Đức ở Phi-la-đen-phi-a, người thành lập khu di dân cộng sản ở Pen-xin-va-ni-a. - 312.
- Ghíp-xơn* (Gibson) - công nhân xây dựng ở Man-se-xtơ. - 392.
- Giô-tơ-răng* (Jottrand), Luy-xi-ên Lê-ô-pôn-đơ (1804 - 1877) - nhà luật học và nhà chính luận Bỉ, trong những năm 40 là người dân chủ tiểu tư sản; chủ tịch Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 627, 638.
- Giôn-xơ* (Jones), Êc-ne-xtơ Sác-lơ (1819 - 1869) - nhà hoạt động kiệt xuất của phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ của cánh tả trong phong trào Hiến chương; hội viên Hội "Những người dân chủ anh em", có quan hệ bạn bè với Mác và Ăng-ghe-n. - 550, 558, 624, 625.
- Giôn-xơn* (Johnson) - công nhân xây dựng ở Man-se-xtơ. - 395.
- Gốt-uy-n* (Godwin), Uy-li-am (1756 - 1836) - nhà văn và nhà chính luận tiểu tư sản Anh, theo chủ nghĩa duy lý, một trong những thủy tổ của chủ nghĩa vô chính phủ. - 368.
- Gơ-tơ* (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. - 210, 212.

- Gruyn* (Grün), Các (1817 - 1887) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, vào giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chủ yếu của "chủ nghĩa xã hội chân chính". - 581 - 585, 606, 607, 613.
- Grúp-pê* (Gruppe), Ốt-tô Phri-đrich (1804 - 1876) - nhà chính luận và nhà triết học duy tâm Đức, năm 1842 ra tác phẩm đả kích B.Bau-ơ. - 218.
- Gu-rốp-xki* (Gurowski), A-đam, bá tước (1805 - 1866) - nhà chính luận Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831, chạy sang phía chế độ Nga hoàng; từ năm 1849 sống lưu vong ở Mỹ, trong những năm 50 cộng tác với báo "New York Daily Tribune". - 270, 271.
- Guy-lích* (Gulich), Gu-xtáp (1791 - 1847) - nhà kinh tế học và sử học tư sản Đức, chủ trương thi hành thuế quan có tính chất cấm đoán. - 523.

H

- Ha-lơ* (Haller), Các Lút-vích (1768 - 1854) - nhà luật học và nhà sử học Thụy Sĩ. Bào chữa cho chế độ nông nô và chế độ quân chủ chuyên chế. - 153.
- Hai-đê* - xem *Vôn-phơ*, Vin-hen.
- Hai-nơ-txen* (Heinzen), Các (1809 - 1880) - nhà chính luận Đức theo khuynh hướng cấp tiến, nhà dân chủ tiểu tư sản chống Mác và Ăng-ghen. - 615.
- Han-tơ* (Hunt), Tô-mát - nhà xã hội chủ nghĩa Anh, thành lập khu di dân cộng sản ở bang Uy-xcon-xin. - 313.
- Hác-ni* (Harney), Gioóc-giơ Giu-li-an (1817 - 1897) - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân Anh, một trong những lãnh tụ của cánh tả trong phong trào Hiến chương; chủ bút báo "Northern Star" và những ấn phẩm khác của phái Hiến chương, hội viên Hội "Những người dân chủ anh em", có quan hệ bạn bè với Mác và Ăng-ghen. - 547, 550, 558, 561, 629, 632.
- Hen-phri* (Henfrey) - người thầu xây dựng ở Man-se-xtơ. - 382, 383, 384, 387, 400.
- Hen-vê-ti-út* (Helvétius), Clốt A-đri-ăng (1715-1771) - nhà triết học Pháp kiệt xuất, đại biểu của chủ nghĩa duy vật cơ giới, nhà vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp. - 368.

- Hét-xơ* (Heß), Mô-de-xơ (1812 - 1875) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, vào giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chủ yếu của "chủ nghĩa xã hội chân chính". - 68, 173, 639.
- Hê-ghen* (Hegel), Ghê-óc Vin-hem Phri-đrich (1770 - 1831) - đại biểu lớn nhất của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, đã nghiên cứu toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm; nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. - 69, 79, 217, 219-229, 235-246, 320, 491, 502.
- Hi-đơ-bi* (Hizby) - chủ xưởng sắt ở Pít-xbua (bang Ô-hai-ô). - 312.
- Hen-đích* (Hilditch), Ri-sốc - nhà kinh tế học tư sản Anh giữa thế kỷ XIX. - 358.
- Hin-rích* (Hinrichs), Héc-man Phri-đrich Vin-hem (1794 - 1861) - giáo sư triết học Đức, thuộc phái Hê-ghen cánh hữu. - 501.
- Hoóc-nơ-su* (Hornsuh) - thành viên của Liên đoàn những người chính nghĩa, thuộc phái Vai-tlinh; phái viên ở Thụy Sĩ. - 616.
- Hôn-bắc* (Holbach), Pôn Ăng-ri (1723 - 1789) - nhà triết học Pháp kiệt xuất, đại biểu của chủ nghĩa duy vật cơ giới, nhà vô thần, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp thế kỷ XVIII; tác giả quyển sách "Hệ thống giới tự nhiên". - 368.
- Hôn-mơ* (Holm), Pê-tơ - nhà xã hội chủ nghĩa Đan Mạch; hội viên Hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn. - 550.
- Hốp-man* (Hoffmann), Mác - người tham gia phong trào cách mạng Đức những năm 30 - 40; hội viên Hội bí mật "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ. - 404.
- Hốp-man Phôn Pha-léc-xlê-ben* (Hoffmann Von Pallerleben), Au-gu-xtơ Hen-rích (1798 - 1874) - nhà thơ và nhà ngôn ngữ học tư sản Đức. - 266.

I

- I-u-rơ* (Ure), En-đriu (1778 - 1857) - nhà hoá học Anh, nhà kinh tế học tầm thường, thuộc phái mậu dịch tự do. - 355.

K

Kê-nê (Quesnay), Phrăng-xoa (1694 - 1774) - nhà kinh tế học vĩ đại Pháp, thành lập trường phái trọng nông; thầy thuốc. - 159, 652.

Khuê-slin (Köchlin) - chủ xưởng kéo sợi ở E-xlin-ghe (Vuyéc-tem-béc-go); chủ trương bảo hộ mậu dịch. - 359.

Kin (Keen), Sác-lơ - người tham gia phong trào Hiến chương, một trong những người lãnh đạo Hội "Những người dân chủ anh em", về sau là uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I. - 550, 558.

L

La-ca-vơ-La-pla-nhơ (Lacave -Laplagne), Giăng Pi-e Giô-dép (1795-1849) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, người phái bảo hoàng; trong những năm 1842 - 1847 là bộ trưởng tài chính. - 552, 554.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790 - 1869) - nhà thơ, nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Pháp; trong những năm 40 là người cộng hoà tư sản; năm 1848 là bộ trưởng ngoại giao và thực tế là người đứng đầu chính phủ lâm thời. - 536.

La-mơ-ne (Lamennais), Phê-li-xi-tê (1782 - 1854) - tu viện trưởng người Pháp, nhà chính luận, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo. - 545.

La-phít-tơ (Laffitte), Giắc (1767 - 1844) - chủ ngân hàng lớn và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính. - 277 - 279.

Lan-xi-dô-lê (Lancizolle), Các Vin-hem (1796 - 1871) - nhà luật học Đức, tác giả những công trình về lịch sử nhà nước Đức. - 153.

Lao-dôn (Loudon), Sác-lơ (1801 - 1844) - thầy thuốc người Anh, uỷ viên uỷ ban điều tra điều kiện lao động ở công xưởng. - 86.

Le-xơ (Leske), Các Vin-hem - nhà buôn sách và nhà xuất bản Đức trong những năm 40 - 50 thế kỷ XIX. - 409.

Lê-lê-ven (Lelewel), I-oa-khim (1786 - 1861) - nhà sử học và nhà hoạt động cách mạng Ba Lan kiệt xuất; tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831, một trong những lãnh tụ của cánh dân chủ trong giới lưu vong Ba Lan, trong những năm 1847 - 1848 là uỷ viên uỷ ban Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 627, 638, 654.

Lê-ô (Leo), Hen-rích (1799 - 1878) - nhà sử học và nhà chính luận Đức, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp quý tộc địa chủ Phổ. - 153.

Lê-ôn (Leon) hoặc Mui-lơ (Muller), Bê-ri-hác, bá tước - người Đức định di cư ở Mỹ; vào đầu những năm 30 thành lập khu di dân "Giê-ru-xa-lem mới" ở Phi-líp-xbuc. - 306.

Li-sơ (Leach), Giêm-xơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, thợ dệt; một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1842 ở Lan-kê-sia, bạn của Ăng-ghe. - 387.

Li-xơ (List), Phri-đrich (1789 - 1846) - nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức, tuyên truyền chính sách bảo hộ mậu dịch cực đoan. - 323-345, 351, 353, 356-360, 363, 367.

Luy-bli-nơ (Lubliner), Lút-vích - nhà cách mạng Ba Lan, luật sư, năm 1848 sống lưu vong ở Bruy-xen. - 654.

Lô (Law), Giôn (1671 - 1729) - nhà kinh tế học và nhà tài chính tư sản Anh, bộ trưởng tài chính ở Pháp (1719 - 1720); nổi tiếng do hoạt động đầu cơ phát hành tiền giấy, kết thúc bằng sự đổ vỡ hoàn toàn. - 455.

Lô-đéc-đan (Lauderdale), Giêm-xơ, bá tước (1759 - 1839) - nhà hoạt động chính trị và nhà kinh tế học tư sản Anh; phê phán lý luận của A.Xmít trên lập trường kinh tế chính trị học tầm thường. - 189.

Lơ-cléc (Leclerc), Tê-ô-phin (sinh năm 1771) - nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII; một trong những lãnh tụ của trào lưu "phái người điên" biểu hiện lợi ích của những tầng lớp lao động nghèo nhất ở thành thị và nông thôn. - 368.

- Lơ-druy-Rô-lanh* (Ledru - Rollin), A-lếch-xăng-đơ Ô-guy-xtơ (1807 - 1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những thủ lĩnh của phái dân chủ tiểu tư sản, chủ bút báo "Réforme", năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời. - 533, 536-540.
- Lu-ca-xơ* (Lucas), T. - nhà dân chủ, tham gia cuộc mít-tinh quốc tế ngày 29 tháng Mười 1847 ở Luân Đôn kỷ niệm lần thứ 17 cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831. - 629.
- Lu-i XI* (1423 - 1483) - vua Pháp (1461 - 1483). - 541, 544.
- Lu-i-Phi-líp* (1773 - 1850) - công tước thuộc dòng họ Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830 - 1848). - 101, 277, 278, 294, 539, 544, 555, 556, 626, 628.
- Lu-the* (Luther), Mác-tin (1483 - 1546) - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào cải cách tôn giáo, người thành lập giáo phái Tin lành (giáo phái Lu-the) ở Đức; nhà tư tưởng của giới thị dân Đức. - 157, 158.
- Lun-tơ-béc* (Luntberg) - hội viên Hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn, đại biểu của các nước vùng Xcan-đi-na-vơ. - 550.
- Luy-nô* (Lunceau), Xê-ba-xchiên (1800 - 1880) - nhà hoạt động nhà nước Pháp; trong những năm 1831 -1848 là thành viên Viện dân biểu. - 554.
- Lút-vích I* (1786 - 1868) - vua xứ Ba-vi-e (1825 - 1848). - 268, 272.

M

- Ma-bly* (Mably), Ga-bri-en (1709 - 1785) - nhà xã hội học Pháp kiệt xuất, đại biểu của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng. - 368.
- Ma-da-ni-e-lô* (Masaniello) (biệt danh Tô-ma-dô A-ni-e-lô) (1620 - 1647) - lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Na-plơ năm 1647 chống ách thống trị Tây Ban Nha. - 537.
- Ma-lê đuy Păng* (Mallet du Pan hoặc Mallet Dupan), Giắc (1749 - 1800) - nhà chính luận Pháp, tác giả những hồi ký lịch sử. - 412.
- Ma-rơ* (Marr), Vin-hem (1819 - 1904) - nhà chính luận và nhà báo tiểu tư sản Đức. Một trong những người lãnh đạo hội bí mật ""Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ, chủ bút báo "Blätter der Gegenwart für sociales Leben". - 404, 406, 409, 600.

- Man-tút* (Malthus), Tô-mát Rô-bóc (1766 - 1834) - linh mục Anh, nhà kinh tế học, nhà tư tưởng của giai cấp quý tộc địa chủ tư sản hoá, bào chữa cho chủ nghĩa tư bản, tuyên truyền thuyết nhân khẩu chống lại loài người. - 189.
- Manh-xơ* (Maynz), Các Gu-xtáp (1812 - 1882) - nhà luật học Đức, giáo sư Trường đại học tổng hợp Bruy-xen, hội viên Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 638.
- Mác* (Marx), Các (1818 - 1883) (tư liệu tiểu sử). - 67, 68, 71, 411, 434, 500-505, 530, 571, 613, 623-629, 638, 648-652, 654.
- Mác-san* (Marshall), Giôn (1783 - 1841) - nhà kinh tế học và thống kê học Anh. - 100.
- Mác-ti-nô* (Martineau), Ha-ri-ét (1802 - 1876) - nữ văn sĩ tư sản Anh, tuyên truyền thuyết Man-tút. - 311.
- Mắc-Cu-lóc* (Macculloch), Giôn Ram-xi (1789 - 1864) - nhà kinh tế học tư sản Anh, tâm thường hoá học thuyết kinh tế của Ri-các-đô, cuồng nhiệt bào chữa cho chủ nghĩa tư bản. - 11, 155, 330-333, 358.
- Men-ten* (Mentel), Cri-xi-an Phri-đrich (sinh năm 1812) - thợ may Đức, thành viên Đồng minh những người chính nghĩa; trong những năm 1846 - 1847 bị Phổ cầm tù về vụ Đồng minh này. - 584, 588.
- Mét-téc-ních* (Metternich), Clê-men-xơ, công tước (1773 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo; bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1821) và thủ tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức Liên minh thần thánh. - 255, 627, 642.
- Mê-li-nê* (Mellinet), Phrăng-xoa (1768 - 1852) - tướng Bỉ, gốc Pháp; tích cực tham gia cuộc cách mạng tư sản Bỉ năm 1830 và phong trào dân chủ ở Bỉ, chủ tịch danh dự của Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 627, 638.
- Mê-li-sơ* (Melish), Giôn (1771 - 1822) - nhà văn, nhà địa lý và nhà du lịch Anh; đã đến thăm và mô tả những khu di dân cộng sản ở Bắc Mỹ. - 311.
- Mê-lo* (Mellor) - công nhân xây dựng ở Man-se-xtơ. - 391.
- Mi-ê-rô-xtáp-xki* (Microslawski), Lút-vích (1814 - 1878) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831; tham

- gia chuẩn bị cuộc khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1846, được cách mạng tháng Ba 1848 ở Đức giải phóng khỏi nhà tù. - 632, 634.
- Mi-ra-bô* (Mirabeau), Ô-nô-rê Ga-bri-en (1749 - 1791) - nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, biểu hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc tư sản hoá. - 331.
- Mi-sơ-lô* (Michelot), Gi.A. - người dân chủ Pháp, hội viên hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn. - 550, 625.
- Min* (Mill), Giêm-xơ (1773 - 1836) - nhà kinh tế học và nhà triết học tư sản Anh, tâm thường hoá lý luận của Ri-các-đô, đồng thời từ lý luận đó đã rút ra một số kết luận cấp tiến. - 11, 13, 30, 31, 51, 61, 148, 155, 159, 193, 194, 203-206, 333, 358, 359.
- Min-ton* (Milton), Giôn (1608 - 1674) - nhà thơ và nhà chính luận Anh kiệt xuất, tham gia cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII. - 542.
- Mô-đơ* (Maude), Đa-ni-en - thẩm phán hoà giải ở Man-se-xtơ. - 385-394, 399.
- Mô-lê* (Molé), Lu-i Ma-ti-ơ, bá tước (1781 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, thủ tướng (1836 - 1837, 1837 - 1839), trong những năm 1848 - 1851 là một trong những thủ lĩnh của "đảng trật tự" bảo thủ - bảo hoàng. - 551.
- Mô-ren-li* (Morelly) (thế kỷ XVIII) - đại biểu kiệt xuất của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng ở Pháp. - 368.
- Mô-rơ-lê* (Morellet), Ăng-đrê (1727 - 1819) - tu viện trưởng, nhà trước tác và nhà triết học Pháp, tác giả của một loạt tác phẩm kinh tế học. - 412.
- Môn* (Moll), I-ô-đép (1813 - 1849) - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân Đức và quốc tế, thợ đồng hồ, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản. - 582, 600, 621, 622, 634.
- Môn-cơ* (Monk) - nhà luật học Anh. - 391 - 394.
- Muê-đơ* (Möser), I-u-xtút (1720 - 1794) - nhà sử học và chính luận Đức, biểu hiện lợi ích của giai cấp tư sản bảo thủ Đức. - 153.

- Muy-lơ* (Muller), Vin-hem (bút danh Vôn-phơ-găng *Muy-lơ Phôn Khuê-ních-xvin-tơ*) (1816 - 1873) - nhà thơ Đức, trong những năm 40 là bác sĩ ở Đuyt-xen-đoóc-phơ. - 294.

N

- Na-pô-lê-ông I* Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815). - 330-331, 361, 363, 412, 536, 633, 642.
- Nau-véc* (Nauwerck), Các (1810 - 1891) - nhà chính luận Đức, giảng viên Trường đại học tổng hợp Béc-lin, thuộc nhóm "Những người tự do" phái Hê-ghen trẻ. - 265.
- Ni-cô-lai I* (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1855). - 255, 265, 268-271, 275.

O

- Oa-le-xơ* (Wallace), Uy-li-am (khoảng 1270 - 1305) - lãnh tụ cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc của nhân dân Xcốt-len chống ách thống trị của Anh. - 279.
- Oen-lin-ton* (Wellington) Ác-tua *Oen-xly*, công tước (1769 - 1852) - tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước Anh, người đảng To-ri; thủ tướng (1828 - 1830), bộ trưởng ngoại giao (tháng Chạp 1834 - 1835). - 562.
- Oóc-lê-ăng* - vương triều ở Pháp (1830 - 1848). - 279.
- Ô-boóc-xki* (Oborski), Lút-vích (1787 - 1873) - người Ba Lan lưu vong chính trị ở Luân Đôn, hội viên hội "Những người dân chủ anh em". - 550, 633.
- Ô-man-xki*, Hăng-ri Ô-gien Phi-líp Lu-i họ Oóc-lê-ăng, công tước (1822-1897) - con trai của vua Pháp Lu-i-Phi-líp. - 279, 554, 555.
- Ô-oen* (Owen), Rô-bóc (1771 - 1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh vĩ đại. - 169, 306, 313, 368, 375, 411, 436, 530.
- Ô-ti-on* - xem *Ta-lây-răng Pê-ri-go*.

P

- Pan-móc-xton* (Palmerston), Hen-ri Giôn *Tem-plơ*, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lúc bắt đầu hoạt động là người đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh của đảng Vích, dựa vào các phần tử hữu khuynh của đảng này, bộ trưởng ngoại giao (1830 - 1834, 1835 - 1841 và 1846 - 1851). - 556, 627.
- Pê-le-rinh* (Pellerin), Giăng (1817 - 1877) - người tham gia tích cực phong trào công nhân ở Bỉ, hội viên Hội dân chủ ở Bruy-xen; thợ giấy. - 639
- Pê-li-xơ* (Pelisse) - thượng sĩ quân đội Pháp ở An-giê-ri. - 280.
- Pê-téc-sen* (Petersen), Nin-xơ (Ni-cô-lai), Lô-ren-txô (1814 - 1894) - nhà hoạt động của phong trào công nhân quốc tế; trong những năm 40 là người thuộc phái Vai-tinh, sau đó là thành viên Liên đoàn những người cộng sản. - 616.
- Pécch-cơ* (Pecqueur), Công-xtăng-tanh (1801 - 1887) - nhà kinh tế học Pháp, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng. - 85, 101.
- Pécch-ki-ô* (Pecchio), Giu-dép-pê (1785 - 1835) - nhà văn và nhà hoạt động xã hội I-ta-li-a, tác giả một loạt tác phẩm về lịch sử và về kinh tế chính trị học. - 330, 331.
- Pha-xen* (Fusel), Giôn - một trong những người lãnh đạo phái Hiến chương ở Bóc-minh-hêm. - 558.
- Phai-nơ* (Fein), Ghê-oóc (1803 - 1869) - người tham gia phong trào cách mạng Đức những năm 30 - 40; hội viên hội bí mật "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ. - 404.
- Phê-ri-ê* (Ferrier), Phrăng-xoa Lu-i Ô-guy-xơ (1777 - 1861) - nhà kinh tế học tư sản tâm thường Pháp, hậu bối của chủ nghĩa trọng thương. - 329, 362-367.
- Phin-kê* (Vincke), Phri-đrich Vin-hem Lút-vích Phôn, nam tước (1774 - 1844) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, tác giả quyển sách về chế độ sở hữu ruộng đất. - 153.
- Phin-sơ* (Finch), Giôn - nhà du lịch và nhà báo Anh, môn đồ của Ô-oen. - 301, 306, 309, 310.

- Phlô-công* (Flocon), Phéc-đi-năng (1800 - 1866) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những chủ bút báo "Réforme"; năm 1848 là thành viên chính phủ lâm thời. - 539, 544, 545.
- Phoi-ơ-bắc* (Feuerbach), Lút-vích (1804 - 1872) - nhà triết học duy vật Đức lớn nhất thời kỳ trước Mác. - 68-71, 179, 218-222, 237, 293, 320, 370-375, 376, 407, 435, 496-499, 501, 506, 508.
- Phoóc-xen* (Forssell), Các Đa-ni-en - thành viên Liên đoàn những người cộng sản ở Thụy Điển, tác giả cuốn sách "Chủ nghĩa cộng sản và đạo Cơ Đốc". - 605.
- Phrăng-xoa đờ Nơ-sa-tô* (Francois de Neufchâteau), Ni-cô-la - Lu-i - Phrăng-xoa, bá tước (1750 - 1828) - nhà hoạt động nhà nước Pháp; lãnh đạo bộ nội vụ trong thời kỳ Hội đồng chấp chính. - 412.
- Phri-đrich* (1821 - 1847) - đại công tước Áo. - 402.
- Phri-đrich Vin-hem IV* (1795-1861) - vua Phổ (1840-1861). - 250-255, 265, 266, 284, 285, 401, 402.
- Phu-ri-ê* (Fourier), Sác-lơ (1772 - 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp vĩ đại. - 163, 368, 411, 435-440, 442, 446, 461-466, 469-474, 479, 481-494, 530.
- Phun-kê* (Funke), Ghê-oóc Lút-vích Vin-hem - nhà thần học Đức, thuộc phái Hê-ghen cánh hữu. - 153.
- Pi-các* (Picard), An-be - luật sư và nhà hoạt động chính trị Bỉ, hội viên Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 627, 638.
- Pi-linh* (Pilling), Ri-sóc (sinh năm 1800) - công nhân Man-se-xơ, thuộc phái Hiến chương; năm 1842 là một trong những lãnh đạo cuộc bãi công ở A-stôn và Xtây-li-brit-giê (miền nam Lan-kê-sia). - 386.
- Pin* (Peel), Rô-bóc (1788 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh phái ôn hòa của đảng To-ri, thủ tướng (1834 - 1835, 1841 - 1846), với sự ủng hộ của các phần tử tự do chủ nghĩa, ông đã thông qua được việc huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc (1846). - 387.
- Pin-da-rơ* (khoảng 522 - khoảng 442 trước công nguyên) - nhà thơ trữ tình cổ Hy Lạp, tác giả các bài tụng ca long trọng. - 355.

- Pít-két-li* (Pitkethley), Lâu-ren-xơ - nhà du lịch Anh; vào đầu những năm 40 đã tham quan khu di dân cộng sản của người Sây-cơ (bang Niu Oóc). - 804.
- Pô-linh* (Pauling) - người thầy xây dựng ở Man-se-xơ. - 382, 384, 388 - 400.
- Pô-sơ* (Pohse), K. - hội viên Hội "Những người dân chủ anh em" ở Luân Đôn, đại biểu của nước Nga. - 550.
- Pơ-sê* (Peuchet), Giắc (1758 - 1830) - nhà văn và nhà kinh tế học Pháp, người theo chủ nghĩa chính thống, trong thời kỳ Phục tích cương vị người bảo quản tài liệu lưu trữ của sở cảnh sát Pa-ri, - 411, 415, 427, 432, 433.
- Pơ-ti* (Petit) - nhân viên thu thuế ở Coóc-lây. - 552, 553.
- Pơ-ti-găng* (Petitgand) - sĩ quan quân đội Pháp ở An-giê-ri. - 280.
- Pru-đông* (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) - nhà chính luận, nhà kinh tế học và nhà xã hội học người Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những thủy tổ của chủ nghĩa vô chính phủ, năm 1848 là đại biểu Quốc hội lập hiến. - 82, 142, 143, 163, 194, 198, 200, 368, 492, 581, 612, 613.
- Puyt-man* (Püttmann), Héc-man (1811 - 1894) - nhà thơ và nhà báo cấp tiến Đức, vào giữa những năm 40 là một trong những đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính". - 409, 410.

R

- Rau-sen-plát* (Rauschenplatt), I-ô-han Êc-ne-xơ Héc-man Phôn (1807 - 1868) - người Đức sống lưu vong ở Thụy Sĩ, hội viên hội bí mật "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ. - 404.
- Ráp-pơ* (Rapp), I-ô-han Ghê-oóc (1757 - 1847) - nhà truyền giáo Đức, người thành lập các khu di dân cộng sản ở Bắc Mỹ. - 304-308.
- Ri-các-đô* (Ricardo), Đa-vít (1772 - 1823) - nhà kinh tế học Anh, đại biểu lớn nhất của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển. - 11, 31, 61, 102, 149, 155, 159, 189, 191, 206, 333, 334, 357, 358, 362, 651.
- Ri-đen* (Riedel), Ri-hác-đơ - công nhân dán tường người Đức, sống lưu vong ở Bruy-xen, hội viên Hội công nhân Đức; từ năm 1847 là thành viên Liên đoàn những người cộng sản. - 639.

- Ri-pli* (Ripley), Gioóc-giơ (1802 - 1880) - linh mục giáo phái thống nhất Mỹ, năm 1842 thành lập khu di dân và trường học ở Brúc Phác-mơ (bang Ma-xa-chu-xét). - 312.
- Ri-sơ-li-ơ* (Richelieu), Ác-măng Giăng *Duy Ple-xi*, công tước (1585 - 1642) - nhà hoạt động nhà nước lớn nhất của Pháp thời kỳ chế độ quân chủ chuyên chế, hồng y giáo chủ. - 541.
- Rít* (Read) - công nhân xây dựng ở Man-se-xơ. - 398.
- Rô-bốt* (Roberts), Uy-li-am Prau-tinh (1806-1871) - nhà luật học Anh, gắn bó với phong trào Hiến chương và phong trào công liên. - 390-396,398.
- Rôn-ngơ* (Ronge), I-ô-han-nét (1813 - 1887) - linh mục Đức, một trong những người khởi xướng phong trào của những "tín đồ Thiên chúa giáo Đức" tìm cách làm cho đạo Thiên chúa thích nghi với nhu cầu của giai cấp tư sản Đức. - 407.
- Rốt-xen* (Russell), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852). - 267, 558.
- Ru* (Roux), Giắc (1752 - 1794) - nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của trào lưu "phái người điên" biểu hiện lợi ích của những tầng lớp lao động nghèo nhất ở thành thị và nông thôn. - 368.
- Rút-xơ* (Rousseau), Giăng Giắc (1712 - 1778) - nhà khai sáng Pháp kiệt xuất, nhà đàn chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản. - 418, 511, 542.

S

- Sa-bê-lít-xơ* (Schabelitz), Gia-cốp (1827 - 1899) - người xuất bản và buôn sách Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến tư sản; hội viên Hội "Những người dân chủ anh em", trong những năm 1845 - 1848 ở Luân Đôn, có quen biết Mác và Ăng-ghe-n. - 550.
- Sa-tô-bri-ăng* (Chateaubriand), Phrăng-xoa Rê-nơ, tử tước *Đờ* (1768 - 1848) - nhà văn Pháp nổi tiếng, nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động. - 536.

Sác-lơ I (1600 - 1649) - vua Anh (1625 - 1649), bị hành quyết trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII. - 561.

Sáp-pơ (Schapper), Các (1812 - 1870) - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người lãnh đạo của Liên đoàn những người chính nghĩa, hội viên Hội "Những người dân chủ anh em" và uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849; năm 1850 là một trong những thủ lĩnh của nhóm "tả" bèn phái trong thời gian Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt; năm 1856 lại làm thân với Mác; uỷ viên Tổng Hội đồng của Quốc tế I. - 522, 550, 578, 597, 600, 621, 622, 628, 634.

Sáp-xơ (Sharps) - thành viên hăng xây dựng Pô-linh ở Hen-phri. - 396, 397.

Séc-buy-li-ê (Cherbuliez), Ăng-toan Ê-li-dê (1797 - 1869) - nhà kinh tế học Thụy Sĩ, môn đồ của Xi-xmôn-đi, kết hợp lý luận của Xi-xmôn-đi với các yếu tố của lý luận Ri-các-đô. - 333, 358.

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564-1616) - nhà văn Anh vĩ đại. - 210-214.

Sép-xbe-ri (Shaftesbury), An-tô-ni, bá tước (1671 - 1713) - nhà triết học - đạo đức học Anh, đại biểu có tiếng tăm của chủ nghĩa thần luận; nhà hoạt động chính trị, đảng viên đảng Vích, nghị sĩ. - 542.

Si-lơ - xem *Sáp-pơ*, Các.

Smít (Schmidt), Xi-môn - công nhân thuộc da Đức, một trong những người tổ chức Liên đoàn những người chính nghĩa, đứng về phía Vai-tlinh. - 410.

Sơ-va-li-ê (Chevalier), Mi-sen (1806 - 1879) - kỹ sư, nhà kinh tế học và nhà chính luận Pháp, trong những năm 30 thuộc phái Xanh - Xi-mông, về sau là người thuộc phái mậu dịch tự do. - 155, 191, 351.

Stai-nơ (Stein), Lo-ren-tơ (1815 - 1890) - nhà luật học Đức, nhà nghiên cứu nhà nước, mật thám của Chính phủ Phổ. - 436, 492.

Stai-nơ-man (Steinmann), Phri-đrich, Ác-nôn (1801 - 1875) - nhà chính luận và nhà trước tác Đức, tác giả quyển sách "Những bức tranh biếm họa và những bóng dáng của thế kỷ mười chín". - 267.

Stan-dau (Standau), Giu-li-út - thầy giáo Đức, tham gia phong trào dân chủ những năm 30 - 40 ở Đức; một trong những người lãnh đạo hội bí mật "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ. - 404.

Stiéc-vơ (Stirner), Ma-khơ (bút danh Ca-xpa Smít) (1806 - 1856) - nhà triết học Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản và chủ nghĩa vô chính phủ. - 507-511.

Stơ-rau-xơ (Strauß), Đa-vít Phri-đrich (1808-1874) - nhà triết học và chính luận Đức, một trong những người nổi tiếng thuộc phái Hê-ghen trẻ. - 217, 268.

Sun-tơ (Schulz), Vin-hem (1797 - 1860) - nhà chính luận Đức, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849, thuộc cánh tả trong Quốc hội Phran-phước. - 83, 100, 105.

T

Ta-lây-răng - Pê-ri-go (Talleyrand - Périgord), Sác-lơ Mô-ri-xơ, công tước (1754 - 1838) - nhà ngoại giao Pháp nổi tiếng, bộ trưởng ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807, 1814 - 1815), đại biểu của Pháp tại Đại hội Viên (1814 - 1815); cực kỳ vô nguyên tắc trong chính trị và có thói cực kỳ háms lợi. - 510.

Tê-de-xcô (Tedesco), Vích-to (1821 - 1897) - luật sư Bỉ, nhà dân chủ và nhà xã hội chủ nghĩa cách mạng, tham gia phong trào công nhân, một trong những người thành lập Hội dân chủ ở Bruy-xen; trong những năm 1847 - 1848 gần gũi với Mác và Ăng-ghen. - 631, 632.

U

Uê-xơ (West), Giôn - một trong những người lãnh đạo phái Hiến chương ở Ma-clo-xphin-đơ. - 558.

Uyn-xơn (Wilson), I-xác - người tham gia phong trào Hiến chương trong những năm 40. - 634.

V

Va-lau (Wallau), Các (1823 - 1877) - người Đức sống lưu vong ở Bruy-xen, năm 1848 là uỷ viên Ban chấp hành Liên đoàn những người cộng sản, chủ tịch Liên đoàn giáo dục công nhân Ma-in-xơ; về sau là thị trưởng Ma-in-xơ. - 639, 654.

Vai-tinh (Weitling), Vin-hem (1808 - 1871) - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ nó mới ra đời, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng; thợ may. - 68, 410, 437, 438, 530, 581, 606, 611, 614.

Vanh-xăng (Vincent) - người tham gia phong trào công nhân Pháp trong những năm 40; một trong những người lãnh đạo cuộc bãi công của thợ mộc Pa-ri năm 1845. - 402.

Ven-cơ (Welcker), Các Tê-ô-đo (1790 - 1869) - nhà luật học, nhà chính luận tự do chủ nghĩa Đức; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phước, thuộc phái giữa thiên hữu. - 267.

Véc-thơ (Weerth), Ghê-oóc (1822 - 1856) - nhà thơ và nhà chính luận vô sản Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, trong những năm 1848 - 1849 là một trong những chủ bút của báo "Neue Rheinische Zeitung" bạn của Mác và Ăng-ghen. - 627, 638.

Vi-lơ-gác-den (Villegardelle), Phrăng-xoa (1810 - 1856) - nhà chính luận Pháp, người thuộc phái Phu-ri-ê, về sau là người cộng sản không tưởng. - 168.

Vin-hem I (1781 - 1864) - vua Vuyéc-tem-béc-gơ (1816 - 1864). - 359.

Vích-to-ri-a (1819 - 1901) - nữ hoàng Anh (1837 - 1901). - 401, 402.

Viéc-gi-lơ (Pu-bli-út Viéc-gi-li-út Ma-rô) (70 - 19 trước công nguyên) - nhà thơ La Mã kiệt xuất. - 445, 464.

Vôn-phơ (Wolff), Vin-hem (Lu-pu-xơ) (1809 - 1864) - nhà cách mạng và nhà chính luận vô sản Đức, thầy giáo, con trai của một nông nô Xi-lê-di; tham gia phong trào sinh viên những năm 30, trong những năm 1846 - 1847 là uỷ viên Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, từ tháng Ba 1848 là uỷ viên

Ban chấp hành Liên đoàn những người cộng sản, bạn thân và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen. - 522, 578, 591, 597, 604, 639.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (1694 - 1778) - nhà triết học thần luận, nhà văn trào phúng, nhà sử học Pháp, đại biểu có tiếng tăm của phong trào khai sáng tư sản thế kỷ XVIII; chống chế độ quân chủ chuyên chế và đạo Cơ Đốc. - 328, 446, 542.

X

Xan-chét (Sanchez), Tô-mát (1550 - 1610) - nhà thần học dòng Tên Tây Ban Nha thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII. Tác giả một cuốn khảo luận về hôn nhân. - 465.

Xan-môn (Salmon) - công nhân xây dựng ở Man-se-xơ. - 388-391.

Xanh - Xi-mông (Saint - Simon), Hăng-ri (1760 - 1825) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp. - 155, 164, 368, 436, 530.

Xây (Say), Giăng Ba-ti-xơ (1767 - 1832) - nhà kinh tế học tư sản Pháp, đại biểu của kinh tế chính trị học tầm thường. - 11, 14, 15, 89, 94, 105, 107, 110, 112, 149, 159, 189, 203-208, 330-333, 334.

Xây (Say), Lu-i Ô-guy-xơ (1774 - 1840) - nhà kinh tế học Pháp, em trai của Gi.B. Xây. - 332, 363.

Xca-bếch (Skarbek), Phrê-đê-rích, bá tước (1792 - 1866) - nhà hoạt động xã hội và nhà kinh tế học tư sản Ba Lan, môn đồ của A.Xmít. - 61, 204, 206, 207.

Xcốt (Scott) - công nhân xây dựng ở Man-se-xơ. - 391.

Xe-ra (Serra), An-tô-ni-ô (đầu thế kỷ XVII) - nhà kinh tế học I-ta-li-a, một trong những đại biểu đầu tiên của chủ nghĩa trọng thương. - 330.

Xê-da (Cai-út I-u-li-út Xê-da) (khoảng 100 - 44 trước công nguyên) - tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước La Mã nổi tiếng. - 252.

Xi-nhắc (Signard), Ni-cô-la Phrê-đê-rích (1803 - 1889) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà dân chủ, thầy thuốc; trong những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội lập hiến. - 539.

- Xi-xmôn-di* (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na *Xi-mông Đờ* (1773 - 1842) - nhà kinh tế học Thụy Sĩ, phê phán chủ nghĩa tư bản trên lập trường tiểu tư sản. - 103, 153, 332-335.
- Xit-ni* (Sydney), An-giơ-nôn 1622 - 1683) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Anh, tham gia cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, trong thời kỳ Phục tích là một trong những lãnh tụ của phe đối lập, ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến. - 542.
- Xken-ton* (Skelton), Giôn - người tham gia phong trào Hiến chương trong những năm 40. - 558.
- Xnít* (Smith), A-đam (1723 - 1790) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển. - 11, 41, 78, 89-99, 102-117, 149, 150, 157-160, 201, 203-207, 327-330, 333, 335, 336, 343, 358, 362-367.
- Xô-mơ-vin* (Somerville), A-lếch-xan-đơ (1811 - 1885) - nhà báo Anh, phần tử cấp tiến tư sản. - 314, 316.
- Xpìn-hoóc-nơ* (Spilthoorn), Sác-lơ Lu-i (1804 - 1872) - luật sư Bỉ, nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào dân chủ, tham gia cuộc cách mạng tư sản Bỉ năm 1830, hội viên Hội dân chủ ở Bruy-xen. - 639.
- Xtan* (Stael), An-na Lu-i-đơ Giéc-manh Đờ, nam tước phu nhân (1766 - 1817) - nữ văn sĩ Pháp nổi tiếng. - 416.
- Xiui-át* (Stewart), Đa-gan-đơ (1753 - 1828) - nhà triết học Xcốt-len, đại biểu của khuynh hướng duy tâm trong triết học: cái gọi là triết học lẽ phải. - 329.
- Xtôn-út* (Stallwood), người tham gia phong trào Hiến chương trong những năm 40; một trong những người lãnh đạo phái Hiến chương ở Luân Đôn. - 623.
- Xvan-di-gơ* - chủ xưởng Đức ở Xi-lê-di. - 287.

TÊN CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-đam - theo truyền thuyết trong Kinh thánh, là con người đầu tiên. - 545

- Ác-pa-gông* - nhân vật chính trong hài kịch "Lão hà tiện" của Mô-li-e. - 461.
- Chúa cứu thế* - trong một loạt học thuyết tôn giáo (trước hết là trong đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc) là chúa cứu thế giáng trần, có sứ mệnh tiêu diệt cái ác và thiết lập giang sơn của chúa trên trái đất (dịch ra tiếng Hy Lạp là Cri-xtô). - 538.
- Crô-nô-xơ* - Trong thần thoại cổ Hy Lạp là người khổng lồ, cha của thần Dớt; về sau là thần Thời gian. - 84.
- Đi-a-na* - nữ thần Mặt trăng của người cổ La Mã, giống như nữ thần Ác-tê-mi-đa của Hy Lạp. - 211.
- Đô-gbe-ri* - nhân vật trong hài kịch của Sếch-xpia "Âm mưu một chuyện không đầu", thể hiện thói kiêu ngạo và đần độn của quan chức. - 272.
- Đô-răng-tơ* - một trong những nhân vật trong vở kịch "Trường giả học làm sang" của Gi.B.Mô-li-e. - 468, 469.
- Đông-Ki-sốt* - nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên của Xéc-van-tét. - 153.
- Ê-va* - Theo truyền thuyết trong Kinh thánh, là người phụ nữ đầu tiên. - 545.
- Ghi-ôm* - nhân vật trong kịch vui Pháp cổ "Luật sư Pa-tơ-lanh". - 487.
- Giô-cri-xơ* - nhân vật phổ biến trong các hài kịch và kịch vui Pháp thế kỷ XVIII và XIX, thể hiện sự đại dột và ngây thơ của con người. - 464.
- Giôn Bun* (Giôn Bô-tốt) - danh từ chung chỉ những người thuộc giai cấp tư sản Anh; phổ biến rộng rãi từ năm 1712 khi xuất hiện tác phẩm trào phúng chính trị "Chuyện Giôn Bun" của nhà văn khai sáng Ác-bét-nốt. - 402.
- Ma-ri-a* - theo truyền thuyết trong Kinh thánh, là mẹ của Giê-xu Cri-xtô. - 503.
- Mác-xơ* - thần chiến tranh ở người La Mã cổ đại, tương ứng với thần A-re-xơ của Hy Lạp. - 211.
- Mê-phi-xtô-phe-le-xơ* - một trong những nhân vật chính trong bi kịch "Phau-xtơ" của Gơ-tơ. - 210.
- Ru-đôn-phơ xứ Hê-rôn-stai-nơ*, công tước - nhân vật trong tiểu thuyết "Bí mật thành Pa-ri" của E.Xuy. - 502.

BẢN CHỈ DẪN NHỮNG SÁCH BÁO ĐƯỢC TRÍCH DẪN VÀ NHẮC ĐẾN

CÁC TÁC PHẨM CỦA C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

- Mác, C.* Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-n. Lời nói đầu (Toàn tập, t.1, 1995, tr.569 - 590).
- Zur Kritik der Hegel'schen Rechts - Philosophie. Einleitung.
In: "Deutsch-Französische Jahrbücher". L-ste und 2-te Lieferung. Paris. - 1844. - 67.
- Mác, C.* Sự khốn cùng của triết học. Trả lời cuốn "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông (toàn tập, t.4, 1995, tr.97-258).
- Misère de la philosophie. Réponse à la Philosophie de la misère de M.Proudhon. Paris - Bruxelles, 1847. - 613.
- Mác, C.* Diễn văn về mặt dịch tự do đọc tại cuộc họp công khai của Hội dân chủ Bruy-xen. Ngày 9 tháng Giêng 1848 (Toàn tập, t. 4, 1995, tr.569-590).
- Discours sur la question du libre échange, prononcé à l'Association Démocratique de Bruxelles, dans la Séance Public du 9 Janvier 1848) [Bruxelles, 1848]. - 613.
- Ăng-ghen, Ph.* "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ. Âm mưu chống lại giáo hội và nhà nước (tập này, tr. 404 - 408).
- "Young Germany" in Switzerland. Conspiracy against church and state.
In: "The Northern Star" số 411, ngày 27 tháng Chín 1845. - 409.
- Ăng-ghen, Ph.* Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị (Toàn tập, t.1, 1995, tr. 747-786).
- Umriss zu einer Kritik der Nationalökonomie.
In: "Deutsch - Französische Jahrbücher". 1-ste und 2-te Lieferung. Paris, 1844. - 11, 12, 68, 157.

- Ăng-ghen, Ph.* Cuộc tàn sát gần đây ở Lai-pxích - Phong trào công nhân ở Đức (Toàn tập, t.2, 1995, tr. 746-750).
- The late butchery at Leipsic.- The German working men's movement.
In: "The Northern Star" số 409, 13 tháng Chín 1845 r. - 407.
- Ăng-ghen, Ph.* Tin tức từ Phổ - Phong trào phản đối ở Xi-lê-di (Tập này, tr. 284 - 286). - Prussia.
In: "The Northern Star" số 346, 29 tháng Bảy 1844. - 287.
- Ăng-ghen, Ph.* Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh. Theo những sự quan sát của bản thân và những nguồn đáng tin cậy (Toàn tập, t.2, 1995, tr. 317- 698).
- Die Lage der arbeitenden Klasse in England. Nach eigener Anschauung und authentischen Quellen. Leipzig, 1845. - 381, 383.
- Ăng-ghen, Ph.* Dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản chủ nghĩa (Tập này, tr. 513 -522).
- Entwurf des Kommunistischen Glaubensbekenntnisses.
In: "Gründungsdokumente des Bundes der Kommunisten (Juni bis September 1847). Hamburg, 1969. - 588, 592, 594, 598, 599, 602, 606, 609, 612, 617, 620.
- Mác, C. và Ăng-ghen, Ph.* Gia đình thần thánh, hay là Phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn (Toàn tập, t.2, 1995, tr.9-316).
- Die heilige Familie, oder Kritik der kritischen Kritik. Gegen Bruno Bauer und Consorten. Frankfurt am Main, 1845. - 500 - 505.

NHỮNG TÁC PHẨM CỦA TÁC GIẢ KHÁC^{1*}

- [*Bauer, B*] Charakteristik Ludwig Feuerbachs. In: "Wigand's Vier-teljahrsschrift". Dritter Band. Leipzig, 1845 [*Bau-ơ, B.* Nhận xét Lút-vích Phoi-ơ-bắc. Trong tạp chí "Wigand's Vierteljahrsschrift". Tập thứ ba, Lai-pxích, 1845. - 500-504.
- * *Bauer, B.* Das entdeckte Christenthum. Zürich und Winterthur, 1843 (*Bau-ơ, B.* Ky-tô giáo mở rộng. Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843). - 217-219.

^{1*} Trong trường hợp không xác định được chính xác Mác và Ăng-ghen đã sử dụng cuốn sách xuất bản năm nào thì ghi năm và nơi xuất bản lần đầu cuốn sách.
Trong ngoặc vuông để chỉ tên các tác giả các cuốn sách công bố khuyết danh. Đầu sao là chỉ tác phẩm đã dịch ra tiếng Nga.

- Bauer, B.* Die gute Sache der Freiheit und meine eigene Angelegenheit. Zurich und Winterthur, 1842 (*Bau-ơ, B.* Sự nghiệp chính nghĩa của tự do và sự nghiệp của bản thân tôi. Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1842). - 219.
- Bauer, B.* Kritik der evangelisechen Geschichte der Synoptiker. Bande 1-2. Leipzig, 1841; Band 3. Braunschweig, 1842 (*Bau-ơ, B.* Phê phán kinh Phúc âm và lịch sử sự xuất hiện của chúng. Tập 1-2. Lai-pxích, 1841; tập 3. Brao-svai-gơ, 1842). - 217.
- Bauer, E.* Der Streit der Kritik mit Kirche und Staat. Charlottenburg, 1843 (*Bau-ơ, E.* Tranh luận của phê phán với giáo hội và nhà nước. Sác-lốt-ten-buốc, 1843). - 294.
- **Blanc, L.* Histoire de la Révolution française. Tomes I-II. Paris, 1847 (*Blăng, L.* Lịch sử cách mạng Pháp. Tập I-II, Pa-ri, 1847). - 644.
- **Bray, J.F.* Labour's wrongs and labour's remedy; or, the Age of might and the age of right. Leeds, 1839 (*Brây, S.* Những sự bất công đối với lao động và các biện pháp loại trừ chúng, hay là Thế kỷ của sức mạnh và thế kỷ của sự công bằng. Lít-xơ, 1839). - 359.
- Buret, E.* De la misère des classes laborieuses en Angleterre et en France. Tome I. Paris, 1840 (*Buy-rê, E.* Về sự cùng khổ của giai cấp công nhân ở nước Anh và nước Pháp. Tập I. Pa-ri, 1840). - 87 - 89, 103.
- Cours complet d'économie politique pratique. Volume complémentaire. Mélanges et correspondance d'économie politique; ouvrage posthume de J.B.Say, publié par Ch. Comte, son gendre. Paris, 1833. (Những khảo luận và những bức thư khác nhau của Gi.B. Xây về những vấn đề kinh tế chính trị, do Sác-lơ Công-tơ, con rể của ông xuất bản sau khi ông qua đời. Pa-ri, 1833). - 330-333.
- **Dumer, G.F.* Die Geheimnisse des christlichen Alterthums, Bände 1-2. Hamburg, 1847 (*Dau-mơ, G.Ph.* Những điều bí mật của Cơ Đốc giáo thời cổ. Tập 1-2. Ham-buốc, 1847). - 646.
- Destutt de Tracy, A.L.C.* Elémens d'idéologie. IV-e et V-e parties. Traité de la volonté et de ses effets. Paris, 1826 (*Đe-xtuýt đơ Tô-ra-xi, A.L.C.* Cơ sở của hệ tư tưởng. Phần IV và V. Khảo luận về ý chí và tác động của ý chí. Pa-ri, 1826). - 41, 203.
- Dictionnaire universel de la géographie commerante par J.Peuchet. Tomes 1-5. Paris, 1799 - 1800 (Từ điển phổ thông về địa lý thương mại do Gi.Pơ-sê soạn thảo. Tập 1-5. Pa-ri, 1799 -1800). - 415.
- Ferrier, F.L.A.* Du gouvernement considéré dans ses rapports avec le commerce. Paris, 1805 (*Phe-ri-ê, Ph.L.O.* Bàn về quan hệ của chính phủ đối với thương mại. Pa-ri, 1805). - 329, 362-367.

- * *Feuerbach, L.* Grundsätze der Philosophie der Zukunft. Zürich und Winterthur, 1843 (*Phoi-ơ-bắc, L.* Những nguyên lý của triết học tương lai. Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843). - 69, 179, 218, 496-500.
- * *Feuerbach, L.* Vorläufige Thesen zur Reformation der Philosophie.
In: "Anekdoten zur neuesten deutschen Philosophie und Publicistik". Hg. v.Arnold Ruge. Zürich und Winterthur, 1843 (*Phoi-ơ-bắc, L.* Luận cương sơ bộ về cải cách triết học. Trong tuyển tập: "Những cái mới trong triết học và chính luận Đức hiện đại". Do Ác-nôn Ru-gơ biên tập. Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843). - 69, 218.
- * *Feuerbach, L.* Das Wesen des Christenthums. Leipzig, 1841 (*Phoi-ơ-bắc, L.* Bản chất đạo Cơ Đốc. Lai-pxích, 1841). - 221, 370, 374, 496.
- * *Feuerbach, L.* Das Wesen des Glaubens im Sinne Luthers. Ein Beitrag zum "Wesen des Christenthums". Leipzig, 1844 (*Phoi-ơ-bắc, L.* Bản chất của tín ngưỡng hiểu theo nghĩa của Lu-the. Bổ sung cho cuốn "Bản chất đạo Cơ Đốc". Lai-pxích, 1844). - 500.
- Finch, J.* Notes of Travel in the Unites States. In: "The New Moral World", số 29, 13 January - No 52, 22 June (Vol.5); N° 1,29 June - N° 17,19 Oktober 1844 (Vol.6) (*Phin-sơ Đ.* Bút ký về cuộc hành trình khắp liên bang Mỹ. Đăng trên báo: "The New Moral World" số 29, ngày 13 tháng Giêng - số 52, ngày 22 tháng Sáu (Tập 5); số 1, ngày 29 tháng Sáu - số 17, ngày 19 tháng Mười 1844 (Tập 6). - 301, 304, 306, 311.
- Forssell, C.D.* Kommunismen och kristendomen. Stockholm, 1847 (*Phoóc-xen, C.D.* Chủ nghĩa cộng sản và tôn giáo. Xtóc-khôm, 1847). - 605.
- Fourier, Ch.* Théorie des quatre mouvements et des destinées générales. In: *Ch. Fourier.* Oeuvres completes Tome I. Paris, 1841 (*Phu-ri-ê, S.* Học thuyết về bốn vận động và về những số phận chung. Trong cuốn: *S.Phu-ri-ê.* Toàn tập, Tập 1.Pa-ri, 1841). - 437, 440, 455, 457, 468, 469, 474, 475, 490.
- Fourier, Ch.* Théorie de l'unité universelle Vol.III. In: *Ch. Fourier.* Oeuvres complètes. Tome IV. Paris, 1841 (*Phu-ri-ê, S.* Học thuyết về sự thống nhất chung. Tập III. Trong cuốn: *S.Phu-ri-ê.* Toàn tập. Tập IV. Pa-ri, 1841). - 443.
- Fourier, Ch.* Section ébauchée des trois unités extemes. In: "La Phalange". Tome I. Paris, 1845. (*Phu-ri-ê, S.* Về ba loại thống nhất bề ngoài. Trong tạp chí: "La Phalange". Tập I. Pa-ri, 1845). - 436, 437, 440, 455, 457-468, 469-474, 477-490.

- [Grün. K.] Die preussischen Landtags-Abschiede Ein Wort zur Zeit. Birwinken, 1846 (Gruyn. C. Quyết định của nhà vua gửi các hội đồng dân biểu Phổ; về những vấn đề của thời đại ngày nay. Béc-vin-ken, 1846). - 582.
- Gülich. G. Geschichtliche Darstellung des Handels, der Gewerbe und des Ackerbaus der bedeuten dsten handeltreibenden Staaten unserer Zeit. Bände I-V, Jena, 1830-1845 (Guy-lích, G. Mô tả lịch sử về thương mại, công nghiệp và nông nghiệp của các quốc gia thương mại chủ yếu trong thời đại chúng ta. Tập I-V, I-ê-na, 1830 - 1845). - 527, 528.
- Gurouski, A. La vérité sur la Russie et sur la révolte des provinces Polonaises. Paris, 1834. (Gu-rốp-xki, A. Sự thật về nước Nga và về cuộc khởi nghĩa của các tỉnh ở Ba Lan. Pa-ri, 1834). - 270.
- *Hegel. G.W.F. Encyclopädie der philosophische Wissenschaften im Grundrisse. Dritte Ausgabe. Heidelberg, 1830 (Hê-ghen. G.V.Ph. Bách khoa thư các khoa học triết học giảm yếu. Xuất bản lần thứ ba. Hai-đen-béc, 1830). - 222, 244, 247, 249.
- *Hegel. G.W.F. Phänomenologie des Geistes. In: Werke, Bänd II. Berlin, 1832 (Hê-ghen, G.V.Ph. Hiện tượng học tinh thần. Toàn tập, Tập II. Béc-lin, 1832). - 69, 217, 221, 222, 224, 230, 234, 236.
- *Hegel. G.W.F. Wissenschaft der Logik. In: Werke, Bände III-V. Berlin, 1833-1834. (Hê-ghen.G.V.Ph. Lô-gích học. Toàn tập. Tập III-V. Béc-lin, 1833-1834). - 69, 217, 245, 247.
- [Heinzen.K.] Der deutsche Hunger und die deutschen Füten [Bern, 1847] ([Hai-nơ-txen. C.] Nạn đói ở Đức và các quốc gia Đức [Béc-nơ, 1847]). - 615.
- Heinzen. I. DreiBig Kriegsartikel der neuen Zeit fur Officiere und Gemeine in despotischen Staaten Neustadt, [1846] (Hai-nơ-txen. C. Ba mươi bài báo về chiến tranh thời cận đại dùng cho sĩ quan và binh lính ở các quốc gia chuyên chế Noi-stát. [1846]). - 615.
- [Heß.M.] ([Hét-xơ, M.]).
- Sozialismus und Kommunismus (Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản)
 - Die Eien und ganze Freiheit (Tự do duy nhất và tự do hoàn toàn)
 - Philosophic der That (Triết học của hành động)
- In: Einundzwanzig Bogen aus der Schweiz. Zürich und Winterhur, 1843 (Hai mươi một trang từ Thụy Sĩ gửi về. Xuy-rích và Vin-téc-tua. 1843). - 68, 173.

- Kaiser. H.W. Die Persönlichkeit des Eigenthums in Bezug auf den Socialismus und Communismus in heutigen Frankreich, Bremen, 1843 (Cai-dơ. G.V. Tính chất cá nhân của sở hữu trong mối quan hệ với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước Pháp hiện nay, Brê-men, 1843). - 492.
- *List, F. Das nationale System der politischen Ökonomie. Erster Band. Der Internationake Handel, die Handelspolitik und der deutsche Zollverein. Sollverein.Stuttgart und Tübingen, 1841 (Li-xơ, Ph. Hệ thống kinh tế chính trị quốc dân. Tập thứ nhất. Thương mại, chính sách thương mại quốc tế và Hiệp hội thuế quan Đức. Stút-gát và Thuy-bin-ghen, 1841). - 323, 330-335, 340-344, 353, 355, 359.
- London, Ch. Solution du problème de la population et de la subsistance, soumise à un médecin dans une série de lettres, Paris, 1842 (Lao-đơn, S. Giải quyết vấn đề dân số và lương thực, được trình bày dưới dạng những bức thư gửi bác sĩ. Pa-ri, 1842). - 86, 87.
- Mill.I. Elémns d'économie politique. Traduits de l'anglais par. J.T. Parisost. Paris, 1823, (Min. Gi. Nguyên lý kinh tế chính trị. Do Gi.T.Pa-ri-dô dịch từ tiếng Anh, Pa-ri, 1823). - 13-30, 47-51, 58-62, 191, 193, 203-205.
- Morellet.Prospectus d'un nouveau dictionnaire du commerce. Paris, 1769 (Mô-ren-li. Bản tóm tắt cuốn từ điển thương mại mới. Pa-ri, 1769). - 412.
- Möser, Y. Patriotische Phantasien. Vierte verbesserte Auflage. Bände I-IV. Berlin. 1820 (Muê-dơ, I. Những ảo tưởng yêu nước. Xuất bản lần thứ tư có sửa chữa, Tập I-IV. Béc-lin, 1820). - 152-154.
- Pecchio, J. Histoire de l'économie politique en Italie, ou Abrégé critique des économistes italiens; précédéc d'une introduction. Traduite de l'italien par L.Gallois. Paris. 1830 (PLéch-ki-ô.D. Lịch sử kinh tế chính trị ở I-ta-li-a, hay là Tóm tắt có phê phán các nhà kinh tế học I-ta-li-a kèm theo lời giới thiệu. Do L.Ga-lua dịch từ tiếng I-ta-li-a, Pa-ri, 1830). - 329-331.
- Pecqueur. C. Théorie nouvelle d'économie sociale et politique, ou Etudes sur l'organisation des sociétés.Paris, 1842 (Péch-cơ. C. Học thuyết mới về kinh tế xã hội và kinh tế chính trị, hay là Nghiên cứu về việc tổ chức xã hội. Pa-ri, 1842). - 85. 101 - 103.
- Petit. Réponse deM.Petit, ex-receveur des finances à Corbeil, aux calomnies répandees à l'occasion de son procès en séparation. Paris, 1847 (Pơ-ti. Trả lời của ngài Pơ-ti, người thu thuế trước đây ở Coóc-bây, về lời vu khống được loan truyền nhân

- vụ án ly hôn của ông ta, Pa-ri, 1847). - 552 - 554.
- Peuchet, J.* Mémoires tirés des Archives de la police de Paris. Tomes I-IV, Paris, 1838 (*Por-sê. Gi.* Hồi ký được rút ra từ cục lưu trữ của cảnh sát Pa-ri. Tập I-IV. Pa-ri, 1838). - 411, 412, 415-433.
- Peuchet, J.* Statistique élémentaire de la France, Paris, 1805 (*Por-sê. Gi.* Thống kê sơ đẳng của Pháp, Pa-ri, 1805). - 412.
- Pitkethly, L.* Emigration. Where to, and how to proceed. Description of the Shaker Villages. In: "The Northern Star" No 286,6 May. 1843 (*Pit-két-li. L.* Sự di dân. Bắt đầu ở đâu và bắt đầu như thế nào. Mô tả các khu dân cư của người Sây-cơ. Trên báo: "The Northern star" số 286, ngày 6 tháng Năm 1843). - 36.
- Proudhon, P.J.* Philosophie der Staatsökonomie oder Nothwendigkeit des Elends. Deutsch bearbeitet von Karl Grun. Bände I-II. Darmstadt, 1847 (*Pru-đông, P.G.* Triết học của khoa kinh tế chính trị, hay là Tính tất yếu của sự khốn cùng. Do Các Grun dịch ra tiếng Đức. Tập I-II Đắc-mơ-stát, 1847). - 581.
- * *Ricardo, D.* Des principes de l'économie politique et de l'impôt. Traduit de l'anglais par F-S. Constancio avec des notes explicatives et critiques par. J. B.Say. Tomes I-II. 2-cm éd., Paris, 1835 (*Ri-các-đô, Đ.* Về nguyên lý của khoa kinh tế chính trị và thuế khoá. Do Ph. X.Công-xtan-xi-ô dịch từ tiếng Anh có lời bình chú của Gi.B.Xây. Tập I-II. Xuất bản lần thứ hai, Pa-ri, 1835). - 103, 333, 358.
- * *Saint - Simon.* Catéchisme des industriels. Paris. 1824 (*Xanh-Xi-mông.* Sách giáo lý của các nhà kinh doanh, Pa-ri, 1824). - 164.
- * *Say, J.B.* Traité d'économie palitique ou Simple exposition de la manière dont se forment, se distribuent et se consomment les richesses. Troisième édition. Tomes. I-II. Paris (*Xây, G.B.* Khái luận về khoa kinh tế chính trị, hay Trình bày giản đơn về việc hình thành phân phối và tiêu dùng của cải. Xuất bản lần thứ ba. Tập I-II, Pa-ri, 1817). - 89, 94, 107, 110, 203.
- Say, L.A.* Etudes sur la richesse des nations et réfutation des principales erreurs en économique politique. Paris. 1836 (*Xây-Gi.B.* Khảo luận về sự giàu có của các dân tộc và bác bỏ những sai lầm cơ bản của khoa kinh tế chính trị Pa-ri, 1836). - 332.
- Schulz=.* W. Die Bewegung der Production. Eine geschichtlich-statistische Abhandlung zur Grundlegung einer neuen Wissenschaft des Staats und der Gesellschaft. Zurich und Winterthur. 1843 (*San-đơ. V.* Sự vận động của sản xuất. Nghiên cứu mang tính chất lịch sử thống kê nhằm luận chứng cho ngành khoa học mới về

- nhà nước và xã hội. Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843). - 82-84, 100-102, 104-106.
- Serra.A.* Breve trattato delle cause che possono far abbondare li regni d'oro e d'argento dove non sono miniere (1613). In: "Scrittori classici italiani di economia politica. Parte antica". Tomo I.Milano, 1803 (*Xe-ra.A.* Lược khảo về những nguyên nhân có thể đem lại thừa thãi vàng bạc cho những vương quốc không có mỏ kim loại (1613). Trong ấn phẩm: "Khoa kinh tế chính trị cổ điển I-ta-li-a. Những nhà kinh tế học cổ điển". Tập I. Mi-la-nô, 1803). - 330.
- Sismondì, J. Ch. L. Simonde de.* Etudes sur l'economie politique. Tome II, Bruxelles, 1838 (*Xi-xmôn-đi, Gi.S.L. Xi-môn đờ.* Khảo luận về kinh tế chính trị. Tập II. Bruy-xen, 1838). - 334.
- * *Sismondì. J.Ch.L.Simonde de* Nouveaux principes d'économie politique, ou. De la richesse dans ses rapports avec la population: Tome. II, Paris, 1819 (*Xi-xmôn-đi, Gi.S.L. Xi-môn đờ.* Nguyên lý mới về kinh tế chính trị hay là Về của cải trong mối quan hệ giữa của cải với dân số, Tập II. Pa-ri, 1819). - 102.
- * *Sismondì, J. Ch. L.Simonde de.* Nouveaux principes d'économie politique, ou De la richesse dans ses rapports avec la populaiton. Seconde édition. Tome II. Paris, 1827 (*Xi-xmôn-đi. Gi.S.L. Xi-môn đờ.* Nguyên lý mới về kinh tế chính trị hay là Về cải cách trong mối quan hệ giữa của cải với dân số. Xuất bản lần thứ hai. Tập II. Pa-ri, 1827). - 334.
- Skarbok, F.* Théorie des richesses sociales. Suivie d'une bibliographie de l'économie politique. Seconde édition. Tome. I. Paris, 1839 (*Xca-bếch, Ph.* Học thuyết về của cải xã hội với phần phụ lục các thư mục về kinh tế chính trị. Xuất bản lần thứ hai, Tập I. Pa-ri, 1839). - 204.
- * *Smith. A.* Recherches sur la nature et les causes de la richesse des nations. Traduction nouvelle, avec des notes et observation; par Germain Gamier. Tomes. I-II, Paris, 1802 (*Xmit, A.* Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các dân tộc. Bản dịch mới của Gi.Hác-ni với những chú giải và nhận xét của người dịch. Tập I-II Pa-ri, 1802). - 40, 72, 75, 78, 89-99, 102-118, 200-204.
- [*Somerville, A.*] (One who has whistled at the Plogh) Notes from the Faming Districts No XVII In: "The Morning Chronicle", 13 December 1842 (*Xô-mơ-vin, A.*) (Một trong số những người tự cầm cày). Ghi chép từ những khu vực trang trại số XVII. Trong báo: "Morning Chronicle", ngày 13 tháng Chạp, 1842). - 314-316.
- * *Strauß.D.F.* Das Leben Jesu. Bände 1-2. Tubingen, 1835-1836 (*Sto-rau-xơ. D.Ph.*

- Cuộc đời chúa Giê-su, Tập I-2. Thuy-bin-ghen, 1835-1836). - 268.
- Stein, L. von.* Der Socialismus und Communnisnus des heutigen Frankreichs. Ein Beitrag zur Zeitgeshiche. Leipzig. 1842 (*Stai-nơ L.* Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước Pháp hiện nay. Lược khảo lịch sử hiện đại. Lai-pxích, 1842). - 345, 492.
- [*Steinmann, F.A.*] Caricaturen und Sihouetlen des neunzchnten Jahrhunderts. Vom Verfasser des Mefistofeles. Coesfeld, 1843 (*[Stai-nơ-man, Ph.A.]* Những bức tranh biếm họa và những hình bóng của thế kỷ XIX. Tác giả Me-phi-xtô-phen. Cô-xphen-đơ, 1843). - 267.
- Stirner. M.* Der Einzige und sein Eigenthum. Leipzig, Verlag von Otto Wigand, 1845 (*Stiéc-nơ, M.* Kẻ duy nhất và sở hữu của nó. Lai-pxích, nhà xuất bản Ót-tô Vi-gan, 1845). - 511.
- Ure.A.* Philosophie des manufactures, ou Economie industrielle. Trduit sous les yeux de l'auteur. Tome I.Paris, 1836 (*I-u-rơ. E.* Triết học của công xưởng, hay là Kinh tế công nghiệp. Bản dịch được tác giả quan tâm theo dõi, 1836). - 354-356.
- Weitling, W.* Das Evangelium eines armen Sünders, Bern, 1845 (*Vai-tinh, V.* Phúc âm của những người tội lỗi nghèo khổ. Béc-nơ, 1845). - 614.
- **Weitling, W.* Garantien der Harmonie und Freiheit, Vivis, 1842 (*Vai-tinh. V.* Những đảm bảo của hoà hợp và tự do. Vi-vi, 1842). - 581.

CÁC VĂN KIỆN

- Ansprache der Volkshalte des Bundes der Gerechten an den Bund, November 1846.
In: "Demokratisches Taschenbuch für 1848". Leipzig, 1847 (Lời kêu gọi của Hội đồng nhân dân Đồng minh những người chính nghĩa gửi Liên đoàn, tháng Mười một 1846. Xuất bản trong: "Demokratisches Taschenbuch năm 1848". Lai-pxích, 1847). - 604.
- Die Centralbehönde an den Bund in Hamburg, den 24^{ten} Juni 1847. In: Gründungsdokumente des Bundes der Kommunisten (Junibis September 1847). Hamburg, 1969 (Ban Chấp hành Trung ương gửi Liên đoàn ở Ham-buốc, ngày 24 tháng Sáu 1847.

- Trong cuốn: Những văn kiện thành lập Liên đoàn những người cộng sản (tháng Sáu - tháng Chín 1847). Ham-buốc, 1969). - 601, 602.
- Centralbehörde an den Bund, den 14^{ten} Sept, 1847. In: Gründungsdokumente des Bundes der Kommunisten (Juni bis September 1847). Hamburg, 1969. (Ban Chấp hành Trung ương gửi Liên đoàn, ngày 14 tháng Chín 1847. Trong cuốn: Những văn kiện thành lập Liên đoàn, những người cộng sản (tháng Sáu - tháng Chín 1847). Ham-buốc, 1969). - 604.
- Cracow Manifesto (Tuyên ngôn Cra-cốp), ngày 22 tháng Hai 1846. - 623, 624.
- Entwurf einer Verordnung über Ehescheidung, vorgelegt von dem Ministerium fur Revision der Gesetze, im Jule 1842, In: "Rheinische Zeitung" No 293, 20 Oktober 1842. Beiblatt (Dự thảo đạo luật về ly hôn do bộ thẩm xét các đạo luật đề xuất vào tháng Bảy 1842. Trên báo "Rheinische Zeitung" số 293, ngày 20 tháng Mười, 1842, Phụ lục). - 284.
- The Fraternal. Democrats (Assembling in London), to the Working Classes of Great Britain and Ireland. January 3, 1848, In: "The Northern Star" No 533, January 8th, 1848 (Lời kêu gọi của Hội "những người dân chủ anh em" gửi công nhân Anh và Ai-rơ-len ngày 3 tháng Giêng 1848. Trong tờ: "The Northern Star" số 533, ngày 8 tháng Giêng 1848). - 547 - 549.
- Der KongreB an den Bund im Hamburg, den 9^{ten} Juni 1847, In: Gründungsdokumente des Bundes der Kommunisten (Juni bis September 1847), Hamburg, 1969 (Đại hội gửi Liên đoàn ở Ham-buốc, ngày 9 tháng Sáu, 1847. Trong cuốn: Những văn kiện thành lập Liên đoàn những người cộng sản (tháng Sáu- tháng Chín 1847). Ham-buốc, 1969). - 598-607.
- Das SchluBprotokoll der Wiener Conferenz vom 12. Juni 1834, In. Wichtige Urkunden für den Rechtszustand der deutechen Nation. Mannheim, 1844 (Biên bản cuối cùng của Hội nghị các bộ trưởng tại Viên ngày 12 tháng Sáu, 1834. Trong cuốn: Những văn kiện quan trọng về quy chế pháp luật của nhà nước Đức, Man-hem, 1844).
- Idem, In: "Vorwärts!" No 7,24 Januar, 1844, Supplement (Như trên, Trên tờ "Vorwärts" số 7, ngày 24 tháng Giêng 1844. Phụ lục). - 259.
- Statut des Bundes der Kommunisten, den 9^{ten} Juni 1847. In: Gründungsdokumente des Bundes der Kommunisten (Juni bis September 1847), Hamburg, 1969 (Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản, ngày 9 tháng Sáu 1847. Trong cuốn: Những văn kiện thành lập Liên đoàn những người cộng sản (tháng Sáu - tháng Chín 1847). Ham-buốc, 1969). - 579, 586-589, 598, 602-606, 611, 616, 618.

**NHỮNG BÀI VIẾT VÀ BÀI TIN TRONG CÁC XUẤT BẢN
PHẨM
ĐỊNH KỲ KHÔNG RÕ TÊN TÁC GIẢ**

- "Deutsche Vierteljahrs Schrift" ("Tập chí ra hàng quý của Đức"), Stút-gát và Thuy-bin-ghen, số 3, 1838. Derbergmannische Distrikt zwischen Birmingham und Wolverhampton; mit besondere Bezugnahme auf die Gewinnung des Eisens. (Khu công nghiệp mỏ nằm giữa Bốc-minh-hem và Vun-véc-hem; với thống kê đặc biệt về sản xuất sắt). - 104.
- "Constitutionnel Neuchâtelois" ("Người lập hiến ở Na-sơ-ten") số 109, ngày 11 tháng Mười một, 1845. [Tin tức từ Na-sơ-ten]. - 404-406.
- "Daily Advocate and Advertiser" ("Người biện hộ và truyền tin hàng ngày"). Pít-tơ-xbua, ngày 17 tháng Bảy 1843 [Mô tả tập đoàn những người phân lập ở Doa-rơ bang Ô-hai-ô]. - 309.
- "The Northern Star" ("Sao Bắc đẩu"). Luân Đôn
- Số 362, ngày 19 tháng Mười 1844. Great Meeting of the Caprpenters of Manchester and Salford (Cuộc hội họp lớn của thợ mộc ở Man-se-xtơ và Xôn-phoóc-đơ). - 384, 385.
 - Số 363, ngày 26 tháng Mười 1844. Manchester. - The Strike of Messrs: Pauling and Co's Carpenters and Joiners. (Man-se-xtơ. - Cuộc bãi công của những thợ mộc tự do và thợ mộc của hãng Pô-linh và đồng sự). - 384, 385.
 - Số 365, ngày 9 tháng Mười một 1844. Henfrey v. Salmon. - Assault (Hen-phri chống lại Xan-môn. - Cuộc công kích). - 389, 391.
The Carpenters' and Joiners Strike (Cuộc bãi công của thợ mộc tự do và thợ mộc lành nghề). - 394, 395.
 - Số 366, ngày 16 tháng Mười một 1844, Another of Labour's Victories- The Carpenters and Joiners of Manchester (Thêm một thắng lợi của những người công nhân. - Thợ mộc tự do và thợ mộc lành nghề ở Man-se-xtơ). - 391, 395.
 - Số 367, ngày 23 tháng Mười một 1844. Manchester. - Aggregate Meeting of the Buiding Trades (Man-se-xtơ. - Cuộc mít tinh liên hiệp khổng lồ của các nghiệp đoàn những người xây dựng). - 396-398.
 - Số 368, ngày 30 tháng Mười một 1844. Extension of the Strike. Another Victory for Labour (Sự lan rộng của cuộc bãi công. Thêm một thắng lợi của những người

- công nhân). - 398 - 399.
- Số 375, ngày 18 tháng Giêng 1845. Aggregate Meeting of the Manchester Buildinh Trades (Cuộc mít tinh liên hiệp của các nghiệp đoàn xây dựng ở Man-se-xtơ). - 399.
 - Số 534, ngày 15 tháng Giêng 1848. The People's Charte.-Important public meeting (Hiến chương nhân dân.- Cuộc mít tinh công khai quan trọng). - 558-562.
- "The Quarterly Review" ("Tập chí ra hàng quý"). Luân Đôn, số 141, tháng Chạp 1842. Anti-Corn-Law Agitation (Phong trào chống các đạo luật về lúa mì).-385-387.
- "La Réforme" ("Cải cách"). Pa-ri.
- ngày 10 tháng Mười một 1847. Banquet de Lille (Bữa tiệc ở Li - lơ).- 533-538.
 - ngày 24 và 25 tháng Mười một 1847. Banquet de Dijon (Bữa tiệc ở Đi-giông). - 539-547.
 - ngày 2 và 3 tháng Riêng 1848. Soumission d' Abd-el-Kader (Việc bắt giữ Áp-đơ-en-Ca-đe làm tù binh). - 553.
 - ngày 5 tháng Giêng 1848 [Về những điều kiện bắt Áp-đơ-en-Ca-đe làm tù binh]. - 554.
 - ngày 6 tháng Giêng 1848 [Rút từ biên bản tốc ký về phiên họp của các đại biểu nghị viện ngày 13 tháng Sáu 1846]. - 553.
- "Weekly Dispatch" ("Thông báo hàng tuần"), ngày 1 hoặc 8 tháng Sáu 1844 [Đảng dân chủ cộng hoà ở Pa-ri]. - 277-279.
- "Das Westphälische Dampfboot" ("Tàu thủy Ve-xtơ-pha-li"), Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, tháng Năm 1845. Bình luận cuốn sách của C.Mác và Ph. Ăng-ghen "Gia đình thần thánh, hay là Phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn". - 500-505.

NHỮNG TÁC PHẨM VĂN HỌC

- Luật sư Pa-tơ-lanh. - 487.
- A-ra-gô. Ê. Những người quý tộc. - 539.
- Viéc-gi-lơ. Ê-nê-ít, quyển I và II. - 445,464.
- Vôn-te, Ph. Đa-i-ra. - 446.
- Gơ-tơ. I.V. Phau-xtơ. - 210.
- Séch-xpia. Ti-môn thành A-ten. - 210-212.

Ê-si-la. Prô-mê-tê bị xiềng. - 186.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

- "*Aftonbladet*" ("Báo buổi chiều") - nhật báo Thụy Điển, xuất bản ở Xtốc-khôm từ năm 1830; trong thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản tự do. - 605.
- "*Blätter der Gegenwart für sociales Leben*" ("Báo thời nay về các vấn đề của đời sống xã hội") - nguyệt san Đức, do V.Ma-rơ xuất bản ở Thụy Sĩ (Lô-dan) những năm 1844 - 1845; là cơ quan ngôn luận của hội bí mật "Nước Đức trẻ". - 404, 406.
- "*Le Constitutionnel*" ("Người lập hiến") - nhật báo của giai cấp tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1815 đến 1870; trong những năm 40 là cơ quan ngôn luận của cánh ôn hoà phái Oóc-lê-ăng; trong thời kỳ cách mạng 1848 thể hiện quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng, tập hợp xung quanh Chi-e; sau cuộc đảo chính tháng Chạp 1851 là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ. - 554.
- "*Constitutionnel" neuchâtelois*" ("Người lập hiến Nơ-sa-ten") - tờ báo quân chủ - lập hiến Thụy Sĩ, xuất bản ở Nơ-sa-ten từ năm 1831 đến tháng Hai 1848. - 404.
- "*Le Courier de Provence*" ("Tin tức Prô-ven") - nhật báo của Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến 1791. - 331.
- "*Daily Advocate and Advertiser*" ("Người truyền tin và biện hộ hàng ngày") - nhật báo tư sản ở Mỹ, xuất bản dưới tên gọi này ở Pit-tơ-xbua (Mỹ) vào những năm 1832 - 1843. - 309.
- "*Le Débat Social, organe de la démecratie*" ("Tranh luận xã hội, cơ quan của phái dân chủ") - tuần báo Bỉ, cơ quan ngôn luận của những người dân chủ và cấp tiến tư sản; được xuất bản ở Bruy-xen từ năm 1844 đến 1849. - 294.
- "*Décade philosophique litté raire et politique*" ("Tuần báo triết học, văn học và chính trị") - báo Pháp có khuynh hướng cộng hoà, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1794 đến 1807, do Gi.B. Xây làm tổng biên tập, ra ba số một tháng. - 331.
- "*La Démocratie pacifique*" ("Dân chủ hoà bình") - nhật báo của phái Phu-ri-ê xuất bản ở Pa-ri vào những năm 1843 - 1851 do V.Công-xi-đe-răng làm chủ biên. - 294.
- "*Deutsch-Französische Jahrbücher*" ("Niên giám Pháp - Đức") - xuất bản ở Pa-ri bằng tiếng Đức do Mác và A.Ru-gơ biên tập. Chỉ ra được số kép đầu tiên vào tháng Hai 1844. Trên tờ báo đã đăng một loạt bài của Mác và Ăng-ghe-n. - 67, 68.

- "*Deutsch - Brüsseler - Zeitung*", ("Báo Bruy-xen Đức") - do những người Đức lưu vong chính trị ở Bruy-xen thành lập, xuất bản từ tháng Giêng 1847 đến tháng Hai 1848. Từ tháng Chín 1847 Mác và Ăng-ghe-n là cộng tác viên thường xuyên của tờ báo và có ảnh hưởng trực tiếp đến khuynh hướng của tờ báo. - 551, 634, 638, 648, 653, 654.
- "*Deutsches Vierteljahrs Schrift*" ("Tập chí ra hàng quý của Đức") - xuất bản ở Stút-gát và Thuỵ-bin-ghen từ năm 1838 đến 1870. - 105
- "*Deutsches Bürgerbuch*" ("Sổ tay công dân Đức") - niên giám năm 1845, do H.Puýt-man xuất bản ở Đác-mơ-stát vào tháng Chạp 1844, và năm 1846 - mùa hè năm 1846 xuất bản ở Man-hem. Trong niên giám đăng hai bài của Ăng-ghe-n. - 294, 319, 495.
- "*La Gazette de France*" ("Báo nước Pháp") - nhật báo Pháp theo khuynh hướng bảo hoàng, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1631 đến 1914. - 412.
- "*Gesellschaftsspiegel. Organ zur Vertretung der besitzlosen Volksklassen und zur Beleuchtung der gesellschaftlichen Zustände der Gegenwart*" ("Tấm gương xã hội. cơ quan bảo vệ quyền lợi của giai cấp nghèo khổ trong nhân dân và làm sáng tỏ các quan hệ xã hội hiện nay") - tạp chí ra hàng tháng của những người thuộc phái "Chủ nghĩa xã hội chân chính"; xuất bản ở En-bơ-phen-dơ vào những năm 1845 - 1846 do M.Hét-xơ chủ biên; tất cả ra được 12 số. - 413, 434, 505, 565-570.
- "*Le Globe*" ("Địa cầu") - nhật báo, xuất bản ở Pa-ri vào những năm 1824 - 1832; từ ngày 18 tháng Giêng 1831 trở thành cơ quan ngôn luận của trường phái Xanh-Xi-mông. - 368.
- "*Journal des Débats politiques et littéraires*" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") - nhật báo tư sản Pháp, được lập ra ở Pa-ri vào năm 1789. Trong thời kỳ nền quân chủ tháng Bảy là tờ báo của chính phủ, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản theo phái Oóc-lê-ăng. Trong cách mạng năm 1848 tờ báo thể hiện quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng; sau đảo chính năm 1851 là cơ quan ngôn luận của phái đối lập Oóc-lê-ăng ôn hoà. - 278, 635.
- "*Kommunistische Zeitschrift*" ("Tập chí cộng sản") - cơ quan ngôn luận của Liên đoàn những người cộng sản; chỉ xuất bản được một số thử nghiệm vào đầu tháng Chín 1847. - 592, 599, 603, 604, 608, 609, 612, 617-622.
- "*Mercur de France*" ("Người truyền tin nước Pháp") - tạp chí ra hàng tháng có khuynh hướng bảo hoàng; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1672 đến năm 1820. - 41.
- "*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") - nhật báo tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến 1862; là cơ quan ngôn luận của đảng Vích, từ đầu những năm 50 là cơ quan ngôn luận của phái Pin, sau đó là của phái bảo thủ. - 314.
- "*Le National*" ("Báo dân tộc") - nhật báo Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến 1851;

- là cơ quan ngôn luận của những người cộng hoà tư sản ôn hoà. - 546, 555, 557.
- "*The New Moral World*" ("Thế giới đạo đức mới") - tuần báo của những người xã hội chủ nghĩa không tưởng, do R.Ô-oen lập ra năm 1834, xuất bản đến năm 1846, đầu tiên ở Lít-xơ, còn từ tháng Mười 1841 thì xuất bản ở Luân Đôn; từ tháng Mười một 1843 đến tháng Năm 1845 Ph.Ăng-ghen đã cộng tác với tờ báo này. - 293, 295.
- "*The Northern Star*" ("Sao Bắc đẩu") - tuần báo Anh, cơ quan trung ương của phái Hiến chương, được lập ra năm 1837; xuất bản đến năm 1852, đầu tiên ở Lít-xơ, còn từ tháng Mười một 1844 thì xuất bản ở Luân Đôn. Người sáng lập và chủ biên tờ báo là Ph. Ô' Cò-no, trong ban biên tập còn có Gi.Hác-ni. Từ năm 1843 đến 1850 báo đăng những bài viết và bút ký của Ăng-ghen. - 259, 261 - 266, 269, 271, 273 - 276, 280, 283, 286, 290, 396, 402, 408, 410, 538, 546, 547, 557, 623, 634.
- "*Österreichischer Beobachter*" ("*Người quan sát của Áo*") - nhật báo ở Áo; xuất bản dưới tên gọi này từ năm 1810 đến 1848 ở Viên, cơ quan ngôn luận không chính thức của Chính phủ Áo. - 634.
- "*Peuple souverain*" ("*Nhân dân là chủ*") - báo Pháp ra hàng tháng có khuynh hướng dân chủ; từ những năm 40 xuất bản ở Mác-xen. - 638.
- "*Das Pfennig-Magazin*" ("*Tạp chí Phphen-ních*") - tạp chí khoa học phổ thông Đức ra hàng tuần; xuất bản ở Lai-pxích năm 1833, đến 1855. - 310.
- "*La Phalange. Revue de la science sociale*" ("*Pha-la-gơ*". Bình luận khoa học xã hội") - cơ quan ngôn luận của phái Phu-ri-ê, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1832 đến năm 1849, tên tạp chí, kỳ xuất bản, số trang và kích cỡ của tạp chí đã thay đổi nhiều lần. - 438, 490.
- "*Le Point du jour*" ("*Rạng đông*") - nhật báo Pháp, do Béc-tơ-răng Ba-re-rơ xuất bản vào thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ VIII, từ 19 tháng Sáu 1789 đến 1791; tờ báo đã làm sáng tỏ cuộc tranh luận tại Quốc hội. - 510.
- "*Le Presse*" ("*Báo chí*") - nhật báo tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836; trong những năm 1848 - 1849 là cơ quan ngôn luận của những người cộng hoà tư sản; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 là tờ báo của phái chống Bô-na-pác-tơ. - 555.
- "*Le Producteur*" ("*Người sản xuất*") - tạp chí Pháp, xuất bản ở Pa-ri vào những năm 1825 - 1826; cơ quan báo chí đầu tiên của phái Xanh-Xi-mông. - 368.
- "*La Réforme*" ("*Cải cách*") - nhật báo Pháp, cơ quan ngôn luận của những người dân chủ - cộng hoà tiểu tư sản; xuất bản ở Pa-ri từ 1843 đến 1850. Từ tháng Mười 1847 đến tháng Giêng 1848 một loạt bài của Ăng-ghen đăng trên báo này. - 539, 545, 550, 551, 555, 557, 562, 634, 639.

- "*Revolutions de France et de Brabant*" ("*Cách mạng ở Pháp và ở Bra-ban-tơ*") - tạp chí ra hàng tuần của Pháp, xuất bản vào những năm 1787 - 1791 ở Pa-ri do C.Đc-mu-nen chủ biên. - 153.
- "*Rheinische Jahrbucher zur gesellschaftlichen Reform*" ("*Niên giám vùng Ranh về những vấn đề cải cách xã hội*") - tạp chí Đức, do H. Puýt-man xuất bản, ra tất cả được 2 tập, tập đầu xuất bản ở Đác-mơ-stát vào tháng Giêng 1845, tập thứ hai ở thị trấn Ben-Viu trên biên giới Đức - Thụy Sĩ vào cuối năm 1846. - 409, 410.
- "*Rheinische Zeitung für Politik, Hadel und Gewerbe*" ("*Báo Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp*") - nhật báo xuất bản ở Khuén từ ngày 1 tháng Giêng 1842 đến 31 tháng Ba 1843. Từ tháng Tư 1842 Mác cộng tác với tờ báo, và từ tháng Mười năm đó Mác trở thành một trong những biên tập viên của báo. - 638.
- "*The Sun*" ("*Mặt trời*") - nhật báo tự do - tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1798 đến 1876. - 554.
- "*The Times*" ("*Thời báo*") - tờ nhật báo lớn ở Anh theo khuynh hướng bảo thủ, thành lập ở Luân Đôn vào năm 1785. - 634.
- "*Der Volks - Tribun*" ("*Tiếng nói nhân dân*") - tờ tuần báo, do "những người xã hội chủ nghĩa chân chính" Đức sang lập ở Niu Oóc; xuất bản từ ngày 5 tháng Giêng đến 31 tháng Chạp 1846; G.Cri-ghê là chủ biên tờ báo. - 585.
- "*Vorwärts*" ("*Tiến lên*") - báo dân chủ Đức, xuất bản ở Pa-ri từ tháng Giêng đến tháng Chạp 1844 ra hai số trong một tuần. Mác và Ăng-ghen đã cộng tác với tờ báo. - 250, 255, 294.
- "*Der Wanderer*" ("*Người du hành*") - tờ báo được dự định xuất bản của Liên đoàn những người cộng sản chi hội Béc-nơ. - 615.
- "*Weekly Dispatch*" ("*Thông báo hàng tuần*") - tuần báo Anh; xuất bản dưới tên gọi này ở Luân Đôn những năm 1801 - 1928; những năm 40-50 thế kỷ XIX tờ báo thuộc khuynh hướng cấp tiến. - 277.
- "*Das Westphälische Dampfboot*" ("*Tàu thủy Ve-xơ-pha-li*") - tạp chí ra hàng tháng của "những người xã hội chân chính"; được xuất bản dưới sự chủ biên của O.Luy-linh-gơ ở Bi-lơ-phen-đơ từ tháng Giêng 1845 đến tháng Chạp 1846 và ở Pa-đơ-boóc-nơ từ tháng Giêng 1847 đến tháng Ba 1848. - 400, 500-505.
- "*Wigand's Vierteljahrsschrift*" ("*Tạp chí Vi-găng ra hàng quý*") - tạp chí triết học của phái Hê-ghen trẻ; do O.Vi-găng xuất bản ở Lai-pxích vào những năm 1844 - 1845. Tham gia vào tạp chí có B.Bau-ơ, M.Stiéc-nơ. L.Phoi-ơ-bác và những người khác. - 500-504.

MỤC LỤC*

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
CÁC MÁC	
<i>(Tháng Giêng - tháng Tám 1844)</i>	
* Tóm tắt bài viết của phri-đrich Ăng-ghen "lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị"	11
* Tóm tắt quyển sách của Giêm-xơ Min "Những nguyên lý của kinh tế chính trị học"	13
I. Về sản xuất	13
II. Về phân phối	13
III. Về trao đổi	22
IV. Về tiêu dùng	48
* Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844	65
Lời tựa	67
[Bản thảo thứ nhất]	72
Tiền công	72
Lợi nhuận của tư bản	89
1. Tư bản	89
2. Lợi nhuận của tư bản	90
3. Sự thống trị của tư bản đối với lao động và động cơ của nhà tư bản	94
4. Tích lũy tư bản và cạnh tranh giữa các nhà tư bản	95
Địa tô	107
[Lao động bị tha hoá]	126
[Bản thảo thứ hai]	147
[Quan hệ sở hữu tư nhân]	147
[Bản thảo thứ ba]	157
[Bản chất của chế độ tư hữu trong sự phản ánh của kinh tế chính trị học]	157

* Tên các tác phẩm có dấu hoa thị là do Viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (trước đây) đặt.

[Chủ nghĩa cộng sản]	163
[Nhu cầu, sản xuất và phân công]	184
[Tiền]	209
Phê phán phép biện chứng và triết học nói chung của Hê-ghen	217
Minh họa về những bài tập tu từ mới nhất của Phri-đrich Vin-hem IV trong phạm vi các sắc lệnh của nội các	250

PH.ĂNG-GHEN

(Tháng Giêng - tháng Tám 1844)

Báo chí và những kẻ chuyên chế Đức	259
* Thư gửi Ban biên tập báo "The Northern Star"	261
* Tình hình ở Phổ	265
* Từ nước Đức	267
Số phận của kẻ phản bội	270
Những cuộc nổi loạn về bia	272
* Về sự giả dối mang tính tôn giáo ở Phổ	274
* Tin tức từ Xanh-Pê-téc-bua	275
* Từ nước Pháp	277
Nội chiến ở Va-lê	281
* Tin tức từ Phổ. - Những lần sóng đấu tranh ở Xi-lê-di	284
Những chi tiết tiếp theo về lần sóng đấu tranh ở Xi-lê-di	287

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

(Tháng Chín 1844 - tháng Hai 1848)

<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Chủ nghĩa xã hội của lực địa	293
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Mô tả những khu di dân cộng sản xuất hiện trong thời hiện đại và còn đang tồn tại	299
<i>C.Mác</i> . Cấu trúc hiện tượng học của Hê-ghen	320
<i>C.Mác</i> . * Phác thảo đề cương tác phẩm về nhà nước hiện đại	321
<i>C.Mác</i> . * Về cuốn sách của Phri-đrich Li-xơ "Học thuyết dân tộc về kinh tế chính trị học"	323
[I]. Nhận xét chung về Li-xơ	323
[7]II. Học thuyết về lực lượng sản xuất và học thuyết về các giá trị trao đổi	341
[III]. Trích chương thứ ba] [Địa tô]	357

IV. Ngài Li-xơ và Phe-ri-ê	363
<i>C.Mác</i> . * Sơ đồ "Tủ sách các nhà xã hội học chủ nghĩa xuất sắc của nước ngoài"	368
<i>C.Mác</i> . * Những ghi chép rút từ sổ tay.....	369
<i>C.Mác</i> . * Luận cương về Phoi-ơ-bắc (Bản thảo năm 1845).....	370
<i>C.Mác</i> . * Luận cương về Phoi-ơ-bắc. Mác nói về Phoi-ơ-bắc.....	374
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Bổ sung vào sự nhận định tình cảnh giai cấp lao động ở Anh.....	381
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Chuyển viếng thăm của nữ hoàng Vích-to-ri-a. - Những vụ hiềm khích giữa "các gia đình hoàng tộc". - Vụ xích mích giữa bà Vích và giai cấp tư sản Đức. - Bản án đối với các thợ mộc Pa-ri.....	401
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . "Nước Đức trẻ" ở Thụy Sĩ.....	404
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Những cuộc truy nã và trục xuất những người cộng sản.....	409
<i>C.Mác</i> . Pơ-sê bàn về hiện tượng tự vẫn.....	411
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Trích tác phẩm của Phu-ri-ê về thương mại.....	435
[Nhập đề].....	435
I.....	439
II. Tính chất sai lầm của những nguyên lý kinh tế liên quan đến lưu thông.....	449
III. Ngôi thứ phá sản.....	459
IV. Cánh đi lên của những kẻ phá sản.....	460
V. Trung tâm. - Những dạng vĩ đại.....	467
VI. Cánh hướng xuống. - Những sắc thái không sạch sẽ.....	480
VII. Những kết luận.....	488
[Kết luận].....	490
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Phoi-ơ-bắc.....	496
<i>C.Mác</i> và <i>Ph. Ăng-ghen</i> . Trả lời sự phê phán của B.Bau-ơ.....	500
<i>C.Mác</i> và <i>Ph. Ăng-ghen</i> . * Những trích đoạn bản thảo tập I tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức".....	506
Trích chương thứ nhất: "Phoi-ơ-bắc. Sự đối lập giữa quan điểm duy vật và quan điểm duy tâm".....	506
Trích chương thứ ba: "Thánh Ma-khơ".....	509
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản.....	513
<i>C.Mác</i> . Phái bảo hộ mậu dịch.....	523
<i>C.Mác</i> . Cầu.....	527
<i>C.Mác</i> . * Phác thảo đề cương chương III "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".....	530
<i>C.Mác</i> . * Trang trong bản nháp viết tay "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".....	531

<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Bữa tiệc của những người ủng hộ cải cách diễn ra ở Li-lơ. - Diễn văn của ngài Lơ-druy - Rô-lanh.....	533
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Phong trào đòi cải cách ở Pháp. - Bữa tiệc ở Đi-giông.....	539
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Phong trào Hiến chương [Thư của hội "Những người dân chủ anh em" gửi công nhân Anh và Ai-rơ-len].....	547
<i>C.Mác</i> . Tình hình ở Pháp.....	551
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Những sự vạch trần giạt gân. - Áp-đơ-en-Ca-đe. - Chính sách đối ngoại của Ghi-đô.....	552
<i>Ph.Ăng-ghen</i> . Phong trào Hiến chương. [Mít tinh ủng hộ bản thỉnh nguyện quốc dân].....	558

PHỤ LỤC

Gửi bạn đọc và cộng tác viên của tạp chí "Gesellschaftsspiegel"	556
Lời cam kết của Mác không công bố tại Bỉ các tác phẩm đề cập đến những vấn đề chính trị hiện hành.....	571
Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản.....	572
Thư thông tri của Đại hội lần thứ nhất Liên đoàn những người cộng sản gửi các thành viên của Liên đoàn, tháng Sáu 1847.....	579
Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản ở Luân Đôn gửi chi bộ của Liên đoàn ở Hăm-buốc.....	598
Thư của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản, tháng Chín 1847.....	601
Bài tường thuật của báo "Northern star" về cuộc mít-tinh quốc tế ở Luân Đôn ngày 29 tháng Mười một 1847 để kỷ niệm 17 năm cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830.....	623
Thư của Hiệp hội dân chủ Bruy-xen gửi nhân dân Thụy Sĩ.....	635
Biên bản ghi bài phát biểu của Ph.Ăng-ghen tại Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn ngày 30 tháng Mười một 1847.....	640
Biên bản ghi bài phát biểu của C.Mác tại Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn ngày 30 tháng Mười một 1847.....	644
Biên bản ghi bài phát biểu của Ph.Ăng-ghen tại Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn ngày 7 tháng Chạp 1847.....	647
Trích bài tường thuật của báo "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" về cuộc gặp mặt năm mới của Hội công nhân Đức tại Bruy-xen ngày 31 tháng Chạp 1847.....	648

Bài tường thuật của báo "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" về bài diễn văn của Mác tại Hội nghị của Hiệp hội dân chủ ngày 9 tháng Giêng 1848.....	649
Trích bài tường thuật của báo "Deutsche - Brüsseler - Zeitung" về lễ kỷ niệm lần thứ hai cuộc khởi nghĩa Cra-cốp năm 1846.....	654
<i>Chú thích</i>	657
<i>Bản chỉ dẫn tên người</i>	723
<i>Bản chỉ dẫn những sách báo được trích dẫn và nhắc đến</i>	750
<i>Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ</i>	762

PHỤ BẢN

Trang đầu lời tựa viết cho "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" của C.Mác	giữa tr.68 và 69
Một đoạn trích trong bức thư của Ph.Ăng-ghe-n đăng trên báo "The Northern Star".....	263
Bìa quyển niên giám "Deutsches Bürgerbuch" năm 1845, trong đó công bố bài của Ph.Ăng-ghe-n "Mô tả những khu di dân cộng sản xuất hiện trong thời hiện đại và còn đang tồn tại".....	297
Bìa tạp chí "Das Westphalische Dampfboot", trong đó đăng bài viết của Ph.Ăng-ghe-n "Bổ sung vào sự nhận định tình cảnh giai cấp lao động ở Anh".....	379
Bìa tạp chí "Gesellschaftsspiegel", trong đó có đăng bài viết của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n "Trả lời sự phản phê phán của B.Bau-ơ" và bài của C.Mác "Pơ-sê bàn về hiện tượng tự vẫn".....	413
Trang đầu "Dự thảo Biểu tượng niềm tin cộng sản" của Ph.Ăng-ghe-n.....	giữa tr. 512 và 513
Trang bản thảo viết tay bài "Phái bảo hộ mậu dịch" của C. Mác.....	525
Phác thảo đề cương chương III "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của C.Mác.....	giữa tr.530 và 531

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: **MAI PHI NGÀ**

Trình bày, bìa: **NGHIÊM THÀNH**

Sửa bài: **BAN SÁCH KINH ĐIỂN**